GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG
VALUE EDUCATION IN SCHOOLS

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Giáo dục giá trị trong nhà trường: Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế/Viện nghiên cứu giáo dục và giao lưu quốc tế/Đại học Huế/Trường cán bộ quán lý giáo dục thành phố Hồ Chí Minh. Khoa học Xã hội 2019-1008 trang; 24 cm

ĐTTS ghi: Đại học Huế. Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu Quốc tế

ISBN…….

VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC VÀ GIAO LƯU QUỐC TẾ
ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhiều tác giả

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG

Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
HUẾ - 2019

HUE UNIVERSITY
INSTITUTE FOR EDUCATION RESEARCH AND
INTERNATIONAL EXCHANGE

HO CHI MINH CITY EDUCATION MANAGEMENT
OFFICIALS' SCHOOL

VALUE EDUCATION IN SCHOOLS

International Conference Proceedings

HUE UNIVERSITY PUBLISHERS HOUSE

HUE - 2019

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Ngân (Chủ biên)

PGS.TS. Hà Thanh Việt

TS. Trần Minh Hường

TS. Trịnh Viết Toàn

TS. Vũ Đình Bảy

MỤC LỤC

- Lời nói đầu 23

Nguyễn Thị Kim Ngân

- Giáo dục giá trị trong nhà trường 25

Nguyễn Thị Kim Ngân, Hà Thanh Việt

- Giáo dục giá trị từ thời phong kiến cho đến nay 34

Nguyễn Xuân Kính, Trần Thị Thu Hà

- Giáo dục giá trị trong sự hình thành nhân cách của học sinh 47

Lê Ngọc Trà

- Giáo dục giá trị trong nhà trường - định hướng, thách thức, một số kiến nghị giải pháp 56

Trần Thị An

- Nhân cách của thanh niên Việt Nam hiện nay - từ thực trạng lựa chọn các giá trị sống 83

Huỳnh Văn Sơn

- Chức năng văn học - hệ giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách học sinh 98

Cao Thị Hồng

- Nhân tính, quốc tính và cá tính 107

Giản Tư Trung

- Giáo dục quyền con người một chế định quan trọng của giáo dục giá trị trong trường đại học giai đoạn hiện nay ở nước ta 112

Hồ Xuân Thắng

- Giáo dục giá trị trong nhà trường - những vấn đề cơ bản 135

Phan Minh Tiến

- Triết lý giáo dục - hệ giá trị của nền giáo dục cần được nhận thức trong thời kỳ hội nhập và phát triển 149

Trần Hoài Anh

- Xác định mức độ giá trị sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các trường đại học 160

Hoàng Sĩ Nguyên

- Trách nhiệm nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục thế hệ trẻ (The responsibility of school, family and society in value education for the young generation) 169

Viengdavong Luangsithideth

- Thái độ giá trị dưới góc độ giá trị học và giá trị học sư phạm 199

Trần Thanh Bình

- Tăng cường nội dung giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay 213

Phan Thị Phương Anh, Nguyễn Tiến Dũng

- Xây dựng một nền giáo dục hòa bình ở các trường tiểu học, trung tâm cao nguyên Papua, Indonesia (Build Peace Education in Primary Schools in the Central Highlands of Papua, Indonesia) 230

Agustinus Hermino

- Đôi điều về chứng vô cảm và bạo lực học đường 243

Nguyễn Thị Quốc Minh

- Phát huy giá trị đạo đức truyền thống trong việc hình thành nhân cách thanh niên Việt Nam 253

Đỗ Khánh Năm

- Loại hình tác giả nhà nho hành đạo trong du ký văn xuôi chữ Hán thế kỷ XVIII - XIX từ góc nhìn giá trị và sự thay đổi quan niệm về giá trị 270

Hà Thị Thanh Nga

- Giải pháp giáo dục giá trị truyền thống văn hóa Việt Nam cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập 281

Đỗ Thị Thanh Hương

- Kết hợp giáo dục giá trị giữa gia đình, nhà trường và xã hội 293

Trần Thị Mai Thanh, Lại Vũ Kiều Trang

- Giáo dục giá trị truyền thống cho học sinh hiện nay - một vài suy nghĩ 301

Nguyễn Thị Hoa Xinh

- Phát triển các kỹ năng chung cho sinh viên đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 308

Nguyễn Duy Mộng Hà, Trần Thị Hiếu Trung

- Phương pháp giáo dục giá trị đối với học sinh trung học phổ thông 323

Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Phương Thanh, Đỗ Thị Thu Hằng

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh hiện nay 332

Huỳnh Đức Thiện

- Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập ở nhà trường Việt Nam hiện nay 356

Lý Thị Minh Hằng, Hà Thị Thư

- Bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc thù của các dân tộc thiểu số trong môi trường giáo dục đa văn hóa ở các trường phổ thông dân tộc nội trú trước bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế hiện nay - thực trạng và các giải pháp đặt ra 365

Ngô Quang Sơn

- Triết lý "giáo dục và hòa bình" của Maria Montessori và phương pháp giáo dục nhằm hạn chế bạo lực học đường hiện nay 390

Nguyễn Thị Luyện

- Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh ở trường quốc tế 402

Phan Thị Kim Anh

- Giáo dục nhân bản trong nhà trường phổ thông 415

Nguyễn Hữu Anh

- Định hướng giá trị của sinh viên trong hoạt động học tập 423

Nguyễn Thị Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thanh Phương

- Thành phố Hồ Chí Minh với công tác giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường 433

Phạm Thái Bình

- Giáo dục giá trị nhận thức về bảo vệ môi trường cho sinh viên du lịch - kinh nghiệm tại trường Đại học Khánh Hòa 446

Nguyễn Thị Hồng Cẩm, Lê Trần Tuấn

- Xây dựng môi trường giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên ở Học viện Hải quân hiện nay 458

Huỳnh Tấn Cường

- Bài toán bạo lực học đường và lời giải tiềm năng từ phê bình luân lý học văn học 468

Nguyễn Anh Dân

- Những giá trị nền tảng, truyền thống và hiện đại cần giáo dục cho thế hệ trẻ trong giai đoạn hiện nay 485

Nguyễn Thị Phương Dung

- Giáo dục giá trị truyền thống dân tộc thông qua hướng dẫn học sinh đánh giá sự kiện lịch sử 496

Dương Tấn Giàu

- Kinh nghiệm vận hành giáo dục giá trị cho học sinh tại trường trung học Kranji (kss) Singapore - tầm quan trọng trong việc thiết kế chương trình đào tạo và mối liên kết giữa phụ huynh, nhà trường và xã hội 513

Đỗ Thị Mai Hoàng Hà

- Từ hiện tượng hâm mộ thần tượng của giới trẻ đến vấn đề giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường ở Việt Nam hiện nay 526

Đinh Việt Hà

- Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay 538

Đỗ Thị Thanh Hà, Cao Thị Hoa

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về giá trị truyền thống dân tộc và việc giáo dục giá trị đó cho thế hệ trẻ hiện nay 550

Nguyễn Thị Minh Hải

- Thực trạng giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn hiện nay - những vấn đề đặt ra 561

Nguyễn Thị Hạnh

- Giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông hiện nay, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp 576

Võ Thái Hòa

- Giáo dục giá trị nhân văn trong nhà trường hiện nay là yêu cầu cấp thiết nhằm hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam hiện đại 589

Đậu Thị Hồng

- Một số vấn đề về giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh các trường phổ thông ở Tp. HCM thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 602

Đào Vĩnh Hợp

- Giáo dục giá trị "cốt lõi" cho học sinh trường Tuệ Đức từ lý thuyết đến hành động thực tiễn 618

Lê Minh Hiếu

- Tầm quan trọng của việc giáo dục giá trị sống cho học sinh 624

Nguyễn Minh Hiền

- Giáo dục giá trị sống cho học sinh nhìn từ quan điểm toàn diện và lịch sử cụ thể 631

Lại Thị Hiếu

- Định hướng giá trị nhân cách của giảng viên sư phạm trẻ 641

Nguyễn Văn Hiến

- Giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh trung học phổ thông qua dạy học môn giáo dục công dân 653

Lương Thị Lan Huệ

- Bàn thêm về giá trị và việc giáo dục giá trị cho giới trẻ Việt Nam hiện nay 662

Nguyễn Mậu Hùng

- Vai trò của gia đình, nhà trường trong giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên 679

Trần Phạm Huyền Trang, Vũ Thị Quỳnh Anh

- Giáo dục giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm ở nhà trường trong bối cảnh sự phát triển của mạng xã hội hiện nay 686

Nguyễn Tấn Linh, Đặng Thị Hồng Phượng

- Giáo dục giá trị sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông hiện nay 694

Đinh Thị Kim Loan

- Giáo dục giá trị, tất cả là gì? (What is values education all about?) 701

Terence Lovat

- Giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống thông qua giáo dục di sản văn hóa dân tộc cho học sinh phổ thông 709

Nguyễn Thị Kim Loan, Trần Mai Thanh

- Hình thành các giá trị một cách tự nhiên và đầy niềm đam mê trong bộ sách giáo khoa môn đạo đức mới 717

Nguyễn Hoa Mai, Bùi Thị Hoàng Lan Khánh

- Vai trò của gia đình trong giáo dục nhân cách thế hệ trẻ 730

Nguyễn Thị Nga

- Sự tác động của văn hóa giải trí đến giáo dục giá trị nhìn từ văn hóa học đường của học sinh, sinh viên ở một số trường tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay 743

Nguyễn Thị Thiên Nga

- Giáo dục giá trị trong nhà trường - sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay 761

Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Võ Thị Ngọc Linh

- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên ngành giáo dục mầm non trường Đại học Thủ Dầu Một 771

Phạm Nguyễn Lan Phương, Trần Thị Lệ Huyền

- Vài nét tồn tại trong giáo dục giá trị ở một số trường học hiện nay 779

Nguyễn Minh Diễm Quỳnh

- Những giá trị văn hóa truyền thống cần giáo dục cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay 788

Nguyễn Hồ Thanh

- Giáo dục giá trị cho học sinh trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn Tp. HCM : thực trạng và giải pháp 797

Nguyễn Thị Huyền Thảo

- Vai trò của giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội với giáo dục giá trị nghề nghiệp cho thanh niên trong quá trình hội nhập quốc tế 810

Huỳnh Hồ Thu Thảo

- Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên: kế thừa và phát triển 827

Trịnh Phương Thảo

- Hệ thống Giáo dục giá trị ở Ấn Độ (Value education system in India) 840

Jyoti Narayan Patra, Jayanta Mete

- Phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay 853

Lê Đức Thọ, Lâm Thị Hồng Thắm

- Giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay 864

Nguyễn Thị Thảo Tiên

- Người thầy trong nền giáo dục 4.0 873

Nguyễn Thị Yến Trinh, Nguyễn Thanh Hải

- Những giá trị đạo đức cần giáo dục cho học sinh ở nhà trường hiện nay 884

Trịnh Thị Cẩm Tuyền

- Truyện cổ tích và giáo dục về tính trung thực 892

Võ Thị Phúc Hồng

- Giáo dục giá trị qua các tác phẩm văn học dân gian lớp 10 THPT 899

Nguyễn Thị Hồng

- Giá trị của sự sống - như một yêu cầu của giáo dục giá trị 919

Đỗ Anh Tuấn

- Giá trị trung đại trong giáo dục hiện đại 922

Nguyễn Thị Diễm Kiều

- Giáo dục giá trị nhân văn cho tuổi vị thành niên (Trường hợp Nguyễn Nhật Ánh) 940

Trịnh Đặng Nguyên Hương

- Giáo dục giá trị trong nhà trường tiếp cận từ góc độ nhân học và tâm lý văn hóa 956

Trương Thị Thu Hằng

- Sự cần thiết phải giáo dục giá trị cho học sinh ở nước ta hiện nay 965

Phạm Thị Hằng

- Giáo dục giá trị trong nhà trường - từ quan điểm tình yêu 974

Nguyễn Văn Loan

- Giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh trong nhà trường phổ thông - những nghiên cứu nổi bật và các vấn đề đặt ra 981

Trần Huy Hoàng

- Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống cho sinh viên đại học Huế 995

Nguyễn Duân, Phạm Thế Kiên, Nguyễn Thị Thu Hà

CONTENTS

- Preface 23

  Nguyễn Thị Kim Ngân
- Value Education in Schools 25

  Nguyễn Thị Kim Ngân, Hà Thanh Việt
- Value Education from the Feudal Time until now 34

  Nguyễn Xuân Kính, Trần Thị Thu Hà
- Value Education in the Formation of Student's Personality 47

  Lê Ngọc Trà
- Value Education in Schools – Orientation, Challenges, Suggestions 56

  Trần Thị An
- Personality of Viet Nam Young People today- see the choice is the life value 83

  Huỳnh Văn Sơn
- Function of Literature – the Value System in Perfecting Student's personality 98

  Cao Thị Hồng
- Humanity, nationality and personality 107

  Giản Tư Trung
- Human Rights Education – An Important Institution of Value Education at universities in recent time of our country. 112

  Hồ Xuân Thắng

- Value Education in Schools – the Fundamental Problems 135

  Phan Minh Tiến

- The Philosophy of Education – the Value System of the Education to be perceived in the Integration and Development 149

  Trần Hoài Anh

- Assessments for value of student's research products at universities. 160

  Hoàng Sĩ Nguyên

- The responsibility of school, family and society in value education for the young generation 169

  Viengdavong Luangsithideth

- Value Attitude in Aspect of Axiology and pedagogical Axiology 199

  Trần Thanh Bình

- Strengthen the content of political education for students 213

  Phan Thị Phương Anh, Nguyễn Tiến Dũng

- Build Peace Education in Primary Schools in the Central Highlands of Papua, Indonesia 230

  Agustinus Hermino

- Few things about Emotionlessness and School Violence 243

  Nguyễn Thị Quốc Minh

- Bring into play the Value of Traditions in forming personality of Vietnamese Youth 253

  Đỗ Khánh Năm

- Types of author, Confucian scholar, Pratise religion in the journey of Chinese Prose in 18th – 19th century from the perspective of Value and the change of conception about Value 270

  Hà Thị Thanh Nga

- Solution to Educating Value of Traditions and Culture of Vietnam for Students at Universities in the context of Integration 281

  Đỗ Thị Thanh Hương

- Value Education in Integration between family, school and society 293

  Trần Thị Mai Thanh, Lại Vũ Kiều Trang

- Value Education of Traditions for students – few thoughts 301

Nguyễn Thị Hoa Xinh

- General Skill Development for students to suffice the workforce in the Industrial Revolution 4.0 308

Nguyễn Duy Mộng Hà, Trần Thị Hiếu Trung

- Methodology of Value Education to High School students 323

Nguyễn Tuấn Anh, Bùi Phương Thanh, Đỗ Thị Thu Hằng

- Mission of Education of Ethics, Livelihood for students National University of Ho Chi Minh City nowadays 332

Huỳnh Đức Thiện

- Value Education in the context of integration at school in Vietnam recently 356

Lý Thị Minh Hằng, Hà Thị Thư

- Preservation and Strengthen the Value of Ethnic Minority's endemic Cultures in the environment of MultiCulture Education at Stay-In High Schools in the context of the Industrial Revolution 4.0 and the International Integration. – actual situation and Solutions 365

Ngô Quang Sơn

- The Philosophy of "Education and Peace" of Maria Montessori and Education Methodology in preventing School Violence nowadays 390

Nguyễn Thị Luyện

- Value Education of Traditional Ethics for Students in international schools. (the case of the Bilingual International school Wellspring Saigon) 402

Phan Thị Kim Anh

- Humanity Education in High Schools 415

Nguyễn Hữu Anh

- Value Orientation for student in learning activities 423

Nguyễn Thị Tuấn Anh, Nguyễn Thị Thanh Phương

- Ho Chi Minh City with mission of traditional art education in schools 433

Phạm Thái Bình

- Value Education of Discernment of Environment Protection for Tourism Students – Experience at Khanh Hoa University 446

Nguyễn Thị Hồng Cẩm, Lê Trần Tuấn

- Build an environment of Value Education in Career for student at Navy Academy nowadays 458

Huỳnh Tấn Cường

- The problem of school violence and the solutions from morals and literature 468

Nguyễn Anh Dân

- Fundamental, Traditioncal and modern values for the education of today ‘s young generation 485

Nguyễn Thị Phương Dung

- Educate the traditional values of the nation through guiding students to evaluate historical events 496

Dương Tấn Giàu

- Experience of Implementation of Value Education for students at Kranji High School, Singapore – the Importance of Designing a Training Program and the Connection between Parents, Schools and Society 513

Đỗ Thị Mai Hoàng Hà

- From the phenomenon of Idol Admiration in the Youth to the Value Education for students in Vietnam nowadays 526

Đinh Việt Hà

- Education of cultural values for Vietnamese students in the current period 538

Đỗ Thị Thanh Hà, Cao Thị Hoa

- The Philosophy of Ho Chi Minh about nation’s Traditional values and the educating the values to the young generation nowadays 550

Nguyễn Thị Minh Hải

- Actual situation of education of traditional cultural values for high school students in SƠN LA Province 561

Nguyễn Thị Hạnh

- Value education in schools in recent time, actual situation, causes and solutions 576

Võ Thái Hòa

- Humanism Education at school today is an requirement to perfecting modern Vietnamese personality 589

Đậu Thị Hồng

- The Issues about Value Education of Traditional Ethics for school students in HCM City in Industrial Revolution 4.0 602

Đào Vĩnh Hợp

- Education of Core Value for students in Tue Duc school 618

Lê Minh Hiếu

- The Importance of life value education for students 624

Nguyễn Minh Hiền

- Life value education for students viewed from the all-sided point of view and the particular history 631

Lại Thị Hiếu

- Orientation of personality value of young pedagogy lecturers 641

Nguyễn Văn Hiến

- Education of Human culture for high school students via teaching the subject of Citizen Education 653

Lương Thị Lan Huệ

- Extra discussion about values and value education for young Vietnamese in current period 662

Nguyễn Mậu Hùng

- The role of family, school in ethics value education for students 679

Trần Phạm Huyền Trang, Vũ Thị Quỳnh Anh

- Value education of respect and responsibility awareness at schools in the context of the development of social media current period 686

Nguyễn Tấn Linh, Đặng Thị Hồng Phượng

- Life value education for schools students in current period 694

Đinh Thị Kim Loan

- What is values education all about? 701

Terence Lovat

- Education of traditional culture values via educating the nation's cultural heritage for school students 709

Nguyễn Thị Kim Loan, Trần Mai Thanh

- Values and passion are formed and reinforced by the new set of moral school books 717

Nguyễn Hoa Mai, Bùi Thị Hoàng Lan Khánh

- The role of family in education of personality for young generation 730

Nguyễn Thị Nga

- The impact of entertainment to value education from the perspective of school culture for students at some schools in Ho Chi Minh City 743

Nguyễn Thị Thiên Nga

- Value education in schools – the necessity in the current context 761

Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Võ Thị Ngọc Linh

- The elements that have impact to student's orientation of ethics value, Kindergarten sector and Thu Dau Mot University 771

Phạm Nguyễn Lan Phương, Trần Thị Lệ Huyền

- The Issues of the value education in number of current schools 779

Nguyễn Minh Diễm Quỳnh

- The values of traditional culture to be educated to students in current period 788

Nguyễn Hồ Thanh

- Value education for students in high schools in Ho Chi Minh City: actual situation and solutions 797

Nguyễn Thị Huyền Thảo

- The role of family, school and society education to value education of career for the youth in the international integration 810

Huỳnh Hồ Thu Thảo

- Value education of traditional ethics for students: inheritance and development 827

Trịnh Phương Thảo

- Value education system in India 840

Jyoti Narayan Patra, Jayanta Mete

- Promote the role of the family in the value education for the young generation in viet nam today 853

Lê Đức Thọ, Lâm Thị Hồng Thắm

- Personality education for pedagogy students in current period 864

Nguyễn Thị Thảo Tiên

- The teachers in the education 4.0 873

Nguyễn Thị Yến Trinh, Nguyễn Thanh Hải

- The ethics values that need to be educated to students nowadays 884

Trịnh Thị Cẩm Tuyền

- Historical vestige stories and the education of honesty 892

Võ Thị Phúc Hồng

- Value education via Grade 10 folk literature composition 899

Nguyễn Thị Hồng

- Value of life – as an requirement of value education 919

Đỗ Anh Tuấn

- Medieval value in modern education 922

Nguyễn Thị Diễm Kiều

- Education of human value for teenagers (The case of Nguyễn Nhật Ánh) 940

Trịnh Đặng Nguyên Hương

- Value education in schools: from the perspective of Humanity Study and Cultural Psychology 956

Trương Thị Thu Hằng

- The necessity of value education for students in our country in current period 965

Phạm Thị Hằng

- Value education in schools – from the perspective of love 974

Nguyễn Văn Loan

- Educate cultural values for high school students - outstanding studies and issues 981

Trần Huy Hoàng

- Factors affecting the value-added education for Hue university students 995

Nguyễn Duân, Phạm Thế Kiên, Nguyễn Thị Thu Hà

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta đang sống trong thời đại công nghiệp 4.0. Những thành tựu công nghệ thay đổi đến chóng mặt, dẫn đến nhiều đảo lộn trong đời sống, trong thế giới tinh thần của con người. Tuổi trẻ tiếp xúc với thực tế ảo nhiều hơn thế giới thật. Con người bị cuốn theo những ứng dụng mới, mỗi ngày một gia tăng của công nghệ thông tin, của Ipad, Iphone, hàng ngày, hàng giờ ngồi trước màn hình, trở thành nô lệ của màn hình, giao tiếp với nhau chủ yếu trong không gian ảo. Sự đắm chìm trong thế giới tri thức, say mê công nghệ nhiều khi làm quên đi những mặt khác của đời sống tinh thần, khiến con người mất thăng bằng, thậm chí cảm thấy cô đơn và từ đây dễ nảy sinh những hành động tiêu cực.Trong bối cảnh đó vấn đề giá trị được đặt ra như một sự đối trọng, cảnh tỉnh con người trước những nguy cơ có thể xảy ra, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Thêm nữa, hội nhập quốc tế và sự phát triển ồ ạt của kinh tế thị trường đã dẫn đến những xáo trộn về hệ giá trị. Một số giá trị trước đây được đề cao bây giờ tỏ ra không còn thích hợp. Một số giá trị mới nảy sinh nhưng chưa có được vị trí ổn định. Sự phát triển của cá nhân, khuyến khích suy nghĩ độc lập, tính chủ động, sáng tạo đã cho phép tuổi trẻ tự lựa chọn những giá trị cho mình, không nhất thiết tiếp thu một cách máy móc và thụ động những giá trị của người lớn, những giá trị được thuyết giảng trong nhà trường. Đó là một thách thức đối với những người làm cha mẹ, với thầy cô giáo và những ai quan tâm đến giáo dục giá trị.

Cuối cùng, vấn đề giáo dục giá trị được đặt ra cấp bách xuất phát từ sự lo lắng trước những hiện tượng đau lòng xảy ra với các em ở tuổi vị thành niên đang hàng ngày tràn ngập trên facebook và các trang báo giấy, báo mạng. Tội phạm ma túy, giết người, nghiện hút, nghiện games, tự tử, bỏ học, bạo lực học đường ngày càng phổ biến và mức độ nghiêm trọng ngày càng tăng. Điều đó đòi hỏi nhà trường, phụ huynh học sinh và xã hội phải xem lại toàn bộ hoạt động và trách nhiệm của mình, đặc biệt đối với việc giáo dục giá trị.

Cuốn sách này là một trong những nỗ lực theo hướng ấy.

Những bài viết được tập hợp ở đây là các báo cáo và tham luận đóng góp cho Hội thảo quốc tế "Giáo dục giá trị trong nhà trường" do Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu Quốc tế và Trường Cán bộ quản lí giáo dục TP. HCM phối hợp tổ chức ngày 11/1/2019 tại TP. HCM. Tiếp theo cuốn "Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục" (Nxb.GD, 2016) tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Nhà nước do Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam (Chủ nhiệm đề tài là bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Phó Chủ tịch nước) thực hiện, tài liệu này tiếp tục đi sâu nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cho việc nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục giá trị trong nhà trường. Hy vọng cuốn sách các vị và các bạn cầm trong tay sẽ một lần nữa thu hút sự quan tâm đến vấn đề giáo dục giá trị, tầm quan trọng và những khó khăn của công tác giáo dục giá trị và từ đó thúc đẩy hoạt động giáo dục giá trị trong nhà trường, góp phần hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong giới trẻ và bồi dưỡng một thế hệ mới thông minh, sáng tạo, có nhân cách.

Nguyễn Thị Kim Ngân
Viện Nghiên cứu Giáo dục và Giao lưu Quốc tế

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG

PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Ngân*
PGS.TS. Hà Thanh Việt**

Giáo dục đang trở thành nỗi bức xúc chung của toàn xã hội. Chưa lúc nào những vấn đề của giáo dục thu hút sự quan tâm rộng rãi như hiện nay. Nhiều hiện tượng đau lòng liên quan đến trẻ vị thành niên, đến nhà trường, đến học sinh diễn ra hàng ngày, mức độ mỗi ngày càng nghiêm trọng, nhiều khi như không thể hình dung được. Dĩ nhiên lỗi ở đây trước tiên không phải chỉ của giáo dục. Nguyên nhân chủ yếu là ở tình trạng xã hội, nhưng giáo dục không thể xem như vô can, giáo dục phải chịu một phần trách nhiệm, thậm chí là trách nhiệm lớn, bởi vì giáo dục – nếu hiểu giáo dục bao gồm không chỉ giáo dục nhà trường mà cả giáo dục gia đình và giáo dục xã hội – là hoạt động cơ bản chịu trách nhiệm về vấn đề đào tạo và bồi dưỡng nhân cách con người.

Nhà nước đang chủ trương đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục, biên soạn lại chương trình và sách giáo khoa, thay đổi cách thi cử…và một trong những định hướng chủ chốt là chuyển từ cách dạy truyền đạt tri thức sang cách dạy phát triển năng lực. Công việc mới chỉ bắt đầu. Hy vọng những dự định và kế hoạch mà Bộ Giáo dục - Đào tạo đề ra sẽ sớm đi vào cuộc sống và mang lại những kết quả mong muốn.

Tuy nhiên giáo dục là một công việc phức tạp, nhiều vấn đề

* Viện Nghiên cứu Giáo dục - Giao lưu Quốc tế
** Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục TP. HCM

giáo dục phải được nghiên cứu đầy đủ về phương diện khoa học, từ xác định khái niệm, nội dung cho đến giải pháp thực tiễn để từ đó hỗ trợ cho việc giải quyết các vấn đề do đời sống đặt ra. Một trong những vấn đề như vậy là ***giáo dục giá trị***.

Thế nào là giáo dục giá trị, giáo dục giá trị có phải là dạy cho học sinh về các giá trị nên có hay không, giáo dục giá trị khác giáo dục tri thức ở đâu, giáo dục giá trị quan hệ với giáo dục đạo đức, giáo dục công dân như thế nào, giáo dục giá trị là một môn học mới hay là một hoạt động đã có từ lâu trong nhà trường. Đó là những câu hỏi đang đặt ra, đòi hỏi phải trả lời.

Trước hết cần khẳng định rằng giáo dục giá trị không phải là cái gì hoàn toàn mới. Cùng với việc huấn luyện để trẻ em có được những thói quen, kỹ năng làm việc, lao động và truyền đạt cho các em những kiến thức, những hiểu biết mà con người đã khám phá được về thế giới, giáo dục còn có nhiệm vụ bồi dưỡng cho trẻ ý thức về hành vi của mình, thái độ, cách sống, cách quan hệ với những người xung quanh, cách nhìn nhận, đánh giá con người, sự việc xảy ra dưới góc độ giá trị. Đây là một trong những nhiệm vụ cơ bản và cũng là một trong ba nội dung chính của giáo dục. Lĩnh vực thứ ba này thường được gọi bằng những tên khác nhau ("giáo dục nhân cách", "giáo dục đạo đức", "đức dục"…), nhưng theo nhiều nhà giáo dục, nên gọi nội dung giáo dục này là ***giáo dục giá trị.***[1]

Như vậy, giáo dục giá trị là một lĩnh vực rất rộng, bao gồm toàn bộ các hoạt động giáo dục hướng tới việc hình thành đời sống tinh thần, nhân cách, đạo đức và ý thức công dân của học sinh. Giáo dục giá trị bởi vậy rộng hơn giáo dục nhân cách (nhân cách hiểu theo nghĩa hẹp như là tư cách, phẩm cách), rộng hơn giáo dục đạo đức hay giáo dục công dân. Nếu giáo dục nhân cách hướng tới việc hình thành ở học sinh những phẩm chất như sự trung thực (đối lập với giả dối), dũng cảm (đối lập với hèn nhát), lòng tự trọng (đối lập với vô liêm sỉ), ý thức trách nhiệm (đối lập với thói vô trách nhiệm, bừa bãi), nếu giáo dục đạo đức là lĩnh vực của giáo dục niềm tin thiêng liêng, lòng yêu thương con người, không

1. Value Education for young Leaders, Nurturing the root for a strong Foundation, by Dr. P. Hari Krishna, 2015.

làm điều ác và giáo dục công dân là bồi dưỡng tinh thần thượng tôn pháp luật, nghĩa vụ công dân và lòng yêu nước, thì khái niệm giáo dục giá trị, ngoài tất cả những nội dung ấy, còn đòi hỏi thêm những yêu cầu khác.

Thứ nhất, giáo dục giá trị chủ yếu không phải là giảng dạy về các giá trị mà là bồi dưỡng ý thức giá trị, tức là ý thức về sự cần thiết của các phán xét giá trị, của sự đánh giá con người và các hiện tượng dưới góc độ tư tưởng, đạo đức hay thẩm mĩ, nói nôm na là ý thức về cái gì tốt, cái gì xấu, cái gì Thiện, cái gì Ác, cái gì đẹp, cái gì không đẹp. Đó không phải là phán xét nhận thức, xem cái gì là hợp lí, cái gì không hợp lí, cái gì chính xác, có cơ sở khoa học, cái gì không mà là phán xét giá trị, nhìn sự vật theo tiêu chuẩn của sự đáng yêu hay đáng ghét, của tử tế, lương thiện hay giả dối, độc ác,tầm thường hay cao cả.

Ý thức giá trị không phải là toàn bộ nhưng là chỉ dấu cơ bản của đời sống tinh thần con người. Sự phong phú và tính nhân văn của đời sống tinh thần là thước đo cơ bản của tính người, sự phát triển của cá nhân. Đời sống tinh thần con người sẽ bị méo mó và lệch lạc nếu mất đi ý thức giá trị, thiếu vắng những phán xét giá trị. Những năm qua, nhà trường chúng ta thường tập trung dạy, truyền đạt các giá trị, nhưng chưa chú ý đầy đủ đến việc bồi dưỡng ý thức giá trị, phán xét giá trị và quên mất rằng có hay không có phán xét giá trị chính là biểu hiện của có hay không có giá trị tinh thần, đời sống tinh thần nói chung[1]. Sự "khủng hoảng giá trị" mà xã hội đang lo lắng hiện nay trước hết không phải ở sự đảo lộn các giá trị, đề cao giá trị này, hạ thấp giá trị kia mà cái chính là "sự khủng hoảng niềm tin vào bản thân các giá trị"[2], tức sự khủng hoảng của chính ý thức giá trị hay nói rộng ra là của đời sống tinh thần. Điều đáng lo ngại và cũng là điều cần sữa chữa đầu tiên chính là ở đây. Nhưng ở đây lỗi và trách nhiệm trước tiên không thể chỉ quy cho nhà trường.

---

1. Nguyễn Văn Trọng, Vấn đề con người trong giáo dục, trong sách "Hệ giá trị -mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục", NXB Giáo dục, HN, 2016, tr.155.

2. Bùi Văn Nam Sơn, Vài góp ý nhỏ…, trong sách: "Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học…, GD, HN, tr.228.

Thứ hai, khi nói đến giáo dục giá trị, nhiều nhà sư phạm thường quan tâm đến các giá trị cụ thể, đến việc thay giá trị này bằng giá trị kia. Tuy nhiên điều cốt yếu không phải ở đó. Cái chính là ở ***Hệ giá trị***. Khái niệm Hệ giá trị nói ở đây không phải là một tập hợp các giá trị cụ thể mà là sự gắn kết các giá trị theo một tư tưởng, một nguyên tắc chung nào đó. Trong trường hợp này khái niệm Hệ giá trị được hiểu tương tự như khái niệm "Hệ tư tưởng": hệ tư tưởng phong kiến, hệ tư tưởng tư sản, hệ tư tưởng cộng sản. Mỗi hệ giá trị có những định hướng riêng và đặc trưng bằng những giá trị ưu tiên. Chẳng hạn khi chúng ta đề cao lên hàng đầu những tiêu chuẩn giá trị như yêu Tổ quốc, yêu Nhân dân, chí công vô tư, trung với Đảng, hiếu với dân thì có nghĩa là chúng ta đang đứng trên lập trường của hệ giá trị lấy cái chung làm nền tảng, làm điểm xuất phát. Nếu không hiểu rõ bản chất của một hệ giá trị, việc lựa chọn các giá trị để giáo dục cho học sinh sẽ thiếu nhất quán và không phát huy được sức mạnh của hệ giá trị.

Cái gọi là đảo lộn giá trị hiện nay mà nhiều người nói đến và xem như dấu hiệu cơ bản của xuống cấp văn hóa, đạo đức xã hội suy đồi thực ra chủ yếu không phải là đảo lộn ***trật tự các giá trị***, là sự sắp xếp lại các giá trị mà cái chính là sự thay đổi về hệ giá trị, sự đan xen nhập nhằng của các hệ giá trị, dẫn đến sự khủng hoảng của đời sống tinh thần, làm cho các thành viên trong xã hội, nhất là thế hệ trẻ thấy bối rối, lo lắng, thậm chí từ chỗ hụt hẫng đi đến chỗ vô cảm, bàng quan, không còn coi cái gì là thiêng liêng nữa, tức là mất niềm tin vào bản thân khái niệm giá trị, từ đó làm cho ý thức giá trị giảm sút, dẫn đến sự thui chột của đời sống tinh thần.

Giáo dục tự mình không đẻ ra giá trị. Hệ giá trị là sản phẩm của xã hội. Nhưng giáo dục nói chung và nhà trường nói riêng có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy sự hình thành và lan tỏa của một hệ giá trị. Bằng cách luôn luôn đề cao vị trí của đời sống tinh thần trong quan hệ với đời sống vật chất và danh vị, đề cao vị trí của ý thức giá trị trong tương quan với nhận thức khoa học, nhà trường sẽ tạo ra nền tảng vững chắc để hình thành ở học sinh không chỉ những giá trị riêng lẻ mà là những định hướng chung, tức ý thức về cả một hệ giá trị sẽ chi phối toàn bộ cách nghĩ, thái độ, cách cư xử, cách sống của trẻ.

Tính chất của một hệ giá trị được xác định không phải bởi tổng số các giá trị được khuyến nghị mà bởi những định hướng chung và bởi nhóm giá trị ưu tiên. Các giá trị ưu tiên này mang trong nó bản chất của hệ tư tưởng, thể hiện triết lí của nền giáo dục. Chẳng hạn, khi nêu phương châm "Tiên học Lễ, hậu học Văn", ông cha xưa không chỉ đặt ra yêu cầu phải tuân theo những quy tắc ứng xử đúng mực, lễ phép mà quan trọng hơn là nhấn mạnh rằng đạo đức là nền tảng cơ bản của con người và của xã hội. Theo đó giá trị của con người trước hết được xác định bởi phẩm chất đạo đức. Phẩm chất đạo đức này dĩ nhiên có những nội dung đặc trưng gắn với ý thức hệ phong kiến, (ví dụ với đàn ông là Trung quân, với phụ nữ là Tam tòng tứ đức) nhưng nhìn chung nó thuộc về lĩnh vực giá trị ("Lễ") chứ không phải lĩnh vực học thức ("Văn"). Định hướng này sẽ quy định việc lựa chọn nhóm giá trị ưu tiên và các giá trị khác.

Khi nói đến giáo dục giá trị, một trong những vấn đề rất quan trọng cần phải chú ý nhưng cũng thường bị bỏ qua – đó là đặc điểm của các phán xét giá trị (hay ý thức giá trị).

Giáo dục giá trị khác giáo dục kiến thức trước hết ở ***tính cá thể hay cá nhân*** của hành động tiếp thu, phán xét. Kiến thức có thể được truyền đạt đồng loạt và không yêu cầu sự phán xét của cá nhân về độ tin cậy của nó, càng không đòi hỏi sự đánh giá từ góc độ luân lí hay ý thức hệ.Tính chính xác, khách quan, vô tư của khoa học ngay từ đầu đã loại bỏ mọi sự can dự của chủ quan cá nhân. Giáo dục giá trị thì khác.Nó không phải là truyền đạt mà là khơi gợi, đánh thức ở cá nhân cách nhìn nhận, đánh giá riêng của mình. Giáo dục giá trị càng không phải là sự nhồi nhét, thậm chí nó đòi hỏi phải có sự tiếp cận riêng với từng cá nhân, với mỗi học sinh. Từng học sinh có cách nhìn nhận, đánh giá hay thái độ riêng của mình với các sự việc, hành động của người khác. Chỉ khi nào cái ý thức bên trong của mỗi cá nhân thức tỉnh, chấp nhận hay bác bỏ, thì các giá trị mới thực sự là có giá trị hay không có giá trị đối với nó. Mọi yêu cầu công nhận hay làm theo giá trị này, giá trị khác mà không trải qua quá trình tự ý thức, tự giác ngộ của

cá nhân đều sẽ không mang lại kết quả mong muốn. Không tác động đến từng cá nhân học sinh cụ thể và không kích hoạt được khả năng tự quan sát, tự phê phán hay lương tri vốn có sẵn và ẩn sâu trong mỗi con người, quá trình giáo dục giá trị sẽ trượt ở bên ngoài, những giá trị chung sẽ không vào được với mỗi cá nhân và càng khó có thể biến thành giá trị của cá nhân, thành phẩm chất của mỗi người. Những năm qua, do qui mô đào tạo một phần, nhưng có lẽ chính là do nhận thức, đặc điểm trên đây của giáo dục giá trị đã không được quán triệt đầy đủ và điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng của hoạt động giáo dục giá trị mà kết quả của nó hiện nay chúng ta ai cũng đều thấy rõ.

Một đặc điểm khác của giáo dục giá trị là hoạt động này không mang tính chất thuần lý trí mà gắn chặt với ***tình cảm***. Điều này cũng rất dễ hiểu, bởi vì phán xét giá trị cơ bản là sự đánh giá trên lập trường cái đáng trân trọng hay cái tầm thường, trên lập trường Thiện – Ác, Tốt – Xấu và thông thường những đánh giá này luôn luôn đi kèm với sự yêu ghét, tức là vấn đề tình cảm. Đó là chỗ khác biệt cơ bản giữa phán xét giá trị và phán xét nhận thức vốn là một kiểu phán xét lô-gic, dựa trên chuẩn đúng sai của khoa học tự nhiên. Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng mọi giá trị chung, tức giá trị mà cả cộng đồng thừa nhận muốn được mỗi cá nhân thừa nhận và cao hơn nữa, trở thành giá trị của bản thân cá nhân, nhất định phải thông qua sự trải nghiệm của từng cá nhân. Quá trình trải nghiệm ấy thường không diễn ra và dừng lại ở khâu nhận thức và sự tiếp thu về phương diện lý trí, mà đòi hỏi đi sâu hơn, thông qua hành động và sự trăn trở, thấm nhuần về tình cảm. Tình cảm là cửa ngõ, đường đi của giáo dục giá trị.

Điều này giải thích vì sao giáo dục giá trị đòi hỏi không phải sự thuyết giảng, áp đặt mà là phát triển một văn hóa giao tiếp đặt cơ sở trên sự tiếp xúc trực tiếp, cởi mở, thân tình giữa thầy giáo và học sinh, giữa cha mẹ và con cái. Nền tảng của sự giao tiếp ấy bao giờ cũng là tình cảm, là sự chia sẻ, thông cảm, an ủi, động viên chứ không phải là thuyết giảng, áp đặt. Ý thức giá trị của trẻ em

sẽ được hình thành dần dần thông qua những trải nghiệm tình cảm có được trong quá trình giao tiếp với bạn bè, với thầy cô giáo, với cha mẹ và những người xung quanh. Thời gian qua sở dĩ chúng ta thấy chưa hài lòng với tình trạng đạo đức, lối sống của học sinh một phần có lẽ do cách giáo dục của nhà trường còn lý trí quá, nặng nề tuyên truyền, thuyết giảng, chưa chú ý đầy đủ đến việc tìm cách tác động vào tình cảm của các em, vào từng cá nhân học sinh. Kết quả là những bài giảng, lời kêu gọi của thầy cô giáo về lối sống, đạo đức cứ trượt ra ngoài, không đọng lại được trong ý thức của trẻ.

Do gắn với tình cảm và hướng tới sự hình thành đời sống tinh thần, tới quá trình tự ý thức của học sinh nên giáo dục giá trị có quan hệ chặt chẽ với các môn nghệ thuật, đặc biệt là văn học. Cốt lõi của văn chương là tình cảm. Tác phẩm văn chương là thế giới tình cảm của đời sống tinh thần con người, là nơi con người tự sống với mình, là nơi quá trình tự ý thức, trong đó có tự ý thức về giá trị diễn ra phong phú và sâu sắc. Khuyến khích học sinh đọc các tác phẩm văn học (được lựa chọn) và sống với chúng, hướng dẫn học sinh cách nhìn nhận, đánh giá các nhân vật, các tình huống theo cách của mình, theo những hướng khác nhau, sẽ giúp các em phát triển khả năng tự ý thức, trải nghiệm những tình huống mà ở đó nhân vật phải trăn trở, lựa chọn để đi đến những hành động tích cực, đáp ứng các tiêu chuẩn giá trị chung. Môn Văn khác môn Toán ở chỗ nó không chỉ trang bị cho học sinh những kiến thức về đối tượng (tác phẩm văn học, lịch sử văn học) mà còn trực tiếp tác động vào tư tưởng tình cảm của học sinh, vào việc hình thành ý thức giá trị của trẻ. Có một thời việc dạy Văn bị biến thành một hình thức giáo dục tư tưởng. Đó là biểu hiện của quan niệm phiến diện và ấu trĩ.Tuy nhiên, xét dưới góc độ giáo dục giá trị, ở đây cũng có những điểm có thể hiểu được. Dạy văn mà chỉ chú ý đến mặt tri thức và kỹ năng, bỏ qua việc phát triển ý thức giá trị sẽ là một thiếu sót lớn. Truyền thống dạy Văn ở nước ta từ lâu đã chứng tỏ điều đó.

Cuối cùng, nói đến giáo dục giá trị trong nhà thường ***không***

phải là nói đến một môn học riêng, chuyên về giáo dục giá trị. Không có và không cần có một môn học như vậy. Giáo dục lòng yêu nước không phải là giảng giải về lòng yêu nước, giáo dục về tính trung thực không phải là cần có một tiết học giải thích tính trung thực là gì và làm sao để sống trung thực. Giáo dục giá trị là hoạt động bao trùm toàn bộ việc giảng dạy và sinh hoạt của nhà trường, thể hiện trong cách ứng xử của học sinh với bạn bè, với thầy cô giáo, trong thái độ của thầy cô giáo đối với học sinh, trong môi trường và các hoạt động của nhà trường. Môn Toán khác môn Văn là trong môn Toán chỉ có những con số và bài tính, chứ không có những bài học mang đậm hàm lượng giá trị như "Hịch tướng sĩ", "Cõng bạn đi học". Tuy nhiên điều đó không có nghĩa dạy Toán không liên quan gì đến giáo dục giá trị. Trong giờ Toán, cách ăn mặc, nói năng của thầy giáo, cách giao tiếp của thầy giáo với học sinh, cách kiểm tra, đánh giá... tất cả đều hàm chứa những yếu tố giá trị liên quan đến nhân cách, phẩm chất của con người. Vì giáo dục giá trị không phải là thuyết giảng, áp đặt, nên những sinh hoạt ngoại khóa, thảo luận nhóm về những vấn đề thực tiễn của cuộc sống có vai trò rất lớn trong việc hình thành ý thức giá trị của học sinh. Đối với giáo dục giá trị quan trọng là biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục.

Đặc biệt, trong việc hình thành ý thức giá trị cho trẻ, môi trường giáo dục hay văn hóa nhà trường có vị trí quan trọng. Khi tham gia các hoạt động thực tiễn do nhà trường tổ chức, dự một buổi lễ chào cờ, một buổi liên hoan văn nghệ, một cuộc họp lớp, các em sẽ có điều kiện quan sát, đánh giá, phân biệt xem cái gì là thực chất, cái gì là hình thức, cái gì giả cái gì thật, cái gì đáng trân trọng, cái gì không nên làm theo. Ý thức giá trị, tức ý thức về cái tốt cái xấu, sẽ được hình thành dần dần dưới sự tác động của môi trường mà học sinh sống và trực tiếp tham dự. Bởi vậy, tổ chức một môi trường văn hóa học đường tốt sẽ ảnh hưởng đến việc giáo dục nhân cách, đạo đức của học sinh không kém những bài giảng, giờ giảng của thầy cô trên lớp.

Giáo dục giá trị hay giáo dục ý thức giá trị là một quá trình phức tạp, lâu dài, đòi hỏi thầy giáo và nhà trường nhiều nỗ lực và

kiên nhẫn có lẽ còn nhiều hơn việc truyền thụ tri thức. Ở đây, cái đích chủ yếu không phải là giáo dục để học sinh có những ***phẩm chất*** nào đó, mặc dù điều này rất cần thiết nhưng cũng hết sức khó khăn, khó đạt được. Cái chính vẫn là đánh thức khả năng tự ý thức của trẻ, bồi dưỡng cho chúng tinh thần tự phê phán, luôn có phán xét giá trị trong mọi tình huống, tránh được sự vô cảm.

Cũng như giáo dục tri thức, giáo dục giá trị đòi hỏi phải có những phương thức và nội dung giáo dục phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của học sinh. Mang những giá trị của người lớn áp đặt cho trẻ em là không thích hợp. Được biết ở nhiều nước văn minh, trẻ em không được khuyến khích tham dự các ngày lễ kỷ niệm lớn của quốc gia và quốc tế hay tham gia các sự kiện chính trị. Trẻ em rất cần được bồi dưỡng về ý thức giá trị, nhưng không phải theo cách của người lớn, giống như người lớn.

Giáo dục giá trị là một trong những trách nhiệm lớn của nhà trường, thậm chí là "mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục"[1]. Nhưng giáo dục giá trị không phải chỉ là bổn phận của nhà trường. Nó còn là nghĩa vụ của gia đình và của xã hội. Nếu những hình thức "giáo dục không chính quy" không có trách nhiệm lớn trong việc truyền thụ kiến thức như nhà trường, thì chúng lại có nhiều điều kiện thuận lợi hơn nhà trường trong việc giáo dục giá trị cho trẻ. Trẻ em chỉ sống ở trường khoảng 8 giờ, còn lại 16 giờ sống trong nhà và ngoài đường. Nhà trường dạy cho học sinh về tương lai, gia đình dạy các em về quá khứ và đường phố dạy các em về hiện tại. Một đứa trẻ học kém – trách nhiệm chính là của nhà trường, nhưng một đứa trẻ hư - lỗi chính là của gia đình và xã hội.

Giáo dục giá trị và giáo dục tri thức khác nhau là ở đó. Giáo dục nhà trường và giáo dục gia đình, giáo dục xã hội khác nhau cũng là ở đó.

TP. HCM, 19/11/2018
N.T.K.N - H.T.V

---

1. Nguyễn Thị Bình, *Hệ giá trị cá nhân -mục tiêu của hệ thống giáo dục về phát triển nhân cách thanh thiếu niên, trong sách "Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học…",* NXB. Giáo dục, HN, 2016,tr.11.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TỪ THỜI PHONG KIẾN CHO ĐẾN NAY

GS. TS.Nguyễn Xuân Kính*
ThS. Trần Thị Thu Hà**

I. Giáo dục giá trị từ thời phong kiến cho đến ngày đất nước thống nhất (1975)

1. Trong thời phong kiến, xã hội Việt Nam chủ yếu là xã hội của cư dân nông nghiệp, đại đa số cư dân sống ở làng quê. Có ba thiết chế liên quan đến giáo dục là gia đình, làng xã và trường học. Con cháu sống với ông bà, cha mẹ, chịu sự dạy bảo của người lớn trong gia đình. Người ta sinh ra, lớn lên và mất đi ở làng, các hành vi, ứng xử được điều chỉnh bởi lệ làng và dư luận làng xã. Số thanh thiếu niên được đi học cho đến lúc thành ông tú, ông cử rất ít. Đại đa số họ chỉ học chữ thánh hiền vài năm dưới sự chỉ dạy của một ông đồ ngồi tại nhà một gia đình tương đối khá giả trong làng hoặc tại trường làng. Họ học một vài năm rồi lại làm quen với con trâu, cái cày, với công việc đồng áng. Trong nhiều trăm năm, các thanh thiếu niên ngày trước không phải không được giáo dục về giá trị:

Trai thời trung hiếu làm đầu
Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình.
(Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu)

Đối với con trai, giá trị hàng đầu là trung và hiếu. Trung ở đây là trung với vua. Nhắc đến vua, người ta thường gắn với chủ

*, ** Viện nghiên cứu Văn hoá

quyền lãnh thổ do ông vua cai quản. Trong bài thơ thần được nhiều người gán cho Lý Thường Kiệt có câu: "Nam quốc sơn hà, Nam đế cư" (Sông núi nước Nam, Nam đế ngự). Năm 1473, vua Lê Thánh Tông đã dụ Thái bảo Lê Cảnh Huy, người được giao nhiệm vụ thương thảo với Trung Quốc về biên giới lãnh thổ: "Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Ngươi phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu ngươi dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di"[1].

Trong bộ luật triều Lê, có quy định về mười tội ác (thập ác) là những tội nặng nhất, có đến bốn tội là mưu phản, mưu đại nghịch, mưu chống đối, đại bất kính. Theo đó, pháp luật trừng trị nghiêm khắc những kẻ làm nguy đến xã tắc, phá hủy tông miếu, lăng tẩm và cung điện nhà vua, mưu phản nước theo giặc, làm giả ấn tín của vua, chỉ trích nhà vua,…[2]

Hiếu là hiếu với ông bà, cha mẹ, chú bác,…, đặc biệt là đối với cha mẹ. Bất hiếu được xếp vào một trong mười tội ác. Theo đó, những kẻ tố cáo, rủa mắng ông bà, cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo, nuôi nấng ông bà cha mẹ thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường,… sẽ bị trừng trị nghiêm khắc[3].

Giáo lý phong kiến đề cao trung hiếu. Trong trường hợp trung và hiếu xung đột thì hiếu phải nhường bước. Thí dụ, theo bộ luật nhà Lê vừa dẫn, điều 504, nếu con cháu tố cáo ông bà cha mẹ có tội lỗi gì thì đều bị xử tội lưu đi châu xa, tức là bị đánh mười trượng, thích vào mặt mười chữ, bắt đeo xiềng ba vòng, đày đi làm việc ở các xứ như Cao Bằng. Nhưng nếu ông bà, cha mẹ mắc tội mưu phản, đại nghịch, chống lại nhà vua thì con cháu được phép tố cáo[4]. Trong đời sống thường ngày ở làng quê và ở cả bộ

1. Ngô Sĩ Liên và các sử thần đời Lê (2011), Đại Việt sử ký toàn thư, bản dịch của Hoàng Văn Lâu, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.457.

2. Viện Sử học Việt Nam (1991), *Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê)*, bản dịch của Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí, Nxb Pháp lý, Hà Nội, tr.36-37.

3. Viện Sử học Việt Nam (1991), sđd, tr.37.

4. Viện Sử học Việt Nam (1991), sđd, tr.37, 183.

phận cư dân thành thị thì vấn đề trung ít khi nổi lên, chủ yếu và thường thấy là vấn đề hiếu. Thời phong kiến cũng có quy định trách nhiệm của ông bà cha mẹ đối với con cháu và tục ngữ cũng có câu "Đẻ con chẳng dạy chẳng răn; thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng". Nhưng trách nhiệm và bổn phận của con cháu đối với cha mẹ ông bà được quy định chi tiết hơn, nhiều hơn. Bởi thế, đối với bây giờ có thể là chuyện lạ lùng nhưng ở thời cụ Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), việc cụ đang trên đường ra Huế ứng thí nghe tin mẹ mất, vội vàng quay về chịu tang, dọc đường khóc thương đến nỗi mù cả hai mắt thì đối với ngày ấy, đó là việc thường tình.

Ngoài việc phải trung hiếu như nam giới, nữ giới còn phải giữ gìn trinh tiết và đạo đức phẩm hạnh. Thời phong kiến, hầu như phụ nữ không được đến trường.

Trong tục ngữ, ca dao ngày xưa không phải không có bài oán thán vua chúa, cha mẹ, những câu tục ngữ kiểu như "Được làm vua, thua làm giặc". Nhưng nhìn chung, trong thời bình, trong nhịp đi chậm chạp của xã hội nông nghiệp, trung và hiếu vẫn là những giá trị chủ đạo. Thời ấy, con cái bất hiếu với cha mẹ như một thanh niên ở tỉnh Hải Dương đã chôn mẹ chỉ vì bà mẹ lỡ tay làm chết con gà chọi quý hiếm của anh ta thì lập tức người người nguyền rủa, dân gian chê cười và các nhà Nho đã ghi lại câu chuyện này trong *Công dư tiệp ký* (của Vũ Phương Đề), trong *Thính văn dị lục* (khuyết danh). Các thanh thiếu niên được giáo dục các giá trị trung hiếu, tiết hạnh qua sách vở nhà Nho, qua ca dao, tục ngữ, qua truyện kể dân gian, qua sự tự nêu gương của các bậc ông bà, cha mẹ, chú bác, các anh chị lớn tuổi. Trong việc giáo dục giá trị, vai trò của gia đình và dư luận xã hội đóng một vai trò quan trọng không kém gì nhà trường.

2. Sau khi thực dân Pháp đặt ách đô hộ trên đất nước ta, xã hội Việt Nam là xã hội thực dân nửa phong kiến. Hai giá trị trung và hiếu có sự thay đổi. Thời này, sau khi phong trào Cần vương thất bại, rất hiếm người nghĩ đến việc trung với một ông vua, một triều đại. Một giá trị mới đã ra đời. Giá trị đó là lòng yêu nước chống xâm lược; gắn liền với yêu nước là canh tân đổi mới. Trong khi đó, chữ hiếu không mất đi vị trí của mình. Có thể kể ra đây hai thí dụ. Trường hợp thứ nhất là gia đình quan Án sát Vũ Bội Hoàng. Sau

khi cha mất, ông quan này nhất nhất nghe theo lời mẹ. Thậm chí có lần đi hát cô đầu bị bà mẹ phát hiện, viên quan này đã tự cởi áo nằm xuống giường chịu roi vọt của mẹ. Sau đó, ông ngồi dậy xin lỗi mẹ. Đến lượt mình, quan lớn Vũ Bội Hoàng cũng thi hành gia pháp rất nghiêm. Người con trai của ông là Vũ Bội Liêu kết hôn theo sự sắp xếp của ông. Vũ Bộ Liêu không có năng khiếu về môn toán nên thi mãi không vượt qua cửa ải tú tài. Mặc dù là mới cưới vợ, nhưng chỉ tối thứ bảy người thanh niên này mới được ở gần, còn những tối khác cô vợ trẻ phải ngủ cùng với bà nội và đám bóp cho bà. Sở dĩ, gia đình ông Vũ Bội Hoàng làm như vậy là muốn Vũ Bội Liêu không sao nhãng việc học hành. Trong một lần Vũ Bội Liêu lén đi gặp vợ để nói chuyện giữa ban ngày ở chợ, bị cha phát hiện, ông bèn sai lính tìm bắt về, căng nọc ra ngay dưới sân công đường để tự tay ông phết cho mấy chục roi. Là một chàng trai tân học nhưng Vũ Bội Liêu không dám phản kháng. Còn vợ Vũ Bội Liêu thì xấu hổ quá đến phát ốm[1]. Trường hợp thứ hai là bác sĩ Nguyễn Khắc Viện (1913-1997). Cha ông là một tiến sĩ Nho học, làm quan Phủ doãn ở kinh thành Huế. Khi Nguyễn Khắc Viện sang Pháp du học, trong thư, quan Phủ doãn dặn dứt khoát không được lấy vợ đầm. Điều này đã được Nguyễn Khắc Viện thực hiện[2].

Trong thời gian Pháp thuộc, trường học được mở ra nhiều hơn, chương trình, cách thức dạy và học cũng có những khác biệt căn bản so với giáo dục thời phong kiến. Tuy nhiên, nhà trường thuộc địa không chủ trương giáo dục lòng yêu nước chống xâm lược. Thậm chí, chính quyền thực dân còn không muốn phát triển đại học ở Việt Nam. Toàn quyền Pháp Paul Beau đã nói việc cung cấp những kiến thức đại học cho người bản xứ "là một hành vi điên rồ, ngu xuẩn, vì dân Việt Nam được học hỏi nhiều sẽ khôn ngoan hơn, sẽ ý thức được quyền lợi của mình, sẽ tìm cách đuổi người Pháp ra khỏi Đông Dương"[3].

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam nhằm mục đích khai thác

1. Vũ Đình Hòe (2004), *Hồi ký*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.636-637.

2. Nhiều tác giả (1997), *Tưởng nhớ nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện,* Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.89-97.

3. Đặng Phong (2002), *Lịch sử kinh tế Việt* Nam, tập 1: 1945-1954, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.88.

tài nguyên và bóc lột nhân công, họ không bao giờ muốn đất nước Việt Nam phát triển. Nhưng khi văn hóa Pháp, khoa học Pháp, văn học nghệ thuật Pháp vào Việt Nam thì đã mở ra cho người Việt Nam một chân trời mới, các trí thức Việt Nam đã tiếp thu rất nhiều điều bổ ích. Điều này nằm ngoài ý muốn của những kẻ đi xâm lược. Sinh viên Việt Nam thời gian này tự trọng rất cao. Giáo sư Hoàng Như Mai kể lại, thời ấy "không ai gian lận, quay cóp trong các kì thi, hạ mình nịnh bợ van lơn giáo sư để được đỗ. Thi hỏng thì thi lại, có người mất đến chín mười năm mới đỗ đủ các chứng chỉ để nhận bằng cử nhân có sao đâu?. (…). Có một lúc, một số người đánh giá sinh viên thời trước là hám danh vọng địa vị. Cũng có thể là họ thấy mình có học thức, có tài năng nên cũng muốn mình có vị thế xứng đáng trong xã hội. Nhưng nếu cho rằng họ ham địa vị, danh vọng đến bán rẻ danh dự, lương tâm thì không đúng hoặc nếu có thì chỉ là một số rất rất ít"[1]. Một sinh viên luật sau khi lấy bằng cử nhân, dự kỳ thi tri huyện và đỗ cao. Nhưng người này không ham cái chức tri huyện, đã từ quan để hành nghề luật sư bênh vực cho dân và sau Cách mạng tháng Tám là một cán bộ cao cấp rất có uy tín trong Bộ Ngoại giao.

Các tác phẩm văn chương và triết học Pháp giáo dục cho học sinh, sinh viên tinh thần tự do, bình đẳng, bác ái. Tuy nhiên, các giá trị này không lấn át, lu mờ giá trị yêu nước chống xâm lược, bởi vì bất cứ một người trí thức chân chính nào, trong hoàn cảnh đất nước bị đô hộ, trước sau họ cũng thể hiện lòng yêu nước, chống xâm lược. Khi Đảng Cộng sản ra đời, đã có nhiều trí thức tham gia. Nền giáo dục Pháp cũng không bao giờ dạy người học bất hiếu với cha mẹ, ông bà. Có thể nói chữ hiếu là một giá trị phổ quát chung cho toàn nhân loại, mà ở mỗi dân tộc, mỗi hoàn cảnh có cách thể hiện riêng.

3. Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc. Trong kháng chiến chống Pháp, những người dân ở vùng kháng chiến cũng như đại bộ phận đồng bào ta ở vùng

1. Hoàng Như Mai (2008), *Văn tập*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tp Hồ Chí Minh, tr.35-36.

bị địch tạm chiếm đều có tinh thần yêu nước. Nếu người Việt Nam không yêu nước thì dù viện trợ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô có nhiều đến đâu, chúng ta cũng không thể nào có được chiến thắng Điện Biên Phủ.

Bên cạnh giá trị lòng yêu nước, chống xâm lược thì chữ hiếu vẫn là một giá trị, tất nhiên vị trí của nó không bằng được giá trị yêu nước. Theo lễ giáo ngày trước, sau khi cha mẹ qua đời, anh chị sẽ thay cha mẹ dạy bảo, nuôi dưỡng các em (quyền huynh thế phụ). Ngày 9/11/1950, Hồ Chủ tịch đã có những lời thư thống thiết khi người anh trai qua đời, vì bận việc nước Người không thể về chịu tang: "Nghe tin anh Cả mất, lòng rôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu. Than ôi! Tôi chịu tội bất đệ trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước"[1].

Giáo sư Hoàng Như Mai (1919-2013) rất tài hoa, nghệ sĩ, hay vui đùa nhưng lại sống và ứng xử rất chừng mực với bạn bè, đồng nghiệp, học trò. Sở dĩ có sự chừng mực ấy là vì một lí do rất riêng nhưng rất đáng trân trọng. Ông muốn để bà mẹ không bao giờ phải phiền lòng vì mình vì ông đã chứng kiến nỗi khổ tâm của cụ về những hành vi "thiếu chừng mực" của một người anh của mình. Cho đến cuối đời, ông đã viết về đôi mắt người mẹ kính yêu của mình suốt đời chờ đợi con: "Lúc mẹ tôi sắp trút hơi thở cuối cùng, bỗng nhiên, anh tôi nảy ra một ý rồi nói với mẹ tôi: "Chú Mai nhắn tin sắp về đây, mẹ cố đợi chú ấy". Mẹ tôi đợi thật. Người nhà kể: suốt ba ngày ba đêm, mẹ tôi nằm quay mặt ra cửa trông tôi. Nhưng tôi đâu có về. Năm ấy mới là năm 1948, cuộc kháng chiến chống Pháp còn đang gian lao, ác liệt. Đến nay và cho đến hết đời tôi, tôi vẫn còn trông thấy đôi mắt của mẹ tôi, đôi mắt quá thân thương đối với tôi, từ hồi tôi còn nhỏ, đôi mắt sâu thẳm đầy những lo âu và tình thương. Ba ngày cuối cùng của mẹ tôi, tôi không có mặt ở

1. Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, tập 6: 1950-1952, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.114.

bên mẹ, nhưng tôi thấy rất rõ đôi mắt ấy. Tôi chắc chắn như thế: đôi mắt đầy lo âu và thương xót cho đến khi chút sống cuối cùng tiêu tan, vẫn ngóng đợi con, đứa con út mà bà thương yêu nhất và ít được sống với bà nhất. Đối với đất nước, có thể nói tôi lo tròn nghĩa vụ không có gì phải ân hận. Nhưng đối với mẹ, tôi tự thấy có tội lớn, tôi không bao giờ thôi hối hận"[1]. So với truyền thống, có trường hợp người ta ứng xử trước vấn đề chữ hiếu khác trước. Giáo sư Hoàng Bảo Châu (sinh năm 1929), nguyên Viện trưởng Viện Y học cổ truyền (1986-1995). Quê ông ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, cha ông buôn bán ở Hưng Yên. Ông được sinh ra tại thị xã Hưng Yên. Năm ông 8 tuổi, khi ông đang học ở Hưng Yên, cha ông qua đời. Mẹ ông một mình bươn chải nuôi mấy chị em ăn học. Ở nhà chỉ có một mình ông là con trai. Từ năm 1942 (13 tuổi), ông phải xa gia đình, hết học ở Thái Bình, lên Hà Nội, rồi lại về Thái Bình, sau theo học ở Thanh Hóa. Năm 1950, khi đang dạy học ở Nghệ An, ông xin theo học Trường Quân y sĩ ở Việt Bắc. Ra đến Vĩnh Lộc, Thanh Hóa, trước khi ông lên đường, mẹ ốm, ông muốn ở lại với mẹ, song mẹ kiên quyết giục ông đi vì rất khó có được cơ hội đi học như thế. Mẹ ông nói với ông: "Con ở nhà mẹ chết mẹ vẫn chết, mà con đi mẹ chết mẹ vẫn chết, thôi cứ đi đi". Thế là từ năm 1942 cho đến năm 1950, ông thường xuyên xa nhà, chỉ thỉnh thoảng ở cùng mẹ vào dịp nghỉ hè. Đến lần này, ông lên Việt Bắc rồi sau đó sang Trung Quốc học tập, đến năm 1962 (33 tuổi), ông mới lại được về với mẹ[2].

Tóm lại, trong thời gian kháng chiến chống Pháp, lòng yêu nước là giá trị hàng đầu. Việc giáo dục giá trị này được thực hiện ở nhà trường, trong các gia đình và bởi hệ thống tuyên truyền rất có hiệu quả của chính phủ kháng chiến. Chữ hiếu vẫn là một giá trị, tuy vị trí không cao bằng lòng yêu nước.

Cuộc cải cách ruộng đất ở miền Bắc, mà giai đoạn 3 của nó

---

1. Nhiều tác giả (2014), *Giáo sư Nhà giáo nhân dân Hoàng Như Mai với đồng nghiệp và môn sinh*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr.139, 340-341.

2. Nguyễn Văn Huy chủ biên (2011), *Di sản ký ức của nhà khoa học*, Nxb Tri thức, Hà Nội, tr.59-65.

được thực hiện từ năm 1954 đến năm 1957, do vận dụng cực đoan học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp đã làm đảo lộn luân thường đạo lí, chữ hiếu bị xâm phạm nghiêm trọng.

4. Trong thời gian kháng chiến chống Mĩ, ở miền Bắc có hai giá trị hàng đầu được giáo dục và tuyên truyền là tinh thần độc lập dân tộc, chống xâm lược và chủ nghĩa xã hội. Có nơi có lúc chữ hiếu bị giảm sút so với trước. Giữa gia đình và nhà trường có sự gắn kết trong việc giáo dục học sinh. Sinh viên thời này có lý tưởng, trong sáng, vượt qua muôn vàn khó khăn để có thể học tập trong thời chiến. "Cái đẹp của sinh viên thời này là *tiền tài ngoại thân*, họ không biết so đo tính toán thiệt hơn, mà quan tâm nhiều đến ý nghĩa cuộc sống, mang hoài bão đi cùng năm tháng"[1].

Ở miền Nam, trong vùng lãnh thổ do chính quyền Sài Gòn kiểm soát, học sinh được giáo dục nhiều về chữ hiếu, ứng xử với cha mẹ, ông bà và những người lớn tuổi hơn lễ phép hơn học sinh miền Bắc. Sinh viên miền Nam có tinh thần dân tộc, hăng hái xuống đường đấu tranh chống quân dịch, chống sự áp đặt của văn hóa ngoại bang, đòi dạy và học tiếng Việt ở bậc đại học. Sống trong thời li loạn, sinh viên có ý thức xã hội rất cao. Khi xuống đường tranh đấu, họ là những người hăng say, nhưng lúc trở lại giảng đường họ là những sinh viên xuất sắc. Các thầy, các cô là những người rất công tâm, không biết nhận quà cáp, thương yêu sinh viên, khuyến khích sinh viên tinh thần sáng tạo, không hoàn toàn lệ thuộc vào bài giảng của thầy[2].

II. Giáo dục giá trị trong thời gian hiện nay

1. Đất nước đã thống nhất hơn 40 năm. Từ một nước nghèo, Việt Nam đã trở thành một nước có thu nhập trung bình. Mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, Việt Nam càng ngày càng có tiếng nói trên trường quốc tế. Chúng ta đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tăng cường hội nhập quốc tế. Bên cạnh thời cơ và thuận lợi, Việt Nam cũng đang đứng

1. Nguyễn Quốc Hùng (2017), *Nắng bốn mùa* (câu chuyện về khối sinh viên 1 và 2 A67 của Trường Đại học Ngoại ngữ), Nxb Văn học, Hà Nội, tr.119.

2. Trần Công Tín (2016), **Đại Học Văn Khoa Huế**, http://nguyenhuehaingoai.blogspot.com/2016/01/ai-hoc-van-khoa.html. Cập nhật ngày 23/10/2018.

trước những thách thức to lớn. Chúng ta phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng và phát triển bền vững, giữa kinh tế và môi trường, giữa kinh tế và xã hội, giữa kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng. Ngay trong lĩnh vực kinh tế, trình độ công nghệ sản xuất và năng xuất lao động xã hội còn hạn chế. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năng xuất lao động (GDP bình quân một lao động trên 15 tuổi trở lên) của Việt Nam năm 2015 bằng 17,4% Singapore, 32,5% Thái Lan, 48,5% Philippine.

Xã hội Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống (tức xã hội của cư dân nông nghiệp) sang xã hội hiện đại. Nhiều giá trị cũ hoặc không còn phù hợp hoặc bị phá vỡ để cấu thành giá trị mới. Quá trình đô thị hóa làm tăng số cư dân đô thị. Ở nông thôn hiện nay, nhiều nơi chỉ còn ông bà già và trẻ nhỏ, cha mẹ chúng và các thanh niên đều đến thành phố, đặc biệt là những thành phố lớn, đến các khu công nghiệp kiếm việc làm với thu nhập cao hơn. Có những hiện tượng mà trước đây không có thì gần đây trở thành bình thường như không ít phụ nữ xa chồng xa con, ra nước ngoài hoặc làm công nhân, hoặc làm người giúp việc. Thậm chí, có địa phương như ở Hà Tĩnh, cả cán bộ xã cũng bỏ nhiệm sở đi sang Thái Lan làm thuê bất hợp pháp. Một bộ phận cư dân ở các tỉnh biên giới phía Bắc cũng sang Trung Quốc làm thuê bất hợp pháp. Nông nghiệp không còn là nguồn sống chính. Xã Ngũ Thái thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, trước đây cư dân sống bằng nghề nông là chủ yếu. Năm 2017, tổng thu nhập của xã đạt 226,179 tỷ đồng, trong đó tổng giá trị nông nghiệp là 77,28 tỷ đồng, còn giá trị sản xuất tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ đạt 148,899 tỷ đồng[1]. Thôn Đồng Ngư thuộc xã Ngũ Thái là nơi đang lưu giữ phường rối nước dân gian cổ truyền. Do đất đai được lấy làm khu công nghiệp, người dân thôn này chỉ còn rất ít ruộng đất, họ làm nhiều nghề phụ, trong đó có nghề thu mua phế liệu. Đây là một nghề độc hại đối với sức khỏe nhưng đem lại lợi nhuận rất cao, có người một tháng thu được một trăm triệu đồng tiền lãi. Cũng tại thôn này, bên cạnh phường rối nước cổ truyền,

1. Tổng kết công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ của Đảng bộ xã Ngũ Thái năm 2017, tr.1.

có người đã lập Công ty trách nhiệm hữu hạn Luy Lâu để biểu diễn rối nước. Một thí dụ vừa nêu cho thấy sự đổi thay về sinh kế ở nông thôn nước ta.

Ở đô thị và ở những khu dân cư mới từ làng lên phố, người ta sống với tiện nghi hiện đại, sử dụng các phương tiện liên lạc, thông tin, giao thông hiện đại. Người đô thị với bản chất đích thực của nó là tính vô danh, tức là không ai biết ai, dù sống cạnh nhau, họ sống theo quy tắc, quy định và luật pháp. Chúng ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường. Chúng ta chưa có một nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh. Chính vì vậy, rất nhiều vấn đề xã hội đặt ra mà mới đây thôi, tại cuộc họp Quốc hội, có đại biểu nói rằng, mong sao, kinh tế như ngày nay, còn đạo đức như ngày xưa. Không phủ nhận những tấm gương tích cực, những điểm sáng, song rõ ràng là không ít người lo ngại về xã hội hiện nay.

2. Gia đình hiện nay khác trước. Do đề cao tính độc lập và sự tự do cá nhân, con cái đến tuổi trưởng thành không thích sống cùng ông bà cha mẹ. Do sự tuyên truyền các giá trị bình đẳng, dân chủ, ở một số nơi, cụ thể là ở phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội hiện nay, việc giáo dục lễ nghĩa cho con cái trong nhiều gia đình đã được chính các bậc cha mẹ đơn giản hóa khiến thái độ của con cái đối với cha mẹ có nhiều biểu hiện không đúng mực. Thêm nữa, nếu như trong gia đình nông thôn trước đây, trẻ em từ nhỏ đã tham gia lao động và trở thành một thành viên nhỏ trong đơn vị sản xuất của gia đình, làm thúc đẩy sự phát triển nhân cách của các em cũng như khiến các em có được những kỹ năng lao động và bài học đạo đức thông qua việc vừa học vừa làm, thì hiện nay ở Xuân Đỉnh, việc sử dụng lao động trẻ em trong gia đình đã không còn nữa. Thế hệ trẻ mới lớn lên chỉ còn biết đến việc học và chơi, không biết thế nào là vất vả, cực nhọc nên không biết quý trọng công sức lao động và thành quả lao động của cha mẹ. Nhàn cư vi bất thiện, các em dễ có tư tưởng hưởng thụ, chơi bời, không phù hợp với thuần phong mĩ tục và vượt quá khả năng kinh tế của gia đình. Cộng đồng làng xã, bà con hàng xóm và các bậc cha mẹ không còn tham gia kiểm soát hành vi của trẻ em như xưa hoặc nếu có thì cũng không đáng kể. Hơn

nữa, các gia đình trước đây là những đơn vị sản xuất, cha mẹ và con cái thường gần gũi bên nhau. Ngày nay, phần lớn thời gian của các thành viên gia đình diễn ra ở bên ngoài ngôi nhà. Trong môi trường xã hội thông tin hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình giải trí và mạng internet là nhân tố quan trọng khiến cha mẹ không kiểm soát được con cái[1]. Cuộc sống của cha mẹ không hạnh phúc, thì cha mẹ không thể tự nêu gương cho con cái. Sự biến đổi mô hình gia đình truyền thống sang kiểu gia đình hiện đại đã khiến cho xã hội Việt Nam đang phải đối diện với những hiện tượng như bạo lực gia đình, vô trách nhiệm, sống thử, ly hôn. Một thứ văn hóa kì quặc chỉ thâu tóm trong hai nguyên lí là xác thịt và đồng tiền đang đầu độc tâm hồn không ít người. Tỷ lệ ly dị đang tăng đến mức chóng mặt[2]. "Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh năm 2004 có 900 vụ ly hôn, năm 2005, riêng 6 tháng đầu năm 800 vụ, 50% là những cặp vợ chồng trẻ từ 23-35 tuổi. Cách đây mười năm, ở quận Ba Đình (Hà Nội), có 300 nghìn dân, trung bình trong thời gian 1987-1995, mỗi năm đã có từ 400 vụ đến 500 vụ ly hôn trong số trên 2200-3000 đám cưới"[3].

Hiện nay, cha mẹ không còn là nơi chủ yếu để con cái tâm sự, hỏi ý kiến. Trong kết quả phân tích sâu số liệu điều tra gia đình Việt Nam 2006 cho thấy, "nhìn chung, bạn bè là người mà con cái thường tâm sự, chiếm 63,4% người trả lời, tiếp theo là người thân trong gia đình 8,4%, rồi đến mẹ 7,7% và cuối cùng là cha với tỷ lệ rất thấp 1,3%... Điều này cho thấy, bạn bè là đối tượng chính để con cái thường tâm sự về chuyện yêu đương. Cha mẹ nói chung giữ vị trí khá khiêm tốn trong sự tin cậy của con. Người mẹ ở

1. Nguyễn Thị Phượng (2016), "Thực trạng biến đổi văn hóa gia đình ven đô qua không gian sống, lối sống, sinh kế và giải trí (trường hợp phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội)", *Kỷ yếu Hội thảo xây dựng gia đình trong xã hội đương đại,*Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tài liệu đánh máy tr.319-320.

2. Nguyễn Văn Bốn (2012), "Những biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống trong gia đình người Việt hiện nay), trong Nhiều tác giả, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Thực trạng và tương lai của gia đình trong thế giới hội nhập,* Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.456.

3. Dẫn theo Nguyễn Văn Bốn (2012), bđd, tr.456.

những gia đình thành thị, có mức sống cao hơn thường là người được con chọn để tâm sự. Ngược lại, người cha ở nông thôn và ở những gia đình có mức sống thấp hơn lại được con cái tin tưởng hơn, mặc dù với tỷ lệ rất thấp"[1].

Với tính hình gia đình Việt Nam như hiện nay, việc giáo dục giá trị không dễ dàng.

3. Về nhà trường, chúng ta không phủ nhận những nỗ lực của chính phủ và bộ chủ quản cùng đội ngũ đông đảo các nhà giáo, song mấy năm gần đây, từ mẫu giáo đến tiểu học, trung học các cấp và đại học đều bộc lộ những bất cập, những hiện tượng không bình thường. Theo chúng tôi, nguyên nhân chủ yếu tạo nên những hiện tượng đó chính là sự thao túng của đồng tiền.

Trong bối cảnh hiện nay, giáo dục cho thanh thiếu niên giá trị chủ yếu nào?. Chúng tôi nghĩ, đó là lòng yêu nước và sự tự trọng. Từ ngàn xưa đến nay, lòng yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt lịch sử dân tộc cũng như suy nghĩ và hành động của đại đa số người dân đất Việt. Chính vì vậy, dân tộc ta mới tồn tại đến ngày nay. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, hơn bao giờ hết, cần đến lòng yêu nước. Song nếu chỉ yêu nước, thì chưa đủ. Giá trị thứ hai là lòng tự trọng. Một quốc gia biết tự trọng là một quốc gia biết nhìn thẳng vào những thiếu sót, hạn chế, thậm chí sai lầm để đứng dậy. Một cư dân biết tự trọng sẽ có những khán giả như người Nhật, sau khi xem bóng đá ở nước ngoài đã tự động thu dọn rác, đem lại sự sạch sẽ cho nơi công cộng. Một cộng đồng biết tự trọng sẽ rất xấu hổ khi thấy cảnh đồng bào mình đốt pháo sáng trong sân vận động, khi thấy họ không có vé vẫn cố tình lao qua các cửa bảo vệ để tràn vào sân vận động. Các học sinh, sinh viên biết tự trọng sẽ không bao giờ quay cóp trong thi cử, không xin điểm, thậm chí không chấp nhận việc người lớn chữa điểm cho các em.

Thực ra, để giáo dục giá trị, chỉ riêng nhà trường không thể nào làm được. Sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội là điều kiện tiên quyết.

---

1. Nguyễn Hữu Minh và cộng sự (2009), *Quan hệ cha mẹ con cái trong gia đình và những vấn đề đặt ra về chính sách*, Báo cáo phân tích sâu số liệu điều tra gia đình Việt Nam 2006, Viện Gia đình và Giới.

*

* *

Trong bài này, chúng tôi cố gắng nhìn vấn đề giáo dục giá trị từ thời phong kiến đến nay. Các giá trị được chúng tôi nêu trong mỗi thời, mỗi giai đoạn là những giá trị hàng đầu, chủ yếu. Điều này không có nghĩa là các giá trị khác như lòng dũng cảm, tính trọng nghĩa, lòng nhân ái, sự cần cù, tính sáng tạo,... không được quan tâm trong giáo dục giá trị từ xưa đến nay.

Hà Nội, ngày 30/11/2018
N.X.K-TTTH

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA HỌC SINH

GS.TSKH. Lê Ngọc Trà

1. *Giáo dục giá trị* là bồi dưỡng ý thức giá trị - một nhân tố quan trọng trong đời sống tinh thần của con người.

Về phương diện triết học, có thể chia sự chiếm hữu của con người về thế giới thành ba kiểu: sự tích tụ những kỹ năng, tích tụ kiến thức và tích tụ giá trị[1].

Các giá trị được hình thành trong thực tiễn, qua kinh nghiệm, qua văn hóa, qua giáo dục – giáo dục chính thức hay không chính thức (thuật ngữ của J.Dewey), tức giáo dục nhà trường hay giáo dục gia đình, giáo dục xã hội. Giáo dục giá trị trong nhà trường là một trong những con đường hình thành ý thức giá trị cho học sinh, một quá trình có ý thức, hướng tới những mục tiêu nhất định, trong đó việc giúp cho học sinh có được một hệ giá trị mong muốn là nhiệm vụ cốt lõi.

Ý thức giá trị khác ý thức nhận thức ở chỗ nó gắn liền với sự đánh giá, với thái độ và cả quan điểm (ý thức hệ). Quan niệm giá trị là một thực thể và một đặc điểm hết sức quan trọng của đời sống tinh thần con người, thể hiện rõ rệt trong ý thức đạo đức, chính trị, tôn giáo và nghệ thuật.

2. *Giáo dục nhân cách và giáo dục giá trị*. Khái niệm nhân cách có nhiều nghĩa, mang nhiều nội dung khác nhau. Nhưng theo quan niệm phổ biến, nhân cách bao gồm nhiều mặt khác nhau của

* Trường ĐH Sư phạm TP. HCM

1. Kagan M.C, Mir Ovshenia *(Thế giới giao tiếp),* Politizdat, Moskva, 1988, tr.298.

con người, nhân cách chính là con người, dù khái niệm con người và nhân cách không trùng nhau. Giáo dục nhân cách là hình thành con người cả về thể chất, kỹ năng, nhận thức và ý thức giá trị. Bởi vậy giáo dục nhân cách rộng hơn giáo dục giá trị. Giáo dục giá trị là một mục tiêu quan trọng của phát triển nhân cách bởi vì ý thức giá trị có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần của con người. Tuy nhiên, giáo dục ý thức giá trị không phải là toàn bộ hoạt động giáo dục nhằm mục tiêu phát triển nhân cách, trừ trường hợp nhân cách được hiểu hẹp hơn như một phạm trù đạo đức.

Trong giáo dục Việt nam hiện nay, một trong những điểm yếu là chưa làm rõ một cách có cơ sở khoa học về triết lý giáo dục. Nhiều khái niệm chưa được luận giải đầy đủ, dẫn tới chỗ mục tiêu giáo dục cũng chưa được xác định rõ ràng. Nghị quyết Trung ương VIII và Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XII đều ghi nhiệm vụ trung tâm của giáo dục nước ta hiện nay là "chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học", "coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học". Ở đây, các khái niệm "*phẩm chất*" và "*năng lực*" đều có thể gây ra những cách hiểu khác nhau, rất dễ lẫn lộn. Phẩm chất có thể được hiểu là đức tính tốt đẹp, nghĩa là rất gần với giá trị, , nhưng cũng thường được hiểu như cái mà cá nhân có được, đạt được sau quá trình học tập, rèn luyện hay một khả năng có thể làm giỏi một việc gì đó. Ví dụ, trung thực là một phẩm chất, nhưng thạo công nghệ thông tin hay biết nhiều cũng là một phẩm chất. Với năng lực cũng vậy. Trong câu "chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ *trang bị kiến thức* sang *phát triển toàn diện* năng lực và phẩm chất người học", năng lực dễ được hiểu như khả năng nhận thức, tiếp thu kiến thức, tức là một mặt của phát triển nhân cách, cần được quan tâm một cách "toàn diện" cùng với phẩm chất đạo đức. Tuy nhiên, nếu đối chiếu với với quan niệm của những nhà giáo dục chủ trương đổi mới hiện nay thì "năng lực" không được hiểu như vậy. Năng lực là khả năng thực hiện, khả năng biết làm (know – how) chứ không phải khả năng nhận thức (know – that). Và như vậy phát triển năng lực chính là phát triển *kỹ năng*, một yêu cầu rất cấp bách với giáo dục nước ta hiện nay.

Cần lưu ý rằng trong trường hợp "năng lực" được hiểu là kỹ năng thì năng lực không chỉ liên quan đến hoạt động nhận thức mà còn liên quan đến hoạt động giá trị. Chẳng hạn, biết ngoại ngữ, biết công nghệ, biết toán là kỹ năng nhận thức, nhưng có những "kỹ năng mềm" như biết giao tiếp với người khác, có khả năng hợp tác, biết cách giải quyết xung đột, biết làm việc theo nhóm,… thì rõ ràng những kỹ năng này gắn bó chặt chẽ với hệ giá trị cá nhân.

Giáo dục giá trị cũng nhắm vào mục tiêu phát triển nhân cách học sinh, nhưng có cách tiếp cận khác với cách giáo dục truyền thống thể hiện trong phương châm bồi dưỡng, phát triển *phẩm chất* của người học. "Giáo dục phẩm chất" nặng về cách giáo dục học sinh từ bên ngoài, tức là nhấn mạnh cái người lớn có thể làm cho đứa trẻ, cái đứa trẻ cần tiếp thu, ở đây các giá trị hiện ra như là cái có sẵn, đã được làm sẵn và trẻ em chỉ cần thu nhận. Giáo dục giá trị đòi hỏi tiếp cận "từ bên trong", nhấn mạnh cái đứa trẻ nghĩ, cái có thể làm trong chính quá trình sống, quá trình học tập, xem xét cách trẻ quan niệm về giá trị và các giá trị theo cách riêng của mình như thế nào.

3. *Hệ giá trị hiểu như mục tiêu* quan trọng của phát triển nhân cách học sinh. Giáo dục giá trị, tức hình thành ý thức giá trị không chỉ bó hẹp trong việc xây dựng hệ giá trị cá nhân đối với học sinh, tuy nhiên có thể xem đây là một nhiệm vụ rất quan trọng của hệ thống giáo dục.

Khái niệm hệ giá trị có nhiều cách hiểu khác nhau. Hệ giá trị có thể hiểu như một *hệ thốngcác giá trị* có quan hệ với nhau, bắt nguồn từ cùng một hệ thống và phản ánh tính chất của hệ thống, chẳng hạn khi chúng ta nói về hệ giá trị đạo đức phong kiến, hệ giá trị đạo đức cộng sản. Hệ giá trị cũng có thể hiểu chỉ như *bảng các giá trị* thuộc một nhóm đề tài, một lĩnh vực nhất định, ở đó mối liên hệ giữa các giá trị với nhau và với hệ thống không chặt chẽ, lỏng lẻo. Ví dụ như hệ giá trị nghệ thuật, hệ giá trị đạo đức, hệ giá trị lối sống.

Trong cách đặt vấn đề về hệ giá trị như mục tiêu phát triển nhân cách, thiết nghĩ, hệ giá trị ở đây thuộc nghĩa thứ hai. Thực

chất đây là nói đến hệ giá trị cá nhân, tức là *bảng giá trị cá nhân* cần được bồi dưỡng và phát triển trong nhà trường. Hệ giá trị cá nhân này cần được phân biệt với hệ giá trị xã hội (Tự do, Bình đẳng, Bác ái) hay hệ giá trị toàn cầu (Hòa bình, Hợp tác, Phát triển) hoặc các hệ giá trị khác với ý nghĩa tương tự.

Cũng cần lưu ý rằng trong trường hợp nếu đề tài nghiên cứu được đặt ra khác đi, chẳng hạn như "Hệ giá trị như mục tiêu phát triển nhân cách trong thời kỳ hội nhập" thì khái niệm hệ giá trị ở đây cũng sẽ có ý nghĩa khác, đòi hỏi các giá trị đặt ra trong đó phải gắn bó với nhau và chịu sự chi phối của hệ thống theo cách chặt chẽ hơn, bị ràng buộc nhiều hơn bởi tính chất và yêu cầu của "thời kỳ hội nhập".

4. *Hệ giá trị cá nhân* như một trong những mục tiêu quan trọng của phát triển nhân cách bao gồm ba nhóm :

a) Các giá trị nền tảng: *nhân ái, trung thực, tự trọng, trách nhiệm, biết lẽ phải trái* (chuộng chân lý).

Đây là những giá trị sơ đẳng, căn bản mà làm người ai cũng phải có. Đó là những giá trị nền tảng để con người có thể sống với nhau. Những giá trị này có tính phổ biến, có tính nhân loại. Cái khoảng trống giá trị, sự xuống cấp đạo đức, xuống cấp văn hóa trong xã hội hiện nay bắt nguồn từ chính ở đây, từ sự mải mê theo đuổi những giá trị xa vời mà bỏ quên những giá trị nền tảng.

b) Các giá trị truyền thống: *yêu nước, tình nghĩa.*

Các giá trị truyền thống là những giá trị được hình thành trong quá trình tồn tại của dân tộc, được giữ gìn và vun bồi qua văn hóa dân tộc. Các giá trị này tạo nên bản sắc dân tộc trong nhân cách, góp phần hình thành con người Việt Nam.

c) Các giá trị hiện đại: *sáng tạo, tôn trọng pháp luật, hợp tác, thân thiện với môi trường.*

Đây là những giá trị cần có để cá nhân có thể sống trong thời kỳ hội nhập và góp phần phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Các giá trị này không phải chỉ cần được phát huy như những giá trị có sẵn mà nhiều khi còn cần được giáo dục và hình thành từ đầu như những giá trị mới.

Hệ giá trị cá nhân, như đã nói ở trên, thực chất là một bảng các giá trị liên quan đến cá nhân (chứ không phải đến xã hội hay một lĩnh vực nào đó), bao gồm các giá trị thuộc những nhóm khác nhau, được đề ra như yêu cầu của giáo dục nhân cách cho học sinh. Các giá trị này có thể được xem như những "phẩm chất" hay nói đúng hơn là những "phẩm chất giá trị" (phân biệt với các phẩm chất về trình độ nắm vững kiến thức và kỹ năng) mà học sinh cần phải được giáo dục trong quá trình phát triển nhân cách.

5. *Việc xác lập thành phần của bảng giá trị cá nhân* có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục nhân cách học sinh, vì vậy cần được nghiên cứu một cách có cơ sở khoa học.

Để đánh giá cá nhân về phương diện giá trị một cách đầy đủ, cần xét *ba quan hệ* sau đây:

- Cá nhân với chính cá nhân mình (trung thực, tự trọng,…).

- Cá nhân với cá nhân khác (nhân ái, hợp tác,…).

- Cá nhân với cộng đồng, xã hội, môi trường (yêu nước, tôn trọng pháp luật, thân thiện môi trường,…).

Nhấn mạnh một quan hệ này mà coi nhẹ hoặc bỏ qua một quan hệ khác sẽ dẫn đến sự khiếm khuyết trong nhân cách giá trị của trẻ em, như thực tế giáo dục nước ta thời gian qua cho thấy.

Khi xây dựng bảng giá trị thể hiện những tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức của học sinh cũng cần lưu ý đến sự thay đổi về *thành phần và trọng tâm* của các yếu tố trong bảng giá trị này. Có những giá trị trước đây được đề cao bây giờ không còn thích hợp nữa. Có những giá trị trong hoàn cảnh nào đó tỏ ra ít quan trọng nhưng trong hoàn cảnh khác lại cần được nhấn mạnh. Do yêu cầu phát triển toàn diện nhân cách, bảng giá trị cá nhân không thể chỉ gói gọn trong vài ba giá trị tối giản, vì vậy việc nhấn mạnh giá trị này hay giá trị khác, đặt trọng tâm vào quan hệ này hay quan hệ khác do hoàn cảnh đòi hỏi là việc cần thiết.

Trong tình hình giáo dục nước ta đang thực hiện cải cách và đổi mới, việc xác lập bảng giá trị ("Hệ giá trị") cá nhân có ý nghĩa rất thiết thực. Nó liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nội dung chương trình, xác lập các môn học, phương pháp giáo dục, biên soạn sách giáo khoa.Chương trình phổ thông cần thêm môn gì,

bớt môn gì, tích hợp các môn gì, sách giáo khoa cần lựa chọn các chủ điểm nào, trích dẫn tác phẩm nào, phương pháp giảng dạy cần thay đổi làm sao để có thể tác động hiệu quả đến việc hình thành ý thức giá trị của học sinh – tất cả những vấn đề đó đều trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến nội dung bảng giá trị như mục tiêu quan trọng của phát triển nhân cách học sinh.

6. *Các giải pháp* để hình thành bảng giá trị cá nhân của học sinh phụ thuộc vào *tính chất của ý thức giá trị*.

Quan điểm giá trị là một cách tiếp cận của con người đối với thế giới. Cách tiếp nhận này bắt nguồn từ chỗ cá nhân coi cái gì là "có giá trị" và xét về phương diện đạo đức, đó là cái gì là tốt, là xấu, là đáng yêu, đáng ghét. Trước khi trở thành những tiêu chuẩn giá trị chung được cộng đồng, xã hội công nhận, các giá trị này là sự trải nghiệm cá nhân của mỗi con người, là sự đánh giá có tính chất cá nhân. Bởi vậy giáo dục giá trị không phải là cung cấp cho học sinh một bảng giá trị để các em noi theo, căn cứ vào đó sửa mình mà trước hết phải xem mỗi học sinh là một cá nhân, một chủ thể có quyền đánh giá, nhìn nhận con người, sự việc theo cách của mình. Cách đánh giá ấy đúng hay sai, phù hợp hay không phù hợp cần được điều chỉnh không phải thông qua mệnh lệnh hay những chỉ dẫn có tính chất giáo huấn mà thông qua đối thoại, giao lưu giữa thầy trò, giữa những người cùng học. Các giá trị sẽ được hình thành từ đây. Nói cách khác, yêu cầu đầu tiên của giáo dục giá trị là *tôn trọng tính cá nhân* của học sinh và đề cao chức năng giao tiếp trong hoạt động giáo dục. Đó là một nền *văn hóa học đường* mới. Văn hóa giáo dục này chỉ có thể được phát huy trên nền tảng tư tưởng nhân văn xem con người không phái như công cụ, tồn tại vì một sứ mạng cao cả nào đó mà như chủ nhân của mình, chủ thể của lịch sử.

Một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất của giáo dục giá trị là làm sao *biến bảng giá trị cá nhân thành giá trị của mỗi cá nhân*. Ở đây có hai quá trình gắn chặt với nhau: một mặt là nhận thức của học sinh về tầm quan trọng của các giá trị, thấy được ý nghĩa của các giá trị và mặt khác là có được những phẩm chất giá trị ấy, thể hiện trong hành động, lối sống của mình. Để làm được điều này, các nhà tâm lý học văn hóa đặc biệt lưu ý đến cách tiếp cận văn

hóa đối với giáo dục mà một trong những vấn đề cốt lõi là xem "giáo dục như sự hiện diện chính yếu đời sống của văn hóa, chứ không phải là sự chuẩn bị cho văn hóa"[1]. Nhà trường cần được quan niệm như một cộng đồng nhỏ (subcommunity) của những thành viên học với nhau, học lẫn nhau và cùng nhau thực hiện những hoạt động mà từ đó có thể nảy sinh ý thức về giá trị, có thể hình thành ở mỗi thành viên tham gia những phẩm chất giá trị giống như chúng đã được hình thành trong văn hóa của cộng đồng lớn. Nhà trường cần phải là một cộng đồng văn hóa , chứ không phải là nơi chuẩn bị, trang bị cho học sinh kiến thức để bước vào cuộc sống, vào văn hóa. Nếu cộng đồng này không phải là cộng đồng văn hóa thì những thành viên của nó khó trở thành người có văn hóa, khó được đào luyện để có được những phẩm chất giá trị mong muốn. Đối với mỗi người học sinh, giá trị không phải là cái được làm sẵn và chỉ cần tiếp thu mà là cái do chính chúng tự làm ra, tự trải nghiệm trong quá trình quan sát, giao lưu trong cộng đồng văn hóa của mình. Cần làm sao để mọi nhân tố , mọi hoạt động của nhà trường mà học sinh là người tham gia, người chứng kiến phải mang tính văn hóa, phải chứa đựng những giá trị như những giá trị mà chúng ta mong muốn học sinh phải có. Một trường học không *trung thực*, chạy theo thành tích, một nhà trường mà các thầy giáo không hợp tác với nhau và không *yêu thương, tôn trọng* học sinh thì khó mà mong học sinh của mình có được những giá trị tương tự.

Trong việc biến bảng giá trị chung thành nhưng giá trị của cá nhân, vai trò của *nghệ thuật*, của *các môn* học mang tính "tự sự" (narrative) như kịch, văn học, âm nhạc, lịch sử rất quan trọng. Tác phẩm nghệ thuật tạo ra một thế giới đậm đặc chất giá trị. Không ở đâu những vấn đề chân, thiện, mỹ lại hiện ra tập trung và gay cấn, hấp dẫn như trong nghệ thuật. Giá trị là vấn đề đánh giá, trước hết không phải là đánh giá bằng lý trí mà bằng tình cảm, thái độ. Nghệ thuật là lĩnh vực của tình cảm. Trải nghiệm những tình huống, những cảm xúc giá trị trong tác phẩm nghệ thuật là con đường ngắn nhất để trẻ em trải nghiệm lại sự hình thành của một chân lý,

1. Bruner J., *The Culture of Education, Harvard University Press,* USA, 1966, tr.13.

một giá trị, thấm thía với nó, từ đó biến một giá trị chung thành giá trị của bản thân mình, ban đầu là trong nhận thức và sau đó sẽ là trong hành động. Nghệ thuật cũng là một hoạt động giao tiếp, thậm chí là "hình thức cao nhất của hoạt động giao tiếp"[1]. Giao tiếp với nhà văn, với nhân vật trong thế giới ảo bổ sung cho giao tiếp bị giới hạn trong đời sống, làm phong phú thêm kinh nghiệm giá trị của người đọc, người xem.Tiếp xúc với văn học, sân khấu, điện ảnh giúp giải quyết một trong những điểm khó nhất trong việc biến một tiêu chuẩn giá trị chung thành giá trị của cá nhân là làm sao để giá trị ấy được cảm nhận từ bên trong chứ không phải từ bên ngoài, từ cá nhân như người trong cuộc chứ không phải người đứng ngoài. Ở tư thế người đứng ngoài, mọi giá trị chỉ là lý thuyết, sự giáo huấn, khuyên bảo. Chỉ khi tham gia vào sự kiện, ở vào vị trí người khác, giá trị mới được trải nghiệm, mới thành của mình, ít nhất là trong nhận thức, trong tình cảm.

Trong thời đại của công nghệ thông tin,trong thế giới ngày một "phẳng", nghệ thuật càng cần hơn bao giờ hết; đặc biệt cho đời sống tinh thần con người, cho sự hình thành ý thức giá trị ở thế hệ trẻ.

7. Giáo dục giá trị được hiểu như rèn luyện và bồi dưỡng học sinh theo những tiêu chuẩn giá trị nhất định và làm sao để những tiêu chuẩn trong bảng giá trị ấy biến thành giá trị cá nhân của mỗi người học, thực sự là một nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết, nhất là trong hoàn cảnh xã hội đang có sự xuống cấp đáng báo động về văn hóa và đạo đức như hiện nay.

Tuy nhiên, ở đây có hai điều cần lưu ý: Thứ nhất, những tiêu chuẩn về hệ giá trị cá nhân nêu ở trên đều thuộc phạm trù đạo đức. Nhưng đạo đức không phải là lĩnh vực duy nhất mang tính giá trị. Ý thức giá trị tức cách tiếp cận giá trị của con người với thế giới dù tập trung rõ rệt nhất trong đạo đức còn thể hiện trong các lĩnh vực khác như chính trị, tôn giáo, thẩm mỹ, pháp luật. Việc giáo dục các giá trị đạo đức cá nhân liên quan đến cả quan điểm chính trị, niềm tin tôn giáo, thị hiếu thẩm mỹ và những đặc điểm về nhân sinh quan và thế giới quan của cá nhân. Bởi vậy bên cạnh việc

1. Richards I.A, Principles of Literary*, University Book Stall,* New Delhi, 1994, tr.16.

hình thành hệ giá trị (đạo đức) cá nhân, cần bồi dưỡng cho học sinh những quan điểm chính trị tiến bộ, những niềm tintôn giáo lành mạnh, tình yêu cái đẹp và thị hiếu thẩm mỹ phong phú[1].

Thứ hai, hệ giá trị theo nghĩa hẹp là một bảng giá trị, còn theo nghĩa rộng là một cách tiếp cận – tiếp cận nhân cách về phương diện giá trị. Nghiên cứu giáo dục nhân cách theo quan điểm giá trị, bởi vậy, rộng hơn việc tìm cách xác định một bảng giá trị cá nhân. Giáo dục ý thức giá trị của cá nhân học sinh vì thế cũng không bó hẹp chỉ trong việc cung cấp những tiêu chuẩn giá trị tương tự như việc phổ biến tiêu chuẩn "Năm điều Bác dạy" hay "Đoàn viên bốn tốt". Ý thức giá trị rộng hơn, phong phú hơn, đòi hỏi cách giáo dục đa dạng và sinh động hơn.

Cuối cùng, cũng cần nói thêm rằng, do thực trạng và những bức xúc về sự xuống cấp đạo đức và văn hóa trong xã hội hiện nay, việc đề cao giáo dục giá trị trong trường phổ thông là rất cần thiết. Tuy nhiên, đây cũng không phải là vấn đề hoàn toàn mới. Lâu nay ở nước ta, giáo dục phẩm chất đạo đức, tư tưởng cho học sinh luôn luôn được đề cao. Vấn đề đặt ra là ở quan niệm về *nội dung bảng giá trị* và *phương pháp giáo dục*. Đồng thời cũng cần lưu ý rằng giáo dục giá trị tuy hết sức quan trọng nhưng không phải là mục tiêu duy nhất của nhiệm vụ hình thành nhân cách trong hệ thống giáo dục phổ thông. Bên cạnh giáo dục giá trị, việc nâng cao trình độ nắm vững tri thức, đặc biệt là phát triển kỹ năng đều là những mục tiêu giáo dục của nhà trường. Cùng với ý thức giá trị, năng lực thực hiện, khả năng biết làm, tức *kỹ năng* đang là những khâu yếu nhất trong giáo dục phổ thông nước ta hiện nay.

L.N.T

1. Gần đây trong Chương trình cải cách của Nga, người ta đã đưa các môn *"Văn hóa tôn giáo Nga" và "Văn hóa tôn giáo của các dân tộc trên thế giới"* vào dạy ở trường phổ thông.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG - ĐỊNH HƯỚNG, THÁCH THỨC, MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Trần Thị An*

1. Những vấn đề chung

1.1. Khái niệm

1.1.1. Giá trị

Giá trị là một khái niệm được các nhà khoa học xã hội quan tâm và định nghĩa theo nhiều khía cạnh khác nhau. Trong công trình *Hệ giá trị gia đình Việt Nam,* Lê Ngọc Văn đã điểm các quan điểm khác nhau về thuật ngữ này, theo đó, giá trị có thể được hiểu là những cái "có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục" (Joseph H. Fichter), hoặc là "điều mong muốn" ảnh hưởng tới việc lựa chọn phương thức hành động (C. Kluckhohn), hoặc là "cái quan trọng, đáng giá, đáng ao ước trong phạm vi một nền văn hóa" (Anthony Giddens), hoặc là "quan niệm về đúng-sai, tốt-xấu trong một nền văn hóa" (Richard T. Shaefer). Các cách nhìn trên, chung quy lại đều cho rằng, "giá trị" là những gì được coi là cái tốt đẹp, đúng đắn, đáng mong muốn; chúng được thừa nhận bởi cộng đồng trong phạm vi của từng nền văn hóa cụ thể; chúng chi phối cách lựa chọn phương thức hành động trong cuộc sống[1].

Trong *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại và con đường đến tương lai* (2016), Trần Ngọc Thêm đã điểm các

* Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Lê Ngọc Văn (2016), *Hệ giá trị gia đình Việt Nam,* Nxb. KHXH., Hà Nội, tr. 20

xu hướng định nghĩa về "giá trị" và chỉ ra 4 xu hướng: đồng nhất giá trị với khách thể (có giá trị), coi giá trị thuộc về việc định giá của chủ thể (có giá), coi giá trị nằm trong quan hệ giữa chủ thể và khách thể, coi giá trị là một thế giới độc lập tách rời các sự kiện. Ông đưa ra định nghĩa về giá trị bằng cách kết hợp các xu hướng định nghĩa trên, cụ thể như sau: "Giá trị là tính chất của khách thể, được chủ thể đánh giá là tích cực xét trong so sánh với các khách thể khác cùng loại trong một bối cảnh không gian – thời gian cụ thể"[1].

1.1.2. Giá trị học

Với tính chất quan trọng là các yếu tố được cộng đồng hướng đến, vun đắp, xây dựng; và quay trở lại, có tác động sâu xa đến đời sống cộng đồng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, giá trị dần dần đã trở thành đối tượng của một ngành khoa học, ngành giá trị học (hoặc khoa học về giá trị).

Nhìn từ cấu trúc, R. Hartman (1910 - 1973) đã đề xuất 3 chiều kích của giá trị để đi đến các thước đo giá trị gồm: *nội tại* (intrinsic goods, các giá trị đặc thù, mang tính tự thân của chủ thể), *ngoại tại* (extrinsic goods, giá trị thực tiễn của một vật, hành động được cảm nhận và đánh giá qua người khác) và *hệ thống* (systemic goods, giá trị được chấp nhận bởi cộng đồng)[2].

Nhìn từ cấu trúc của khoa học về giá trị, các nhà nghiên cứu đã đề xuất nghiên cứu 4 chiều cạnh: hệ giá trị, thang giá trị, thước đo giá trị và định hướng giá trị[3]. Quan sát việc nghiên cứu giá trị học có thể thấy, ở Việt Nam, việc nghiên cứu về giá trị mới được chú ý trong vài thập niên gần đây. Công trình khởi động về giá trị học có thể nhắc đến chương trình khoa học cấp Quốc gia (giai đoạn 2007-2012) do Giáo sư Phan Huy Lê chủ biên: *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay,* với 3 Tập được xuất

1. Trần Ngọc Thêm (2017), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện tại và con đường đến tương lai,* Nxb. Văn hóa Văn nghệ, Tp HCM, tr. 37-39

2. Robert S. Hartman & Weiss, Paul (1967), *The Structure of Value: Foundations of Scientific Axiology,* Illinois University Press).

3. Phạm Minh Hạc (2010), *Giá trị học, cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay,* Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.27

bản trong khuôn khổ Chương trình: Tập I:1994, Tập II: 1996, Tập III:1997. Đến thế kỷ XXI, đã có nhiều công trình nghiên cứu giá trị học được công bố, cụ thể: "Những giá trị của lễ hội cổ truyền trong đời sống xã hội hiện nay" (Ngô Đức Thịnh, 2001), *Về giá trị và giá trị châu Á* (Hồ Sĩ Quý (2006), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam* (Ngô Đức Thịnh, 2010), "Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay" (Lương Đình Hải (2015), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai* (Trần Ngọc Thêm (2016), *Phát huy giá trị văn hóa của gia đình, dòng họ* (2013, Võ Hồng Hải)…

Các công trình nghiên cứu trên đã chỉ ra các khía cạnh tính chất của giá trị như: tính lịch sử (hình thành trong thời gian), tính bản sắc (nét độc đáo của từng cộng đồng), tính quan phương (phù hợp với quan điểm chính trị, thể hiện trong đường lối giáo dục), tính biến đổi (để ứng hợp với xã hội đương đại).

1.2. Lý thuyết:

1.2.1. Lý thuyết về giá trị

Như đã nói ở trên, "giá trị" là một phạm trù vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính khách quan; được thể hiện ở các chiều cạnh niềm tin, chuẩn mực, thái độ, hành vi mà xuyên suốt tất cả, nó có tính định hướng, tính điều chỉnh các mô thức ứng xử của con người đối với tự nhiên, đối với cộng đồng. "Giá trị" được hình thành bởi 3 chiều cạnh: không gian (thực tiễn của các không gian sống, thực tiễn của phong tục và các định chế xã hội), thời gian (các giai đoạn, thời kỳ lịch sử), chủ thể (con người trong các bối cảnh không-thời gian cụ thể); được chưng cất và tích lũy qua thời gian và trở thành truyền thống. Tuy nhiên, do các chiều cạnh không gian, thời gian, chủ thể là không bất biến nên các giá trị truyền thống cũng dần dần thay đổi; và sự thay đổi này đặc biệt mau lẹ khi có sự tăng tốc của của các biến chuyển khách quan của kinh tế, xã hội và sự thay đổi chủ quan của con người.

Có thể quan sát vấn đề này từ góc độ lý thuyết ở các công trình nghiên cứu tổng quan về giá trị trên phạm vi toàn cầu.

Với mục đích nhìn nhận một cách khách quan sự thay đổi của hệ giá trị của các cộng đồng thuộc các nền văn hóa khác nhau

trên thế giới nhằm hướng đến sự thông hiểu để rút ngắn khoảng cách giữa các cộng đồng, các thế hệ, các giai tầng…trong một thế giới đang được toàn cầu hóa, một nhóm các nhà khoa học đã tiến hành *Khảo sát giá trị thế giới* (World Value Survey). Hoạt động này được bắt đầu từ năm 1981 trên phạm vi đối tượng là các nước châu Âu, với mục tiêu là nghiên cứu giá trị châu Âu (European Values Study) được thực hiện bởi các nhà khoa học người Đức là Jan Kerkhofs (The Catholic University of Leuven, Belgium) và Ruud de Moor (Tilburg University, Hà Lan). Hoạt động khảo sát này được Ronald Inglehart và các đồng nghiệp ở Hoa Kỳ tiếp tục và mở rộng phạm vi điều tra trên toàn thế giới; từ đó, Hiệp hội Khảo sát giá trị thế giới (World Values Survey Association, gọi tắt là WVSA) được thành lập. Cho đến nay, đã có 6 lần khảo sát; các kết quả được công bố trên mạng internet, đã cung cấp các chỉ số đáng được quan tâm đối với các nghiên cứu khoa học xã hội. Hiện nay, thế giới đang tiến hành cuộc khảo sát lần thứ 7[1]. Căn cứ vào số liệu tổng thể của các cuộc khảo sát (*Cuộc khảo sát thứ nhất từ 1981-1984, tại 20 quốc gia, có 25 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ hai từ 1990-1994, tại 42 quốc gia, có 61 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ ba từ 1995-1998, tại 52 quốc gia, có 75 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ tư từ 1999-2004, tại 67 quốc gia, có 96 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ năm từ 2005-2009, tại 54 quốc gia, có 77 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ sáu từ 2010-2014, tại 60 quốc gia, có 85 nghìn người trả lời; Cuộc khảo sát thứ bảy từ 2015-2019 đang được tiến hành tại 60 quốc gia*)[2], có thể thấy, quy mô và sự quan tâm của các quốc gia về phạm trù "giá trị" ngày càng tăng.

Từ kết quả của các cuộc khảo sát và kết quả nghiên cứu về sự chuyển đổi văn hóa-kinh tế-xã hội, Ronald Inglehart và *Chris Welzel đã xây dựng Bản đồ văn hóa thế giới (Cultural Map of the World*). Trên cơ sở tổng kết về hai bước chuyển của lịch sử nhân loại có liên quan mật thiết đến quan niệm về giá trị gồm: i) chuyển từ xã hội nông nghiệp đến công nghiệp (với việc "tích lũy kinh

1. Nguồn: http://www.worldvaluessurvey.org/WVSContents.jsp.

2. Nguồn: http://www.worldsocialscience.org và http://www.worldvaluessurvey.org/WVSContents.jsp.

tế" ở cấp độ cá nhân và "tăng trưởng kinh tế" ở cấp độ xã hội); ii) chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội hậu công nghiệp (từ việc trao ưu tiên hàng đầu cho an toàn kinh tế và thể chất sang trao ưu tiên hàng đầu cho sự tự thể hiện và chất lượng sống), Ronald Inglehart và đồng nghiệp đã thiết kế biểu đồ dựa trên 2 cặp biến đổi của giá trị: "giá trị truyền thống và thế tục-hợp lí" và "giá trị tồn tại và tự thể hiện"[1]. Trong biểu đồ này, *trục tung* biểu thị sự chuyển đổi từ giá trị truyền thống sang giá trị hợp lý của đời sống (traditional versus secular-rational values on the vertical), *trục hoành* biểu thị sự chuyển đổi từ giá trị tồn tại sang giá trị tự thể hiện bản thân (survival versus self-expression valueon the horizontal)[2].

Cụ thể, trong quan niệm của Ronald Inglehart và đồng nghiệp, *giá trị truyền thống* nhấn mạnh tính quan trọng của tôn giáo, mối liên kết giữa cha mẹ - con cái, sự kính trọng chính quyền và sự tôn trọng các giá trị gia đình; người tuân theo các giá trị truyền thống thì không chấp nhận việc ly hôn, phá thai, trợ tử và tự tử; các xã hội tôn trọng giá trị truyền thống thường thể hiện mức độ cao của lòng tự hào dân tộc và có những quan điểm thể hiện chủ nghĩa dân tộc. *Giá trị thế tục-hợp lý* mang những ưu tiên *đối nghịch với giá trị truyền thống; những xã hội này ít lệ thuộc vào tôn giáo, giá trị gia đình truyền thống và chính quyền.* Ly hôn, phá thai, trợ tử và tự tử là những hiện tượng về cơ bản được chấp nhận. Những *giá trị giúp con người tồn tại* nhấn mạnh tính an toàn về thể chất và kinh tế. Nó liên kết với các quan điểm dân tộc học tương đối và mức độ thấp của niềm tin và tính khoan dung, trong khi đó, *Giá trị tự thể hiện bản thân* đặc biệt ưu tiên việc bảo vệ môi trường, sự khoan dung đối với người ngoài, người đồng tính và bình đẳng giới, đề cao nhu cầu ngày càng gia tăng được tham gia vào những quyết định về chính trị và kinh tế[3].

Trong biểu đồ này, ta có thể thấy, các chiều biến đổi giá trị

1. Dẫn theo Johannes Han-Yin Chang (2010), "The values of Singapore's youth and their parents", *Journal of Sociology*, 2010, The Australian Sociological Association, Volume 46(2): pp. 149-168 DOI: 10.1177/14407833.

2. Nguồn: http://www.worldvaluessurvey.org

3. Nguồn: http://www.worldvaluessurvey.org

được tổng kết từ số liệu toàn cầu mà R. Inglehart chỉ ra đều đang hiện hữu với những đòi hỏi quyết liệt được thể hiện trong lứa tuổi trên ghế nhà trường ở Việt Nam: các giá trị được coi là hợp lý của đời sống hiện tồn đang lấn lướt các chuẩn mực giá trị truyền thống, các giá trị thể hiện sự đa dạng/tính tự do, dân chủ đang đối thoại và lấn lướt những giá trị vốn được coi là cần thiết cho sự sống còn đang bị xem là bảo thủ, lạc hậu. Theo đó, trạng thái sống của mỗi một con người trong xã hội đương đại (cả thế giới và Việt Nam) luôn đi kèm với sự thể hiện giá trị cá nhân, đặc biệt đối với lớp trẻ đang trên ghế nhà trường, việc thể hiện giá trị, bản sắc cá nhân đang trở thành vấn đề sống còn đối với sự tồn tại của mỗi một cá thể. Các chiều biến thiên giá trị được biểu diễn trong biểu đồ trên cũng ứng hợp với sự thay đổi kinh tế và biến đổi văn hóa với tốc độ nhanh trong những thập niên cuối thế kỷ XX và đặc biệt là hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

1.2.2. Lý thuyết về biến đổi văn hóa

Cũng như biến đổi xã hội, biến đổi văn hóa là một tập hợp lý thuyết, trong đó có thể kể đến lý thuyết "tiến hóa văn hóa" ("cultural evolution", Edward Burnett Tylor: 1832-1917, Lewis Henry Morgan: 1818-1881 và nhiều học giả khác), "truyền bá văn hóa" ("diffusion", William James Perry: 1887-1949 và Grafton Elliot Smith: 1871-1937), "chu kỳ văn hóa" (trong "social cycle", Pitirim Alexandrovich Sorokin: 1889-1968), "tân tiến hóa" ("neoevolutionism", Leslie White: 1900-1975), "sáng tạo truyền thống("invented traditions", Eric Hobsbawm: 1917-2012 và Terence Ranger: 1929-2015)…Trong các lý thuyết trên, dù cách lý giải về nguyên nhân biến đổi văn hóa có thể khác nhau (do tiến hóa, do truyền bá), cách thức thể hiện biến đổi có khác nhau (theo các nấc thang tiến hóa, là sự lặp lại theo chu kỳ hoặc tái tạo), nhưng các lý thuyết gia về biến đổi văn hóa đã nhìn nhận văn hóa là một dòng chảy bất tận, luôn luôn biến đổi, theo những biến đổi của lịch sử, xã hội và con người không đơn giản chỉ là tiến hóa luận đơn thuần mà theo các biến động nội tại của từng nền văn hóa.

2. Những thách thức đối với việc giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay

Là một trong ba nội dung (giáo dục tri thức, giáo dục kỹ năng hoạt động, giáo dục giá trị) cơ bản của giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giáo dục giá trị chắc chắn phải chịu sự tác động của các quan niệm về giá trị, các biến đổi xã hội và biến đổi văn hóa. Phần viết này cố gắng chỉ ra những thách thức mà giáo dục giá trị trong nhà trường (cũng như gia đình, xã hội) đang phải đối mặt.

2.1. Xã hội Việt Nam trong bước ngoặt chuyển đổi hiện nay

Bước ngoặt chuyển đổi là hiện tượng xảy ra trên phạm vi toàn cầu, tùy vào từng điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội mà mỗi quốc gia có những thời điểm chuyển đổi khác nhau nhưng đều có một tính chất chung là có sự thay đổi mạnh mẽ, thậm chí là đảo ngược, tính chất của xã hội, và kéo theo nó hoặc tương tác với nó là các biến đổi về văn hóa. Trong lịch sử Việt Nam, sự chuyển đổi đương nhiên đã diễn ra ở nhiều khúc quanh lịch sử; ở thời điểm hiện nay, xã hội Việt Nam cũng đang ở một bước ngoặt thay đổi. Thời đoạn của khúc quanh này được nhận định là gần hai thập niên cuối của thế kỷ XX (tính từ Đổi mới) và hai thế kỷ đầu thế kỷ XXI; 3 yếu tố tác động đến sự thay đổi gồm: *i) kinh tế thị trường, ii) toàn cầu hóa,* và *iii) cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*

Nhân tố thứ nhất, tác động của kinh tế thị trường, đã được nhiều nhà nghiên cứu nói đến, tuy nhiên, mức độ nghiêm trọng của nó tới thay đổi xã hội chưa được đánh giá đồng đều ở các nghiên cứu. Trong một bài viết năm 1992, Huyền Giang cho rằng, 2 sự kiện lịch sử: độc lập dân tộc (1945) và thống nhất đất nước (1975) là "những sự kiện lớn lao, là những cái mốc không thể phủ nhận" nhưng chỉ lấy nó làm căn cứ để đánh giá sự biến đổi của một nền văn hóa là không đủ bởi trước và sau 2-9-1945 và 30-4-1975, chủ thể văn hóa cũng như đời sống kinh tế, xã hội không có thay đổi đáng kể. Ông nhận định, cái mốc để nền văn hóa cũ (truyền thống) chuyển sang nền văn hóa mới (đương đại) chính là thập niên 80-90 của thế kỷ XX, "bởi vì đến lúc này, xã hội Việt Nam

mới thực sự có những chuyển biến về chất trong tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội và cá nhân, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa"[1]. Về tác động này, Hồ Sĩ Quý cho rằng: trong thập niên đầu thế kỷ XXI, xã hội Việt Nam chứng kiến sự chuyển động khó lường bởi tính bề bộn của kinh tế thị trường ("nhiều dạng hoạt động của kinh tế thị trường đã định hình và phát triển, song cũng còn một số hình thức chỉ mới đang hình thành hoặc còn rất sơ khai. Thị trường thực sự văn minh thì đang rất thiếu, nhưng những hiện tượng không lành mạnh, tiêu cực, thậm chí maphia tồn tại đây đó trong các nền kinh tế bên ngoài thì đã thấy có mặt ở Việt Nam")[2] và đây là một tác nhân quan trọng đặt ra các vấn đề xã hội Việt Nam.

Nhân tố thứ hai: tác động của toàn cầu hóa. Không khó để nhận ra tác động của toàn cầu hóa đến xã hội Việt Nam trong vài thập niên cuối thế kỷ XX và 2 thập niên đầu thế kỷ XXI. Trong một nghiên cứu công bố năm 2007, Hồ Sĩ Quý cho rằng, cùng với tác động của kinh tế thị trường, ảnh hưởng mạnh của toàn cầu hóa khiến cho xã hội Việt Nam trong thập niên đầu thế kỷ XXI "vẫn bị coi là chưa kết thúc giai đoạn *chuyển đổi"*. Ở đó, tính phong phú nhưng non yếu và bất cập ở phương diện tư tưởng-lý luận và các đối cực trong tâm thế phát triển đã tạo nên "hệ thống những hiện tượng và quan hệ văn hóa - xã hội đa dạng, đa chiều và năng động, đủ để nuôi dưỡng mọi ý tưởng tốt đẹp, khích lệ mọi lợi thế trong phát kiến, sáng tạo, nhưng cũng đủ thách thức và cám dỗ khiến cho bất cứ cá nhân, gia đình, cộng đồng nào cũng cũng phải cảnh giác trước nguy cơ lạc lối hoặc sai lầm".[3]

Nhân tố thứ ba: cách mạng công nghệ lần thứ 4. Với đặc điểm là sự kết hợp một cách sâu rộng các lĩnh vực khoa học công nghệ (vật lý, kỹ thuật số, sinh học), cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tưởng còn xa xôi nhưng đã có những tác động mạnh và tức thì tới con người, văn hóa và xã hội Việt Nam, cụ thể là: a) Khả năng dường như vô tận của internet đang ráo riết kết nối thực và ảo,

1. Huyền Giang, 2017. *Bàn về văn hóa,* Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, Tr.220

2. Hồ Sĩ Quý (2007), "Về môi trường văn hóa và môi trường văn hóa Việt Nam", *Tạp chí Triết học,* Hà Nội, số 3 (190), 3-2007

3. Hồ Sĩ Quý (2007), bài đã dẫn.

kết nối-tích hợp-xử lý thông tin *tạo nên một thế giới phẳng* khiến lối sống, cảm xúc, ứng xử, hệ giá trị của con người và đặc biệt là sự duy trì các quan hệ xã hội thực sự bị đảo lộn; b) Trí tuệ nhân tạo và tự động hóa một mặt, đang giúp cho người tiêu dùng được hưởng lợi nhưng mặt khác, đang *tạo nên một thế giới công nghệ*, mà trong đó, con người có nguy cơ trở thành các công cụ lệ thuộc sâu sắc vào công nghệ.

Dưới tác động của các cú hích mạnh này, xã hội Việt Nam đã diễn ra những thay đổi sâu sắc về chất, và từ đây, các biểu hiện của đời sống văn hóa, kéo theo nó, các quan niệm về giá trị cũng thay đổi mạnh mẽ.

2.2. Sự đứt gãy văn hóa truyền thống

Trong bối cảnh chuyển đổi, sự đứt gãy văn hóa truyền thống là một thực tại hiện hữu. Sự đứt gãy này được thể hiện ra ở nhiều khía cạnh như sự phai nhạt các thực hành truyền thống, sự đan xen một cách khá hỗn loạn cái mới cái cũ, và đặc biệt nhất là tình trạng loạn chuẩn giá trị. Trong phần này, chúng tôi xin tập trung bàn về sự loạn chuẩn giá trị và hệ lụy của nó đối với việc giáo dục giá trị trong các môi trường giáo dục ở Việt Nam.

Thoát thai từ một nền kinh tế bao cấp, xã hội Việt Nam bước vào kinh tế thị trường một cách đầy bỡ ngỡ nhưng những thay đổi thì ập đến một cách chóng vánh khiến cho văn hóa và con người Việt Nam không kịp thích ứng, và từ đó, những bối rối ở tầm vi mô và vĩ mô diễn ra khó kiểm soát kịp thời. Không khó để nhận ra những thay đổi và sự rối ren trong ứng xử của con người Việt Nam về sự thay đổi đột ngột hệ giá trị. Ở đây, chúng tôi chỉ tập trung vào giá trị của hai mối quan hệ cha mẹ - con cái (trong môi trường giáo dục gia đình) và thầy – trò (trong môi trường giáo dục nhà trường).

Từ góc độ các giá trị trong mối quan hệ cha mẹ - con cái

Trong một bài viết năm 2016[1], tôi đã so sánh thang đo của quan hệ cha mẹ - con cái, và chỉ ra những thay đổi, vênh lệch của thang đo này ở hai giai đoạn. Trong gia đình truyền thống (tạm

1. Trần Thị An (2016), "Giá trị mối quan hệ gia đình Việt Nam – nghiên cứu bước đầu từ góc nhìn lý thuyết và thang đo", Tạp chí *Nghiên cứu con người,* số 6/2016, tr. 17-32

xác định là giai đoạn trước 1986), có sự phụ thuộc cao của con cái vào cha mẹ, sự áp đặt của cha mẹ đối với con cái. Mặc dù luật có khi đã có một số điều chỉnh để mối quan hệ này đỡ hà khắc[1] nhưng mối quan hệ một chiều từ phía cha mẹ là thực trạng điển hình làm nên định hướng giá trị trong mối quan hệ này. Bảng giá trị cha mẹ-con cái trong gia đình truyền thống vì thế là: *chữ hiếu (từ phía con), nôi dưỡng (từ phía cha mẹ), gắn kết (từ hai phía)*. Tuy nhiên, gia đình công nghiệp hóa và hậu công nghiệp đang chứng kiến một tình trạng suy giảm đạo đức khá trầm trọng ở cả hai chiều cha mẹ->con cái và con cái->cha mẹ: *sự quan tâm* (cha mẹ không dành thời gian cho con cái và con cái thiếu quan tâm tinh thần và vật chất đối với cha mẹ), *tính trách nhiệm* (cha mẹ thiếu trách nhiệm với sự phát triển và sự hoàn thiện nhân cách của con cái; con cái thiếu trách nhiệm đối với sức khỏe, tình cảm và điều kiện sống của cha mẹ), *sự hy sinh* (nếu có thì chủ yếu là một chiều từ cha mẹ, thiếu chiều ngược lại), *hiếu nghĩa* (thiếu trầm trọng từ phía con cái), *sự kính trọng và tình cảm thiêng liêng* như một mặc định trong gia đình truyền thống đã bị xóa nhòa trong gia đình hiện đại. Thực trạng này ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đối với việc giáo dục nói chung, giáo dục giá trị nói riêng trong môi trường gia đình.

Từ góc độ giá trị mối quan hệ thầy – trò

Cũng như các môi trường gia đình, xã hội nói chung, giáo dục Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của các thang đo giá trị từ quan niệm Nho giáo. Theo đó, mối quan hệ thầy – trò được khẳng định là: *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* (Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy). Tục ngữ, ca dao Việt Nam, với tất cả sự tự do của tác giả dân gian cũng đã thể hiện tình cảm đối với thầy cô chất chứa sự hàm ơn: *Không thầy đố mày làm nên,* và trọng thầy đã trở thành một phong tục: *Một một Tết cha, mùng hai Tết mẹ, mùng ba Tết thầy.* Trong xã hội mà quan niệm Nho giáo được coi là rường cột thì việc phân loại các hạng người của Nho giáo (*sĩ, nông, công, thương*)đã trở thành một mặc định trong hàng nghìn năm (và đến

1. Điều 288 Luật Gia Long quy định cha đánh chết con bị phạt 100 trượng; còn theo phong tục thì cha có quyền bắt con ở thuê nhưng khi con đã kết hôn, cha không có quyền quản lý tài sản (trừ con trưởng phải sống chung với cha).

nay cũng chưa hẳn là đã hết), thì tục ngữ, ca dao cũng đã có các câu thể hiện niềm cung kính đối với thầy và với việc học: *Một kho vàng không bằng một nang chữ, Trọng thầy mới được làm thầy, Muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy, Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy, Nghĩ sao cho bõ những ngày ước ao.* Mặc dù bên cạnh sự ngợi ca, niềm cung kính đối với người thầy, tục ngữ Việt Nam có câu *Học thầy không tày học bạn;* nhưng có thể nói, các câu ca ngợi vai trò tuyệt đối của người thầy trong hoạt động dạy học và sự tuân phục tuyệt đối người thầy chiếm số lượng áp đảo. Trong xã hội truyền thống (trước 1986), người thầy đã trở thành một biểu tượng của các chuẩn mực đạo đức, được xã hội kính trọng và nể phục.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, cùng với truyền thông đa phương tiện mà ở đó, người học có thể tự tìm kiếm thông tin một cách chủ động; cùng với việc đổi mới phương pháp dạy học mà ở đó, người học đang dần chuyển thành vị trí trung tâm trong hoạt động dạy học, tính tuyệt đối của vai trò người thầy đang dần dần thay đổi. Bên cạnh đó, một số biểu hiện tiêu cực về đạo đức người thầy (bạo lực/vô cảm với học sinh, thiếu trung thực trong đời sống và nghề nghiệp, thiếu thực chất trong việc chạy theo các danh hiệu hình thức…) đang là thực trạng không thể qua mắt học trò, không thể che dấu đối với truyền thông và xã hội đang làm mất dần hình ảnh người thầy với tư cách là biểu tượng của tính chuẩn mực đáng kính trong xã hội. Không còn là biểu tượng quyền uy của hoạt động dạy học, người thầy chắc chắn phải thay đổi bản thân trong cách thức ứng xử với học trò; bên cạnh đó, không còn là đại diện mặc định của biểu tượng giá trị, người thầy sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giáo dục giá trị. Đó là những đứt gãy với văn hóa giáo dục truyền thống, tồn tại như những thách thức mà không phải người thầy nào cũng ý thức và vượt qua.

2.3. Một số bất cập trong giáo dục giá trị ở cấp học phổ thông

2.3.1. Tiên học lễ hậu học văn

Chưa có khảo sát cụ thể nhưng hiện có rất nhiều trường treo khẩu hiệu này. Về nội dung và ý nghĩa của khẩu hiện, về giá trị

thực tiễn của việc treo khẩu hiệu, đã có nhiều ý kiến bàn luận[1]. Ở đây, tôi chỉ xin nói sự liên quan giữa khái niệm "Lễ" với việc giáo dục giá trị trong nhà trường. Xét từ các khía cạnh, quan điểm của tôi như sau: i) nội dung của khái niệm này, theo quan điểm của văn hóa Trung Hoa, mang nghĩa rất rộng (nếu lấy chữ Lễ trong Kinh Lễ thì thấy rằng, lễ là tiêu chí để phân biệt loài người với loài vật, Lễ quy định trật tự loài người, Lễ đề ra tiêu chí xây dựng đạo đức nhân loại, đề nghị xây dựng xã hội lý tưởng)[2]; ii) ý nghĩa của khái niệm "Lễ" và "Văn" đã thuộc về quan niệm của văn hóa Trung Hoa, không bao gồm được toàn bộ giá trị văn hóa Việt Nam; iii) những gì hay, đẹp trong nội dung của "Lễ" đã trở nên khá xa so với tâm thức, cảm nhận của học sinh hiện nay. Do đó, việc treo khẩu hiệu này cần có định hướng giá trị cụ thể cho giáo viên và giải thích kỹ càng cho học sinh. Tốt hơn cả là tìm ra các khẩu hiệu mang tính triết lý của từng trường (mà hiện nay đã có nhiều trường thực hiện) để vừa thể hiện bản sắc của từng ngôi trường, vừagần gũi trong chuẩn mực văn hóa truyền thống Việt Nam mà giáo dục Việt Nam đang hướng tới.

2.3.2. Bệnh hình thức: điểm số, phong trào, tính "diễn"

Trong hơn một thập niên gần đây, "bệnh hình thức trong giáo dục" đã trở thành một thực trạng phổ biến, quen thuộc và trở thành một cụm từ cố định quen tai. Bệnh hình thức trong giáo dục thể hiện ở nhiều khía cạnh: từ hồ sơ sổ sách, từ danh hiệu phong trào, từ điểm số ngất trời, chương trình giáo dục…đến các sự kiện như khai giảng, hội thi hay các hoạt động dạy học như dự giờ, giảng mẫu, đến các hoạt động thi cử như đề thi, ôn thi, bài làm, điểm chấm…

Trong tình trạng lỗi hệ thống là bệnh hình thức, việc giáo dục

1. Nguyễn Lân (1973), *"Có nên vận dụng phương châm "Tiên học lễ hậu học văn" trong việc giáo dục thế hệ trẻ của ta ngày nay không?",* Tạp chí *"Văn hóa nghệ thuật"* ở Hà Nội, số 31, tháng 7; Lại Nguyên Ân (2012), "Khẩu hiệu "Tiên học lễ…" nên chấm dứt", Nguồn: http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khau-hieu-tien-hoc-le-nen-cham-dut-81786.html; Tô Thanh Vân (2016), ""Có nên để khẩu hiệu "Tiên học Lễ, hậu học Văn" trong nhà trường nữa không?", Nguồn: http://giaoduc.net.vn/Van-hoa/Co-nen-de-khau-hieu-Tien-hoc-Le-hau-hoc-Van-trong-nha-truong-nua-khong-post168439.gd...

2. Kinh Lễ, Nguyễn Tôn Nhan giới thiệu và chú giải, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1999

các giá trị trung thực, việc nêu gương trở nên khó khăn và thực sự là bất khả thi.

2.3.3. Lệch lạc về mục đích học: tính thực dụng trong học tập

Trong khoảng 40 năm qua, đã có sự thay đổi chóng mặt về mục đích học trong nhận thức của phụ huynh và học sinh. Học để làm gì là một câu hỏi có tương đối chung một đáp án: học vì điểm số, để có hồ sơ đẹp nhằm đạt tới mục đích cụ thể (vào được trường tốt ở bậc học trên, ra trường dễ xin việc). Mục đích này như một người bẻ ghi, hướng tất cả đoàn tàu học đường đi đến các ga định sẵn, chung cho tất cả. Nhưng năng lực khác nhau, sự cố gắng khác nhau; vậy để đến những đích nhìn thấy, có thể sử dụng nhiều cách khác nhau. Đây là mấu chốt cho vấn nạn về tình trạng thực dụng trong dạy và học và tình trạng thiếu trung thực trong thi cử.

Tính thực dụng trong dạy và học có thể thật giản đơn ở việc dạy và học theo bài văn mẫu cho đến việc dạy thêm học thêm tràn lan, việc quay cóp trong thi cử, việc chạy điểm, việc sửa hồ sơ. Ở đây, tôi chỉ nói điều đơn giản là "văn mẫu". Khi viết văn, mỗi học sinh đối diện với chính mình. Ngay cả khi đối diện với chình mình mà hệ thống giáo dục cho phép dối trá, điều này sẽ làm nên một dấu hằn trong nhân cách học sinh từ tấm bé, và càng ngày càng sâu sắc, càng lắm biến tướng khi học sinh trưởng thành. Tính thực dụng qua điểm số là một vấn nạn khó giải.

Làm sao để điểm số (hay kết quả) tương xứng với thực chất, và ngay cả khi thực chất đi chăng nữa thì làm sao để xác định mục đích học không phải là điểm số? Câu hỏi không dễ trả lời.

2.4. Những hiển thị và khuất lấp của con người cá nhân học sinh

2.4.1. Diễn ngôn về "con ngoan trò giỏi"

Một cụm từ mặc định trong giáo dục phổ thông là "con ngoan, trò giỏi". Nói như vậy có nghĩa là: giáo dục gia đình hướng tới việc dạy dỗ những đứa trẻ ngoan ngoãn, và giáo dục nhà trường dạy học sinh thành những người giỏi về kiến thức. Nghe qua, cách diễn đạt gọn nhẹ này khá hợp lý. Tuy nhiên, nhìn sâu vào nó, thấy có nhiều vấn đề.

Về khái niệm "ngoan". Ngoan là gì? Loại trừ cách nói cổ (*Nước lã mà vã nên hồ, Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan*), nghĩa chính và được sử dụng hiện nay "ngoan" nghĩa là "nết na, dễ bảo, nghe lời". Trong thực tế, "ngoan" có nghĩa là sự vâng lời vô điều kiện, chỉ tình trạng không phản biện, không phản đối trước thái độ (hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ) đối với mình. Và như vậy, "con ngoan" dùng để chỉ đứa con vâng lời bố mẹ một cách vô điều kiện. Đồng nghĩa với "con ngoan" là việc ám chỉ tính đúng đắn, tính quyền uy của bố mẹ. Và trong truyền thống phương Đông ít khen ngợi con, trong quan niệm người Việt *Yêu cho roi cho vọt, Ghét cho ngọt cho bùi,* thực tế là ít đứa trẻ nhận được lời khen "ngoan" từ miệng bố mẹ mình. Vì vậy, trong khoảng hai thập niên lại nay, xuất hiện từ "con người ta" với hàm nghĩa so sánh, trong đó, con của người khác bao giờ cũng giỏi giang, ngoan ngoãn, đáng để noi theo; trong khi con mình là kém, là hư, là cần phải nỗ lực để "bằng người ta".

Đến đây có thể thấy "con ngoan" là một diễn ngôn lỗi thời, mang tính áp đặt, triệt tiêu phản biện, triệt tiêu tính tự tin, triệt tiêu bản sắc với mong muốn đúc con cái trong cái khuôn định sẵn của bố mẹ, thành ra một sản phẩm thiếu bản sắc, chỉ cần biết vâng lời.

Về khái niệm "trò giỏi"

Giỏi, với nghĩa là nắm chắc và làm chủ kiến thức, đương nhiên là mục đích của việc học. Nhưng đánh giá, xếp loại "giỏi" trong thực tế Việt Nam đang có nhiều vấn đề. Điểm số, không có cách nào khác, là thang đo mức độ giỏi của học sinh. Nhưng như đã nói ở trên, việc có được điểm số cao của học sinh phổ thông hiện nay xem ra đang là một trận chiến đối với phụ huynh và học sinh: học thêm (vì học chính khóa chưa đủ), học thêm chính giáo viên ra đề (vì nếu không sẽ lệch tủ), gian lận trong thi cử (quay cóp), gian lận trong can thiệp điểm số, hoặc đơn giản nhất cũng là học thuộc. Tầng tầng lớp lớp mê trận trên con đường đi đến điểm số cao làm chùn bước sự suy nghĩ độc lập và tính sáng tạo của học sinh. Và để đạt tới cái đích làm thỏa mãn thầy cô và cha mẹ về mức độ "giỏi" của mình, học sinh trở nên khá thực dụng, và trong nhiều trường hợp, chấp nhận các thủ thuật thiếu tự trọng. Khái niệm "trò giỏi" trong chừng mực nào đó trở thành trò thuộc bài,

trò đi theo các lối an toàn, trò né tránh sáng tạo và phát huy những cách suy nghĩ độc lập.

Bên cạnh đó, "giỏi" đã phải là mục đích tối thượng của việc học hay chưa? Cùng với nó là việc chạy đua vào trường chuyên lớp chọn. Tôi không phủ nhận tính ưu việt của trường chuyên lớp chọn ở chỗ đã có những cơ chế dạy và học hợp lý cho các học sinh xuất sắc. Nhưng hiện nay, áp lực vào trường chuyên lớp chọn, áp lực đạt điểm số trong học và thi đang đè nặng lên trí óc và trái tim học sinh. Đặt tiêu chí "giỏi" vào triết lý giáo dục trong báo cáo của UNESSCO "Giáo dục – Kho tàng tiềm ẩn"[1] gồm: học để biết (learning to know), học để làm (learning to do), học để sống với nhau (learning to live toghether), học để tồn tại (learning to be) thì xem ra, tiêu chí "giỏi" như một mặc định cho trò, và khái niệm "trò giỏi" cũng lại là một diễn ngôn khá lỗi thời.

Hạnh kiểm – thang đo giá trị đạo đức của học sinh?

Không rõ việc xếp loại hạnh kiểm ở trường phổ thông ở các nước khác như thế nào (theo kinh nghiệm của tôi khi cho con học phổ thông ở Hoa Kỳ thì nước này không xếp loại hạnh kiểm trong bảng điểm – transcript – của học sinh), nhưng ở Việt Nam thì đang có nhiều vấn đề đặt ra. Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 Ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông quy định tại Điều 3 như sau:

** Điều 3. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm*

1. Căn cứ đánh giá, xếp loại hạnh kiểm:

a) Đánh giá hạnh kiểm của học sinh căn cứ vào biểu hiện cụ thể về thái độ và hành vi đạo đức; ứng xử trong mối quan hệ với thầy giáo, cô giáo, cán bộ, công nhân viên, với gia đình, bạn bè và quan hệ xã hội; ý thức phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả tham gia lao động, hoạt động tập thể của lớp, của trường và của xã hội; rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

b) Kết quả nhận xét các biểu hiện về thái độ, hành vi của học sinh đối với nội dung dạy học môn Giáo dục công dân quy định

1. Jacques Declor (1996), *Learning: The Treasure Within,* Report to UNESCO of the Intenational Commission on Education for the Twenty-first Century.

trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS, cấp THPT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Có thể nói, các tiêu chí đặt ra để đánh giá hạnh kiểm của học sinh là khá toàn diện, nhưng vấn đề đặt ra là các tiêu chí đều thể hiện việc đánh giá chủ quan, các căn cứ để đánh giá là mang tính hành chính (sổ Đầu bài, sổ Cờ đỏ…), vì thế, việc đánh giá hạnh kiểm của học sinh sẽ không thể chính xác. Phản đối việc đánh giá hạnh kiểm học sinh, Nguyễn Quốc Vương cho rằng, việc đánh giá hạnh kiểm học sinh như hiện nay cho người giáo viên quyền uy lớn trong việc phán xét học sinh và "hệ lụy sâu xa của việc nhà trường, giáo viên can thiệp sâu vào nhân cách của học sinh thông qua áp đặt đánh giá hạnh kiểm về lâu dài sẽ tạo ra những con người ngoan ngoãn giả vờ hay những người sống kiểu đa nhân cách. Học sinh sẽ biết lấy lòng thầy cô hay biết làm thế nào để có được hồ sơ đẹp, hạnh kiểm tốt trong khi thiếu đi cơ hội để mài sắc cá tính và phẩm cách của bản thân"[1].

Trong diễn đàn trao đổi về việc đánh giá hạnh kiểm, Phan Tuyết cũng đã nhận định về việc đánh giá hạnh kiểm của học sinh qua một số biểu hiện bề ngoài. Tác giả đặt câu hỏi: "Đánh giá đạo đức một con người chỉ căn cứ vào những biểu hiện như đi học trễ, nghỉ học không xin phép hay mặc đồ, đi giày dép sai… liệu đã thỏa đáng hay chưa?". Đồng tình với nhận định của tác giả bài viết, một học sinh có phản hồi như sau: **"**Với tư cách là 1 học sinh cấp 3 , đang ngồi trên ghế nhà trường, em thấy hạnh kiểm thực sự được xét không đúng đắn tí gì cả. Thực sự mức độ cahasm điểm rất là chủ quan, không dựa vào lập trường hay suy nghĩ hay góc nhìn của học sinh để chấm điểm. Em đang chuẩn bị bước vào lớp 11, nhưng hạnh kiểm của em lại không được xét HK chỉ vì e bị 1 lần viết SĐB vì điểm kém, và (5) đi học muộn bị viết trong sổ trường. Chuyện đi học muộn thì chả ai muốn nhưng thực sự nó đã xảy ra và đổi lại em mất hạnh kiểm, em biết em vi phạm nhiều lần lỗi này nhưng cũng quá vô lí khi lại phạt em bằng cách không xét

1. Nguyễn Quốc Vương (2017), "Đánh giá hạnh kiểm như hiện nay dễ tạo cho học sinh tính 2 mặt", Nguồn: http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/nguoi-thay/can-bo-cach-danh-gia-hanh-kiem-trong-truong-hoc-401773.html

hạnh kiểm như thế, cho em hỏi như vậy có công bằng không ạ?"[1]

2.4.2. Sự nhức nhối của việc khẳng định cái tôi của học sinh (nhìn từ confession pages)

Như đã nói ở trên, cách giáo dục nói chung, giáo dục giá trị nói riêng trong nhà trường đang gặp phải những thách thức của tính áp đặt và bệnh hình thức. Đây là hai nguyên nhân dẫn đến việc học sinh/sinh viên hiện nay rất hay bày tỏ quan điểm của mình và quan tâm đến các quan điểm của người khác trên trang *confession*. Đây là một trang mạng của từng trường, cho phép học sinh/giáo viên trường đó bày tỏ các quan điểm của riêng mình và được dấu tên.

Trang của một trường chuyên cấp 3:

19763. *Tớ thấy mình không xứng đáng là học sinh (tên trường). Ôi dời lại là một confession chán đời của một đứa học sinh rảnh nợ nào đấy, các cậu có thể nghĩ thế. Tớ đã từng có suy nghĩ như vậy khi đọc confessions của các khóa về trường. Nhưng bây giờ tớ đã nhận ra một điều, chỉ khi không còn ai để tâm sự, viết nhật ký không hiệu quả, ngồi nói một mình chẳng ổn, thì nơi duy nhất tớ nghĩ mình nên tìm đến là trang confession. Chết lạc đề rồi. Tớ thấy mình không xứng đáng là học sinh trường mình. Áp lực thi chuyển hệ cùng điểm số chả bao giờ đáng tự hào, tớ thấy mình không xứng đáng thuộc về nơi đây. Câu chuyện về những con người 10 phẩy cứ đè bẹp tớ mỗi ngày. Có chứ, tớ yêu trường mình. Mỗi lần nhận ra mình đang mặc chiếc áo đồng phục có logo đẹp đến nỗi lần đầu nhìn tớ tưởng là con chim bồ câu màu xanh, hay khoác chiếc áo khoác mà tớ không thể cài cái mũ vào, tớ lại càng thấy yêu trường, tự hào về trường mình. Ngôi trường mà tớ đánh đổi nhiều để được vào. Tớ thấy mình không xứng đáng, vì những điểm số tớ đạt được trên lớp chả là cái gì với danh trường chuyên. Trường mình cho tớ nhiều, nhưng cũng lấy đi của tớ vô vàn. Tớ yêu trường mình, nhưng hình như trường mình chưa yêu tớ. Thôi thì đành cố gắng vậy.*

19759. *Mọi chuyện với em giờ thực sự rất tệ... Em là học*

1. Phan Tuyết (2017), "Phải lập tức thay đổi cách đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh", Nguồn: http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Phai-lap-tuc-thay-doi-cach-danh-gia-xep-loai-hanh-kiem-cua-hoc-sinh-post176510.gd

sinh khóa…. Tính em vốn nhút nhát, không biết nói chuyện, bước vào một môi trường mới hoàn toàn xa lạ mà em không quen bất kì ai, em cảm thấy vô cùng khó khăn trong việc hòa đồng với lớp dù đã rất cố gắng. Sau các hoạt động, các bạn đều đã trở nên rất thân thiết, chỉ có mình em vẫn đơn độc, ngồi thu mình lặng lẽ trong khi mọi người chuyện trò vui vẻ, bạn ngồi cạnh cũng chỉ nói chuyện được đôi ba câu. Dù mọi người rất tốt, nhưng có lẽ em không thể trở thành 1 phần của họ được. Rồi còn áp lực học hành, thi cử, điểm số sút dần khiến em vô cùng thất vọng. Em không biết phải làm thế nào nữa...

Trang của một trường Đại học

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ đăng ký môn học xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trang Portal. Có hề gì? Trang Portal lúc nào chả lag? Rồi hắn chửi những đứa đăng ký thành công. Thế cũng chẳng sao: đâu phải ai cũng đăng ký thành công nhưng slot thì vẫn hết. Tức mình, hắn chửi tất cả những đứa giao dịch môn học. Nhưng bọn giao dịch môn học ai cũng nhủ: "Chắc nó trừ mình ra!". Không ai lên tiếng cả. Tức thật! ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào dùng tool. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí tiền học không? Thế thì có thất học không? Không biết đứa chết mẹ nào đã ôm môn của hắn để hắn phải thất học như thế này? A ha! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào ôm môn của hắn, khiến hắn phải thất học, thất dục! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã ôm môn của hắn. Nhưng mà biết đứa nào đã ôm môn của Hắn? Có mà trời biết! Hắn không biết, sinh viên toàn Khoa cũng không ai biết… A ha, nhưng phòng Đào tạo thì biết...

==========

Và Phòng Đào tạo đã cho câu trả lời thật mãn nguyện anh em.

Trả lời của Phòng Đào tạo:

Các bạn sinh viên thân mến,

Mấy ngày qua theo dõi thông tin trên mạng, Phòng ĐT & CTSV đã nắm được thông tin về việc: có hiện tượng nhiều sinh viên «ôm học phần tín chỉ» với mục đích trao đổi, mua bán nhượng

lại tín chỉ cho các SV khác chưa kịp đăng ký học phần ... hành vi này gây ra nhiều dư luận xấu và hậu quả xấu ảnh hưởng tới cộng đồng sinh viên…Với quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo Khoa về việc phải xử lý nghiêm các tr/h sinh viên ôm tín chỉ nhằm mục đích mua bán, trao đổi ... Phòng ĐT & CTSV yêu cầu các SV thực hiện các nội dung sau đây:

1. Đăng ký học phần theo kế hoạch đào tạo của năm học và học kỳ 2, theo đó: lớp có số tín chỉ cần đăng ký cao nhất là 24 (K62 CLC), các lớp K61, K62 lần lượt là 21, 19, 18, 16, 17 tín chỉ. SV có thể đăng ký nhiều hơn số tín chỉ nói trên nhưng không thể đăng ký quá nhiều, để bảo đảm chất lượng đào tạo. Tất cả các tr/h «ôm tín chỉ» sẽ bị xử lý.

2. Khoa cũng yêu cầu các sinh viên không tiếp tay cho các trường hợp «ôm tin chỉ», các bạn không mua, không trao đổi và khi phát hiện tình tràng «ôm tín chỉ» báo ngay cho các thầy, cô phòng ĐT & CTSV hoặc Thanh tra học đường (Thầy Mai Quân) hoặc cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm biết để xử lý.

3. Với thống kê chi tiết về việc đăng ký học phần hiện nay, Khoa sẽ triệu tập các bạn sinh viên có đăng ký số lượng tín chỉ quá lớn để trao đổi, xem xét. Khoa sẽ áp dụng các biện pháp cứng rắn để ngăn chặn hiện tượng xấu này.

Việc cuối cùng các thầy, cô yêu cầu tất cả các bạn SV là: ngừng tranh luận gay gắt, hoặc cãi chửi nhau ... trên mạng, các bạn hãy thực hiện quyền và trách nhiệm 1 cách có tổ chức và mang tính xây dựng, có như thế những câu chuyện tiêu cực mới được giải quyết thấu đáo, trả lại môi trường học đường trong sáng, lành mạnh và thân thiện.

Đây chỉ là 3 bày tỏ của 2 trường học. Các bày tỏ này cho thấy một mặt khuất lấp của học sinh, sinh viên. Những mặt khuất lấp này, học sinh/sinh viên không có cơ hội bày tỏ ở lớp, ở trường, nói trực tiếp với giáo viên, với giáo vụ, hay đơn giản nhất, tâm sự với bạn bè. Sự giải tỏa các ấm ức, và nhiều khi là quan điểm về nhiều bê bối của giáo viên đã được chia sẻ ở đây. Là những người sinh ra vào cuối thế kỷ XX, học sinh và sinh viên thấm vào mình những xáo trộn của văn hóa trong bối cảnh chuyển đổi. Họ khao

khát thể hiện chính kiến về các vấn đề nhưng những rào cản trong quan niệm giáo dục đã ngăn họ lại. Các diễn đàn giấu mặt đang chỉ ra một thách thức lớn trong giáo dục nói riêng, giáo dục giá trị nói chung ở các trường học hiện nay.

3. Làm gì trong giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay?

Việc giáo dục giá trị trong nhà trường ở Việt Nam nhiều năm qua đã được tiến hành trong các môn học, trong các hoạt động dạy học, trong các hoạt động ngoại khóa. Tuy nhiên, có thể nói, mục đích của giáo dục giá trị chưa đạt được hiệu quả cao vì nội dung các giá trị đang bị lồng ghép vào các môn học, định hướng giá trị chưa rõ, các cách thức chưa được thiết kế để hướng vào việc truyền đạt các giá trị một cách hiệu quả.

Theo quan điểm của tôi, để giáo dục giá trị đạt được hiệu quả tốt, cần xác định rõ các định hướng giá trị, các nội dung giá trị và các cách thức truyền đạt trong giáo dục giá trị. Sau đây là một số định hướng giá trị và cách thức chuyển tải mà tôi cho rằng cần đưa vào giáo dục trong nhà trường.

3.1. Nội dung các giá trị

3.1.1. Yêu nước

Trong các giá trị, yêu nước là giá trị cần được giáo dục một cách sâu sắc trong trường học. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, cảm thức dân tộc là cảm thức rất mạnh mẽ trỏng mỗi con người. Ai sinh ra trên đời đều có một xúc cảm mạnh mẽ với việc mình mang quốc tịch gì; đó không chỉ là cảm giác thuộc về (belongings) mà Maslow nói đến, nó còn là tình cảm thiêng liêng về việc mình mang dòng máu nào. Vì thế, giáo dục giá trị của quốc gia dân tộc, giáo dục tình yêu đối với Tổ quốc phải là một định hướng nội dung được ưu tiên trong giáo dục giá trị trong nhà trường. Để giáo dục giá trị này cần biên soạn chương trình gồm các bộ phận: i) biểu tượng của dân tộc và lòng tự hào dân tộc; ii) các biểu hiện của nội dung yêu nước (yêu lịch sử, yêu văn hóa dân tộc, yêu quê hương, trách nhiệm với Tổ quốc…); iii) nội dung các môn học chứa đựng giá trị yêu nước (văn, sử, địa, giáo dục công dân, giáo

dục quốc phòng), iii) các hoạt động ngoại khóa giúp củng cố lòng yêu nước.

Trong biểu đồ của Inglehart nói ở trên, tình yêu đối với Tổ quốc là một nội dung trong chuẩn mực giá trị truyền thống. Vào thời điểm hiện tại, giá trị này đang bị lấn lướt bởi giá trị thế tục-hợp lý, nghĩa là các giá trị liên quan đến đời sống cá nhân thường nhật, gắn với các nhu cầu về sinh hoạt hàng ngày (xem phim, nghe nhạc, thời trang, du lịch…). Vì thế, để chuyển tải giá trị này tới học sinh, cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng các định hướng nội dung, thể hiện cụ thể hóa ở chương trình (với tư cách là một bộ phận độc lập và với tư cách là bộ phận được lồng ghép vào trong các bài học của các môn học khác) và các phương tiện biểu đạt, truyền thụ hấp dẫn, hiệu quả. Nội dung của các bài học về lòng yêu nước phải giản dị, thấm thía, lay động, đi từ các bài học lịch sử tới các vấn đề đương đại (ví dụ, có thể dẫn chứng từ hiệu ứng lan tỏa của Bóng đá), từ các khái niệm tới những tấm gương…Thế hệ trẻ, những con người đang làm nên lịch sử hôm nay, cần được trang bị một hành trang thật kỹ càng về lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc.

3.1.2. Trách nhiệm đối với cộng đồng

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một giá trị quan trọng của nhân cách mà nhà trường cần giáo dục cho học sinh. Một trong 4 trụ cột trong triết lý giáo dục của UNESCO là "học để sống với nhau" (learning to live together). Điều này có nghĩa là cần giáo dục cho học sinh về bản chất xã hội của mỗi cá nhân, về những liên kết xã hội mà con người thuộc về, về sự tương tác qua lại của con người và xã hội, từ đó, giáo dục trách nhiệm đối với cộng đồng của học sinh. Thực ra, với bản chất nhanh nhạy, học sinh thời nay hiểu rõ trách nhiệm đối với cộng đồng, bằng chứng là nhiều học sinh tham gia các hoạt động xã hội (hiến máu nhân đạo, phát thức ăn ở các bệnh viện, hoạt động từ thiện ở các vùng cao…), tuy nhiên, nhiều trong số các học sinh thực hiện các hoạt động xã hội này mang tính thực dụng nhằm làm đẹp hồ sơ du học. Sau khi đủ hồ sơ, ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng cũng bị dẹp sang một bên.

Vì thế, định hướng giáo dục giá trị tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng cần có sự chuẩn bị kỹ càng chương trình (nội dung, phương pháp, giáo án, bài tập, vấn đề trao đổi nhóm, ngoại khóa…) để giá trị tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng thấm sâu vào học sinh, trở thành sự tự nguyện và nhu cầu của mỗi học sinh.

3.1.3. Mục đích của việc học

Một giá trị rất cần được giáo dục trong nhà trường là mục đích việc học. Truyền thống học hành ở Việt Nam, do ảnh hưởng sâu của giáo dục khoa cử, thường học với mục đích có việc làm tốt, do đó, mục tiêu là học giỏi. Cùng với nó là trong bảng phân tầng xã hội, sĩ (học trò) vẫn ở một vị trí cao. Đó là một quan niệm ăn sâu vào não trạng của người Việt, khiến cho mục đích của việc học, ít nhất là đối với phụ huynh và giáo viên, bị hạn hẹp hoặc lệch lạc. Trong khi đó, học sinh đã cởi mở nhiều hơn, họ không hoàn toàn bị áp lực để học giỏi, mà họ học vì bị áp lực từ phụ huynh và giáo viên. Để thực hiện triết lý giáo dục mà UNESCO hướng tới và khuyến cáo các quốc gia, 4 mục tiêu của việc học (để biết, để làm việc, để tồn tại, để chung sống) cần được quán triệt không chỉ trong nhận thức, mà còn trong ý thức, thể hiện trong chương trình, thể hiện thành bài giảng, thể hiện thành thái độ và ứng xử của giáo viên và nhận thức của phụ huynh. Có như vậy, mục đích của việc học mới thực sự là toàn diện.

3.1.4. Việc kiến tạo giá trị bản thân

Một trong 4 mục tiêu giáo dục mà UNESCO đề ra là "học để sống" (learning to live). Để sống, cần phải có nhiều kỹ năng, mà một trong những kỹ năng quan trọng là nhận biết bản thân: khả năng, cá tính, bản sắc, sở trường, sở đoạn, khát vọng, hoài bão… Hiểu được bản sắc cá nhân để kiến tạo giá trị bản thân là một thành công của mỗi cá nhân và thành công của giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường. Kiến tạo giá trị bản thân là một hành trình, trong đó, việc nhận thức các giới hạn bản thân, việc tự hào về bản sắc cá nhân, việc trang bị cho bản thân hành trang tri thức và kinh nghiệm, việc hướng bản thân tới các mục đích cao cả, việc ý thức và hành động để tạo uy tín xã hội cho bản thân…là những nhận thức và hành động thực tế lặp đi lặp lại trong một quá trình hướng

đích. Kiến tạo giá trị bản thân bằng việc khẳng định bản sắc và xây dựng các phẩm chất tốt đẹp như lòng tự trọng, tính trung thực, ý thức trách nhiệm… sẽ tạo ra các công dân có kỹ năng để hòa nhập xã hội và có ích cho xã hội.

3.2. Cách thức để đạt hiệu quả trong giáo dục giá trị

Để đạt hiệu quả trong giáo dục giá trị, nói một cách đơn giản nhất, là làm sao để học sinh nghe, hiểu, tin theo, biến các giá trị được dạy thành các phẩm chất tự thân. Để đạt được điều đó, cần chú ý các khía cạnh sau:

3.2.1. Tạo môi trường học

Môi trường dạy học truyền thống thể hiện uy quyền lớn của giáo viên, mà ở đó, tính áp đặt được coi là một mặc định. Trong bối cảnh giáo dục hiện nay, hiện tượng sử dụng quyền uy của giáo viên vẫn đang là thực trạng thường trực, thậm chí gây ra các vấn nạn nhức nhối: việc phán xét hạnh kiểm học trò, việc sử dụng bạo lực với học trò, việc truyền thụ một chiều các bài giảng, việc phán xét học trò từ lăng kính của giáo viên hay các định kiến xã hội… Sự áp đặt, việc sử dụng quyền uy của giáo viên đã và đang triệt tiêu tính khách quan và công bằng trong môi trường dạy học, bào mòn tính nhân văn khiến cho hiện tượng vô cảm nảy sinh chính từ môi trường học đường. Chỉ khi môi trường giáo dục thực sự lành mạnh, ở đó, tính công bằng, khách quan trở thành nguyên tắc, tính nhân văn được đề cao thì các giá trị được truyền tải mới dễ thấm và thấm sâu vào học sinh.

3.2.2. Tôn trọng sự khác biệt

Thế giới của con người được tạo nên bởi các khác biệt. Tuy nhiên, thừa nhận và tôn trọng tính khác biệt chưa bao giờ là một thực tại hiển nhiên của nhân loại. Chính vì thế, năm 2001, UNESCO đã ra một Tuyên ngôn thế giới về đa dạng văn hóa (được thông qua tại phiên họp toàn thể, kỳ họp 31 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc ngày 2/11/2001). Khẳng định đa dạng văn hóa cũng cần cho nhân loại như đa dạng sinh học, tuyên ngôn này đã đưa ra những thông điệp nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của các nền văn hóa, sự tôn trọng các tiếng nói của các cộng đồng không phân biệt trình độ kinh tế, văn minh của họ.

Trường học cũng vậy. Nó phải là nơi sự khác biệt được tôn trọng, các ý kiến phải được lắng nghe, phải được thấu hiểu; tính phản biện phải được khuyến khích và chấp nhận. Vì thế, nếu thang đo giá trị của mối quan hệ thầy – trò trước đây là *sự tuân phục* thì hiện nay, chỉ số chính phải là *sự tôn trọng và sự đối thoại*. Một môi trường được xây dựng từ các giá trị như thế mới có thể truyền tải các giá trị một cách hiệu quả.

3.2.3. Giáo viên là tấm gương (hay vấn đề đạo đức nghề nghiệp)

Như đã nói ở trên, với tính chất đặc thù của nghề nghiệp, giáo viên bắt buộc phải trở thành biểu tượng của chuẩn mực về đạo đức, về hiểu biết và về lòng nhân ái. Trong môi trường giáo dục truyền thống, sự nghiêm khắc đến mức cứng nhắc có thể được chấp nhận thì trong môi trường giáo dục hiện nay, để giáo dục giá trị được hiệu quả, người giáo viên cần là một tấm gương về chuẩn mực, mà ở đó, đạo đức nghề nghiệp không được phép bị vi phạm. Bên cạnh đó, người giáo viên còn phải có phẩm chất khoan dung, vị tha để các giá trị được lan tỏa, các mục tiêu giáo dục (chẳng hạn, học để cùng chung sống) được hiện hữu. Người giáo viên, không còn lựa chọn nào khác, phải tự tỏa sáng mới thắp lên được những ngọn lửa; với mục đích giáo dục giá trị, phẩm chất này càng phải được xây dựng và vun đắp.

***

Lời kết

Một nền giáo dục tốt phải có tính chất khai phóng, ở đó, các giá trị nền tảng phải được giáo dục một cách bài bản và hiệu quả, các tiềm năng của học sinh phải được phát huy tối đa. Vấn đề "giáo dục giá trị trong nhà trường" mà hội thảo đặt ra bàn luận hôm nay, dù không phải là vấn đề mới mẻ, nhưng ý nghĩa thực tiễn của nó là vô cùng to lớn, đặc biệt trong bối cảnh hệ giá trị chuẩn mực xã hội đang lung lay, hệ giá trị cá nhân chưa được quan tâm xây dựng, những vấn nạn từ xã hội tràn vào học đường và ngược lại, những sản phẩm kém phẩm chất từ học đường đang đi vào xã hội, gây nên những hệ lụy không hề nhỏ.

Trước làn sóng toàn cầu hóa mạnh mẽ và tác động đang ngày

càng mạnh của cách mạng công nghệ lần thứ tư, Việt Nam cần đào tạo nên những công dân toàn cầu với những yêu cầu gắt gao về trình độ hiểu biết. Nhưng ngay trên đất nước mình, việc đào tạo những con người có hiểu biết, có tình yêu Tổ quốc, có trách nhiệm với xã hội, có tinh thần nhân văn, có sự gắn bó với những giá trị nguồn cội của dân tộc đang đòi hỏi việc giáo dục giá trị một cách khẩn thiết hơn bao giờ hết./.

Hà Nội 12/2018
T.T.A

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị An (2016), "Giá trị mối quan hệ gia đình Việt Nam – nghiên cứu bước đầu từ góc nhìn lý thuyết và thang đo", Tạp chí *Nghiên cứu con người,* số 6/2016, tr. 17-32.

2. Lại Nguyên Ân (2012), "Khẩu hiệu "Tiên học lễ…" nên chấm dứt", Nguồn: http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/khau-hieu-tien-hoc-le-nen-cham-dut-81786.html

3. Huyền Giang, 2017. *Bàn về văn hóa,* Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội, Tr.220

4. Phạm Minh Hạc (2010), *Giá trị học, cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam hiện nay,* Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

5. Lương Đình Hải (2015), "Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay", Tạp chí *Nghiên cứu con người 2015,* số 1 (76), tr. 8-17.

6. Võ Hồng Hải (2013), *Phát huy giá trị văn hóa của gia đình, dòng họ,* Báo Hà Tĩnh online.

7. Nguyễn Lân (1973), *"Có nên vận dụng phương châm "Tiên học lễ hậu học văn" trong việc giáo dục thế hệ trẻ của ta ngày nay không?",* Tạp chí *"Văn hóa nghệ thuật"* ở Hà Nội, số 31, tháng 7;

8. Phan Huy Lê (chủ biên), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay,* Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX-07 (đề tài KX-07-02), Tập I:1994, Tập II: 1996, Tập III:1997, Hà Nội.

9. Jacques Declor (1996), *Learning: The Treasure Within,* Report to UNESCO of the Intenational Commission on Education for the Twenty-first Century.

10. Johannes Han-Yin Chang (2010), "The values of Singapore's youth and their parents", *Journal of Sociology*, 2010, The Australian Sociological Association, Volume 46(2): pp. 149-168 DOI: 10.1177/14407833.

11. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai,* Nxb. Văn hóa văn nghệ Tp HCM.

12. Ngô Đức Thịnh (2010), *Những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia.

13. Ngô Đức Thịnh (2010), *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập,* Nxb. KHXH., Hà Nội.

14. Phan Tuyết (2017), "Phải lập tức thay đổi cách đánh giá xếp loại hạnh kiểm của học sinh", Nguồn: http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Phai-lap-tuc-thay-doi-cach-danh-gia-xep-loai-hanh-kiem-cua-hoc-sinh-post176510.gd

15. Robert S. Hartman & Weiss, Paul (1967), *The Structure of Value: Foundations of Scientific Axiology,* Illinois University Press).

16. Hồ Sĩ Quý (2006), *Về giá trị và giá trị châu Á,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Lê Ngọc Văn (2016), *Hệ giá trị gia đình Việt Nam,* Nxb. KHXH., Hà Nội.

18. Tô Thanh Vân (2016), ""Có nên để khẩu hiệu "Tiên học Lễ, hậu học Văn" trong nhà trường nữa không?", Nguồn: http://giaoduc.net.vn/Van-hoa/Co-nen-de-khau-hieu-Tien-hoc-Le-hau-hoc-Van-trong-nha-truong-nua-khong-post168439.gd...

19. Nguyễn Quốc Vương (2017), "Đánh giá hạnh kiểm như hiện nay dễ tạo cho học sinh tính 2 mặt", Nguồn: http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/nguoi-thay/can-bo-cach-danh-gia-hanh-kiem-trong-truong-hoc-401773.html

20. *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ,* (Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí và Tổ phiên dịch Viện Sử học dịch), Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

21. Kinh Lễ, Nguyễn Tôn Nhan giới thiệu và chú giải, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1999.

22. *Khảo sát giá trị thế giới* (World Value Survey), Nguồn: http://www.worldvaluessurvey.org/WVSContents.jsp.

ABSTRACT

Formed by people in a community, a time frame, a specific spatial boundary, values/set of values are defined as fundamental elements that create community identity and stabilize the society. In the context of Vietnam's transition in the last decade of the twentieth century and the first two decades of the 21st century, when the market economy and globalization are having a strong impact on the Vietnamese society, traditional values/set of values in Vietnam has witnessed many changes.

As one of the three fundamental contents (academic education, operational skills education, values education) of school education, family education and social education, value education certainly bears the impact of perceptions of values, social and cultural changes.

Based on research results on global value changes that Ronald Inglehart and Chris Welzel has presented in Cultural Map of the World; based on the arguments of the theories of cultural changes, this paper will attempt to address the challenges that value education in schools (as well as families, societies) are facing and point out some necessary solutions to overcome the current challenges.

NHÂN CÁCH CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY - TỪ THỰC TRẠNG LỰA CHỌN CÁC GIÁ TRỊ SỐNG

PGS.TS. Huỳnh Văn Sơn*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Ranh giới giữa các quốc gia ngày càng "xích gần" lại với nhau tạo điều kiện thuận lợi cho sự trao đổi về kinh tế, khoa học kỹ thuật và đặc biệt là văn hóa. Trong quá trình giao lưu văn hóa, bên cạnh việc giữ gìn những truyền thống văn hóa quý giá, thay đổi những giá trị không còn phù hợp, mỗi dân tộc cũng tích cực sàng lọc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Như vậy ở đây diễn ra một sự thay đổi, chuyển biến văn hóa nói chung và các giá trị nói riêng ở trong mỗi quốc gia. Việt Nam là một trong những nước chịu sự tác động cúa quá trình trên.

Thanh niên thuộc tầng lớp trí thức của xã hội. Họ là lớp người ưu tú của thế hệ trẻ, rất nhạy cảm với các xu hướng, trào lưu mới trong khoa học, kỹ thuật, văn hóa…. Khi đất nước đang trên đà phát triển trong quá trình giao lưu hội nhập quốc tế, xã hội đang có sự chuyển biến về định hướng giá trị thì lối sống và sự lựa chọn các giá trị sống của thanh niên ngày nay đang là một vấn đề mang tính thời sự.

* Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

Thực tế đã chứng minh rằng, nhiều nước có nền kinh tế phát triển thường xuất hiện nhiều vấn đề nảy sinh như: suy đồi về đạo đức, lối sống, nhân phẩm, tình người và tính nhân văn. Đây chính là những khía cạnh để đánh giá về mặt nhân cách của thanh niên hiện nay. Nói cách khác, nhân cách của con người nói chung và thanh niên Việt Nam nói riêng được tựu trung lại chính là sự lựa chọn các giá trị sống, đặc biệt là các giá trị đạo đức, nhân văn. Nếu sự lựa chọn các giá trị này đi đúng hướng thì việc hứa hẹn những nhân cách tốt đẹp là hoàn toàn có thể. Trái lại, những nhân cách lệch lạc sẽ là kết quả của việc chạy theo những giá trị ảo, sai trái.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Thực trạng lựa chọn các giá trị của thanh niên Việt Nam hiện nay

2.1.1. Thực trạng lựa chọn các giá trị cụ thể của thanh niên Việt Nam hiện nay

Sự lựa chọn các giá trị của thanh niên Việt Nam hiện nay đang gặp phải nhiều vấn đề, đặc biệt là sự lựa chọn các giá trị về đạo đức, nhân văn. Với 32 giá trị đạo đức - nhân văn cụ thể, kết quả khảo sát như sau:

Bảng 1. Sự lựa chọn các giá trị cụ thể trong định hướng lối sống của thanh niên Việt Nam

TT	Giá trị	Trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Hiếu thảo	3.71	.616
2	Tự tin	3.52	.645
3	Trung thực	3.45	.699
4	Tự trọng	3.40	.687
5	Chân thành	3.36	.687
6	Sáng tạo	3.32	.751
7	Tôn trọng người khác	3.28	.654
8	Hết lòng vì công việc	3.27	.694
9	Môi trường trong lành	3.25	.839
10	Chung thủy	3.24	.897
11	Lạc quan	3.21	.811
12	Bảo vệ môi trường	3.18	.842
13	Không tàn phá thiên nhiên	3.18	.901
14	Thích ứng	3.15	.797
15	Cần cù, tận tụy trong công việc	3.10	.742
16	Đoàn kết	3.06	.831
17	Biết ơn	3.05	.747
18	Tin cậy nhau	3.04	.769
19	Hợp tác tích cực trong công việc	3.03	.752
20	Truyền thống dân tộc	2.97	.838
21	Can đảm	2.97	.784
22	Công tâm	2.83	.821
23	Đồng cảm	2.82	.862
24	Khoan dung	2.82	.861
25	Vị tha	2.81	.862
26	Khiêm tốn	2.79	.826
27	Vì lợi ích cộng đồng	2.70	.885
28	Hy sinh	2.55	.923
29	Giản dị	2.50	.899
30	Biết chấp nhận người khác	2.41	.914
31	Không thành kiến với người khác	2.37	.914
32	Không gây hấn	2.27	.908

Trong tất cả các giá trị được đưa ra khảo sát, giá trị ***khiêm tốn*** được xếp gần cuối nhóm, trong khi một giá trị khá đối lập là giá trị ***tự tin*** được xếp ở bậc cao nhất. Như vậy, việc tự tin của thanh niên chưa đi liền với khiêm tốn, đó là một đặc điểm dễ dẫn đến tự cao tự đại, sa vào chủ quan của các bạn trẻ. Điều này không quá xa lạ nhưng mâu thuẫn có thể đề cập là chính thanh niên trẻ vẫn nghĩ rằng bản thân mình không chủ quan mà do người khác đánh giá khắt khe, và người khác - rõ nhất là người có nhiều kinh nghiệm sống, ở vị thế cao hơn lại cho rằng người trẻ quá tự tin, thiếu khiêm tốn. Sự thay đổi này nếu muốn thì cần điều chỉnh thái độ, quan điểm từ hai phía nhưng rõ ràng không phải dễ. Sự va đập chắc chắn diễn ra và người trẻ với các thế hệ khác cần nhiều hơn những biện pháp để có thể "xích lại" gần nhau.

Xếp cuối trong nhóm giá trị này là ***vì lợi ích cộng đồng*** và ***hy sinh*** vì người khác chứng tỏ ý thức "mình vì mọi người" của thanh niên Việt Nam còn thấp. Điều đó cũng cho thấy cái tôi của thanh niên vẫn còn rất lớn, lợi ích cá nhân có thể được đặt lên trên cả lợi ích chung. Đây là một biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân đang phần nào ảnh hưởng đến nhân cách của thanh niên Việt Nam hiện nay mà mỗi người chúng ta cần suy ngẫm và trăn trở một cách nghiêm túc.

Nhóm giá trị được xếp vào mức ***"không quan trọng"*** (<2.5) bao gồm: ***biết chấp nhận người khác, không thành kiến với người khác, không gây hấn*** (bao gồm 3 giá trị - 3 thứ hạng cuối). Như vậy tinh thần hợp tác, chung sống, làm việc cùng nhau, hòa hợp giữa người và người chưa được thanh niên coi trọng. Hơn nữa, ba giá trị cơ sở cho sự hữu nghị - hợp tác, thể hiện sự chấp nhận người khác, như một cơ sở để không thành kiến và gây hấn với người khác là ***"đồng cảm - khoan dung - vị tha"*** có kết quả thấp càng chứng minh thêm cho nhận định đã nêu. Điều đó càng khẳng định sự cần thiết của việc rèn luyện lối sống hữu nghị hợp tác cho thanh niên ngày nay bằng những biện pháp khác nhau mới có thể đảm bảo được định hướng nhân cách trở thành công dân toàn cầu một cách đúng nghĩa.

2.1.2. Thái độ của thanh niên đối với giá trị cụ thể

Với 20 phát biểu để tìm hiểu thái độ của sinh viên đối với những giá trị đạo đức - nhân văn bằng cách lồng ghép những phát biểu tích cực lẫn những phát biểu phản lại giá trị để thanh niên bày tỏ sự đồng ý hay bất bình, qua đó tìm hiểu thái độ của các sinh viên đối với một số giá trị cụ thể. Nhìn chung, những thái độ tích cực thường được đa số các thanh niên lựa chọn. Những thái độ mang tính tiêu cực hoặc phiến diện đều được xếp vào nhóm ít được chấp nhận. Tuy nhiên có một số điểm nổi bật sau đây cần lưu ý:

Tỉ lệ 31% thanh niên chấp nhận việc hành động mà không quan tâm xem mình có ảnh hưởng đến người khác hay không là một tỉ lệ khá cao xét trên bình diện chung. Ngoài ra, 32% thanh niên chấp nhận hành vi vô ơn, không xem đó là chuyện phi đạo đức. Hơn nữa, còn khá nhiều thái độ tiêu cực tồn tại trong thanh niên: 39% thanh niên chấp nhận rằng tự do là một điều không phải ai cũng cần và mơ ước và 43% chấp nhận rằng hòa bình thì không chắc rằng lúc đó con người sẽ vô cùng hạnh phúc. Có 75% thanh niên tán thành với việc nhiều thanh niên không hề quan tâm đến các ca khúc ngợi ca quê hương đất nước và 60% đổ mọi trách nhiệm nuôi dạy con cái lên bố mẹ mà không thừa nhận trách nhiệm của chính bản thân những người con. Một tỉ lệ rất cao là 41% thanh niên đồng ý không nhất thiết phải sống cao thượng vì đôi khi cao thượng lại là mù quáng, 36% đồng ý rằng làm việc theo lương tâm sẽ bị thua thiệt và 28% có tư tưởng trả thù, báo oán. Cuối cùng, có 18% thanh niên chấp nhận sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chấp nhận đưa lợi ích cá nhân lên trên hết và không bao giờ quan tâm đến ai nếu không liên quan tới mình.

Rõ ràng đây là những số liệu minh chứng cho một thực trạng đáng lo lắng khi có sự phân tán khá rõ trong quan điểm và thái độ của các thanh niên trẻ. Thực tế này cũng phản ánh sự phân hóa trong quan niệm và các biểu hiện của lối sống ở thanh niên trẻ về các vấn đề có liên quan đến sự ứng xử, cách thể hiện bản thân, định hướng mục tiêu và nhiều vấn đề có liên quan. Thách thức này xuất hiện nhưng kết quả hay hệ quả của sự phát triển đời sống xã hội và sự giao thoa văn hóa, tương tác xã hội. Để điều chỉnh hay định hướng lối tư duy tích cực, chắc chắn một chiến lược giáo dục

mang tính tầm vóc, quy mô đối với giới trẻ Việt Nam cần được đáp ứng.

TT	Thái độ	Trung bình	Độ lệch chuẩn
	Tích cực		
1	*Người không có trách nhiệm rất khó có thể thành công*	*.94*	*.24*
2	*Phá hoại thiên nhiên nghĩa là tàn sát chính mình và cộng đồng*	*.92*	*.27*
3	*Đối với tôi, lương tâm của mỗi người là căn cơ quan trọng của đạo đức*	*.85*	*.36*
4	*Không thể là người có đạo đức nếu chỉ tốt trên phương diện xã hội còn với gia đình là con số không*	*.83*	*.37*
5	*Cộng đồng và thế giới chỉ phát triển nếu tinh thần hữu nghị và hợp tác được tôn trọng*	*.80*	*.40*
6	*Bí quyết thành công hiện nay là phải biết hợp tác, chấp nhận nhau.*	*.79*	*.40*
7	*Mọi cá nhân, cộng đồng đều có quyền như nhau*	*.76*	*.43*
8	*Khi làm bất cứ điều gì, tôi hay quan tâm đến việc nó có ảnh hưởng đến người khác không*	*.69*	*.46*
9	*Người không biết ơn người khác là người vô đạo đức*	*.68*	*.46*
10	*Tôi không ngại gian khổ hay mất mát nếu tôi giúp ích được cho đất nước tôi*	*.63*	*.48*
11	*Với mọi người, tự do là ước mơ, là khát vọng*	*.61*	*.48*
12	*Khi quốc gia hòa bình, thế giới không chiến tranh là lúc con người cảm thấy hạnh phúc tuyệt vời*	*.57*	*.49*

	Tiêu cực		
13	*Nhiều sinh viên không hề quan tâm đến các bài hát ngợi ca quê hương, đất nước*	*.75*	*.51*
14	*Trách nhiệm của cha mẹ là phải nuôi dạy con cái đầy đủ, an toàn*	*.60*	*.49*
15	*Cuộc sống không nhất thiết phải cao thượng vì cao thượng đôi khi là mù quáng*	*.49*	*.50*
16	*Lúc nào cũng làm việc theo lương tâm sẽ bị thua thiệt*	*.36*	*.48*
17	*Tôi tự nhủ ai làm hại tôi, thì sẽ bị trừng phạt dù sớm hay muộn thôi*	*.28*	*.45*
18	*Mỗi dân tộc hay sắc tộc đều có ưu thế riêng nên không thể đòi hỏi bình đẳng*	*.18*	*.38*
19	*Cuộc sống thách thức đòi hỏi phải vì lợi ích cá nhân trước mắt lên trên hết*	*.18*	*.38*
20	*Những gì không phải của riêng mình, tôi không quan tâm*	*.18*	*.38*

Bảng 2. Thái độ của thanh niên Việt Nam đối với những giá trị đạo đức nhân văn

2.2 Một số vấn đề thực tiễn liên quan đến nhân cách của thanh niên Việt Nam hiện nay

Liên tiếp trong những năm gần đây có khá nhiều vấn đề thực tiễn xuất hiện trong lối sống, sự thể hiện của thanh niên Việt Nam. Từ năm 2018 lùi về 5 năm trước - 2013, có thể điểm một số "hiện tượng" như là những vấn đề cần bàn luận.

Nổi lên trên cộng đồng mạng như một hiện tượng, "Bà Tưng" là cái tên được nhắc đến nhiều nhất trong thời gian gần đây. Khoe thân, phát ngôn dung tục về quan hệ nam nữ hay sex là những ấn tượng xấu mà cô gái 20 tuổi này để lại trong mắt mọi người… Đây chính là một điển hình tiêu biểu của việc lựa chọn sai các giá trị định hướng trong lối sống. "Nổi tiếng" chính là một trong những giá trị được "Bà Tưng" đặt lên hàng đầu. Từ giá trị này, "Bà Tưng" đã làm tất cả mọi việc từ việc hợp chuẩn đến việc không hợp chuẩn, không ngoài mục đích là mau nổi tiếng nhanh và càng

nổi tiếng càng tốt. Thậm chí, ngay cả khi trả lời một trang mạng xã hội, bà Tưng cũng thẳng thắn: "Tôi mơ ước có nhiều đại gia, nhiều người giàu tìm đến mình, cho tôi thật nhiều tiền" và chấp nhận trả giá để có được những thứ xa hoa đó.

Cùng với trào lưu nổi tiếng của Bà Tưng, vào giữa tháng 7 năm 2013 một clip "cover" "Tình lỡ cách xa" của cô gái trẻ được lan truyền với tốc độ chóng mặt trên các trang mạng, các diễn đàn xã hội khiến dư luận bàn tán xôn xao. Trang phục lựa chọn trong clip để quay khá mát mẻ và góc quay được tính toán sao cho có thể nhìn thấy những phần nhạy cảm trên cơ thể. Với cách khoe thân táo bạo này, cô gái trẻ trở thành tâm điểm để dân mạng bêu rếu, châm biếm. Nhiều bạn còn nhận định rằng đây là chiêu ăn theo để được nổi tiếng như "Bà Tưng" và đây là hình ảnh của Bà Tứng, Bà Tửng gì đó để được chú ý.

Mới đây nhất là vụ việc một nữ sinh mang bầu gây sốc khi thản nhiên đăng những hình ảnh "nude" 100% trên trang facebook cá nhân. Những bức ảnh này đều do cô chủ động chụp lại bằng điện thoại, máy ảnh trong tư thế rất phản cảm. Rất dễ dàng nhận ra cô gái này đang mang bầu với góc mặt, cái nhìn - ánh mặt và các đặc điểm có liên quan.

Xưa nay, "sao" hay người của công chúng luôn là thần tượng của giới trẻ. Từ chuyện ăn, mặc, nói như thế nào của những người nổi tiếng, luôn có sức ảnh hưởng không nhỏ tới một bộ phận thanh niên, những chủ nhân tương lai của đất nước. Điểm lại những phát ngôn gây sốc thời gian qua của sao, phần lớn đều bộc lộ quan điểm thoáng và "trên tiền", thể hiện một cuộc sống tự do, giàu có, sung sướng như ông hoàng, công chúa. Tiền chính là thước đo nhân cách của họ. Còn nhớ, nữ hoàng nội y Ngọc Trinh từng trả lời phỏng vấn rằng "Yêu không có tiền thì cạp đất mà ăn à?". Câu nói ấy đã trở thành câu nói "bất hủ", thành câu cửa miệng của không ít người. Người phê phán Ngọc Trinh có lối sống thực dụng, người thì lại âm thầm học theo lối sống đó để có cuộc sống giàu sang, đủ đầy mà không phải làm lụng vất vả.

Tiếc là những phát ngôn kiểu này lại không phải là "của hiếm" trong showbiz Việt khi mà cuộc sống thực dụng đang ngày càng

được tôn vinh. Chẳng thế mà hotgirl Angela Phương Trinh cũng khiến độc giả phát hoảng khi tuyên bố: Có người năn nỉ muốn gặp tôi ngoài đời chỉ trong 20 phút (được phép đi cùng người thân) sẽ cho tôi 20.000 USD nhưng tôi từ chối". Dường như con số 400 triệu đồng cho 20 phút trò chuyện bị "hotgirl" này từ chối không khiến cho người đọc ngưỡng mộ Phương Trinh mà khiến người ta hoài nghi về một thế giới phức tạp của showbiz, nơi tình, giá trị con người được định giá bằng tiền.

Những năm gần đây, kinh tế khó khăn, với người khác, mua một món đồ hiệu phải đắn đo rất lâu, nhưng Vũ Khắc Tiệp thì không ngại tuyên bố: "Tôi sẵn sàng mua một bộ đồ 5-10 ngàn đô có khi chỉ mặc đúng một lần rồi vứt". Anh cho biết, mặc dù tốn tiền mua quần áo nhưng chỉ mặc nó một lần đi tiệc, hiếm khi mặc lại lần hai. Do vậy, mỗi lần đi tiệc cùng Ngọc Trinh, anh có hàng giờ để chải chuốt đầu tóc và trang phục. Lần nào đi nước ngoài, Vũ Khắc Tiệp cũng khoe hình shopping. Những chiếc áo sơ mi, vest hay áo khoác của Dior, YSL, D&G với phong cách lịch sự, sang trọng đều được anh gom về tủ quần áo. Không ít lần anh nói đùa rằng những chiếc áo Dior khiến anh phá sản. Ngoài thú chơi hàng hiệu, ông bầu đôi lần khoe mỗi ngày mình tiêu tốn vài triệu cho một quán cà phê ruột trên đường Đồng Khởi. Thời gian gần đây, khi thị trường mua sắm trở nên ảm đạm, công việc của giới người mẫu cũng không còn đắt show như trước, nên ông bầu cũng rảnh việc hơn. Khắc Tiệp kể, anh và những người bạn có thể ngồi cả ngày ở quán cà phê để tán gẫu. Việc bỏ ra vài chục triệu chiêu đãi bạn bè ăn tối ở một nơi sang trọng cũng là niềm vui của ông trùm chân dài này.

Trong năm 2017 đến 2018, không thể không đề cập đến những biểu hiện đáng quan tâm và trở thành "nỗi đau" khi một cô gái trẻ ném con mình từ lầu cao xuống sân chung cư và không thể hiện sự bàng hoàng hay tiếc nuối xét từ các cứ liệu phỏng vấn. Hoặc một số bạn trẻ là con "nghiện" của sự nổi tiếng, ánh hào quang như Tùng Sơn, hoặc Cô gái mang tên TD với hình ảnh "trơn trợt" bằng bộ ảnh ở Đà Lạt gây phản cảm và nhận nhiều đánh giá khó có thể phai về sự trượt dài trong cách thể hiện. Đó chính là ít ỏi trong số nhiều minh chứng đã và đang tồn tại ở các bạn trẻ quá ảo, thích thể

hiện mình, quên bẵng những giềng mối của sự chuẩn mực trong giá trị sống, những nền tảng về phẩm chất nhân cách cần có ở một hình ảnh đáng quý hay ít nhất là cân bằng để được yêu quý, cá tính nhưng trong chừng mực của sự chấp nhận...

Cũng có thể đề cập đến sự lệch lạc này đã khiến không ít bạn trẻ tin rằng "Sao" có cuộc sống màu hồng chỉ bằng cách dựa vào đại gia, ngoan ngoãn và chiều chuộng đại gia, thậm chí bán thân là có tiền một cách nhanh chóng. Rõ ràng việc lựa chọn những giá trị sống, nếu thiếu mất định hướng thì đa số thanh niên ngày nay đều thích thú một cuộc sống giàu sang nhanh chóng, được bảo bọc mà không phải lo nghĩ gì hơn là cứ bo bo tự lập, tự kiếm những đồng tiền chân chính phải trả giá bằng mồ hôi và nước mắt. Từ đây, không ít bạn trẻ tìm chút danh tiếng để có thể khai thác các giá trị kinh tế. Xu hướng thích "Dady" trở thành lựa chọn của một số bạn gái trẻ hay cả một số bạn thuộc nhóm LGBT, một số trong nhóm ấy đã chọn cách đổi trao để có nhanh những thứ mình cần: vật chất, tiền bạc mà quên đi những "đặt khung" mình cần có để thể hiện nhân phẩm...

Một số minh chứng và các đánh giá dù chưa thể nói là đại diện cho tất cả nhưng có thể cho phép khẳng định một bộ phận của giới trẻ hiện nay thiếu định hướng sống, hệ thống các giá trị chuẩn mực chưa đủ, những giá trị cơ bản ít, thì việc họ ảnh hưởng từ những phát ngôn của "Sao" là điều dễ hiểu. Điều đáng tiếc, họ không nhận thức được đó là sai. Họ cũng không hiểu phát ngôn của họ tác động tới giới trẻ như thế nào. Và thế là bài hát cùng nhay ta đi trở thành lựa chọn của một nhóm đi đường không ánh sáng, cứ lao vào các giá trị ảo, vật chất hóa mọi thứ, tài chính hóa mọi quan hệ... Lâu dần, cách thể hiện của các bạn có vấn đề, tính cách và cả những giá trị của một nhân cách bị chệch choạc và lãng đãng trong hành trình phát triển "nên thân", "nên người"...

2.3. Một vài biện pháp nâng cao tính có định hướng, có cân nhắc, lựa chọn cân bằng trong việc lựa chọn các giá trị cho thanh niên hiện nay

Việt Nam cũng như thế giới đang chịu ảnh hưởng của cuộc sống xã hội và biến đổi toàn cầu. Những biểu hiện vừa đề cập

cũng chỉ phản ánh một lát cắt của cuộc sống chứ không hẳn là tất cả. Nhưng những biểu hiện này rất đáng lo lắng bởi nó sẽ tồn tại không dễ mất nếu không muốn nói là nguy cơ ảnh hưởng khá lâu dài. Từ đó, nâng cao tính có định hướng, có cân nhắc, lựa chọn cân bằng trong việc lựa chọn các giá trị cho thanh niên hiện nay là một thách thức đáng kể. Để thực hiện việc nâng cao tính có định hướng, có cân nhắc, lựa chọn cân bằng trong việc lựa chọn các giá trị cho thanh niên hiện nay, có thể chú ý đến một số biện pháp sau:

Một là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống nhất là giá trị nhân văn, đạo đức truyền thống, để cho các giá trị này tiếp tục khẳng định là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của đất nước; khơi dậy ước mơ, hoài bão lớn trong thanh thiếu niên qua các buổi toạ đàm, sinh hoạt chi đoàn, sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn, nói chuyện truyền thống, tuyên truyền, biểu dương người tốt, việc tốt trong học tập, lao động, sản xuất, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, làm cho đoàn viên thanh niên giữ vững lập trường, trung thành với lý tưởng cách mạng, tự hào với truyền thống của các thế hệ cha anh, soi mình vào những tấm gương tiêu biểu trong xó hội, để từ đó, đặt ra cho mình mục tiêu, lý tưởng sống, xây dựng ý thức, động cơ, thái độ học tập đúng đắn, góp sức mình xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu mạnh. Công tác tuyên truyền giáo dục, định hướng giá trị xã hội cho thanh thiếu niên cần xây dựng cho tuổi trẻ ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện để đạt đến các hệ giá trị xã hội chung của con người Việt Nam trong thời đại mới. Đây là quá trình vừa để nâng cao các giá trị truyền thống và tạo ra các giá trị xã hội mới, góp phần chống lại những hạn chế tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường và những xâm nhập thiếu lành mạnh của quá trình toàn cầu hoá. Thực hiện giải pháp này cần có định hướng các ý tưởng, xây dựng các kế hoạch sáng tạo cũng như đảm bảo các kế hoạch này triển khai một cách mềm mại, có những sự đầu tư mới có thể đạt được mục đích như mong đợi.

Hai là, Nhà trường, xã hội cần tạo ra nhiều sân chơi lành mạnh cho đoàn viên thanh niên: tổ chức các loại hình hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các câu lạc bộ với hình thức phong phú đa dạng, phù hợp với tâm lý lứa tuổi nhằm góp phần

giáo dục đạo đức - thẩm mỹ - lối sống cho họ. Đó chính là việc xây đắp nền tảng nhân văn cho đoàn viên thanh niên để góp phần thúc đẩy sự phát triển nhân cách của thanh niên theo hướng đạt tới cái đúng, cái tốt và cái đẹp. Phê phán, đẩy lùi cái xấu, cổ vũ, xây dựng cái đẹp trong thanh niên, làm cho đoàn viên thanh niên có quan niệm, nhận thức và chấp hành tốt nếp sống văn minh nơi công cộng, đấu tranh chống lối sống thực dụng, ích kỷ, chạy theo đồng tiền, coi thường luân thường đạo lý và chống lại các hành vi trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Cần khẳng định rằng chúng ta không thể biến mọi thứ thành "hoàn hảo" nhưng nếu kiểm soát được môi trường xã hội một cách nhất định, trường học "thực tế hóa" nhưng cũng cần "tác động an toàn" thì giới trẻ sẽ sống thật, thể hiện mình vừa vặn nhưng cũng không làm mất cá tính mà lại hình thành bản lĩnh của mình trong màu sắc đã chọn.

Ba là, các cấp quản lý cần có những chương trình liên tịch phối hợp với các cơ quan pháp luật, với chính quyền, cấp ủy Đảng, các đoàn thể chính trị nơi đơn vị cư trú một cách thường xuyên, có nề nếp. Quan tâm giải quyết thấu đáo các nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của thanh thiếu niên, nhất là nhu cầu học tập, sinh hoạt, vui chơi giải trí, nghề nghiệp và việc làm cho thanh niên, có như thế mới có biện pháp quản lý, giáo dục đúng đắn, có hiệu quả, kịp thời ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong đoàn viên thanh thiếu niên. Thực hiện những giải pháp chuyển giao và áp dụng các mô hình, kinh nghiệm định hướng giá trị cho thiếu niên nhi đồng có hiệu quả từ thực tiễn hoạt động của Đoàn thanh niên các cấp. Tổ chức các diễn đàn, hội thảo về giáo dục định hướng giá trị xã hội cho thanh thiếu niên, giới thiệu những mô hình hay, cách làm sáng tạo, thuyết phục về giáo dục định hướng giá trị cho thanh thiếu niên. Đầu tư, thẳng thắn, thuyết phục và chinh phục là những điều cần làm bởi các hình thức của biện pháp này cần lắm sự tham gia, tương tác, sự tác động đúng nghĩa chứ không phải chỉ là phong trào hay chỉ là định hướng chỉ đạo mãi "đi" bên ngoài tâm trí của giới trẻ.

Bốn là, Tăng cường công tác giáo dục, định hướng giá trị xã hội cho thanh niên. Cần nhanh chúng xây dựng và thực hiện đề án về giáo dục đạo đức, lối sống, định hướng giá trị cho thanh niên

trong tình hình mới. Trong đó cần xác định rõ nguồn lực, hình thức, nội dung, đối tượng cần chú trọng trong giáo dục, xác định trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với việc giáo dục định hướng giá trị sống cho thanh niên. Cần chú trọng noi gương, sống chuẩn mực, trong sáng để lan toả trọng nhận thức và tạo hành vi tích cực trong thanh thiếu niên về lối sống. Hình thức truyền thông cần được kiểm soát bởi kiểu tương tác câu view, kiểu giật gân, gây chú ý đình đám để làm cho các bạn trẻ ngỡ ngàng trong thực tế, vỡ òa cảm xúc tiêu cực bằng những suy nghĩ mang tính chủ quan chỉ có thể đẩy một số bạn trẻ xa hơn với định hướng đang có của chính mình về một định hướng giá trị hiện đại nhưng nhân văn, toàn cầu nhưng vẫn màu sắc dân tộc...

Năm là, cần quan tâm định hướng giá trị trong việc lựa chọn hành động cho thanh niên.Việc lựa chọn hành động phản ánh bản chất bên trong về những mong muốn của thanh niên đối với những khuôn mẫu hành vi trong thực tế. Thanh niên ngày nay đề cao sự năng động, tự chủ của cá nhân hơn là sự phụ thuộc; tính thực tiễn và hiệu quả, tính không công thức trong quan hệ, trong công việc dần thay thế cho mô hình giao tiếp mang tính công thức, phụ thuộc, giá trị truyền thống tích cực vẫn đang tồn tại và chi phối nếp nghĩ của thế hệ trẻ hiện nay. Cần tiếp tục thực hiện các hiệu quả các hoạt động tư vấn, hướng dẫn giúp thanh niên lựa chọn hành động đúng, nhất là các hoạt động tư vấn mùa thi, tư vấn việc làm, Các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, định hướng hành vi cho thanh niên trước những diễn biến và dư luận xã hội đang xâm nhập cuộc sống hàng ngày. Hãy cho một lựa chọn nếu những rung động xuất phát từ tâm trí xuất hiện và thôi thúc, các bạn trẻ sẽ đến và hành động đích thực. Hãy dừng lại kiểu phong trào, hô hào hay lấy điểm vì chính lối diễn sẽ là sự lựa chọn của không ít bạn trẻ thích khẳng định, thích thể hiện hay cố gắng ghi điểm, chinh phục mục tiêu cá nhân. Trong khi đó, một số khác lại dần cảm nhận được cái diễn ấy và có những cảm xúc âm tính, tư duy tiêu cực về lối sống với nhiều giá trị cốt lõi có liên quan đến nhóm giá trị đạo đức và nhân văn của con người...

3. Kết luận

Tìm hiểu về sự lựa chọn các giá trị trong định hướng lối sống của thanh niên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là vô cùng cần thiết. Đây là những cơ sở quan trọng để phác thảo những nét chính nhất trong diễn biến tâm lý - đời sống tinh thần của thanh niên để từ đó rút ra những cơ sở khoa học cần thiết trong việc giáo dục thanh niên nói chung và giáo dục lối sống cho thanh niên nói riêng. Các biện pháp nâng cao tính có định hướng, có cân nhắc, lựa chọn cân bằng trong việc lựa chọn các giá trị cho thanh niên hiện nay cần có sự tác động đồng bộ và liên tục nhằm giúp thanh niên lựa chọn cho mình những giá trị đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc hình thành nhân cách cho thanh niên Việt Nam. Trách nhiệm này cần thực hiện trong tầm nhìn chiến lược, có những con người tâm huyết và có ảnh hưởng và nhất thiết phải được nuôi dưỡng bằng những ý tưởng khái quát nhưng đầy chất sáng tạo, thu hút và khuấy lên sự cân bằng, lòng hướng thiện, tinh thần tự trọng của mỗi bạn trẻ trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Một số vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[2] Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (2011), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập,* Nxb Học viện hành chính quốc gia.

[3] Nhiều tác giả (2010), *Cẩm nang những kỹ năng thực hành xã hội cần thiết cho sinh viên,* Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4]http://m.phunutoday.vn/sao-viet/ngoc-trinh-ba-tung-la-than-tuong-cua-gioi-tre-33276.html

[5]http://infonet.vn/Van-hoa/Loi-song/Phat-ngon-soc-cua-Ngoc-Trinh-ba-Tung-co-dinh-huong-gioi-tre/104684.info

ABSTRACT

The article refers the selection of values in shaping the lifestyle of young people in Vietnam. It is also a measure of the personality of the members of Vietnam. The research results show that the selection of the value of youth Vietnam is facing many problems, especially moral values and lifestyle. In addition, the article also mentions a number of measures to improve the correctness of the choice of values for the current youth Vietnam.

CHỨC NĂNG VĂN HỌC - HỆ GIÁ TRỊ GÓP PHẦN HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH HỌC SINH

PGS.TS. Cao Thị Hồng*

1. Văn học nghệ thuật là một hoạt động văn hóa tinh thần không chỉ của người sáng tạo mà cả của người tiếp nhận. Văn học mang những chức năng có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Chức năng của văn học là sự thể hiện vai trò, ý nghĩa, tác dụng của văn học đối với đời sống và con người, là lý do tồn sinh của văn học. Trong thời gian qua, ở nước ta, các nhà lý luận phê bình đã rất quan tâm đến việc nhìn lại, để phát hiện, làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề thuộc chức năng của văn học với tư cách là một hệ giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách con người nhằm xác quyết thêm cho định đề: "Văn học là nhân học" (M.X. Gorki).

Và từ định đề này, các nhà lý luận văn học đã chỉ ra những giới hạn của quan niệm một thời vốn tồn lại khá lâu trong đời sống lý luận phê bình ở nước ta, khi thu hẹp phạm vi của chức năng văn học vào *ba* chức năng: *nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ* mà không thấy được *tính đa chức năng* của văn học. Bởi tác phẩm văn học là một hiện tượng thẩm mỹ độc đáo, xuất phát từ sự phong phú của bản thân hiện thực, từ tính đặc thù của sự phản ánh nghệ thuật, hình tượng văn học nghệ thuật là một hiện tượng thẩm mỹ đa nghĩa. Do tính đa nghĩa ấy, sự tác động của văn học đối với người thưởng thức tác phẩm đặt trong đời sống và ý thức xã hội cũng thể hiện trên nhiều bình diện, nhiều cấp độ khác nhau. Vì vậy, sẽ là hạn chế, nếu xác định văn học chỉ gồm ba chức năng

* Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, nên các nhà lý luận phê bình đã minh chứng thêm nhiều chức năng khác nhau của văn học nghệ thuật như*: giao tiếp, giải trí, thông tin, dự báo, minh họa, kích thích khoái cảm, tái sinh – bổ sung tinh thần, nhân đạo hóa con người,* v…v… Bài viết bàn đến vai trò của những chức năng văn học với tư cách là một hệ giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách học sinh trong nhà trường – đó là việc bồi dưỡng bốn thành tố căn bản trong phẩm tính ở nhân vị người học sinh: đức, trí, thể, mỹ.

2. Chức năng của văn học thường vận động, biến đổi theo sự biến động của đời sống xã hội. Mỗi thời đại, mỗi dân tộc tùy bối cảnh lịch sử cụ thể mà có những yêu cầu khác nhau đối với hoạt động văn học. Vì thế, việc chỉ rõ chức năng văn học nào là quan trọng cũng chỉ mang tính chất tương đối. Chẳng hạn, khi đất nước thanh bình, muôn nhà được no cơm ấm áo, thì người ta tìm đến với văn chương như để giải bày tâm sự vui buồn trong cuộc sống qua việc thưởng ngoạn những vẻ đẹp của văn chương, lúc ấy, các chức năng như *thẩm mỹ, giải trí, kích thích khoái cảm, tái sinh – bổ sung tinh thần, nhân đạo hóa con người*… được chú trọng. Song, lúc đất nước nguy biến bởi nạn ngoại xâm, cả dân tộc dồn sức cho công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, giành độc lập tự do thì chức năng nhận thức, giáo dục lại được đề cao. Lúc này cái cần làm của văn học là phải góp phần thức nhận lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc và ý thức hy sinh quên mình cho sự tồn sinh của tổ quốc. Các yếu tố giáo dục như đức trí thể mỹ lúc này cũng chỉ tập trung cho công cuộc đấu tranh giữ nước mà nói như Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại cáo* đó là: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt trước lo trừ bạo". Như vậy,việc phân chia văn học ra nhiều chức năng riêng biệt chỉ có ý nghĩa tương đối. *Trên thực tế, sự tác động của nghệ thuật đến người tiếp nhận là một rung động thẩm mỹ mang tính tổng hợp của nhiều chức năng, là quá trình chuyển hóa biện chứng, phức tạp, ở đó, các yếu tố chức năng xuyên thấm, hàm chứa lẫn nhau. Một tác phẩm văn học có thể mang rất nhiều những tác dụng khác nhau đến người đọc.* Vì vậy nếu chúng ta biết vận dụng đúng các chức năng của văn học thì các chức năng này sẽ là một hệ giá trị góp phần rất lớn trong việc bồi dưỡng và rèn luyện các nhân tố đức, trí, thể, mỹ để

từ đó hoàn thiện nhân cách của người học sinh trong nhà trường. Đây không chỉ là một định hướng mà còn là một yêu cầu đối với việc giảng dạy văn học xuất phát từ ưu điểm và lợi thế của môn văn học vốn là môn tích hợp nhiều lĩnh vực kiến thức trong đời sống xã hội.

Chức năng nhận thức của văn học là sự thể hiện khả năng văn học cung cấp tri thức, mang đến sự hiểu biết, giúp người đọc khám phá thế giới hiện thực. Và chính điều này sẽ góp phần trong việc bồi dưỡng tri thức cho người học sinh. Từ những ngày đầu đi học, những câu ca dao, tục ngữ, những câu truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn… đã cung cấp cho học sinh những tri thức bước đầu về vẻ đẹp của thiên nhiên như cây cỏ sông núi, hoặc cây đa, bến nước, sân đình: "Xa quê nhớ mẹ nhớ đình/ nhớ cây đa cũ chạnh tình nước non"…, hay về truyền thống đánh giặc giữ nước, về biểu tượng của tình cảm gia đình… qua các truyện Thánh Gióng; Sự tích trầu cau… Rồi sau đó, học sinh sẽ lớn lên trong khí quyển đời sống của những tác phẩm văn học mà họ tiếp nhận, đồng thời, trí tuệ họ sẽ được khai mở cùng với chân trời tiếp nhận văn học của họ và như thế, văn học đã thực hiện chức năng bồi dưỡng tri thức cho những người học sinh trong suốt hành trình học tập của họ trong nhà trường. Tuy nhiên, văn học cung cấp tri thức, mang đến sự hiểu biết cho con người nhưng văn học không như các môn khoa học khác, nhận thức hiện thực theo kiểu phân môn mà phản ánh cuộc sống trong toàn bộ tính toàn vẹn của nó. Văn học chính là cuốn bách khoa toàn thư, là cái kho chứa khổng lồ những tri thức về hiện thực đời sống. Văn học dễ dàng tái hiện lại quá khứ, chứa đựng nhiều những sự kiện lịch sử, cung cấp những tri thức giá trị về kinh tế, văn hóa, quân sự…

Không chỉ có những người sáng tác, thưởng thức văn học mới nhận thấy chức năng phản ánh hiện thực của văn học, chính các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mark cũng đánh giá cao khả năng cung cấp tri thức của văn học. Văn học còn giúp ta tìm hiểu thân phận của con người, khám phá các tính cách xã hội của một giai đoạn xã hội, một tầng lớp, một giai cấp…

Chức năng nhận thức của văn học nghệ thuật là vô cùng rộng lớn, tùy theo cách diễn đạt của nhà văn, sự sáng tạo của người sĩ,

sự cảm thụ của người thưởng thức mà văn học có những tác động khác nhau. Chức năng nhận thức của văn học là khả năng của văn học trong việc cung cấp tri thức bách khoa về đời sống, mang lại sự hiểu biết, nhất là hiểu biết về các tính cách xã hội, những bí ẩn trong tâm hồn con người.

Lý luận văn học ở Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập cũng xác định *nội dung quan trọng nhất trong chức năng nhận thức của văn học là giúp con người tự nhận thức bản thân, hiểu được giá trị của mình, thấy được vị trí của mình, biết mình phải làm gì và có thể làm gì trong cuộc sống chung, sống cuộc sống có ý thức sâu sắc về giá trị và năng lực của mình để phấn đấu và sáng tạo*. Như thế, học sinh không chỉ được bồi bổ về trí tuệ mà còn được bồi bổ cả về các mặt đạo đức, thể chất và mỹ học.

Chức năng giáo dục của văn học là khả năng tác động của nó tới quá trình hình thành, hoàn thiện nhân cách con người. Văn học là một *môi trườngnuôi dưỡng tình cảm nhân ái*. Những tác phẩm văn học ưu tú luôn khơi dậy trong tâm hồn con người khả năng đồng cảm, làm cho họ biết vui, biết buồn, dạy cho họ biết yêu, biết ghét, biết khinh bỉ sự phản trắc, cái tẹp nhẹp, tầm thường, lười biếng. Văn học khơi dậy ở ta niềm tin vào sự tất thắng của cái thiện trong đời sống. Thơ văn Nguyễn Trải, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng, Thanh Tịnh, Thạch Lam, Hàn Mặc Tử, Bích Khê… là những tác phẩm văn học như thế. Chính qua những tác phẩm này mà những phẩm chất đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc được hình thành nơi người học sinh, từ đó nhân cách của họ được sớm hoàn thiện. Đây cũng là một hệ giá trị của chức năng giáo dục mang đến cho người học mà chúng ta không thể không quan tâm về mặt giáo dục đạo đức cho học sinh.

Trước đây, khi bàn về chức năng giáo dục của văn học, vấn đề giáo dục đạo đức, chính trị, tư tưởng lập trường giai cấp, thường được đề cao: "Chức năng cải tạo cũng là chức năng đấu tranh, chức năng chiến đấu và chức năng tạo dựng của văn học. Tính chất "công cụ", "vũ khí" của văn học biểu hiện ở chỗ này (…). Nói đến chức năng cải tạo của văn học là nói đến việc nhà văn dùng tác phẩm để truyền đạt lý tưởng sống của bản thân mình, mà

cũng là lý tưởng sống của một giai cấp, một lực lượng, một thời đại mà mình là tay, chân, tai, mắt"[1].

Hiện nay, chức năng giáo dục được nhấn mạnh ở khả năng "cảm hóa", *tự giáo dục* của văn học nghệ thuật. Hiệu quả của tác phẩm đến với con người một cách tự nhiên. Trong quá trình tác động để cải biến con người, tác phẩm nghệ thuật là người đồng hành, người đối thoại với bạn đọc. Tác phẩm chân chính bao giờ cũng nhằm khơi dậy cuộc đấu tranh, sự vật lộn bên trong ở mỗi người khi tiếp nhận nghệ thuật. "Nó là tấm gương để con người tự soi mình, tự đối chiếu và tự phán xét về người khác, cũng như về chính bản thân mình. Bằng cách đó, văn học chuyển quá trình giáo dục thành tự giáo dục"[2]. Như vậy các nhà nghiên cứu lý luận đã thừa nhận tác động của văn học đối với con người là mạnh mẽ, nhưng lâu dài, chìm sâu vào nỗi trăn trở của nhân cách. *Sự giáo dục bằng nghệ thuật không có tính chất cưỡng bức mà là một hoạt động tự giác*, văn học nghệ thuật gieo vào lòng người sự cảm nhận về cái tốt, ý thức về cái xấu, nỗi khát khao hướng thiện, tất cả nằm trong thế khả năng chứ không phải sự tác động tức thì.

Trong dự thảo chương trình môn Ngữ văn giảng dạy ở bậc phổ thông (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 19/01/2018) nêu rõ: "Cùng với yêu cầu tích hợp nội môn, trong khi dạy đọc, viết, nói và nghe, giáo viên còn phải biết tận dụng các cơ hội để lồng ghép một cách nhuần nhuyễn, hợp lí vào giờ học các yêu cầu giáo dục liên môn (Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Nghệ thuật) và những nội dung giáo dục ưu tiên xuyên suốt toàn chương trình giáo dục phổ thông (chủ quyền quốc gia, hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, quyền con người, quyền trẻ em, bình đẳng giới, giáo dục tài chính,...). Tuy nhiên như đã phân tích ở trên chức năng giáo dục của văn học có đặc thù riêng của nó mà nếu hiểu không đúng thì việc "lồng ghép", "tích hợp" những nội dung khác vào bài giảng sẽ biến giờ giảng văn thành giờ giáo huấn đạo đức và các vấn đề khác phi văn học, bởi

---

1. Nhiều tác giả (1978), *Văn học cuộc sống nhà văn*, (Hoàng Trinh chủ biên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội,tr. 188.

2. Phương Lựu (Chủ biên) (1997), *Lý luận văn học* (*tái bản lần thứ nhất*), Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.174, 175.

bản thân văn chương đã mang tính tự giáo dục rất sâu sắc và tinh tế. Việc thầy/cô dạy "tích hợp" nhiều vấn đề trong giờ văn có thể sẽ "thủ tiêu" văn chương, làm cho giờ văn trở nên khiên cưỡng, đơn điệu, nhạt nhẽo, xơ cứng. Văn chương không thể là gì khác ngoài việc phải luôn được là chính nó thì mới phát huy được chức năng đặc thù của văn chương đối với con người và cuộc sống: nó giúp người đọc hiểu biết sâu sắc về thế giới, về "con người bên trong con người", giúp con người sống nhân hậu, biết yêu thương, biết căm ghét cái xấu, cái ác, cái đê hèn để hướng đến những ứng xử mang giá trị nhân văn, góp phần làm cuộc sống ngày càng thêm tốt đẹp. Và đây là điều chúng ta cần lưu ý trong quá trình thực hiện chức năng giáo dục của văn học trong việc dạy tích hợp để làm thế nào đạt hiểu quả cao nhất trong việc hoàn thiện nhân cách cho học sinh về mặt đạo đức, một vấn đề mà hiện nay đang là điều đáng lo ngại trong văn hóa học đường. Giáo dục đạo đức qua chức năng giáo dục của văn học là một điều vô cùng tinh tế vì vậy nó cũng cần được ứng dụng hết sức tinh tế thì mới "đắc nhân tâm" được.

Chức năng thẩm mỹ được xem xét ở hai cấp độ cơ bản: 1/ Thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, khơi dậy những khoái cảm nghệ thuật; 2/ Hình thành thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ, đánh thức chất nghệ sĩ và tinh thần sáng tạo của con người. Xét về mối quan hệ của các chức năng với nhau lý luận đổi mới nhận thức chức năng thẩm mỹ là nét riêng nhất làm cho văn học nghệ thuật là hình thái ý thức không thể thay thế được. Nếu trước đây, trong bối cảnh đấu tranh giải phóng dân tộc ở thế kỷ XX, chức năng thẩm mỹ cũng được nhắc đến nhưng đặt ở mức thấp hơn so với chức năng tuyên truyền, giáo dục thì nay đến thời kỳ đổi mới ý thức về vị trí của chức năng thẩm mỹ được nhìn nhận lại công bằng, hợp lý hơn. *Chức năng thẩm mỹ được coi là chức năng đặc thù tương ứng với đặc trưng, bản chất của văn học nghệ thuật*. Dạy – học văn chương trong nhà trường là góp phần phát triển năng lực thẩm mĩ của học sinh qua việc tiếp nhận, cảm thụ, thưởng thức vẻ đẹp của ngôn từ nghệ thuật, qua lời ăn tiếng nói khi giao tiếp, qua vẻ đẹp nhân văn của đề tài, chủ đề, của tư tưởng và hình tượng nghệ thuật. Và đây chính là cơ sở để bồi dưỡng các nhân tố đức trí thể mỹ trong việc hoàn thiện nhân cách của người học sinh.

Lý luận văn học hiện nay cũng lưu ý rằng, sở dĩ nghệ thuật dễ tác động, biến cải được con người là bởi nó vui tươi, hấp dẫn. Dường như giáo dục, giải trí, vui chơi hợp làm một. Thậm chí những tác phẩm thuộc các thể loại hài hước, châm biếm tưởng như thiếu "nghiêm túc" thì việc giáo dục lại đặt ra hết sức nghiêm túc. Từ điểm độc đáo này của sự tác động nghệ thuật, lý luận khẳng định thêm một chức năng nữa của văn học nghệ thuật mà trước đây không được bàn đến: *chức năng giải trí.*

Từ trong bản chất của mình văn học nghệ thuật mang chức năng giải trí. Nhà lý luận văn học người Mỹ, Barnet cho rằng trong văn học nghệ thuật có yếu tố "trò diễn", có nghĩa là mua vui, vui chơi, người đọc chờ đợi ở tác phẩm sự vui thú, khoái trá. Không thể quan niệm đơn giản rằng văn học nghệ thuật chỉ là để "mua vui", nhưng nếu không chú ý đến điểm này sẽ làm cho văn học nghệ thuật ít hấp dẫn, lôi cuốn. Giải trí trong văn học nghệ thuật không hẳn giống như giải trí trong các lĩnh vực khác như chơi cờ, đi dạo, chơi các môn thể thao,… đây là quá trình độc giả tìm đến những khoái cảm thẩm mỹ, những rung động tình cảm mà nghệ thuật mang lại. Nó làm cho con người thích thú, say mê, khát khao hướng về cái đẹp, cái thiện. Giải trí bằng văn học nghệ thuật làm cuộc sống của con người phong phú hơn, có thể nói văn học nghệ thuật là "trò diễn" hữu ích đối với con người: "Không sa vào khuynh hướng giải trí tầm phào, rẻ tiền, bị "thương mại hóa" chi phối, văn nghệ giải trí lành mạnh, bổ ích và giàu chất trí tuệ vẫn tiếp tục xuất hiện. Nó khơi dậy, thắp sáng lên trong con người một nguồn lực trong trẻo, ham sống và yêu đời, nhìn thẳng vào sự thật, khắc phục các khó khăn và trở ngại, đấu tranh chống tiêu cực, cái xấu và cái ác"[1]. Như vậy, chức năng giải trí của văn học cũng là một thành tố không thể thiếu trong việc rèn luyện nhân cách toàn diện cho học sinh về các mặt đức trí thể mỹ chứ không chỉ đơn thuần là việc "mua vui", giải trí. Tiếp nhận một tác phẩm văn học nghệ thuật, học sinh không chỉ được bồi dưỡng về tri thức, về đạo đức mà còn thỏa mãn được những nhu cầu thẩm mỹ và thể chất của mình làm cho cuộc sống của họ giàu có hơn, ý nghĩa hơn.

1. Nguyễn Ngọc Thiện (2005), *Phong cách và Đời văn*, Nxb. Khoa học Xã hội, tr.56.

3. Tóm lại, trong bối cảnh giáo dục hiện nay, khi mà văn hóa học đường có những vấn đề đang xuống cấp đến mức phải báo động, thì việc đào sâu, hiểu đúng hơn về nội hàm những chức năng cơ bản của văn học để ứng dụng vào việc giáo dục đức trí thể mỹ để góp phần hoàn thiện nhân cách cho học sinh là một điều vô cùng quan thiết. Văn học với tư cách là một khoa học nghiên cứu về con người không thể thờ ơ trước sự xuống cấp về đạo đức học đường. Song, làm thế nào để văn học góp phần vào vấn đề rèn luyện đức trí thể mỹ để hoàn thiện nhân cách của học sinh cũng là một vấn đề không đơn giản, và không thể giải quyết một sớm một chiều được. Bởi giáo dục bao giờ cũng là một quá trình mà đã là quá trình thì cần phải có thời gian mới thực hiện được. Từ góc độ của một người nghiên cứu và giảng dạy văn hoc, với những trải nghiệm của mình, chúng tôi thấy rằng nếu chúng ta thực hiện và vận dụng tinh tế các chức năng văn học vào việc dạy và học trong nhà trường thì đây sẽ là một hệ giá trị không thể phủ nhận trong việc góp phần bồi dưỡng các thành tố đức trí thể mỹ để từ đó làm tiền đề hoàn thiện nhân cách của học sinh, hầu giúp cho các em có đủ phẩm tính cao đẹp của một con người đáp ứng những nhu cầu của đất nước trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Bởi, "sự gắn bó giữa các chức năng làm cho văn học có sức tác động sâu xa, bền bỉ, có sức sống, mãnh liệt, lâu dài trong đời sống"[1]. Và như vậy việc ứng dụng các chức năng văn học sẽ là một diệu pháp giúp chúng ta hoàn thiện được quá trình giáo dục học sinh trong nhà trường và đây chính là một hệ giá trị góp phần hoàn thiện nhân cách học sinh mà chúng ta không thể không lưu tâm trong việc đi tìm các hệ giá trị để thực hiện mục tiêu giáo dục trong nhà trường, nhất là trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

C.T.H

1. Trần Đình Sử (Chủ biên), (2007), *Giáo trình lý luận văn học, Bản chất và chức năng văn học*, Nxb. ĐH Sư Phạm, Hà Nội, tr.221.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phương Lựu (Chủ biên), (1997), *Lý luận văn học* (*tái bản lần thứ nhất*), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

2. Nhiều tác giả, (1978), *Văn học cuộc sống nhà văn*, (Hoàng Trinh chủ biên), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.

3. Nhiều tác giả, (2006), *Khoa học giáo dục đi tìm diện mạo mới*, Nxb. Trẻ và tạp chí Tia Sáng.

4. Trần Đình Sử (Chủ biên), (2007), *Giáo trình lý luận văn học, Bản chất và chức năng văn học*, Nxb. ĐH Sư Phạm, Hà Nội.

5. J.J Rousseau, (2008), Émile hay là về giáo dục, (Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương dịch), Nxb Tri Thức, Hà Nội.

6. Jean Chateau, (1971), *Triết lý giáo dục* (bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân, Trần Hữu Đức), Nxb Trẻ, Sài Gòn.

7. Nguyễn Ngọc Thiện, (2005), *Phong cách và Đời văn*, Nxb. Khoa học Xã hội.

Nhân tính, Quốc tính và Cá tính

Giản Tư Trung*

Bản chất sâu xa của việc bàn về "*Giáo dục giá trị trong nhà trường*" cũng chính là bàn về "Triết lý giáo dục". Dù đã có vô số bài viết và không ít diễn đàn bàn luận, nhưng với nhiều người, "triết lý giáo dục", "đích đến của giáo dục" vẫn là một đề tài không những chưa bao giờ cũ mà còn luôn có tính thời sự.

Theo tôi, đi tìm triết lý giáo dục chính là trả lời ba câu hỏi sau: *(1) Thế nào là con người? (2) Chúng ta muốn tạo những con người như thế nào? (3) Làm thế nào để tạo ra những con người như vậy?*

Như vậy, nghĩ về triết lý giáo dục hay đích đến của giáo dục thực chất là nỗi trăn trở về câu chuyện: "Chân dung" con người mà chúng ta muốn tạo ra trong nền giáo dục này rốt cuộc sẽ là gì, cụ thể như thế nào? Mỗi người, mỗi nhà, mỗi trường, mỗi quốc gia đều có thể mô tả "chân dung" ấy theo nhận thức và cách thức của riêng mình.

Sau nhiều năm làm giáo dục, cũng như sau nhiều năm trực tiếp phụ trách giảng dạy chuyên đề *"Bàn về Sự học*" và chuyên đề "*Quản trị Cuộc đời*" ở Trường PACE và Viện IRED, tôi nghiệm ra rằng, con người với "**Nhân tính, Quốc tính và Cá tính**" ("CON NGƯỜI TAM TÍNH") là đích đến của giáo dục.

---

* Giản Tư Trung là nhà hoạt động giáo dục, Viện trưởng Viện Giáo Dục IRED, Hiệu trưởng, trường Doanh Nhân PACE, Phó Chủ tịch Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh, Trưởng Ban Tổ Chức Giải Sách Hay thường niên; Tác giả sách "Đúng Việc - Một góc nhìn về câu chuyện khai minh".

1. "Nhân tính"?

Là những đặc trưng văn hóa để phân biệt *con người* với "*con khác*", phân biệt giống người với những giống loài khác; khiến con người trở nên khác với muông thú, cỏ cây và máy móc. Đó phải là nhân quyền, nhân bản, nhân văn; là những giá trị có tính phổ quát và trường tồn, được nhân loại tiến bộ cùng chia sẻ như là "tự do, bình đẳng, bác ái" hay "chân, thiện, mỹ", chứ không bị giới hạn hay chi phối bởi những góc nhìn của quốc gia, chủng tộc, tôn giáo hay thời đại.

Để hình thành nhân tính thì phải có cái "đầu sáng", trái "*tim nóng*" và cái "*bụng rộng*". "Đầu sáng" là cái đầu có khả năng minh định được ai là ai, cái gì là cái gì, và mình là ai; minh định được đúng-sai, phải-trái, chân-giả, thiện-ác, chính-tà…. "Tim nóng" là trái tim có hồn, biết rung cảm trước cái đẹp, nhất là cái đẹp vô hình, cái đẹp không nhìn thấy, không sờ thấy, mà chỉ có thể cảm thấy mà thôi; biết thổn thức trước nỗi đau của đồng loại; biết phẫn nộ trước cái ác; đầy tình yêu thương và giàu lòng trắc ẩn… "Bụng rộng" là sự bao dung, vị tha; chỉ có "bụng rộng" thì ta mới bớt hẹp hòi, bon chen, đố kỵ; chỉ có bụng rộng thì ta mới có thể chứa được cả sự hẹp hòi của người khác….

Nói cách khác, con người là một sinh vật có nhân tính, và nếu không có nhân tính thì không phải là con người, mà chỉ là con vật mang hình hài của con người.

2. "Cá tính"?

Là con người độc lập, tự do; là đạo sống, giá trị sống, cách sống và thái độ của mình; là "bề trong" (phẩm giá), "bề trên" (đức tin) và "bề ngoài" (tính cách) của riêng mình; là "chân thẳng" và "chân ga" bên trong con người của mình nhằm ngăn chặn mình làm điều ác và thôi thúc mình làm điều đúng; là thứ để phân biệt mình với người khác, khiến mình khác với đồng loại của mình; là cái mà chúng ta muốn đề cập đến khi thốt lên "Tôi muốn được là chính mình!", "Tôi muốn được sống đúng con người của mình, sống đúng với lòng mình!".

Lâu nay chữ "cá tính" thường được hiểu theo nghĩa là một nét

dị biệt khác người, cũng như chữ "tự do" hay được hiểu là "muốn làm gì thì làm". Nhiều cha mẹ ngày nay sẵn sàng cày cuốc sớm hôm để đáp ứng mọi nhu cầu của con, cho con vào những ngôi trường học phí cao chót vót, nơi con "thoải mái thể hiện cá tính không sợ bị ai la rầy". Nhưng rồi vẫn có không ít những đứa trẻ lớn lên trong sự nổi loạn, hoang mang đi tìm chính mình.

Bởi lẽ, cá tính nếu không được xây dựng trên nền tảng của nhân tính thì sẽ trở thành… "quái tính", cũng như tự do không có văn hóa sẽ trở thành thứ tự do hoang dã. Bởi lẽ, muốn "được là mình" thì trước hết cần "được là người" cái đã; muốn "*khác người*" thì trước hết phải "*giống người*" cái đã, nếu không sẽ rất "*kinh người*".

3. "Quốc tính"?

Được cấu thành bởi *"dân tính"* và *"tộc tính"*. "Dân tính" tức là "trách nhiệm công dân", là "năng lực làm dân", là dân quyền. Còn "tộc tính" có thể được hiểu là "hồn cốt dân tộc", căn tính quốc gia; là cảm thức về gốc gác, cội nguồn; là nếp sống của gia tộc, dòng tộc, sắc tộc; là "cái neo văn hóa" của mình trong "chốn năm châu".

Một đứa trẻ Việt được sinh ra và lớn lên ở hải ngoại thì có thể vừa có quốc tính Việt Nam, vừa có quốc tính của nơi mà mình lớn lên. Nhưng một đứa trẻ có cha mẹ Việt, sinh ra và lớn lên trên đất Việt, nhưng lại không rành tiếng Việt lắm, thường chỉ thích ăn đồ Tây, không quan tâm cội nguồn dân tộc Việt, ít có nét văn hóa Việt nào trong người thì liệu có thể được coi là một "người Việt"? Nghe có vẻ lạ lùng, nhưng trên thực tế đang tồn tại không ít trường hợp như thế, như một số anh chị học viên thường buồn rầu chia sẻ với tôi là "con mình thành con Tây!" (dù vẫn chỉ là "da vàng mũi tẹt").

Đến đây, một câu hỏi được đặt ra là, trong tính cách của dân tộc nào, bao giờ cũng có cả cái tốt lẫn cái xấu, có cả hủ tục lẫn mỹ tục, vậy thì sẽ lấy cái gì để minh định đâu là "quốc tính" mà ta nên giữ và nên bỏ? Chẳng hạn, đã từng xảy ra tranh cãi về chuyện chém lợn ở làng Ném Thượng. Nghi lễ ấy đã tồn tại hơn 800 năm, lẽ nào không xứng đáng là "quốc tính"? Nhưng liệu "quốc

tính" của người Việt có máu me và bạo lực như thế!? Từ ví dụ đó, có thể thấy "quốc tính" trong giáo dục cũng cần được xây dựng dựa trên nền tảng "nhân tính". Nói cách khác, "nhân tính" sẽ là một màng lọc để loại ra những "quốc tính" trái với nó. Một "quốc tính" (gồm cả "dân tính" và "tộc tính") cho dù ăn sâu bén rễ lâu và sâu đến đâu nhưng nếu đi ngược lại với "nhân tính" sẽ không bao giờ là điều đáng để giữ gìn.

Nếu như "quốc tính" được sàng lọc bởi "nhân tính" thì "cá tính" sẽ được hình thành trên nền tảng của "nhân tính" và được vun bồi bởi "quốc tính".

Có đích đến cũng chưa chắc đã có con đường để tới đích, nhưng nếu không có đích đến thì chắc chắn sẽ không có con đường nào cả. Do vậy, mọi cải cách giáo dục sẽ lại rơi vào tình trạng sáo mòn và bế tắc, nếu chúng ta (nhà nước, nhà trường, nhà giáo, thức giả, phụ huynh, học sinh…) không cùng nhau làm rõ được đích đến thực sự của giáo dục là gì, không tập trung giúp người học trên hành trình tự lực khai phóng để trở thành con người tự do, có khả năng lãnh đạo bản thân, làm chủ cuộc sống và sáng tạo số phận. Khi ấy, nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ tạo ra một thế hệ "điểm số cao"

nhưng ít tình người, một thế hệ hoang dã mà thiếu cá tính, một thế hệ người-Việt-mà-không-phải-người-Việt, một thế hệ mang danh "công dân toàn cầu" mà không có "tổ quốc".

"Công dân toàn cầu" đúng nghĩa sẽ không chỉ có sức vóc, có chuyên môn, mà còn là những con người rất "nhân loại", rất "dân tộc", và cũng rất là "chính mình".

"Công dân toàn cầu" đúng nghĩa sẽ không chỉ học vì điểm số hay bằng cấp, mà còn học cho "ra người" (nhân tính), học cho "ra mình" (cá tính), học cho "ra dân" (quốc tính) và học cho "ra nghề" (chuyên môn).

Thế nên, bất kể sự học hay sự dạy nào cũng cần hướng về đích đến "**Nhân tính, Quốc tính** và **Cá tính**". Bởi lẽ, đó chính là đặc tính của *Con Người Tự Do*, và cũng là đích đến của *Giáo Dục Khai Phóng*!

G.T.T

GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI MỘT CHẾ ĐỊNH QUAN TRỌNG CỦA GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN HIỆN NAY Ở NƯỚC TA

PGS.TS. Hồ Xuân Thắng*

Giáo dục giá trị đích thực của quyền con người là cung cấp những hiểu biết về nội dung, ý nghĩa của các quyền cơ bản của con người, được coi là hạt nhân của giáo dục giá trị trong nhà trường. Tức là giáo dục chính trị, đạo đức, xã hội và văn hóa, gắn liền với sự phát triển của văn minh loài người, các nhóm khác nhau trong xã hội, trang bị tri thức, sự hiểu biết các quyền mang tính bảo vệ như quyền khiếu nại, quyền tố cáo, quyền khởi kiện, quyền được sống và mưu cầu hạnh phúc. Tất cả đều tạo thành nền tảng của thể chế nhà nước pháp quyền, giáo dục ý thức tôn trọng quyền của người khác, nhất là tôn trọng các quyền của những nhóm người yếu thế trong xã hội, đồng thời cung cấp cơ sở cho việc giải quyết xung đột và thúc đẩy trật tự xã hội. Nhìn nhận theo góc độ nghiên cứu khoa học pháp lý, mục tiêu của giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học là "*Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội,*

* Trường Đại học Sài Gòn

góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước"[1]. Nó thật sự đóng một vai trò then chốt của sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện của ngành giáo dục nước nhà mà Đảng và nhân dân ta đang hướng tới trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới.

Bài viết tập trung phân tích lý luận (mục tiêu, phương pháp, nội dung) và thực tiễn giáo dục quyền con người ở môi trường đại học trên phương diện khoa học pháp lý. Đồng thời kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị quyền con người trong nhà trường đại học của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để cùng nhau trao đổi.

1. Những cơ sở pháp lý quyền con người và giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học hiện nay ở nước ta

1.1. Quyền con người trong Hiến pháp hiện hành ở nước ta

Hiến pháp năm 2013 được thông qua tại kỳ họp thứ 6 - Quốc hội khóa XIII gồm 11 chương, 120 điều (giảm 1 chương và 27 điều so với Hiến pháp năm 1992) có hiệu lực từ ngày 1-1-2014. Hiến pháp 2013 có nhiều điểm mới cả về nội dung và kỹ thuật lập hiến; thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó, Quyền con người được quy định trong Chương II của Hiến pháp 2013 được các nhà làm luật xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung và bố cục lại Chương V của Hiến pháp năm 1992 (Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân). Như vậy, Hiến pháp sửa đổi năm 2013 thống nhất quy định về quyền con người phù hợp với xu thế mới của Đảng và nhà nước nhằm xây dựng một nhà nước pháp quyền tương thich với sự phát triển mang tính toàn cầu hóa của quan hệ quốc tế mà nước ta là thành viên. Hiến pháp 2013 thể hiện rõ quan niệm đề cao chủ quyền Nhân dân, coi Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực Nhà nước, nên quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phải được xác định ở vị trí trang trọng hàng đầu trong một bản Hiến pháp. Việc hiện thực hóa quyền con

1. Đề án số Số:1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

người, quyền công dân trong Hiến pháp sửa đổi là sự tiếp nối, kế thừa các bản Hiến pháp trước đây, đồng thời, chuyển hóa sâu sắc nhiều nội dung, tinh thần các Công ước quốc tế về quyền chính trị, dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, nhân quyền, tạo nền tảng pháp lý cao nhất bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân được thực hiện, đáp ứng mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Tại Điều 14 Hiến pháp 2013 khẳng định "*Ở nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*". Quy định này thể hiện sự nhất quán, phát triển quan trọng về nhận thức và tư duy trong việc ghi nhận quyền con người, quyền công dân của nhà nước ta.

Như vậy, giáo dục quyền con người phải lấy nội dung quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân trong Hiến pháp hiện hành (văn bản gốc của quốc gia) để làm cơ sở trọng tâm cho việc giáo dục giá trị cốt lõi trong nhà trường nói chung và trường đại học nói riêng.

1.2. Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân của Chính phủ.

Căn cứ theo quy định của Hiến pháp năm 2013[1], ngày 05 tháng 9 năm 2017, Chính phủ ban hành quyết định số 1309/QĐ-TTg phê duyệt đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Đây là cơ sở pháp lý cơ bản thể hiện nhiệm vụ chính trị của chính phủ trong việc giáo dục giá trị cốt lõi quyền con người trong thời đại ngày nay ở nước ta với:

---

1. Điều 35 và 36 Hiến pháp năm 2013, quy định: Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu Nhà nước và xã hội phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài với mục tiêu của giáo dục là hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân; đào tạo những người lao động có nghề, năng động và sáng tạo, có niềm tự hào dân tộc, có đạo đức, có ý chí vươn lên góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà nước phát triển cân đối hệ thống giáo dục gồm giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học; thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phát triển các hình thức trường quốc lập, dân lập và các hình thức giáo dục khác.

Thứ nhất: Quan điểm: + Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, phê chuẩn về quyền con người.

+ Bám sát mục tiêu, yêu cầu, định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Chiến lược Phát triển giáo dục và Chiến lược phát triển Dạy nghề giai đoạn 2011 - 2020.

+ Bảo đảm tính tư tưởng, khoa học, liên thông và thực tiễn của việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục, phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo.

+ Bảo đảm thực hiện việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, cập nhật và phù hợp với xu hướng tiến bộ của khu vực và thế giới.

Thứ hai: Mục tiêu: + Mục tiêu chung: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

+ Mục tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2017 - 2020: Đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân, cụ thể:

- Hoàn thành việc bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho đội ngũ chuyên gia, giảng viên, giáo viên và cán bộ cốt cán tham gia biên soạn chương trình giáo dục, sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu của từng cấp học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Phấn đấu trong năm 2018 bồi dưỡng 100% số người viết chương trình, 100% số người biên soạn tài liệu học tập và biên soạn bộ sách giáo khoa phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, cùng với một số tác giả bộ sách giáo khoa khác; Hoàn thành xây dựng chương trình thí điểm phù hợp với tiến độ triển khai chương trình

giáo dục phổ thông mới; Tập huấn cho giảng viên, giáo viên thí điểm đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đến năm 2020, tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán cấp tỉnh có giảng dạy lồng ghép kiến thức quyền con người ở các cấp học; Tổ chức dạy thí điểm nội dung giáo dục quyền con người cho các cấp học, chương trình đào tạo, trong đó đối với giáo dục đại học, tổ chức dạy thí điểm cho các khối trường theo nhóm ngành đào tạo (dự kiến 03 trường mỗi khối trường).

b) Giai đoạn 2021 - 2025: Triển khai đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, giáo viên các cấp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy về quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân được tập huấn, bồi dưỡng; Hoàn thành việc biên soạn và đưa vào sử dụng sách giáo khoa, giáo trình, các tài liệu tham khảo về quyền con người phục vụ giảng dạy, đào tạo phù hợp với từng cấp học và trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; Đến năm 2025, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tổ chức giáo dục quyền con người cho người học.

Thứ ba: Nội dung chương trình giáo dục quyền con người

Trong hệ thống các giá trị mà nhân loại đã tạo ra, quyền con người có vị trí quan trọng vừa là mục tiêu, động lực, vừa là điều kiện thúc đẩy sự phát triển của các giá trị còn lại. Tôn trọng và thúc đẩy việc bảo đảm quyền con người đã trở thành xu thế tất yếu mang tính toàn cầu, theo đó, giáo dục quyền con người (giáo dục nhân quyền) cũng trở thành yêu cầu bức thiết, mang tính thời đại. Giáo dục quyền con người là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có mục đích của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ tri thức về quyền con người để biết tự mình bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của các chuẩn mực trong pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về quyền con người. Do vậy, Chương trình giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân mà đề án của Chính phủ phê duyệt được xác định

cụ thể cho từng cấp học và chương trình đào tạo, trong trường đại học cũng không là một ngoại lệ: 1. Mục tiêu giáo dục; 2. Nội dung giáo dục; 3. Chương trình giáo dục; 4. Tài liệu giáo dục.

2. Ý nghĩa, mục tiêu, đối tượng, nội dung phương pháp giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học ở nước ta

2.1. Ý nghĩa của việc giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học

Xét trên phương diện quốc tế, lịch sử phát triển loài người cho thấy ở bất kỳ nơi đâu, giai đoạn lịch sử nào thì tri thức nói chung và trí thức về quyền con người cũng thật sự là nền tảng cho sự phát triển và tiến bộ của toàn xã hội, nó là tiền đề cho sự phát triển nhân cách giá trị con người bằng năng lực của mỗi chủ thể. Nói một cách bao quát hơn thì tri thức quyền con người nó có giá trị làm tiền đề cho hòa bình, thịnh vượng và công bằng của toàn nhân loại. Tuy nhiên, có một thực tế lịch sử không thể chối bỏ được đó là "có hàng triệu người sinh ra rồi chết đi mà không hề biết rằng chính họ là chủ thể của các quyền con người"[1]. Theo phần lớn của các nhà khoa học khi nghiên cứu về quyền con người, chỉ có thể làm thay đổi thực trạng nói trên mạnh mẽ nhất đó là đẩy mạnh và cần quan tâm hơn nữa đến việc giáo dục để nâng cao nhận thức về giá trị quyền con người của con người. Như vậy, chân lý "kiến thức về giá trị quyền con người chỉ có thể được phổ biến và nhận thức được thông qua giáo dục" đang là một điểm chung nhất trong nhận thức ở nước ta với tất cả các nước trên thế giới. Chính trong Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp quốc đã khẳng định rõ tầm quan trọng của tri thức, giá trị về giáo dục quyền con người cũng như vai trò của giáo dục trong việc phổ biến tri thức về quyền con người …*thúc đẩy sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người*" [2]. Giáo dục giá trị quyền con người nhằm thúc đẩy sự tôn trọng quyền con người được đề cao trong nhiều văn kiện quốc tế của Liên hợp quốc như Công ước

1. Theo Wolfgang Benedek (chủ biên) Tìm hiểu về quyền con người, NXB Tư pháp
2. Điều 26(2) Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 của Liên Hợp quốc.

quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966, Công ước quốc tế về quyền trẻ em năm 1989 và đặc biệt trong tuyên bố Viên và chương trình hành động được thông qua tại Hội nghị thế giới về quyền con người lần thứ hai tổ chức tại Thủ đô Viên nước Áo năm 1993. Xét theo phương diện khoa học pháp lý, trong các văn bản này không có khái niệm chung nhất nhưng nội hàm của các văn kiện này có thể hiểu Quyền con người là những hoạt động giảng dạy, tập huấn hoặc phổ biến thông tin vê giá trị quyền con người[1].

Xét theo phương diện quốc tế, kể từ ngày Việt Nam nước ta trở thành thành viên của Liên hợp quốc, chúng ta đã tham gia một cách tích cực vào việc thực thi các văn kiện của quốc tế về quyền con người. Việc này đã đặt ra cho nước ta những nghĩa vụ phải chấp hành các cam kết quốc tế trên lĩnh vực này một cách nghiêm túc và hiệu quả, trong đó có nghĩa vụ về giáo dục, phổ biến về quyền con người. Theo chúng tôi, Giáo dục quyền con người trong trường đại học hiện nay ở nước ta có ý nghĩa vai trò rất to lớn như sau:

- Giáo dục quyền con người trong trường đại học là góp phần bảo đảm yêu cầu giáo dục toàn diện của bậc giáo dục đại học và bảo đảm phát triển toàn diện cho Sinh viên.

- Là cơ sở cho việc hình thành ý thức tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy và đấu tranh cho quyền con người,từ đó góp phần xây dựng văn hóa quyền con người.

- Giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học là điều kiện bảo đảm cho việc hiện thực hóa quyền con người mà mục đích cao cả của Đảng và Chính phủ Việt Nam đang hướng tới.

- Giáo dục quyền con người trong nhà trường đại học thật sự góp phần xây dựng nhà trường thân thiện, sinh viên tích cực và phòng ngừa bạo lực học đường củng cố trí tuệ và niềm tin để họ trở thành chủ thể

2.2. Mục tiêu, đối tượng và hình thức của việc giáo dục giá trị quyền con người

- Mục tiêu:

1. Nghị quyết A/53/469 ngày 20/10/1997 của Đại hội đồn Liên hợp quốc.

Theo Liên hợp quốc, mục đích cuối cùng của hoạt động giáo dục về quyền con người là xây dựng một nền văn hóa giá trị quyền con người mà nền tảng văn hóa quyền con người đó chính là những nguyên tắc đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948. Trong nền văn hóa này, các quyền con người không chỉ được nhìn như công việc "của người nào khác" mà chính là nghĩa vụ và trách nhiệm của tất cả mọi người. Như vậy, theo quan điểm của các nhà nghiên cứu giáo dục thì mục tiêu của giáo dục giá trị quyền con người nước ta có sự trùng khớp với mục tiêu giáo dục quyền con người được xác định bởi Liên hợp quốc. Các mục tiêu cụ thể đó là:

- Tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người;

- Phát triển đầy đủ nhân phẩm và ý thức về nhân phẩm của con người;

- Thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ'

- Tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách có hiệu quả vào các hoạt động của xã hội.

- Hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh quốc tế.

Như vậy, việc cung cấp các kiến thức lý luận và quyền con người thông qua giáo dục giá trị quyền con người là mục tiêu góp phần thay đổi nhận thức, hành vi của các chủ thể trong việc bảo vệ các quyền con người, qua đó xây dựng lòng khoan dung, thúc đẩy các cơ quan, tổ chức, cá nhân cùng nhau phát triển.

- *Đối tượng:* Xét về đối tượng giáo dục, khối lượng kiến thức về quyền con người và quan hệ giữa con người với con người trong phạm trù chính trị, xã hội và văn hóa rất đa dạng và phong phú. Do vậy, việc xác định phạm vi đối tượng cũng như nội dung để giáo dục giá trị quyền con người trong nhà trường đại học là rất cần thiết.

Khi giáo dục về giá trị quyền con người trong trường đại học cần tập trung vào nghiên cứu các vấn đề lý luận, pháp lý và thực tiễn về các quyền và việc bảo vệ, thúc đẩy các quyền con người đó ở trong phạm vi một quốc gia, khu vực và quốc tế.

- *Hình thức giáo dục:* Trong giáo dục học, hình thức giáo dục được hiểu là cách thức tổ chức hoạt động giáo dục quyền con người, trong đó tập trung làm rõ sự tương tác giữa nhà trường đại học, Giảng viên thực hiện việc giáo dục quyền con người và sinh viên đại học. Hình thức giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học liên quan đến các hoạt động dạy và học quyền con người trong các nhà trường đại học, tuyên truyền, giải thích quyền con người cho người học thông qua các chương trình ngoại khóa, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về quyền con người do các chuyên gia pháp luật, những người làm thực tiễn liên quan đến thi hành pháp luật như các loại tội phạm hình sự liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân của người học, các chuẩn mực ứng xử nhất là nhấn mạnh đến khía cạnh đạo đức, lối sống đối với sinh viên.

Hình thức giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học cần được thiết kế kết hợp giữa giáo dục chính khóa theo nội dung chương trình giáo dục đã được ban hành như môn pháp luật địa cương, các môn cơ sở ngành lien quan đến pháp luật và các hoạt động giáo dục quyền con người ngoại khóa được tiến hành bởi các tổ chức đại diện cho sinh viên đại học như Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội học sinh sinh viên các cấp trong nhà trường. Sự kết hợp này đòi hỏi hoạt động giáo dục quyền con người ngoại khóa phải phù hợp với mục tiêu và nội dung của giáo dục quyền con người chính khóa.

Đối với những sinh viên chuyên ngành luật trong trường đại học, việc giáo dục quyền con người cần phải chuyên sâu hơn với hình thức tiếp cận các cho phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Đặc biệt phải xây dựng môn học lý luận và pháp luật về quyền con người để cung cấp đầy đủ kiến thức giá trị quyền con người thuộc phạm trù pháp luật quốc tế cũng như pháp luật quốc gia về quyền con người. Ngoài hình thức lý thuyết, hình thức giáo dục bằng thực tiễn (Chính khóa và ngoại khóa) cũng cần áp dụng trong việc dạy và học giá trị quyền con người ở cấp độ đại học nhằm kết hợp hài hòa giữa lý luận và thực tế tạo tính nghiên cứu độc lập, sáng tạo cho sinh viên khi nghiên cứu quyền con người..

Có thể khẳng định, việc kết hợp giữa giáo dục quyền con người chính khóa với quyền con người ngoại khóa trong trường đại học là nét đặc trưng của hình thức giáo dục quyền con người

cho sinh viên trong giai đoạn đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục của Việt Nam hiện nay.

2.3. Nội dung và phương pháp giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học

Về nội dung chương trình giáo dục quyền con người trong nhà trường đại học hiện nay hầu hết các nước trên thế giới đều thực hiện chung nhất gắn liền với các văn bản của công ước quốc tế liên quan đến quyền con người. Do vậy, ở nước ta nội dung chương trình đào tạo giá trị quyền con người cũng không thể khác so với quy định của quốc tế, bao gồm:

i) Khái niệm chung về quyền con người; ii) Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người; iii) Pháp luật quốc tế mang tính toàn cầu và khu vực về quyền con người; iv) Các cơ chế bảo vệ và thúc đẩy sự bảo vệ quyền con người ở cấp độ quốc tế toàn cầu và khu vực cũng như trong chính quốc gia của Việt Nam; v) Nhận thức và lịch sử phát triển về quyền con người ở nước ta; vi) Cơ sở pháp lý bao gồm Hiến pháp, các luật và văn bản hướng dẫn dưới luật và thực tiễn bảo đảm quyền con người ở nước ta.

Các nội dung này khẳng định các vấn đề trọng tâm liên quan đến pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam về quyền con người, bao gồm những lượng kiến thức nhất định về lý luận như triết học, lịch sử, xã hội và đạo đức học để nâng cao giá trị tốt đẹp, nền tảng kiến thức cơ bản không thể thiếu khi tiếp cận với vấn đề pháp lý của quyền con người trong quá trình giáo dục ở trường đại học.

Về phương pháp giáo dục quyền con người trong trường đại học, đây là một vấn đề tương đối mới mẻ ở nước ta, hơn nữa nó thuộc phạm trù môn khoa học xã hội nên phương pháp luận của việc giáo dục quyền con người có những tính đặc thù nhất định khi áp dụng.

Phương pháp triết học biện chứng duy vật: Đây là phương pháp đã và đang đóng một vai trò nền tảng của các bôn môn khoa học xã hội ở Việt Nam. Bởi vì, theo triết học biện chứng duy vật, cũng như các sự vật, hiện tượng khác, những tư tưởng lý thuyết, nhận thức và thực tiễn áp dụng các quyền con người được hình thành và phát triển theo một trình tự từ thấp lên cao, gắn liền với

quá trình phát triển lịch sử về kinh tế, xã hội của loài người. Trong quá trình giáo dục giá trị quyền con người ở cấp độ đại học đòi hỏi xem xét và đánh giá các vấn đề lý thuyết, pháp lý và thực tiễn về quyền con người một cách khách quan, toàn diện gắn với những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nhưng không dừng lại ở bất kỳ một giai đoạn nào hay một hình thái kinh tế xã hội nào.

Phương pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực: Vấn đề này có thể nhận thấy nghiên cứu về quyền con người cần thiết phải nghiên cứu theo phạm trù đa diện thì mới giảng dạy làm sang tỏ cái giá trị cơ bản về quyền con người. Tức là phải dựa trên cơ sở học thuyết, lý thuyết xã hội như thuyết duy lý, thuyết cấu trúc, thuyết văn hóa và thuyết tự do. Đòi hỏi người nghiên cứu và người giảng dạy trong nhà trường phải sử dụng cả các kiến thức của một số chuyê ngành khoa học xã hội khác có liên quan như khoa học triết học, khoa học xã hội, lịch sử và đạo đức…Trong đó phải xác định cách tiếp cận luật học và các vấn đề pháp lý làm trung tâm giáo dục giá trị quyền con người trong quá trình giáo dục quyền con người ở trường đại học. Khi liên kết với cách tiếp cận và vấn đề lý luận của các môn khoa học xã hội khác cho phép đảm bảo tính logic, khoa học, toàn diện và thực tiễn của hoạt động nghiên cứu và giảng dạy về quyền con người trong trường đại học.

3. Thực trạng và kiến nghị một số giải pháp giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học ở nước ta

3.1. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học

Ở Việt Nam cũng như các nước trên thế giới, vị trí của giáo dục quyền con người trong trường đại học cũng được quan tâm và một trong những nội dung giảng dạy cho sinh viên các chuyên ngành, trong đó có chuyên ngành đào tạo cử nhân luật. Vị trí, mục tiêu của giáo dục quyền con người sinh viên đại học sẽ quyết định đến hiệu quả giáo dục, bởi lẽ, việc xác định đúng vị trí, mục tiêu của giáo dục quyền con người sẽ là nhân tố quyết định đến hiệu quả giáo dục.

Thực tế thời gian qua cho thấy, việc trang bị kiến thức chuyên môn được đặt ở vị trí hàng đầu và phải mất quá nhiều thời gian,

công sức để "cung cấp, tích lũy kiến thức". Nên từ chương trình, người dạy, người học đều không còn đủ thời gian và sự quan tâm đúng mức cho việc trau dồi phương pháp, kỹ năng, học để hiểu biết về cuộc sống, về thế giới, dung dưỡng tâm hồn và đạo đức, lối sống. Xét theo phương diện giáo dục quyền con người, có thể nhận thấy, để đạt được hiệu quả giáo dục đòi hỏi phải xác định đúng vị trí, mục tiêu của từng môn học gắn liền với chương trình giáo dục đại học. Yêu cầu này là phải hiện thực hóa triết lý giáo dục vào mục tiêu giáo dục của bậc giáo dục đại học. Theo chúng tôi, có thể rút ra một số nhận định về Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học thời gian qua, như sau:

Thứ nhất: Kể từ năm 1986 chúng ta thực hiện việc đổi mới nền kinh tế đất nước, chúng ta triển khai việc giảng dạy thông qua nhiều môn học với nhiều cấp độ khác nhau. Đối với cấp độ giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học, chúng ta đã nghiên cứu các nguyên tắc và tiêu chuẩn cụ thể của Luật quốc tế về quyền con người vào chương trình đào tạo chuyên ngành luật học và một số môn học thuộc không chuyên ngành luật như khoa học chính trị, quan hệ quốc tế. Do đó, giá trị đích thực về quyền con người có sự ứng dụng và ảnh hưởng ngày càng mạnh mẽ cả chiều rộng và bề sâu đến mọi lĩnh vực của đời sống chính trị, xã hội. Tuy nhiên, từ năm 2005 trong chương trình đào tạo bậc đại học của một số trường, chỉ tập trung chú ý môn pháp luật đại cương cho một số ngành khoa học xã hội trong trường đại học. Có thể nhận thấy, việc giáo dục ý thức pháp luật cho người học trong trường đại học giống như là "môn phụ" nên nhà trường không dành sự quan tâm thích đáng cho việc học tập môn học cơ sở ngành liên quan đến giáo dục quyền con người.

Năm 2010, giáo trình môn học này được Bộ giáo dục và đào tạo chỉ đạo giao cho Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh biên soạn để thống nhất "có thể" áp dụng chung trong trường đại học trên phạm vi toàn quốc. Nội dung giáo trình này chỉ đề cập nhiều nội dung mang tính lý thuyết về nhà nước và pháp luật, không đề cập trực tiếp đến những khái niệm, thuật ngữ hoặc nội dung pháp luật quyền con người. Nhiều giảng viên trực tiếp giảng dạy của một số trường đại học đề xuất sử dụng giáo trình riêng do mình biên soạn có đầy đủ nội dung giáo dục quyền con người

cũng không được Hiệu trưởng chấp thuận vì ông Hiệu trưởng này cho rằng làm như vậy là trái với quy định của Bộ. Bên cạnh đó, việc bố trí các giảng viên thuộc ngành khoa học khác không phải khoa học pháp lý đảm nhiệm vai trò lên giảng đường truyền thụ kiến thức giáo dục quyền con người nên đã gây nên nhiều hệ lụy. Sinh viên dường như không mấy mặn mà với môn học này, có nhiều lý do khác nhau để lý giải, nhưng chủ yếu là do sinh viên quan niệm môn này là môn "phụ", chỉ để có đủ điểm, bỏ qua vấn đề suy ngẫm, tìm hiểu thêm kiến thức sau mỗi bài học. Chính vì vậy, việc học môn giáo dục quyền con người thông qua giáo dục pháp luật đại cương cho sinh viên đại học rơi vào tình trạng bị động và đối phó. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với thời lượng giảng dạy môn học này sinh viên cũng chiếm số lượng khiêm tốn từ 15 tiết đến 30 tiết cho môn học này. Với thời lượng dành cho môn học ít như vậy nên giảng viên và người học không có nhiều thời gian tìm hiểu, trao đổi để mở rộng, liên hệ nội dung giáo dục giá trị quyền con người trong chương trình với các lĩnh vực pháp luật khác một cách khoa học hơn, tức là không thể đáp ứng được yêu cầu chuyển tải nội dung giáo dục giá trị quyền con người cho người học.

Chẳng hạn, khung chương trình đào tạo cử nhân giáo dục chính trị tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, các môn học liên quan đến giáo dục quyền con người cho sinh viên chuyên ngành giáo dục phổ thông không được đề cập trực tiếp và được thể hiện lồng ghép và chiếm một dung lượng rất nhỏ trong các môn: 1. Pháp luật học (2 tín chỉ - bắt buộc); 2. Hiến pháp và định chế chính trị (1 tín chỉ - bắt buộc); 3. Quản lý Nhà nước và Quản lý ngành giáo dục (1 tín chỉ - bắt buộc); 4. Quản lý kinh tế (3 tín chỉ - bắt buộc); 5. Đạo đức học và giáo dục đạo đức (2 tín chỉ - bắt buộc). Đối với ngành giáo dục công dân, ngoài những môn học giống với ngành giáo dục chính trị như trên, trong chương trình đào tạo có thêm các môn: 1. Giáo dục pháp luật 1 (2 tín chỉ - bắt buộc); 2. Giáo dục pháp luật 2 (2 tín chỉ - bắt buộc)[1].

1. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Chương trình Giáo dục chính trị và Giáo dục công dân thuộc Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, truy cập tại địa chỉ: http://hnue.edu.vn/Daotao/Khungchuongtrinh.aspx.

Ở trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, khung chương trình giáo dục chính trị cũng bố trí các môn học liên quan đến giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức trong các học phần. Pháp luật Việt Nam đại cương (3 tín chỉ thuộc các học phần chuyên môn –môn cơ sở ngành), Hiến pháp và các định chế chính trị (2 tín chỉ, bắt buộc thuộc các học phần chuyên ngành), Giáo dục kỹ năng sống trong dạy môn giáo dục công dân ở trường phổ thông (2 tín chỉ, bắt buộc thuộc các học phần chuyên ngành). Học phần quyền con người, quyền công dân 2 tín chỉ lại được bố trí ở các học phần tự chọn. Ở học phần nghề nghiệp chuyên ngành có học phần Kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật (2 tín chỉ, bắt buộc)[1]. Trường Đại học Sài Gòn và hầu hết các trường đại học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đều xây dựng học phần Pháp luật đại cương (2 tín chỉ thuộc các học phần chung).

Thứ hai: Kể từ năm 2012 đến nay, theo chủ trương của Bộ giáo dục và đào tạo, việc giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học đã được đề cập trực tiếp đến công tác chỉnh lý thường xuyên chương trình đào tạo trong nhà trường thích ứng với thực tế nhu cầu đào tạo của xã hội. Cho nên, các trường đại học đã đồng loạt thiết kế trực tiếp vào môn học chung là pháp luật đại cương, các môn cơ sở ngành của các ngành đào tạo và chuyên ngành của đào tạo cử nhân luật cho sinh viên Khoa Luật,. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hà nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục nghiên cứu quyền con người thông qua duy trì hoạt động của trung tâm bảo vệ nhân quyền nghiên cứu quyền con người để hỗ trợ cho công tác dạy và học học phần này.

Nội dung quyền con người cũng đã chú trọng đưa vào chương trình đào tạo của một số trường đại học thuộc khối ngành luật, hành chính và nội chính với hình thức môn học bắt buộc hoặc lựa chọn trên phạm vi cả nước, như Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, Học viện Cảnh sát nhân dân, Học viện An ninh nhân dân, Đại học

1. Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị, truy cập tại địa chỉ: http://hcmup.edu.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=2216 3&Itemid=316&lang=vi&site=13. 123. Đào Trí Úc, Hiến pháp năm 2013 và nguyên tắc tôn.

Kiểm sát Hà Nội, Học viện Ngoại giao...Cách làm này có ưu điểm là có thể truyền tải nội dung giáo dục quyền con người ở mức độ rộng nhất. Giảng viên giảng dạy có thể chủ động trong việc thiết kế nội dung bài giảng, các ví dụ thực tiễn do các giảng viên thuộc chuyên ngành luật học đảm trách khi lên lớp giảng bài. Tuy nhiên, hiện nay nội dung trọng tâm giáo dục quyền con người chưa được quan tâm đúng mức và chưa hoàn toàn hợp lý về phạm vi nội dung kiến thức chuyển tải, các bài tập tình huống để thực hành chưa phong phú và đa dạng. Điều này cần đặt ra yêu cầu cấp thiết xây dựng nội dung môn học giáo dục quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế văn hóa mang tính toàn cầu mang trọng trách lớn lao của trường đại học.

Hoạt động lập pháp nước ta thời gian qua cũng đã chú trọng việc lồng ghép quyền con người trong việc xây dựng pháp luật, nhất là các đạo luật có liên quan trực tiếp đến quyền con người như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật tố dụng Dân sự, Luật Bầu cử, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư... Có thể khẳng định, khuôn khổ pháp luật cho bảo đảm quyền con người ở nước ta đã được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quốc tế về quyền con người rất khoa học. Nhưng, các trường đại học vẫn chưa chú trọng việc cập nhật bổ sung những quy định của pháp luật vào việc giáo dục quyền con người trong nhà trường đại học nên thiếu tính mới của nội dung nghiên cứu giáo dục chưa hợp lý và không khoa học.

Vấn đề đặt ra là phải làm thế nào để các quy định về quyền con người trong pháp luật nói trên có thể đi vào chương trình đạo tạo cử nhân luật, được ứng dụng trong đời sống thực tiễn thông qua việc nâng cao nhận thức pháp luật quyền con người của mọi công dân có hiệu quả và bền vững. Đây là nhiệm vụ cao cả, cấp bách của cả hệ thống chính trị, trong đó nhiệm vụ của nhà trường đại học là phải xây dựng nhất quán những nội dung giáo dục pháp luật về quyền con người vào trong các bài giảng chính thức, các hoạt động ngoại khóa của một trường đại học tiên tiến mang đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt.

Thứ ba: Chủ thể thực hiện giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học chưa đồng bộ và chuyên sâu về chuyên môn lý luận và pháp luật về quyền con người.

Trước đây, những giảng viên trực tiếp giảng dạy các môn Đạo đức, Giáo dục công dân, các môn khoa học xã hội trong trường đại học đảm nhận truyền thụ kiến thức rất khiêm tốn về quyền con người. Phần lớn họ được đào tạo đúng chuyên ngành giáo dục chính trị mới đủ điều kiện để nhà trường giao phó cho họ được quyền trực tiếp giảng dạy. Đây có vẻ là điều kiện khá thuận lợi trong việc cung cấp kiến thức pháp luật về quyền con người cho sinh viên không chuyên ngành luật ở nhà trường đại học.

Tuy nhiên, ở khía cạnh hiểu biết, hầu hết chủ thể giảng dạy môn học Giáo dục quyền con người nêu trên đây đều không được quan tâm đào tạo hay tham gia tập huấn về giáo dục giá trị quyền con người. Tình trạng này đã thật sự ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giảng dạy các bài học về nhân quyền trong nhà trường đại học thời gian qua. Thậm chí, một số trường đại học trước đây cũng xuất hiện các chủ thể là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý trong nhà trường giảng dạy để hoàn thành nghĩa vụ trong năm học đó của mình. Đa số các trường đại học giao nhiệm vụ cho các giảng viên tham gia giáo dục quyền con người trong chương trình giáo dục công dân đầu khóa cho các tân sinh viên thông qua việc theo dõi, đánh giá việc tuân thủ nội quy, quy chế của nhà trường; tôn trọng thầy cô, bạn bè, giữ gìn các chuẩn mực ứng xử trong các quan hệ xã hội, quan hệ giữa người dạy và người học trong nhà trường đại học. Các hoạt động giáo dục quyền con người của nhà trường đầu khóa học cho tân sinh do phòng công tác Sinh viên của nhà tường đảm nhận có tác động trực tiếp đến nhận thức, thái độ, cách ứng xử của người học trong suốt quá trình tham gia học tập rèn luyện trong trường đại học. Song, nó không phải là môn học trong chương trình đào tạo nên hoạt động này chưa lan tỏa được việc giáo dục giá trị quyền con người một cách hiệu quả nhất, tức là chưa góp phần cải thiện các mối quan hệ xã hội dựa trên cơ sở tôn trọng quyền con người từ hoạt động này trong nhà trường.

Trong giai đoạn hiện nay, việc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân cũng đặt trọng tâm vào việc phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục giá trị nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Các chủ thể tham gia giảng dạy ở trường đại học đã dần dần được đạt chuẩn là Thạc sỹ, Tiến sỹ Phó giáo sư và giáo sư chuyên sâu về pháp luật. Điều này được khẳng định rất rõ trong Luật giáo dục năm 2005 sửa đổi năm 2009 và Luật giáo dục đại hoc năm 2012cũng như các văn bản hướng dẫn thi hành của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền lien quan đến hai văn bản luật nói trên.

Đối với các chủ thể hỗ trợ cho hoạt động giáo dục quyền con người là các tổ chức, đoàn thể xã hội đại diện cho học sinh sinh viên đại học như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội học sinh sinh viên Việt Nam của nhà trường. Với tư cách là những tổ chức đại diện cho các sinh viên, đoàn viên tại trường học, Hội học sinh sinh viên, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi trực tiếp như ý thức tham gia giao thông, ứng xử tỏng gia đình, ngoài xã hội và trong trường học đều liên quan đến giáo dục quyền con người. Sự tham gia của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vào hoạt động giáo dục quyền con người cho học sinh phổ thông thông qua việc hỗ trợ các hoạt động giáo dục quyền con người chính thức trong chương trình giáo dục đại học; tham gia hoạt động tư vấn học đường; mùa hè xanh, tổ chức các buổi tuyên truyền, phổ biến giáo dục quyền con người...nội dung quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012.

Thứ tư: Nội dung đào tạo về pháp luật cho sinh viên các ngành học trong nhà trường đại học nhất là ngành Giáo dục chính trị và các ngành không chuyên về luật học còn khiêm tốn, không thống

nhất giữa các trường đại học trong cả nước. Nội dung giảng dạy kiến thức về pháp luật chủ yếu là vấn đề lý luận pháp lý và nội dung pháp luật trong một số lĩnh vực kinh tế xã hội, kiến thức về Nhà nước chưa được tiếp cận dưới góc độ khoa học pháp lý mà chủ yếu tiếp cận dưới góc độ chính trị học, triết học. Những kiến thức nền tảng về pháp luật và giáo dục pháp luật, giáo dục quyền con người hầu như chưa được đề cập trong chương trình đào tạo một số ngành của nhà trường đã và đang đào tạo. Thực trạng này ảnh hưởng rất lớn đến việc truyền đạt kiến thức, áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp đối với người học. Nói cách khác, người tham gia giảng dạy chưa kịp thời cập nhật kiến thức sâu về pháp luật quyền con người và giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học, cho nên lượng kiến thức chủ yếu thiên về việc giới thiệu nội dung về nhà nước và pháp luật, khá khiêm tốn trong việc giáo dục quyền con người. Các kiến thức pháp luật về quyền con người cũng như kiến thức liên quan đến giáo dục quyền con người trong chương trình đào tạo cử nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế thế giới, những quan hệ mang tính toàn cầu sẵn sang cho việc cất cánh vươn lên tầm cao trong tương lai của đất nước. Cho nên việc truyền đạt nội dung kiến thức giá trị quyền con người trong nhà trường đại học chưa thật sự đạt yêu cầu theo đúng nghĩa của một nền giáo dục hiện đại trong nhà trường tiên tiến ở nước ta.

3.2. Một số kiến nghị nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học ở nước ta

Vấn đề nghiên cứu và giảng dạy quyền con người ở Việt Nam phải xuất phát từ bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Vì vậy, quyền con người có tính tiền đề cần được cả xã hội và người dân nhận thức đúng. Theo nghiên cứu của chúng tôi, để nghiên cứu và giáo dục giá trị quyền con người tại các cơ sở đào tạo bậc đại học có hiệu quả, cần thực hiện một số kiến nghị mang tính giải pháp, sau đây:

Một là: *Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Đảng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật, các*

điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, phê chuẩn về quyền con người và giáo dục quyền con người trong trường đại học.

Nhà trường đại học thực hiện mục tiêu "Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế"[1].

Để thực hiện tốt được mục tiêu chung này trong việc giáo dục giá trị quyền con người thì cơ sở giáo dục đại học phải quán triệt và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về quyền con người và giáo dục quyền con người. chúng ta cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản luật, các cơ chế chính sách liên quan đến quyền con người phải tương thích với những nội dung mới của Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền dân sự đồng thời thực hiện các cam kết mà chúng ta nêu ra với cộng đồng quốc tế. Đây là giải pháp cơ bản nhất để trường đại học thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo dục giá trị quyền con người nhất là trong giai đoạn hội nhập hiện nay. Như chúng ta đã biết, trong giai đoạn hội nhập kinh tế mang tính toàn cầu, điều tất yêu diễn ra những tác động đan xen cả tiêu cực và tích cực đến thực hiện quyền con người, như: gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội, tiềm ẩn những bất bình đẳng trong quá trình bảo đảm quyền con người, xuất hiện những vấn đề mới liên quan đến công tác bảo đảm quyền con người như quyền sở hữu đất và bất động sản; bảo vệ quyền có việc làm và nghề nghiệp; bảo vệ quyền của người tiêu dùng; quyền về môi trường; quyền sở hữu trí tuệ; quyền của kiều dân nước ngoài định cư tại Việt Nam và Việt kiều; gia tăng vai trò của các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quyền con người. Vì vậy, tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Đảng và sửa đổi, bổ sung cũng như thực hiện tốt các quy định của pháp luật các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết, phê chuẩn về quyền con người và giáo dục quyền con người là giải pháp rất căn cơ và đặc biệt quan trọng.

1. Điểm a Khoản 1 điều 5 Luật giáo dục năm 2012.

Hai là: *Nâng cao nhận thức giáo dục quyền con người cho sinh viên của cơ quan quản lý nhà nước, nhà tường đại học, gia đình và xã hội về giáo dục giá trị quyền con người trong nhà trường đại học*

Đây là giải pháp đề cập một cách cấp thiết đến sự thay đổi nhận thức về vị trí, vai trò của giáo dục giá trị quyền con người của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục đại học, sinh viên, gia đình và xã hội – những chủ thể trực tiếp tham gia hoặc có tác động mạnh mẽ đến hoạt động giáo dục quyền con người trong giai đoạn hiện nay.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cần nhìn nhận coi trọng yếu tố quyền con người trong việc thực hiện hoạt động quản lý cũng như đổi mới nội dung, chương trình giáo dục phổ thông. Thực chất của giáo dục giá trị quyền con người là dạy cách phát huy năng lực, kiến thức và cách tự sửa chữa sai phạm trong việc bảo vệ những quyền tự nhiên của con người như quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền được bảo vệ và bình đẳng trước pháp luật, quyền an ninh thân thể, quyền không bị hình phạt tàn bạo và bất bình thường...; giáo dục sự tôn trọng quyền con người, giúp cho các chủ thể có kiến thức để bảo vệ quyền con người của mình mà cụ thể là giáo dục quyền không bị phân biệt đối xử ở mọi khu vực và trình độ, quyền được thông tin về sức khỏe, dinh dưỡng, sinh sản và kế hoạch hóa gia đình; quyền được giáo dục; quyền bình đẳng nam nữ, bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình. Do đó, mọi chính sách, biện pháp quản lý, đổi mới, chỉnh sửa, bổ sung chương trình giáo dục đại học cần xem xét đến khả năng ảnh hưởng, tác động xấu đến việc thực hiện quyền con người của người học theo Hiến định[1].

Ba là: *Thống nhất chung trong việc xác định giá trị của hoạt động giáo dục giá trị quyền con người cho sinh viên đại học mà thực chất là xác định triết lý hay mục tiêu giáo dục quyền con người cho học người học ở cấp bậc đại học.*

---

1. *Hiến pháp 2013 đã quy định rõ: ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.*

Xét theo phương diện lý luận, chúng tôi đồng quan điểm với Giáo sư Phạm Minh Hạc *là các nghiên cứu làm rõ triết lý hay mục tiêu giáo dục quyền con người được đề cập nhiều, trong đó nhấn mạnh đến yêu cầu nhận thức, thái độ, tình cảm và hành động dựa trên cơ sở quyền con người*. Đích hướng tới của giáo dục giá trị quyền con người là rèn luyện để hình thành nhân cách cho người học và đây được coi là triết lý hay mục tiêu của giáo dục quyền con người trong trường đại học. Bởi lẽ, mục tiêu tập trung nhất, quan trọng nhất vẫn là dạy người, nhất là giáo dục đại học để hiện thực hóa triết lý xã hội học tập, học suốt đời.

Vì thế, cần thống nhất nội dung giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học phải đáp ứng yêu cầu liên tục, có kế thừa và phát triển, phản ánh đúng đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi sinh viên đại học trong thời kỳ hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới. Việc thống nhất nội dung giáo dục quyền con người phải hướng tới việc rèn luyện nhân cách cho sinh viên là những người chủ thật sự của đất nước trong tương lai không xa. *Cho nên về nội dung chương trình* cần tiếp cận những giá trị, quan niệm về quyền con người đương đại của các nước trên thế giới, nhưng phải đặt nó trong giá trị văn hóa Việt Nam với điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể. Cần đặt việc nghiên cứu, giáo dục giá trị quyền con người là đặc biệt quan trọng trong nhà trường đại học trong giai đoạn hiện nay của đất nước. Thống nhất đưa môn học quyền con người trở thành môn học chính thức bắt buộc trong chương trình khung toàn bộ hệ thống với thời lượng tối thiểu là 3 tín chỉ (45 tiết). Phải cơ cấu lại nội dung chương trình giảng dạy về quyền con người theo các nội dung chủ yếu sau: khái quát chung, lý luận tổng quan (hay khái quát chung, lý luận chung) về quyền con người; hệ thống pháp luật quốc tế về quyền con người; các nhóm quyền cơ bản theo pháp luật quốc tế; các nhóm quyền đặc thù; Việt Nam với vấn đề quyền con người. Như vậy, nội dung giáo dục giá trị quyền con người cho sinh viên đại học không chỉ là các quy phạm pháp luật trong nước, mà còn bao gồm các quy phạm pháp luật quốc tế về quyền con người và các giá trị, chuẩn mực của con người mang tính chất tự nhiên.

Bốn là: *Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy giáo dục giá trị quyền con người trong trường đại học.*

Đề án giáo dục giá trị quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân của Chính phủ quy định rất rõ về mục tiêu giáo dục đối với cán bộ quản lý và giảng viên trong trường đại học: *"Nâng cao nhận thức, hiểu biết toàn diện về các nguyên tắc, chuẩn mực quyền con người, để từ đó thúc đẩy việc tôn trọng, bảo vệ và thực hiện quyền con người, góp phần tạo ra môi trường giáo dục hướng tới sự phát triển toàn diện của người học trong hệ thống giáo dục đại học.". Vì thế, các trường đại học phải tự chủ và c*ần quan tâm hơn nữa về số lượng cũng như chất lượng các giảng viên đạt chuẩn khi đảm nhiệm các học phần về giáo dục giá trị quyền con người theo quy định của Luật giáo dục đại học và điều lệ trường đại học, trong đó chú trọng các giảng viên có trình độ cao như Tiến sỹ, Phó giáo sự và Giáo sự.

Nhà trường nên thường xuyên tổ chức tập huấn để cập nhật kiến thức mới về quyền con người, cần chú trọng đào tạo đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên chuyên nghiệp về chuyên ngành luật nhân quyền, đặc biệt là đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, đưa cán bộ, giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ giảng dạy trong nước cũng như nước ngoài. Giao cho các giảng viên biên soạn giáo trình quyền con người dùng chung trong các cơ sở giáo dục đại học, chú trọng các chế độ chính sách đối với cán bộ nghiên cứu, giảng dạy quyền con người trong các trường đại học kể cả trường công lập và tư thục cũng cần được cải thiện hơn nữa để họ yên tâm công tác. Đồng thời xây dựng kế hoạch thu hút các giảng viên, nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước về lĩnh vực này tham gia giảng dạy về luật nhân quyền tại các cơ sở giáo dục đại học, nhất là các cơ sở giáo dục chuyên ngành luật.

Năm là: *Nghiên cứu đổi mới các hình thức giáo dục có hiệu quả cao, đặc biệt quan tâm đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, hoạt động ngoại khóa về giá trị quyền con người của Giảng viên, sinh viên trong nhà trường đại học.*

Bên cạnh việc đổi mới hình thức tổ chức giáo dục quyền con người cho sinh viên đại học gắn liền với việc tổ chức lớp học, môn học và chịu sự chi phối của lịch trình, kế hoạch lên lớp của giảng viên. Cần tập trung nghiên cứu các hình thức giáo dục cơ bản như phổ biến, tuyên truyền về quyền con người thông qua hội nghị,

hội thảo, nghiên cứu khoa học. Tạo điều kiện tốt nhất để các giảng viên, các nhà khoa học tương tác có hiệu quả với các sinh viên đại học thông qua hình thức này trong nhà trường. Mỗi trường đại học cần thành lập các câu lạc bộ, tranh ảnh, pa nô, áp phích, tờ rơi, đài truyền thanh, đài phát thanh truyền hình, phim và các loại hình nghệ thuật khác để nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị quyền con người. Bên cạnh đó, cần chú trọng các hình thức giáo dục đặc thù (giả định) thông qua các hoạt động hoạch định chính sách, đường lối thuộc các hoạt động của cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đổi mới các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên đại học phù hợp với quy định đào tạo theo hệ thống tín chỉ trong nhà trường là điều cần thiết. Cụ thể như bằng việc tuyên truyền nội dung pháp luật quốc gia và quốc tế thông qua các tiểu phẩm kịch được dàn dựng từ một số cơ sở đào tạo luật. Tổ chức hội thi: "Ai là luật sư giỏi về bảo vệ quyền con người" trong tất cả các khối sinh viên ngành kinh tế, triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các sinh viên ngành luật, ngoại giao quốc tế… để nâng cao sự hiểu biết một cách khoa học giữa lý luận và thực tiễn về nội dung giáo dục quyền con người.

Thiết nghị, khi được truyền đạt thông qua các hoạt động này trong nhà trường đại học thì đây là biện pháp mang lại khả năng nắm bắt nội dung kiến thức giáo dục giá trị quyền con người của sinh viên đại học tốt nhất. Bởi vì, nó có mối quan hệ chặt chẽ với việc hình thành kỹ năng và sử dụng kỹ năng vận dụng kiến thức, pháp luật quyền con người của sinh viên trong nhà trường đại học hiện nay ở nước ta.

H.X.T

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG - NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN

PGS.TS. Phan Minh Tiến*

1. Đặt vấn đề: Thuật ngữ giá trị (GT) xuất hiện từ thời cổ đại, nhưng từ nửa sau thế kỷ XIX mới được dùng như một khái niệm khoa học và được tiếp cận bởi nhiều khoa học khác nhau. Lúc đầu, khái niệm GT được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, GT gắn với hàng hóa và sản xuất hàng hóa. " Chỉ trong điều kiện sản xuất hàng hóa lao động mới biểu hiện dưới hình thức GT, Vì thế, GT phản ánh quan hệ sản xuất của mọi người" [2,187]. Về sau khái niệm GT được sử dụng phổ biến trong Triết học, Xã hội học, Tâm lý học…Đối với nhà trường, GDGT là một trong những nội dung giáo dục cơ bản nhằm giúp thanh thiếu niên có định hướng GT đúng đắn, góp phần phát triển toàn diện nhân cách và tạo được cơ hội, điều kiện để phát triển cá nhân…

2. Những vấn đề cơ bản của giáo dục giá trị trong nhà trường

2.1. Tính cấp thiết của việc giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên ở nhà trường

2.1.1. Giáo dục giá trị - một vấn đề được quan tâm hiện nay của các quốc gia và Việt Nam

** Xu thế biến đổi của thế giới, khu vực, Việt Nam ảnh hưởng đến hệ thống giá trị:* Theo John Naisbitt và Patucia Aburdene [1], thế giới hiện nay đang có 10 xu thế lớn: Sự bùng nổ kinh tế toàn

* Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

cầu; Sự phục hưng nghệ thuật; Sự xuất hiện chủ nghĩa theo thị trường tự do; Những lối sống toàn cầu và tinh thần quốc gia về văn hoá; Sự phân hoá của nhà nước phúc lợi; Sự khơi dậy của khu vực Thái Bình Dương; Thập kỷ phụ nữ tham gia lãnh đạo; Thời đại sinh học; Sự hồi sinh của tôn giáo; Chiến thắng của cá nhân. Những xu thế biến đổi của thế giới đã ảnh hưởng đến hệ thống GT, có liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Trong thập kỷ vừa qua, nhiều nước đang phát triển ở Châu Á – Thái Bình Dương đã có những biến đổi nhanh chóng. Đây là kết quả của việc ứng dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ, cũng như việc tăng cường giao lưu với các nước. Sự biến đổi này được thể hiện ở mọi mặt của cuộc sống như: kinh tế, khoa học, công nghệ, niềm tin, quan hệ xã hội…Trong đó, nét đặc trưng là chuyển đổi nền sản xuất từ nông nghiệp sang công nghiệp, điều đó đã mang lại nhiều ảnh hưởng tích cực (làm việc khẩn trương hơn, có năng suất cao hơn…). Song bên cạnh đó, cũng đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến phong cách sống của người dân cũng như hệ thống GT và thái độ của họ.

Đặc điểm xã hội Việt Nam với hai mốc lịch sử quan trọng: 1975 và 1986.

(1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, cả nước đi lên Chủ nghĩa Xã hội. Chúng ta xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình; 1986 gắn liền với thời kỳ đổi mới đất nước. Nền kinh tế kế hoạch hóa bao cấp được chuyển sang nền kinh tế hàng hóa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện chính sách mở cửa, hợp tác, hội nhập…)

Có thể nói, dưới ảnh hưởng của những biến đổi trên thế giới nói chung, các nước Châu Á - Thái Bình Dương và Việt Nam nói riêng, hệ thống GT của các nước đang có sự biến đổi đáng kể. Sự biến đổi hệ thống giá trị không những hướng vào mặt tích cực là cơ bản mà còn có cả những biểu hiện tiêu cực. Do đó, việc GDGT càng trở thành một yêu cầu cấp thiết.

2.1.2. Thực trạng định hướng giá trị của thanh thiếu niên Việt Nam hiện nay

Thời gian qua, có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về GT, định hướng GT ở nhiều cấp độ: Chương trình khoa học Cấp Nhà nước; Cấp Bộ; Cấp cơ sở [12]; [10]; [11]; [1]; [7]; [8]; [3]; [9]; [6]…Từ các kết quả nghiên cứu, có thể nhận định rằng, thanh thiếu niên Việt Nam trong định hướng GT, bên cạnh những mặt tích cực, còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại, thậm chí lo lắng trên các lĩnh vực chính trị - xã hội; nghề nghiệp - việc làm; tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình… Vì vậy, việc GDGT cho thanh thiếu niên càng trở nên cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

2.1.3. Giáo dục giá trị là xu thế chung của các nước trong khu vực và thế giới hiện nay

Vấn đề nghiên cứu về GDGT đang là vấn đề có tính toàn cầu, là nhu cầu cấp bách và cơ bản lâu dài của mỗi quốc gia. Chưa có bao giờ vấn đề GT, định hướng GT, GDGT lại mang tính thời sự và được quan tâm đặc biệt như hiện nay.

Ở nhiều nước như Philipin, GDGT là môn học cơ bản, có chương trình giáo dục từ phổ thông trở lên. Ở Việt Nam, GDGT chưa trở thành môn học và đối với học sinh có thể không nhất thiết đó phải là môn học nội khoá nhưng mục đích, nhiệm vụ, yêu cầu GDGT cần phải được quán triệt trong toàn bộ hoạt động của nhà trường, coi đó như một nội dung giáo dục nhằm hình thành và phát triển nhân cách người học.

2.2. Ý nghĩa của giáo dục giá trị trong nhà trường

GDGT là một bộ phận của quá trình giáo dục con người; nó là cơ sở làm cho con người tồn tại, phát triển và phù hợp với xã hội. Phẩm chất con người không những phụ thuộc vào tri thức và kinh nghiệm mà họ thu lượm được, mà còn phụ thuộc vào toàn bộ các phẩm chất của nhân cách; trong đó, những GT đóng vai trò như là nhân tố quyết định phẩm chất. Vì vậy, nếu không có GT thì giáo dục không thể được sử dụng như là một giải pháp quan trọng nhằm phát triển con người; GDGT cần phải được tiến hành một cách có hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Thông qua GDGT, người được giáo dục có nhận thức đúng với những GT được lựa chọn, từ đó hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đúng đắn và là cơ sở để có sự định hướng trong hành động thực tiễn phù hợp

với những yêu cầu xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhân cách.

Hiện nay, với những biến động mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực khoa học kỹ thuật – công nghệ; xã hội; kinh tế…đã làm cho hệ thống GT có nhiều thay đổi. Vì vậy, việc giáo dục cho thanh thiếu niên có định hướng GT đúng đắn là một yêu cầu cấp thiết không chỉ riêng của mỗi quốc gia nào mà là một xu thế toàn cầu.

GDGT là một nội dung nằm trong quy trình chung của việc giáo dục hình thành nhân cách con người. Tuy nhiên, nó đòi hỏi xác định rõ bản chất, mục đính, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp…để có thể định hướng cho hoạt động sư phạm có hiệu quả.

2.3. Mục tiêu của giáo dục giá trị

GDGT cần phải hướng đến việc giúp người được giáo dục:

+ Nhận thức đúng: giúp người được giáo dục nắm được hệ thống những GT cốt lõi, những GT cần thiết cho sự phát triển nhân cách; hiểu được ý nghĩa của chúng, tạo được ý thức và tình cảm đúng đắn với những GT đã được lựa chọn.

+ Thái độ đúng: xây dựng cho người được giáo dục có thái độ đúng đắn đối với các GT đã lựa chọn.

+ Hành vi đúng: giúp người đuợc giáo dục thể hiện hành vi phù hợp với những GT đã được chiếm lĩnh.

Trong quá trình GDGT, điều quan trọng là cần giúp cho người được giáo dục nắm được hệ thống những GT cốt lõi và những GT cần thiết cho sự phát triển nhân cách; biết được ý nghĩa to lớn của chúng đối với cuộc sống; có được những cảm xúc tích cực đối với chúng; từ đó, hình thành được ý thức và tình cảm thúc đẩy hành động theo chúng. Những hành động của con người được thể hiện ở những hành vi tương ứng. Những hành vi này phải phù hợp với những GT cốt lõi và ngày càng phản ánh sâu sắc những GT cốt lõi này. Những GT cốt lõi phải được người được giáo dục duy trì và phát triển trong cuộc sống, nghĩa là phải làm cho những GT cốt lõi được bền vững, không bị mai một theo thời gian.

2.4. Nội dung giáo dục giá trị

2.4.1. Theo tổng kết của Hội thảo Tokyo [1] - Các nước Châu Á -Thái Bình Dương với sự tham gia của 12 nước, nội dung GDGT bao gồm 8 nhóm giá trị cốt lõi:

Nhóm1: Những GT có liên quan đến quyền con người (bình đẳng; công lý; yêu mến và chăm sóc; bảo vệ quyền trẻ em; bảo vệ quyền phụ nữ; bảo vệ quyền lao động); *Nhóm 2*: Những GT có liên quan đến dân chủ. (quyền tham gia; tín ngưỡng; tự do ngôn luận; tự do tín ngưỡng; tự do); *Nhóm 3*: Những GT có liên quan đến sự hợp tác và hòa bình (chung sống hòa bình; không bạo lực; phụ thuộc lẫn nhau; hiểu biết lẫn nhau; hợp tác với nhau; tôn trọng lẫn nhau giữa các dân tộc; tính toàn cầu…); *Nhóm 4*: Những GT có liên quan đến môi trường. (bảo vệ sự bền vững của môi trường; hài hòa giữa con người và môi trường; thống nhất giữa con người và tự nhiên; yêu mến và chăm sóc tự nhiên); *Nhóm 5*: Những GT có liên quan đến sự bảo tồn các nền văn hoá. (biết đánh giá các nền văn hoá của các dân tộc khác, các nước khác; tuân thủ, bảo tồn các chuẩn mực gia đình; yêu mến người lớn tuổi; biết đánh giá di sản văn hoá của thế giới; nhạy cảm hưởng ứng sự biến đổi văn hoá và xã hội); *Nhóm 6*: Những GT có liên quan đến bản thân và người khác (tin cậy; sáng tạo; ân cần; khôn ngoan; ngay thẳng; sẵn sàng tiếp thu cái mới; can đảm; thật thà; hài hước; tự lực; tự trọng; tuân thủ kỷ luật; chân thành; bình thản; tự trọng và tôn trọng nững người khác; sống hài hòa; khiêm tốn; tinh thần trách nhiệm; quan tâm; lịch sự; thương xót; thiện cảm; biết ơn; chia sẻ; hòa giải; đoàn kết; đồng cảm; tiết kiệm; giản dị; ngay thẳng; thân mật); *Nhóm 7*: Những GT có liên quan đến tinh thần dân tộc (lòng yêu nước; bình đẳng giữa các dân tộc; hiểu biết về quyền và nghĩa vụ đối với dân tộc; hài hòa giữa tinh thần dân tộc và tinh thần quốc tế); *Nhóm 8*: Những GT liên quan đến tín ngưỡng (tôn trọng tín ngưỡng của người khác; đối xử bình đẳng đối với các tôn giáo…).

2.4.2. Nội dung giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên Việt Nam

Định hướng GT là một trong những biểu hiện rõ nét của đặc trưng, xu hướng nhân cách và có ý nghĩa hướng dẫn hoạt động của con người. Nó mang đậm tính lịch sử - xã hội chung của cả cộng đồng, nét riêng của từng dân tộc, nét đặc thù của từng nhóm xã hội, lứa tuổi, giới…Những GT được lựa chọn để định hướng cho

thanh niên, học sinh, sinh viên hiện nay phải đáp ứng với mục tiêu giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ của đất nước, đáp ứng sự mong đợi của công cuộc đổi mới xã hội trên nền tảng của kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường, theo định hướng Xã hội Chủ nghĩa. Những giá trị được lựa chọn để định hướng cho thanh thiếu niên trong giai đoạn mới phải coi trọng cả những GT truyền thống lẫn GT hiện đại, chú ý tính đặc thù của thanh thiếu niên.

Các giá trị chung cơ bản cần giáo dục cho thế hệ trẻ, đó là [12]:

- Hòa bình, dân chủ và Chủ nghĩa Xã hội, ổn định an ninh của đất nước: cần giúp thế hệ trẻ có ý thức bảo vệ cuộc sống hoà bình, giữ gìn sự ổn định chính trị - xã hội, an ninh của đất nước.

- Độc lập, tự do và thống nhất tổ quốc: đó là những GT vừa mang tính truyền thống, vừa có tính hiện đại. Thế hệ trẻ ngày nay cần có ý thức, ý chí và hành vi sẵn sàng bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, cảnh giác mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực phá hoại, chia rẽ làm tổn hại đến độc lập và thống nhất đất nước. Ngày nay, những GT đó một mặt cần phải được thể chế hóa từ phía Nhà nước pháp quyền, mặt khác phải được xây dựng và thực hiện từ các tổ chức xã hội, cộng đồng và từng cá nhân. Thế hệ trẻ ngày nay cần phải có ý thức, ý chí và hành vi sẵn sàng bảo vệ nền độc lập tự do và thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

- Lòng nhân đạo, sống có tình nghĩa: đó là những GT vừa cơ bản, vừa hiện đại, vừa dân tộc. Những GT đó đã là sức mạnh, là nét đẹp độc đáo bao đời của nhân dân ta trong quá trình chung sức, chung lòng chống thiên tai, dịch họa, nhường cơm, sẻ áo cưu mang nhau lúc hoạn nạn, khó khăn để cùng nhau tồn tại, phát triển. Ngày nay, trong cơ chế thị trường không tránh khỏi mặt thực dụng. Do đó, càng quan tâm giáo dục những GT nói trên cho thế hệ trẻ, giữ gìn và phát huy những GT mang bản sắc dân tộc trong xã hội văn minh, hiện đại.

- Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng học vấn và tài năng…là những GT tốt đẹp của người Việt Nam và cũng là định hướng GT đặc thù của thanh thiếu niên. Trong điều kiện

hiện nay, những cơ hội, điều kiện cho học tập, phát triển mở rộng trước thế hệ trẻ, nhưng khó khăn phức tạp cũng nhiều, nếu không phát huy truyền thống hiếu học, tinh thần vượt khó, vươn lên thì sự nghiệp phát triển xã hội và sự trưởng thành của thanh niên khó có thể thực hiện được.

- Những giá trị nghề nghiệp: đó là GT của con người lao động có tay nghề cao, sáng tạo ra các GT để làm giàu cho mình và cho xã hội. Ngày nay, thanh niên muốn sống tự lập, lập thân, lập nghiệp, tạo dựng hạnh phúc của bản thân, gia đình và góp phần xây dựng xã hội thì phải học tập, rèn luyện để có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và những phẩm chất nghề nghiệp ở trình độ cao. Việc không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của bản thân trở thành một GT đặc biệt quan trọng trong cuộc sống của cá nhân, gia đình và cộng đồng. Ngày nay, cùng với nâng cao tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, thanh niên rất cần cố gắng để sử dụng thành thạo các phương tiện hiện đại như máy vi tính… Điều đó rất cần nhưng chưa đủ. GT nghề nghiệp còn đòi hỏi phải được giáo dục và tự giáo dục về những phẩm chất như: tinh thần trách nhiệm, tính kỹ thuật, lòng trung thực, thái độ sẵn sàng hợp tác, ứng xử văn minh trong lao động và quan hệ với đồng nghiệp cũng như với khách hàng.

- Tình yêu và cuộc sống gia đình: Đối với tuổi thanh niên, tình bạn, tình yêu, tình dục, đời sống gia đình là những giá trị liên quan mật thiết với nhau và có ý nghĩa to lớn. Những kiến thức, thái độ, hành vi ứng xử trong những mối quan hệ tế nhị và phức tạp đó còn chưa được giáo dục đầy đủ ở gia đình và nhà trường. Hiện nay, tác động của văn hoá, lối sống phương Tây vào thanh niên ta với mặt tích cực và cả mặt tiêu cực. Bên cạnh việc tạo ra sự tiến bộ thì vẫn còn những hiện tượng phóng túng trong quan hệ nam nữ, cũng như sự xung đột đổ vỡ trong gia đình, đang báo hiệu những khó khăn, phức tạp về xã hội.

- Sức khỏe cá nhân và cộng đồng: làm cho thế hệ trẻ có ý thức về sức khỏe của cá nhân và cộng đồng, đồng thời giáo dục tri thức, thái độ, hành vi của mọi người về nâng cao sức khỏe của cá nhân, gia đình, cộng đồng là việc thường xuyên, lâu dài. Đây không chỉ

là vấn đề cá nhân mà là chiến lược cải tạo nòi giống, tạo ra sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần cho cả một dân tộc.

- Nếp sống văn minh: xây dựng và định hướng nếp sống có văn hoá và lối sóng văn minh hiện đại, mang đậm bản sắc dân tộc, tinh hoa nhân loại. Nếp sống đó phải giản dị, tiết kiệm, khoa học và hợp lý, tránh lối sống sùng bái tiêu dùng, xa hoa, lãng phí và thực dụng. Hành vi lối sống văn minh thể hiện trong giao tiếp và ứng xử xã hội, trong gia đình và trong lao động công tác, trong thái độ và ý thức hành vi chấp hành trật tự kỷ cương pháp luật.

- Bản lĩnh, nhân cách của người công dân: thể hiện ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, ý thức và hành vi chấp hành pháp luật của Nhà nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc trong quá trình hoà nhập với nền văn minh nhân loại. Cùng với những ý thức trên đây, bản lĩnh nhân các người công dân còn thể hiện ở tinh thần độc lập, tự tin trong học tập, lập nghiệp, trong các mối quan hệ xã hội, ở tính năng động, sáng tạo và dễ thích nghi với những biến động của nền kinh tế thị trường và biến đổi nhanh của tình hình thế giới.

- Những giá trị về giới: Xã hội càng phát triển cao, cá nhân càng được giải phóng, quyền bình đẳng và sự tôn trọng những khác biệt về giới càng có ý nghĩa quan trọng hơn. GT về giới không chỉ ở mặt sinh học mà còn cần hết sức chú ý mặt tâm lý, phẩm chất đạo đức, nhân cách của mỗi giới cũng như mối quan hệ giữa hai giới. Tất cả những vấn đề nêu trên cần đuợc nghiên cứu để giáo dục giới tính cho thế hệ trẻ có hiệu quả.

Đối với sinh viên và học sinh, những GT cần ưu tiên giáo dục, đó là:

Ý thức trách nhiệm công dân gắn liền với lý tưởng phấn đấu xây dựng xã hội: dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Khao khát, nỗ lực vươn tới trình độ học vấn cao và tư duy khoa học, sáng tạo, đáp ứng đòi hỏi của xã hội hiện đại.

Say mê học tập nghề nghiệp để đạt được trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Có bản lĩnh vững vàng: độc lập, tự chủ, tự lập trong học tập, lập nghiệp và trong xử lý các quan hệ xã hội, năng động, sáng tạo, nhanh thích nghi với những thay đổi của hoàn cảnh trong một thế giới biến đổi nhanh.

Có tri thức và kỹ năng sử dụng công cụ hiện đại: ngoại ngữ, tin học, các phương tiện khác phục vụ có hiệu quả cho công việc và đời sống.

Tình yêu và cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Một vẽ đẹp phù hợp với giới tính và có sức khỏe đáp ứng tốt mọi hoạt động, nhất là trong điều kiện lao động căng thẳng, nhịp sống khẩn trương của xã hội hiện đại.

Một lối sống văn minh hiện đại (khoa học và thẩm mỹ; đậm đà bản sắc dân tộc). Mỗi người biết biểu hiện một lối sống đẹp và góp phần xây dựng lối sống, nếp sống văn minh của cộng đồng.

2.5. Con đường, phương pháp giáo dục giá trị

2.5.1. Các con đường giáo dục giá trị

** Gia đình:* Việc giáo dục hình thành các GT ở con người trước hết từ gia đình. Trẻ thấm nhuần các GT cũng như cách trẻ học nói, học cảm nhận biểu lộ thái độ, hành vi của người lớn ở xung quanh. Trẻ tiếp thu các GT qua lời nói, thái độ, tâm trạng, việc làm…Ở phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng, quan hệ gia đình, huyết thống, dòng họ có ý nghĩa rất quan trọng trong định hướng giá trị của mỗi cá nhân. Vai trò của gia đình trong việc giáo dục thanh thiếu niên là hết sức quan trọng, đặc biệt trong sự đánh giá, lựa chọn, tiếp thu các giá trị, nhất là các giá trị truyền thống, giá trị nhân cách, nghề nghiệp.

** Nhà trường: Trong nhà trường, con đường dạy học: là con đường cơ bản, chủ yếu nhất bởi lẻ:* Nội dung các môn học có ý nghĩa GDGT rất lớn: môn đạo đức, giáo dục công dân, tiếng mẹ đẻ, tiếng nước ngoài, sử, địa…Nội dung GDGT được chuyển tải ở các mức độ khác nhau: liên hệ → lồng ghép → tích hợp.

Ngoài dạy học, GDGT còn được thông qua con đường tổ chức hoạt động: Các GT có thể được giáo dục thông qua các hoạt động trải nghiệm như: Kể chuyện về các giai thoại có liên quan đến

cuộc đời của những vĩ nhân đạo cao đức cả; Hát quốc ca, các bài dân ca truyền thống, các bài ca nhấn mạnh đến các giá trị đạo đức, tinh thần; Tổ chức các trò chơi đề cập đến các giá trị; Tổ chức các hoạt động trong đời sống cộng đồng (gìn giữ môi trường; tuyên truyền về dân số và phát triển..); Tổ chức các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao; Tổ chức tham quan, du lịch...

Tác động của môi trường sư phạm có ý nghĩa to lớn đối với việc hình thành giá trị ở học sinh, sinh viên. Các yếu tố của môi trường giáo dục ở các nhà trường như: Môi trường văn hóa vật chất; Môi trường tâm lý – xã hội; Quan hệ thầy – trò có ảnh hưởng quan trọng trong giáo dục giá trị ở nhà trường.

* *Cá nhân học tập, rèn luyện:* Con đường rất quan trọng để lĩnh hội các GT là: tự học, tự nghiên cứu, tự nghĩ, phân tích, thể nghiệm để tự rút ra kinh nghiệm kết luận cho mình, tức là tự xác định, hình thành nên những giá trị cho mình.

Hoạt động thực tiễn của cá nhân là con đường cơ bản để tiếp thu, thử thách các GT. Trong thực tiễn đời sống, những quan niệm, niềm tin, tri thức, thái độ, hành vi về các GT có được thông qua hoạt động, giao tiếp…Đối với học sinh, sinh viên hoạt động thực tiễn trước hết là thực hành những điều đã tiếp nhận trong các hoạt động học tập, nghiên cứu, lao động, hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, thể thao, trong quá trình giao tiếp ứng xử, giải quyết những mối quan hệ phức tạp trong đời sống cá nhân – nhóm - tập thể - xã hội…

**Môi trường văn hóa, xã hội:* Ngoài việc tiếp thu GT cùng với quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo qua học tập ở nhà trường, việc hình thành các GT còn chịu ảnh hưởng sâu đậm của nguồn gốc, nền tảng, bản sắc văn hoá, đạo đức của cộng đồng, xã hội.

Văn hoá, tôn giáo, phong tục, tập quán, nếp sống của mỗi cộng đồng, dân tộc, nhóm xã hội có ảnh hưởng sâu xa đến sự hình thành những GT của mỗi thành viên trong cộng đồng đó. Việc tổ chức có định hướng giáo dục cho học sinh, sinh viên tham gia các hoạt động văn hoá, lễ hội truyền thống và tiếp thu có chọn lọc những GT truyền thống là việc cần hết sức quan tâm trong điều kiện mở cửa, hoà nhập với thế giới…

2.5.2. Phương pháp giáo dục giá trị

GDGT có thể thực hiện bằng các phương pháp dạy học và giáo dục ở nhà trường như: thuyết trình, đàm thoại, thuyết phục, giải thích – khuyên răn, tổ chức hoạt động hình thành kinh nghiệm ứng xử, khuyến khích hành vi…, trong đó, các phương pháp đặc thù của giáo dục GT, đó là: phương pháp tham gia; phương pháp làm sáng tỏ giá trị (xác định giá trị); phương pháp trò chơi sắm vai; phương pháp giải quyết vấn đề…Những phương pháp giáo dục GT cần được vận dụng phối hợp trong quá trình thực hiện.

2.6. Các điều kiện đảm bảo thực hiện công tác giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên

** Thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng, của Nhà nước về công tác giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên* nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác GDGT cho thế hệ trẻ. Mặt khác, tạo được những điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác này trong hệ thống nhà trường và xã hội.

** Xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, tích cực trong nhà trường:* Đối với thanh thiếu niên, giai đoạn học tập và rèn luyện trong nhà trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đó là một giai đoạn đặc biệt, trong đó diễn ra sự biến đổi thế giới tinh thần và GT của họ. Nhờ quá trình học tập và rèn luyện, họ không những tiếp thu hệ thống tri thức khoa học mà còn tiếp thu hệ thống GT, trải nghiệm thực tiễn, hình thành và phát triển nhân cách. Vì vậy, môi trường sư phạm trong nhà trường là điều kiện quan trọng trong quá trình GDGT cho thanh thiếu niên. Cần phải xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, tích cực trước hết thông qua các mối quan hệ xã hội trong nhà trường. Điều đó thể hiện trong các mối quan hệ: thầy – trò; trò – trò…cũng như việc thực hiện các nội quy, quy chế của nhà trường.

Làm lành mạnh môi trường xã hội trong nhà trường, tạo nên môi trường có tính nhân văn, nhân ái, phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại, có tác động ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách thanh thiếu niên trong thời kỳ đổi mới. Môi trường sư phạm còn thể hiện ở môi trường văn hóa vật chất của nhà trường như hệ

thống lớp học, sân chơi, bãi tập, thư viện…

*.*Các hoạt động đoàn thể trong công tác giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên:* Giáo dục định hướng lý tưởng, niềm tin cách mạng và đạo đức nhân cách cho thanh thiếu niên, giúp họ xác lập giá trị tinh thần cao đẹp, thông qua hoạt động của Đoàn thanh niên cũng là một con đường và biện pháp giáo dục cơ bản. Bởi lẽ, ngoài hoạt động của nhà trường, cần bảo đảm kịp thời và hệ thống có định hướng trong việc cung cấp thông tin phong phú và rộng rãi cho học sinh, sinh viên về chính trị - xã hội, kinh tế - văn hoá, trên cơ sở hoạt động tích cực và sáng tạo của tất cả các thành viên trong nhà trường và ngoài xã hội, liên kết hoạt động giữa các trường và các tổ chức chính trị - xã hội, trong đó chủ yếu vai trò hoạt động của Đoàn thanh niên tham gia vào quá trình giáo dục định hướng GT cho học sinh, sinh viên qua phong trào quần chúng.

* *Chú trọng giáo dục gia đình:* Trong xu thế biến đổi nhanh chóng hiện nay của xã hội, gia đình càng trở thành nhân tố, phương tiện nhân cách hoá những yêu cầu của cộng đồng và xã hội. Gia đình còn là pháo đài đề kháng, giữ gìn, chuyển giao giá trị đạo lý, nhân cách cho thanh thiếu niên. Gia đình cũng là bộ máy sàng lọc, tiếp nhận, xử lý thông tin và xây dựng những chuẩn mực GT tốt đẹp của con người. Vai trò, uy tín và ý thức trách nhiệm của bố mẹ trong gia đình, cũng như kinh nghiệm giáo dục định hướng con cái của họ là vấn đề cốt lõi, đảm bảo hiệu quả cho việc phát triển nhân cách thanh thiếu niên.

**Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục giá trị cho thanh thiếu niên:* Thực tiễn giáo dục đã khẳng định, quá trình giáo dục chỉ có hiệu quả khi có sự kết hợp tốt giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội. Thanh thiếu niên ngoài thời gian học ở trường, họ sống ở gia đình và tham gia các mối quan hệ xã hội đa dạng, phong phú. Vì vậy, sự phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội một mặt đảm bảo cho thanh thiếu niên được giáo dục mọi nơi, mọi lúc; đảm bảo sự thống nhất trong quá trình giáo dục; mặt khác nhằm khai thác được thế mạnh, tiềm năng của các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục GT cho thế hệ trẻ.

3. Kết luận

GDGT trong nhà trường là một vấn đề quan trọng và cấp thiết hiện nay. Để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác này cần phải nắm vững các vấn đề cơ bản: mục tiêu, nội dung, phương pháp, con đường giáo dục và các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện công tác GDGT… Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào điều kiện thực tế của từng nhà trường và địa phương để xác định các nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục chủ đạo, ưu tiên trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể một cách phù hợp.

P.M.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Vũ Hoạt, Phạm Lăng, Bùi Thiện Cơ (1995), Giáo dục giá trị ở một số nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, Viện NCKHGD, Hà nội.

2. Herbert Mahr (1998), *Các giá trị và Chủ nghĩa xã hội*, Nghiên cứu giáo dục, (1).

3. Phan Tố Oanh (1998), *Nghiên cứu định hướng giá trị về nghề nghiệp của sinh viên khu vực miền Trung,* Đề tài cấp Bộ, MS B96-09-07.

4. Lê Đức Phúc (1992), *Giá trị và định hướng giá trị*, TC nghiên cứu giáo dục, (12).

5. Đào Hiền Phương (1991), Định hướng giá trị - một việc cần thiết, TC nghiên cứu giáo dục, (2).

6. Vũ Hào Quang (2001), Định hướng giá trị của sinh viên - con em cán bộ khoa học, NXB Đại học quốc gia Hà nội.

7. Trần Trọng Thủy, (1993), *Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách*, TC nghiên cứu giáo dục, (7).

8. Lưu Thu Thủy (2003), *Giáo dục một số giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh Trung học phổ thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Đề tài cấp Bộ MS 2001-49-14.

9. Phan Minh Tiến (2010), Giáo trình Giáo dục giá trị, NXB ĐHSP, Hà nội.

10. Thái Duy Tuyên (Chủ biên-1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Chương trình khoa học công nghệ cấp NN KX - 07, Hà nội.

11. Thái Duy Tuyên (1997), *Tìm hiểu những đặc điểm về định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.* Tạp chí nghiên cứu giáo dục, (11).

12. Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị,* Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, KX-07-04, Hà nội.

ABSTRACT

In the modern world, the social value system has changed and fluctuated. Therefore, values education for young people has great significance, not only for individuals but also for families and society. The school plays a particularly important role in this cause.

In order to improve the quality and efficiency of values education in schools, it is necessary to clearly define the objectives, contents, methods, educational paths and conditions to ensure the implementation of values education.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC - HỆ GIÁ TRỊ CỦA NỀN GIÁO DỤC CẦN ĐƯỢC NHẬN THỨC TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

PGS.TS. Trần Hoài Anh*

1. Đặt vấn đề:

Trong tác phẩm Émile hay là về giáo dục, J.J Rousseau, một triết gia, một nhà giáo dục học xuất sắc đã xác quyết: "Chúng ta sinh ra yếu đuối, chúng ta cần sức mạnh, chúng ta sinh ra chẳng có gì, chúng ta cần sự giúp đỡ, chúng ta sinh ra ngu ngốc, chúng ta cần sự phán đoán. Tất cả những gì chúng ta không có khi ra đời và chúng ta cần đến khi lớn lên, đều được sự giáo dục đem lại cho ta."[1]

Như vậy, trong quan niệm của J.J. Rousseau, giáo dục có một vai trò rất lớn đối với việc hoàn thiện nhân cách con người. Giáo dục không chỉ là chìa khóa khai minh trí tuệ con người mà còn là con đường đưa con người đến với những giá trị: chân, thiện, mỹ, một hằng số văn hóa mà bất cứ nền giáo dục nào cũng hướng đến. Nhưng những giá trị ấy không phải là một cái gì bất biến mà nó luôn biến đổi theo dòng chảy của đời sống xã hội và nhiệm vụ của giáo dục là làm thế nào đào tạo con người không chỉ thích nghi mà còn đáp ứng được những yêu cầu của sự biến đổi đó. Bởi, nói như

* Trường Đại học Văn hoá TP. Hồ Chí Minh

1. J.J Rousseau, Émile hay là về giáo dục – Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương dịch, Nxb Tri Thức, H, 2008, tr.32.

Ch. Rivet, nhà giáo dục học người Anh thì: "Giáo dục một con người là đào luyện cho họ có thể đối đầu với mọi hoàn cảnh."[1] Vai trò của giáo dục mà trong đó có triết lý giáo dục, vì thế là một hệ giá trị không thể phủ nhận.

Song muốn cho giáo dục hoàn thành được sứ mệnh cao cả của mình, không thể không có một triết lý giáo dục đáp ứng những yêu cầu của xã hội, không chỉ về mặt lý luận mà cả mặt thực tiễn. Hiệu quả của một triết lý giáo dục bao giờ cũng được kiểm nghiệm qua việc ứng dụng vào cuộc sống không chỉ trong nhà trường mà còn ngoài xã hội. Triết lý giáo dục chi phối, chỉ đạo toàn bộ qui trình giáo dục, từ những vấn đề có tính chiến lược như *mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, tổ chức quản lý giáo dục* đến những vấn đề cụ thể của một nền giáo dục như: *biên soạn chương trình, sách giáo khoa, tổ chức quá trình dạy và học*... Vì vậy, triết lý giáo dục luôn gắn liền với quá trình phát triển đất nước, là một bộ phận "cấu thành triết lý phát triển" của nước nhà. Thế nên, nếu không xây dựng được một triết lý giáo dục đúng đắn, khoa học và hiện đại thì không thể đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo thật sự góp phần vào việc xây dựng đất nước, vì sản phẩm của giáo dục là con người mà con người chính là chủ nhân làm nên sự tồn sinh của dân tộc. Vì thế, khi nghiên cứu nền giáo dục của một đất nước, người ta luôn quan tâm đến triết lý giáo dục của đất nước ấy, vì quá trình lịch sử phát triển của giáo dục cũng là quá trình phát triển của các tư tưởng giáo dục. Nói cách khác, đó là quá trình phát triển của các triết lý giáo dục.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, khi đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới thì việc xây dựng một triết lý giáo dục đúng đắn, phù hợp qui luật phát triển của dân tộc và nhân loại lại càng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc và là một hệ giá trị cốt tử của một nền giáo dục cần được thức nhận.

---

1. Mai Ngọc Loan (tuyển chọn), 3600 câu danh ngôn thế giới, Nxb. Văn hóa Thông tin , Hà Nội, 2005, tr. 302

2. Nội dung

2.1. Triết lý giáo dục nhìn từ thực trạng giáo dục nước nhà

Giáo sư Hoàng Tụy, một nhà khoa học, một nhà giáo dục lớn đã có nhiều ý kiến tâm huyết về sự nghiệp giáo dục của nước nhà, trong bài viết "Mấy giải pháp cấp bách về giáo dục", ông cho rằng: "Nhìn vào thực trạng giáo dục hiện nay, có thể thấy một số khó khăn phức tạp thật ra không đáng có đã nảy sinh và trở nên trầm trọng chủ yếu do cách quản lý và điều hành chưa tốt đó là: 1/ thi cử nặng nề quá mức cần thiết, gây nên một áp lực tâm lý và vật chất không thể chấp nhận được cho xã hội, cho mọi gia đình; 2/ dạy thêm, luyện thi tràn lan, ảnh hưởng tệ hại đến uy tín nghề giáo và chất lượng giáo dục; 3/ chi phí cao so với hiệu quả sử dụng, mỗi năm đều in sách giáo khoa mới, rất tốn kém mà không có điều kiện cải tiến nội dung lẫn hình thức. Cả ba vấn đề này đã được nêu lên từ nhiều năm nay, nhưng cho đến nay vẫn chưa được xử lý thỏa đáng, dần dần trở thành những lực cản khiến giáo dục tiến lên chậm chạp, không đáp ứng nhu cầu và không tương xứng công sức và tiền của đầu tư cho nó"[1]

Rõ ràng nhìn vào thực trạng nền giáo dục nước ta kể từ sau 1975 đến nay, trải qua bao nhiêu lần thay đổi từ *mục tiêu giáo dục, phương châm giáo dục, phương pháp giáo dục, nội dung giáo dục*, mà rõ nhất là *chương trình và sách giáo khoa* với sự kiện quan trọng nhất là công cuộc cải cách giáo dục năm 1981, nền giáo dục nước nhà tuy có những thành tựu nhất định nhưng vẫn chưa tạo được một sự bứt phá cần thiết đặc biệt là chưa tạo được một sự ổn định mang tính biện chứng của một quá trình vận động và phát triển nhằm đáp ứng một cách hữu hiệu sự phát triển của đất nước. Xét từ phương diện này ta thấy nền giáo dục nước nhà vẫn chưa tạo được một lộ trình ổn định, căn cơ theo một hệ giá trị từ một triết lý giáo dục tiên tiến mà chỉ mới có những giải pháp mang tính tình thế nên luôn gặp những bất cập, nhiều lúc lúng túng như không tìm thấy lối ra.

Không những thế một số người nắm vận mệnh của nền giáo

1. Nhiều tác giả, *Khoa học giáo dục đi tìm diện mạo mới*, Nxb. Trẻ, Báo Tia Sáng, 2006, tr.49,50

dục nhiều khi chưa có đủ tầm nhìn, đủ tâm huyết cần thiết để điều nghiên, tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm vực dậy nền giáo dục nước nhà. Chính vì thế tình trạng "trường chưa ra trường, trò chưa ra trò, thầy chưa ra thầy" vẫn là nỗi lo của xã hội. Nghị quyết Hội nghị TW 8 Khóa XI của Đảng cũng chỉ ra những yếu kém của nền giáo dục đó là: "chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo; còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất. Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu; một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn." Chính vì vậy, trên báo báo Tuổi trẻ số ra ngày chủ nhật 19/10/2014 có dẫn lời Bộ trưởng Phạm Vũ Luận (nay đã nghỉ hưu) trong cuộc gặp gỡ với giáo viên và học sinh tỉnh Đắc Nông cho rằng: "Cách dạy hiện nay vẫn là phương thức truyền thụ kiến thức theo hướng tiếp nhận một chiều. Cách dạy như vậy cùng lắm chúng ta có một kỹ sự giỏi, một bác sĩ giỏi chứ không làm nên một tập thể xuất sắc được. Trong môi trường lao động hiện đại như ngày nay thì việc giáo dục như vậy là lạc hậu".

Chúng ta hoàn toàn chia sẻ với nỗi "ưu lo" của người đứng đầu ngành giáo dục đất nước. Nhưng cũng từ ý kiến của cựu Bộ trưởng Phạm Vũ Luận, một vấn đề đặt ra là qua bao nhiêu lần cải cách giáo dục, tiêu tốn bao nhiêu tiền bạc của nhân dân, với những dự án, đề án cải cách dạy và học ở các cấp học từ bậc

phổ thông đến đại học như thay sách giáo khoa, đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy... và lần cải cách, đổi mới nào cũng đặt ra những mục tiêu hoành tráng với những lời thuyết minh "có cánh", nhưng rồi, chính cựu Bộ trưởng lại thừa nhận là "phương thức giáo dục của chúng ta hiện nay như 50 – 60 năm qua. Tức là tiền bối dạy sao ta lại dạy thế hệ sau như thế". Như vậy, hệ lụy này là do đâu và ai sẽ chịu trách nhiệm về những cải cách, đổi mới mà cái cần làm để định hướng cho việc đi tìm giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo là xây dựng cho được một triết lý giáo dục lại không chạm đến.

Thế nên, báo Tuổi trẻ số ra ngày 16/11/2018 dẫn lời của các vị đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa 14, trong phiên họp toàn thể thảo luận dự án luật giáo dục (sửa đổi) ngày 15/11/2019) đã cho rằng nền giáo dục của chúng ta hiện nay:"thiếu triết lý giáo dục, học hành trở thành gánh nặng". Bởi, theo đại biểu Phạm Trọng Nhân: "Một nền giáo dục thiếu triết lý như thiếu ngọn hải đăng dẫn đường. Thiếu triết lý giáo dục cũng đồng thời làm cho đất nước thiếu đi một bộ phận cấu thành của triết lý phát triển." Và trước những lo ngại của đại biểu Quốc hội, đương nhiệm Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Phùng Xuân Nhạ đã trần tình: "Chúng tôi đã chỉ đạo một nhóm nghiên cứu ở đề tài cấp quốc gia và nghiên cứu một cách thật sự, cẩn thận để tạo ra một sự thống nhất cao về triết lý giáo dục trong mục tiêu và nguyên lý giáo dục để có định hướng trong chỉ đạo các hoạt động giáo dục tới đây. Tất cả những vấn đề này, chúng tôi sẽ nghiêm túc tiếp thu và nghiên cứu để trình Quốc hội dự thảo, báo cáo Quốc hội kỳ họp thứ 7 (giữa năm 2019)". Như vậy, trong nhận thức của người đứng đầu ngành giáo dục cũng đã thấy vai trò và ý nghĩa rất quan thiết của triết lý giáo dục mà nếu không sớm hoàn thành, chúng ta không thể nào xây dựng được một hệ thống giá trị căn cơ làm tiền đề cho sự đổi mới và phát triển bền vững của nền giáo dục nước nhà, nhất là khi đất nước đang trong thời kỳ hội nhập và phát triển theo xu hướng toàn cầu hóa. Bởi, nếu cứ duy trì "phương thức truyền thụ kiến thức theo hướng tiếp nhận một chiều" như cựu Bộ trưởng Phạm Vũ Luận đã chỉ ra, theo chúng tôi chắc chắn sẽ không có những "cá nhân giỏi" nói gì đến "tập thể giỏi". Một

nền giáo dục thiếu sự phản biện từ người tiếp nhận mà chỉ có sự áp đặt từ một phía (dù đó là phía nào) thì cũng không thể là một nền giáo dục tiên tiến, hiện đại được, vì thế, chắc chắn sẽ không đào tạo ra những con người có phẩm tính sáng tạo đúng nghĩa. Những học sinh giỏi, xuất sắc với một tư duy giàu sáng tạo chỉ có thể là sản phẩm của một nền giáo dục mang tính *khai phóng, dân tộc, hiện đại và nhân văn*. Và đây cũng là những hệ giá trị cần có của một triết lý giáo dục mà mọi nền giáo dục cần hướng đến chứ không đơn thuần là việc thay đổi phương thức giáo dục. Và hệ lụy của giáo dục chúng ta những năm qua, phải chăng là kết quả của một nền giáo dục chưa tìm được triết lý giáo dục để đáp ứng yêu cầu vận động và phát triển của đất nước, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Bởi, một khi chưa hình thành được một triết lý giáo dục minh triết có cơ sở khoa học và thực tiễn thì mọi cải cách, đổi mới giáo dục cũng rất khó mang lại kết quả mong muốn. Và như vậy một vấn đề đặt ra là cải cách hay đổi mới giáo dục phải bắt đầu từ đâu khi chúng ta chưa có "ngọn hải đăng" soi đường đó là triết lý giáo dục!?

2.2. Triết lý giáo dục, một hệ giá trị của thời kỳ hội nhập và phát triển

Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, đất nước đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đặc biệt là sự hội nhập ngày càng sâu rộng với cộng đồng quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó có giáo dục. Sự phát triển của công nghệ thông tin với mạng xã hội và internet cũng tác động rất lớn đến việc hình thành nhân cách của lớp trẻ. Vấn đề công dân toàn cầu đã/ đang đặt ra cho các dân tộc trong việc đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu của thời kỳ hội nhập và phát triển mà Việt Nam không phải là ngoại lệ. Và trong một thế giới phẳng như hiện nay, vấn đề đào tạo những con người Việt Nam thành công dân mang phẩm tính toàn cầu là điều không thể không nghĩ đến. Bởi, chính những biến đổi của thế giới đang đặt ra cho nền giáo dục những thách thức và những vận hội mới. Vấn đề là chúng ta chuẩn bị đón nhận những thách thức và vận hội ấy như thế nào!? Đây là một câu hỏi không hề đơn giản. Và dù đi theo phương thức nào thì giáo dục cũng là một trong những nhân tố tiên quyết cần

tập trung giải quyết trước yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập của đất nước mà lâu nay chúng ta quen gọi giáo dục là "quốc sách hàng đầu". Chính vì vậy, trong nghị quyết TW 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để khắc phục những yếu kém của nền giáo dục và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục trong bảy quan điểm chỉ đạo việc **"Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo"**, Đảng cũng chỉ ra phải "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo, đồng thời giáo dục và đào tạo phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế để phát triển đất nước." Và để vận hành nền giáo dục đất nước trong xu thế toàn cầu hóa nhằm hội nhập và phát triển bền vững, trong NQ TW 8 khóa XI Đảng đã đưa ra chín giải pháp căn bản nhằm đổi mới một cách toàn diện nền giáo dục nước nhà đó là: "1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với đổi mới giáo dục và đào tạo /2. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của giáo dục, đào tạo theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học /3. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan /4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập /5. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng /6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo /7. Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội; nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục và đào tạo /8. Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục và khoa học quản lý /9. Chủ động hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong giáo dục, đào tạo."

Thực chất của các giải pháp này là sự cụ thể hóa tư tưởng giáo dục của Đảng và đây cũng chính là định hướng để chúng ta xây dựng triết lý giáo dục trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Và nếu các giải pháp nầy được tiến hành đồng bộ, không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà phải được cụ thể hóa trong thực tiễn thì nền giáo dục của

chúng ta mới có thể thực hiện được nhiệm vụ đào tạo những con người không chỉ có "nhân cách văn hóa hoàn thiện" mà còn có "tính chuyên nghiệp" trong lao động nghề nghiệp để thực thi sứ mệnh xây dựng một nước Việt Nam hùng cường giàu mạnh. Bởi nói như Kant, một triết gia cũng là một nhà giáo dục tiêu biểu của thời cận đại đã xác quyết: "con người chỉ có thể trở thành người là nhờ giáo dục. Con người là những gì được giáo dục tạo nên."[1] Vấn đề còn lại là nền giáo dục mỗi nước phải có một triết lý giáo dục như thế nào để đào tạo được những con người với những phẩm chất đạo đức, năng lực trí tuệ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu của một thế giới đang toàn cầu hóa về mọi phương diện.

Giáo dục con người là một quá trình dài lâu nhưng không phải là không cần những bước nhảy vọt mang tính đột phá. Thực trạng giáo dục ở Việt Nam đang còn nhiều vấn đề bất cập. Trước thách thức của xã hội hiện đại, nếu nền giáo dục chúng ta vẫn "lối cũ ta về", thì chắc chắn sẽ không thể đạt hiệu quả tốt đẹp. Muốn vậy, phải nhận thức triết lý giáo dục là một hệ giá trị nền tảng chi phối toàn bộ các hoạt động giáo dục, có tính quyết định đến sự phát triển của nền giáo dục nước nhà, là vấn đề cần tập trung giải quyết không chỉ trong nhận thức mà trong cả hành động như lời trần tình của đương kiêm Bộ Trưởng Bộ Giáo dục trước Quốc hội.

Ở nước ta vấn đề triết lý giáo dục không phải đến hôm nay mới bàn đến mà thực tế đã được nói đến từ ngàn xưa dưới hình thức này hay hình thức khác. Ở miền Nam, giai đoạn 1954 -1975, trong một Đại hội Quốc gia Giáo dục lần 1 năm 1958, được xem như "Hội nghị Diên Hồng" về giáo dục, với sự quy tụ của nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật… "đã chúnh thức đưa ra một triết lý giáo dục với ba nguyên tắc cơ bản đó là: ***nhân bản, dân tộc*** và ***khai phóng.*** Đó là 1/Nền giáo dục Việt Nam phải là nền giáo dục nhân bản, tôn trọng giá trị thiêng liêng của con người, lấy chính con người làm cứu cánh, và như vậy nhằm mục đích phát triển toàn diện con người. 2/ Nền

1. I. Kant, *Toàn tập, tập 8, Kant nói về sư phạm học,* K.Vorlader ấn hành, tr.195

giáo dục Việt Nam phải là một nền giáo dục dân tộc, tôn trọng giá trị truyền thống, mật thiết liên quan với những cảnh huống sinh hoạt như gia đình nghề nghiệp, đất nước và đảm bảo hữu hiệu cho sự sinh tồn, phát triển của quốc gia dân tộc. 3/ Nền giáo dục Việt Nam phải có tính cách khái phóng, tôn trọng tinh thần khoa học, phát huy tinh thần dân chủ và xã hội, thâu thái tinh hoa các nền văn hóa thế giới"[1] Với triết lý giáo dục như thế, nền giáo dục của miền Nam đã tiếp cận với những nền giáo dục tiên tiến của phương Tây và đã thu được những thành tựu trên nhiều bình diện từ giáo dục phổ thông đến giáo dục đại học và sau đại học mà nếu nhìn nhận một cách công bằng, khách quan trên tinh thần khoa học, chúng ta không thể phủ nhận được những hệ giá trị của triết lý giáo dục này mang lại cho nền giáo dục ở miền Nam trước 1975. Vì vậy, những nguyên tắc của triết lý giáo dục miền Nam 1954-1975 cũng là một hệ giá trị có tính nhân văn và khoa học sâu sắc có thể tiếp thu để thiết lập những giá trị cho triết lý giáo dục của chúng ta hiện nay. Bởi, khi nói về những vấn đề liên quan đến hệ giá trị của triết lý giáo dục hiện nay cũng tại kỳ họp Quốc hội lần này, đại biểu Phạm Trọng Nhân cho rằng: "để đáp ứng bối cảnh mới, với sự thay đổi chóng mặt của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin thì một trong những phương pháp giáo dục phải là ***khai phóng***, hướng đến từng người học, giúp học sinh chủ động trong nhận thức, độc lập trong tư duy sáng tạo để có thể tự kết nối, tự kiểm soát và thích ứng với những thay đổi của thế giới hiện nay." (báo Tuổi trẻ ra ngày 16/11/2018)

Như vậy, trong quan niệm về triết lý giáo dục của đại biểu Phạm Trọng Nhân đã có điểm gặp gỡ với một trong ba nguyên tắc quan trọng nhất của giáo dục miền Nam trước 1975 đó là tinh thần *khai phóng* được đặt ra như một hệ giá trị tất yếu của triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay, cần được thức nhận khi đất nước đang trên con đường hội nhập và phát triển.

---

1. Trần Văn Chánh, "Giáo dục miền Nam Việt Nam (1954-1975) trên con đường xây dựng và phát triển", *Tạp chí nghiên cứu và phát triển,* (Chuyên đề Giáo dục miền Nam Việt Nam (1954-1975), tr.13, 14)

3. Kết luận

Như đã phân tích ở trên, triết lý giáo dục là một trong những hệ giá trị căn bản của một nền giáo dục. Nó chính là con đường, là phương thức cũng là cái đích đến của một nền giáo dục. Vì vậy, khi chưa hình thành được một triết lý giáo dục, nghĩa là chúng ta chưa tìm ra được con đường, phương thức đi đến mục tiêu. Lâu nay những gì chúng ta đã làm trong những lần cải cách, đổi mới giáo dục, thực ra cũng chỉ bàn đến những vấn đề mang tính "sự vụ, sự việc" như ý kiến của đại biểu Quốc hội Phan Trọng Nhân đã nói mà chúng ta chưa quan tâm xây dựng một hệ giá trị của triết lý giáo dục có cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm định hướng dài lâu cho sự phát triển của nền giáo dục, từ đó góp phần tạo nên sự phát triển bền vững cho đất nước. Vì thế, nền giáo dục của chúng ta vẫn ở trong tình trạng thử nghiệm, chưa bao giờ hoàn thiện, thậm chí ở một số phương diện còn có biểu hiện *lúng túng* và *bế tắc*.

Để giải quyết bài toán này, vấn đề *cần làm ngay* là phải nhận thức rõ *triết lý giáo dục là một hệ giá trị nền tảng, căn cơ của một nền giáo dục* chi phối toàn bộ mọi phương diện của nền giáo dục từ *mục tiêu giáo dục, phương thức giáo dục, nội dung giáo dục*… Có như thế, mới mong tìm được một hướng đi rõ ràng nhằm đưa nền giáo dục nước nhà phát triển bền vững, thích nghi và hòa nhập nhanh với các nền giáo dục tiên tiến, hiện đại của thế giới. Thức nhận được vấn đề này trong tư duy giáo dục, chắc chắn nền giáo dục nước nhà sẽ khai thông những bế tắc, giải quyết được những bất cập để vươn đến những tầm cao mới trong cộng đồng giáo dục thế giới của thời kỳ hội nhập và phát triển.

T.H.A

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010.* Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002

2. *J.J Rousseau, Émile hay là về giáo dục,* (Lê Hồng Sâm, Trần Quốc Dương dịch), Nxb Tri Thức, Hà Nội, 2008.

3. Jean Chateau, *Triết lý giáo dục* (bản dịch Lê Thanh Hoàng Dân, Trần Hữu Đức), Nxb Trẻ, Sài Gòn, 1971.

4. Đặng Bá Lãm – Phạm Thành Nghị, *Chính sách và kế hoạch trong quản lý giáo dục*, Viện nghiên cứu phát triển giáo dục, Nxb Giáo dục, H, 2000.

5. Nhiều tác giả, *Khoa học giáo dục đi tìm diện mạo mới*, Nxb. Trẻ và tạp chí Tia Sáng, 2006.

6. Nhiều tác giả, *Đổi mới giáo dục đại học Việt Nam, hai thời khắc đầu thế kỷ,* Nxb. Văn hóa Sài Gòn, 2009

7. Nhiều tác giả, "Chuyên đề Giáo dục miền Nam (1954-1975)", Tạp chí *Nghiên cứu và phát triển*, số 7-8 (114-115)/2014

8. Nhiều tác giả, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "Văn hóa học đường – lí luận và thực tiễn", Hội Khoa học Tâm lý – Giáo dục Việt Nam, ngày 4 - 6/ 3/ 2009

XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ GIÁ TRỊ SẢN PHẨM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

PGS.TS. Hoàng Sĩ Nguyên*

1. Đặt vấn đề

Phát triển khoa học công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo đang được Đảng và Nhà nước ta xác định là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công cuộc hiện đại hoá đất nước thời 4.0. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành W khoá VIII của Đảng nêu rõ "Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống". Trong các trường đại học, ngoài đội ngũ giảng viên, sinh viên là lực lượng đông đảo đã và đang thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học. Các năm gần đây, nhiều ý tưởng khoa học của sinh viên, nhiều công trình nghiên cứu của các em trong các cuộc thi sáng tạo, khởi nghiệp,… đã đạt nhiều giải cao, được nhiều nhà đầu tư tìm kiếm và hợp tác. Song, số lượng các công trình đó còn rất ít, và cũng khó đòi hỏi nhiều ở các em.

Trong các trường đại học, sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên thướng là luận án, luận văn, khoá luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường,…; bài viết này chỉ đề cập đến các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của sinh viên. Việc nhìn nhận vấn đề nghiên cứu khoa học của sinh viên hiện cũng

* Trường Đại học Nội Vụ Hà Nội - Phân hiệu Quảng Nam

còn nhiều ý kiến khác nhau: có ý kiến cho rằng, đã là đề tài nghiên cứu khoa học thì vấn đề phải mới, chất lượng phải cao, có giá trị ứng dụng rõ ràng. Ýkiến lại cho rằng, đối với các em, nghiên cứu khoa học chỉ như là một bài tập lớn chứ không thể đòi hỏi hơn thế, nên dẫn đến hạ quá thấp chất lượng đề tài nghiên cứu, qua loa đại khái trong hướng dẫn và nghiệm thu. Bởi vậy, xác định mức giá trị sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên là một việc làm cần thiết, giúp các trường đặt ra và giải quyết đúng định hướng của một trong hai nhiệm vụ chính ở trường đại học là đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung

2.1. Nghiên cứu khoa học và mức độ giá trị sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên

Khái niệm khoa học có nhiều định ngĩa khác nhau:

- "Lĩnh vực hoạt động nghiên cứu nhằm mục đíc sản xuất ra những tri thức mới về tự nhiên, xã hội, tư duy và bao gồm tất cả những điều kiện, những yếu tố của sự sản xuất này: nhà khoa học, cơ quan khoa học, phương pháp, thông tin khoa học" [Từ điển Triết học, Nxb Tieeens bộ Matxcova, 1986]

- "Là hệ thống tri thức về các hiện tượng tự nhiên, sự vật, quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy"[Điều 2, Luật Khoa học và Công nghệ, năm 2013]

Ở góc độ hoạt động xã hội, khoa học còn được định nghĩa như một hoạt động có chức năng tìm tòi, phát hiện, khám phá các quy luật của hiện tượng và sự vật và vận dụng các quy luật ấy.

Nghiên cứu (Research) là một khâu, một hình thức hoạt động cơ bản trong khoa học công nghệ. Nó thường có các nhân tố cơ bản là: Tính sáng tạo/ Tính mới hoặc đổi mới/ Sử dụng các phương pháp khoa học/ Kế thừa và Kiến tạo ra các kiến thức mới.

Như vậy, có thể nói, nghiên cứu khoa học là hoạt động tư duy nhằm khám phá đặc trưng, bản chất, quy luật của các sự vật và hiện tượng, tìm kiếm các giải pháp giải quyết vấn đề cho phù hợp và tốt hơn.

Theo Từ điển Tiếng Việt, "giá trị" có nghĩa được hiểu là

"Phẩm chất tốt đẹp, tác dụng lớn lao: hoàn thành một tác phẩm có giá trị; giá trị của người lao động là năng suất lao động" (trang.738). "Mức độ" là "Mức trên một thang độ…". Vậy thì, mức độ giá trị được đề cấp ở đây là cần chọn thang độ giá trị nào phù hợp để đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường của sinh viên?

Với sinh viên, nếu đề tài nghiên cứu cần đạt đúng theo các khái niệm khoa học trên thì e rằng không ổn (!?). Bởi, chi trừ một số ít công trình có giá trị vượt bậc, phần đông sinh viên đang ở mức "tập nghiên cứu khoa học" chứa chưa phải là những nhà khoa học, nhà nghiên cứu chuyên nghiệp. Mục đích chính nghiên cứu khoa học (NCKH) với sinh viên là trang bị cho các em kiến thức, kỹ năng NCKH độc lập để hỗ trợ cho hoạt động tự học và chuẩn bị hàng trang tư duy độc lập cho việc làm sau này. Thao tác chính mà sinh viên lĩnh hội và thực hành được khi NCKH là tư duy ra vấn đề, xây dựng đề cương, tổ chức thực hiện, phương pháp thực hiện, tìm kiếm tài liệu, thu thập và xử lý thông tin, thí nghiệm, phân tích số liệu, thử nghiệm kết quả, viết báo cáo tổng hợp, trình bày báo cáo. Chúng ta không nên đặt nặng vào kết quả ứng dụng hay phát minh ra cái mới vào kết quả đề tài NCKH của sinh viên.

Từ các cơ sở trên, chúng ta cần xác định mức độ giá trị mà đề tài nghiên cứu sinh viên cần đạt được là khả năng hình thành các ý tưởng vừa tầm, biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để tạo ra được một báo cáo tổng hợp logic về chương mục, hoàn chỉnh về nội dung, đúng về thể thức.

2.2. Những khó khăn làm ảnh hưởng đến mức độ giá trị trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

Để xác định mức độ giá trị sản phẩm đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, giảng viên cần hiểu những khó khăn của sinh viên khi tham gia đề tài nghiên cứu; từ đó cũng giúp giảng viên biết mình phải làm gì giúp các em khi hướng dẫn đề tài cho các em. Các khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học là:

Thứ nhất, chưa có ý tưởng mới hoặc khó khăn trong việc chọn đề tài

Đa số sinh viên muốn làm đề tài nghiên cứu khoa học nhưng không nghĩ ra được ý tưởng mới; hoặc nhiều vấn đề người khác đã nghiên cứu rồi mà các em chưa biết nên ý tưởng trùng lặp. Cũng có nhiều trường hợp sinh viên loay hoay không biết chọn đề tài gì bởi các em mới có cái nhìn khái quát qua hoặc là rất sơ lược.

Thứ hai, sinh viên thiếu kỹ năng khi thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học. Các ký năng sinh viên thường thiếu là kỹ năng lập đề cương, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng chọn phương pháp nghiên cứu, kết hợp các phương pháp nghiên cứu,..

Thứ ba, sinh viên còn hạn chế về cách trình bày. Văn phong khoa học, tính logic trong cấu tứ chương mục, hành văn diễn đạt của sinh viên thường chưa phù hợp, chuẩn mực. Việc trình bày các bảng biểu, phụ lục, tài liệu tham khảo,... thường sai sót nhiều; việc căn lề, chọn phông chữ đậm, in nghiêng… cũng chưa đúng quy tắc.

Thứ tư, Kỹ năng làm việc nhóm còn hạn chế. Một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thường có hai, ba em tham gia. Các em thường gặp khó khăn về sự khác biệt văn hoá, tính cách, sở thích, quỹ thời gian, phong cách văn viết,… nên khó đưa ra một quyết định chung hay logic trong quá trình thực hiện.

Thứ năm, vấn đề kinh phí. Đa số sinh viên đam mê nghiên cứu khoa học thường là con nhà nghèo; kinh phí của nhà trường cũng chỉ một vài triệu mang tính động viên nên nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc đi lại, tìm kiếm, mua tài liệu, số liệu, in ấn,…

Thứ sáu, hạn chế về tư duy khoa học. Sinh viên thường chưa hình thành, hội đủ tư duy logic, tư duy nghiên cứu khoa học, lập luận, óc phán đoán. Việc tiếp thu, kế thừa cái đã có để làm ra cái mới, cái khác ở sinh viên còn yếu, mà tạo ra cái mới hoàn toàn thì là yêu cầu quá cao không thể các em đạp ứng được.

Rõ ràng, việc sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học còn gặp nhiều khó khăn. Mấy năm qua, phong trào này có nở rộ ở một số trường, song con số sản phẩm đề tài được nghiệm thu vẫn còn khiêm tốn. Chẳng hạn, ở Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, năm 2011 có 06 đề tài được nghiệm thu; năm 2015 có 26 đề tài được

nghiệm thu; năm 2017 có 65 đề tài được nghiệm thu. Tỷ lệ có sự gia tăng đáng kể, song nếu tính tỷ lệ theo tổng số sinh viên của Trường (trên 3000 sinh viên) thì còn quá thấp.

2.3. Kinh nghiệm nâng cao giá trị sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên

Sinh viên chưa thể là những người độc lập nghiên cứu khoa học được. Bởi vậy, muốn nâng cao sản phẩm nghiên cứu khoa học của sinh viên, điều cần thiết trước hết ở người thầy là phải hướng dẫn sinh viên triển khai quá trình nghiên cứu một cách bài bản, chất lượng. Quá trình đó trãi qua 4 bước chính:

Thứ nhất, khích lệ ý tưởng nghiên cứu, lựa chọn đề tài, nội dung nghiên cứu

Tuy có vai trò tích cực đối với quá trình tích luỹ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, bổ trợ khả năng tư duy,.. song hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên hiện nay chưa được triển khai rộng khắp ở các trường đại học. Phần đông sinh viên chỉ lo học cho xong các tín chỉ theo quy đinh còn việc nghiên cứu khoa học chỉ ở một số em ưa thích. Hoặc là, một số sinh viên còn lúng túng, chưa biết bắt đầu từ đâu, như thế nào khi muốn đăng ký NCKH. Điều này gặp phải là do các em chưa có quá trình chuẩn bị tâm thế để NCKH. Kinh nghiệm cho thấy trong quá trình giảng dạy, tiếp xúc với sinh viên, giảng viên cần luôn khích lệ các em luôn có tư duy ngược, tư duy về cái khác lạ, cái mới – không nên cứ theo cái cũ, một chiều, cái đã có trong bài giảng, tài liệu.

Thường khi đã có ý tưởng thì các em sẽ có nhiều hướng đề tài, nội dung để đưa ra chọn lựa. Thực tế cho thấy vì chưa am tường nên các em hay đưa ra các đề tài quá rộng, như 'Xây dựng nhà nước pháp quyền và vấn đề cải cách bộ máy nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay"; "Thực trạng và giải pháp bảo tồn các di tích lịch sử cách mạng của nước ta";… Chẳng hạn, sinh viên Huỳnh Tấn Thành, Phân hiệu Quảng Nam đăng ký đề tài: "Đời sống văn hoá dân gian…". Với một đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên thì không thể báo quát hết không gian (Việt Nam), đối tượng (toàn bộ các dân tộc trên đất nước Việt Nam) để tìm hiểu đời sống văn hoá dân gian của họ được. Có chăng thì chỉ nên giới hạn là đời sống văn hoá dân gian (giới thuyết một phương diện hay lĩnh vực

cụ thể) của một dân tộc nào đó tại một tỉnh nào đó. Trước khi lựa chọn đề tài, nội dung nghiên cứu, nên hướng dẫn cho các em xem danh mục đề tài nghiên cứu khoa học của các năm trước; tìm đọc các báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu gần với nội dung, lĩnh vực các em đăng ký. Hướng dẫn các em tìm đọc các tài liệu liên quan đến nộ dung dự kiến nghiên cứu để xem họ đã nghiên cứu những gì, cái gì còn trống để chọn lựa nghiên cứu (đây cũng là tư liệu quan trọng để trình bày phần lịch sử vấn đề).

Giảng viên nên định hướng cho sinh viên thực hiện các đề tài có tính thời sự, tính thực tiễn, ứng dụng thì phù hợp hơn bởi các em còn khó có khả năng nghiên cứu về lý thuyết.

Thứ hai, Thuyết minh đăng ký đề tài và xây dựng đề cương

Thuyết minh đăng ký đề tài thì đã có sẵn các bước do nhà trường đưa ra. Vấn đề là sau khi sinh viên đã thuyết minh xong, giảng viên hướng dẫn phải rà soát lại. Việc rà soát này không phải là chỉ sửa những cái sai thành đúng, chưa đủ thành đủ, mà quan trong hơn là bước phân tích, lý giải cho sinh viên tại sao lại như vậy, tại sao không nên như thế kia,… Với sinh viên, hoàn thành được tên đề tài, thuyết minh được để đăng ký đã là thành tích. Các ý tưởng, quan điểm của các em đưa ra, người giảng viên phải trân trọng; việc thay đổi, điều chỉnh phải được lý giả, phân tích cặn kẽ - đây cũng được xem như công việc bồi dưỡng kỹ năng cho các em, từ đó các em mới hiểu và mạnh dạn đưa ra ý tưởng mới, phù hợp khi tiến hành thực hiện. Cần tránh phủ định hoàn toàn ý tưởng của các em, lý khiếp sợ hay thiếu tự tin làm các em nhụt chí.

Thường thì khi thuyết minh đề tài, sinh viên hay đi theo lối mòn quen thuộc là đề tài này sẽ được áp dụng, góp phần thực hiện… ở một cơ quan, đơn vị nào đó. Thực ra thì đề tài của sinh viên ít có cái đủ tầm để áp dụng làm thay đổi mọt hiện trạng nào đó…, bởi vậy giảng viên nên hướng các em định hướng vừa tầm như qua việc thực hiện đề tài nghiên cứu này để làm quen với việc nghiên cứu khoa học, để bổ sung thêm kiến thức từ lý thuyết đến thực tiễn, để có thêm hành trang hiểu biết sau khi ra trường về các đơn vị làm việc

Đề cương cần bao gồm đủ các chương mục, được sắp xếp hệ thống, logic với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu. Tên các chương mục cần ngắn ngọn, không trùng lặp. ở phần này, điểm yếu của đa số sinh viên là thường đặt tên các tiêu đề nhỏ trùng với tên chương; phần khái quát chung về không gian nghiên cứu thường chung chung chứ không biết chọn cái chỉ liên quan đến nội dung đề tài nên giảng viên cần giúp các em chỉnh sửa.

Thứ ba, thu thập và xử lý tài liệu.

Đây là công việc quan trọng, cần thiết. Sau khi sinh viên liệt kê danh mục tài liệu tham khảo, giảng viên cần chọn cho các em những tài liệu cần và đủ, tránh ôm đồm quá nhiều hoặc quá sơ sài bởi kinh nghiệm của các em còn hạn chế. Trong thời đại thông tin rộng rãi như hiện nay, sinh viên dễ sao chép hoặc chọn những tài liệu không có nguồn dẫn chính xác nên cần lưu ý các em vấn đề này. Các em nên đi vào các tài liệu có thể là giáo trình, sách chuyên khảo, công trình khoa học cấp Bộ, cấp Trường đã nghiệm thu có chất lượng cao, các tạp chí khoa học chuyên ngành,… Bên cạnh đó, cần khuyến khích các em sử dụng ngoại ngữ để tra cứu thông tin và kiến thức trong các nguồn tài liệu của nước ngoài. Với các đề tài có tính thời sự, khảo sát thực tế, cần khuyến khích các em làm phiếu điều tra xã hội học để các em có được nguồn thông tin khách quan, tính thuyết phục cao.

Các tài liệu thu thập được cần hướng dẫn các em xử lý trước khi sử dụng: phân loại, kiểm tra độ chính xác, mục đích và mức độ sử dụng của từng loại tài liệu,…

Thứ tư, viết báo cáo tổng hợp.

Đây là quá trình sinh viên tổng hợp mọi kiến thức đã có ở giai đoạn trước để hoàn thành sản phẩm đề tài nghiên cứu khgoa học. Cần hướng dẫn các em có cách viết hợp lý, phù hợp văn phong khoa học (bởi ở trường phổ thông thường các em quen với văn phong miêu tả, tường thuật). NGôn ngữ sử dụng trong báo cáo tổng hợp cần nghĩa tường minh, chính xác, chuẩn, mực; cách diễn đạt trong sáng, ngắn gọn, logic. Dung lượng báo cáo cần hợp lý giữa các chương, mục, tránh tình trạng mất cân đối quá lớn.

Báo cáo tổng hợp phải trình bày đúng khuôn dang, phông chữ theo quy định. Đặc biệt nhắc các em viết, đánh máy đúng lỗi chính tả, đặt dấu câu đúng. Cần khuyến khích các em thể hiện báo cáo sinh động về hình thức như sử dụng các bảng biểu, hình ảnh minh hoạ phong phú, đa dạng,..

Trong hoặc sau khi làm xong báo cáo tổng hợp, cần khuyến khích các em viết các bài báo từ nội dung của công trình để tham gia các hội thảo, đăng kỷ yếu, Nội san, Tạp chí,.. thì càng tốt.

Việc để nâng cao giá trị các sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên rất cần đến sự trợ lực của giảng viên. Làm sao để qua một công trình như thế, sinh viên có thêm kiến thức, kỹ năng, trang bị thêm được cho các em nhiều hiểu biết để các em có thể sử dụng khi ra trường là việc làm rất cần thiết của một quá trình đào tạo.

3. Kết luận

Nghiên cứu khoa học là việc làm thay đổi thế giới tự nhiên để phục vụ đời sống; thay đổi xã hội để nâng cao chất lượng đời sống, kéo dài tuổi thọ của con người. Bất cứ quốc gia nào muốn phát triển, phát triển nhanh, vượt bậc, thì yếu tố đầu tiên và tiên quyết phải là giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học. Ở nước ta, công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học vừa là nhiệm vụ, sứ mệnh, cũng vừa là thước đo và chuẩn mực của sự phát triển bền vững.

Những năm gần đây, nhất là khi các trường chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tự học - tự nghiên cứu của sinh viên đã trở thành nền nếp, khích lệ sự sáng tạo của số đông các bạn trẻ. Để việc làm này ngày càng tốt hơn, phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên vừa phát triển chiều rộng - vừa đi vào chiều sâu, giá trị các sản phẩm ngày càng hữu ích hơn, góp phần đắc lực hơn cho hiệu quả đào tạo, việc xác định mức độ giá trị sản phẩm nghiên cứu khoa học từ những cứ liệu như trên của sinh viên là rất quan trọng và cần thiết./.

H.S.N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ *Từ điển Tiếng Việt*,

2/ *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ Matxcova, 1986

3/ *Luật Khoa học và Công nghệ,* năm 2013

THE RESPONSIBILITY OF SCHOOL, FAMILY AND SOCIETY IN VALUE EDUCATION FOR THE YOUNG GENERATION

PhD.Viengdavong Luangsithideth*

INTRODUCTION

The current Constitution of Lao PDR guarantees all citizens the right to education, outlines the importance of education and permits private sector participation in education provision. The role of education and literacy in sustaining economic growth and poverty reduction is emphasized in policy and planning documents. These include the National Education Socio-Economic Development Plan (NSEDP7 2011-2015), the Education Sector Development Framework (ESDF 2009-2015), the Education Sector Development Plan (ESDP 2011-2015), the National Growth and Poverty Eradication Strategy (NGPES), and the Education for All National Plan for Action (2003-2015). In particular, the ESDP is the education reform strategic plan developed through close consultation between the government and development partners which compiles sets of national priorities to achieve EFA goals. It reflects the Government's intention to commit to investment in education.

* Department of Higher Education
Ministry of Education and Sports, Lao PDR

The education system in Lao PDR is undergoing a process of decentralisation, with the aim of ensuring local- and community-level involvement and thus helping to achieve national goals of universal access to- and completion of- basic education, of sufficient quality to result in tangible learning outcomes. Under the evolving decentralising system, the MOES sets overall policy and provides oversight, the offices of the Provincial Education and Sports Service (PESS) take overall responsibility for education development within their jurisdiction and the District Education and Sports Bureaus (DESB) are responsible for the direct provision of early childhood education, primary and lower secondary services, including technical support. To support the decentralisation process, a 2008 Ministerial Decree made provision for the establishment of Village Education Development Committees (VEDCs) and District Education Development Committees (DEDCs), under the guidance of PESS and DESB. The Ministry of Home Affairs (MOHA) is responsible through their District Governor's Offices for the establishment and functioning of VEDCs and DEDCs.

VEDCs are stipulated to be composed of at least seven individuals, including the village head (serving as chairperson), representatives from the Women's and Youth Union and the School Director. The VEDC should serve as the statutory body responsible for overseeing the educational development of all children (of all ages) in villages. The VEDC structure incorporates the head of the long-established Parents' Associations ('Samakhom pho-me nak-hiane'), but was intended to give greater authority and status to community-level education management. The role of VEDCs (summarised in the Decree and further expounded in the VEDC Handbook 2013) is described as promoting enrolment and completion, as well as supporting school management and learning achievement; through liaison with the wider community, providing cash and in-kind support and participating in school activities.

The National Growth and Poverty Eradication Strategy, developed in 2004, articulates the Lao Government's strategic

framework for poverty reduction and outlines programs needed to move out of "least-developed country" status by 2020. Four areas are identified as crucial to this development strategy: agriculture/forestry; education; health and infrastructure, particularly rural roads. The strategy is aligned with the Millennium Development Goals and forms a central part of the sixth National Socio-Economic Development Plan, 2006–2010.

Geographically targeted programming is a key element of the Lao National Growth and Poverty Eradication Strategy and focuses on 72 districts identified as most disadvantaged among the country's 147 districts. Most of these priority districts are located in remote areas. Within individual districts, development zones comprising several villages have been mapped out to rationalize social services provision. This is combined with a policy of relocating remote communities closer to roads to facilitate service provision as well as to eradicate opium growing and traditional slash-and-burn agricultural practices. The Government encourages donors to specify development aid, at the district and sub-district levels, in support of the strategy.

The formal education system consists of general education, vocational and technical education, and higher education. General education includes preschool (childcare for children up to 2 years old and kindergarten for children aged 3–5) and 12 years of primary and secondary education combined – divided into primary (five years of schooling for children aged 6–10), lower secondary (four years for children aged 11–14) and upper secondary (three years for children aged 15–17).

Basic education is defined as primary and lower secondary school, and comprises nine years of education. Due to lack of infrastructure and an inadequate pool of qualified preschool teachers, many primary schools include a pre-primary class to prepare young entrants for Grade 1. Primary education is compulsory and free by statute.

Vocational education programmes are available for students completing Grade 9 or Grade 12 and typically offer up to three

years of study. This includes training for preschool through lower-secondary-school teachers, for which there are several paths.

To become a preschool teacher, completion of upper-secondary school plus one year of teacher training is required. All teacher training institutes are under the authority of the Ministry of Education. Only one teacher training institute, located in Vientiane, provides preschool training. To become a primary-school teacher, there are two main options: a three-year teacher training programme upon completion of lower-secondary school, or a one-year training programme upon completion of upper-secondary school. Training is available at seven teacher training institutes located across the country.

1. Objectives of the research

This research has objectives such as: 1) To improve primary education, the bases and foundation of education, to break the cycle of chronic poverty affecting thousands of people in Laos; 2) To enrich the basic education environment and raise awareness among rural people about the importance of education; 3) To develop education in Laos, such as, the "Student Chance Program," which offers opportunities to underprivileged children in rural areas to enter primary school; 4) To give recommendation to the Government of Laos in order to reduce poverty and to improve the education system through cooperation with both the government and local public sectors; 5) To help Lao achieve the goal of quality and "Education for All" and will serve as a noteworthy taskforce to drive community development in perpetuity; and 6) To make the strategic planning for the primary education sector, then strongly believe that developing children through quality education will be significant pathway to break the chronic poverty cycle in Laos.

2. Methodology

The main focus ofthis research are: (1) What is the meaning of children education for parents; (2) What is impact of children education for parents; (3) What is parent's expectation regarding children education; (4) How the economic, environment, and

community condition can influence the children education, (5) supporting and inhibiting factors relatewith the teaching-learning process; (6) What is role of the local education board to improve the children education.

This researchused a qualitative approachwith a case study design, where researcherseek to understandthe meaning ofeventsand interactions ofpeoplein the situationat thetime of the researchso that theresearcher couldunderstand the concepts, perspectives, values, the situation and condition of main problem in the primary education at the rural and remote area of Laos. Location of my research is in 8 provinces: Pakxe, Saravan, Khammeuan, Attapu, Outdomxay, Xiengkhouang, Luangnamtha, and Xayyabouly. Each province was visited by researcher to dig information and getting the primary data from the local government, school principals, teachers, parents, students, and children who do not continuing their study. Secondary were collected based on data in the Local Education Department in each province.

Data collection techniques which were used include: (1) in-depth interviews, (2) participant observation, and (3) study the documentation. Data were collected through three techniques are organized, interpreted, and in-depth analysis, either through the analysis of the case and cross-case analysis in order to formulate abstract concepts and research findings. The credibility of the data is checked by the procedure of triangulation, member checking, peer discussion.

3. Research findings and discussion

a. What is the meaning of children education for parents.

Many children in the primary education in Laos cannot continue their education because there are several problems such as economic problem in their family, so they have to help their parents in the garden and or rice field, and or other work which can be created the money for their life. This condition is opposite with statement by Grant (1979) which stated that parents must support their children to get better education for their future. Supporting statement also mentioned by Olsen & Fuller (2003)

that community and parents have to create the happy climate for the children especially in their environment, they must support all children for their education.

Laos country side are developing specific systems studied to funding in areas remote from the analysis that Laos is a country with a population of poor rises to 40 % among group members respect the law, which is that people and children, some do not have the education or the opportunity to attend school, poor people in rural remote compared cities that have indices from such conditions we see that the children of the poor is the lack of education and income distribution means that the old speed was also out of school due to the nature of the economy and society of his family had no money to support their children learn, or they do not see the importance of education and some families believe cultural traditions by limiting them to school. Especially girls they think they do not need school because school is not going to do nothing but create a family relationship at home and economic families of their own farming, gardening and to the relationship of their life and the children they adulthood and need help or find a job to earn come home and work in the family to help parents. Regarding this condition, Torrington & Huat (1994) mentioned that for the developing countries, especially in the Southeast Asia, supporting from the children to their parents are really needed because they have to struggle. Refer to this statement, this condition can be understood in general, but whatever the condition in those countries, understanding from the parents, communities, and government are most important for the children especially for their education. Because as young generation, children must be supported for their future and for better life of the country.

There are many children out of school to go to school because they need to help parents work, and making gardens. Each season, the dropout rate and literacy development as expressed in the study are lower. Thousands of children living in rural areas do not have the opportunity to attend school, lack of equipment and lack of learning environments that support their studies. Many children need to assist parents in their fields or at home or work. Families

and children cannot support devices him of their families, mostly living area adversity and live by farming, shifting and slash sales shifting to farming or work hard every day to feed wild. No school has come a main cause that parents or guardians outside often send their children to school and the children did not go to school because there is nothing interesting for them. Although some children go to school, but soon it may well turn out that the demand for primary school students is high in remote areas. Regarding this condition, was also stated by Welton & Mallan (1981) that the best strategy to give better education for the children is if there is first support from the parent. This statement is really important from the Lao people, because current condition in Lao especially in rural and remote are supporting from parent to their children are limited, some mentioned that education will only costly but if children can help parent then they can struggle and can get money for their life.

b. What is impact of children education for parents.

In the other hand, environment and community situation in the rural and remote area do not support the children to continue their education. Some in provinces which far away from the capital city, if one child see that many children do not go to school, then this child also will not go to school. In this condition, we cannot judge children in wrong condition, but role from parents are really needed to give understanding to their children how important education for them. Hanson (2003) mentioned, that better education for the children is stated from the family, and better community is if they can give understanding for all children to go to the school. Regarding this statement, relate to the current condition in Lao PDR which still need knowing and understanding for all parents and communities who are live in the rural and remote are. Strategic Planning in education which already stated by the Government of Lao should be implemented as well as must be, and can be started by the fully socialization from Ministry of Education and Sports (MoES) to all local education board in all provinces.

Policy development sectors studied mentioned that 80% of the

population has to life according to rural and scattered, poverty was higher than the impact of school-based position and the settlement of families in rural and remote. Students from poor families in rural areas have a lower grade than students from family's poor in urban areas, which is recognized environmental, economic families and the quality of teaching is essential to the decision of parents to send their children to school one or not and besides human nature teachers. I favour one of them to each class, so that the rate of learning is high, especially in remote and ethnic groups, because some do not have a school, but far from where road traffic is not convenient building enough to need them, some schools have only two classes per school and one containing students of 70 to 80 per side class. Which building parts are not standard, the atmosphere and environment of the school has not yet exist drained students to learn, no equipment, but no teachers and no teacher standing, so the parents and communities they and heaving think education no matter what, which they see that education does not make life as they happen and do not need to learn to do the parents or guardians of their children into productive use to the relationship of jobs and income to add to their life. People need one to work abroad have children in school age education possible, and in environments such people. Many parents also mentioned that would not encourage their children to school's support children to work in factories, especially girls whose age 15 years was made to work abroad or cells town to find work to send money to family and to live as their comfort and life goes on.

Glickman, et al (2004) mentioned that in order to support better education implementation in schools, need to be supervised by the education expert, and refer to the result of the supervision then local government or central government should concern and give attention for it. Refer to the current education condition in Lao PDR, supervision become most important, but also as an expensive thing because in Lao PDR still limited person who are really capable in the education supervision. Base on that, the

Ministry of Education and Sports (MoES) in Lao PDR should has strategic planning regarding supervision and monitoring program in education sector, also has capable expert who are really understand how to improve education sector in Laos. Neagley & Evans (1980) mentioned that supervision can be started by encourage school principal to understand his/her duties, so they can also supervise their teachers regarding learning process in the class and or in school activities.

c. What is parent's expectation regarding children education

Duke & Canady (1991) mentioned that expecting children in their age are how they can go to school, and this condition can be happened smoothly if there are fully supporting from parents who has good expectation for their better life and future. Refer to that statement, especially for the young girls in the rural and remote area in Lao PDR, when they cannot continue their study from the elementary school (primary education) to the junior secondary high school, then they will marry in the young age. By this condition, the most important if there is good knowing and understanding from parents to hard work based on their commitment when they marriage and for their children to support them to go to school first for the better life. This condition also stated by McCray & Beachum (2010) that in the globalization era, government in all countries should give attention in the gender sector. Refer to that statement, can be meant that young students especially for young girls should also give same opportunities to get better education, and especially for government of Laos, should give better socialization to the local government in order to support education for all, for Lao young children to get chance better education.

In reality environment of family and community as parents can encourage children to learn because no money, no material or even clothing to school and away far from the school which now make parents or community do not have children, it means have too long may be removed, because communities do not see the importance of education a lot faster, but the number one school because the parents are divorced, and orphans - reasonable,

lack of understanding calling clothing and health weakness, malnutrition which now failed to rescue those were affected by children in school grade. Parents and guardians of children are children to produce or use child labor. Some families to take their children to school, but the last in the family to work in production agriculture (farming, and gardens) care of home and family, when they cannot attend school because of such conditions the risk to lead to problems like dropping out of school to work prematurely, female students' ethnic pressure to leave school to marry before completing primary problems, drug and others. Female student's marriage age are mostly young children, women age 12 to 15 were married, they had nothing to do with family and orchards, and gardens only to the right of the person to the families themselves. Such as man who is going to find work as laborers in factories in urban areas or as laborers in foreign countries, then to earn money to send to parents and families of them.

Refer to the condition above, Dwiningrum (2013) mentioned that economic problem in family is a main factor which influence children education especially in the rural and remote area which still believe that children are resource who can help parent for work to get money. Based on that statement, current condition in Laos especially in the rural and remote area are still lack of attention from parents to their education for children. Some of them mention that have many children are benefit for parent because children can help work and get more money for the family future. By this condition, Government of Laos which has national strategic planning should give stressing on the capacity building in education sector which relate to the adult knowing and understanding in education for all.

d. How the economic, environment, and community condition can influence the children education.

Regarding the culture in family's society that there is no use for their children go to school because parents also did not go to school but they can also survive.

Economic family is the most important factor in the life of each family if the family income into the family cannot promote child learning, in rural areas far out to mostly be farming, development,

gardening and agricultural fit is just depending on the season of each year so that a major hard decisions parents do not allow their children to school. Because there are no aids, uniforms and equipment to school for them.

Environment Society in some villages is have cultural which different for each social environment in society and the problem usually in social education is now mainstream thinking imagination run only values that describe a dream which is a problem in need of each, students receive a cause social or environmental causes do not have children. Although school is out, parents encourage their children to find a job to get money from family and spending required of him, in an environment so if the family typically do not send their children to school even if the whole village would encourage children to their schools, and other phenomena beyond any children aged column school but cannot hype or is not eligible to enrol this is that each parent at rural still favour a majority, and especially women they think women need to learn to be literate and they think women have a husband at home. authority to learn are men because man is the head of the family which has burdened the application family. So reliable since a long time and which they regarded as a graph in a moment. That is sure to believe the education of parents and family members in a loved one important

To the long-term study of children. Impact on the attitude of the ombudsman relating to gender, the boys get an effective education than girls. The reluctance of that group and members of the family in promoting the education, Alexander (1992).

People away far out to many are not getting the education basic understanding people's risk of developing the education and development of human systems is low, and while some local is really bad for the education community is not important in education, because many villages have a school, the standard costs of facilitating the learning, library.

e. Supporting and inhabiting factors relatewith the teaching-learning process.

Thecharacteristicsof supportingandinhibiting factors

in implementationof the teaching-learning process include: 1) supportingfactors: a)supportofthehead of village, b) goodcooperationfrom theprincipalto allteachers,c) good relationshipfrom school's principlestothe head of village;2) inhibitingfactors: a)slowresponseliaisonbook, b) school visitation by the supervisor did notrecordedproperly, andc) low work of schoolcommittee. These condition above because poverty condition which faces in the rural and remote area is cannot be monitored by the Government of Laos because the infrastructure is still very limited.

As Laos is the least developed of people very low and the population most 80 % still live in rural areas, schools, more than half of elementary schools across the country are teaching only 3 or less. Whether that contained an insufficient classification learning - teaching to complete 5 levels in primary in from far out to allow teachers to teach more classes, responsible student many people and teachers that also served as director of the school's wrong teachers do not have time to cook Session or when the corn feed its school. Teaching student's tribe that language his family make a difficult because teachers can communicate and explain lessons to students with language children use to make the child understand when teachers teaching which leads to the study of infants, repetition and dropout in the end.

Teacher of one of the programs to find additional work to the change the rules which affect the people within the country, which causes students to have alearningoccurs. As parents and a lack of belief in the education of their children to school. The school is one of the leading causes of public-school children in primary education. The census found that the students of a difficult journey to school because the school's primary and elementary schools completely away together cause a risk of safety to girls, with younger children who have problems with health in a small village with no school to walk through the forest or the laminate to school, which is consistent with the findings of the Steering Committee to develop rural and elimination of poverty National "standard poverty and standards developed during 2011-

2015" in July 2011 which indicated that there were no elementary school students take a trip over 1 hour to school, over 152 villages have no road access or road use only season as students receive a government cannot go into some schools have gone anywhere because roads are similar and difficult to access schools which it takes a long time to travel to some points. So that information is slowly catching up with the situation in a practical.

f. What is role of the local education board to improve the children's education.

There is lack information and coordination between the education board, school principal, the authorities and parents regarding disharmonize information. Several villages with the development of the education level is also noted that they also perform the role and function fields it's not as good as it should, so rarely do not see the importance of the work of education and lack of coordination in the collection of statistics of school -age children, the school, the processing and transfer of students.

In addition, mission work to develop education and not funding and insight which makes enthusiasm of teachers, students and community work education in smaller. As a child of school and out of school principal and faculty development programs were also to find solutions to problems that leave these neglected too. Worse then switched teachers to other schools often every 1-3 to contact the relevant all teachers to teaching at far out to see if it is transferred to the other often given to teachers who replaced. Therefore make the best substitute cannot condition and characteristics of students in the local context, make the school has failed to perform the function of teaching its impact on indirect quality education - teaching which gives parents the incentive to send children to school, and teachers often are obtained through training using books at school and teachers are not the subject of teacher before, gives teachers the confidence to teach and use the textbook new students receive gives teachers are teaching students.

4. Conclusion

Become a human being is an educational process that does

not happen in a vacuum but in a human environment. This human environment is no less than his own culture that spreads out in space and time. There is no community without culture. Therefore, education and culture is a unity of existence. Culture is always continuously changing process, and thus an educational process is also a dynamic one. Because an educational process cannot be limited into a process in a school institution or schooling but it can only be understood if being placed in a culture of a certain community.

National education in the Lao PDR that implements in provinces its pure meaning in maintaining and improving its quality will be related with the national standards through its national curricula. In realizing these perspective national standards and curricula are not to be in opposition with the educational function in empowering students.

Ministry of Education and Sports which supported by the Government of Lao should give deep attention in the National Strategic Planning of Education which stressing in: 1) capacity building all primary education; 2) target implementation of training for appropriate school supervisors who are direct responsibility to the MoES; 3) continuously socialization from MoES to education local board in each province regarding deep meaning of education for all; 4) national budget allocation for education must be realistic and measurable refer to the appropriate data; 5) MoES have to has strategic management and strategic planning to encourage and improve of teacher's skill; 6) there is good coordination and understanding between community, parents, and education local board for together to improve education for the children.

REFERENCES

1. Alexander, R. 1992. *Policy and Practice in Primary Education*. London: Routledge.

2. Duke, D.L. & Canady, R.L. 1991. School Policy. New York: McGraw Hill, Inc.

3. Dwiningrum, S.I.A. 2013. Nation's Character Education Based on The Social Capital Theory. International Jornal of Asian Social Science.

4. http://www.ccsenet.org/journal/index.php/ass/article/viewFile/30055/17811. Vol.9. Number 12, Year 2013. (Online).

5. Glickman, C.D., Gordon, S.P., Ross-Gordon, J.M. 2004. *Supervision and Instructional Leadership. A Development Approach. Sixth Edition*. Boston: Pearson.

6. Grant, C.A. 1979. *Community Participation in Education*. Boston: Allyn and Bacon, Inc.

7. Hanson, E.M. 2003. *Educational Administration and Orgaizational Behavior. Fifth Edition*. Boston: Pearson Education, Inc.

8. McCray, C.R., & Beachum, F.D. 2010. An Analysis of How the Gender and Race of School Principals Influences Their Perceptions of Multicultural Education. *International Journal of Education Policy and Leadership*, (online), Volume 5, Number 4, Year 2010, (http://www.ijpl.org).

9. Neagley, R. L & Evans, N.D. 1980. *Handbook for Effective Supervision of Instruction. Third Edition*. New Jersey: Prentice-Hall, Inc.

10. Olsen, G., & Fuller, M.L. 2003. *Home-School Relations. Working Successfully with Parents and Families. Second Edition.* Boston: Pearson Education, Inc.

11. Torrington, D. & Huat, T.C. 1994. Human Resource Management for Southeast Asia. Singapore: Prentice Hall.

12. Welton, D.A. & Mallan, J.T. 1981. *Children and Their World: Strategies for Teaching Social*

13. ESDP and Lao Government policies and plans relevant to VEDCs

14. Lao People's Democratic Republic. Draft National Education Law, 2014

15. Lao People's Democratic Republic. Minister of Education Agreement No. 2300 on Village Education Development Committee (VEDC). 3rd September, 2008

16. Lao People's Democratic Republic. The National Policy on Holistic Early Childhood Development. 6th December 2010

17. MOES Education Quality Standards for Primary Education (EQS). MoES, 2013

18. MOES Education Sector Development Plan (ESDP) of Lao PDR 2011-2015, July 2011. MoES/ GPE The School Meal Programme at a Glance MoES, 2012.

TRÁCH NHIỆM NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, VÀ XÃ HỘI TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO THỆ HỆ TRẺ (LƯỢC DỊCH)

Viengdavong Luangsithideth

Hiến pháp hiện hành của nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, đảm bảo quyền giáo dục cho mọi công dân, nó vạch ra những quyết sách quan trọng về giáo dục, cho phép thành phần tư nhân tham gia vào lĩnh vực giáo dục. Vai trò của giáo dục và xóa mù chữ trong quá trình phát triển kinh tế bền vững và giảm đói nghèo được chỉ rõ trong các tài liệu về chính sách và trong hoạch định kế hoạch. Điều này thể hiện qua các Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội Giáo Dục Quốc Gia (NSEDP7 2011-2015), Chương Trình Khung về Phát Triển Lĩnh Vực Giáo Dục(ESDF 2009 -2015), Kế Hoạch Phát Triển Giáo Dục (ESDP 2011-2015), Chiến Lược Phát Triển Quốc Gia và Xóa Nghèo Đói (NGPES) và Kế Hoạch Hành Động Toàn Quốc Vì Giáo Dục (2003-2015) . Đặc biệt, Kế Hoạch Phát Triển Giáo Dục (ESDP) là một kế hoạch chiến lược về cải cách giáo dục được tiến hành thông qua những ưu tiên quốc gia nhằm đạt được mục tiêu EFA. Điều đó phản ánh rõ việc Chính Phủ cam kết đầu tư cho giáo dục.

Hệ thống giáo dục của Lào (PDR) đang trải qua quá trình phân cấp, nhằm bảo đảm sự tham gia của các cộng đồng và địa phương và thúc đẩy nhanh chóng quá trình hoàn thành mục tiêu quốc gia cùng với việc tiếp cận một cách toàn diện và đầy đủ giáo dục cơ bản, và đảm bảo chất lượng rõ rệt trong thành tích học tập. Qua sự phát triển của hệ thống phân cấp, Bộ Giáo Dục và Thể Thao đề ra chính sách tổng thể và cho thấy những vấn đề chưa được quan tâm đúng mức. Các cơ quan thuộc Sở Giáo Dục và Thể Thao cấp Tỉnh (PESS) chịu trách nhiệm toàn diện đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trong phạm vi quyền hạn quản lý của mình và các phòng Giáo Dục Thể Thao cấp huyện (DESB) trực tiếp chịu trách nhiệm về tạo điều kiện phát triển giáo dục mẫu giáo, giáo dục

tiểu học và trung học, kể cả các điều kiện về kỹ thuật. Để thúc đẩy quá trình phân cấp, Bộ Giáo Dục và Thể Thao đã ra Nghị Định năm 2008, quyết định thành lập các Ủy Ban Phát triển Giáo Dục Làng Xã (DEDCs), chịu sự chỉ đạo của Phòng Giáo Dục Thể Thao Huyện (DESB) và Sở Giáo Dục Thể Thao Tỉnh (PESS). Bộ Nội Vụ (MOHA) thực thi nhiệm vụ thông qua Văn Phòng của họ tại cơ quan Chủ Tịch Huyện, phụ trách việc thành lập và thực thi chức năng của Ủy Ban Phát Triển Giáo Dục Làng Xã (VEDCs) và Ủy Ban Phát Triển Giáo Dục Huyện (DEDCs).

Ủy Ban Phát Triển Giáo Dục Làng Xã (VEDCs) hình thành do một tập thể có ít nhất bảy thành viên lãnh đạo, gồm trưởng bản (Village head) (đóng vai trò chủ tịch), Đại diện từ Hội Phụ Nữ và Thanh Niên và Hiệu Trưởng. VEDCs đóng vai trò là đơn vị pháp nhân có trách nhiệm xem xét và kiểm tra công tác phát triển giáo dục trẻ em ở mọi lứa tuổi trong làng bản. Theo cách tổ chức của VEDC thì nó cần hợp tác với lãnh đạo các Hội Phụ Huynh được thành lập lâu năm (Samakhom pho-me nak-hiane'), nhưng hiện nay đang có dự định sẽ tăng thêm quyền hạn và thể chế hoạt động lớn hơn cho ban lãnh đạo Giáo Dục ở các cấp Cộng Đồng. Vai trò của VEDCs (tóm tắt trong Nghị Định và nêu rõ hơn trong Sổ Tay VEDC 2013)) được xem là đơn vị thúc đẩy công tác tuyển sinh và tốt nghiệp, cũng như giúp đỡ việc quản lý nhà trường để nâng cao thành tích học tập: thông qua mối liên lạc của mình với công đồng rộng lớn hơn,VEDC giúp đỡ tiền bạc và vật chất, cũng như tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

Chiến Lược Phát Triển Quốc Gia và Xóa Đói Nghèo, bắt đầu năm 2004, thực hiện việc kết nối với chương trình khung chiến lược về giảm nghèo của chính phủ Lào, vạch ra một chương trình thiết thực xóa bỏ tình trạng "quốc gia kém phát triển nhất" " Least -developed country" vào năm 2020. Bốn lĩnh vực được cho là cấp bách nhất trong chiến lược này gồm: nông nghiệp/lâm nghiệp; giáo dục; y tế và cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường xá nông thôn. Chiến lược này được tiến hành cùng với Mục Tiêu Phát Triển Thiên Niên Kỷ cho nên nó đóng vai trò trung tâm trong Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế -Xã Hôi Quốc Gia lần thứ VI, 2006 - 2010.

Xây dựng một chương trình thực thi mục tiêu mang tính địa lý là yếu tố then chốt trong hoạch định Chiến Lược Phát Triển Quốc Gia và Xóa Đói Nghèo của Lào. Đó là phải tập trung đầu tư vào 72 huyện được cho là yếu thế nhất trong 147 huyện trên cả nước. Hầu hết những huyện cần ưu tiên giúp đỡ này đều nằm ở vùng sâu vùng xa. Cho nên trong từng huyện, khu vực được phát triển bao gồm một số bản làng cần ghi rõ trên bản đồ, để có thể tiêu chuẩn hóa việc cung cấp dịch vụ xã hội. Công tác này kết hợp với chính sách tái định cư những cộng đồng ở vùng sâu vùng xa, đưa dân tới sinh sống tại những khu vực gần đường lớn để thuận tiện cung cấp các dịch vụ xã hội, đồng thời xóa bỏ việc trồng thuốc phiện và tập quán canh tác truyên thống phá rừng làm rẫy (lash -and - burn). Chính phủ khuyến khích các nhà tài trợ chú ý đặc biệt giúp đỡ về phát triển, còn ở phạm vi địa bàn huyện và đơn vị nhỏ hơn thì ủng hộ về chiến lược phát triển.

Hệ thống giáo dục trước đây bao gồm giáo dục phổ thông, giáo dục kỹ thuật và dạy nghề và giáo dục đại học. Giáo dục phổ thông bao gồm mẫu giáo (preschool) (nhà trẻ - 2 tuổi, mẫu giáo 3-5 tuổi) và hệ 12 năm tiểu học và trung học - tiểu học 5 năm cho trẻ từ 6 - 10 tuổi, trung học cơ sở (lower secondary) bậc thấp (4 năm cho trẻ 11-14) trung hoc phổ thông (upper secondary) 3 năm cho trẻ 15- 17)

Giáo dục cơ bản được xác định là cấp tiểu học (Primary) và trung học cơ sở (lower secondary) gồm chín năm học. Do thiếu cơ sở hạ tầng và thiếu đội ngũ giáo viên chất lượng, nhiều trường tiểu học và mẫu giáo có cả lớp mẫu giáo để chuẩn bị cho trẻ có kiến thức vào Lớp I. Giáo dục tiểu học là bắt buộc và theo chế độ miễn phí.

Chương trình dạy nghề dành cho học sinh hết lớp 9 hoặc lớp 12 và chương trình chuẩn có ba năm học. Chương trình này gồm cả việc đào tạo giáo viên mẫu giáo với sự tham gia của giáo viên phổ thông cơ sở, nói chung có nhiều cách đào tạo giáo viên mẫu giáo.

Để trở thành giáo viên mẫu giáo, phải hoàn tất chương trình phổ thông trung học cộng với một năm học chương trình đào tạo giáo viên. Tất cả các trường đào tạo giáo viên đều do bộ Giáo Dục

quản lý . Chỉ có Viện đào tạo giáo viên ở Vientiane là có chương trình đào tạo giáo viên mẫu giáo. Để trở thành giáo viên tiểu học thì có hai lựa chọn: nếu tốt nghiệp phổ thông cơ sở thì theo học chương trình đào tạo giáo viên ba năm, nếu tốt nghiệp phổ thông trung học thì theo học chương trình một năm. Có 7 viện đào tạo giáo viên trên cả nước.

1. Mục tiêu Đề Tài Nghiên Cứu

Đề tài nghiên cứu gồm những mục tiêu sau: 1) Nâng cao nền giáo dục tiểu học, cơ sở và nền móng của giáo dục, phá vỡ vòng tròn nghèo đói kinh niên ảnh hưởng cuộc sống của hàng nghìn người dân Lào; 2) Làm phong phú môi trường giáo dục cơ bản và nâng cao nhận thức cho nhân dân vùng nông thôn về tầm quan trọng của giáo dục; 3)Phát triển giáo dục ở Lào, như Chương Trình Tạo Cơ hội cho Học Sinh (Student Chance Program) nhằm tạo cơ hội cho học sinh chịu thiệt thòi ở nông thôn được học tiểu học; 4) Giới thiệu, góp ý cho chính phủ Lào về chính sách giảm nghèo và nâng cao hệ thống giáo dục qua việc hợp tác giữa hai khu vực nhà nước và địa phương; 5) Giúp chính phủ Lào đạt mục tiêu bình đẳng với khẩu hiệu "Giáo Dục dành cho Tất Cả" (Education for All), và đó sẽ là lực lượng đặc biệt đáng kể thúc đẩy sự phát triển cộng đồng về lâu dài; và 6) Thực hiện kế hoạch chiến lược về phát triển giáo dục hệ tiểu học, qua đó tin tưởng rằng phát triển năng lực của trẻ em qua nền giáo dục chất lượng là con đường ý nghĩa nhất để phá bỏ vòng tròn nghèo đói kinh niên trên đất nước Lào.

2. Phương Pháp Nghiên Cứu

Đề tài nghiên cứu đặt trọng tâm : (1)Ý nghĩa của giáo dục trẻ em đối với cha mẹ là gì; (2) Tác động của giáo dục trẻ đối với cha mẹ ra sao; (3) Cha mẹ mong chờ gì ở giáo dục trẻ em; (4) Môi trường, kinh tế và điều kiện sống của cộng đồng ảnh hưởng tới giáo dục trẻ ra sao.(5) Những nhân tố tích cực và (kìm hãm) tiêu cực liên quan đến quá trình dạy học;(6) Vai trò của lãnh đạo giáo dục địa phương nhằm nâng cao giáo dục trẻ em là gì.

Đề tài nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận định tính, với thiết kế nghiên cứu tình huống (case study) từ đó nhà nghiên

cứu có thể tìm hiểu để nắm được ý nghĩa sự kiện và mối tương tác của nhân vật trong tình huống ở thời điểm tiến hành khảo sát, giúp nghiên cứu viên hiểu được những khái niệm, góc độ nhìn nhận, giá trị, hoàn cảnh, điều kiện của vấn đề chính yếu của nền giáo dục tiểu học ở nông thôn, vùng sâu vùng xa nước Lào. Địa bàn khảo sát của tôi trãi rộng trên 8 tỉnh: Pakxe, Saravan, Khammeuan, Attapu, Outdomxay, Xiengkhouang, Luangnamtha, và Xavyabouly. Nghiên cứu viên đến từng tỉnh để thu thập thông tin và tiếp cận được những dữ liệu gốc (primary data) từ chính quyền, ban giám hiệu, giáo viên, phụ huynh, học sinh, địa phương và trẻ em không còn đi học. Tài liệu thứ sinh (secondary) là tài liệu được thu thập dựa theo những tài liệu của các sở Giáo Dục tỉnh.

Kỹ thuật sử dụng để thu thập tài liệu : (1) Phỏng vấn chiều sâu (in - depth) (2) Quan sát đối tượng tham gia, và (3) nghiên cứu tài liệu. Tài liệu được thu thập với ba kỷ thuật về tổ chức, giảng giải, và phân tích chiều sâu, hoặc thông qua phân tích tình huống và phân tích chéo để hình thành(format) ý niệm trừu tượng và có những phát hiện mới . Độ tin cậy của những dữ liệu này được thẩm định qua thủ tục khảo sát tam giác, từng thành viên kiểm tra, đồng nghiệp thảo luận.

3. Những phát hiện mới của đề tài nghiên cứu và thảo luận

3.1. Ý nghĩa Giáo dục con trẻ đối với bố mẹ

Ở Lào có rất nhiều trẻ em học tiểu học không thể tiếp tục tới trường do gặp khó khăn như gia đình nghèo nên chúng phải giúp cha mẹ làm vườn, làm rẫy hoặc công việc khác để có tiền sinh sống. Hoàn cảnh này trái ngược với tuyên bố của tổ chức Grant (1979) rằng bố mẹ phải tạo điều kiện cho con cái họ có được nền giáo dục tốt vì tương lai tươi sáng của chúng. Bổ sung cho tuyên bố này Olsen & Fuller (2003) cũng cho rằng cộng đồng và cha mẹ phải tạo ra một không gian hạnh phúc đặc biệt là môi trường sống tốt, họ phải tạo điều kiện cho trẻ em được hưởng giáo dục.

Tại vùng nông thôn Lào đang tiến hành nghiên cứu một hệ

thống đặc thù nhằm tài trợ cho nhân dân vùng sâu vùng xa. Phân tích cho rằng Lào là một đất nước dân số nghèo lên tới 40% (dân cư được luật pháp thừa nhận), thấy rằng, người lớn và trẻ em, không được học hành hay không có cơ hội đi học. Và người nghèo ở vùng nông thôn so với người thành thị có cùng chỉ số về điều kiện sống thì trẻ em trong gia đình nghèo nông thôn thiếu sự giáo dục. Và sự phân bố thu nhập có ảnh hưởng đến sư thất học trước đây ở nông thôn, xét về bản chất cũng chỉ vì điều kiện kinh tế của gia đình. Gia đình nghèo không có tiền nuôi con ăn học, hoặc là họ không thấy vai rò quan trọng của giáo dục và còn do tập quán lạc hậu nên một số gia đình hạn chế việc học hành của con cái. Đặc biệt là đối với trẻ em gái, người ta cho rằng con gái không cần đi học vì nhà trường không giúp cho con gái tạo ra một mối quan hệ gia đình tốt đẹp, họ chỉ cần đứa con gái làm kinh tế trong gia đình, ruộng vườn, lo chăm sóc gia đình. Con gái chỉ làm những công việc ở nhà hoặc giúp dỡ bố mẹ. Bàn về điều kiện này, Torrington & Huat (1994) đề cập như sau :

Đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước Đông Nam Á thì con cái giúp đỡ bố mẹ thực sự là cần thiết. Đề cập nhận định này, nói chung, đúng về hoàn cảnh ta có thể hiểu được, nhưng ở các quốc gia ĐNA thì trong bất cứ điều kiện nào, quan trọng nhất đối với con trẻ, đặc biệt trên lĩnh vực giáo dục. cần phải có được sự thông hiểu giúp đỡ từ cha mẹ, từ cộng đồng, và chính phủ . Là thế hệ trẻ nên con em chúng ta cần được sự quan tâm và ủng hộ cho tương lai cuộc sống tốt đẹp của bản thân chúng và đất nước.

Có nhiều trẻ em không thể đến trường vì chúng còn phải giúp cha mẹ làm việc nhà, lên nương rẫy. Qua mỗi mùa số lượng học trò bỏ học hay số lượng mù chữ qua nghiên cứu cho thấy có tăng. Hàng ngàn trẻ em sống ở nông thôn không có cơ hội tới trường, chúng không có dụng cụ phương tiện học tập và không có cả môi trường học tập để khuyến khích chúng. Nhiều trẻ em phải giúp bố mẹ công việc nhà hay công việc đồng áng. Còn có nhiều gia đình không sắm dược dụng cụ phương tiện sinh hoạt, hầu hết những gia đình sinh sông ở những khu vực có điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, và những gia đình sống bằng đốt nương làm rẫy, phải thay

đổi chổ ở liên tục, hằng ngày làm việc cực nhọc, lại trông chờ vào thiên nhiên hoang dã. Nhưng việc không có trường lớp là lý do chính để cha mẹ hoặc người nuôi dưỡng trẻ em không thể đưa con cái đi học, mặt khác trẻ cũng không thích đến trường vì trường lớp không có điều gì thú vị đối với chúng. Tuy cũng có một số em đi học nhưng chúng lại sớm bỏ học vì yêu cầu về kiến thức đối với học sinh bậc tiểu học lại quá cao đối với trẻ em nông thôn. Về vấn đề này Welton & Mallan cho rằng chiến lược tốt nhất để tạo cho trẻ em một nền giáo dục tốt đẹp chính là sự ủng hộ đầu tiên từ bố mẹ. Nhận định này quả thật rất quan trọng đối với nhân dân Lào, bởi vì trong điều kiện hiện nay ở Lào, đặc biệt ở vùng nông thôn thì việc hậu thuẩn của cha mẹ dành cho sự học tập của con em rất hạn chế, một số người thậm chí còn cho rằng giáo dục con trẻ chỉ là việc tốn tiền bạc, vì trẻ em có thể giúp cha mẹ, rồi chúng có thể tự xoay xở và tự kiếm tiền nuôi sống bản thân mình.

3.2.Giáo dục trẻ em ảnh hưởng tới bố mẹ như thế nào

Nói cách khác, điều kiện môi trường và cộng đồng ở vùng nông thôn không tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục trẻ em. Ở những vùng nông thôn xa thành phố khi có một em học sinh nào thấy bạn bè bỏ học thì cũng theo nhau bỏ học. Không nên phán xét cực đoan về trường hợp này, nhưng ta có thể nhận thấy vai trò bố mẹ thấu hiểu con cái có tầm quan trọng như thế nào. Hanson (2003)cho rằng, giáo dục trẻ em bắt đầu ngay từ gia đình và cộng đồng, người lớn phải khuyến khích chúng đến trường. Bàn sâu hơn, ta thấy rằng trên đất nước Lào hiện nay, cha mẹ và cộng đồng ở vùng nông thôn cần phải quán triệt quan điểm này. Kế Hoạch Chiến Lược về Giáo Dục do Chính phủ Lào công bố, sẽ được thực thi đầy đủ và bắt đầu bằng cách xã hội hóa toàn diện từ Bộ Giáo Dục và Thể Thao (MoES) cho đến các ban lãnh đạo giáo dục địa phương ở khắp các tỉnh.

Chính sách Phát triển, qua khảo sát cho thấy rằng 80% dân cư đang sống rãi rác ở những vùng nông thôn sâu, sự nghèo đói có ảnh hưởng đến đời sống người dân nhiều hơn so với sự ảnh hưởng của trường học đối với họ. Học sinh nghèo ở nông thôn thường học muộn hơn so với học sinh nghèo ở thành thị, điều này cho ta

thấy rằng môi trường, hoàn cảnh gia đình và chất lượng dạy học là vấn đề có tính quyết định đến việc cha mẹ có cho con đến trường hay không. Tôi thích cho con học lớp này chứ không phải lớp kia, dù lớp học đó học phí cao hơn. Đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số thì nhiều nơi không có trường lớp vì dân cư sống xa đường quốc lộ, không thuận tiện, một số trường chỉ có hai lớp học, mỗi lớp lại có đến 70 hay 80 học sinh.

Trường lớp không đạt chuẩn, môi trường, không gian làm việc tai nhà trương chưa xuất hiện nên làm sao ta có thể kéo trẻ tới trường, không có thầy giáo không có bục giảng, cho nên cha mẹ và cộng đồng không thể hình dung ra được hình ảnh giáo dục con trẻ là như thế nào, họ chẳng thấy giáo dục có lợi gì cho cuộc sống, giáo dục đâu có tạo ra công ăn việc làm, và thu nhập cao để cha mẹ cần phải đưa con cái đến trường. Khi con cái đến tuổi thì người ta cho một đứa làm việc ở nước ngoài là đủ. Nhiều phụ huynh còn nghĩ rằng họ không cần cho con đi học mà ủng hộ chúng làm việc trong nhà máy, đặc biệt với những cháu gái ở tuổi 15 thì gia đình thường cho chúng đi lao đông nước ngoài, hay lên thành phố làm việc, để có tiền gửi về gia đình, cuộc sống của họ sẽ sung túc hơn.

Glickman, et al (2004) nhận định rằng để thúc đẩy thực thi nền giáo dục tốt đẹp ở nhà trường thì cần có sự giám sát của các chuyên gia giáo dục và tác giả cũng đề cập đến kết quả việc giám sát của chính quyền địa phương và chính phủ trung ương là điều rất đáng được quan tâm, cần được chú ý. Với điều kiện giáo dục hiện nay ở Lào ta thấy rằng việc giám sát là quan trọng nhất, và đó cũng là công việc rất tốn kém vì ở Lào số chuyên gia thật sự có năng lực giám sát giáo dục rất hạn chế. Từ hiện thực này, Bộ Giáo Dục và Thể Thao (MoES) đề ra kế hoạch chiến lược về chương trình giám sát và chỉ đạo lĩnh vực giáo dục xây dựng một đội ngũ chuyên gia có đủ năng lực và hiểu biết để phát triển giáo dục Lào. Neagley & Evan (1980) cho rằng sự giám sát nên bắt đầu từ việc khuyến khích hiệu trưởng các trường hiểu sâu sắc nhiệm vụ của mình, để họ giám sát giáo viên trong quá trình dạy và học trên lớp cũng như trong các hoạt động nhà trường.

3.3. Cha mẹ trông chờ gì ở giáo dục thế hệ trẻ

Duke & Canady (1990) cho rằng sự mong đợi trẻ em trong tuổi đi học là chúng sẽ học hành ra sao, và câu chuyện sẽ xảy ra thuận lợi nếu đứa trẻ được cha mẹ hết lòng chăm sóc việc học tập để chúng có một tương lai tốt đẹp. Bàn vấn đề này, chúng ta thấy đặc biệt các cháu gái ở vùng nông thôn sâu của Lào, chúng chỉ có thể tiếp tục theo học từ cấp tiểu học cho tới trung học cơ sở, rồi chúng phải đi lấy chồng khi còn rất trẻ. Nếu cha mẹ có hiểu biết về giáo dục thì họ sẽ cố gắng lao động để giúp đỡ con cái học hành đầy đủ vì tương lai tốt đẹp của chúng. Bàn về hoàn cảnh này, McCray & Beachum (2010) cho rằng trong kỷ nguyên toàn cầu hóa thì chính phủ các nước phải chú ý đến lãnh vực bình đẳng giới. Chúng ta cần nhấn mạnh rằng học sinh, đặc biệt học sinh nữ phải được trao cơ hội được giáo dục tốt đẹp, với chính phủ Lào, họ cần đẩy mạnh xã hội hóa ở các chính quyền địa phương hơn nữa để ủng hộ việc học tập của mọi người, tạo cho giới trẻ Lào có cơ hội tốt hơn.

Tùy theo hoàn cảnh thực tế của gia đình và cộng đồng để phát triển nền giáo dục. Làm thế nào mà cha mẹ có thể khuyến khích con em mình đi học khi mà họ không có tiền của, không có quần áo cho con đến lớp, khi mà trường lớp thì xa xôi, ta có thể quy cho rằng vì cộng đồng không hiểu hết tầm quan trọng của giáo dục. Cũng còn có những trường hợp do cha mẹ ly dị,con trẻ mồ côi, trẻ em thiếu dinh dưỡng, yếu sức khỏe…những yếu tố đều ảnh hưởng đến học hành của trẻ em.

Cha mẹ và người giám hộ hiện nay vẫn còn lạm dụng sức lao động trẻ em. Một số gia đình cho con đi học nhưng đến mùa ruộng rẫy lại bắt con làm việc nhà hay đồng áng. Những câu chuyện thế này đã trở thành phổ biến. Còn nhiều về vấn đề học sinh bỏ học đi làm trước tuổi, nữ sinh bị ràng buộc của hủ tục bỏ học đi lấy chồng trước khi tốt nghiệp tiểu học, ngoài ra còn cả tệ nạn ma túy … Trung bình tuổi nữ sinh lấy chồng rất trẻ, từ 12 - 15,. lấy chồng rồi thì họ chỉ còn lo gia đình,vườn tược. Con trai thì thường tìm việc làm ở nhà máy trên thành phố, để có tiền gửi về cho gia đình, bố mẹ.

Đề cập về vấn đề này, Dwiningrum (2013) cho rằng vấn đề kinh tế gia đình là nhân tố chính ảnh hưởng việc giáo dục trẻ em, đặc biệt là ở vùng sâu vùng xa, Ở đấy người ta vẫn cho rằng trẻ em là nguồn lực lao động có thể giúp cha mẹ làm ra tiền. Điều này cho thấy trên nước Lào hiện tại, nhất là khu vực nông thôn và vùng xa, cha mẹ thiếu hẳn ý thức đối với việc học hành của con trẻ. Thậm chí có người còn cho rằng trẻ em là nguồn lợi của gia đình vì chúng có thể giúp cha mẹ làm việc kiếm tiền nhiều hơn trong tương lai. Vì vậy, chính phủ Lào với kế hoạch chiến lược quốc gia sẽ nhấn mạnh hơn nữa vào việc xây dựng một nền giáo dục gắn liền với nhận thức, hiểu biết của người lớn về giáo dục.

3.4. Điều kiện về kinh tế, môi trường và cộng đồng ảnh hưởng tới giáo dục trẻ như thế nào

Bàn về văn hóa trong phạm vi gia đình thì có người cho rằng chẳng cần thiết cho trẻ đế trường vì cha mẹ chúng cũng có đến trường đâu mà vẫn sống được.

Kinh tế gia đình là nhân tố quan trọng nhất trong cuộc sống gia đình. Nếu thu nhập không đầy đủ thì bố mẹ không thể khuyến khích con em tới trường. Ở nông thôn chủ yếu làm nông nghiệp thì thu nhập của gia đình tùy thuộc vào thu hoạch từng mùa vụ.Nếu mất mùa thì gia đình rất khó khăn khi cho con đi học vì cha mẹ không có đủ tiền sắm quần áo đồng phục sách vỡ…cho chúng tới trường.

Môi trường sống trong từng làng bản khác với môi trường sống xã hội rông lớn, cho nên vấn đề hiện nay của giáo dục là theo ý nghĩa giáo dục xã hội, và đó là cách tư duy chính thống cho rằng GD là điều mơ ước đối với nhu cầu của mỗi học sinh nói chung, nhu cầu mang tính xã hội, chứ chưa phải là lý do thiết thực đối với từng đứa trẻ riêng biệt. Có trường hợp vì trường lớp ở xa, nên cha mẹ khuyến khích con mình tìm việc làm để có tiền chi tiêu cho nhu cầu bản thân, nhưng cũng có trường hợp gia đình cha mẹ không cho con đến trường nhưng cộng đồng lại khuyến khích chúng đi học, cũng có trường hợp nhà trường không hợp pháp để tuyển sinh…ở nông thôn thì cha mẹ thường hành động theo xu hướng đa số trong cộng đồng. Đặc biệt nhiều phụ nữ hiện nay cho rằng họ chỉ nên học để biết chữ mà thôi, và họ quan niệm rằng phụ nữ có chồng ở nhà, người chồng nắm quyền hành

nên phải học vì họ phải gánh vác trách nhiệm nuôi sống gia đình. Quan niệm này có từ lâu đời và được thể hiện như một đồ thị biểu dạt hiện nay.

Rõ ràng giáo dục cha mẹ và thành viên gia đình yêu thương con cái là điều quan trọng.

Theo một nghiên cứu về trẻ em, liên quan đến vấn đề giới tính, thì các nhà nghiên cứu cho rằng kết quả học tập của con trai tốt hơn con gái.

Đó là nhận xét cưỡng ép của nhóm nghiên cứu và thành viên trong gia đình trong việc khuyến khích giáo dục , Alexander(1992) nhận xét như trên.

Rất nhiều người ở vùng nông thôn xa, không được học hành nên không thấy được sự nguy hại của thiếu vắng công cuộc giáo dục. Một số cộng đồng địa phương xem nhẹ, cho rằng giáo dục không quan trọng, vì nhiều làng bản chi tiêu tốn kém xây dựng trường lớp, thư viên mà hiệu quả lại không cao.

3.5. Những nhân tố tích cực và nhân tố tiêu cực liên quan tới quá trình dạy và học

Những đặc điểm của những nhân tố tích cực trong quá trình dạy học gồm: 1) Nhân tố tích cực: a) Giúp đỡ của già làng (head of village); b) sự hợp tác tốt giữa hiệu trưởng và giáo viên; c) Mối quan hệ tốt giữa hiệu trưởng với già làng. 2) Nhân tố tiêu cực: a) Phản hồi chậm chạp sổ sách liên lạc giữa các bên; b) Việc tìm hiểu nhà trường của các giám sát viên không thu được kết quả như ý; và c) làm việc thiếu hiêu quả của ban lãnh đạo nhà trường. Do cơ sở hạ tầng thiêu thốn nên những vấn đề nêu trên, giáo dục đang gặp phải ở nông thôn, thì chính phủ Lào vẫn chưa thể khắc phục được.

Vì Lào là nước kém phát triển, 80% dân số sống ở nông thôn, một nửa các trường học là tiểu học, chỉ dạy tới lớp 3. Tuy là các trường không đủ lớp, nhưng việc dạy và học phải hoàn thành chương trình lớp 5 bậc tiểu học, nên giáo viên bắt buộc phải dạy thêm lớp, hay phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác. Dạy học sinh các bộ tộc thiểu số lại càng khó khăn vì giáo viên phải học tiếng dân tộc để giao tiếp và giảng bài cho học sinh, nếu không hiểu thầy giáo nói gì thì kết quả là học sinh sẽ bỏ học.

Thầy giáo dạy một chương trình nhưng phải tìm hiểu những điều cần thiết khác nữa để linh động thay đổi chương trình, phải tùy theo tập quán của đồng bào trong cộng đồng, mà đó là những lý do bất ngờ làm cho học sinh thích hay không muốn đi học.

Dù cha mẹ thiếu niềm tin vào giáo dục, nhưng nhà trường công lập vẫn là địa điểm chính thu hút con em họ theo học tiểu học.

Điều tra dân số cho ta thấy học sinh nói chung gặp rất nhiều khó khăn trong khi đi học vì đường đến trường vừa xa, vừa nguy hiểm nhất là đối học sinh gái và học sinh thể chất ốm yếu. Thật là nguy hiểm khi chúng phải vượt qua rừng rậm, vách đá tới lớp học. Điều này phù hợp với phát hiện của Ban Chỉ Đạo Quốc Gia Phát Triển Nông thôn và Xóa Đói Nghèo giai đoạn từ 2011 -2015, một văn bản được ban hành tháng 7 năm 2011 chỉ ra rằng địa điểm các trường tiểu học chỉ cách xa nhà học sinh trên một giờ đi bộ, nhưng trên 152 làng xã không có đường xá cho học sinh. Một thực tế đáng lo là đường đến trường của học sinh rất khó khăn nếu chính phủ không đầu tư xây dựng giao thông cho giáo dục. Thông tin thì chậm trễ trở nên lạc hâu so với tình hình thực tế.

3.6. Vai trò của ban lãnh đạo giáo dục địa phương nâng cao giáo dục trẻ em là gì

Không đồng bộ về thông tin, thiếu sự phối hợp giữa, chính quyền, ban lãnh đạo giáo dục địa phương và ban giám hiệu cho nên các tổ chức này không hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ của mình. Mặt khác, các tổ chức đó chưa đánh giá dúng tầm quan trọng của giáo dục, chưa có thống kê , tập hợp đầy đủ những nhu cầu của học sinh, của nhà trường, để tìm cách thỏa mãn nhu cầu của họ. Hơn nữa, các hoạt động phát triển giáo dục chưa được tài trợ đầy đủ, diều đó cũng làm cho nhiệt tình của giáo viên, của học sinh và ban lãnh đạo giáo dục cộng đồng giảm sút.

Đối với vấn đề của học sinh đang đi học và vấn đề học sinh bỏ học, chương trình phát triển giáo dục cần phải tìm ra giải pháp cho những bất cập. Việc thuyên chuyển giáo viên từ trương này qua trường kia từ 1 - 3 lần, đều không có tác dụng tốt cho mối quan hệ giữa các giáo viên đến thay thế và giáo viên bị thuyên chuyển. Việc thay đổi giáo viên còn gây ra sự xáo trộn không cần thiết

trong giảng dạy vì giáo viên trong tình hình luôn thay đổi như thế không thể nắm bắt được điều kiện sống và đặc điểm tính cách của học sinh tại địa phương, cho nên dễ dẫn tới việc nhà trường thất bại trong giảng dạy.- ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục - nên nhớ rằng giảng dạy tốt của giáo viên là động lực cho cha mẹ đưa con đi học. Qua quá trình huấn luyện mà giáo viên có được kỹ năng sử dụng sách giáo khoa để giảng dạy nhưng phải trãi qua trình giảng dạy trong thực tế thì người giáo viên mới tự tin hơn trong sử dụng sách giáo khoa và giảng dạy học sinh.

4. Kết luận

Để trở thành con người hiện đại thì không thể bắt đầu từ sự hư vô trống rỗng mà phải trải qua môi trường giáo dục của con người. Môi trường đó không gì khác hơn là nền văn hóa hiện hữu trong không gian và thời gian nhất định. Không có một cộng đồng nào mà không có nền văn hóa riêng của mình. Cho nên giáo dục và văn hóa là một thể thống nhất cùng tồn tại.

Văn hóa luôn là một quá trình thay đổi liên tục, nên quá trình giáo dục cũng phải là một quá trình năng động. Do quá trình giáo dục không thể bị giới hạn cứng nhắc trong một thiết chế trường học, mà nó phải được nhận thức đầy đủ trong nền văn hóa của một cộng đồng cụ thể.

Nền giáo dục quốc gia Lào được thực thi trên khắp các tỉnh với ý nghĩa là sự duy trì và phát huy chất lượng giáo dục liên quan đến tiêu chuẩn quốc gia thông qua việc sử dụng giáo trình toàn quốc.Nhằm hiện thực hóa tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, và để cho giáo trình giảng dạy không cản trở việc giáo dục cần phát huy sáng tạo của học sinh.

Bộ Giáo Dục và Thể Thao Lào, được chính phủ tán thành sẽ chú trọng hơn nữa Kế Hoạch Chiến lược Quốc Gia về Giáo Dục với việc nhấn mạnh hơn nữa các điểm sau: 1) Xây dựng năng lực hệ giáo dục tiểu học, 2) Chú trọng thực thi công tác huấn luyện cho giám sát viên nhà trường để họ có đầy đủ năng lực.vì đó là những người chịu trách nhiệm trực tiếp trước bộ Giáo Dục và Thể Thao. 3) Tiếp tục quá trình xã hội hóa từ bộ đến các ban lãnh đạo

giáo dục địa phương ở các tỉnh, nhằm nâng cao nhận thức về vai rò của giáo dục cho mọi người. 4) Sự phân bổ ngân sách quốc gia cho giáo dục phải thực tế và tính toán trên cơ sở các chỉ số hợp lý. 5) Bộ phải có kế hoạch chiến lược và quản lý chiến lược nhằm khuyến khích nâng cao các kỹ năng giảng dạy của giáo viên, 6) Phải có sự phối hợp chặt chẽ và hiểu biết lẫn nhau giữa cộng đồng, cha mẹ học sinh và các ban lãnh đạo giáo dục địa phương để cùng nhau phát triển giáo dục thế hệ trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexander, R. 1992. *Policy and Practice in Primary Education*. London: Routledge.

2. Duke, D.L. & Canady, R.L. 1991. School Policy. New York: McGraw Hill, Inc.

3. Dwiningrum, S.I.A. 2013. Nation's Character Education Based on The Social Capital Theory. International Jornal of Asian Social Science.

4. http://www.ccsenet.org/journal/index.php/ass/article/viewFile/30055/17811. Vol.9. Number 12, Year 2013. (Online).

5. Glickman, C.D., Gordon, S.P., Ross-Gordon, J.M. 2004. *Supervision and Instructional Leadership. A Development Approach. Sixth Edition*. Boston: Pearson.

6. Grant, C.A. 1979. *Community Participation in Education*. Boston: Allyn and Bacon, Inc.

7. Hanson, E.M. 2003. *Educational Administration and Orgaizational Behavior. Fifth Edition*. Boston: Pearson Education, Inc.

7. McCray, C.R., & Beachum, F.D. 2010. An Analysis of How the Gender and Race of School Principals Influences Their Perceptions of Multicultural Education. *International Journal of Education Policy and Leadership*, (online), Volume 5, Number 4, Year 2010, (http://www.ijpl.org).

8. Neagley, R. L & Evans, N.D. 1980. *Handbook for Effective Supervision of Instruction. Third Edition*. New Jersey: Prentice-Hall, Inc.

9. Olsen, G., & Fuller, M.L. 2003. *Home-School Relations*.

Working Successfully with Parents and Families. Second Edition. Boston: Pearson Education, Inc.

10. Torrington, D. & Huat, T.C. 1994. Human Resource Management for Southeast Asia. Singapore: Prentice Hall.

11. Welton, D.A. & Mallan, J.T. 1981. *Children and Their World: Strategies for Teaching Social*

12. ESDP and Lao Government policies and plans relevant to VEDCs

13. Lao People's Democratic Republic. Draft National Education Law, 2014

14. Lao People's Democratic Republic. Minister of Education Agreement No. 2300 on Village Education Development Committee (VEDC). 3rd September, 2008

15. Lao People's Democratic Republic. The National Policy on Holistic Early Childhood Development. 6th December 2010

16. MoES Education Quality Standards for Primary Education (EQS). MoES, 2013

17. MOES Education Sector Development Plan (ESDP) of Lao PDR 2011-2015, July 2011. MoES/ GPE The School Meal Programme at a Glance MoES, 2012.

THÁI ĐỘ GIÁ TRỊ DƯỚI GÓC ĐỘ GIÁ TRỊ HỌC VÀ GIÁ TRỊ HỌC SƯ PHẠM

TS. Trần Thanh Bình*

1. Theo nhận thức chung, triết học gồm bốn ngành chính: siêu hình học (*metaphysics*), nhận thức luận (*epistemology*), luận lí học (*logic*) và giá trị học (*axiology*). Giá trị học (t. Anh *axiology*, t. Nga *aksiologiya*) "là một học thuyết triết học về các giá trị vật chất, văn hóa, tinh thần, đạo đức và tâm lý của một cá nhân, tập thể, xã hội, về mối quan hệ của cá nhân, tập thể, xã hội với thế giới hiện thực, về sự thay đổi của hệ thống giá trị chuẩn mực trong quá trình phát triển lịch sử, về cấu trúc của giá trị và vị trí của chúng trong thực tế. Môn khoa học này đặt ra câu hỏi về mối quan hệ giữa các giá trị và mối quan hệ của giá trị với thiên nhiên, văn hóa, xã hội và cá nhân" [17]. Trong giá trị học, giá trị được hiểu "là những thuộc tính vật chất khách quan của hiện tượng tự nhiên, hiện tượng xã hội, của đặc điểm tâm lí con người, là sự biểu thị những ý nghĩa tích cực hay tiêu cực đối với con người hoặc xã hội. Các loại giá trị tiêu biểu bao gồm: giá trị kinh tế, giá trị tâm lí, giá trị đạo đức, giá trị thẩm mĩ, giá trị nhận thức, giá trị xã hội. Giá trị là những đặc tính, đặc điểm của hiện thực (nguyên bản hoặc tưởng tượng) đã thiết lập để được chấp nhận tồn tại một cách tương đối. Mọi thứ tồn tại trên thế giới đều có thể trở thành một giá trị (được đánh giá là tốt hay xấu, đẹp hay không đẹp, được chấp nhận hay không thể chấp nhận, v.v.). Hơn nữa, cái là giá trị đối với người này có thể không phải là giá trị đối với người khác"

* NXB - Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh

[17]. Như vậy, có thể hiểu giá trị là hình thức tích hợp những đặc điểm bên trong của con người, tập trung tất cả các nhu cầu, lợi ích, lý tưởng, thái độ và niềm tin của con người. Hệ thống giá trị hoạt động cả ở cấp độ cá nhân và ở cấp độ xã hội, tạo nên một hình thái thống nhất. Sở dĩ như vậy là vì hệ thống giá trị cá nhân luôn được hình thành dựa trên các giá trị xã hội chiếm ưu thế; chính trên cơ sở của các giá trị đã được xã hội thừa nhận mà mỗi cá nhân có sự lựa chọn cho cuộc sống của riêng mình. Hệ thống các giá trị trong cuộc sống cá nhân là toàn bộ cốt lõi nhân cách, cũng là cốt lõi văn hoá của ca nhân đó. Các giá trị trong cuộc sống của cá nhân có tác động đáng kể đến tính tích cực, chủ động, đến hành vi và hoạt động xã hội, đến vị trí xã hội và thái độ của cá nhân đối với thế giới, con người và với chính bản thân; là cơ sở để cá nhân đó lựa chọn mục tiêu, cách thức và điều kiện hoạt động.

Cùng với khái niệm giá trị và xung quanh khái niệm giá trị, trong giá trị học còn có hàng loạt các khái niệm cơ bản khác như ý thức giá trị (*tsennostnoye soznaniye*), thái độ giá trị (tsennostnoye otnosheniye), hành vi giá trị (*tsennostnoye povedeniye*), mô hình giá trị (*tsennostnaya ustanovka*), ***định hướng giá trị*** (*tsennostnaya oriyentatsiya*)... *Để có thể hiểu một cách sâu sắc, hệ thống về các khái niệm và quan trọng hơn, từ những khái niệm có thể triển khai thành các hướng nghiên cứu hoặc vận dụng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, văn hoá, giáo dục, tâm lí v.v., việc tìm hiểu toàn diện các khái niệm cơ bản của giá trị học là hết sức cần thiết. Trong khuôn khổ của báo cáo này, chúng tôi muốn xác định cặn kẽ và cụ thể hơn nội hàm và những nội dung liên quan đến khái niệm thái độ giá trị*, một khái niệm còn chưa được quan tâm nhiều ở Việt Nam nhưng lại có những hướng nghiên cứu rất thiết thực, trước hết là trong giáo dục học thế giới.

2. Trong lịch sử hình thành và phát triển ngành giá trị học, việc nghiên cứu thái độ giá trị được triển khai dưới nhiều góc độ khác nhau; trong đó những góc độ phổ biến nhất là triết học và tâm lý học.

Dưới góc độ triết học, thái độ là sự phản ánh chủ quan của thực tế khách quan, thể hiện sự kết nối đa dạng của ý thức cá nhân con người với thế giới; do vậy, thái độ giá trị là nhận thức của

cá nhân, phản ánh những tương quan giữa ý nghĩa cá nhân và ý nghĩa xã hội. Thái độ giá trị trong triết học cũng được hiểu như là ý nghĩa, mối liên hệ[1] giữa khách thể đối với chủ thể, được chủ thể xác định một cách vô thức hay có ý thức dưới dạng nhu cầu, sở thích hay mục tiêu… "Trong triết học, thái độ được mô tả như một thời điểm liên kết tất cả các hiện tượng, được điều chỉnh bởi sự thống nhất vật chất của thế giới, như một cách để tham gia vào việc xác định và hiện thực hoá các đặc tính ẩn giấu trong các hiện tượng đó. Thái độ không phải là sự vật và không phản ánh các tính chất của sự vật, nó cho biết mối quan hệ giữa khách thể và chủ thể, ý nghĩa của khách thể đối với chủ thể. Vì trong triết học, khái niệm "ý nghĩa" gần với khái niệm "giá trị" nên điều này có nghĩa là: ý nghĩa của khách thể đối với con người hoặc thuộc tính của chúng đáp ứng nhu cầu của chủ thể đồng thời cũng thể hiện thái độ giá trị của chủ thể đối với khách thể" [14]. Theo quan niệm của P.I. Pidkasisty: thái độ là một kết nối được thiết lập trong ý thức của chủ thể với đối tượng của thế giới xung quanh, thể hiện dưới hình thức thích hợp (lời nói), cảm xúc (tình cảm và trạng thái), thực tế (hành vi, hành động, hoạt động). Đồng thời, như tác giả khẳng định, thái độ giá trị có tính khái quát, bao gồm toàn bộ những gì có ý nghĩa đối với cuộc sống con người [theo 20]

Thái độ giá trị có tính khách quan vì chúng phản ánh thực tế khách quan, các liên hệ khách quan; đồng thời có tính chủ quan vì chúng tồn tại trong ý thức của chủ thể và phản ánh cách mà bản thân chủ thể liên hệ với thực tế. Tính khách quan phản ánh sự tồn tại của đối tượng; tính chủ quan phản ánh nguyện vọng, nhu cầu, thị hiếu, khuynh hướng, nguyên tắc, đánh giá, niềm tin… của chủ thể. Khi con người thực hiện bất kì một hành động nào trong bất kì một điều kiện nào, người ấy luôn thể hiện thái độ của mình đối với đối tượng hoặc quá trình hoạt động. Tổng hợp những thái độ như vậy tạo nên nội dung nhân cách của cá nhân đó; nói như K. Marx trong *Hệ tư tưởng Đức*: "Sự giàu có tinh thần thực sự của một cá nhân hoàn toàn phụ thuộc vào sự giàu có thực sự về thái độ của

1. Trong tiếng Nga, danh từ *otnosheniye* vừa có nghĩa là thái độ, vừa có nghĩa là mối quan hệ.

người đó" [theo 14]. Không phải ngẫu nhiên mà trong nhiều công trình nghiên cứu, phạm trù thái độ giá trị được xem xét rất rộng, gắn liền với phạm trù thế giới quan; theo I.D. Zverev: "Thế giới quan, một mặt là sự phản ánh thế giới, mặt khác là thái độ giá trị của con người đối với thế giới và thể hiện như một phương thức nhận thức" [theo 20].

Dưới góc độ tâm lí học, thái độ giá trị thường được xem xét gần gũi với khái niệm "cá nhân/nhân cách". Theo I.F. Kharlamov: "Thái độ có thể được hiểu như là biểu hiện của các kết nối nhất định được thiết lập giữa một cá nhân này với những người khác, cũng như với các phương diện khác nhau của thế giới xung quanh; những kết nối này tác động đến nhu cầu, kiến thức, niềm tin, hành động và biểu hiện tình cảm của cá nhân, và bằng cách này hay cách khác ảnh hưởng đến hành vi và sự phát triển của cá nhân "[theo 20]. Một cách tương tự, O.V. Lishin cũng cho rằng: "Nhân cách – đó không chỉ là những gì mà cá nhân sở hữu và được dạy mà còn là thái độ và toàn bộ mong muốn, mục tiêu của cá nhân đó đối với thế giới, với mọi người, với bản thân" "[7, tr.17]. Tuy nhiên, một số tác giả lại muốn nhìn nhận thái độ giá trị trong một phạm vi rộng hơn; chẳng hạn, N. Ye. Shurkova cho rằng: "Thái độ giá trị là một kết nối ổn định, chọn lọc, ưu tiên của chủ thể với khách thể thế giới xung quanh khi khách thể đó nói lên tất cả ý nghĩa xã hội của mình; và kết nối đó có ý nghĩa cá nhân đối với chủ thể, được chủ thể coi là quan trọng đối với cuộc sống, xã hội và từng cá nhân" [theo 20]. Đặc biệt, V.N. Myasishchev trong công trình *Tâm lí học thái độ* lại quan niệm thái độ con người không phải là một phần của nhân cách, mà là tiềm năng của các phản ứng tâm lí liên quan đến một khách thể, quá trình hoặc yếu tố của thực tế. Theo tác giả, con người có các loại thái độ chủ yếu sau: thái độ với thế giới sự vật, với các hiện tượng thiên nhiên, với con người, với các hiện tượng xã hội, với chính mình; đồng thời ông cũng phân chia các loại thái độ tâm lí của con người đối với thực tại xung quanh - đó là nhu cầu, thị hiếu, khuynh hướng, nguyên tắc, cảm xúc, sở thích, niềm tin, hoạt động: "Thái độ của con người cho biết các kết nối nhận thức, lựa chọn, tâm lí của anh ta với các phương diện khác nhau của thực tại khách quan, thể

hiện trong hành động, phản ứng và cảm xúc của anh ta. Thái độ - đó là sức mạnh, tiềm năng, mức độ quan tâm, mức độ biểu hiện cảm xúc, mức độ căng thẳng của mong muốn hoặc nhu cầu" [8, tr. 48-49]. Tính toàn vẹn của một cá nhân, theo V.N. Myasishchev, được hình thành từ "toàn bộ thái độ" của cá nhân đó và được chia thành ba nhóm chính: 1) thái độ đối với thế giới sự vật và hiện tượng tự nhiên; 2) thái độ đối với con người và hiện tượng xã hội; 3) thái độ đối với bản thân; trong đó "thái độ đối với thế giới sự vật, hiện tượng tự nhiên được thể hiện qua trung gian là kinh nghiệm xã hội, và thái độ đối với bản thân được kết nối giữa thái độ của cá nhân đối với người khác và thái độ của người khác đối với anh ta" [8, tr. 207-208].

Còn trong lí thuyết tâm lí học hoạt động của A.N. Leontiev, thái độ được hiểu là «mối liên kết được thiết lập mang tính chủ quan, cá nhân giữa cảm xúc con người với vật thể và hiện tượng xung quanh trong không gian và thời gian như những sự kiện hiện tại, quá khứ và dự đoán tương lai" [theo 19];

Xét về cấu trúc: trong triết học, "cấu trúc của thái độ giá trị thường được thể hiện dưới hình thức đa cấp. Các yếu tố chính của nó là: mong muốn cơ sở; sự lựa chọn giữa mục tiêu trước mắt và tương lai lâu dài; biến lựa chọn cá nhân thành cơ sở để đánh giá định hướng của người khác" [19]. Trong tâm lí học, V.N. Myasishchev xác định cấu trúc thái độ giá trị theo các cấp độ: *phản xạ có điều kiện*, đặc trưng bởi sự hiện diện của các phản ứng ban đầu (tích cực hoặc tiêu cực) đối với các kích thích khác nhau; *cảm xúc cụ thể*, nơi phản xạ có điều kiện được thể hiện bởi những cảm xúc cụ thể như tình yêu, tình cảm, thù địch, sợ hãi, v. v; *cá tính cụ thể*, phát sinh trong hoạt động và phản ánh thái độ lựa chọn của từng cá nhân đối với thế giới xung quanh; *tinh thần xã hội*, trong đó các tiêu chuẩn xã hội, quy tắc đạo đức trở thành hành vi điều chỉnh nội bộ của cá nhân. Theo các tác giả khác, cấu trúc của thái độ giá trị gồm các thành phần cơ bản sau: nhận thức, đánh giá - cảm xúc, ý nghĩa - cá nhân, hành động. Thành phần nhận thức ngụ ý rằng những kiến thức tồn tại trong nhận thức con người về bản chất là được xem xét về giá trị; đồng thời, kiến thức về các giá trị có thể được thể hiện ở các cấp độ nhận thức khác

nhau : ý tưởng, khái niệm, tư tưởng. Thành phần đánh giá - cảm xúc liên quan đến sự hình thành những đánh giá cảm xúc tích cực của giá trị được chỉ định; đồng thời đánh giá - cảm xúc có nhiều cấp độ khác nhau: nền tảng cảm xúc tích cực, đánh giá cảm xúc tình huống, đánh giá cảm xúc ổn định. Thành phần ý nghĩa - cá nhân bao gồm các nội dung: tìm kiếm, nhận thức ý nghĩa cá nhân về giá trị, chấp nhận giá trị như là ý nghĩa cá nhân. Thành phần hành động phản ánh các quy định của chủ thể đối với hành động của mình; hành động là bằng chứng về sự hiện diện của một thái độ cụ thể. Thời điểm quan trọng của hành động – đó là nhận thức của chủ thể, vì một hành động có ý thức có khả năng chi phối cả những hành động vô ý thức. Thành phần hành động bao gồm các nội dung: "nhúng" các giá trị vào cấu trúc giá trị của cá nhân; đánh giá các sự kiện, hiện tượng liên quan của thực tại xung quanh từ vị trí của một giá trị cụ thể, trên cơ sở đó lựa chọn và biện minh cho mô hình hành động của mình; thể hiện thái độ đối với hành động của mình, phân tích hành động đó trong tư tưởng và nếu cần thiết, có những sự điều chỉnh tương ứng thông qua việc tìm kiếm những cách thức mới để giải quyết tình huống; xây dựng quan điểm lâu dài về hoạt động cuộc sống của chính mình [20]. Trong thực tế nghiên cứu, cũng có một số tác giả hình dung cấu trúc thái độ giá trị một cách đơn giản hơn, gồm ba thành phần: 1) thành phần nhận thức, bao gồm ý kiến, niềm tin về thái độ; 2) thành phần ảnh hưởng, là cảm nhận, cảm xúc về thái độ; và 3) thành phần hành vi, là chủ ý cư xử theo cách nào đó đối với đối tượng [2].

Tóm lại, có thể hiểu thái độ giá trị là kết nối giữa chủ thể và đối tượng, trong đó thuộc tính cụ thể của đối tượng không chỉ quan trọng, có giá trị đối với chủ thể mà còn đáp ứng nhu cầu, mục tiêu của chủ thể; thái độ giá trị là nhận thức chủ quan của chủ thể về các giá trị, đồng thời là quá trình chủ thể nhận thức, hiểu biết về thế giới dưới góc nhìn của các giá trị. Thái độ giá trị trước hết phản ánh đời sống xã hội, thực tế xã hội, được ước định về mặt văn hóa và lịch sử. Thái độ giá trị cũng phản ánh quan niệm của cá nhân đối với các giá trị như là cơ sở hình thành nhân cách cá nhân. Thái độ của một người phản ánh sở thích của người đó về một hệ

thống giá trị nhất định và tương ứng với tính cách của cấu trúc nhân cách. Trong thái độ giá trị, cả phẩm chất có ý nghĩa cụ thể và tính phổ quát đều được thể hiện và có quan hệ chặt chẽ với nhau. Nói cách khác, thái độ giá trị bao gồm cả thành phần cá nhân và thành phần xã hội. Nếu thành phần xã hội bao gồm các lý tưởng xã hội, văn hóa thì thành phần cá nhân phản ánh quan niệm tích cực của cá nhân dựa trên trải nghiệm và sự chấp nhận (từ chối) của cá nhân đối với các lý tưởng, giá trị của xã hội và văn hóa. "Thái độ giá trị thể hiện bản chất tồn tại của con người trên thế giới; nó cho thấy thế giới là gì đối với tôi và, do đó, tôi là gì trong thế giới. Một người có thể thành công trong công việc, phát triển trong nhận thức nhưng bản chất cá nhân của anh ta vẫn bị khuất lấp đằng sau vô số các liên kết trung gian. Và chỉ trong thái độ giá trị của mình với thế giới, với con người, với thiên nhiên và với văn hóa, bản chất của anh ta mới được bộc lộ một cách đầy đủ... Thái độ giá trị là cơ sở tối thượng không phải của một loại hoạt động đơn lập, mà là của chính cuộc sống con người nói chung. Do đó tiếp cận thái độ giá trị là phương pháp quan trọng nhất để khám phá bản chất con người" [6]

3. Ngay từ thời cổ đại, các nhà tư tưởng Hy Lạp như Democritus, Socrates, Plato, Aristotle… đã ghi nhận sự phụ thuộc chặt chẽ của các giá trị giáo dục vào định hướng giá trị của xã hội và thể chế xã hội. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, từ nửa sau của thế kỉ XX, khoa học về giá trị phát triển mạnh mẽ; bản thân vấn đề giá trị không chỉ được coi là đối tượng của khoa học nói chung mà còn dành được vị trí và sự quan tâm thích đáng trong giáo dục học. "Ý nghĩa chủ yếu của giáo dục học hiện đại là tạo điều kiện cho sự tự phát triển của cá nhân như một giá trị cao nhất. Để thực hiện được điều này, không thể không quan tâm đến các giá trị giáo dục. Bất kì một hệ thống giáo dục nào cũng liên quan mật thiết với các giá trị; không có các giá trị thì không thể xác định xu hướng phát triển của lĩnh vực giáo dục, cũng như không thể xây dựng khoa học sư phạm " [17]. Do vậy mà chuyên ngành giá trị học sư phạm (*pedagogicheskaya aksiologiya*) ra đời.

Giá trị học sư phạm là lĩnh vực sư phạm bao gồm nhiều tri thức liên ngành có nhiệm vụ xem xét các giá trị của giáo dục học từ vị trí giá trị tự thân của con người và thực hiện các phương pháp tiếp cận giá trị cho giáo dục nói chung. Giá trị học sư phạm giữ vai trò là cơ sở lí luận xác định hệ thống quan điểm sư phạm từ góc nhìn giá trị, xác định ý thức giá trị, thái độ giá trị và hành vi giá trị của cá nhân trong giáo dục.

Theo quan điểm của giá trị học sư phạm, giá trị là những đặc trưng giáo dục trong cấu trúc của nhận thức cá nhân; những đặc trưng này là những hình mẫu và định hướng lí tưởng cho hoạt động của cá nhân và xã hội. Các giá trị được hiểu như những chuẩn mực của hoạt động; đặc điểm của hành vi và hoạt động thể hiện thái độ của cá nhân đối với thế giới xung quanh và với bản thân. "Trong giá trị học sư phạm, con người và xã hội loài người được xác định là những giá trị cao nhất của tồn tại và là những chủ thể chuyển tải mọi ý thức giá trị, thái độ giá trị và hành vi giá trị" [18]. Theo đó, thái độ giá trị dưới góc nhìn của giá trị học sư phạm "là nền tảng giáo dục toàn diện của cá nhân, dựa trên kinh nghiệm cá nhân, được hình thành trong quá trình hoạt động và giao tiếp, phản ánh sự lựa chọn của cá nhân về các định hướng trong tương quan với các giá trị của ý thức xã hội; là cơ sở của hành vi giá trị" [17]

Khác với triết học và tâm lí học, giá trị học sư phạm phân biệt hai khái niệm: giá trị (*tsennost'*) và có tính giá trị (*tsennostnoye*) khi đưa ra các đặc điểm tích cực để đánh giá ý thức, thái độ, hành vi giá trị. Các giá trị trong lĩnh vực giáo dục có thể được chia thành hai nhóm chính: 1) các giá trị mang tính ổn định và 2) các giá trị mang tính phát triển; trong đó các giá trị mang tính phát triển mới là lĩnh vực mà giá trị học sư phạm quan tâm nhiều hơn.

Về mặt nội dung, giá trị học sư phạm có ba bình diện cơ bản: *khoa học* (nghiên cứu và đưa ra các dự đoán về giáo dục dưới góc độ giá trị học), *ứng dụng* (sử dụng các kết quả nghiên cứu giáo dục dưới góc độ giá trị học vào xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục, biên soạn tài liệu dạy học, đổi mới phương pháp dạy học…) và *thực tiễn* (tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học trong nhà trường nhằm hình thành, phát triển ý thức, thái độ, hành vi giá trị cho giáo viên và học sinh).

Tại Liên bang Nga, hiện nay, các nội dung cơ bản của giá trị học, giá trị học sư phạm và những ứng dụng của chúng vào thực tiễn giáo dục nhà trường, đặc biệt là việc hình thành và phát triển thái độ giá trị cho học sinh, đang có những chuyển biến mạnh mẽ, mang tính hệ thống. Chẳng hạn, ngay trong Chương trình giáo dục và xã hội hoá giáo dục bậc Tiểu học năm 2009 [13], nguyên tắc "*Mỗi lĩnh vực giáo dục và xã hội hóa học sinh đều dựa trên một hệ thống nhất định các giá trị quốc gia cơ bản và cần đảm bảo sự chấp nhận của học sinh"* đã được xác định; gắn liền với nguyên tắc đó là hàng loạt nội dung về giáo dục giá trị và thái độ giá trị được chính thức triển khai. Ví dụ:

"1. Giáo dục quyền công dân, lòng yêu nước, tôn trọng quyền tự do và nghĩa vụ của con người.

Giá trị: tình yêu dành cho nước Nga, cho dân tộc mình, cho quê hương nhỏ bé của mình; phục vụ Tổ quốc; nhà nước pháp quyền; xã hội dân sự; bổn phận đối với Tổ quốc, các thế hệ lớn tuổi, gia đình; luật pháp và trật tự; thế giới liên sắc tộc; tự do và trách nhiệm; tin tưởng vào con người

2. Giáo dục về cảm xúc đạo đức và ý thức đạo đức.

Giá trị: lựa chọn đạo đức; ý nghĩa của cuộc sống; công lý; nhân ái; danh dự; nhân phẩm; tình yêu, sự tôn trọng cha mẹ; chăm sóc người cao niên và trẻ vị thành niên; tự do tôn giáo.

3. Giáo dục siêng năng, thái độ sáng tạo trong học tập, công việc, cuộc sống.

Giá trị: chăm chỉ; sáng tạo; nhận thức; sự thật; xây dựng; tính mục đích; tính kiên trì trong việc đạt được mục tiêu; tiết kiệm.

4. Hình thành thái độ giá trị đối với sức khỏe và lối sống lành mạnh.

Giá trị: sức khỏe thể chất, sức khỏe xã hội (sức khỏe của các thành viên trong gia đình và nhà trường), lối sống năng động, lành mạnh.

5. Giáo dục thái độ giá trị đối với thiên nhiên, môi trường (giáo dục môi trường).

Giá trị: cuộc sống; quê hương; bảo tồn thiên nhiên; hành tinh trái đất" [13].

Trong hệ thống các đề tài nghiên cứu về giáo dục và dạy học ở Liên bang Nga giai đoạn gần đây, những công trình về giáo dục giá trị và thái độ giá trị xuất hiện ngày một nhiều, phần nào phản ánh vai trò của giá trị, thái độ giá trị trong định hướng phát triển của giáo dục học hiện đại. Có thể kể tên một số công trình tiêu biểu như: *Sự hình thành thái độ giá trị cảm xúc của học sinh với các hoạt động âm nhạc trong quá trình giáo dục âm nhạc ở trường tiểu học* [5], *Thái độ giá trị đối với hoạt động sư phạm* [10], *Hình thành thái độ giá trị đối với lối sống lành mạnh của thanh thiếu niên trong quá trình giáo dục* [11], *Giáo dục thái độ đạo đức đối với động vật, như một phần của giáo dục đạo đức* [12], *Sự hình thành thái độ giá trị của thanh thiếu niên đối với sức khỏe sinh sản* [15], *Hình thành thái độ đạo đức - sinh thái trong quá trình nghiên cứu thế giới xung quanh* [16], *Thái độ giá trị đối với tự nhiên như là kết quả cá nhân của việc dạy học lịch sử ở lớp 6* [20] v.v.

4. Những biến chuyển to lớn, dữ dội và toàn diện của thế kỉ XXI đang đòi hỏi phải có sự thay đổi trong nền tảng giáo dục cơ bản: nhà trường phải là nơi chuẩn bị cho các cá nhân bước vào cuộc sống của một thế giới toàn cầu đang thay đổi với các giá trị ưu tiên về nhân cách. Ở Việt Nam, con đường lớn về giáo dục giá trị đã được định hình trong quan điểm xây dựng *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*: "Chương trình giáo dục phổ thông được xây dựng trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; kế thừa và phát triển những ưu điểm của các chương trình giáo dục phổ thông đã có của Việt Nam, đồng thời tiếp thu thành tựu nghiên cứu về khoa học giáo dục và kinh nghiệm xây dựng chương trình theo mô hình phát triển năng lực của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới; gắn với nhu cầu phát triển của đất nước, những tiến bộ của thời đại về khoa học - công nghệ và xã hội; phù hợp với đặc điểm con người, văn hóa Việt Nam, các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị chung của nhân loại cũng như các sáng kiến và định hướng phát triển chung của UNESCO về giáo dục; tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của học sinh;

đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh" [1]. Trong những bước đi tiếp theo, bên cạnh việc cụ thể hoá những nội dung giáo dục giá trị, thái độ giá trị vào các môn học, việc xây dựng những giáo trình về giá trị học, giá trị học sư phạm dành cho các cơ sở đào tạo sư phạm, việc biên soạn những tài liệu dạy học, trong đó chú ý trước hết đến việc hình thành và phát triển cho học sinh những thái độ giá trị cần thiết đối với thiên nhiên, xã hội và bản thân dành cho các cơ sở giáo dục phổ thông chắc chắn sẽ là một công việc hết sức quan trọng và có tính thời sự cấp thiết.

T.T.B

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ GD-ĐT, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (bản chính thức ngày 28/7/2017); http://moet.gov.vn/tintuc/Pages/CT-GDPT-Tong-The.aspx

2. Hoàng Thị Doan, *Giá trị, thái độ và sự thoả mãn đối với công việc* (bài giảng); https://tailieu.vn/doc/bai-giang-hanh-vi-to-chuc-chuong-3-hoang-thi-doan-1704414.html

3. N. Loan, *Mô hình giáo dục lấy giá trị cốt lõi làm nền tảng*; https://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/mo-hinh-giao-duc-lay-gia-tri-cot-loi-lam-nen-tang-3378015.html

4. Trần Ngọc Thêm, *Giá trị và sự chuyển đổi hệ giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam*; http://www.vanhoahoc.vn/nghien-cuu/van-hoa-viet-nam/vhvn-nhung-van-de-chung/1683-tran-ngoc-them-gia-tri-va-su-chuyen-doi-he-gia-tri-van-hoa-truyen-thong-.html

Tiếng Nga

5. Bakhtin V.V., *Formirovaniye emotsional'no-tsennostnogo otnosheniya mladshikh shkol'nikov k muzykal'noy deyatel'nosti v protsesse muzykal'nogo obrazovaniya v nachal'noy shkole*; http://www.dissercat.com/content/formirovanie-emotsionalno-tsennostnogo-otnosheniya-mladshikh-shkolnikov-k-muzykalnoi-deyatel

6. Lazarev F. V., Trifonova M. K. *Filosofiya/Tsennostnoye otnosheniye k miru*.

Uchebnoye posobiye. Simferopol': SONAT, 1999;

https://studfiles.net/preview/5473646/page:43/

7. Lishin O.V. *Pedagogicheskaya psikhologiya vospitaniya*/ pod red. D.I. Fel'dshteyna.- M., IKTS «Akademkniga», 2009.

8. Myasishchev V.N. *Psikhologiya otnosheniy*, M., Institut prakticheskoy psikhologii, Voronezh: NPO «Modek», 1998.

9. *Noveyshiy filosofskiy slovar'*, Minsk, Knizhnyy Dom, 1999;

https://dic.academic.ru/dic.nsf/dic_new_philosophy/1341/%d0%a6%d0%95%d0%9d%d0%9d%d0%9e%d0%a1%d0%a2%d0%9d%d0%ab%d0%95

10. Panin M.S. *Tsennostnoye otnosheniye k pedagogicheskoy deyatel'nosti*; http://waucondastore.com/cennostnoe-otnoshenie-k-pedagogicheskoj-deyatelnosti/

11. Pavlova Y.O. *Formirovaniye tsennostnogo otnosheniya k zdorovomu obrazu zhizni sredi podrostkov v uchebno-vospitatel'nom protsesse*, Molodoy uchenyy, 2014, №6; https://moluch.ru/archive/65/10448/

12. Pavlova T.N. *Vospitaniye etichnogo otnosheniya k zhivotnym, kak chast' nravstvennogo vospitaniya*;

http://www.fond-nayda.ru/vospitanie-etichnogo-otnosheniya-k-zhivotnym-kak-chast-nravstvennogo-vospitaniya

13. *Primernaya programma vospitaniya i sotsializatsii obuchayushchikhsya, Nachal'noye obshcheye obrazovaniye*, M., 2009;

https://studfiles.net/preview/1619669/

14. Romanov Petr Yurievich, Khabibulin Denis Askhatovich, *Tsennostnoye otnosheniye: podkhody k issledovaniyu*, https://cyberleninka.ru/article/n/tsennostnoe-otnoshenie-podhody-k-issledovaniyu

15. Serdyuk Y. V. *Formirovaniye tsennostnogo otnosheniya podrostkov k reproduktivnomu zdorov'yu* // Aktual'nyye voprosy sovremennoy pedagogiki, Ufa, 2015; https://moluch.ru/conf/ped/archive/148/7358/

16. Shaydullina V. I, *Formirovaniye nravstvenno-ekologicheskikh otnosheniy v protsesse izucheniya okruzhayushchego mira*;

http://открытыйурок.рф/%D1%81%D1%82%D0%B0%D1%82%D1%8C%D0%B8/586813/

17. Taganrogskiy institut im. A.P.Chekhova, *Lektsiya 1. Vvedeniye v predmet pedagogicheskoy aksiologii*; https://studfiles.net/preview/2918153/

18. Taganrogskiy institut im. A.P.Chekhova, *Lektsiya 4, Tsennostnoye soznaniye*; https://studfiles.net/preview/2918153/page:4

19. Taganrogskiy institut im. A.P.Chekhova, *Lektsiya 11. Osnovnyye ponyatiya pedagogicheskoy aksiologii (prodolzheniye). Tsennostnoye otnosheniye, tsennostnaya ustanovka, tsennostnyye oriyentatsii*; https://studfiles.net/preview/2918153/page:5

20. Volgogradskiy gosudarstvennyy sotsial'no-pedagogicheskiy universitet, *Tsennostnoye otnosheniye k prirode kak lichnostnyy rezul'tat obucheniya istorii v 6 klasse*; https://studfiles.net/preview/5853532/

ABSTRACT

In the axiology, value attitude is the subjective perception's subject of values, and the process of the subject realizing, understanding the world in terms of values. Value attitude expresses the nature of human existence. This is because that only in its attitude of value to society, people, nature, culture ..., the nature of each individual is completely revealed. An individual's integrity is formed from his or her entire attitudes. Also this is divided into three main categories: 1) attitudes towards the world of things and natural phenomena; 2) attitudes towards people and social phenomena; 3) attitudes toward themselves. Therefore, approaching value attitude is one of the most important methods of exploring nature's human.

In pedagogical axiology, human and human society are defined as the highest values of existence. Value attitude being understood as the reflection of the individual's choice to the values of social consciousness is formed and developed in the course of activity, communication in the educational environment. Values in the

field of education are divided into two main categories: 1) stable values and 2) developing values. Hence today, educating value attitude towards developing values is one of the top concerns of pedagogical axiology.

For years, in the Russian Federation, the basic contents of axiology, pedagogical axiology and their applications in the field of education, especially the formation and development of value attitude for students has been deeply concerned and has gained many achievements. In Vietnam, the large road of values education has been shaped in view of building "The new general education program 2018". In the future, in addition to concretizing the content of values education and value attitude into the subjects, the development of curricula about the values education, pedagogical axiology for pedagogical institutions and the compilation of teaching materials will be more focused. Finally, the formation and development of students' values that are necessary for nature, society and educational institutions will become an important and urgent task.

TĂNG CƯỜNG NỘI DUNG GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

TS. Phan Thị Phương Anh*
ThS. Nguyễn Tiến Dũng**

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện chính sách mở cửa hội nhập, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, chúng ta phải đương đầu với những tác động của tiến trình hội nhập cả theo chiều hướng tích cực và tiêu cực. Nó chi phối các hệ giá trị, các chuẩn mực đạo đức cũng như lối sống, tình cảm, nhân cách của mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thanh niên, sinh viên. Một thực trạng đáng báo động hiện nay là một bộ phận không nhỏ thanh niên, sinh viên "… thiếu lý tưởng sống, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước"; có xu hướng đề cao chủ nghĩa cá nhân; sống buông thả bản thân, hành xử hung bạo, bất chấp pháp luật; thờ ơ, vô cảm thiếu trách nhiệm; tiếp thu thiếu chọn lọc văn hóa từ bên ngoài…. Chính vì vậy, những biểu hiện diễn biến tình hình tư tưởng và những vấn đề tiêu cực mới nảy sinh trong thanh niên, sinh viên hiện nay gây lo lắng cho toàn xã hội.

Quan điểm nhất quán trong sự nghiệp giáo dục của Đảng ta là đào tạo những con người và thế hệ trí thức không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, mà trước hết phải có đạo đức, có lòng yêu

*, **Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

nước thiết tha, gắn bó với nhân dân, với chế độ sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là sự nhất quán trong quan điểm giáo dục toàn diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ vừa "hồng" vừa "chuyên". Để sinh viên có thể "hồng" như mong mỏi của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì cần phải giáo dục chính trị tư tưởng trong sinh viên, đây là một bộ phận trong công tác tư tưởng của Đảng là truyền bá nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong sinh viên, nhằm hình thành trong sinh viên thế giới quan, nhân sinh quan của hệ tư tưởng Mác – Lênin, truyền thống cách mạng, tạo niềm tin mạnh mẽ vào lý tưởng của dân tộc đó là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Như vậy, có thể nói giáo dục chính trị tư tưởng có tầm quan trọng hàng đầu trong giáo dục giá trị đối với sinh viên hiện nay, bởi giáo dục chính trị tư tưởng là phạm trù liên quan đến các giá trị chỉ đạo, điều khiển hoạt động và hành vi hằng ngày của sinh viên. Do đó, làm tốt công tác này sẽ góp phần làm cho sinh viên vững vàng trước những biến động nhanh chống của xã hội hiện nay.

II. NỘI DUNG

1. Sự cần thiết phải giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Hiện nay, thanh niên Việt Nam (16 - 30 tuổi) có trên 23,6 triệu, chiếm 25,2% dân số cả nước (Tổng cục Thống kê, 2017). Trong đó, sinh viên là một bộ phận động đảo của thanh niên bởi sinh viên là những người tốt nghiệp phổ thông trung học và học trong các trường đại học và cao đẳng qua các kỳ thi tuyển sinh quốc gia. Đại bộ phận số sinh viên này thuộc vào nhóm thanh niên có độ tuổi từ 18 đến 24 – 25. Như vậy, sinh viên vừa là một bộ phận của thanh niên vừa là một bộ phận của đội ngũ trí thức trong tương lai.

Thanh niên, sinh viên có sứ mệnh lịch sử vô cùng to lớn trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam hiện nay. Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá đúng đắn bản

chất cách mạng, tiềm năng to lớn, sức vươn lên mạnh mẽ của thanh niên, sinh viên và đặt lòng tin vào vai trò của thanh niên, sinh viên. Trong Nghị quyết lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (1993) đã xác định: *"Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước theo con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn tuỳ thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng, rèn luyện thế hệ thanh niên"*.

Sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay trong từng lĩnh vực, phải có được đội ngũ nhân lực, nhân tài có trình độ và năng lực cao, là lực lượng xung kích để tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, thực hiện có kết quả việc ứng dụng vào nước ta, để tiến hành quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, trong công cuộc đổi mới, vai trò của đội ngũ trí thức càng được khẳng định hơn bao giờ hết. Trong khi sinh viên là đội ngũ dự bị của trí thức, chính vì thế trí thức có hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình hay không là hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ dự bị này.

Tuy nhiên, trước xu hướng hội nhập toàn cầuvà với chính sách mở cửa, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, thì Việt Nam đang phải đương đầu với những vận hội lớn có cả những khó khăn, thách thức và thuận lợi đang xen nhau. Sự tác động của vận hội này cả theo chiều hướng tích cực và tiêu cực, chi phối tới hệ thống các giá trị, các chuẩn mực đạo đức cũng như lối sống, tình cảm, nhân cách của mỗi người Việt Nam, mà trong đó có một bộ phận không nhỏ là sinh viên. Một thực trạng đáng báo động hiện nay là một bộ phận không nhỏ thanh niên, sinh viên thiếu lý tưởng sống, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước; có xu hướng đề cao chủ nghĩa cá nhân; sống buông thả bản thân, hành xử hung bạo, bất chấp pháp luật; thờ ơ, vô cảm thiếu trách nhiệm; tiếp thu thiếu chọn lọc văn hóa từ bên ngoài…

Chỉ thị số 42-CT/TW về "*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030*", ngày 24/4/2015

nhận định: "*Một bộ phận giới trẻ giảm sút niềm tin, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, thiếu lý tưởng, xa rời truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Một số ít thanh niên bị các thế lực thù địch lôi kéo, kích động chống sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong giới trẻ diễn biến phức tạ*p".

Dự thảo báo cáo chính trị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Hội sinh viên Việt Nam (Dự thảo lần 5, tháng 9/2018) cũng nhận định: hiện nay vẫn còn "*một bộ phận sinh viên thiếu ý chí, bản lĩnh, không làm chủ được bản thân, chạy theo lối sống thực dụng, lai căng, tôn thờ đồng tiền và lối sống hưởng thụ, thờ ơ với tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước và vô cảm với những hiện tượng xã hội diễn ra trong cuộc sống. Sinh viên là đối tượng mà các thế lực thù địch quan tâm, kích động, lôi kéo vào các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và gây rối trật tự, an ninh xã hội*".

Những biểu hiện diễn biến tình hình tư tưởng chính trị và những vấn đề tiêu cực mới nảy sinh trong sinh viên hiện nay,đã gây lo lắng cho toàn xã hội. Để sinh viên có thể nhận thức đúng đắn và hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong công cuộc đổi mới, sinh viên cần được trang bị một cách toàn diện và chuyên sâu có trọng tâm, trọng điểm. Vì vậy, việc đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng (GDCTTT) trong sinh viên là yêu cầu cấp thiết hiện nay, góp phần hình thành lớp sinh viên vừa "hồng" vừa "chuyên", có bản lĩnh chính trị vững vàng để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

GDCTTT cho sinh viên là công tác trọng tâm, thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, GDCTTT cho sinh viên trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiều tổ chức, cá nhân chưa nhận thức đúng và đầy đủ tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ, nhất là trong bối cảnh đất nước có nhiều thay đổi. Việc cụ thể hoá các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục thế hệ trẻ chưa kịp thời và hiệu quả. Vai trò, trách nhiệm của cả nhà trường và toàn xã hội trong việc giáo dục lý tưởng cách mạng, niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản... của sinh viên chưa được như mong muốn, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay.....

Thật vậy, giáo dục Đại học có nhiệm vụ đào tạo những con người và những thế hệ trí thức không chỉ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, mà trước hết phải có đạo đức, có lòng yêu nước thiết tha, gắn bó với nhân dân, với chế độ, sẵn sàng góp sức xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam. Mục tiêu giáo dục ghi rõ trong Luật giáo dục Việt Nam năm 2005: Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Tất cả những điều đó chỉ có thể thực hiện được thông qua công tác giáo dục lý luận chính trị trong sinh viên. Nghị quyết số 29-NQ/TW (4/11/2013) của Ban Chấp hành Trung ương cũng xác định: "Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả" (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Thế hệ thanh niên là thế hệ kế tục cách mạng, là lực lượng chủ yếu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc giáo dục và rèn luyện lý luận chính trị của họ có liên quan đến vấn đề sống còn của dân tộc, đến sự thành bại của cách mạng, đến sự giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Sinh viên lại là một bộ phận thanh niên có học vấn cao, sẽ là lực lượng lao động trí tuệ của đất nước, là một bộ phận của trí thức tương lai thì việc giáo dục lý luận chính trị cho họ lại càng cần thiết để mỗi hoạt động của họ hiện nay và sau này đều hướng tới sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích dân tộc, lợi ích giai cấp.

2. Nội dung của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng ở nước ta hiện nay được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, do đó nội dung của nó phải đạt được mục đích cơ bản là truyền bá, giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần làm cho nó trở thành hệ tư tưởng chi phối, thống trị trong đời sống tinh thần xã hội, giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân xây dựng thế giới quan và phương pháp luận đúng đắn, nhân sinh quan cộng

sản, để từ đó khắc phục những tư tưởng lạc hậu, nâng cao nhận thức chính trị. Đồng thời, nhằm giáo dục đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, làm cho họ ngày càng nắm chắc và biết vận dụng vào thực tế cuộc sống, thực hiện thắng lợi đường lối, nhiệm vụ chính trị; cổ vũ, động viên khơi dậy nhiệt tình cách mạng, tinh thần tự giác và tính tích cực trong quá trình cách mạng cải tạo, xây dựng xã hội mới – xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, chủ thể của giáo dục chính trị tư tưởng của nước ta hiện nay là Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là cấp uỷ đảng các cấp và các cơ quan chức năng như Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương, Ban Tuyên giáo tỉnh, các ngành, các địa phương, các cơ quan chính trị trong lực lượng vũ trang. Ở cấp huyện có Ban Tuyên giáo quận, huyện và các trung tâm bồi dưỡng chính trị… còn đối tượng của giáo dục chính trị tư tưởng là cán bộ, đảng viên và nhân dân nói chung.

Nội dung cơ bản của công tác GDCTTT cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động nói chung ở nước ta hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là:

Giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng.

Giáo dục truyền thống chính trị và những giá trị chính trị được đúc kết trong lịch sử.

Giáo dục sâu sắc lý tưởng chính trị của giai cấp công nhân và của dân tộc, niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Giáo dục bản lĩnh chính trị và sự nhạy bén chính trị.

Giáo dục tính tích cực chính trị – xã hội, đấu tranh chống sự mơ hồ chính trị và thói thờ ơ chính trị.[1]

Trên cơ sở nội dung cơ bản GDCTTT cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động nói chung ở nước ta hiện nay, từ đó liên hệ đến nội dung cơ bản GDCTTT cho sinh viên hiện nay như sau:

---

1. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Phân viện báo chí và tuyên truyền (1998). *Nguyên lý công tác tư tưởng (Tập I)*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc, Hà Nội, tr177-178-179-180-181.

Thứ nhất, nội dung giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) (1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"[1]. Từ đại hội VII (1991) đến nay, trong quá trình tổng kết kinh nghiệm của thời kỳ đổi mới đảng luôn xác định bài học đầu tiên có tính nguyên tắc là phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Các Đại hội của Đảng đều nhấn mạnh: "Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh"[2]. Đây là kết luận rút ra từ kết quả tổng kết thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân từ khi Đảng ra đời cho đến nay.

Thắng lợi vĩ đại của cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên CNXH, nâng cao địa vị, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế đã chứng minh tính khoa học và tính cách mạng sáng tạo của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ có giá trị lý luận lớn lao trong cách mạng dân tộc dân chủ, mà còn có giá trị bền vững và lâu dài đối với sự phát triển đi lên của đất nước trong hiện tại và tương lai. Trong những năm đổi mới vừa qua, nhờ sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề bức xúc và phức tạp của đất nước trong bối cảnh quốc tế đầy khó khăn, thử thách. Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta vượt qua cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội những năm 80-90 và đưa nước ta vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế. Từ tổng kết thực tiễn sống động và đúc kết kinh nghiệm lãnh đạo, Đảng khẳng định: "Đảng và nhân dân ta quyết

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam (1999), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.21

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IX, Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.83.

tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" là hoàn toàn đúng đắn.

Thực hiện công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm hướng tới việc hình thành văn hóa chính trị trong sinh viên hiện nay, cần giáo dục đường lối đổi mới của Đảng. Cần làm cho những tư tưởng, quan điểm đó thâm nhập sâu sắc vào cuộc sống của sinh viên, trở thành tiềm lực chính trị tinh thần đất nước chi phối bản lĩnh chính trị sinh viên Việt Nam, hình thành hệ thống chuẩn mực giá trị định hướng và điều chỉnh mọi quan hệ chính trị, thái độ và hành vi chính trị của mỗi sinh viên. Trên cơ sở đó, hình thành và phát triển ở mỗi sinh viên, cũng như trên phạm vi toàn xã hội một thể trạng chính trị tinh thần lành mạnh, có sức "đề kháng" cao để vô hiệu hóa mọi thủ đoạn công kích, phá hoại của kẻ thù trên lĩnh vực chính trị tư tưởng. Đồng thời, bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước; Vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội…theo đường lối, chính sách của Đảng.

Thứ hai, Giáo dục truyền thống chính trị và những giá trị chính trị được đúc kết trong lịch sử

Cùng với giáo dục chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục những giá trị truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc ta là một trong những nội dung cần được chú trọng giáo dục trong nội dung giáo dục chính trị tư tưởng.

Lịch sử cách mạng Việt Namlà lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Lịch sử đó đã hình thành nên những giá trị truyền thống chính trị tốt đẹp của dân tộc. Trong đó, yêu nước là giá trị thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, là đặc trưng tiêu biểu của tính cách con người Việt Nam. Giáo dục truyền thống yêu nước trong

giai đoạn hiện nay trước hết là giáo dục lòng tự hào dân tộc, trên cơ sở tự hào về quá khứ, về hiện tại, cần giáo dục con người Việt Nam niềm tự hào mới: ý thức sâu sắc về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và của cả dân tộc ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao tính tích cực – xã hội trong học tập, lao động và trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục truyền thống yêu nước còn là giáo dục nên những con người Việt Nam có hoài bão, khát vọng, ý chí thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Giáo dục nên những con người sẵn sàng làm mọi việc vì dân, vì nước, không dung thứ với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Đồng thời kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Một trong những đặc điểm tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam trong lịch sử là luôn luôn phải đương đầu với kẻ thù đông và mạnh hơn mình gấp bội. Hoàn cảnh lịch sử đó đã hun đúc cho dân tộc Việt Nam truyền thống bất khuất, kiên cường, không cam chịu làm nô lệ. Ngày nay, truyền thống ấy được giáo dục theo định hướng mới đó là giáo dục truyền thống bất khuất, kiên cường, không cam chịu lạc hậu, đói nghèo, quyết tâm thực hiện lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Như vậy, giáo dục truyền thống chính trị và những giá trị chính trị được đúc kết trong lịch sử cho sinh viên ngày nay là giáo dục lòng yêu nước trong đó bao gồm giáo dục lòng tự tôn dân tộc, khát vọng vươn lên làm giàu, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc chống mọi hành động xâm phạm lợi ích quốc gia dân tộc. Đặc biệt, giáo dục cho sinh viên truyền thống bất khuất, tự lực tự cường và không cam chịu lạc hậu và đói nghèo có ý chí lập thân lập nghiệp để vươn lên làm giàu cho bản thân, gia đình và cho quốc gia dân tộc.

Thứ ba, nội dung giáo dục sâu sắc lý tưởng chính trị của giai cấp công nhân và của dân tộc, niềm tin vào sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo

Lý tưởng chính trị được Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến trong hệ thống những tư tưởng của Người về chăm lo sự nghiệp "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau". Lý tưởng mà Người quan tâm giáo dục cho thanh niên là lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, hay còn gọi là lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, chúng ta đã có độc lập dân tộc, nhưng độc lập dân tộc mới chỉ là bước thứ nhất trên con đường giải phóng xã hội và giải phóng con người. Mục tiêu của chúng ta còn xa, vì vậy chúng ta phải tiếp tục đưa đất nước tiến lên con đường của CNXH – con đường dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Lý tưởng xã hội chủ nghĩa của sinh viên vừa thống nhất với lý tưởng của toàn đảng, toàn dân là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, là xây dựng và bảo vệ một chế độ xã hội do nhân dân lao động làm chủ, có nền kinh tế phát triển cao, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, các dân tộc đoàn kết hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác bình đẳng với tất cả các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, hợp tác cùng có lợi, thực hiện mục tiêu "dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ công bằng văn minh". Mặt khác, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của sinh viên có những biểu hiện cụ thể phù hợp với yêu cầu khách quan của từng giai đoạn cách mạng.

Bên cạnh giáo dục sâu sắc lý tưởng chính trị cho sinh viên, cần phải xây dựng tinh thần lạc quan, tin tưởng vào sự tất thắng của CNXH ở sinh viên. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp đổi mới hiện nay. Cần tăng cường giáo dục sinh viên nắm vững thời cơ và thách thức, thuận lợi và khó khăn, để bình tĩnh, sáng suốt tận dụng thời cơ vươn lên khắc phục những khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh, không bi quan, dao động trước những diễn biến quanh co, phức tạp của tình hình thế giới và trong nước hiện nay. Phải xây dựng được lòng tin ở đồng chí, đồng đội và tin ở chính bản thân mình. Kiên quyết đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan.

Thứ tư, Giáo dục bản lĩnh chính trị và sự nhạy bén chính trị

Trước yêu cầu đổi mới của sự nghiệp cách mạng, đặc biệt trong tình hình hiện nay, trước diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới, khi các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh tuyên

truyền chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, làm lung lạc tư tưởng chính trị, tha hóa đạo đức lối sống của thế hệ trẻ thì vấn đề xây dựng và giữ vững bản lĩnh, lập trường tư tưởng chính trị, bản lĩnh sống của sinh viên luôn là một thách thức, một yêu cầu có tính nguyên tắc.

Rèn luyện bản lĩnh chính trị cho sinh viên hiện nay, chính là định hướng lý tưởng sống cao đẹp. Trước hết, chúng ta cần phải khẳng định rằng: không có lý tưởng thì con người sẽ không có định hướng và cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa. Lý tưởng xác định mục tiêu, chiều hướng phát triển của cá nhân. Mục tiêu của lý tưởng chính trị là mục đích sống của mỗi con người, nó thúc đẩy, điều khiển toàn bộ hoạt động của cá nhân. Chính sự thôi thúc của nhận thức và tình cảm trong lý tưởng cách mạng mà nó làm cho con người có sức mạnh phi thường, có ý chí và quyết tâm sắt đá. Lý tưởng cách mạng còn chi phối sự hình thành nhân cách con người. Để vươn tới mục tiêu lý tưởng cách mạng, cá nhân phải hành động và hành động tích cực, phải biết xóa bỏ những nét tâm lý không phù hợp với những chuẩn mực đạo đức, pháp luật, những nét văn hóa mang tính truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Phải sống có niềm tin, lý tưởng, và lý tưởng đó phải đúng đắn, phù hợp với lý tưởng, mục tiêu chung của xã hội, của giai cấp mình.

Hay nói một cách khác, sinh viên phải có lý tưởng cách mạng. Lý tưởng cách mạng hình thành cho sinh viên khả năng tự định hướng một cách đúng đắn và xử lý mọi vấn đề trong cuộc sống theo quan điểm cách mạng của Đảng. Nếu không, sinh viên sẽ mất phương hướng trong mọi hoạt động, thậm chí còn chà đạp lên lợi ích của dân tộc mình.

Thứ năm, Giáo dục tính tích cực chính trị – xã hội, đấu tranh chống sự mơ hồ chính trị và thói thờ ơ chính trị

Tính tích cực chính trị – xã hội là yếu tố đặc trưng cho phẩm chất chính trị tư tưởng của nhân cách có văn hóa cao, yếu tố phản ánh trình độ phát triển văn hóa chính trị và mức độ trưởng thành về chính trị của cá nhân, tính tích cực chính trị xã hội trở thành một trong những nội dung cơ bản nhất, thường xuyên của công tác

giáo dục chính trị tư tưởng. Biểu hiện tính tích cực chính trị của nhân dân là thông qua thái độ quan tâm tới chính trị, tích cực tham gia các hoạt động chính trị và rộng hơn cả là thông qua lao động có ích thực hiện các mục tiêu chính trị vì cộng đồng.

Giáo dục tính tích cực chính trị xã hội cho sinh viên bằng biện pháp chủ yếu là thông qua việc lôi cuốn sinh viên tham gia vào đời sống chính trị đất nước, tham gia trực tiếp quản lý nhà nước, quản lý xã hội, là trình độ cao nhất, là khâu cuối cùng quan trọng nhất của công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Chất lượng của sự tham gia này phụ thuộc vào trình độ về tri thức chính trị và niềm tin chính trị đã được hình thành của sinh viên.

Để giáo dục tính tích cực chính trị - xã hội cho sinh viên, ngoài việc tăng cường tập hợp họ tham gia vào đời sống chính trị đất nước, cần tích cực đấu tranh khắc phục thói thờ ơ chính trị còn tồn tại ở một bộ phận sinh viên hiện nay.

Thờ ơ chính trị của sinh viên thường được biểu hiện ở sự thiếu quan tâm hoặc có quan tâm nhưng không tỏ thái độ trước những tình huống chính trị có vấn đề, không can dự vào những vấn đề chung, nhiệm vụ chung của tập thể, của đất nước. Thụ động, thiếu bản lĩnh, không dám lên tiếng hoặc có lên tiếng nhưng yếu ớt trong cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực của đời sống chính trị như nạn tham nhũng, quan liêu, tình trạng mất dân chủ, những hoạt động cơ hội chính trị…

3. Nhận thức mới về nội dung giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên Việt Nam hiện nay

Xét về nội dung, công tác giáo dục chính trị của nước ta hiện nay chủ yếu tập trung vào nội dung giáo dục chính trị, nhằm bồi dưỡng ý thức chính trị và bản lĩnh chính trị cho đối tượng được giáo dục.

Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước đã tác động sâu sắc đến toàn bộ tiến trình phát triển của dân tộc Việt Nam, đồng thời ảnh hưởng sâu sắc đến nền văn hóa Việt Nam. Nó rèn luyện, hun đúc nên tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, tất cả vì độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam. Từ khi Đảng ra đời, luôn giương cao ngọn

cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đã đưa dân tộc ta đến với kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của độc lập tự do, hòa bình và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, sau khi nước ta hòa bình thống nhất, các thế lực thù địch chưa bao giờ bỏ qua tham vọng chống phá con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa của ta. Họ tiến hành chiến lược "Diễn biến hòa bình" để chuyển hóa chế độ chính trị và dùng mọi thủ đoạn đe dọa sự toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc ta. Vì vậy, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ chế độ vẫn là một nhiệm vụ chiến lược đặc biệt quan trọng của cách mạng Việt Nam hiện nay. Nhiệm vụ này đòi hỏi mỗi người vừa phải lao động hăng say xây dựng đất nước, đồng thời phải cảnh giác cao độ, sẵn sàng đánh bại mọi sự xâm phạm tới độc lập và chủ quyền của dân tộc ta của kẻ thù.

Xuất phát từ yêu cầu đó, Đảng chưa bao giờ xem nhẹ công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Và nội dung cốt lõi của công tác đó chính là giáo dục chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị trong toàn dân tộc.

Nội dung giáo trình của các môn lí luận chính trị chính là thể hiện nội dung chủ yếu của công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên. Đa số sinh viên hiện nay được tiếp thu công tác giáo dục chính trị tư tưởng chủ yếu thông qua việc học tập các môn lí luận chính trị trong nhà trường. Qua khảo sát[1] cho thấy có đến 82.5% sinh viên cho rằng được tiếp thu giáo dục chính trị tư tưởng "Từ các bài giảng của các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh". Tuy nhiên, đại bộ phận sinh viên đều cho rằng nội dung chương trình các môn lí luận chính trị còn tồn tại nhiều vấn đề, trong đó vấn đề khô khan, cứng nhắc của giáo trình đã gây nên sự không hứng thú trong sinh viên là vấn đề lớn nhất chiếm đến 57.8%. Điều đó chứng tỏ nội dung của công tác giáo dục chính trị tư tưởng đã không còn theo kịp nhu cầu phát triển của xã hội, không thỏa mãn được nhu cầu được giáo dục của sinh viên hiện nay. Nội dung giáo dục chính trị tư tưởng hiện nay quá thiên về giáo dục chính trị, chú trọng nâng cao ý thức chính trị, trang bị

1. Phan Thị Phương Anh (12/2015), "Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay – Thực trạng và giải pháp", Đề tài NCKH cấp cơ sở, Trường Đại học Cần Thơ.

cho đối tượng giáo dục sự nhạy bén về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, sự phát triển và ổn định của một xã hội hòa bình, cùng với sự phát triển như vũ bảo của công nghệ thông tin, sự tác động của nền kinh tế thị trường đã đặt ra yêu cầu cần bổ sung và đổi mới nội dung của công tác trên, ngược lại nó sẽ ngày càng xa rời đời sống của đối tượng được giáo dục và trở nên thừa thải trong xã hội.

Do đó, cải tiến và bổ sung nội dung của công tác công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong sinh viên cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn là một nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn mới này.

Thứ nhất, cần tăng cường nội dung giáo dục đạo đức vào giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên

Từ năm 1991, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta quyết định lấy chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động. Từ đó, nội dung chương trình các môn lý luận chính trị được bổ sung thêm nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nội dung giáo dục đạo đức và như thế, vô hình chung đã bổ sung nội dung giáo dục đạo đức vào nội dung giáo dục chính trị tư tưởng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển không ngừng của xã hội, đặc biệt là những ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường, thì nội dung giáo dục đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh là không đủ để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Do đó, cần đặt giáo dục đạo đức trở thành một nội dung độc lập trong nội dung giáo dục chính trị tư tưởng.

Hiện nay, giới học giả Việt Nam xem giáo dục đạo đức là một nội dung độc lập so với nội dung của giáo dục chính trị tư tưởng và nó còn là một môn khoa học độc lập (Đạo đức học), cùng tồn tại song song với các môn lý luận chính trị. Mặc dù các học giả Việt Nam vẫn chưa đề cập hoặc chưa công nhận giáo dục đạo đức cũng là một nội dung của giáo dục chính trị tư tưởng, tuy nhiên họ không thể phủ nhận mối quan hệ về nội dung của hai lĩnh vực này. Trong thực tiễn hoạt động thì nội dung giáo dục đạo đức luôn được lồng ghép cùng với giáo dục chính trị tư tưởng. Hằng năm, theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường cao đẳng, đại học thực hiện chương trình "Tuần lễ sinh hoạt chính trị" cho

sinh viên vào dịp đầu khóa. Theo PGS. TS. Lương Gia Ban trong tác phẩm "Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay" cho rằng việc tổ chức tuần lễ sinh hoạt chính trị này đã có vai trò rất lớn trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên trong giai đoạn mới hiện nay. Theo ông, "thông qua tuần lễ sinh hoạt chính trị này sinh viên được giáo dục về truyền thống dân tộc, truyền thống nhà trường, giáo dục pháp luật, giáo dục ý thức công dân, tìm hiểu tình hình thời sự thế giới và trong nước... Điều đó đã góp phần xây dựng niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo khí thế phấn khởi cho sinh viên khi bước vào học tập tại nhà trường."[1]. Ngoài ra, trong triển khai hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường nội dung giáo dục đạo đức, lối sống luôn gắn liền với giáo dục chính trị tư tưởng.

Qua đó cho thấy, xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu của xã hội, nội dung giáo dục đạo đức đã vô hình chung trở thành một phần không thể thiếu trong giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên hiện nay. Như vậy, đã đến lúc cần tổng kết thực tiễn để hình thành nên một lý luận mới, hay nói khác hơn đó là cần bổ sung nội dung giáo dục đạo đức vào nội dung của giáo dục chính trị tư tưởng.

Thứ hai, cần bổ sung nội dung giáo dục tâm lý nhằm xây dựng tâm lý lành mạnh cho sinh viên vào giáo dục chính trị tư tưởng

Sinh viên là một nhóm xã hội đặc biệt, về mặt tâm lý, sinh viên rất nhạy cảm, thích cái mới lạ, thích tìm tòi, khám phá, giàu ước mơ, hoài bão, giàu trí tưởng tượng, đặc biệt luôn muốn khẳng định mình, luôn khao khát sự công bằng, chính trực, dễ xúc động trước những gì cao cả, tốt đẹp nhưng cũng vì thế mà thiếu thự tế và thường chủ quan, nông nóng, họ dễ có thái độ cực đoan đối với các hiện tượng nảy sinh trong xã hội và dễ bị kích động, thiếu tự chủ, tình cảm nhiều khi lấn át lý trí... nếu môi trường hoạt động,

1. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên), (2013).Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà nội, tr99.

giao tiếp và sinh sống của sinh viên thiếu "bầu không khí tâm lý - đạo đức lành mạnh, thiếu dân chủ - công bằng và bình đẳng, thực dụng, vụ lợi, thiển cận..."[1],sinh viên sẽ dễ dàng có những phản ứng tiêu cực và đi ngược lại định hướng giáo dục của Đảng và Nhà nước ta.

Do đó, sinh viên có phát huy được tính tích cực chính trị xã hội họ cần sự trợ thủ, hướng dẫn về tâm lý, tư tưởng, đạo đức, chính trị, khoa học...từ cộng đồng, gia đình và đặc biệt là Nhà trường.

Đặc biệt, trước xu thế phát triển của xã hội Việt Nam hiện nay, những tác động từ những hiện tượng tiêu cực của xã hội; mặt trái của kinh tế thị trường; sự tấn công mạnh mẽ của các thế lực thù địch về mặt tâm lý, tư tưởng chính trị, văn hóa, xã hội... trên mạng xã hội trong thời đại cách mạng Công nghiệp 4.0... đã đặt vấn đề xây dựng tâm lý lành mạnh cho sinh viên ngày càng trở nên cấp thiết, do đó bổ sung nội dung giáo dục tâm lý lành mạnh vào giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên là nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, việc bổ sung nội dung xây dựng tâm lý lành mạnh vào nội dung giáo dục chính trị tư tưởng đối với chúng ta là một vấn đề hoàn toàn mới. Thực chất vấn đề tâm lý và giáo dục chính trị tư tưởng có mối quan hệ với nhau. Từ góc độ đối tượng nghiên cứu cho thấy cả hai lĩnh vực đều có đối tượng nghiên cứu là con người, đặc biệt đều nghiên cứu ở lĩnh vực tinh thần của con người. Ngoài ra, nhìn từ góc độ nội dung nghiên cứu cho thấy cả hai lĩnh vực có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nếu như sinh viên có tâm lí lành mạnh sẽ có lợi cho việc hình thành phẩm chất đạo đức và phẩm chất chính trị, đồng thời quá trình hình thành phẩm chất đạo đức cũng là một quá trình của tâm lý. Có thể xem đây chính là một góc độ mới của việc khoa học hóa giáo dục chính trị tư tưởng.

1. Phạm Văn Năng (Chủ biên) (2002), Công tác tư tưởng và giảng dạy lý luận trong trường đại học và cao đẳng hiện nay, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tr.247.

III. KẾT LUẬN

Sinh viên là lực lượng có trình độ học vấn, những người trí thức tương lai của dân tộc. Trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, rất cần sự trợ lực của đội ngũ ưu trội này. Song, để sinh viên ý thức được vị trí, vai trò sứ mệnh của mình, cần phải trang bị cho sinh viên một cách toàn diện và chuyên sâu có trọng tâm trọng điểm, đó là phải giáo dục chính trị tư tưởng trong sinh viên. Tuy nhiên trước tác động của nhiều mặt như những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: sự thiếu công bằng, tha hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý,...; mặt trái của kinh tế thị trường; sự chống phá của các thế lực thù địch về mọi mặt đặc biệt là về tư tưởng chính trị thông qua hệ thống mạng xã hội ngày càng tin vi, phức tạp.... Do đó việc nhận thức mới về nội dung công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong thanh niên, sinh viên là yêu cầu cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu quả việc hình thành lớp thanh niên, sinh viên vừa "hồng" vừa "chuyên", có bản lĩnh chính trị vững vàng để đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

P.T.P.A - N.T.D

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb. Chính trị Quốc, Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Naam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH,* Nxb. Sự thật, Hà Nội.

3. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên), (2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay,* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Phân viện báo chí và tuyên truyền (1998), *Nguyên lý công tác tư tưởng (Tập I)*, Nxb. Chính trị Quốc, Hà Nội.

5. Phạm Văn Năng (Chủ biên) (2002), *Công tác tư tưởng và giảng dạy lý luận trong trường đại học và cao đẳng hiện nay,* Nxb. TP Hồ Chí Minh

Build Peace Education in Primary Schools in the Central Highlands of Papua, Indonesia

PhD. Agustinus Hermino*

Abstract: The purpose of this research is to describe about: peace building and child protection mainstreaming at the primary schools. This case will be examined regarding developing school curriculum that integrates values and principal of local wisdom as part of daily teaching and learning process; social empowerment to develop peace building and child protection. The main goal is to raise awareness of local leaders about the importance of safe and peaceful environment for the child development and growth; and improvement of government policy to foster peace and child protection. The result is expected to improve the capacity and commitment of local government to support and promote peace and child protection through regional law.

Keywords: peace education, child protection, child-friendly

I. Background

1. Context of Region

Papua is the largest island in Indonesia and as a province which located in the most eastern Indonesia. Papua's development to the attention of the Indonesian government at this time, because it is still lagging behind other provinces. Papua geographical

* Ministry of Education and Culture, Republic of Indonesia.
Kanjuruhan University, Indonesia.

conditions, culture and language are diverse, many tribes in Papua, making it is not easy to build Papua, especially in the education sector.

In Papua is known for its three geographic conditions, namely: 1) the coastal areas, is the areas which are around the sea; 2) mountainous areas, is the areas which are located in the mountains; and 3) sub-urban areas, is the area which are located between the coastal areas and mountainous areas.

It is very important to conduct peace education for children from an early age so that their understanding can change and be agents of peace. Peace education can be done in schools, especially in the primary education, and can also be done in the community by doing intervention in adult to raise their awareness and increase their capacity about peace, so adult in community can provide peace environment for children to grow in their environment, their family, and their school.

Jayawijaya regency consists of 40 districts, 328 villages and 4 sub-districts with a total area of 13.925,31 km2. According to the Jayawijaya Statistics Agency (BPS, 2014), the total population in Jayawijaya regency in the mid-2013 stood at 203.085 people with 99,512 females and 103.573 males. Jayawijaya regency was developed based on Law No. 12 1969 with its capital Wamena. Jayawijaya regency borders with regencies of Lanny Jaya, Tolikara, Central Mamberamo in the west; Yahukimo and Yalimo in the East; Nduga and Yahukimo in the South; and Central Mamberamo and Yalimo in the North.

Lanny Jaya regency was developed from Jayawijaya regency, which consists of 10 districts namely Tiom, Pirime, Makki, Gamelia, Dimba, Tiomneri, Melagineri, Balingga, Kuyawage and Poga. Lanny Jaya regency has the total area of ± 2.248 km2 with its capital Tiom. The regency borders with Tolikara regency in the north, Nduga regency in the south, Jayawijaya regency in the east and the western part borders with Puncak Jaya regency. According to 2010 census, the total population in Lanny Jaya was 148.522 people with 79.691 males and 68.831 females.

In terms of security, Papua has experienced conflict far before the transition to democracy. Beside horizontal conflict between Papuans, vertical conflict between the natives and Indonesian government is obvious as the demand for referendum and freedom has caused many victims. Security measure in Papua has caused many problems, including human rights violations in several areas.

From the different perspective, the conflicts in Papua may have been the outcome of injustice system derived from unequal distribution of economic development under the New Order regime. The unequal distribution process of the economic development had become institutionalized and an effort of structured and permanent impoverishment (Rathgeber, Theodore. 2006: 52). As parts of Papua, the security conditions in Jayawijaya and Lanny Jaya regencies are still prone to conflicts.

2. Context of Education

The education system in Papua's Central Mountains first implemented in 1950s by individual missionary or groups backed by various churches. These missionaries learned the native languages and translated the bibles into those languages. Literacy is a tool to spread the bible. Missionaries have implement basic tradition of education in several areas such as Piramida and Ninia until today. They established schools in Wamena and Sentani that become one of the best schools in Papua.

The Dutch colonialist admitted their inability to educate the Central Mountains natives and therefore asked the church to implement education system, they also disbursed the fund through the church to pay salary for the teachers. They used Dutch language as medium before Indonesian language become mandatory after 1962. Then Biblical Church Education and School Foundation (YPPGI) was established to ensure that the system met the education standard .

In 1980s, the Indonesian government took over the education system. The health care system of missionaries was also taken over by the government, giving chances for the church to focus on

their initial task – to spread the bible , and at the same time, their authority in Papua declined as they handed over their social role. Teachers become civil servant and schools adopted education system implemented by the colonialist as national curriculum. However, the government did not fully taking over as there were no systematic mechanism and comprehensive partnerships between foundations that operates most of schools in Papua.

Anderson (2013) stated that the failure of transition system became obvious in Central Mountains since 2000, when there were mass killings against dozens of non-Papuan civil servant that triggered massive exodus in the area – most of them were medical and educational staff. The term 'Papuanization' emerged and occurred in massive scale within the governance, where the natives took the posts within the government as an act of affirmatively, not mandatorily; they have no competences but claimed their positions based on clan affiliations. It has negative impact to the established regencies. However, the newly developed regencies suffered worst impact, the education service collapsed.

Based on all explanation above, it means that conflict has been part of Papuans history and has become one of the main factors in the poor quality of life especially in the education sectors.

In the other hand, Papuan children in Central Mountains do not speak Indonesian at home, they tend to learn Indonesian vocabularies based on daily adult conversations. The lack of fluency is understandable and schools should find immediate solution to address the problem, but what happen is quite the opposite. When they first step into the classroom, they were forced to speak Indonesian that cause them to encounter terrifying learning experience. They felt inferior to migrant children who speak Indonesian fluently.

II. Papua Peace Education

Papua Peace Education (PAPEDA) was a special project which designed and implemented by the World Vision Indonesia, region Papua. The main goal of Papua Peace Education is: "Society that capable to provide safe and peaceful environment for girls and boys

development." These cover family, social and school environment where children grow, socialize and develop both emotionally and physically. This research ativities were carried out at 12 schools in 2 regencies: Jayawijaya and Lanny Jaya with the distribution as follows: 1) 9 villages in Jayawijaya regency: Tulem, Maima, Assologaima, Wame, Air Garam, Honelama, Wesaput, Hepuba, Sinakma; and 2) 3 villages in Lanny Jaya regency: Makki, Indawa and Tiom

Based on the secondary data of the academic year 2014 – 2015, the total students at 12 primary schools in 12 villages involved in Papua Peace Education activities were 2353 students, comprised of 1.197 male and 1.156 female. In addition, there were approximately 12 Principals, 138 teachers in total with 82 male and 56 female.

The Jayawijaya and Lanny Jaya regencies were categorized as underdeveloped regions compared to other provinces in the country (Ministry of Underdeveloped Regions, 2005) . The criteria were determined by several factors: (1) rough geographic landscape, (2) relatively poor human resources, (3) limited facilities and infrastructure and (4) prone to conflict and natural disaster. These criteria specifically supported by Perdasus 2012 on Procurement on Basic Education Service for Remote Indigenous Community (RIC) in Papua that provides educational services using simple formula with one-roof concept. This RIC criteria as mentioned above: 1) Limited access for basic social service; 2) Isolated, homogeny and depended on available natural resources; 3) Marginalized in villages and cities; and 4) Live in bordering areas, coastal, remote islands (Presidential Decree, 2014)

To make work easier, researcher create area classification according to the spatial concept of Jayawijaya and Lanny Jaya regencies. The research at the schools is based on ring zone, with ring I covering accessible areas to the ring IV with difficult accessibility:

Table 1. School interventions ring zone

Elementary School (SD)	Ring Zone
Jayawijaya regency	
SD YPPK Honelama	I
SD YPPK Hepuba	I
SD YPPGI Anigou	II
SD Inpres Wesaput	II
SD Inpres Air Garam	III
SD Advent Maima	III
SD Inpres Wame	IV
SD YPPK Assologaima	IV
SD YPPGI Tulem	IV
Lanny Jaya regency	
SD Inpres Tiom	IV
SD Inpres Indawa	IV
SD YPPGI Tobanapme	IV

According to the table above, six school interventions are located in ring IV – areas with low transportation and information accessibilities – and the rest are located within ring I-III zones.

The main focus of the research lies on peace building and child protection issues using school as an approach. The research process was refer to the Jayawijaya and Lanny Jaya Education Agency program and plan, and also the process should be in line with national education program without abandoning the local needs especially the natives Central Mountains.

The relationship between education purpose and strategic plan implemented by the local government and provincial strategic is as follows:

1. To improve quality and quantity of education infrastructure and facility. The strategy target is the procurement of educational models and textbooks (Mathematics, Science, Indonesian Language and Social Science) for primary school students.

Some project activities related to the development of local wisdom-based educational media have resulted in simple teaching aids that can be used by students or teachers: car toys made of

clay that can be used for mathematics and science subjects at SD Advent Maima, Honai miniature as educational aid for Social Science subject at SD Inpres Tiom primary school and Honai education home at primary schools such as SD Advent Maima, SD YPPK Anigou, Inpres Wame, SD YPPK Honelama and SD YPPK Hepuba synergized with the school budget. The Learning Honai was built as an interaction space between school entities as well as to develop education process using local context aspired by PAPEDA Project. Other school infrastructures are volleyball court and renovations of student toilets at SD Inpres Wesaput Instruction primary school.

2. Improvement of teachers and educators competences. The aim to improve the capacity and competence of school teachers is in line with the PAPEDA Project activities, which is educational training such as School-Based Management (SBM), Learning Implementation Plan (LIP), Active Joyful Effective Learning (AJEL) and others.

After the training, the teachers will have direct mentoring at school to ensure that their knowledge can be practiced in teaching and learning process. If problems were encountered, the project team could immediately help to find solution.

3. Improving learning and graduate quality. The plan is related to the availability of education material integrated with life-skill, and local excellence in relevant school subjects.

Several project activities related to the application of AJEL method have utilize tools and models obtained from local environment. Learning plan module compiled by school intervention teachers could also be important learning source for other school teachers. There is a change in learning atmosphere and students' academic achievement from teachers who have implemented AJEL learning.

4. Improving educational management and governance. Optimization of school-based management implementation at school is the main goal of the strategic plan. SD Advent Maima, SD YPPK Honelama and SD Inpres Tiom primary schools

have principals with sufficient capacities. They benefitted from the activities especially related to the school management and governance. Effort and initiative to implement SBM and AJEL learning method as well as the involvement of school committees and parents have existed at targeted school.

The information above clearly showed that Strategic Plan from both Education Agencies in Jayawijaya and Lanny Jaya regencies have connected to the understanding of peace education building activities but have yet correlated with the goal and target regarding the education strategic planning in the both regencies to the target primary school condition. The Papua's Central Mountains is a remote area with high social disparity between cities and remote villages. Many children who have graduated from primary schools have poor basic literacy and numeracy skills. The matter continues to the next level even to university. One of the main factors is that the teachers do not have adequate literacy and numeracy skills to teach the correct concept.

Civil Society is Impowered to Build Culture of Peace Building and Child Protection

Culture is context, in which it embodies exposition about certain society. Culture is a text that needs to be interpreted more than a concrete set of behavior. Understanding culture is like understanding text that needs to be interpreted in order to capture embedded symbolic meanings (Anderson & Huesman, 2007).

In the course of history, communal conflict in Papua's Baliem Valley is a symbol of manhood and strength. Dani, one of the most notorious tribes in Papua that inhabited the valley, is a wise, friendly and warm tribe. Dani tribe determined their leaders through communal conflict. The war is more of spiritual way rather than as a mean to settle a dispute. As the tradition shifted, the meaning of communal war has changed as a tool to seize power as well as to settle a conflict.

Central Mountains tribesmen grow up with the tradition of characterization. Tribal chief and clan elders are respectable as they are considered capable to lead Papuans. The shift in the

meaning of conflict was exacerbated by the 'bloody' annexation by the Indonesian government. The loss of trust in tribal chief and elders has the negative impact on the younger generation in Central Mountains.

Papua Peace Education has carried out various efforts to coordinate with related parties including local and religious leaders, culture and education experts in a bid to rediscover the cultural value and traditions to restore the Papuan identity.

Interview with sources supported the findings. Communal conflicts triggered by minor disputes such as love affairs, thefts and altercation, occurred in several parts of the province have caused disturbances in school environment.

Principals and teachers have limited capabilities to handle the conflicts. Local leaders, sometimes with the help from local authorities, will mediate a truce between rival clans. Local institutions and leaders also conduct variety of campaign to raise awareness among communities on the importance of peace building and child protection. Child-Friendly Village Initiative. The applicable law within community is usually unwritten. While there is no applicable law that specifically address child protection issue, some communities uphold unwritten law to support schools to implement teaching and learning process.

Importance of religious values and culture awareness at school (Berkowitz, 2003). The role of church and local leaders is important to achieve project indicator target. All organizational and individual respondents have very well understandings on customs, culture and Papuan local context. One of the supporting factors in implementing conducive learning process at SD Advent Maima, SD YPPK Hepuba and SD Inpres Tiom is the presence of local church members that involved. Several locations visited by the team have Honai functioned as learning center.

Most of targeted school are run by religion-based education foundations such as Advent Education Foundation (YPA) by Advent church, Biblical Church Education and School Foundation (YPPGI) by the Protestant Churches, and Catholic Education

and School Foundation (YPPK) by the Roman Catholic Church. Papua Special Autonomy Law No.21/2001 has accommodated the foundations as the main partners to provide education in Papua.

Local leaders, educators and culture experts agreed that education in Papua's Central Mountains should return to local context. The issue however lies on Indonesian national curriculum, that stresses on one size fits all concept. Dealing with Papua is about pluralism. Papuan children grow in Multilanguage environment with complex geographic condition, and even the children have different physical characteristics.

The curriculum requirement has become some kind of scourge for various reasons. The advantage of the national curriculum is freedom for schools to develop their local characteristics through formal and informal activities, including local content subjects and extracurricular. Unfortunately the local administrations have yet to manifest it as part practical curriculum at schools.

Child-Friendly School (CFS)

Cooperation between education agency, society and religion-based organizations is needed in order to build strong foundation in education (Reinhartz & Beach, 2004). This cooperation is expected to improve the capacity of educators to cultivate a commitment to develop and formulate ideas as well as practical solution and contextual to improve the quality of education in Papua, especially in Central Mountains.

CFS is an education unit capable to guarantee, provide and respect the child rights protection against violence, discrimination and violence, as well as to bolster children participation in planning, policy, and study and complaints mechanism. CFS is one of the indicators of Child-Friendly City (CFC) as stipulated in Ministerial Regulation of Women Empowerment and Child Protection Ministry Number 12/ 2011 Article 11.

Several parents said during a discussion with the research team that they have been aware of Law No.35 2014 on Child Protection through socialization conducted by project team during National Child Day commemoration or workshops at each

school intervention project. If their children experienced violence at schools, they will not hesitate to address the issue directly to teachers and Principals.

III. Conlusion

Papua Peace Education Project implementation conducted by World Vision Indonesia in Jayawijaya and Lanny Jaya has given a lot of progress in the education sector in the regencies, especially at the level of knowledge about the rights and protection of children. Most of the respondents, which is a stakeholder, gave a positive appreciation which was designed based on local wisdom. Generally, the Papua Peace Education Project has successfully reduced violence against children and improve the quality of teaching and learning throughout the school intervention.

Some important points with regard to the achievements and challenges still faced by the project are:

1. Targeting the issues of peace education and protection of children in education in all its complexity, particularly in the Central Mountains of Papua, is a hard work. Strategy of the project that uses school as a work area is the correct decision because value and character education is only possible if developed by habituation pattern every day.

2. School is a unit in a much larger system, the national education system. Systematics and school management procedure regulated by and subject to the applicable legislation. The curriculum that is a core part of the learning and teaching process in schools is also regulated by certain rules, the national education system. Unfortunately, the understanding of the curriculum is not controlled properly by the school principal, teachers, and even the local education office staff. Local content that has been mandated in the national curriculum, but due to a narrow understanding, are not applied practically by relevant stakeholders.

3. The main purpose of the project is to provide a safe and peaceful environment for children in need for 'standard' conditions school, in the sense of teaching and learning occurs regularly, but fact is quite the opposite. Thus, most of the activities of the project strived to ensure that the implementation of the learning process

carried out smoothly, the teacher was present and responsible to teaching in their respective classes.

4. Most school interventions have conducted the learning process on a regular basis, regardless of the constraints of the principal and teacher absenteeism. Papua Peace Educuation project plays a major role to ensure this, then seek to improve the quality of learning and teaching process through the School Based Management implementation and curriculum development in accordance with the conditions and the situation of children learning environment in the Central Mountains region.

Based on the explanation above, Papua Peace Education Project sustainability need to be escorted through advocacy for local government together with partners (leaders, community organizations or church organizations) that have been established during project implementation. For further project development, character education is necessary to find a model that is more practical and hands-on in accordance with the context of the Central Mountains region.

REFERENCE

Anderson, Bobby. 2013. The Failure of Education in Papua's Highland, diakses dari: http://www.insideindonesia.org/the-failure-of-education-in-papua-s-highlands

Anderson, C.A., & Huesmann, L.R. 2007. Human aggressión: A social-cognitive view. Dalam Hogg, M.A., Cooper, J. The sage handbook of social psychology: Sage Publication.

Berkowitz, L. 2003. Affect, aggression, and antisocial Behavior. Dalam Davidson, R.J, Scherer, K.R., Goldsmith, H.H. Handbook of Affective Sciences. Oxford: University Press.

Jayawijaya Statistic Agency (BPS). 2014. Wamena: Statistic Agency

Law Number 21 Year 2001 about Special Outonomy for Papua Province.

Presidential decree No.186/2014 on RIC Social Empowerment. Accessed from http://peraturan.go.id/inc/view/11e4a52193cba9aeb16f313330373135.html, dated 10 October 2015

Reinhartz, J. & Beach, D. M. 2004. Education Leadership. Changing Schools, Changing Roles. Boston: Pearson Education, Inc.

Rathgeber, Theodor. 2006. The Rights of Economic, Social and Culture in Papua: Study of Social Reality and Politrical Perspective. Jakarta: Sinar Harapan.

XÂY DỰNG MỘT NỀN GIÁO DỤC HOÀ BÌNH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG TÂM CAO NGUYÊN PAPUA, INDONESIA

Mục đích của công trình nghiên cứu này là nhằm trình bày cách thức xây đắp hoà bình và tạo nên khuynh hướng bảo vệ trẻ em ở các trường tiểu học. Công trình nghiên cứu cách xây dựng giáo trình sao cho phù hợp với những giá trị và nguyên lý minh triết của địa phương; xem đó như là bộ phận của quá trình giảng dạy và học tập hàng ngày; một động lực xã hội phát huy công cuộc dựng xây cuộc sống hoà bình và ý thức bảo vệ trẻ em. Mục tiêu chính nhằm nâng cao nhận thức của lãnh đạo địa phương đối với tầm quan trọng của môi trường sống an toàn và hoà hiếu dành cho con trẻ để chúng lớn lên và phát triển; đối với việc cải tiến hơn nữa các chính sách của chính quyền nhằm phát huy cuộc sống hoà bình và bảo vệ trẻ em. Kết quả tác giả mong đợi chính là phải nâng cao hơn nữa năng lực của chính quyền địa phương, họ cam kết sẽ ủng hộ và phát huy giáo dục hoà bình và ý thức bảo vệ trẻ em bằng chính luật pháp địa phương mình.

ĐÔI ĐIỀU VỀ CHỨNG VÔ CẢM VÀ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

TS. Nguyễn Thị Quốc Minh*

Nhân loại đang bước những bước tiến dài, nhanh chóng và mạnh mẽ trên các lĩnh vực của khoa học, nhiều thành tựu nghiên cứu của khoa học kĩ thuật - công nghệ đã được áp dụng vào đời sống, làm cuộc sống con người có những thay đổi ngoạn mục. Trên hành trình vĩ đại đó, cả nhân loại nói chung, mỗi quốc gia, mỗi cá nhân nói riêng đều phải chấp nhận cái được, cái mất rất nhãn tiền đang diễn ra hàng ngày hàng giờ. Chúng ta mỗi ngày đều báo động khẩn về nguy cơ chiến tranh hạt nhân, về những căn bệnh thế kỉ, bệnh nan y vô phương chữa trị… nhưng có một căn bệnh hay nói đúng hơn là hội chứng bệnh đã và đang xuất hiện, có nguy cơ hủy diệt, tàn phá cũng không kém gì những vấn nạn vừa nêu trên nhưng chúng ta chưa thật sự quan tâm đúng mức, chưa có cách xử lí triệt để, làm cho hội chứng này ngày càng phát triển quá mức, gây ra bao hậu quả khôn lường. Chúng tôi muốn nói đến đó là hội chứng vô cảm và bạo lực học đường hiện nay.

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, sự hội nhập quốc tế sâu rộng, giáo dục đào tạo cũng có nhiều đổi mới và nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó thì vấn nạn vô cảm và bạo lực học đường đang trở thành vấn đề nóng bỏng, gây bức xúc cho toàn xã hội chứ không chỉ riêng ngành giáo dục.

* Trường ĐH Khoa học XH & NV - ĐH Quốc gia TP. HCM

1. Hội chứng vô cảm và bạo lực học đường - nỗi đau không của riêng ai

Đầu tiên, chúng tôi muốn nói đến hội chứng vô cảm. Vô cảm ở đây có thể được hiểu là không có cảm xúc trước niềm vui, nỗi buồn, những đau khổ, mất mát của người khác. Vô cảm còn được biểu hiện qua việc đối xử lạnh nhạt, vô tình, thậm chí là tàn nhẫn với đồng loại. Chúng ta có thể hiểu nôm na là trong trường hợp này "não vẫn hoạt động bình thường nhưng trái tim thì đã chết". Vô cảm là con đường ngắn nhất, nhanh nhất dẫn đến cái xấu và cái ác. Hàng ngày, chúng ta chứng kiến biết bao cảnh tượng vô cảm ngoài xã hội, trên báo chí, nhưng vấn đề là học sinh khi đang còn ngồi ghế nhà trường, đang là niềm hi vọng ở tương lai của đất nước mà vẫn mang hội chứng bệnh vô cảm.

Các em vô cảm trước cảnh bạn bè mình bị đánh đập. Các em không những không can thiệp, không báo thầy cô hay những người có trách nhiệm can thiệp mà ngược lại các em vô tư đứng xem, thậm chí còn cổ vũ, rồi các em quay clip để tung lên mạng, khoe với các bạn bè khác… Rồi dần dần các em thấy cảnh tượng đó thành bình thường, việc làm đó là tự nhiên. Các em đã bắt đầu tiếp tay cho cái xấu, cái ác và biết đâu một ngày không xa chính các em cũng trở thành nhân vật chính trong những câu chuyện đánh đấm khủng khiếp đó.

Vô cảm là người bạn thân thiết và khăng khít với bạo lực. Hiện nay tình trạng bạo lực học đường là vấn nạn nhức nhối, là điểm đen, là vết ố trong ngành giáo dục. Theo báo cáo sơ bộ của cơ quan công an tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước thì từ năm 2010 đến nay đã có gần 8.000 học sinh, sinh viên tham gia vào các vụ đánh nhau và bị xử lí kỉ luật. Mỗi năm trên toàn quốc có gần 1.600 vụ học sinh, sinh viên đánh nhau. Trung bình mỗi ngày có 5 vụ học sinh, sinh viên đánh nhau. Đáng nói hơn là tham gia vào những vụ đánh nhau đó không chỉ có nam, mà nữ cũng chiếm một số lượng rất đông. Các em còn kêu gọi bạn bè tham gia vào để "đánh hội đồng" đối tượng mà các em muốn đánh. Nguyên nhân dẫn đến việc đánh nhau đôi khi chỉ vì vài câu nói dẫn đến xích mích, hoặc do đã "tố nhau, đấu nhau" trên mạng xã hội như

facebook, zalo rồi mang nhau ra "đấu" thật, hoặc đôi khi chỉ vì "nhìn thấy ngứa mắt" hoặc vì "ai bảo nó xinh hơn, học giỏi hơn", "ai bảo nó dám cười với người yêu của tao"… Nói chung, khi nghe đến lí do đánh người của các em thì khó có ai không thốt ra "Ôi, loạn quá rồi".

Có thể kể ra đây vài vụ bạo lực học đường "nổi đình nổi đám" trong những năm gần đây:

- Hồi đầu tháng 1 năm 2016, có 4 học sinh lớp 7 (trường THCS. Trần Phú - Huế) đánh hội đồng một bạn gái ngay tại trường học khiến nhiều người thấy bức xúc. Vấn đề là ở tại thời điểm đó có nhiều học sinh nam, nữ đứng xung quanh nhưng các em không những không can ngăn, không báo thầy cô kịp thời mà các em còn cổ vũ, reo hò, lấy điện thoại ra quay lại. Duy nhất có một em học sinh nữ bước tới can ngăn, và sau đó vài ngày thì bản thân em ấy cũng bị một trận đòn tơi tả với lí do "dằn mặt", "cho lần sau đừng có mà lắm chuyện"…

- Tháng 10 năm 2016, tại Nghệ An xảy ra vụ đánh nhau, nạn nhân là hai nữ sinh trường THCS. Quỳnh Lưu bị 8 học sinh lớp 9 trường THCS. Quỳnh Thuận chặn đường và đánh vào đầu, vào mặt bằng dép, bị đạp vào người không thương tiếc như thể trong phim hành động! Và cũng như trường hợp ở Huế, ở đây cũng có nhiều người qua lại nhưng không ai can ngăn khuyên giải mà chỉ dừng lại xem, bàn tán và quay phim!

- Cũng trong năm 2016, tại Thanh Hóa xảy ra một vụ 2 học sinh nữ đánh một học sinh nữ khác, khiến nạn nhân bất tỉnh tại chỗ. Cả 3 học sinh này đều được xác định là học sinh cấp 3 trường THPT. Cẩm Thủy 3 (huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa). Nguyên nhân ban đầu là vì mâu thuẫn cá nhân qua vài lời nói.

- Vào ngày 24 tháng 10 năm 2016 trên mạng xã hội xuất hiện đoạn clip gồm 5 học sinh nam đánh dã man một học sinh nam khác, mặc kệ em này khóc lóc van xin rất tội nghiệp. Các em này được xác định là học sinh lớp 7 của trường THCS. Minh Tân (Kinh Môn, Hải Dương). Các em học sinh ấy đánh bạn dưới sự "chỉ đạo" của hai học sinh lớp 11 của một trường THPT cùng trên địa bàn. Trong lúc cả nhóm đang đánh hội đồng thì có một em

học sinh (trong nhóm 5 học sinh) tè bậy trước mặt nạn nhân, cảnh tượng ấy khiến tất cả người xem đều tức tối, phẫn nộ. Nguyên nhân dẫn đến việc em học sinh nam bị đánh dã man là vì hàng ngày em phải nộp tiền cho nhóm này ăn sáng, mấy ngày gần đó em không có tiền nộp vì vậy em bị đánh!

- Gần đây nhất có thể kể đến vụ 2 nữ sinh trường THPT. Krông Bông đánh nhau. Lúc này có một nữ sinh (học lớp 10, cờ đỏ của trường THPT. Krông Bông) đến can ngăn thì bị một trong số hai em đang đánh nhau đâm 2 nhát liên tiếp vào người. Trong khi đó mọi người xung quanh rất đông nhưng không ai can thiệp dẫn đến sự việc nghiêm trọng như vậy.

2. Hội chứng vô cảm và bạo lực học đường - vì đâu nên nỗi

Có rất nhiều nguyên nhân để dẫn đến hội chứng vô cảm và bạo lực học đường nhưng tựu trung vẫn là 4 nguyên nhân chính sau:

2.1. Nguyên nhân từ chính bản thân các em

- Do sự thay đổi tâm sinh lí, các em đang trong giai đoạn "dở người lớn, dở trẻ con" các em muốn khẳng định mình, muốn thể hiện, chứng tỏ bản thân, muốn "làm nổi" để được mọi người chú ý… nên chỉ cần một chút xích mích nhỏ, mâu thuẫn nho nhỏ cũng có thể dẫn các em đến suy nghĩ và hành vi bạo lực.

- Do các em bị ảnh hưởng từ phim ảnh bạo lực, từ các loại game bạo lực nên chuyện đánh đập thậm chí là giết chóc cũng không còn là chuyện làm cho các em cảm thấy sợ.

- Do các em bị xúi dục từ kẻ xấu. Có trường hợp thì do "tâm lí đám đông", các em thấy bạn bè làm vậy thì các em làm theo.

- Quan trọng nhất là các em thiếu tình thương, sự quan tâm và giáo dục đúng đắn, đúng mức từ phía gia đình, nhà trường.

2.2. Nguyên nhân từ gia đình

Ngày nay, do sự hút xoáy của kinh tế thị trường nhiều bậc phụ huynh mải lo cơm áo gạo tiền mà vô tình bỏ bê con cái. Họ giao phó con cho ông bà, hoặc cho người giúp việc. Họ chỉ làm tốt nhiệm vụ *nuôi* mà họ quên rằng trách nhiệm, bổn phận làm cha mẹ đối với con cái quan trọng nhất là *dạy*. Dạy mới là điều quan trọng và mang tính quyết định lâu dài.

Có trường hợp cha mẹ cũng dùng bạo lực với nhau trước mặt con cái hoặc dùng bạo lực với chính con của họ. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến suy nghĩ, tình cảm và sự phát triển nhân cách của các em.

Cũng có nhiều bậc cha mẹ vì muốn an toàn cho con mình nên luôn nhắc con phải tránh xa những chỗ đánh nhau, rồi thì là "mặc kệ người ta", "đó không phải việc của mình"… nên dần dần các em cũng nghĩ rằng mình không liên quan gì, đứng xem là được rồi! Có em thì tâm lí sợ bị trả thù (mà sự thật là có trường hợp như vậy) nên dần dần vô cảm và bạo lực "lên ngôi", mọi người xung quanh chỉ xem như là "chuyện nhỏ của phố phường" và vì vậy càng lúc hội chứng bệnh này càng trầm trọng.

2.3. Nguyên nhân từ môi trường xã hội

Cách mạng khoa học công nghệ đã thể hiện quyền uy và sức mạnh trong đời sống đại bộ phận người dân. Hầu như bây giờ ai ai cũng biết đến internet và khai thác các tiện ích từ nó. Không phủ nhận những công dụng, hiệu quả, lợi ích của nó nhưng bên cạnh đó cũng không ít những tác hại do nó mang lại. Giới trẻ ngày nay như chìm ngập trong thế giới ảo trên mạng, trên facebook. Đó là nơi họ gặp gỡ trao đổi, cũng là nơi phát sinh nhiều mâu thuẫn, hằn thù. Ngoài ra, giới trẻ còn đắm đuối trong game các loại, có thể nói rằng họ "sống ảo" rất nặng từ đó họ quên thực tế, họ có lối sống, cách suy nghĩ rất bất thường, họ trầm cảm, phổ biến nhất là vô cảm. Và có lẽ ngày nay đạo đức xã hội cũng xuống cấp nặng nề, ngày nào đọc báo cũng thấy những cảnh cướp, giết, hiếp, đánh nhau, khỏa thân khoe thân, tham ô tham nhũng… nên dẫn đến suy nghĩ của các em bị lệch lạc, các em bị "khủng hoảng niềm tin" vào cuộc sống, không biết đâu mới là những giá trị cần tìm đến, hướng đến.

Mặt khác, hệ thống pháp luật về vấn đề bạo lực trong học đường của chúng ta chưa hoàn chỉnh, chưa đủ sức răn đe các em.

2.4. Nguyên nhân từ nhà trường

Nhà trường đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách cho các em. Nhà trường không chỉ là nơi cung cấp kiến thức mà còn phải quan tâm đến giáo dục tâm lí,

nhân cách, đạo đức cho các em. Thật đáng buồn khi "con sâu làm sầu nồi canh", khi mà có một số giáo viên hiện nay đã bị suy thoái đạo đức người và đạo đức nghề nghiệp. Giáo viên đáng ra phải là tấm gương sáng, là "thần tượng" cho học sinh noi theo thì hiện nay có một số giáo viên làm những chuyện "chợ búa" như: giáo viên đánh học sinh, giáo viên chửi tục với học sinh, giáo viên chửi tục với nhau trước mặt học sinh, giáo viên lên facebook, zalo để nói xấu nhau, bôi nhọ nhau, nhục mạ, vu khống xúc phạm danh dự nhân phẩm nhau… Tất cả những điều đó đều làm cho hình ảnh của giáo viên "xuống cấp" dẫn đến việc các em mất niềm tin vào thầy cô giáo, những bài học thầy cô truyền dạy đôi khi các em xem như "trò diễn của ngôn ngữ", "lí thuyết suông", "đạo đức giả"... Như vậy thì học sinh ngày càng trở nên vô cảm và có khuynh hướng bạo lực cũng là khó tránh khỏi.

Ở đây chúng tôi không có ý định lí giải một cách hệ thống những nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp, vi mô hay vĩ mô dẫn đến vấn đề này. Chúng tôi chỉ muốn nêu sơ lược về tổng thể để thấy những điểm mấu chốt từ đó có thể đưa ra giải pháp cho hiệu quả.

Vậy "phác đồ điều trị" nào cho hội chứng bệnh này?

3. Hạn chế hội chứng vô cảm và bạo lực học đường: tình yêu thương là liều thuốc hữu hiệu

Có nhiều "phác đồ điều trị" vấn nạn này, nhưng theo chúng tôi, cái cốt lõi chính là **tình yêu thương** dành cho các em. Tình yêu thương có ý nghĩa, có giá trị vô cùng to lớn. Tình yêu thương như những giọt mưa mát lành, sẽ tưới xuống những tâm hồn cằn cỗi, khô xơ của các em. Ngoài ra, những giọt mưa mát lành ấy còn có thể giúp dập tắt ngọn lửa của ganh ghét, nóng nảy, sân si, hằn thù, bạo ngược.

Vậy làm thế nào để có thể mang đến cho các em tình yêu thương?

- Trong gia đình, cha mẹ nên dành nhiều thời gian cho con cái hơn. Chia sẻ với con những thắc mắc, lắng nghe những tâm tư tình cảm của các em. Kịp thời uốn nắn các em khi phát hiện ra những

biểu hiện sai lệch. Lấy bản thân mình làm tấm gương cho các em. Ở lứa tuổi của các em việc "bắt chước" theo người khác là khá phổ biến, vì vậy phương pháp nêu gương rất có hiệu quả. Cách cư xử, cách giáo dục trong gia đình là nền tảng quyết định đến tình cảm, tâm lí, tính cách của các em rất nhiều. Ca dao có câu:

Nếu ta hiếu với mẹ cha
Thì con cũng hiếu với ta khác gì
Nếu ta ăn ở vô nghì
Đừng mong con hiếu làm gì uổng công

Qua đó đã cho chúng ta thấy được tác dụng của phương pháp nêu gương, của sự lan truyền tình cảm. Chắc hẳn chúng ta còn nhớ câu chuyện về nhà văn Granin và người ăn mày, Granin từng kể câu chuyện "khi ông còn bé, có lần ông thân sinh của ông bảo ông phải tự tay cầm đồng rúp trao cho người hành khất mà ông cảm thấy sợ hãi vô cùng. Granin kết luận rằng: tình cảm nhân văn không phải tự nhiên có được mà nó là kết quả của sự giáo dục; giáo dục để có ý thức và có bản năng yêu thương con người, nhạy cảm với nỗi vui buồn của con người… Đó là chân lí, là quy luật hình thành nhân cách, bản chất nhân văn cho con trẻ ngay từ nhỏ" [1; tr 87-88]. Tình thương, sự giáo dục đúng đắn của cha mẹ dành cho con là ngọn đuốc sáng soi đường cho con đi đến bến bờ của bình yên, hạnh phúc.

- Ngoài xã hội, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể… cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy vai trò của mình trong việc phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng bạo lực. Phối hợp với nhà trường để thường xuyên nhắc nhở, tuyên truyền, động viên, định hướng các em. Cũng như nghiêm khắc xử lí để nêu gương nếu có trường hợp vi phạm. Nếu mọi người ai cũng ý thức vai trò, trách nhiệm và có tình yêu thương, mỗi người đều nghĩ được như nhà thơ Tố Hữu từng viết *"Nếu là con chim, chiếc lá/ Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh/ Lẽ nào vay mà không có trả/ Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình"* thì chắc chắn không chỉ riêng hội chứng vô cảm và bạo lực học đường được giảm mà còn nhiều vấn đề xã hội, tệ nạn khác cũng được giảm thiểu.

- Quan trọng nhất có lẽ vẫn là nhà trường. Nhà trường cần là

cầu nối để trao đổi thông tin với gia đình, cơ quan chức năng ở địa phương để tất cả cùng phối hợp nhịp nhàng với nhau trong việc phòng chống vấn nạn này. Nhà trường là nơi cung cấp kiến thức cho học sinh, nhưng học đâu phải chỉ để có kiến thức mà phương châm của việc học ngày nay theo UNESCO đã chỉ là ra *"Học để biết, học để làm, học để khẳng định mình, học để cùng chung sống"*. Vì thế, nhà trường còn là nơi gieo mầm tình cảm, đạo đức tốt đẹp cho các em, để các em biết hòa mình vào cuộc sống, vào xã hội, biết sống yêu thương và trách nhiệm với bản thân, với gia đình và mọi người xung quanh. Truyền dạy kiến thức là một điều rất quan trọng, nhưng nếu chỉ có kiến thức mà tình cảm khô khan, ý thức đạo đức nhân văn không có, sống hẹp hòi, ích kỉ, độc ác, bạo ngược… thì cũng không tránh khỏi sự hủy hoại tâm hồn.

Ngày nay, do xu thế thị trường nên con người sống có phần ích kỉ, cá nhân, tư lợi nhiều hơn. Điều này ảnh hưởng nhiều đến các tầng lớp trong xã hội, trong đó tầng lớp trí thức là giáo viên cũng không ngoại lệ. Bản thân mỗi giáo viên cố gắng bỏ suy nghĩ "hết giờ là hết việc" mà cần ý thức rõ trách nhiệm cao cả và vinh quang của mình đó là "sự nghiệp trồng người". Thông qua những giờ dạy giáo viên lồng ghép vào đó ý thức nhân văn, đạo đức cao đẹp, lối sống văn minh… hoặc đơn giản nhất là những biểu hiện có văn hóa, có lịch sự để dần dần học sinh noi theo.

Tình cảm nhân văn được hình thành rất nhiều thông qua những hành vi, những hoạt động thực tế. Vì thế giáo viên nên cho các em tham gia vào những hoạt động thiện nguyện, hoạt động tập thể có ích, để tránh trường hợp các em vì buồn chán mà tìm đến với thế giới ảo, sống co cụm trong thế giới ảo, mang mặc cảm bị cô đơn, bị bỏ rơi… Và bản thân giáo viên phải là tấm gương tốt về cách cư xử, hành động để các em noi theo. Chúng ta cũng đã có những tấm gương tuyệt vời về lòng yêu thương học sinh. Có thể kể đến trường hợp thầy giáo Đặng Văn Cương ở trường PTDTBT Sơn Ba (Sơn Hà, Quảng Ngãi) thầy đã nhận chăm sóc và nuôi dạy em Đinh Văn K'Rể từ việc ăn uống, tắm rửa, học hành vì em K'Rể đã 10 tuổi mà nặng chưa đầy 4 kg. Mọi người gọi em là "cậu bé tí hon". Chính thầy Cương đã đến nhà vận động cha mẹ em cho em theo thầy lên học ở trường PTDTBT và thầy Cương nhận chăm lo

cho em tất cả. Nhiều lần thầy còn mang em K'Rể ra Hà Nội khám bệnh vì thầy vẫn hi vọng có cách chữa trị được căn bệnh quái lạ của em. Ngoài thầy Cương ra các thầy cô giáo ở huyện Sơn Hà này dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng các thầy cô vẫn say mê, tận tụy với nghề và hết lòng vì học sinh. Theo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Sơn Hà *"trong năm học 2017-2018, toàn huyện có 372 giáo viên nhận đỡ đầu 369 học sinh có hoàn cảnh khó khăn (mồ côi, nhà nghèo, học yếu có nguy cơ bỏ học...)"* [2]. Các thầy cô đã vì sự nghiệp trồng người, vì tương lai của các em mà làm việc bằng tất cả trách nhiệm, tình thương, *"Không chỉ dạy dỗ học sinh nên người mà các thầy cô còn giúp thay đổi nhận thức của phụ huynh trong việc chú trọng chăm lo học tập cho các em. Các thầy cô giáo đã vượt qua những thách thức của cuộc sống đời thường để vươn lên vì sự nghiệp trồng người. Những khó khăn vất vả của các thầy các cô là không thể kể hết, chỉ có tình cảm, lòng yêu thương, trách nhiệm đối với học trò đã giúp thầy cô vượt qua khó khăn, gắn bó với sự nghiệp trồng người*"[2]. Cần lắm những tấm gương như vậy, những tấm lòng dạt dào yêu thương như vậy.

Khi các em nhận được yêu thương thì các em sẽ biết yêu thương, biết san sẻ cũng sẽ là lúc các em tự biết tránh xa, biết lên án và chống lại cái xấu, cái tội lỗi.

Có lẽ đã đến lúc chúng ta phải mạnh dạn "cân, đong" lại những giá trị trong nhà trường. Đừng mãi chạy theo thành tích trong các kì thi, đừng vì thứ hạng trong các lần kiểm định chất lượng, không nên lao theo chuẩn nọ chuẩn kia mà quên cái hồn cốt của giáo dục là đào tạo con người. Mà một con người chuẩn mực như Bác Hồ đã từng mong muốn *"Vừa hồng, vừa chuyên"; "Có đức có tài"*. Chúng ta thấy rõ ràng giữa đức và tài thì Bác đưa đức lên trên tài, đưa hồng lên trên chuyên. Hay nói như cụ Nguyễn Du đã nói tự xưa *"Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*.

Để công cuộc "trồng người" có hiệu quả, chất lượng cao thì cần lắm sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội. Cần lắm những tấm gương sáng đẹp để các em trông vào đó mà soi mình. Cần lắm những cái tâm cao đẹp, những tấm lòng, những nghĩa cử thiện lương để các em còn biết bến bờ niềm tin. Hơn bao giờ hết, vai trò, trách nhiệm giáo dục giá trị của nhà trường, gia đình, xã hội trở nên to lớn như hiện nay.

Hãy để những truyền thống tốt đẹp như *"Lá lành đùm lá rách"; "Thương người như thể thương thân"*; hay *"Tôn sư trọng đạo"* được tỏa sáng và lan rộng. Hãy để tuổi trẻ hôm nay - chủ nhân tương lai của đất nước thật sự là những người có trái tim, có khối óc, họ sẽ là những người làm vẻ vang đất nước này, dân tộc này, họ xứng đáng là con cháu tiên rồng.

4. Kết luận

Vô cảm và bạo lực học đường đã và đang trở thành nỗi ám ảnh của nhiều gia đình, là nỗi đau, là sự trăn trở của toàn xã hội mà đặc biệt là của nhà trường bởi những "thủ phạm" và "nạn nhân" đều là những học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường. Để điều trị hội chứng bệnh này các thầy giáo cô giáo, những người làm ngành giáo dục hãy chung tay thắp sáng và truyền ngọn lửa yêu thương - một trong những giá trị cao đẹp của giáo dục ở nhà trường. Có tình yêu thương thì những nỗi đau, những mất mát, những hằn thù sẽ được xóa bỏ, những khoảng cách sẽ được rút ngắn. Căn bệnh vô cảm và bạo lực chắc chắn sẽ được "chữa trị có hiệu quả". Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được chỉ cần các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với nhau. Nhà trường - gia đình - xã hội cùng quan tâm. Trong đó, vai trò của nhà trường và cái tài, cái tâm của những người làm công tác giáo dục chiếm một vị trí vô cùng quan trọng.

N.T.Q.M

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Trọng Luận (2005), *Phan Trọng Luận tuyển tập*. NXB Giáo dục

2. Xuân Kỳ, *Nhân lên những tấm gương tận tụy vì học trò* - Báo Nhân dân điện tử, Số ra ngày 01/04/2018.

3. https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/Cach-chua-benh-vo-cam-cho-hoc-sinh

4. https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/su-vo-cam-tiep-tay-cho-bao-luc-hoc-duong

5. http://baochinhphu.vn/Xa-hoi/Bao-luc-hoc-duong-Nguyen-nhan-va-giai-phap

PHÁT HUY GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG TRONG VIỆC HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH THANH NIÊN VIỆT NAM

TS. Đỗ Khánh Năm*

1. Đặt vấn đề

Thanh niên Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, trong sự phát triển kinh tế-xã hội, trong đời sống chính trị và nền văn hoá của đất nước. Thanh niên họ không chỉ là một lực lượng quan trọng của xã hội (XH) mà họ là chủ thể sáng tạo trong tương lai. Trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay đang trở thành xu thế tất yếu cho mọi quốc gia trong đó có Việt Nam để hội nhập và phát triển. Bên cạnh những mặt tích cực, thì một bộ phận thanh niên hiện nay có biểu hiện sa sút về thế giới quan, nhân sinh quan, phẩm chất đạo đức ngày càng có chiều hướng gia tăng đã gây ra nỗi lo chung của toàn XH. Vì vậy, việc phát huy giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, hiện đại vừa có đức vừa có tài để xây dựng và phát triển đất nước có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu.

*2.1. **Khái niệm đạo đức:***

Đạo đức được hiểu theo kinh nghiệm là luân lý, những quy

* Trường Đại học Nội vụ Hà Nội

định, những chuẩn mực ứng xử trong mối quan hệ của con người. Đạo đức là một hiện tượng XH phức tạp được nghiên cứu ở nhiều góc độ. Để hiểu rõ khái niệm này có thể tiếp cận nó trên nhiều góc độ khác nhau:

Đạo đức tiếp cận theo nghĩa chung, khái quát có các quan điểm:

"Đạo đức là một hình thái ý thức XH đặc biệt, bao gồm một hệ thống các quan điểm, quan niệm, những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực XH" [7, tr. 12].

"Đạo đức là một hình thái ý thức XH, là tổng hợp những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực XH nhờ đó mà con người tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và tiến bộ XH trong quan hệ giữa con người với con người, giữa cá nhân với XH" [3, tr. 9].

"Đạo đức là một hình thái ý thức XH, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong các mối quan hệ của con người với con người. Đạo đức về bản chất là những quy tắc, những chuẩn mực trong quan hệ XH, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả XH thừa nhận và tự giác thực hiện" [9, tr. 155].

"Đạo đức theo nghĩa hẹp là tâm lý, là những quy định, những chuẩn mực ứng xử của con người với con người. Nhưng trong điều kiện hiện nay, chính quan hệ của con người cũng đã mở rộng và đạo đức bao gồm những quy định, những chuẩn mực ứng xử của con người với con người, với công việc và với bản thân, kể cả với thiên nhiên và môi trường" [6, tr. 14].

Đạo đức tiếp cận theo tính tồn tại hiện thực có các quan điểm cho rằng:

"Đạo đức là nguyên lí phải theo trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với tập thể, tuỳ theo yêu cầu của chế độ kinh tế và chính trị nhất định" [38, tr. 209]. "Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống, nó là đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố, cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong" [8, tr. 210].

Như vậy, bàn về đạo đức đã có nhiều định nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, theo chúng tôi có thể hiểu khái niệm đạo đức dưới hai góc độ sau:

Góc độ XH: Đạo đức là một hình thái ý thức XH đặc biệt phản ánh dưới dạng những nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực điều chỉnh (hoặc chi phối) hành vi của con người trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với XH, giữa con người với nhau và với chính bản thân mình.

Góc độ cá nhân: Đạo đức chính là mặt cơ bản trong nhân cách, nó phản ánh ý thức, tình cảm, ý chí hành vi, thói quen và cách ứng xử của cá nhân trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với XH, với người khác và với chính bản thân mình.

2.2. Giá trị đạo đức truyền thống

Theo tác giả Trần Văn Giàu "Truyền thống là những đức tính hay những thói tục kéo dài nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ lịch sử và hiện có nhiều tác dụng, tác dụng có thể là tích cực, có thể là tiêu cực" [5, tr.50].

Tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn cho rằng: truyền thống - theo nghĩa tổng quát nhất "đó là những yếu tố của di tồn văn hóa, XH thể hiện trong chuẩn mực hành vi, tư tưởng, phong tục, tập quán, thói quen lối sống và cách ứng xử của một cộng đồng người được hình thành trong lịch sử và đã trở thành ổn định, được truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ lâu dài" [4, tr.9].

Qua các quan niệm khác nhau, chúng ta có thể hiểu, truyền thống là một khái niệm nhằm chỉ những tư tưởng, tình cảm, thói quen, phong tục, tập quán, lối sống, cách ứng xử…của một cộng đồng người được hình thành trong những điều kiện lịch sử nhất định của dân tộc và được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Giá trị đạo đức truyền thống chiếm vị trí nổi bật tạo nên cốt lõi trong hệ giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam.

Như vậy, nói đến các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam là nói đến nét đặc thù đạo đức Việt Nam với những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành và được bảo lưu cho đến thời điểm hiện tại. Đó là những giá trị nhân văn mang tính cộng đồng, tính ổn định tương đối được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thể hiện trong các chuẩn mực mang tính phổ biến có tác dụng điều chỉnh hành vi giữa cá nhân và cá nhân, giữa cá nhân và XH.

2.3. Nhân cách

Từ điển Tiếng Việt đã định nghĩa nhân cách là: "Tư cách và phẩm chất con người" [10, tr710]

Tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng: "Nhân cách là tổ hợp các thái độ, thuộc tính riêng trong quan hệ hành động của từng người đối với tự nhiên, thế giới đồ vật do loài người sáng tạo, với XH và với bản thân" [11, tr 21]

Tác giả Hoàng Chí Bảo quan niệm: "Nhân cách là một giá trị văn hóa" [1, tr3-5]. Theo ông "Nhân cách của một người như thế nào, điều đó phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận những tác động văn hóa của XH, thông qua sự tập luyện văn hóa của cá nhân trong lao động, học tập và giao tiếp" [2, tr11-13]

Từ đây, có thể xem nhân cách là những phẩm chất, trạng thái, tính chất xu hướng bên trong của từng cá nhân. Đó là thế giới của cái "tôi" do tác động tổng hợp của các yếu tố cơ thể và XH hết sức riêng biệt tạo nên, để cá nhân đó có thể tồn tại và hoàn thành trách nhiệm của mình đối với bản thân và XH.

2.4. Xây dựng nhân cách thanh niên

Xây dựng nhân cách thanh niên là quá trình tác động chủ động, tích cực, có mục tiêu, có kế hoạch với hình thức đa dạng bằng nhiều con đường của các chủ thể tới nhân cách ở thanh niên, nhằm làm cho toàn bộ những phẩm chất đạo đức, năng lực, thể chất và tinh thần thanh niên ngày càng tốt hơn, hoàn thiện hơn. Thực chất của xây dựng nhân cách thanh niên là tạo môi trường thuận lợi cho việc hình thành, phát triển những phẩm chất đạo đức, năng lực, thể chất và tinh thần ở thanh niên, kích thích tính tự giác, học tập, rèn luyện, sáng tạo của họ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

3. Thực trạng việc truyền dạy giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên Việt Nam hiện nay

- Tại Đại hội XII, Đảng ta nhận định, trong những năm tới tình hình thế giới sẽ còn nhiều diễn biến rất phức tạp. Trong nước, thế và lực, sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế ngày càng được nâng cao nhưng cũng còn nhiều khó

khăn thách thức, nhất là bốn nguy cơ mà Đảng đã chỉ ra tiếp tục tồn tại. Đặc biệt nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp rất đáng lo ngại. Những yếu tố đó tác động mạnh mẽ đến thanh niên.

- Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, việc truyền dạy giá trị đạo đức truyền thống đang bị sao nhãng. Hiện nay, mô hình gia đình hạt nhân dần thay thế kiểu gia đình truyền thống với 3,4 thế hệ cùng chung sống nên thanh niên ngày nay ít có cơ hội gần gũi và được ông bà truyền dạy những giá trị đạo đức truyền thống. Mặt khác, họ bị cuốn vào việc mưu sinh, nhiều bậc cha mẹ không còn nhớ đến việc phải rèn, dạy cho con mình những lễ nghĩa, gia phong, thậm chí có những người làm cha, làm mẹ nhưng vì sức hút của đồng tiền, chạy theo lối sống thực dụng đã vi phạm đạo đức xã hội, làm trái với luân thường đạo lý đã ảnh hưởng xấu đến con cái khiến họ quay lưng lại với giá trị truyền thống. Thực tế này đang góp phần đẩy thanh niên đến nguy cơ mai một các giá trị truyền thống.

- Các tổ chức chính trị-xã hội là nơi tập hợp và đoàn kết thanh niên song cũng bộc lộ nhiều hạn chế, thậm chí đôi khi còn đứng ngoài cuộc, không nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình, không có các biện pháp chia sẻ, giúp đỡ nhà trường trong việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống. Một số địa phương, các cấp ủy đảng, chính quyền chưa có chương trình hành động cụ thể cho đối tượng này hoặc nếu có thì cũng chỉ mang tính hình thức. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam là nơi đoàn kết, tập hợp thanh, thiếu niên nhưng cũng bộc lộ nhiều hạn chế trong công tác giáo dục nhằm phát huy giá trị đạo đức truyền thống.

- Giáo dục đạo đức nói chung và giáo dục giá trị đạo đức truyền thống nói riêng là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của các nhà trường trong hệ thống giáo dục nước ta. Nhưng trong thời gian qua, đã có những hiện tượng coi trọng kiến thức chuyên môn, xem nhẹ việc rèn luyện phẩm chất đạo đức cho thanh

niên. Các môn khoa học Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những môn học trực tiếp giáo dục đạo đức, niềm tin, lý tưởng cộng sản cho thanh niên nhưng lại chưa được coi trọng.

- Những xu hướng mới nảy sinh trong các quan niệm về giá trị đạo đức truyền thống, nhân cách thanh niên trong bối cảnh toàn cầu hóa chưa được các cơ quan nghiên cứu quan tâm, dự báo để đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục cho phù hợp nhằm nâng cao chất lượng. Nhiều khía cạnh mới mang tính lý luận chưa được làm sáng tỏ, nhiều vấn đề nảy sinh từ thực tiễn chưa có lời giải đáp thỏa đáng dẫn đến thái độ hoài nghi trong thanh niên.

- Lối sống thực dụng, ích kỷ, làm cho một bộ phận thanh niên bàng quan, thiếu tinh thần, trách nhiệm trước đời sống chính trị-xã hội, không ý thức được vai trò, vị trí của thế hệ mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Sự xuất hiện ngày càng nhiều những hiện tượng phản giá trị của giới trẻ trong đời sống XH, đó là sự gia tăng của tệ nạn ma túy, mại dâm, trộm cắp, băng nhóm XH đen, lối sống trụy lạc, biến thái… Đó là sự xa rời, đứt đoạn với truyền thống. Đây thực sự là vấn đề nóng bỏng đặt ra trong quá trình xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

4. Một số giải pháp cơ bản nhằm phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống với việc xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam hiện nay

4.1. Nâng cao nhận thức và vai trò của các chủ thể trong việc xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam hiện nay

- Vai trò và trách nhiệm của Đảng và các cấp ủy Đảng

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, với những biến động của XH đang đặt ra yêu cầu cần nâng cao hơn nữa về nhận thức cũng như vai trò, trách nhiệm của Đảng các cấp ủy Đảng trong việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống đối với việc xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam, cần chú ý các vấn đề sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức truyền thống dân tộc đối với thanh niên cho các chủ thể giáo dục như các cấp ủy Đảng, chính quyền, gia đình, nhà trường, các đoàn thể chính trị - xã hội.

Thứ hai, Đảng tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, các di tích lịch sử cách mạng, qua đó giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng, bản lĩnh và phong cách người Việt Nam cho thanh niên.

Thứ ba, Đảng cần có chủ trương về việc tạo ra những cơ chế, chính sách thiết thực, phù hợp trên các phương diện cơ sở pháp lý, cơ sở vật chất, nhân lực, tài chính phục vụ và bảo đảm cho hoạt động giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên đạt hiệu quả cao.

- Vai trò và trách nhiệm của Nhà nước

Bên cạnh sự chỉ đạo của Đảng, chúng ta cần thấy rõ vai trò đặc biệt quan trọng của Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Nhà nước tạo môi trường pháp lý cho việc điều tiết các mối quan hệ lợi ích, đảm bảo sự bình đẳng về lợi ích của họ. Đây là điều kiện quan trọng cho sự ổn định về mặt đạo đức của XH. Nhà nước bảo vệ, phát huy và thể chế hóa thành những qui phạm pháp luật cụ thể để các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc được lưu truyền qua các thế hệ. Với những quy định cụ thể thông qua các qui phạm pháp luật, Nhà nước ngăn chặn những hiện tượng vi phạm đạo đức, trái với đạo lý của dân tộc. Sự can thiệp của pháp luật sẽ ngăn ngừa và xử lý thích đáng những hành vi tệ nạn XH, tham nhũng, thác loạn, trộm cắp, mại dâm, ma túy đe dọa và hủy hoại những giá trị đạo đức truyền thống. Do vậy, việc tăng cường giáo dục pháp luật cũng chính là để đưa pháp luật vào cuộc sống với mục đích nâng cao ý thức pháp luật cho công dân đặc biệt là với thanh niên. Xây dựng một XH văn minh là XH trong đó, mọi công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có ý thức tự giác tuân thủ pháp luật. Trên cơ sở đó, giáo dục và hình thành ý thức đạo đức và chuyển hóa thành hành vi đạo đức cho công dân góp phần làm lành mạnh đời sống tinh thần XH.

- Vai trò và trách nhiệm của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có vai trò quan trọng.

Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được Đảng tin cậy giao nhiệm vụ là "trường học XH chủ nghĩa của thanh niên", thực hiện tốt công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh niên. Đoàn thanh niên là lực lượng tích cực, xung phong gương mẫu thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng, là tổ chức trực tiếp giúp Đảng giáo dục chủ nghĩa cộng sản cho thanh niên, vận động thanh niên đi theo lý tưởng của Đảng, lôi cuốn, tập hợp thanh niên xung phong vào những nơi khó khăn, gian khổ nhất.

Đoàn thanh niên cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức giáo dục, phát hiện và nêu gương người tốt, việc tốt, phát huy tính tích cực, tự giác trong tự bồi dưỡng, tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức cho thanh niên.

Với sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã thu được nhiều kết quả trong công tác giáo dục cho thanh niên góp phần hình thành lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, tuân thủ pháp luật, từng bước hoàn thiện nhân cách. Đại bộ phận thanh niên tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; sống có trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình và bản thân; có ước mơ, hoài bão; tư duy năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm.

Đoàn thanh niên các cấp cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng truyền thống, nhất là các giá trị đạo đức truyền thống bằng nhiều hình thức phong phú và đa dạng. Gắn việc giáo dục đạo đức truyền thống với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, định hướng cho thanh niên rèn luyện theo tiêu chí "Tâm trong - Trí sáng - Hoài bão lớn".

Cuộc vận động "Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác» được Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát động đã được thực hiện sáng tạo, hiệu quả, trở thành nội dung xuyên suốt trong công tác giáo dục của Đoàn, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của thanh niên. Công tác giáo dục giá trị đạo đức truyền thống của tổ chức Đoàn các cấp cần chú trọng đến các nội dung: Đề cao lòng nhân ái; đạo lý uống nước nhớ nguồn; lối sống văn hóa tình nghĩa, trách nhiệm

với bản thân, gia đình và XH; đấu tranh bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan; các văn hóa phẩm độc hại, tiêu cực và các tệ nạn XH; lên án với biểu hiện thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm…, qua đó góp phần định hướng giá trị chân-thiện-mỹ trong thanh niên.

Việc tổ chức các hoạt động thực tiễn cần đặc biệt chú ý tính định hướng tư tưởng cho thanh niên, đồng thời phải quan tâm đến đặc thù tâm lý lứa tuổi, tránh nặng nề, khô cứng và cũng không hời hợt, thiếu chiều sâu. Thông qua sức mạnh của tuyên truyền, giáo dục và dư luận XH để khuyến khích hay phê phán cũng như để chủ thể thức tỉnh lương tâm, tự giác điều chỉnh hành vi của mình theo các chuẩn mực, giá trị của đạo đức XH.

4.2. Đổi mới nội dung, phương pháp phát huy vai trò các giá trị dạo đức truyền thống đối với việc xây dựng nhân cách thanh niên trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay

Giáo dục là phương thức quan trọng để phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống nhằm xây dựng nhân cách thanh niên. Thông qua giáo dục, thanh niên nhận thức một cách khoa học các giá trị, chuẩn mực đạo đức, từ đó điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với yêu cầu của XH. Ở đây, giáo dục đạo đức truyền thống sẽ là cầu nối cho thế hệ thanh niên với quá khứ để tiếp thêm cho họ sức mạnh trong việc phát huy những giá trị quí báu của ông cha ta, đồng thời tạo ra cơ chế phòng ngừa, khả năng "miễn dịch" với những phản giá trị từ bên ngoài trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống nhằm xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam hiện nay cần chú ý các vấn đề sau:

Thứ nhất, phải đổi mới nhận thức về vai trò giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho thanh niên. Cần đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục theo hướng hiện đại…đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, đạo đức lối sống phù hợp với thời đại ngày nay và phù hợp với đặc điểm tâm lý của thanh niên.

Thứ hai, xây dựng nhân cách thanh niên trước hết phải giáo dục cho họ tình cảm yêu nước nồng nàn. Trung với Đảng, hiếu với dân, hiếu với gia đình, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN). Tình yêu nước phải biến thành hành động, trở thành nội lực quan trọng tạo nên tinh thần dân tộc, ý chí tự lập, tự cường, bảo vệ chủ quyền dân tộc, say mê sáng tạo, trung thực trong lao động, học tập. Lòng yêu nước phải biến thành hành động trong việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng theo hướng thúc đẩy XH phát triển, công bằng, nhân ái.

Thứ ba, xây dựng nhân cách thanh niên là làm cho họ thấm nhuần các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc như lòng nhân ái, vị tha, tinh thần cần, kiệm, liêm, chính…và các giá trị đạo đức mới, lối sống mới XHCN như chủ động, sáng tạo, tự lập, tự chủ, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm…để có đủ sức mạnh chống lại các phản giá trị đạo đức do mặt trái của toàn cầu hóa mang lại.

Thứ tư, quá trình giáo dục chỉ đạt kết quả cao nhất khi nó trở thành quá trình tự giáo dục, tự đào tạo, tự rèn luyện về trí tuệ, thể lực. Vì vậy, phải làm sao để quá trình giáo dục giá trị đạo đức truyền thống trở thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi cá nhân, phát huy tính tích cực cá nhân trong việc tự hoàn thiện nhân cách, bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

4.3. Tạo dựng môi trường xã hội lành mạnh để tác động tích cực đến việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống nhằm xây dựng nhân cách thanh niên hiện nay

Môi trường XH là nhân tố quyết định trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Vì thế, có một môi trường XH lành mạnh mới có được một nhân cách tốt, bởi môi trường nuôi dưỡng nhân cách. Môi trường kinh tế tạo nền tảng về vật chất; môi trường văn hóa để giữ gìn văn hóa truyền thống dân tộc; môi trường XH lành mạnh, bớt tiêu cực mới giáo dục được thế hệ trẻ.

Đạo đức có cơ sở sâu xa từ đời sống kinh tế, là sự phản ánh quan hệ lợi ích của con người. Tính chất và mục đích của một nền kinh tế có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống đạo đức, diện mạo tinh thần của XH. Một nền kinh tế lấy lợi nhuận làm mục đích cao nhất của nó sẽ là môi trường làm nảy sinh và phát triển những hiện

tượng vô đạo đức, phản giá trị. Ngược lại, một nền kinh tế lấy việc phục vụ cho con người, nhất là người lao động làm mục đích sẽ tạo điều kiện khách quan để xây dựng các quan hệ XH lành mạnh, trong đó có quan hệ đạo đức.

Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Mục tiêu ấy phù hợp với lý tưởng cao cả của Đảng, nguyện vọng của nhân dân và hệ giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc ta. Có thể nói rằng, kiên trì định hướng XHCN trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường là điều kiện vật chất bảo đảm cho các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được duy trì, phát huy và phát triển đúng hướng. Ngược lại, việc lưu giữ và phát huy vai trò các giá trị đạo đức truyền thống sẽ phát huy những mặt tích cực, hạn chế, ngăn ngừa và từng bước khắc phục những mặt tiêu cực trong điều kiện kinh tế thị trường, mở ra khả năng thuận lợi để chấn hưng nền văn hóa của dân tộc.

Đoàn thanh niên Hội sinh viên phải chú trọng xây dựng môi trường văn hoá, XH lành mạnh. Thường xuyên đổi mới chương trình, nội dung, hình thức, tăng cường các nội dung, biện pháp giáo dục lý tưởng cách mạng cho đoàn viên, sinh viên, tổ chức các phong trào thi đua, đảm nhận các công trình, phần việc thanh niên… thông qua đó để giáo dục và rèn luyện đoàn viên, tạo nguồn phát triển đảng viên từ sinh viên. Nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng đoàn viên, sinh viên để xử lý kịp thời khi có vướng mắc và thực hiện những nội dung giáo dục phù hợp. Chỉ đạo, hướng dẫn các chi đoàn, chi hội sinh viên tổ chức sinh hoạt cho phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của thanh niên, chú ý bảo đảm nhu cầu lợi ích chính đáng của họ, tạo sự hấp dẫn đối với thanh niên khi tham gia các hoạt động Đoàn, Hội.

Cần tổ chức nhiều chương trình gặp gỡ, giao lưu giữa thanh niên với những tấm gương người tốt, việc tốt với những thanh niên và sinh viên đã và đang thành đạt trong cuộc sống. Thông qua các buổi gặp gỡ, giao lưu tạo ấn tượng mạnh mẽ, củng cố hoài bão, khát vọng vươn lên trong lao động, học tập của thanh niên. Cần tạo môi trường để thanh niên tham gia nhiều hơn các

hoạt động XH từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống tệ nạn XH, phong trào thanh niên tình nguyện vùng sâu, vùng xa…Đây là môi trường thực tiễn hết sức có ý nghĩa đối với việc xây dựng nhân cách cho thanh niên trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay.

Hưởng ứng và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "sống đẹp» trong đoàn viên thanh niên. Sống đẹp trước hết và bao trùm là phải biết sống có mục tiêu, lý tưởng cao đẹp, biết hy sinh quên mình vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Để sống đẹp, sống có ích không đơn giản. Đó là cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái cao cả và cái thấp hèn. Sống đẹp còn đòi hỏi là sống có văn hoá trên cơ sở phản ánh sâu sắc bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, biết trân trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị cao đẹp trong đời sống của tuổi trẻ Việt Nam.

4.4. Hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm phát huy vai trò các giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng nhân cách thanh niên

Trong mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật, pháp luật có vai trò bảo vệ, củng cố và nâng cao hiệu quả việc thực hiện những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức xã hội. Pháp luật giúp những chuẩn mực đạo đức mới hình thành. Hơn nữa, tác động của pháp luật tới đạo đức còn thể hiện ở chỗ việc tuân thủ pháp luật giúp định hướng hành vi của con người theo những yêu cầu từ phía XH. Điều này giúp hạn chế những xung đột trong quan hệ giữa con người với con người. Vì thế tuân thủ pháp luật đã trở thành một chuẩn mực đạo đức trong XH, đặc biệt là trong XH hiện nay.

Pháp luật có vai trò quan trọng đối với đạo đức nói chung, đối với phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống nói riêng: Pháp luật bảo vệ, củng cố, nâng cao hiệu quả việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống, tạo môi trường pháp lý để bảo vệ những phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Pháp luật tạo điều kiện định hướng hành vi con người theo những yêu cầu từ phía XH nhằm phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách thanh niên. Pháp luật

giúp cho các chuẩn mực đạo đức mới hình thành trên nền tảng giá trị đạo đức truyền thống gắn với tinh hoa văn hoá nhân loại, phát triển ổn định trong cuộc sống. Việc phát hiện và ủng hộ những chuẩn mực đạo đức mới tiến bộ luôn là một biểu hiện của tiến bộ XH và định hướng cho nhân cách thanh niên. Từ những căn cứ trên cần hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý trong việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách thanh niên. Để đạt mục tiêu trên cần chú ý thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Một là, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy về văn hóa, đạo đức, hoạt động văn hóa để hoạt động văn hóa không chạy theo lợi nhuận hoặc thị hiếu tầm thường hoặc tuyên truyền cho chủ nghĩa cá nhân thực dụng, xa hoa… mà góp phần để gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Cần tạo dựng được một hệ thống văn bản pháp luật hoàn chỉnh, chặt chẽ, toàn diện, không chồng chéo quản lý các hoạt động văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên tiếp thu các giá trị truyền thống nhằm xây dựng và hoàn thiện nhân cách.

Hai là, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật qui định chặt chẽ vai trò, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống. Vì trong thực tế nhiều cá nhân và tổ chức không thấy trách nhiệm của mình trong việc phát huy giá trị đạo đức truyền thống, mà coi đó là trách nhiệm của gia đình và nhà trường… Điều này làm cản trở không nhỏ trong thực tiễn nên cần phải có văn bản pháp luật qui định một cách cụ thể trách nhiệm của các chủ thể và cơ chế phối hợp giữa họ trong việc phát huy vai trò giá trị đạo đức truyền thống với xây dựng nhân cách thanh niên.

Ba là, cần phát huy tính tích cực, tự giác của bản thân thanh niên trong việc chấp hành pháp luật bằng cách nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho thanh niên để pháp luật không những là công cụ để quản lý nhà nước mà còn là môi trường thuận lợi cho sự hình thành và phát triển nhân cách đạo đức.

Giáo dục pháp luật cho thanh niên cần coi trọng mối quan hệ

giữa giáo dục và nâng cao trình độ văn hóa pháp lý cho thế hệ trẻ trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Nên công tác giáo dục pháp luật cho thanh niên được xem như một vấn đề khoa học cần được quan tâm, đầu tư đúng mức, nhằm bảo đảm sự giáo dục toàn diện để thanh niên trở thành người có trình độ chuyên môn cao, có kiến thức pháp luật để có thể làm chủ bản thân và XH, để hội nhập trong bối cảnh toàn cầu hóa mà không mất đi bản chất giai cấp, truyền thống văn hóa của dân tộc.

4.5. Phát huy tinh thần tự giác học tập và rèn luyện các giá trị đạo đức truyền thống xây dựng nhân cách của thanh niên hiện nay

Nhân cách thanh niên được hình thành từ sự thống nhất giữa nhân tố chủ quan và khách quan, cá nhân và XH. Môi trường XH thuận lợi với những tác động tích cực, định hướng tốt đẹp của gia đình, nhà trường và XH tới nhân cách thanh niên chỉ có ý nghĩa khi bản thân thanh niên biết tự giác học tập, rèn luyện. Để các giá trị đạo đức truyền thống phát huy vai trò quan trọng trong xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam thì sự tự giác rèn luyện, tiếp thu các giá trị của mỗi thanh niên là điều không thể thiếu được. Những phẩm chất đạo đức khi đã được hình thành, được củng cố trở thành tính cách ổn định, thể hiện sự trưởng thành của con người XH, là nền tảng phát triển và hoàn thiện nhân cách cho thanh niên. Vì vậy, quá trình tự hoàn thiện của mỗi cá nhân đóng vai trò quyết định trực tiếp.

Khi học tập và rèn luyện các giá trị đạo đức truyền thống đòi hỏi thanh niên phải có tính tự giác cao, vì chất lượng phụ thuộc rất nhiều vào cả yếu tố khách quan và chủ quan, nhưng vai trò của yếu tố chủ quan là quyết định. Các yếu tố khách quan dù có tác động mạnh mẽ đến đâu cũng không thể đạt hiệu quả cao khi thanh niên không có sự tự thân vận động, biến quá trình giáo dục thành tự giáo dục. Bởi mọi học thức chân chính chỉ thu nhận được thông qua con đường tự học.

Để nâng cao tính tự giác rèn luyện, học tập các giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách thanh niên, cần thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường giáo dục để thanh niên hiểu rõ rằng trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam chỉ có thể giữ gìn và phát huy được các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc mình khi bản thân mỗi người, trong đó có thanh niên biết tự giác, chủ động gìn giữ những truyền thống của các thế hệ cha anh thành phẩm chất và nhân tố bên trong nhân cách của mình.

Thứ hai, cần chú ý thu hút thanh niên vào phong trào chính trị-xã hội thực tiễn, các phong trào tốt đẹp của dân tộc. Thông qua đó, mỗi cá nhân thanh niên tự hoàn thiện bản thân mình, xây dựng nhân cách cho mình.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế khen thưởng, động viên đối với những thanh niên học tập, tiếp thu tốt các giá trị đạo đức truyền thống. Nên đưa việc tiếp thu, học tập, rèn luyện các giá trị văn hóa truyền thống trong bồi dưỡng nhân cách thanh niên thành một trong các tiêu chí để xét học lớp nhận thức về Đảng, tham gia Ban chấp hành Đoàn thanh niên...

Bằng các hình thức từ giáo dục, thuyết phục đến những quy định chặt chẽ, mang tính bắt buộc để động viên, khuyến khích thanh niên tích cực học tập, tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống, thanh niên sẽ từ chỗ bắt buộc đến chỗ tự giác, chủ động, thấy cần thiết và mong muốn tiếp thu các giá trị ấy. Khi thanh niên có ý thức tự giác học tập thì những tác động thuận chiều từ bên ngoài nhằm phát huy vai trò các giá trị đạo đức truyền thống sẽ thẩm thấu vào bên trong nhân cách thanh niên nhanh và rất hiệu quả. Bên cạnh đó, khi thanh niên có ý thức tự giác học tập tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống thì họ sẽ hình thành tình cảm, niềm tin lý tưởng, thái độ và động cơ đúng đắn biến các giá trị mà mình học tập thành hành động cụ thể trong cuộc sống của bản thân họ.

5. Kết luận

Mỗi con người phải biết quá khứ của mình, mỗi dân tộc phải biết lịch sử của mình. Một dân tộc mà đánh mất quá khứ thì cũng là đánh mất chính bản thân mình. Các giá trị đạo đức truyền thống là tài sản vô giá của dân tộc, nó là dòng chảy liên tục nảy sinh, tồn tại, phát triển trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông. Vì thế, việc nghiên cứu các giá trị đạo đức

truyền thống của dân tộc, phân tích vai trò của nó và những giải pháp phát huy vai trò của các giá trị trong xây dựng nhân cách thanh niên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay là yêu cầu bức thiết trong sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp "trồng người" của chúng ta hiện nay.

Đ.K.N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Chí Bảo (1995), *"Văn hóa và sự phát triển nhân cách thanh niên",* Tạp chí nghiên cứu lý luận, (1).

2. Hoàng Chí Bảo (1998), *"Vài nét chung về nhân cách Hồ Chí Minh",* Tạp chí nghiên cứu lý luận, (6).

3. Phạm Khắc Chương-Hà Nhật Thăng (1998), *Đạo đức học,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyên (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Phạm Minh Hạc (2005), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa -hiện đại hóa,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7. Trần Hậu Kiểm (1997), *Giáo trình đạo đức học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Hồ Chí Minh (1993), *Về đạo đức,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9. Phạm Viết Vượng (2007), *Giáo dục học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển Tiếng Việt,* Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội-Đà Nẵng

11. Thomas L.Friedman (2005), *Chiếc xe Leus và cây Ô liu* (The Luus and The Oliu Tree), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

ABSTRACT

In the context of globalization today, promoting the role of traditional ethical values in building Vietnamese youth is a particularly important requirement. Traditional ethical values are the source of the nation, creating trust and spiritual strength, contributing to building a new personality, connecting ideals and dreams with action in youth today. The article presents a number of concepts, assesses the situation and proposes five basic solutions to promote the role of traditional ethical values and the building of Vietnamese youth character.

LOẠI HÌNH TÁC GIẢ NHÀ NHO HÀNH ĐẠO TRONG DU KÝ VĂN XUÔI CHỮ HÁN THẾ KỶ XVIII - XIX TỪ GÓC NHÌN GIÁ TRỊ VÀ SỰ THAY ĐỔI QUAN NIỆM VỀ GIÁ TRỊ

TS. Hà Thị Thanh Nga*

1. Từ loại hình tác giả nhà nho trong văn học Việt Nam trung đại

Suốt mười thế kỷ hình thành và phát triển, văn học trung đại Việt Nam đã xuất hiện nhiều loại hình tác giả như: tác giả hoàng đế, tác giả quan tướng, tác giả thiền sư, tác giả nhà nho, tác giả nhà chí sĩ… Trong đó, loại hình tác giả nhà nho là lực lượng đông đảo nhất, có số lượng tác phẩm lớn nhất, tạo nên những thành tựu đỉnh cao đồng thời những đặc trưng quan trọng nhất của văn học trung đại. Thậm chí, nhiều ý kiến cho rằng, văn học trung đại chính là văn chương nhà nho.

Nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu trong công trình *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* đã phân loại ba mẫu hình nhà nho: nhà nho hành đạo, nhà nho ẩn dật và nhà nho tài tử. Họ có cùng cái gốc là Nho giáo, được đào tạo trong môi trường Nho học. Nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật là những kiểu nhà nho xuất hiện trước, khoảng thế kỉ XV, nhà nho tài tử xuất hiện muộn hơn, vào khoảng cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII. Về điều này,

* NXB. Giáo dục Việt Nam

Trần Đình Hượu nhận định: "Người hành đạo và người ẩn dật là con sinh đôi, thay thế nhau xuất hiện trong những tình thế khác nhau của xã hội nông thôn – cung đình cố hữu. Còn người tài tử ra đời chậm, gắn với sự phát triển eo hẹp của đô thị"[1]... Trong một nhà nho, đôi khi không chỉ biểu hiện một mà tới hai loại hình nhà nho. Điển hình như Nguyễn Công Trứ. Ở ông có sự kết hợp vừa thống nhất vừa đa dạng giữa con người hành đạo và con người tài tử. Với Nguyễn Trãi, tuy ông có những khoảng thời gian ẩn dật tại Côn Sơn song ở ông vẫn là hình tượng điển hình của nhà nho hành đạo. Và Nguyễn Đình Chiểu, dù không ra làm quan, suốt đời gắn bó với cuộc sống nơi thôn dã cũng vẫn trọn vẹn là một nhà nho hành đạo.

Nhà nho hành đạo là kiểu nhà nho nhập thế muốn thi hành, thực hành những nguyên tắc, đạo lí Nho giáo. Họ luôn sẵn sàng dấn thân, nhập cuộc với lí tưởng "trí quân trạch dân" cùng khát vọng xây dựng một xã hội thái bình thịnh trị theo mô hình thời Nghiêu Thuấn. Trong sáng tác văn học của các nhà nho hành đạo, hình tượng con người bao giờ cũng mang đầy hoài bão, tráng chí, khát khao cống hiến, khát khao hành động thực tiễn, ưu thời mẫn thế, không tiếc sức mình mà xả thân thụ nghĩa. Bởi thế, màu sắc đạo lí đậm nét và tính quy phạm cao luôn là yêu cầu bắt buộc về mặt hình thức nghệ thuật trong các sáng tác của nhà nho hành đạo.

2. Đến sự thay đổi quan niệm giá trị của nhà nho hành đạo trong du ký văn xuôi chữ Hán thế kỉ XVIII – XIX

Giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX, xã hội Việt Nam với nhiều biến động phức tạp đã tác động vào tư tưởng, hành động của các thế hệ nhà nho. Xuất thế hay nhập thế lúc này không chỉ là ý muốn cá nhân mà còn là sự thích nghi với hiện thực. Bốn tác giả du ký văn xuôi chữ Hán thế kỉ XVIII – XIX Lê Hữu Trác, Phan Huy Chú, Lý Văn Phức, Phạm Phú Thứ đều là những người theo đòi Nho học, đèn sách theo giáo lí Khổng Tử. Cũng như tất cả các nhà nho thời trung đại khác, họ đều muốn lập thân, lập công danh bằng con đường thư kiếm. Với Lê Hữu Trác, dù sống ẩn cư, tránh xa danh lợi, phú quý song sự nghiệp y học lừng lẫy của ông lại là biểu hiện tích cực nhất cho tư tưởng hành đạo. Còn Lý Văn Phức, Phan Huy

Chú, Phạm Phú Thứ vẫn miệt mài dấn thân nhập thế, thực hiện lý tưởng hành đạo dù quan trường hoạn lộ, khi thăng, khi giáng.

2.1. Về việc chấp hành lệnh vua

Nhà nho hành đạo trước hết vâng lệnh triều đình, chấp hành phận sự. Những chuyến hành trình của các nhà nho trong du ký luôn được bắt đầu bằng việc vâng lệnh vua. Danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác dù không làm quan nhưng khi nhận được trát vẫn khăn gói lên kinh chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán. Chuyến đi khởi hành ngày 12 tháng Giêng năm Nhâm Dần (1782) từ Hương Sơn, Hà Tĩnh lên kinh thành Thăng Long. Cho đến ngày mồng 2 tháng 11 năm đó, Lê Hữu Trác về đến quê nhà, thời gian gần mười tháng tròn. Chuyến đi của phái đoàn Phạm Phú Thứ năm 1863 – 1864 sang Pháp và Tây Ban Nha "lấy danh nghĩa là đi thăm ngoại giao nhưng kỳ thực là làm nhiệm vụ xin chuộc lại ba tỉnh Nam Kỳ"[2]. Còn Phan Huy Chú và Lý Văn Phức đều đi hiệu lực nhằm "đới công chuộc tội". Phan Huy Chú bị giáng chức năm 1832 và sung vào đoàn công cán đi Tân Ba Gia, Giang Lưu Ba từ 1832 đến 1833. Về mục đích chuyến đi, "chính sử triều Nguyễn không cho biết nhiệm vụ của phái bộ này"[3] nhưng việc đoàn sứ ghé lại ở hầu hết các thương cảng vùng Đông Nam Á cũng có thể giúp người đọc phán đoán được nhà Nguyễn muốn thăm dò tình hình thông qua việc buôn bán hàng hóa. Năm 1829, Lý Văn Phức bị cách chức, hạ ngục, sau đó được ân chỉ và phái đi hiệu lực ở các nước vùng Tiểu Tây Dương, Tân Ba Gia. Trong lời giới thiệu sách *Hải trình chí lược* (Bài viết *Nhãn quan của phái viên đi Hạ Châu*), nhóm dịch giả Phan Huy Lê, Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp viết: "Phan Huy Chú cũng giống như Lý Văn Phức hé cho ta hiểu rằng ông có nhiệm vụ điều tra những cơ sở của người Tây phương trong vùng, cùng như những mưu toan và mục tiêu của họ, làm triều Nguyễn rất ngại"[4]. Rõ ràng, dù ở chức quan cao hay thấp, làm chỉ huy đoàn sứ hay đi hiệu lực thì việc các nhà nho chấp hành mệnh lệnh là một lẽ tất nhiên. Đây chính là một biểu hiện đặc trưng kiểu nhà nho hành đạo. Họ hết lòng phụng sự quân vương, không từ chối bất cứ nhiệm vụ nào.

Thực hiện tư tưởng hành đạo, các nhà nho dốc sức cống hiến theo bổn phận của mình. Lê Hữu Trác trở về với núi rừng nhưng

không vì thế mà "mũ ni che tai", bàng quan trước cuộc đời. Ông say mê, tận tâm với nghề thuốc, đem hết tài năng và tâm huyết của mình để chữa bệnh cứu người, truyền nghề cho học trò. Ông luôn trăn trở về y đức: "làm thuốc phải lấy việc chăm lo tới tính mệnh người khác làm trọng. Khó nhọc vì bổn phận là chuyện không từ chối được"[5]. Chữa bệnh cho chúa Trịnh Sâm, ông tức giận với những kẻ tiểu nhân vì tư lợi mà quên y đức: "Làm nghề thầy thuốc phải lấy việc cứu sống người làm chính. Tấm lòng trung nghĩa của đạo thần tử làm nghề thuốc ở đâu?"[6]. Lên kinh, Hải Thượng Lãn Ông muốn in bộ sách thuốc với tâm nguyện: "mình lao tâm khổ tứ về đạo làm thuốc đã hơn ba chục năm trời nay, mới viết được bộ sách "Tâm Lĩnh", không dám truyền riêng cho ai mà muốn được công bố với đời"[7]. Ý tưởng cao đẹp của người thầy thuốc ấy là không truyền riêng bí quyết cho ai mà muốn được phổ biến rộng rãi cho nhiều người biết để giúp người, giúp đời. Suốt cuộc hành trình, ông luôn bốc thuốc, chữa bệnh, cứu giúp nhiều người. Ông đã thể hiện quan điểm: "đối với người làm thuốc thì căn cứ vào bệnh nặng hay nhẹ mà định trước hay sau"[8]. Đó chính là y đức trong sáng, thanh cao, mọi sự đều đặt mục đích chữa bệnh cứu người làm trọng.

Về trường hợp chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán, vốn là căn nguyên chuyến xuất hành lên kinh của Lê Hữu Trác. Ông nhận định về tình trạng bệnh khó có thể chữa lành. Ông phân vân "nếu ta chữa chạy cho có công hiệu nhanh, thì thân sẽ vướng vào vòng cương tỏa, không có được ngày trở về núi cũ. Chi bằng ta dùng phương thuốc hòa hoãn, dù không trúng bệnh thì cũng chẳng sai lệch bao nhiêu". Đó là khi nghĩ cho mình. Nhưng trách nhiệm của một thầy thuốc và tấm lòng của một nhà nho chân chính đã vượt lên trên thiên kiến cá nhân: "tôi lại nghĩ rằng: "cha ông mình đời đời ăn lộc nước, mình phải dốc sức hết lòng để nối tiếp cái chí trung thành của cha ông""[9]. Chỉ tiếc rằng, phương thuốc mà Hải Thượng Lãn Ông dâng lên không được sử dụng để chữa bệnh cho ấu chúa. Nhưng qua sự việc này, hậu thế thêm phần khâm phục bản lĩnh của cụ Hải Thượng Lãn Ông. Dù không nhận được sự đồng tình của quan Chánh đường cũng như những thầy thuốc trong phủ chúa nhưng Lãn Ông vẫn vững vàng giữ quan điểm về

phương cách chữa bệnh của mình. Người thầy thuốc lỗi lạc đứng trước quyền uy không hề run sợ, vẫn chọn một con đường đi riêng, hết lòng vì bệnh nhân, dù đó là thế tử nhà chúa quyền uy hay một thường dân nghèo khó.

Nhiệm vụ của Phan Huy Chú, Lý Văn Phức, Phạm Phú Thứ khi vượt ngàn dặm biển khơi đến thuộc địa phương Tây tại Châu Á và các nước Châu Âu là để tìm hiểu về một thế giới mới bên ngoài Việt Nam và Trung Hoa.

Có lẽ, hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng cho các nhà nho phương Đông là con người và cuộc sống trời Tây. Lý Văn Phức và Phan Huy Chú miêu tả vẻ ngoài của họ với thái độ cảm tình. Lý Văn Phức miêu tả trong *Tây hành kiến văn kỷ lược*: "Người nước (Hồng Mao) ấy phần nhiều cao lớn, mũi to, tóc đỏ, mắt sâu và đục, nhưng da dẻ trắng lắm. Đàn ông đa số khỏe mạnh, đàn bà thì mềm mại, nhỏ nhắn như thường. Duy đàn ông thầy đạo thì cạo râu, ngoài ra thì cắt tóc và không để râu. Con gái thì búi tóc, cài trâm hoặc lược, nhưng trước trán thả xuống từng búp xoăn xoăn như ốc xoắn xâu chuỗi lại, coi đó là cách trang điểm đẹp; lại có nhiều cô thắt lưng như phong tục nước Ngô, Việt"[10]. Phan Huy Chú viết trong *Hải trình chí lược*: "Về y phục, họ coi trọng màu trắng, mặc áo ngắn, quần dài, đều bó sát người. Mũ và giày đều màu đen, trông cũng chỉnh tề, đẹp đẽ. Đại để, y phục của người phương Tây đều giống của người Hồng Mao và Hòa Lang"[11]. Công phục vị đại học sĩ (tức Thượng thư Bộ Ngoại giao Pháp) được Phạm Phú Thứ miêu tả: "Đầu đội mũ tròn, chóp bằng, nhưng khi gặp khách thì không đội, áo quần đều màu đen, áo thì phía trước ngắn, phía sau từ thắt lưng trở xuống xẻ làm hai vạt như cái giáp; ở cổ, ngày thường thắt một giải lụa đen, nhưng lúc đó đổi dùng màu trắng; hỏi, họ nói rằng đó vốn là lễ phục nước họ dùng trong yến tiệc"[12]. Lối quan sát ở Lý Văn Phức cũng có sự tương đồng với Phạm Phú Thứ: "Nhìn chung đồ mặc dùng ở công sở, hoặc áo khoác, ngoài vẫn thân trước của áo thì ngắn mà thân sau thì dài, nhận ra rõ rệt"[13]. Kiểu lễ phục này hoàn toàn khác quan phục phương Đông, cho đến ngày nay vẫn là kiểu lễ phục được dùng trong các nghi thức sang trọng.

Phạm Phú Thứ trong *Tây hành nhật ký* không miêu tả về ngoại hình, dáng vóc người châu Âu, chỉ có một câu nhận xét về người

châu Mỹ "người xứ này ăn mặc như người phương Tây, chỉ có nước da không trắng lắm" hoặc một vài ghi chép về người bản địa Xà Bà, người Ai Cập. Ông lại chú ý quan sát kỹ trang phục hoàng gia Pháp, Tây Ban Nha. Vua Napoleon được miêu tả với phục sức sang trọng, trang sức, kiếm đều bằng vàng. Nữ hoàng Tây Ban Nha rất quyền uy nhưng cũng rất quyến rũ với váy vóc lụa là. Có thể nói, đến thời điểm đoàn sứ bộ Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ sang châu Âu (1863-1864) thì hình ảnh người Tây đã không còn quá xa lạ nữa. Do đó, điều khiến Phạm Phú Thứ chú ý là ở những khía cạnh họ chưa quen, chưa từng nhìn thấy. Đây cũng là một đặc trưng của tác phẩm du ký: cung cấp cho người đọc những tri thức mới lạ về con người và cuộc sống những vùng đất mới, nơi ít người được đặt chân đến.

Miêu tả hình thức bên ngoài là thế nhưng đối với tính cách người phương Tây, các nhà nho lại không hề có cảm tình và phản ứng rất mạnh. Lý Văn Phức dành mục 3 để miêu tả "tính khí và tập quán" người Hồng Mao với những nhận định mang tính phê phán gay gắt. Ông thấy học là những kẻ giảo quyệt, dối trá, tham lam, ngạo mạn, vỗ lễ, kiêu ngạo, lạnh lùng, lại rất phong lưu và phù phiếm. Đằng sau mỗi nhận định, ông đều kể một câu chuyện mà mình tận mắt chứng kiến để làm "ví dụ minh họa". Đặc biệt, Lý Văn Phức và Phạm Phú Thứ có cùng thái độ phê phán việc người phương Tây làm giàu nhờ buôn bán thuốc phiện. Lý Văn Phức coi đó là sự giảo quyệt: "chúng lại có một vật gọi là ả phù dung (người Hoa gọi là "nha phiến", lại gọi là "Dương yên" – thuốc hút Tây Dương). Hút nó làm cho hao tổn khí huyết và khánh kiệt gia sản. Nước họ đa số làm nghề nấu thuốc đó để bán cho người ta. Vậy mà cả nước, từ trên xuống dưới, không một ai chịu hút"[14]. Phạm Phú Thứ lại có vẻ ôn tồn hơn nhưng vẫn rất thẳng thắn: "Còn như thuốc phiện, thì Anh Cát Lợi làm ra mà phương Đông dùng, chứ phương Tây không có người nào hút"[15]. Đây rõ ràng không chỉ là phương tiện, cách thức làm giàu mà sau đó còn trở thành một trong những chính sách tàn độc mà thực dân, đế quốc đã áp dụng rộng rãi đối với các nước thuộc địa.

2.2. Về quan điểm, thái độ đối với người phụ nữ

Đứng ở lập trường một nhà nho, Lý Văn Phức, Phan Huy Chú, Phạm Phú Thứ cùng phát hiện ra nhiều điểm khác biệt trong đời sống xã hội phương Tây so với phương Đông. Nếu như người phụ nữ phương Đông luôn bị xã hội coi thường, xếp cùng hàng với bọn tiểu nhân, là "nữ nhi nan hóa" thì các nhà nho đã nhận thấy rằng phương Tây luôn coi trọng và đề cao phụ nữ. Trong các cuộc chào hỏi tiếp xúc với các quan chức người Pháp, Phạm Phú Thứ nhiều lần miêu tả thái độ trân trọng phụ nữ của họ. Trong khi phụ nữ phương Đông còn không được đi học thì Tây Ban Nha lại có quốc trưởng là nữ giới. Hay như trường hợp bà Nguyễn Thị Sen, người phụ nữ Việt theo chồng sang Pháp, cũng được đối đãi như bao người phụ nữ khác: "Viên quan ấy hướng về phía mẹ con thị, đưa tay thi lễ nhường ngồi ở trường kỷ và nói chuyện hỏi han"[16]. Với các nhà nho, sự lạ này khiến họ thắc mắc và được mở mang tầm mắt: "chúng tôi hỏi mới biết rằng, phương Tây trọng phụ nữ, nên phàm có tiệc tùng thì phụ nữ trong bữa tiệc được tiếp mời trân trọng, và trong lúc ứng xử, họ cũng như nam giới, không e tránh gì cả; dù chưa từng quen nhau cũng đều như vậy"[17]. Phạm Phú Thứ cũng cho người đọc thấy vị trí bình đẳng giữa nam giới và nữ giới ở phương Tây qua chi tiết nhà vua Pháp phải đợi hoàng hậu về mới tiến hành tiếp đoàn sứ để cuộc tiếp đón được long trọng.

Đồng quan điểm với Phạm Phú Thứ, Phan Huy Chú đề cao thái độ coi trọng phụ nữ ở phương Tây khi họ coi trọng trang sức nữ giới, lúc lên xe thì chồng đỡ vợ lên trước, phụ nữ không cần lánh mặt khi tiếp khách: "Đó là tục của họ quý phụ nữ, coi trọng trang sức của nữ giới. Mỗi khi đi ra ngoài, lúc lên xe thì chồng phải đỡ vợ lên trước. Khi đến chơi nhà, cười nói thân mật, không có thói phụ nữ phải lánh mặt trong buồng riêng"[18]. Tuy cũng để ý đến lễ nghi trong tiếp đón khách của người phương Tây nhưng Lý Văn Phức lại có vẻ không đồng tình với sự bình đẳng nam nữ. Ông coi việc chỉ bắt tay mà không làm lễ vái chào là không trọng khách. Nhất là việc đàn bà con gái mà cũng được thoải mái bắt tay đàn ông, cùng ngồi ngang hàng để tiếp khách. Ông tỏ ý không đồng tình với chế độ một vợ một chồng, đàn ông không được lấy thêm "thiếp dắng". So sánh với phương Đông, phụ nữ phải lánh vào buồng khuê, chỉ nâng khăn sửa túi cho chồng, đối đãi với

chồng phải "tương kính như tân", "cử án tề mi" thì sự cởi mở của phụ nữ phương Tây đã không vừa mắt Lý Văn Phức.

Tư tưởng nhà nho hành đạo Lý Văn Phức có phần đối lập với nhà nho tài tử Cao Bá Quát. Trong chuyến dương trình hiệu lực sang Tân Ba Gia năm 1844, Cao Bá Quát đã miêu tả hình ảnh người thiếu phụ Tây Dương trong bài thơ *Dương phụ hành*. Người phụ nữ Tây Dương được tự do thể hiện mình, được nũng nịu, được chồng nâng niu. Với tư tưởng phóng khoáng, tiến bộ Cao Bá Quát đã nhận thấy sự khác biệt trong cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội phương Đông và phương Tây và thương cảm cho những người phụ nữ ở quê nhà.

Như vậy, với cùng một sự việc, các nhà nho lại có quan điểm nhìn nhận đánh giá khác nhau. Họ vẫn chưa thoát khỏi những phạm trù đạo đức Nho giáo đã ăn sâu bám rễ trong ý thức nhưng đã có cái nhìn mới mẻ về một xã hội bên ngoài nước Nam. Hơn nữa, văn minh phương Tây mở ra trước mắt với muôn ngàn khác biệt dường như đã khiến nhà nho phương Đông choáng ngợp. Tuy ý thức hệ cố hữu ngàn năm không thể thay đổi trong ngày một ngày hai song những phát hiện mới mẻ này của các nhà nho thế kỉ XVIII đã mở ra cái nhìn, cách nghĩ khác cho phương Đông về vai trò, vị trí của người phụ nữ trong xã hội.

2.3. Về sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật phương Tây

Với cái nhìn cấp tiến, các nhà nho phương Đông đặc biệt ghi nhận thành tựu của nền văn minh phương Tây trong lĩnh vực khoa học, kĩ thuật, công nghệ. Phan Huy Chú nhiều lần đánh giá trình độ tinh xảo của kĩ thuật: "Chế độ xe cộ của người phương Tây rất tinh xảo, so với xe của Trung Quốc thì hơn hẳn"[19]; "đồ dùng của Hòa Lang đại khái đều tinh xảo, ví như đồng hồ và tàu chạy bằng hơi nước đều gần như cái khéo của tạo hóa. Máy móc bên trong tinh vi, bí mật khó hình dung được. Chỉ căn cứ vào những cái dễ thấy, có thể kể ra sơ lược như máy xe cưa gỗ cũng là thần diệu"[20]. Về điểm này, dường như giữa Phan Huy Chú và Lý Văn Phức có sự trùng hợp ý kiến tuyệt đối. Đều chọn đối tượng quan sát là xe cộ và tàu thuyền, hai nhà nho đều đồng nhận ra trình độ tinh xảo trong chế tạo và vận hành. Về xe cộ, Lý Văn Phức viết: "Xe đi, hoặc hình vuông, hình tròn; hoặc như hình cái quạt, cái thuyền.

Màu của xe, cái thì màu thạch bích, cái màu sáng, hoặc trang sức bằng pha lê, làm cực kì tinh xảo, công phu"[21]. Về tàu thuyền ông cũng nhận định: "Kĩ thuật tàu thuyền của nước họ cực kì công phu tinh xảo, nhất là thuyền máy"[22]. Những đánh giá về kĩ thuật, công nghệ phương Tây của Phan Huy Chú và Lý Văn Phức thể hiện quan điểm thừa nhận, trầm trồ thán phục sự phát triển vượt bậc của phương Tây so với phương Đông, cụ thể là Trung Hoa.

Đến chuyến đi của Phạm Phú Thứ, thái độ quan sát có vẻ bình tĩnh hơn. Trong sự miêu tả, ông không còn ngỡ ngàng, choáng ngợp nữa nhưng sự thán phục dường như là tất yếu. Đoàn sự bộ có nhiều thời gian, lại đến hẳn nước chính quốc chứ không phải thuộc địa nên Phạm Phú Thứ có nhiều cơ hội quan sát, tìm hiểu. Ông đã không chỉ nhìn thấy xe ngựa, tàu thuyền như hai tác giả trên mà còn miêu tả cụ thể tàu viễn dương, xe lửa, đèn điện, máy đúc sắt, làm thủy tinh, chế tạo đồng hồ,... Điều đáng nói ở đây là Phạm Phú Thứ đã vượt qua rào cản ngôn ngữ để hỏi thăm được rất nhiều điều, quan sát kĩ và dùng văn chương nhà nho để miêu tả cụ thể về những đối tượng vốn chưa từng xuất hiện trong ý thức phương Đông.

Phạm Phú Thứ vừa như một nhà quay phim vừa là một nhân vật trải nghiệm. Đây chính là đặc điểm quan trọng của thể tài du ký. Những gì tác giả đưa đến cho người đọc là những gì họ chứng kiến, trải qua. Trong khi phương Đông lạc hậu, im lìm với những trói buộc của nề nếp xưa cũ thì bên kia bờ đại dương, phương Tây đã vươn mình vận động, phát minh ra hàng loạt sản phẩm phục vụ con người. Về xe lửa, Phạm Phú Thứ đã viết: "Xe do xưởng xe lửa làm ra. Cách làm như thế này: phía trước có nồi hơi bằng sắt chứa đủ than, nước và có máy móc; người lái xe ngồi sau máy; máy kéo từ mười đến sáu bảy chục cỗ xe, mỗi cỗ xe có bốn bánh". Ông cũng đi xem mà miêu tả lại hình dáng, cấu trúc một khinh khí cầu với những thông số cụ thể: "trái cầu có hai lớp vỏ cách nhau chừng một thước, đường kính ở giữa hơn bảy mươi thước, chu vi hơn hai trăm thước, bọc bằng lụa trát keo. Bên ngoài bọc bằng lưới gai; bên trong chứa hơi; hơi đầy rồi mới bọc lụa lại. Phía dưới treo một cái thúng bằng mây, trong thúng chứa mười hai người"[23].

Như vậy, chỉ qua việc quan sát phương tiện đi lại của người phương Tây cũng đủ để các nhà nho thấy được sự khác biệt giữa hai vùng đất. Trong khi người Việt vẫn chủ yếu đi bộ, đi ngựa, đi thuyền tay chèo thì phương Tây đã có thuyền máy, tàu viễn dương, xe lửa, thậm chí đã bay lên không trung bằng khinh khí cầu. Bởi thế, với Lý Văn Phức, một nhà nho không có chút cảm tình với người phương Tây cũng phải thừa nhận "người nước ấy đa số cơ trí, công nghệ tinh xảo"[24].

Có một điều đáng lưu tâm trong chủ trương của phương Tây mà cả ba nhà nho đều nhận ra là: họ tuy phô trương trình độ cao song lại hết sức giữ bí mật công nghệ. Phan Huy Chú khi muốn tìm hiểu bộ máy cưa gỗ thì chỉ có thể dựa vào sự quan sát của mình bên ngoài, còn thì "máy móc bên trong tinh vi, khó hình dung được"[25]. Lý Văn Phức cũng không thể biết được hơn những gì nhìn thấy "còn những dây dợ dọc ngang trong máy cùng những kĩ xảo tinh vi của nó thì không có tai mắt nào có thể biết được"[26]. Như Phạm Phú Thứ, cho dù được đi tham quan nhiều nơi nhưng chỉ là tham quan với đúng nghĩa của từ đó. Khi ông muốn hỏi về cách chế tạo thuốc nổ thì bị cả quan chức lẫn công nhân đều từ chối bởi lí do đó là việc nguy hiểm, nên giữ cẩn mật.

Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, so với phương Tây, thậm chí là dấu ấn phương Tây ở các nước thuộc địa, thì nước ta lúc bấy giờ đã đi sau hàng thế kỉ. Hệ quả của chính sách bế quan tỏa cảng, của những phép vua, lệ làng đằng sau lũy tre là nghèo đói, lạc hậu, trì trệ. Tư tưởng cấp tiến, tấm lòng trung quân ái quốc, ý chí xây dựng dân tộc lớn mạnh lại thêm được cơ hội gặp gỡ tiếp xúc với nền văn minh mới phát triển. Chính vì thế, những nhà nho như Phan Huy Chú, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ sau những chuyến đi sứ đã có hành động hành đạo thiết thực là dâng lên triều đình những bản tấu sớ với mong muốn canh tân đất nước. Chỉ tiếc rằng, tư tưởng đi trước thời đại lại không được áp dụng để đưa đến một cuộc canh tân cho đất nước ở giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX.

3. Kết luận

Dưới sự tác động của thời cuộc, nhà nho có thể thay đổi cách sống nhưng tư tưởng cốt lõi của một nhà nho muốn đem tài

năng, tâm huyết của mình ra cống hiến cho dân cho nước vẫn vẹn nguyên. Lê Hữu Trác đã chọn con đường ẩn dật và hành đạo theo cách riêng của mình. Lý Văn Phức, Phan Huy Chú, Phạm Phú Thứ dù trong cuộc đời đôi lúc muốn dừng chân song về cơ bản vẫn luôn luôn đặt mình trong cuộc hành trình dấn thân hành đạo. Các tác phẩm du ký *Thượng kinh ký sự, Hải trình chí lược, Tây hành kiến văn kỷ lược, Tây hành nhật ký* đã phản ánh đúng tinh thần của những người viết. Chúng không chỉ đem đến cho người đọc chuyến du hành vượt thời gian mà còn là bức chân dung tự họa cao đẹp của các nhà nho giai đoạn thế kỉ XVIII – XIX. Hành trình du ký cũng có thể coi là hành trình của sự thay đổi trong tư tưởng của các nhà nho hành đạo trong văn học trung đại Việt Nam thế kỉ XVIII – XIX.

H.T.T.N

* *Chú thích*

(1). Trần Đình Hượu. *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1991, tr.53.

(2),(12),(15),(16),(17),(22),(23). Phạm Phú Thứ. *Nhật ký đi Tây* (Quang Uyển dịch), Nxb Đà Nẵng, tr.28, tr.196, tr.187, tr.177, tr.177, tr.223, tr.168.

(3),(4),(11),(18),(19),(20),(25). Phan Huy Chú. Hải *trình chí lược – Récit sommaire d'un voyage en mer* (1833) (Phan Huy Lê, Claudine Salmon, Tạ Trọng Hiệp dịch và giới thiệu), Association de l'Archipel, Paris, 1994, tr.10, tr.129, tr.150, tr.167, tr.163, tr.163.

(5),(6),(7),(8),(9). Lê Hữu Trác, Vũ Trinh. *Thượng kinh kí sự* (Bùi Hạnh Cẩn dịch và chú thích, Trần Nghĩa giới thiệu) và *Lan trì kiến văn lục* (Hoàng Văn Lâu dịch, chú thích và giới thiệu), Nxb Văn học, Hà Nội, 2008, tr.9, tr.9, tr.12, tr.24, tr.44.

(10),(13),(14),(21),(24). Nguyễn Đăng Na. Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập 2 (Ký), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.137, tr.375, tr.372, tr.390, tr.374.

(26). Nguyễn Thị Ngân. Nghiên cứu về Lý Văn Phức và tác phẩm Tây hành kiến văn kỉ lược, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện nghiên cứu Hán Nôm, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr.224.

GIẢI PHÁP GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA VIỆT NAM CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP

TS. Đỗ Thị Thanh Hương*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những thay đổi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội nước ta trong những năm qua, nhất là quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường mở cửa hội nhập quốc tế, đã tạo nên những biến động mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ. Những mặt trái của nền kinh tế thị trường đã có ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận sinh viên, làm thay đổi các quan điểm của họ về giá trị truyền thống của dân tộc, ảnh hưởng không tốt đến lối sống, nếp sống của thanh niên sinh viên. Điều đáng lo ngại là sự sa sút về phẩm chất, đạo đức ở một bộ phận sinh viên, thể hiện ở xu thế chạy theo những giá trị vật chất đơn thuần, có tư tưởng sùng ngoại, văn hóa ngoại lai, từ đó coi thường những thuần phong mỹ tục, hoặc lãng quên các giá trị truyền thống của dân tộc.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới, tiếp tục phát triển nhận thức mang tính đột phá về nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hoá, con người, trong đó có nội dung hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đại hội

* Học viện Giáo dục

Đảng khẳng định: "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học"(5).

II. NỘI DUNG

1. Vai trò của giáo dục giá trị truyền thống đối với sinh viên

Việt Nam đang trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Giáo dục giá trị truyền thống dân tộc giúp sinh viên nhận thấy rõ giá trị và ý nghĩa cuộc sống mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc, những giá trị đó nhân đạo hóa con người và hoàn cảnh sống của con người hiện tại. Trên cơ sở đó, con người lựa chọn giá trị và hình thành niềm tin, lý tưởng đạo đức, định hướng cho mọi suy nghĩ và hành động của mình, củng cố và phát triển những giá trị nhân cách tốt đẹp. Cùng với việc nâng cao nhận thức hệ giá trị truyền thống dân tộc, cần phải khắc phục những quan điểm lạc hậu, lệch chuẩn. Hình thành quan niệm sống tích cực và tạo cơ chế phòng ngừa các phản giá trị, văn hóa, lối sống, thức tỉnh trong con người Việt Nam những cảm xúc, tình cảm đạo đức trong sáng, tốt đẹp. Việc giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc cũng góp phần hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến trong nhân cách con người Việt Nam nói chung và sinh viên nói riêng.

Những quy tắc, chuẩn mực đạo đức trở thành tiêu chí định hướng nhân cách và chỉ đạo hoạt động của con người, qua đó xây dựng nếp sống lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục và chống lại chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, tuyệt đối hóa đồng tiền, giúp con người nhận thức được giá trị Chân - Thiện - Mỹ, có quan niệm đúng đắn về cái đẹp, có khát vọng và nhu cầu hướng tới cái đẹp để sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp.

2. Yêu cầu mới đối với giáo dục giá trị văn hóa truyền thống

Theo cách đánh giá của chuyên ngành xã hội học, sinh viên là một nhóm nhạy cảm nhất trong xã hội, có tính phức tạp cao, hàm chứa trong đó nhiều sự đa dạng về độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, địa bàn cư trú, sắc thái văn hóa nhiều vùng miền... Bên cạnh đó, học cũng là đối tượng rất mạnh mẽ, năng động và nhiều hoài bão, thích ứng nhanh với quá trình hội nhập của đất nước. Họ đang ở lứa tuổi sung sức, ham hiểu biết, khám phá, tự thể nghiệm mình. Sinh viên có đặc điểm tâm - sinh lý riêng biệt như đang ở giai đoạn định hình cái tôi trong nhân cách; là những người nhanh nhạy, yêu thích và sẵn sàng chấp nhận cái mới, ít chịu ảnh hưởng của những tiêu cực và thành kiến của quá khứ. Do đó giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên có những yêu cầu đặc thù:

Thứ nhất, giáo dục hệ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là cơ sở, nền tảng nhưng cần có sự linh hoạt . Cần phải dựa trên quan điểm lịch sử cụ thể, bởi không phải tất cả những gì thuộc về truyền thống văn hóa dân tộc cũng đều phù hợp với yêu cầu của xã hội công nghiệp. Bởi lẽ, những giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam vốn được hình thành trong bối cảnh nền nông nghiệp lúa nước, khép kín nên có những điểm không phù hợp với xã hội công nghiệp và toàn cầu hóa hiện nay. Nhưng chúng ta cần phải khẳng định trong giáo dục cho sinh viên là nhiều giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc ta là nền tảng, bệ đỡ để tiếp thu những giá trị hiện đại, bởi nếu không làm được điều này thì xã hội Việt Nam có thể dễ trở nên mất định hướng, cực đoan, thậm chí là đánh mất mình, trở thành bóng mờ của dân tộc khác. Hơn nữa, việc tiếp thu các giá trị hiện đại dù là tốt với một dân tộc nào đó cũng cần phải có sự chọn lọc trên cơ sở phù hợp với "sức khỏe văn hóa dân tộc", đặc biệt là với hệ giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của mỗi dân tộc. Vì vậy, hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới cần lấy hệ giá trị văn hóa truyền thống làm nền tảng để tạo ra "sức đề kháng" chống lại những "độc tố" của bối cảnh mới.

Do yêu cầu mới của cuộc sống, có những giá trị truyền thống tuy đã từng phát huy tác dụng trong cuộc sống trước kia, nhưng nay không còn phù hợp với bối cảnh của thời đại nên đang dần bị đào thải, mất đi. Có những giá trị còn phù hợp song để đưa xã hội phát triển, nó vẫn cần phải có những biến đổi. Ví dụ như yêu

nước là giá trị hàng đầu trong bảng giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam thì vẫn phải là giá trị cốt lõi trong hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới. Nhưng có sự khác biệt, nếu như yêu nước trong những năm tháng chiến tranh là sẵn sàng hy sinh để bảo vệ độc lập dân tộc và sự bình yên cho Tổ quốc, thì trong thời bình hiện nay, yêu nước còn phải đồng nghĩa với việc không ngừng học tập, cống hiến, làm giàu cho văn hóa, cho kinh tế quốc gia. Yêu nước cũng phải bắt đầu từ việc biết trân trọng, bảo vệ và xây dựng gia đình - một tế bào của xã hội sao cho ngày một lành mạnh và tốt đẹp hơn. Yêu nước hiện nay là cố gắng phấn đấu học tập, tu dưỡng, rèn luyện, lao động để làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội..

Thứ hai, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống nhưng vẫn tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bổ sung các giá trị mới cho phù hợp với thời đại.

Trong lịch sử đất nước, Việt Nam chưa bao giờ có cơ hội tiếp thu những giá trị từ nhiều nền văn hóa như bây giờ, nhưng cũng chưa bao giờ tiềm ẩn nhiều nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc như hiện nay. Do vậy, khi xử lý mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại phải kết hợp được tính nguyên tắc với tính linh hoạt, nghĩa là việc bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc phải trên cơ sở chủ động nắm bắt, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ, tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới.

Nhận thức được sự cần thiết phải kết hợp giữa những giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại trong việc xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới, Đảng ta khẳng định, cần phải "xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân, có tri thức, sức khỏe, lao động giỏi, sống có văn hóa, nghĩa tình, có tinh thần quốc tế chân chính"(1). Chính nhờ sự chủ động giao lưu văn hóa giữa các quốc gia với nhau, phát huy những lợi thế so sánh của mình đã làm cho nhiều giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc ta được khẳng định, đồng thời qua đó chúng ta học hỏi, tiếp thu, bổ sung thêm nhiều giá trị mới, làm cho bản sắc văn hóa dân tộc thêm phong phú, đa dạng hơn.

3. Một số biểu hiện hạn chế trong giáo dục giá trị truyền thống của sinh viên

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, hệ giá trị văn hóa truyền thống dân tộc có nhiều biến đổi cả trong nhận thức và cả trong thực tế do sự tác động từ nhiều phía, do đó có phần phức tạp, không ít sinh viên đã không đủ kiến thức và bản lĩnh để lựa chọn có sàng lọc mà tiếp nhận gần như nguyên xi. Thậm chí, biến giá trị văn hóa lai căng thành những hình mẫu lý tưởng, làm thước đo thẩm mỹ trong các hoạt động thẩm mỹ của cá nhân. Bản sắc văn hóa dân tộc bị bộ phận sinh viên này xem nhẹ, coi là "cũ kỹ, lạc hậu, quê mùa, không hòa nhập với cuộc sống văn minh". Thực tế đã chứng minh, khi bản sắc dân tộc bị khước từ thì văn hóa ngoại lai sẽ chiếm ưu thế. Nhà nghiên cứu Vũ Minh Tâm đã viết: "Chủ nghĩa cá nhân vị kỉ đã chi phối một cách không chút nhượng bộ các chuẩn mực thẩm mỹ hiện đại và vứt bỏ một cách không thương tiếc các sắc thái độc đáo, phong phú của văn hóa thẩm mỹ dân tộc" (3). Những hình tượng nghệ thuật cao đẹp, anh hùng với tình cảm đạo đức thẩm mỹ nhân văn được thể hiện sống động trong các tác phẩm nghệ thuật trong cả quá khứ và hiện tại đều bị bộ phận sinh viên này lãng quên.

Một bộ phận sinh viên hiện nay chạy theo thời đại mà quên mất những giá trị xưa cũ. Biểu hiện là họ coi thường hoặc nhận thức sai lệch những gì mà thế hệ cha ông đã làm trong quá khứ. Họ thường cho rằng vấn đề đó xưa lắm rồi, bây giờ ai nghĩ thế, ai làm thế. Đánh giá này là chưa chuẩn xác vì: chỉ có văn minh là xưa cũ, còn văn hóa không bao giờ mất đi sức sống. Văn hóa luôn bắt rễ từ hiện tại và thúc đẩy hiện tại. Nếu chúng ta không coi trọng những giá trị văn hóa gia đình và dân tộc, chúng ta sẽ mất gốc và thiếu đi sức sống bên trong, vì vậy sự phát triển của chúng ta sẽ không thể bền vững. Hiện nay có không ít những hiện tượng giao tiếp, ứng xử vô cảm, thờ ơ với những khó khăn của bạn bè, thầy cô được xem là hợp thời .

4. Nội dung giáo dục và một vài giải pháp cơ bản nâng cao giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên các trường đại học

4.1. Nội dung giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên các trường đại học

a. Giáo dục sinh viên sự tôn trọng và giữ gìn các di sản văn hóa của dân tộc

Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) đã định nghĩa di sản văn hóa và từ đó định ra nhiệm vụ bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, khẳng định rằng: " Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa... coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể".

Hiện nay, các di tích như quần thể cố đô Huế, thành nhà Hồ, Hoàng thành Thăng Long, thánh địa Mỹ Sơn, ... đã được tổ chức UNESCO công nhận là những di sản thế giới. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc bảo tồn, tôn tạo và nâng cao giá trị văn hóa nghệ thuật của những di sản trên chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức. Vai trò về mặt giáo dục hệ tư tưởng văn hóa các giai đoạn lịch sử mà những di sản đang lưu trữ vẫn còn lu mờ, chưa quảng bá cũng như truyền tải đến đại bộ phận công chúng, nhằm tôn vinh và lưu truyền giá trị vô giá của những di sản, di tích văn hóa, lịch sử, chúng ta cần những chiến lược cụ thể. Một trong những giải pháp mang tính lâu dài và bền vững là thông qua giáo dục. Giáo dục chính là kênh truyền thống có tính hiệu quả cao nhất, đặc biệt là giáo dục Đại học. Thông qua những hoạt động ngoại khóa, những chương trình lồng ghép trong các môn học, dần dần đưa những giá trị cốt lõi, hồn dân tộc đến từng sinh viên- từng người chủ quốc gia.

b. Giáo dục lòng thành kính, biết ơn

Một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là thành kính, tôn thờ tổ tiên thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành dưỡng dục mình. Thực chất những nét văn hóa, truyền thống đó, mang trong bản thân nó, ý nghĩa nhân văn hết sức sâu sắc, xuất phát từ thiện tâm của mỗi con người và có sức nêu gương trong mỗi gia đình, trong một cộng đồng xã hội, thể hiện ra bên ngoài bằng việc thờ cúng tổ tiên..

c. Giáo dục lòng yêu lòng yêu đất nước, lòng yêu thiên nhiên

Lòng yêu đồng bào, đất nước là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam. Đức tính này đã chảy xuyên suốt trong dòng máu của từng người Việt. Lòng nhân đạo, bao gồm trong nó tình yêu thương của người lớn đối với trẻ em, của người trẻ đối với người già, của người khỏe mạnh, lành lặn đối với người ốm đau, tàn tật, của người có hạnh phúc với người bất hạnh, đặc biệt là thái độ đối xử với kẻ thù, không kiêu căng, không công thần, không kiêu binh v.v...

Lòng yêu nước cũng là một nét văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, thể hiện sâu sắc ở: "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh" chính là câu tục ngữ đã tồn tại từ lâu đời, thể hiện lòng yêu nước trước kẻ thù xâm lược. Lòng yêu nước là một tình cảm sâu sắc của con người đối với đất nước.

Ngoài ra lòng yêu thiên nhiên, thái độ đối với thiên nhiên cũng là biểu hiện của đạo đức, là cơ sở tạo điều kiện cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, là nét văn hóa đã từng tồn tại từ ngàn xưa cần được duy trì và bảo vệ. Bên cạnh giáo dục tri thức và đạo làm người đối với thanh niên "vì lợi ích trăm năm trồng người", nhiệm vụ với thiên nhiên cũng không kém phần quan trọng "vì lợi ích mười năm trồng cây".

d. Giáo dục truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc Việt Nam được lưu truyền từ ngàn đời. Tất cả những đức tính trên vô cùng cao quý và luôn được người Việt Nam giáo dục dạy dỗ cho con cháu từ tuổi nhỏ đến khi trưởng thành. Từng người Việt đã và phải "ngấm" thật sâu, thật bền dòng chảy truyền thống văn hóa dân tộc này.

4.2. Một vài giải pháp cơ bản nâng cao giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên

Hiện nay, có một thực tế không thể phủ nhận là: trong bối cảnh chuyển đổi hệ giá trị, chúng ta chưa xây dựng được hệ giá trị chuẩn để định hướng hành động cho người dân, đặc biệt là học sinh sinh viên. Vì vậy, việc hiện thực hóa hệ giá trị văn hóa Việt Nam trong đời sống của mọi tầng lớp nhân dân là yêu cầu cấp

bách và quan trọng hơn bao giờ hết. Để làm được điều đó, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, sớm xây dựng hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong bối cảnh mới.

Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc, công phu và khẩn trương dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn khoa học, bởi đó là những tiêu chuẩn định hướng cho cả xã hội.

Để làm được điều này, cần huy động sự đóng góp trí tuệ của các nhà nghiên cứu lý luận văn hóa cũng như các nhà quản lý thực tiễn; cần có cái nhìn sâu sắc về những yêu cầu mới của thực tiễn, những giá trị văn hóa truyền thống… Sự phối hợp giữa các nhà lý luận và thực tiễn về văn hóa sẽ xác định được các mục tiêu của những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc cũng như tìm ra tiêu chí xác định tinh hoa văn hóa nhân loại để thấy rõ giá trị nào cần kế thừa, phát huy, giá trị nào không phù hợp cần phải loại bỏ..., từ đó làm cơ sở xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới.

Thứ hai, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam trong xã hội bằng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt.

Sau khi xây dựng được hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi người hiểu và thấy rõ sự cần thiết phải thực hiện những giá trị đó. Trước hết, những nhà giáo dục và những người làm công tác tuyên truyền cần phải nắm chắc hệ giá trị đó, coi việc đưa hệ giá trị này đến tất cả mọi người là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác của mình. Cụ thể là phát huy chức năng giáo dục, tuyên truyền của cả gia đình, nhà trường và xã hội, bởi gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường giáo dục quan trọng đầu tiên cho mỗi con người Việt Nam về hành vi, ứng xử, nếp sống tốt thông qua vai trò của ông bà, cha mẹ và những người thân. Các bậc làm cha, làm mẹ cần ý thức rõ vai trò của mình trong việc làm gương và răn dạy con cái những điều hay, lẽ phải theo hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới.

Thứ ba, tiêu chuẩn hóa hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam thời kỳ mới để định hướng mọi hoạt động của xã hội.

Để hệ giá trị văn hóa Việt Nam thời kỳ mới thấm sâu vào đời sống xã hội, cần phải làm cho hệ giá trị này trở thành thước đo, định hướng cho mọi hoạt động của xã hội bằng cách cụ thể hóa hệ giá trị này thành nội quy, quy chế hoạt động trong cộng đồng, trong các nhà trường. Bên cạnh đó, đưa hệ giá trị này thành tiêu chuẩn rèn luyện, phấn đấu của sinh viên.

Thứ tư, nâng cao nhận thức về vai trò của công tác giáo dục dục giá trị truyền thống cho sinh viên.

Nâng cao nhận thức của toàn xã hội, trong đó có các cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về vai trò, nội dung của công tác giáo dục dục giá trị truyền thống là hết sức cần thiết. Khi nhận thức xã hội được nâng lên, cũng là lúc chúng ta đã tạo ra được một môi trường xã hội thuận lợi và là động lực to lớn thúc đẩy công tác giáo của công tác giáo dục dục giá trị truyền thống cho sinh viên đạt hiệu quả cao.

Công cuộc đổi mới ở nước ta trong những năm qua cho thấy, trước sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, của sự mở cửa hội nhập đã xuất hiện không ít tư tưởng coi thường, xem nhẹ các giá trị truyền thống của dân tộc. Trên phạm vi toàn xã hội, vấn đề giáo dục các giá trị truyền thống của sinh viên đôi lúc chưa được nhận thức một cách hoàn toàn đúng đắn. Do đó, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giáo dục dục giá trị truyền thống cho sinh viên là hết sức cần thiết, bởi đây chính là một nội dung quan trọng của cuộc cách mạng tư tưởng, đấu tranh tư tưởng nhằm xây dựng nên một thế hệ trẻ Việt Nam năng động, sáng tạo, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ năm, kết hợp giữa gia đình, nhà trường, đoàn thể xã hội trong quá trình giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, "trồng người" là sự nghiệp vẻ vang nhưng rất công phu, bền bỉ, khó khăn, phải có sự phối hợp của nhiều lực lượng mới đạt kết quả tốt. Trong đó, Người luôn đánh giá cao vai trò của nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục thanh niên. Tại buổi lễ khai mạc Trường Đại học nhân dân Việt Nam, ngày 19-01-1955, Người nói: "Trường đại học, gia

đình và đoàn thể thanh niên phải liên hệ chặt chẽ trong việc giáo dục thanh niên".

Để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên thì một trong những giải pháp cơ bản không thể thiếu đó là kết hợp giữa gia đình, nhà trường, đoàn thể và xã hội thành một quá trình thống nhất, liên tục và hoàn chỉnh. Với vị trí chức năng riêng của mình, mỗi lực lượng, mỗi môi trường đều có vai trò, vị trí quan trọng riêng. Nếu ta buông lỏng hay xem nhẹ bất kỳ một yếu tố nào sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên

Gia đình là nơi đem đến cho con người những bài học đầu tiên và thường xuyên, liên tục từ lúc sinh ra đến tuổi trưởng thành. Giáo dục gia đình giữ một vị trí đặc biệt đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, nhất là giáo dục tính người từ tuổi ấu thơ. Hoạt động giáo dục, bồi dưỡng của gia đình có tác dụng góp phần củng cố những nội dung giáo dục, bồi dưỡng của nhà trường. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã chỉ rõ: "Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách".

Bên cạnh gia đình, vai trò quản lý, giáo dục của nhà trường đối với sinh viên cũng không kém phần quan trọng. Bởi nhà trường là môi trường giáo dục chuyên nghiệp, có nền nếp kỷ cương, kỷ luật, là nơi trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chính thống và cũng là nơi giáo dục cho thanh niên lý tưởng sống, rèn luyện cho thanh niên những phẩm chất đạo đức cần thiết của công dân, tạo dựng cho họ những ước mơ hoài bão lớn lao.

Các đoàn thể xã hội, đặc biệt là đoàn thanh niên, là tổ chức góp phần không nhỏ vào quá trình giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên, cũng như giáo dục đạo đức, tư tưởng, lối sống cho họ thông qua các hoạt động khác nhau, như tham quan, du lịch, sinh hoạt chính trị, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hay các phong trào do Trung ương đoàn phát động như: Thanh niên tình nguyện, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Đây là những hoạt động bổ ích, giúp thanh niên tự rèn

luyện, nâng cao ý thức và nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng

Trong quá trình kết hợp, gia đình, nhà trường, xã hội phải hợp thành sự thống nhất ở mục tiêu giáo dục, phương pháp giáo dục để tạo ra hợp lực cùng một hướng, chứ không phân cực hoặc phản lực triệt tiêu lẫn nhau. Cho nên, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục sinh viên.

Thứ sáu, đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với sinh viên.

Nhà trường là một thiết chế vô cùng quan trọng trong việc đưa hệ giá trị truyền thống này đến với xã hội. Vì thế, cần cụ thể hóa hệ giá trị này thành nội dung, chương trình học tập phù hợp với bậc đại học và lứa tuổi sinh viên. Hình thức giáo dục của nhà trường cần linh hoạt, sinh động, hấp dẫn như qua các bài học trên lớp, qua việc tổ chức các chương trình hoạt động, các buổi thảo luận, tổ chức các diễn đàn trao đổi về lối sống, qua tuyên truyền tấm gương người tốt, việc tốt, xây dựng các tiêu chí rèn luyện để cho sinh viên phấn đấu. Trong đó cần phát huy tổ chức Đoàn Thanh niên, vì đây là tổ chức trực tiếp giáo dục sinh viên, do vậy, nội dung giáo dục của Đoàn cần đổi mới và tập trung vào những vấn đề như giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, truyền thống quê hương đất nước, pháp luật. Trong đó, coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, xác định cụ thể những nội dung, yêu cầu trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để sinh viên học tập, rèn luyện và phát triển. Sinh viên không chỉ được sinh hoạt, giáo dục bởi Đoàn Thanh niên mà còn có các hội, tổ chức khác như: Hội Liên hiệp thanh niên, Hội học sinh, sinh viên... Sự phát triển sâu rộng các hình thức tổ chức tập hợp thanh niên, một mặt biểu hiện trình độ văn hóa chính trị cao; mặt khác, sẽ tạo điều kiện để thanh niên tiếp thu nội dung giáo dục được tốt hơn.

III. KẾT LUẬN

Việc giáo dục giá trị truyền thống cho sinh viên là vô cùng quan trọng. Quan trọng đối với sự phát triển con người, xây dựng nhân cách của những người chủ tương lai của đất nước. Tuy nhiên,

việc công cuộc giáo dục này cần có sự vào cuộc của toàn xã hội, trong đó vai trò của giáo dục gia đình và nhà trường đóng vai trò then chốt đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập. Ở nước ta hiện nay, khi mà mọi lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, văn hoá đến xã hội đều có sự biến đổi, khi mà sự biến đổi trong thang bậc giá trị, xã hội đang là một tất yếu khách quan thì việc xác định yêu cầu mới và triển khai phổ biến nội dung giáo dục giá trị truyền thống có ý nghĩa vô cùng cần thiết, đòi hỏi hệ thống giải pháp đồng bộ và có tính khả thi làm sao để những giá trị truyền thống trên ngày càng trở thành phổ biến, được vận đụng vào mọi lĩnh vực của cuộc sống, đáp ứng được nhu cầu, khát vọng vươn tới Chân - Thiện - Mỹ của sinh viên.

Đ.T.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội Đảng XI, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr 223.

2. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* Nxb. Khoa học xã hội, H, 1980.

3. Vũ Minh Tâm (1993), *Hoạt động đánh giá thẩm mỹ và hướng phát triển của nó trong xã hội ta hiện nay*, tr.101. Luận án Tiến sỹ, Viện Triết, tr102.

4. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam,* Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.

5. .http://dangcongsan.vn/preview/newid/325587.html

ABSTRACT

The teaching of Vietnamese traditional cultural values to younger generations, especially university students is an emerging concern. The paper points out the significance and requirements for the teaching in the current context of integration and market economy and then suggests some solutions for improving the efficiency of the teaching of traditional cultural values to university students in Vietnam.

KẾT HỢP GIÁO DỤC GIÁ TRỊ GIỮA GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TS. Trần Thị Mai Thanh*

ThS. Lại Vũ Kiều Trang**

Hàng ngày, báo chí lại đưa tin những vụ bạo lực học đường, ma túy, những tội phạm trong lứa tuổi cắp sách tới trường. Những cạm bẫy bủa vây xung quanh những thiên thần áo trắng, khiến các em phải đối mặt với biết bao nhiêu vấn đề. Điều đó đã khiến xã hội phải đặt ra những câu hỏi: Lỗi tại ai? Vì đâu học sinh lại vướng phải những tiêu cực như vậy? Làm như thế nào để các em tránh và vượt qua được những cạm bẫy? Hàng loạt những câu hỏi đặt ra cũng chính là thách thức cho nền giáo dục.

Giáo dục đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành và phát triển nhân cách của con người. Giáo dục theo nghĩa hẹp là sự tác động có mục đích, có phương pháp, có kế hoạch của nhà giáo dục đến người được giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục. Như vậy, bên cạnh việc dạy những kiến thức, kỹ năng, người giáo viên – lực lượng trực tiếp thực hiện công tác trong nhà trường còn đóng vai trò là những nhà giáo dục để phát triển nhân cách cho người học, hướng người học tới những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

Bên cạnh đó, gia đình cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh. Bởi lẽ, cuộc sống của mỗi người luôn gắn liền với gia đình, phong cách giáo dục gia đình, quy cách ứng xử giữa bố mẹ và con cái cũng ảnh hưởng tới nhận thức, thái độ và hành vi của mỗi học sinh. Chính vì vậy mà chỉ khi

* Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

nào gia đình có nhận thức đúng đắn về việc giáo dục con cái, khi đó các em mới được quan tâm. Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển, phụ huynh thường bận bịu với công việc của mình mà một bộ phận lớn phụ huynh phó mặc việc giáo dục con cho nhà trường, họ không nhận ra rằng gia đình cũng là một nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển những giá trị tốt đẹp cho con cái của mình.

Cùng với nhà trường, gia đình thì xã hội cũng là một lực lượng ảnh hưởng đến giáo dục giá trị cho học sinh. Sự phát triển của xã hội mang đến những tiến bộ của khoa học công nghệ, nhưng bên cạnh đó cũng tước đi của con trẻ rất nhiều những giá trị khác. Thay vì tương tác với bạn vè, với hàng xóm, láng giềng thì trẻ lại say mê với những thiết bị công nghệ. Hay sự ảnh hưởng từ game online, từ những trào lưu mạng và vô vàn những vấn đề khác đều làm ảnh hưởng tới sự hình thành những giá trị tốt đẹp của các em.

Mỗi lực lượng: gia đình – nhà trường – xã hội đều có vai trò quan trọng trong sự hình thành giá trị cho học sinh, nhưng thực tế cho thầy, sự phối kết hợp giữa các lực lượng này chưa cao.

1. Thế nào là giá trị

Thuật ngữ "giá trị" (value) có thể quy chiếu vào những mối quan tâm, những thích thú, những cái ưa thích, những sở thích, những bổn phận, những trách nhiệm tinh thần, những ước muốn, những đòi hỏi, những nhu cầu, những ác cảm, những lôi cuốn và nhiều hình thái khác nữa của định hướng lựa chọn. [1]

Theo Nguyễn Lân trong từ điển Hán - Việt: Giá trị có ý nghĩa là: 1) Phạm trù kinh tế, biểu hiện số lao động trừu tượng của xã hội hao phí vào việc sản xuất ra hàng hóa; 2) Phẩm chất tốt hay xấu, tác dụng lớn hay nhỏ của sự vật hay con người; 3) Tính chất quy ra thành tiền trong quan hệ trao đổi; 4) Hiệu lực của một văn bản; 5) Độ lớn của một đại lượng.

Từ điển Bách khoa toàn thư Xô Viết định nghĩa: "Giá trị là sự khẳng định hoặc phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới xung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ xã hội nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản thân

các thuộc tính tự nhiên, mà là bởi tính chất cuốn hút của các thuộc tính ấy vào phạm vi hoạt động sống của con người, phạm vi các hứng thú và nhu cầu, các mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, trong lý tưởng, tâm thế và mục đích".[3,142]

Nhận thấy có rất nhiều quan niệm khác nhau về giá trị, nhóm tác giả đưa ra quan điểm sau: "*Một thứ gì đó có giá trị khi nó được xem là cần thiết, là tốt, được mong đợi và có ảnh hưởng chi phối đến tình cảm, thái độ, hành vi của một cá nhân"*.

2. Vai trò của nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục giá trị cho học sinh

Gia đình là môi trường văn hóa xã hội đầu tiên của trẻ. Đây là nơi trẻ học được những quy tắc, những chuẩn mực đạo đức đầu tiên. Trong gia đình, cha mẹ là người dạy con cái từ những thói quen nhỏ, dạy con những phương thức thực hiện những công việc, cũng là nơi mà trẻ hiểu được vai vế trong gia đình, nội quy, cách thức giao tiếp, ứng xử….Có thể nói gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và theo chúng ta đến hết cuộc đời.

Ngày nay, khi xã hội ngày càng phát triển, các bậc cha mẹ đặt sự ưu tiên hàng đầu cho công việc mà dồn trách nhiệm giáo dục con cái cho nhà trường, cho người giúp việc, cho những gia sư…. Điều này vô tình làm giảm sự gắn kết của một gia đình, cũng là nguyên nhân cho không ít vấn đề nảy sinh.

Cuộc sống tràn đầy tình yêu thương và sự gắn kết giữa mọi người trong gia đình là điều kiện để trẻ phát triển về tình cảm, đạo đức và trách nhiệm đối với người thân và với xã hội. Không ít những trẻ em bị vướng vòng lao lý do thiếu thốn tình thương yêu, dạy dỗ của cha mẹ, bầu không khí gia đình tươi vui, tạo sự gắn kết, quan tâm và sẻ chia sẽ là môi trường lý tưởng vun đắp tâm hồn cho các em. Đây cũng chính là nơi mà những giá trị được hình thành.

Gia đình luôn gắn liền với mỗi con người. Ngoài những thời gian học tập, thì môi trường chính của học sinh là ở nhà. Suốt

quãng đời đi học, dù học sinh đó có thay đổi bao trường lớp đi chăng nữa thì vẫn không thay đổi được gia đình/ Sự gặn bó bền chặt với gia đình trong một khoảng thời gian dài, bên cạnh đó là mối quan hệ ruột thịt làm cho tính chất của việc giáo dục trong gia đình trở nên ổn định lâu dài và bền vững.

Bên cạnh gia đình thì nhà trường là lực lượng then chốt trong quá trình giáo dục giá trị cho trẻ. Trường học mà cụ thể hơn là những người thầy, đóng vai trò là dấu nối giữa quá khứ và tương lại, giữa nền tri thức nhân loại với học sinh. Nhà trường vừa là nơi đưa ra nội dung giáo dục giá trị, lại là nơi đưa ra những phương pháp, phương tiện và lại cũng chính là nơi tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị. Nhà trường, với những nghiên cứu về đặc điểm lứa tuổi, về các giá trị phù hợp với học sinh cùng với những kiến thức khoa học liên quan sẽ là nơi tốt nhất, đáng tin cậy nhất để giáo dục giá trị cho người học.

Trường học cũng là nơi nảy sinh rất nhiều các mối quan hệ giữa học sinh và những đối tượng khác, góp phần ảnh hưởng lớn đến sự hình thành những giá trị cho người học. Đó là mối quan hệ thầy cô, bạn bè với sự yêu thương, kính trọng, giúp đỡ, sẻ chia…

Trường học là môi trường lý tưởng giúp học sinh thể hiện bản thân mình. Sự công nhận từ thầy cô, bạn bè về một giá trị nào đó của bản thân sẽ giúp người học sinh trở nên tự tin hơn rất nhiều. Từ đó, có niềm tin vào bản thân hơn và tiếp tục phát huy những giá trị vốn có.

Một lực lượng nữa cũng rất quan trọng trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh. Đó chính là xã hội. Từ xã hội ở đây để chỉ các mối quan hệ khác như: hàng xóm láng giềng, như các tổ chức ở làng xã, phố phường... Những tổ chức xã hội này cũng thu hút sự tham gia của học sinh, nhất là khi nghỉ hè. Các em được giới thiệu về các tổ chức địa phương để sinh hoạt hè. Tại đây, các em được tham gia vào các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao… và cũng chính các mối quan hệ xã hội đó ảnh hưởng giúp các em hình thành giá trị của bản thân.

Ba lực lượng gia đình và nhà trường và xã hội từ trước đến nay luôn có sự tương tác ở một mức độ nhất định. Đó là sự tương tác trong việc thông báo tình hình học tập của học sinh, đó là sự

thông báo những kế hoạch, lịch học…hay đó là những buổi họp phụ huynh đầu năm và cuối năm…hay nhà trường giới thiệu học sinh về sinh hoạt ở các tổ chức ở địa phương. Tuy nhiên, sự liên kết còn lỏng lẻo và chưa thực sự hiệu quả. Sự liên kết này mới dừng ở mức sơ đẳng là thông báo tình hình chung về học sinh mà chưa có những hoạt động chung để xây dựng môi trường tốt nhất cho học sinh hình thành và phát triển những giá trị tốt đẹp.

3. Phương pháp kết hợp giáo dục giá trị giữa ba lực lượng: gia đình – nhà trường và xã hội

Có thể thấy rõ vai trò của mỗi lực lượng trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh. Vậy làm như thế nào để kết hợp được ba lực lượng này trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh. Nhóm tác giả đưa ra phương pháp 3T:

T: Tìm hiểu

T: Tương tác

T: Trợ giúp

Đây là ba bước giúp kết hợp giữa bà lực lượng giáo dục. Cụ thể như sau:

Bước 1: T - Tìm hiểu

Đây là bước đầu tiên trong quá trình kết hợp ba lực lượng giáo dục. Quá trình tìm hiểu yêu cầu ba lực lượng giáo dục trên phải có hiểu biết về học sinh. Mỗi lực lượng cần tìm hiểu những vấn đề sau đây:

- Về phía nhà trường:

Điều đầu tiên nhà trường cần hướng tới đó là tìm hiểu những thông tin về học sinh:

+ Thông tin cơ bản của học sinh

+ Sở thích, sở trường, sở đoản

+ Năng lực nổi trội

+ Những mặt còn yếu cần phát triển

+ Những vấn đề trong mối quan hệ với thầy cô – bạn bè

Bên cạnh đó, nhà trường cần xây dựng những nội dung và hoạt động giáo dục giá trị phù hợp.

- Về phía gia đình

+ Tìm hiểu những điểm mạnh, điểm yếu của con

+ Tìm hiểu những năng lực nổi trội

+ Tìm hiểu những vấn đề trong các mối quan hệ của con

+ Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi

+ Tìm hiểu về các phương pháp giáo dục con cái

+ Tìm hiểu những bài học giá trị mà con được học ở trường…

Bước thứ 2: T – Tương tác

Đây là bước cực kì quan trọng trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh. Sự tương tác ở đây thể hiện trong việc ba lực lượng tương tác với học sinh và ba lực lượng này tương tác với nhau trong quá trình giáo dục giá trị.

- *Về phía nhà trường*

+ Trao đổi trực tiếp với cha mẹ học sinh về những vấn đề học sinh gặp ở trường

+ Thiết lập bản kế hoạch giáo dục giá trị cá nhân

+ Hướng dẫn phụ huynh thực hiện và theo dõi, đánh giá con cái trong nội dung nhà trường cung cấp.

+ Tổ chức những buổi tham vấn cho phụ huynh và học sinh về những vấn đề liên quan đến giáo dục giá trị.

+ Thông tin cho các tổ chức xã hội và hướng dẫn các chủ điểm sinh hoạt

- *Về phía gia đình*

+ Thông tin ngược lại cho nhà trường về tình hình của con, những vấn đề con gặp ở nhà

+ Thiết lập kế hoạch giáo dục giá trị ở nhà

+ Tham gia cùng phía nhà trường để hỗ trợ những hoạt động đánh giá ngoài

+ Tham gia những buổi tham vấn tư vấn để được hỗ trợ thông tin cũng như phương pháp giáo dục giá trị.

+ Tham gia các cuộc họp của các tổ chức xã hội về chủ điểm hoạt động giáo dục giá trị.

- *Về phía xã hội*

+ Phối hợp với nhà trường xây dựng những chủ điểm giáo dục giá trị

+ Tổ chức những hoạt động trải nghiệm thực tiễn, trải nghiệm sáng tạo cho những phần học giá trị sống tại trường.

+ Trao đổi phụ huynh, tổ chức để nâng cao tinh thần kết hợp.

Bước thứ 3: T – Trợ giúp

Chủ thể của hoạt động giáo dục giá trị ở đây chính là bản thân học sinh. Vậy nên việc nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi hoàn toàn thuộc về bản thân học sinh. Gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội chỉ đóng vai trò hỗ trợ học sinh và tạo môi trường để học sinh hoạt động.

Sự trợ giúp phải được thực hiện dựa trên nhu cầu của học sinh, phải thực sự khó khăn không thể tự mình giải quyết được mới có sự trợ giúp từ ba lực lượng giáo dục giá trị.

Trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị ở gia đình, ở nhà trường hay ở xã hội, nếu học sinh gặp bất kỳ vấn đề gì khó khăn nên nhận được sự hỗ trợ bằng cách gợi ý từ ba lực lượng này.

Như vậy, với phương pháp 3T, sẽ phần nào giúp định hướng giúp ba lực lượng giáo dục giá trị: gia đình, nhà trường và xã hội trở nên gắn kết với nhau để tạo ta hiệu quả giáo dục giá trị cho học sinh một cách sâu sắc, toàn diện và đầy tính thực tế./

T.T.M.T - L.V.K.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. MR Robin, J.R Williams, *khái niệm giá trị* tạp chí xã hội học, số 1 năm 1991

2. *Từ điển Hán Việt,* Nguyễn Lân

3. *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô Viết.* Nguyễn Thế Hùng dịch

4. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc

(2007), *Hoạt động – Giao tiếp – Nhân cách,* NXB Đại học sư phạm Hà Nội

5. Nguyễn Ngọc Bích, *Tâm lý học nhân cách,* NXB giáo dục.

6. Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (Chủ biên) (2007), *Các thuộc tính điển hình của nhân cách,* NXB đại học sư phạm Hà Nội.

7. Đào Thị Oanh (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Đặng Xuân Hoài, Lê Đức Phúc, Trần Trọng Thủy, Nguyễn Huy Tú (2007), *Vấn đề nhân cách trong Tâm lý học ngày nay,* NXB giáo dục.

8. Nguyễn Đức Sơn, *Xây dựng bộ tiêu chí lựa chọn giảng viên sư phạm chủ chốt,* Tâm lý học xã hội, 11/2017 (33-34)

9. Nguyễn Đức Sơn, *Thích nghi MSIE,* Tạp chí tâm lý học số 3/2015

ABSTRACT

From the past, there are three main forces involved in the educational process for students, especially value education. These are: family, school and society. Each force has its own role in the education of values. However, the link between the three forces is not high. Therefore, there are methods to integrate these three forces, which help the education of students to be more effective and applied immediately to specific situations in life.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG CHO HỌC SINH HIỆN NAY - MỘT VÀI SUY NGHĨ

TS. Nguyễn Thị Hoa Xinh *

Giáo dục giá trị có ý nghĩa rất to lớn đối với sự phát triển của các quốc gia, các dân tộc trên thế giới; vì vậy, nhiều quốc gia coi việc giáo dục thế hệ trẻ về các giá trị lao động, trí tuệ, tài năng, trách nhiệm, giáo dục giá trị truyền thống, giá trị nhân văn, giá trị cá nhân, giá trị cộng đồng… là những yêu cầu có tính chất nền tảng của nền giáo dục. Hiện nay, giáo dục giá trị phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại cho học sinh là một trong những vấn đề các nhà trường đều quan tâm coi trọng.

1. Khái niệm giá trị

Theo từ điển Bách khoa toàn thư Xô viết: Giá trị là một sự khẳng định hay phủ định ý nghĩa của các đối tượng thuộc thế giới xung quanh đối với con người, giai cấp, nhóm hoặc toàn bộ xã hội nói chung. Giá trị được xác định không phải bởi bản tính các thuộc tính tự nhiên mà bởi tính chất cuốn hút của các thuộc tính vào phạm vi hoạt động sống của con người, đáp ứng các hứng thú và nhu cầu, các mối quan hệ xã hội, các chuẩn mực và phương thức đánh giá ý nghĩa nói trên được biểu hiện trong các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức, trong lý tưởng, tâm thế và mục đích.

Theo từ điển Tiếng Việt, giá trị là cái mà con người dùng làm cơ sở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con

* Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện của xã hội; tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ buôn bán, đổi chác; độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên.

Trong mỗi môn khoa học cụ thể, khái niệm giá trị được hiểu dưới các góc độ với phạm vi rộng hẹp khác nhau:

- Đối với Triết học, giá trị được xem là toàn bộ các giá trị vật thể và phi vật thể của toàn bộ nền văn minh, văn hóa loài người (các dân tộc khác nhau trên thế giới), được tồn tại, đúc kết từ thế hệ này qua thế hệ khác. Giá trị bao gồm các phạm trù khác nhau: hệ thống giá trị; định hướng giá trị; thang giá trị; thước đo giá trị.

- Dưới góc độ Xã hội học, giá trị được quan tâm ở nội dung, nguyên nhân, điều kiện kinh tế xã hội cụ thể trong quá trình hình thành hệ thống giá trị nhất định của một xã hội.

- Giá trị trong Đạo đức học luôn gắn liền với những khái niệm trung tâm như: cái thiện, cái ác, công bằng, bình đẳng, bác ái bởi vì khái niện giá trị thuộc phạm vi đời sống đạo đức của con người, các quan hệ xã hội và quá trình hình thành các chuẩn mực, quy tắc đạo đức của xã hội.

- Dưới góc độ Tâm lý học, khái niệm giá trị được nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu hành vi, hoạt động của con người và dự báo sự phát triển của nhân cách.

Các nhà nghiên cứu cũng có nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm giá trị:

- Tác giả J.H.Fichter (Mỹ) cho rằng: tất cả cái gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với cá nhân và xã hội đều có một giá trị.

- Tác giả V.P.Tugarinov (Liên Xô) lại nhìn nhận: giá trị là những khách thể, những hiện tượng và những thuộc tính của chúng mà tất cả đều cần thiết cho con người (lợi ích, hứng thú) của một xã hội hay một giai cấp nào đó cũng như một cá nhân riêng lẻ với tư cách là phương tiện thỏa mãn những nhu cầu và lợi ích của họ, đồng thời cũng là những tư tưởng và ý định với tư cách là chuẩn mực, mục đích hay lý tưởng.

- Tác giả L.Dramaliev (Bungari), coi giá trị là một thành tố khách quan của xã hội. Nó là một loại hiện tượng xã hội đặc biệt (một vật, một đối tượng, một liên hệ, một ý niệm), thỏa mãn được những nhu cầu nhất định của con người. Giá trị là một phẩm chất khách quan, một đặc tính, một khả năng thỏa mãn những nhu cầu đã trở thành rõ rệt trong quá trình quan hệ qua lại có tính chất xã hội giữa người với người trong hành vi thực tế của họ. Với tính cách là một khách thể xã hội, giá trị không thể tách rời khỏi những nhu cầu, những mong muốn, thái độ, những quan điểm và những hành động của con người với tư cách là một chủ thể của các quan hệ xã hội.

- Theo tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn, nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp, là nói đến khả năng thôi thúc con người nỗ lực hành động và nỗ lực vươn tới.

Nhìn chung, theo một số từ điển hay dưới góc độ của các ngành khoa học khác nhau, cũng như quan điểm của các nhà khoa học đã định nghĩa khái niệm giá trị, có thể hiểu: giá trị là những cái thuộc về sự vật, hiện tượng và những thuộc tính của chúng mà có ý nghĩa tích cực đối với xã hội, một nhóm người và cá nhân, với tư cách là phương tiện thỏa mãn những nhu cầu và lợi ích, đồng thời biểu thị niềm tin của con người về những mục đích và phương thức ứng xử lý tưởng.

2. Giáo dục giá trị truyền thống cho học sinh hiện nay

Mỗi dân tộc dù ở trình độ văn minh cao hay thấp đều có những văn hóa truyền thống đặc trưng riêng của mình, đó chính là sự kết tinh tất cả những gì tốt đẹp nhất được chắt lọc qua nhiều thời đại lịch sử để tạo nên bản sắc riêng của một dân tộc. Giá trị truyền thống đó được truyền lại cho thế hệ sau và trở thành động lực nội sinh để phát triển đất nước. Theo Giáo sư Trần Văn Giàu: Giá trị truyền thống được hiểu là những cái tốt, bởi vì những cái tốt mới được gọi là giá trị; mà phải là cái tốt cơ bản, phổ biến, có nhiều tác dụng tích cực cho đạo đức, cho sự hướng dẫn nhận định, đánh giá và dẫn dắt hành động của một dân tộc thì mới mang đầy đủ ý

nghĩa của khái niệm "giá trị truyền thống". Giá trị truyền thống là những chuẩn mực, là thước đo cho hành vi đạo đức, cho những quan hệ ứng xử giữa người và người trong một cộng đồng, một giai cấp, một quốc gia, một dân tộc nhất định. Những giá trị của nó được chuyển giao tiếp nối, qua nhiều thế hệ và giá trị văn hóa truyền thống đó được giữ gìn phát huy lên một tầm cao mới.

Lịch sử dân tộc Việt Nam đã để lại nhiều truyền thống vô cùng quý giá. Đó là truyền thống yêu nước; truyền thống đoàn kết cộng đồng; truyền thống nhân ái, khoan dung; truyền thống hiếu học "tôn sư trọng đạo" và nhiều truyền thống tốt đẹp khác. Những giá trị văn hóa truyền thống quý giá của dân tộc đã tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam. Nhờ các giá trị văn hóa truyền thống mà dân tộc Việt Nam đã luôn đứng vững và trường tồn trong suốt chiều dài lịch sử. Những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cần được giáo dục, được truyền bá sâu rộng trong xã hội.

Trong những năm qua, công tác chăm lo bồi dưỡng con người mới, đào tạo đội ngũ kế tục sự nghiệp cách mạng luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng quan tâm.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đã xác định mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân – thiện – mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, xác định: Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.

- Theo Luật sửa đổi bổ sung Luật Giáo dục nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), mục tiêu giáo dục là: Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm gần đây, do tác động của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập và một số nguyên nhân khác đã ảnh hưởng đến đời sống tâm lý, lối sống của nhiều tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Các em phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong việc lựa chọn lối sống của mình vừa phù hợp với giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, vừa phải theo kịp với sự phát triển của xã hội hiện đại. Mặt trái của sự hội nhập là sự xáo trộn, mất ổn định trong tâm lý, văn hóa của rất nhiều người trong xã hội. Ở lứa tuổi học sinh, các em rất nhạy cảm với cái mới, hay bắt chước những thói hư tật xấu ngoài xã hội, thậm chí xem đó như là một trào lưu nhằm thể hiện "cái tôi" của mình. Những biểu hiện sai lệch này đều gây ra những hậu quả xấu cho cá nhân và xã hội, rất cần được chấn chỉnh, uốn nắn kịp thời.

Chính vì vậy, nhiệm vụ đặt ra cho giáo dục trong nhà trường là giáo dục cho học sinh những giá trị truyền thống để trở thành một con người theo đúng nghĩa của nó, sau đó giáo dục để phát triển tri thức khoa học và cuối cùng là giáo dục kỹ năng hoạt động. Thực hiện được các mục tiêu của giáo dục như vậy mới có thể hình thành cho xã hội những con người trở thành nguồn nhân lực có ích.

Những giá trị truyền thống cần được giáo dục cho học sinh:

- Giáo dục truyền thống yêu nước và tinh thần độc lập dân tộc: Truyền thống yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử dân tộc Việt Nam. Giáo dục cho học sinh kế thừa và phát huy giá trị truyền thống yêu nước trong chống ngoại xâm bảo vệ đất nước trong tình hình hiện nay tức là tích cực chống nghèo nàn lạc hậu, vươn tới xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hiện đại.

- Giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung: Truyền thống nhân ái được thể hiện ở tính yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ người khác, không vụ lợi. Truyền thống khoan dung biểu hiện ở tính nhân đạo, lòng vị tha. Giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung cho học sinh sẽ có tác dụng giáo dục học sinh kính thầy, yêu bạn, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, sinh hoạt, quý trọng của công, quan tâm đến nỗi bất hạnh của người khác; giúp các em không ngừng nâng cao nhận thức, tự giác sống tốt đẹp hơn, biết lấy lợi ích tập thể, lợi ích dân tộc làm định hướng cho cuộc sống của mình, góp phần hình thành và phát triển nhân cách.

- Giáo dục truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo: Kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là vinh dự lớn lao của học sinh, góp phần làm giàu tiềm năng trí tuệ cho đất nước.

Giáo dục giá trị truyền thống trước hết giúp cho học sinh nhận thức đầy đủ sâu sắc về lịch sử dân tộc, thấy được những giá trị truyền thống, ý thức cội nguồn dân tộc, hiểu được những đức tính, phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam. Những hiểu biết sâu sắc về truyền thống đó sẽ giúp học sinh biết kế thừa và phát huy những truyền thống quý giá của dân tộc, đồng thời biết phê phán, đấu tranh với những quan niệm, biểu hiện đi ngược với những giá trị truyền thống.

Giáo dục giá trị truyền thống cũng góp phần hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến trong nhân cách của học sinh. Những quy tắc, chuẩn mực đạo đức trở thành tiêu chí định hướng nhân cách và chỉ đạo hoạt động của con người, qua đó xây dựng nếp sống lành mạnh, khiêm tốn, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục và chống lại chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, tuyệt đối hóa đồng tiền, giúp học sinh nhận thức được giá trị chân – thiện – mỹ, có quan niệm đúng đắn về cái đẹp, có khát vọng và nhu cầu hướng tới cái đẹp để sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp.

Để giáo dục giá trị truyền thống cho học sinh đạt hiệu quả, cần đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là truyền thống đạo đức và văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm cho học sinh với bản thân, gia đình, quê hương, đất nước, trách

nhiệm của tuổi trẻ trong việc gìn giữ và phát huy giá trị truyền thống của cha ông.

3. Kết luận

Giáo dục giá trị cho học sinh hiện nay cần phải được nhận thức một cách sâu sắc trên các phương diện: vị trí vai trò, định hướng các giá trị cần giáo dục trong sự phát triển nhân cách cho mỗi con người. Cần xác định cho học sinh những giá trị truyền thống và những giá trị đương đại mà nhân loại đang hướng tới mà Việt Nam cũng không nằm trong ngoại lệ. Các nhà giáo dục, những nhà quản lý cần có biện pháp hữu hiệu để giáo dục giá trị cho học sinh, tạo điều kiện để các em có môi trường học tập, rèn luyện và định hướng tốt để phát triển nhân cách của bản thân. Chính vì vậy, giáo dục giá trị truyền thống cho học sinh đang trở thành nhu cầu và yêu cầu không thể thiếu, đồng thời là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, dân tộc trong bối cảnh hội nhập ngày nay.

N.T.H.X

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, *Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển*, Tạp chí Triết học, số 2 – 1998.

2. Nguyễn Trọng Chuẩn và Nguyễn Văn Huyên, *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2013.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2014.

5. Trần Văn Giàu, *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, 1980.

6. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.

7. *Từ điển Bách khoa toàn thư Xô viết*, Tiếng Nga, 30 tập.

PHÁT TRIỂN CÁC KỸ NĂNG CHUNG CHO SINH VIÊN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGUỒN NHÂN LỰC TRONG THỜI KỲ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

TS. Nguyễn Duy Mộng Hà*
HVCH. Trần Thị Hiếu Trung**

Dẫn nhập

Đào tạo nguồn nhân lực có khả năng tư duy sáng tạo, đáp ứng yêu cầu cao của thời đại 4.0 để tồn tại và phát triển, lấy kỹ năng làm công cụ, lấy kiến thức - thông tin làm nền tảng, lấy công nghệ để tạo đột phá là một trong những xu hướng cần thiết hiện nay. Nhu cầu về nhân lực ở các công ty trong nước lẫn các công ty nước ngoài là rất lớn nhưng họ vẫn không thể tuyển đủ người trong khi sinh viên (SV) thì ra trường rất nhiều nhưng vẫn thất nghiệp. Đây là một thực tế nghịch lý trên thị trường lao động hiện nay chủ yếu là do chất lượng đào tạo nhân lực ở Việt Nam còn nhiều hạn chế, thiếu đào tạo những kỹ năng phù hợp với yêu cầu thị trường, nhất là các kỹ năng chung làm nền tảng cho SV khi còn trên ghế nhà trường.

Các kỹ năng về trí tuệ giúp cho con người tư duy, năng lực cảm xúc của con người là yếu tố giúp tạo dựng các mối quan hệ với người khác. Các kỹ năng chung làm nền tảng là rất cần thiết, cho dù SV tốt nghiệp làm việc gì, ở đâu, trong lĩnh vực nào. Có nhiều thuật ngữ, khái niệm tương đồng liên quan đến kỹ năng chung

*; * Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia TP. HCM

(generic skills) của các học giả trong và ngoài nước mà chúng ta cần hiểu rõ nội hàm, ý nghĩa cũng như xác định vai trò của chúng trong giáo dục đại học. Việc phân tích thực trạng giáo dục các kỹ năng này trong chương trình và hoạt động đào tạo sẽ giúp nhà trường định hướng các biện pháp khắc phục các hạn chế và từng bước điều chỉnh nâng cao hiệu quả đào tạo các kỹ năng này.

1. Cơ sở lý thuyết về các kỹ năng chung

1.1. Khái niệm

Hiện nay, khái niệm kỹ năng chung/tổng quát ngày càng phổ biến trên thế giới. Khái niệm "generic" trong "generic skills" có nguồn gốc từ danh từ trong tiếng Latinh "genus" (birth, origin) chỉ sự sản sinh ra/nguồn gốc của nhiều thứ trong cùng nhóm/loại, hay còn có nguồn gốc từ động từ tiếng Latinh "gignere/gegnere" (produce, generate) (tạo ra/phát sinh ra), ám chỉ sự phát sinh ra nhiều thứ tương tự trong cùng nhóm/loại chứ không chỉ riêng biệt cụ thể cái nào (generic là bao quát chung ngược lại với specific là cụ thể, riêng biệt). Như vậy, generic skills ám chỉ các kỹ năng chung cho mọi ngành đào tạo, không thuộc riêng ngành nghề nào hết, là các kỹ năng nền tảng gốc mà ngành nào cũng cần phải có trước khi nhắc đến các kỹ năng chuyên biệt.

Theo Trung tâm nghiên cứu giáo dục nghề (National Centre for Vocational Education Research hay NCVER), các nhà tuyển dụng tìm cách đảm bảo sự thành công trong kinh doanh bằng cách tuyển dụng và giữ chân các nhân viên có nhiều kỹ năng và các thuộc tính cá nhân bên cạnh các kỹ năng kỹ thuật. Mỗi cá nhân cũng cần có một loạt các kỹ năng chung để hình thành và duy trì các mối quan hệ gia đình và cộng đồng. Nói một cách đơn giản, các kỹ năng chung là những kỹ năng áp dụng cho nhiều công việc và bối cảnh cuộc sống. Có nhiều khái niệm tương đồng với kỹ năng chung này bao gồm transferable skills (kỹ năng chuyển đổi), core skills hay key skills (kỹ năng cốt lõi)….Một số tên gọi khác bao gồm kỹ năng chính yếu/thiết yếu, kỹ năng cần thiết, năng lực chính/năng lực khóa và kỹ năng sử dụng [2]. Còn theo Anne Virtanene (2018), kỹ năng chung (còn được gọi là 'thuộc tính chung' (generic attributes), 'kỹ năng chính' (key skills) và

'năng lực cốt lõi' (core competencies) được sử dụng và coi trọng trong các cuộc thảo luận hiện tại trong xã hội, giáo dục và cuộc sống làm việc [3].

Trong khi đó, trường Đại học Indiana University (Mỹ) cho rằng kỹ năng chung là kỹ năng có thể được áp dụng trên nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau và cần nhiều thời gian hơn để đạt được, không phụ thuộc vào các lĩnh vực, tức là subject-independent skills (kỹ năng ngoài chuyên môn). Gagné gọi là "chiến lược nhận thức" ("cognitive strategies") và nhiều nhà khoa học nhận thức gọi là "kiến thức độc lập với chuyên ngành (domain-independent knowledge) [4]. Theo David Pencheon (1998), thì kỹ năng chung là những kỹ năng mà tất cả chúng ta đều cần để quản lý thế giới xung quanh, để chúng ta có thể sử dụng các kỹ năng kỹ thuật của mình hiệu quả hơn [5]

1.2. Các nhóm kỹ năng chung tiêu biểu

Trường Đại học Lund University đã phân loại các nhóm kĩ năng cho việc học tập suốt đời gồm những nhóm sau: (1) Nhóm các ***kỹ năng phân tích*** bao gồm: giải quyết vấn đề: khả năng xây dựng một vấn đề và thực hiện những gì cần thiết để cung cấp một giải pháp; về quan điểm: có khả năng xem xét các hiện tượng xã hội từ các quan điểm lý thuyết khác nhau và phản ánh về sự khác biệt trong hiểu biết, giải thích cũng như đánh giá mức độ liên quan của các quan điểm khác nhau. (2) Nhóm các ***kỹ năng giao tiếp*** bao gồm kỹ năng trình bày bằng văn bản, trình bày bằng lời nói, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. (3) Nhóm ***kỹ năng thông tin*** bao gồm khả năng nhận ra rằng cần có một loại thông tin nhất định để hoàn thành một nhiệm vụ, khả năng tìm kiếm, chọn và xử lý một lượng thông tin lớn một cách hiệu quả, đánh giá thông tin: khả năng đánh giá mức độ tin cậy và khả năng sử dụng của nhiều loại nguồn và vật liệu khác nhau. Nhóm ***kỹ năng xã hội và***đạo đức chỉkhả năng thực hiện nhiệm vụcông việc một cách tựchủvà làm việc theonhóm: khả năng hợp tác trong nhóm bên cạnh kỹ năng đánh giá, áp dụng quan điểm đạo đức trong liên lạc giữa các cá nhân...

Tại Trung tâm nghiên cứu quốc gia về giáo dục nghề (NCVER), việc đánh giá quá trình xác định các kỹ năng chung ở Úc, Anh, Hoa

Kỳ và Canada liên quan đến hai giai đoạn. Sáng kiến ban đầu đã tạo ra các kỹ năng liên quan đến công việc và cuộc sống nói chung; sau đó các sáng kiến nhà tuyển dụng xác định dẫn đến danh sách các kỹ năng mở rộng liên quan chặt chẽ đến việc làm.

Không có danh sách cố định các kỹ năng chung nào; một danh sách tiêu biểu thường có sáu yếu tố phổ biến: kỹ năng cơ bản, kỹ năng liên quan đến con người, kỹ năng tư duy, các kỹ năng và thuộc tính cá nhân, kỹ năng liên quan đến thế giới kinh doanh, kỹ năng liên quan đến cộng đồng. Ở Trường Đại học Indiana University (Hoa kỳ), các loại kỹ năng chung bao gồm kỹ năng ***tư duy*** (như kỹ thuật giải quyết vấn đề), chiến lược học tập (chẳng hạn như tạo bộ nhớ để giúp bạn ghi nhớ mọi thứ) và kỹ năng ***siêunhận thức*** (như giám sát và sửa đổi kỹ thuật giải quyết vấn đề...). Theo David Pencheon (1998), một số kỹ năng chung cần thiết gồm kỹ năng quản lý bản thân (quản lý thời gian), quản lý tài nguyên (thường là tiền), quản lý những người khác (dẫn dắt nhóm, quản lý các cuộc họp, bổ nhiệm và phỏng vấn, cho và nhận phản hồi), quản lý kiến thức, học tập suốt đời (kỹ năng học tập), viết và xuất bản, kỹ năng tri thức, sử dụng thư viện và Công nghệ thông tin, kỹ năng giảng dạy.

2. Vai trò của các kỹ năng chung trong sự phát triển toàn diện của người học

2.1. Triết lý giáo dục toàn diện

Giáo dục đại học không chỉ đơn giản là cung cấp cho SV kiến thức chuyên môn. Giáo dục đại học phải cung cấp giáo dục toàn diện, thúc đẩy tinh thần, trí tuệ, tính nhân văn, phát triển năng lực xã hội và thể chất của SV, nuôi dưỡng họ trở thành những người lãnh đạo tự tin, chu đáo, kiên trì và có ý thức trách nhiệm với bản thân và người khác.

Chính phương thức "lấy người học làm trung tâm" và học tập kiến tạo là những triết lý giáo dục hiện đại đang được nhiều học giả trên thế giới đề cập đến [6]. Theo Nguyễn Viết Thịnh (2018), triết lý giáo dục toàn diện là giáo dục "Tâm Trí Lực" cũng chính là hướng đến "phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học" [11]. Con người cần biết sử dụng trí tuệ, tình cảm để nhận diện

bản thân, hiểu được ý nghĩa của cuộc sống và chân lý hạnh phúc; dùng nghị lực để rèn kỹ năng (nhất là kỹ năng tự học), khắc phục những điểm yếu của bản thân cũng như vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh và từng bước kiên trì tiến tới thành công.

2.2. Vai trò của kỹ năng chung theo triết lý giáo dục toàn diện

Các kỹ năng chung rất cần thiết cho SV để sau khi tốt nghiệp, họ có khả năng tự lập, tự nhận thức được bản thân và ý nghĩa cuộc sống, tự tin bước vào đời, làm được nghề đã học, có thể học tiếp để nâng cao trình độ hoặc chuyển đổi nghề nghiệp. Các kỹ năng tư duy sáng tạo, phê phán, kỹ năng nghiên cứu khoa học và năng lực khởi nghiệp cần được chú trọng đào tạo. Những kỹ năng này thuộc nhóm các kỹ năng chung cần thiết được áp dụng cho mọi ngành đào tạo và là một yếu tố quan trọng trong triết lý giáo dục toàn diện.

The University of Hong Kong (HKU) nhấn mạnh đến giáo dục toàn diện con người. Sứ mệnh của họ tạo ra những SV tốt nghiệp có sự khác biệt, những người cam kết học tập suốt đời, phát triển toàn diện và chuyên nghiệp, có thể trở thành các nhà lãnh đạo và giao tiếp trong lĩnh vực của họ. Nhà trường tin rằng giáo dục đại học nên là một kinh nghiệm học tập tổng thể. Các chương trình và triết lý giảng dạy của họ cho phép giảng viên nuôi dưỡng những SV có đầy đủ những kĩ năng, kiến thức, thể chất… sẵn sàng đáp ứng những thách thức của một nền kinh tế toàn cầu hóa dựa trên tri thức. SV được khuyến khích không chỉ nắm bắt các nghiên cứu của nhà trường đề ra mà còn phải khám phá một loạt các hoạt động ngoại khóa mà trường cung cấp, từ thực tập đến các chương trình trao đổi quốc tế [6].

3. Sơ lược thực trạng đào tạo và lồng ghép các kỹ năng chung trong các chương trình tại Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

3.1. Chủ trương, chính sách về giáo dục toàn diện và phát triển các kỹ năng chung trong Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh

Trong hệ thống các giá trị cơ bản của ĐHQG- HCM, có giá trị

"vì sự ***phát triểntoàn diện*** của con người, lấy người học làm trung tâm", và ĐHQG-HCM có mục tiêuchung xây dựng một hệ thống đào tạo có chất lượng hàng đầu Châu Á, giúp người học ***phát triển toàn diện*** và phát huy tối đa tiềm năng của bản thân.[1] Trong bối cảnh của Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, ĐHQG-HCM, nguyên Hiệu trưởng, GS.TS. Võ Văn Sen đã có những phát biểu xác định rằng, việc đào tạo là để giới thiệu cho đất nước những sản phẩm giáo dục ***chất lượng cao và toàn diện***, không thiên lệch về một tiêu chí nào đó. Nhà trường xác định rằng phải đào tạo được những thế hệ có đầy đủ các yếu tố Đức – Trí – Thể - Mỹ [2].

Mặt khác trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) theo AUN-QA mà ĐHQG-HCM đã theo đuổi từ 10 năm qua, có tiêu chí 1.2 nêu rõ những kết quả học tập mong đợi phải bao gồm những kết quả mong đợi (chuẩn đầu ra) về chuyên môn lẫn chung/phổ quát (các kỹ năng có thể chuyển đổi), phản ánh được những đòi hỏi và nhu cầu của các bên liên quan [7]. Trong những năm gần đây, theo chủ trương chung của ĐHQG-HCM, dạy học theo hướng tiếp cận CDIO (Conceive-Hình thành ý tưởng, Design- Thiết kế, Implement-Triển khai và Operate-Vận hành) được xem là một trong những phương pháp luận giúp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra để thiết kế chương trình và triển khai đào tạo theo một quy trình khoa học. Nguyên lý CDIO đòi hỏi giúp người học phát triển toàn diện qua các CTĐT tích hợp, bao gồm việc tích hợp cả đào tạo trình độ kỹ thuật nghề nghiệp, kĩ năng chuyên môn với đào tạo năng lực xã hội và năng lực cá nhân. 12 tiêu chuẩn CDIO giúp cải cách toàn diện hoạt động đào tạo và môi trường đào tạo theo bối cảnh nghề nghiệp và xã hội hiện nay.

Ngoài ra, các chương trình của ĐHQG-HCM đạt chuẩn kiểm định của tổ chứcABET phải đáp ứng tiêu chuẩn "Program Outcomes" thể hiện các kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học đạt được khi tốt nghiệp. Tiêu chuẩn này thể hiện quan điểm

1. https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm/33396864/306864/316864
2. http://hcmussh.edu.vn/?ArticleId=86d07ba5-8676-4cba-bef1-b63cb8068974

đánh giá của tổ chức ABET là đánh giá sự thành công của một chương trình là dựa trên kết quả đạt được của người học chứ không tập trung vào những gì mà các giảng viên thực hiện trên lớp. Sự hợp tác giữa khối doanh nghiệp với khối giáo dục đảm bảo choSVtốt nghiệp có những kỹ năng mà doanh nghiệp cần, không chỉ là để có công việc lương cao sau khi tốt nghiệp mà còn để đủ năng lực góp phần vào sự phát triển của Việt Nam.

Là một thành viên của ĐHQG-HCM, Trường ĐHKHXH&NV cũng có những chủ trương, chính sách về Giáo dục toàn diện thể hiện qua Triết lý giáo dục của nhà trường: Giáo dục toàn diện - Giáo dục khai phóng – Giáo dục đa văn hóa, được công bố trên trang Web của nhà trường và được ban hành chính thức qua công văn hành chính (Quyết định số 15/QĐ – XHNV – HCTH Về việc ban hành Tầm nhìn, Sứ mạng, Mục tiêu và Triết lý giáo dục của Trường ĐHKHXH&NV), qua Nghị quyết của Đảng ủy (NQ số 04/NQ/ĐU ngày 04/12/2015 về việc lãnh đạo Xây dựng kế hoạch Chiến lược phát triển Trường ĐHKHXH&NV giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030).

3.2. Một số hình thức đào tạo kỹ năng chung cho sinh viên trong ĐHQG-HCM

Trong thực tế có nhiều hình thức đào tạo khác nhau về kỹ năng chung sau khi xác định được các mục đích và các khía cạnh cụ thể của các kỹ năng cần đào tạo. Qua nghiên cứu một số văn bản, báo cáo về đào tạo và tài liệu tham khảo, có thể tổng kết ba hình thức đào tạo các kỹ năng chung cho SV trong ĐHQG-HCM.

Hình thức thứ nhất: Dạy kỹ năng trong một môn học chung cụthể trong CTĐT(bắt buộc hay tự chọn). Trường hợp nghiên cứu điển hình tại Trường ĐHKHXH&NV cho thấy một số ví dụ tiêu biểu như sau: Nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng đối với SV khi triển khai điều chỉnh CTĐT theo nguyên lý CDIO, Khoa Giáo dục đã bổ sung các môn *Kỹ năng học đại học; Giáo dục suốt đời; Đại cương Khoa học nhận thức; Tưduy hiệu quả; Nhập môn quan hệ công chúng*... Thông qua các môn học này, người học sẽ có các kỹ năng như kỹ năng ghi chép, kỹ năng đọc tài liệu; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng viết bài luận…làm tăng khả năng tư

duy và phát huy tiềm năng của họ; người học có thể định hướng và điều khiển sự phát triển của chính họ khi họ nhận thức được giá trị và sức mạnh của mình. Khoa Xã hội học có môn *Kỹ năng quản lý và giải quyết vấn đề*; *Kỹ năng truyền thông và giao tiếp*; *Kỹ năng phân tích và xử lý số liệu*... Trong các môn học này, SV được phát triển các kỹ năng giải quyết vấn đề thực thụ có cơ sở khoa học cũng như các cách thúc đẩy các tư duy của bản thân, sử dụng các phương pháp kỹ thuật dựa trên các tư tưởng mới nhất. Khoa Đông Phương học, ngành Đông Nam Á học có các môn *Nghiệp vụ ngoại giao; Nghiệp vụ du lịch; Nghiệp vụ ngoại thương*. Khoa Tâm lý có xây dựng và đưa vào chương trình các môn học riêng biệt như *Tư duy phản biện; Côngtác xã hội; Tâm lý tổ chức nhân sự; Năng động nhóm; Tâm lý học quan hệ công chúng*…giúp phát triển tư duy và các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng tạo nguồn lực, kỹ năng xây dựng và quản lý dự án,...

Hình thức thứ hai: Phát triển kỹ năng mềm bằng cách tích hợp vào các khóa học hiện có trong khi hầu như không cần thay đổi hoặc thay đổi rất ít cấu trúc khóa học hiện tại. Giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện và đánh giá các khía cạnh của kỹ năng chung, sáng tạo trong việc thiết kế các module giảng dạy khi kết hợp các kĩ năng liên quan, áp dụng phương thức giảng dạy nên lấy SV làm trung tâm, đòi hỏi SV tham gia tích cực vào quá trình học tập, trong khi GV đóng vai người trợ giúp. Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning), nghiên cứu trường hợp (case study),...và những kĩ thuật giảng dạy và học tập khác như các bài trình bày và làm việc nhóm ngày càng được sử dụng rộng rãi thay cho phương pháp giảng dạy và học tập truyền thống. Khoa Giáo dục, Trường ĐHKHXH&NV trong một số đề cương chi tiết môn học đã xác định các hoạt động dạy và học đa dạng, lồng ghép các hình thức giúp người học phát triển các kỹ năng chung và tư duy độc lập như *nêu vấn đề, phát vấn và đúc kết; SV trảlờicâu hỏi theo cá nhân rồi trao đổi cặp đôi để giải quyết các vấn đề, tranh luận vấn đề*, làm việc nhóm nhỏ, vẽ mindmap theo chủ đề, *seminar*, *phân nhóm phản biện, nhận xét và nhóm trả lời, bảo vệ*

ý kiến, quan điểm…[1] Ở Khoa NV Anh, hoạt động dạy và học của GVvà SV bao gồm cả thuyết trình nhóm (Group presentation); đóng vai (role play); làm dự án (project-based learning)…[2] Khoa Báo chí và Truyền thông áp dụng các phương pháp dạy và học gồm các hoạt động phong phú ngoài thuyết giảng như thảo luận nhóm, chiếu Clip minh họa, xem sản phẩm mẫu, trò chơi tại lớp, nghiên cứu tình huống, đóng vai, thực hành làm sản phẩm, làm sản phẩm nhóm, kiến tập thực tế…[3]

Hình thức thứ ba: Hình thức này thường không nằm trong các hoạt động chính khóa. Hình thức này bao gồm những buổi chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tập huấn đa dạng, các hoạt động ngoại khóa, các hình thức "chơi mà học" như các câu lạc bộ (CLB) nói tiếng Anh, CLB học thuật và ngoài học thuật khác, các hoạt động thể dục thể thao, tư vấn hướng nghiệp,...như hội thảo về Dự án Kỹ năng Nghề nghiệp Việt Nam (VSEP) được ĐHQG-HCM tổ chức nhằm đảm bảo cung ứng nguồn SV tốt nghiệp có tay nghề cao phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế hiện đại là Giáo dục, Đào tạo Kỹ thuật và Nghề nghiệp. Chính những hội thảo này giúp SV hiểu thêm được tầm quan trọng của nhiều kỹ năng, chuẩn bị tốt cho bước cọ xát với môi trường lao động thử thách trong tương lai. Bên cạnh đó, một thành viên khác của ĐHQG-HCM, Trường ĐH CNTT phối hợp với Trung tâm Đào tạo Khu Công nghệ cao TP.HCM tổ chức Hội thảo *Internet of things: Thách thức và giải pháp*, cũng là dịp để SV tăng cường những kỹ năng và có định hướng rõ ràng trong tình hình phát triển của mạng lưới thiết bị Internet hiện nay.

Đặc biệt là các tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội sinh viên hay các Trung tâm tư vấn hướng nghiệp hỗ trợ SV của các trường đại học thành viên ĐHQG-HCM là nơi tạo ra những cơ hội phát triển các kỹ năng mềm cho SV một cách thiết thực. Trong những năm qua, các phong trào tình nguyện đã thu hút sự quan tâm của đông

1, http://edufac.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc

2. http://tuyensinh.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=116ba3e1-fc7b-4b45-9895-500e1478900e

3. http://tuyensinh.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=6b56421b-0b96-4dd5-9778-63842bc5414e

đảo SV, các chiến dịch tình nguyện do Đoàn, Hội phát động như Mùa hè xanh, Mùa xuân tình nguyện, Hiến máu nhân đạo…được SV các trường hưởng ứng tích cực. Gần đây nhất, lớp kỹ năng ngắn hạn "Nghệ thuật giao tiếp và nói trước công chúng trong quá trình đô thị hoá và hội nhập quốc tế" của Khoa Đô thị học Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM trong tháng 10/2018 đã phần nào giúp SV hình dung được tầm quan trọng cũng như những lợi ích thiết thực của kỹ năng giao tiếp và sự tác động, ảnh hưởng của kỹ năng này đối với cuộc đời của mỗi người.

3.3. Một số thuận lợi và khó khăn cơ bản trong đào tạo kỹ năng tổng quát cho sinh viên trong ĐHQG-HCM

3.3.1. Thuận lợi

Đạt chuẩn đánh giá chất lượng theo AUN là mục tiêu phấn đấu của nhiều trường đại học tại Việt Nam nói chung và ĐHQG-HCM nói riêng. Việc áp dụng Bộ tiêu chuẩn AUN-QA và mô hình CDIO đòi hỏi phát triển các kỹ năng chung cho SV tạo điều kiện thuận lợi phát triển nhận thức cho CBGV, SV về yêu cầu và tầm quan trọng của các kỹ năng chung.

Ngoài ra, việc áp dụng CDIO đã giúp ĐHQG-HCM gặt hái được nhiều thành quả cũng như tái thiết kế các CTĐT, đáp ứng tốt hơn yêu cầu thị trường lao động thông qua phát triển đồng thời kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực thực hành nghề nghiệp cho SV; giúp trang bị cho GV kỹ năng áp dụng phương pháp học chủ động và học thông qua trải nghiệm, kỹ năng đánh giá dựa trên chuẩn đầu ra, nhận được phản hồi tích cực từ SV.

Trong quá trình chuẩn bị đánh giá, kiểm định, GV nhiều khoa trong các trường thành viên tham gia các hội nghị tập huấn về xây dựng chuẩn đầu ra môn học, các phương pháp giảng dạy giúp SV đạt chuẩn đầu ra môn học,... Nhiều buổi thảo luận, sinh hoạt chuyên môn đã được thực hiện trong các bộ môn, nhóm các GV của cùng môn học nhằm tìm ra các giải pháp để rèn luyện các kỹ năng cho SV. Đặc biệt, hiện nay trong ĐHQG-HCM có đội ngũ GV trẻ năng động, nhiệt tình được đào tạo từ nước ngoài về, được trang bị các kiến thức về chương trình giảng dạy và khả năng sư phạm khi tiếp cận các phương pháp giảng dạy hiện đại, cập nhật ở nước ngoài giúp cho việc chia sẻ trong các khoa rộng rãi hơn.

Thêm vào đó, các sinh hoạt ngoại khóa và hoạt động cộng đồng, Đoàn – Hội, cácbuổi ngoại khóa, hội thảo, cơ hội thực tập tại các tập đoàn kinh tế là đối tác của nhà trường, cơ hội sử dụng tiếng Anh với các học giả và SV quốc tế qua các đợt giao lưu, trao đổi ngày càng phong phú tạo môi trường điều kiện phát triển các kỹ năng chung cho SV tốt hơn. Các Trường cũng thường xuyênliên hệvới cựu SV nhằm nắm bắt tình trạng việclàm cũng như mức độ đáp ứng các yêu cầu công việc của cựu SV, chi sẻ rộng rãi cho SV.

3.3.2. Khó khăn

Về nhân sự còn có một số GV chưa đủ năng lực và kinh nghiệm thiết kế-triển khai giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học theo hướng tích cực nên việc giúp người học phát triển các kỹ năng chung đôi khi chưa đạt yêu cầu. GV chưa có động cơ cải tiến phương pháp giảng dạy do chưa có chế độ đãi ngộ, khen thưởng thỏa đáng để khuyến khích, động viên. Kỹ năng sử dụng các phương tiện dạy học ở một số GV còn chưa thành thục, việc ứng dụng CNTT vào dạy học còn ít và chưa hiệu quả, hạn chế phát huy tính tích cực của người học.

Về cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện giảng dạy chưa đảm bảo hỗ trợ cho việc áp dụng các hoạt động dạy học tích cực, còn thiếu các phòng học chức năng, các bảng tương tác, flipchart, giấy bìa bút màu các loại phục vụ cho việc thực hiện và trình bày các sản phẩm hoạt động nhóm, wifi chưa đủ mạnh đồng đều ở các phòng học; các tài liệu học tập, thư viện điện tử... chưa được đầu tư thỏa đáng.

Chưa có nhiều các khóa học đào tạo kỹ năng chung miễn phí hoặc ưu đãi học phí phù hợp khả năng tài chánh của SV. Việc kết nối với các doanh nghiệp, cựu sinh viên chưa được chú trọng một cách thường xuyên và phổ quát ở các khoa. Công tác đánh giá chất lượng, thu thập và xử lý thông tin về chất lượng SV đạt được những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở mỗi khoa chưa được áp dụng đánh giá một cách liên tục và hiệu quả.

4. Một số đề xuất định hướng về chính sách, phương thức phát triển các kỹ năng chung

4.1. Về phía Bộ GD&ĐT

Bộ GD & ĐT cần chủ trì, phối hợp với các ban ngành liên quan để hướng dẫn áp dụng triệt việc xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Theo số 1982/QĐ-TTg Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 18 tháng 10 năm 2016) đáp ứng Chuẩn đầu ra; xác định rõ công việc, mục tiêu phải đạt được trong từng thời gian và phân công, phân nhiệm rõ ràng. Đồng thời, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động, kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc.

Cần triển khai chính sách hỗ trợ các chương trình, tài liệu quốc tế hiện đại, đào tạo bồi dưỡng GV, đầu tư trang thiết bị…, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, khen thưởng các trường có nhiều đầu tư nguồn lực, sáng kiến thiết lập nên các kho học liệu mở, xây dựng các khóa học MOOCs....

4.2. Về phía nhà trường

Thứ nhất, cần tăng cường các cơ chế, chính sách, hướng dẫn chỉ đạo đối với việc nâng cao năng lực giảng dạy của đội ngũ GV, đẩy mạnh tuyên truyền, giúp GV nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của việc phát triển các kỹ năng chung cho SV trong tình hình bối cảnh mới, trong thời đại cách mạng Cộng nghiệp 4.0. Từ đó, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện các hoạt động để nâng cao năng lực giảng dạy.

Các trường cần tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ sư phạm chuyên sâu về các kỹ năng giảng dạy hiện đại, sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại,..để nâng cao năng lực giảng dạy cho GV, thường xuyên tổ chức phổ biến, cung cấp thông tin về những nội dung có liên quan đến kỹ năng mới của tình hình hiện nay để giảng viên cập nhật. Các trường cũng cần tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học, hỗ trợ trang bị thêm các phương tiện hiện đại phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập tích cực, thay thế và đầu tư mới các bàn ghế, thiết kế lại phòng ốc đúng chuẩn hiện đại giúp cho các hoạt động học tập trải nghiệm tích cực ngày trong từng lớp học.

4.3. Về phía GV

GV cần nâng cao ý thức trách nhiệm giáo dục rèn luyện kỹ

năng chung cho SV, tự bồi dưỡng năng lực chuyên môn nghiệp vụ thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát triển kỹ năng nghiên cứu tài liệu, biên soạn bài giảng; thực hành bài giảng, điều khiển thảo luận seminar, tăng cường các hoạt động giúp SV tích cực như: Trò chơi, đóng vai, xem phim hoặc xem một tình huống, viết nhật ký thu hoạch về môn học, lập kế hoạch dự án nhóm đòi hỏi SV phải thực hành sắp xếp công việc và quản lý thời gian một cách hiệu quả, phân tích và so sánh, tìm cách tự học, tự nghiên cứu, tìm kiếm tài liệu; phát huy điểm mạnh của từng SV đồng thời giúp SV khắc phục điểm yếu của bản thân...Đồng thời, GV cần từng bước áp dụng dạy học trực tuyến (e-learning), kết hợp giữa phương pháp dạy học truyền thống với học trực tuyến (blended learning) đáp ứng yêu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4.4. Về phía SV

SV cần chủ động và tích tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ năng chung của nhà trường và các tổ chức xã hội khác, tập mạnh dạn, tự tin thuyết trình trước đám đông, tích cực thảo luận và làm việc nhóm, tích lũy kinh nghiệm hợp tác, kỹ năng hòa giải, giải quyết bất đồng cũng như kinh nghiệm lãnh đạo. SV cũng cần tự nguyện, tự giác sắp xếp thời gian tham gia các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động tình nguyện giúp tạo điều kiện phát triển, trau dồi đạo đức cũng như các kỹ năng cá nhân khác như kỹ năng lãnh đạo, giải quyết vấn đề sáng tạo, làm việc nhóm... chia sẻ các hoạt động hay cho các bạn SV khác biết để cùng tham gia. Ngoài ra, SV cần luôn ý thức không ngừng tự học để trau dồi những kỹ năng bổ trợ khác như ngoại ngữ hay về công nghệ thông tin… để phát triển năng lực toàn diện của mình.

4.5. Về phía các bên liên quan khác

Đoàn Thanh niên- Hội SV nên tăng cường tổ chức thêm các buổi giao lưu văn hóa văn nghệ, nói chuyện chuyên đề, diễn đàn, triển lãm, tham quan,... góp phần rèn luyện các kỹ năng chung cho SV. Các hoạt động ngoại khóa này cần được tổ chức theo kế hoạch, có nội dung và quy chế hoạt động chặt chẽ, kết hợp giữa nội dung dạy học trên lớp với nội dung hoạt động ngoại khóa để

chương trình chính khóa và ngoại khóa có thể hỗ trợ cho nhau. Đặc biệt là Đoàn-Hội cần tiếp thu ý kiến phản hồi, đóng góp của SV qua nhiều kênh và có biện pháp cải tiến rõ ràng để các hoạt động này giúp SV phát triển các kỹ năng thật sự hiệu quả.

Các đơn vị doanh nghiệp, cơ quan đoàn thể ngoài nhà trường, Ban liên lạc cựu SV cần đóng góp tích cực trong việc tạo điều kiện cho SV được giao lưu hoặc thực tập, thực tế, nhiều hơn, hỗ trợ các chương trình học tập phục vụ cộng đồng (service learning), tư vấn hướng nghiệp, hội chợ việc làm... giúp rút ngắn đáng kể khoảng cách giữa đào tạo trên ghế nhà trường và thực tế, nhằm đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động.

Kết luận

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách trong giáo dục đào tạo bậc đại học và những "lỗ hổng" trong đào tạo kỹ năng chung, kỹ năng mềm từ bậc tiểu học và phổ thông, việc từng bước ý thức và tìm mọi biện pháp giúp SV nâng cao kỹ năng chung cần được triển khai đồng bộ trong nhà trường đại học Việt Nam thời hội nhập và Cách mạng công nghiệp 4.0.

N.D.M.H - T.T.H.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 1982/ QĐ-TTg phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

2. National Centre for Vocational Education Research NCVERR (2003), Defining generic skills: At a glance

3. Anne Virtanene (2018) Factors explaining the learning of generic skills: a study of university students' experiences.

4. Indiana University (1999) What is a Generic Skill?

5. David Pencheon (1998) Development of generic skills

6. Hong Kong Baptisk University, Whole Person Education (2018)

7. AUN (2017), Guide to AUN Actual Quality Asessment at Programme Level. Bangkok: ASEAN University Network.

8. Nguyễn Duy Mộng Hà (2013) Đào tạo và đánh giá ngoài chuyên môn trong thời đại hội nhập, Tạp chí Quản lí Giáo dục.

9. Employer prefer ABET-Accredited programs, http://abet.org/DisplayTemplates/IndeedJobSearch.aspx?id=70, 2014.

10. https://www.bmj.com/content/317/7160/S2-7160

11. http://giaoduc.net.vn/Giao-duc-24h/Triet-ly-giao-duc-Tam-Tri-Luc-post186324.gd

https://vnuhcm.edu.vn/ve-dhqg-hcm/33396864/306864/316864

[2]http://hcmussh.edu.vn/?ArticleId=86d07ba5-8676-4cba-bef1-b63cb8068974

[3]http://edufac.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/chuong-trinh-dao-tao-dai-hoc

[4]http://tuyensinh.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=116ba3e1-fc7b-4b45-9895-500e1478900e

[5]http://tuyensinh.hcmussh.edu.vn/?ArticleId=6b56421b-0b96-4dd5-9778-63842bc5414e

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. Nguyễn Tuấn Anh*
ThS. Bùi Phương Thanh**
TS. Đỗ Thị Thu Hằng***

1. Đặt vấn đề

Giáo dục giá trị đang ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh khủng hoảng về giá trị trong xã hội hiện nay. Những giá trị cơ bản của học sinh như: sự trung thực, tình yêu, lòng khoan dung, sự hy sinh, quan tâm người khác, lòng vị tha, v.v đang ngày càng ít được coi trọng trong một bộ phận các bạn trẻ. Thay vào đó là nhiều biểu hiện tiêu cực trái với chuẩn mực đạo đức xã hội như bạo lực, tham lam, sự thờ ơ và vô cảm trước những đau khổ của người khác, v.v, đang có xu hướng ngày càng lan rộng. Nhiều em đang mất đi sự nhạy cảm cần có với các giá trị thẩm mỹ, văn hóa và đạo đức.

Có thể hiểu, bản chất của giáo dục giá trị là *"quá trình tổ chức, hướng dẫn, kích thích tính tích cực hoạt động của người được giáo dục, để họ lĩnh hội các giá trị xã hội, hình thành nên hệ thống giá trị của cá nhân phù hợp với mong đợi của xã hội"* (dẫn theo Nguyễn Hoàng Hải, 2017). Phương pháp giáo dục giá trị đối với học sinh tại trường học chính là cách thức giáo viên sử dụng để tác động đến học sinh nhằm hình thành ở các em những giá trị tốt đẹp, đáp ứng được sự kỳ vọng của bản thân và xã hội.

*;**,*** Viện Nghiên cứu Thanh niên

Lứa tuổi trung học phổ thông là giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, là giai đoạn các em đang hình thành và phát triển nhân cách. Cho nên việc định hướng và giáo dục các giá trị đạo đức, văn hóa, lối sống cho các em là một nhiệm vụ quan trọng (Trương Thị Khánh Hà, 2013). Ở lứa tuổi này, cùng với giáo viên, thầy cô có vai trò rất quan trọng trong giáo dục giá trị cho các em. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy, nhiều giáo viên tỏ ra lúng túng, băn khoăn về cách giáo dục học sinh. Một số giáo viên khác lại áp dụng những phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh thiếu tính khoa học và chưa phù hợp lứa tuổi của các em. Do vậy, việc tìm hiểu các phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông là một việc làm cần thiết, trên cơ sở đó có thể đề xuất khuyến nghị về giáo dục giá trị hiệu quả và phù hợp với lứa tuổi.

2. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là 300 giáo viên (150 người thầy và 150 người cô) đang dạy tại các trường trung học phổ thông ở Hà Nội.

Phương pháp nghiên cứu chính là trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi. Quá trình điều tra ý kiến được nhóm nghiên cứu tổ chức chặt chẽ có trình tự, đảm bảo sự chu đáo về phương tiện, điều kiện không gian và thời gian. Trước khi lấy ý kiến của giáo viên, chúng tôi thông báo đầy đủ rõ ràng mục đích, yêu cầu của việc điều tra, hướng dẫn cụ thể chi tiết cách trả lời, đồng thời đảm bảo sự khéo léo, tế nhị tạo cảm giác thoải mái cho các thầy, côđể có thể thu được số liệu khách quan nhất.

Công cụ điều tra chính là bảng hỏi gồm 14 mệnh đề do nhómchúng tôi tự xây dựng, với nội dung các mệnh đề tương ứng với các phương pháp giáo dục giá trị mà giáo viên thường sử dụng. Ví dụ như: *"Phân tích, giảng giải điều hay lẽ phải cho học sinh";"Làm gương cho học sinh học tập theo"; "Mắng, phạt, mỗi khi học sinh có những hành vi không tốt"...* Bảng hỏi được thiết kế dạng Likert 6 mức độ được cho điểm từ 1 đến 6 bao gồm: *1. Không bao giờ; 2. Ít khi; 3. Thỉnh thoảng; 4. Khá thường xuyên; 5. Thường xuyên; 6. Rất thường xuyên.* Điểm trung bình các câu trả lời nằm trong khoảng từ $1{,}00 \leq \underline{X} \leq 6{,}00$. Các mức độ sử dụng

phương pháp giáo dục giá trị của giáo viên được qui ước như sau: 1,00≤$\overline{X}$≤2,67: Mức thấp; 2,68≤$\overline{X}$≤4,35: Mức trung bình; 4,36≤$\overline{X}$ ≤6,00: Mức cao. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng sử dụng thêm một số câu hỏi để tìm hiểu mức độ tìm kiếm thông tin về các phương pháp giáo dục của giáo viên; các nguồn thông tin mà giáo viên thường sử dụng để tìm hiểu kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh.

Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm thống kê toán học SPSS phiên bản 23.0.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng tìm kiếm thông tin của giáo viên về phương pháp giáo dục giá trị

Để có được phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh hiệu quả, nhất là để phù hợp với lứa tuổi thì giáo viêncần phải tìm kiếm thông tin và học hỏi các kiến thức trong lĩnh vực này thường xuyên, liên tục. Đánh giá việc tìm hiểu kiến thức và phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh của các giáo viên, kết quả khảo sát cho thấy: Một bộ phận lớn giáo viêncó ý thức chủ động thường xuyên tìm hiểu những kiến thức và phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh (41,4%). Ở mức độ thỉnh thoảng là 38,0% và ít khi tìm hiểu là 7,5%. Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 13,1% giáo viên hầu như không tìm hiểu những phương pháp và kiến thức mới để giáo dục giá trị cho học sinh mà chủ yếu vẫn giáo dục học sinh theo kinh nghiệm.

Như vậy có thể thấy, về cơ bản, giáo viên đã có ý thức trong việc thường xuyên tìm hiểu cách thức giáo dục sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh mình cũng như cập nhật những phương pháp giáo dục mới để việc giáo dục đạt hiệu quả. Nếu xem xét vấn đề này trong bối cảnh hiện nay thì đây là điều hoàn toàn cần thiết bởi có thể một số kinh nghiệm cá nhân của bản thân giáo viên đã không còn phù hợp cho việc giáo dục học sinh nữa. Thậm chí, một số kiến thức và sự hiểu biết của giáo viên theo kinh nghiệm đôi khi lại không khoa học. Việc giáo viên dành thời gian để tìm hiểu kiến thức giáo dục học sinh cũng phản

ánh sự quan tâm của giáo viên với vấn đề này cũng như thể hiện trách nhiệm lớn lao đối với học sinh của mình.

Hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin cũng như sự mở rộng của hợp tác và giao lưu, không chỉ dừng lại ở biên giới một quốc gia mà đã tạo nên một mạng lưới thông tin toàn cầu. Do đó, việc tìm hiểu kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh của giáo viên hiện nay có rất nhiều thuận lợi và đa dạng trong lựa chọn các nguồn thông tin. Tìm hiểu về các nguồn thông tin mà giáo viên thường tìm hiểu các kiến thức và phương pháp giáo dục giá trị cho học sinh, chúng tôi nhận thấy ý kiến chia thành 2 nhóm:

(1) *Nhóm thứ nhất:* Các giáo viên chỉ sử dụng duy nhất một nguồn thông tin để tìm hiểu kiến thức và phương pháp giáo dục học sinh. Trong số này, chiếm tỉ lệ cao nhất là việc tìm kiếm thông qua internet, tivi (12,2%); sách báo (9,5%); nhà trường (7,1%). Việc tìm hiểu kiến thức và phương pháp giáo dục cho học sinh thông qua dự các hội thảo, chương trình tập huấn hay học hỏi từ các giáo viên khác chưa được các thầy, cô trong cuộc nghiên cứu quan tâm (tỉ lệ lần lượt chỉ chiếm 3,1% và 1,0%).

(2) *Nhóm thứ hai:* Nhóm này chiếm đa số, tập trung các thầy, cô kết hợp sử dụng nhiều nguồn thông tin (chiếm tỉ lệ tới 58,3%) để thu nhận kiến thức và học hỏi phương pháp giáo dục học sinh. Việc kết hợp nhiều nguồn trong tìm kiếm thông tin sẽ giúp các thầy, cô dễ dàng hơn trong lựa chọn cũng như phong phú hơn về các nguồn kiến thức. Điều này sẽ mang đến cho các thầy, cô sự thuận lợi và thoải mái trong lựa chọn các nguồn thông tin phù hợp với mỗi thời điểm.

3.2. Thực trạng sử dụng các phương pháp giáo dục giá trị của giáo viên

Chúng tôi tiến hành phân tích nhân tố với 14 phương pháp giáo dục giá trị (14 biến quan sát) mà giáo viên thường xuyên sử dụng đới với học sinh lứa tuổi trung học phổ thông. Kết quả thu được như sau:

Tổng số các biến quan sát không đạt yêu cầu (có trọng số <0,55) là 01 biến: Phương pháp "*Kể lại các trải nghiệm cảm xúc*

để trẻ hiểu các hành vi tốt, xấu có thể gây ra cảm xúc gì". Sau khi đã loại bỏ biến này và tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA với các biến còn lại, được kết quả trong bảng sau:

Bảng 1. Phân tích nhân tố các phương pháp giáo dục giá trị của giáo viên

Phương pháp	Các nhân tố			
	I	III	IIII	IIV
1. Phân tích, giảng giải điều hay lẽ phải cho học sinh	0,80			
2. Xây dựng cho trẻ những thói quen tốt như ngăn nắp, sạch sẽ, chăm chỉ, lễ phép, đúng giờ, trung thực, …	0,80			
3. Giáo dục thái độ yêu thương, quí mến, trân trọng những gì tốt đẹp	0,75			
4. Làm gương cho học sinh học tập theo	0,75			
5. Giải thích cho trẻ ý nghĩa của những hành vi và thái độ đúng đắn	0,69			
6. Nêu những tấm gương tốt để học sinh cái noi theo	0,64			
7. Kể các câu chuyện để học sinh cái rút ra những bài học cuộc sống	0,62			
8. Tổ chức các hoạt động thực tiễn cho trẻ tham gia và trải nghiệm, qua đó hình thành niềm tin vào những giá trị tốt đẹp.		00,85		
9. Cùng đọc sách, xem phim, tham gia các hoạt động xã hội cùng học sinh.		00,81		
10. Để học sinh cái tự giải quyết vấn đề của mình			00,80	
11. Nêu những tình huống giả định để học sinh suy nghĩ và lựa chọn cách hành động			00,69	
12. Mắng, phạt, mỗi khi học sinh có những hành vi không tốt				00,85
13. Khen thưởng mỗi khi học sinh có những hành vi tốt				00,56

Kết quả phân tích nhân tố EFA cho thấy, từ 13 biến quan sát được nhóm thành bốn nhân tố. Các biến có trọng số lớn hơn 0,5 nên chúng có ý nghĩa thiết thực. Hệ số KMO = 0,865 nên EFA phù hợp với dữ liệu. Kiểm định Bartlett's Test có mức ý nghĩa 0,000, do đó các biến quan sát có tương quan với nhau xét trên phạm vi tổng thể. Phương sai trích được bằng 65,888% cho biết bốn nhân tố giải thích được 65,9% sự biến thiên của dữ liệu. Các nhân tố cụ thể (tương ứng các nhóm phương pháp) bao gồm:

- Nhóm phương pháp I (bao gồm 7 biến): Giảng giải, nêu gương
- Nhóm phương pháp II (bao gồm 2 biến): Tham gia hoạt động thực tiễn
- Nhóm phương pháp III (bao gồm 2 biến): Nâng cao tính tích cực, chủ động của học sinh
- Nhóm phương pháp (bao gồm 2 biến): Thưởng – Phạt

Bảng 2. Các nhóm phương pháp giáo viên thường dùng để giáo dục học sinh

Nhóm phương pháp	Điểm TB Chung $\overline{X}$ (Thầy và cô)	Độ lệch chuẩn
1. Giảng giải, nêu gương	4,67	0,80
2. Tham gia hoạt động thực tiễn	3,35	1,10
3. Nâng cao tính tích cực, chủ động của học sinh	3,45	1,87
4. Thưởng - Phạt	3,91	1,83

Trong số 4 nhóm phương pháp mà giáo viên sử dụng để định hướng giáo dục giá trị cho học sinh thì chỉ có nhóm phương pháp *"Giảng giải, nêu gương"* được giáo viênsử dụng ở mức cao nhất, với điểm trung bình $\overline{X} = 4,67$ (cao hơn mức trung bình chung của thang đo là 3,5 và nằm trong nhóm phương pháp được sử dụng ở mức độ cao). Các nhóm phương pháp còn lại là: *"Thưởng – Phạt"; "Tham gia hoạt động thực tiễn"; "Nâng cao tính tích cực, chủ động của học sinh"* đều là những nhóm phương pháp được sử dụng ở mức độ trung bình (do điểm trung bình của các nhóm này đều nằm trong khoảng $2,68 \leq \overline{X} \leq 4,35$).

Tuy vậy, xét trên toàn thang đo, hai phương pháp: *"Giảng giải, nêu gương"* và *"Thưởng – Phạt"* có điểm $\overline{X}$ lần lượt là 4,67 và 3,91 > 3,50 (lớn hơn điểm trung bình của thang đo) còn hai phương pháp *"Tham gia hoạt động thực tiễn"; "Nâng cao tính tích cực, chủ động của học sinh"* lại có điểm trung bình < 3,50 (nhỏ hơn điểm trung bình của thang đo).

Nhìn vào kết quả trên ta thấy: Phương pháp giáo dục giá trị bằng cách *"Giảng giải - nêu gương"* là một phương pháp được giáo viên sử dụng phổ biến và mang tính truyền thống. Hình thức này chú trọng đến yêu cầu chính bản thân mỗi giáo viên sẽ phải là tấm gương, là hình mẫu, là lý tưởng của học sinh để học sinh học tập. Các thầy, cô thường sử dụng phương pháp này có xu hướng giải thích cặn kẽ, phân tích đúng sai một cách cụ thể để học sinh mình hiểu ra vấn đề. Do đó, nếu giáo viên sử dụng nhiều hình thức này thì học sinh dễ có xu hướng giống giáo viên trong định hướng giá trị.

4. Kết luận

Hầu hết các thầy, cô đều có ý thức cao trong việc thường xuyên, tích cực tìm hiểu những phương pháp và kiến thức để giáo dục giá trị cho học sinh của mình. Đặc biệt, các thầy, cô hiện nay không chỉ sử dụng đơn điệu một nguồn thông tin nào đó mà trái lại, họ có xu hướng tìm kiếm thông tin, học hỏi kiến thức, phương pháp từ nhiều nguồn, nhiều nhất là từ internet; ti vi và sách báo. Những phương pháp thường được giáo viên sử dụng nhiều nhất trong việc giáo dục học sinh là: *"Giảng giải, nêu gương"* và *"Thưởng – Phạt"*. Từ kết quả nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một vài khuyến nghị sau:

Một là, giáo viên cần quan tâm thường xuyên đến sự phát triển tâm sinh lý của học sinh để định hướng giáo dục cho học sinh các giá trị phù hợp. Thường xuyên lắng nghe, trao đổi, tâm sự với học sinh để hiểu những tâm tư nguyện vọng của các học sinh. Đồng thời phải luôn khuyến khích sự sáng tạo của các học sinh cũng như khuyến khích các học sinh nói lên những tâm tư, suy nghĩ của mình.

Hai là, giáo viên cần lựa chọn các phương pháp giáo dục phù

hợp với đặc điểm lứa tuổi, tính cách của học sinh để quá trình định hướng, giáo dục giá trị đạt được hiệu quả. Luôn tạo điều kiện và khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động trải nghiệm thực tế để từ đó tự rút ra những bài học và kinh nghiệm cho bản thân. Cho các em tham gia vào các lớp tập huấn kỹ năng sống, giáo dục giá trị sống để trẻ nâng cao nhận thức, hoàn thiện nhân cách, đạo đức. Giáo viên cần có các hình thức thưởng – phạt phù hợp, đủ nghiêm khắc trong quá trình giáo dục giá trị cho học sinh.

Ba là, giáo viên cần phối hợp, bàn bạc thường xuyên với nhau về nội dung cũng như cách thức giáo dục giá trị cho học sinh cái để có một phương pháp giáo dục thống nhất. Bên cạnh đó, các thầy, cô cũng cần thường xuyên phối hợp, thông tin với gia đình, xã hội để cùng giáo dục giá trị cho học sinh.

Bốn là, giáo viên cũng cần kịp thời phát hiện và uốn nắn, điều chỉnh những hành vi lệch chuẩn, không phù hợp của học sinh. Có biện pháp khuyên nhủ, giảng giải, động viên học sinh cái kịp thời khi học sinh mắc sai lầm, tránh gây áp lực cho học sinh.

Năm là, giáo viên cần ý thức xây dựng cho mình có một lối sống lành mạnh, chuẩn mực. Đồng thời, tự rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng dạy dỗ học sinh và không ngừng cố gắng để trở thành những tấm gương sáng cho học sinh học tập, noi theo.

N.T.A - B.P.T - Đ.T.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoàng Hải (2017). *Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành giáo dục Tiểu học qua hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm.* Luận án Tiến sĩ.

2. Trương Thị Khánh Hà (2013). *Giáo trình Tâm lý học Phát triển*. Hà Nội: NXB. Đại học Quốc gia.

ABSTRACT

This article aims to investigate methods of values education for high school students of teachers, whit the questionnaire survey for 300 high school teachers in Hanoi, the results showed that "Explanation – Set an example" and "Reward- Punish" are two groups of values education methods used the most by teachers for the students.

CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

TS. Huỳnh Đức Thiện*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đạo đức có vai trò hết sức to lớn trong đời sống xã hội, là một trong những vấn đề thường xuyên được đặt ra và giải quyết nhằm đảm bảo cho cá nhân, cộng đồng tồn tại và phát triển. Trong thời đại ngày nay, đạo đức càng đóng vai trò quan trọng trong cuộc đấu tranh vì quyền con người, chống lại chủ nghĩa vô nhân đạo, bảo vệ môi sinh, chống đói nghèo, tạo ra mọi khả năng và điều kiện để con người thực hiện nhu cầu của mình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - thiên tài đa diện của lịch sử, tiêu biểu cho trí tuệ, ý chí và nguyện vọng của dân tộc Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Mặc dù đã đi xa nhưng Người đã để lại cho chúng ta di sản tinh thần to lớn, những tư tưởng vô giá có giá trị nhân văn cao cả, đặc biệt là tư tưởng về đạo đức. Người không để lại những tác phẩm đạo đức lớn nhưng những tư tưởng đạo đức được chứa đựng trong các bài viết, bài nói ngắn gọn, được diễn đạt rất cô đọng, quen thuộc với con người Việt Nam. Bản thân Người lại thực hiện trước nhất những tư tưởng ấy, thậm chí nhiều hơn những gì Người đã viết, đã nói về đạo đức. Cả cuộc đời và sự

* Trường Đại học KHXH & NV, Đại học Quốc gia TPHCM

nghiệp của Người là tấm gương đạo đức tiêu biểu, sáng ngời cho toàn Đảng, toàn dân ta suốt đời học tập.

Ngày nay, khi mà đất nước ta đang tích cực đẩy mạnh hội nhập quốc tế, ra sức phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa thì tình hình kinh tế - xã hội với những biến động to lớn đã ảnh hưởng đến đạo đức của thanh niên và vấn đề đạo đức của thanh niên trở nên bức xúc, cần được sự quan tâm của toàn xã hội. Thanh niên là lực lượng to lớn, là nguồn lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của xã hội, là người chủ của đất nước trong hiện tại và tương lai. Với vai trò đặc biệt quan trọng đó, việc giáo dục, bồi dưỡng những giá trị đạo đức đúng đắn, tốt đẹp cho thanh niên càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - một trong hai trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao của cả nước, với số lượng sinh viên chính qui gần 50 ngàn, hàng năm cung cấp cho xã hội hàng ngàn kỹ sư, cử nhân đại học có trình độ học vấn cao. Cùng với bối cảnh chung của thanh niên, sinh viên cả nước, thực trạng đạo đức, lối sống trong sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cũng đang diễn biến phức tạp và trở thành mối quan tâm hàng đầu của các tổ chức, đoàn thể trong khối.

Xuất phát từ tình hình trên, việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trở nên hết sức quan trọng, bởi vì tư tưởng đạo đức và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh luôn là bộ phận quan trọng của nền tảng tinh thần xã hội, là động lực to lớn để nhân dân cả nước nói chung, thanh niên nói riêng, trong đó có sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh phát huy sức mạnh, vượt qua mọi thách thức để thực hiện nhiệm vụ cách mạng mỗi thời kỳ. Hơn nữa, đây là một biện pháp thiết thực để bồi dưỡng phẩm chất cộng sản cho thế hệ trẻ, giúp cho thanh niên - sinh viên sửa chữa, khắc phục tình trạng "lệch lạc" có tính nghiêm trọng trong đạo đức, lối sống của mình.

1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

1.1. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho dân tộc ta một di sản tinh thần vô giá, đó là tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng về đạo đức.

Mỗi học thuyết, mỗi tư tưởng lớn ra đời đều có nguồn gốc riêng của nó, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cũng vậy, nó được nảy sinh từ những tiền đề lý luận, cơ sở thực tiễn và chịu sự chi phối của những yếu tố trong nhân cách của Người.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc luôn khao khát cuộc sống độc lập, được hình thành, hun đúc qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước; là sự gặp gỡ, cộng sinh, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng đạo đức cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin; là sự tiếp thu có chọn lọc, phát triển tinh hoa văn hóa đạo đức nhân loại; với tư duy độc lập, sáng tạo, chủ tịch Hồ Chí Minh đã thâu hóa những giá trị đạo đức của quá khứ mà Người tiếp thu được trong quá trình hoạt động cách mạng đầy gian nan, thử thách, đề xuất những tư tưởng đạo đức mới, phù hợp với yêu cầu cách mạng trong tình hình mới.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm cơ bản và toàn diện về đạo đức, bao gồm: vai trò, vị trí của đạo đức, những phẩm chất đạo đức cơ bản và những nguyên tắc xây dựng nền đạo đức mới.

❖ Về vai trò, vị trí của đạo đức

Người xem đạo đức cách mạng như "gốc" của cái cây, "nguồn" của sông, là nền tảng của người cách mạng. Có đạo đức trong sáng sẽ giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong công việc và đời sống, không tự kiêu tự mãn khi thành công, không nản lòng, thụt lùi khi thất bại. Đồng thời, Người cũng kêu gọi mọi người không ngừng rèn luyện tài năng để trở thành người toàn diện, Người nói: "Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà i tờ thì dạy thế nào?"[1]

❖ Về những phẩm chất đạo đức cơ bản

Trên cơ sở cụ thể hóa và tổng hợp những chuẩn mực đạo đức

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.9, tr.492.

cho từng đối tượng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên những phẩm chất cần có của mỗi người Việt Nam, đó là:

Trung với nước, hiếu với dân: Bác nói: "Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với dân, với đồng bào"[1]. Đây là phẩm chất bao trùm và quan trọng nhất, thể hiện quan điểm của Hồ Chí Minh về mối quan hệ và nghĩa vụ của mỗi cá nhân với cộng đồng, đất nước của mình.

Yêu thương con người: Bác viết: "Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng hơn là cả loài người"[2]. Đó là tình thương đối với đại đa số nhân dân lao động, những người nghèo khổ, bị áp bức bóc lột. đây là phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất, nó thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân trong quan hệ hàng ngày.

Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư: Đây là nền tảng của đời sống mới, là phẩm chất trung tâm của đạo đức cách mạng, là mối quan hệ "với tự mình", nó gắn liền với hoạt động thực tiễn, thể hiện hàng ngày trong đời công cũng như đời tư, trong cuộc sông cũng như trong công việc của mỗi người mà không thể che đậy được, thể hiện sự gắn chặt giữa nói và làm, giữa suy nghĩ và hành động.

Tinh thần quốc tế trong sáng: đó là phẩm chất đạo đức, là yêu cầu đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn hơn, vượt ra khuôn khổ quốc gia dân tộc, vươn ra toàn nhân loại.

❖ Những nguyên tắc xây dựng đạo đức mới: Đây là yếu tố đảm bảo cho những phẩm chất đạo đức được xây dựng một cách hiệu quả trên thực tế, bao gồm:

Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức: trong lĩnh vực đạo đức, lời nói phải đi đôi với việc làm mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính mỗi người và có tác dụng đối với mọi người. Mọi biểu hiện nói ít làm nhiều, nói mà không làm hay nói một đằng làm một nẻo đều đem lại hậu quả phản tác dụng mà thôi. Người

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.149.
2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.5, tr.644.

chỉ rõ: "100 bài diễn thuyết hay không bằng một tấm gương sáng", "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Xây đi đôi với chống: trong mỗi con người luôn tồn tại đan xen, đối chọi nhau giữa những mặt tốt - xấu, thiện - ác, đúng - sai. Vì vậy, muốn xây dựng, bồi dưỡng các phẩm chất đạo đức cho mỗi người, nhất thiết phải chống, loại bỏ những hiện tượng thoái hóa, biến chất, những hiện tượng tiêu cực, những biểu hiện phi đạo đức, mà biểu hiện cụ thể của nó là "chủ nghĩa cá nhân", còn phương thức tiến hành là gắn xây với chống, lấy xây làm chính, chống phải nhằm mục tiêu xây.

Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời, kiên trì, bền bỉ: Người đưa ra lời khuyên: "Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong"[1].

Tóm lại, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là một nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, nó hình thành từ yeu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh về đạo đức là sự kết tinh những tinh hoa cao đẹp nhất của truyền thống dân tộc và nhân loại nên chứa đựng những giá trị bền vững, trường tồn. Người đã tiến hành một cuộc cách mạng thật sự trên lĩnh vực đạo đức, xây dựng nên một nền đạo đức mới với những phẩm chất và nguyên tắc vừa truyền thống vừa hiện đại, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong nước, phù hợp với bối cảnh quốc tế. Những lời khuyên, nhận xét, hướng dẫn, quan điểm của Người về đạo đức luôn được giải thích, thể hiện cụ thể, dễ hiểu, gần gũi đối với mọi người, phù hợp với từng độ tuổi, từng giới, từng ngành, từng lĩnh vực.

Những phẩm chất đạo đức theo quan niệm của Hồ Chí Minh bao quát nhiều mối quan hệ khác nhau, từ mối quan hệ lớn nhất đó là giữa con người đối với dân tộc, đất nước đến giữa các cá nhân với nhau trong xã hội; mỗi cá nhân trong mối quan hệ với tự mình cho đến mở rộng ra toàn nhân loại.

Những nguyên tắc mà Người đưa ra là toàn diện, triệt để, cho

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.9, tr.293.

phép khai thác, phát huy sự tự giác, sức mạnh nội sinh của mỗi cá nhân và sức mạnh của đoàn thể, tổ chức trên tinh thần tự phê bình và phê bình nhằm mục đích cao nhất là bồi dưỡng và ngày càng hoàn thiện đạo đức cho mọi người.

Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, sự giao kết giữa hai hành vi đạo đức tưởng như mâu thuẫn nhưng thật sự là thống nhất biện chứng với nhau, đó là hành vi đạo đức hướng thiện nhưng đồng thời hướng vào việc chống cái ác; tư tưởng ấy vừa mang đậm truyền thống nhân ái vừa thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, kiên trì, không hề khoan nhượng với cái xấu, cái ác; nó không chỉ được thể hiện và cần thiết trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Có thể nói, lịch sử đã sản sinh ra nhiều vĩ nhân nổi tiếng, nhiều nhà tư tưởng lỗi lạc, nhưng lịch sử nhân loại cũng hiếm có những vĩ nhân mà tác dụng tư tưởng đạo đức của họ từ lúc sinh thời cũng như sau khi đã qua đời lại có ảnh hưởng to lớn, sâu rộng, toả sáng đến mọi người, từ trong nước đến quốc tế như tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, nó không chỉ có giá trị đối với lịch sử đã qua mà ngay cả trong hôm nay.

1.2. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh

Trong điều kiện đấu tranh quyết liệt để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh sẽ không dễ dàng được cộng đồng thừa nhận và đi sâu vào hiện thực nếu như bản thân Người không nêu một tấm gương đạo đức điển hình. Bản thân Người là tấm gương sáng, là hiện thân của nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng Việt Nam, mãi mãi là ngọn đèn pha chiếu rọi con đường rèn luyện, phấn đấu để trở thành "tốt" hơn, đạt đến "chân, thiện, mỹ" của con người Việt Nam ngày nay và mai sau. Tấm gương ấy vừa là tấm gương của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng, một chiến sĩ cộng sản vĩ đại, đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, bình dị mà ai cũng có thể noi theo để trở thành một công dân tốt trong xã hội. Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở năm phương diện sau:

Một là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương trọn đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và nhân loại. Bác nói:"Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo - là vì mục đích đó"[1].

Hai là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích cách mạng. Bác không chỉ lạc quan về hoàn cảnh của mình mà còn tin tưởng vào thắng lợi của tiến bộ, công lý và chính nghĩa. Vượt qua bao khó khăn, Người kiên trì mục đích của cuộc sống, bảo vệ chân lý, bình tĩnh, chủ động vượt qua mọi thử thách. Chính phẩm chất này đã có tác dụng cổ vũ, khuyến khích, động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta kiên trì thực hiện sự nghiệp cách mạng.

Ba là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Hồ Chí Minh sống trong lòng quần chúng, hiểu được tâm tư, nguyện vọng và sức mạnh của quần chúng. Người khái quát: "Trong bầu trời không gì quí bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân"(???). Riêng đối với bản thân, Người nguyện làm "người đầy tớ thật trung thành của nhân dân". Đồng thời, Người còn chỉ rõ: "Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta"[2].

Bốn là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực vì con người. Biểu hiện tập trung nhất của lòng nhân ái, nhân hậu cao đẹp của Bác đó là tình cảm Người dành lại cho toàn Đảng, toàn dân và bạn bè quốc tế trong bản Di Chúc lịch sử, Người thân tình dặn lại: "Cuối cùng, tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.240.

2. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.4, tr.56 – 57.

đồng. Tôi cũng gửi lời chào thân ái đến các đồng chí, các bầu bạn và các cháu thanh niên và nhi đồng quốc tế"[1].

Năm là, đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường. Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn được tín nhiệm giữ chức vụ cao nhất của Đảng và Nhà nước ta. Dân tộc Việt Nam và nhân dân thế giới càng ngưỡng mộ Người bởi một tấm gương chăm lao động, tiết kiệm thời gian, tiền bạc…cho bản thân cũng như cho người khác, một con người bình dị mà vĩ đại, một vị lãnh đạo thật sự công bằng với tất cả mọi người.

Ở Hồ Chí Minh, tất cả những đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho Bác trở nên cao thượng tuyệt vời, và cũng chính từ đó, Người trở nên bình dị, gần gũi để mọi người noi theo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của nhân dân Việt Nam, suốt cả cuộc đời, Người hy sinh cho nhiệm vụ cách mạng, cho độc lập dân tộc, cho cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân và toàn nhân loại. Người giành tất cả mọi tình yêu thương cho đồng bào, đồng chí, con cháu, già trẻ, gái trai, miền xuôi, miền ngược, Bắc cũng như Nam. Cần cù, giản dị, khiêm tốn, trung thành tuyệt đối với dân tộc và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tất cả làm cho Hồ Chủ Tịch trở thành một lãnh tụ sáng suốt được nhân dân yêu mến. Mỗi bài nói, bài viết, một lời căn dặn, một buổi gặp gỡ, công tác của Người đều chứa đựng ý nghĩa tư tưởng, hành vi và quan hệ đạo đức cách mạng sáng ngời. Cái tạo nên con người Hồ Chí Minh vĩ đại không chỉ ở tư duy sáng tạo, ở những quyết định chiến lược thiên tài, ở những hoạt động bền bỉ, hiệu quả mà còn ở đạo đức cách mạng của người. Người là hình mẫu cao đẹp của con người mới. Đồng chí Võ Nguyên Giáp từng nói: Bác Hồ của chúng ta là con người mà "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy quyền không thể khuất phục". Sự thống nhất giữa lời nói và hoạt động cũng là một nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động của Bác. Chính điều đó càng làm cho

1. Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.12, tr.512.

Người trở nên cao thượng, như Giáo Sư, Tiến sĩ Hoàng Chí Bảo - Thường trực Hội đồng Khoa học Viện Chính trị Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh khi kể về Bác thường nói: "Tôi đặc biệt lưu ý đến phương diện đạo đức và thực hành đạo đức cách mạng với chuẩn mực cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Mạch sống này vận hành suốt cuộc đời Bác"[1].

Ngày nay, đất nước ta đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, trước hết là về kinh tế, nền kinh tế thị trường với những biểu hiện đan xen cả mặt tích cực và tiêu cực đã đặt ra nhiều yêu cầu về việc tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất đạo đức của bản thân mỗi người. Trước thực trạng đáng lo ngại về đạo đức, tình trạng suy thoái về đạo đức của nhiều cán bộ Đảng viên, các tầng lớp nhân dân, học sinh - sinh viên thì việc thấm nhuần tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên hết sức quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết.

2. Vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Trước hết cần phải khẳng định tình hình thế giới hiện nay đang có những biến đổi nhanh chóng và phức tạp với những điểm nổi bật sau:

Một là, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có những bước phát triển nhảy vọt, nó đang hướng loài người vào nền văn minh trí tuệ với hai đặc trưng cơ bản là "xã hội thông tin" và "kinh tế tri thức", đặc biệt nó tạo cơ sở và thúc đẩy nhanh hơn, tạo lực lượng mạnh hơn cho quá trình toàn cầu hóa.

Hai là, tình hình chính trị trên thế giới có sự biến đổi lớn. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu là biến cố chính trị lớn nhất vào cuối thế kỷ XX. Nó không chỉ là sự xóa bỏ chủ nghĩa xã hội với tính cách là một hệ thống thế giới mà còn đẩy toàn bộ phong trào cách mạng thế giới vào tình trạng thoái trào. Cuộc "chiến tranh lạnh" tuy đã kết thúc nhưng nền hòa bình thế giới vẫn đứng trước những thách thức, bất ổn. Chủ nghĩa tư

1. Website: *http://www.thanhdoan.hochiminhcity.gov.VietNam*

bản tuy đã có những bước thích nghi và phát triển mới, song bản chất kinh tế của nó vẫn làn bóc lột lao động làm thuê. Bước vào thế kỷ XXI, loài người vẫn sống trong một thế giới bất ổn và đầy biến động khó lường.

Như vậy, "*bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn đối với cách mạng Việt Nam*"[1].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước ta đã vượt qua những thử thách, thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện nay, nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập quốc tế và khu vực, chủ yếu và trước hết là về kinh tế. các lĩnh vực chính trị, văn hóa, an ninh quốc phòng…cũng có những bước tiến bộ đáng kể.

Tình hình thế giới và bối cảnh trong nước đã tác động trực tiếp tới thế giới quan, nhân sinh quan; ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức và hành động của người Việt Nam nói chung và thanh niên - sinh viên nói riêng. Hiện trạng đạo đức của thanh niên - sinh viên đang diễn biến hết sức phức tạp, đan xen cả những biểu hiện đáng mừng và những suy thoái đáng lo ngại.

2.1. Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, với số lượng sinh viên đông đảo, đa số được học tập, rèn luyện, sinh hoạt trên một địa bàn tập trung, tương đối ổn định. Họ là những người được học tập và rèn luyện trong môi trường tương đối tốt, được sự quan tâm rất lớn của toàn xã hội, họ là lực lượng năng động, tự tin, thích ứng nhanh hơn cả, bên cạnh cùng chịu những tác động chung với thanh niên - sinh viên cả nước, cùng với điều kiện, đặc điểm có tính đặc thù, tình trạng đạo đức lối sống của sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh cũng có những diễn biến phong phú nhưng cũng không kém phần phức tạp. Phải thấy được thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên thì chúng ta mới thấy rõ tầm quan trọng cũng như hiệu quả mà công tác giáo dục đạo đức, lối

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.156.

sống mang lại; từ đó có những giải pháp nâng cao hiệu quả công tác này.

Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh có thể được khảo sát và đánh giá trên ba lĩnh vực: bản lĩnh chính trị - tư tưởng, đời sống văn hóa - xã hội, ý thức học tập và chấp hành nội qui của ký túc xá, của nhà trường, pháp luật của Nhà nước.

❖ Bản lĩnh chính trị - tư tưởng:

Cần phải khẳng định sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, đại đa số đặt niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của dân tộc, vào công cuộc đổi mới của đất nước. Đây là yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, có tác dụng to lớn trong việc giúp sinh viên luôn tự tin, vững vàng trước những khó khăn của thời cuộc, đặc biệt là sự xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ bị tác động bởi những yếu tố tiêu cực từ bên ngoài và bàng quang trước vận mệnh của dân tộc, thiếu tự tin, bản lĩnh trước những biến động phức tạp của tình hình.

❖ Đời sống văn hóa - xã hội:

Đa số sinh viên đều có đạo đức trong sáng, hết lòng vì lý tưởng, luôn thể hiện và không ngừng bổ sung những chuẩn mực giá trị đạo đức cao đẹp, hình thành ý thức và thói quen công dân, tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong xã hội mới, củng cố, xây dựng lòng nhân ái, nhân văn, tính tích cực xã hội và tinh thần xung phong tình nguyện, ý thức chia sẻ, tinh thần tương thân tương ái. Với lương tâm, trách nhiệm và vốn tri thức của mình, sinh viên Đại học Quốc gia luôn xung kích đi đầu trong việc ngăn ngừa, phòng chống các tệ nạn xã hội, xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, qua đó họ thể hiện vai trò quan trọng của mình trong việc giải quyết những vấn đề xã hội do mặt trái của nền kinh tế thị trường gây ra.

Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất là trong một bộ phận không nhỏ sinh viên, sự cạnh tranh quyết liệt theo đuổi những lợi ích cá nhân đã khiến họ bất chấp tất cả, tuyệt đối hóa giá trị vật chất, xem

nó là lý tưởng sống, có lối sống thực dụng ích kỷ, sùng bái đồng tiền, có lối sống đi ngược với thuần phong mỹ tục, trái luật pháp. Một trong những tình trạng đáng lo ngại nhất là tình trạng sống thử trong sinh viên ngày càng phổ biến. Tình trạng nhậu nhẹt, cờ bạc, cá độ, đánh nhau, bè phái…đã để lại nhiều hậu quả nghiêm trọng và dai dẳng, làm ch sinh viên kiệt quệ về thể chất, nghèo nàn về vật chất, suy giảm về tinh thần, thậm chí có thể dẫn đến mất khả năng học tập, lao động, sâu xa hơn nữa, đó là một gánh nặng cho xã hội.

❖ Ý thức học tập và chấp hành nội quy trường lớp:

Với sự tiếp thu và thích ứng nhanh nhạy với những phẩm chất đạo đức tiến bộ phù hợp với tình hình mới, sinh viên đã trở nên năng động, sáng tạo hơn, có ý thức cao về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, điều này được thể hiện rõ nét trong quá trình học tập và nghiên cứu. Trước nhịp sống sôi động và những biến đổi liên tục do sự vận động không ngừng của tình hình trong nước và quốc tế, sinh viên Đại học Quốc gia đã tích cực phát huy tài năng, chiếm lĩnh những đỉnh cao của tri thức, có ý thức tự nuôi dưỡng ý chí, nghị lực, khắc phục tư tưởng ỷ lại, thụ động và trì trệ trong mọi hoạt động, sinh viên ngày càng nhận thức được mối quan hệ công bằng giữa tài năng và cống hiến, thấy được nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Thực tế cho thấy, với tinh thần cầu tiến, sự thông minh, họ đã đóng vai trò đáng kể trong việc tìm tòi, phát hiện và bước đầu chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập. Đồng thời, sinh viên Đại học Quốc gia đã hình thành và không ngừng hoàn thiện một số chuẩn mực đạo đức mới, mà điển hình là họ thấy được tầm quan trọng của uy tín và tính kỷ luật trong mọi hoạt động. Những phẩm chất này đã trở thành những tiêu chí đánh giá đạo đức của sinh viên. Từ đó ngày càng nâng cao ý thức tự giác của sinh viên trong việc tôn trọng, học tập và làm việc theo nội qui, qui chế trường lớp, ký túc xá và pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh đó, vẫn còn một số sinh viên có tư tưởng dựa dẫm, ỷ lại vào gia đình, bạn bè trên mọi lĩnh vực, không tự lập, lười nhác trong học tập và lao động. Họ không tự trang bị cho mình những

kỹ năng, không tích cực tích lũy kinh nghiệm, do đó sau khi ra trường, lúng túng trong thực hành, dễ bị thất nghiệp, và khi đó lại dễ sa vào lối sống không lành mạnh.

Nguyên nhân của những hạn chế trong đạo đức, lối sống của sinh viên

Sở dĩ những biểu hiện tiêu cực trong đạo đức, lối sống của sinh viên xuất hiện và ngày càng phổ biến là vì bốn nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, khâu quản lý giáo dục, văn hóa còn yếu kém, các hoạt động văn hóa trá hình tồn tại dưới nhiều hình thức, không kiểm soát được, đó là những con đường đến tình trạng suy yếu trong nhận thức, yếu kém trong bản lĩnh, sa đọa vào lối sống tiêu cực, thậm chí là vi phạm pháp luật.

Hai là, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trong các trường vẫn chưa đạt hiệu quả cao, các hoạt động chưa mang lại hiệu qủa thực tế, nặng về tính phong trào, công tác tuyên truyền chưa thuyết phục, việc kiểm tra, đôn đốc, quản lý sinh viên còn lỏng lẻo.

Ba là, những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường cùng với sự thiếu quan tâm, chăm sóc của gia đình, nhà trường và sự thiếu tinh thần trách nhiệm của nhiều cán bộ Đoàn - Hội đã tạo điều kiện cho những biểu hiện tiêu cực trong sinh viên ngày càng lan rộng. Trong gia đình, không ít hiện tượng cha mẹ bị cuốn theo nhịp sống vội vã của nền kinh tế, dễ dãi trong việc chu cấp tiền bạc cho con cái mà không quan tâm đến việc con mình sử dụng đồng tiền đó như thế nào; trong nhà trường, chỉ chú trọng trang bị tri thức mà chưa quan tâm đúng mức đến giáo dục đạo đức, xem nhẹ các môn khoa học xã hội, các môn có tính lý luận cùng với những biểu hiện tiêu cực của ngành giáo dục; các phong trào Đoàn - Hội chạy theo thành tích, thiên về phát động bề nổi, không thật sự gần gũi và trở thành nơi đáng tin cậy cho sinh viên…

Bốn là, sự giảm sức mạnh của dư luận xã hội trong việc điều chỉnh hành vi đạo đức, thậm chí ngay trong sinh viên - những người có học vấn tương đối cao thì thái độ của họ trước những biểu hiện tiêu cực của bạn bè vẫn bàng quang, thờ ơ, điều này đã

dung túng cho những hành vi vi phạm những qui phạm đạo đức của sinh viên.

2.2. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt và đầu tư thích đáng của Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường, Chi ủy, Ban Chủ nhiệm các khoa/bộ môn, Phòng Công tác chính trị - Quản lý sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên các trường. Thêm vào đó, với những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin đã giúp cho công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, nhất là thông qua việc tổ chức các cuộc thi ngày càng thuận lợi và có sức hút đối với sinh viên. Đội ngũ cán bộ Đoàn - Hội khá tâm huyết, nhiệt tình, có trách nhiệm và trình độ chuyên môn… Vì vậy, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên đã đạt những thành công nhất định, có thể khái quát như sau:

Nhìn chung, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên thông qua việc phát động, tổ chức cho thanh niên tham gia trực tiếp các phong trào cụ thể trong các trường thành viên đã ổn định và có bước phát triển tốt. Các tổ chức Đoàn - Hội ngày càng gần gũi và là bạn đồng hành của sinh viên. Các hoạt động, phong trào được tổ chức thường xuyên, có kế hoạch, đa dạng, ngày càng đi vào chiều sâu, phù hợp với sở trường và đặc thù của từng lĩnh vực, điều này đã tạo điều kiện tốt cho sinh viên bộc lộ và phát huy khả năng của mình, là môi trường tốt để sinh viên nâng cao kiến thức, rèn luyện và không ngừng hoàn thiện nhân cách.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí cũng như tầm quan trọng của công tác học tập, các trường, các tổ chức Đoàn - Hội có sự đầu tư rất lớn vào các hoạt động hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học, chủ động tiếp cận sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để động viên, hỗ trợ kịp thời. Các câu lạc bộ ngày càng phát huy vài trò của mình trong việc giúp sinh viên có môi trường học tập.

Công tác phát triển Đảng trong sinh viên được nâng lên một

tầm cao mới. Các tổ chức như: Chi bộ sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã tích cực trong việc phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu những đoàn viên ưu tú, tạo điều kiện và giúp đỡ cho sinh viên được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Bên cạnh những thành công đã đạt được, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên còn có những hạn chế:

Nhiều hoạt động được tổ chức còn nặng về hình thức, chạy theo số lượng, thành tích mà chưa mang lại hiệu quả thực tế, chưa đi vào chiều sâu. Công tác hỗ trợ cho quyền lợi thiết thực của sinh viên khi đạt thành tích cao trong các cuộc thi chưa thỏa đáng nên không tạo được sức hấp dẫn, không lôi kéo được đông đảo sinh viên tham gia.

Hoạt động hỗ trợ học tập và nghiên cứu khoa học còn ở mức độ phong trào. Các hoạt động như: tư vấn học tập, tâm lý, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên còn non kém, hầu hết sinh viên phải tự mày mò, tự tìm việc cho bản thân. Việc hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa hấp dẫn, chẳng hạn như trung bình mỗi đề tài được hỗ trợ từ 500.000 - 800.000 đồng là chưa đủ, điều này dẫn đến tình trạng một số sinh viên có năng lực nhưng không có điều kiện về kinh tế không có điều kiện tham gia hoặc không thể hoàn thành đề tài với chất lượng cao.

Công tác đánh giá, xếp loại sinh viên chưa hợp lý, mang tính cục bộ, chú trọng đến bề nổi làm cho sinh viên bất mãn và không hài lòng, dẫn đến tình trạng thiếu niềm tin vào cán bộ lớp, các tổ chức Đoàn - Hội.

Sự quan tâm của Đảng ủy, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đối với việc kết nạp Đảng cho sinh viên chưa đúng mức, nhu cầu được đứng vào hàng ngũ của Đảng trong sinh viên là rất lớn, so với lượng sinh viên rất đông thì số sinh viên được kết nạp là rất không tương xứng.

Một hạn chế nữa đó là sự nêu gương của thầy cô giáo, của các cán bộ Đoàn - Hội, cán bộ lớp là chưa thuyết phục. Vẫn còn một số ít thầy cô chưa gương mẫu trong quá trình giảng dạy, cán bộ lớp chưa đi đầu trong việc rèn luyện và học tập.

Trên đây là những hạn chế nổi bật trong công tác giáo dục,

rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên của các trường thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. Cần phải nghiêm khắc nhận thức những hạn chế để có định hướng khoa học với những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này trong thời gian tới.

3. Một số đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên Đại học Quốc gia theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh

Sinh viên Đại học Quốc gia - một bộ phận quan trọng của thanh niên và sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cần tiếp tục quán triệt và ra sức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức mà Bác hồ đã dạy.

Trung với nước, hiếu với dân: Đối với sinh viên, đây vẫn là phẩm chất quan trọng hàng đầu. Được sống trong môi trường hòa bình, đối với sinh viên, phẩm chất nầy được cụ thể hóa ra đó là ra sức học tập, nghiên cứu để phục vụ tốt hơn cho gia đình, xã hội. Đồng thời, bản thân mỗi người cần đề cao cảnh giác trước những âm mưu, hành động chống phá của các cá nhân, tổ chức nhằm cản trở công cuộc đổi mới của nước ta.

Yêu thương con người: Trong điều kiện học tập xa nhà, sinh viên còn nhiều khó khăn, cả về vật chất lẫn tinh thần. Song với điều kiện có phần hạn chế của mình, sinh viên vẫn có thể chia sẻ những thiếu thốn của mình với các em nhỏ trong việc duy trì các lớp học tình thương, tổ chức vui trung thu, đón Tết cho các em bằng những món quà giản dị do chính mình làm ra, tham gia các hoạt động tình nguyện vào các dịp hè, Tết để góp phần trí tuệ, sức lực của mình giúp đỡ những địa phương nghèo khó bằng những hoạt động thiết thực: làm nhà, làm đường, tư vấn về kế hoạch hóa gia đình… hay giao lưu với những người lầm đường lạc lối, thuyết phục, giúp đỡ học trở về với cộng đồng…

Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư: Đối với sinh viên, phẩm chất này càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Nó được thể hiện trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày: từ thái độ học tập, cách dùng tiền, sử dụng thời gian, đến ý thức giữ gìn của công, thái độ đối với bạn bè. Đối với cán bộ lớp, cán bộ Đoàn - Hội thì phẩm

chất này càng trở nên cần thiết. Rèn luyện được phẩm chất này sẽ giúp sinh viên đạt hiệu quả cao trong học tập, giảm bớt khó khăn, gánh nặng cho gia đình, góp phần bảo vệ trường lớp, môi trường xã hội, tạo được niềm tin đối với thầy cô, bạn bè, cộng đồng…

Tinh thần quốc tế trong sáng: Chủ yếu đó là sự giao lưu, đoàn kết giữa sinh viên Đại học Quốc gia với sinh viên các trường bạn, sinh viên nước ngoài. Qua đó, các bạn cần thể hiện được truyền thống hiếu khách, thân thiện của dân tộc Việt Nam, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ của sinh viên Việt Nam, đồng thời học hỏi, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu, văn hóa…với sinh viên nước ngoài nhằm mục đích tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết giữa sinh viên các nước với nhau, qua đó phục vụ tốt hơn cho việc học tập và giải trí của sinh viên.

Như vậy, trong bối cảnh phức tạp hiện nay, những phẩm chất đạo đức theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, đối với sinh viên những phẩm chất ấy vẫn vô cùng quan trọng và cần thiết.

Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nhằm mục tiêu xây dựng, bổ sung, hoàn thiện những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho sinh viên là một điều không đơn giản, cần được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội, tác động trên nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh khác nhau.

Một là, tạo cơ sở khách quan cho sự hình thành và phát triển đạo đức mới cho sinh viên.

Đạo đức nói chung, đạo đức của sinh viên nói riêng chịu sự qui định của sự phát triển kinh tế - xã hội nên muốn định hướng các giá trị đạo đức cho sinh viên, trước tiên phải định hướng ngay trong cơ sở kinh tế - xã hội sản sinh ra nó. Đó là Đảng, Nhà nước, cơ quan, đoàn thể và toàn xã hội cần đầu tư để *xây dựng các khu vui chơi, giải trí lành mạnh cho sinh viên, tạo điều kiện vật chất thuận lợi cho các hoạt động văn hóa - xã hội cho sinh viên*, nhất là đối với số sinh viên đang học tập tại Thủ Đức. Việc phát triển các khu văn hóa, bảo tàng cách mạng, đền tưởng niệm, nhất là cần xây dựng nhiều nhà văn hóa thanh niên, những khu liên hợp thể thao

hoạt động thường xuyên và chi phí thấp để thu hút đông đảo sinh viên, đó là nhu cầu cấp bách của sinh viên. Đây là cách tốt nhất giúp sinh viên tránh xa những tụ điểm tệ nạn xã hội, đồng thời, tạo môi trường cho sinh viên tự nhận thức và rèn luyện những phẩm chất đạo đức của mình.

Hai là, củng cố và tăng cường giáo dục đạo đức cho sinh viên trong gia đình, nhà trường và xã hội.

Đối với gia đình: Cha mẹ cần tôn trọng, quan tâm tìm hiểu tâm tư tình cảm của con cái; luôn tự bồi dưỡng kiến thức giáo dục con cái, tránh sự nuông chiều, đánh đập hoặc làm nhục con.

Đối với nhà trường: đây là nơi có môi trường giáo dục chuyên nghiệp, có nền nếp, kỷ cương, kỷ luật, đó là nơi giáo dục lý tưởng sống cho sinh viên. Đảng, Nhà nước cần có những biện pháp cụ thể, kiên quyết chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật trong ngành giáo dục để ngày càng tạo được niềm tin cho sinh viên.

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phải thường xuyên nghiên cứu, nắm vững tình hình, dự báo xu hướng diễn biến về tư tưởng, thái độ chính trị, đạo đức, lối sống của sinh viên để có những giải pháp thích hợp.

Quá trình giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội có những đặc trưng và ưu thế riêng. Sự thống nhất biện chứng giữa những yếu tố này là yếu tố quyết định quá trình hình thành và phát triển đạo đức của sinh viên, ngược lại, sự bất cập của mỗi yếu tố này đều có thể dẫn đến sự xuất hiện những nhân cách mà xã hội không mong muốn.

Ba là, cần chú trọng cả nội dung và hình thức, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức cho sinh viên trên cơ sở nghiên cứu, tìm hiểu đặc điểm của sinh viên.

Về nội dung, cần bám sát đối tượng để soạn thảo chương trình.

Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương đảng nêu nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới: "cụ thể hóa các chuẩn mực đạo đức, lối sống cho từng đối tượng cụ thể…" bởi vì "các giai cấp, các tầng lớp, giới và nhóm xã hội có vị trí xã hội khác nhau,

các chuẩn mực và thang bậc giá trị có sự thể hiện khác nhau"[1]. Đối với trình độ đại học hiện nay chưa có những giáo trình thật sự đáp ứng được nhu cầu định hướng chuẩn mực đạo đức và lý tưởng sống cho sinh viên thì việc cụ thể hóa chuẩn mực đạo đức là cần thiết, cần chủ động xây dựng mô hình nhân cách, xây dựng mẫu người lý tưởng với những phẩm chất phù hợp với điều kiện mới của sinh viên.

Về hình thức: Giáo dục đạo đức phải hết sức đa dạng, không chỉ truyền thụ những kiến thức đạo đức trong nhà trường mà còn phải thông qua liên hệ với hoạt động thực tiễn.

Giáo dục chính trị - tư tưởng: Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về con đường đi lên của dân tộc, giáo dục cho sinh viên lý tưởng và đạo đức cách mạng, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các biện pháp cụ thể có thể kể đến như: nâng chất và năng động hóa hoạt động của Câu lạc bộ Lý luận trẻ, tổ chức cuộc thi tìm hiểu các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn trường, phát huy tối đa hiệu quả của bản tin hoạt động Đoàn - Hội trong công tác giáo dục; duy trì việc tổ chức diễn đàn "Nghe sinh viên nói - nói sinh viên nghe" để nắm bắt tâm tư tình cảm của sinh viên.

Giáo dục truyền thống: Cần đa dạng hóa các hình thức hoạt động nhằm thu hút ngày càng đông sinh viên đến với bảo tàng, tổ chức thường xuyên các cuộc thi sinh động về đề tài lịch sử, trình chiếu các bộ phim cách mạng, đẩy mạnh hoạt động "đội tuyên truyền ca khúc cách mạng", nhân rộng hơn nữa các hoạt động như: gặp gỡ nhân chứng lịch sử, nhận phụng dưỡng, thăm hỏi, chăm sóc bà mẹ Việt Nam anh hùng…Phát triển các hình thức nêu gương trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống thông qua các bản tin, tổ chức các hoạt động để sinh viên thể hiện truyền thống "Tôn sư trọng đạo", giao lưu với Hội Cựu chiến binh trường…

Công tác giáo dục luật pháp và ý thức công dân: Sinh viên với những đặc trưng của tuổi trẻ, sôi nổi, sáng tạo và luôn đột phá

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.50.

vào những gì cố hữu, bảo thủ, hơn ai hết, họ cần được giáo dục để nhận thức đầy đủ những vấn đề cơ bản của Hiến pháp và pháp luật, có được sự nhận thức chắc chắn và bản lĩnh để làm chủ suy nghĩ và hành động của mình.

Về hỗ trợ sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học: Vận động các nguồn kinh phí để hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng đối với sinh viên có thành tích học tập tốt, tích cực phát triển các mô hình tự học, vận động sinh viên tham gia phong trào Sinh viên 3 tốt. Đoàn - Hội cần chủ động phối hợp tổ chức các chuyến tham quan, tìm hiểu, giao lưu với các doanh nghiệp, các công ty, qua đó tạo điều kiện cho sinh viên nắm bắt thực tế, xây dựng các mối quan hệ lâu dài cho sinh viên tìm hiểu, giao lưu, học hỏi, tổ chức thường xuyên các ngày hội việc làm…

Về việc nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác phát triển Đảng trong sinh viên: Giới thiệu những thành viên ưu tú tham gia học lớp cảm tình đảng phải đúng đối tượng, họ phải trở thành hạt nhân, đi đầu trong hoạt động học tập cũng như công tác Đoàn - Hội.

Bốn là, phát huy vai trò của dư luận xã hội trong việc điều tiết hành vi, giáo dục luân thường đạo lý, định hướng chuẩn mực đạo đức đúng đắn cho sinh viên.

Về vấn đề này, Đảng ta nhận thức thực trạng hiện nay như sau: "chưa hình thành dư luận xã hội định hướng chuẩn mực giá trị, chưa chỉ ra những nhược điểm trong đặc tính, tính cách con người Việt Nam truyền thống, phương pháp kết hợp xây và chống thực hiện chưa sâu, hiệu quả chưa cao"[1]. Như vậy, cần phát động dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó, có thể nêu lên những tấm gương người thật việc thật tiêu biểu, chỉ ra những biểu hiện tiêu cực giúp sinh viên phân biệt tốt xấu, phải trái, từ đó chọn lựa hành vi cho mình.

Bên cạnh đó, dư luận của sinh viên cũng rất quan trọng. Trong thời gian qua, xã hội đã khơi dậy khát vọng sống có ích cho cộng đồng, cho đất nước của thanh niên qua tấm gương anh Nguyễn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.15.

Văn Thạc, chị Đặng Thùy Trâm đã gây được hiệu ứng tích cực trong sinh viên. Trong thời gian tới, cần phát huy hơn nữa cách làm này, không chỉ là những tấm gương trong thời kỳ kháng chiến mà còn trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt hàng ngày.

Trên đây là một số giải pháp nhằm xây dựng đạo đức cho sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thông qua quá trình phân tích thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên. Những vấn đề này cần được thực hiện một cách nhịp nhàng, đồng bộ mới đem lại hiệu quả mong muốn. Giải quyết những vấn đề này cần được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể và toàn xã hội để cụ thể hóa chúng trong hoạt động thực tiễn.

KẾT LUẬN

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài, Người đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do, hạnh phúc của nhân dân ta, cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc trên thế giới, cho cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, công bằng xã hội trên thế giới, cho sự củng cố và phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa các dân tộc.

Dù đã đi xa nhưng người đã để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta di sản tinh thần to lớn, những tư tưởng vô giá, đặc biệt là tư tưởng về đạo đức. Đó là một hệ thống quan điểm cơ bản và toàn diện về đạo đức, bao gồm: vai trò, vị trí của đạo đức, những phẩm chất đạo đức cơ bản và những nguyên tắc xây dựng nền đạo đức mới.

Có thể nói, hiếm có vị lãnh tụ nào, ngay từ khi sinh thời cũng như sau khi đã qua đời, tên tuổi, sự nghiệp lại được biết đến rộng rãi, được ngợi ca không chút dè dặt bằng những lời đẹp đẽ và cao quý như loài người tiến bộ đã giành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài và kính yêu của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam.

Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào thì con người cũng là yếu tố quyết định sự phát triển mọi mặt của xã hội, vai trò đó càng được thể hiện rõ nét trong công cuộc đổi mới hiện nay. Trong đó, thanh niên chiếm vị trí trọng tâm trong chiến lược phát triển con người.

Sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh là những thành phần ưu tú, giỏi chuyên môn, tích cực rèn luyện, nhiệt tình trong phong trào đã có những biểu hiện tích cực trong đạo đức, lối sống, thể hiện trên các mặt: chính trị - tư tưởng, văn hóa - xã hội, ý thức học tập và chấp hành nội qui ký túc xá, qui chế trường lớp, pháp luật của Nhà nước, họ đã thể hiện sự nhiệt tình, hoài bão, ước mơ, niềm tin, lý tưởng đạo đức cao đẹp. Đó là những yếu tố tích cực đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau mà một bộ phận sinh viên đã có những biểu hiện lệch lạc về đạo đức, lối sống, thiếu trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Thực trạng này có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đến tương lai của chính bản thân sinh viên.

Bước vào thời kỳ mới, nhiệm vụ của thanh niên nói chung, sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh nói riêng là rất nặng nề. Đó là nhiệm vụ học tập, lao động sáng tạo, tạo lập cuộc sống, tham gia phát triển đất nước, tham gia bảo vệ Tổ quốc, xây dựng và bảo vệ hệ thống chính trị, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chủ động đi vào hội nhập và giao lưu quốc tế. Những nhiệm vụ này đòi hỏi sinh viên cần tiếp tục phát huy những phẩm chất đạo đức truyền thống, không ngừng tiếp thu, bổ sung cho mình những phẩm chất đạo đức mới.

Để hỗ trợ, hướng dẫn cho sinh viên trong quá trình rèn luyện đạo đức, bên cạnh sự tự vươn lên của chính sinh viên thì đồng thời cũng đặt ra cho Đảng, Nhà nước, xã hội, Đảng ủy, Ban Giám đốc Đại học Quốc gia, lãnh đạo và các tổ chức Đoàn - Hội các trường những yêu cầu mới trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên. Thời gian qua, trên cơ sở nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, các trường đã có sự quan tâm và đầu tư đúng mức cho công tác này và đã đạt được một số thành công nhất định. Tiếp tục phát huy những mặt đã làm được, khắc phục những hạn chế, để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên, cần đẩy mạnh và nhanh chóng thực hiện một số giải pháp.

Với những chuyển biến tích cực trong đạo đức, lối sống của

sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh và nhận thức về tầm quan trọng của công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên được nâng cao, với sự quan tâm đồng bộ của các cấp các ngành, các tổ chức đoàn thể, của toàn xã hội, tin rằng, đạo đức của thanh niên nói chung, của sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh nói riêng sẽ ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nền kinh tế tri thức hiện nay.

H.Đ.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Công tác chính trị - sinh viên, *Báo cáo về tình hình sinh viên ngoại trú khu vực Linh Trung - Thủ Đức*, tài liệu lưu tại Phòng Công tác chính trị - sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, *Một số lời dạy và mẩu chuyện về tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.

4. Bảo tàng Hồ Chí Minh (Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh), *Hỏi - đáp về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 2004.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.

6. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4,5,9,12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

8. Diệp Minh Giang, *Vấn đề đạo đức của thanh niên trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* (Luận văn Thạc sĩ Triết học), tài liệu lưu tại Thư viện trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

9. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.

10. Nguyễn Đức Lộc, *Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hoạt động tại các cơ sở Hội sinh viên Việt Nam tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh* (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường), tháng 12/2006, tài liệu lưu tại văn phòng đoàn trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

11. Nguyễn Thế Nghĩa - Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), *Di Chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và công cuộc đổi mới đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

12. Phạm Đình Nghiệp, *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay*, Nxb. Thanh niên, 2004.

13. Website*: http://www.thanhdoan.hochiminhcity.gov.vn*

14. Website: *http://www.cpv.org.vn*

15. Website: *http://www.tintucviethanhnienam.com*

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP Ở NHÀ TRƯỜNG VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Lý Thị Minh Hằng*
TS. Hà Thị Thư**

Trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, giá trị văn hoá truyền thống dân tộc có nhiều biến đổi cả trong nhận thức và thực tế do tác động của nhiều phía. Có sự biến mất của các giá trị cũ vì điều kiện đã thay đổi, có sự xuất hiện các giá trị mới, có sự xung đột giữa các giá trị… Những biến động như vậy của hệ giá trị Việt Nam có ảnh hưởng đến mọi thành phần xã hội, đến mỗi con người. Vì vậy, mỗi quốc gia cần tìm lại các giá trị chân nguyên, bản sắc để gia nhập bình đẳng và bổ sung cho hệ giá trị nhân loại. Đồng thời phải hiểu biết và thừa nhận giá trị của các nền văn hoá khác để giao tiếp và lựa chọn giá trị thích hợp để sử dụng. Nói cách khác, phát triển luôn đặt con người và xã hội loài người trước những sự lựa chọn giá trị, định hướng giá trị. Đối với thế hệ trẻ-học sinh, sinh viên đang định hình lối sống, nhân cách để vào đời, lập thân, lập nghiệp thì việc giáo dục giá trị trong nhà trường có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

1. Giá trị

Khái niệm giá trị được đề cập và nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học: Triết học, Kinh tế học, Xã hội học, Tâm lý học, Đạo đức học…

* Học viện báo chí và Tuyên truyền
** Học viện khoa học xã hội

Tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn cho rằng: "Nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là bao hàm quan điểm giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp, là nói đến khả năng thôi thúc con người hành động, nỗ lực vươn tới".[4]

Theo tác giả Phạm Minh Hạc, giá trị là cái quy định mục đích của hoạt động và động cơ thúc đẩy hoạt động đạt được mục đích đó. Nói đến giá trị là nói đến đánh giá, tìm ra ý nghĩa của sự vật hiện tượng mà chủ thể quan tâm tới, có ước muốn đạt được để thực hiện một mục đích nào đấy, đó là thái độ của con người đối với thế giới xung quanh.[5]

Tác giả Thái Duy Tuyên khẳng định: "Giá trị là cái đáng quý, cái cần thiết, có lợi ích, có ý nghĩa, thoả mãn những nhu cầu vật chất, tinh thần của con người, của giai cấp, nhóm, xã hội nói chung".[9]

Như vậy, giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể, cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể- khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội- lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách.

Giá trị là một phạm trù xã hội, một phạm trù lịch sử. Từ thời Cổ đại, tư tưởng Triết học phương Đông và Phương Tây đã bàn đến ba giá trị phổ quát nhất là chân, thiện, mỹ. Đây là ba giá trị quan trọng luôn có mặt trong hệ giá trị cá nhân cũng như xã hội, là giá trị lý tưởng của nhân loại. Hệ giá trị là một hệ thống mang tính toàn vẹn bao gồm một tổ hợp giá trị khác nhau được sắp xếp theo một nguyên tắc nhất định, thực hiện chức năng đánh giá con người theo những phương thức vận hành nhất định của giá trị. Hệ giá trị là nền tảng tinh thần, là sức mạnh mềm của quốc gia- dân tộc. Theo Hồ Sĩ Quý, hệ giá trị có thể được hiểu theo nhiều nghĩa: a) Chỉ bao gồm các giá trị đang tồn tại trong thực tế và việc xác định hệ giá trị trước hết là gọi tên các giá trị thực đó; b) Bao gồm các giá trị lý tưởng, kỳ vọng, có ý nghĩa định hướng đối với hành vi của con người, đối với hoạt động của các thiết chế xã hội, đối với chiều hướng phát triển của một quốc gia, dân tộc; c) Bao gồm các giá trị vừa tồn tại thực trong thực tế, vừa là thiêng liêng, lý tưởng để định hướng hành động.[7]

Hệ giá trị của các nước và các tổ chức vô cùng đa dạng và phong phú. Hội giáo dục giá trị quốc tế (2006) đưa ra 12 giá trị nhân cách và giá trị xã hội then chốt: Hòa bình, tôn trọng, yêu thương, khoan dung, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, hạnh phúc, trách nhiệm, giản dị, tự do, đoàn kết.

2. Giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay

Giáo dục giá trị trong nhà trường là đưa cách tiếp cận giá trị vào toàn bộ hoạt động dạy-học hình thành và phát triển bền vững con người.

2.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

Vấn đề giáo dục giá trị được một số nước trên thế giới chú ý từ vài thập kỷ cuối thế kỷ XX. Nhiều nước gắn giáo dục giá trị với giáo dục đạo đức, giáo dục công dân hoặc nhấn mạnh các giá trị của các niềm tin cơ bản, các giá trị giao tiếp, các hoạt động giáo dục được coi như các giá trị cần hình thành.

Dưới đây là một số chương trình giáo dục giá trị rất đáng quan tâm:

Bang Nam Wales Mới đã chủ trương nâng cao chất lượng giáo dục các thái độ và hành vi với ba loại giá trị: Các giá trị của việc học tập, các giá trị về bản thân và về người khác, các giá trị tinh thần trách nhiệm công dân.

Trong tài liệu Giáo dục giá trị Sathya Sai của Anh có nêu: Giáo dục giá trị dựa trên năm cột trụ: Chân lý, hành động đúng, hoà bình, tình yêu, không bạo lực bằng năm cách tiến hành: Đọc danh ngôn và suy nghĩ từng tuần, tĩnh tâm suy nghĩ, hát tốp ca, kể chuyện, hoạt động nhóm.

Ở Nhật Bản, những giá trị nhân văn được giáo viên chú trọng giảng dạy thông qua các tiết học đạo đức. Các tiết học này thường được tổ chức một lần một tuần và trong suốt quãng đời học sinh với tiêu chí: Phát triển một tầng lớp dân cư Nhật Bản, những người sẽ không bao giờ mất đi tinh thần nhất quán tôn trọng mọi người xung quanh, luôn mang theo tư tưởng đó ở nhà, tại trường học hay bất cứ hoàn cảnh này trong xã hội mà anh ta là thành viên… Những bài học như thế được thực hiện thông qua hình thức giáo

viên kể về một câu chuyện hay một tình huống nào đó. Tiếp theo, học sinh sẽ thảo luận theo nhóm và cuối cùng là chia sẻ những suy nghĩ, ý kiến mình sẽ làm gì? Tại sao? trong từng tình huống trước cả lớp.[2]

Tìm hiểu về giáo dục đạo đức trong nhà trường, Grác đã tiến hành khảo sát học sinh trung học ở Slovakia, kết quả của cho thấy: học sinh cuối cấp cảm thấy khó khăn khi nhận thức lý luận đạo đức và tư duy trong các bối cảnh phức tạp và trái ngược nhau trong cuộc sống hàng ngày. Theo ông, tư duy đạo đức chỉ có thể được hình thành dựa trên nền tảng vốn kiến thức nhất định, trong trường hợp này là hiểu biết về các tiêu chuẩn đạo đức. Ngay cả giáo viên giáo dục đạo đức cũng nhận thấy các quy trình nhận thức về giá trị đạo đức là khó khăn. Vì vậy, tác giả cho rằng: Những sinh viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ 5 năm, có định hướng tốt về các vấn đề đạo đức và luân lý nên được ưu tiên hơn trong việc giảng dạy về giáo dục đạo đức. Đặc biệt, giáo viên các trường trung học cần được chuẩn bị tốt trong các lĩnh vực đạo đức vì chỉ những giáo viên được đào tạo đầy đủ về mặt lý thuyết trong tất cả các lĩnh vực này mới có thể dẫn dắt và định hướng cho học sinh trong những cuộc thảo luận này, giúp họ hình thành thái độ đạo đức của mình. Theo ông, giáo dục đạo đức có thể được thực hiện với sự trợ giúp của nhiều phương pháp. Đối với học sinh tiểu học lớp 1 và lớp 2, học tập thông qua kinh nghiệm bao gồm giáo dục xã hội là thích hợp. Môn học sẽ được tiếp tục ở lớp cao hơn nhưng đòi hỏi trí tuệ nhiều hơn và đòi hỏi phải giải quyết các vấn đề lý thuyết, có không gian thảo luận các vấn đề luân lý trong thực tế tạo nên sự thú vị cho học sinh. Làm thế nào để giúp học sinh phát triển khả năng vượt xa phạm vi thông tin mà họ nhận được từ văn bản không chỉ trên nghĩa đen mà còn trên mức độ tư duy phân tích và tư duy tưởng tượng. Cố gắng làm cho học sinh suy nghĩ và giải quyết vấn đề một cách độc lập, nghiêm túc và sáng tạo để tạo ra sự thấu hiểu.

Phương thức để đạt được mục tiêu trên là thảo luận nhóm mở về các câu hỏi thú vị cho học sinh dưới sự trợ giúp của giáo viên có kiến thức và kỹ năng. Giáo viên cho học sinh tham gia vào các cuộc thảo luận bằng các câu hỏi và suy nghĩ về các thuật ngữ bằng

cách kích thích và tạo điều kiện cho cuộc thảo luận với những câu hỏi khác nhau làm cho tình huống trở nên khó giải quyết, yêu cầu học sinh giải thích hoặc đưa ra các ví dụ phản biện. Giáo viên chỉ là người dẫn dắt còn học sinh sẽ là người quyết định chủ đề và đưa ra các câu hỏi trong suốt cuộc đối thoại. Bằng cách này, cho phép học sinh thảo luận về các vấn đề đạo đức và luân lý, khuyến khích hành vi đồng cảm và mang tính xã hội trong bối cảnh hiện tại, tạo ra cơ sở vững chắc cho sự phát triển của đạo đức tự chủ. Đồng thời dạy học sinh cách suy nghĩ và lý luận tốt, cung cấp một loại vắc xin chống lại thao túng và truyền đạo mà học sinh luôn bị phơi nhiễm và chúng sẽ gặp phải khi tư duy và quyết định về bản thân và những người khác.[10]

Cựu Tổng thống Mỹ Theodore Roosevelt khẳng định: "Về lâu dài, nhân cách của một con người là yếu tố quyết định trong cuộc đời của một cá nhân cũng như của các quốc gia". Bởi vậy, tất cả người lớn chúng ta đều phải chịu trách nhiệm trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh. [3]

2.2. Giáo dục giá trị trong nhà trường ở Việt Nam

Ở Việt Nam, Nghị quyết số 29 Hội nghị lần thứ 8 BCHTW khoá XI đã chỉ rõ: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển năng lực và phẩm chất người học, giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, sống tốt và làm việc hiệu quả.[1]

Vì vậy, mục tiêu giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ được xác định: a) Hiểu được giá trị của mỗi con người, của chính mình để từ đó có trách nhiệm với bản thân; b) Ý thức được giá trị cá thể gắn bó chặt chẽ với giá trị cộng đồng, xã hội; c) Hình thành và phát triển hệ giá trị của mỗi người do bản thân tạo ra thông qua hoạt động và giao tiếp của chính mình với sự hỗ trợ của giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; d) Thể hiện được giá trị của bản thân vào cuộc sống, thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội; e) Biết đánh giá giá trị của người khác và bản thân.

Các nhà giáo dục học cho rằng, giáo dục giá trị không chỉ là giáo dục nhận thức, đem lại sự hiểu biết các tri thức về giá trị học mà phải chú trọng bồi dưỡng tình cảm về giá trị, tạo cơ hội cho người học có những trải nghiệm sâu sắc trong thực tiễn, hình thành niềm tin, tạo động lực thúc đẩy hành động tích cực theo các giá trị đã lựa chọn.

Giáo dục giá trị cần tuân thủ theo các khâu: a) Giúp thế hệ trẻ tiếp thu sâu sắc các giá trị và cách đánh giá, lĩnh hội các chuẩn mực giá trị xã hội chuyển thành hệ giá trị nhân cách, tạo ra hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội; b) Giúp thế hệ trẻ tiếp thu bằng con đường phân tích, tìm tòi, tổng hợp, khái quát những sự kiện, tự đi đến kết luận về một giá trị nào đó thông qua các hoạt động thực tiễn; c) Hướng việc giáo dục giá trị tập trung vào các giá trị đạo đức; d) Hình thành hệ giá trị để có thái độ đúng với các giá trị và thể hiện giá trị vào cuộc sống, đi từ suy nghĩ, tình cảm đến hành động theo các chuẩn mực xã hội.[5]

Giáo dục giá trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật đòi hỏi nhà giáo dục có những tác động đúng đắn, sâu sắc về tư tưởng đồng thời có sự phong phú, đa dạng, hấp dẫn về hình thức giáo dục nhằm biến quá trình giáo dục giá trị thành quá trình tự giáo dục ở mỗi người.

Trong thực tế, công tác giáo dục giá trị ở các nhà trường nước ta hiện nay còn nhiều bất cập. Học sinh được dạy giống nhau, phải làm bài theo những bài mẫu giống hệt nhau. Từ đó chúng ta thấy, sản phẩm đào tạo của chúng ta có thể tạo ra những học sinh giỏi nhưng thiếu kỹ năng làm người. Một số bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên còn có thái độ và động cơ học tập yếu, thiếu trung thực trong học tập, gian lận trong thi cử; một bộ phận nhỏ học sinh chỉ đòi quyền hưởng thụ, không nghĩ đến nghĩa vụ, trách nhiệm cống hiến…

Kết quả điều tra giá trị theo phương pháp nghiên cứu nhân cách NEO-PI-R cho thấy, có tới 1/3 thanh niên sinh viên không tham gia hoạt động xã hội.[6]

Một khảo sát về "Thực trạng và xu hướng biến đổi lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay" thuộc đề tài khoa học cấp Nhà

nước mã số KX03.16/06-10 chỉ ra: 7,4% số người được hỏi xác định đóng góp cho đất nước là ưu tiên số một; có tới 21% thanh niên cảm thấy thất vọng, bi quan về tương lai của mình; 23% cho biết họ từng trải qua trạng thái buồn chán.[8]

Nhìn chung, giáo dục giá trị trong nhà trường còn nặng về lý thuyết, học sinh ít được rèn luyện kỹ năng. Môn học đạo đức chưa thực sự được chú trọng như các môn học khác. Hầu hết giáo viên lên lớp chỉ tập trung vào kiến thức bài học chứ chưa quan tâm đến giáo dục giá trị cho học sinh. Đặc biệt còn thiếu sự kết hợp thống nhất giữa truyền đạt và nêu gương, giữa nhà trường với gia đình và xã hội.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị trong các nhà trường Việt Nam hiện nay

Từ thực tiễn công tác giáo dục giá trị trong nhà trường ở nước ta hiện nay, dựa trên bài học giáo dục giá trị của các nước trên thế giới, chúng tôi xin nêu ra một số giải pháp sau:

- *Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học giáo dục công dân, đạo đức học, đạo đức nghề nghiệp* (đổi mới về mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức giảng dạy…)

+ Hoạt động giáo dục giá trị phải làm sao để mỗi học sinh phải được dạy để có ý thức rằng cuộc đời mình là do cá nhân mình quyết định, tuyệt đối không ỷ lại, dựa dẫm vào bất kỳ ai và cộng đồng phải tôn trọng tối đa bản lĩnh cá nhân ấy.

+ Môn giáo dục đạo đức cần đánh giá tương đương như các môn học khác nếu không nó sẽ không đạt được sự tôn trọng đúng mực từ các giáo viên khác cũng như học sinh.

+ Cần cải cách hoặc thay đổi nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức, chú trọng đến hình thành và phát triển tư duy đạo đức phê phán của học sinh. Thông qua nội dung bài giảng giúp học sinh lựa chọn một giải pháp gợi ý cho các vấn đề đạo đức thông qua tư duy đạo đức. Khi học sinh phân tích các tình huống đạo đức thực tế hoặc giả định, họ đã được kích thích tư duy để biết cách xem xét những hệ quả trong tương lai cũng như những hệ quả từ những quyết định của chúng đối với người khác là cần thiết. Dẫn học sinh đến sự thành thực trong suy nghĩ của họ nhằm không bỏ sót một số lựa chọn thay thế, bằng chứng chống lại quan điểm của

họ. Họ cũng phải trung thực với những ý kiến khác. Những người có khả năng này có thể tôn trọng ý kiến của người khác và họ cởi mở hơn đối với các tranh luận.

- Phát huy vai trò giáo dục của giáo viên

Mỗi giáo viên phải có ý thức giáo dục giá trị cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong nội dung bài giảng. Điều quan trọng hơn là người giáo viên phải mẫu mực trong tác phong, sinh hoạt, mẫu mực trong lời nói và hành vi, thống nhất giữa lời nói và hành vi. Giáo dục giá trị với tư cách là giáo dục văn hoá phải chuyển ý niệm thành biểu tượng, hình tượng mang sức mạnh truyền cảm, tạo ra hiệu ứng từ những mẫu nhân cách- hiện thân của những giá trị, những lý tưởng cao đẹp đến với chủ thể tiếp nhận, khiến họ có nhu cầu thỏa mãn, biến những giá trị đó thành của mình. Thực chất việc nội tâm hoá các giá trị (chuyển những yêu cầu bên ngoài thành nhu cầu bên trong, nội tại) của chủ thể chính là con đường giáo dục giá trị phải đi qua. Như vậy, quá trình giáo dục giá trị đã trở thành quá trình tự giáo dục giá trị ở học sinh. Sự chuyển hoá này là thước đo về sự hiệu quả của giáo dục bởi tài năng và tâm huyết của các nhà sư phạm.

- Phối kết hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục giá trị cho học sinh.

+ Các nhà Tâm lý học, Giáo dục học trong nhà trường với chuyên môn và công tác của mình tham gia vào tổ chức lại việc giáo dục đạo đức trong nhà trường.

+ Huy động các lực lượng: Đoàn thanh niên, phòng công tác chính trị, phòng đào tạo,…tham gia tổ chức các hoạt động chính trị- xã hội cho học sinh.

+ Nhà trường phối hợp với cá nhân, gia đình, xã hội và nhà nước thực hiện đúng chức năng của mình trong công tác giáo dục giá trị cho học sinh.

Chất lượng giáo dục giá trị gắn liền với nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển bền vững con người. Nhà trường dưới sự chỉ đạo của Nhà nước cần thực hiện tốt chức năng của mình: giúp học sinh tự tạo cho mình một hệ giá trị và phát huy hệ giá trị đó vào cuộc sống. Đây là công việc rất khó khăn, phức tạp đòi hỏi nhiều

thời gian, công sức. Vì vậy, nhà trường cần phối kết hợp với các lực lượng xã hội tổ chức và thực hiện các chương trình giáo dục có chất lượng về nội dung và phương pháp giáo dục hiệu quả. Đồng thời, mỗi giáo viên trong nhà trường phải có đủ kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm xã hội và tôn trọng, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp, là những tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

L.T.M.H - H.T.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. *Ba giá trị cốt lõi của giáo dục Nhật Bản*- 18/7/2014, vnExpress

3. *Châm ngôn trong giáo dục truyền thống "Không được quên giáo dục tâm hồn cho các thế hệ tương lai"*- ngày 5/12/2018, mb.dkn.tv

4. Nguyễn Trọng Chuẩn (1995), Đôi điều suy nghĩ về giá trị và sự biến đổi của các giá trị khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, Tạp chí Triết học, số 1, tr3-5.

5. Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học*, Nxb Dân trí.

6. Phạm Minh Hạc (2007), *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên*, Nxb Chính trị quốc gia.

7. Hồ Sỹ Quý, *Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập, Nxb Lý luận chính trị, 2017; tr 161.

8. Phạm Hồng Tung (2011), *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, nxb Chính trị quốc gia, tr 289.

9. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại* (Những nội dung cơ bản), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, tr 124.

10. Vasil Gluchman, Đạo đức học trong hệ quả xã hội như một mô hình giáo dục đạo đức, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội nhập, Nxb Lý luận chính trị, 2017; tr 69-90.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ BẢN SẮC VĂN HÓA ĐẶC THÙ CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC ĐA VĂN HÓA Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRƯỚC BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẶT RA

PGS.TS. Ngô Quang Sơn*

I. Cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, văn hóa Việt Nam với vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc thù của các dân tộc thiểu số đặc biệt là văn hóa của các dân tộc thiểu số rất ít người

Nhân loại đang chứng kiến cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 với tốc độ phát triển nhanh chóng và chứng minh khả năng kỳ diệu của con người trong chinh phục tự nhiên. Cuộc Cách mạng này tác động đến hầu hết các quốc gia, dân tộc; ở tất cả các lĩnh vực và mỗi con người trên toàn thế giới một cách trực tiếp, sâu sắc."Cách mạng công nghiệp 4.0" cần phải hiểu theo nghĩa rộng, có nghĩa là "kinh tế 4.0" hay "kinh tế thông minh" với hai đặc điểm quan trọng Tính siêu công nghệ và Tính tích hợp.

* Viện dân tộc, uỷ ban dân tộc

Thế giới hiện đang đối diện với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) làm thay đổi căn bản cách thức con người sống, làm việc và quan hệ hợp tác cùng nhau. Quy mô, phạm vi ảnh hưởng, độ phức tạp và sự chuyển dịch của xã hội từ cuộc cách mạng này rất to lớn, tạo ra cho mỗi quốc gia cơ hội và thách thức mang tính tích hợp, toàn diện, khác hẳn so với 3 cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất từ năm 1784 (sử dụng máy hơi nước trong quá trình sản xuất); cách mạng công nghiệp lần thứ hai từ năm 1870 (sử dụng điện năng phục vụ sản xuất hàng loạt); cách mạng công nghiệp lần thứ ba từ năm 1969 (liên quan tới công nghệ điện tử, bán dẫn và công nghệ thông tin phục vụ việc tự động hóa quá trình sản xuất).

Có nhiều cách tiếp cận về khái niệm cách mạng công nghiệp 4.0. Tuy nhiên có thể hiểu khái quát cách mạng công nghiệp 4.0 là sự chuyển dịch từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, dựa trên cuộc cách mạng số diễn ra từ cuối thế kỷ XX. Bản chất của cách mạng công nghiệp 4.0 là sự hợp nhất của những công nghệ, tạo sự liên kết giữa không gian vật lý, số và sinh học; là khả năng hàng tỷ người kết nối với nhau thông qua các thiết bị di động với năng lực tính toán, khả năng lưu trữ dữ liệu cực lớn và việc truy cập không giới hạn với tri thức nhân loại.

Các công nghệ nền tảng, cốt lõi của cuộc cách mạng cách mạng công nghiệp 4.0 là rô-bốt tự hành (được dùng trong việc tự động hóa sản xuất trên nhiều lĩnh vực khác nhau và dựa trên tính kết nối với máy tính; thông qua máy chủ trung tâm, các robot có thể được điều phối một cách thông minh và tự động hóa công việc), dữ liệu lớn (dữ liệu lớn và các giải thuật phân tích chúng để quản lý thông tin), thực tại tăng cường, công nghệ in 3D (là công nghệ cho phép con người tích hợp và tương tác với các hệ thống một cách hiệu quả thông qua thông tin thời gian thực, cho phép cải tiến thiết kế, tăng hiệu quả, độ linh hoạt và giá thành), điện toán đám mây (là công nghệ nền tảng hỗ trợ các loại dịch vụ từ xa, đánh giá hiệu năng và nhiều lĩnh vực kinh doanh khác), an ninh không gian mạng (là yêu cầu tối quan trọng khi con người chuyển từ các hệ thống đơn lẻ sang các hệ thống dựa trên công nghệ kết nối), Internet vạn vật (là hệ thống các thiết bị tính toán, máy cơ khí

và số hóa, đối tượng và con người có quan hệ liên kết với nhau, có năng lực truyền tải dữ liệu trên mạng mà không cần tương tác với con người).

Ở quy mô toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ có những ảnh hưởng căn bản lên từng quốc gia. Mức độ tác động sẽ tùy thuộc vào năng lực thích nghi của mỗi quốc gia đối với làn sóng công nghệ do cuộc cách mạng này mang lại. Hiệu quả của cách mạng công nghiệp 4.0 ngày càng to lớn trong việc tăng năng suất, hiệu quả lao động do những đột phá trong các công nghệ mới xuất hiện khoảng 10 năm trở lại đây, như trí tuệ nhân tạo, rô-bốt, Internet vạn vật, xe tự hành, công nghệ in 3D, công nghệ na-nô, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, kỹ thuật lưu trữ/bảo tồn năng lượng, công nghệ tính toán lượng tử,…

Nếu văn hóa là ngọn đuốc soi đường thì xây dựng văn hóa là hành trình thắp lửa.Văn hóa Việt Nam cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Cách mạng Công nghiệp 4.0 tạo ra đồng thời cả cơ hội lẫn thách thức lớn cho sự phát triển của văn hóa Việt Nam hiện nay.Ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến sự phát triển của văn hóa - xã hội Việt Nam.

Cách mạng công nghiệp 4.0 (Gọi tắt là cách mạng 4.0) dựa trên nền tảng phát triển công nghệ thông tin, kỹ thuật số, Internet, sự kết nối toàn cầu ở nhiều tầng bậc, nhiều lĩnh vực trong cùng một lúc. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ ba đã xóa nhòa ranh giới giữa các quốc gia, dân tộc ở mặt tri thức khoa học và lĩnh vực kinh tế. Sản phẩm từ nền sản xuất vật chất trong cuộc cách mạng này đã bao trùm toàn thế giới và mỗi con người đều có thể sử dụng nó từ bất kỳ nơi sản xuất nào một cách dễ dàng. Tuy nhiên, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ ba với đặc trưng sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng truyền thống, còn cách mạng 4.0 sử dụng nguồn năng lượng mới, tạo ra vật liệu mới là cơ bản. Cách mạng 4.0 chứng minh tri thức khoa học (đặc biệt là tri thức nhân tạo) có sức mạnh mang tính vật chất to lớn cho phép cải tạo thế giới ở trình độ cao, đúng như C.Mác chỉ ra: công cụ nối dài các giác quan con người. Công nghệ sinh học, công nghệ na-nô gắn với nó là sức bền vật liệu ra đời. Sự xuất hiện người máy, tự động hóa, dây chuyền sản xuất, điều khiển học ngày càng nhanh

chóng, mở rộng và trình độ cao. Nhờ công nghệ thông tin, kết nối, mở rộng tầm giao lưu, giao tiếp giữa con người với con người qua mạng Internet có xu hướng xóa nhòa ranh giới giữa dân tộc về văn hóa. Văn hóa có tính truyền thống địa phương, tính dân tộc rất sâu sắc thì hiện nay có nguy cơ bị phai nhạt rất lớn. Cùng với nó là các nước lớn muốn thể hiện vai trò, thực hiện tham vọng về lợi ích, mục đích chính trị cũng như ảnh hưởng về văn hóa ngày càng tăng. Các nước lớn sử dụng thành tựu cách mạng 4.0 như một công cụ hữu hiệu quảng bá văn hóa của mình phục vụ cho mục đích chính trị. Việc bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của một quốc gia phải đối mặt với những xu hướng ấy một cách toàn diện, trực tiếp và gay cấn nhất từ trước đến nay. Cách mạng 4.0 khiến bất cứ quốc gia, dân tộc và một cá nhân con người không thể thờ ơ, đứng ngoài "vòng xoáy" của nó.

Bên cạnh nhiều cơ hội to lớn, cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra nhiều thách thức lớn tới sự phát triển kinh tế - xã hội. Thứ nhất, sự phân cực lực lượng lao động ngày càng lớn với sự dịch chuyển lực lượng lao động theo hướng nâng cao chất lượng và trình độ nhân lực. Hệ quả là thu hẹp dần các công việc có kỹ năng thấp hoặc trung bình, thay thế bởi quá trình tự động hóa, làm dư thừa lao động. Thứ hai, chênh lệch thu nhập ngày càng lớn giữa thiểu số ở tốp trên so với phần lớn lực lượng lao động còn lại. Phần lớn lợi ích sẽ thuộc về nhóm thiểu số ở tốp trên. Xu thế này đặt những quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam trước những rủi ro lớn. Thứ ba, tính kết nối vạn vật, mọi lúc, mọi nơi do cách mạng công nghiệp 4.0 đưa lại, một mặt tạo lợi thế trong thông tin, lưu thông,… nhưng cũng tăng rủi ro bởi hoạt động khó kiểm soát trên không gian mạng.

Tuy nhiên, tác động của cách mạng 4.0 không chỉ tạo ra thách thức, mà còn có cả cơ hội, thời cơ lớn. Sự kết nối nhờ thành tựu công nghệ thông tin, kỹ thuật số cũng tạo ra những cơ hội cho tiếp xúc, học hỏi được nhiều ở các nước không chỉ về thành tựu văn minh, mà còn về giá trị văn hóa một cách nhanh chóng, cập nhật. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay đang phải đối mặt với tốc độ phát triển nhanh chóng và sự tác động mạnh mẽ, trái chiều nhau giữa tích cực và tiêu cực từ cách mạng 4.0 một cách nghiệt

ngã nhất. Vấn đề đặt ra là phải biết tận dụng cơ hội; vượt qua nguy cơ, thách thức ngay từ lựa chọn cách thức, con đường phát triển đến thực tiễn nền văn hóa Việt Nam. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của cách mạng 4.0 phải có tính chủ động cao, định hướng sớm và khoa học thì mới có những bước đi vững chắc trong thực tiễn. Quán triệt và vận dụng quan điểm Đại hội XII của Đảng về: "Chủ trương của Đảng gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đã trở thành tư tưởng chỉ đạo cho nhiều chương trình, kế hoạch phát triển. Sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị cùng với sự đầu tư của Nhà nước, sự tham gia của nhân dân là những nhân tố quyết định tạo ra những chuyển biến của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người"[(1)] và củng cố, phát triển tính chủ động cho mỗi con người, mỗi tổ chức, đơn vị, từ Trung ương đến từng địa phương,...một cách tích cực, sát thực.

Xây dựng nền văn hóa dân tộc Việt Nam trước tác động của cách mạng 4.0 phải thường xuyên củng cố, kiên định với mục tiêu: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; thấm nhuần tinh thần dân tộc,... như trong các nghị quyết đại hội của Đảng xác định. Thấm nhuần tinh thần dân tộc phải được tiếp nhận, chuyển hóa thành thái độ, động cơ, niềm tin, ý chí và hành vi ứng xử của mỗi con người Việt Nam một cách bền vững nhất. Cách mạng 4.0 luôn tạo ra những cái mới, sản phẩm mới, hấp dẫn, lôi cuốn và rất dễ dẫn đến tình trạng "sùng ngoại" không chỉ ở phương diện văn minh, mà còn ở lĩnh vực văn hóa, lối sống, cách giao tiếp, ứng xử... Nghị quyết Đại hội XII của Đảng chỉ rõ: "Một số cơ quan truyền thông có biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích, chưa làm tốt chức năng định hướng dư luận và xây dựng con người"; "Tình trạng nhập khẩu, quảng bá, tiếp thu dễ dãi, thiếu chọn lọc sản phẩm văn hóa nước ngoài đã tác động tiêu cực đến đời sống văn hóa của một bộ phận nhân dân, nhất là lớp trẻ"[(3)]. Nếu không nhận thức được và không có định hướng, điều chỉnh sớm, khoa học thì mục tiêu về tính dân tộc, bản sắc dân tộc khó có thể thực hiện được. Khi đó tình trạng mờ nhạt tinh thần dân tộc, thậm chí là quay lưng lại truyền thống lịch sử một cách vô cảm, vô định là không thể tránh khỏi. Quá trình tận dụng cơ hội,

tiếp nhận thành tựu văn minh, tinh hoa của cách mạng 4.0 để làm giàu tri thức và tiến lên phía trước là tất yếu, cần thiết, nhưng luôn phải giữ vững cốt cách, tâm hồn, phẩm giá, khí phách con người Việt Nam trong xây dựng nền văn hóa dân tộc. Mỗi con người Việt Nam phải tự nghiêm khắc khắc phục những biểu hiện lệch chuẩn ngay trong bản thân mình, đồng thời phải tích cực đấu tranh phê phán với những biểu hiện lệch lạc trong cộng đồng, xã hội. Quán triệt quan điểm Đại hội XII của Đảng về: "Đấu tranh phê phán, đẩy lùi cái xấu, cái ác, thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người. Có giải pháp ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những mặt hạn chế của con người Việt Nam"(4) vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện nay một cách thiết thực nhất. Dựa vào định hướng của Đảng về: "Đúc kết và xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế"(5) để cụ thể hóa vào từng tổ chức, đơn vị, cơ quan, địa phương với những chuẩn giá trị mang đặc trưng riêng. Hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị chuẩn mực của con người ấy thống nhất giữa cái chung của dân tộc với nét đặc thù để nhận biết, xem xét, đánh giá những biểu hiện hợp chuẩn hay không hợp chuẩn một cách thuận lợi nhất. Mỗi con người Việt Nam lấy nó làm tiêu chí, chuẩn mực và điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình hướng đến mục tiêu: thấm nhuần tinh thần dân tộc. Thống nhất về chuẩn mực giá trị làm tiêu chí đánh giá để tạo dư luận xã hội có tính đồng thuận trong tôn vinh những tấm gương sáng và phê phán những biểu hiện lệch lạc trước tác động của cách mạng 4.0.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của cách mạng 4.0 bắt đầu từ mỗi con người đến toàn xã hội để không cho bất cứ ai, nhất là thế hệ trẻ, rơi vào thế giới "ảo"; lối sống "ảo",... Cách mạng 4.0 rất dễ làm cho con người bị "thôi miên", không phân biệt được cái đúng và cái sai; cái tốt và cái xấu; cái thực và cái hư; cái dân tộc và cái phi dân tộc trước thế giới mới, xa lạ - thế giới "ảo". Kết nối mạng, mở rộng giao lưu và giao tiếp ở tất cả các lĩnh vực, phương diện làm cho con người như lạc vào cõi "mê cung", khó làm chủ. Đặc biệt sự xuất hiện những hiện tượng

mới lạ, như: đồng tiền "ảo"; thanh toán "ảo"; kinh doanh "ảo", lối sống "ảo" càng kích thích thế hệ trẻ khó có thể thoát ra sự u mê, vô định. Một cá nhân thu mình trong phòng kín, nhưng mở rộng được giao lưu, trao đổi qua mạng làm cho quan hệ, ứng xử có tính "thực" trong môi trường văn hóa cộng đồng, xã hội mờ nhạt dần. Ngôn ngữ giao tiếp, tình cảm cá nhân bộc bạch không bị chi phối bởi cái "tinh tế", cái chuẩn mực văn hóa, đạo đức và làm cho tính hiện thực, tính tổng hòa các quan hệ xã hội trong bản chất con người, như C. Mác đã chỉ ra, có nguy cơ phai nhạt nhanh chóng. Cách mạng 4.0 có xu hướng pha loãng quan hệ, sự ứng xử văn hóa, đạo đức trong cộng đồng, xã hội và xa cách dần với thuần phong mỹ tục của truyền thống dân tộc. Nhiều thói quen trong nhận thức rất dễ bị thay đổi. Những chuẩn mực giá trị văn hóa, đạo đức được tôn thờ qua nhiều thế hệ cũng có những nguy cơ bị mai một. Con người trong cộng đồng, xã hội dần mất đi nét đẹp trong giao tiếp của "tình làng, nghĩa xóm" có tính "thực" và thay vào đó là quan hệ công việc đơn thuần. Sự giao tiếp rộng, nhưng hạn chế chiều sâu, tầm cao về "tính hiện thực của bản chất con người" và thay vào đó là quan hệ "ảo".

Vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi nước ta chiếm ¾ diện tích cả nước. Đây là nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, bị chia cắt lớn; cơ sở vật chất hạ tầng lạc hậu, kinh tế chậm phát triển; đồng bào DTTS lại chủ yếu sống xa trung tâm, tiếng nói, tập quán không giống nhau; đời sống vật chất và tinh thần còn thấp kém, nguy cơ tụt hậu và mất dần bản sắc văn hóa ở một số dân tộc đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người là đáng lo ngại. Do vậy, sự chênh lệnh về trình độ phát triển giữa vùng DTTS và miền núi với các khu vực khác trong cả nước ngày càng có xu hướng gia tăng. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng những khó khăn trong đời sống của đồng bào các dân tộc để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm gây chia rẽ, mất đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc, làm mất ổn định về chính trị, an ninh, quốc phòng. Đây là những yếu tố rất không thuận lợi, ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa vật chất và văn hoá tinh thần của đồng bào.

Văn hóa truyền thống của một số DTTS hiện nay đang có nguy cơ bị mai một biến đổi. Di sản văn hóa của đồng bào chưa được gìn giữ và phát huy đúng mức, việc phát triển những giá trị mới còn nhiều hạn chế, thiếu bền vững. Văn hóa truyền thống các DTTS đang đứng trước nhiều thách thức, chưa giải quyết thật sự tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, hàng nghìn buôn, bản, làng truyền thống với giá trị văn hóa tiêu biểu cho các dân tộc đang có nguy cơ biến mất hoặc biến dạng cần được hướng dẫn, hỗ trợ để bảo tồn, phát huy trong cuộc sống đương đại. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, nhưng trước hết phải thấy sự quan tâm của các ngành, các cấp về bảo tồn và phát triển văn hóa chưa thật sự sâu sát, đồng bộ. Sự đầu tư của Nhà nước để xây dựng thiết chế văn hóa còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các DTTS tuy đã từng bước được thể chế hóa nhưng từ chủ trương, chính sách cho đến việc triển khai thực hiện vẫn còn nhiều khoảng cách, trong đó, khâu chỉ đạo điều hành thiếu sự thống nhất cao. Bên cạnh đó, việc giao lưu văn hóa diễn ra rất nhanh và mạnh. Cùng với sự bùng nổ thông tin nhờ công nghệ hiện đại, sản phẩm văn hóa từ khắp nơi cũng tràn đến núi rừng. Trong lúc việc bảo tồn chưa kịp thời, chưa đáp ứng yêu cầu thì việc tiếp thu văn hóa mới lại thiếu chọn lọc, chính vì vậy đã gây ảnh hưởng xấu tới văn hóa truyền thống các DTTS. Đồng bào các dân tộc ít mặc trang phục truyền thống, không còn say mê bài hát, điệu nhảy âm nhạc của dân tộc mình.

Quá trình đô thị hóa cũng làm mất dần nhà sàn, nhà rông, nhà dài...Trang phục truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số đang sinh sống trên địa bàn các tỉnh miền núi nói riêng và cả nước Việt Nam rất đa dạng, phong phú về mẫu mã, chủng loại, màu sắc, đường nét, đậm đà bản sắc, giàu biểu tượng biểu đạt các giá trị nhân văn, thể hiện sâu sắc thế giới quan và nhân sinh quan của các tộc người DTTS… Đây là di sản văn hóa quý giá cần được bảo tồn và phát triển. Tuy nhiên, trong thời gian qua trước xu thế phát triển và hội nhập mang tính toàn cầu, di sản này đang dần bị mai một. Trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh những yếu tố tích cực, những yếu tố tiêu cực của quá trình hội nhập quốc tế đã và đang

tác động nhiều chiều tới văn hóa truyền thống, ít nhiều ảnh hưởng đến sự bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Nhằm hạn chế sự mai một, góp phần gìn giữ vốn văn hóa truyền thống tốt đẹp trên, trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo các địa phương – nơi có đồng bào DTTS đã có những nghiên cứu thực trạng và thực hiện nhiều phương thức bảo tồn, phát triển giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người (Cho đến nay có 16 dân tộc thiểu số rất ít người có số dân dưới 10.000 người).

Trong bối cảnh việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đổi mới chương trình và sách giáo khoa đang được thực hiện, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, tội phạm ở tuổi vị thành niên, ma túy, bạo lực học đường có xu hướng phổ biến và gia tăng, vấn đề giáo dục đạo đức và rộng hơn là giáo dục giá trị một lần nữa lại được đặt ra cấp bách và thu hút sự quan tâm của những người làm giáo dục, các bậc phụ huynh và của xã hội nói chung.

Giáo dục giá trị là giáo dục ý thức về giá trị, về cách sống, ý thức về bản thân mình, về thái độ và hành vi của mình trong cuộc sống, trong quan hệ của mình với người khác trên cơ sở hướng tới các giá trị Chân, Thiện, Mỹ. Cùng với giáo dục tri thức và giáo dục kỹ năng hoạt động, giáo dục giá trị là một trong ba nội dung cơ bản của giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách, bồi dưỡng đạo đức, ý thức công dân và đời sống tinh thần cho học sinh, góp phần thực hiện tuyên ngôn giáo dục của Liên Hợp Quốc: học không chỉ để biết làm, để có tri thức mà còn để tự khẳng định mình và để sống với nhau.

Bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc (VHDT) là chiến lược phát triển bền vững quốc gia, là nhiệm vụ chung của toàn xã hội trong đó giáo dục giữ vai trò quan trọng nhất, bằng con đường giáo dục và thông qua giáo dục, các giá trị về vật chất và tinh thần, các kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, kinh nghiệm ứng xử, lối sống, ngôn ngữ, phong tục, tập quán… của các dân tộc được lưu truyền, tồn tích, vận hành nối liền giữa các thế hệ. Giáo dục giúp cho học sinh hiểu biết về truyền thống, bản sắc VHDT,

tôn trọng, giữ gìn và phát huy văn hóa truyền thống văn hóa của dân tộc mình, tôn trọng bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em.

Như chúng ta đã biết, văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần của mỗi dân tộc. Các dân tộc trong quá trình sinh tồn và phát triển đều có một nền văn hoá riêng. Bản sắc văn hóa là đặc thù, là những giá trị gốc, căn bản, cốt lõi; những giá trị đặc trưng riêng của dân tộc. Đó chính là cái "hồn", là sức sống nội sinh biểu lộ một cách trọn vẹn nhất sự hiện diện của mỗi quốc gia trong quá trình giao lưu và hội nhập. Giá trị văn hoá đích thực luôn có sức mạnh cảm hoá con người hướng tới Chân - Thiện - Mĩ. Đất nước Việt Nam với hơn 54 thành phần dân tộc, 54 đóa hoa tạo nên vườn hoa muôn sắc muôn hương. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử với biết bao biến động thăng trầm, nhưng chúng ta vẫn tự hào gìn giữ được một nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. Trên con đường hội nhập và phát triển, việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa là một vấn đề mang tính cấp thiết, cần có sự quan tâm vào cuộc của các cấp và toàn xã hội, bởi trong những năm qua, kinh tế hội nhập đã làm cho nước ta có những bước phát triển vượt bậc cả về kinh tế, văn hóa, xã hội…song cũng đem lại không ít thách thức cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là văn hóa. Bên cạnh những yếu tố tích cực trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, một số nét văn hóa cổ truyền dường như đang bị mai một dần.Văn hóa của các dân tộc thiểu số trong quá trình hội nhập cũng đang bị mất dần đi một số nét đẹp truyền thống. Việc giữ gìn bản sắc văn hóa nói chung là bổn phận của mỗi cá nhân, gia đình và cả xã hội. Tuy nhiên môi trường giáo dục được kỳ vọng nhiều hơn cả là ở trường học, đặc biệt là học sinh các trường khối dân tộc nội trú (DTNT). Trường Phổ thông DTNT là mô hình trường học đặc biệt, ở đây tập trung đông đảo các thành phần học sinh dân tộc vì thế việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số sẽ đạt hiệu quả cao hơn so với các môi trường khác. Trường Phổ thông DTNT là ngôi trường đặc thù chuyên biệt, là mái nhà chung của các thành phần dân tộc mà ở đó được xem như "trường là nhà, thầy cô là cha mẹ, bạn bè là anh em" nên vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc được xem như một nhiệm vụ chính trị vô cùng quan trọng, cấp thiết. Chính vì thế, chúng ta cần phải phát huy tốt chức

năng lưu giữ và giáo dục bản sắc văn hóa cho học sinh qua mô hình trường học này.

II. Một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa đặc thù của các dân tộc thiểu số trong môi trường giáo dục đa văn hóa ở các trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, cấp huyện trước bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế hiện nay

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay, trường PTDTNT đã được thành lập ở 50 tỉnh, thành phố với 314 trường, bao gồm 03 trường thực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, 51 trường cấp tỉnh, 260 trường cấp huyện (tăng 03 trường so với năm 2015). Năm học 2015 - 2016, tổng số học sinh dân tộc nội trú toàn quốc là 91.193 em, tăng 2.964 em so với năm học 2014 - 2015. Học sinh DTTS trong các trường phổ thông DTTS chiếm khoảng 8% số học sinh DTTS cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông của cả nước. Đặc biệt, tất cả các DTTS đều đã có con em theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT).

Chất lượng giáo dục của các trường PTDTNT ngày càng được nâng cao, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, văn hóa dân tộc, tổ chức chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chăm sóc sức khỏe cho học sinh ... được đẩy mạnh. Các trường tổ chức thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục đầy đủ, nghiêm túc, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với học sinh DTTS. Chất lượng giáo dục ngày càng đảm bảo vững chắc, kết quả xếp loại hạnh kiểm tốt và khá hàng năm học đều đạt trên 95%; tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng cao, giảm dần học sinh yếu, học sinh bỏ học.

Môi trường giáo dục đa văn hóa được hiểu là môi trường tôn trọng sự đa dạng bản sắc văn hóa, có tư tưởng bình đẳng, thân thiện giữa các dân tộc nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với học sinh các dân tộc thiểu số. Khác với môi trường giáo dục cho học sinh một dân tộc đơn thuần, môi trường giáo dục đa văn hóa tính đến đặc điểm phát triển riêng của học sinh ở nhiều dân tộc khác nhau với những truyền thống văn hóa, với những tổ chức làng, bản, dòng họ những tập tục riêng... Những yếu tố có

những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển của học sinh DTTS. Theo đó, để tạo môi trường giáo dục đa văn hóa thuận lợi cho học sinh ở các dân tộc khác nhau, bên cạnh các vấn đề về chính sách, chương trình, phương pháp tiếp cận, ngôn ngữ, nguồn lực...thì việc cụ thể, trước mắt là xây dựng môi trường giáo dục đa văn hóa trong lớp học để giúp học sinh các dân tộc thiểu số được phát triển một cách phù hợp.

Giáo dục văn hóa dân tộc (VHDT) trong trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) nhằm mục đích cung cấp cho học sinh dân tộc thiểu số (HSDTTS) những kiến thức cơ bản, những hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc trên quê hương mình; Hình thành và phát triển ở HS DTTS các kỹ năng tiếp cận, khai thác tri thức và vốn văn hoá truyền thống của địa phương để tiếp thu, học hỏi, vận dụng trong hoạt động hiện tại cũng như sau này; Giáo dục truyền thống văn hoá, bồi dưỡng ý thức dân tộc, nâng cao thái độ trân trọng di sản văn hoá dân tộc và trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và quê hương, hình thành ở HS DTTS tình cảm trong sáng, cao đẹp, yêu thương, gắn bó với cộng đồng; Làm phong phú nội dung giáo dục đặc thù trong trường PTDTNT, góp phần giáo dục cho học sinh nhân cách con người mới có tri thức và văn hoá, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc và miền núi.

1. Nhiệm vụ giáo dục giá trị bản sắc văn hóa dân tộc trong các trường PTDTNT

- Giáo dục học sinh về truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số và đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, giáo dục thái độ trân trọng di sản VHDT, từng bước hình thành ở HS DTTS lòng tự hào dân tộc, thái độ tự tin khi giới thiệu những giá trị văn hóa của dân tộc mình với các dân tộc khác, làm nên tiếng nói đa dạng, phong phú trong nền văn hóa thống nhất của dân tộc Việt Nam. Mỗi học sinh ở trường PTDTNT cấp tỉnh, cấp huyện là đại diện văn hóa của một vùng quê, một dân tộc. Trường PTDTNT tạo điều kiện để HS DTTS được thể nghiệm các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình và tiếp xúc với các giá trị văn hóa

của dân tộc khác để dòng chảy văn hóa không ngừng được nuôi dưỡng và lớn mạnh. Trường PTDTNT tổ chức các hoạt động tìm hiểu, thể hiện, giao lưu văn hóa để học sinh được trao đổi học tập và cùng tham gia vào việc bảo tồn, phát triển các giá trị VHDT. Nhờ được tiếp xúc thường xuyên với các hoạt động văn hóa và thông qua hoạt động văn hóa mà học sinh trường PTDTNT luôn hiểu biết, gìn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc mình, đồng thời còn là người hiểu biết và tôn trọng bản sắc văn hóa của các dân tộc anh em.

- Giáo dục lối ứng xử văn hóa trong môi trường học tập và sinh hoạt (hòa hợp, thân thiện) cho học sinh. HS DTTS của trường PTDTNT bao gồm nhiều dân tộc khác nhau với những khác biệt về nhận thức, văn hóa, nếp sống, ứng xử,... các em được học tập, sinh hoạt trong môi trường nội trú. Chính vì vậy cần thiết phải giáo dục sự hòa hợp và thân thiện cho học sinh. Giáo dục học sinh hòa hợp và thân thiện vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp của trường PTDTNT. Vận dụng các giá trị văn hóa tiến bộ để hình thành quan hệ và lối ứng xử văn hóa là góp phần quan trọng vào nhiệm vụ giáo dục toàn diện học sinh.

- Tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt đậm đà bản sắc dân tộc. Tổ chức đời sống nội trú văn minh, tiến bộ phù hợp với truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam.

Vận dụng các giá trị văn hóa, các sản phẩm VHDT thiểu số đưa vào nhà trường để xây dựng môi trường giáo dục văn hóa, tổ chức đời sống nội trú cho học sinh nhằm hình thành một môi trường sống thân thiện, cởi mở, đoàn kết và đậm đà bản sắc dân tộc giúp cho học sinh cảm nhận được sự gần gũi, gắn bó như cuộc sống của gia đình ở quê hương. Vận dụng nét văn hóa kiến trúc trong xây dựng cơ sở vật chất nhà trường, cách bài trí, sắp xếp các chỗ ăn, ở, ngủ, nghỉ của các dân tộc thiểu số vào cách bài trí sắp xếp chỗ ở của học sinh tạo nên sự thân thiện và gần gũi. Sử dụng một số vật liệu, vật phẩm VHDT để trang trí, trưng bày, phối cảnh hình thành nét đẹp thẩm mỹ và đậm đà bản sắc với môi trường xung quanh...

- Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh dân tộc. Giáo dục kỹ

năng sống của học sinh dân tộc thiểu số phù hợp với môi trường sống, điều kiện nơi các em đang sống phù hợp với đặc điểm từng vùng, miền, xóa bỏ tập tục lạc hậu. Tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục về rèn luyện và nâng cao kỹ năng sống cho học sinh dân tộc thiểu số.

- Giáo dục văn hóa dân tộc để thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển văn hóa và truyền thống dân tộc.Những giá trị sáng tạo của con người trải qua nhiều thế hệ hình thành văn hóa. Con người luôn luôn có ý thức giữ gìn văn hóa như giữ gìn chính sự sống của mình. Bởi vậy, bảo tồn và phát triển văn hóa trở thành nhu cầu chính đáng, là quyền sống của con người. Hàng năm, trường PTDTNT xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục VHDT nhằm trang bị cho HS DTTS những kiến thức cơ bản, những hiểu biết về vốn văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số, tổ chức hoạt động trưng bày, giới thiệu về các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, trò chơi dân gian, dân ca, dân vũ và các đặc sản địa phương...Thông qua giáo dục giá trị bản sắc VHDT, trường PTDTNT đã thực hiện quyền của học sinh trong giáo dục. Nhờ có giáo dục VHDT, học sinh của trường PTDTNT được phát triển toàn diện, trở thành những công dân có tri thức, có văn hóa. Giáo dục VHDT trong trường PTDTNT còn góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển giá trị bản sắc VHDT.

2. Phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục VHDT của các trường PTDTNT

Giáo dục giá trị bản sắc VHDT cho học sinh DTTS trong các trường PTDTNT được thực hiện thông qua việc tích hợp trong các môn học Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân và tích hợp trong các chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Các phương pháp được sử dụng phổ biến là: tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan, khảo sát tìm hiểu thực tế tại các bản làng; khai thác kinh nghiệm thực tế, truyền thống văn hóa vốn có của học sinh; tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh như sưu tầm ca dao, dân ca các dân tộc thiểu số, tìm hiểu về các loại nhạc cụ dân tộc, học cách sử dụng một số loại nhạc cụ dân tộc, tìm hiểu văn hóa ẩm thực của các dân tộc, tổ chức tết dân

tộc, lễ hội, tổ chức các Câu lạc bộ (Câu lạc bộ múa dân gian, Câu lạc bộ ca dao dân ca, Câu lạc bộ cồng chiêng...), hội thi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, hội diễn văn nghệ, thi trình diễn trang phục dân tộc, trưng bày bản sắc văn hóa của các dân tộc, tổ chức giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong trường học, thực hành các nghề thủ công truyền thống, liên hoan văn nghệ và trò chơi dân gian, mời nghệ nhân trên địa bàn đến truyền dạy văn hóa dân tộc cho học sinh...

Múa gậy đồng xu (Dân tộc Mông, Trường PTDTNT xã Xín Mần – Hà Giang)

Để nâng cao chất lượng giáo dục giá trị bản sắc VHDT ở các trường PTDTNT cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau đây:

3. Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa đặc thù của các dân tộc thiểu số trong môi trường giáo dục đa văn hóa ở trường PTDTNT

3.1. Giải pháp 1: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và học sinh về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động giáo dục VHDT, về công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số nhằm mục đích nâng cao dân trí, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc; tích cực tuyên truyền để mở rộng và đa dạng hóa loại hình dạy chữ dân tộc trong trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền về chủ trương

của Đảng, Pháp luật Nhà nước; công tác bảo vệ tài nguyên, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, tiết kiệm chống lãng phí...vv. Các nhà trường cần chú trọng tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa các dân tộc cho học sinh. Việc tuyên truyền có thể thực hiện dưới nhiều hình thức như thông qua các bài diễn văn, bài phát biểu tại các lễ kỷ niệm, ngày truyền thống, bài nói chuyện của các Cựu chiến binh, nhân chứng lịch sử, các nghệ nhân của địa phương. Làm tốt công tác tuyên truyền đến cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên và học sinh về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa trong dạy học và các hoạt động giáo dục của nhà trường; gắn với phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" và các cuộc vận động lớn của ngành; chú ý công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, cách tiếp cận những giá trị văn hóa cho giáo viên theo tinh thần "di sản văn hóa ở quanh ta".

3.2. Giải pháp 2: Xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh có truyền thống văn hóa, có trách nhiệm với việc bảo tồn và phát triển giá trị bản sắc VHDT, có trách nhiệm với việc giáo dục giá trị bản sắc VHDT cho học sinh DTTS

Ý thức được tính cấp thiết và tầm quan trọng đó, trong những năm qua, ngành Giáo dục và Đào tạo ở các tỉnh đã triển khai, tổ chức nhiều hoạt động, có tác dụng tích cực trong việc bảo tồn, phát huy giá trị các loại hình Di sản văn hóa. Xây dựng nếp sống văn hóa trong trường PTDTNT theo nét đẹp phong tục tập quán của các dân tộc (trang phục, giao tiếp, ứng xử…). Ví dụ: trong 1 tuần có quy định ít nhất 1 ngày, ngày thứ hai, ngày chào cờ đầu tuần, bắt buộc HS DTTS mặc trang phục quần áo của dân tộc mình. Xây dựng môi trường văn hóa, môi trường giáo dục mang đậm tính chất, bản sắc dân tộc. Để có thể sử dụng môi trường giáo dục đa văn hóa một cách hiệu quả giáo viên cần phải hiểu HS DTTS, nắm được đặc điểm phát triển của HS dân tộc thiểu số cũng như những nhu cầu, sở thích của HS ở mỗi dân tộc từ đó biết cách sắp xếp môi trường nhằm tác động đến HS một cách phù hợp.

3.3. Giải pháp 3: Đổi mới nội dung phương pháp hình thức tổ chức hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT

Tổ chức tập huấn về nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán các trường vùng dân tộc thiểu số về giáo dục văn hóa dân tộc và văn hóa các dân tộc thiểu số. Tổ chức Hội thảo về tổ chức hoạt động đặc thù trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú, trong đó có nội dung bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong trường học.Khuyến khích các tiết mục biểu diễn Cồng chiêng- xoang trong các hội diễn văn nghệ toàn ngành; đưa Cồng chiêng - xoang vào các chương trình văn nghệ của ngành tham gia các cuộc thi văn nghệ cấp tỉnh, Liên hoan tiếng hát giáo viên toàn quốc, Hội thi văn hóa thể thao học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú toàn quốc. Giáo dục giá trị bản sắc VHDT cho học sinh DTTS là nhiệm vụ đặc thù, quan trọng trong các trường PTDTNT. Thực hiện có hiệu quả hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT sẽ góp phần quan trọng trong việc giáo dục học sinh DTTS phát triển toàn diện. Vì vậy các nhà trường cần quan tâm đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động này nhằm tạo sức hấp dẫn, thu hút học sinh DTTS tham gia. Giáo dục về bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số cho học sinh qua hoạt động ngoại khóa không chỉ được thể hiện qua những hoạt động văn hóa, văn nghệ mà còn thể hiện ở một số hình thức khác. Học sinh DTTS được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, lối sống, văn hóa trong giao tiếp ứng xử; phòng chống tai nạn thương tích, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện. Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa đặc trưng của từng dân tộc địa phương. Tăng cường các hoạt động TDTT, VHVN, giao lưu, tham quan, học tập. Trau dồi kiến thức xã hội, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Tổ chức nhiều hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong học sinh. Duy trì tổ chức hoạt động giao lưu, học tập, các hoạt động mang bản sắc văn hóa dân tộc địa phương như "ngày hội các trò chơi dân gian", " hội thi ẩm thực dân tộc"; "đêm hội cồng chiêng"; duy trì và cải tiến nội dung hoạt động hội trại, văn nghệ, TDTT và các hoạt động giáo dục theo chủ điểm… Học sinh DTTS am hiểu về văn hóa đặc trưng của dân tộc mình như ẩm thực, lễ hội, cồng chiêng... Tổ chức học sinh tham gia các lễ hội văn hóa truyền thống, phong tục tập quán lành mạnh, các

nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực các dân tộc, các trò chơi dân gian, nhạc cụ dân tộc. Tổ chức giáo dục học sinh tìm hiểu các di tích lịch sử, di tích cách mạng, giáo dục truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa" , chăm sóc nghĩa trong liệt sĩ, thăm hỏi, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Tăng cường sử dụng tiếng nói, chữ viết, các loại hình văn học nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống của dân tộc, tổ chức dạy chữ, tiếng dân tộc phù hợp với điều kiện của các nhà trường. Lựa chọn một số địa chỉ tại địa phương (bản) nơi đó tập trung phong phú đặc sắc phong tục tục tập quán lành mạnh, phát triển nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực… để tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu. Hàng năm, xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt đông ngoạn khóa để dần hình thành và phát triển kỹ năng tìm hiểu, phát hiện các giá trị văn hóa truyền thống, những đặc trưng văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc thông qua các hoạt động. Tích hợp các nội dung giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc thiểu số vào giờ dạy chính khóa. Ở các cấp học phổ thông, có thể tích hợp nội dung giáo dục này vào tất cả các môn học, tuy nhiên một số môn có khả năng tích hợp nhiều hơn như: Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Công nghệ, Thể dục,...Tổ chức tốt chương trình hoạt động Đội TNTP và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Ở cấp THCS và THPT, có thể tổ chức vào các tháng có chủ điểm phù hợp như "Thanh niên với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"; "Thanh niên với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc"; "Thanh niên với Bác Hồ"; "Thanh niên với hôn nhân và gia đình"...Lồng ghép hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa các dân tộc vào các hoạt động sinh hoạt và hoạt động ngoại khóa. Đối với các trường có học sinh ở nội trú, bán trú, có thể thông qua các hoạt động tập thể, sinh hoạt nội trú, giúp học sinh hiểu hơn về ngôn ngữ, truyền thống, phong tục, thói quen... của các dân tộc khác, qua đó tăng cường sự hiểu biết, quan tâm chia sẻ và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc. Các trường ở vùng cư trú của các DTTS có thể tổ chức cho học sinh đi thăm quan làng bản, đến các gia đình để học sinh được giao tiếp với người dân, tìm hiểu về kiến trúc nhà ở, các món ăn truyền thống, các dụng cụ lao động tự làm, nhạc cụ truyền thống, phong tục tập quán,...

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu truyền thống lịch sử, văn hóa DTTS của địa phương. Đoàn trường, Liên đội có thể tổ chức các cuộc thi bằng hình thức bài viết, Rung chuông vàng, Chiếc nón kỳ diệu, Em làm Hướng dẫn viên du lịch... với chủ đề tìm hiểu về một di tích lịch sử, về kiến trúc nhà ở, một lễ hội truyền thống, một món ăn dân tộc... của địa phương.

Tổ chức trình diễn, thuyết trình, giới thiệu về truyền thống lịch sử, văn hóa DTTS của địa phương. Có thể tổ chức các hoạt động như Ngày hội văn hóa các dân tộc, trong đó có trình diễn thời trang, biểu diễn múa hát, sử dụng nhạc cụ dân tộc, làm món ăn dân tộc, tổ chức trò chơi dân gian...

Các trường học có điều kiện về kinh phí có thể tổ chức chương trình Về nguồn thăm các Khu di tích, bảo tàng; huy động sự giúp đỡ của cha mẹ, ông bà, người thân của học sinh am hiểu về truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, ngôn ngữ, lễ hội của địa phương tham gia tuyên truyền, giới thiệu văn hóa các dân tộc thiểu số cho học sinh. Ngoài ra, có thể mời cha mẹ học sinh tham gia tổ chức và duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ trong nhà trường như: Câu lạc bộ đàn và hát dân ca, Câu lạc bộ đàn Tính, hát Then, hát Sình ca, Soọng cô...; hướng dẫn, tổ chức cho học sinh tham gia các trò chơi dân gian tạo không khí vui tươi phấn khởi và mối quan hệ gắn bó giữa học sinh các dân tộc.

Giáo dục di sản – đưa các loại hình di sản văn hóa phi vật thể vào giới thiệu, giảng dạy trong nhà trường – là một trong những giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thường được các nhà quản lý văn hóa đề cập đến. Trong những năm vừa qua, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hợp Quốc (UNESCO), cùng các tổ chức phi Chính phủ và các cá nhân trong và ngoài nước đã hỗ trợ và thúc đẩy các chương trình khác nhau nhằm đưa di sản vào nhà trường, giáo dục thế hệ trẻ những tri thức lịch sử, văn hoá, khoa học kỹ thuật và tăng cường kỹ năng sống. Nhiều mô hình giáo dục di sản trong nhà trường đã được xây dựng với sự phối hợp liên ngành, sự hỗ trợ cả về chuyên môn và vật chất. Dù đã đạt được những kết quả khác nhau, song đa số các mô hình giáo dục di sản đều chưa được ngành giáo dục ghi nhận và sử dụng như một chương trình có tính bền vững, lâu dài.

Để bảo tồn và phát huy giá trị dân ca trong bối cảnh xã hội đương đại như bảo tồn tại cộng đồng, thông qua truyền dạy trực tiếp, lưu giữ bằng văn bản, băng hình... thì cùng với đó, giải pháp đưa dân ca vào trường học là một trong những cách thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản quan trọng. Tuy nhiên, không thể có một cách áp dụng máy móc việc giảng dạy dân ca – với tư cách là một truyền thống văn hóa địa phương, một di sản văn hóa phi vật thể - như các loại hình nghệ thuật khác, mà việc giảng dạy dân ca – như trường hợp ví giặm - cần thiết phải được đặt trong bối cảnh nhà trường, chú ý đến các yếu tố như mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng tham gia và hiệu quả đào tạo trong quá trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản đặc biệt này của địa phương.

Tiếp cận từ góc độ quản lý giáo dục giúp chúng ta có thêm một cách nhìn về việc đưa di sản vào nhà trường, nhờ đó, di sản được thực sự sống trong bối cảnh xã hội đương đại, được bảo tồn và phát huy trong chính cộng đồng của mình. Trong điều kiện như vậy, di sản văn hóa – trong trường hợp này là dân ca ví giặm – có điều kiện để vừa tạo ra một lớp khán giả mới, hiểu, yêu thích chính di sản văn hóa của chính mình, vừa tạo ra các cơ hội để được thực hành trong cuộc sống hiện tại. Đó là một trong những nguyên tắc giúp bảo tồn di sản văn hóa địa phương một cách bền vững nhất.

Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục gắn với việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa bản sắc dân tộc trong trường phổ thông dân tộc nội trú là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết hướng tới xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đã bản sắc dân tộc

Xây dựng kế hoạch, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục gắn với những giá trị văn hóa; xác định hình thức, phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá cho phù hợp với kiểu bài và đối tượng học sinh (Không nhất thiết phải dạy học tại di sản mà sử dụng di sản như một phương tiện, tư liệu để dạy học); hướng dẫn học sinh chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc tìm hiểu, khai thác, sử dụng các giá trị văn hóa trong quá trình học tập.

3.4. Giải pháp 4: Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, tài chính cho hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT

Mỗi nhà trường cần phải chú trọng xây dựng phòng truyền thống của trường PTDTNT, bảo tàng mini về giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số có học sinh đang học trong trường PTDTNT. Xây dựng phòng truyền thống nhà trường, thư viện văn hóa để trưng bày, lưu giữ, quảng bá các sản phẩm giá trị bản sắc VHDT do học sinh DTTS sưu tầm, hoặc sáng tạo đáp ứng nhu cầu sử dụng lâu dài và kịp thời của các hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT. Đó là thiết kế phòng trưng bày hiện vật gồm những sản phẩm văn hoá của các dân tộc như trang phục, trang sức, vật dụng gùi, nỏ, cồng chiêng, đinh tút, …của các dân tộc để các em học sinh tham quan, tìm hiểu và sử dụng trong các ngày lễ hội. Việc sưu tầm, tập hợp, trưng bày, giới thiệu và gìn giữ những tài liệu, hiện vật có liên quan đến văn hoá dân tộc trong phòng truyền thống của nhà trường nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, cung cấp thông tin, phổ biến tri thức để thực hiện nhiệm vụ giáo dục truyền thống cho giáo viên, nhân viên và học sinh. Đó cũng là cách để trực tiếp khơi gợi ở các em học sinh ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc từ ngàn đời của dân tộc. Có thể sử dụng phòng Truyền thống, phòng Đoàn, Đội, Thư viện... để trưng bày báo tường, báo ảnh, hiện vật, tranh ảnh theo các chủ đề hoặc thiết kế tờ gấp có nội dung tuyên truyền. Tổ chức sưu tầm, trưng bày các sản phẩm là hiện vật, tài liệu, tư liệu lịch sử. Đoàn trường, Liên Đội có thể xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động sưu tầm, trưng bày các sản phẩm là hiện vật, tài liệu, tư liệu liên quan đến lịch sử địa phương nhằm giáo dục cho đoàn viên, đội viên truyền thống và đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện, tài liệu cho các cơ sở giáo dục; phổ biến rộng rãi Luật di sản văn hóa và có các văn bản hướng dẫn cụ thể về việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong trường phổ thông, để cán bộ, giáo viên và học sinh có điều kiện thuận lợi, có nhiều cơ hội nhất trong quá trình tiếp cận, giảng dạy và học tập, tiến tới xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và góp phần làm phong phú kho tàng văn hóa thế giới.

3.5. Giải pháp 5: Liên kết và phát huy sự tham gia của các lực lượng xã hội trong giáo dục giá trị bản sắc VHDT ở các trường PTDTNT

Liên kết, phối hợp với cơ quan chuyên môn như Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ban dân tộc của Tỉnh, Phòng Dân tộc của huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin của huyện, các tổ chức, cá nhân để phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT cho học sinh DTTS.Thực hiện tốt việc huy động sự tham gia của cộng đồng đối với hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT thông qua việc mời các trí thức địa phương, nghệ nhân, già làng, người có uy tín trong cộng đồng tham gia hoạt động giáo dục giá trị bản sắc VHDT, truyền dạy văn hóa truyền thống cho học sinh của nhà trường.Ví dụ: nhiều năm qua, tỉnh Kon Tum đã đưa nội dung giáo dục bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số địa phương, đặc biệt là Di sản Cồng chiêng vào nhiệm vụ giáo dục hàng năm và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" để chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện. Ngày 25/11/2005, Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESSCO công nhận là Di sản văn hoá truyền khẩu và kiệt tác phi vật thể của nhân loại; sự kiện đó đã khẳng định giá trị của Không gian văn hóa Cồng chiêng, là niềm vui, niềm tự hào không những của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên mà còn là của nhân dân cả nước.Tuy nhiên, do đặc điểm và nhiều nguyên nhân khác nhau, Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên có nguy cơ mai một; do vậy công tác bảo tồn, phát huy giá trị Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên là hết sức cấp thiết và quan trọng, không những góp phần gìn giữ, phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Tây Nguyên mà còn bảo tồn, phát triển, tạo sự đa dạng, phong phú bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, di sản văn hóa của nhân loại. Phối hợp với các ban, ngành có liên quan biên soạn Tài liệu Giáo dục địa phương đưa vào giảng dạy cho học sinh các cấp học (trong đó có Di sản văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên); lồng ghép trong các môn học, các hoạt động giáo dục phù hợp. Phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên, Đội TNTP trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa DTTS cho học sinh như Hội trại truyền thống, Lễ kết nạp đoàn viên (đội viên), chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ, viếng Đài tưởng niệm liệt sỹ của địa phương, chăm sóc gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, tổ chức nói chuyện

chuyên đề... Tùy theo khả năng và điều kiện từng trường, có thể lựa chọn các hoạt động như: Trình diễn thời trang, biểu diễn văn nghệ, tổ chức trò chơi dân gian; Xuất bản chuyên khảo, lập trang tin, in tờ rơi, xây dựng góc văn hóa,...; tổ chức các Câu lạc bộ (đàn Tính, hát Then, Sình ca, Khèn Mông...).

Huy động sự tham gia của các lực lượng xã hội và Hội CMHS. Nhân các ngày lễ lớn, nhà trường có thể phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức (Hội Cựu chiến binh, Phòng Văn hóa, BCH Quân sự huyện, thành phố...) mời đại biểu đến nói chuyện truyền thống.

Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường đặc biệt là ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tạo điều kiện hỗ trợ, đồng hành trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa bản sắc của dân tộc trong nhà trường một cách thống nhất, đồng bộ, đi vào chiều sâu, hiệu quả, có sức lan tỏa và bền vững.

Học sinh Trường THCS dân tộc nội trú huyện Ia Pa tham gia Lễ bế giảng lớp truyền dạy cồng chiêng dân gian dân tộc Jrai

III. Kết luận

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa để phát triển bền vững. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc, giá trị văn hóa được coi đó là "chìa khóa", khâu thiết yếu để phát triển bền vững của nhiều quốc gia.

Hiện nay, trước tác động của quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa với thế giới, nhiều dân tộc thiểu số đang đứng trước nguy cơ mai một về bản sắc dân tộc. Điều quan ngại nhất là những nghệ nhân, những người cao tuổi am hiểu sâu sắc về giá trị văn hóa, phong tục tập quán, nghi lễ, truyền thống văn hóa của các dân tộc thiểu số sẽ ngày càng giảm dần. Vậy làm sao để những "báu vật nhân văn sống" đó có thể trao truyền những tinh hoa văn hóa của tổ tiên, ông cha mình cho thế hệ kế tiếp?

Việc bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số ở các trường PTDTNT cấp tỉnh, cấp huyện không chỉ dừng lại ở việc duy trì một lễ hội hay một vài yếu tố văn hóa riêng lẻ, mà cần có hệ thống giải pháp cụ thể, hiệu quả, nâng cao ý thức của cộng đồng nhà trường trong việc giữ gìn văn hóa truyền thống, di sản văn hóa các DTTS. Các địa phương cần tập hợp các già làng ở các buôn, làng, xã để tái hiện, tổ chức thành những điểm trình diễn văn hóa truyền thống nhằm giới thiệu, quảng bá sâu rộng đến thế hệ trẻ; đồng thời tăng cường mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức cho các em học sinh, sinh viên về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và cách thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế.

Các cộng đồng địa phương cần có chính sách khuyến khích những người hiểu biết về văn hóa trong các cộng đồng dân tộc trao truyền cho thế hệ trẻ tiếp thu di sản văn hóa dân tộc mình; động viên thanh, thiếu niên các dân tộc tham gia học tập, giữ gìn văn hóa dân tộc, nhất là sử dụng, bảo tồn ngôn ngữ, trang phục, thực hành các loại hình nghệ thuật truyền thống, góp phần tích cực để nâng cao ý thức, bảo vệ các giá trị văn hóa, bản sắc của mỗi vùng miền, mỗi dân tộc trong cả nước và đặc biệt là bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số rất ít người trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay.

N.Q.S

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phạm Minh Hạc (1996*) Phát triển văn hoá, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc kết hợp với tinh hoa nhân loại*, NXB Khoa học xã hội,

[2] Vũ Thị Thúy Hằng, 2013. *Ứng dụng công nghệ thông tin để sưu tầm và sử dụng hiệu quả các đoạn phim tư liệu trong dạy học âm nhạc*, Đề tài sáng kiến kinh nghiệm.Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

[3] Trần Huấn, 2012. *Cần đưa âm nhạc dân tộc vào trường học*, Thế giới mới online, thegioimoi.vn/Home/ArticleDetail/vn/4/650/can-dua-am-nhac-dan-toc-vao-truong-hoc.tgm ngày 3/7/2012.

[4] Hoài Nam, 2009, *Không phải học sinh thờ ơ với dân ca,* nguồn vietnamnet.vn/giaoducngày 3 tháng 11 năm 2009.

[5] Kiều Nga, 2014, *Dân ca ví, giặm trong đời sống hiện nay*, Công an Nghệ an online, congannghean.vn, ngày 4/5/2014.

[6] Đình Tuấn, 2009. Hội thảo khoa học *"Bảo tồn và phát huy dân ca trong giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông"*, *nguồn: nhandan.com.vnngày 21/11/2009.*

[7] *Rối giáo dục di sản trong trường học,* Báo Tiền phong, bản điện tử ngày 9/3/2012, tienphong.vn/giao-duc/roi-giao-duc-di-san-trong-truong-hoc-569132.tpo.

TRIẾT LÝ "GIÁO DỤC VÀ HÒA BÌNH" CỦA MARIA MONTESSORI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC NHẰM HẠN CHẾ BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Luyện*

1. Quan điểm Giáo dục và Hòa bình của Maria Montessori

Maria Montessori (1870-1952) sinh ra tại Ý và mất tại Hà Lan. Bà là phụ nữ đầu tiên tốt nghiệp Y khoa năm 1894 (Đại học Roma) và bắt đầu nghiên cứu về các vấn đề giáo dục trẻ (dựa theo một số khái niệm do bác sĩ E. Seguin khởi xướng) năm 1899. Bà bắt đầu làm việc với trẻ em tại các trường tư và công lập ở Roma và nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của giới cải cách.

Từ năm 1900 – 1907, Maria Montessori giảng dạy về nhân chủng học tại Đại học Roma và trở thành thanh tra các trường học (1922) của nhà nước Ý. Bà viết nhiều sách về giáo dục và tổ chức nhiều khóa huấn luyện cho giáo viên tại Tây Ban Nha, Ấn Độ, Anh, Hà Lan.

Ngày nay, hệ thống giáo dục mang tên bà do AMI - Association Montessori Internationale, đại diện và giám sát, có mặt tại hơn 100 quốc gia trên thế giới đã góp phần tạo dựng một nền tảng thiết yếu và đích thực cho việc giáo dục trẻ nhằm xây dựng một thế giới hòa bình và tiến bộ cho con người.

* Viện khoa học xã hội vùng Nam bộ

Nội dung chính trong triết lý Giáo dục và Hòa bình của M. Montessori, bên cạnh cách tiếp cận về *Hòa bình* trong mối liên hệ chặt chẽ với *Giáo dục* là phương pháp giáo dục hình thành tình yêu cho trẻ qua môi trường mà tại đó trẻ độc lập hoạt động để khẳng định và vị trí giáo dục nhân cách trẻ cho một tương lai vì thế giới hòa bình.

Theo M. Montessori, *hòa bình* không chỉ đơn thuần là sự vắng bóng chiến tranh và xung đột. Ngược lại, con người, trong đó có trẻ em luôn sống cùng xung đột. "Hòa bình là khả năng đối diện với các xung đột, khắc phục những khác biệt, và tiếp tục đi tới" (M. Montessori, 2017, tr.9). Hòa bình là khả năng tự do khỏi sự sợ hãi. Cuộc sống con người thường bị thống trị bởi nhiều nỗi lo sợ: về tương lai, về người khác, về sự không biết, về những vấn đề mình không hiểu…Nỗi sợ hãi làm phát sinh sự bất an, thiếu tự tin của con người.

Giáo dục là công cụ hữu hiệu để xây dựng hòa bình, điều này đương nhiên không đúng với bất kỳ các loại giáo dục. Mà chỉ đối với giáo dục mà trong đó sự TÔN TRỌNG là chính yếu – tôn trọng trẻ thơ, trân trọng tính đặc trưng, và nhân cách độc đáo, sự khác biệt của trẻ. Xuất phát từ sự thật hiển nhiên, "nếu bạn tôn trọng người khác và bạn biết rằng người khác cũng đang tôn trọng bạn, thì bạn không lo sợ và bạn không cảm thấy cần phải tự vệ chống lại sự gây hấn nào vốn thường nảy sinh từ óc tưởng tượng" (M. Montessori, 2017, tr.12).

Từ thực tế trải nghiệm quan sát trẻ, Maria Montessori cho rằng, "mối quan hệ giữa trẻ thơ với kẻ khác tự nhiên được đánh dấu bởi óc tò mò và sự bình yên. Sự hung hăng không phải là một phần của phản ứng tự nhiên ở trẻ" (M. Montessori, 2017, tr.12). Khi gặp một con người khác vốn biểu hiện sự khác biệt (ngôn ngữ, thể chất…) và khi được thúc đẩy bởi óc tò mò, trẻ đã ở trong một mối tương quan dẫn đưa đến sự hòa hợp.

Môi trường để trẻ phát triển tâm thần và trí tuệ trẻ thơ, theo Maria Montessori là môi trường thúc đẩy được nhu cầu khám phá thế giới của trẻ. Qua môi trường – nơi đứa trẻ hoàn toàn sống ở đó

để tự hình thành tình yêu mà không phải do từ bên ngoài áp đặt mức độ cảm xúc này.

Tuy nhiên, theo Montessori, "hòa bình không chỉ đòi hỏi một mối quan hệ có cảm xúc, mà cần một sự thay đổi lớn lao mang tính xã hội vốn sẽ cho phép người ta cảm nhận được rằng của cải của thế giới có thể được chia sẻ một cách tốt đẹp hơn so với ngày nay" (M. Montessori, 2017, tr.13). *Trẻ em có ý thức tự nhiên về sự công bình,* và một phần trong triết lý căn bản của Montessori là để biến ý thức ấy thành một đời sống mang tính xã hội đích thực.

Quan điểm *Giáo dục và Hòa bình* của bà không chỉ là những tư tưởng liên quan đến sự thụ đắc về tri thức hay các kỹ năng học tập mà qua đó còn gợi mở về sự phát triển khả năng chung sống của con người trong sự hòa hợp và đoàn kết.

2. Bạo lực học đường

Bạo lực học đường được xem là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. Bạo lực học đường bao gồm các hành vi bạo lực về thể chất, gồm đánh nhau giữa các học sinh hoặc các hình phạt thể chất của nhà trường; bạo lực tinh thần, bao gồm cả việc tấn công bằng lời nói; bạo lực tình dục, bao gồm hiếp dâm và quấy rối tình dục; các dạng bắt nạt bạn học; và mang vũ khí đến trường (Wikipedia, 2018).

Bạo lực học đường là hiện tượng phổ biến của nhiều quốc gia trên thế giới và có xu hướng ngày càng gia tăng (Bảng 1).

Bảng 1. Tình hình bạo lực học đường ở một số quốc gia

Quốc gia	Tình hình bạo lực học đường
Australia	Bộ Giáo dục Bang Queensland tuyên bố vào tháng 7 năm 2009 rằng mức độ gia tăng của bạo lực tại các trường học là "hoàn toàn không thể chấp nhận" và thừa nhận rằng đã không thực thi đầy đủ để chống lại hành vi bạo lực. 55.000 học sinh đã bị đình chỉ tại các trường của bang trong năm 2008, gần một phần ba trong số đó bởi "hành vi không đúng đắn về thể chất" (Chilcott, T., & Odgers, R. 2009).Tại Nam Australia, 175 vụ tấn công bạo lực vào các học sinh hay giáo viên đã được ghi nhận trong năm 2008 (ABC News Online. 2009).
Pháp	Năm 2000 Bộ Giáo dục Pháp tuyên bố rằng 39 trong 75.000 vụ bạo lực học đường là "bạo lực nghiêm trọng" và 300 là "có bạo lực ở một số mức độ" (Lichfield, J. 2000).
Nhật Bản	Theo The Japan Times (2008), một cuộc điều tra của Bộ Giáo dục cho thấy các học sinh tại các trường công có liên quan tới một số vụ bạo lực năm 2007—52.756 trường hợp, tăng khoảng 8.000 so với năm trước đó. Trong tới 7.000 vụ, các giáo viên là đối tượng bị tấn công.
Anh Quốc	Tháng 4 năm 2009, Hiệp hội Giáo viên và Giảng viên, đưa ra các chi tiết một cuộc điều tra với hơn 1.000 thành viên của mình với kết quả gần một phần tư trong số họ từng là đối tượng bạo lực thể chất của một học sinh.
Hoa Kỳ	Theo Trung tâm Thống kê Quốc gia về Giáo dục Mỹ (National Center for Education Statistics. 2008), bạo lực học đường là một vấn đề nghiêm trọng.Năm 2007, năm gần nhất có dữ liệu tổng thể, một cuộc điều tra toàn quốc bởi Eaton, D.K., Kann, L., Kinchen, S., Shanklin, S., Ross, J., Hawkins, J., et al. (2008), được tiến hành hai năm một lần bởi Các Trung tâm Ngăn chặn và Kiểm soát Dịch bệnh (CDC) và có những mẫu đại diện của các học sinh trung học Hoa Kỳ, thấy rằng 5.9% học sinh mang theo một loại vũ khí (như súng, dao, vân vân) vào trường học trong 30 ngày trước thời điểm điều tra.

Việt Nam	Tại Việt Nam, số liệu được Bộ Giáo dục và đào tạo (GD-ĐT) đưa ra gần đây nhất, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cũng theo thống kê của Bộ GD-ĐT, cứ khoảng trên 5.200 học sinh (HS) thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 HS thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau... Bạo lực học đường đã trở thành mối quan tâm của rất nhiều gia đình, các nhà trường và là nỗi trăn trở của toàn xã hội bởi hậu quả nghiêm trọng mà nó gây ra. Bài viết này sẽ cung cấp cho chúng ta có cách nhìn thấu đáo hơn về hậu quả của bạo lực học đường đối với gia đình, nhà trường và chính các em học sinh.

Nguồn:Wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1o_l%E1%BB%B1c_h%E1%BB%8Dc_%C4%91%C6%B0%E1%BB%9Dng#cite_note-18 cập nhật ngày 04.12.2018

Theo Báo cáo của cơ quan phòng, chống tội phạm Liên hợp quốc, mỗi năm trên thế giới có khoảng 4-6 triệu học sinh có liên quan trực tiếp đến bạo lực học đường. Số liệu này ngày càng tăng, khiến bạo lực học đường trở thành vấn đề chung của giáo dục quốc tế (Loan Phương, 2018).

Theo Loan Phương (2018), tại Việt Nam, theo báo cáo của Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm, từ năm 2013 đến năm 2015, đã xử lý hơn 25.00 vụ phạm pháp hình sự với 42.000 đối tượng. Trong đó có hơn 75% là thanh niên và học sinh, sinh viên. Nghiêm trọng hơn, đối tượng phạm tội ngày càng có xu hướng trẻ hóa, mức độ phạm tội ngày càng nghiêm trọng, hành vi bạo lực cũng ngày càng đa dạng hơn. Những vụ giết người, cướp tài sản, hiếp dâm của học sinh, sinh viên cũng ngày càng nhiều.

Đặc biệt hiện nay, công nghệ thông tin phát triển, bạo lực học đường với những hình thức mới như nhắn tin, điện thoại, email "khủng bố" hay xúc phạm, lăng mạ trên mạng xã hội… gây hậu quả không nhỏ đối với tinh thần, thể chất cho "người trong cuộc". Với hình thức bạo lực này có mức độ nguy hiểm cao vì diễn ra âm thầm, ảnh hưởng nặng nề về tinh thần và khó phát hiện để có giải pháp ngăn chặn kịp thời.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới nguy cơ bạo lực học đường. Nguyên nhân từ chính bản thân trẻ và từ các nguyên nhân khác như môi trường sống (gia đình và địa phương) và môi trường học tập (trường, lớp).

Theo nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, nguy cơ từ bản thân trẻ dẫn đến bạo lực thường rơi vào các trẻ có những biểu hiện cá tính, tâm lý như sự chán nản, lo lắng, ức chế, hiếu động thái quá, mắc lỗi lầm, và thậm chí IQ thấp cũng liên quan tới mức độ hung hăng cao (Patterson, G. R., Forgatch, M. S., Yoerger, K. L., and Stoolmiller, M. 1998). Ngoài nguy cơ từ bản thân trẻ, các nguy cơ khác như bạo lực gia đình, cha mẹ nghiện rượu, lạm dụng tình dục trẻ em, biện pháp kỷ luật thô bạo của cha mẹ; khu vực lân cận có tỷ lệ tội phạm và ma túy cao, nghèo khổ và dân số cao, tiếp xúc với các bạn hư hỏng; tỷ lệ học sinh vô kỷ luật cao, kết quả học tập kém, thiếu sự gắn kết giữa nhà trường và gia đình…

Nhằm hạn chế tình trạng bạo lực học đường trong tình hình hiện nay ở Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường ngày 17/7/2017.

Thực hiện Nghị định và các văn bản triển khai của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường học có nhiều hoạt động nhằm hạn chế bạo lực học trong thời gian qua như: tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống thông qua giảng dạy tích hợp các môn học, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, triển khai công tác tham vấn, tư vấn tâm lý học đường. Đồng thời, Ngành giáo dục có sự phối hợp với các bộ, ban, ngành tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật, đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm cũng như những vi phạm pháp khác trong nhà trường.

Tuy nhiên, để hạn chế bạo lực học đường, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng thời với các chủ thể, đối tượng cũng như nội dung hoạt động khác nhau. Trong khuôn khổ bài viết với triết lý giáo dục Montessori, tác giả tập trung phân tích, làm rõ và đưa ra gợi ý về phương pháp giáo dục theo quan điểm của Montessori (như hình thành môi trường mà trong đó trẻ độc lập hoạt động trong sự

tương tác xã hội và giáo dục nhân cách) đối với nhà trường và gia đình trong giáo dục trẻ.

3. Kiến tạo môi trường giáo dục hình thành tình yêu con người theo quan điểm M. Montessori nhằm hạn chế bạo lực học đường hiện nay ở Việt Nam

Một trong những nguyên nhân của bạo lực học đường nói trên xuất phát từ người học và phương pháp giáo dục của gia đình và nhà trường. Với triết lý Giáo dục và Hòa bình mà trọng tâm là giáo dục trẻ qua môi trường để trẻ độc lập hoạt động trong sự tương tác xã hội dưới sự hướng dẫn của cha mẹ, thầy cô và hình thành tình yêu con người có ý nghĩa và mối liên hệ đặc biệt đối với gia đình và nhà trường trong phương pháp giáo dục nhằm hạn chế bạo lực học đường hiện nay ở Việt Nam.

Môi trường hoạt động và tình yêu của trẻ

M. Montessori cho rằng: "Hai điều cần thiết là: sự phát triển của tính cá nhân và sự tham gia của cá nhân vào một đời sống thực sự xã hội" (M. Montessori, 2017, tr.142). Bà nhấn mạnh sự tương tác liên lũy giữa cá thể với môi trường trong hoạt động của trẻ theo nguyên tắc con người nhào nặn ra các vật nhưng đồng thời con người cũng được định hình qua các vật đã được nhào nặn đó. Ảnh hưởng định hình tương hỗ này là biểu hiện của tình yêu con người đối với môi trường xung quanh nó. Thể hiện sự tương tác hài hòa hiện hữu giữa cá thể và môi trường là mối quan hệ về tình yêu. Theo hướng tiếp cận này, M. Montessori cho rằng,"Tình yêu thúc đẩy đứa trẻ không phải đến sự sở hữu một vật mà là đến công việc nó có thể làm với vật ấy"(M. Montessori, 2017, tr.144).

Trong môi trường trẻ hoạt động, sự tò mò và khám phá đem lại cảm xúc thích thú với vật mà chúng tác động. Bên cạnh đó, khi tác động vào vật và môi trường, trẻ luôn có xu hướng "liên kết" với cá nhân khác, sự liên kết giúp trẻ hoàn thành hoạt động đồng thời thích thú về "thành tích" đạt được trong mối quan hệ với cá nhân khác cùng hoạt động. "Khi công việc bắt đầu trong một môi trường nào đó, sự liên kết với những kẻ đồng loại của mình bắt đầu, bởi không ai có thể làm việc một mình. Và đời sống diễn biến như thế: một hình thức lao động thú vị xuất hiện, nó tăng cường

giá trị của tính cá nhân, và điều này ngược lại vinh danh cái nhân vị cá thể" (M. Montessori, 2017, tr.144).

Sự thích thú, niềm vui hay xúc cảm tình yêu cứ như thế hình thành trong môi trường hoạt động của trẻ "Khi các các nhân phát triển bình thường, chúng đơn thuần cảm thấy một tình yêu không những đối với sự vật, mà còn đối với các cá nhân khác. Tình yêu này không phải cái gì được dạy cho; nó là hệ quả do sống một cuộc đời đúng nghĩa." (M. Montessori, 2017, tr.145). Và theo nghĩa này, tình yêu không phải là nguyên nhân mà là kết quả của một sự phát triển bình thường của cá nhân. Như vậy, tình yêu không thể được dạy bằng sự gương mẫu, tình yêu chính là đời sống bình thường (đúng nghĩa của trẻ: đơn giản – năng động) với sự độc lập trong hoạt động của trẻ.

Và ngược lại, điều gì sẽ xảy đến khi trẻ không có môi trường hoặc có nhưng là môi trường không đúng nghĩa để trẻ vui chơi, khám phá với các công cụ và sự hướng dẫn của cha mẹ và thầy cô? Điều này trái ngược với cảm xúc tình yêu nói trên, thay vào đó là sự thiếu thốn, buồn bã và trạng thái khó chịu, thậm chí là cảm giác bất an, tự ti... Và điều này có thể là mầm mống của sự thay đổi tâm lý không theo vốn giản đơn như chính cuộc sống của trẻ. "Nếu có điều gì ngăn chặn cá nhân không được hành động – nó bắt đầu muốn chiếm hữu tất cả những gì quanh nó. Thay vì làm việc với người khác, nó quay ra gây gổ với họ. Hệ lụy của mối liên kết với người khác không phải là sự hợp tác mà là sự xung đột"(M. Montessori, 2017, tr.144).

Hệ quả từ việc trẻ thiếu môi trường hoạt động dẫn tới thái độ thể hiện dễ xung đột, gây gổ và tâm lý muốn chiếm hữu (thay vì sử dụng đồ vật xung quanh), tính ích kỷ… là nguy cơ dẫn tới hành vi bạo lực của trẻ trong trường lớp hoặc gia đình. Điều này cho thấy sự liên hệ đặc biệt giữa tầm quan trọng của môi trường giáo dục M. Montessori và nguy cơ bạo lực học đường từ bản thân trẻ khi phương pháp giáo dục của gia đình và thầy cô không gắn với môi trường để trẻ có thể độc lập hoạt động trong sự tương tác với các cá nhân khác, trong đó cha mẹ, thầy cô có vai trò dẫn dắt.

Và với luận điểm trên, hé lộ hai con đường phát triển nhân cách của trẻ. Một là, con đường dẫn trẻ đến con người yêu thương;

hai là, con đường dẫn trẻ đến con người chiếm hữu. Và con đường thứ nhất dẫn con người (có khả năng độc lập) làm việc hài hòa với cá nhân khác; con đường thứ hai đến con người (nô lệ, tù nhân của các sự chiếm hữu) cố tự giải thoát bản thân và thành kẻ thù ghét cá nhân khác.

Và điều đương nhiên, để tạo lập và bồi đắp cảm xúc, tình yêu cho trẻ sẽ chỉ là cách ngay từ đầu người lớn, bằng tri thức và kinh nghiệm hướng dẫn trẻ sử dụng đồ vật trong môi trường của chúng, hoặc (nếu môi trường hoạt động đúng nghĩa cho trẻ đã không có từ khi trẻ bắt đầu) chuyển từ chiếm hữu sang sử dụng các đồ vật trong môi trường này. Khi trẻ độc lập hoạt động trong sự tương tác với cá nhân khác sẽ sáng tạo và mang lại giá trị bản thân. Cảm xúc thích thú và vui vẻ, hạnh phúc này là tình yêu tự hình thành qua hoạt động của bản thân trẻ, mà không phải tình yêu được mang lại từ người khác như một sự giáo dục mang tính lý luận về tình yêu thương của cha mẹ và thầy cô.

Qua thực tiễn và nhận thức sâu sắc về đặc điểm tâm lý trẻ, M. Montessori nhấn mạnh đến vai trò và phương pháp giáo dục của gia đình và nhà trường: "Giáo dục phải quan tâm đến sự phát triển cá thể và cho phép cá nhân trẻ thơ được tự lập không chỉ những năm sớm nhất trong thời thơ ấu mà còn trải qua những giai đoạn phát triển của nó" (M. Montessori, 2017, tr.142).

Theo bà, tuy mỗi giai đoạn tuổi thơ là khác nhau, nhưng "một nguyên tắc vẫn được giữ nguyên vẹn trong tất cả các giai đoạn này là bất kỳ lúc nào, đứa trẻ cũng được cung cấp các phương tiện cần thiết để hành động và tiếp thu kinh nghiệm" (M. Montessori, 2017, tr.142-143). Và theo M. Montessori, "trẻ không thể phát triển nếu không có các vật dụng quanh nó để cho phép trẻ hành động" (M. Montessori, 2017, tr.143) và nếu so sánh với giáo viên trong vai trò chuyển tải trực tiếp tri thức tới trẻ thì "môi trường mới là "người thầy" tốt nhất" (M. Montessori, 2017, tr.143).

Trong môi trường, trẻ hoạt động sẽ khám phá ra niềm vui và lòng nhiệt thành trong lao động. Điều này sẽ đem lại cho trẻ sự cảm nhận về một tình yêu mạnh mẽ với chính môi trường và các cá nhân khác cùng tham gia. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải

tiến hành xây dựng một môi trường cung cấp những điều kiện thỏa đáng cho sự phát triển bình thường của trẻ từ nhà trường và gia đình.

Giải pháp nhằm hạn chế bạo lực học đường – tiếp cận từ góc độ giáo dục gia đình và nhà trường ở Việt Nam hiện nay

Kinh tế - xã hội phát triển, trong đó, tỷ lệ dân số giảm đang được xem là kết quả có ý nghĩa thành tựu trong giai đoạn hiện nay, gia đình có từ 1-2 con với điều kiện sống tốt hơn đã ít nhiều là nguyên nhân trực tiếp tác động lên sự hình thành nhân cách theo thiên hướng tăng dần tính ích kỷ của trẻ. Từ nhận thức và tâm lý, không ít cha mẹ đã thay thế con trong hoạt động mà lẽ ra hoạt động này phải do của chính trẻ tự thực hiện. Hơn thế, không ít cha mẹ áp đặt lên suy nghĩ của trẻ và mong muốn trẻ thực hiện cả những gì mà bản thân họ không làm được hoặc đã từng thất bại về việc làm và nghề nghiệp, cho dù đó không phải là năng lực và sở trường của trẻ. Hệ quả là đã dần làm mất đi cá tính của trẻ từ tâm lý và cách giáo dục của gia đình. Sự ỷ lại, tính phụ thuộc và thiên hướng "chiếm hữu" lớn dần trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của trẻ.

Cá tính của trẻ với sự bộc lộ thiên hướng thiếu chủ động trong hoạt động, mà lẽ ra bản thân mỗi đứa trẻ cần phải có trong quá trình phát triển với sự liên kết xã hội có nguyên nhân do tâm lý và phương pháp giáo dục từ gia đình trên đây nếu được "khắc phục" bằng phương pháp giáo dục có tổ chức với ý nghĩa "khoa học" thực sự từ nhà trường sẽ phần nào hạn chế được khiếm khuyết trong hình thành nhân cách do giáo dục gia đình mang lại. Tuy nhiên, về điều này, giáo dục nhà trường có hạn chế nhất định. Sự hoạt động của học sinh, lẽ ra các em cần được chủ động thực hiện cùng với sự hướng dẫn của thầy cô và các công cụ, phương tiện học tập (mô hình xã hội thu nhỏ) được cung cấp đầy đủ, ngược lại, trẻ chủ yếu được thầy cô giảng giải lý thuyết qua những bài học trong lớp, những công cụ, nguyên liệu học tập (kiểu xã hội thu nhỏ) là hạn chế. Hệ quả từ giáo dục nhà trường đã không mấy mở ra cơ hội để các em hoạt động "độc lập" (theo nghĩa cá thể tự làm việc) để đạt tới giá trị hình thành cảm xúc yêu thương, thay vào đó là sự u muội của trí não; sự thiếu vận động của cơ thể cho sự phát

triển của thần kinh, trí tuệ; sự nhàm chán bởi những bài học cần phải lặp lại nhiều lần trong trí tưởng tượng (thậm chí thiếu cả liên hệ thực tiễn) để khắc ghi và phục vụ cho bài kiểm tra, thi cử và sự đánh giá.

Cả hai môi trường giáo dục gia đình và nhà trường nêu trên khá xa dời với môi trường giáo dục theo quan điểm của M. Montessori, môi trường mà ở đó, trẻ được tự do về thể chất và tinh thần trong hoạt động và sáng tạo, hình thành tình yêu thương dưới sự dẫn dắt của thầy cô và cha mẹ. Thay vào đó là sự lệch lạc trong tâm lý và sự phát triển, nguồn cơn sâu xa của bạo lực học đường.

Từ thực trạng và nguyên nhân trên, liên hệ với quan điểm về giáo dục của M. Montessori, cần thiết có sự cải biến sâu sắc về nhận thức và phương pháp giáo dục trẻ từ gia đình và nhà trường. Thầy cô giáo và cha mẹ cần nhận thức chính xác và sâu sắc về giáo dục lòng yêu thương, đó không đơn giản chỉ là tạo ra một khuôn mẫu, một mô hình, một con đường có sẵn với những bài học về đạo đức, lẽ sống đã được soạn giảng để "nhồi nhét" hay áp đặt chung đối với học sinh (ít nhất là 30 – 40 trẻ/lớp học, hoặc 500 – 1.000 trẻ hoặc hơn thế /trường) và qua đó kỳ vọng hình thành tình yêu cho các em, mà quan trọng hơn cả là cho các em một môi trường hoạt động độc lập trong học tập và sáng tạo với sự định hướng dẫn dắt của thầy cô, cha mẹ cùng với các nguyên liệu và công cụ (theo nghĩa giáo dục).

4. Thay lời kết

Trẻ em là điều kỳ diệu của tạo hóa ban tặng cho nhân loại. Tương lai của trẻ thơ phụ thuộc vào chúng ta hôm nay và trẻ thơ kiến tạo ra tương lai mai sau, trong đó có hòa bình của nhân loại. Vì vậy, hãy hiểu và không thể chậm trễ thực hiện điều tưởng chừng như hết sức đơn giản này: "Con cái không phải của riêng chúng ta, chúng thuộc về vũ trụ và chỉ đi qua nhà chúng ta trong suốt cuộc hành trình của chúng, vì chúng cần được hướng dẫn" (Shimi Kang, 2017, tr.13)

N.T.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2017), Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường ngày 17/7/2017.

2. Chilcott, T., & Odgers, R. (2009, July 9). Government can do more on school violence.*The Courier-Mail*, Brisbane.

3. Eaton, D.K., Kann, L., Kinchen, S., Shanklin, S., Ross, J., Hawkins, J., et al. (2008). Youth risk behavior surveillance -- United States, 2007. *Morbidity and Mortality Weekly Report. Surveillance Summaries/CDC [MMWR Surveill Summ], 57*, 1-131.

4. Getting children to get along. (2008, December 2). *The Japan Times*, Tokyo.

5. Lichfield, J. (2000, January 27). Violence in the lycees leaves France reeling. *The Independent*. Luân Đôn.

6. Maria Montessori (1949), Bản tiếng ý: Educazione e Pace. Bản dịch tiếng Anh: Education and Peace (Helen R. Lane dịch). Bản tiếng Việt: Giáo dục và Hòa bình (Nghiêm Phương Mai dịch, 2018). Nxb. Đà Nẵng.

7. National Center for Education Statistics. (2008). *Indicators of school crime and safety*. Truy cập 2009-02-27.

8. Patterson, G. R., Forgatch, M. S., Yoerger, K. L., and Stoolmiller, M. (1998).Variables that initiate and maintain an early-onset trajectory for juvenile offending. Developmental Psychopathology, 10 531–547)

9. Loan Phương (2018), truy cập ngày 04.12.2018 tại: http://vgbc.org.vn/van-de-bao-luc-hoc-duong-va-giai-phap-khac-phuc/

10. School violence 'dealt with'. (2009, June 26). *ABC News Online*.

11. Shimi Kang (2014), Nuôi dạy con kiểu cá heo (Đỗ Liên Hương dịch, 2017). Nxb. Thế giới.

12. Violent pupils and parents make teachers' lives a misery. (2009, April 2). ATL press release.

13. https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1o_l%E1%BB%B1c_h%E1%BB%8Dc_%C4%91%C6%B0%E1%BB%9Dng#cite_note-18 truy cập ngày 04.12.2018

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG QUỐC TẾ

(Trường hợp ở Trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon)

NCS. Phan Thị Kim Anh*

1. Đặt vấn đề

Xã hội Việt Nam truyền thống có sự tồn tại lâu dài của nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Sự ổn định của tổ chức xã hội nông thôn và sản xuất theo hộ gia đình mang tính chất tự cung, tự cấp là đặc điểm tồn tại lâu dài trong lịch sử phát triển của đất nước.Giáo dục đạo đức truyền thống Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của hệ tư tưởng Nho giáo và Phật giáo. Gia đình giữ vai trò chủ yếu, cơ bản trong việc hình thành nhân cách con người. Chỉ trừ một số rất ít con em gia đình khá giả, quan lại… đặc biệt lắm mới có con em nhân dân lao động đến trường.

"Mục tiêu của giáo dục truyền thống theo cách nói nôm na của ông cha xưa là "*dạy con nên người*" (Lê Ngọc Văn, 1996). Giáo dục truyền thống luôn hướng con cái phát triển thành người hiếu thảo biết kính trên nhường dưới, hiền hậu, cần cù, chất phác, hay lam hay làm… Ở trong xã hội Việt Nam truyền thống, các yếu tố cơ bản, cốt lõi và thang giá trị của một nhân cách không mấy phức tạp và không có sự đảo lộn, biến động thường xuyên. Cho

* Trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon

nên giáo dục gia đình cũng không gặp những trở ngại gì lớn trong việc hình thành và phát triển những yếu tố nhân cách cơ bản theo nội dung: "Trai thời trung hiếu làm đầu/ Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình" (Nguyễn Đình Chiểu).

Ngày nay kinh tế - xã hội không ngừng phát triển, tuy nhiên mặt trái của cơ chế thị trường đang tác động rất mạnh đến tư tưởng và lối sống của một bộ phận dân cư, trong đó phần lớn là học sinh, đặc biệt là tệ nạn xã hội đang xâm nhập vào các trường học. Trước tình hình và thực trạng đó, trong những năm qua đã được các cấp, các ngành, đặcbiệt là những người làm công tác giáo dục thực sự quan tâm và sự cần thiết là phải đầu tư cho việc giáo dục toàn diện. Nhưng thực tế thì vấn đề giáo dục giá trị đạo đức vẫn có những nơi, những lúc còn bị xem nhẹ, chưa được chú trọng.

Xuất phát từ những lý do khách quan và lý do chủ quan như đã nêu ở trên, chúng tôi nhận thấy công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường thật cấp thiết, cần phải đẩy mạnh việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh ở trường phổ thông nói chung và trường Quốc tế nói riêng, điển hình là trường hợp ở Trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon để góp phần nâng cao hiệu quả công tác giáo dục ở địa phương là việc quan trọng và rất cấp bách.

2. Cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn của việc giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh trường quốc tế

2.1. Cơ sở pháp lý

Đối với sự phát triển và hưng thịnh của mỗi quốc gia, yếu tố con người luôn giữ vai trò quyết định. Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, Nhà nước ta hết sức chú trọng đến nguồn lực con người, nhất là vai trò của giáo dục và đào tạo. Giáo dục và đào tạo con người có đạo đức, tri thức, kỹ năng,.. được coi là điều kiện tiên quyết để phát triển nguồn lực con người.

Điều 26, thông tư 12/2011/TT- BGDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở nêu rõ: Hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ

và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Để giúp học sinh phát triển toàn diện hình thành nhân cách con người trong một quốc gia phát triển theo định hướng XHCN như Việt Nam, ngoài việc đẩy mạnh hoạt động dạy học nhằm truyền thụ cho học sinh những tri thức khoa học cơ bản và có hệ thống còn phải đẩy mạnh hoạt động giáo dục nhằm hình thành cho học sinh về ý thức và niềm tin, về thái độ ứng xử đúng đắn trong các quan hệ giao tiếp hàng ngày, về hành vi và các kỹ năng hoạt động, tạo cơ sở để học sinh bổ sung và hoàn thiện những tri thức đã học trên lớp. Và học sinh ở các trường Quốc tế cũng không nằm ngoài phạm vi đó.

2.2. Cơ sở lý luận

Giáo dục đạo đức là quá trình hình thành và phát triển đạo đức của con người, là quá trình tác động qua lại giữa xã hội và cá nhân để chuyển hoá những nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực, giá trị đạo đức - xã hội thành những phẩm chất đạo đức cá nhân, làm cho cá nhân trưởng thành về mặt đạo đức, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường Quốc tế phải được tiến hành bằng nhiều biện pháp, có mục tiêu phù hợp, phải được tiến hành bằng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý và lứa tuổi của học sinh. Phải được xây dựng nội dung, kế hoạch cụ thể và được thực hiện thường xuyên liên tục, đảm bảo tính hệ thống mới đạt được kết quả cao,

Đạo đức là một phạm trù được rất nhiều lĩnh vực khoa học nghiên cứu như triết học, đạo đức học, giáo dục học, xã hội học, tâm lý học ... Mỗi lĩnh vực có một cách tiếp cận riêng và kết quả đã tạo ra một hệ thống quan niệm đạo đức rất phong phú và sâu sắc. Dưới góc độ xã hội, đạo đức là hình thái ý thức xã hội được phản ánh dưới dạng nguyên tắc, yêu cầu, chuẩn mực, quy tắc điều chỉnh (hoặc chi phối) hành vi của con người trong các mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, giữa con người với xã hội, giữa con người với nhau và với chính bản thân mình. [1, Tr.124]

Để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh ở trường

Quốc tế, bao gồm cả 'tài" và "đức", cần tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường, trong đó công tác giáo dục giá trị đạo đức, nhân cách đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh là một công việc khó, đòi hỏi phải có sự chung tay góp sức của nhiều lực lượng trong nhà trường và xã hội.

2.3. Cơ sở thực tiễn

Thực trạng việc giảng dạy ở một số trường Quốc tế hiện nay còn có nhiều bất cập trong việc giáo dục nhân cách toàn diện cho học sinh nói chung và trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon nói riêng cũng không nằm ngoài hoàn cảnh đó.

Hiện nay một số bộ phận thanh thiếu niên có dấu hiệu sa sút nghiêm trọng về đạo đức, nhu cầu cá nhân phát triển lệch lạc, kém ý thức trong quan hệ cộng đồng, thiếu niềm tin trong cuộc sống, ý chí kém phát triển, không có tính tự chủ dễ bị lôi cuốn vào những việc xấu. Trong nhà trường phổ thông nói chung và trường quốc tế nói riêng, số học sinh vi phạm đạo đức có chiều hướng gia tăng, tình trạng học sinh kết thành băng nhóm bạo hành trong trường học đáng được báo động. Một số cán bộ quản lý, giáo viên chưa thật sự là tấm gương sáng cho học sinh, chỉ lo chú trọng đến việc dạy tri thức khoa học, xem nhẹ, thờ ơ không chú ý đến việc giáo dục tình cảm đạo đức cho học sinh.

Đứng trước thực trạng đó, Bộ Giáo dục - Đào tạo đã chỉ đạo và triển khai tiến hành lồng ghép giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống vào các môn học và hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh ở các nhà trường trong phạm vi toàn quốc bắt đầu từ năm 2010 -2011 nhằm trang bị cho các em những năng lực cần thiết để nâng cao giáo dục toàn diện cho thế hệ trẻ. Hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học cơ sở được đưa vào thông qua hai hoạt động đó là: Hoạt động ngoài giờ lên lớp và lồng ghép vào các môn học. Ở các trường Quốc tế, hoạt động này được đẩy mạnh hơn nữa, được lồng ghép trong các môn học về Kỹ năng sống.

Trong những năm học vừa qua, đội ngũ giáo viên nhà trường có quan tâm đến hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh nhưng đa số chỉ quan tâm về lượng, chưa quan tâm đúng mức về chất.

Quá trình giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh trường Quốc tế, một số ít bộ phận và cá nhân có liên quan chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác này, một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đúng mức đến giáo dục con em, nuông chiều phó mặc cho nhà trường.

Qua thực tiễn công tác tại trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon, tôi nhận thấy việc giáo dục đạo đức cho học sinh là một nhiệm vụ thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình giảng dạy ở nhà trường. Do vậy song song với việc dạy văn hóa, việc giáo dục đạo đức cho học sinh cũng là một trong các yếu tố cần được quan tâm trong sự nghiệp giáo dục của những người làm công tác giáo dục nói riêng và của cả cộng đồng nói chung.

3. Thực trạng về công tác giáo dục giá trị đạo đức học sinh trường song ngữ quốc tế Wellspring Saigon năm học 2017 – 2018

3.1. Xây dựng kế hoạch - Tổ chức thực hiện

Đầu năm học, hiệu trưởng thông qua các văn bản chỉ đạo của cấp trên, triển khai kế hoạch trước hội đồng sư phạm nhà trường, tổ chức phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để thực hiện tốt việc quản lý hoạt động giáo dục đạo đức của học sinh. Đối với các lực lượng trong nhà trường: Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể, xây dựng quy định trách nhiệm cho từng tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện (như thành lập đội cờ đỏ để thường xuyên theo dõi, nhắc nhở học sinh vi phạm). Đối với các lực lượng ngoài nhà trường: Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3.2. Công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

Hiệu trưởng chỉ đạo cho Ban chỉ đạo tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ giáo viên, công nhân viên trong nhà trường nhận thức sâu sắc và thấy được tầm quan trọng của công tác "giáo dục đạo đức cho học sinh, tích cực thực hiện chỉ thị số 2516/CT- BGD-ĐT ngày 18/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo về thực hiện cuộc vận động: "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Hiệu trưởng chỉ đạo đội ngũ giáo viên chủ nhiệm tích cực trong công tác giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh thông qua các tiết sinh hoạt lớp hoặc các tiết dạy ngoài giờ lên lớp (họp giáo viên chủ nhiệm 1 lần/tháng). Hiệu trưởng chỉ đạo tổ khối chuyên môn ngoài việc tham gia các hoạt động sư phạm, hoạt động chuyên môn còn có trách nhiệm quản lý hoạt động giáo dục đạo đức của tổ khối theo kế hoạch được phân công.

Mặt khác việc phối hợp giáo dục đạo đức cho các em giữa ba môi trường: Nhà trường - Gia đình - Xã hội chưa đồng nhất, thiếu đồng bộ và nhiều kẽ hở… Hơn bao giờ hết vai trò của gia đình chiếm một vị trí rất quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho học sinh; gia đình là cái nôi để hình thành nhân cách mỗi người; cha mẹ phải là người "mẫu mực" trong việc giáo dục đạo đức làm người cho con trẻ.

Trường luôn coi trọng hoạt động giáo dục đạo đức, nhân cách học sinh nhằm xây dựng lớp trẻ có tri thức, văn hóa, nhân văn, sống có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội. Từ đầu năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục song song với kế hoạch giảng dạy và triển khai đến toàn bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường.

Với mục đích phát triển toàn diện về đức – trí – mỹ cũng như những kỹ năng cần thiết cho học sinh, nhà trường đã thành lập và hoạt động có hiệu quả của phòng Phát triển tiềm năng học sinh và phòng tư vấn tâm lý cũng như học tập – du học cho học sinh và cha mẹ học sinh. Bên cạnh đó, trường cũng đã phối hợp với các chuyên gia giáo dục, tâm lý, các tổ chức nghiên cứu phát triển nhân lực ….để tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, báo cáo chuyên đề về tâm lý lứa tuổi, cách giao tiếp, ứng xử trong nhà trường, các quy tắc đạo đức, tác phong … cho đội ngũ giáo viên, nhân viên, học sinh.

Qua các ngày lễ chủ điểm như ngày truyền thống của Trường, ngày Nhà Giáo Việt Nam 20/11, lễ hội Giáng sinh … nhà trường đều tạo điều kiện cho tập thể giáo viên, nhân viên và học sinh cùng tham gia thi đua giảng dạy và học tập sôi nổi trong nhà trường. Sự đoàn kết gắn bó trách nhiệm của thầy và trò ngày càng phát huy tạo sinh khí cho môi trường còn non trẻ nhưng đầy nhiệt huyết.

Các hoạt động học tập, sinh hoạt ngoại khóa, rèn luyện nhân cách, phát triển tiềm năng …được tiến hành khoa học đồng bộ và hài hòa, tạo sự cộng hưởng trong toàn trường.

Trong đơn vị còn một số ít giáo viên chưa thật sự quan tâm đến việc giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh, chỉ quan tâm đến chất lượng văn hóa. Giáo viên đánh giá hạnh kiểm đạo đức của học sinh theo định tính, chưa thật sự căn cứ vào các chuẩn mực cụ thể. Khi xét lên lớp hay khen thưởng, giáo viên chủ yếu xem xét học lực của các em.

Hiệu trưởng đối chiếu với kế hoạch, so sánh với mục đích yêu cầu của hoạt động giáo dục đạo đức của học sinh. Xây dựng các tiêu chí kiểm tra đánh giá., thành lập Ban kiểm tra phù hợp với phương pháp đề ra. Xác định cách thức kiểm tra và thực hiện kiểm tra: Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch như thời gian, nội dung thực hiện, hoạt động cụ thể của giáo viên và học sinh. Kiểm tra theo định kỳ và kiểm tra đột xuất. Mỗi tháng hiệu trưởng cùng ban chỉ đạo có trách nhiệm đánh giá, xếp loại động viên kịp thời những giáo viên làm tốt, bên cạnh đó cũng nhác nhở những giáo viên nào chưa hoàn thành công tác của mình.

3.3. Những cơ hội và thách thức để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức truyền thống cho học sinh tạitrường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon năm học 2017 -2018

3.3.1. Cơ hội

Được sự quan tâm sâu sát của lãnh đạo ngành, của chính quyền địa phương trong công tác giáo dục. Công nghệ thông tin phát triển tạo cơ hội cho giáo viên và học sinh tiếp cận, học hỏi khám phá các kiến thức, kinh nghiệm quý báu trong học tập cũng như trong công tác giảng dạy. Ngày càng có nhiều tấm gương sáng về đạo đức cho học sinh noi theo.

Đã có vài mô hình về công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức học sinh, nên các trường có thể học tập kinh nghiệm, nhất là các trường Quốc tế, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn. Giáo viên có ý thức cao trong việc nhận thức cũng như giáo dục đạo đức cho học sinh, nên các nhà quản lý sẽ gặp thuận lợi hơn khi tổ chức thực

hiện việc: quản lý hoạt động giáo dục đạo đức của học sinh. Mô hình hoạt động của trường phù hợp với sự tiến bộ, hội nhập của thành phố và nhu cầu phát triển của học sinh.Sự phối hợp phương pháp giảng dạy Đông - Tây giúp học sinh tự tin, bản lĩnh, làm chủ chính mình.Sự hài hòa giữa chương trình Quốc tế và Việt Nam giúp tăng tính thực tiễn cũng như sự hòa nhập xã hội sớm hơn cho học sinh Việt Nam.

Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Sở Giáo dục & Đào tạo Tp. HCM và Phòng Giáo dục & Đào tạo Quận Bình Thạnh và sự lãnh đạo, hỗ trợ, phối hợp và giúp đỡ của chính quyền địa phương trong mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Sự tin tưởng và ủng hộ ngày càng cao của Phụ huynh học sinh trong tất cả các hoạt động dạy và học cũng như các hoạt ngoại khóa cho học sinh do nhà trường tổ chức.

3.3.2. Thách thức

Kinh tế địa phương phát triển chưa ổn định, đời sống dân sinh còn thấp nên sự quan tâm về cơ sở vật chất của các cấp chính quyền đối với trường còn hạn chế. Phần lớn học sinh có cha mẹ làm nông, cuộc sống không ổn định nên ít quan tâm đến việc học tập, sinh hoạt của các em.

Công nghệ thông tin phát triển là cơ hội để học tập nhưng cũng là thách thức đặt ra. Việc chơi game đã dẫn đến tình trạng một số học sinh trốn học, các xu hướng bạo lực và các luồng văn hóa không lành mạnh, tạo ra những hiệu ứng tâm lý như khép kín, ít giao tiếp xã hội, hội chứng trầm cảm. Xã hội yêu cầu ngày càng cao về chất lượng giáo dục và điều kiện CSCV, trang thiết bị dạy học trong thời kỳ hội nhập đối với một trường quốc tế.

Việc thực hiện "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đòi hỏi phải đổi mới công tác quản lý, phương pháp dạy học và giáo dục của nhà trường.

Yêu cầu về chất lượng dạy học và đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tối đa năng lực của học sinh và phát triển toàn diện học sinh trong môi trường giáo dục hiện đại, an toàn. Tất cả

những đối tượng học sinh trình độ khác nhau đều phải được phát triển về trí tuệ và tâm hồn.

3.3.3. Những công việc đã làm tại trường

** Các hoạt động ngoại khóa*

Trường đã tổ chức cho học sinh tham gia tích cực các hoạt động giáo dục theo các công văn hướng dẫn của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Giáo dục Quận Bình Thạnh cụ thể như sau: Tổ chức sinh hoạt dưới cờ hàng tuần phát động các phong trào thi đua có liên quan đến các hoạt động giáo dục trong nhà trường, nêu gương người tốt việc tốt, vượt khó học giỏi…..

Trong năm học 2017-2018 các hoạt động ngoại khóa của trường phong phú nhiều hình thức, lôi cuốn học sinh có tác dụng giáo dục, hình thành những phẩm chất đạo đức tốt cho học sinh, xây dựng lối sống tập thể, tinh thần hợp tác, tương trợ và ý thức chấp hành nội quy nhà trường và pháp luật xã hội.

Các hoạt động giáo dục lao động, hướng nghiệp

Giáo dục lao động: trường tổ chức cho học sinh lao động hàng tuần, thu dọn vệ sinh môi trường, cải tạo cảnh quang sư phạm. Thông qua các buổi lao động giáo dục cho học sinh tinh thần kỷ luật, biết thương yêu và kính trọng người lao động.

Giáo dục huớng nghiệp: trường dạy hướng nghiệp cho học sinh theo chương trình quy định của Bộ giáo dục và đào tạo, trường cũng chủ trương lồng ghép vào bộ môn nhằm thông qua đó giáo dục cho học yêu nghề nghiệp, biết tự chọn đuợc nghề nghiệp của mình. Trường cũng thường xuyên tổ chức các ngày hội nghề nghiệp, để học sinh được nghe những chia sẻ về đa dạng các nghề nghiệp trên thị trường lao động hiện nay.

** Việc giảng dạy chương trình môn Giáo dục Công dân của trường*

Trường đã tổ chức thực hiện giảng dạy môn Giáo dục công dân đầy đủ theo đúng quy định của chương trình, có lồng ghép giáo dục pháp luật vào bộ môn. Mặc dù, môn Giáo dục công dân từ trước đến nay chưa được coi trọng, nhiều học sinh, phụ huynh học sinh vẫn xem đây là môn học phụ, giáo viên đã tích cực thay

đổi phương pháp, kỹ thuật dạy học cũng như lồng ghép những câu chuyện thực tế vào trong bài giảng. Bộ môn đã xây dựng được các chuyên đề và đưa hình thức sân khấu hóa các chủ đề gắn với thực tiễn xã hội. Điều này đã làm cho học sinh hứng thú hơn trong việc tiếp thu bài giảng và nâng cao dần ý thức trau dồi phẩm chất, đạo đức của mình, sống có trách nhiệm hơn với gia đình, bạn bè và với chính mình.

** Hoạt động của giáo viên chủ nhiệm*

Giáo viên chủ nhiệm là lực lượng chính trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh là người quản lý mọi hoạt động của lớp học, là người triển khai mọi hoạt động của trường của nhà trường đến từng lớp, từng học sinh. Do đó, từ đầu năm học 2017-2018, Ban Giám hiệu trường Wellspring Saigon đã định hướng phân công những giáo viên làm công tác chủ nhiệm theo những tiêu chí sau: Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng; Có uy tín- đạo đức tốt; Giáo viên giỏi, vững tay nghề; Có tầm hiểu biết rộng; Tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề; Thương yêu và tôn trọng học sinh; Có năng lực tổ chức.

Giáo viên chủ nhiệm trong năm học đã thực hiện đầy đủ các loại sổ theo quy định của ngành giáo dục: sổ liên lạc, sổ chủ nhiệm sổ theo dõi đạo đức học sinh … ; tổ chức sinh hoạt lớp cuối tuần, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch thi đua…; kết hợp chặt chẽ với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, chủ động phối hợp với các giáo viên bộ môn và các ban ngành đoàn thể địa phương trong công tác giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh.

** Sự tham gia giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh của các giáo viên bộ môn*

Đầu năm học, Ban Giám hiệu nhà trường đã quán triệt trên hội đồng giáo viên là trách nhiệm giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh là nhiệm vụ của mọi thành viên trong nhà trường, giáo dục đạo đức cho học sinh là một quá trình thường xuyên, liên tục, diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi. Một giờ dạy trên lớp không chỉ đơn thuần là truyền thụ kiến thức khoa học cho học sinh mà còn giáo dục cho các em những hành vi, cử chỉ, tình cảm, nhân sinh

quan, thế giới quan khoa học. Qua thực tiễn, giáo viên bộ môn đã có chú ý liên hệ giáo dục đạo đức học sinh thông qua bài học, tiết học, thường xuyên nhắc nhở uốn nắn những sai phạm của học sinh trong giờ học.

3.4. Kết luận và kiến nghị

3.4.1. Kết luận

Hoạt động giáo dục trong trường học là nhằm giúp học sinh phát triển hài hoà về đức, trí, thể, mỹ. Trong đó phải đặt giáo dục đạo đức lên vị trí hàng đầu, coi đó là nền tảng cho các mặt giáo dục khác.

Trong thực tế khi giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh ở trường phổ thông nói chung và trường Quốc tế nói riêng, cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể, khoa học sát với tình hình của trường, của địa phương. Bên cạnh đó cần có sự phối hợp với tất cả mọi người trong nhà trường để đề ra cách giáo dục thích hợp theo đúng phương pháp và nguyên tắc. Từ đó, sẽ thu hút và tác động tâm lí học sinh biến nhận thức lí thuyết thành hành vi đạo đức cụ thể.

Công tác giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình đào tạo nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng ở các trường. Đây là quá trình lâu dài, phức tạp đòi hỏi có sự quan tâm của Ban Giám hiệu nhà trường đặc biệt là Hiệu trưởng đến từng giáo viên và cán bộ quản lý của nhà trường. Trong các nhà trường, giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh mới chỉ được kết hợp phần nào trong các hoạt động dạy học, giáo dục mà chưa được tổ chức theo chương trình cụ thể. Chính vì vậy, việc hình thành định hướng giáo dục đạo đức cho học sinh còn thiếu đi tính vững chắc, dễ bị dao động, ảnh hưởng bởi sự tác động của các yếu tố bên ngoài cuộc sống và xã hội.

Vì vậy nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trong các trường là việc làm cấp thiết. Hiệu trưởng nhà trường cần phải nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo dức cho học sinh và đề ra một số giải pháp quản lý giáo dục đạo đức phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục. Như vậy Nhà trường - Gia đình - Xã hội cần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, phối hợp với nhau, cùng nhau đi

đến sự phát triển hành vi đạo đức và nhân cách của trẻ. Có như thế thì sự nghiệp "trồng người" mới thật sự có ý nghĩa và thể hệ mai sau mới có đủ đức và tài.

Từ những cơ sở lí luận, cơ sở pháp lí, qua việc phân tích thực trạng về đạo đức học sinh hiện nay ở trường Quốc tế, Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu chỉ là ở một trường trong xã, các giải pháp chưa có tính khả thi cao nhưng giúp chúng tôi định hướng một số việc cần phải làm trong công tác giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh ở Trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon năm học 2017-2018.

3.4.2. Một số kiến nghị

** Đối với Sở - Phòng Giáo dục và Đào tạo*

Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ nên *x*ây dựng hệ thống văn bản pháp qui xác định nhiệm vụ, qui định trách nhiệm, nội dung thực hiện việc quản lý giáo dục đạo đức cho từng bộ phận, tổ chức và cá nhân trong các trường và nên xây dựng bảng đánh giá đạo đức về lượng hóa tiêu chuẩn đạo đức của học sinh nhằm giúp các nhà trường dễ dàng vận dụng trong quá trình đánh giá, xếp loại hạnh kiểm cho học sinh.

Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở nên định kỳ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tham gia hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh. Tổ chức Hội thảo, các chuyên đề về "Giáo dục giá trị đạo đức cho học sinh" cho các cán bộ quản lý giáo dục và các giáo viên của các trường hưởng ứng tham gia. Ngoài ra, Sở Giáo dục và Đào tạo nên tăng cường thanh tra, kiểm tra kế hoạch và thực hiện quá trình quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh.

Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh ở các trường học. Ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý giáo dục đạo đức học sinh; Hằng năm nên tổ chức các buổi học tập chuyên đề, các lớp tập huấn, tham quan, giao lưu học hỏi, trao đổi rút kinh nghiệm ở các đơn vị điển hình trong công tác quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh.

** Đối với chính quyền địa phương*

Cần quan tâm hơn nữa đối với nhà trường trong việc phối hợp thực hiện phong trào. Tăng cường hỗ trợ vật chất và tinh thần nhằm động viên giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

2.3. Đối với Trường Song ngữ Quốc tế Wellspring Saigon

Có sự chỉ đạo kiên quyết hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ của CB-GV trong đó có nhiệm vụ giáo dục giá trị đạo đức cho HS; Tạo điều kiện thuận lợi cho CB-GV của trường học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời đối với những CB-GV tích cực, có nhiều đóng góp trong đổi mới phương pháp giảng dạy, nhất là phương pháp giảng dạy môn giáo dục công dân, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Tăng cường hơn nữa sự quan tâm chỉ đạo của các tổ chức đoàn thể, các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường đối với công tác giáo dục đạo đức học sinh; Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Đề cao vai trò trách nhiệm đối với giáo viên chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh phải có mối quan hệ mật thiết, thường xuyên thông tin về tình hình học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh để có biện pháp giáo dục tốt hơn.

P.T.K.A

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu học tập "*Bồi dưỡng cán bộ quản lý trường phổ thông*" (2013), Trường Cán bộ quản lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh.

2. Đảng cộng sản Việt Nam (2013), Nghị quyết hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo.

3. Luật giáo dục (2005), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Chỉ thị về phong trào xây dựng "Trường học thân thiện – Học sinh tích cực".

5. Việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2017-2018.

6. Hồ Chí Minh- Về giáo dục đạo đức (1983), Nhà xuất bản chính trị Quốc Gia

GIÁO DỤC NHÂN BẢN TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Nguyễn Hữu Anh*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục nhân bản là một trong những yêu cầu cấp thiết đối với chương trình giáo dục ở nước ta hiện nay, được xã hội rất quan tâm. Tuy vậy, những khoảng trống về giáo dục nhân bản cả trong chương trình lẫn ngoài chương trình ở các bậc học hiện nay rất đáng suy nghĩ. Bài viết này tập trung nghiên cứu khái niệm nhân bản, các đức tính nhân bản cần được giáo dục cho học sinh; đồng thời đưa ra một số gợi ý nhằm góp phần vào quá trình giáo dục những đức tính nhân bản cho học sinh ở trường phổ thông.

2. Nội dung

2.1. Giáo dục nhân bản

** Khái niệm:* Nhân bản là từ ngữ rất thông dụng, có nhiều cách hiểu (ví dụ như sự nhân giống...), khó giải thích rõ ràng và hiểu cho tường tận. Tuy nhiên, xét về mặt ngôn ngữ, có thể hiểu như sau: *Nhân* là người, là nhân đức, cách sống của con người; *Bản* là gốc, căn bản, nền tảng… Nhân bản có nghĩa là những gì gắn liền với bản tính nền tảng, mang tư cách của con người. Ở đây, có một khái niệm khác cũng tương đồng (cùng với nhân bản) cần được hiểu đó là *nhân cách*. Nhân cách được hiểu (theo ý nghĩa giáo dục) là tư cách làm người của một chủ thể nhân văn trong xã hội.

* Trường Đại học Khánh Hòa

Vì vậy, giáo dục nhân bản là giáo dục cho con người hiểu được vị trí và bản tính của mình là người mà không phải gì khác. Hay nói cách khác là giáo dục để con người có thái độ sống, thái độ nhìn đời, thái độ cư xử của một cách đúng đắn, phù hợp với những giá trị cơ bản của một xã hội nhân văn. Giáo dục nhân bản – nhân cách là nhìn ra và phát triển những tính cách tốt đẹp bên trong con người, là nền tảng giúp con người trở thành công dân tốt của đất nước và xã hội. Mục tiêu của giáo dục nhân bản đó là giúp con người đạt đến trưởng thành nhân bản (tư cách làm người). Sự trưởng thành nhân bản được hiểu là những biểu hiện bên ngoài khi ở một chủ thể (cá nhân) có những đức tính tự nhiên, do tập luyện, đạt được nhân cách viên mãn, như: tác phong tốt đẹp; suy nghĩ chín chắn, khôn ngoan, ý chí tự chủ, kiên quyết, điềm tĩnh, cư xử hài hoà, quảng đại, vị tha… Nếu nhân bản là thái độ sống, thái độ nhìn đời, thái độ cư xử của một người, thì giáo dục nhân bản là *giáo dục một bản tính người* có thái độ sống, thái độ nhìn đời, thái độ cư xử hợp quy tắc, hợp đạo lý như mọi người nhìn nhận.

* *Các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách:* Theo nghiên cứu về khoa học nhân văn như tâm lý học, khoa học giáo dục có 4 yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách của một người, đó là: *Thứ nhất*, yếu tố sinh thể gồm: các yếu tố bẩm sinh và các yếu tố di truyền; *Thứ hai,* yếu tố môi trường: toàn bộ những điều kiện tự nhiên và xã hội bao quanh con người, nơi người đó sống; *Thứ ba,* giáo dục và tự giáo dục: chủ đạo trong quá trình hình thành và phát triển tính nhân bản – nhân cách của con người; *Thứ tư,* hoạt động giao tiếp của cá nhân: hoạt động nhân cách được hình thành và phát triển. Trong bốn yếu tố trên, yếu tố thứ nhất thiên về tính cá nhân, di truyền và tự phát. Ba yếu tố còn lại là do quá trình học tập, rèn luyện, tiếp xúc với môi trường xã hội xung quanh và trải qua quá trình tự giáo dục và được giáo dục thì nhân cách của một người mới được hoàn thiện.

Như vậy, theo cách hiểu trong ngôn ngữ, đặc biệt trong việc giáo dục, nhân bản được hiểu là con người có phong cách sống tốt, được gọt dũa với những nhân đức căn bản mà một con người cần phải có, để xứng đáng là "người". Để trở thành một người có nhân cách, ngoài những yếu tố do di truyền thì phần lớn mọi chủ thể

đều phải qua quá trình rèn luyện, học tập "gọt dũa" mà nên. Theo các nhà giáo dục, môi trường giáo dục nhân bản tốt nhất đó là gia đình. Gia đình chính là nơi trẻ được sinh ra, được lớn lên và được hình thành nhân cách cơ bản của mình. Ảnh hưởng giáo dục của gia đình đến với trẻ là sớm nhất. Nhờ quan hệ máu mủ ruột thịt và tình yêu sâu sắc của cha mẹ đối với con cái mà việc giáo dục tại gia đình ảnh hưởng rất lớn đến việc hình thành nhân cách của trẻ. Chính vì thế, giáo dục con cái trong gia đình là trách nhiệm đạo đức của những người làm cha mẹ.

Tuy nhiên, nếu gia đình là môi trường giáo dục nhân bản tốt nhất thì nhà trường là môi trường giáo dục nhân bản chủ đạo trong quá trình giáo dục nhân bản cho học sinh. Điều này có nghĩa là, để hình thành một nhân cách tốt, có tính nhân bản lớn thì vai trò của nhà trường là rất quan trọng, để những giá trị nhân bản và quá trình giáo dục nhân bản được thực hiện một cách liên tục, hiệu quả. Nói giáo dục ở nhà trường nói chung và giáo dục nhân bản nói riêng đóng vai trò quan trọng là bởi: giáo dục vạch phương hướng hình thành và phát triển nhân cách. Giáo dục có thể đón trước sự phát triển, từ đó tác động đến sự hình thành và phát triển, phù hợp với từng bước tiến của xã hội; giáo dục có thể đem lại cho con người những điều mà yếu tố bẩm sinh – di truyền hay môi trường tự nhiên không thể mang lại; giáo dục có thể phát huy tối đa các mặt mạnh của các yếu tố chi phối sự hình thành nhân cách; giáo dục cũng có thể bù đắp những thiếu hụt, hạn chế do các yếu tố bẩm sinh – di truyền không bình thường, hoàn cảnh hay chiến tranh gây nên.

Từ những quan điểm trên, chúng tôi cho rằng giáo dục nhân bản ở nhà trường cần phải thực hiện được việc giáo dục các đức tính cơ bản như:Cần, Kiệm, Liêm, Chính (đối với chính mình), Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín (đối với người khác) cho học sinh, để từ đó các em thấy được giá trị của một người có nhân cách không phải là những gì quá mơ hồ, khó hiểu, to lớn mà chính là những đức tính cơ bản cần có của một con người trong quá trình học tập và lao động.

2.2. Một số đức tính nhân bản cần giáo dục cho học sinh

Thực tế ở các cấp học, bậc học ở nước ta hiện nay cho thấy chương trình giáo dục ở ta vẫn trọng hình thức và nặng về kiến thức. Chính điều đó dẫn đến việc chương trình giáo dục ở các bậc học chỉ chú trọng dạy chữ mà bỏ quên hoặc "lướt qua" quá trình dạy "lễ" cho học sinh. Những biểu hiện và hạn chế đáng tiếc trong những năm vừa qua trong môi trường giáo dục là hồi chuông báo động về sự xuống cấp trầm trọng của đạo đức, văn hóa và ứng xử trong học đường, là đi ngược lại những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Từ nhận thức đó, bài viết xin đưa ra một số đức tính cần giáo dục ở trong trường học để hình thành nhân bản – nhân cách cho học sinh.

** Giáo dục Lịch sự:*

Giáo dục nhân bản ở cả gia đình và trường học cần bắt đầu từ giáo dục học sinh trở thành một người lịch sự. Lịch sự là đặc điểm của một người có giáo dục, lịch sự là những hình thức lễ phép bên ngoài được xã hội thoả thuận và tuân giữ để cuộc sống chung giữa người với người được hài hòa, êm đẹp hơn.

Giáo dục lịch sự cho học sinh là hình thành trong các em những cử chỉ, hành động, lời nói và thái độ của một người có giáo dục; làm cho học sinh thấy lịch sự là bổn phận của chính mình, từ đó có thái độ và hiểu đúng mực đối với những người xung quanh như: đối với ông bà, cha mẹ đó là những người có công sinh thành dưỡng dục ta, nên lịch sự đối với ông bà, cha mẹ là sự thảo hiếu, tôn kính và vâng lời, đặc biệt là giúp đỡ; đối với *mọi người* dù già, trẻ, nam, nữ… cũng tôn trọng, yêu mến họ, sẵn sàng giúp đỡ họ khi có khả năng; đối với *thầy cô* thì kính trọng, vâng lời, tôn kính và chân thành...Điều cốt yếu nhất của giáo dục lịch sự đối với học sinh đó là giáo dục cho các em thói quen nói xin chào, xin lỗi, cảm ơn, làm ơn, xin phép, vui lòng... Trong môi trường giáo dục, thầy cô cần là tấm gương sáng về lịch sự cho học sinh noi theo.

** Giáo dục đức Cần:*

Cần là chuyên cần, siêng năng, chăm chỉ. Giáo dục chuyên cần là làm cho học sinh hiểu được giá trị của lao động mà trong đó, chuyên cần là chìa khóa mở ra thành công. Trong quá trình giáo dục đức Cần cho học sinh, người giáo viên phải cho thấy

được giá trị của sự chăm chỉ trong quá trình lao động và học tập, từ đó hướng dẫn và yêu cầu học sinh thực hành đức cần như:

- Trong công việc: làm việc cách chu đáo, từ việc nhỏ đến việc lớn. Khi làm thì quyết làm cho xong việc, không bỏ dở chừng.

- Với học hành: chăm chỉ học tập, chăm chú nghe giảng dạy, siêng năng làm bài tập. Học và làm cho xong bài được giao.

- Về đạo đức: Siêng năng thực hiện việc đạo đức quy định hàng ngày của lớp, của trường.

Ngoài ra, giáo viên cũng cần giáo dục và tập luyện cho học sinh đức tính chăm chỉ để học sinh biết được khi chăm chỉ vào một công việc, hoạt động nào đó thì sẽ có hứng thú và vui tươi. Nhờ chăm chỉ mà ta có thể giải quyết được những khó khăn trong việc học và biết biến suy nghĩ thành hành động.

** Giáo dục đức Kiệm:*

Hiểu một cách đơn giản, kiệm là tiết kiệm (tiết là giảm bớt, kìm hảm, hạn chế..., kiệm là dành dụm, không hoang phí, có chừng mực...). Tiết kiệm là việc hạn chế đúng mức, chi tiêu hợp lý, không hoang phí, không xa hoa trong việc sử dụng tiền của, sức khoẻ, thì giờ.

Giáo dục đức Kiệm cho học sinh nên nhấn mạnh vào hai lĩnh vực:

- *Với của cải:* biết trân trọng tiền của do cha mẹ và người khác làm ra, không được đòi hỏi thái quá hay tiêu xài phung phí. Đồng thời biết sử dụng đồ dùng cá nhân một cách hợp lí, cẩn thận để sử dụng được lâu bền. Giáo dục đức cần về lĩnh vực của cải cũng cần cho học sinh biết sử dụng hợp lí tài sản công như điện, nước, bàn ghế, lớp học... của nhà trường, gia đình và xã hội.

- *Với sức khoẻ:* giáo dục cho học sinh biết bảo vệc sức khỏe và xem sức khỏe là vốn quý của con người. Tiết kiệm sức khỏe là biết học tập, sinh hoạt đúng giờ giấc, siêng năng tập thể dục và các hoạt động tốt cho sức khỏe.

Bên cạnh đó, giáo dục đức kiệm cho học sinh cũng cần gắn liền với giáo dục tránh lãng phí.

** Giáo dục đức Liêm:*

Liêm nghĩa là trong sạch, được hiểu là trong sạch cả thể xác lẫn tâm hồn. Người có đức Liêm còn được hiểu là người trong sạch trong khi thi hành chức vụ, không tham nhũng, không hối lộ.

Giáo dục đức Liêm cho học sinh cần nhất là giữ cho các em được tâm hồn trong sáng, không vướng vào các suy nghĩ, hành động xấu, nếu có vướng mắc thì biết hối lỗi và quyết tâm sửa đổi. Giáo dục đức Liêm cũng cần làm cho học sinh thấy không chỉ tâm hồn mà hành động cũng phải liêm chính, ngay thẳng với người khác và với cả chính mình.

** Giáo dục đức Chính:*

Chính là chính trực, ngay thẳng, nghiêm minh và thật thà. Người chính trực là người sống theo công lý, biết nói và hành động cách nghiêm minh, không thiên tư, tây vị. Đức Chính là đức tính cần thiết của người lãnh đạo, để quản trị và hướng dẫn nghiêm minh.

Trong giáo dục đức Chính cho học sinh người giáo viên cần làm cho các em thấy được bổn phận, nghĩa vụ của mình đối với gia đình, nhà trường và xã hội; đồng thời giáo dục cho các em tinh thần quan tâm đến lợi ích chung, giúp đỡ bạn bè, người khác khi có thể.

** Giáo dục đức Dũng:*

Dũng là dũng cảm, tự chủ, tự lập và cương nghị. Dũng là thói quen tập trung ý chí và vận dụng sức mạnh tinh thần vào một mục đích đã định, quyết tâm vượt mọi trở ngại. Người có Dũng là người có nghị lực kiên cường, biết làm chủ lấy mình trong mọi tình huống, luôn hành động theo lý trí, quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng.

Trong giáo dục đức Dũng cho học sinh cần cho các em biết muốn có đức Dũng thì cần phải rèn luyện ý chí. Quan trọng nhất của đức Dũng là tự chủ, vì vậy cần giáo dục cho các em biết tự chủ lấy bản thân trong hành động lẫn lời nói; khắc phục những âu lo, sợ hãi và những ham muốn bất chính. Giáo dục đức Dũng cũng cần chú trọng đến việc tập luyện tính tự lập và tự trọng của học sinh, giáo dục cho các em biết được giá trị của bản thân để không bị người xấu lôi kéo.

Tóm lại, để hình thành và hoàn thiện tốt quá trình giáo dục nhân bản – nhân cách cho học sinh cần chú trong việc giáo dục đồng thời những đức tính mà chúng tôi đề cập ở trên. Bên cạnh đó cũng cần chú trọng đến việc giáo dục đức Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí và Tín để học sinh hiểu và hành động trưởng thành, rèn luyện để trở thành người tốt.

2.3. Một số kinh nghiệm trong giáo dục nhân bản

Giáo dục nhân bản là một đòi hỏi cấp thiết đối với xã hội Việt Nam hiện nay, tuy nhiên không vì vậy mà chúng ta vội vàng trong cách tiếp cận các hình thức và nội dung giáo dục nhân bản. Mặc dù nhà trường đóng vai trò chủ đạo trong giáo dục nhân bản, cũng cần phải thấy được rằng:

Thứ nhất, không nên tuyệt đối hóa vai trò của giáo dục, bởi giáo dục chỉ đóng vai trò vạch ra phương hướng và thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhân cách người học đi theo hướng đó. Cho nên, giáo dục nhân bản cần phải có sự phối hợp tích cực của nhiều yếu tố, trong đó bao gồm gia đình, nhà trường và xã hội.

Thứ hai, giáo dục nhân bản – nhân cách cho học sinh cần đa dạng hóa các hoạt động. Không nên chỉ truyền thụ nội dung đơn giản ở trên lớp mà cần tạo ra môi trường để học sinh có điều kiện thực hành nhân bản – nhân cách. Để thực hiện được nội dung này, thầy cô giáo và nhà trường cần tạo ra môi trường giao tiếp (bạn bè, thầy trò...) và môi trường hoạt động (đội, nhóm, hoạt động từ thiện...) để học sinh có thể tham gia, thông qua các hoạt động đó thầy cô vừa có thể làm gương vừa có thể điều chỉnh các biểu hiện chưa phù hợp của học sinh mà uốn nắn để học sinh thấy được những ưu điểm và hạn chế của mình mà sửa đổi.

Thứ ba, biến quá trình giáo dục nhân bản ở trường học thành quá trình tự giáo dục nhân bản của người học. Tự giáo dục đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách của học sinh vì vậy cần phải có môi trường và nội dung giáo dục đúng đắn, phù hợp và nhân văn để học sinh có thể tự hoàn thiện nhân cách của mình thông qua hoạt động tự giáo dục. Môi trường và nội dung giáo dục đúng đắn là động lực để người học tự giáo dục.

3. Kết luận

Giáo dục nhân bản cho học sinh ở nhà trường phổ thông là yêu cầu và đòi hỏi của giáo dục hiện đại. Lâu nay giáo dục của chúng ta chủ yếu tiếp cận nội dung, coi trọng hình thức và nặng nề "thao tác" nên việc giáo dục trở nên hàn lâm, nhàm chán và đi lệch với xu thế giáo dục của thế giới. Quan điểm đổi mới toàn diện giáo dục cũng chú trọng vấn đề giáo dục nhân cách, đạo đức của người học. Hoạt động giáo dục nhân bản trong nhà trường nếu làm tốt sẽ mang những thành quả lớn không chỉ cho nhà trường mà còn cho xã hội. Trong công tác giáo dục nhân bản cho học sinh, người giáo viên cũng cần chú trọng đến các yếu tố tác động đến quá trình giáo dục của mình, từ đó lựa chọn phương pháp phù hợp để giáo dục các em trở thành người trưởng thành về nhân bản.

Thực hiện tốt giáo dục nhân bản trong nhà trường phổ thông là tiền đề quan trọng để thực hiện tốt các chủ trương giáo dục, là để nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện đúng các mục tiêu giáo dục trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

N.H.A

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình phát triển giáo dục trung học (2013), Tài liệu tập huấn Kĩ năng phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông - Hà Nội.

2. Hồ Văn Liên (Chủ biên) (2002), *Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông trung học*, Đại học Huế - Trường Đại học Sư phạm.

3. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin.

4. LM Phêrô Trần Ngọc Anh (2015), Nhân học Kitô giáo, Nxb Phương Đông.

5. Vinh Sơn Nguyễn, SCJ (Chủ biên) (2018), *Nghệ thuật sống*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ CỦA SINH VIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

ThS. Nguyễn Thị Tuấn Anh*
ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương**

1. Đặt vấn đề

Ở mọi thời kỳ lịch sử, con người luôn được đặt ở vị trí trung tâm và là động lực của sự phát triển xã hội. Tại Đại hội lần IX, Đảng ta đã xác định việc phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với mục tiêu cụ thể là: Nước mạnh, dân giàu, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Để góp phần thực hiện chiến lược này, lấy việc phát huy nguồn nhân lực là yếu tố cơ bản cho sự nghiệp phát triển nhanh và bền vững. Như vậy, việc chú trọng và phát triển giáo dục, phát triển con người là nền tảng để thực hiện mục tiêu trên.

Việc chuyển dịch nền kinh tế từ nông nghiệp theo cơ chế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi có nguồn lao động mới tiên tiến. Song song đó, nền kinh tế thị trường trực tiếp ảnh hưởng đến con người, đặc biệt là hệ thống thang giá trị. Điều này chi phối đến xu hướng lựa chọn các giá trị sống và cách sống của con người. Vì thế, việc định hướng giá trị trong nhân cách con người Việt Nam nói chung, thế hệ trẻ nói riêng, đặc biệt lứa tuổi thanh niên sinh viên đã trở thành một vấn đề cốt lõi, cần quan tâm đặc biệt.

* ;** Trường Đại học Thủ Dầu Một

Vấn đề về giá trị và định hướng giá trị đã được các nhà khoa học, nhà tâm lý học nghiên cứu từ những năm 90. Định hướng giá trị là thành phần quan trọng trong nhân cách, nó chi phối nhận thức, tình cảm, ý chí và hành vi của con người. Sự lựa chọn các giá trị sẽ quyết định mối quan hệ của cá nhân với thực tại cuộc sống, xu hướng phát triển nhân cách. Điều này được tác giả Lê Đức Phúc nhấn mạnh: *"Giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể - khách thể được đánh giá xuất phát từ điều kiện lịch sử, xã hội thực tế và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách. Khi đã nhận thức, đánh giá, lựa chọn, giá trị trở nên động lực thúc đẩy con người theo một xu hướng nhất định"* (Phúc, 1992). Như vậy, có thể hiểu rằng định hướng giá trị là hiện tượng tâm lý có nguồn gốc từ lịch sử xã hội. Từ các giá trị xã hội chuyển thành giá trị nhân cách thông qua quá trình giáo dục từ gia đình, nhà trường, giáo dục xã hội và tự giáo dục. Do đó, việc nhận biết và định hướng giá trị sẽ giúp sinh viên lựa chọn giá trị học tập tích cực, đúng đắn.

Trong giới hạn nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tìm hiểu "Định hướng giá trị của sinh viên trong hoạt động học tập" thông qua việc khảo sát lý do chọn ngành học hiện tại, mục đích học tập, mức độ thỏa mãn với ngành học, tính tích cực trong học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị của sinh viên trong học tập.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài là 79 sinh viên năm nhất chuyên ngành Giáo dục Tiểu học của khoa Sư Phạm, trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương. Trong đó, có 12,5% sinh viên nam và 87,5 % sinh viên nữ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính của đề tài là điều tra bằng bảng hỏi. Mục đích của bảng hỏi nhằm khảo sát các nội dung: nhận thức của sinh viên về vai trò của hoạt động học tập, mục đích học tập của sinh viên, thái độ của sinh viên đối với việc học tập và các yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị của sinh viên trong học tập.

Bảng hỏi gồm có 05 câu hỏi, gởi trực tiếp đến khách thể nghiên cứu, hệ số tin cậy của thang đo là 0,68 và hệ số tin cậy của các biến từ 0,45 đến 0,68. Xét trong phạm vi khách thể nghiên cứu, có thể kết luận: thang đo được sử dụng nghiên cứu là phù hợp và tin cậy (Trọng, 2005).

Trong đó câu 1 - khảo sát về lý do chọn ngành học của sinh viên, câu 2 - khảo sát về sự hài lòng về ngành học hiện tại, câu 3 - khảo sát về mục đích học tập của sinh viên, các nội dung này chúng tôi chỉ thống kê tần số, phần trăm và thứ hạng của các lý do.

Câu 4 - khảo sát về tính tích cực của sinh viên trong hoạt động học tập trong và ngoài giờ học trên lớp, gồm có 13 biểu biện. Cách mã hóa và tính điểm được qui định như sau:

Không tích cực: 0 → mức độ không tích cực = 0 -> 0,49

Ít tích cực: 1 → mức độ ít tích cực - mức độ thấp = 0,5 -> 1,49

Tích cực: 2 → mức độ tích cực – mức độ trung bình = 1,5 -> 2,49 điểm

Rất tích cực: 3 → mức độ rất tích cực – mức độ cao =2,5 ->3 điểm

Câu 5 - khảo sát về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến định hướng giá trị của sinh viên trong hoạt động học tập. Cách mã hóa và tính điểm được quy định như sau:

Không ảnh hưởng: 0 → mức độ không ảnh hưởng = 0 -> 0,49

Ảnh hưởng: 1 → mức độ ảnh hưởng = 0,5 -> 1,49

Ảnh hưởng nhiều: 2 → mức độ ảnh hưởng nhiều = 1,5 -> 2,0

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Lý do chọn ngành học hiện tại của sinh viên

Chúng tôi đưa ra 7 lý do chọn ngành học hiện tại của sinh viên, kết quả khảo sát thu được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. *Lý do chọn ngành học của sinh viên*

STT	Lý do	Tần số	%	Thứ hạng
1	Theo truyền thống gia đình	13	16,5	5

2	Lời khuyên của ba mẹ	45	57,0	1
3	Phù hợp với sở thích của bản thân	29	36,7	3
4	Phù hợp với khả năng của bản thân	43	43,0	2
5	Thu nhập cao	0	0	7
6	Dễ xin việc	1	1,3	6
7	Điểm đầu vào vừa sức	21	26,6	4

Dữ liệu ở bảng 1 cho thấy, nhìn chung, sinh viên chọn ngành học hiện tại xuất phát chủ yếu là từ *"theo lời khuyên của ba mẹ"* (57,0%). Kết quả này cho thấy rằng sinh viên vì muốn vâng lời cha mẹ, làm cha mẹ vui lòng nên chọn ngành học theo lời khuyên của cha mẹ. Điều này khẳng định lần nữa giá trị gia đình luôn chiếm vị trí quan trọng trong cuộc sống của thanh niên. Song việc chọn ngành theo quyết định của cha mẹ thường dẫn đến sinh viên học tập chán nản, kết quả học tập kém, thậm chí việc học gãy gánh nửa chừng. Và đôi lúc các em quay lại trách cứ cha mẹ, có thể làm mất đi động lực phấn đấu học tập.

Tiếp đến việc chọn ngành học là do *"phù hợp với khả năng của bản thân"* (43,0%) và có đến 36,7% sinh viên cho rằng việc chọn ngành học là *"phù hợp với sở thích bản thân*. Chúng ta thấy rằng bên cạnh việc học tập theo định hướng của cha mẹ, cũng có khá lớn sinh viên đã biết tìm hiểu, đánh giá khả năng, sở thích của bản thân để chủ động trong việc chọn ngành nghề. Điều này cho thấy nhà trường đã nỗ lực trong việc thực hiện công tác tư vấn, định hướng thanh niên chọn nghề dựa trên năng lực và sự yêu thích.

Biểu đồ 1. *Sự hài lòng của sinh viên về ngành học*

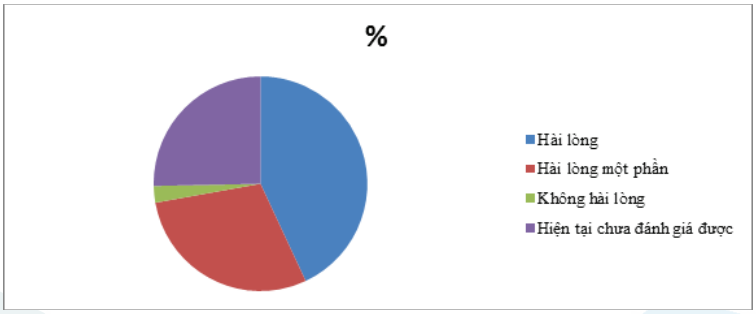

3.2. Mục đích của việc học tập

Mục đích học tập có vai trò chi phối toàn bộ hoạt động học tập của sinh viên, từ thái độ cho đến các hành động học tập. Số liệu thu được ở biểu đồ 2 cho thấy, việc học tập được thúc đẩy *"vì có việc làm"* chiếm tỷ lệ cao nhất trong toàn bộ các mục đích học tập 69,6%. Kết quả này phù hợp với đặc điểm học tập ở bậc đại học là để trở thành người lao động chuyên nghiệp. Có việc làm là mong muốn chính đáng ở người học, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thị trường thì việc tìm kiếm một công việc sau khi ra trường vốn không dễ dàng như các thập niên trước.

Nhu cầu *"Mở rộng vốn kiến thức của bản thân"* được sinh viên nhận định là mục đích có tác động mạnh mẽ trong việc học tập của họ, chiếm tỷ lệ là 48,1%. Như vậy có mối liên hệ giữa mục đích học *"vì có việc làm"* với *"mở rộng vốn kiến thức của bản thân"*. Việc tìm kiếm, đào sâu và mở rộng vốn hiểu biết sẽ hỗ trợ sinh viên tự tin, chủ động hơn trong việc tìm kiếm việc làm và lao động hiệu quả.

Như vậy, kết quả nghiên cứu về mục đích học tập của sinh viên giúp chúng ta khẳng định rằng việc học của sinh viên gắn liền với mục tiêu có việc làm. Mục đích học tập cụ thể và thực tế. Song, điều này có thể dẫn đến sinh viên học tập qua loa, hình thức, có tính đối phó với suy nghĩ có tấm bằng để xin việc làm. Và như thế, người lao động trong tương lai có thể không thể đáp ứng các yêu cầu từ phía thị trường lao động.

Biểu đồ 2.*Mục đích học tập của sinh viên*

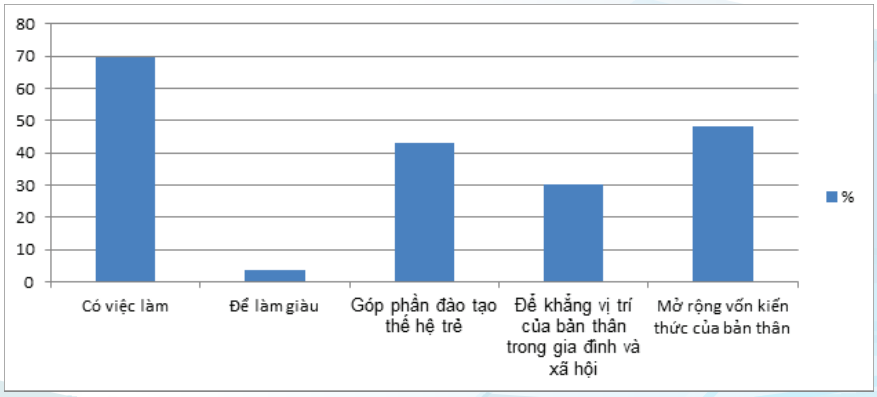

3.3. Tính tích cực trong học tập của sinh viên

Nhìn vào kết quả bảng 2 cho thấy sinh viên *"Hoạt động học tập trong giờ lên lớp"* với điểm trung bình (ĐTB) là 2,06 tích cực hơn so với *"Hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp"* (ĐTB=1,69), tuy nhiên cả hai hoạt động này đều ở mức độ tích cực trung bình. Điều này có thể lý giải bởi sinh viên năm thứ nhất vừa mới chuyển bậc học từ phổ thông sang bậc học đại học nên các em còn bỡ ngỡ, chưa quen với cách tự học và chưa biết làm thế nào để trở thành người học chủ động. Mặt khác, việc chọn ngành học hiện tại của sinh viên do nghe theo lời khuyên của cha mẹ, do cha mẹ quyết định nên sự yêu thích, say mê ngành học gần như không có. Điều này góp phần làm cho sinh viên chưa thực sự nhìn thấy vai trò chủ thể của mình trong chính việc học tập. Vì lẽ đó, việc học tập có sự giám sát, nhắc nhở, chỉ dẫn trực tiếp của thầy cô ở trên lớp học sẽ tác động đến tích cực học tập của sinh viên nhiều hơn. Song song việc học trên lớp, cũng phải thừa nhận rằng sinh viên đã bắt đầu làm quen với việc học hợp tác, nghiên cứu, tự tìm tòi và vận dụng những điều được học vào thực tiễn cuộc sống. Mặc dù, khía cạnh học tập này còn ở mức độ thấp hơn hơn các hoạt động học tập trên lớp. Đây là vấn đề mà nhà trường, thầy cô và các bạn sinh viên khóa trên cần lưu tâm để hỗ trợ sinh viên năm thứ nhất kịp thời. Các biểu hiện khác được thể hiện chi tiết trong bảng 2.

Bảng 2.*Tính tích cực trong học tập của sinh viên*

STT	Tính tích cực học tập	Mức độ tích cực (Tần số)				Điểm trung bình	Thứ hạng
		Rất TC	TC	Ít TC	Không TC		
Hoạt động học tập trong giờ lên lớp						2,06	
1	Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp	44	34	1	0	2,54	
2	Thực hiện các yêu cầu của Thầy Cô trong lớp học	22	54	0	0	2,22	
3	Nghe và suy nghĩ theo bài giảng của Thầy Cô	19	54	6	1	2,14	

4	Khi Thầy Cô nêu câu hỏi, bạn suy nghĩ và phát biểu	12	32	3	2	1,68	
5	Hỏi và trao đổi với Thầy Cô các vấn đề chưa sáng tỏ	6	34	4	5	1,52	
6	Trao đổi, tranh luận với bạn bè khi làm việc nhóm	22	51	5	0	2,22	
Hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp						1,69	
1	Bạn phân tích kết quả học tập của mình và tìm ưu nhược điểm để phát huy và khắc phục	14	36	7	2	1,78	
2	Bạn vận dụng kiến thức đã học vào thực tế	6	41	0	1	1,67	
3	Bạn nghiên cứu sách báo tài liệu, làm các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu và làm đề tài nghiên cứu khoa học	7	45	6	1	1,73	
4	Lên thư viện, truy cập internet phục vụ cho việc học tập.	10	36	2	1	1,74	
5	Ngoài việc học tập còn tham gia các câu lạc bộ học tập trong và ngoài trường	8	22	1	7	1,40	
6	Bạn biết cách tổ chức các hoạt động học tập, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp và mang lại hiệu quả tốt nhất	10	42	9	8	1,68	

7	Hệ thống, ghi nhớ kiến thức mới học và liên tưởng đến các kiến thức đã học	9	49	0	1	1,84	
Toàn thang đo						1,87	

3.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị của sinh viên trong học tập

Để tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị của sinh viên trong học tập, chúng tôi đưa ra tám yếu tố ảnh hưởng. Kết quả khảo sát cho thấy, điểm trung bình cao nhất thuộc về yếu tố *"Tự đánh giá bản thân"* với điểm trung bình là 1,51. Có thể thấy rằng sinh viên quan tâm và đánh giá rất nhiều về chính bản thân mình, về suy nghĩ, tình cảm, động cơ hành vi, vị trí của bản thân trong cuộc sống... Tự đánh giá phát triển, là một yếu tố thể hiện sự chủ động của sinh viên trong việc tự điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của mình không chỉ trong học tập và trong các khía cạnh khác của cuộc sống. Vấn đề đặt ra là cần giúp sinh viên có cách thức đánh giá phù hợp với bản thân để định hướng giá trị học tập đúng đắn. Bên cạnh đó, sinh viên đã cho rằng việc *"Tìm hiểu các thông tin về ngành học"* (ĐTB=1,22) cũng góp phần đáng kể trong việc định hướng giá trị việc học. Ngày nay, thông tin về các lĩnh vực được phổ biến rộng rãi trên các phương tiện đại chúng. Vì thế việc tìm hiểu cặn kẽ về ngành học đối với sinh viên trở nên dễ dàng. Và điều này giúp sinh viên so sánh, đối chiếu đặc điểm, yêu cầu của ngành nghề với đặc điểm bản thân. Trên cơ sở đó, sinh viên điều chỉnh và thiết lập cho mình các giá trị học tập phù hợp nhất.

Hai yếu tố ít ảnh hưởng nhất đến việc lựa chọn giá trị học tập của sinh viên là yếu tố *"Ảnh hưởng từ bạn bè"* (ĐTB=0,54) và yếu tố*"Ảnh hưởng từ truyền thông"* (ĐTB=0,63). Điều này rất phù hợp với đặc điểm phát triển tâm lý nổi bật, quan trọng của sinh viên đó là khả năng tự ý thức (Thạc, p.60). Việc lựa chọn, định hình các giá trị học tập của sinh viên thể hiện tính chủ động, tích cực cao của cá nhân hơn là chịu sự chi phối, a dua theo bạn bè hoặc từ phương tiện truyền thông.

Như vậy, hình ảnh chủ thể nhận thức phát triển mạnh mẽ ở lứa tuổi sinh viên đã bao trùm toàn bộ hoạt động học tập. Yếu tố này chi phối việc cá nhân sinh viên biết cách tìm kiếm và tối ưu hóa quá trình học tập dựa trên việc xác định các giá trị học tập phù hợp với bản thân và với yêu cầu của nghề nghiệp tương lai.

Bảng 3. Đánh giá của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị trong học tập

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng			Điểm trung bình	Thứ hạng
		Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng một phần	Không ảnh hưởng		
1	Tư vấn nghề nghiệp của ba mẹ	29	31	13	1,18	3
2	Tư vấn và định hướng của thầy cô về ngành học	11	56	12	0,99	4
3	Tọa đàm nghề nghiệp của nhà trường	5	44	30	0,68	6
4	Tự đánh giá bản thân	43	33	3	1,51	1
5	Hoạt động tìm hiểu các thông tin về ngành	26	44	9	1,22	2
6	Trao đổi với GV về những vấn đề liên quan đến ngành học	13	46	20	0,91	5
7	Ảnh hưởng từ bạn bè	3	37	39	0,54	7
8	Yếu tố truyền thông: truyền hình, truyền thanh, quảng cáo...	10	30	39	0,63	8

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên lựa chọn ngành học và giá trị của việc học bắt đầu dựa trên lời khuyên của ba mẹ và sự tự đánh giá của bản thân. Giá trị học tập được sinh viên lựa chọn cụ thể, thiết thực và gắn liền với cuộc sống là học để có việc làm. Song, giá trị chân chính từ việc học mang lại như mở rộng kiến thức, kỹ năng lại không được sinh viên chọn như giá trị hàng đầu. Vì lẽ đó, sinh viên tiến hành quá trình học tập chưa thực sự hứng thú, chủ động, tích cực, thậm chí diễn ra những căng thẳng về tâm lý khi học tập mang bóng dáng sự đối phó. Sinh viên cho rằng việc cá nhân tự ý thức, tự đánh giá là yếu tố hàng đầu chi phối việc tìm kiếm, lựa chọn các giá trị của việc học tập. Vấn đề đặt ra sau nghiên cứu này là sinh viên cần chủ động, tích cực hơn trong việc học tập bởi do giá trị tự thân của việc học mang lại cho họ, thay vì họ để có việc làm. Đồng thời cần phát huy và định hướng sự phát triển tự ý thức ở sinh viên theo các giá trị, chuẩn mực xã hội hiện nay nhằm xây dựng xu hướng năng động của nhân cách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Đạt (2014). *Định hướng giá trị của sinh viên hiện nay.* Hà Nội: Đại học quốc gia .

2. Phạm Minh Hạc (2001). *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

3. Lê Đức Phúc (1992, 2). Giá trị và định hướng giá trị. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, p. trang 13.

4. Nguyễn Thạc (n.d.). *Tâm lý học Sư Phạm đại học.* Hà Nội: Nhà xuất bản đại học Sư Phạm.

5. Cao Xuân Thạo (2008). *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên giai đoạn hiện nay.* Hà Nội: Đại học Sư Phạm.

6. Hoàng Trọng (2005). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS.* Nhà xuất bản Thống Kê.

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TRONG NHÀ TRƯỜNG

ThS. Phạm Thái Bình*

Sau nhiều đợt cải cách về giáo dục đến nay, nội dung giảng dạy trong học đường vẫn thiếu các môn học về văn hóa nghệ thuật truyền thống dân tộc cho học sinh. Hiện tại ở cấp bậc tiểu học và trung học cơ sở, giáo trình dạy học về âm nhạc cho học sinh quá sơ sài. Các em chỉ được học về nhạc lý cơ bản (cách đọc nốt nhạc là chủ yếu), tập hát một số bài dân ca, nhạc thiếu nhi đơn giản. Ở lứa tuổi này (từ 7 đến 15 tuổi), hầu như các em không biết nghệ thuật Hát bội, Quan họ là gì?; Chèo, Cải lương ca - diễn như thế nào?; Ví dặm, Bài chòi xuất phát từ đâu?; hoặc Đờn ca Tài tử Nam Bộ đờn hát ra sao?; các loại nhạc cụ dân tộc có đặc điểm khác biệt nào để nhận biết?.v.v… Thậm chí, trong trường học, phần lớn các em học sinh đều bày tỏ sự kém thích thú với giờ học nhạc. Ngoài việc biết hát một số bài được giáo viên âm nhạc hướng dẫn tại lớp thì hầu như lứa tuổi các em thiếu niên, học sinh hiện nay thuộc rành mạch những sáng tác yêu đương dành cho người lớn của dòng nhạc trẻ trong nước và quốc tế.

Xuất phát nỗi lo về một tương lai không xa khi nước ta đang hội nhập quốc tế, nguy cơ nghệ thuật truyền thống dân tộc bị thất truyền và mất dần khán giả.Thế hệ trẻ không được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản về các loại hình nghệ thuật dân tộc, dẫn đến

* Trường Đại Học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh

hệ quả thiếu sự am tường, thấu hiểu, trân quý các di sản văn hóa truyền thống do thế hệ cha ông để lại… Từ nhiều năm qua, một số đơn vị nghệ thuật nhà nước và xã hội hóa ở thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều nỗ lực xây dựng các chương trình, kịch mục văn nghệ, đem đến các trường phổ thông biểu diễn phục vụ, giúp học sinh có cơ hội tiếp cận, làm quen, hiểu biết thêm về tính chất âm nhạc, nét đặc trưng cơ bản của một số di sản nghệ thuật truyền thống độc đáo của Việt Nam.

Qua khảo sát, tìm hiểu cho thấy, cách đây hơn 10 năm, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang thực hiện chỉ đạo từ Cục Nghệ thuật biểu diễn (Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch) và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nay là Sở Văn hóa,Thể thao thành phố Hồ Chí Minh) xây dựng chương trình sân khấu học đường, hướng đến đối tượng học sinh trung học cơ sở. Trong 3 tháng đầu tiên thực hiện (năm 2007), nhà hát đã giúp các thầy cô và học sinh các trường Trung học cơ sở như: Nguyễn Du (quận Gò Vấp), Tân Phú Trung (huyện Củ Chi), Nguyễn An Khương (huyện Hóc Môn)… hiểu biết cặn kẽ hơn về quá trình hình thành và phát triển của Đờn ca Tài tử Nam Bộ, của Ca ra bộ; nguồn gốc, tính đặc thù của sân khấu Cải lương; điểm khác biệt giữa âm nhạc Tài tử và âm nhạc Cải lương; giới thiệu tính năng một số nhạc cụ: kìm, cò, tranh, bầu, bộ gõ, song loan...; Đồng thời, chỉ dẫn các em học sinh thể hiện một số làn điệu tiêu biểu trong nhạc mục Tài tử - Cải lương (như các làn điệu: *Thu hồ, Long hổ hội, Nam xuân, Khốc hoàng thiên, Vọng kim lang*...); trình thức vũ đạo cơ bản (kép văn, kép võ, đào văn, đào võ…), kỹ thuật biểu diễn (diễn xuất); dàn dựng, tập luyện cho học sinh một số trích đoạn Cải lương như: "Trần Quốc Toản ra quân", "Sự tích bánh chưng - bánh dày", "Hào kiệt anh thư", "Hội nghi Diên Hồng",.v.v… Nhằm kích thích tinh thần hứng khởi cho các em học sinh (tức tạo tính sinh động, hấp dẫn), Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang chủ động thiết kế, xây dựng giáo trình giảng dạy phù hợp với trình độ, lứa tuổi của các em và mời những nghệ nhân, nghệ sĩ có kinh nghiệm chuyên môn tay nghề vững chắc tham gia hướng dẫn giúp các em học sinh dễ dàng tiếp thu di sản văn hóa truyền thống dân tộc.

Từ nhiều năm qua, Nhà hát Nghệ thuật Hát bội thành phố Hồ Chí Minh cũng bắt tay thực hiện chương trình sân khấu học đường. Nỗ lực duy trì các suất diễn (đều đặn 3 suất diễn/tháng) phục vụ và giới thiệu đến các em học sinh tại một số trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn thành phố những kiến thức căn bản nhất của nghệ thuật Hát bội, kinh phí do Sở Văn hóa, Thể thao thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Từ khi nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (ngày 05/12/2013), ngành văn hóa thành phố (cụ thể là Trung tâm Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh) đã triển khai kế hoạch thực hiện một số hoạt động nhằm góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản Đờn ca Tài tử trên địa bàn. Theo đó, ngoài nội dung tập huấn tại các địa phương và phát hành ấn phẩm tài liệu (tập bản đờn, tập bài ca Tài tử và đĩa CD), Trung tâm Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh còn phối hợp với các đơn vị giáo dục thực hiện các suất biểu diễn giới thiệu "Nghệ thuật Đờn ca Tài tử Nam Bộ và Âm nhạc dân tộc phục vụ trường học" và đồng thời, mở lớp "Truyền dạy ca Tài tử" cho các em học sinh trên khắp địa bàn thành phố. Cụ thể như sau:

NĂM	SỐ LƯỢNG CÁC SUẤT DIỄN NGHỆ THUẬT ĐỜN CA TÀI TỬ VÀ ÂM NHẠC DÂN TỘC	SỐ LƯỢNG LỚP DẠY CA TÀI TỬ DÀNH CHO THIẾU NHI	GHI CHÚ
2015	**10 suất**	01 lớp Bồi dưỡng năng khiếu cho em Ngu yễn Trương Thế Thanh	Kết thúc khóa học các em học sinh được nhận Giấy Chứng nhận do Ban Giám đốc Trung tâm Văn hóa Tp.HCM cấp
2016	**20 suất**	Không có	
2017	**20 suất**	6 lớp (Bình Chánh: 20 em; Hóc Môn: 15 em; Nhà Bè: 28 em; Củ Chi: 25 em; Cần Giờ: 31 em; TTVHTP: 22 em).	
2018	**22 suất**	9 lớp (Gò Vấp: 15 em; Cần Giờ gồm: Bình Khánh - 20 em; Tam Thôn Hiệp - 25 em; Thạnh An - 20 em); TTVHTP: 29 em; Nhà Bè: 24 em ; Củ Chi gồm: An Nhơn Tây - 52 em và Tân Phú Trung - 48 em; Hóc Môn: 23 em).	

Nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật Đờn ca Tài tử và Âm nhạc dân tộc vô cùng phong phú, đa dạng. Tùy theo cấp bậc học, bộ phận chuyên môn sẽ kết nối xây dựng chương trình quy tụ một vài di sản văn hóa nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở các vùng miền trên cả nước như: Quan họ, dân ca 3 miền Bắc - Trung - Nam, Đờn ca Tài tử, Ví dặm, Cải lương, Hát múa Bóng rỗi Nam Bộ.v.v… Đa phần các tiết mục trình diễn trong chương trình là những bài hát có nội dung nói về trường lớp, thầy cô, bạn bè, ông bà, cha mẹ… phù hợp với lứa tuổi các em. Nhờ vậy mà chương trình luôn được các em học sinh và thầy cô giáo đón nhận nồng nhiệt. Phần cuối chương trình, các em học sinh được các nghệ nhân dạy ca một làn điệu ngắn (tức bài bản vắn) của Đờn ca Tài tử nhằm giúp các em làm quen với âm nhạc dân tộc và qua đó, sẽ phát hiện tài năng, để bồi dưỡng đào tạo các em trở thành lực lượng kế thừa cho di sản văn hóa "đặc thù" của vùng đất phương Nam. Về phần các lớp dạy ca Tài tử dành cho thiếu nhi, bộ phận đào tạo của Trung tâm Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với các nghệ nhân có chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm thống nhất đưa ra giáo trình giảng dạy từ dễ đến khó. Nghĩa là ban đầu sẽ dạy các em những bài bản vắn của âm nhạc Tài tử, giúp các em làm quen với giai điệu và nhịp thức, dần về sau sẽ học những bài bản khó hơn nằm trong top 20 bài bản Tổ của nhạc Tài tử Nam Bộ (như các điệu: *Lưu thủy trường, Phú lục, Nam xuân,*….).

Đồng thời, Trung tâm Văn hóa các quận như: 9, 10, Bình Thạnh… hàng năm đều triển khai tổ chức trung bình khoảng 10 suất diễn về nghệ thuật truyền thống dân tộc dành cho các em học sinh trên địa bàn quận. Ngoài ra, một số trường tiểu học như: Đinh Tiên Hoàng và Kết Đoàn (Quận 1); Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du (Quận 10)…, Ban Giám hiệu thống nhất mở lớp ngoại khóa, mời nghệ nhân có chuyên môn về hướng dẫn, giúp các em học sinh của trường nắm chắc kỹ năng thực hành sáng tạo một số thể loại âm nhạc truyền thống của Việt Nam như: Đờn ca Tài tử và dân ca 3 miền.v.v…

Song song với các đơn vị nghệ thuật nhà nước như vừa kể trên, vài năm trở lại đây, ông bầu Huỳnh Anh Tuấn của sân khấu kịch IDECAF, bà bầu Hồng Vân của sân khấu kịch Phú Nhuận

và Superbowl đã chủ động tìm kiếm các nguồn kinh phí từ các doanh nghiệp, mạnh thường quân để hỗ trợ đầu tư dàn dựng các vở kịch lịch sử, các tiểu phẩm kịch ngắn giáo dục về an toàn giao thông, về môi trường… dành cho các em học sinh tiểu học. Chỉ tính riêng trong năm học 2015 - 2016, sân khấu IDECAF đã tổ chức được 120 suất diễn tại 55 trường tiểu học (bình quân 9 suất/ tháng) với giá vé chỉ từ 10.000 - 15.000 đồng. Bước vào năm học mới 2016 - 2017, IDECAF tiếp tục dàn dựng vở kịch lịch sử Ngô Quyền, bên cạnh còn chuẩn bị 50 suất diễn kịch rối phục vụ miễn phí ở 50 trường mầm non, tiểu học ở các huyện ngoại thành, các quận ven thành phố như: Nhà Bè, Củ Chi, Hóc Môn, Bình Chánh, Thủ Đức…

Xuất phát từ tâm huyết muốn "truyền lửa", muốn giúp các em học sinh có thể hiểu và phân biệt được cổ nhạc Nam Bộ, nhạc nước ngoài, biết được một số loại nhạc cụ dân tộc và biết xướng âm các chữ nhạc (còn gọi là chữ đờn): hò, xự, xang, xê, cống…, cũng như ca được một vài làn điệu giản đơn của nhạc Tài tử - Cải lương, khơi dậy niềm yêu thích âm nhạc dân tộc của các em học sinh, từ năm 2015, nghệ sĩ Linh Trung phối hợp với Tổ chức Hỗ trợ Giáo dục trẻ em thiệt thòi Việt Nam (Văn phòng 2) cùng một số mạnh thường quân, thực hiện cả trăm suất diễn phục vụ miễn phí nhạc dân tộc trong học đường với chủ đề "Hãy nghe và cảm nhận nhạc dân tộc như lời ru của mẹ", tại một số trường học ở các huyện ngoại thành (Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, quận Bình Tân…).

Nhận thấy, kiến thức giảng dạy trong nhà trường về nghệ thuật dân tộc còn quá ít ỏi. Thế nên, ngay từ những ngày đầu thành lập Câu lạc bộ Tiếng hát quê hương thuộc Cung Văn hóa Lao động Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà giáo ưu tú (NGƯT) Thúy Hoan và con gái là Nghệ sĩ ưu tú (NSƯT) Hải Phượng cùng các cộng sự đã âm thầm tổ chức những chương trình giới thiệu âm nhạc dân tộc phục vụ học đường. Mới đây, NGƯT Thúy Hoan và NSƯT Hải Phượng hợp tác với Trường Quốc tế Việt Úc (VAS) và Trường Nhạc PMU thực hiện khóa dạy nhạc dân tộc trong dịp hè 2018 cho các em học sinh lớp 3, 4 và 5 của trường. Kết quả là học sinh đón nhận chương trình rất hồ hởi, thích thú. Các em học

sinh từ không hiểu, không thích, đã hiểu và yêu nghệ thuật dân tộc nhiều hơn. Các em rất nhiệt tình tham gia và luyện tập với thái độ nghiêm túc, trân trọng. Nhiều làn điệu dân ca đã được các em thể hiện khá chuẩn mực.

Tất cả những hoạt động này đều nhằm chung mục đích đó là tăng cường giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, giáo dục những hiểu biết về văn hóa - xã hội thông qua việc giới thiệu những tinh hoa của nghệ thuật dân tộc và đồng thời, giảng dạy các kiến thức cơ bản về các di sản văn hóa truyền thống như: Đờn ca Tài tử, Cải lương, dân ca 3 miền… cho các em học sinh các trường phổ thông, nhằm tạo ra một đội ngũ công chúng trẻ có hiểu biết, có nhận thức đúng, thẩm thấu được những cái hay, cái đẹp, những giá trị tinh hoa của nghệ thuật dân tộc. Qua đó, khơi gợi các em niềm đam mê yêu thích, biết trân quý, gìn giữ các giá trị di sản văn hóa truyền thống, xem đó là trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhìn chung, dư luận xã hội, báo giới truyền thông, giới nghệ nhân, nghệ sĩ và ngành văn hóa - giáo dục ở các địa phương trên địa bàn thành phố đã nhiệt tình phối hợp tham gia và đánh giá cao mục đích, ý nghĩa những chương trình này. Coi đây là một giải pháp hay và hữu hiệu trong việc giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường, cũng như trong việc bảo tồn, phát huy các loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay.

***Những hạn chế cần khắc phục**

Mặc dù các đơn vị nghệ thuật nhà nước và xã hội hóa ở thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều nổ lực, cố gắng thực hiện những chương trình bước đầu gây ảnh hưởng lớn với các trường phổ thông, gây hiệu ứng tốt với dư luận xã hội và các phương tiện truyền thông đại chúng; Thế nhưng, công tác này chưa thực sự tạo sức lan tỏa mạnh mẽ, cũng như chưa trở thành một hoạt động thường xuyên tại các trường, chưa xây dựng hoàn chỉnh trở thành một chương trình đào tạo chính quy, dài hạn… Đồng thời, còn bộc lộ nhiều bất cập cần khắc phục, tồn tại nhiều điều đáng suy ngẫm,

quan tâm. Điều này được thể hiện một số mặt sau đây:

- Nội dung chương trình chưa thống nhất. Mỗi nơi làm mỗi kiểu khác nhau. Thậm chí, có nơi làm sai lệch mục đích, ý nghĩa của chương trình. Thay vì giáo dục, hướng dẫn giúp các em học sinh phân biệt đặc điểm dân ca các vùng miền bằng việc minh họa các làn điệu dân ca gốc (tiêu biểu) của vùng miền đó, ngược lại, những người thực hiện lại đưa vào chương trình những bài hát mang âm hưởng dân ca, không "ăn nhập" với chủ đích của chương trình. Đó là chưa kể đến, vài chương trình lại đưa nghệ sĩ Cải lương biểu diễn minh họa các tiết mục Đờn ca Tài tử, dẫn đến hệ quả các em sẽ lầm tưởng rằng ca Tài tử cũng giống như ca Cải lương (Thực tế, phong cách ca Tài tử khác với Cải lương).

- Nội dung kịch mục chưa thật sự chuẩn mực, một vài tiết mục không phù hợp với trình độ, lứa tuổi các em học sinh. Ngoài những tiết mục phù hợp như: Trần Quốc Toản ra quân, Lục Vân Tiên …, một số chương trình, Ban Tổ chức đưa thêm những trích đoạn Cải lương mà nhân vật trung tâm có số phận bất hạnh phải chịu nhiều gian truân như nàng Thoại Khanh (vở "Thoại Khanh - Châu Tuấn") chẳng hạn, hoặc như Quận chúa Quỳnh Nga (vở "Bên cầu dệt lụa")… chưa phù hợp với các em học sinh.

- Kinh phí hạn hẹp (trung bình từ 12.000.000đ đến 15.000.000đ/suất diễn và 15.000.000đ - 20.000.000đ/1 lớp dạy ca Tài tử).

- Số lượng suất diễn có giới hạn. Hiện tại ở thành phố Hồ Chí Minh có hơn 400 trường tiểu học, chưa kể các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, nhưng số lượng suất diễn đến với các trường còn rất khiêm tốn. Những năm qua, 24 quận/huyện của thành phố, mỗi nơi chỉ tiếp nhận được 1 hoặc 2 suất diễn phục vụ trường học. Con số này quá ít so với số lượng học sinh và trường học trên toàn địa bàn thành phố.

- Với các lớp dạy ca Tài tử, do chủ yếu tổ chức trong dịp hè (thời gian rất ngắn, khoảng hai tháng rưỡi) nên số lượng làn điệu hướng dẫn các em học sinh còn khiêm tốn. Bình quân mỗi khóa học, các em chỉ học tập trên dưới 15 làn điệu (nhạc mục Tài tử - Cải lương có hàng trăm làn điệu), với nhiều loại nhịp, nhiều

thể loại hơi - điệu khác nhau như: Bắc, Hạ, Nam, Oán, Xuân, Ai, Đảo, Ngự….

- Giáo trình dạy ca Tài tử chưa thống nhất.

- Giáo dục giá trị nghệ thuật dân tộc truyền thống trong nhà trường nhiều ý nghĩa như vậy, nhưng một số nơi không mặn mà với chương trình. Không ít trường từ chối thẳng thừng với lý do không bố trí được thời gian cho học sinh, hoặc không triển khai được vì đang là dịp ôn thi giữa học kỳ hoặc cuối kỳ. Nhiều phụ huynh cũng không muốn con em mình tham gia vào khóa học ca Tài tử hoặc nhạc cụ dân tộc vì sợ ảnh hưởng đến thời gian học văn hóa của các em. Thậm chí, có vài phụ huynh vì ngại đưa đón, vì đường sá xa xôi…

- Tâm lý e ngại khi thực hiện các tiết mục biểu diễn nghệ thuật truyền thống trong học sinh hiện nay là rất lớn. Bởi, nếu luyện tập một tiết mục ca, múa nhạc đương đại thì cách thức tập luyện đơn giản, không tốn nhiều công sức và thời gian, không cầu kỳ trang phục biểu diễn hay phông cảnh sân khấu. Nhưng với một số loại hình di sản nghệ thuật truyền thống, thời gian luyện tập kéo dài hơn, kinh phí cho trang phục, đạo cụ cũng là bài toán nan giải đối với nhà trường và những người thực hiện.

- Chương trình học văn hóa của học sinh hiện nay rất nặng, thời gian lại eo hẹp nên công tác giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống chỉ đưa vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa ngoài giờ lên lớp. Các đơn vị giáo dục chưa nghĩ đến việc dành thời gian cụ thể để giới thiệu với các em học sinh các loại hình nghệ thuật truyền thống trong chương trình chính khóa của trường.

***Giải pháp đề xuất**

Từ những hạn chế như trên đã trình bày, rõ ràng, đang rất cần sự quan tâm và những giải pháp xác thực từ phía nhà nước, ngành giáo dục, ngành quản lí văn hóa và các tổ chức xã hội thành phố Hồ Chí Minh đối với công tác giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường; nhằm thể hiện sự tri ân những đóng góp, cống hiến của các thế hệ ông cha cho nghệ thuật dân tộc; qua đó, góp phần gìn giữ những giá trị tinh hoa tinh túy chắt lọc từ bao đời nay (mà nghệ nhân đang nắm giữ) không bị mai một và thất

truyền, góp phần bảo tồn và phát huy Đờn ca tài tử Nam Bộ cùng các di sản văn hóa truyền thống khác trong thời kỳ hội nhập. Để thực hiện tốt công việc này, góp phần khắc phục những tồn tại và thiếu sót như đã nêu, cũng như làm thay đổi tích cực, tăng cường hiệu quả công tác giáo dục giá trị nghệ thuật dân tộc truyền thống trong học đường hiện nay, người viết (hiện đang tham gia thực hiện các chương trình biểu diễn "Nghệ thuật Đờn ca Tài tử và Âm nhạc dân tộc phục vụ trường học" ở thành phố Hồ Chí Minh) mạn phép đưa ra một số giải pháp sau đây:

- Trong quá trình thực hiện chương trình giới thiệu nghệ thuật dân tộc phục vụ học đường, các đơn vị nghệ thuật nhà nước và tư nhân cần chú trọng chọn lựa những tiết mục sao cho phù hợp với lứa tuổi của các em học sinh. Bởi lẽ, thời đại ngày nay, học sinh có rất nhiều sự lựa chọn cho việc giải trí hiện đại, hấp dẫn. Vì vậy, đối với các loại hình nghệ thuật truyền thống, rất cần những tác phẩm có nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi các em nhiều hơn. Như vậy mới thu hút được các em và giúp các em hiểu sâu sắc hơn về các di sản văn hóa truyền thống của dân tộc.

- Cần thiết phải thống nhất xây dựng giáo trình hướng dẫn ca Tài tử tại các trường phổ thông một cách chuẩn mực, căn cơ, bài bản. Giáo trình phải được biên soạn chi tiết, rõ ràng, rành mạc… Cấp tiểu học sẽ hướng dẫn những làn điệu gì?, trung học cơ sở và trung học phổ thông học những bài bản nào"?... Giáo trình phải được thông qua hội đồng thẩm định gồm những chuyên gia, nhà nghiên cứu am tường về nhạc Tài tử Nam Bộ, cùng các nghệ nhân có chuyên môn sâu và có kỹ năng thực hành sư phạm.

- Ngành giáo dục thành phố Hồ Chí Minh nên định hướng đầu tư thí điểm tại một số trường có điều kiện, đưa môn học giới thiệu dân ca Việt Nam vào chương trình nội khóa của trường với tỷ lệ thích đáng. Bởi lẽ, việc đưa dân ca, dân nhạc vào giảng dạy tại các trường phổ thông ở nhiều quốc gia trên thế giới không phải là hiện tượng mới mẻ mà nó đã trở thành một định hướng mang tầm chiến lược trong sự nghiệp giáo dục của họ. Thực tế ở một số quốc gia, họ đã kết hợp dạy hát dân ca với các trò chơi dân gian cho trẻ em ở các vùng nông thôn khác nhau. (Những trò chơi dân gian này ở Việt Nam có rất nhiều như: chơi sáo diều, nhảy dây, chơi ô ăn

quan, đánh gụ, chơi chong chóng… nếu biết kết hợp và sử dụng hợp lý thì sẽ đạt hiệu quả). Ngoài ra, phải tăng cường các hoạt động ngoại khóa âm nhạc, trong đó âm nhạc dân gian nói chung và dân ca phải được đặc biệt quan tâm. Trong xu thế hội nhập hiện nay, việc đưa dân ca vào giảng dạy tại các trường phổ thông là một định hướng đúng đắn, nó làm cho nội dung chương trình dạy âm nhạc ở trường phổ thông thêm phong phú, đa dạng, phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (Công việc này rất cần sự phối hợp, chung tay thực hiện của nhiều đơn vị liên quan, chứ không thể xem là nhiệm vụ của riêng hai ngành văn hóa và giáo dục - đào tạo như hiện nay).

- Đơn vị giáo dục và ngành văn hóa thành phố cần thống nhất việc hướng đến xây dựng chương trình giảng dạy làm sao cho các em học sinh được tiếp cận trực tiếp, xem, nghe và phân biệt chính xác các loại nhạc cụ dân tộc, nhạc cụ phương Tây, và am hiểu tính năng của từng loại nhạc cụ. Theo tôi, phải dạy nhạc cụ thật trong nhà trường để các em có sự hình dung, cảm nhận cụ thể.

- Ngành văn hóa - giáo dục thành phố thường xuyên phối hợp tổ chức lớp tập huấn về di sản văn hóa truyền thống của Việt Nam. Mời các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các nghệ nhân, nghệ sĩ đang thực hành các di sản văn hóa truyền thống giới thiệu, hướng dẫn, thị phạm giúp cho Ban Giám hiệu, tổng phụ trách Đội, bí thư Đoàn, giáo viên âm nhạc các trường học trên địa bàn có thêm kiến thức về nghệ thuật dân tộc.

- Về phía nhà trường, cần thiết định hướng cho giáo viên và học sinh của trường thực hiện những chương trình văn nghệ nhân dịp lễ tết có các tiết mục truyền thống, như: hát dân ca ba miền, Đờn ca Tài tử, hoạt cảnh sân khấu về các nhân vật lịch sử... Định hướng này nhằm giúp giáo viên và học sinh có sự quan tâm và dành tình yêu cho nghệ thuật dân tộc nhiều hơn.

- Cần thiết tổ chức cuộc vận động sáng tác viết lời mới các làn điệu dân ca Việt Nam và Đờn ca Tài tử Nam Bộ, để có nhiều tác phẩm, tiết mục có nội dung phù hợp với lứa tuổi các em học sinh.

- Song song đó, cần tăng cường nhiều sân chơi bổ ích cho các

em học sinh, chẳng hạn như tổ chức cuộc thi "Tìm kiếm giọng ca và ngón đờn Tài tử"; cuộc thi "Em yêu câu hát dân ca"; cuộc thi "Sắc màu di sản", tìm hiểu kiến thức về di sản văn hóa; cuộc thi "Độc tấu và hòa tấu nhạc cụ dân tộc"… dành cho lứa tuổi thiếu nhi, nhằm tạo điều kiện, động viên, khuyến khích các em gắn bó với nghệ thuật truyền thống nhiều hơn.

- Cần thiết xây dựng chế độ, chính sách ưu đãi cho các nghệ nhân, nghệ sĩ và các em học sinh tham gia những lớp học về nghệ thuật truyền thống.

Kết luận

Đối với mỗi dân tộc trên thế giới, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống bao giờ cũng giữ vị trí đặc biệt quan trọng và mang ý nghĩa sống còn. Bởi các giá trị văn hóa truyền thống là tài sản vô cùng quý báu, là tinh hoa sáng tạo nghệ thuật của bao thế hệ ông cha, là cơ sở của sự phát triển văn hóa dân tộc trong xã hội đương đại… Trong thời đại ngày nay, rất nhiều *các giá trị* văn hóa âm nhạc dân gian, các thể loại dân ca truyền thống Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị biến dạng, mai một. Vì vậy, công tác giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống trong trường học đã được ngành văn hóa - giáo dục thành phố Hồ Chí Minh chú trọng, quan tâm từ nhiều năm qua. Đây là công việc vô cùng ý nghĩa, là một trong những biện pháp giáo dục toàn diện cho học sinh hiện nay .Thế nhưng, mô hình hoạt động này còn tồn tại nhiều bất cập, nhiều nỗi băn khoăn, trăn trở đối với đội ngũ thầy cô giáo và những người đang đảm nhận trọng trách cao cả này (tức nghệ nhân, nghệ sĩ - những người đang nắm giữ các giá trị di sản văn hóa truyền thống dân tộc).

Để công tác giáo dục nghệ thuật truyền thống trong học đường ở thành phố Hồ Chí Minh đi vào chiều sâu, thời gian tới cần có sự chung tay góp sức của các ngành, các cấp nhằm vận động và huy động được tối đa mọi nguồn lực trong nhân dân, làm tốt chủ trương xã hội hóa Nhà nước và nhân dân cùng làm để phát triển và nuôi dưỡng phong trào, giúp cho các em học sinh trong các trường phổ thông phát triển tri thức và kỹ năng thực hành các di sản văn hóa truyền thống dân tộc. Đây cũng là một trong những

hoạt động thiết thực, góp phần thực hiện chủ trương của Đảng đó là "Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Hy vọng, thời gian tới, công tác giáo dục giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh sẽ được đầu tư một cách khoa học, đúng mức và mang tầm chiến lược; sẽ được triển khai mở rộng, chất lượng cao hơn, phát huy được ý nghĩa thiết thực trong sự nghiệp giáo dục cũng như trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; sẽ là tiền đề cho việc đưa các loại nghệ thuật truyền thống vào chương trình giáo dục chính khóa tại các trường phổ thông.

P.T.B

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả (2002), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nhà xuất bản Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bùi Ngọc Phúc (2011), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam qua báo chí nửa sau thế kỷ XX*, Nhà xuất bản Thuận Hóa – Huế.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tp.Hồ Chí Minh (2010), Kỷ yếu Hội thảo *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể nghệ thuật Đờn ca Tài tử.*

4. Nguyễn Đình Thanh (Chủ biên), (2008), *Di sản văn hóa - Bảo tồn và Phát triển*, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

5. Huỳnh Ngọc Trảng (2002), *Diễn xướng dân gian Gia Định* - ***Sài Gòn***, Trung tâm Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh.

6. Tô Vũ (2002), ***Âm nhạc Việt Nam - truyền thống và hiện đại***, Viện âm nhạc Việt Nam.

7. Tô Vũ (1996), *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Âm nhạc, Hà Nội.

8. Tô Vũ (1996),*"Âm nhạc cổ truyền Nam Bộ",* Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật tháng 3, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

9. http://www.sggp.org.vn/giao-duc-nghe-thuat-trong-hoc-duong-thieu-va-yeu-145784.html.

10. https://baokhanhhoa.vn/van-hoa/201809/de-hoc-sinh-yeu-nghe-thuat-truyen-thong-8089781/.

11. https://news.zing.vn/giao-duc-nghe-thuat-dao-tao-tran-lan-bat-chap-nang-khieu-post652314.html.

ABSTRACT

In the context of international integration, traditional artistic heritage is having difficulty attracting viewers, especially the younger generation. With the aim of contributing to the enhancement of aesthetic education, supplementing the understanding of social culture and ethnic traditional arts for pupils, since 2006 - 2007, the model "Introducing traditional arts education into the school" (also known as "School Theater") has appeared in the area of Ho Chi Minh City. Particularly, since the art of the Southern Song Dynasty was honored by UNESCO as the intangible cultural heritage of humanity (December 5, 2013), the city's culture sector has implemented a number of activities aiming at contributing to the preservation and promotion of the artistic value of the Southern Song Dynasty in the area. However, these activities have not really created a strong spread, nor have they become regular activities in schools. At the same time, there are many inadequacies to overcome, and many things worth pondering and being cared for.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NHẬN THỨC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN DU LỊCH - KINH NGHIỆM TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Nguyễn Thị Hồng Cẩm*
Lê Trần Tuấn**

1. Đặt vấn đề

Giáo dục không chỉ là đào tạo ra những con người có kiến thức mà còn có những kỹ năng và thái độ đáp ứng các yêu cầu của xã hội, đáp ứng với yêu cầu phát triển ngày càng cao của đất nước. Môi trường hiện nay đang trở nên ô nhiễm hơn bao giờ hết và con người đang đứng trước những thách thức to lớn từ môi trường tự nhiên. Từ đó, việc giáo dục giá trị nhận thức cho con người để bảo vệ môi trường (BVMT) trở thành một nhiệm vụ lớn trong giai đoạn hiện nay. Hội nghị quốc tế về giáo dục môi trường của Liên hợp quốc tổ chức tại Tbilisi năm 1977 đã đưa ra nhận định: "Giáo dục môi trường sẽ đem lại cho cá nhân và các cộng đồng kiến thức, nhận thức về giá trị, thái độ và kỹ năng thực hành để họ tham gia một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong phòng ngừa và giải quyết các vấn đề môi trường và quản lý chất lượng môi trường." Đối với sinh viên du lịch, việc giáo dục giá trị nhận thức về bảo vệ môi trường (BVMT) sẽ giúp cho sinh viên không chỉ có chuyên môn giỏi mà còn rèn luyện được phẩm chất đạo đức với nhận thức xã hội và bản lĩnh cũng như trách nhiệm đối với nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.

*;** Trường Đại Học Khánh Hoà

2. Một số nội dung về giá trị và giáo dục giá trị nhận thức bảo vệ môi trường (BVMT)

2.1. Khái niệm về giá trị

Theo *Từ điển Tiếng Việt* (Nxb Khoa học xã hội), giá trị là cái mà con người dùng làm cơ sở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện của xã hội; tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ buôn bán, đổi chác; độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên.

Dưới góc độ Xã hội học, giá trị được quan tâm ở nội dung, nguyên nhân, điều kiện kinh tế xã hội cụ thể trong quá trình hình thành hệ thống giá trị nhất định của một xã hội.

Giá trị trong Đạo đức học luôn gắn liến với những khái niệm trung tâm như: cái thiện, cái ác, công bằng, bình đẳng, bác ái bởi vì khái niệm giá trị thuộc phạm vi đời sống đạo đức của con người, các quan hệ xã hội và quá trình hình thành các chuẩn mực, quy tắc đạo đức của xã hội.

Dưới góc độ Tâm lý học, khái niệm giá trị được nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu hành vi, hoạt động của con người và dự báo sự phát triển của nhân cách.

Giá trị, theo nghĩa chung nhất, chúng ta có thể hiểu đó là cái đã làm cho một khách thể nào đó có ích, có nghĩa, đáng quý đối với chủ thể, được mọi người thừa nhận. Người ta có thể phân chia giá trị thành: giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị riêng, giá trị chung, giá trị xã hội. Có quan điểm cho rằng giá trị là cái vốn có của khách thể, nhưng mỗi chủ thể lại có thể đánh giá, xem xét nó trên những góc độ khác nhau, đưa đến những quan niệm khác nhau về giá trị. Vì con người cũng có nhiều điểm tương đồng trong định hướng giá trị, nên có những giá trị được số đông chấp nhận và những giá trị này sẽ trở thành giá trị chung của xã hội. Tuy nhiên, giá trị cũng là phạm trù có tính lịch sử (trích tiểu luận Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, Nguyễn Thị Mỹ Lộc).

Còn tác giả Trần Trọng Thủy khi nghiên cứu về "Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách" cũng xem giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng, các chuẩn mực, mục đích và lý tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của cá nhân con người.

Nhìn chung, theo quan điểm của các nhà khoa học hay dưới góc độ của các ngành khoa học khác nhau, cũng như trong một số từ điển đã định nghĩa khái niệm giá trị đều có chung một số đặc điểm như sau:

- Mức độ của một vật đáp ứng nhu cầu và thỏa mãn được khát vọng của con người, là cái được chủ thể đánh giá, thừa nhận trên cơ sở mối quan hệ với sự vật đó.

- Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội, với phí tổn cần thiết để tạo ra cái lợi đó.

- Mang tính khách quan – nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức của con người.

- Được hiểu theo hai góc độ: vật chất và tinh thần. Giá trị vật chất là giá trị đo được bằng tiền bạc dưới góc độ kinh tế, còn giá trị tinh thần tạo cho con người khoái cảm, hứng thú và sảng khoái.

- Mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm, hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật mang giá trị.

- Là một phạm trù lịch sử vì giá trị thay đổi theo thời gian, theo sự biến động của xã hội, phụ thuộc vào tính dân tộc, tôn giáo và cộng đồng.

(Nguồn Lê Đức Phúc (1992), Giá trị và định hướng giá trị)

2.2. Giáo dục giá trị nhận thức bảo vệ môi trường (BVMT)

Theo ông Bùi Cách Tuyến, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường, giáo dục môi trường nhằm giúp cho cộng đồng hiểu được bản chất phức tạp của hệ thống môi trường thiên nhiên cũng như nhân tạo để từ đó giúp con người có những hành vi đối xử "thân thiện" hơn với môi trường. Những thông tin, kiến thức về môi trường được tích lũy trong mỗi cá nhân sẽ nuôi dưỡng

và nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường của chính họ, tạo nên những động cơ mạnh mẽ, những cam kết vững chắc hướng về một môi trường trong lành và phát triển trong tương lai. Mục đích cuối cùng của giáo dục môi trường là tiến tới xã hội hóa các vấn đề môi trường, nghĩa là tạo ra các công dân có nhận thức, có trách nhiệm với môi trường, biết sống vì môi trường.

Giáo dục giá trị nhận thức BVMT là giáo dục ý thức về giá trị, về cách sống, ý thức về bản thân mình, về thái độ và hành vi của mình về việc BVMT trong cuộc sống. Việc hình thành và phát triển Giáo dục giá trị nhận thức BVMT là mối tổng hòa kết hợp của giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách, bồi dưỡng đạo đức, ý thức công dân và đời sống tinh thần của họ. Mỗi cá nhân khi có nhận thức tốt về BVMT sẽ tác động lại chính những cộng đồng xung quanh, góp phần làm môi trường càng trở nên đẹp và trong lành hơn *(Trích: Vai trò của giáo dục đào tạo nâng cao nhận thức về môi trường cho các đối tượng trong xã hội, Kỷ yếu hội thảo – Đại học Hoa Sen)*

2.3. Vai trò của Giáo dục giá trị nhận thức bảo vệ môi trường (BVMT) cho sinh viên du lịch

Việc giáo dục giá trị nhận thức nhận thức BVMT có vai trò quan trọng trong cuộc sống. Yêu môi trường và giữ gìn môi trường sạch sẽ không chỉ cho hôm nay mà còn cho những thế hệ mai sau, sống không chỉ cho mình mà còn vì người khác, biết hy sinh và cống hiến, biết trân trọng những gì mình đang có và phấn đấu vì những điều tốt đẹp trong tương lai, biết sống vì mọi người và cộng đồng sẽ giúp các bạn khám phá nhiều phẩm chất tốt đẹp vốn có của bản thân và hoàn thiện nó. Qua đó giúp sinh viên biết suy nghĩ tích cực, tự xây dựng cho mình một nền tảng vững chắc về nhân cách sống cho sinh viên, nhận thức đúng dẫn đến hành vi đẹp; cho các bạn thấy rằng khi thật sự sống trong một môi trường trong lành không ô nhiễm thì tinh thần sẽ sảng khoái, vượt qua nhiều áp lực trong cuộc sống.

Giáo dục giá trị nhận thức BVMT luôn đi đôi với giáo dục kỹ năng sống, giúp sinh viên hình thành những thói quen tốt, hình thành những kỹ năng và lối sống lành mạnh liên quan đến BVMT,

nhằm giúp mọi người nói chung và các bạn sinh viên nói riêng không những chỉ có nhận thức đúng mà còn phải thiết lập được các hành vi cụ thể góp phần đẩy mạnh cuộc vận động, đem lại hiệu quả thiết thực

Đối với sinh viên du lịch thì việc giáo dục giá trị nhận thức BVMT rất quan trọng, vì trong tương lai các em sẽ là người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch, là người sẽ định hướng hành vi của khách du lịch thông qua việc tuyên truyền, dặn dò khách không xả rác bừa bãi, góp phần giữ gìn vệ sinh môi trường sạch sẽ.

3. Kinh nghiệm giáo dục giá trị nhận thức về bảo vệ môi trường (BVMT) cho sinh viên Khoa Du lịch – ĐH Khánh Hòa

3.1. Tổ chức lồng ghép giáo dục giá trị nhận thức về môi trường trong chương trình đào tạo cho sinh viên Khoa Du lịch – ĐH Khánh Hòa.

Khoa Du lịch đã lồng ghép nội dung Giáo dục giá trị nhận thức về bảo vệ môi trường trong chương trình đào tạo cho sinh viên thông qua một số môn học như: Tổng quan du lịch, Du lịch có trách nhiệm, Marketing du lịch, các học phần về Tuyến điểm Du lịch… Việc lồng ghép nội dung Giáo dục giá trị nhận thức về bảo vệ môi trường được tổ chức khoa học, có sự rà soát đảm bảo tránh sự chồng chéo và lặp lại kiến thức ở các môn học, qua đó giúp sinh viên hứng thú với môn học và với phần lồng ghép nội dung giáo dục giá trị nhận thức về BVMT .

Các giảng viên của Khoa dạy học theo hướng định hướng qua bài giảng, khuyến khích, giúp đỡ sinh viên thiết kế những hình ảnh hoặc quay phim mô tả việc BVMT theo từng chủ đề học, sau đó sinh viên làm bài thu hoạch và tổ chức thuyết trình trước lớp. Cách dạy không chú trọng phần kiến thức của khoa học môi trường về các khái niệm cứng nhắc khô khan mà tăng cường việc lồng ghép giáo dục giá trị nhận thức BVMT cho sinh viên bằng cách nêu vấn đề và yêu cầu sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình để giải quyết các vấn đề về môi trường theo góc độ cá nhân. Qua đó đã tăng cường tính chủ động học tập, tự nhận thức vấn đề của sinh viên thông qua quá trình trải nghiệm và có cơ hội làm phép so sánh, đối chiếu, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn.

Giáo dục giá trị nhận thức BVMT còn được lồng ghép trong các học phần thực tế, thực hành tuyến điểm, tham quan và khảo sát các điểm du lịch trên cả nước. Với các hoạt động này, Khoa cũng đã tổ chức cho sinh viên tham quan một số địa điểm du lịch đang có các hoạt động bảo vệ môi trường như tại Khu du lịch Hòn Lao - Đảo Khỉ của Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú là khu vườn sinh thái với những tác phẩm nghệ thuật độc đáo được làm từ các loại rác thải; tham quan khu biển Hòn Mun - là nơi có rạn san hô phong phú và đa dạng nhất Việt Nam… để giúp sinh viên có thể học cách đánh giá và liên hệ giữa kiến thức và tình hình thực tế của việc BVMT biển tại địa phương.

3.2. Hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT thông qua các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên trong nhà trường

Trường ĐH Khánh Hòa đã tổ chức nhiều hoạt động khác nhằm hình thành cho sinh viên ý thức, thói quen trong việc giữ gìn vệ sinh trường lớp như là: khẩu hiệu xây dựng môi trường học đường "Xanh, sạch, đẹp"; Xây dựng nhà trường thân thiện nói không với thuốc lá; Phát động các phong trào sinh viên tham gia vệ sinh trường, giảng đường sạch sẽ thoáng mát, không vứt rác bừa bãi dọc hành lang, khuôn viên trường; Hạn chế việc sinh viên mang quà vặt, chai nhựa vào lớp học. Tuy nhiên, vẫn còn có một số phòng học vệ sinh chưa được sạch sẽ, một số sinh viên vẫn có thói quen để quên rác trong ngăn bàn học.

Đối với giáo dục giá trị nhận thức BVMT, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên đóng vai trò rất quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khích lệ sinh viên phát huy tiềm năng của mình trong lĩnh vực nghiên cứu sáng tạo và góp phần tạo cầu nối quan trọng giữa giảng đường và thực tiễn đời sống. Tuy nhiên, tại ĐH Khánh Hòa chưa có ngành đào tạo chuyên sâu về môi trường nên dẫn đến không có sinh viên nào từng tham gia nghiên cứu về vấn đề này, đây cũng là một điều hạn chế cần được nhà trường quan tâm nhiều hơn trong thời gian sắp tới.

3.3. Các hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT cho sinh viên ngoài nhà trường

Tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên của Trường ĐH Khánh Hòa nói chung và của Khoa Du lịch nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền, thu hút sinh viên tham gia các hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT ngoài nhà trường. Đoàn Thanh niên Đại học Khánh Hòa đã tổ chức cho đoàn viên tham gia vào nhiều hoạt động BVMT có thể kể đến như là: ra quân dọn vệ sinh bãi biển cùng với hàng ngàn đoàn viên thanh niên các đơn vị cơ sở Đoàn trên địa bàn tỉnh để góp phần khắc phục hậu quả mưa lũ. Với sự hăng hái, nhiệt tình của các đoàn viên thanh niên, chỉ trong một buổi sáng hàng chục tấn rác đã được tập kết và đưa đi tiêu tiêu hủy theo quy định, góp phần trả lại môi trường sạch, đẹp cho bờ biển thành phố Nha Trang. Hoạt động đã phát huy tinh thần xung kích, tình nguyện của đoàn viên thanh niên vì cuộc sống cộng đồng, đồng thời góp phần ý nghĩa vào việc bảo vệ môi trường, tái tạo cảnh quan du lịch biển của thành phố Nha Trang.

Trường Đại học Khánh Hòa đã triển khai kế hoạch phối hợp thực hiện công tác dọn dẹp, vệ sinh toàn thành phố Nha Trang nhằm mục đích khắc phục hậu quả cơn bão Damrey, giảm thiểu tối đa các thiệt hại và dịch bệnh do ô nhiễm môi trường sau bão**.** Trong 02 ngày 11 và 12/11/2017 (thứ bảy, chủ nhật) nhà trường đã huy động 200 đoàn viên, thanh niên và 100% đoàn viên chi đoàn giáo viên tham gia thu dọn rác làm vệ sinh một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Nha Trang gồm Tuyến đường Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Chánh, Trần Phú.

Bên cạnh đó, Nhà trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường đô thị, vấn đề an sinh xã hội, tinh thần tương thân tương ái đến các đoàn viên, hội viên thanh niên; đặc biệt là lực lượng học sinh, sinh viên trong trường học, nêu cao tinh thần tự giác, xung kích của đoàn viên thanh niên, ý thức bảo vệ môi trường sống. Cụ thể bằng những hành động hạn chế việc xả rác ra môi trường như tái sử dụng những loại như chai nhựa, túi ni lông làm thành vật trang trí trong nhà, chậu cây…Tuyên truyền cho người thân, hàng xóm xung quanh ích lợi của việc dùng túi giấy thay cho túi ni lông; sử dụng ống hút kim loại hay ống hút làm từ các loại thực vật thay cho ống hút nhựa...

3.4. Kết quả việc lồng ghép giáo dục giá trị nhận thức bảo vệ môi trường (BVMT) tại Khoa Du lịch – ĐH. Khánh Hòa

Về kiến thức: Bước đầu sinh viên Khoa Du lịch – ĐH Khánh Hòa đã có những kiến thức cơ bản về môi trường và BVMT. Với những kiến thức được trang bị, sau khi ra trường sinh viên có được những hiểu biết bản chất của các vấn đề môi trường, môi trường du lịch: tính phức tạp, quan hệ nhiều mặt, nhiều chiều, tính hạn chế của tài nguyên thiên nhiên và khả năng chịu tải của môi trường, mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường và phát triển du lịch, giữa môi trường địa phương, vùng, quốc gia với môi trường khu vực và toàn cầu.

Về thái độ: Sinh viên nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của các vấn đề môi trường như một nguồn lực để sinh sống, lao động và phát triển, đối với bản thân cũng như đối với cộng đồng, quốc gia và quốc tế. Có một thái độ, cách ứng xử đúng đắn trước các vấn đề môi trường sẽ xây dựng cho mình ý thức trách nhiệm, về giá trị nhân cách để dần hình thành các kỹ năng thu thập số liệu và phát triển sự đánh giá thẩm mỹ. Từ đó giúp sinh viên nhiệt tình hưởng ứng các hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT được tổ chức trong các môn học; mặt khác sinh viên tích cực tham gia các hoạt động, các hội thi có chủ đề về môi trường và BVMT.

Về hành vi: Bước đầu sinh viên đã có những hành vi BVMT cụ thể như: giữ gìn vệ sinh lớp học, ký túc xá, biết phân công trực vệ sinh, không xả rác bừa bãi trong khuôn viên trường, giữ gìn sạch sẽ môi trường nơi sinh sống. Các cán bộ - lớp đoàn đã biết đứng ra tổ chức các hoạt động cho sinh tham gia trong công tác giáo dục giá trị nhận thức BVMT, biết tuyên truyền về Du lịch xanh, Du lịch bền vững nâng cao ý thức BVMT cho những người thân xung quanh.

3.5. Một vài hạn chế

Chương trình, nội dung giáo dục giá trị nhận thức BVMT còn ít, chỉ dừng lại ở việc lồng ghép vào một số học phần, cần đưa giáo dục BVMT thành môn học chính thức vào các ngành đào tạo liên quan đến chuyên ngành Du lịch để giáo dục cho sinh viên được tốt hơn.

Nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác nghiên

cứu khoa học về việc giáo dục giá trị nhận thức BVMT cho Sinh viên của Cán bộ, Giảng viên Khoa Du lịch – ĐH Khánh Hòa chưa được quan tâm đúng mức. Chúng ta cần định hướng tư duy cho sinh viên tự nghiên cứu sáng tạo, nhất là trong bối cảnh Khánh Hòa đang định hướng phát triển Du lịch xanh thì những vấn đề liên quan đến BVMT càng cấp bách hơn bao giờ hết.

Phương pháp, hình thức triển khai các hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT còn khiêm tốn, chưa được diễn ra thường xuyên và mang tính đơn lẻ, chưa đa dạng và thu hút nhưng nhìn chung bước đầu các hoạt động giáo dục giá trị nhận thức BVMT của sinh viên Khoa Du lịch – ĐH Khánh Hòa đã có những chuyển biến tích cực đóng góp trong phong trào BVMT tại địa phương, tuy nhiên cần được phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

Công tác kiểm tra, đánh giá, khen thưởng và các điều kiện hỗ trợ giáo dục BVMT cần được quan tâm sâu sắc hơn.

4. Đề xuất một số hoạt động cần thực hiện để nâng cao giá trị nhận thức giáo dục BVMT cho sinh viên ĐH Khánh Hòa

Trên cơ sở đánh giá thực trạng về giáo dục giá trị nhận thức BVMT cho sinh viên tại Khoa Du lịch – Đại học Khánh Hòa, có thể nhận thấy rằng nhà trường đã có nhiều nỗ lực, phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, để nâng cao giá trị nhận thức giáo dục giá trị nhận thức BVMT cho sinh viên hơn thì cần phải kết hợp thực hiện nhiều hoạt động hơn nữa. Dưới đây tác giả đề xuất một số hoạt động mang tính định hướng để triển khai cho sinh viên tại Khoa Du lịch – Trường đại học Khánh Hòa trong thời gian tới; qua đó có thể là mô hình tham khảo cho nhiều trường Đại học khác không chỉ ở Khánh Hòa nói riêng mà có thể ở Việt Nam nói chung.

Việc tổ chức các cuộc thi về môi trường chưa được quan tâm nhiều dẫn đến chưa thu hút nhiều sinh viên tham gia, tăng sự hấp dẫn hứng thú cho các bạn. Do đó Khoa và nhà trường cần tổ chức thêm các hoạt động về giáo dục giá trị nhận thức BVMT có thể tham khảo ở trường Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh với "Hội trại Xanh", cuộc thi "Sinh viên với vấn đề môi trường", nhất là ở

Khánh Hòa chủ đề "Phát triển Du lịch xanh" đang rất được quan tâm. Do đó tác giả đề xuất một vài cuộc thi như "Xây dựng, phát triển mô hình Du lịch xanh", "Sáng kiến sử dụng vật liệu hữu cơ (organic) thân thiện với môi trường trong du lịch" sẽ thu hút đông đảo sinh viên tham gia vì nó mang tính thực tiễn thời sự, gắn liền thực tiễn đời sống, nhu cầu địa phương.

- Tổ chức những hoạt động ngoại khóa về môi trường kết hợp cùng với những lớp rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng mềm. Việc BVMT không chỉ nói suông mà phải gắn liền với những hành động cụ thể, ví dụ như việc tái chế rác khó phân hủy có thể hướng dẫn làm thành những sản phẩm độc đáo như bình hoa, giỏ cây, vật trang trí trong nhà mang tính thẩm mỹ cao sẽ thu hút sinh viên đến tìm hiểu; các bạn sẽ học và làm cho bản thân và ở gia đình mình trước, sau đó nếu khéo tay có thể mang ra ngoài giới thiệu sản phẩm cho những người khác, đây cũng là một cách rèn luyện kỹ năng giao tiếp, một các mới lạ tuyên truyền hấp dẫn với khách du lịch về việc BVMT . Qua đó sẽ phát triển kỹ năng sáng tạo của sinh viên, cung cấp cho sinh viên nhiều phương pháp tiếp cận về việc BVMT thiết thực hơn. Trong các dịp lễ hội, khoa Du lịch định hướng sẽ tổ chức các sự kiện phù hợp: Halloween, Giáng sinh, Hội chợ Xuân, Ngày sinh viên học sinh 9/1, Ngày thành lập đoàn 26/3…việc tổ chức cho các sự kiện này sẽ được kết hợp cùng với việc tổ chức cho sinh viên trang trí, sáng tạo các sản phẩm gắn với bảo vệ môi trường. Những hoạt động như vậy vừa thiết thực, vừa ý nghĩa, không chỉ là sân chơi lành mạnh, bổ ích cho sinh viên mà còn nâng cao nhận thức BVMT và rèn luyện các kỹ năng mềm khác.

- Với phương châm đào tạo cùng doanh nghiệp, bên cạnh các hoạt động đào tạo, việc tham gia cùng doanh nghiệp trong các hoạt động vì cộng đồng cũng cần được chú trọng. Cụ thể: phối hợp với các khách sạn trên địa bàn tỉnh tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường như: dọn rác bãi biển, dọn chai nhựa túi ny long ở một vài nơi tập trung nhiều khách du lịch, trồng cây xanh, hay tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường biển tại các khu bảo tồn biển... Hoạt động này không chỉ giáo dục được ý thức và trách nhiệm BVMT cho sinh viên, sinh viên du lịch còn

có khả năng bồi dưỡng các kiến thức về nghề, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với doanh nghiệp, củng cố lòng yêu ngành yêu nghề.

- Đối với sinh viên chuyên ngành Khách sạn – Nhà hàng thì ngành học của các bạn gắn liền với kỹ năng nghề nghiệp như nghiệp vụ bàn, nghiệp vụ pha chế, nghiệp vụ bếp. Qua việc học tập những môn thực hành nghề này, Giảng viên có thể lồng ghép với giảng dạy cho sinh viên về việc sử dụng những vật liệu hữu cơ thân thiện với môi trường trong quá trình chế biến, trang trí thành phẩm như sử dụng ống hút bằng tre, xả, rau muống thay cho ống hút nhựa, hạn chế việc mua nguyên liệu đựng trong túi ni lông và chai nhựa mang tới trường…

- Phối hợp với các doanh nghiệp trong các đợt sinh viên thực tế, thực hành tại doanh nghiệp cũng như lồng ghép trong mỗi nội dung các môn học chuyên ngành về việc cập nhật các xu hướng liên quan đến du lịch xanh hiện nay; cung cấp cho sinh viên nhiều thông tin thú vị về những việc làm thiết thực của các resort, khách sạn tại địa phương về việc bảo vệ môi trường như: Resort Ana mandra dùng chai thủy tinh đựng nước trong phòng thay cho chai nhựa; hoặc một số khách sạn có chú thích cho khách biết là "Chỉ thay vật dụng trong phòng khi cảm thấy thật cần thiết" để hạn chế tối đa việc giặt ủi nhiều sẽ xả thải gây ô nhiễm môi trường…; cung cấp các kiến thức về việc sử dụng nước, sử dụng các sản phẩm xanh hay vấn đề xử lý nước thải, rác thải, hóa chất mà các khách sạn, nhà hàng đang sử dụng hiện nay.

- Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Nhà trường nên khuyến khích các bạn sinh viên thành lập thêm một số câu lạc bộ (CLB) về BVMT để tạo sân chơi giao lưu bổ ích sau những giờ học căng thẳng. Các CLB sẽ hoạt động làm vệ sinh trường lớp, trồng cây, đạp xe cổ động tuyên truyền về BVMT, tham gia các chiến dịch nhân ngày Môi trường Thế giới, Chiến dịch "Làm cho Thế giới sạch hơn", Chiến dịch "Giờ Trái đất", hưởng ứng Cuộc thi "Biến đổi khí hậu với cuộc sống"…

N.T.H.C - L.T.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phê, Trung tâm từ điển học Vietlex, (2009), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb

2. Nguyễn Văn Lưu, tạp chí du lịch 6/2018.

3. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Lê Đức Phúc (1992), *Giá trị và định hướng giá trị*, Nghiên cứu giáo dục

5. Lê Thị Thùy Dung, Trần Thị Lệ Hoa, *tạp chí giáo dục*, số 433 (kì 1-7/2018), tr 56-59;64.

6. Trần Trọng Thủy (1993), *Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách*, Nghiên cứu giáo dục

7. Vai trò của giáo dục đào tạo nâng cao nhận thức về môi trường cho các đối tượng trong xã hội, Kỷ yếu hội thảo – Đại học Hoa Sen

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN Ở HỌC VIỆN HẢI QUÂN HIỆN NAY

ThS. Huỳnh Tấn Cường*

Giáo dục - đào tạo là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Học viện Hải Quân. Cùng với việc trang bị kiến thức, rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng, giáo dục hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách người quân nhân cách mạng giữ vai trò trọng yếu. Trong hệ thống phẩm chất nhân cách của người quân nhân cách mạng thì giá trị nghề nghiệp đóng vai trò làm cơ sở cho tư tưởng, chính trị, đạo đức, thẩm mĩ của mỗi người, giúp họ lựa chọn, xác định cách thức thể hiện bản thân trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

Học viện Hải quân là cái nôi đào tạo sĩ quan Hải quân của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Sĩ quan Hải quân là người trực tiếp tiến hành các hoạt động bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045. Chất lượng sĩ quan Hải quân có ảnh hưởng trực tiếp, quyết định tới chất lượng hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Do đó, cùng với phẩm chất chính trị - tư tưởng kiên định, đạo đức mẫu mực, năng lực hoạt động quân sự trên biển giỏi, sĩ quan Hải quân phải có giá trị nghề nghiệp trong sáng mang ý nghĩa xã hội cao cả.

* Học viện Hải quân

Hiện nay, những biến đổi quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học và công nghệ hiện đại, sự chống phá của các thế lực thù địch, đặc biệt là những biến động phức tạp của tình hình biển Đông… không những đã tạo nên tính chất, phương thức mới của chiến tranh, mà còn làm thay đổi lớn về giá trị trong cuộc sống. Điều đó một mặt đã làm cho hệ giá trị có những biến đổi theo hướng tích cực, năng động đáp ứng sự phát triển của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Mặt khác, mặt trái của cơ chế thị trường cũng đã tác động sâu sắc tới hệ, thang giá trị nghề nghiệp… làm cho nhiều học viên có nhận thức, thái độ và hành vi sai lệch đối với các giá trị nghề nghiệp mà mình đang theo học. Một bộ phận học viên có xu hướng ưu tiên lựa chọn các giá trị cá nhân hơn giá trị tập thể, xã hội, giá trị vật chất hơn là các giá trị tinh thần, và cho rằng trở thành sĩ quan Hải quân là để giải quyết việc làm với thu nhập cao, ổn định hoặc làm cầu nối để chuyển sang vị trí công tác tốt hơn chứ không phải vì nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa thiêng liêng của Tổ quốc.

Ngày nay, khái niệm „giá trị“ là trung tâm của Giá trị học và được sử dụng trong các lĩnh vực như: Triết học, Xã hội học, Tâm lý học, Đạo đức học, Kinh tế học... Từ điển Tiếng Việt định nghĩa: “giá trị là cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quí về một mặt nào đó; cái làm cho một vật trở nên đáng ao ước hay đáng giá”[1]. GS.TS, viện sĩ Phạm Minh Hạc cho rằng “giá trị là tính có ý nghĩa tích cực, tốt đẹp, đáng quí, có ích của các đối tượng đối với chủ thể”[2]. Theo TS Phạm Thị Đức, “giá trị là những cái cần, có ích, có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể, cá nhân; phản ánh mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể, giữa chủ thể với chính mình; được đánh giá và có thể bị thay đổi theo những điều kiện xã hội – lịch sử cụ thể, tùy thuộc vào bản chất, trình độ phát triển của nhân cách”[3]. Nguyễn Trọng Chuẩn khẳng định: „nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là

1. Từ điển Tiếng Việt *(1999), Nxb. Đà Nẵng, Tr. 517 - 518*

2. *Phạm Minh Hạc (1996),* Phát triển giáo dục phát triển con người phục vụ phát triển xã hội - kinh tế*, Nxb. KHXH, Tr. 124*

3. *Phạm Thị Đức (1999),* Giá trị và định hướng giá trị*, Tạp chí tâm lý học số 4, Tr. 49 - 51*

đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp, là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và vươn tới"[1].

Và "nghề nghiệp là một lĩnh vực mà trong đó con người sử dụng sức lao động của mình để tạo ra những cái cần thiết cho xã hội, nhờ đó con người có thể thoả mãn những nhu cầu cần thiết cho việc tồn tại và phát triển của mình"[2].

Từ các quan điểm trên, tác giả cho rằng: nghề nghiệp là một sự vật, hiện tượng mang giá trị, làm thoả mãn những nhu cầu nhất định trong đời sống. Cùng với sự phát triển của xã hội, nghề nghiệp cũng xuất hiện như một tất yếu khách quan. Mỗi nghề nghiệp đều có vai trò nhất định đối với sự phát triển của xã hội và với các cá nhân làm nghề. Khi nghề nghiệp đó càng phục vụ đắc lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thì nó càng có giá trị cao. Như vậy, giá trị của nghề không chỉ do qui luật khách quan đem lại, mà còn do chính những con người làm chủ thể của nghề nghiệp đó tạo ra. Một mặt, chính họ là những người tạo ra những giá trị vốn có của nghề nghiệp, mặt khác,nó còn phụ thuộc vào sự chấp nhận của xã hội. Giá trị nghề nghiệp phát triển cùng với sự phát triển của xã hội, do nó phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và làm thoả mãn những mong muốn, nhu cầu tích cực của con người.

Từ đó, tác giả quan niệm: giá trị nghề nghiệp là toàn bộ những nhân tố cấu thành đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển nghề nghiệp của người sĩ quan hải quân được học viên chấp nhận, hướng theo trong quá trình hoạt động do chúng có thể thoả mãn nhu cầu, lợi ích của họ và góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Hải quân, quân đội và xã hội đặt ra.

Do tính đa dạng của nhu cầu, cũng như sự đáp ứng trên nhiều khía cạnh, góc độ, tính chất của một nghề nghiệp đối với các nhu cầu mà giá trị của nghề nghiệp hiện diện trong toàn bộ các nhân

---

1. *Nguyễn Trọng Chuẩn (1998),* Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển*, Tạp chí Triết học số 2, Tr. 16*

2. *Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học (1992),* Dân số - lao động - việc làm - giải pháp*, Nxb. Thông tin lý luận, Tr. 68*

tố liên quan tới tính hiện thực vốn có của nghề nghiệp đó. Những nhân tố đó bao gồm: vị trí công tác; chức vụ đảm nhiệm; điều kiện, phương tiện hoạt động; đặc điểm, tính chất nghề nghiệp; sản phẩm, xu hướng, triển vọng phát triển,các ưu thế của nghề nghiệp trong xã hội. Theo đó, giá trị nghề nghiệp có thể được hiểu trên những khía cạnh cơ bản sau:

Bất cứ sự vật, hiện tượng nào thuộc các nhân tố cấu thành, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của nghề nghiệp đều được xem là có giá trị (dù là vật thể hay phi vật thể, là hình ảnh trực quan hay khái niệm, là hoạt động hay tĩnh tại), miễn nó được học viên thừa nhận là một nhu cầu, có ý nghĩa, vị trí nhất định trong đời sống của họ. Vì vậy, giá trị nghề nghiệp phản ánh một cách tổng thể tất cả các nhân tố cấu thành sự tồn tại, phát triển của nghề nghiệp, đó là: hình ảnh về đội ngũ sĩ quan hải quân cùng với giá trị nhân cách của họ; các điều kiện về môi trường tổ chức hoạt động học tập và thực hiện nhiệm vụ của học viên tại Học viện Hải quân và các đơn vị của Quân chủng Hải quân; tính chất, đặc điểm, ưu thế, xu thế phát triển của nghề hiện nay.

Được hình thành trên cơ sở quan hệ nhận thức và quan hệ đánh giá của học viên, nên nội dung, hình thức biểu hiện của giá trị nghề nghiệp cũng có tính đa dạng, phong phú tuỳ thuộc vào những nhu cầu mà học viên được thoả mãn bởi nghề nghiệp mang lại. Vì vậy, có thể thấy giá trị nghề nghiệp không chỉ gồm những giá trị tinh thần, mà còn có các giá trị mang ý nghĩa về vật chất, có các giá trị mang tính mục đích và các giá trị mang tính phương tiện, đồng thời có sự hiện diện của các giá trị cơ bản trên các mặt của đời sống như: giá trị chính trị xã hội, đạo đức, giá trị hoạt động, thể chất, tâm lý, kinh tế,... Cũng như các giá trị khác, giá trị nghề nghiệp luôn có tính lịch sử, tính giai cấp.

Trên cơ sở quan niệm như trên, tác giả cho rằng: giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên ở Học viện Hải quân *là những tác động liên tục, có hệ thống, có mục đích đến học viên trong quá trình giáo dục - đào tạo nhằm hình thành, phát* triển giá trị nghề nghiệp ở mỗi học viên, góp phần hoàn thiện các phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu hoạt động nghề nghiệp của sĩ quan hải quân.

Nội dung giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên rất đa dạng, phong phú, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

Giáo dục cho học viên những giá trị chung, phổ quát của nhân loại, bao gồm: hoà bình; tự do; sức khoẻ; việc làm; công lý; học vấn; gia đình; an ninh; niềm tin; nghề nghiệp; sống có mục đích.

Giáo dục cho học viên những giá trị về chính trị, tư tưởng và đạo đức: giáo dục chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; mục tiêu lý tưởng Cộng sản, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước làm cơ sở nâng cao giác ngộ chính trị, củng cố niềm tin vững chắc vào thắng lợi của Chủ nghĩa xã hội.

Giáo dục cho học viên những giá trị đúng đắn về đường lối của Đảng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, phương hướng xây dựng quân đội; xây dựng Hải quân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, yêu cầu nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Quân chủng và Học viện. Trên cơ sở đó giúpcho mỗi học viên nhận thức rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn "Diễn biến hoà bình" của Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam trên mọi bình diện và cách phòng chống, đấu tranh giữ vững trận địa tư tưởng.

Giáo dục những giá trị đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch lành mạnh, giản dị, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ" – người chiến sĩ Hải quân và những giá trị chuẩn mực đạo đức, tác phong của người sĩ quan Hải quân trong chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của đơn vị.

Giáo dục những giá trị về chuyên môn, nghiệp vụ: giáo dục những giá trị về kiến thức, trình độ kỹ thuật, chiến thuật chuyên ngành mà học viên được đào tạo.

Giáo dục những giá trị về năng lực quản lý, chỉ huy đơn vị trong mọi điều kiện hoàn cảnh gắn với cương vị chức trách.

Giáo dục cho học viên những giá trị đúng đắn trong thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện, thực hiện các chế độ chính quy, các quy định về quản lý và rèn luyện theo nhiệm vụ mà mục tiêu, yêu cầu đào tạo đặt ra; giáo dục, rèn luyện học viên phấn đấu trở thành người đảng viên.

Giáo dục cho học viên những giá trị vật chất phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

Giáo dục cho học viên những giá trị phù hợp trong rèn luyện sức khoẻ.

Con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội, mỗi người đều sinh ra và lớn lên, trưởng thành về nhân cách trong môi trường gia đình, nhà trường và xã hội. Môi trường giáo dục học viên ở Học viện Hải Quân hiện nay là những điều kiện tự nhiên, xã hội được xây dựng một cách khoa học và sử dụng nhằm mục đích phát triển, hoàn thiện nhân cách người sĩ quan hải quân cách mạng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và thềm lục địa thiên liêng của Tổ quốc.Môi trường giáo dục tác động sâu sắc và toàn diện đến đời sống và hoạt động của học viên, đặc biệt là đối với việc giáo dục giá trị nghề nghiệp cho họ. Nó tạo ra những điều kiện thuận lợi để biến quá trình giáo dục, rèn luyện thành tự giáo dục, tự rèn luyện; là mắt khâu chuyển hoá những yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại thành động cơ bên trong thúc đẩy tính tích cực của mỗi học viên.

Để xây dựng môi trường giáo dục giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên ở Học viện Hải quân hiện nay, chúng ta cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Một là, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các lực lượng giáo dục ở Học viện

- Xây dựng mối quan hệ giữa giảng viên và học viên. Đây là mối quan hệ giữa một bên là chủ thể tác động sư phạm và một bên là đối tượng tiếp nhận các tác động sư phạm một cách chủ động, tích cực và sáng tạo. Trong môi trường hoạt động quân sự, ngoài tính chất quan hệ thầy – trò, nó còn là mối quan hệ chức năng (cấp trên – cấp dưới) và quan hệ đồng chí, đồng đội trong tập thể quân nhân. Do đó, nó đòi hỏi cả hai phía giảng viên và học viên phải thực sự mẫu mực trong quan hệ trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc điều lệnh, điều lệ, chế độ quy định của quân đội; quy chế giáo dục – đào tạo của Học viện; đạo lý thầy – trò và tình đồng chí, đồng đội của những người cùng chung lý tưởng... từ đó, tạo nên động

lực thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển, tiến bộ, phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu, yêu cầu giáo dục - đào tạo.

- Xây dựng mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và học viên. Đây là mối quan hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa chỉ huy và phục tùng; đó còn là mối quan hệ đồng chí, đồng đội, thương yêu, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập, rèn luyện, công tác. Với tính chất hoạt động của nhà trường quân sự, cán bộ quản lý cùng ăn, ở, sinh hoạt với học viên hàng ngày, do đó, cán bộ quản lý có sự ảnh hưởng đến học viên một cách sâu sắc. Vì vậy, nếu xây dựng được mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và học viên thực sự tin tưởng, tôn trọng, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cũng như trong đời sống sinh hoạt hàng ngày thì sẽ tạo ra sức mạnh, sự đoàn kết thống nhất cao trong đơn vị hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

- Xây dựng quan hệ giữa học viên với học viên. Học viên vừa là khách thể vừa là chủ thể trong quá trình giáo dục - đào tạo. Nhiệm vụ trung tâm của người học viên là học tập, rèn luyện và phấn đấu thực hiện tốt mục tiêu, yêu cầu giáo dục - đào tạo. Mối quan hệ giữa học viên với học viên là mối quan hệ đồng chí, đồng đội, mối quan hệ tình cảm anh em, bạn bè đồng thời là mối quan hệ phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, nếu xây dựng được mối quan hệ đoàn kết, thống nhất, gắn bó, yêu thương giúp đỡ lẫn nhau sẽ tạo cho học viên luôn có tâm trạng phấn khởi, tin tưởng, tạo nên động lực mạnh mẽ trong quá trình học tập, rèn luyện, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Để có mối quan hệ tốt đẹp giữa các học viên với nhau, trước hết mỗi người phải quán triệt sâu sắc mục tiêu, yêu cầu giáo dục - đào tạo, chức trách, nhiệm vụ của mình; luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, tôn trọng tập thể, gắn bó với tập thể. Đồng thời, thông qua các hình thức sinh hoạt ở đơn vị, các chủ thể giáo dục trên cương vị của mình cần giúp học viên hiểu rõ hoàn cảnh, ưu nhược điểm của nhau, quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để học viên gần gũi, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện, công tác. Mặt khác, nghiêm khắc phê phán những biểu hiện lệch chuẩn, tư tưởng cá nhân ích kỷ, ganh đua, đố kỵ, cục bộ, chạy theo lối sống thực dụng ở một số học viên.

- Xây dựng những quy định cụ thể về chuẩn mực, giá trị trong mối quan hệ giảng viên, cán bộ quản lý và học viên

+ Đối với giảng viên, phải thực sự mẫu mực, mô phạm về mọi mặt, trước hết phải thật sự thiết tha, gắn bó với nghề nghiệp sư phạm, hết lòng yêu thương, quan tâm giúp đỡ học viên, luôn luôn vì sự trưởng thành, tiến bộ của học viên. Trên cơ sở yêu người, yêu nghề, người giảng viên phải không ngừng học tập, nỗ lực phấn đấu, nâng cao tri thức, kỹ năng, tay nghề sư phạm để thực sự góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo; đồng thời phải luôn luôn mẫu mực về mặt nhân cách để học viên noi theo.

+ Đối với cán bộ quản lý, phải thường xuyên xây dựng mối đoàn kết thống nhất, tạo nên bầu không khí phấn khởi, vui tươi trong đơn vị; phải thực sự tâm huyết trong công việc, phải đặt ra những yêu cầu cao để học viên phấn đấu thực hiện, mặt khác cần phải quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ họ trong quá trình học tập, rèn luyện để họ đạt được các yêu cầu với sự nỗ lực cố gắng cao.

+ Đối với học viên, phải quán triệt sâu sắc mục tiêu, yêu cầu đào tạo, xây dựng động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn; thực sự kính yêu, tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý; chấp hành nghiêm các mệnh lệnh, chỉ thị, nhiệm vụ học tập của của người chỉ huy, giảng viên giao cho; tích cực tham gia các hoạt động, các phong trào xây dựng đơn vị đồng thời phát huy tinh thần dân chủ, đóng góp ý kiến cho giảng viên, cán bộ quản lý một cách trung thực, chân tình, thẳng thắn trong học tập và xây dựng đơn vị.

Hai là, xây dựng tập thể đơn vị vững mạnh kết hợp với tổ chức, duy trì các hoạt động mang tính khoa học và tính giáo dục cao đối với học viên

*Tập thể đơn vị với t*ư cách là một chủ thể giáo dục tích cực có vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục nói chung, chất lượng giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên nói riêng. Tập thể đơn vị vững mạnh sẽ góp phần định hướng, kích thích, điều chỉnh cho từng thành viên có lối sống, nếp sống lành mạnh.

*Tập thể đơn vị vững mạnh là tập thể mà ở đó không chỉ duy trì tốt các quan hệ tổ chức, kỷ luật mà còn phải duy trì tốt các mối quan hệ đồng chí, đồng đội, các quan hệ đời th*ường; luôn

đoàn kết, thống nhất, cùng nhau khắc phục khó khăn trong học tập, rèn luyện, công tác. Để xây dựng tập thể đơn vị thực sự vững mạnh đòi hỏi đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cần nắm chắc tình hình mọi mặt của đơn vị; am hiểu sâu sắc tâm sinh lý của mọi thành viên (tuổi đời, tuổi quân, sở thích, cá tính, vốn sống, kinh nghiệm, hoàn cảnh gia đình, các mối quan hệ trong nội bộ và ngoài đơn vị....), từ đó theo dõi, giúp đỡ, chấn chỉnh, định hướng các hiện tượng tâm lý xã hội như*: dư luận, tâm trạng, truyền thống, uy tín trong tập thể đơn vị theo h*ướng tích cực.

Ba là, tổ chức, duy trì nghiêm việc thực hiện chế độ, nền nếp chính quy kết hợp với hoạt động ngoại khoá để giáo dục giá trị nghề nghiệp cho học viên

- Tổ chức, duy trì thực hiện các chế độ quy định, xây dựng nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật, các chế độ ngày, tuần, bảo đảm quân số theo quy định vào những ngày nghỉ, giờ nghỉ, nhất là những ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết... một cách chặt chẽ, nghiêm túc.

*- Tổ chức các phong trào thi đua sôi nổi trong đơn vị, làm tốt công tác tuyên truyền về các tập thể và cá nhân điển hình, về g*ương người tốt, việc tốt; tổ chức các hoạt động thi tìm hiểu, thi tuyên truyền viên, hội diễn văn nghệ; tổ chức *diễn đàn, giao l*ưu, gặp gỡ với các lão thành cách mạng, các nhà văn hoá, nhà khoa học, văn nghệ sĩ... qua đó bồi d*ưỡng, giáo dục học viên cả về giá trị nội dung và phư*ơng pháp tổ chức tiến, hành các hoạt động.

*- Đặc biệt chú ý tổ chức tốt các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể thao vào các ngày nghỉ, giờ nghỉ nhằm tạo ra bầu không khí lành mạnh, vui t*ươi trong đơn vị, động viên các thành viên trong học tập, công tác, trực chiến, sẵn sàng chiến đấu…

Thứ tư, tăng c*ường đầu tư*, xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường"xanh, sạch, đẹp"

*Môi tr*ường sinh thái trong Học viện ảnh hư*ởng trực tiếp tới sức khoẻ và công tác của mọi cán bộ, giảng viên, học viên; đồng thời ảnh h*ưởng rất lớn đến công tác giáo dục - đào tạo của Nhà trường. Doanh trại "xanh, sạch, đẹp" góp phần tạo ra đời sống vật chất và tinh thần hài hoà, làm cho mọi thành viên gắn bó với đơn vị, hăng hái thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Để

giải quyết tốt vấn đề này, theo tôi cần tập trung vào một số biện pháp chính sau:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hợp lý kết hợp chặt chẽ với việc đảm bảo cơ sở vật chất kĩ thuật giáo dục đủ về số lượng, tốt về chất lượng. Đây là một nội dung rất quan trọng trong xây dựng môi trường giáo dục, thực hiện tốt vấn đề này sẽ đảm bảo cho Học viện khang trang, sạch đẹp; tương xứng với vị trí là một trung tâm giáo dục - đào tạo mạnh của Quân chủng Hải quân, quân đội và của quốc gia.

- Tăng cường công tác giáo dục về ý nghĩa, nội dung bảo vệ và xây dựng môi trường "xanh, sạch, đẹp" trong toàn trường, tạo ra sự thống nhất về nhận thức, sự đồng thuận của mọi lực lượng, mọi thành viên trong công tác xây dựng và bảo vệ môi trường, cảnh quan.

- Cấp uỷ, chỉ huy ở tất cả các đơn vị phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể trong việc xây dựng và bảo vệ môi trường "xanh, sạch, đẹp" của đơn vị mình theo qui hoạch tổng thể cuả Học viện.

- Phát huy sức sáng tạo và huy động mọi nguồn lực của các thành viên, các tổ chức trong Học viện vào xây dựng cải tạo cảnh quan môi trường nhưng phải tổ chức chặt chẽ, dân chủ, công khai, bình đẳng, để mọi người đều có trách nhiệm và quyền lợi được hưởng thụ thành quả xây dựng môi trường, cảnh quan.

H.T.C

BÀI TOÁN BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG VÀ LỜI GIẢI TIỀM NĂNG TỪ PHÊ BÌNH LUÂN LÝ HỌC VĂN HỌC

NCS. Nguyễn Anh Dân*

1. Giới thiệu

"Thương cho roi cho vọt" là một trong những quan niệm giáo dục đã tồn tại lâu đời trong nền văn hóa Việt Nam và có những ảnh hưởng nhất định đến thực tế giáo dục lâu nay. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, phương pháp "roi vọt" đang bị hoài nghi và trong nhiều trường hợp nó lại trở thành nguyên nhân dẫn đến những hành vi phản giáo dục, phi nhân văn. "Cho" như thế nào để bảo toàn nguyên nghĩa của chữ "thương" mà không biến thành vũ lực, bạo lực, thậm chí bạo hành? Bởi lẽ, dưới tác động của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và cách mạng công nghệ thông tin, người dạy và người học đang thụ hưởng những yếu tố tích cực nhưng đồng thời cũng khó tránh khỏi những tác nhân tiêu cực mà bạo lực học đường là một nỗi đau còn đó. Ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa đại chúng dường như đang khiến giới trẻ (thậm chí cả một bộ phận giáo viên) dần trở nên bạo lực hơn, hung tính hơn, luôn tiềm ẩn nguy cơ bộc phát các hành vi xâm phạm thân thể và tinh thần người khác. Những vụ bạo lực trong và ngoài học đường rúng động dư luận trong thời gian qua một lần nữa gióng lên hồi chuông cảnh báo đối với các nhà sư phạm về thực trạng dạy và học trong hệ thống giáo dục hiện nay. Vai trò của giáo dục đạo đức

* Trường ĐHSP, Đại học Huế

cần được coi trọng và đầu tư thích đáng trong phạm vi các phân môn cũng như tích hợp liên môn. Với hiện trạng đó, chức năng giáo dục của văn học cần phải được ưu tiên cũng như thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc nhằm tác động, thay đổi tích cực đến quá trình hình thành nhân cách của người học lẫn người dạy. Vấn đề chức năng giáo dục của văn học đã được bàn luận từ thời cổ đại, cả ở phương Tây lẫn phương Đông, từ trong *Thi học* (Poetics) của Aristotle (Hy Lạp) lẫn bốc từ đời Ân, *Tứ thư*, *Ngũ kinh* (Trung Quốc) hay trong bài tựa *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* của Vũ Quỳnh (Việt Nam). Chức năng giáo dục một lần nữa được tái khẳng định và đưa lên vị trí cao nhất với Phê bình Luân lý học Văn học - một trường phái phê bình dựa trên nền tảng luân lý học của Trung Quốc. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, thời đại nào, luân lý, đạo đức vẫn là những thước đo căn bản để đánh giá con người, phân biệt con người với các loài vật khác. Bởi vậy, xuất phát từ luân lý, đạo đức để giáo dục con người về những quy phạm hành vi, giá trị luân thường là vô cùng cần thiết.

2. Bạo lực học đường: Hồi chuông luân lý thống thiết

Bạo lực học đường không còn là câu chuyện mới đối với giáo dục nói chung và xã hội nói riêng, ngược lại, vấn đề này đang trở nên nhức nhối với mức độ ngày càng nguy hiểm và phạm vi ngày càng mở rộng. Đây cũng không phải là tồn tại riêng của giáo dục Việt Nam mà là vấn nạn chung của thế giới, thu hút sự quan tâm của nhiều chuyên gia giáo dục, tâm lý học, xã hội học...

"Bạo lực học đường được hiểu là mọi hành vi có chủ định xâm hại người khác trong trường học hoặc xung quanh trường học. Những hành vi này có thể bao gồm bắt nạt, ngược đãi, hoặc các hình thức bạo lực nghiêm trọng hơn liên quan đến vũ khí." [5, p. 1] Định nghĩa của Gordon Capp và đồng sự miêu tả một cách khái quát về bạo lực học đường với nội hàm hạt nhân liên quan đến phạm trù "xâm hại người khác". Báo cáo tình trạng bạo lực và bắt nạt học đường toàn cầu của Tổ chức Văn hóa, Khoa học, Giáo dục Liên hiệp quốc năm 2017 đưa ra một định nghĩa cụ thể và chi tiết hơn: "Bạo lực học đường bao hàm bạo lực thể xác, gồm cả các hình phạt thân thể; bạo lực tâm lý, gồm cả lạm dụng bằng lời nói; bạo lực tình dục, gồm cả hãm hiếp và quấy rối; và bắt nạt,

bao gồm cả bắt nạt trực tuyến." [14, p. 6] Báo cáo này đề cập đến nhiều hình thức cụ thể liên quan đến bắt nạt và bạo lực học đường. Đáng chú ý là những hình thức này đều đã và đang xảy ra tại Việt Nam với mức độ và phạm vi không có xu hướng thuyên giảm. "Theo báo cáo sơ bộ của cơ quan công an tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước thì từ năm 2010 cho đến nay (tức 2018 - NAD) đã có 7.735 học sinh, sinh viên tham gia vào các vụ đánh nhau, bị xử lý kỷ luật." [12] Thực tế bạo lực học đường ở Việt Nam cho thấy hiện tượng này không chỉ diễn ra giữa học sinh với học sinh mà còn giữa giáo viên với học sinh và ngược lại, giữa các đối tượng bên ngoài trường học (chủ yếu là phụ huynh, người thân của học sinh) với các đối tượng bên trong trường học (bao gồm học sinh, giáo viên, cán bộ nhân viên nhà trường). Bạo lực học đường diễn ra cả trong lẫn ngoài phạm vi trường học, trong lớp lẫn trên sân trường, trong giờ học hoặc ngày nghỉ, diễn ra trực tiếp hoặc gián tiếp… Nguy hiểm hơn, trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 với sự bùng nổ của internet, các diễn đàn (forum), các trang mạng xã hội (điển hình như Facebook) và các công cụ trực tuyến (điển hình như Youtube) đang trở thành một không gian bạo lực học đường mới, ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, tinh thần của các nạn nhân. Mức độ nghiêm trọng của các hành vi bạo lực ngày càng tăng lên khiến xã hội không thể âu lo về đạo đức của một phần quốc dân, nhất là nhóm đối tượng liên quan đến học đường: "Các vụ bạo lực học đường hiện nay ngày càng mang tính chất côn đồ, nguy hiểm, thủ đoạn, tàn độc và tinh vi hơn. Nhiều clip bạo lực được đăng tải gần đây cho thấy nhiều vụ bạo lực được tổ chức công phu, có số lượng người tham gia đông với các loại hung khí như dao, côn, ống, kiếm, súng, gậy gộc..." [3, tr. 36]

Sự gia tăng của bạo lực học đường trở thành nỗi nhức nhối đối với các nhà đạo đức bởi lẽ những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc như "thương người như thể thương thân", "một giọt máu đào hơn áo nước lã"… đang bị chà đạp trong những cái bạt tai, túm tóc, xé áo, đấm đá, thậm chí là đâm chém. Nạn nhân của bạo lực học đường không chỉ là học sinh mà còn là thầy cô giáo, không những vậy gia đình, người thân của các nạn nhân cũng bị liên đới không hề nhỏ. Các số liệu thống kê về vấn nạn này luôn có

thể khiến người đọc giật mình. "Theo số liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo thống kê gần đây nhất (2017 - NAD), trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học (khoảng 5 vụ/ngày). Cũng theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cứ khoảng trên 5.200 học sinh thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau; cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau." [13] Những con số này, dù khủng khiếp, nhưng có lẽ cũng chưa phải là bức tranh đầy đủ nhất về thực trạng xuống cấp đạo đức của một bộ phận học sinh và giáo viên hiện nay. Chỉ cần điểm qua một vài tin tức liên quan đến bạo lực học đường trong năm 2018, độc giả cũng có thể thấy được tính nghiêm trọng của vấn đề. Ngày 7/1/2018, nhiều nữ sinh thuộc một số trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột (Đắk Lắc) đánh nhau hội đồng. Ngày 28/2/2018, bốn phụ huynh kéo đến Trường Tiểu học Bình Chánh (Bến Lức, Long An) gây áp lực bắt cô N. phải quỳ gối nhận lỗi trước sự chứng kiến của nhiều người. Ngày 2/3/2018, một nam sinh lớp 8[8] Trường Trung học Cơ sở Tân Thạch (Châu Thành, Bến Tre) nhục mạ và bóp cổ cô giáo C.T.N dạy môn tiếng Anh của lớp này. Ngày 3/3/2018, một đối tượng ngoài trường tên L.P.D tổ chức đánh ghen đối với em Đ.T.L học sinh của trường THPT Hương Khê (Hà Tĩnh) vì nạn nhân có nhắn tin qua lại với chồng đối tượng trên. Ngày 13/3/2018, một thầy giáo tên T. bị hai người thân của học sinh đánh đập tại Trường Trung học Cơ sở Tân Thành (Yên Thành, Nghệ An) khiến giáo viên này bị dập mũi. Ngày 22/3/2018, cũng tại Nghệ An, một nữ giáo sinh thực tập 21 tuổi tên P.T.H bị một nữ phụ huynh xông vào trường bắt quỳ, đánh vào bụng dù cô này đang mang thai. Vụ việc xảy ra tại Trường Mầm non Việt - Lào, phường Trung Đô, Thành phố Vinh. Ngày 3/4/2018, Hiệu trưởng Trường Tiểu học An Đồng (Hải Phòng) nhận được phản ánh của gia đình cháu P.P.A (học sinh lớp 3A5) về việc cô giáo N.T.M.H. bắt cháu này uống nước vắt từ giẻ lau bảng. Ngày 5/4/2018, thầy N.V.T bị một nam sinh lớp chủ nhiệm tên N.V.C. (lớp 12, Trường THPT Trần Hưng Đạo, Lệ Thủy, Quảng Bình) dùng dao đâm trọng thương. Ngày 8/4/2018, em L.T.H.A học sinh lớp 12 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và

Giáo dục thường xuyên huyện Vân Đồn (Quảng Ninh) bị ba nữ sinh cùng lớp chặn đánh gãy xương bàn tay trái và chấn thương mũi. Ngày 11/5/2018, một nam sinh tên P.V.H, lớp 10, Trường THPT Hương Sơn (Hà Tĩnh) trong giờ ra chơi đã dùng dao đâm gục một bạn cùng lớp tên T.Q.C. Ngày 28/5/2018, trên mạng xã hội xuất hiện một đoạn video ghi lại cảnh ba nam sinh đánh hội đồng một nam sinh khác trong ký túc xá của Trường Dân tộc Nội trú THCS Quỳ Hợp (Quỳ Hợp, Nghệ An). Ngày 21/6/2018, hai phụ huynh nam kéo đến cơ sở mầm non Sen Hồng (Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam) hành hung một cô giáo tên M. khiến cô này bị sang chấn thủng nhĩ tai. Ngày 23/7/2018, hai nhóm học sinh ở thành phố Bắc Giang xảy ra xô xát khiến một nữ sinh bị đâm trọng thương. Ngày 24/10/2018, một nữ học sinh của Trường THPT Krông Bông (Đăk Lắc) bị đâm trọng thương khi can một vụ đánh nhau của các nữ sinh cùng trường. Ngày 19/11/2018, cô N.T.P.T giáo viên Trường THCS Duy Ninh (Quảng Ninh, Quảng Bình) đưa ra hình phạt tát vào mặt một nam sinh lớp 6 tên H.L.N., sau 231 cái tát em N. đã phải đến bệnh viện cấp cứu... Hẳn chúng ta chưa quên vụ việc đau lòng cách đây hai năm liên quan đến em Bùi Quang Huy (15 tuổi), học sinh lớp 8 Trường THCS Âu Lâu, Thành phố Yên Bái sau khi bị một nhóm bạn chặn đánh, làm nhục đã treo cổ tự tử tại nhà vào ngày 25/9/2016. Đây không phải là tất cả, nhưng chỉ vài ví dụ điển hình như vậy cũng đủ thấy được mức độ nghiêm trọng của vấn đề bạo lực học đường hiện nay ở Việt Nam.

Nguyên nhân của bạo lực học đường xuất phát từ cả bốn phía: cá nhân, gia đình, nhà trường và xã hội. Hiện tượng này thường xuất hiện trong cộng đồng người học đang trải qua tuổi dậy thì với những biến đổi mạnh mẽ về tâm sinh lý. Sự mất kiểm soát cảm xúc, ngôn ngữ, hành vi có nguy cơ dẫn đến các hành vi bạo lực, xâm phạm người khác, bao gồm cả trực tiếp tham gia lẫn kích động, cổ vũ hoặc thờ ơ, lãnh cảm. Sự giáo dục thiếu sâu sát của gia đình, phụ huynh phó mặc con cái cho nhà trường và xã hội cũng như lối sống thiếu lành mạnh, chưa nêu gương của phụ huynh, giáo viên cũng góp phần làm gia tăng bạo lực ở trường học. Về phía nhà trường, năng lực sư phạm còn hạn chế, tư cách tác phong thiếu chuẩn mực, bệnh thành tích, nhồi nhét

kiến thức... của người dạy cũng có nguy cơ trở thành nguồn cơn của bạo lực học đường. Ngoài ra, sự phát triển kinh tế xã hội, giao lưu, hội nhập văn hóa toàn cầu, sự phát triển vũ bão của internet đã tạo ra những tác động tiêu cực nhất định đối với sự phát triển nhân cách của giới trẻ, đặc biệt là những ảnh hưởng bạo lực từ phim ảnh, sách báo, trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực cao. Hậu quả của bạo lực học đường và các hành vi gây ra do suy thoái đạo đức hoặc mất kiểm soát nhân tính là vô cùng nguy hại không chỉ đối với nạn nhân mà còn đối với cả xã hội. Vì vậy, đi tìm lời giải cho bài toán hóc búa này là điều mà nhiều người quan tâm trong suốt thời gian qua. Nhiều biện pháp đã được đề xuất để cải thiện tình hình. Nhiều nhà giáo dục, nhà nghiên cứu cũng đã đề cập đến vai trò của giáo dục đạo đức, thẩm mỹ của các tác phẩm văn học nghệ thuật trong ứng phó với bạo lực học đường. Đây là một kênh quan trọng và hữu ích không thể bỏ qua khi mà bản thân văn học cũng tự xác định và chứa đựng trong mình một chức năng thiết yếu: chức năng giáo dục.

3. Giáo dục giá trị học đường qua con đường văn học

Từ cổ chí kim, văn học luôn có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Chức năng của văn học được xác định thông qua tác dụng, giá trị xã hội mà văn học đem đến cho đời sống của con người. Chức năng văn học buộc nhà văn phải quan tâm đến mục đích sáng tác nghệ thuật, hay nói theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là "Viết để làm gì?" Tương ứng với câu hỏi này là những chức năng cụ thể của văn học như nhóm tác giả của *Từ điển Văn học bộ mới* quan niệm: "Văn học có những chức năng chính: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giao tiếp, giải trí..." [7, tr. 38] Văn học là một thực thể đa chức năng, đa mục đích, đa tác dụng. Mỗi một chức năng của văn học đều góp phần đắc lực vào hoạt động của nhà giáo dục trong học đường. Văn học trở thành một công cụ quan trọng để bồi dưỡng nhân cách, ứng phó hiệu quả với nhiều vấn nạn giáo dục, trong đó có bạo lực học đường. Trước hết, văn học là kho tàng tri thức khổng lồ của nhân loại về nhiều phương diện trong đời sống xã hội. Tác phẩm văn học chính là cuốn bách khoa thư về hiện thực, mang đến cho học sinh những tri thức căn

bản, những khám phá khoa học, khám phá đời sống, tự nhiên, vũ trụ và con người cùng diện mạo, đặc trưng văn hóa, phong tục, tập quán của dân tộc và nhân loại. Bên cạnh đó, văn học còn có nhiệm vụ thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ và thị hiếu thẩm mỹ cho độc giả thông qua hình tượng nghệ thuật. Không dừng lại ở đó, văn học còn hình thành năng lực định giá thẩm mỹ cho con người, tức giúp con người phân biệt đẹp - xấu, thiện - ác, bi - hài, cao cả - thấp hèn... Ngoài ra, với tư cách một sản phẩm nghệ thuật đặc thù, văn học trở thành một phương tiện giao tiếp giữa chủ thể sáng tạo và chủ thể tiếp nhận. Tác phẩm văn học còn là phương tiện liên kết xã hội, làm xích lại quá khứ - hiện tại, tạo cầu nối vào tương lai, nối lại không gian và thời gian, cũng như đưa con người xích lại gần nhau. Đặc biệt, không thể không nhắc đến chức năng giáo dục của văn học thể hiện ở khả năng tác động, cải tạo quan điểm, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cho con người. Chức năng giáo dục của văn học có tính lịch sử, từng được bàn luận trong trước tác của nhiều học giả. Nhà triết học và bác học Hy Lạp cổ đại Aristotle khi bàn về kịch đã đưa ra thuật ngữ "Katharsis" tức "thanh lọc" như một trong những phẩm tính quan trọng của nghệ thuật. Ở Việt Nam, Vũ Quỳnh trong bài tựa *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* có đoạn viết: "(...) Việc tuy kì dị mà không quái đản, văn tuy thần bí mà không nhảm nhí, tuy có phần hoang đường mà tông tích vẫn có phần bằng cứ, há chẳng phải chỉ cốt khuyên điều thiện, răn điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục mà thôi ư?" Tác giả quan tâm đến các phạm trù thiện - ác, giả - thật và phong tục như những mục đích cơ bản mà tác phẩm cần hướng tới. Một minh chứng khác thể hiện tầm quan trọng của đặc tính giáo dục của văn học thể hiện ở truyền thống "văn dĩ tải đạo" đặc biệt phổ biến trong thời kì văn học trung đại Việt Nam. "Đạo" trong mệnh đề vừa nêu không chỉ là đạo đức (theo quan điểm Nho giáo) mà còn là đường hướng, lối đi, phương pháp, cách thức, quy luật. "Văn" có chức năng hoặc là công cụ để "tải đạo", tức thể hiện, bộc lộ phương thức ứng xử của con người trong xã hội. Trong bất kì thời kì nào, văn học luôn là một thứ vũ khí sắc bén phục vụ giáo dục con người, định hướng xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giữ nước và phát triển đất nước.

Thực tế, "chức năng văn học" là một khái niệm quan trọng thuộc bộ môn lý luận văn học nhận được sự quan tâm thảo luận và nghiên cứu từ rất sớm. Những năm 50 của thế kỉ XX, L.I. Timopheev trong *Nguyên lý luận văn học* đã nhận định rằng văn học có ba chức năng: nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. [8] Đại đa số các nhà lý luận văn học Việt Nam cũng đồng tình với Timopheev trong việc xác định chức năng văn học. Cũng có nhà lý luận lật lại vấn đề chức năng văn học, chỉ ra những ngộ nhận trong việc xác định bản chất của văn học, nhầm lẫn chức năng - tác dụng của văn học, từ đó đi đến kết luận: "Theo chúng tôi, nếu như xem văn học là sản phẩm nghệ thuật bằng ngôn từ của tâm hồn con người, nó đã đi ra từ tâm hồn con người, thì cái đích đi đến của nó cũng phải là tâm hồn con người. Cho nên, cái chức năng duy nhất của văn học chính là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người bằng nghệ thuật ngôn từ." [8] Quan điểm này lấy chất liệu cấu thành văn học (nghệ thuật ngôn từ), đối tượng và mục đích sáng tác (tâm hồn con người) để xác định một chức năng duy nhất của văn học. Nó không phủ nhận những gì mà các học giả khác gọi là "chức năng" như nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ, giao tiếp, giải trí... mà chỉ cố gắng hoạch định rạch ròi về mặt khái niệm, phân biệt rõ ràng giữa chức năng và tác dụng. Quan trọng hơn, "Việc phân chia văn học ra nhiều chức năng riêng biệt chỉ có ý nghĩa tương đối. Trên thực tế, sự tác động của nghệ thuật đến người tiếp nhận là một rung động thẩm mỹ mang tính tổng hợp của nhiều chức năng, là quá trình chuyển hóa biện chứng, phức tạp, ở đó, các yếu tố chức năng xuyên thấm, hàm chứa lẫn nhau." [4] Dù quy về một mối hay phân chia tương đối thì về cơ bản vẫn không thể làm mất đi những tác dụng, giá trị, phẩm chất, đặc tính của văn học trong việc tương tác với thế giới xung quanh và xã hội loài người. Một trong số các thuộc tính ấy chính là khả năng tác động và cải biến của văn học đối với quá trình hình thành, bồi dưỡng và phát triển nhân cách của con người. Trong trường hợp của giáo dục Việt Nam hiện nay, nhất là khi bạo lực, bạo hành đang ngày càng gia tăng, mối quan hệ đạo đức, luân lý giữa người dạy và người học đang có dấu hiệu xuống cấp thì vai trò giáo dục của văn học lại cần phải đề cao. Giáo dục giá trị trong học đường cần được đẩy mạnh để góp một

câu trả lời khả thi và thiết thực đối với bài toán nan giải này. Vì lẽ đó các nhà giáo dục cần phải nhận thức và đánh giá đúng chức năng giáo dục của văn học, thông qua môn Ngữ văn và một số bộ môn liên quan trong hệ thống sách giáo khoa để tiến hành giáo dục người học một cách phù hợp, hiệu quả.

Theo Nguyễn Phạm Hùng, thập kỷ 70 của thế kỉ XX, lý luận văn học Liên Xô chú ý nhiều hơn đến vai trò xã hội của văn học, do đó họ đề cao chức năng giáo dục của văn học. [8] Sự đề cao này có liên quan đến những biến đổi nhất định của thời đại và xã hội mà văn học thuộc về, nhất là những biến động tiêu cực ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đạo đức, luân lý. Một cách tương tự với Trung Quốc, sự phát triển vũ bão của kinh tế sau thời kì đổi mới mở cửa (bắt đầu từ năm 1978) đã kéo theo những tác động không nhỏ về đạo đức xã hội trong những năm cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI. Nguy hiểm hơn, sự tiếp tay của một bộ phận văn học (nhà văn, nhà lý luận, nhà xuất bản) kém phẩm hạnh đã khiến cho không chỉ bản thân văn học mà cả xã hội nước này có phần mất định hướng giáo dục, đặc biệt là giáo dục đạo đức, luân lý. Từ chỗ nhìn thấu và mong muốn thay đổi hiện trạng cũng như đưa văn học về đúng vị trí của nó, học giả Nhiếp Trân Chiêu (Nie Zhenzhao) đã sáng tạo ra Phê bình Luân lý học Văn học (Ethical Literary Criticism), trong đó khẳng định chức năng căn bản nhất và quan trọng nhất của văn học là giáo dục (educational/ edificatory/teaching function). Lý thuyết này chính thức đăng đàn vào năm 2004 với bài báo "Phê bình Luân lý học Văn học: Tham số mới cho phương pháp phê bình văn học" ("Ethical Approach to Literary Studies: A New Perspective") đăng trên số 5 của tạp chí *Nghiên cứu Văn học Nước ngoài* (Foreign Literature Studies). Phê bình Luân lý học Văn học một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của chức năng giáo dục của văn học, đây sẽ là kênh tham khảo cần thiết cho việc nghiên cứu và giảng dạy văn học tại Trung Quốc, thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

4. Giáo dục đạo đức: Tiềm năng từ Phê bình Luân lý học Văn học

Nhiếp Trân Chiêu - "cha đẻ" của Phê bình Luân lý học Văn học - định nghĩa lý thuyết của mình như sau:

Phê bình luân lý học văn học là một phương pháp dùng để đọc, phân tích và lý giải tác phẩm văn học, nghiên cứu tác giả và các vấn đề văn học từ góc độ luân lý học. Tư tưởng cơ bản của phương pháp này đó là, văn học về bản chất là nghệ thuật của luân lý vì nó là sự biểu đạt đặc thù những ý tưởng luân lý và đời sống đạo đức trong những hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Văn học không phải là nghệ thuật ngôn từ mà là nghệ thuật của văn bản do văn tự tạo thành. Nó không phải là hình thái ý thức xã hội hay hình thái thẩm mỹ mà là hình thái vật chất do sự tồn tại của văn bản chữ nghĩa. Giáo dục hay giáo huấn là thuộc tính cơ bản và cũng là chức năng hàng đầu của văn học trong khi cảm thụ thẩm mỹ là thuộc tính và là chức năng thứ yếu phục vụ cho thuộc tính và chức năng đầu tiên. [9, p. 12]

Lý thuyết này khác với phê bình luân lý/đạo đức truyền thống vốn chỉ tập trung khai thác các phương diện đạo đức, luân lý trong khi Phê bình Luân lý học Văn học xuất phát từ chính văn bản văn học, dùng lập trường luân lý, đạo đức trên cơ sở bối cảnh lịch sử, biện chứng để nghiên cứu văn học. Một trong những điểm đáng lưu ý của phương pháp này đó là nó kiến lập cái gọi là "thuyết giáo dục" cho rằng mục đích và chức năng của văn học từ khởi nguyên không phải là thẩm mỹ hay gì khác ngoài giáo dục/giáo huấn đạo đức, luân lý. Việc làm này có liên quan đến hiện thực phê bình văn học nghệ thuật Trung Quốc sau thời kì cải cách khai phóng. Lúc bấy giờ, Nhiếp Trân Chiêu nhận ra hai khuynh hướng nguy hại: thứ nhất, phê bình văn học xa rời bản thân văn học (tức không đề cao văn bản văn học); thứ hai, phê bình văn học thiếu giá trị đạo đức, luân lý (tức xem nhẹ giá trị xã hội của văn học). Nguyên nhân là do những tác động của nền kinh tế thị trường đã biến văn học trở thành một thương phẩm, đáng lưu tâm là rất nhiều sản phẩm kém chất lượng (thiếu giá trị đạo đức, luân lý) vẫn được lưu hành công khai trên thương trường, tác động không nhỏ đến văn đàn và xã hội. Bối cảnh của Việt Nam hiện nay có nhiều nét tương đồng với thời điểm khủng hoảng giá trị của văn đàn Trung Quốc cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI. Do đó, việc quan tâm đến chức năng

giáo dục của văn học là hết sức cần thiết, nhất là ứng dụng nó vào học đường, nhằm góp phần giải quyết những vấn nạn do thiếu khuyết đạo đức, luân lý gây ra.

Nhiếp Trân Chiêu từng khẳng định: "Chỉ cần là văn học, bất kể văn học cổ đại hay đương đại, phương Tây hay Trung Quốc, thì giáo dục vẫn là chức năng cơ bản của nó. Thậm chí có thể nói, không thể tồn tại thứ văn học không có chức năng giáo dục." [10, p. 14] Tác giả dẫn chứng sử thi Homer thể hiện quan niệm anh hùng, gia đình, xã hội, nhà nước, luân lý và đạo đức cá nhân của Hy Lạp cổ đại; bốc từ đời Ân của Trung Quốc đã xây dựng những trật tự luân lý, quy phạm hành vi cho con người; *Tứ Thư*, *Ngũ kinh* dùng để giáo huấn... "Đến tận ngày nay, dù có người cho rằng sứ mệnh của văn học đã hoàn thành, xác quyết văn học đã chết nhưng thực tế thì văn học vẫn tiếp tục phát huy tác dụng giáo dục, kích thích sự tiến bộ văn minh xã hội." [10, p. 14] Khả năng tác động của văn học đối với nhân cách con người là không thể phủ nhận, bởi vậy đứng ở góc độ phê bình văn học và góc độ giáo dục, sư phạm thì việc phát lộ những giá trị thẩm mỹ, bài học đạo đức, xúc cảm luân lý của mỗi một tác phẩm văn học cụ thể là vô cùng quan trọng. Những tấm gương văn học này sẽ góp phần hình thành nên những con người chuẩn mực, có nguyên tắc, ứng xử theo những quy phạm hành vi được xã hội quy định.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế thị trường đang thể hiện thành quả to lớn với những thay đổi chỉ số GDP hằng năm nhưng nó cũng kéo theo những hệ lụy nhất định. Tác giả Vi Văn Thảo trong bài viết *Một vài suy nghĩ về giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* cho rằng những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đối với giới trẻ thể hiện ở: (1) giới trẻ bị cuốn vào lối sống văn hóa không lành mạnh do sự du nhập của văn hóa phương Tây, (2) tạo ra áp lực cuộc sống, đề cao giá trị vật chất, chạy theo đồng tiền, dẫn đến nhiều bậc cha mẹ bỏ bê con cái, (3) môi trường kinh tế xã hội xuất hiện nhiều hiện tượng đạo đức tiêu cực. [15, tr. 14] Nhiều nguyên nhân khác nhau của bạo lực học đường đã được bàn đến nhưng thực tế văn học và văn học trong nhà trường dường như vẫn chưa được chú ý đúng mức. Mệnh đề "chức năng giáo dục" của

văn học trong nhà trường thực ra chỉ phát huy tác dụng với điều kiện cần là tác phẩm phải chứa đựng những nội dung, giá trị có ý nghĩa giáo dục và điều kiện đủ là nhà sư phạm có năng lực để biến các giá trị ấy thành bài học cụ thể. Do vậy, những tác phẩm kém chất lượng, phản nhân văn, phi giáo dục không thể trở thành chất liệu phục vụ giáo dục đạo đức, luân lý cho học sinh. May mắn là các tác phẩm văn học được lựa chọn giảng dạy trong học đường Việt Nam vẫn đảm bảo được điều kiện cần như đã đề cập. Bên cạnh đó, làm thế nào để thực hiện chức năng giáo dục đối với văn học ngoài học đường cũng là một vấn đề không hề đơn giản. Trong thời đại kim tiền hiện nay, nhiều người sáng tác văn học đã bỏ qua chức phận cao quý của văn học và đạo đức nghề nghiệp, chỉ chú trọng vào việc kiếm lợi, hướng tới tác dụng giải trí hơn là giáo dục. Ngay sau khi Đổi mới, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ ràng chức phận thiết yếu của văn học nghệ thuật và cụ thể hóa bằng Nghị quyết 05-NQ/TW tháng 11/1987 của Bộ Chính trị Khóa VI: "Văn hóa và văn học, nghệ thuật giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có chức năng bồi dưỡng đạo đức, tình cảm và năng lực thẩm mỹ cho con người." [6, tr. 479] Nghị quyết này như một ngọn hải đăng để những con thuyền nghệ thuật xác định chân trời và giới hạn của mình. Một khi ánh sáng của ngọn hải đăng không chiếu tới hoặc người lái thuyền rời khỏi lộ trình cần tuân thủ thì văn học ắt sẽ rơi vào trạng huống thiếu khuyết giá trị đạo đức, luân lý, hiển nhiên nó sẽ thất bại trong nhiệm vụ mà Đảng và xã hội đã giao phó. Do vậy, nhà văn phải đứng trên lập trường đạo đức, luân lý tốt đẹp của cộng đồng để sáng tác văn học, không được "Có biểu hiện xa lánh những vấn đề lớn lao của đất nước, chạy theo các đề tài nhỏ nhặt, tầm thường, chiều theo thị hiếu thấp kém của một bộ phận công chúng, hạ thấp chức năng giáo dục, nhấn mạnh một chiều chức năng giải trí." [1]

Ngày 28/12/2017, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định và Chương trình hành động "Phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2021". Trong phần "Nhiệm vụ và giải pháp", Chương trình hành động có nêu: "Tăng cường lồng

ghép, tích hợp nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật của học sinh trong nội dung, chương trình môn học, hoạt động giáo dục của chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới". [2] Các nhà giáo dục có lý do để chú trọng đến "nội dung giáo dục đạo đức", vì dù đã có môn liên quan trực tiếp là Giáo dục Công dân hoặc những môn tích hợp như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý... nhưng thực tế trong thời gian qua đã cho thấy công tác giáo dục đạo đức học đường vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Vấn đề không nằm ở số lượng môn học mà nằm ở nội dung và phương pháp truyền đạt kiến thức. Cách dạy kinh viện, hàn lâm, xa rời thực tiễn, thiếu liên hệ thực tế cộng với căn bệnh thành tích của đơn vị giáo dục, bản thân người dạy cũng như thói quen "học đối phó", "học để thi" của người học chắc chắn sẽ không thể khiến giáo dục đạo đức học đường có thể thành công.

Chức năng giáo dục của văn học trong nhà trường có không gian thuận lợi để thực hiện thông qua một môn học đặc thù đó là Ngữ văn (chưa kể khả năng tích hợp với các phân môn khác). Để thực hiện hiệu quả, trước hết giáo viên phải tuyệt đối từ bỏ lối dạy áp đặt "văn mẫu", "nhồi lời nhét chữ", công thức cứng nhắc mà nên khuyến khích khả năng sáng tạo, học tập tích cực của học sinh. Phân tích văn chương cần làm nổi bật được cái đẹp của ngôn từ, hình tượng, cấu trúc, tư tưởng... qua đó làm nổi bật những giá trị giáo dục đặc trưng của từng tác phẩm, tác giả, giai đoạn văn học. Giáo viên cũng cần phải thường xuyên liên hệ thực tiễn, người thật việc thật, nêu gương, ngoại khóa... để kết nối học sinh với văn chương và hiện thực, mọi sự tách biệt đều không đem lại hiệu quả cao. Giáo viên cần bám sát vào chức năng giáo dục của văn học, hình thành và bồi dưỡng cho học sinh năng lực phán đoán thiện - ác, tốt - xấu, từ đó điều chỉnh cảm xúc và hành vi. "Đạo đức có chức năng giáo dục và chức năng điều chỉnh hành vi: con người muốn làm điều phải, điều thiện, tránh điều ác phải hiểu biết, phải được giáo dục về các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, giúp họ có khả năng lựa chọn thực hiện hay không thực hiện các hành vi, hành động nào đó. Mặt khác, những hành vi đúng chuẩn mực đạo đức sẽ được tôn vinh, được trân trọng bởi cộng đồng, xã hội, và có tác động tốt tới các cá nhân khác trong cộng đồng, xã hội."

[11, tr. 141] Phán đoán thiện - ác, tốt - xấu, theo Phê bình Luân lý học Văn học, là một dạng năng lực cơ bản gắn với quá trình hình thành luân lý của nhân loại, dùng để đánh giá người, phân biệt giữa người và vật. Bởi vậy, nếu không có năng lực này, học sinh dễ bị ý chí tự nhiên (natural will), nhân tố thú tính (animal factor) kiểm soát, điều khiển dẫn đến các hành vi phi đạo đức mà bạo lực học đường là một ví dụ điển hình. Đề cao chức năng giáo dục, như trường hợp của Nhiếp Trân Chiêu và Phê bình Luân lý học Văn học, là một cách để chú trọng hơn đến giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị cho học sinh, góp phần hình thành những con người "Chân - Thiện - Mỹ", tiến tới thực hiện tuyên ngôn giáo dục của Liên Hợp Quốc: "Học không chỉ để biết làm, để có tri thức mà còn để tự khẳng định mình và để sống với nhau".

5. Kết luận

Với văn học Trung Quốc, Nhiếp Trân Chiêu quan niệm: "Yêu cầu luân lý lớn nhất hiện nay của Trung Quốc đối với văn học chính là văn học cần phải phục vụ công cuộc xây dựng nề nếp đạo đức tốt đẹp, phục vụ việc làm trong sạch lối sống xã hội cũng như tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, đáp ứng yêu cầu cải cách mở cửa." [10, p. 15] Liên hệ với tình hình Việt Nam hiện nay, thiết nghĩ những người làm văn học cũng cần có một cái nhìn nghiêm túc với chức phận nghề nghiệp của mình để tạo ra một đời sống văn học lành mạnh, có lợi cho sự phát triển của xã hội và sự hình thành nhân cách của con người. Văn học trong hay ngoài học đường dẫu sở hữu chức năng giáo dục nhưng nếu chúng ta không đánh giá đúng mực, người dạy thiếu năng lực và người học không được tiếp cận thì kiệt tác văn học cũng vô giá trị mà thôi. Ngoài ra cũng cần phải nói rằng Phê bình Luân lý học Văn học xuất phát điểm là một công cụ nghiên cứu, phê bình văn học chứ không sinh ra để làm phương tiện giải quyết vấn đề bạo lực học đường, tuy nhiên, vì sự đề cao vai trò, vị trí chức năng giáo dục của văn học nên nó có thể trở thành một kênh tham khảo đáng tin dành cho các nhà sư phạm khi giảng dạy văn học. Bản thân thuật ngữ (giáo dục/giáo huấn) mà Nhiếp Trân Chiêu sử dụng bao hàm hai phương diện: giáo dục của người dạy và lĩnh hội của người học. Nó là một quá trình song

phương, khuyết đi một phía nào đó đều không được. Ngăn chặn, giảm thiểu đến chấm dứt bạo lực học đường phải là một việc làm đa phương với sự kết hợp của gia đình, nhà trường và xã hội, giáo dục trẻ em và giáo dục người lớn, có vậy chúng ta mới có thể xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, hài hòa và phát triển.

N.A.D

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2015). "Phát triển văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn, học nghệ thuật". *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam*. Truy xuất từ: http://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/phat-trien-van-hoc-nghe-thuat-vi-su-hoan-thien-nhan-cach-con-nguoi-va-xay-dung-con-nguoi-de-phat-trien-van-hoc-nghe-thuat-326909.html. Ngày đăng: 17/10/2015. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[2]Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). "Chương trình hành động Phòng, chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2017-2021 (Ban hành kèm theo Quyết định số 5886/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)". *Thư viện Pháp luật*. Truy xuất từ: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyet-dinh-5886-QD-BGDDT-2017-phong-chong-bao-luc-hoc-duong-co-so-giao-duc-mam-non-374300.aspx. Ngày đăng: 28/12/2017. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[3]Bùi Thị Hồng (2016). "Bạo lực học đường ở Việt Nam hiện nay: Thông tin qua các trang báo điện tử". *Thông tin Khoa học Xã hội*, 5: 34-41.

[4]Cao Thị Hồng (2016). "Sự thay đổi điểm nhìn về chức năng văn học". *Văn Hiến Việt Nam*. Truy xuất từ: http://vanhien.vn/news/su-thay-doi-diem-nhin-ve-chuc-nang-van-hoc-49123. Ngày đăng: 10/12/2016. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[5]Capp, G., Moore, H., Pitner, R., Iachini, A., Berkowitz, R., Astor, R. A. & Benbenishty, R. (2018). "School Violence". *Oxford Research Encyclopedia of Education*. DOI: 10.1093/acrefore/9780190264093.013.78

[6]Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đảng toàn tập* (tập 48). Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

[7]Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (Chủ biên) (2004). *Từ điển Văn học bộ mới*. Hà Nội: Nxb Thế giới.

[8]Nguyễn Phạm Hùng (2006). "Quan niệm về chức năng văn học trong các sách lý luận văn học của Việt Nam ngày nay". *Thời đại mới*. Truy xuất từ: http://www.tapchithoidai.org/ThoiDai9/200609_NPHung.htm. Ngày đăng: 16/11/2006. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[9]聂珍钊 (2010). "**文学**伦理学批评：基本理论与术语".《**外国文学研究**》, 1: 12-22.

[10]聂珍钊 (2014). "谈文学的伦理价值和教诲功能". 《文学评论》, 2: 13-15.

[11]Phạm Thị Vui (2017). "Một số biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông trong nhà trường hiện nay". *Tạp chí Giáo dục*. Số đặc biệt tháng 7/2017: 141-144.

[12]Trần Trí Dũng (2018). "Bạo lực học đường: Nguyên nhân và giải pháp". *Báo điện tử Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam*. Truy xuất từ: http://baochinhphu.vn/Xa-hoi/Bao-luc-hoc-duong-Nguyen-nhan-va-giai-phap/335528.vgp. Ngày đăng: 03/05/2018. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[13]Uyên Na (2017). "Bạo lực học đường: Lòng trắc ẩn bị... đánh rơi". *Pháp luật Việt Nam*. Truy xuất từ: http://baophapluat.vn/giao-duc/bao-luc-hoc-duong-long-trac-an-bi-danh-roi-360865.html. Ngày đăng: 16/10/2017. Ngày truy cập: 28/11/2018.

[14]UNESCO. (2017). *School Violence and Bullying: Global Status Report*. France: UNESCO.

[15]Vi Văn Thảo (2017). "Một vài suy nghĩ về giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Giáo dục*. Số đặc biệt tháng 5/2017: 113-116.

ABSTRACT

THE PROBLEM OF SCHOOL VIOLENCE AND THE POTENTIAL SOLUTION FROM ETHICAL LITERARY CRITICISM

With increasing levels and scopes, school violence is becoming a prominent issue that makes educators and moralists worrying more

and more. Finding solutions to prevent, stop, reduce, and end school violence is an urgent task today. One of the possible remedies to the matter is to focus and invest adequately in the educational function of literature through Literature and interdisciplinary integrations in the school. The feature has been discussed very early in the history of literature, and lately, it has been re-affirmed and put it up the highest position by Nie Zhenzhao and Ethical Literary Criticism. This research focuses on the current situation of school violence in Vietnam and the relationship among the issue with moral educations, value educations from the perspective of literary function, especially pointing out the potential of Ethical Literary Criticism in the field.

NHỮNG GIÁ TRỊ NỀN TẢNG, TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI CẦN GIÁO DỤC CHO THẾ HỆ TRẺ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Phương Dung*

1. Vai trò của giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay

Trước những tác động của công nghệ hiện đại ngày nay, việc đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo là một trong những chiến lược trọng yếu của mỗi quốc gia,trong đó có hệ thống giáo dục mở theo quan điểm của *Nghị quyết 29-NQ/TW* ngày 4/11/2013: "Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt…"; "Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo…". Và mục tiêu của *Nghị quyết 29-NQ/TW* cũng đã đặt ra là: Xây dựng nền giáo dục mở, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc văn hóa dân tộc;giải pháp quan trọng là "Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập", "Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa truyền thống và đạo lý dân tộc…"[1] .*Nghị quyết số 33-NQ/TW* ngày 09/6/2014: "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam

* Trường Đại học công nghệ Sài Gòn

1. Ban chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết 29/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, ngày truy cập 26/11/2018, 10:00 AM, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-29-NQ-TW-nam-2013-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-tao-hoi-nhap-quoc-te-212441.aspx

đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" với mục tiêu "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học,…". "Hoàn thiện các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người Việt Nam, tạo môi trường và điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người với bản thân mình, với gia đình, cộng đồng, xã hội và đất nước"[1].

Điều đó cho thấy, hội nhập quốc tế là con đường tất yếu của giáo dục và cần có sự đổi mới phương pháp dạy và học ở tất cả các bậc học trong thời đại hiện nay và việc đổi mới - hội nhập vẫn dựa trên cơ sở là phải giữ được những nét đặc thù của giáo dục Việt Nam. Giáo dục và đào tạo chuẩn bị cho người học khả năng tư duy, độc lập sáng tạo, có tay nghề vững vàng. Hơn nữa "Giáo dục và đào tạo còn giúp chúng ta phát huy nội lực - trình độ trí tuệ dân tộc". Muốn làm được điều này, theo quan điểm cá nhân của người viết. *Một là*: Thay đổi phương pháp của người dạy, nhận thức của người học nhằm nâng cao việc giáo dục giá trị trong nhà trường thông qua các môn học và các hoạt động giáo dục khác nhau. *Hai là*: Giáo dục giá trị trong nhà trường là trang bị cho người học những năng lực và phẩm chất cần có trên nền tảng văn hóa truyền thống Việt Nam, có khả năng thích ứng với những thay đổi của thời đại mới.

2. Những giá trị nền tảng, truyền thống và hiện đại cần giáo dục cho học sinh trong giai đoạn hiện nay

* Đổi mới giáo dục và đào tạo, là sự thay đổi phương pháp của người dạy và nhận thức của người học nhằm nâng cao việc giáo dục giá trị trong nhà trường thông qua các môn học và các hoạt động giáo dục khác nhau.

---

1. Ban chấp hành Trung ương (2014), *Nghị quyết 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước,* ngày truy cập 27/11/2018, 11:00 PM, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-33-NQ-TW-2014-xay-dung-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-Viet-Nam-237544.aspx

Cuộc cách mạng số hiện nay đã và đang đặt giáo dục và đào tạo trước những thách thức mới. Với cách học của thời đại công nghệ, vai trò đứng lớp để truyền thụ tri thức của người thầy đã thay đổi, việc thay đổi phương pháp giảng dạy của giáo viên là điều vô cùng cần thiết. Triết lý mới về giáo dục hiện đại: "Dạy học là kết nối"[1] thì khoảng cách địa lý hay thời gian học tập đã không còn là vấn đề khi thầy và trò có thể kết nối với nhau thường xuyên thông qua hệ thống mạng di động, mạng xã hội như: Điện thoại di động, Facebook, Messenger, Mail, Teamview, Skype, Zalo,... có thể tương tác được với nhau như đang cùng ngồi một nơi. Để đáp ứng được nhiệm vụ của mình, người dạy trong thời đại công nghệ cũng cần phải không ngừng học tập nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy giúp nâng cao hiệu quả hoạt động dạy học của bản thân. Các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học cần chú trọng đến việc cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng mềm, khả năng thích ứng với thách thức và những yêu cầu mới, xây dựng môi trường giáo dục mở, không gian mở, học tập ở mọi nơi,… mà các phương pháp giáo dục truyền thống không thể đáp ứng. Giáo viên đứng lớp cần khơi gợi sự tò mò, tạo sự hấp dẫn của tri thức và niềm say mê học tập cho sinh viên. Bởi vì, "học là quá trình tự biến đổi mình và làm phong phú mình bằng

cách thu nhập và xử lý thông tin lấy từ môi trường xung quanh"[2], người học phải nhận thấy trách nhiệm của mình, chủ động và tích cực trong việc tiếp thu tri thức và tích lũy kinh nghiệm cho bản thân với ý thức tự học tự rèn, kỹ năng làm việc độc lập, khả năng hợp tác cũng như năng lực sáng tạo của người học, tạo được thói quen và niềm say mê học tập suốt đời. Với sự gia tăng và phát triển của công nghệ hiện đại như hiện nay, ngoài việc học tập và nghiên cứu ở trường, các bạn sinh viên cần chủ động hơn

1. Quỳnh Anh, *'Nghệ thuật' giảng dạy của những người thầy 4.0* (2018), ngày truy cập 25/11/2018, 7:00 AM, http://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=382

2. *Phương pháp dạy và học bậc đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay*, ngày truy cập 28/11/2018, 14:00 PM, http://daihoclongan.edu.vn/sv/tin-tuc-sinh-vien/sinh-vien-can-biet/107-phuong-phap-day-va-hoc-bac-dai-hoc.html

trong việc hình thành năng lực tự học, tự làm giàu trí thức, tự tìm tòi và sáng tạo. Khả năng sáng tạo của con người là vô tận, nhưng năng lực đó chỉ được khơi dậy và phát huy trong quá trình học tập và trải nghiệm thực hành sáng tạo của cá nhân người học. Cho nên, người dạy cần "Khơi dậy - Khám phá - Khích lệ" giúp người học được thỏa chí sáng tạo và thể hiện bản thân, vừa khai mở được trí tưởng tượng phong phú nhằm nâng cao khả năng diễn đạt và phát triển trí tuệ cảm xúc cá nhân. Hiện nay các phần mềm ứng dụng phục vụ cho việc học tập rất đa dạng, phong phú với nhiều tiện ích khác nhau, người học cũng cần cập nhật thường xuyên và vận dụng tối đa các phương tiện công nghệ hỗ trợ để giúp người học phát triển khả năng tư duy và sức sáng tạo của mình một cách nhanh chóng. Nâng cao khả năng lĩnh hội tri thức đáp ứng yêu cầu đòi hỏi về "con người mới" trong thời đại mới.

Với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì nguồn nhân lực phải bảo đảm chất lượng đáp ứng được các điều kiện để trở thành "công dân toàn cầu"[1], hiệu quả cạnh tranh toàn cầu và hội nhập quốc tế. Do đó cần phải lấy những kinh nghiệm, chuẩn mực và giá trị quốc tế tiên tiến làm cơ sở và đích đến cho nền giáo dục của chúng ta. Như vậy, cần phải quốc tế hóa nhanh chóng và toàn diện nền giáo dục nước nhà để tạo ra những thế hệ người Việt Nam mới, thành thạo các kỹ năng sống, làm việc và cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu.

* Giáo dục giá trị trong nhà trường là trang bị cho người học những năng lực và phẩm chất cần có trên nền tảng văn hóa truyền thống Việt Nam, có khả năng thích ứng với những thay đổi của thời đại mới.

"Vai trò của giáo dục và đào tạo là biến những giá trị văn hóa của xã hội thành tài sản của mỗi cá nhân và cả cộng đồng"[2].

---

1. Kỷ yếu trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (2017), *Giáo dục trong thời đại CM công nghiệp 4.0 (Nhận định-cơ hội-thách thức-nắm bắt*), Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, (2, tr.18)

2. Nguyễn Văn Hòa (2016), *Phát triển giáo dục và đào tạo - một động lực để phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay*, ngày truy cập 15/3/2018, 5:00 AM, http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Nghi-quyet-Dang-va-cuoc-song/Phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-mot-dong-luc-de-phat-trien-kinh-te-tri-thuc-o-nuoc-ta-hien-nay-641.html

Mục tiêu của giáo dục là đào tạo đội ngũ lao động chất lượng cao, chủ động sáng tạo trong công việc, không ngại đương đầu với khó khăn thách thức trong đời sống xã hội hiện đại, thái độ sống và làm việc lạc quan, có khả năng làm việc nhóm tích cực và một điều quan trọng không thể thiếu đó là giáo dục ý thức trách nhiệm công dân cho sinh viên cũng như ý nghĩa xã hội của mỗi sản phẩm, tác phẩm mà bạn sáng tạo ra được ứng dụng vào trong đời sống. Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo mỹ thuật ứng dụng nói chung là: "Cung cấp kiến thức văn hóa và truyền tải tinh thần dân tộc là một trong những sứ mạng quan trọng của công tác giáo dục, đào tạo ngành mỹ thuật. Đó là cơ sở để hình thành đội ngũ thiết kế, họa sĩ, nhà nghiên cứu có trình độ lý luận, có trách nhiệm truyền tải giá trị văn hóa dân tộc đến xã hội trong và ngoài nước thông qua sản phẩm mỹ thuật của mình"[1]; để phát triển ý tưởng sáng tạo, định hướng sáng tác theo phong cách cá nhân riêng biệt không pha trộn, không lai tạp. Qua đó người học, người làm nghề có trách nhiệm truyền tải giá trị văn hóa dân tộc đến xã hội thông qua tác phẩm hoặc sản phẩm thiết kế do chính mình tạo ra. Từ những tài sản riêng đó, mỗi người lại góp phần nhân lên những tài sản văn hóa của xã hội, mỗi tác phẩm, sản phẩm khi đưa ra thị trường đều có tính tương tác trực tiếp với cộng đồng. Đó là năng lực sáng tạo của người nghệ sĩ trong ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống nhưng vẫn phù hợp với xu thế thời đại và mang dấu ấn cá nhân người thiết kế.

Một tín hiệu đáng mừng hiện nay, một số các bạn sinh viên khi thể hiện đồ án môn học hay đồ án tốt nghiệp của mình thì ngay lúc chọn đề tài, hình thành ý tưởng đã có ý thức trong việc nghiên cứu, tìm tòi những nét đặc trưng trong văn hóa truyền thống của người Việt để thể hiện có thể kể đến như đồ án tốt nghiệp cử nhân ngành đồ họa của trường Đại học Công nghệ Sài Gòn: sinh viên Lê Thị Phương Trúc với đồ án *"Ứng dụng Animation và Interaction vào triển lãm Nghệ thuật Tuồng Cổ",* bạn đã có sự đầu tư nghiên cứu công phu về nghệ thuật tuồng cổ, cách điệu họa tiết hoa văn

1. Trường Đại học Dân lập Văn Lang (2014), *Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt,* Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Hồ Chí Minh, (3,tr.8)

tương ứng với tính cách nhân vật đặc trưng của nghệ thuật tuồng. Đề tài đã khai thác và nêu bật những giá trị cốt lõi cần được bảo tồn và phát huy của nghệ thuật tuồng cổ qua cách nhìn, cách tiếp cận của các bạn trẻ; Hồng Khắc Chương với đồ án *"Hệ thống đồ họa quảng bá Art book - Hà Nội 12 mùa hoa"* đồ án đã kết hợp được vẻ đẹp của các công trình kiến trúc cổ của Hà Nội cũng như nét đẹp thanh lịch của người Hà Thành cùng với 12 loài hoa mang đặc trưng cho 12 tháng trong năm ở Hà Nội;Ngô Phan Phúc Triệu với đồ án *"Hệ thống đồ họa Game Mobile - Bíp Bíp*", Mang ý nghĩa giáo dục ứng dụng vào trò chơi là điểm mới trong xu hướng phát triển hiện nay, điều thú vị khi bạn thể hiện không gian trong trò chơi là không gian văn hóa của Sài Gòn. Nguyễn Thành Nghiệp với đồ án "*Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách - Nam Dược trị Nam nhân"*. Trần Lê Thiện Ái Bảo Phương, *"Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu và thông tin công cộng cho công viên văn hóa dân gian - Hội Làng"*...

Ngoài ra còn có rất nhiều đồ án khác mang ý nghĩa giáo dục xã hội như Đỗ Thị Quỳnh Mi với đồ án *"Xây dựng hệ thống đồ họa truyền thông cho văn hóa xếp hàng tại Việt Nam - Nào cùng xếp hàng"* với việc sử dụng hình ảnh dễ thương và câu chuyện hài hước để nói về văn hóa xếp hàng không phải là thói quen của người Việt và thông điệp của bạn là: Hãy là một người văn minh - xếp hàng là một chuyện nhỏ; Nguyễn Tấn Phát với đồ án *"Xây dựng giao diện hệ thống đồ họa cho ứng dụng quản lý - Bãi đỗ xe thông minh"*. Đồ án mang ý nghĩa trong điều kiện đời sống tại tp. HCM hiện nay; Et Đặng Thanh Bình với đồ án *"Ứng dụng ngôn ngữ đồ họa vào game hỗ trợ giáo dục ngoại khóa phát triển kỹ năng sống dành cho trẻ em tiểu học - Life Skills"* cách thể hiện thú vị, có ý nghĩa thiết thực hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho trẻ khi ở nhà một mình; Lưu Ngọc Ly với đồ án *"Thiết kế truyền thông chương trình bảo vệ động vật hoang dã - Những giá trị vô nghĩa"* là chiến dịch truyền thông trên mạng xã hội với mong muốn thay đổi nhận thức của mọi người về việc bảo vệ động vật hoang dã. Đề tài chạm đến cảm xúc của người xem khi nêu lên được giá trị nhân văn và ý nghĩa sống còn của môi trường thiên nhiên cũng như đưa ra các biện pháp bảo vệ cho từng loài

vật. Nguyễn Hoàng Anh với đồ án "*Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa hỗ trợ giáo dục cho học sinh tiểu học: Thiên nhiên hoang dã"*. Nguyễn Hoàng Phương Duyên với đồ án *"Thiết kế hệ thống đồ họa cho sự kiện về môi trường - Mẹ thiên nhiên và những giấc mơ xanh*" của tổ chức IUCN (Liên minh bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế)…

Đa số các đề tài đi đúng hướng là phục vụ nhu cầu xã hội, mang tính giáo dục, tính thực tiễn của đồ án. Có ý thức trong việc khai thác ý tưởng từ những yếu tố văn hóa truyền thống của dân tộc, nét đặc trưng vùng miền, xây dựng và cách điệu hóa hình tượng phù hợp với đối tượng sử dụng. Đồng thời có sự nghiên cứu, tìm tòi và sáng tạo trong việc áp dụng các kỹ thuật đồ họa mới (thiết kế đồ họa đa phương tiện) để thực hiện đồ án có hiệu quả cao.

3. Đề xuất một số giải pháp trong việc giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay

** Nội dung chương trình, cách thức đào tạo gắn với đặc thù nghề nghiệp*

Trước hết, để có định hướng đào tạo chuyên nghiệp, việc học tập và truyền thụ kiến thức cần có nhận thực đúng đắn về tính chất ngành nghề là một lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật mang tính đặc thù riêng biệt, sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại làm công cụ hỗ trợ sáng tạo chứ không thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật. Đối với sinh viên thiết kế, một họa sĩ đồ họa cần có tố chất của người làm nghệ thuật, được trang bị các kiến thức kỹ năng căn bản về mỹ thuật, thiết kế cộng với việc tiếp thu và vận dụng công nghệ vào quá trình tư duy và sáng tạo của bản thân để phục vụ mục đích truyền thông thị giác. Công nghệ là công cụ đắc lực nhưng sẽ không thể thay con mắt nhìn và những vấn đề của thẩm mỹ thị giác. Bởi vậy, chương trình đào tạo cần hướng đến nội dung mở rộng giảng dạy các phần mềm ứng dụng thiết kế giúp người học khả năng vận dụng tối đa các phương tiện công nghệ hỗ trợ để phát huy tối đa năng lực tư duy và sức sáng tạo của mình.

** Giáo dục đào tạo chú trọng văn hoá nền của nghệ thuật dân tộc*

Trong xu thế hội nhập, toàn cầu hoá, khi mà thế giới có xu hướng phẳng thì những tinh hoa giá trị truyền thống của mỗi dân

tộc cần được bảo tồn và phát huy tối đa, đặc biệt là với lĩnh vực liên quan tới văn hoá và giao tiếp, truyền thông bằng hình ảnh thị giác. Bởi vậy, trong nội dung chương trình đào tạo cần bổ sung những kiến thức văn hoá nền bằng cách tổ chức cho sinh viên đi thăm các công trình kiến trúc cổ, bảo tàng, di tích lịch sử, làng nghề để ghi chép các hoa văn, tượng, phù điêu, cổ vật, trang phục,… mang đậm giá trị thẩm mỹ và quá trình lao động, sáng tạo của cha ông sẽ giúp cho thế hệ trẻ cảm nhận qua thị giác, ngấm dần vào nhận thức tư duy từ đó có thể tích lũy, nghiên cứu và kế thừa những thành tựu mang tính truyền thống trong quá khứ, những yếu tố đặc sắc của nền văn hóa nghệ thuật dân tộc để có các ý tưởng độc đáo từ truyền thuyết, lịch sử, giai thoại của dân tộc hay mô típ (motif), hoa văn, kiểu dáng, màu sắc,… được đưa vào những sản phẩm sáng tạo mới.

* *Giáo dục đào tạo theo định hướng phát triển năng lực*

Chương trình giáo dục định hướng phát triển năng lực, còn được gọi là dạy học định hướng kết quả đầu ra đã được bàn đến nhiều từ những năm 90 của thế kỷ 20 và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Giáo dục định hướng phát triển năng lực nhằm mục tiêu phát triển năng lực người học, đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong tình huống thực tiễn và nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách chủ thể của quá trình nhận thức. Việc đưa ra các chuẩn đào tạo cũng là nhằm đảm bảo quản lý chất lượng giáo dục theo định hướng kết quả đầu ra trong sự kết hợp của bốn năng lực thành phần: Năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội, năng lực cá thể. Việc dạy học theo quan điểm phát triển năng lực áp dụng trong đào tạo hoạ sĩ thiết kế đồ hoạ là rất phù hợp, đặc biệt trong điều kiện chất lượng năng lực đầu vào không đồng đều như hiện nay. Nó sẽ khuyến khích mọi xu hướng phát triển cá nhân của người học, đáp ứng nhu cầu đa dạng về vị trí công việc thiết kế trong tương lai.

**Giáo dục đào tạo phải gắn với việc đưa kiến thức vào thực tiễn*

Để ứng phó với tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 các trường cao đẳng và đại học hiện đang giảng dạy mỹ thuật ứng dụng cần có những điều chỉnh khung chương trình, môn học

đào tạo gắn với nhu cầu thị trường, tạo được mối liên hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp để xây dựng chính sách hợp lý tăng tính hiệu quả của việc đào tạo, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu từ nhà tuyển dụng về các họa sĩ thiết kế trong tương lai. Bên cạnh đó, nhà trường cũng cần tạo điều kiện cho các bạn sinh viên thường xuyên có cơ hội trao đổi và tham dự hội thảo, giao lưu với những chuyên gia đầu ngành, thông qua các buổi thảo luận chuyên đề tại trường để cập nhật xu hướng phát triển và nhu cầu thị trường trong từng thời điểm.

Việc cần thiết nữa là nhà trường cần tạo điều kiện để cho cán bộ giảng viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm. Đội ngũ giảng viên phải là những "người thầy 4.0", được trang bị những năng lực mới như: năng lực sáng tạo, năng lực thích ứng đáp ứng nhu cầu đòi hỏi về người thầy trong thời đại hiện nay.

Kết luận

Trước những tác động mạnh mẽ của công nghệ hiện đại thì các trường đại học cần cập nhật và thay đổi các môn học cho phù hợp với yêu cầu của xã hội trong thời đại mới. Trường đại học không chỉ là nơi đào tạo cung cấp tri thức cho sinh viên mà còn là nơi thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, khả năng thích ứng với những điều kiện môi trường làm viêc khác nhau,…

Việc giáo dục và đào tạo mỹ thuật không giống như đào tạo các ngành nghề khác, nó mang những đặc trưng riêng biệt - Mỹ thuật là cái đẹp, là sự sáng tạo. Người học cần biết kế thừa, khai thác và ứng dụng những motif hoa văn trang trí của nền nghệ thuật tạo hình cổ hay yếu tố về phong tục tập quán, tín ngưỡng văn hóa của người Việt làm nguồn tư liệu để tham khảo cho bản thân trong quá trình sáng tác và thiết kế là vô cùng cần thiết, cũng như không ngừng rèn luyện khả năng sử dụng tốt các phần mềm chuyên về thiết kế, tiếp thu những thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến và những xu hướng thiết kế mới của thế giới để đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong thời đại công nghệ hiện đại đang phát triển nhanh chóng hiện nay.

N.T.P.D

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật* (Dự thảo tháng 6/2018)

2. Kỷ yếu trường Đại học Công nghệ Sài Gòn (2017), *Giáo dục trong thời đại CM công nghiệp 4.0 (Nhận định-cơ hội-thách thức-nắm bắt*), Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

3. Trường Đại học Dân lập Văn Lang (2014), *Mỹ thuật ứng dụng trên đường tìm về bản sắc Việt,* Nxb Văn hóa – Văn nghệ, Hồ Chí Minh

4. Quỳnh Anh(2018), *'Nghệ thuật' giảng dạy của những người thầy 4.0*, ngày truy cập 25/11/2018, 7:00 AM, http://etep.moet.gov.vn/tintuc/chitiet?Id=382

5. Giáo dục và thời đại (2018*), 9 nhiệm vụ, 5 giải pháp trong* năm học 2018-2019, ngày truy cập 27/11/2018, 11:00 AM, https://giaoducthoidai.vn/giao-duc/9-nhiem-vu-5-giai-phap-trong-nam-hoc-2018-2019-3942593.html

6. Phương pháp dạy và học bậc đại học, cao đẳng ở nước ta hiện nay, ngày truy cập 26/11/2018, 14:00 PM, http://daihoclongan.edu.vn/sv/tin-tuc-sinh-vien/sinh-vien-can-biet/107-phuong-phap-day-va-hoc-bac-dai-hoc.html

7. Nguyễn Văn Hòa (2016), *Phát triển giáo dục và đào tạo - một động lực để phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay*, ngày truy cập 15/3/2018, 5:00 AM,http://philosophy.vass.gov.vn/nghien-cuu-theo-chuyen-de/Nghi-quyet-Dang-va-cuoc-song/Phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-mot-dong-luc-de-phat-trien-kinh-te-tri-thuc-o-nuoc-ta-hien-nay-641.html

8. Nguyễn Dạ Thảo, Đổi mới giáo dục đại học theo đ*ịnh hướng hội nhập quốc tế,* ngày truy cập 26/11/2018, 3:30 PM,http://pou.edu.vn/khoatckt/news/doi-moi-giao-duc-dai-hoc--theo-dinh-huong-hoi-nhap-quoc-te.254

9. Ban chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết 29/TW về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo*, ngày truy cập 26/11/2018, 10:00 AM, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-quyet-29-NQ-TW-nam-2013-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-dao-tao-hoi-nhap-quoc-te-212441.aspx

10. Ban chấp hành Trung ương (2014),*Nghị quyết 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước,* ngày truy cập 27/11/2018, 11:00 PM, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Nghi-quyet-33-NQ-TW-2014-xay-dung-phat-trien-van-hoa-con-nguoi-Viet-Nam-237544.aspx

ABSTRACT

Education and training play a very important role in shaping the personality of the younger generation. In the context of globalization, the younger generation of Vietnam needs to be more equipped with knowledge, adaptive skills and creative thinking to be closer to modern technology, but maintaining the traditional cultural identity of the nation in the trend of international integration is essential. Valuable education in the school through courses, extracurricular activities, life skills education activities that effectively integrate the education of traditional values in Vietnam, access to literacy the art of the world in combination with the science of education as defined in the new school curriculum.

Education and training prepares learners for the ability to think, be independent, creative and skilled. Moreover, "Education and training also help us promote internal strength - intellectual level of the nation."

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC THÔNG QUA HƯỚNG DẪN HỌC SINH ĐÁNH GIÁ SỰ KIỆN LỊCH SỬ

ThS. Dương Tấn Giàu*

1. Đặt vấn đề:

Về mặt lí luận, cùng với giáo dục tri thức và kỹ năng, giáo dục giá trị là nội dung giáo dục cơ bản cần bồi dưỡng ở học sinh. Về thực tiễn, bên cạnh những thành tựu, giáo dục nhà trường trong bối cảnh hiện nay chịu nhiều thách thức, những tiêu cực như tội phạm, ma túy, bạo lực học đường,… đòi hỏi cần nhìn nhận lại những giá trị cần giáo dục cho học sinh.

Bộ môn Lịch sử với tư cách là một bộ môn khoa học độc lập ở cấp THPT, theo Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, cũng có những đóng góp nhất định trong việc giáo dục các giá trị cần thiết cho học sinh, nhất là các giá trị truyền thống dân tộc.

Trên cơ sở nhận thức đó, bài viết trình bày 4 phần: giá trị và cách tiếp cận giá trị trong dạy học nói chung và dạy học lịch sử nói riêng; lí giải vì sao phải giáo dục giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh; nội dung các giá trị truyền thống dân tộc trong môn Lịch sử cần bồi dưỡng cho học sinh và hướng dẫn học sinh đánh giá các sự kiện lịch sử để giáo dục giá trị truyền thống dân tộc.

2. Nội dung nghiên cứu:

* Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

2.1. Giá trị và tiếp cận giá trị trong dạy học nói chung và dạy học lịch sử nói chung

- Giá trị và giá trị kiến thức lịch sử

Dưới những góc độ tiếp cận khác nhau, thuật ngữ *giá trị* cũng có những cách định nghĩa khác nhau. Ví dụ, giá trị tiếp cận dưới *góc độ toán học* là đại lượng có thể thay đổi được, dưới *góc độ nhân cách và văn hóa* là những nguyên tắc, chuẩn mức, tiêu chuẩn chỉ dẫn hành động của con người…ngoài ra, còn có cách tiếp cận dưới *góc độ luật* và *kinh tế học*[2]. Bài viết đề cập đến giá trị dưới *góc độ giá trị của kiến thức nói chung và kiến thức lịch sử nói riêng*.

Giá trị của kiến thức nói chung và kiến thức lịch sử nói riêng, có thể hiểu một cách khái quát nhất, là "*tác dụng của kiến thức đó đối với sự tồn tại và phát triển của con người nói chung và mỗi người nói riêng*"[4; tr.383]. Nói đến đây, không thể phủ nhận vai trò của kiến thức lịch sử đến cuộc sống của con người và xã hội loài người, bởi lẽ từ lâu người ta đã khẳng định Lịch sử là "*là cô giáo của cuộc sống*", "*Là bó đuốc soi đường đi tới tương lai*", "*là triết học của sự noi gương*",… Nhưng hiện thực nhận thức và giảng dạy lịch sử nói chung không được thế, cách đây 22 năm, PGS.TS. Trịnh Đình Tùng đã khẳng định: "Học sinh học sử mà chỉ nhận thức ý nghĩa giáo dục, lí luận của quá khứ mà không thấy ý nghĩa thực tiễn… thì sẽ dẫn đến tình trạng học đối phó"[8; tr.37]. Xoay quanh vấn đề này là cả một câu chuyện dài, song cũng bộc lộ một điều: nghiên cứu và giảng dạy bất kì nội dung kiến thức lịch sử nào cùng cần chú ý đến giá trị của kiến thức, không chỉ dừng lại ở những quan điểm kinh điển, lý luận chung, không chỉ để hiểu, để biết quá khứ mà phải hướng đến cuộc sống hôm nay và mai sau, hay nói cách khác là đi tìm *giá trị của kiến thức lịch sử* ấy.

- Tiếp cận giá trị kiến thức nói chung và kiến thức lịch sử nói riêng

Giá trị của kiến thức chính là phần tinh túy, phần máu thịt, phần hồn của kiến thức, phần được đúc kết ra thông qua việc trả lời câu hỏi "nhận thức kiến thức đấy để làm gì, có tác dụng gì"

[4; tr.383]. Từ đó có thể hiểu, tiếp cận giá trị của kiến thức lịch sử nói chung chính là đi tìm giá trị của kiến thức lịch sử đối với cuộc sống hiện tại.

Khác giá trị của kiến thức khoa học tự nhiên nằm trong những điều gần gũi, dễ thấy trong cuộc sống hằng ngày, giá trị của kiến thức lịch sử nằm trong những điều khó thấy, không bộc lộ trực tiếp và thường mang giá trị tinh thần, tư tưởng, giá trị của việc bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan.

2.2. Vì sao cần phải giáo dục các giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh?

- Về mặt lí luận,

Thứ nhất, giáo dục truyền thống dân tộc là nhu cầu tất yếu của mọi quốc gia dân tộc

Theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, *truyền thống* là một thói quen đã hình thành từ lâu đời trong nếp nghĩ và lối sống được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi quốc gia dân tộc đều có những truyền thống nhất định cần truyền lại cho thế hệ sau. Việt Nam cũng vậy, cũng có những truyền thống tốt đẹp cần truyền lại cho các thế hệ mai sau.

Về đường hướng chung, văn kiện Đại hội XII (2016) đã khẳng định: "Các cấp, các ngành phải nhận thức đầy đủ và thực hiện có kết quả mục tiêu: xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần **tinh thần dân tộc**, nhân văn, dân chủ và khoa học"[12]. Tinh thần dân tộc ở đây bao gồm trong đó những giá trị thuộc về truyền thống dân tộc.

Thứ hai, giáo dục truyền thống dân tộc là ưu thế, nhiệm vụ của của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông

Đối với bộ môn Lịch sử, theo quan điểm Mácxít, sử học là một bộ môn khoa học xác định cho mình đối tượng nghiên cứu là "*toàn bộ quá trình phát sinh, phát triển của xã hội loài người và của từng quốc gia, dân tộc, từng địa phương trên tất cả các lĩnh lực đời sống con người như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội*…"[5;tr.14] nên có vai trò nhất định đối với việc giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện theo định hướng của Đảng.

Ngoài ra, lí luận dạy học bộ môn Lịch sử cũng khẳng định môn học cũng có ưu thế lớn trong việc giáo dục các giá trị truyền thống dân tộc. Ngay từ thời cổ đại, các nhà sử học đã đề cập đến tầm quan trọng của bộ môn này khi khẳng định: Lịch sử là "cô giáo của cuộc sống", là "bó đuốc soi đường đi tới tương lai", là "triết học của sự noi gương",…

Thứ ba, giáo dục truyền thống dân tộc là nhu cầu cấp thiết và lâu dài của đất nước

Trong thời buổi toàn cầu hóa, văn minh tin học, cách mạng công nghiệp 4.0, "thế giới phẳng", thế giới được ví như một ngôi làng, với những quốc gia dân tộc đều sống chung trong đó, mọi biến động của một bộ phận đều ảnh hưởng nhanh chóng đến phần còn lại của thế giới.

Bối cảnh đó đặt mỗi quốc gia, dân tộc trước nhiều cơ hội cũng như thách thức. Vấn đề hòa nhập nhưng không hòa tan, vẫn giữ gìn được bản sắc của dân tộc, đất nước là vấn đề quan trọng, cần được chú trọng. Giáo dục giá trị truyền thống dân tộc cũng xuất phát từ đó, từ nhu cầu cấp thiết và lâu dài của đất nước.

Tóm lại, việc giáo dục các giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh đã được văn kiện đại hội XII và lí luận dạy học bộ môn Lịch sử khẳng định.

- Về mặt thực tiễn,

Bên cạnh những thành tựu đã được tổng kết, giáo dục nhà trường chịu nhiều thách thức. Qua nhiều phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí (báo giấy và báo mạng), đài truyền hình, truyền thanh,… các tệ nạn như bạo lực học đường, thuốc lắc, bóng cười, cờ bạc, ma túy,… đã bắt đầu len lõi vào trường học. Trên trang mạng tìm kiếm lớn nhất hiện nay – google.com, chỉ cần gõ từ khóa "tiêu cực trong học đường" đã có 99.300.000 kết quả trong 0.44 giây.

Bản thân tác giả cũng từng công tác ở nhiều loại hình trường học đặc thù như đại học, trường trung học phổ thông công (hệ chuyên, hệ thường), trung tâm giáo dục thường xuyên,… nên cũng có những nhận thức nhất định về đặc điểm tâm lí, nhận thức, thế giới quan của từng đối tượng học sinh. Chẳng hạn, học sinh

trường chuyên đa số năng động và có yêu cầu cao ở giáo viên, các em mong muốn giáo viên năng động, nhiệt tình và tổ chức các hoạt động có tính chất tranh luận, phản biện,… Các học sinh thuộc hệ giáo dục thường xuyên ngược lại hẳn, thụ động trong học tập, nhận thức chậm, và khả năng tập trung không cao. Dù học sinh trường thường trường chuyên hay hệ giáo dục thường xuyên, việc giáo dục hệ thống giá trị truyền thống dân tộc cho các em là rất cần thiết bởi lẽ, hầu hết các em đều có smartphone kết nội mạng nên tiếp xúc được với rất nhiều luồn thông tin. Nhiều học sinh nếu không được định hướng những giá trị đúng đắn sẽ rất dễ dàng bị lôi kéo, dụ dỗ,… bởi các thế lực xấu, các thế thù địch. Nhiều học sinh nhất là hệ chuyên có sự quan tâm đặc biệt đến hệ thống chính trị và đặt cho giáo viên những câu hỏi xung quanh hệ thống chính trị, một số vấn đề lịch sử hiện đại còn nhiều ý kiến trái chiều,… (đăng trên các trang như "Việt Tân", Lịch sử Việt Nam qua ảnh,…). Đối với học sinh hệ giáo dục thường xuyên, giáo dục truyền thống dân tộc càng cấp thiết hơn nữa, sao cho giúp định hướng, giáo dục các em tránh xa các giá trị ảo, lối sống thụ hưởng, thực dụng,…

Dạy học Lịch sử cũng giống như dạy học ở bất kỳ bộ môn khoa học nào, đều là quá trình sư phạm chịu tác động của nhiều yếu tố có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau. Một yếu tố lạc hậu sẽ kéo theo chất lượng giáo dục sút kém. Trong dạy học bộ môn Lịch sử, việc giáo dục các giá trị cho học sinh có nhiều điều phải bàn lại. Bài viết đơn cử khâu kiểm tra đánh giá. Khâu kiểm tra đánh giá được quan tâm trong hơn thập kỉ trở lại đây nhưng thật sự hàn lâm, kinh viện và chưa thật thực tế. Cụ thể, nhìn vào đề thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia môn Lịch sử năm 2017, có nhà nghiên cứu tự hỏi các em nhớ những kiến thức ấy để làm gì và chúng giúp ích gì cho cuộc sống của các em sau này? Rõ ràng chúng không cần thiết cho các em sau này. Với thời đại công nghệ thông tin bùng nổ như hiện nay, với một chiếc smartphnone được kết nối mạng, các em có thể dễ dàng tìm thấy những kiến thức ấy nếu quên (tất nhiên phải có sự chắc lọc thông tin). Học Lịch sử là học ***giá trị*** của kiến thức lịch sử chứ không phải học kiến thức lịch sử. Một cách hình tượng hơn, chúng ta tiêu thụ thực phẩm (đồ ăn, thức uống) bản chất là hấp

thụ bao nhiêu lượng vitamin, bao nhiêu lượng chất béo, bao nhiêu lượng đạm,… cần cho cơ thể, chứ không phải ăn bao nhiêu cá, bao nhiêu thịt. Học lịch sử cũng vậy, không phải để nhồi nhét kiến thức, thuộc "vanh vách" diễn biến của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, các thành tựu kinh tế - xã hội của Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam trong từng giai đoạn, từng thời kì,… mà phải trên cơ sở đó, hướng đến giáo dục các giá trị: căm thù, phẫn nộ, khâm phục, yêu thương, để học sinh biết ơn, biết giá trị của cuộc sống mà các em đang thụ hưởng, học hỏi bài học từ quá khứ để tránh "sai lầm" trong hiện tại và tương lai.

Tóm lại, việc định hướng, giáo dục các giá trị truyền thống, giáo dục học sinh tránh khỏi các giá trị ảo, không phù hợp với thực tế đất nước là điều cần thiết.

2.3. Một số giá trị truyền thống dân tộc cần giáo dục cho học sinh

Các giá trị truyền thống dân tộc cần giáo dục cho học sinh qua dạy học Lịch sử đã được Lí luận dạy học bộ môn Lịch sử chỉ ra có thể được thống kê qua bảng sau.

Bảng 1. ***Các giá trị truyền thống dân tộc cần giáo dục học sinh qua bộ môn Lịch sử***

STT	Tên giá trị
1	Truyền thống yêu nước
2	Truyền thống đoàn kết
3	Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo
4	Vai trò vĩ đại của dần chúng nhân dân
5	Uống nước nhớ nguồn, biết ơn đối với tổ tiên…
6	Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại
7	Ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia
8	Lòng nhân ái, tính cộng đồng trong cuộc sống
9	Yêu hòa bình, chống chiến tranh phi nghĩa

Trong những giá trị truyền thống trên, truyền thống lòng yêu nước là truyền thống cao nhất và đặc trưng của bộ môn

Lịch sử. Các giá trị truyền thống còn lại đều là những giá trị cấp thiết, lâu dài của đất nước, dân tộc cần giữ gìn trong bối cảnh hiện nay.

2.4. Hướng dẫn học sinh đánh giá các sự kiện lịch sử để giáo dục giá trị truyền thống dân tộc

2.4.1. Giáo dục lòng yêu nước cho học sinh thông qua bài học: "Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam thời phong kiến"

Trong chương trình Lịch sử 10, giáo viên có thể giáo dục, bồi dưỡng truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam qua bài 28. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến, từ những câu hỏi rất đơn giản: "Truyền thống là gì?", "Truyền thống yêu nước có nguồn gốc từ đâu? Hình thành như thế nào?". Với lối dẫn dắt thật tự nhiên, những câu hỏi của giáo viên là dịp để học sinh có thể nhìn nhận lại một truyền thống quan trọng của dân tộc mà học sinh vẫn thường nghe nhưng không có nhiều cơ hội để nghĩ về nó. Dựa vào kiến thức của bài học và kinh nghiệm của cá nhân, học sinh có thể nhận thức được: Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đơn giản trong một không gian nhỏ hẹp: tình yêu gia đình, "nơi chôn nhau cắt rốn", nơi mình từng sinh sống gắn bó.Từ khi hình thành quốc gia dân tộc Việt: Văn Lang- Âu Lạc những tình cảm gắn bó mang tính địa phương phát triển thành tình cảm rộng lớn- lòng yêu nước.

Dẫn chứng cho truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến, giáo viên có thể dẫn dắt học sinh qua các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm đã được học trước đó (như các cuộc đấu tranh thời Tiền Lê, Thời Lý, Thời Trần, Thời Hồ, Thời Hậu Lê,…) qua công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa của dân tộc,… Truyền thống yêu nước của dân tộc đã được Hồ Chí Minh tổng kết: "*Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước*".

Kết thúc bài học, giáo viên có thể trao đổi, đàm thoại với học sinh trách nhiệm của các em – những chủ nhân tương lai của đất

nước, đối với quốc gia, dân tộc, định hướng học sinh nhận thức được trách nhiệm phải giữ gìn truyền thống yêu nước, giữ gìn những giá trị mà ông cha ta đã xây dựng từ hàng ngàn năm nay. Định hướng cho các em tinh thần hăng say lao động, biết trân quý giá trị lao động, ngành nghề nào cũng đáng quý miễn là chính đáng, làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và đất nước, đóng góp lặng lẽ, khiêm nhường vào sự phát triển chung của đất nước, góp phần làm rạng danh đất nước trên trường quốc tế, góp phần xây dựng đất nước độc lập, toàn vẹn, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh.

2.4.2. Giáo dục ý thức chủ quyền lãnh thổ quốc gia cho học sinh thông qua một số sự kiện lịch sử trong chương trình THPT hiện hành và sự kiện thời sự

Chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia là vấn đề mang tính "*quốc gia đại sự*", hệ trọng, mang tầm vĩ mô và có ý nghĩa quan trọng, không chỉ về mặt xác định hình thể tổ quốc mà còn mang giá trị thiêng liêng về mặt tinh thần. Vấn đề này còn mang tính lịch sử, đã được đặt ra và giải quyết hàng ngàn năm, đến nay, vẫn giữ nguyên giá trị, đòi hỏi thế hệ hiện nay phải giải quyết một cách thấu đáo, trọn vẹn, sao cho xứng đáng với thế hệ cha anh ngày trước đã xây dựng và giữ gìn.

Trong cuộc khảo sát của chúng tôi năm 2016, giáo viên đã có ý thức lồng ghép nội dung này trong nhiều bài học.

Bảng 1. ***Những bài học trong chương trình THPT được giáo viên lồng ghép nội dung chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia.***

	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Lịch sử thế giới	- Bài 5: Trung Quốc thời phong kiến - Bài 8: Sự hình thành và phát triển các vương quốc chính ở Đông Nam Á - Bài 9: Vương quốc Cam-pu-chia và Vương quốc Lào	- Bài 3: Trung Quốc - Bài 17: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945)	- Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) (Phần nguyên tắc hoạt động Liên Hợp quốc). - Bài 4: Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ (Phần tổ chức ASEAN) - Bài 9: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh
Lịch sử Việt Nam	- Bài 14: Các vương quốc cổ đại trên đất nước Việt Nam - Bài 15: Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc - Bài 16: Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (tiếp theo) - Bài 19: Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở các thế kỉ X-XV - Bài 21: Những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI-XVIII - Bài 23: Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước bảo vệ Tổ quốc cuối thế kỉ XVIII - Bài 25: Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa dưới triều Nguyễn (Nửa đầu thế kỉ XIX) - Bài 27: Quá trình dựng nướcv à giữ nước - Bài 28: Truyền thống yếu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến.	- Bài 19: Nhân dân Việt Nam kháng chiến chống Pháp xâm lược (Từ năm 1858 đến trước năm 1873) - Bài 20: Chiến sự lan rộng ra cả nước. Cuộck hang chiến của nhân dân ta từ năm 1873 đến năm 1884. Nhà Nguyễn đầu hàng. - Bài 21: Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX - Bài 22: Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp. - Bài 23: Phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)	- Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc và Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1939-1945). Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. - Bài 21: Xây dựng chủ ng-hĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954-1965) - Bài 22: Nhân dân hai miền trực tiếp chiến đấu chống đế quốc Mĩ xâm lược. Nhân dân miền Bắc vừa chiến đấu vừa sản xuất (1965-1973) - Bài 23: Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở miền bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975) - Bài 24: Việt Nam trong năm đầu sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước năm 1975 - Bài 25: Việt Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976-1986) - Bài26: Đất nước trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (1976-1986)

Cụ thể, với Bài 5 *Trung Quốc thời phong kiến,* khi giảng về nội dung "Con đường tơ lụa trên biển", giáo viên có thể đặt vấn đề: Trung Quốc cho rằng thời Minh, Thái giám Trịnh Hòa đã chỉ huy một đoàn thám hiểm đi qua các đảo trên biển Đông, triển khai con đường tơ lụa trên biển để khám phá Ấn Độ Dương. Đó có thể được coi là sự kiện xác lập chủ quyền, thế nên Hoàng Sa, Trường Sa mà Trung Quốc gọi là Tây Sa, Nam Sa thuộc chủ quyền của họ. Sau khi cho HS tự do tranh luận, phát biểu ý kiến, GV có thể kết luận: rõ ràng ta không thể lấy việc "ta đi đến đâu, ghi chép những gì ở đó là ta có chủ quyền đến đó". Trật tự thế giới sẽ "hỗn loạn" bởi người phương Tây cũng từng đi khắp nơi, theo lập luận đó, họ sẽ có chủ quyền ở khắp nơi. Thực tế, "*Những chuyến hải hành của phái bộ Trịnh Hòa không phải để chinh phục Biển Đông nơi có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*" mà "*thuyền chỉ đi ngang qua Biển Đông nhằm khai phá Ấn Độ Dương*"[6].

Về biên giới quốc gia trên đất liền, nhất là giữa Việt Nam với Campuchia thời gian qua cũng có nhiều tranh cãi, xung đột. Đầu năm 2016, trên địa bàn biên giới tỉnh Long An với Campuchia, người Campuchia đã sang biểu tình, xô xát, đòi đất. Họ lập luận: đất Campuchia ngày trước là đất Chân Lạp, nói chính xác hơn là Thủy Chân Lạp, mà địa bàn Thủy Chân Lạp khi ấy chính là Nam Bộ ngày nay, nên bây giờ họ có quyền đòi lại. Như vậy, HS có thể lý giải như thế nào về vấn đề này?

GV có thể nhân sự kiện này để quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể cho người học. Ta phải xem xét sự kiện này trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ. Ta có thể lý giải sự kiện này dưới các góc độ sau:

- *Thứ nhất*, tác phẩm *Chân Lạp phong thổ kí* – một tài liệu mà những ai nghiên cứu về lịch sử vùng đất Nam Bộ giai đoạn này đều sử dụng, đã mô tả vùng đất Nam Bộ từ sau thời kì tồn tại của vương quốc Phù Nam đến tận thế kỉ thứ XIII vẫn còn hoang vu, sình lầy, không có người sinh sống, rõ ràng Chân Lạp đã kế thừa không trọn vẹn[1].

1. Đoạn miêu tả về cửa sông Cửu Long: "Có đến 10 cảng nhưng chỉ có cảng thứ tư [cửa sông Tiền] là có thể vào được. Nhưng đứng xa mà trông đều thấy dây leo, cây già, cát vàng, lau trắng, thảng thốt nhìn qua thật không dễ phân biệt, vì thế người chèo thuyền cho việc tìm cảng là việc khó" (trang 10), đoạn miêu tả rất quý về thiên nhiên

- *Thứ hai*, quá trình khai phá và xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ diễn ra theo một quy luật nghiệt ngã là "*mạnh được yếu thua*" -quy luật chung của xã hội có giai cấp nói chung và dưới chế độ phong kiến nói riêng, nhất là ở phương Đông [10;tr.123 – 127]. Còn theo luật pháp quốc tế hiện nay, việc gây xung đột, chiến tranh để đòi lại đất là vi phạm. Từ ngày 10- 9-1919, Công ước Saint Germain được ký tuyên bố hủy Định ước Berlin năm 1885 với lý do là trên thế giới không còn lãnh thổ vô chủ nữa. Mọi hành động dùng vũ lực đàn áp, đe dọa về biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thỗ đều vi phạm Hiến chương Liên Hiệp Quốc (Điều 2 (4)) và Quốc tế Công pháp. Theo đó, Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc sẽ đưa ra biện pháp chế tài. Phải quán triệt được quan điểm lịch sử cụ thể để thấy được mỗi thời kì có những cách xử lí vấn đề khác nhau.

- *Thứ ba*, bên cạnh mối quan hệ chiến tranh, con đường hôn nhân cũng cần được xem xét để có thể hiểu rõ hơn vấn đề. Năm 1620, Chúa sãi Nguyễn Phúc Nguyên gã công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp – Chey Chetta II. Cuộc hôn nhân lịch sử này đã mở đường cho cuộc di dân khai phá vùng đất Nam Bộ.

Tóm lại, việc khai phá và xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ của nước ta là phù hợp với tập quán quốc tế trước đây và công pháp quốc tế hiện nay.

Căn cứ vào thời gian tiết học và đối tượng học sinh, giáo viên có thể lồng ghép so cho trước hết là đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu đã xác định trong kế hoạch bài học, sau đó là bồi dưỡng ý thức tự tìm tòi, học hỏi để nâng cao nhận thức về chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia.

2.4.3. Giáo dục lòng yêu hòa bình chống chiến tranh phi nghĩa qua sự kiện chiến tranh biên giới Tây Nam năm 1979

---

và sản vật vùng đất Nam Bộ Việt Nam hiện nay: "Từ chỗ vào Chân Bồ [Vùng Bà Rịa – tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu] trở đi phần lớn là rừng thấp cây rậm. Sông dài cảng rộng, kéo dài mấy trăm dặm cổ thụ rậm rạp, mây leo um tùm, tiếng chim muôn chen lẫn nhau ở đó. Đến nửa cảng mới thấy ruộng đồng rộng rãi, tuyệt đối không có một tất cây. Nhìn xa chỉ thấy cây lúa rờn rờn mà thôi. Trâu rừng họp thành từng đàn trăm ngàn con, tụ tập ở đấy. Lại có giồng đất đầy tre dài dằng dặc mấy trăm dặm. Loại tre đó đốt có gai, măng rất đắng"[11;tr.14]

Lịch sử không chỉ có những trang hào hùng, chói lọi, vẻ vang mà còn có những trang bi thương, những trang thấm đẫm "máu và nước mắt". Lịch sử chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam (1977 – 1979) đã ghi dấu những trang đau thương như thế.

Chỉ cần nhập từ khóa "chiến tranh biên giới Tây Nam" vào trang web tìm kiếm lớn nhất hiện nay – google.com, những thông tin về tội ác của Khơme đỏ sẽ được tái hiện thật rõ nét, thể hiện trên cả kênh chữ lẫn kênh hình, có cả những video phim tư liệu. Trên cổng thông tin trang báo tuoitre.vn, dưới tiêu đề *Ký ức kinh hoàng về Khơme đỏ*[1] của tác giả Đức Vịnh, tội ác về Khơme đỏ (tại Ba Chúc, An Giang) được tái hiện chân thực và rõ ràng hơn cả, qua lời kể của chính những người trong cuộc. Bà Nguyễn Thị Hoa ở khóm An Bình kể lại: biết người dân ẩn náu trong chùa, ngày 13-4-1978, Khơme đỏ nã pháo vào chùa làm chết nhiều người, trong đó có cả người thân của bà. Tiếng kêu la thảm thiết, máu đổ đầy chùa. Ông Nguyễn Văn Kỉnh (khóm Thanh Lương, Ba Chúc) nhớ lại: ngày 20-4-1978, hơn 700 người bị Khơme đỏ lùa khỏi chùa Tam Bửu để ra đồng. Tất cả đều bị chúng đập đầu, nã súng. Phụ nữ bị hãm hiếp… Dù tuổi cao, trí nhớ có vẫn giảm nhưng kí ức về chuỗi ngày đau thương vẫn làm ông không thể quên: 79 người trong gia đình và dòng họ ông bị tàn sát, trong đó có vợ, bốn người con, sáu người cháu. "Khi tỉnh dậy nhìn xung quanh thấy toàn thi thể. Tôi lặng người khi thấy cảnh đứa cháu ngoại mình ôm vú mẹ bú và bên cạnh là đứa con gái thân yêu nằm bất động trên vũng máu". Bà Hà Thị Nga 70 tuổi, có hơn 100 người bà con bị Pôn Pốt giết hại, trong đó có cha mẹ, chồng, anh chị em ruột và sáu đứa con. Tiếng kêu xé lòng "ba ơi, mẹ ơi cứu con!" của đứa con gái nhỏ khi bị đập đầu ba lần chưa chết vẫn ám ảnh tâm trí bà… Một vị sư ở chùa Phi Lai (cách chùa Tam Bửu 100m) vẫn nhớ như in 50 người bị xã súng trong hầm trú ẩn, 40 người phụ nữ và trẻ em trốn dưới bàn thờ Phật bị ném lựu đạn chỉ còn sống sót một người. Thây chất thành đống, máu đổ lai láng.

Hai địa dành còn lưu giữ nhiều chứng cứ về vụ thảm sát nhất

1. https://tuoitre.vn/ky-uc-kinh-hoang-ve-khome-do-310675.htm, ngày truy cập 26-2-2018.

là thảm sát tại Tây Ninh và thảm sát tại Ba Chúc. "Tại Ba Chúc, chúng thường xuyên bắn phá, tập trung quân đánh vào đây hàng chục lần. Mỗi lần như thế, đi tới đâu là chúng đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản, hãm hiếp phụ nữ rồi thảm sát dân thường vô tội với những kiểu giết người man rợ như đập đầu, xé xác, đâm lưỡi lê, thảy vào lửa. Từ 18 đến 30-4-1978 chúng đã giết hại tổng cộng khoảng 3.157 người, trong đó có cả người Khơme".

Hình 1. *Một số hình ảnh tại khu tưởng niệm chứng tích Tội ác diệt dủng của Pôn Pốt ở Ba Chúc, An Giang* (Nguồn: Ảnh tự chụp)**.**

Nếu quan sát kĩ những chiếc sọ người, có thể dễ dàng nhận thấy có vết nứt hoặc thủng, như minh chứng cho một kiểu tàn sát dã man, phổ biến của Pôn Pốt lúc bấy giờ là dùng vật cứng (búa, bán súng) đập đầu.

Hơn cả Hít-le, chỉ cố tiêu diệt người Do Thái, Xla-vơ, Di-gan và những người không thuộc giống A-ri-ăng khác, tội tác của Khơme đỏ không chỉ dừng lại ở việc tàn sát người Việt Nam, người Hoa, người Chàm theo đạo Hồi và những nhóm người thiểu số khác mà cả với chính người Campuchia giống bản thân của chúng [13; tr.8]. Uyn-phrết Bớc-set trong công trình *Tam giác Trung Quốc – Campuchia – Việt Nam* có nhiều đoạn mô tả tội ác man rợ của Khơme đỏ với phụ nữ, trẻ em, trí thức…Chẳng hạn, cảnh một đứa bé tên Tu – sơ bị hành quyết vì tội nhổ trộm mấy củ sắn[1] được Đơ-ni-đơ A phông-xô (một "dân mới" theo sự phân loại

1. Trong nửa cuối năm 1976, nạn đói đã buộc mọi người phải tìm cách ăn trộm ngoài đồng và lùng kiếm đồ ăn trong rừng để sống. Phản ứng của bọn trùng Ăng ca địa phương là dùng kiểu hành quyết tàn ác nhất để gieo rắc sự kinh hoàng vào tận tâm can mọi người [13,tr.107]

của Khơme đỏ[1]) mô tả lại như sau:

"Đứa bé chịu tội, từ thắt lưng trở lên để trần, bị trói vào một thân cây, mắt bị bịt kín. Tên đồ tể Tà Xốc, tay cầm một con dao to, rạch một đường dài vào bụng nạn nhân tội nghiệp làm nó gào lên đau đớn như hoang thú. (Tới tận hôm nay tôi vẫn còn nghe tiếng em gào). Máu xối ra từ mọi chỗ và từ ruột, trong khi Tà Xốc lần tìm lá gan, cắt rời ra và cho ngay vào chảo đã được Tà Chia đun nóng… Chúng chia nhau lá gan đã nấu chín, ăn một cách hết sức ngon lành. Sau khi chôn xác đứa bé, chúng bỏ đi, hê hả. Cho đến khi chúng đi xa, tôi mới dám rời nơi ẩn náu…" [13; tr.108].

Tội tác man rợ của Pôn Pốt còn được thể hiện qua cảnh giết một bác sĩ và con gái của ông ta trong chiến dịch giết sạch trí thức nổ ra trong khi trước đó, chính ông đã chữa chạy cho thương bệnh binh của chúng lúc dịch bệnh sốt rét hoành hành. Số phận con người lúc này thật mong manh. Người ta có thể mất mạng do tội đeo một cặp mắt kính dày, tội làm vỡ một chiếc đĩa (có thể bị gán cho là gián điệp của CIA, KGB hoặc Việt Nam), hay vô tình nói một từ tiếng nước ngoài… Một số người luôn thủ sẵn trong túi vài quả độc có chứa độc tố stric-nin để nếu có bị triệu đi (bị hành quyết) sẽ tự đầu độc để không chịu đau khổ hơn nữa. Bầu không khí sợ hãi bao trùm. Người ta không dám khóc than người thân xấu số vì sợ tội "đồng lõa". Không ai dám tin ai vì mật thám có ở khắp nơi. Những đứa trẻ làm mật thám với cả chính cha mẹ chúng. Chúng được dạy tố cáo cha mẹ chúng để cha mẹ chúng được "trong sạch" hơn, để có được vai trò cao quý trong xã hội mới…

Trên cơ sở những mẫu chuyện chân thực, cụ thể được kể bởi chính người trong cuộc, cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam (1977 – 1979) là minh chứng thuyết phục để giáo dục thế hệ trẻ ngày nay lòng yêu hòa bình, chống chiến

1. Theo sự phân loại của Khơ me đỏ, công dân trong nước Campuchia được chia làm 3 loại. Loại A, còn gọi là dân cũ, gồm những người đã ủng hộ kháng chiến và có mặt trong "vùng giải phóng" trước ngày 17-4-1975. Loại B, còn gọi là dân mới, gồm những người bị bắt trong vùng chưa được giải phóng. Loại C gồm những người đã phụ vụ trong quân đội và các cơ quan chính quyền của Lon Non và Xi-ha-núc. Họ cùng gia quyết của mình sẽ bị săn lùng và trừ khử.

tranh phi nghĩa, cũng như biết trân quý những giá trị mà các em đang thụ hưởng.

3. Kết luận

Nghiên cứu giáo dục giá trị truyền thống dân tộc qua hướng dẫn học sinh đánh giá sự kiện lịch sử, một số tiểu kết được rút ra như sau:

Thứ nhất, giáo dục giá trị có vai trò quan trọng trong việc giải quyết hệ quả của cách tiếp cận nội dung – với việc lấy ít hay nhiều kiến thức làm thước đo, cần nhận thức thấu đáu. Trên cơ sở xác định những giá trị cần giáo dục cho học sinh để từ đó xây dựng nên nội dung, kiến thức cơ bản giúp học sinh bồi dưỡng là cách làm rất đáng lưu tâm để xây dựng chương trình nói chung.

Thứ hai, mọi bộ môn khoa học ở nhà trường phổ thông đều đóng góp những giá trị nhất định, cần thiết cho cuộc sống của học sinh. Môn Lịch sử cũng vậy, đặc biệt có ưu thế trong giáo dục giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh.

Thứ ba, giáo dục các giá trị truyền thống dân tộc cho học sinh là cần thiết trong bối cảnh hiện nay, tuy nhiên, trong khuôn khổ một bài tham luận nhỏ, bài viết chỉ mới đi sâu làm rõ giáo dục các giá trị về lòng yêu nước, ý thức chủ quyền lãnh thổ quốc gia và giáo dục lòng yêu hòa bình, chống chiến tranh phi nghĩa. Xoay quanh vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu thêm để nâng cao chất lượng dạy học nói chung và dạy học bộ môn Lịch sử nói riêng.

D.T.G

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.

2. Giá trị, https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1_tr%E1%BB%8B ngày truy cập 26-2-2018.

3. Phan Thế Kim (1999), *Tập bài giảng Nhập môn sử học*, Nxb ĐH Sư phạm TP.Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

4. Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học, Cơ sở lý luận góp phần đúc*

kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay, Nxb Dân trí, Hà nội.

5. Kiều Thế Hưng (2017), *Vấn đề tiếp cận giá trị của kiến thức trong đổi mới dạy học lịch sử ở trường phổ thông hiện nay*, Hội thảo khoa học quốc tế Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, trang 381 – 399.

6. Kỳ 8: Hoàng Sa và Trường Sa trong thư tịch cổ Trung Hoa, truy cập ngày 24-4-2014.

7. Ký ức kinh hoàng về Khơme đỏ, https://tuoitre.vn/ky-uc-kinh-hoang-ve-khome-do-310675.htm, ngày truy cập 26-2-2018.

8. Phan Ngọc Liên (chủ biên) (1996), Đổi mới việc dạy học lấy học sinh làm trung tâm, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

9. Nhiều tác giả (2013), *Lịch sử 10*, Nxb Giáo dục Việt Nam, TP.HCM.

10. Nhiều tác giả (2011), *Nam Bộ đất và người*, Tập VIII, Nxb Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh

11. Chu Đạt Quan, Hà Văn Tấn dịch, Phan Huy Lê giới thiệu, Nguyễn Ngọc Phúc chú thích (2011), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

12. Hoàng Trung Thành (2018), Định hướng phát triển văn hóa Việt Nam theo tinh thần của Đại hội XII của Đảng, http://cand.com.vn/Van-de-hom-nay-thoi-su/Dinh-huong-phat-trien-van-hoa-Viet-Nam-theo-tinh-than-Dai-hoi-XII-cua-Dang-507515/, ngày truy cập 20 – 10 – 2018.

13. Uyn-phrết Bớc-set (1986), *Tam giác Trung Quốc – Campuchia – Việt Nam*, Nxb Thông tin lý luận (lược dịch và giới thiệu), Hà Nội.

ABSTRACT:

On the basis of analyzing some theoretical issues of value, approaching the importance of teaching in general and teaching history in particular, the reason for educating the traditional values of students, the article lists some of the traditional values that need

education for students and guides students to evaluate historical events to educate traditional values.

KINH NGHIỆM VẬN HÀNH GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC KRANJI (KSS), SINGAPORE - TẦM QUAN TRỌNG TRONG VIỆC THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ MỐI LIÊN KẾT GIỮA PHỤ HUYNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ThS. Đỗ Thị Mai Hoàng Hà*

1. Vai trò của giáo dục giá trị trong nhà trường

Trong Chiến lược phát triển Nhân lực Việt Nam thời kì 2011 – 2020 nêu rõ "Nhân lực Việt Nam hội đủ các yếu tố cần thiết về thái độ nghề nghiệp, có năng lực ứng xử (đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, tác phong làm việc, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác, tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân…) và tính năng động, thực lực cao, đáp ứng những yêu cầu đặt ra đối với người lao động trong xã hội công nghiệp". Từ đó, Chiến lược Phát triển Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 đặt mục tiêu: "…Đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp…, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp…khả năng thích ứng…".

Bởi nguồn nhân lực bước sang thế kỷ XXI của Việt Nam phải là "con người khoa học và công nghệ, có đủ trí tuệ, đầu óc duy lý khoa học của thời đại và kỹ năng lao động lành nghề, biết làm ăn

* Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

có hiệu quả cho bản thân và cho xã hội, có tác phong công nghiệp và lối sống nền nếp, văn hóa công nghiệp" . Do đó, giáo dục các giá trị văn hóa công nghiệp cho học sinh trong nhà trường vừa là nội dung, vừa là mục tiêu hướng đến, vừa là điều kiện để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của nước ta, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế bởi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Kinh nghiệm giáo dục phẩm chất cho con người đáp ứng yêu cầu xã hội công nghiệp ở các cấp học tại singapore

2.1. Quan điểm

Mặc dù sở hữu diện tích nhỏ hơn thành phố NewYork nhưng Singapore lại có dân số đông lên đến 5.5 triệu người và là một trung tâm thương mại dịch vụ. Do tài nguyên thiên nhiên hạn chế, nên chính phủ Singapore xác định con nghười là nguồn tài nguyên quý giá nhất. Bởi thế Singapore hết sức coi trọng trách nhiệm giáo dục cá nhân – vì sự phát triển kinh tế và sự bền vững của quốc gia. Ngày nay, khoảng 75% người trẻ đã hoàn thành chương trình kỹ thuật đại cương hoặc bằng cao đẳng đối với những người theo học chương trình sau trung học.

Hình 1: Các yếu tố kết quả mong muốn trong đào tạo nhân lực (DOE) tại Singapore

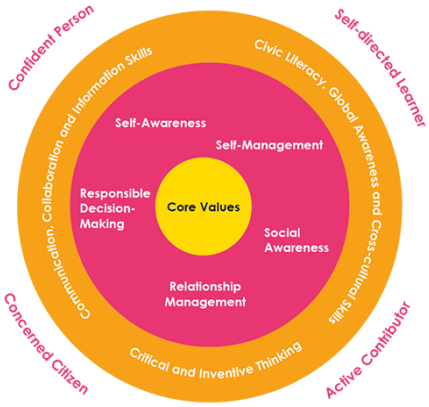

Nguồn: Ministry of Education Singapore

Vùng màu cam là những giá trị đầu ra mong muốn về giáo dục của Singapore, sau đào tạo, một cá nhân được kỳ vọng đạt được những kết quả sau:

• trở thành một con người tự tin, có nhận thức rõ ràng đúng sai, có khả năng thích nghi và phản ứng với mọi hoàn cảnh, hiểu năng lực bản thân, có khả năng phán đoán, tư duy độc lập, giao tiếp tốt.

• Là người có khả năng tự hoạch định công việc, tự chịu trách nhiệm với việc học của mình, biết đặt câu hỏi và theo đuổi mục tiêu học tập.

• Là người có đóng góp tích cực, có khả năng làm việc nhóm, thực hiện các đề xuất, đánh giá rủi ro, có suy nghĩ cải tiến và có tham vọng hướng đến sự hoàn hảo.

• Là công dân có trách nhiệm, có nhận thức rõ rệt về quyền công dân, nắm được đầy đủ thông tin và chủ động tạo ra cuộc sống tốt hơn cho những người xung quanh.

Trên cơ sở đó, Bộ giáo dục đã chuyển hóa những yêu cầu đầu ra này thành những kết quả cụ thể tương ứng với từng giai đoạn của người học – từ cấp tiểu học, cấp trung học và sau trung học (xem Bảng 1). Sự phát triển của từng giai đoạn này sẽ đặt nền tảng cho sự phát triển những kỹ năng sau này. Mỗi giai đoạn có 8 kết quả đầu ra như sau.

Bảng 1: Kết quả đầu ra quan trọng của từng giai đoạn giáo dục

Cuối cấp một, người học sẽ:	Cuối cấp hai, người học sẽ:	Sau khi kết thúc chương trình sau trung học, người học sẽ:
Có khả năng phân biệt đúng sai	Có nguyên tắc đạo đức, cảm thấy cần bảo vệ cái đúng	Có ý thức đứng lên bảo vệ đến cùng những gì là đúng
Biết điểm mạnh của bạn thân và những điểm cần phát triển	*Tin tưởng và khả năng bản thân và có thể thích nghi với sự thay đổi*	*Kiên cường trước nghịch cảnh.*
Có thể cộng tác, chia sẻ và quan tâm người khác	*Có thể làm việc nhóm và đồng cảm người khác.*	*Có thể làm việc với những người khác văn hóc và chịu trách nhiệm với xã hội.*

Tò mò về những thứ xung quanh	*Cảm nhận thế giới sinh động và giao tiếp hiệu qủa*	*Tư duy và mạnh dạn thực hiện*
Có suy nghĩ và diễn tả tự tin	*Thích các hoạt động thể chất và yêu thích nghệ thuật*	*Có suy nghĩ phản biện và giao tiếp một cách thuyết phục.*
Cảm thấy tự hào với công việc mình làm và chịu trách nhiệm với việc học của bản thân.	*Chịu trách nhiệm với kết quả học tập của mình.*	*Có mục tiêu rõ ràng trong việc theo đuổi sự xuất sắc.*
Có lối sống lành mạnh và yêu thích nghệ thuật	*Sáng tạo và có óc tìm tòi*	*Theo đuổi lối sống lành mạnh và có sự yêu thích cái đẹp.*
Biết và yêu dân tộc mình	*Tin tưởng tuyệt đối vào quốc gia và hiểu được cái gì quan trọng và cần thiết cho quốc gia mình*	*Tự hào là công dân Singapore và hiểu được vị trí của Singapore trong mối quan hệ với toàn cầu.*

Nguồn: https://www.moe.gov.sg/education/education-system/desired-outcomes-of-education for further information.

Rõ ràng, nền giáo dục tại Singapore đã đem lại một giải pháp toàn diện hướng đến định hình tính cách và kỹ năng sống cho người học, giúp người học đạt được thành công trong cuộc sống, chứ không chỉ đơn thuần là kết quả học tập. Bộ Giáo dục và Đào tạo Singapore (MOE) đã và đang thực hiện các nhiệm vụ để giảm thiểu ảnh hưởng từ việc chú trọng học tập thông qua việc thiết lập nhiều chỉ số để đánh giá kết quả người học: tư duy và giải quyết vấn đề, tính cộng tác, khả năng lãnh đạo, kỹ năng nghiên cứu và chấ lượng thông qua các buổi giáo dục tính cách và phẩm chất công dân. Bên cạnh đó, quan trọng không kém, đó là những yêu cầu đánh giá đối với người dạy. Các trường công lập trong hệ thống giáo dục của Singapore đều được gắn chặt trong hệ thống lớn hơn. MOE chịu trách nhiệm quản lý từ cấp mầm non cho đến đại học, chương trình sau trung học và các trương trình chuyên biệt. Chính xác hơn, hệ thống giáo dục Singpore là sự phân hóa có tập trung, có sự cân bằng giữa việc cho phép các trường sự linh hoạt điều chỉnh với vai trò quản lý tập trung của chính quyền trung ương. MOE đặt mục tiêu giáo dục toàn quốc và các hướng dẫn. Với tổng số 366 trường các cấp được chia thành 30 cụm, mỗi cụm gồm từ 10-13 trường (MOE, 2015a). Mỗi cụm được quản lý bởi

một cụm trưởng. Cụm trưởng này sẽ chịu trách nhiệm kết nối, chia sẻ và gắn kết các thành viên trong cụm, phát triển nhân sự trong cụm theo nhu cầu đã được định ra và đảm bảo tối ưu nguồn vốn sử dụng. Việc tập trung hóa như trên giúp MOE đảm bảo rằng hàng hóa công có tính đặc thù này – giáo dục sẽ được phân bổ một cách công bằng cho các trường. MOE quy định chương trình học, tiêu chuẩn nhập học, mức học phí và các khoản phí phải trả thống nhất trên cả nước để đảm bảo quyền tiếp cận hàng hóa này. Đồng thời quy định tiêu chí tuyển dụng giáo viên, nguồn tài trợ cho các giáo viên và các chương trình đào tạo tại trường.

Nội dung chương trình học được MOE giảm bớt để tạo thời gian trống cho giáo viên phát triển nội dung giảng dạy và bổ sung thêm các tài liệu và phương thức đánh giá phù hợp với đặc điểm riêng của người học.

Trong bài này, tác giả sẽ tìm hiểu một trường trong hệ thống Singapore được tổ chức ra sao và phân bổ thời gian của học sinh và giáo viên trong một ngày học như thế nào, việc phân bổ và sử dụng thời gian như vậy có tác dụng như thế nào đến sự phát triển của học sinh và sự phát triển về chất lượng giảng dạy của giáo viên. Bởi thời gian là yếu tố cố định nhất nhưng cũng là dễ điều chỉnh nhất. Cố định bởi chúng ta chỉ có 24h/ngày và trong suốt thời gian đó một người phải đảm bảo được nhiều hoạt động: ăn uống, ngủ, nghỉ, quan hệ xã hội, giải trị. Nói thời gian linh hoạt, bởi vì một người sử dụng thời gian như thế nào thì lại không đồng nhất. Vì thế tại Singapore, chính phủ chỉ quy định tổng số thời giáo viên phải làm việc tại trường, nhưng thời gian được phân bổ ra sao và những nhiệm vụ nào cần thực hiện thì lại có thể thay đổi. Vì thế đây là vấn đề cần được quan tâm và Việt Nam có thể học hỏi.

2. Kinh nghiệm tổ chức đào tạo tại Trường Trung học Kranji (KSS)

KSS có khoảng 1200 học sinh từ lớp 1 đến lớp 4 và lớp 5 tùy vào chương trình mà người học lựa chọn. Mức lớp 5 là mức duy nhất đối với sinh viên học theo diện bình thường (chương trình học thuật – Academic) bởi vì họ cần 5 năm chứ không phải 4 năm

để có thể chuẩn bị cho kỳ thi GCE O-level. Kể từ tháng 01, 2016, KSS có tổng cộng 82 giáo viên với tám phòng ban, 6 giáo viên cao cấp, 53 giáo viên đã có kinh nghiệm và 15 giáo viên mới bắt đầu. Các phòng ban này sẽ theo dõi các môn học khác nhau: từ tiếng Anh, nhân chủng học, xã hội, toán, công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), giáo dục tính cách và phẩm chất công dân (CCE), giáo dục thể chất và các hoạt động ngoại khóa (CCA).

Đối với CCE, sinh viên sẽ được dạy về quyền lợi và bổn phận công dân thông qua nhiều môn học. MOE đã thành lập một nhánh riêng để quản lý về CCE nhằm hỗ trợ giảng dạy cho các trường. MOE đã xây dựng đề cương và các tài liệu giảng dạy CCE và được cập nhật thường xuyên. Tài liệu này sẽ được cung cấp cho các trường để áp dụng trong đào tạo. CCE được MOE đưa vào chương trình từ tiểu học 1 cho đến các chương trình cao đẳng sơ khai. CCE cung cấp nền tảng những giá trị cốt lõi về trách nhiệm, khả năng chống đỡ trong những tình huống khó, phẩm chất chính trực, sự quan tâm và lối sống chan hòa với cộng đồng. Bộ tài liệu hướng dẫn này gồm 5 điểm chính, đó là:

• Có mục đích rõ ràng trong việc dạy, phương pháp đào tạo thống nhất trong toàn trường, không phải là phương pháp tạm thời.

• Định hình được nhu cầu của sinh viên để thiết kế chương trình phù hợp.

• Gắn CCE vào các chương trình khác nhằm giúp sinh viên hiểu được bản chất giá trị.

• MOE có trách nhiệm quan trọng trong huấn luyện giáo viên cách thức truyền tải CCE đến sinh viên.

• Củng cố những giá trị đã dạy thông qua việc thiết lập sợi dây liên kết giữa phụ huynh, nhà trường và xã hội.

Tại đây, sinh viên được khuyến khích trình bày những kinh nghiệm bản thân và cách họ đã áp dụng vào cuộc sống như thế nào. Người dạy có thể thực hiện thông qua việc cho người học làm sách bài tập, slide, các miếng ghép, thảo luận nhóm và xem video..

Xây dựng kế hoạch CCE

Những trải nghiệm tại trường học của sinh viên là những dấu hiệu rất rõ về sự tham gia xã hội của cá nhân đó hiện tại và sau này. Vì thế khi xây dựng kế hoạch CCE, người xây dựng phải lưu ý 4 vấn đề sau:

- Người học: tôi sẽ khiến môn học này liên quan đến người học của tôi như thế nào? Tôi đã coi sinh viên của mình như một công dân hay chưa?

- Người dạy: giáo viên đóng vai trò quan trọng như một người gác cổng và là người làm mẫu. Sinh viên không chỉ học những thứ bạn dạy học mà còn tiếp thu cả những thứ khác. Do vậy người dạy phải nắm được những điểm mạnh, điểm yếu của người học để có thể điều chỉnh và làm gương cho sinh viên.

- Chủ đề: trường học phải chỉ ra những kiến thức và kỹ năng có liên hệ như thế nào với thực trạng trường nơi sinh viên đang học. Nó có đúng với những nguyên tắc giá trị mà sinh viên đã được học hay chưa.

- Môi trường: các chương trình CCE phải phù hợp không chỉ cho cả xã hội mà còn bối cảnh của trường bạn – là tầm nhìn và nhiệm vụ của trường. Văn hóa của trường cũng nên thể hiện những giá trị mà bạn đang cố gắng truyền tại cho sinh viên. Nó phải đồng nhất và phải được thể hiện thực tế.

Là một trường học công lập, KSS tuân thủ các chương trình quốc gia và cam kết sự phát triển của người học ở cả 05 khía cạnh – nhận thức, đạo đức, thể chất, xã hội và thẩm mỹ.

Sinh viên tổ chức thời gian học như thế nào?

Tại KSS, một ngày học bình thường chính thức bắt đầu vào lúc 7:30 a.m nhưng hầu hết học sinh đều có mặt trước. Tập trung lúc 7:30 a.m (riêng thứ hai tập trung lúc 8:00 a.m). Trường học muốn học sinh bắt đầu ngày học một cách chậm rãi. Bởi vậy học sinh sẽ được dành 15 phút đầu tiên trong giờ tập trung để tự đọc hay trao đổi nhẹ nhàng. Lớp học đầu tiên bắt đầu lúc 8:00 a.m, một ngày thường có 07 môn và kết thúc vào lúc 11:30, bắt đầu lại lúc 2:00 p.m. Tuy nhiên một vài ngày, sinh viên có thể có vài tiết bổ trợ cho những sinh viên cần trợ giúp. Nếu không có hoạt động

ngoại khóa nào, tiết học cuối kết thúc lúc 3:30 p.m đối với học sinh trung học năm cuối và học sinh sẽ rời trường lúc 4:00 p.m. Học sinh thường có thời gian tham gia ngoại khóa (CCA) từ 02 đến 03 ngày một tuần và có thể kết thúc muộn vào lúc 6:00 p.m.

Thời gian học của sinh viên được bố trí như thế nào

Việc phân bổ thời gian tại trường cho các môn học khác nhau và các chương trình sẽ thể hiện rõ ràng quan điểm của trường trong việc phát triển người học một cách toàn diện. Bên cạnh các môn học chính quy, người học còn phải tham gia các chương trình bồi dưỡng kỹ năng sống, giá trị và các tính cách (ví dụ: CCA, CCE).

Bảng 2: Số lượng tiết (tuần chẵn và lẻ) và số giờ trung bình cho các hoạt động ở trường (mỗi tuần)

Chương trình/môn học	Số lượng tiết (tuần chẵn và lẻ)	Giờ trung bình mỗi tuần
Toán E/A	10	5
Các hoạt động ngoại khóa (CCA)	4	5
Tiếng mẹ đẻ	5	2.5
Tiếng Anh	6	3
Sinh học	6	3
Hóa học	6	3
Vật lý	6	3
Tập hợp toàn trường	10	2.5
Địa lý	3	1.5
Giáo dục thể chất	3	1.5
Sinh viên xã hội	3	1.5
tiếng Hoa cao cấp (chỉ dành cho những sinh viên đăng ký)	2	1
CCE	2	1
Tập hợp (CCE)	2	1
Tự học	2	0.5

Nguồn: Kranji

Các buổi tập trung buổi sáng diễn ra bốn lần một tuần, chiếm 1.5 giờ mỗi tuần. Có tổng cộng 2 phiên dành cho CCE – 1 ở trong lớp và 1 trên phạm vi cả trường (chiếm 2 tiếng). Đối với CCE, mô hình phổ biến hiện nay ở hầu hết các trường là có các bài học CCE dựa trên nền tảng lớp thay cho việc tổ chức các cuộc họp. có 1 phiên dành cho tự học (0.5 giờ).

Ở KSS, các buổi học CCE được diễn ra hai lần 2 mỗi, mỗi lần 1 tiếng. Giáo viên dạy CCE sử dụng nguồn tài liệu do nhóm giáo viên biên soạn.Trường tuân thủ 4 nguyên tắc chính trong giáo dục tính cách và phẩm chất công dân sau:

+ Trường là cộng đồng về đạo đức dạy tình yêu và sự thưởng phạt.

+ Giáo viên là người làm mẫu và là người giáo dục;

+ Giáo dục tính cách là giáo dục hàng ngày, trong và ngoài lớp học

+ Bố mẹ và xã hội là đối tác trong chuỗi giáo dục tính cách cho trẻ.

Những bài học liên quan đến những trải nghiệm học tập như dạy trẻ đọc, dạy trẻ trao đổi và chia sẻ, biết cách xử lý tình huống. KSS cũng phát triển các chương trình đặc biệt để nâng cao khả năng cảm thụ giá trụ. Ví dụ chương trình Giá trị trong hành động (VIA – Values in Action), bao gồm các chuyến đi học thông qua thực tế, ví dụ đi thăm người già và làm tình nguyện ở các trại trẻ mồ côi nước ngoài. Hay chương trình học cho các chương trình của cuộc sống (LLP- Learning for Life Programme).

Tại Singapore, việc đánh giá CCE là một phần trong hệ thống đánh giá toàn trường. Giáo viên chủ nhiệm mỗi lớp thường nắm rất rõ học sinh của họ. Giáo viên thường thu thập thông tin từ nhiều giáo viên khác, sau đó vào cuối năm học, làm bản báo cáo sinh viên gửi cho phụ huynh. Bản báo cáo này theo dõi tiến trình phát triển toàn diện của trẻ trong suốt năm học và sau đó sẽ cùng bố mẹ trao đổi trong cuộc họp với phụ huynh học sinh. Các hoạt động CCA chiếm số lượng thời gian lớn nhất trong tổng kết cấu thời gian học tại trường của học sinh. Điều này cho thấy sự coi trọng trong việc phát triển toàn diện cho học sinh tại Singapore

nói chung và tại KSS nói riêng. Thông qua CCA, học sinh phát hiện được sở thích và khả năng của họ, đồng thời phát triển được giá trị và tài năng của mình, giúp họ chuẩn bị cho sự thay đổi lớn sau này. CCA cũng tạo ra mối liên kết bạn bè giữa các học sinh từ nhiều nền tảng khác nhau. Họ cùng học, chơi và cùng phát triển. Qua đó thúc đẩy hợp tác xã hội và làm sâu sắc thêm cảm nhận về giá trị, cam kết và giá trị của trách nhiệm không chỉ với nhà trường, với cộng đồng sinh sống mà còn với quốc gia của họ. Tại KSS, học sinh bắt buộc phải hoàn tất chương trình trung học của mình cùng với chứng chỉ CCA.

Sinh viên có thể chọn nhiều hình thức tham gia CCA:

. Câu lạc bộ

. Các hoạt động thể thao

. Các nhóm

. Nhóm chuyên biểu diễn nghệ thuật

Các chương trình CCA giúp xây dựng tính cách cho người học và định hình cho họ trở thành người lãnh đạo. Có rất nhiều hoạt động cho sinh viên, ví dụ cắm trại (lớp 1), chương trình cắm trại theo quân đội (lớp 2), khóa học chuyên gia cấp cao và đào tạo chuyên gia (lớp 3), hoạt động chơi nước, leo núi, chạy định hướng, bắn cung, leo núi và các trò chơi độ cao. Các hoạt động này rất đa dạng và thu hút được người học tham gia.

Thời gian của giáo viên được tổ chức như thế nào để đạt được mục tiêu

Tại các trường Singapore, giáo viên được chia thành bốn loại. *Thứ nhất,* những giáo viên mới tốt nghiệp hoặc mới chỉ có một hoặc hai năm kinh nghiệp. *Thứ hai* là những giáo viên kinh nghiệm, đây là lực lượng chủ yếu tại các trường. *Thứ ba* là giáo viên cấp cao, là những người không chỉ có kinh nghiệm giảng dạy mà còn là người hướng dẫn cho những giáo viên trẻ trong trường, cùng họ chia sẻ phương thức giảng dạy và nội dung kiến thức. *Thứ tư* là lãnh đạo, họ là giáo viên cấp cao và là người lãnh đạo, có trách nhiệm xây dựng tính chuyên nghiệp trong trường ở những chuyên môn nhất định Ngoài ra, còn có Giáo viên hoạt động ở

cấp độ nhóm trường. Họ là "những giáo viên chuyên nghiệp và có kinh nghiệp, có vai trò giúp nâng cao khả năng giảng dạy thông qua hướng dẫn và minh họa cách thức giảng dạy tốt và tham gia các buổi học mẫu. Người đứng đầu của Giáo viên Master là những chuyên gia sư phạm chính cho môn học của họ trên phạm vi quốc gia, và có trách nhiệm định hướng, dẫn dắt hệ thống giáo dục Singapore phát triển.

Với việc phân loại giáo viên như vậy nên công việc của giáo viên tại Singapore cũng có sự khác biệt tùy thuộc vào cấp độ của giáo viên. Do MOE không yêu cầu lịch làm việc cố định nên các trường tự xây dựng khung thời gian làm việc cụ thể cho đơn vị mình. Thời gian làm việc hàng tuần của giáo viên có thể chia thành bốn hoạt động sau:

- Giảng dạy trong lớp.

- Tương tác trực tiếp với sinh viên thông qua CCA và buổi tập hợp buổi sáng.

- Các buổi học chuyên môn.

- Lập kế hoạch đào tạo và đánh giá học sinh.

Có hai sự khác biệt chính trong nhiệm vụ của bốn nhóm giảng viên trên. Một là số lượng thời gian làm việc trực tiếp với sinh viên. Những giáo viên mới bắt đầu có thời lượng giảng dạy trên lớp ít nhất (10 giờ/tuần); những giáo viên có kinh nghiệm có khối lượng giờ dạy trên lớp là 14h/tuần, và giáo viên cấp cao là 12 giờ/tuần. Những giáo viên mới ít phải dạy hơn bởi họ đang làm quen và cần tích lũy thêm chuyên môn. Những giáo viên cấp cao có thời gian dạy ít hơn giáo viên kinh nghiệm, bởi lẽ họ cần thời gian để tổ chức các chương trình đào tạo chuyên môn cho các giảng viên trẻ trong trường. Thứ hai, là vai trò khác nhau của từng cấp giáo viên ngay cả khi trong cùng một hoạt động. Giáo viên cấp cao sẽ là người tổ chức và điều hành, còn những giáo viên khác là người tham gia. So với nhiều nước khác, giáo viên ở Singapore có nhiều thời gian chuyên môn và ít thời gian tiếp xúc trực tiếp với sinh viên hơn. Trong khi đó để đảm bảo việc thực hiện các chương trình quốc gia, một trong những mục tiêu là phải tạo ra nhiều khoảng thời gian cho giảng viên học tập chuyên môn sau

các giờ hướng dẫn học sinh. Ví dụ, tiết học Learn and Grow vào chiều thứ năm, sinh viên sẽ được kết thúc vào lúc 2h và được về nhà, do đó, giáo viên có thể trao đổi cùng nhau. Và khi trường học bắt đầu trễ hơn vào sáng thứ 2, sau khi tham gia buổi tập hợp toàn trường đầu giờ, sinh viên sẽ có tiết tự học, điều này giúp sinh viên có khả năng trở thành người học chủ động, đồng thời giáo viên có thể tham gia vào chương trình lập kế hoạch và xây dựng chương trình đào tạo cho học sinh.

Tương tác với sinh viên

Ở KSS, giáo viên tương tác với sinh viên không chỉ trong các buổi học trên lớp mà còn nhiều hình thức tương tác khác ngoài giờ lên lớp. CCA là một yếu tố quan trọng và thống nhất trong hệ thống giáo dục của KSS. Tất cả giáo viên đều được phân bổ CCA, từ 03 đến 06 giáo viên đảm nhiệm một CCA cụ thể. CCA khác nhau thì vai trò của giáo viên cũng thay đổi. Ở những hoạt động này, giáo viên dành thời gian để hướng dẫn và lên kế hoạch chương trình cùng với huấn luyện viên và người hướng dẫn. Sau đó, giáo viên sẽ cùng với sinh viên lập kế hoạch cho toàn bộ dự án, ví dụ dự án tổ chức buổi tết cuối năm cho người già. Đối với sinh viên, để tự lên kế hoạch và thực hiện nó rất khó, do vậy giáo viên phải giúp họ nảy sinh ý tưởng. qua đó sinh viên sẽ phát triển ý tưởng, đề xuất giải pháp, tự tổ chức thực hiện. Qua đây, sinh viên sẽ được làm quen với chuỗi các hoạt động của dự án. Thông qua dự án, tiếp xúc với những người lớn tuổi, sinh viên cũng biết đồng cảm hơn với những kinh nghiệm sống của thế hệ đi trước.

Một hình thức khác mà giáo viên và học sinh tương tác với nhau là thông qua buổi trao đổi giữa cố vấn với học sinh. Cố vấn lớp học sẽ có buổi nói chuyện ngắn với từng người trong khoảng từ 10-15 phút, ở một nơi bình dân như căn-tin. Giáo viên có thể chọn bất kỳ ai để trao đổi và không cố định phải nọi chuyện chủ đề nào, có thể là thành tích của học sinh, khả năng lãnh đạo hay các vấn đề cá nhân khác. Mục đích chính là để biết học sinh có tiến bộ như thế nào, có gặp khó khăn gì hay không để có thể hỗ trợ tốt hơn.

Tương tác với phụ huynh

Singapore quan điểm việc giáo dục một đứa trẻ là một hành trình cộng hưởng giữa phụ huynh và nhà giáo dục vì một tương lai cho trẻ. Để giúp việc liên kết giữa nhà trường và phụ huynh được thông suốt, MOE đã thành lập Văn phòng kết nối tại Bộ vào năm 2011. Ở hầu hết các trường đều có nhóm hỗ trợ phụ huynh học sinh hay Hiệp hội Gia đình – Nhà trường. Bên cạnh đó, MOE còn trao Giải thưởng đối tác cho các trường có thành tích xuất sắc, nhằm ghi nhận nỗ lực của nhà trường trong việc xây dựng mối quan hệ với phụ huynh học sinh và cộng đồng xã hội. KSS quy định thời gian giảng viên phải gặp phụ huynh là sau mỗi kỳ thi lớn và trước khi nghỉ lễ - thường là vào tháng ba, sau thi giữa kỳ (tháng sáu) và cuối năm (tháng mười). Mục đích để theo dõi và hỗ trợ kịp thời sự phát triển của học sinh. Ngoài các lịch trình cố định như trên, giáo viên cũng có thể liên hệ với phụ huynh theo nhiều cách khác nhau để giúp họ cập nhật về tình hình học sinh kịp thời.

Trên đây là những kinh nghiệm mà KSS đã áp dụng trong việc giáo dục giá trị sống cho học sinh của họ. Là một số vấn đề mà Việt Nam có thể học tập trong quá trình cải cách giáo dục hiện này. Trong giới hạn của bài viết này, tác giả hy vọng các nhà quản lý sẽ có một cái nhìn khác về giáo dục giá trị. Đây có thể sẽ là đề tài nghiên cứu sâu hơn mà tác giả sẽ thực hiện sau này./.

Đ.T.M.H.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Focused on learning: Student and teacher time in Singapore school, Ee LingLow, A. Lin Goodwin, Jon Snyder, 2017.

2/ Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 19/04/2011 về Phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 – 2020.

3/ Tài liệu tập huấn kỹ năng sống UNICEF, 2004

TỪ HIỆN TƯỢNG HÂM MỘ THẦN TƯỢNG CỦA GIỚI TRẺ ĐẾN VẤN ĐỀ GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Đinh Việt Hà*

1. Đặt vấn đề

Hâm mộ thần tượng có thể coi là một trong số những thực hành văn hóa nổi bật của giới trẻ[1] Việt Nam hiện nay khi những làn sóng văn hóa nước ngoài được du nhập và có tác động mạnh mẽ. Từ thói quen hiếm khi bộc lộ cảm xúc cá nhân, giới trẻ Việt Nam đến nay đã không ngại ngần bày tỏ tình yêu, sự say mê với những người nổi tiếng mà họ yêu thích, hâm mộ. Những thực hành văn hóa liên quan đến hâm mộ thần tượng hiện nay cho thấy những thay đổi trong quan niệm, lối sống, hệ giá trị của giới trẻ Việt Nam trước tác động của toàn cầu hóa, đặc biệt là truyền thông. Nếu như trước đây, những anh hùng cách mạng, lãnh tụ, nhà bác học… được coi là các vĩ nhân, được giới trẻ tôn thờ, ngưỡng mộ thì khoảng 20 năm trở lại đây, thần tượng của giới trẻ chủ yếu là các ca sĩ, diễn viên, cầu thủ. Sự thay đổi này phản ánh những biến chuyển nào trong hệ tư tưởng, hệ giá trị của giới trẻ nói chung và học sinh ở nhà trường phổ thông nói riêng và điều

* Viện Nghiên cứu văn hoá, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam

1. Giới trẻ (youth, young people) ở đây được hiểu là thanh niên, thiếu niên (teenager), vị thành niên (adolescence).

này đặt ra những vấn đề gì đối với việc giáo dục giá trị cho học sinh trong giai đoạn hiện nay? là những câu hỏi mà bài viết tập trung làm rõ.

2. Thần tượng: những hình mẫu của giới trẻ

Theo Xiao Dong Yue, Chau-kiu Cheung, "Một thần tượng điển hình là một người có tài năng, thành tích, địa vị, hoặc sự xuất hiện hình ảnh được đặc biệt công nhận hoặc đánh giá cao bởi người hâm mộ của cô/anh ấy" (2000: 91).

Thần tượng là một hình mẫu nào đó để người ta ngưỡng vọng, theo đuổi, là động lực để con người phấn đấu, hoàn thiện chính mình. Thần tượng còn là cách gọi dành cho những người nổi tiếng được giới trẻ yêu thích, say mê, hâm mộ, thậm chí sùng bái.

Fromm định nghĩa hâm mộ thần tượng(Celebrity worship hay Idol worship) là sự ngưỡng mộ hoặc gắn bó quá mức với một nhân vật thần tượng nhất định, người mà các thuộc tính được tăng cường quá mức hoặc được lí tưởng hóa (Dẫn theo Cheung và Yue 2000: 91).

Hâm mộ thần tượng ở Việt Nam không phải đến bây giờ mới có[1], nhưng nó chỉ trở thành một hiện tượng được xã hội chú ý từ khi có sự du nhập ồ ạt những sản phẩm văn hóa nước ngoài, đặc biệt 20 năm trở lại đây là Hàn Quốc[2], khi hình ảnh các diễn viên, ca sĩ Hàn quốc tràn ngập các phương tiện giải trí của Việt Nam. "Bộ phim đầu tiên của Hàn Quốc đổ bộ vào Việt Nam là *Mối tình*

1. Những ban nhạc như ABBA hay Modern Talking một thời từng khiến giới trẻ yêu thích cuồng nhiệt, hay trường hợp Khánh Ly và Trịnh Công Sơn cũng từng là những nghệ sĩ được đông đảo giới trẻ trí thức mến mộ, đặc biệt ở Sài Gòn trước đây.

2. Trước đó, các diễn viên điện ảnh, ca sĩ Hồng Kong, Đài Loan là những thần tượng đình đám của thế hệ trẻ Việt Nam thập niên 80 - 90 của thế kỉ XX. Đến tận cuối thập niên 90, hình mẫu của nhiều nghệ sĩ Việt Nam vẫn là các thần tượng này, từ ngoại hình, cách ăn mặc, phong cách biểu diễn đến âm nhạc (một loạt các bài hát nhạc Hoa lời Việt gắn liền với thế hệ 8x vẫn còn được nhớ đến tận bây giờ). Đến nay, số lượng các ngôi sao Hàn Quốc là thần tượng của giới trẻ Việt Nam chiếm áp đảo có lẽ bởi sự phù hợp với thị hiếu người Việt: bị cuốn hút bởi vẻ Tây nhưng vẫn chuộng nét đẹp Á Đông. Sự lớn mạnh và phủ rộng của làn sóng Hàn Quốc đã được lí giải là có sự tương hỗ mạnh mẽ và hiệu quả của công nghiệp văn hóa, chiến lược kinh tế chú trọng xuất khẩu văn hóa của chính phủ Hàn Quốc cũng như chính sách ngoại giao của Hàn Quốc đối với Việt Nam (Xem Đặng Thiếu Ngân 2017).

đầu đã cuốn hút công chúng và giới làm phim Việt Nam với cảnh quay đẹp và nhất là vẻ đẹp tự nhiên của nữ diễn viên chính (...) Mấy chục năm bị bó hẹp trong văn hoá tuyên truyền, thậm chí đến thời trang và thẩm mỹ cũng đơn điệu nên khi những bộ phim Hàn Quốc với những hình ảnh trai xinh, gái đẹp, cảnh quay lãng mạn đẹp mê hồn, nhất là khi K-Pop với giai điệu du dương, các ca sĩ xinh đẹp, sành điệu, nhảy giỏi hát hay tràn vào, không thể trách giới trẻ Việt hoàn toàn bị mê hoặc. Khác với xã hội các nước đi trước đã quen với văn hoá giải trí đa sắc mầu, người trẻ Việt lần đầu đối diện với công nghiệp giải trí bài bản, trong khi thức ăn tinh thần lại quá nghèo nàn nên hội chứng thần tượng có phần đậm hơn các nước khác" (Nguyễn Hoàng Ánh 2016).

Nghiên cứu của Nguyễn Thu Giang (2011) về "Hiện tượng người nổi tiếng và chức năng xã hội của nó" đã chỉ ra rằng người nổi tiếng như một diễn ngôn, bao chứa quyền lực và được kiến tạo nên, như là hàng hóa, với 3 chức năng chính: chức năng cân bằng nhu cầu giao tiếp liên cá nhân của con người đô thị, chức năng cung cấp những căn tính mới đa dạng và chức năng củng cố ý thức hệ.

Sự tôn thờ thần tượng ở vị thành niên được gọi là sự lôi cuốn thứ cấp mà họ hình thành đối với những nhân vật nổi tiếng mà họ yêu thích (Davidson 1983, Erikson 1968)[1]; là những mối quan hệ tưởng tượng mà các thanh thiếu niên dự định cho những con người xa xôi, như ngôi sao nhạc Pop và những người nổi tiếng trong các bộ phim (Green & Adams-Price 1990), có thể hiểu là phương tiện chuyển đổi tình cảm từ người nuôi nấng, những mối quan hệ thân tình sang những mối quan hệ lãng mạn hơn của thanh thiếu niên (Erikson 1968, Freud 1951)[2]. Nghiên cứu của White & Brien 1999 đã chỉ ra rằng có 53,8% những người nổi tiếng được xác định là hình mẫu của thanh thiếu niên là những người liên quan đến giải trí, đặc biệt là các ngôi sao nhạc Pop và ngôi sao thể thao[3]. Nhận định này vẫn còn phù hợp trong bối cảnh hiện nay khi đa số thần

1. Dẫn theo Xiao Dong Yue, Chau-kiu Cheung 2000: 91.

2. Dẫn theo Xiao Dong Yue, Chau-kiu Cheung 2000: 91.

3. Dẫn theo Xiao Dong Yue, Chau-kiu Cheung 2000: 92.

tượng ở giới trẻ không phải các nhà bác học, các anh hùng, các danh nhân mà là các ca sĩ, cầu thủ, diễn viên.

3. Hâm mộ thần tượng và sự thay đổi hệ giá trị ở giới trẻ Việt Nam hiện nay

Báo chí truyền thông mấy năm trước từng rầm rộ đưa tin về việc một số bạn trẻ quỳ trước thần tượng, hôn ghế thần tượng ngồi, bỏ học ra sân bay chờ thần tượng, cãi bố mẹ vì không cho đi xem thần tượng biểu diễn... khiến dư luận xã hội đặc biệt là những thế hệ lớn tuổi có một cái nhìn không mấy thiện cảm về thực hành văn hóa này ở giới trẻ, họ mặc định rằng hâm mộ thần tượng là "cuồng" thần tượng, thậm chí cho rằng đây là một trong những biểu hiện sai lạc so với lối sống của "thanh niên thời đại mới".

Việc cuồng thần tượng được cho là có nguyên do từ cả hai phía trẻ và bố mẹ. "Thường tình trạng này hay xuất hiện ở những trẻ thiếu tự tin, dễ bị cuốn hút bởi những thứ hào nhoáng bên ngoài, cũng như người thiếu tự chủ thì dễ tin quảng cáo. Tuy nhiên, phụ huynh mới là yếu tố chính khiến con trở nên mê muội thần tượng. Bố mẹ quá nuông chiều nhưng lại ít dành thời gian tìm hiểu, quan tâm đến con, đồng thời không đủ làm thần tượng của con, không khiến con cảm thấy tin tưởng và có thể chia sẻ"[1]… Có 3 nguyên nhân chính mà báo chí đưa ra: thứ nhất, sức đề kháng của giới trẻ còn thấp, không đủ sức đối đầu hoặc thoát khỏi ảnh hưởng toàn diện của làn sóng văn hóa nước ngoài; thứ hai, khi không có lý tưởng, khi không có điểm tựa chính đáng về tinh thần, họ vẫn phải sống cuộc sống của người khác, khiến mình lệ thuộc vào thần tượng ngày càng nhiều; thứ ba nữa, giới truyền thông cũng "góp một phần không nhỏ" trong việc thổi phồng thần tượng, ca ngợi "lên mây" những ngôi sao trong và ngoài nước, "nặn" những ngôi sao ảo[2].

Hâm mộ thần tượng là sự phản chiếu về chính chúng ta, bao gồm thị hiếu, quan niệm, hệ giá trị, lối sống… (Catherin Deen

1. http://vietbao.vn/The-gioi-tre/Chuyen-Fan-cuong-than-tuong-o-gioi-tre-Viet-Nam-hien-nay/2147578136/475/.

2. http://vietbao.vn/The-gioi-tre/Chuyen-Fan-cuong-than-tuong-o-gioi-tre-Viet-Nam-hien-nay/2147578136/475/.

2015). Những thực hành hâm mộ thần tượng ở nhóm fan của các ca sĩ "hot" nhất Việt Nam hiện nay như: Sơn Tùng M-TP, Noo Phước Thịnh, Soobin Hoàng Sơn, Vũ Cát Tường… cho thấy thị hiếu và thẩm mĩ của các bạn trẻ thời nay đã có nhiều thay đổi. Một người được xem là hình mẫu trong con mắt của giới trẻ hiện nay, ngoài tài năng, phải có ngoại hình đẹp, đặc biệt là có phong cách riêng, nổi trội.

Ví dụ trường hợp ca sĩ Sơn Tùng M-TP và các fan hâm mộ của ca sĩ này. Tại sao Sơn Tùng M-TP lại là một trong những ca sĩ có lượng fan đông đảo nhất Việt Nam như hiện nay? Sơn Tùng vừa biết sáng tác vừa biết hát, biết truyền thông cho hình ảnh của mình, biết kết nối hiệu quả với các fan. Nhưng điều đó có lẽ là chưa đủ, ca sĩ này rõ ràng có những sự "nhạy cảm" nhất định khi đã nắm bắt đúng gu thị hiếu của đông đảo giới trẻ Việt Nam, lại tự tạo cho mình một "căn tính" (identity), một "phong cách" (style) độc đáo để phân biệt với những nghệ sĩ khác, đồng thời cũng có sự định hướng giới trẻ trong việc luôn tạo ra các "trend" (xu hướng), cung cấp những "căn tính mới" (từ dùng của Nguyễn Thu Giang 2011) cho giới trẻ. Hiện ca sĩ này còn tự làm CEO, tự mở công ty giải trí mang tên M-TP Entetainment. Việc "tự" làm nhiều việc này của Sơn Tùng được fan đánh giá cao, cho rằng đó là biểu hiện của một người có thực lực, một người thông minh, sắc sảo, nhạy cảm không chỉ trong tư duy âm nhạc. Trong bối cảnh Việt Nam khi mà không nhiều các nghệ sĩ vừa hát vừa sáng tác được, mà sản phẩm nào vừa ra mắt cũng đã trở thành "hit" như Sơn Tùng, việc có nhiều fan vào top đầu ở V-pop hiện nay là điều dễ hiểu. Chỉ trong một thời gian ngắn, Sơn Tùng M-TP đã khẳng định được sự độc đáo và vị trí riêng biệt của mình trong showbiz Việt, đây là một trong những điều khiến các fan của ca sĩ này ngày càng hâm mộ và tự hào về thần tượng của mình.

Bằng cách lựa chọn hâm mộ ai đó, giới trẻ đã tự định dạng về bản thân họ. Nhóm fan của Sơn Tùng M-TP đã tự định dạng về họ là những người thích sự phá cách, sáng tạo, không lặp lại, có mục tiêu rõ ràng,... Không chỉ quan niệm về cái đẹp, về tài năng khác với các thế hệ lớn hơn, những bạn trẻ hâm mộ Sơn Tùng còn cho thấy những nét đối lập trong quan niệm về sự thành công, sự nổi

tiếng, hạnh phúc. Giới trẻ hiện nay cho rằng thành công là dám theo đuổi ước mơ và hiện thực hóa được ước mơ của mình, thành công là trở nên nổi tiếng, được thể hiện tài năng, phong cách... Giới trẻ cũng không coi "ca sĩ, diễn viên, cầu thủ" là xướng ca vô loài, là bấp bênh, không ổn định, lại lắm thị phi. Họ buộc người lớn (cha mẹ họ) phải nhìn nhận và tôn trọng mong muốn của con mình[1]. Một số hiện tượng hâm mộ người nổi tiếng quá mức như báo chí đưa tin trong thời gian qua càng thể hiện sự đối lập, sự phản kháng ở nhóm tuổi - nhóm văn hóa vốn bị coi là bồng bột, chưa trưởng thành, chưa chắc chắn, nhiều sai lầm...

Sự nổi tiếng nhanh chóng của các thần tượng âm nhạc, thể thao, điện ảnh cũng củng cố thêm cho những diễn ngôn về "cái tôi", về sự "tự do", về sự "bứt phá", "nổi bật" ngập tràn trong các quảng cáo trên truyền thông (chẳng hạn các slogan quảng cáo như: làm điều mình yêu theo cách mình yêu, sống khác biệt, sống chất…). Trước những định kiến có sẵn về lứa tuổi mình, thông qua hâm mộ người nổi tiếng, giới trẻ không chỉ cho thấy những suy nghĩ, quan niệm khác biệt với thế hệ trước, mà còn tìm cách để thể hiện tiếng nói, cá tính của mình, tìm cách thể hiện bản thân mình. Do vậy, có thể nói các câu lạc bộ người hâm mộ (fanclub) chính là những không gian để họ có thể tụ tập và chia sẻ với những người trẻ cùng sở thích, đam mê, nhu cầu, quan niệm, nói khác đi là nhu cầu được giãi bày và được hiểu, để có cảm giác thuộc về một nhóm/ cộng đồng nào đó (imaged community - Bennett Anderson). Tại đây, hâm mộ thần tượng còn là cách để giới trẻ tạo ra và mở rộng mạng lưới xã hội và sự kết nối cho riêng mình.

Sự thay đổi hình mẫu thần tượng của giới trẻ từ các anh hùng, các nhà khoa học, lãnh tụ… sang mô hình 3 ngôi sao: ngôi sao điện ảnh, ngôi sao ca nhạc và ngôi sao thể thao như trên là kết quả của những thay đổi trong bối cảnh toàn cầu hoá với sự phát triển mạnh mẽ của truyền thông đa phương tiện, sự phổ cập của văn hoá đại chúng và sự bành trướng của văn hoá tiêu dùng. Toàn cầu hóa

1. Hiện nay, ngày càng nhiều gia đình cho con theo học các bộ môn nghệ thuật, thể thao, có thể là học thêm cho biết, cho năng động, có thể theo con đường chuyên nghiệp ngay từ nhỏ. Quan niệm về sự thành đạt, sự nổi tiếng, sự thể hiện bản thân do vậy không chỉ có những biến đổi ở giới trẻ, mà ở cả các thế hệ khác.

kéo theo sự lớn mạnh, phủ rộng của các làn sóng văn hóa mới bắt nguồn từ việc xuất khẩu văn hóa đại chúng của phương Tây đến những nơi khác trên thế giới. Văn hóa đại chúng bao gồm những sản phẩm như nhạc pop, truyền hình, phim ảnh, video, tiểu thuyết "dễ đọc", truyện tranh, quảng cáo, thời trang, thiết kế nhà và thức ăn sản xuất đại trà. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc tới văn hóa giới trẻ ở các quốc gia, đặc biệt văn hóa giải trí bởi giải trí gắn liền với văn hóa tiêu dùng và văn hóa đại chúng. Cả một nền công nghiệp văn hóa đồ sộ được tạo ra và vận hành đều đặn với sự thúc đẩy của văn hóa tiêu dùng, văn hóa phổ thông. Và truyền thông chính là công cụ tạo ra những thần tượng và kiến tạo những diễn ngôn về thần tượng, trong đó thần tượng như một "sản phẩm" mang lại lợi nhuận cho những ngành này. Những thực hành hâm mộ thần tượng của giới trẻ hiện nay là minh chứng cho nhận định "người hâm mộ như một người tiêu dùng chuyên dụng nhưng đã trở thành một trung tâm của chiến lược tiếp thị truyền thông" (Catherine Deen 2015). Giới trẻ thực sự có một vai trò quyết định trong việc tuyên truyền các sản phẩm văn hóa thông qua tiêu dùng của họ.

Việc tiêu dùng truyền thông cũng như tiêu thụ hình ảnh và biểu tượng liên quan đến người nổi tiếng đã trở nên hết sức quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của con người hiện đại nói chung và giới trẻ nói riêng. Người nổi tiếng không chỉ là biểu tượng về "căn tính mới", là những hình mẫu lí tưởng, được ưa chuộng của giới trẻ mà bản thân người nổi tiếng cũng chính là những "hàng hoá", "sản phẩm" đặc biệt và sự hâm mộ người nổi tiếng cũng được coi là một dạng thức của tiêu dùng (Graem Turner 2010).

Như vậy, qua việc lựa chọn hâm mộ thần tượng nào đó cũng như qua các thực hành hâm mộ thần tượng của giới trẻ hiện nay, có thể thấy những tác động mạnh mẽ của truyền thông đại chúng và ý thức hệ tiêu dùng đối với sự lựa chọn hình mẫu của giới trẻ.

4. Đặc trưng lứa tuổi và vấn đề giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường ở Việt Nam hiện nay

Theo Erikson trong cuốn sách *Identity: Youth and Crisis* (1968), thanh thiếu niên/vị thành niên (adolescence) như là một

giai đoạn hình thành nhận dạng quan trọng, trong đó cá nhân vượt qua sự không chắc chắn, trở nên tự nhận thức được điểm mạnh và điểm yếu của họ, tự tin hơn vào phẩm chất độc đáo của riêng họ. Để tiếp tục trưởng thành, họ phải trải qua một cuộc khủng hoảng, trong đó họ giải quyết các câu hỏi quan trọng về giá trị và lí tưởng của họ, về nghề nghiệp tương lai hoặc sự nghiệp cũng như bản dạng tính dục (sexualidentity) của họ. Thông qua quá trình tự phản ánh và tự định nghĩa này, thanh thiếu niên đạt đến một ý thức tích hợp, mạch lạc về danh tính của họ như một cái gì đó vẫn tồn tại, vững bền theo thời gian. Bản sắc (nhận dạng cá nhân) được phát triển bởi cá nhân nhưng nó phải được công nhận và xác nhận bởi những người khác. Tuổi vị thành niên do đó cũng là giai đoạn mà người trẻ thương lượng sự tách biệt với gia đình và phát triển các năng lực xã hội độc lập, ví dụ như tham gia vào các nhóm ngang hàng - những nhóm mà có thể tạo ra các loại ảnh hưởng khác nhau đến quá trình xã hội hoá của các cá nhân trẻ tuổi. Các câu lạc bộ người hâm mộ (Fanclub) cũng là một trong những dạng "nhóm" như vậy.

Cũng theo Erikson (1968), một cá nhân trưởng thành thành công là người đã đạt được một bản sắc ổn định, tiếp tục "nhầm lẫn" về danh tính của một người là dấu hiệu của sự phát triển không đầy đủ và có thể dẫn đến hành vi sai lệch hoặc chống đối xã hội. Từ quan điểm này, tuổi vị thành niên được nhìn nhận chủ yếu như một trạng thái chuyển tiếp, một vấn đề của "trở thành" (becoming) thay vì "là" (being). Vị thành niên như là một giai đoạn mà những người trẻ tuổi có thể thử nghiệm với các nhận dạng khác nhau và thực sự tham gia với các rủi ro khác nhau; như một "giai đoạn ở giữa" của quá trình chuyển tiếp từ trẻ con sang người lớn, trong đó người trẻ tuổi đang có ý thức tìm kiếm các hướng tương lai trong cuộc sống của họ. Chính vì là "giai đoạn ở giữa" nên vị thành niên không được coi là một thế hệ có ý thức hệ riêng biệt. Thiên kiến này đã dẫn đến những khủng hoảng của thanh thiếu niên/ vị thành niên mà đôi khi những khủng hoảng ấy xuất phát từ việc các thế hệ lớn hơn không hiểu, không coi trọng những "giá trị", "ý thức hệ" riêng biệt của giới trẻ.

Hâm mộ một ai đó và ảnh hưởng từ họ là một mắt xích quan

trọng trong quá trình chuyển tiếp của giới trẻ. Những nghệ sĩ, những diễn viên nói riêng, người nổi tiếng nói chung họ là những biểu tượng, hình mẫu văn hóa có tính thời đại. Thời nào cũng có những idol được xã hội và truyền thông (thậm chí cả nhà nước, chính phủ) tạo ra, đáp ứng nhu cầu của con người. Tuy nhiên yếu tố chủ đạo dẫn đến sự khác biệt trong đối tượng được hâm mộ, được coi là thần tượng của giới trẻ ở các giai đoạn trước đây và hiện nay ở Việt Nam có lẽ là sự thay đổi ý thức hệ. Ý thức hệ có tác động lớn đến việc thích, hâm mộ một hình tượng nào đó (Xiao and Chau 1999). Ý thức hệ của chủ nghĩa cộng sản thời kì trước đây đã dần mất đi vị trí độc tôn và bị thay thế, bị ảnh hưởng bởi những ý thức hệ khác, trong đó thay vì tập trung vào các đại tự sự thì hiện nay, xã hội nói chung và giới trẻ nói riêng chú ý nhiều hơn đến các tiểu tự sự, mà các nhà lí thuyết gọi là "văn hóa thường ngày" (Phạm Quỳnh Phương 2013). Nếu giới trẻ thời kì chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn được tắm mình trong chủ nghĩa anh hùng cách mạng thì đến nay, những cái gần gũi, thiết thực, đời thường nhất của con người (tình yêu, sự ghen tuông, nỗi cô đơn, sự khác biệt...) lại được đề cao, được khai thác và được dễ dàng đồng cảm không chỉ trong âm nhạc mà trong hầu hết mọi khía cạnh, lĩnh vực của cuộc sống. Thời đại hiện nay là thời đại của con người cá nhân với cái "tôi" ngày càng được đề cao, là thời đại mà con người ý thức rõ ràng về "sự thống soát của hàng hóa, kinh tế thị trường và chủ nghĩa tiêu dùng ở khắp nơi trên thế giới" (Phạm Quỳnh Phương 2018). Do vậy, không thể và cũng không nên đòi hỏi những người trẻ sống trong bối cảnh xã hội này phải theo đuổi những tượng đài cũ, những hình mẫu cũ cũng như duy trì và tuân phục theo những hệ giá trị cũ. Những định kiến cho rằng giới trẻ hiện nay cuồng thần tượng, a dua, đua đòi, chạy theo những thứ vô bổ một cách mù quáng mà không quan tâm đến hệ giá trị mà lứa tuổi này theo đuổi sẽ chỉ làm gia tăng những mâu thuẫn và giãn ra xa thêm "khoảng cách thế hệ".

Quay lại những đặc trưng của lứa tuổi, giới trẻ là những người ưa chuộng những cái mới mẻ, sôi động, ưa hình thức, là những người thích thể hiện, thích sự nổi bật. Do đó, họ chính là những người tiêu dùng tiềm năng của văn hóa đại chúng với những sản

phẩm như phim ảnh, thời trang, âm nhạc, truyện tranh, thể thao, đặc biệt là các thần tượng... Mặc dù là lứa tuổi chưa có nhiều sự độc lập về kinh tế, nhưng nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm đại chúng của giới trẻ là mục tiêu nhắm tới của các chiến lược tiếp thị và truyền thông, của các nhà sản xuất trên toàn cầu. Vì vậy, nếu không ngăn được giới trẻ tiêu dùng, nhất là tiêu dùng truyền thông ồ ạt như hiện nay, cần hướng họ tới việc "tri nhận" truyền thông đúng cách. Đồng thời, việc giáo dục về giá trị cho giới trẻ là học sinh nhà trường cần bắt đầu từ những nền tảng cơ bản nhất, cần thống nhất từ gia đình đến nhà trường và xã hội.

5. Kết luận

Bài viết xem xét mối quan hệ việc hâm mộ thần tượng ở giới trẻ Việt Nam hiện nay với sự thay đổi hệ giá trị của họ trong bối cảnh đương đại. Nếu như các tượng đài trong lòng học sinh, sinh viên trước đây là anh hùng cách mạng, lãnh tụ hay nhà bác học thì hiện nay, những thần tượng thu hút đông đảo người hâm mộ trẻ tuổi nhất lại là các ca sĩ, diễn viên, ngôi sao thể thao... Sự thay đổi này phản ánh dấu ấn đậm nét của chủ nghĩa cá nhân, ý thức về bản sắc, nhu cầu giải trí và tiêu dùng của những người trẻ trong xã hội hiện đại. Do vậy, cần phải nhìn nhận đa chiều hơn về những thay đổi trong hệ giá trị của giới trẻ nói chung và học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường nói riêng cũng như việc giáo dục giá trị cho đối tượng này. Không thể có những giải pháp, những cách thức giáo dục giá trị hiệu quả, hợp lí nếu như không xuất phát từ những đặc trưng về lứa tuổi, nhu cầu, thị hiếu thẩm mĩ... của chính đối tượng cần giáo dục. Việc áp dụng một cách rập khuôn hay áp đặt rằng hệ giá trị của "cha mẹ" hay của nền "văn hóa chính thống" là chuẩn mực cho đối tượng học sinh trong nhà trường ở Việt Nam hiện nay sẽ chỉ càng tạo ra những "lệch chuẩn" không mong muốn.

Đ.V.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hoàng Ánh,"Giải mã Hallyu và chủ nghĩa thần tượng ở Việt Nam", http://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/giai-ma-hallyu-va-chu-nghia-than-tuong-o-viet-nam-300415.html, 15/5/2016.

2. Deen, Catherine (2015), "Formation,PurposeandGains: AnExploratoryStudyofHallyuFanclubsinthePhilippines", Aiks Korean Studies Conference Proceedings, Vol 1, pp. 25 - 33.

3. Erikson, E. H. (1968), *Identity: Youth and crisis* (Bản sắc: giới trẻ và những khủng hoảng), Norton, Oxford.

4. Nguyễn Thu Giang (2011), "Hiện tượng người nổi tiếng và chức năng xã hội của nó", Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 27, tr. 151162.

5. Đặng Thiếu Ngân (2017), *Hiện tượng Hallyu ở Việt Nam hay sự ảnh hưởng của phim Hàn Quốc tới văn hóa Việt Nam hiện nay*, luận án tiến sĩ Văn hóa học, tại Học viện KHXH.

6. Nhiều tác giả (2014), *Toàn cầu hóa, văn hóa địa phương và phát triển: cách tiếp cận nhân học*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh.

7. Phạm Quỳnh Phương (2013), *Văn hóa thường ngày từ góc độ lí thuyết*, Đề tài cấp cơ sở Viện Nghiên cứu văn hóa.

8. Phạm Quỳnh Phương (2018), "Các hướng lí thuyết về tiêu dùng và văn hóa tiêu dùng", Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4.

9. Nguyên Trang, "Bàn về thần tượng và người hâm mộ", http://www.vnq.edu.vn/tap-chi/thong-tin-chung/988-ban-ve-than-tuong-va-nguoi-ham-mo.html, 7/9/2012.

10. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (1996), *Văn hóa trong phát triển và toàn cầu hóa*, Kỷ yếu hội thảo tại Hà Nội, Tokyo và Noongkhai.

11. Xiao Dong Yue and Chau-kiu Cheung (2000), "Selection of favourite idols and models among Chinese young people: A comparative study in Hong Kong and Nanjing", *International Journal of Behavioral Development*, Volume 24, Issue 1, pp. 91 - 98.

ABSTRACT

Idol worship can be considered as one of the outstanding cultural practices of Vietnamese youth today when foreign cultural waves are introduced and have a strong impact. By examining/ considering the concept of idol, the influence of the idol on the fans, as well as the age characteristics, this article explores the relationship between idol adoration in Vietnamese youth today and their changing values in the contemporary context, as the influence of consumer culture, mass culture and media is getting deeper. In the past days, monuments in the hearts of students were revolutionary heroes, leaders or scientists, meanwhile today's idols that attract the most young fans are music stars, movie stars or sports stars, etc. This change reflects the strong affection of individualism, the sense of identity, the need for entertainment and the consumption of young people in modern society. The prejudices that young people today go crazy for idols, blindly chasing after non-sense things without paying attention to the values that people of their age pursue will only increase the contradiction and further develop "generation gap". No solution or way of education can work if it does not take into account the characteristics of age, needs, tastes, etc of the object of education. Applying stereotypically or imposing the parents's values or "mainstream culture" as the standard for students in Vietnamese schools today will only create undesirable "standard deviations". Educating value for young people as well as students needs to start from the most basic foundations, which should be harmonized among family, school and society.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Đỗ Thị Thanh Hà*
ThS. Cao Thị Hoa**

1. Đặt vấn đề

Dân tộc Việt Nam, một dân tộc có bề dày lịch sử với mấy nghìn năm dựng và giữ nước. Trong khoảng thời gian ấy con người Việt Nam đã tạo dựng cho mình những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp mang bản sắc riêng của dân tộc và đất nước ta. Những giá trị văn hóa truyền thống ấy đã trở thành nguồn sức mạnh nội sinh để toàn Đảng và toàn dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách và trường tồn trong suốt chiều dài lịch sử.

Hiện nay, cùng với sự phát triển của đất nước và tình hình thế giới nhiều biến động đã có những tác động không nhỏ đến việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống ở Việt Nam. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường đã nảy sinh những ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận không nhỏ người dân, trong đó có thanh niên sinh viên, làm thay đổi các quan điểm của họ về giá trị truyền thống của dân tộc. Bên cạnh đó, xu thế toàn cầu hóa và đặt ra hàng loạt những nguy cơ và thách thức đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là lĩnh vực văn hóa, đạo đức. Điều đáng lo ngại chính là sự sa sút về phẩm chất, đạo đức của một số bộ phận sinh viên, thể hiện ở việc chạy theo

*;** Trường Đại học An Giang

những giá trị vật chất đơn thuần, có tư tưởng sùng bái nước ngoài, coi thường hoặc lãng quên các giá trị truyền thống của dân tộc. Những điều trên sẽ gây ra nhiều hậu quả khôn lường cho sự phát triển chung của đất nước, bởi lẽ tương lai của mỗi quốc gia dân tộc phần lớn phụ thuộc rất nhiều vào vai trò và tài năng của thế hệ trẻ nói chung và lực lượng sinh viên nói riêng. Do đó, vấn đề giáo dục giáo trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay là yêu cầu bức thiết để thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội ở Việt Nam cũng như góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc ở nước ta trong thời kỳ hội nhập.

2. Sự cần thiết phải giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay

Giá trị được xem là những gì tốt đẹp, có ý nghĩa tích cực đối với cá nhân và xã hội, giá trị được coi là phương tiện thỏa mãn những nhu cầu của con người. "Giá trị là cái đáng quý, cái cần thiết, có ích lợi, có ý nghĩa, thoả mãn những nhu cầu vật chất, tinh thần của con người, của giai cấp, nhóm, xã hội nói chung"[1]. Còn giá trị văn hóa là yếu tố cốt lõi của văn hóa, được kết tinh và sáng tạo trong quá trình phát triển của dân tộc và nhân loại. Các giá trị văn hóa đều chứa đựng những điều tốt đẹp và có tác dụng định hướng cái đúng, cái đẹp cho con người. Ở Việt Nam, giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc chính là những bản sắc văn hóa tốt đẹp đã hình thành và lưu truyền từ khi dựng nước đến ngày nay. Do đó, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống là quá trình truyền tải những giá trị văn hóa truyền thống mà các thế hệ trước đã tích lũy, nó tạo thành các yếu tố đặc trưng, tinh túy nhất của văn hóa Việt Nam. Trên cơ sở đó giúp người học nhận thức đúng cũng như điều chỉnh hành vi phù hợp nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Chính vì vậy, việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống hiện nay cho sinh viên là vô cùng cần thiết.

2.1. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống dân tộc góp phần xây dựng bản lĩnh văn hóa cho sinh viên

1. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại* (những nội dung cơ bản), Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.124

Trong nghị quyết Trung ương 4 khóa VII (1993) về Công tác thanh niên trong thời kỳ mới đã khẳng định "sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước có bước vào thế XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, cách mạng Việt Nam có vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa hay không phần lớn phụ thuộc vào lực lượng thanh niên, vào việc bồi dưỡng rèn luyện thế hệ thanh niên; công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng"[1]. Như vậy, ngay từ hơn 20 năm trước, Đảng ta đã thấy được tầm quan trọng của thanh niên, sinh viên trong sự nghiệp xây dựng đất nước và mục tiêu giáo dục toàn diện con người Việt Nam là điều tất yếu trong giai đoạn hiện nay.

Công tác giáo dục ở nước ta đã và đang đạt được nhiều thành tựu to lớn, đóng góp nhiều nguồn nhân lực chất lượng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, cần nhận thấy, giáo dục không chỉ đơn thuần là cung cấp tri thức mà còn hướng đến việc dạy người, dạy những giá trị cốt lõi của nền văn hóa Việt Nam để xây dựng bản lĩnh văn hóa cho sinh viên trong giai đoạn hội nhập ngày nay. Bản lĩnh văn hóa không tự nhiên có, mà cần phải trải qua một quá trình xây dựng và khẳng định, nó thể hiện qua thái độ và hành vi ứng xử văn hóa của sinh viên trong cuộc sống. Đặc biệt, trong bối cảnh toàn cầu và hội nhập đan xen nhiều quan hệ về phương diện văn hóa, nguy cơ thách thức với văn hóa Việt Nam ngày càng nhiều, đòi hỏi chúng ta cần tăng cường bồi đắp và khẳng định giá trị văn hóa dân tộc.

Sinh viên là thời kỳ đẹp nhất của tuổi trẻ, đa phần họ đều từ 18 đến 25 tuổi với nhiều hoài bão, mơ ước và sự chủ động sáng tạo. Sinh viên là nhân tố trẻ dễ dàng tiếp thu những cái mới và cũng dễ bị phân tâm trước những tác động của thời cuộc. Do đó, việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống là một trong những phương thức nâng tầm bản lĩnh văn hóa của sinh viên. Giúp họ hiểu rõ hơn giá trị văn hóa của ông cha ta, tự hào về nó và ra sức bảo vệ những giá trị văn hóa đó. Mặt khác, hoạt động trên còn tạo điều kiện cho

1. Đinh Xuân Dũng (2015), *Mấy vấn đề văn hóa Việt Nam hiện nay, thực tiễn và lý luận,* Nxb. Lao động, Hà Nội, tr. 29

sinh viên "đề kháng" được những tư tưởng, quan điểm văn hóa tiêu cực, phản động. Trong lịch sử dân tộc, Việt Nam chưa bao giờ có cơ hội tiếp thu những giá trị từ nhiều nền văn hóa như bây giờ và cũng chưa bao giờ chứa đựng nhiều nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa như hiện nay. Do vậy, bản lĩnh văn hóa của người dân nói chung và sinh viên nói riêng chính là sức mạnh khẳng định bản sắc dân tộc trước tác động của các nền văn hóa khác trong giao lưu và hội nhập. Bản lĩnh văn hóa ở sinh viên thể hiện ở việc phải "biết ứng xử hài hòa để văn hóa Việt Nam không cự tuyệt các giá trị văn hóa bên ngoài theo lối cực đoan, mà sẵn sàng tiếp thu một cách có nguyên tắc, không đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc"[1]. Hiểu rõ vấn đề này, đòi hỏi trong quá trình giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần hướng mục tiêu giáo dục vươn tới sự thống nhất giữa giá trị văn hóa truyền thống với giáo trị văn hóa đương đại để đảm bảo mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc của nước ta.

2.2. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống góp phần hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên trong giai đoạn hội nhập ngày nay

Hoàn cảnh lịch sử mới đặt ra những yêu cầu mới cho công tác giáo dụcthế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng. Bản thân sinh viên thường xuyênchịu nhiều tác động của nền kinh tế thịtrường trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống có tầm quan trọng đặc biệt đối với việc hình thành, phát triển nhân cách cho sinh viên Việt Nam.

Việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống dân tộc giúp sinh viên nhận thức rõ giá trị và ý nghĩa cuộc sống, biết nhìn nhận cuộc sống theo hướng tích cực, mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể lựa chọn hệ giá trị và hình thành niềm tin, lý tưởng đạo đức, định hướng cho mọi suy nghĩ và hành động của mình, củng cố, phát triển những giá trị nhân cách tốt đẹp; hình thành quan niệm sống tích cực và tạo cơ chế phòng ngừa với những yếu tố phản văn hóa, xây dựng lối sống, đạo đức trong

1. Dương Phú Hiệp (2010), *Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 113

sáng, lành mạnh. Mặt khác, các giá trị văn hóa truyền thống là nền tảng, sức mạnh của ông cha ta được hun đúc nên, nó là động lực để thế hệ sau vươn lên chinh phục những tầm cao mới. Do đó, việc được giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống sẽ giúp sinh viên hình thành ý thức thẩm mỹ tiên tiến trong sự phát triển nhân cách để rèn luyện bản thân ngày càng tiến bộ, tu dưỡng phẩm chất đạo đức phù hợp với thời đại. Từ đó, sinh viên có thể hiểu rõ những giá trị chân - thiện - mỹ, có quan niệm đúng đắn về cái đẹp, có khát vọng và nhu cầu hướng tới cái đẹp để sống và sáng tạo theo quy luật của cái đẹp.

Quá trình rèn luyện nhân cách không phải là một quá trình dễ dàng và nhanh chóng, nó đòi hỏi sự nỗ lực của hoạt động giáo dục và tự giáo dục. Vì vậy, hiểu rõ và nhận thức đúng các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc là cơ sở quan trọng để sinh viên hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho hoạt động rèn luyện và tu dưỡng bản thân. Đặc biệt trong giai đoạn hội nhập hiện nay với nhiều thử thách, ảnh hưởng đến sự phát triển của đất nước về mọi lĩnh vực trong đó có lĩnh vực xây dựng con người mới thì việc giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viện – lực lượng tương lai của nước nhà lại là nhiệm vụ rất quan trọng của ngành giáo dục.

2.3. Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, cùng với quá trình đặt trọng tâm vào đổi mới về kinh tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đường lối xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Quan điểm này đánh dấu sự phát triển tư duy lý luận của Đảng, đồng thời cũng là kết quả tổng kết thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo của Đảng. Để xây dựng nền văn hóa Việt Nam ngày càng giàu mạnh rất cần sự nỗ lực từ nhiều phía với sự tham gia của toàn dân ta. Trong đó, lực lượng thanh niên, sinh viên là lực lượng rất quan trọng cho việc thực hiện mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Do vậy, giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống là một trong những

phương tiện, biện pháp để sinh viên tham gia vào công cuộc xây dựng nền văn hóa ở Việt Nam hiện nay.

Hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống giúp sinh viên nhận thức được hệ thống các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được hình thành và phát triển trong suốt hàng ngàn năm đấu tranh dựng và giữ nước; trong sự giao lưu, tiếp biến chọn lọc những giá trị văn hóa của thời đại.Trải qua thời gian dài như vậy những giá trị truyền thống ấy vẫn không hề bị mất đi mà luôn được bảo tồn và phát huy trong đời sống nhân dân, nó trở thành nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cho nhân dân ta vượt qua thử thách trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Vì vậy, trong hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần phải giúp sinh viên phải nhận thức đúng đắn vấn đề kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, tạo tiền đề cho việc xây dựng những chuẩn mực đạo đức, nhân cách mới phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội trong hoàn cảnh lịch sử mới.

Song song đó, sinh viên là lực lượng chủ động và sáng tạo, họ tiếp cận rất nhanh với các thông tin và phương tiện truyền thông trên thế giới để học hỏi và mở rộng tri thức. Điều này tạo thuận lợi cho sinh viên đóng góp sức mình vào xây dựng nền văn hóa theo hướng hiện đại, phù hợp với sự đi lên của nhân loại. Tuy nhiên, đứng trước nhiều hiện tượng văn hóa mới lạ đầy thách thức thì việc giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống có ý nghĩa rất quan trọng trong sự phát triển của mỗi con người. Do vậy, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên giúp họ nâng cao bản lĩnh và trí tuệ trong quá trình tiếp xúc, giao lưu với các nền văn hóa khác nhau, tạo điều kiện cho họ biết nhận thức, chọn lọc và thẩm định những giá trị văn hóa phù hợp với nền văn hóa Việt Nam. Từ đó, có những hành động thiết thực phục vụ hoạt động xây dựng nền văn hóa mới, tiến bộ mà vẫn giữ được những bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc.

3. Một số giá trị văn hóa truyền thống cơ bản cần được giáo dục cho sinh viên hiện nay

Giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam rất đa dạng và phong phú, tuy nhiên trong khuôn khổ bài viết chúng tôi chỉ lựa

chọn những nội dung chủ yếu nhất liên quan trực tiếp đến việc giáo dục phẩm chất cho sinh viên ngày nay.

Thứ nhất, giáo dục truyền thống yêu nước và tinh thần độc lập dân tộc

Truyền thống yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử dân tộc Việt Nam. Truyền thống này là sản phẩm của sự phát triển lịch sử, gắn liền với quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Nói như GS Trần Văn Giàu: "yêu nước trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh của người Việt Nam, nếu dùng từ "đạo" với nguyên nghĩa của nó là "đường", là hướng đi, thì chủ nghĩa yêu nước đích thật là đạo Việt Nam"[1]. Như vậy, truyền thống yêu nước không dừng lại ở trình độ một nhận thức, tình cảm, mà đã trở thành một chủ nghĩa - Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Đây là một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, có tác dụng to lớn trong việc động viên, cổ vũ mọi người dân sẵn sàng đứng lên bảo vệ Tổ quốc khi có nguy cơ xâm lược từ ngoài tới hay kiên trì góp sức vào sự nghiệp dựng xây đất nước.

Giáo dục lòng yêu nước cho sinh viên là giúp cho họ biết kế thừa và phát huy giá trị truyền thống yêu nước trong chống ngoại xâm bảo vệ đất nước qua các thời kỳ lịch sử chiến tranh. Ngày nay, truyền thống yêu nước gắn liền với độc lập dân tộc, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, tích cực chống nghèo nàn lạc hậu, vươn tới xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hiện đại. Hơn lúc nào hết, sinh viên cần nhận thức rõ vai trò vô cùng quan trọng của chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thứ hai, giáo dục truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng

Truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng được biểu hiện qua các mối quan hệ cộng đồng lớn nhỏ khác nhau như gia đình, gia tộc, họ hàng, làng xã và lớn hơn là cộng đồng dân tộc, cộng đồng người Việt Nam. "Tính cộng đồng trong phạm vi làng là cơ sở tạo nên tính đồng nhất trong hàng loạt lĩnh vực: đồng tộc, đồng niên, đồng nghiệp, đồng hương...và tất yếu dẫn đến sự đồng nhất trong

1. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* Nxb Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội, tr, 167

phạm vi toàn quốc là đồng bào. Tinh thần đoàn kết toàn dân từ đó mà ra"[1]. Song song đó, chính trong hoàn cảnh luôn luôn phải chống lại giặc ngoại xâm với tiềm lực kinh tế, quân sự lớn hơn ta gấp nhiều lần mà truyền thống đoàn kết được hình thành và củng cố. Ý thức cộng đồng Việt Nam thể hiện qua sự đồng thuận về nhận thức, về tình yêu, về trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân đối với cộng đồng, với quê hương, đất nước.

Vì vậy, giáo dục truyền thống đoàn kết cộng đồng cho sinh viên là từng bước xây dựng cho sinh viên ý thức tập thể, đoàn kết cá nhân với tập thể hòa chung vào các phong trào của tập thể từ lớp, khoa đến trường và rộng ra toàn xã hội. Qua đó trang bị cho sinh viên phương pháp hữu hiệu để giải quyết mối quan hệ cá nhân với tập thể, cá nhân với xã hội, biết đặt lợi ích tập thể, lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân, biết hy sinh cái riêng để phục vụ cái chung.

Thứ ba, giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung, cần cù, tiết kiệm

Truyền thống nhân ái được thể hiện ở tình yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ người khác, không vụ lợi. Truyền thống khoan dung biểu hiện ở sự nhân đạo, lòng vị tha. Theo UNESCO, khoan dung không chỉ là một lối hành xử có văn hóa giữa các cá nhân trong một cộng đồng, giữa cộng đồng này với cộng đồng khác mà còn nhấn mạnh sự tôn trọng, sự chấp nhận và sự thưởng thức những đa dạng, phong phú trong các nền văn hóa trên toàn thế giới[2]. Tất cả tình cảm đó nảy sinh trên những cơ sở, điều kiện, môi trường xã hội và hoàn cảnh lịch sử khác nhau. Mặt khác, dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu lao động cần cù, tiết kiệm, nhờ đó mà dân tộc ta đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên để xây dựng và phát triển đất nước.

Giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung, yêu lao động cần cù, tiết kiệm sẽ có tác dụng giúp sinh viên kính thầy, yêu bạn, giúp

---

1. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổnghợp TP Hồ Chí Minh, tr. 203

2. Bùi Thanh Thủy (2015), *Giáo dục giá trị văn hóa tinh thần truyền thống dân tộc với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ chuyên ngành CNDVBC & CNDVLS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, tr. 58

đỡ lẫn nhau trong học tập, sinh hoạt, biết lấy lợi ích tập thể, lợi ích dân tộc làm định hướng cho cuộc sống của mình, góp phần hình thành và phát triển nhân cách. Giúp sinh viên rõ vai trò, ý nghĩa của lao động trong sự phát triển xã hội, từ đó có tình yêu và thái độ đúng đắn đối với lao động.

Thứ tư, giáo dục truyền thống hiếu học

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có truyền thống hiếu học, người Việt Nam lấy sự học làm điều căn bản để thực hiện đạo lý làm người. "Có lẽ do biết coi trọng đạo lý làm người và biết làm người mà dân tộc Việt Nam ta đã đấu tranh tồn tại được và trưởng thành nên một dân tộc độc lập, một quốc gia độc lập"[1]. Trong suốt ngàn năm dựng nước và giữ nước, qua mọi giai đoạn thăng trầm của lịch sử, hiếu học là một truyền thống, là nguồn sức mạnh tinh thần của dân tộc Việt Nam. Ngày này, truyền thống này cần được giữ gìn và phát huy bởi các thế hệ sau. Vì vậy, giáo dục truyền thống hiếu học cho sinh viên nhằm tạo cho sinh viên có thái độ, động cơ và hành động đúng đắn với việc học, góp phần làm giàu thêm tiềm năng trí tuệ cho đất nước. Trí tuệ, tài năng là một trong những nhân tố đảm bảo cho sự phát triển của đất nước và để có tài năng và phẩm chất thì không thể thiếu hoạt động giáo dục và tự giáo dục.

4. Một số yêu cầu cơ bản khi giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay

Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay giữ một vai trò hết sức quan trọng không những đối với quá trình hình thành, phát triển nhân cách cho sinh viên mà còn góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Do vậy, hoạt động giáo dục này cần đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Cần nhận thức rõ giáo dục giá trị văn hóa truyền thống dân tộc cho sinh viên Việt Nam hiện nay là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó nhà trường giữ vai trò hết sức quan trọng. Cần có sự kết hợp giữa môi trường giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội để hiệu quả giáo dục được thực hiện một cách tốt nhất.

---

1. Lê Duẩn (1984), *Về xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, tr. 9

- Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống phải có sự kế thừa, sáng tạo và phát triển cho phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn cũng như nhu cầu phát triển của đất nước, dân tộc. Đảm bảo sự thống nhất giữa truyền thống với hiện đại. Ngày nay, có những giá trị truyền thống tiếp tục được bảo tồn, phát huy trong điều kiện, hoàn cảnh mới, ngược lại cũng có những truyền thống không còn thích ứng với xã hội hiện đại; có những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức vốn được coi trọng trong quá khứ đến nay nó đã không còn phù hợp với điều kiện mới thì cần mạnh dạn loại bỏ, thay thế để góp phần cho sự giàu mạnh của nền văn hóa Việt Nam.

- Trong giáo dục cần nhất quán quan điểm: giáo dục giá trị văn hóa truyền thống của từng dân tộc, cộng đồng không được đi ngược lại hay mâu thuẫn với giá trị chung mà Việt Nam và các nước tiến bộ đều mong muốn vươn tới và đạt được. Ngoài ra, cần xác định công tác giáo dục trên phải phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, không gây nguy hại đến an ninh quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội của đất nước; không tổn hại hay đem đến những nguy cơ mất ổn định nền hòa bình khu vực và thế giới.

- Các phương pháp giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần được thực hiện thường xuyên, liên tục, không chỉ ở các cơ sở đào tạo, hay từ phía đội ngũ giảng viên, mà còn cần có sự chủ động tham gia, rèn luyện của bản thân mỗi sinh viên trong các hoạt động học tập và sinh hoạt. Bên cạnh đó, nhà trường cần gắn với các hoạt động thi đua, khen thưởng, kỷ luật hợp lý, tạo sự công bằng, nghiêm túc trong hoạt động giáo dục; giới thiệu nhiều tấm gương tốt tiểu biểu để tạo động lực thúc đẩy hiệu quả của hoạt động giáo dục giá trị văn học truyền thống cho sinh viên.

5. Thay lời kết

Việt Nam là một dân tộc có nền văn hiến lâu đời và lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, các thế hệ người Việt Nam luôn có ý thức giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc. Trong giai đoạn hiện nay, việc giáo dục các giá trị này có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thế hệ

trẻ nói chung và sinh viên nói riêng, họ là những lực lượng quan trọng không thể thiếu cho sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay. Vì vậy, phát huy vai trò của giáo dục giá trị văn hóa truyền thống dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng để hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước và để đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta. Trên cơ sở đó, góp phần truyền lại cho sinh viên những giá trị văn hóa cao đẹp mà các thế hệ trước để lại, giúp xây dựng lối sống phù hợp với những giá trị nhân văn trong thời đại ngày nay.

Đ.T.T.H - C.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Duẩn (1984), *Về xây dựng nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.

2. Đinh Xuân Dũng (2015), *Mấy vấn đề văn hóa Việt Nam hiện nay, thực tiễn và lý luận,* Nxb. Lao động, Hà Nội.

3. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam,* Nxb. Chính trị quốc gia – Sự Thật, Hà Nội.

4. Dương Phú Hiệp (2010), *Văn hóa và con người Việt Nam hiện nay,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

6. Bùi Thanh Thủy (2015), *Giáo dục giá trị văn hóa tinh thần truyền thống dân tộc với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ chuyên ngành CNDVBC & CNDVLS, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại* (những nội dung cơ bản), Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

ABSTRACT

Culture is not only an aim but also a driving force of development. The responsibility of culture is direction that guide people to legitimate demands and interests to create a strong

driving force in social development. Cultural values play a very important role in promoting the advancement of each nation and race. In Vietnam, traditional cultural values play an important role in fostering good qualities for people, which is typical of young students. Therefore, the education of traditional cultural values for students at universities and colleges in Vietnam is always interested and facilitated. The article focuses on necessaries to educate traditional cultural values for students as well as the content and requirements of this educational activity in the current period.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC VÀ VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐÓ CHO THẾ HỆ TRẺ HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Minh Hải*

1. Đặt vấn đề

Lịch sử nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã tạo nên những giá trị truyền thống của dân tộc mình. Những giá trị truyền thống đó được hun đúc qua bề dày lịch sử phát triển của dân tộc, là nguồn động lực to lớn góp phần tạo nên sức mạnh và sự trường tồn của dân tộc. Mỗi người Việt Nam cần phải hiểu rõ về những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; từ đó, giữ gìn, phát huy các giá trị ấy. Đặc biệt, đối với thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của đất nước, hơn bao giờ hết, việc hiểu rõ, giữ gìn, phát huy các giá trị đó càng trở nên quan trọng và cấp thiết đối với sự tồn tại và phát triển của dân tộc giai đoạn hiện nay.

Hồ Chí Minh là người đề cập nhiều đến giá trị truyền thống và sự cần thiết phải hiểu rõ, giữ gìn, phát huy các giá trị ấy. Người viết: "Dân ta phải biết sử ta/ Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam"(1); "Cứ mỗi lần có những thử thách lớn thì nhân dân ta lại tỏ rõ khí phách, nêu cao phẩm chất tốt đẹp của mình"(2). Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II Đảng

* Trường Đại học An Giang

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.216

2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.547-548

Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới"[1]. Do đó, hiểu rõ những giá trị truyền thống của dân tộc và giáo dục giá trị đó cho thế hệ trẻ hiện nay là hết sức quan trọng và cấp thiết.

2. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về các giá trị truyền thống của dân tộc

Thứ nhất, yêu nước, bất khuất, anh hùng trong dựng nước và giữ nước.

Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, nhân dân ta đã hun đúc lên truyền thống yêu nước. Đó là giá trị truyền thống nổi bật nhất, là dòng chủ lưu trong nền văn hóa Việt Nam, là chuẩn mực đạo đức cao nhất trong thang bậc giá trị đạo đức của con người Việt Nam. Người có tinh thần yêu nước thì đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân; luôn chăm lo xây dựng và bảo vệ đất nước; có ý thức giữ gìn và phát triển bản sắc dân tộc; luôn tự hào về dân tộc. Yêu nước là tình cảm, ý chí mãnh liệt của con người Việt Nam đối với Tổ quốc. Hồ Chí Minh khẳng định: "Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn. Lịch sử ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã ghi những trang oanh liệt của nhân dân đấu tranh để xây dựng nước nhà và bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mình"[2] ; "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[3], Hai Bà Trưng để lại cho phụ nữ Việt Nam một truyền thống vẻ vang, là dũng cảm kháng chiến; truyền thống Diên Hồng vĩ đại, các cụ phụ lão cũng không vì tuổi cao tóc

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.173
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.313
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.172

bạc mà hưởng thụ thanh nhàn ... Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân tộc ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung…

Thứ hai, hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng dụng hiền tài.

Để xây dựng đất nước, từ xa xưa ông cha ta luôn coi trọng vai trò của tri thức, từ đó hình thành nên truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, trọng dụng hiền tài. Sự trân trọng và đề cao ấy được thể hiện thông qua những kỳ thi để tìm kiếm, lựa chọn nhân tài nhằm quản lý xã hội, xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhân sĩ Thân Nhân Trung đã viết bài văn cho tấm bia đầu tiên ở Văn Miếu Quốc Tử Giám ghi nhận về trí thức: "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và ngày càng lớn, nguyên khí suy thì nước yếu và ngày càng xuống cấp". Trong xã hội, người thầy luôn được trân trọng, đề cao và suy tôn "mồng 1 tết cha, mùng 2 tết mẹ, mùng 3 tết thầy". Vì vậy, vị thế của người thầy được đặt ngang hàng với vị trí của cha mẹ. Người có học mà thi đậu thì được đón rước long trọng về làng, không những tự bản thân được vinh dự, mà còn đem vinh dự về cho ông bà, cha mẹ, và cả cho họ hàng, làng, nước. Về truyền thống này, Hồ Chí Minh viết: "Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố tìm cách cho con cái được học hành. Vì vậy, "Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng" là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc An Nam"[1]; "Người An Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu"[2].

Thứ ba, uống nước nhớ nguồn, đoàn kết, nhân hậu, cần cù, lao động sáng tạo.

Từ xa xưa, trong sâu thẳm đời sống tâm linh người Việt luôn tôn trọng, thành kính và biết ơn các thế hệ đi trước. Các thành viên "trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên"[3]; "Thờ phụng những người đã quá cố" đã trở thành "một việc rất thiêng

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.398
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.398
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.425

liêng và thiết tha của người An Nam"[1], thể hiện lòng hiếu thảo, biết ơn những người đã sinh thành, dưỡng dục mình.

Trong lịch sử hàng ngàn năm, cha ông ta đã có tinh thần cố kết cộng đồng để đấu tranh dựng nước và giữ nước. Có được những thành quả đó là do biết bao nhiêu mồ hôi và xương máu của các thế hệ, của những người anh hùng dân tộc đã đổ xuống như: Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám… Hồ Chí Minh cho rằng, chính tinh thần đoàn kết là nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh của cả dân tộc, quyết định đến sự tồn vong của đất nước. Người chỉ rõ: "Sử ta dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn"[2].

Tiếp thu, giáo dục và phát huy truyền thống "ăn quả nhớ người trồng cây", Người căn dặn: "Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng"[3].

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa khắc nghiệt, để tồn tại và phát triển, nhân dân ta đã tích cực chinh phục, cải tạo tự nhiên, tiến hành lao động sản xuất. Vì thế, "Nhân dân ta sẵn có truyền thống tốt đẹp là lao động cần cù, sinh hoạt giản dị"[4]. Trong cuộc sống dù vất vả, khó khăn đến đâu, nhưng nhân dân ta vẫn luôn động viên, tương trợ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau về cả vật chất và tinh thần để vượt qua hoạn nạn với phương châm "lá lành đùm lá rách". Trong sinh hoạt ứng xử cộng đồng, gia đình, nhân dân ta luôn thể hiện tính nhân văn, kính trọng người già, thương yêu con trẻ, thờ cúng tổ tiên. Bởi: "Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế"[5].

Thứ tư, hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình.

Nhân dân ta yêu chuộng hòa bình, truyền thống này có từ

---

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.365
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.217
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.172
4. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.349
5. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.554

ngàn xưa đến nay. Trong cách ứng xử, nhân dân ta luôn lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo, sống hòa hiếu với láng giềng, với bạn bè. Theo Hồ Chí Minh: "Nhân dân Việt Nam yêu hòa bình nhưng quyết không bao giờ lùi bước trước bất kỳ một sự đe dọa nào của bọn đế quốc"(1).

Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam đã phải nhiều lần chống sự xâm lược, thống trị và nô dịch của các nước lớn. Có rất nhiều giai đoạn nước Việt Nam phải xưng thần, phải triều cống, phải nhận sắc phong của các thế lực phong kiến phương Bắc. Nhưng, đó không phải là sự mất tự chủ, mà là một phương cách ngoại giao khéo léo, linh hoạt, uyển chuyển với tinh thần hòa hiếu trong việc bang giao. Trong các giai đoạn đó, người Việt Nam vẫn làm chủ được đất nước, chứ không phải mất độc lập. Mỗi lần chiến thắng, dân tộc Việt Nam đều nêu cao chủ nghĩa nhân đạo, giữ quan hệ hòa hiếu, thân thiện với những quốc gia đã từng xâm lược thống trị mình. Giá trị truyền thống đó được Hồ Chí Minh ca ngợi: "Chúng ta là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, công lý, nhân đạo"(2), "Chúng ta phải tỏ cho họ biết rằng dân ta yêu tự do, độc lập, trọng hòa bình, tín nghĩa"(3).

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục các giá trị truyền thống của dân tộc cho thế hệ trẻ

Là một lãnh tụ vĩ đại, có tầm nhìn xa trông rộng, Hồ Chí Minh thấu hiểu vai trò vô cùng to lớn của thế hệ trẻ trong sự nghiệp cách mạng, trong công cuộc bảo vệ, xây dựng, kiến thiết nước nhà; hết sức quan tâm dìu dắt thế hệ trẻ, dành cho họ một sự quan tâm thích đáng. Trong đó, việc giáo dục các giá trị truyền thống của dân tộc là điều mà Người đặc biệt chú ý. Ngay từ những ngày đầu bôn ba cứu nước, Người đã lập ra tổ chức Hội Việt Nam Thanh niên cách mạng để giáo dục họ. Trước lúc đi xa, trong "Di chúc" thiêng liêng, Người còn ân cần căn dặn: Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.421
2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.136
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.207

khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm rất quan trọng và rất cần thiết. Theo Người, nội dung giáo dục cho thế hệ trẻ phải toàn diện, trong đó bao gồm một số nội dung chính như:

Thứ nhất, giáo dục chủ nghĩa yêu nước.

Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn. Lịch sử ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã ghi những trang oanh liệt của nhân dân đấu tranh để xây nước nhà và bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Chủ nghĩa yêu nước là sản phẩm tinh thần cao quý nhất, giữ vị trí đứng đầu trong bậc thang giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc, là chuẩn mực của đạo lý Việt Nam. Là động lực nội sinh to lớn của dân tộc, tạo thành sức mạnh vô địch trong kháng chiến chống ngoại xâm và xây dựng đất nước. Vì vậy, trong số những vấn đề cần giáo dục cho thế hệ trẻ, Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu vấn đề giáo dục chủ nghĩa yêu nước: trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn. Tinh thần yêu nước như Người đã khẳng định, là vốn quý, là sức mạnh tuyệt vời đã bao lần giúp dân tộc ta đứng vững trước những thử thách nghiệt ngã của lịch sử. Ngày nay, hơn bao giờ hết, tinh thần ấy cần được khơi dậy một cách mạnh mẽ, cần được đề cao và phải tiếp tục tỏa sáng để đưa dân tộc ta bước qua đói nghèo, tụt hậu. Việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước cho thế hệ trẻ là đặc biệt quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Bởi, nó góp phần quan trọng vào quá trình thức tỉnh một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên đang sống một cuộc sống thiếu lý tưởng, thiếu niềm tin, thiếu lòng tự hào và kiêu hãnh dân tộc; đồng thời, sẽ tiếp thêm nguồn sức mạnh cho hàng triệu thanh niên đang ngày đêm chiến đấu, lao động, cống hiến trên mọi lĩnh vực cho sự vững bền của đất nước, cho sự thăng hoa của dân tộc.

Để làm tốt vai trò là người chủ nước nhà trong tương lai, rõ ràng thế hệ trẻ phải có tình yêu nước nồng nàn. Hơn ai hết, họ phải ý thức được sâu sắc vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với Tổ quốc, với đồng bào. Nhiệm vụ của thế hệ trẻ không chỉ là học tập, rèn luyện mà còn phải biết cống hiến và hy sinh.

Hồ Chí Minh rất chú trọng tới vai trò giáo dục của nhà trường, của ngành Giáo dục - Đào tạo. Bởi vì, nhà trường là nơi thuận lợi nhất để giáo dục thế hệ trẻ trên mọi phương diện. Nhà trường là nơi tuổi trẻ tiếp thu những tri thức, những kinh nghiệm để chuẩn bị bước vào đời. Nhà trường là môi trường để thể hệ trẻ trau dồi đạo đức, ý chí, luyện rèn những phẩm chất cần thiết cho một tương lai tươi sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của nhà trường trong chế độ mới: "Cốt nhất là phải dạy học trò biết yêu nước, thương nòi, phải dạy cho họ ý chí tự lập tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ".

Bên cạnh trường học, tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cũng có vai trò quan trọng không kém. Đây là đội ngũ của những người thanh niên Việt Nam ưu tú. Trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã có những đóng góp lớn lao, góp phần cùng dân tộc lập nên những chiến công chói lọi. Đoàn vừa là tổ chức, vừa là môi trường cho thế hệ trẻ yêu nước rèn luyện và cống hiến. Trong suốt cuộc đời của mình, Hồ Chí Minh đã dành cho tổ chức này những tình cảm đặc biệt quý mến. Người từng nhắc nhở: "Có số thanh niên tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày nay là trên trời rơi xuống, không biết sự gian nan cực khổ cũ. Các đồng chí già phải kể lại cho họ nghe. Đó là một cách giáo dục thế hệ trẻ". Đối với những tấm gương anh hùng cách mạng, với những chiến công của các anh hùng dũng sỹ đã lập nên trong công cuộc cứu nước và giữ nước, Hồ Chí Minh căn dặn: "Chúng ta phải ghi chép và thường nhắc lại những sự tích ấy... để giáo dục thế hệ trẻ ta rèn luyện một ý chí kiên quyết quật cường, một tâm lý quả cảm xung phong, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của Tổ quốc". Người thanh niên yêu nước phải biết "uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây"; vì đó là đạo lý, là lẽ sống quý báu của dân tộc đã được lưu giữ từ nghìn đời nay.

Thứ hai, giáo dục tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái.

Trong các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh thần nhân nghĩa, truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái là những nét đẹp đặc sắc của con người Việt Nam. Lòng nhân ái của từng

người dân đã gắn chặt vận mệnh của họ với sự tồn vong của dân tộc, với sự hùng cường của đất nước. Truyền thống của người dân Việt Nam còn là ý chí kiên cường, bất khuất, dám xả thân, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc; dám vươn lên để tìm đường thoát khỏi đói nghèo, xây dựng đất nước cường thịnh. Truyền thống này hình thành cùng với sự hình thành dân tộc, trong hoàn cảnh đấu tranh quyết liệt với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Người Việt Nam gắn bó với nhau trong tình làng, nghĩa xóm và phát huy được sức mạnh bốn chữ: đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh. Cho nên, người Việt Nam từ lâu sống với nhau có tình có nghĩa. Tình nghĩa ấy được Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà. Ngay cả khi tiếp thu lý luận Mác - Lênin cũng phải dựa trên nền tảng các giá trị truyền thống của dân tộc. Người nhấn mạnh: Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu kinh sách mà sống không có tình nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin được... Tư tưởng đại nhân, đại nghĩa ở Hồ Chí Minh là phấn đấu vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của con người, là cứu nước, độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, tạo mọi điều kiện cho con người phát triển. Trong văn hóa đạo đức Việt Nam, chữ "Nghĩa" có ý là lẽ phải, ngay thẳng. Hồ Chí Minh nói: ai làm điều gì có lợi cho nhân dân, cho Tổ quốc đều là bạn; ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc đều là kẻ thù.

Thứ ba, khắc phục thói quen lạc hậu.

Thói quen lạc hậu là biểu hiện của ý thức xã hội, những hủ tục không dễ gì xóa bỏ được ngay. Vì vậy, khi đề cập tới phương châm giáo dục, Hồ Chí Minh xác định: "Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngầm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó một cách rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài"[1]. Theo Người, biện pháp giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Do vậy, trong giáo dục các giá trị truyền thống cho thế hệ trẻ phải tuân thủ từ dễ đến khó và "khéo" kết hợp đa dạng hóa các hình thức

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.287

tuyên truyền giáo dục. Một trong những biện pháp quan trọng, có ý nghĩa thời sự đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ hiện nay là sự nêu gương của các thế hệ đi trước, của thầy giáo, cô giáo. Muốn vậy, phải ra sức xây dựng đội ngũ thầy giáo tốt, trường lớp tốt, làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, mô phạm để thế hệ trẻ nhìn vào đó học tập và làm theo.

Về nội dung, chương trình giáo dục cho thế hệ trẻ phải quán triệt quan điểm toàn diện. Sẽ là sai lầm nghiêm trọng nếu cho rằng: với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn, thao tác kỹ thuật nghiệp vụ mà không cần trang bị các kiến thức khác. Do đó, bên cạnh việc truyền thụ kiến thức chuyên ngành, phải trang bị các tri thức khác cho thế hệ trẻ; trong đó, phải quan tâm tới giáo dục các giá trị truyền thống dân tộc. Người nói: "Bác không phản đối việc giáo dục cho thanh niên ta những hiểu biết về thế giới, về lịch sử các nước, về những cái hay của loài người. Nhưng ta phải phân biệt cái gì nên làm trước, cái gì làm sau cho thiết thực và có ích"[1]. Trong quá trình giáo dục cần kết hợp giữa kế thừa và phát triển các truyền thống tốt đẹp, xóa bỏ các hủ tục, lạc hậu: Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay thì phải làm. Đối với những người làm công tác giáo dục giá trị truyền thống, Người nhắc nhở: "Nhân dân ta có truyền thống kể chuyện mà lại có duyên. Các chú phải học cách kể chuyện của nhân dân, nên kèm theo nhiều tranh vẽ dễ hiểu mà đẹp, nhưng đừng vì vẽ nhiều mà tính giá đắt quá"[2]. Cụ thể, trong khi viết và nói, chú ý sử dụng các khái niệm giản dị, thiết thực, ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ nhưng văn phong vẫn trong sáng, ý tưởng phong phú và phải phù hợp với điều kiện cụ thể của người đọc, người nghe. Phong cách đó làm cho mọi tầng lớp, mọi người ở trình độ khác nhau đều hiểu. Do đó, Người chỉ rõ: "Tuyên truyền không cần phải nói tràng giang đại hải. Mà nói ngắn gọn, nói những vấn đề thiết thực, chắc chắn làm được, để cho mọi

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.556

2. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.558

người hiểu rõ và quyết tâm làm bằng được"[1].

Thứ tư, giáo dục toàn diện.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến quan điểm giáo dục toàn diện. Người cho rằng, Nhà nước chú trọng đặc biệt việc giáo dục thế hệ trẻ về đức dục, trí dục và thể dục; thanh niên phải chuẩn bị làm người chủ nước nhà. Muốn thế phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, trước hết phải rèn luyện và thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa, gột rửa cá nhân chủ nghĩa... Theo tư tưởng của Người, để hoàn thành tốt vai trò người chủ nước nhà, thế hệ trẻ phải được giáo dục, đào tạo một cách chu đáo, phải được chuẩn bị đầy đủ các hành trang cần thiết nhất. Trước hết, họ phải được rèn luyện để trở thành những con người gương mẫu về đạo đức, có ý thức đạo đức hoàn thiện, đầy đủ; đồng thời, có thể chất cường tráng, mạnh mẽ. Có như thế họ mới có thể vượt qua được những khó khăn, thử thách, mới làm tròn được những nhiệm vụ vẻ vang nhưng cũng rất nặng nề mà Đảng, dân tộc và nhân dân giao phó. Đặc biệt, họ phải là những người có trí tuệ cao, thông minh, sáng tạo, có ý chí khám phá, tìm tòi "dám nghĩ, dám làm", biết vận dụng những thành quả của khoa học - công nghệ hiện đại vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Để trở thành những con người phát triển hài hòa và toàn diện, con đường duy nhất của thế hệ trẻ là không ngừng ra sức phấn đấu, rèn luyện, học tập trên tất cả các lĩnh vực, phải ra sức học tập chính trị, kỹ thuật, văn hóa, phải thấm nhuần tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Điều đó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa và cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại. Thế hệ trẻ Việt Nam phải biết vươn lên làm chủ những công nghệ tiên tiến nhất để xóa bỏ nghèo đói và tụt hậu, để rút ngắn khoảng cách với những quốc gia phát triển.

4. Kết luận

Mỗi con người phải biết quá khứ của mình, mỗi dân tộc phải biết lịch sử của mình. Một dân tộc mà đánh mất quá khứ là đánh mất chính bản thân mình. Các giá trị văn hóa truyền thống là tài

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.137-138

sản vô giá của dân tộc. Nó là dòng chảy liên tục nảy sinh, tồn tại và phát triển trong suốt tiến trình dựng nước, giữ nước và phát triển đất nước của cha ông. Đây là cơ chế tích lũy, lưu truyền, chắc lọc, chuyển giao, tiếp nối từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì thế, việc kế thừa và phát huy giá trị truyền thống dân tộc là một trong những yêu cầu bức thiết trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Trong bối cảnh hội nhập và mở cửa hiện nay, đất nước đang đứng trước những thời cơ và những thử thách lớn lao; hơn bao giờ hết, vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ lại càng vinh dự và nặng nề. Tương lai của đất nước, của dân tộc đang nằm trong tay thế hệ trẻ. Đất nước ta có thể sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không; có thể đi tắt, đón đầu thời đại được hay không; có thể vượt ra khỏi đói nghèo, tụt hậu để trở thành một quốc gia giàu có, vững mạnh, phát triển về mọi mặt được hay không?... Tất cả đang trông chờ vào ý chí, nghị lực và bản lĩnh của thế hệ trẻ; tất cả đang được quyết định bởi những việc làm, những hành động cụ thể của thế hệ trẻ hôm nay. Những điều đó phụ thuộc rất nhiều vào kết quả giáo dục những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc cho thế hệ trẻ Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

N.T.M.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên) (2013), *Giáo dục đạo đức mới cho sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

3. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyên (Đồng chủ biên) (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 1, 2, 3, 4, 6, 8, 9, 11, 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI TỈNH SƠN LA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NCS. Nguyễn Thị Hạnh*

1. Đặt vấn đề

Mỗi người sinh ra, lớn lên đều phải đến trường học từ bậc mầm non cho đến các bậc cao hơn. Rất hiếm những trường hợp không có nền tảng học tập bài bản mà thành đạt trong cuộc sống. Cho nên nhà trường có vai trò vô cùng quan trọng, là môi trường để giáo dục và rèn luyện nhân cách con người. Ở đó, các em học sinh được học những kiến thức cơ bản, những tri thức văn minh của nhân loại, được rèn luyện tư tưởng, đạo đức, lối sống … Từ những mái trường, các em học sinh thực hiện được mơ ước của mình, chinh phục được những đỉnh cao của tri thức. Cho nên, mỗi Thầy Cô giáo là một tấm gương, là hình mẫu để các em học sinh học tập và noi theo. Dân tộc Việt Nam với truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước đã tạo nên nhiều giá trị văn hóa tốt đẹp như: Truyền thống yêu nước; truyền thống tôn sư, trọng đạo; truyền thống nhân ái, khoan dung; truyền thống cần cù, tiết kiệm, yêu lao động … Vậy, các trường phổ thông sẽ giúp các em học sinh tìm hiểu, học tập và rèn luyện những giá trị văn hóa truyền thống đó. Tuy nhiên, tại các trường phổ thông hiện nay việc thực

* Trường cao đẳng Sơn La

hiện giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống như thế nào và có những vấn đề gì đặt ra cần phải khắc phục …Trong bài viết này, tôi nêu cụ thể về thực trạng giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh trung học phổ thông (THPT) tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, tôi đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những bất cập trong thực tiễn.

2. Thực trạng giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn hiện nay

2.1. Nhận diện khái niệm giá trị, truyền thống, giá trị văn hóa truyền thống

Giá trị: Giá trị là phạm trù đặc biệt gắn liền với nhu cầu con người và liên quan đến lợi ích vật chất, tinh thần của con người. Bản chất và ý nghĩa bao quát của giá trị là tính nhân văn. Chức năng của giá trị là định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của cá nhân và cộng đồng. Do vậy, giá trị được định nghĩa là: "Giá trị trước hết là một một phạm trù triết học, chỉ sự đánh giá những thành quả lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người. Nó có tác dụng định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của xã hội nhằm vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội"[1] .

Truyền thống: Theo gốc từ Latinh, truyền thống được viết là Tradio gồm động từ Tradere (traditus) nguyên nghĩa của nó là truyền lại, giao lại ... Do vậy, chúng ta có thể hiểu truyền thống là sự kế thừa những di sản xã hội có giá trị được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Hiện nay, có nhiều định nghĩa về truyền thống. Theo quan điểm của cố GS. Trần Văn Giàu: "*truyền thống là những đức tính hay những thói tục kéo dài nhiều thế hệ, nhiều thời kỳ lịch sử và hiện có nhiều tác dụng, tác dụng đó có thể tích cực, cũng có thể tiêu cực"*[2]. Tuy nhiên, truyền thống có hai mặt tích cực và hạn chế, cho nên không phải truyền thống nào cũng có tác dụng thúc đẩy xã hội phát triển, mà bên cạnh đó có những truyền thống kìm hãm sự phát triển của xã hội. Cho nên sinh thời Hồ Chí Minh đã khẳng định: "*Khôi phục vốn cũ, thì nên khôi phục cái gì tốt, còn cái gì không tốt thì phải loại dần ra"*[3].

Giá trị văn hóa truyền thống: những truyền thống văn hóa được cộng đồng thừa nhận, đánh giá, thẩm định nghiêm ngặt, khách quan qua những giai đoạn lịch sử và được nâng lên ở mức cao trở thành giá trị văn hóa truyền thống. Do đó, mỗi dân tộc có quá trình hình thành và phát triển khác nhau. Trong quá trình ấy, các dân tộc đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa và được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Vì vậy, giá trị văn hóa truyền thống được hiểu là những giá trị tốt đẹp và tương đối ổn định, tiêu biểu cho một nền văn hóa được chắt lọc, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tuy nhiên, giá trị văn hóa truyền thống có sự biến đổi tuỳ thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của từng quốc gia, khu vực nhất định.

2.2. Những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam

Trải qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam đã sáng tạo nên giá trị văn hóa truyền thống. Những giá trị văn hóa truyền thống ấy đã tạo nên bản sắc riêng của Việt Nam không thể nhầm lẫn với các quốc gia khác. Mỗi thế hệ người dân Việt Nam đều rất tự hào về những giá trị văn hóa truyền thống. Cho nên, đất nước trải qua nhiều biến cố nhưng nhờ các giá trị văn hóa truyền thống mà dân tộc Việt Nam luôn đứng vững và trường tồn trong suốt chiều dài lịch sử. Thời gian trôi qua nhiều năm tháng nhưng những giá trị văn hóa truyền thống ấy luôn được đồng bào ta gìn giữ và lưu truyền cho đến ngày nay.Vậy, những giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam là:

Truyền thống yêu nước: Với vị trí địa lý là đầu mối giao thông quốc tế quan trọng, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, Việt Nam luôn là mục tiêu xâm lược của nhiều quốc gia. Trong tiến trình phát triển của dân tộc, nhân dân ta đã phải trải qua thời gian dài chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Do đó, truyền thống yêu nước trở thành nguồn sức mạnh để dân tộc ta vượt qua khó khăn, chiến thắng mọi kẻ thù và bảo vệ vững chắc chủ quyền đất nước.Vì vậy, chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành trọn cả đời mình để mang lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc Việt Nam. Cả đời Người chỉ có một ham muốn tột bậc *"làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"*[4] … Đến cuối

đời Người cũng không có gì ân hận về con đường mình đã lựa chọn và chỉ muốn cống hiến cho nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa. Vì vậy, truyền thống ấy đã thấm sâu vào dòng máu mỗi người dân Việt Nam. Ngày nay, chúng ta cần giáo dục cho thế hệ trẻ kế thừa và phát huy giá trị truyền thống yêu nước, tức là tích cực học tập để xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, hiện đại. Hơn lúc nào hết, thế hệ trẻ cần nhận thức rõ vai trò vô cùng quan trọng của chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Truyền thống nhân ái, khoan dung: Đây là giá trị đạo đức nhân văn sâu sắc được hình thành trong chính đau thương, mất mát qua các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và từ cuộc sống lam lũ của dân tộc Việt Nam. Biểu hiện lòng nhân ái của dân tộc ta bắt nguồn từ chữ *tình.* Trong gia đình là tình cảm đối với cha mẹ, là tình anh em, tình nghĩa vợ chồng. Rộng hơn là tình làng nghĩa xóm và bao trùm hơn cả là tình thương yêu đồng loại. Cho nên lòng yêu thương con người là sự tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau "*lá lành đùm lá rách*". Chính từ lòng yêu thương con người cho nên trong truyền thống, dân tộc Việt Nam luôn thể hiện sự bao dung, vị tha trong ứng xử giữa con người với con người. Trong lịch sử, nhân dân ta luôn đề cao và coi trọng việc giữ tình hoà hiếu với các nước, tận dụng mọi cơ hội có thể để giải quyết hoà bình các xung đột, cho dù nguyên nhân từ phía kẻ thù ... Ngày nay, truyền thống đó không bị mai một đi, mà vẫn tiếp tục được khẳng định và củng cố khi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta thực hiện đường lối nhất quán: *Việt Nam muốn là bạn, sẵn sàng là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*. Cho nên giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung cho học sinh THPT là vô cùng cần thiết, giúp cho thế hệ trẻ nâng cao nhận thức, tự giác sống tốt đẹp hơn và góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh.

Truyền thống cần cù, tiết kiệm, yêu lao động: cần cù, tiết kiệm, yêu lao động là một trong những giá trị đạo đức nổi bật, phẩm chất đáng quý của dân tộc Việt Nam. Phẩm chất cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của người Việt Nam luôn gắn với sự dành dụm, tiết kiệm và trở thành đức tính cần có như một lẽ tự

nhiên. Nhờ có yêu lao động mọi người mới tạo ra được nhiều của cải vật chất, đảm bảo và nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, sự cần cù, sáng tạo đi đôi với thực hành tiết kiệm trong lao động sản xuất của mỗi người Việt Nam càng trở nên có ý nghĩa thiết thực. Bởi đây chính là động lực tiên quyết nhằm tăng năng suất, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển, qua đó tự mỗi người đóng góp một phần vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, giáo dục truyền thống yêu lao động cần cù, tiết kiệm sẽ giúp học sinh THPT nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của lao động trong sự phát triển xã hội. Từ đó, các em học sinh có tình yêu và thái độ đúng đắn đối với lao động. Các em sẽ xác định lao động là niềm vui, niềm hạnh phúc của tuổi trẻ với tinh thần hăng say, sáng tạo sẽ mang lại năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo: Chúng ta thấy rằng hiếu học là một trong những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Lịch sử khoa bảng của dân tộc ta lưu danh nhiều tấm gương sáng ngời về ý chí và tinh thần ham học. Ví dụ như tấm gương Nguyễn Hiền mồ côi cha từ nhỏ, ông chỉ theo học nơi cửa chùa nhưng đã đỗ đạt cao, trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi nhất trong lịch sử nước ta khi mới 13 tuổi. Hoặc tấm gương Mạc Đĩnh Chi sinh ra trong một gia đình rất nghèo nên không được đến lớp học như bạn bè cùng trang lứa, mà ông chỉ đứng bên ngoài nghe thầy giáo giảng bài. Ban đêm phải học dưới ánh sáng của con đom đóm trong vỏ trứng. Mặc dù điều kiện học tập khó khăn và thiếu thốn nhưng ông cố gắng vượt qua và trở thành Lưỡng quốc Trạng nguyên (Trung Hoa và Đại Việt). Ngoài ra còn rất nhiều tấm gương hiếu học khác: Nhà giáo Chu Văn An, Trạng trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, Trạng lường Lương Thế Vinh, nhà bác học Lê Quý Đôn, thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký… Truyền thống tôn sư trọng đạo hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc. Đó là sự tôn trọng, kính trọng thầy cô giáo họ là những người đã truyền dạy kiến thức cho chúng ta. Ngày nay, giáo dục cho các em học sinh về các tấm gương hiếu học trong truyền thống là vô cùng cần thiết, để các em nâng cao ý chí phần đấu của bản thân và tôn trọng những người đã truyền dạy kiến thức cho mình. Đó không chỉ là trách nhiệm của gia đình, nhà trường mà là trách nhiệm của toàn xã hội.

2.3. Thực trạng giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam cho học sinh THPT tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn hiện nay – Những vấn đề đặt ra

Dân tộc Việt Nam có nhiều giá trị văn hóa truyền thống và những giá trị văn hóa ấy được đồng bào sàng lọc kiểm định qua thời gian và trở thành bản sắc văn hóa của dân tộc ta. Cho nên, thế hệ trẻ chúng ta ngày hôm nay cần phải có trách nhiệm gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa ấy. Trong những năm qua, các trường THPT tại tỉnh Sơn La đã thực hiện giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống cho các em học sinh. Bên cạnh những thành công mà các trường đạt được thì còn tồn tại một số hạn chế nhất định.

Trước khi tiến hành bài viết này, chúng tôi tiến hành khảo sát tại 04 trường THPT trên địa bàn thành phố Sơn La (bao gồm trường THPT Chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường THPT Tô Hiệu, trường THPT Chiềng Sinh). Với câu hỏi *Nhà trường thực hiện giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam cho các em học sinh như thế nào?* Kết quả chúng tôi thu được là cả 04 trường đều thực hiện lồng ghép giảng dạy những giá trị văn hóa truyền thống vào các giờ dạy trên lớp. Cụ thể là các môn Ngữ Văn, Lịch sử, Giáo dục công dân, … Bởi hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định số tiết giảng dạy cho từng môn học nhưng các trường THPT tự thiết kế chương trình sao cho phù hợp với thực tiễn. Do vậy, đây là điều kiện thuận lợi để các trường chủ động xây dựng chương trình phù hợp với đặc thù học sinh của trường mà vẫn đảm bảo chất lượng. Trước đây, nếu phân phối chương trình được ấn định sẵn số tiết cho từng bài, các trường chỉ thực hiện theo thì bất cập đặt ra là có những nội dung giáo viên muốn truyền đạt sâu hơn cho học sinh, muốn liên hệ thực tế thông qua nội dung bài học thì không có nhiều thời gian vì số tiết đã quy định. Nay các trường chủ động thiết kế chương trình giảng dạy, cho nên rất thuận lợi trong việc lồng ghép giáo dục các nội dung kiến thức mở rộng bài học, môn học. Ví dụ đối với môn Lịch sử ngoài số tiết Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (khối 10: 52 tiết , khối 11: 35 tiết, khối 12: 52 tiết) thì trường THPT Tô Hiệu, thành phố Sơn La sắp xếp thêm 6 tiết tự chọn cho mỗi khối lớp. Trong thời gian đó các Thầy, Cô giáo củng cố nội dung bài học và liên

hệ mở rộng giáo dục những giá trị văn hóa mang đặc trưng của địa phương cho các em học sinh. Cụ thể là giáo viên lồng ghép giảng dạy nội dung lịch sử địa phương với truyền thống đấu tranh của các nhà cách mạng của nước ta trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhà tù Sơn La là minh chứng cho sự gan dạ, dũng cảm và hy sinh quên mình của các anh hùng cách mạng. Đồng thời, qua các bài giảng học sinh cảm nhận được tội ác của kẻ thù đối với dân tộc ta trong những năm tháng chiến tranh. Từ đó, các em học sinh hiểu sâu hơn về tinh thần yêu nước của các thế hệ tiền bối xả thân đấu tranh chống giặc ngoại xâm với khẩu hiệu "*thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*"[5]… Ngày nay, khi các em được sống trong hòa bình, các Thầy Cô giáo giáo dục cho các em hiểu sâu sắc hơn tinh thần yêu nước của thế hệ đi trước. Từ đó, các em tiếp nối truyền thống ấy nhưng biểu hiện yêu nước là ra sức phấn đấu học tập, không ngừng rèn luyện để cống hiến trí tuệ, sáng tạo ra nhiều thành tựu khoa học, kỹ thuật đưa đất nước phát triển ngày càng giàu mạnh, văn minh, hiện đại. Với câu hỏi: *Ngoài các bài giảng trên lớp, nhà trường còn giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc ta cho học sinh bằng hình thức nào?* Kết quả chúng tôi thu được là: 100% các trường được hỏi đều có ý kiến ngoài các bài giảng trên lớp, nhà trường còn tổ chức giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc ta cho học sinh bằng hình thức đi tham quan thực tế di tích lịch sử trong tỉnh, tổ chức ngoại khóa (1 lần/năm), thi tìm hiểu về truyền thống yêu nước (thành lập các đội thi tại lớp). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là số lượng các buổi ngoại khóa giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh ở các trường được khảo sát còn rất khiêm tốn (1lần/năm). Đặc biệt là các cuộc thi tìm hiểu về chủ đề truyền thống yêu nước giữa các khối lớp trong toàn trường không có (chỉ thi tại lớp) nên học sinh chưa có nhiều điều kiện để thể hiện năng lực hiểu biết cũng như học hỏi từ Thầy, Cô và các bạn.

Bên cạnh truyền thống yêu nước, dân tộc Việt Nam có nhiều truyền thống đẹp mang tính nhân văn sâu sắc, tiêu biểu là truyền thống nhân ái, khoan dung. Với câu hỏi: *Làm thế nào để nhà trường nâng cao nhận thức cho các em học sinh về truyền thống nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam*? Chúng tôi thu được

kết quả là: Thứ nhất, 100% ý kiến đều cho rằng các bài giảng trên lớp vô cùng quan trọng. Thông qua bài giảng, các Thầy, Cô giáo phân tích, giảng giải nguồn gốc của truyền thống ấy xuất phát từ đời sống của dân tộc Việt Nam trước đây vô cùng khó khăn, thiếu thốn cho nên đồng bào luôn thương yêu giúp đỡ lẫn nhau với quan điểm "*một miếng khi đói bằng một gói khi no*", hay tinh thần tương thân tương ái, biết tha thứ cho người mắc lỗi khi họ có ý thức sửa chữa … Lâu dần, nếp sống đó trở thành nét đẹp trong văn hóa ứng xử của mỗi người. Ngày nay, các em có cuộc sống đầy đủ, ai cũng được ăn no mặc ấm hơn nhưng ngoài xã hội vẫn còn biết bao cảnh đời éo le, số phận không may mắn. Vì thế chúng ta luôn thể hiện tinh thần nhân ái giúp đỡ mọi người. Thứ hai, ngoài các bài giảng lý thuyết, thì điều quan trọng hơn là làm thế nào để các em học sinh được trải nghiệm, được chứng kiến những hoàn cảnh đó, những số phận đó trong thực tiễn. Cho nên, hàng năm các trường THPT tại Sơn La vận động giáo viên, học sinh quyên góp đồ dùng, quần áo, sách vở … Và tổ chức cho học sinh trong trường đi ủng hộ học sinh các trường xa trung tâm thành phố nơi còn nhiều khó khăn (tổ chức không thường xuyên, có năm thực hiện, có năm không thực hiện). Đặc biệt, chỉ có trường THPT Chuyên đã tổ chức thường niên những chuyến đi từ thiện, thăm hỏi và tặng quà cho bệnh nhân nằm viện đa khoa tỉnh nhân dịp tết nguyên đán, tặng quà cho trại trẻ mồ côi ... Qua đó, các em học sinh được chứng kiến và cảm thông chia sẻ trước hoàn cảnh khó khăn hay nỗi đau của người khác chứ không phải là sự thờ ơ, lãnh cảm như một bộ phận nhỏ giới trẻ hiện nay. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là trong nội dung giáo dục này là chỉ có trường THPT Chuyên tổ chức được thường xuyên các chuyến đi từ thiện, thăm hỏi tặng quà các cháu nhỏ ở trại trẻ mồ côi và bệnh nhân. Còn lại các trường THPT trên địa bàn chưa thực hiện được thường xuyên, nên việc giáo dục kiến thức thực tế cho học sinh còn có những hạn chế nhất định.

Từ ngàn xưa dân tộc Việt Nam luôn cần cù, tiết kiệm, yêu lao động. Với câu hỏi *Nhà trường giáo dục học sinh truyền cần cù, tiết kiệm, yêu lao động bằng cách nào*? Chúng tôi thu được kết quả là: *Thứ nhất,* các trường tổ chức giáo dục truyền thống cần

cù, tiết kiệm, yêu lao động cho học sinh thông qua bài học trên lớp. Từ đó học sinh hiểu được với nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, mỗi người dân Việt Nam phải cần cù lao động, phải vất vả một nắng hai sương: *cày đồng đang buổi ban trưa, mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, ai ơi bưng bát cơm đầy, dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần* mới có được hạt lúa, hạt thóc. Cho nên, đồng bào luôn tiết kiệm sản phẩm làm ra, không sử dụng lãng phí, tiết kiệm ở dây không phải là bủn xỉn, là hà tiện. Qua đó, Thầy, Cô giáo giúp các em xác định mỗi người không thể có được của cải vật chất nếu không trải qua lao động. Vì vậy, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, học sinh rèn luyện đức tính yêu lao động và tích cực lao động để có được một cuộc sống tốt đẹp trong hiện tại và tương lai. Đúng như Hồ Chí Minh đã khẳng định: *tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình*. *Thứ hai,* để giáo dục cho học sinh cần cù, chịu khó, yêu lao động, các trường THPT ở Sơn La tổ chức cho học sinh trải nghiệm. Cụ thể là trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh tổ chức cho các em trồng những vườn rau nho nhỏ. Các khối lớp thi đua trồng rau xanh, tốt và năng suất. Sản phẩm thu được phục vụ chính bữa ăn hàng ngày của các em. Qua đó, ngoài thời gian học tập các em được trải nghiệm, được lao động để các em cảm nhận giá trị thành phẩm của mình tạo ra khi phải qua lao động mới có. Còn lại 03 trường tổ chức cho các em nhặt rác tưới cây xung quanh sân trường hoặc về gia đình giúp đỡ bố mẹ…Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là tại các trường THPT được khảo sát , ngoài 98 % các em học sinh chăm ngoan, siêng năng, cần cù, yêu lao động thì vẫn có 2% học sinh chưa có ý thức rèn luyện lao động, ở trường thì ỷ lại cho các bạn, về nhà lười làm việc không giúp đỡ bố mẹ và chưa tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày… Bởi các em còn đang được bố mẹ nuôi nấng, chưa tự làm việc để nuôi bản thân cho nên các em chưa biết quý trọng công sức lao động.

Trước đây, dân tộc Việt Nam luôn có truyền thống hiếu học mặc dù điều kiện khó khăn thiếu thốn nhưng tinh thần hiếu học không hề giảm. Với câu hỏi *Nhận thức của học sinh về việc học ra sao?Nhà trường có biện pháp gì để giáo dục học sinh nâng cao tinh thần hiếu học?* Chúng tôi thu được kết quả là: 90% học sinh tại các trường được khảo sát đã nhận thức vai trò của việc học,

cho nên các em đã chịu khó chăm chỉ học tập. Bên cạnh đó, vẫn còn 10% số học sinh nhận thức chưa đầy đủ cho nên còn mải chơi, chưa say mê học tập. Do vậy, nhà trường thực hiện giáo dục các em bằng cách: *Một là*, giáo viên nêu những tấm gương hiếu học và thành đạt trong truyền thống, trong thực tế nhà trường, trong toàn tỉnh để các em nỗ lực phấn đấu thông qua các buổi chào cờ, giờ sinh hoạt lớp, qua bài giảng môn học *Hai là,* nhà trường tổ chức các đợt thi đua, nếu bạn nào có thành tích nổi bật đều được nhà trường vinh danh, khen thưởng trước toàn thể nhà trường thông qua các buổi chào cờ đầu tuần. Qua đó, các em học sinh có động lực để phấn đấu học tập mang lại kết quả và chất lượng thực sự. Bên cạnh đó, người thầy có vai trò quan trọng đã truyền dạy kiến thức, đạo lí, nhân cách để các em sống tốt và có ích hơn. Nhiều thế hệ học sinh trong tỉnh đạt giải cao do công lao dạy dỗ của các Thầy như: học sinh trường THPT Chiềng Sinh đạt giải Huy chương vàng trong cuộc thi *Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc lần thứ 14*; trường THPT Chuyên có rất nhiều học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi quốc gia và quốc tế … Do vậy, nhà trường luôn giáo dục học sinh ghi nhớ và tôn vinh công lao người Thầy đã dạy dỗ mình. Trong những năm qua, mặc dù các trường THPT tại Sơn La đã cố gắng để giáo dục các em học sinh vừa giỏi về kiến thức, vừa có đạo đức tốt biết đối nhân xử thế trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra ở đây là: ngoài trường THPT Chuyên thì có đến 10% học sinh tại các trường được khảo sát còn chưa ham học, biểu hiện: Một là, các em học theo kiểu chống đối, học vẹt, học trước quên sau, không ghi nhớ được kiến thức. Hai là, một số học sinh không thích học, lý do là: nền tảng kiến thức rỗng, bạn bè lôi kéo, một số em ít được quan tâm do bố mẹ bận làm kinh tế hoặc ly hôn … Cho nên, trong giờ học các em làm việc riêng, sử dụng điện thoại để nhắn tin, không tập trung vào bài giảng hoặc ngồi trật tự nhưng không chú ý nghe giảng. Ba là, một số em có tư tưởng học vì bố mẹ, học để lấy tiền trợ cấp nên không chú tâm vào việc học (trường phổ thông dân tộc nội trú). Bốn là, một số học sinh ỷ lại việc học, cuối kỳ cuối năm trông chờ bố mẹ xin điểm nên các em không chăm chỉ phấn đấu trong học tập. Những học sinh này khi được giáo viên nhắc nhở các em tỏ

thái độ không thích, không muốn nghe hoặc nghe nhưng không sửa chữa, không có ý thức cầu tiến.

Ngoài ra, học sinh THPT đang trong độ tuổi mới lớn bắt đầu biết yêu nên dễ bị chi phối việc học. Với câu hỏi: *Nhà trường tuyên truyền nội dung tình bạn, tình yêu, nói không với bạo lực học đường như thế nào?* Chúng tôi thu được kết quả là mỗi trường có các biện pháp khác nhau. Đối với trường THPT Chiềng Sinh, nhà trường thành lập câu lạc bộ *Bạn gái tiêu biểu*. Câu lạc bộ là không gian để các bạn gái chia sẻ tâm tư, nguyện vọng, giáo dục giới tính, sức khỏe vị thành niên cho các em, phương pháp xử lý khi gặp các tình huống xấu trong cuộc sống. Đồng thời giáo viên giúp các em hiểu thế nào là tình bạn đẹp, hậu quả của việc yêu sớm, cách thức xây dựng tình bạn đẹp…Đối với trường THPT Chuyên thì tổ chức diễn đàn: *Xây dựng tình bạn đẹp, nói không với bạo lực học đường* với các nội dung: mời chuyên gia nói chuyện về tình bạn, tình yêu; vẽ tranh tuyên truyền; đóng tiểu phẩm…Các trường còn lại do Đoàn thanh niên tổ chức. Mặc dù hoạt động giáo dục tình bạn, tình yêu, nói không với bạo lực học đường được các trường THPT cố gắng thực hiện tốt.Tuy nhiên, bất cập đặt ra là tại 4 trường chúng tôi khảo sát thì hàng năm vẫn thường diễn ra 1-2 vụ bạo lực/năm. Có cả nam và nữ vi phạm bạo lực, trong đó nguyên nhân là do hai bạn nam hoặc nữ cùng thích một bạn nên dẫn đến mâu thuẫn không đáng có hoặc các bạn nhìn thấy không ưa mắt nên xảy ra xích mích. Khi đó, các em học sinh không trao đổi với giáo viên, tự giải quyết dẫn đến hậu quả, nhẹ thì bị nhắc nhở trước lớp, nặng thì kỷ luật trước toàn trường.

Các trường THPT tại Sơn La chủ yếu là con em dân tộc thiểu số, trong đó dân tộc Thái chiếm đa số. Tuy nhiên với câu hỏi: *Nhà trường có quy định ngày nào trong tuần học sinh mặc trang phục dân tộc không?* Thì kết quả chúng tôi thu được là 100% các trường được hỏi đều không có quy định học sinh phải mặc trang phục dân tộc đến trường, ngay cả đối với trường PTDT nội trú có đến 100% học sinh là người dân tộc thiểu số cũng không có quy định này. Do vậy, các trường chỉ khuyến khích học sinh và giáo viên mặc vào dịp lễ, dịp quan trọng của trường. Còn lại là các ngày trong tuần học sinh mặc đồng phục theo quy định.

Ngoài việc giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, các trường THPT còn chú ý rèn kỹ năng sống cho học sinh như: giao tiếp, tự tin trước đám đông, kỹ năng phòng chống ma túy, tham gia giao thông…Đồng thời các trường thành lập một số câu lạc bộ phát huy năng khiếu sở trường của các em: âm nhạc (trường phổ thông dân tộc nội trú), thể dục thể thao (trường THPT Tô Hiệu). Tuy nhiên nhà trường không có kinh phí hoạt động cho các câu lạc bộ nên để duy trì lâu dài cần có những biện pháp để các em học sinh được rèn luyện và phát huy sở trường của mình.

2.4. Giải pháp giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay khi đất nước ngày càng phát triển thì việc giáo dục các giá trị văn hóa cho học sinh THPT ngày càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Bởi nếu chúng ta đào tạo ra một thế hệ học sinh chỉ giỏi kiến thức trong sách vở nhưng không am hiểu về văn hóa, đạo lý truyền thống của dân tộc thì những học sinh đó cũng trở nên vô dụng. Vì vậy, với những bất cập trong việc giáo dục các giá trị văn hóa cho học sinh THPT ở tỉnh Sơn La hiện nay, tôi đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, số lượng các buổi ngoại khóa giáo dục truyền thống yêu nước cho học sinh ở các trường được khảo sát còn rất khiêm tốn (1lần/năm). Đặc biệt là các cuộc thi tìm hiểu về chủ đề truyền thống yêu nước giữa các khối lớp trong toàn trường không có (chỉ thi tại lớp). Do vậy, để giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về truyền thống yêu nước của dân tộc ta thì ngoài các bài giảng lý thuyết, các trường THPT tại Sơn La nên tổ chức các cuộc thi toàn trường tìm hiểu về chủ đề này. Hình thức tổ chức có thể thi viết, thi thuyết trình, thi đóng tiểu phẩm trên sân khấu… Qua đó học sinh có cơ hội thể hiện năng lực hiểu biết cũng như học hỏi từ Thầy, Cô và các bạn. Ngoài ra số buổi ngoại khóa có thể tăng nhiều hơn về số lần tổ chức (có thể chung toàn trường hoặc riêng từng khối).

Hai là, qua khảo sát chúng tôi nhận thấy chỉ có trường THPT Chuyên tổ chức được thường xuyên các chuyến đi từ thiện, thăm hỏi tặng quà các cháu nhỏ ở trại trẻ mồ côi và bệnh nhân ở bệnh viện đa khoa tỉnh. Còn lại các trường THPT trên địa bàn chưa thực

hiện được thường xuyên, nên việc giáo dục kiến thức thực tế về truyền thống nhân ái, bao dung cho học sinh còn có những hạn chế nhất định. Vì vậy, ngoài các nội dung bài giảng trên lớp, các trường THPT ở Sơn La nên tổ chức thường niên hoạt động này, vật chất quyên góp có thể không nhiều nhưng mỗi chuyến đi như thế các em học sinh được trải nghiệm và tác dụng của việc giáo dục nội dung này sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

Ba là, thông qua khảo sát chúng tôi thu được kết quả có khoảng 2% học sinh chưa có ý thức rèn luyện lao động. Ở trường thì số học sinh đó ỷ lại cho các bạn, về gia đình lười làm việc, không giúp đỡ bố mẹ và chưa tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày… Do vậy, để giúp các em học sinh chăm chỉ lao động hơn thì các trường THPT tại Sơn La nên tổ chức cho học sinh đăng ký làm việc ở gia đình. Cuối tuần, giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trao đổi với gia đình nếu em nào không hoàn thành nội dung đăng ký sẽ bị phê bình trước lớp. Thời gian lao động ở trường do giáo viên chủ nhiệm là lớp trưởng giám sát. Và điều kiện này sẽ được sử dụng để xét kết quả học tập cuối năm, nếu bạn nào kết quả học tập tốt nhưng không đảm bảo nội dung lao động ở trường và gia đình sẽ không đạt.

Bốn là, ngoài trường THPT Chuyên thì có đến 10% học sinh tại các trường được khảo sát còn chưa ham học. Các em học theo kiểu chống đối, một số học sinh không thích học, trong giờ học các em làm việc riêng, một số học sinh ỷ lại việc học, cuối kỳ cuối năm trông chờ bố mẹ xin điểm nên các em không chăm chỉ phấn đấu trong học tập. Cho nên, việc giáo dục các em này rất cần đến sự sát sao của GVCN. Bởi GVCN là người theo dõi học sinh hàng ngày, hiểu các em nhiều hơn giáo viên bộ môn. Vì vậy, với những lỗi trên đây của học sinh thì GVCN cần tìm hiểu rõ nguyên nhân các em mắc lỗi, sau mỗi giờ sinh hoạt lớp có thể gặp riêng từng em để trao đổi xem tâm tư nguyện vọng của các em như thế nào, hoàn cảnh gia đình ra sao. Có những em một lần chưa nói ra nhưng nếu cô giáo kiên trì vài lần học sinh sẽ chia sẻ. Từ đó, GVCN sẽ tháo gỡ và có phương pháp giáo dục để giúp các em tiến bộ. Giáo viên không nên quát mắng, hay nói nặng lời học sinh trước tập thể lớp, cách giáo dục như thế sẽ phản tác dụng. Bởi học sinh là một nhân

cách chúng ta phải tôn trọng và nâng đỡ các em. Đồng thời với những học sinh ỷ lại không học, trông chờ bố mẹ xin điểm thì nhà trường cũng kiên quyết nhắc nhở bố mẹ để cho các con tự học, không nên can thiệp vào việc học tập của các con. Có như vậy các em học sinh mới thay đổi và tự cố gắng học tập chăm chỉ hơn.

Năm là, tại các trường THPT ở Sơn La có đến 60% học sinh là người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, 100% các trường được hỏi đều không có quy định học sinh phải mặc trang phục dân tộc đến trường, ngay cả đối với trường PTDT nội trú có đến 100% học sinh là người dân tộc thiểu số cũng không có quy định này. Do vậy, để giúp các em học sinh yêu thích và giữ gìn được vẻ đẹp trang phục của dân tộc mình thì trường THPT ở Sơn La nên có quy định riêng về việc mặc trang phục dân tộc. Qua đó, các em thấy yêu thích và tự hào về vẻ đẹp truyền thống của dân tộc mình trong vườn hoa đa sắc màu văn hóa của các dân tộc đang cư trú trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Kết luận

Ngày nay, đất nước ta hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới đòi hỏi nguồn nhân lực phải có chất lượng cao. Nguồn nhân lực ấy không chỉ giỏi về kiến thức mà còn phải am hiểu sâu sắc về giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Cho nên để trở thành những người đủ đức, đủ tài thì mỗi thế hệ học sinh cần tiếp thu những giá trị văn hóa truyền thống của ông cha ta xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, hiện đại. Do vậy việc giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh THPT là rất cần thiết. Trong những năm vừa qua, tại các trường THPT ở Sơn La đã thực hiện giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho các em học sinh bằng nhiều phương pháp khác nhau và đã đạt được những kết quả nhất định. Song bên cạnh đó, vẫn còn những học sinh chưa nhận thức đầy đủ về giá trị văn hóa truyền thống, cho nên các em còn có những biểu hiện như chưa ham học, chưa biết yêu lao động …Vì vậy với những giải pháp trên đây, nếu được sự đồng tình ủng hộ của các Thầy, Cô giáo và các em học sinh tại các trường THPT ở tỉnh Sơn La thì việc giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống sẽ thật sự mang lại hiệu quả.

N.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1,2. Võ Văn Thắng (2010), *Về khái niệm giá trị văn hóa truyền thống, Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam* – VUSTA.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, t.11, tr.557.

4. 5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, t.4, tr.161, tr.534.

6. Lê Cao Thắng (2013), *Hoạt động giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay (qua khảo sát một số trường đại học ở Hà Nội)*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Hà Nội.

7. Bùi Thanh Thủy (2015), *Giáo dục giá trị văn hóa tinh thần truyền thống dân tộc với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Hà Nội.

8. Nguyễn Thị Hạnh (2017), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong điều kiện tác động ở khu vực Đông Nam Á hiện nay (nghiên cứu trường hợp bản Dọi, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La),* Hội thảo Quốc gia Thái học lần thứ VIII, Nghệ An.

9. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), số 03-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

10. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb.Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ngô Đức Thịnh chủ biên (2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam truyền thống và biến đổi*, Nxb.Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY, THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Võ Thái Hòa*

Tóm tắt:

Trong bối cảnh việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đổi mới nội dung chương trình và sách giáo khoa đang được thực hiện, đặc biệt trong bối cảnh xã hội đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, tội phạm ở tuổi vị thành niên, ma túy, bạo lực học đường có xu hướng phổ biến và gia tăng. Bài tham luận đề cập thực trạng giáo dục giá trị trong nhà trường, nguyên nhân, đồng thời kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giá trị nói chung, giáo dục đạo đức nói riêng cho học sinh phổ thông.

Từ khóa: Giáo dục giá trị, giáo dục đạo đức học sinh, thực trạng, nguyên nhân và giải pháp.

1. Mở đầu

Giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông là giáo dục về cách sống, ý thức về bản thân mình, về thái độ và hành vi của mình trong cuộc sống, trong quan hệ của mình với người khác trên cơ sở hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ. Cùng với giáo dục tri thức và giáo dục kỹ năng hoạt động, giáo dục giá trị là một trong ba nội dung cơ bản của giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giúp cho việc hình thành và phát triển nhân cách,

* Trường Đại học Nguyễn Huệ

bồi dưỡng đạo đức, ý thức công dân và đời sống tinh thần cho học sinh, góp phần đào tạo, giáo dục thế hệ học sinh vừa "hồng", vừa "chuyên", chủ nhân tương lai đưa nước nhà.

Đảng, Nhà nước và ngành giáo dục Việt Nam luôn chú trọng việc giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mĩ cho học sinh ở tất cả các cấp học, đặc biệt coi trọng giáo dục giá trị cho thế hệ tương lai của đất nước. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ, theo Người: "đạo đức cách mạng là cái gốc, cái nền tảng, cái bản chất", "nếu thiếu đạo đức, con người sẽ không phải là con người bình thường và cuộc sống xã hội sẽ không phải là cuộc sống xã hội bình thường, ổn định"[1, tr.65]; Luật Giáo dục năm 2005(sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2014) Điều 27 đã xác định: "Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc."[2, tr 6]; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" tiếp tục khẳng rõ mục tiêu tổng quát của giáo dục và đào tạo là "giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả"[3, tr 3].

Hiện nay, sự nghiệp đổi mới ở nước ta đang có những bước phát triển trên quy mô lớn, trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Cơ chế thị trường, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đang phát huy tác dụng, tạo nên những thành tựu quan trọng trong nền kinh tế của đất nước. Nhưng bên cạnh đó, kinh tế thị trường cũng ngày càng bộc lộ những mặt trái của nó, gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống tinh thần, sự cảm thụ văn hóa - nghệ thuật cũng như trong tâm lí - đạo đức của các tầng lớp dân cư trong xã hội. Những ảnh hưởng đó ngày càng len lỏi, thẩm thấu vào mọi quan hệ xã hội,

làm sai lệch các chuẩn mực giá trị, dẫn đến sự suy thoái đạo đức của một bộ phận nhân dân trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến thế hệ trẻ. Hiện tượng suy thoái về đạo đức, mờ nhạt về lí tưởng, chạy theo lối sống thực dụng của một số thanh niên, học sinh làm ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục nói chung, giáo dục giá trị trong nhà trường nói riêng.

Như chúng ta đã biết, tam giác nhà trường - gia đình - xã hội có quan hệ chặt chẽ với nhau, cùng ảnh hưởng đến sự phát triển hành vi, đạo đức và nhân cách của học sinh. Vì vậy, việc khảo sát, đánh giá đúng thực trạng, nguyên nhân để tìm kiếm giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giá trị cho học sinh phổ thông là một vấn đề có tính cấp thiết.

Trong phạm vi bài viết này, tôi trình bày về thực trạng đạo đức và giáo dục giá trị cho học sinh phổ thông. Đồng thời, phân tích nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục giá trị cho học sinh phổ thông hiện nay.

2. Nội dung

Quá trình phát triển của xã hội nhanh hay chậm tùy thuộc ở chỗ giá trị được định hướng có phù hợp với quy luật khách quan hay không, phù hợp nhiều hay ít, có tương ứng với giá trị của cộng đồng, của cá nhân hay không và sự tương ứng ấy ở mức độ nào. Sự phát triển nhanh của mỗi xã hội, mỗi cộng đồng, mỗi cá nhân bắt nguồn kể cả ở sự thống nhất giữa các định hướng giá trị từ phía xã hội, từ phía các cộng đồng và từ phía các cá nhân. Tầm quan trọng của giá trị và định hướng giá trị được nhiều khoa học: triết học, xã hội học, tâm lý học... nghiên cứu. Có thể quan niệm giá trị là ý nghĩa của khách thể thuộc thế giới xung quanh, hấp dẫn và cuốn hút và con người không phải ở chính giá trị, mà bởi sự phù hợp giữa một bên là ý nguyện, hứng thú, sở thích, lợi ích, nhu cầu cá nhân và một bên là mục tiêu phấn đấu đã được xác định. Giá trị cũng còn được quan niệm như là các quy phạm, các tiêu chuẩn để đánh giá đúng và sai, đẹp và xấu, thật và giả. Khi xã hội còn đang ở quá trình phôi thai thì không phải cá nhân tiếp xúc với cá nhân với tư cách là một nhân cách, mà là cộng đồng tiếp xúc với cộng đồng. Đó là những chủ thể tập thể này tiếp xúc với những chủ thể

tập thể kia. Chủ thể tập thể đó đã tác động, chi phối và định hướng đối với ý thức và hoạt động của cá nhân. Khi xã hội đã tiến lên một trình độ phát triển nhất định, đã có một sự tương ứng về định hướng giá trị thì mới xuất hiện sự tác động qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau giữa giá trị của xã hội, giá trị của cộng đồng và giá trị của cá nhân.Thực tiễn cho thấy khi giá trị và định hướng giá trị của cá nhân phát triển và bộc lộ một cách cực đoan, vượt lên trên định hướng và trình độ phát triển của xã hội, của cộng đồng thì thường xuất hiện những hiện tượng lệch chuẩn, những hiện tượng phi đạo đức, phi văn hóa.

2.1. Nhận thức và thực trạng đạo đức của học sinh ở trường trung học phổ thông

Trong những năm gần đây, qua các phương tiện thông tin đại chúng và thực tiễn cuộc sống, chúng ta thấy rằng, chất lượng giáo dục toàn diện ở các trường phổ thông đã đạt được những kết quả khả quan. Đa số các em học sinh đều có tinh thần yêu quê hương, đất nước; tin tưởng và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định, nội quy, quy chế của địa phương và nhà trường. Những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc như nhân ái, nghĩa tình, cần cù, kiên trì, hiếu học, tôn sư trọng đạo, kính trọng ông bà, cha mẹ, trung thực, thật thà, đoàn kết; nếp sống yêu lao động, tiết kiệm, giản dị, khiêm tốn được các thế hệ học sinh, gìn giữ và phát huy. Trong quá trình hội nhập, lực lượng trẻ này không chỉ giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống của ông cha mà còn tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa trong đạo đức nhân loại. Học sinh trung học phổ thông xác định được mục tiêu sống, sống có trách nhiệm, có lý tưởng phấn đấu rõ ràng với động cơ học tập nghiêm túc; có ý chí, nghị lực vượt qua khó khăn của bản thân, gia đình để vươn lên trong học tập và cuộc sống. Ngày càng nhiều học sinh có kiến thức, kỹ năng, tư duy năng động, sáng tạo, tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; nhiệt tình, trách nhiệm tham gia các hoạt động tập thể trong nhà trường và các hoạt động xã hội vì cộng đồng; biết chia sẻ, hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn; không sa vào các tệ nạn xã hội, có ý thức phê phán những tiêu cực, tệ nạn xã hội và các hành vi trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ thì đạo đức của thanh niên nói chung, học sinh nói riêng đang tồn tại nhiều vấn đề đáng lo ngại. Số học sinh phổ thông vi phạm pháp luật, vô lễ với người lớn, thầy cô, thậm chí hành hung cả thầy, cô giáo; nói tục, chửi thề, chửi bậy; gây gổ đánh nhau (không chỉ có học sinh nam, mà có cả học sinh nữ); bỏ giờ, trốn học; gian dối trong thi cử, trộm cắp, thậm chí cướp giật; ham chơi, đua đòi, hút thuốc lá, sử dụng trái phép chất ma túy, chất gây nghiện, chơi bài, cá độ; vi phạm giao thông... ngày càng nhiều, tính chất ngày càng nghiêm trọng; các giá trị sống, giá trị đạo đức tinh thần, lòng bao dung nhân ái, tình thương yêu đồng loại, sự hy sinh... đang có biểu hiện bị thế chỗ cho chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa duy lợi và chủ nghĩa cá nhân … Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sư phạm và dễ lây lan trong tập thể học sinh. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hành vi tiêu cực về đạo đức của học sinh, có thể chia làm các nhóm nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân từ xã hội: Trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế, văn hóa, nền kinh tế nước ta đang từng bước chuyển mình trong thời kì hội nhập quốc tế. Mặt trái của cơ chế thị trường đã len lỏi vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, làm cho nhiều giá trị đạo đức truyền thống ngày càng bị xói mòn, xuất hiện ngày càng nhiều những tệ nạn xã hội như: rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, trộm cắp. Trước những cám dỗ của đồng tiền, không ít học sinh đã bị sa ngã.

Sự buông lỏng trong quản lí của các cấp, các ngành về các hoạt động dịch vụ văn hóa đã làm xuất hiện ngày càng nhiều các tụ điểm văn hóa không lành mạnh ở gần trường học, các tụ điểm này dùng đủ mọi cách để lôi kéo học sinh vào các điểm giải trí như: bi-a, game, chat… nhằm phục vụ lợi ích kinh tế riêng của họ. Đây là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hiện tượng học sinh trốn học, gây gổ đánh nhau, thậm chí vi phạm pháp luật.

- Nguyên nhân từ phía gia đình: Gia đình là cái nôi của sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ thơ. Trình độ văn hóa, lối sống, phương pháp giáo dục của gia đình có ảnh hưởng lớn đến nhân cách của trẻ. Thực tế hiện nay phần lớn học sinh có hành vi vi phạm các chuẩn mực đạo đức thường ở các nhóm gia đình

như: *Thứ nhất*, những gia đình có kinh tế khó khăn, bố mẹ không có điều kiện quan tâm đến việc học hành của con cái. *Thứ hai,* ở những gia đình có điều kiện kinh tế tốt, nhưng do cha mẹ nuông chiều, đáp ứng mọi nhu cầu vật chất mà ít quan tâm đến đời sống tinh thần và những đặc điểm phát triển tâm sinh lí lứa tuổi của con cái. Bố mẹ chỉ lo làm giàu mà khoán trắng việc giáo dục con cái cho nhà trường. *Thứ ba*, ở những gia đình vợ chồng sống không hạnh phúc, các mối quan hệ trong gia đình thiếu chuẩn mực giữa bố mẹ và con cái, bố mẹ luôn trong tình trạng mâu thuẫn hoặc đã li hôn, có thành viên trong gia đình sa vào nghiện hút, rượu chè, cờ bạc... Sự thiếu gương mẫu của người lớn chính là điều kiện để trẻ học tập những thói hư tật xấu.

- Nguyên nhân từ phía nhà trường: Ở trong một số trường học, mới chỉ quan tâm đến việc trang bị tri thức, còn vấn đề đạo đức dường như đang bị bỏ ngỏ, thậm chí có những trường chỉ dạy môn đạo đức, giáo dục công dân, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho qua lần chiếu lệ; chương trình, nội dung giáo dục đạo đức, giá trị sống, giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường còn nhiều bất cập như chưa phù hợp tâm sinh lý lứa tuổi và nhận thức của học sinh, chậm đổi mới về nội dung và phương pháp giáo dục, nhất là chưa quan tâm đúng mức giáo dục đạo đức và kĩ năng sống. Ban giám hiệu một số trường, đôi lúc chưa nắm bắt kịp thời các hiện tượng vi phạm đạo đức của học sinh để răn đe, ngăn chặn. Năng lực của một số giáo viên chủ nhiệm lớp còn nhiều hạn chế, chưa đi sâu đi sát từng học sinh để nắm bắt hoàn cảnh riêng của từng em, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của học sinh. Một số giáo viên bộ môn chưa chú trọng việc "dạy chữ" để "dạy người", có ý nghĩ rằng giáo dục giá trị, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh là việc của giáo viên chủ nhiệm, của Ban giám hiệu nhà trường. Một số ít giáo viên và thậm chí cả cán bộ quản lí đôi lúc còn thiếu gương mẫu trong đạo đức, lối sống, chưa thực sự là "Tấm gương sáng để học sinh noi theo". Việc áp dụng các phương pháp giáo dục giá trị còn cứng nhắc, thậm chí áp dụng sai nguyên tắc: xem nhẹ yếu tố thuyết phục, thô bạo trong đối xử với học sinh...

- Nguyên nhân chủ quan từ phía học sinh: Đó là những biến đổi tâm sinh lí lứa tuổi học sinh trung học phổ thông. Do các đặc điểm

tâm, sinh lí tuổi dậy thì, tình cảm của các em chưa bền vững, không ổn định, khả năng làm chủ bản thân, "sức đề kháng", bản lĩnh còn yếu trước những tác động tiêu cực từ môi trường bên ngoài... nên dễ phát sinh mặc cảm, sự bồng bột, cả tin... Điều này tạo cơ hội cho những hiện tượng tiêu cực trong xã hội xâm nhập vào tư tưởng, tình cảm của các em.

- Các nguyên nhân từ việc quản lí, phối hợp của các lực lượng giáo dục: Các tổ chức chính trị xã hội nói chung và tổ chức Đoàn Thanh niên nói riêng trong một số trường trung học phổ thông hoạt động chưa hiệu quả, sự phối kết hợp với nhà trường trong giáo dục giá trị cho học sinh chưa tốt. Sự phối hợp giữa nhà trường và công an, chính quyền địa phương chưa tốt: một số học sinh vi phạm pháp luật có lúc trở thành "quả bóng" đá từ "sân" trường sang "sân" công an, chính quyền địa phương, và ngược lại.

2.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục giá trị trong trường trung học phổ thông hiện nay

Xuất phát từ thực trạng và các nguyên nhân đã nêu, tôi đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông hiện nay.

2.2.1. Nội dung giá trị phải được xác định dựa trên cơ sở tâm lí lứa tuổi của đối tượng học sinh.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung Đảng khóa XI đã đề ra nội dung giáo dục phổ thông: "Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn". Theo đó, từ góc độ tâm lí học giáo dục nhân cách, vấn đề giá trị cho học sinh phổ thông là quá trình hình thành hệ thống thái độ, hành vi, kĩ năng ứng xử (còn gọi là kĩ năng sống) phù hợp với thuần phong mĩ tục, quy chế - pháp lí của xã hội. Có những kĩ năng đó học sinh sẽ hình thành khả năng ứng xử xã hội một cách thích hợp trong mọi tình huống, đáp ứng sự mong đợi của người lớn, tức là phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống và quy định pháp lí xã hội. Nội dung giáo dục giá trị cần hình thành cho học sinh trung học phổ thông theo tinh thần đổi

mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo không là gì khác ngoài hệ thống kiến thức, kĩ năng ứng xử trong mọi tình huống của cuộc sống đời thường như trong gia đình (thái độ, hành vi ứng xử với mọi người trong gia đình phù hợp với từng vai: ông, bà, bố, mẹ.), trong lớp học (bạn bè, thầy cô).

2.2.2. Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ giáo viên - công nhân viên về giáo dục giá trị cho học sinh

Phải làm cho toàn thể cán bộ giáo viên, công nhân viên thấy rõ tầm quan trọng và sự cấp thiết của công tác giáo dục giá trị cho học sinh trong giai đoạn hiện nay. Từ đó nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia hoạt động nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục giá trị cho học sinh nói riêng và chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường nói chung.

Đối với cán bộ quản lí: Phải quán triệt mọi chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, các quy chế của Bộ giáo dục và Đào tạo, chỉ thị của Sở Giáo dục và Đào tạo về công tác giáo dục giá trị cho học sinh.

Đối với giáo viên chủ nhiệm lớp: Là người trực tiếp giáo dục giá trị cho học sinh có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách của học sinh. Vì vậy, trước hết giáo viên chủ nhiệm phải là người nắm vững những đặc điểm tâm sinh lí của học sinh, nắm được đặc điểm tính cách và hoàn cảnh gia đình của mỗi học sinh; trên cơ sở đó, có những biện pháp tác động phù hợp.

Đối với giáo viên bộ môn: Nâng cao ý thức trách nhiệm giáo dục giá trị cho học sinh thông qua bài giảng trên lớp và lối sống mẫu mực của người thầy.

Đối với cán bộ Đoàn: Cần phải có những định hướng hoạt động xuyên suốt trong năm học với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực tạo ra một sân chơi bổ ích nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giá trị cho học sinh.

2.2.3. Tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, sinh ra và lớn lên trong môi trường gia đình - nhà trường và xã hội. Ở mỗi môi trường dù lớn hay nhỏ đều diễn ra quá trình giáo dục, giáo dưỡng

con người. Trong đó, nhà trường giữ vai trò hết sức đặc biệt - nhà trường là thể chế xã hội có chức năng chuyên trách về giáo dục, có vai trò chủ đạo trong công tác giáo dục thế hệ trẻ. Trong quá trình phát triển nhân cách toàn diện của học sinh, không thể thiếu sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường - gia đình và xã hội, sự phối hợp này tạo ra môi trường thuận lợi, sức mạnh tổng hợp để giáo dục học sinh. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: "Phải mật thiết liên hệ với gia đình học trò. Bởi vì giáo dục trong nhà trường, chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn"[4, tr 591], và "các gia đình liên lạc chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường giáo dục và khuyến khích con em chăm chỉ học tập, sinh hoạt lành mạnh và hăng hái giúp ích nhân dân"[5, 186]. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã tiếp tục khẳng định "Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội". Để làm tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục giá trị cho học sinh trung học phổ thông, thì cần phải thực hiện một số nội dung sau:

- Nhà trường, gia đình và xã hội thống nhất mục tiêu giáo dục giá trị cho học sinh theo định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà Nước đã đề ra; từ đó, thống nhất về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục giá trị cho học sinh. Nhà trường chủ động làm rõ để các bậc cha mẹ học sinh thấy được những khả năng, ưu thế của giáo dục gia đình, giúp họ nhận thức một cách sâu sắc trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc "nuôi con khỏe, dạy con ngoan". Gia đình tạo môi trường thuận lợi cho việc giáo dục toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất đối với con cái, đồng thời phối hợp cùng nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục.

- Nhà trường phối hợp với cộng đồng xã hội để quản lí và giáo dục học sinh, nắm tình hình học sinh, những nguồn thông tin tin cậy nơi học sinh cư trú, từ đó giúp giáo viên đánh giá đúng học sinh và tìm ra những biện pháp giúp các em hoàn thiện nhân cách. Nhà trường phối hợp với cộng đồng giáo dục truyền thống dân tộc, bản sắc văn hóa địa phương, tình yêu quê hương đất nước.

- Về phía gia đình: Gia đình đóng một vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách con người. Gia đình là ngôi trường đầu tiên của con người, từ đó những đứa trẻ học được cách làm người. Vì thế, muốn cho con cái trở thành người tốt, gia đình phải là nơi để mọi người sống yêu thương, nâng đỡ và đùm bọc lẫn nhau. Các thế hệ cùng chung sống phải biết quan tâm lẫn nhau, tạo cho thế hệ trẻ một nền tảng đạo đức tốt. Hay nói cách khác, những người trẻ sẽ học tập theo nếp sống của ông bà, cha mẹ trong gia đình. Gia đình phải sống hạnh phúc, hài hòa với nhau thì người trẻ sẽ cảm nhận được những giá trị cao đẹp như: hạnh phúc, lắng nghe, yêu thương, tha thứ, nâng đỡ và chấp nhận những khác biệt của nhau... Bên cạnh đó, trong một thế giới đang đề cao sự thỏa mãn tức thời, những ham muốn bản năng, thì gia đình có vai trò rất quan trọng trong việc khơi dậy ý thức về cái tốt và cái xấu, về cái đáng làm và không nên làm.

- Các cấp chính quyền, đoàn thể phải luôn quan tâm tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân trong việc chấp hành pháp luật, thực hiện lối sống văn hóa, kiên quyết ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức, bạo lực diễn ra ngoài xã hội; quản lý tốt các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, công nghệ thông tin; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, an toàn. Giữa nhà nhà trường và công an địa phương cần triển khai và thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BCA về việc hướng dẫn phối hợp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác trong ngành giáo dục; có quy chế phối hợp trong giữ gìn an ninh, trật tự trong và ngoài nhà trường, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường, ngăn chặn bạo lực học đường. Giữa nhà trường với các đoàn thể, tổ chức xã hội cùng kí quy chế phối hợp trong hỗ trợ nâng cao chất lượng giáo dục, huy động các nguồn lực hỗ trợ cho nhà trường. Định kì họp giao ban giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội trên địa bàn để cùng phối hợp trong công tác giáo dục học sinh, cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

2.2.4. Giáo dục giá trị cho học sinh bằng nhân cách của chính người thầy

Giáo dục giá trị cho học sinh bằng nhiều hình thức, phương pháp: Giáo dục thông qua các môn học, các hoạt động xã hội, giáo dục truyền thống, hoạt động đoàn thể, giáo dục ngoại khóa, giáo dục cá biệt…, nhưng không phương pháp nào hiệu quả bằng phương pháp "dùng nhân cách để giáo dục nhân cách", bởi lẽ trong trường học, thầy, cô giáo "nhất cử nhất động", từ lời ăn tiếng nói, tác phong, thái độ cư xử cho đến lối sống hằng ngày đều tác động trực tiếp đến học sinh. Như Bác Hồ đã nói: "Người Việt Nam vốn giàu tình cảm và đối với họ một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền"[6, tr 284]. Muốn phát huy ưu thế phương thức giáo dục bằng nêu gương, ngành giáo dục - đào tạo nói chung, các nhà trường trung học phổ thông nói riêng trước hết phải củng cố, sàng lọc, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để xây dựng cho được đội ngũ "thầy ra thầy" và đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua "xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", thi đua "dạy tốt", "học tốt". Đối với mỗi nhà giáo phải "sáng tâm đức, giỏi chuyên môn, vững tay nghề", luôn nêu cao vai trò gương mẫu về đạo đức, lối sống, thường xuyên nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật, luôn chấp hành nghiêm chỉnh mọi chủ trương, chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mọi nội quy, quy chế, quy định của ngành, của trường, của địa phương; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, phải có lòng nhân ái, vị tha đối với học sinh của mình, luôn giữ được sự khoan dung, lòng độ lượng, hết lòng thương yêu, chăm sóc học sinh với tinh thần "tất cả vì học sinh thân yêu", "Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, sáng tạo" để học sinh noi theo.

2.2.5. Phát huy vai trò tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống của học sinh.

Học sinh trung học phổ thông là lớp người trẻ, khoẻ, nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ. Phát huy vai trò của học sinh trong tự học tập, tự tu dưỡng rèn luyện đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống là biện pháp quan trọng giúp họ nhanh chóng tiến bộ, trưởng thành. Đó còn là điều kiện quyết định kết quả rèn luyện của mỗi

cá nhân. Trước hết phải hình thành cho học sinh nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho học sinh. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của học sinh về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với lứa tuổi, sở trường, năng khiếu, đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để học sinh tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống của mình. Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiềm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, lợi mình hại người. Học sinh cần phải tự tin vào chính mình, giữ vững niềm tin trong cuộc sống, vào các giá trị chân, thiện, mỹ; vượt qua mọi khó khăn gian khổ như Bác Hồ đã dạy: "gian nan rèn luyện mới thành công".

3. Kết luận

Giáo dục giá trị cho học sinh là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, giúp cho việc hình thành và phát triển phẩm chất, nhân cách, bồi dưỡng đạo đức, ý thức công dân và đời sống tinh thần cho học sinh, góp phần thực thực hiện tuyên ngôn của Liên Hợp Quốc: *học không chỉ để biết làm, để có tri thức mà còn để tự khẳng định mình và để sống với nhau*. Giáo dục là quốc sách hàng đầu, thì việc giáo dục giá trị cho học sinh chính là trang đầu của quốc sách ấy. Để phát triển đất nước bền vững, những nhà giáo dục và những người có trách nhiệm phải tìm ra một hướng đi đúng đắn cho thế hệ trẻ hôm nay. Trong giáo dục giá trị, cần định hướng để họ có lí tưởng sống, biết xây dựng cuộc sống trên những giá trị cao đẹp. Đồng thời, mọi người cần quan tâm đến những giá trị đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống, nhất là cần áp dụng những cách giáo dục mới vào việc đào tạo thế hệ trẻ vì họ là rường cột của xã hội. Giáo dục theo lối mới là giáo dục bằng tình thương yêu, nâng đỡ, là góp phần đào tạo, giáo dục thế hệ học sinh, chủ nhân tương lai của đất nước đủ đức, đủ tài đưa nước nhà

vững bước tiến cùng các dân tộc tiên tiến, xứng đáng với mong ước của Bác Hồ kính yêu.

V.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (1983), *Về đạo đức*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2. Luật Giáo dục năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009, 2014 (2014), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

3. Ban Chấp Hành Trung ương, *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về* "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế", Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

5. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), tập 10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6. Hồ Chí Minh toàn tập (2011), tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY LÀ YÊU CẦU CẤP THIẾT NHẰM HOÀN THIỆN NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

NCS. Đậu Thị Hồng*

1. Đặt vấn đề

Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã tôi luyện và hun đúc nên các chuẩn mực, các giá trị tốt đẹp của con người Việt Nam trong các quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội. Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp đó đã làm nên bản sắc văn hóa con người Việt Nam và là giá trị nhân cách giúp nhân dân ta vượt qua biết bao biến cố của lịch sử và trường tồn tỏa sáng cùng với sự đi lên của dân tộc. Tuy nhiên, hiện nay, đứng trước sự phát triển nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã tác động làm biến đổi nhiều giá trị tinh thần trong đó có giá trị nhân văn. Bên cạnh sự biến đổi theo chiều hướng tích cực làm phong phú thêm nội dung của giá trị nhân văn con người Việt Nam phù hợp với thực tiễn đất nước và xu hướng của nhân loại, thì vẫn còn nhiều biểu hiện của sự biến đổi tiêu cực như coi nhẹ giá trị nhân văn, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỉ..., thậm chí đạo đức xã hội đang đứng trước những nguy cơ của sự băng hoại, tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng trong xã hội, đặc biệt trong thế hệ trẻ. Những va đập của lịch sử cùng nhiều lỗ hổng trong giáo dục đã góp phần làm xói mòn và suy giảm giá trị

* Trường Đại học Hà Tĩnh

nhân văn của con người Việt Nam. Trước tình hình đó, yêu cầu của việc giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam trong đó việc tăng cường giáo dục giá trị và hệ giá trị (trong đó quan trọng là giá trị nhân văn) nhằm hoàn thiện nhân cách cho thế hệ trẻ nói chung, cho học sinh, sinh viên nói riêng hiện nay là điều rất cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

Giá trị

Khái niệm giá trị xuất hiện khá sớm trong lịch sử và hiện nay nó tồn tại như là khái niệm với nhiều cách hiểu ở nhiều giác độ khác nhau. Đầu tiên, nó được dùng trong lĩnh vực kinh tế học để chỉ công năng, thuộc tính của vật phẩm đem ra trao đổi. Sau đó nó thâm nhập vào các lĩnh vực hoạt động xã hội khác nhau và trở thành một khái niệm phổ biến. Trong hướng nghiên cứu này, chúng tôi thống nhất với quan điểm: "giá trị trước hết là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự đánh giá những thành quả lao động sáng tạo vật chất và tinh thần của con người, nó có tác dụng định hướng, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của xã hội nhằm vươn tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp, thúc đẩy sự tiến bộ xã hội" [6, tr18] và "nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp; là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và vươn tới"[1,tr16].

Giá trị nhân văn

Gía trị nhân văn là khát vọng chung của loài người trên trái đất, là mục đích chung của sự phát triển nền văn hóa các dân tộc; tuy nhiên nội dung của nó lại mang tính lịch sử và tính dân tộc, nó gắn liền với sự phát triển của mỗi xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, với đặc thù của những lối tư duy riêng biệt. Ví dụ, do đặc thù các dân tộc Châu Âu phải sống trong môi trường cạnh tranh khốc liệt nên giá trị cá nhân luôn được đề cao; trong khi người châu Á với đặc thù phương thức sản xuất Châu Á lại đề cao các giá trị tập thể, giá trị truyền thống, giá trị lịch sử.

Đối với truyền thống văn hóa Việt Nam, tinh thần nhân văn

là giá trị cơ bản và cốt lõi, nó thể hiện bản sắc, trí tuệ, phẩm chất và bản lĩnh của con người Việt Nam. Tinh thần nhân văn ấy được hình thành và phát triển trong điều kiện đặc biệt của không gian mang đặc trưng phương thức sản xuất Châu Á, trong khoảng thời gian dài của quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Truyền thống nhân văn đó được thể hiện dưới nhiều nội dung phong phú nhưng được khái quát ở hai đặc tính nổi trội đó là chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa nhân đạo.

Giáo dục giá trị nhân văn

Theo *Từ điển tiếng Việt,* giáo dục là hoạt động nhằm tạo ra một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra [5, tr. 379]. Xét về mặt hoạt động, giáo dục là quá trình tác động đến các đối tượng giáo dục để hình thành cho họ những phẩm chất nhân cách cần thiết. Xét về mặt phạm vi, giáo dục bao hàm nhiều cấp độ khác nhau trong đó có hai nghĩa cơ bản: giáo dục xã hội là hoạt động có mục đích của xã hội, với nhiều lực lượng giáo dục, tác động có hệ thống, có kế hoạch đến con người để hình thành cho họ những phẩm chất nhân cách (nghĩa rộng) và giáo dục trong nhà trường, đó là quá trình tác động có tổ chức, có kế hoạch, có quy trình chặt chẽ của các nhà sư phạm trong nhà trường nhằm mục đích cung cấp kiến thức hành vi cho người học, xây dựng và phát triển nhân cách theo quy mô mà xã hội đương thời mong muốn (nghĩa hẹp). Ở hướng tiếp cận này, chúng tôi hiểu theo nghĩa hẹp của khái niệm "giáo dục". *Đó là quá trình tổ chức tác động có hệ thống, có mục đích, thường xuyên các luận điểm về con người, tình yêu thương con người, đấu tranh cho hạnh phúc con người với những phương pháp giáo dục phù hợp của các chủ thể giáo dục trong nhà trường tới nhận thức của sinh viên nhằm trang bị cho sinh viên những tri thức, kỹ năng và thái độ, hành vi thấm đượm tính nhân văn trong mối quan hệ với con người, với công việc; từng bước hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ Việt Nam.*

2.2. Sự cần thiết của việc nâng cao giáo dục giá trị nhân văn trong nhà trường

2.2.1. Xuất phát từ mục đích của giáo dục toàn diện

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã tiến hành tổng kết thực tiễn 30 năm đổi mới, tiếp tục phát triển nhận thức mang tính đột phá về nhiệm vụ xây dựng, phát triển văn hóa, con người, trong đó có nội dung hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Quan điểm này là sự khẳng định mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn sự gắn kết trong mục tiêu xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn lao động toàn diện của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đất nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh nghiệm cũng như thực tiễn chỉ ra rằng, quá trình này có mối liên hệ chặt chẽ với giáo dục – đào tạo. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình mà trong đó sử dụng năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ, bản lĩnh của con người để tạo ra các thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, kết hợp giá trị truyền thống của dân tộc để đổi mới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm hướng tới một xã hội văn minh, hiện đại và phát triển bền vững hơn. Chính vì vậy mà quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải có nguồn lao động chất lượng cao để đáp ứng cho sự phát triển đó. Nguồn lao động đó không ở đâu khác ngoài học sinh, sinh viên nói riêng và thanh niên nói chung. Để đạt được mục tiêu CNH, HĐH, đòi hỏi chúng ta phải tạo ra được một đội ngũ lao động không chỉ giỏi về chuyên môn, vững tay nghề mà còn phải có đạo đức, lương tâm, trách nhiệm với xã hội. Thực tế đã chứng minh rằng, những người lao động, những kỹ sư, những nhà khoa học có tay nghề, trình độ chuyên môn rất cao nhưng nếu như không có lương tâm, không có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội thì những sản phẩm, những phát minh, những công trình nghiên cứu mà họ sáng tạo ra lại hướng đến những mục đích tiêu cực ảnh hưởng đến an ninh, môi trường, sức khỏe của nhân dân... Do vậy, để có được nguồn nhân lực chất lượng cao – vừa có tài, vừa có tâm để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường học sinh

cần phải được giáo dục một cách toàn diện trong các hệ thống trường học.

Việc giáo dục giá trị nhân văn ở nước ta hiện nay nhằm góp phần quan trọng hình thành những phẩm chất tốt đẹp về nhân cách, đạo đức nghề nghiệp, lối sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đây là một giải pháp quan trọng thực hiện đổi mới giáo dục nhằm hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Vì vậy, việc đẩy mạnh hoạt động giáo dục giá trị nhân văn cho thế hệ trẻ là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

2.2.2. Xuất phát từ thực trạng đạo đức nhân văn của học sinh, sinh viên

Hiện nay, thực trạng đạo đức nhân văn của học sinh, sinh viên đang đứng trước những báo động về sự suy thoái, xuống cấp với nhiều tệ nạn và những nhận thức sai lệch của thế hệ trẻ. Những tệ nạn đó làm què quặt cả thể xác và tâm hồn của nhiều bộ phận trong đó đáng chú ý là tầng lớp thanh niên, cán bộ, đảng viên. Sự thờ ơ, vô cảm của con người trước các vấn đề của cộng đồng, nhân loại; tư tưởng coi trọng vật chất, đề cao lối sống cá nhân vị kỷ ngày càng phổ biến; lòng nhân ái, khoan dung của con người có biểu hiện mờ nhạt ở những mức độ khác nhau. Truyền thống nhân ái của người Việt "bán anh em xa mua láng giềng gần", "tối lửa tắt đèn có nhau" đang bị giảm sút trầm trọng, thay vào đó là thái độ bàng quang. Đặc biệt, vì chạy theo đồng tiền, người ta có thể giẫm đạp lên các giá trị truyền thống, lên tính mạng của con người. Tình trạng buôn bán phụ nữ, trẻ em, kinh doanh gái mại dâm có chiều hướng gia tăng…Những thực trạng trên cho thấy, toàn cầu hóa đã góp phần làm mai một, xói mòn các giá trị nhân văn của dân tộc Việt Nam.

. Chúng ta cũng không phủ nhận được một thực tế là sự bành trướng của văn hóa Phương Tây, sự du nhập với tốc độ chóng mặt của cái gọi là "văn hóa Mỹ", "lối sống Mỹ"…đang tấn công vào nền văn hóa của dân tộc trong đó có rất nhiều yếu tố phi nhân văn. Việc sùng bái lối sống ngoại nhập, tư tưởng hưởng lạc, sự coi trọng đồng tiền một cách thái quá đã trở nên phổ biến trong lối sống và

nếp nghĩ của thế hệ Việt Nam ngày nay. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin hiện đại đang góp phần truyền bá lối sống sùng bái vật chất, cá nhân, vị kỷ, thực dụng, đua đòi, ăn chơi xa hoa, lãng phí, sống truỵ lạc, thác loạn, ưa dùng bạo lực...xa rời vơi truyền thống của dân tộc Việt Nam. Do bị kích động bởi việc tiếp xúc với phim ảnh và trò chơi có tính bạo lực qua mạng Internet mà nhiều thanh, thiếu niên đã có những hành động mang tính hung hãn đi ngược với truyền thống yêu thương con người, nhân ái vị tha của dân tộc Việt Nam. Cùng với tâm lý sùng ngoại, lối sống tự do cá nhân kiểu phương Tây cũng đang xâm nhập khá mạnh vào suy nghĩ và đời sống của học sinh, sinh viên hiện nay, nó ảnh hưởng tới tính cố kết cộng đồng của truyền thống Châu Á., những hiện tượng quá đề cao tự do cá nhân, không muốn bị ràng buộc bởi trách nhiệm gia đình không muốn lập gia đình nhưng lại có quan niệm khá thoải mái trong quan hệ nam nữ dẫn tới những hành vi vi phạm giá trị nhân văn gia đình Việt truyền thống, vi phạm lối sống thủy chung son sắt truyền thống của người Việt…Đó chính là biểu hiện của sự xuống cấp về lối sống của một bộ thế hệ tương lai của Việt Nam, là biểu hiện của sự mai một các giá trị nhân văn tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và là những tín hiệu "báo động đỏ" trong đời sống đạo đức học đường. Trong nhà trường phổ thông, các em có xu hướng coi nhẹ, xa rời các môn khoa học xã hội mà thích đi vào các môn khoa học tự nhiên nhiều hơn và đổ xô thi đại học vào những ngành nghề "thời thượng" như tài chính, kế toán, ngoại giao, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông hoặc lao vào những thị trường làm ăn béo bở mà nhiều khi không quan tâm đến những giá trị đạo đức nhân văn cần đồng hành với con người mọi nơi, mọi lúc.

2.2.3. Một số nguyên nhân:

a. Do hậu quả của kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa hội nhập quốc tế

Kinh tế thị trường với xu hướng mở cửa đã làm biến đổi, đảo lộn và mở ra nhiều hướng phát triển mới của đời sống vật chất và tinh thần của xã hội ở cả hai khía cạnh tích cực và tiêu cực. *M*ặt trái của kinh tế thị trường cùng với quá trình mở cửa hội nhập đã tác động sâu sắc đến ý thức, hành vi đạo đức của học sinh. Kinh tế

thị trường đã kích thích lợi ích cá nhân, lợi ích vật chất một cách thái quá. Lối sống chạy theo đồng tiền đã làm cho một số người bất chấp pháp luật, đạo đức, nhân cách... đã tác động không nhỏ đến quá trình tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, nhân văn, thế hệ trẻ đa phần chưa có ý thức tự giác trong việc tu dưỡng đạo đức, các em chỉ biết sống vì mình hơn là sống vì người khác, sống vô cảm trước những hiện thực đau khổ của người khác.

Bên cạnh đó, mặt trái của kinh tế thị trường đã làm cho một bộ phận những ông bố, bà mẹ với lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền sẵn sàng làm những việc vi phạm pháp luật, trái với luân thường đạo lý đã trở thành những tấm gương xấu cho học sinh, những hành vi đó của cha mẹ đã vô tình dẫn dụ con cái mình dần quay lưng lại với các giá trị nhân văn tốt đẹp ngàn đời của dân tộc.

Cùng với tác động của kinh tế thị trường là quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã làm mờ nhạt, xói mòn những đặc điểm tích cực của giá trị nhân văn Việt Nam. Nguy cơ mờ nhạt dần các giá trị truyền thống trong đó có giá trị nhân văn đang ngày càng thể hiện rõ. Cùng với cơ chế thị trường, toàn cầu hóa đã kéo theo vô số những tệ nạn, tiêu cực trong xã hội. toàn cầu hóa tạo ra sự du nhập những tư tưởng, lối sống đi ngược với truyền thống nhân văn dân tộc Việt Nam mà chúng tôi đã đề cập ở trên.

b. Do sự buôn lỏng về giáo dục giá trị trong đó có giá trị nhân văn trong nhà trường và gia đình

Trong nội dung giáo dục Việt Nam rất quan tâm giáo dục đạo đức học sinh nhằm đào tạo thế hệ trẻ vừa tài vừa đức, để các em trưởng thành và trở thành người có ích cho xã hội. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang triển khai thí điểm tại một số trường về chương trình giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong chương trình học chính khoá của một số môn học trong các nhà trường phổ thông, áp dụng từ bậc tiểu học đến phổ thông trung học. Song song đó là các chương trình ngoại khoá cũng nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh. Cách làm này bước đầu đạt được những hiệu quả đáng khích lệ, phần nào nâng cao nhận thức và hành động của học sinh. Thông qua những bài học giáo dục công dân, những môn khác như: văn, sử, địa… đã hình thành cho học sinh những giá trị

đạo đức căn bản như tinh thần trách nhiệm trong các mối quan hệ: giữa cá nhân với gia đình, cá nhân với toàn xã hội và cá nhân với bản thân mình; giáo dục lòng nhân ái, tinh thần yêu nước, truyền thống nhân văn cao cả của dân tộc. Tuy nhiên, một thực tế cần nhìn nhận đó là vẫn còn những bất cập về nội dung và hình thức giáo dục giá trị cho học sinh trong đó có giá trị nhân văn. Như chương trình sách giáo khoa quá ôm đồm, nặng về lý thuyết không gắn liền với đời sống, thiếu kỹ năng sống, không tạo được dấu ấn để hình thành nhân cách học sinh. Nhiều kiến thức mang tính trừu tượng, hàn lâm, thậm chí có một số nội dung kiến thức vẫn còn gây cho học sinh cảm giác áp đặt, nhồi nhét, khô cứng, thiếu sự linh động vì vậy khó "thâm nhập" vào suy nghĩ của học sinh. Vẫn còn một số giáo viên nhận thức giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị chỉ thông qua môn đạo đức và giáo dục công dân mà chưa có sự liên kết kiến thức ở các lĩnh vực khác nhau. Chúng ta biết rằng, kiến thức trong những môn học nào cũng có tính giáo dục cả, vậy mà người dạy không biết lồng trong mỗi bài học để định hướng tư tưởng cho học sinh. Vẫn còn không ít giáo viên vẫn "nặng về dạy chữ, nhẹ về dạy người", chỉ lo truyền giảng kiến thức chuyên môn, không có thì giờ để uốn nắn chỉnh sửa những sai trái của học sinh. Vẫn còn một số ít cán bộ, giáo viên chỉ tập trung vào công tác chuyên môn, quan tâm đến tỷ lệ học sinh tốt nghiệp thế nào coi đó là nhiệm vụ trọng tâm, nên chưa quan tâm đúng mức đến công tác giáo dục đạo đức học sinh…

Gia đình là nơi có ảnh hưởng to lớn đến nhân cách, lối sống của học sinh, sinh viên và đó cũng là môi trường đầu tiên sinh viên tiếp nhận các giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc. Tuy nhiên, tác động của cơ chế kinh tế thị trường đã làm cho chức năng quan trọng này của gia đình, đặc biệt là chức năng truyền dạy những giá trị nhân văn truyền thống gặp nhiều khó khăn. Tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất của gia đình đã làm cho nhiều bậc cha mẹ không chú trọng đến việc dạy con cái mình các đạo lý, lễ nghĩa. Thêm vào đó, kiểu gia đình hiện đại với hai thế hệ đã dần thay thế kiểu gia đình truyền thống nhiều thế hệ cùng sinh sống, làm cho sinh viên ít có cơ hội gần gũi, tiếp xúc

với ông bà để được ông bà trực tiếp truyền dạy cho các đạo lý, các giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc vốn được tiếp thu từ thế hệ trước.

2.3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục giá trị nhân văn trong nhà trường hiện nay

Thứ nhất, Giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh gắn với mục tiêu xây dựng "con người mới xã hội chủ nghĩa" trên cơ sở giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống dân tộc

Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng xác định mô hình con người Việt Nam trong giai đoạn mới gồm 5 đức tính chủ yếu là: Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Tiếp nối tinh thần đó, các văn kiện Đại hội IX, X, XI của Đảng tiếp tục hoàn thiện, khái quát mô hình con người Việt Nam và đưa ra những chủ trương, giải pháp cụ thể để thực hiện nó. Nghị quyết Trung ương lần thứ chín khoá XI đặt vấn đề xây dựng hệ giá trị con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giáo dục đạo đức, lối sống, hoàn thiện nhân cách con người. Đó là những con người yêu nước, trung thực, lao động tự giác, tận tuỵ, sáng tạo, khiêm tốn, có lối sống giản dị, có lòng vị tha, nhân ái, bao dung, đó là những giá trị, những phẩm chất của nhân cách mà con người Việt Nam phải thể hiện.

Thứ hai, sự kết hợp giữa gia đình – nhà trường và xã hội trong việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh

Giáo dục đặc biệt giáo dục đạo đức, lối sống là một hoạt động

mang tính xã hội cao. Do đó, muốn nâng cao chất lượng của hoạt động này chúng ta cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục trong nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội. Đây là một giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục tư tưởng nhân văn cho học sinh. Đúng như Hồ Chí Minh đã nói: "Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình, để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn" [4, tr. 591]. Quá trình kết hợp này sẽ tạo nên sự thống nhất trong tư tưởng và hành động đối với hoạt động giáo dục tư tưởng nhân văn.

Giáo dục gia đình là nhân tố chủ yếu có ý nghĩa quyết định nhất đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân. Giáo dục gia đình nhấn mạnh việc xây dựng cho con người lối sống tình nghĩa, có trước, có sau, kính trên nhường dưới, tinh thần tương trợ, đùm bọc nhau trong họ, ngoài làng, thái độ chăm chỉ trong sản xuất và đời sống, lòng kính trọng và biết ơn tổ tiên, trách nhiệm của cá nhân với nhà, làng, nước... Đây là truyền thống được các gia đình Việt Nam nâng niu quí trọng, giữ gìn từ đời này qua đời khác. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế hiện nay, những mặt tích cực và tiêu cực của xã hội đang dội vào cuộc sống của từng gia đình. Việc tăng cường trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục hệ giá trị tuyền thống dân tộc trong đó có giá trị nhân văn theo những chuẩn mực tốt đẹp, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ hội nhập hiện nay là một trong những phương thức quan trọng nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của xã hội tới đạo đức học sinh, sinh viên; góp phần quan trọng vào hoàn thiện nhân cách thế hệ trẻ.

Cùng với gia đình, giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc trong nhà trường và xã hội góp phần đào tạo cho đất nước những con người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay và trong tương lai. Hiện nay, hiệu quả giáo dục hệ giá trị truyền thống dân tộc còn thấp do nhiều nguyên nhân: thiếu các

biện pháp hành chính để tạo môi trường lành mạnh cho giáo dục; chưa tạo ra được sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong việc giáo dục thế hệ trẻ; bản thân ngành giáo dục, nhất là các nhà trường còn nhiều yếu kém và lúng túng. Việc xây dựng nội dung chương trình, bố trí thời gian cho từng cấp học, ngành học chưa được chú trọng nên việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện bị buông lỏng...

Để bảo đảm hiệu quả giáo dục giá trị nhân văn truyền thống dân tộc trong nhà trường, cần lưu ý đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, nhất là truyền thống đạo đức và văn hóa tốt đẹp của dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm cho học sinh, sinh viên về bản thân, gia đình, quê hương, đất nước, trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn và phát huy hệ giá trị truyền thống của cha ông.

Như vậy, kết hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường, đoàn thể với xã hội, để tạo ra sự tác động nhiều chiều, tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo giá trị nhân văn cho thế hệ trẻ.

Thứ ba, Phát huy tính tự lập, tự giác của học sinh trong việc giáo dục giá trị nhân văn

Đối tượng của giáo dục giá trị nhân văn là học sinh, đồng thời họ chủ thể giáo dục – quá trình tự giáo dục. Kết quả học tập rèn luyện của sinh viên không chỉ từ việc tiếp thu các giá trị nhân văn do quá trình học tập đem lại, mà còn do quá trình tự rèn luyện, đúc kết từ thực tiễn cuộc sống của từng cá nhân tạo thành. Với tư cách là chủ thể của hoạt động giáo dục học sinh, sinh viên sẽ tự học tập rèn luyện để biến những tri thức nhân văn thành tình cảm nhân văn và hành vi nhân văn và khi đó nó sẽ trở thành nội lực định hướng, hướng dẫn sinh viên sống, học tập, rèn luyện theo xu hướng tích cực, tiến bộ mà xã hội yêu cầu, như lúc sinh thời Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải biết kết hợp cả hai mặt giáo dục và tự giáo dục, trong đó việc học phải "Lấy tự học làm cốt" [3, tr. 312]. Vì vậy, phát huy tính tự giác trong học tập, rèn luyện theo tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh của học sinh, sinh viên là giải pháp có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh, sinh viên trong trường học ở nước ta trong điều kiện hiện nay.

Thứ tư, đa dạng hóa các phong trào chính trị - xã hội thực tiễn trong giáo dục giá trị nhân văn

Đã đến lúc thay vì dạy học sinh những bài học đạo đức xa vời, các nhà trường cần giáo dục cho các em về lòng nhân ái, bao dung, độ lượng hay giáo dục về các chuẩn mực đạo đức trong quan hệ xã hội. Cần tìm ra các hình thức sinh hoạt hiệu quả, tạo sân chơi lành mạnh cho học sinh. Xây dựng môi trường giáo dục tốt - rộng lớn là xã hội và nhà trường, nhỏ là gia đình và lớp học để học sinh được học tập và rèn luyện trở thành những công dân có đức, có tài. Cần sử dụng linh hoạt các phương pháp g trong giáo dục hệ giá trị nói chung và giá trị nhân văn nói riêng. Chú ý kết hợp các phương pháp giáo dục truyền thống như nêu gương người tốt, việc tốt, thiết lập các thói quen hành vi ứng xử.. với phương pháp giáo dục hiện đại như tổ chức các hoạt động xã hội, các diễn đàn, đàm thoại, tranh luận. Chúng ta không coi việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh như là một quá trình chỉ do những người giáo dục thực hiện mà là đặc biệt chú ý quá trình tự giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm phát huy tính tích cực cá nhân trong việc tự hoàn thiện mình, phát triển những phẩm chất tốt đẹp đáp ứng với yêu cầu phát triển của xã hội Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trong đó việc giáo dục giá trị truyền thống dân tộc nhằm giữ gìn và phát huy những giá trị đó là một trong những phương pháp luận quan trọng trong việc định hình và hoàn thiện nhân cách cho học sinh. Những truyền thống tốt đẹp cùng tấm gương đạo đức cao cả trong lịch sử để mọi người noi theo là vấn đề có ý nghĩa quan trọng của quá trình kế thừa và đổi mới giá trị nhân văn truyền thống dân tộc, trong đó chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh là sự kết tinh ở tầm cao hệ giá trị truyền thống dân tộc và nhân loại, là tấm gương tiêu biểu nhất của tâm hồn, trí tuệ, đạo đức Việt Nam mà các thế hệ hiện nay và mai sau học tập và làm theo.

3. Kết luận

Con đường giáo dục nhân văn cho thế hệ trẻ Việt Nam là tiền đề khai mở và vun đắp một thế hệ tương lai cho dân tộc Việt Nam trên con đường phát triển với những giá trị nhân văn dân tộc và

nhân loại Bên cạnh những giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc cần được giữ gìn và phát huy như lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, tính trung thực, tinh thần ham học hỏi, truyền thống tôn sư trọng đạo, đức tính cần cù, giản dị… chúng ta cần tiếp nhận những giá trị mới phù hợp với xu hướng của nhân loại được bổ sung trong sự giao lưu văn hóa của quá trình hội nhập. Đó là kết quả hướng tới của quá trình giáo dục giá trị nhân văn cho thế hệ trẻ, tạo dựng tiền đề quan trọng giúp họ hoàn thiện nhân cách đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển đất nước và từng bước hướng tới mục tiêu công dân toàn cầu đúng như yêu cầu của quá trình hội nhập.

Đ.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn, *Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển*, Tạp chí triết học(2), tr.16-19

2. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyên (đồng chủ biên) (2000), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa,* NXB CTQG

3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,* tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Hoàng Phê (chủ biên) (1997), *Từ điển tiếng Việt,* Nx Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, Hà Nội.

6. Võ Văn Thắng (2006), *Xây dựng lối sống ở Việt Nam hiện nay,* NXB Văn hóa thông tin và Viện văn hóa học, Hà Nội

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG Ở TP.HCM THỜI KỲ CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0

NCS. Đào Vĩnh Hợp*

1. Về các khái niệm "giá trị", "giáo dục giá trị" và "giá trị đạo đức truyền thống"

Khái niệm "giá trị" hiện nay được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học xã hội và khoa học nhân văn với nhiều nội dung, ý nghĩa mang tính tích cực khác nhau. Phổ biến hơn cả, "giá trị" chính là tiêu chí đánh giá những hoạt động vật chất và tinh thần của con người. Do đó, có khả năng thỏa mãn được các nhu cầu tích cực và có vai trò phục vụ cho lợi ích của con người cũng như sự phát triển xã hội. Có thể khẳng định: "nói đến giá trị tức là muốn khẳng định mặt tích cực, mặt chính diện, nghĩa là đã bao hàm cả quan điểm coi giá trị gắn liền với cái đúng, cái tốt, cái hay, cái đẹp, là nói đến cái có khả năng thôi thúc con người hành động và nỗ lực vươn tới"[1]. Giáo dục giá trị cho học sinh, sinh viên nói chung chính là giáo dục ý thức về giá trị, về cách sống, về bản thân và về thái độ và hành vi của học sinh, sinh viên trong cuộc sống và trong quan hệ của họ với người khác trên cơ sở hướng tới các giá trị Chân, Thiện, Mỹ.

* Trường Đại học Sài Gòn

1. Nguyễn Trọng Chuẩn (1998), "Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển", *Triết học (2)*, tr 16.

Giá trị được chia thành giá trị vật chất và giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần được chia thành các loại giá trị cơ bản như: giá trị khoa học, giá trị đạo đức, giá trị chính trị, giá trị thẩm mỹ...

Theo Từ điển Tiếng Việt, "Đạo đức là những tiêu chuẩn, nguyên tắc được dư luận xã hội thừa nhận, quy định hành vi, quan hệ của con người đối với nhau và đối với xã hội" hay là những "phẩm chất tốt đẹp của con người do tu dưỡng theo những tiêu chuẩn đạo đức mà có"[1]. "Giá trị đạo đức" bao gồm các giá trị truyền thống và cả các giá trị hiện đại. Trong đó, "giá trị truyền thống dân tộc được cô đúc nên trong suốt quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của dân tộc... cho nên có thể nói, giá trị truyền thống là cái thể hiện bản chất nhất, đặc trưng nhất cốt lõi văn hóa dân tộc"[2]. Giá trị đạo đức truyền thống là một bộ phận trong hệ giá trị tinh thần của dân tộc Việt Nam, được hình thành và phát triển cùng với bề dày lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và vẫn còn nguyên giá trị cho đến tận hôm nay. Theo Giáo sư Trần Văn Giàu thì giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam bao gồm các yếu tố: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa[3].

Nhìn chung, giá trị đạo đức truyền thống dân tộc Việt Nam bao gồm: Chủ nghĩa yêu nước; Lòng thương người, nhân ái, bao dung; Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng; Cần cù, tiết kiệm. Ngoài ra, tinh thần lạc quan, sáng tạo trong lao động; lòng dũng cảm, bất khuất; tinh thần hiếu học; khiêm tốn, trung thực, giản dị... cũng đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giá trị đạo đức truyền thống dân tộc.

Trong số các phẩm chất trên, yêu nước là giá trị hàng đầu của mỗi con người Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì

1. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học.

2. Nguyễn Văn Huyên (1998), "Giá trị truyền thống - nhân lõi và sức sống bên trong của sự phát triển đất nước, dân tộc", *Triết học, (4)*, tr.9.

3. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội, tr. 94.

tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước"[1]. Lòng thương người là một trong những truyền thống rất đáng tự hào của dân tộc ta. Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng là một giá trị được tạo nên từ trong sâu thẳm văn hóa dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng khẳng định:"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công"[2] và «Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và nhân dân ta», Người căn dặn mỗi cán bộ đảng viên «... cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình»[3]. Cần cù và tiết kiệm là một giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc ta, nó được hình thành do điều kiện sản xuất và đấu tranh xã hội trong lịch sử dân tộc. Nó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người trong cuộc sống, trong sự nghiệp phát triển đất nước.

Như vậy, có thể thấy giá trị đạo đức truyền thống chính là những giá trị tốt đẹp, thể hiện trong những chuẩn mực đạo đức, mang tính ổn định tương đối và ăn sâu vào tâm lý, tập quán xã hội từ thế hệ này nối tiếp thế hệ khác của dân tộc, có tác dụng điều chỉnh hành vi cá nhân cũng như mọi mối quan hệ trong xã hội, được đông đảo thừa nhận và tác động tích cực tới cộng đồng, xã hội. Trải qua những thăng trầm của lịch sử của dân tộc, nhưng các chuẩn mực đó vẫn còn nguyên ven giá trị, đồng thời đóng vai trò hết sức quan trọng trong bối cảnh CMCN 4.0 hiện nay.

2. Cuộc CMCN 4.0 và những thời cơ, thách thức đối với giáo dục nói chung và giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh phổ thông nói riêng

Thế giới đã trải qua 4 cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) với cách gọi theo thứ tự từ 1.0 đến 4.0. Hiện nay, cả thế giới đã bắt đầu bước chuyển mình sang cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (hay còn gọi là CMCN 4.0) với nội dung cơ bản là tạo ra

1. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 60, tr. 171.
2. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập,* Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.350.
3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập,* tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

cấu trúc và sự vận hành mới cho nền sản xuất dựa trên 4 lĩnh vực chính: Lĩnh vực kỹ thuật số, bao gồm: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, Lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn; Lĩnh vực vật lý, bao gồm: In 3D, Vật liệu mới, Robot cao cấp, xe tự lái; Lĩnh vực công nghệ sinh học và Lĩnh vực năng lượng tái tạo. CMCN 4.0 đang là xu thế lớn có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia. Trong cuộc CMCN 4.0, chúng ta sẽ đến với sự kết hợp giữa thế giới thực, thế giới ảo và thế giới sinh vật. Những công nghệ mới này sẽ gây ảnh hưởng to lớn đến mọi luật lệ, mọi nền kinh tế, mọi ngành công nghiệp, đồng thời cũng thách thức ý niệm của chúng ta về vai trò thực sự của con người[1].

Việt Nam cũng đang cùng thế giới đón nhận những thời cơ và thách thức của CMCN 4.0. Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã cho biết: "CMCN 4.0 là một cơ hội thực hiện khát vọng của dân tộc và chúng ta không thể bỏ lỡ mà cần chủ động nắm bắt, hành động quyết liệt, kịp thời để vượt qua mọi thách thức, phát huy mọi lợi thế, tận dụng mọi cơ hội phát triển"[2].

Có thể thấy: Cuộc CMCN 4.0 sẽ tạo ra sự thay đổi vô cùng lớn trong đời sống, kinh tế xã hội và đây chính là thách thức của ngành giáo dục trong việc đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu mới của thời đại[3]. Để góp phần đảm bảo mục tiêu giáo dục và đào tạo trong giai đoạn mới – giai đoạn xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh thế giới đã đang và sẽ đón cuộc CMCN 4.0 thì việc nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã trở thành một yêu cầu cấp thiết.

Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã chỉ rõ: "*Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Phát triển giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức*

1. "Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là gì?", từ http://khpl.moj.gov.vn (Trang tin điện tử của Viện Khoa học Pháp lý), truy cập lúc 10:07, ngày 10/08/2018.

2. "CMCN 4.0 là cơ hội thực hiện khát vọng dân tộc", từ http://baochinhphu.vn/ (Báo điện tử của Bộ thông tin Và truyền thông), truy cập lúc 20:05, ngày 06/08/2018.

3. "Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0", từ http://baochinhphu.vn (Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), truy cập lúc 07:05, ngày 06/08/2018.

sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học - công nghệ, yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động... Đổi mới chương trình, nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề. Đa dạng hóa nội dung, tài liệu học tập, đáp ứng yêu cầu của các bậc học, các chương trình giáo dục, đào tạo và nhu cầu học tập suốt đời của mọi người. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan...”[1].

Giáo dục trong thời đại CMCN 4.0 sẽ hướng tới một nền giáo dục sáng tạo, linh động, chuyển đổi cách thức giáo dục từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, phát triển giáo dục và đào tạo từ chú trọng số lượng sang chú trọng chất lượng. Đây cũng là cơ hội và thách thức đối với các cơ sở giáo dục đại học. Trước sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, đòi hỏi giáo dục Việt Nam cần không ngừng đổi mới nhằm bắt kịp với xu thế chung của toàn cầu. Đây vừa là cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn những thách thức đối với hoạt động giáo dục. Để xây dựng, triển khai mô hình giáo dục đại học 4.0, các cơ sở giáo dục đào tạo đại học nói chung, các trường sư phạm, các khoa sư phạm nói riêng cần chú trọng tăng cường và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kĩ năng, đặc biệt là vấn đề đổi mới phương pháp dạy và học.

Nhìn chung, trước ngưỡng cửa của cuộc CMCN 4.0, giáo dục nói chung đã và đang có vô vàn thời cơ để phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cuộc CMCN 4.0 cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là giáo dục giá trị trong nhà trường. Một trong những biểu hiện đó là hiện tượng tiêu cực, tội phạm ở tuổi vị thành niên, ma túy, bạo lực học đường có xu hướng phát triển... Do đó, bên cạnh việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đổi mới chương trình và sách giáo khoa, thì vấn đề “giáo dục giá trị trong nhà trường” cũng đã

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

và đang là chủ đề thu hút sự quan tâm của những nhà quản lý giáo dục, giáo viên, các bậc phụ huynh và của cả toàn xã hội.

Căn cứ theo cơ sở tâm lí học lứa tuổi thì: tuổi thiếu niên (tuổi của học sinh trung học cơ sở) là lứa tuổi mới hình thành thế giới quan, lí tưởng, niềm tin đạo đức, những phán đoán giá trị..., còn tuổi thanh niên (hay tuổi của học sinh trung học phổ thông (THPT), tương đương với 15 đến 18 tuổi) là lứa tuổi xuất hiện sự phát triển tự ý thức như một đặc điểm nổi bật trong sự phát triển nhân cách. Sự phát triển tự ý thức của học sinh phổ thông ở giai đoạn này quyết định đến việc hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lí tưởng của thanh niên. Việc giáo dục giá trị trong nhà trường, đặc biệt là việc GDGTĐĐTT ở mỗi bậc học, cấp học có vai trò quan trọng khác nhau. Trung học phổ thông là cấp học cuối cùng của giáo dục phổ thông. Vì vậy, việc GDGTĐĐTT cho các em học sinh phổ thông sẽ góp phần quan trọng trong hoàn thiện tính cách của học sinh, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tích cực, lí tưởng sống cao đẹp cho thanh niên trước khi bước vào đời[1].

3. Thực trạng giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh phổ thông ở TP.HCM trong bối cảnh CMCN 4.0

TP.HCM chiếm 0,6% diện tích và 6,6 % dân số so với cả nước, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là trung tâm kinh tế của cả nước, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Trong quá trình phát triển và hội nhập, TP.HCM luôn khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước và cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá[2].

Quyết định số 2076/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về "Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây

1. Xem Thiệu Minh Quỳnh, "Tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục đạo đức truyền thống trong nhà trường trung học phổ thông hiện nay", *Tạp chí Giáo dục, số 338 (7/2014)*, tr.25.

2. http://www.hochiminhcity.gov.vn (Cổng thông tin điện tử TP.HCM), truy cập lúc 19:08, ngày 27/10/2018.

dựng vùng TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050" đã xác định mục tiêu phát triển vùng TP.HCM trở thành một vùng đô thị lớn phát triển năng động và bền vững, có vai trò, vị thế quan trọng trong khu vực Đông Nam Á và hướng tới quốc tế. Đồng thời, phát triển vùng TP.HCM trở thành một trung tâm văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và y tế chất lượng cao trong khu vực Đông Nam Á[1].

Theo thống kê từ Sở GD&ĐT TP.HCM, ở bậc học THPT, trong năm 2016, trên địa bàn Thành phố có tổng số 192 trường học với tổng số 186.289 học sinh và 11.962 giáo viên[2]. Trong hơn 40 năm xây dựng và phát triển của ngành GD&ĐT TP.HCM, nhờ những chủ trương, đường lối, chính sách lãnh đạo của Đảng bộ Thành phố, cộng với sự chỉ đạo từ Sở GD&ĐT (GD&ĐT) Thành phố, của Phòng GD&ĐT các quận, huyện, đồng thời với đó là sự quản lý trực tiếp từ nhà trường, sự nỗi lực của đội ngũ giáo viên, học sinh... mà hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn Thành phố đã đạt được nhiều kết quả đáng tự hào. Riêng ở bậc THPT, năm 2009, hoàn thành phổ cập giáo dục THPT (theo chuẩn của Thành phố). Mô hình trường tiên tiến, phù hợp với xu thế hội nhập khu vực và quốc tế được thí điểm thực hiện tại trường THPT Lê Quý Đôn, THPT Nguyễn Du, THPT Nguyễn Hiền là một trong những đột phá của TP.HCM...[3].

Riêng trong công tác GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông cũng được đẩy mạnh quan tâm nhờ những quyết sách của Thành phố. Gần đây nhất, thực hiện công văn số 1163/TTr-NV1, ngày 13/12/2017 của Bộ GD&ĐT về phát hành tài liệu tham khảo "Giáo dục liêm chính cho học sinh trung học phổ thông", Sở GD&ĐT Thành phố cũng ban hành công văn số 3675/GDĐT-TrH ngày

1. "Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050", từ http://vanban.chinhphu.vn (Cổng thông tin điện tử Chính phủ), truy cập lúc 13:08, ngày 27/08/2018, tr.1, 14,15.

2. Sở GD&ĐT TP.HCM, 2016, "Ngành GD&ĐT TP.HCM", http://edu.hochiminhcity.gov.vn (Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT TP.HCM), truy cập lúc 13:30, ngày 05/11/2018.

3. Phòng Trung Học (16:53, 23/4/2016), "Giáo dục Trung học - TP.HCM", từ http://gdtrunghoc.hcm.edu.vn (Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT TP.HCM), truy cập lúc 09:08, ngày 27/11/2018.

19/10/2018 về phát hành tài liệu tham khảo "Giáo dục đạo đức liêm chính cho học sinh THPT" đến các trường THPT và trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT), nhằm triển khai phục vụ việc giảng dạy về phòng, chống tham nhũng cấp trung học phổ thông[1]. Do vậy, nhìn chung vấn đề GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông cũng mang lại nhiều kết quả. Qua đó đã giáo dục cho học sinh phổ thông sự ý thức về lòng yêu nước, yêu đồng bào, tinh thần đoàn kết dân tộc, lòng nhân ái, sống có trách nhiệm với tổ quốc, gia đình, bản thân, có ước mơ hoài bão, có đạo đức, văn hóa lành mạnh, có tính kỷ luật, tự giác, ý thức giữ gìn vệ sinh, tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng và cộng đồng, biết phê phán những tiêu cực, tệ nạn xã hội, các hành vi trái với thuần phong, mỹ tục...

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0, mà cụ thể là dưới ảnh hưởng của cơ chế thị trường, bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế, một bộ phận học sinh, thanh niên vẫn chưa nhận thức được đầy đủ về vai trò, trách nhiệm của mình. Đặc biệt hơn, các em có những biểu hiện sa sút về đạo đức, lối sống, thiếu trung thực, lười lao động, thích hưởng thụ. Đồng thời, những tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, sống thử trước hôn nhân, tình trạng cờ bạc, rượu bia, game, đặc biệt là nghiện điện thoại di động, đam mê với cuộc sống ảo... đã xảy ra và ngày càng phát triển đối với cả học sinh ở các trường phổ thông đóng trên địa bàn Thành phố.

Bên cạnh đó, cuộc sống của cư dân Thành phố trong bối cảnh CMCN 4.0 đã và đang đặt nhiều phụ huynh vào áp lực của cuộc sống, chạy đua với tiền bạc, phát triển kinh tế, thương mại... nên không có thời gian để trò chuyện với con hoặc quá nuông chiều thỏa mãn mọi nhu cầu của con em... Một số gia đình, do cho mẹ có những biến động về cuộc sống hôn nhân hay sa sút kinh tế, nên các học sinh đã được gửi vào học và sinh sống trong những trường phổ thông dân lập. Đối với những trường hợp này, các em rất đáng thương, bị thiếu thốn về mặt tình cảm, khao khát được quan tâm

1. http://edu.hochiminhcity.gov.vn (Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT TP.HCM), truy cập lúc 13:30, ngày 07/11/2018.

chia sẻ và thiếu đi sự quan tâm, giáo dục từ gia đình. Từ đó, hình thành nên những tính cách đặc biệt cho một số học sinh: một số em bị tự kỷ hay trở thành những học sinh «cá biệt», dễ sa ngã vào con đường tội phạm, suy đồi về đạo đức, lối sống... Không ít bậc phụ huynh khi được thông báo về tình hình của con em mới giật mình bởi mọi chuyện đã đi quá tầm kiểm soát.

4. Một số đề xuất nhằm tăng cường giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho học sinh phổ thông ở TP.HCM trong thời kỳ CMCN 4.0

Trên cơ sở những vấn đề vừa trình bày, để tăng cường GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông ở TP.HCM trong bối cảnh CMCN 4.0, đòi hỏi cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp với quyết tâm cao của nhiều đối tượng liên quan: gia đình, nhà trường, xã hội và cả bản thân học sinh.

Trước nhất, gia đình, nhà trường và xã hội được coi là "bộ ba" có vai trò đặc biệt quan trọng đối hoạt động giáo dục và đào tạo của học sinh phổ thông, trong đó có GDGTĐĐTT. Trong cuộc sống hiện đại, đặc biệt là sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế thị trường ở TP.HCM dưới tác động của cuộc CMCN 4.0, sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc GDGTĐĐTT còn nhiều mặt hạn chế, thiếu chặt chẽ. Nhiều phụ huynh do quá bộn rộn với cuộc sống mưu sinh nên không có thời gian gặp gỡ, trao đổi với giáo viên và nhà trường về tình hình của con ở lớp, ngược lại, giáo viên và nhà trường cũng không có thời gian đến thăm nhà học sinh để tìm hiểu sâu hơn về đời sống gia đình và tình hình học sinh. Đây cũng là nguyên nhân khiến tình trạng các tệ nạn xã hội, suy đồi lối sống đạo đức, bạo lực học đường... trong nhà trường không ngừng gia tăng và là tiếng chuông cảnh báo chung cho toàn xã hội. Vì vậy, muốn GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông, cần có sự chủ động phối hợp thường xuyên, chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, giáo viên (nhất là giáo viên chủ nhiệm), xã hội, địa phương, hội phụ huynh... để nắm rõ thực trạng của con em và thống nhất phương pháp giáo dục thích hợp. Giữa gia đình, nhà trường và xã hội có thể sử dụng các hình thức khác để quản lý học sinh nói chung như: thông qua các trang mạng xã

hội, Website, trao đổi qua thông tin qua email và các phương tiện truyền thông... thay vì chỉ có các buổi họp phụ huynh hay sổ liên lạc học sinh thuần túy như trước đây.

Về phía gia đình: Gia đình, mà trước nhất là các bậc phụ huynh hay cụ thể hơn là cha mẹ học sinh của các trường phổ thông đóng vai trò rất quan trọng trong giáo dục đạo đức cho con em ở gia đình. Trách nhiệm của cha mẹ trong quá trình liên kết với nhà trường giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông là rất lớn. Do đó, cần nâng cao vai trò của phụ huynh trong việc giáo dục đạo đức gia đình, đạo đức xa hội và GDGTĐĐTT. Trước hết, cần giáo dục cho con em chữ "hiếu, lễ, nghĩa", gồm: hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; lễ phép với thầy cô giáo và người lớn; đồng thời còn sống "trọn tình vẹn nghĩa lý" với những người xung quanh. Cha mẹ chính là những người giúp con em nhận thức được tình cảm sâu sắc của mình với ông bà, cha mẹ, anh chị em, có ý thức tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; sống có trách nhiệm với bản thân, với mọi người xung quanh và với cộng đồng.

Về phía nhà trường: Nhà trường có vai trò rất quan trọng trong giáo dục tri thức nhằm đào tạo những công dân có đủ phẩm chất và năng lực để thích ứng sự phát triển của đất nước với thời kỳ CMCN 4.0.

Trước nhất, các trường phổ thông trên địa bàn Thành phố cần có chủ trương thống nhất trong vấn đề đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng tích cực, nhằm gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực tiễn. Qua đó, giúp học sinh có được tri thức căn bản; rèn luyện thể chất, tinh thần; đồng thời trau dồi các giá trị đạo đức truyền thống; rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống, của xã hội. Nâng cao năng lực thực hành đạo đức cho học sinh các trường trung học phổ thông thông qua việc đổi mới nội dung chương trình cùng phương pháp dạy và học, nhất là đối với môn Giáo dục công dân, các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ, các phong trào thi đua cho học sinh... Đồng thời, nhà trường cần tạo điều kiện, hỗ trợ, khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động của đoàn thể và của xã hội như Đoàn thanh niên, các chương trình tình nguyện, nhân đạo...

Song hành với đó, cần tăng cường trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong Nhà trường đối với công tác GDGTĐĐTT cho học sinh.

Giáo viên là người trực tiếp giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ. Giáo viên chính là những người truyền đạt trực tiếp cho học sinh hệ thống tri thức khoa học cùng các giá trị tinh hoa văn hoá của dân tộc và nhân loại, với mục tiêu đào tạo những thế hệ nối tiếp có ích cho xã hội, đất nước. Do đó, giáo viên cần trau dồi tri thức chuyên môn, nâng cao kỹ năng sống, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp... từ đó giúp học sinh nhận thức đúng hơn về những giá trịnh bản thân và phát huy giá trị đáo đức truyền thống. Trong môi trường trung học phổ thông, giáo viên chủ nhiệm có vai trò khá đặc biệt trong việc kết nối giữa gia đình và nhà trường cũng như việc GDGTĐĐTT cho học sinh. Do đó, giáo viên chủ nhiệm các lớp nên chủ động năm bắt nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các học sinh để nắm bắt thêm thông tin về học sinh, đồng thời tạo thêm sự gắn bó mật thiết giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục tri thức và đạo đức của các học sinh.

Bên cạnh đó, cũng cần nâng cao vai trò của Ban Giám hiệu, đặc biệt là Hiệu trưởng trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các buổi nói chuyện chuyên đề hay tiết chào cờ vào sáng thứ hai đầu tuần; hay vai trò của các Phòng ban trong trường thông qua các hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh...

Nhà trường cần tuyên truyền cụ thể, rõ ràng cho học sinh về đường lối, mục tiêu, phương pháp giáo dục; về ý thức tổ chức kỉ luật, việc chấp hành pháp luật, chấp hành nội quy nền nếp của nhà trường; đặc biệt là về việc bảo tồn các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống. Nhà trường cần tăng cường công tác kiểm tra và xửa lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm các giá trị đạo đức truyền thống của học sinh. Xây dựng tiêu chí, quy trình, phương pháp để kịp thời tuyên dương các học sinh có thành tích học tập và rèn luyện đạo đức tốt, đồng thời xử lý công bằng đối với những hành vi vi phạm. Từ đó giúp các em nhận thức đầy đủ về bản thân, phấn đấu phát huy những mặt tích tích và khắc phục những hạn chế trong học tập, rèn luyện. Nhà trường cũng cần phối hợp chặt chẽ

với gia đình và cộng đồng trong việc GDGTĐĐTT cho học sinh.

* Đối với các nhà quản lý giáo dục và đối với toàn xã hội

Sáng ngày 2 tháng 8 năm 2018, Bộ GD&ĐT tổ chức "Hội nghị tổng kết năm học 2017-2018, triển khai nhiệm vụ năm học 2018-2019" theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu của Bộ GD&ĐT và các điểm cầu tại 63 tỉnh/thành phố. Tại hội nghị, ngành giáo dục đã tổng kết những kết quả đạt được, nêu ra một số tồn tại, yếu kém, đồng thời đề xuất một số nhiệm vụ đối với các bậc học. Trong số các nhiệm vụ mà ngành giáo dục đặt ra có công tác tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh trong giáo dục phổ thông[1]. Đây chính là cơ sở để các nhà quản lý giáo dục trên địa bàn TP.HCM chú trọng và tăng cường công tác giáo dục đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ, nhất là đối với học sinh trung học phổ thông.

Đối với các nhà quản lý giáo dục và đối với toàn xã hội nói chung, cần đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông. Cụ thể, cần trang bị cho thanh thiếu niên, mà trong đó đặc biệt là các em học sinh THPT ý thức trách nhiệm và thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân đối với Tổ quốc, có truyền thống yêu nước, tôn sư trọng đạo, truyền thống hiếu học, cần cù, sáng tạo của dân tộc ta. Cùng với đó là những kiến thức cơ bản về hiến pháp, pháp luật, luật lệ giao thông..., nhằm đào tạo những công dân có trình độ học vấn, có đời sống văn hóa, đạo đức cùng phẩm chất, năng lực của một con người mới, đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ của cuộc CMCN 4.0.

Trong quá trình triển khai xây dựng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, ngành giáo dục cần đặc biệt chú trọng tới môn học Đạo đức và Giáo dục công dân và việc giảng dạy đạo đức, lối sống thông qua trải nghiệm cho học sinh. Từ đó, nhằm tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống lành mạnh cho học sinh phổ thông. Cần đề ra và khuyến khích thế

1. Bộ GD&ĐT, 2018, "Hội nghị tổng kết năm học 2017-2018, triển khai nhiệm vụ năm học 2018-2019", từ https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn (Tạp chí Giáo dục - Bộ GD&ĐT), truy cập lúc 08:30, ngày 05/11/2018.

hệ trẻ tham gia các chương trình hành động do các tổ chức Đảng, Đoàn hay tổ chức xã hội phát động như "Học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Về nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa", ''Uống nước nhớ nguồn"... để khơi dậy lòng biết ơn những người đã có công với đất nước, qua đó, bồi đắp lòng tự hào, tự tôn dân tộc... cho thế hệ trẻ, trong đó có các học sinh phổ thông. Chính quyền cơ sở, ngành công an và các lực lượng xã hội ở địa phương cần tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục phổ thông như: an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực học đường, thực hiện công tác tư vấn tâm lý, sức khỏe, kỹ năng sống... cho học sinh các trường THPT.

Trước ngưỡng cửa của cuộc CMCN 4.0, đặc biệt là sự bùng nổ của những tiến bộ khoa học đã đem lại nhiều thuận lợi cho công tác quản lý giáo dục và GDGTĐĐTT cho học sinh phổ thông. Việc sử dụng các mạng xã hội, facebook, zalo và các ứng dụng khác đã giúp cho công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại hiệu quả hơn. Các gương người tốt, việc tốt, những hành động đẹp, những cách ứng xử văn hóa, giáo dục truyền thống, văn hóa... ngày càng tạo nhiều thuận lợi để thế hệ trẻ tiếp cận nhanh chóng... Do đó, các nhà quản lý giáo dục và xã hội cần chú trọng đến việc khai thác những ưu thế và hạn chế mặt tiêu cực trong việc GDGTĐĐTT cho học sinh.

Đối với bản thân học sinh: Mỗi học sinh cần phải phải luôn có ý thức phấn đấu học tập tốt, rèn luyện tốt, trang bị những kỹ năng, thái độ, kiến thức thật tốt ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Để làm được điều đó, học sinh cần tích cực học tập và chủ động tham gia các hoạt động đoàn, hội để tích lũy các kỹ năng cần thiết như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống; tham gia các công tác xã hội là hết sức bổ ích giúp nâng cao tinh thần cộng đồng, nhận định rõ nét và định hướng đúng đắn giá trị bản thân, học đi đôi với hành... để có thể làm chủ tri thức, công nghệ mới.

Ngoài ra, để tăng cường công tác giáo dục đạo đức truyền thống cho học sinh trung học phổ thông, còn cần kết hợp với nhiều giải pháp đa dạng khác nhau như: giáo dục đạo đức thông qua hoạt động ngoại khóa cho học sinh; sử dụng phương pháp "nêu

gương" nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức; giáo dục lòng nhân ái cho học sinh thông qua các hoạt động tình nguyện, nhân đạo; kết hợp giữa giáo dục pháp luật với giáo dục đạo đức; tăng cường giáo dục đạo đức học sinh theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lòng nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu, hết mực vì con người...

***

Thay lời kết

Cuộc CMCN 4.0 đã, đang và sẽ đặt giáo dục Việt Nam những yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện để bắt kịp các xu hướng phát triển chung của thời đại. TP.HCM hiện đang là trung tâm kinh tế - văn hóa phát triển hàng đầu của cả nước. Giáo dục giá trị trong nhà trường, trong đó có GDGTĐĐ truyền thống cho học sinh phổ thông thực sự là một chủ đề hết sức cấp bách, có vai trò cực kì to lớn đối với việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc và sự phát triển hoàn thiện nhân cách của thế hệ thanh niên Thành phố nói riêng và thanh niên Việt Nam Nói chung. Qua đó, nhằm góp phần đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam trong tiến trình hội nhập giáo dục quốc tế. Đồng thời, cũng giúp Thành phố có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn, hướng đến mục tiêu: "phát triển nhanh, bền vững; gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người, tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình" như Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020 đề ra[1].

Đ.V.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

1. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020, từ https://www.hcmcpv.org.vn (Trang tin điện tử đảng bộ TP.HCM), truy cập lúc 08: 35 ngày 20/08/2018.

2. Hồ Chí Minh (1996), *Toàn tập,* Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập,* tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập,* tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Hoàng Phê (1997), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học.

6. Nguyễn Trọng Chuẩn (1998), "Vấn đề khai thác các giá trị truyền thống vì mục tiêu phát triển", *Triết học (2)*, tr. 16-19.

7. Nguyễn Văn Huyên (1998), "Giá trị truyền thống - nhân lõi và sức sống bên trong của sự phát triển đất nước, dân tộc", *Triết học, (4)*, tr. 8-11.

8. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội.

9. Xem Thiệu Minh Quỳnh, "Tầm quan trọng của nhiệm vụ giáo dục đạo đức truyền thống trong nhà trường trung học phổ thông hiện nay", *Tạp chí Giáo dục, số 338 (7/2014)*, tr. 25-27.

10. "Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là gì?", từ http://khpl.moj.gov.vn (Trang tin điện tử của Viện Khoa học Pháp lý), truy cập lúc 10:07, ngày 10/08/2018.

11. "CMCN 4.0 là cơ hội thực hiện khát vọng dân tộc", từ http://baochinhphu.vn/ (Báo điện tử của Bộ thông tin Và truyền thông), truy cập lúc 20:05, ngày 06/08/2018.

12. "Giáo dục Việt Nam trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0", từ http://baochinhphu.vn (Báo điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam), truy cập lúc 07:05, ngày 06/08/2018.

13. "Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050", từ http://vanban.chinhphu.vn (Cổng thông tin điện tử Chính phủ), truy cập lúc 13:08, ngày 27/08/2018, tr.1, 14,15.

14. Bộ GD&ĐT, 2018, "Hội nghị tổng kết năm học 2017-2018, triển khai nhiệm vụ năm học 2018-2019", từ https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn (Tạp chí Giáo dục - Bộ GD&ĐT), truy cập lúc 08:30, ngày 05/11/2018.

15. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP.HCM lần thứ X nhiệm kỳ 2015 – 2020, từ https://www.hcmcpv.org.vn (Trang tin điện tử đảng bộ TP.HCM), truy cập lúc 08: 35 ngày 20/08/2018.

16. Phòng Trung Học (16:53, 23/4/2016), "Giáo dục Trung học - TP.HCM", từ http://gdtrunghoc.hcm.edu.vn (Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT TP.HCM), truy cập lúc 09:08, ngày 27/11/2018.

17. Sở GD&ĐT TP.HCM, 2016, "Ngành GD&ĐT TP.HCM", http://edu.hochiminhcity.gov.vn (Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT TP.HCM), truy cập lúc 13:30, ngày 05/11/2018.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ "CỐT LÕI" CHO HỌC SINH TRƯỜNG TUỆ ĐỨC TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN HÀNH ĐỘNG THỰC TIỄN

Lê Minh Hiếu*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay vấn đề giáo dục giá trị cho học sinh ngày càng được các cơ sở giáo dục chú trọng đẩy mạnh và xem đó là một trong những trọng tâm quan trọng trong nội dung giáo dục, đào tạo của mình. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi mà xã hội đang có nhiều hiện tượng tiêu cực, tình trạng bạo lực học đường, tội phạm ở tuổi vị thành niên đang có xu hướng phổ biến và gia tăng. Đứng trước thực trạng đó, cùng với mong muốn *"xây dựng Nhân cách cho trẻ, lấy Đạo học làm nền tảng, đưa giá trị cốt lõi vào trong từng tiết học, từng chuyến dã ngoại, từng bữa ăn, ... cho đến mọi hành vi ứng xử trong cuộc sống"* trường Tuệ Đức đã xây dựng và đưa những giá trị cốt lõi, căn bản vào chương trình giáo dục, đào tạo học sinh của mình.

2. Những giá trị "cốt lõi" của hệ thống trường Tuệ Đức

Hệ thống trường Tuệ Đức hiện nay gồm có 4 cấp học là mầm non, tiểu học, trung học sơ sở và trung học phổ thông. Hiện thống trường hiện có 9 cơ sở, chi nhánh ở cả hai miền Nam, Bắc với hơn 1300 trẻ mầm non, hơn 800 học sinh tiểu học và trung học. Đồng hành với các em là hơn 400 giáo viên trên toàn hệ thống.

* Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

Hệ thống trường Tuệ Đức chủ trương kết hợp giữa Khoa Học và Đạo Học chú trọng xây dựng Nhân cách cho trẻ, lấy Đạo học làm nền tảng, đưa giá trị cốt lõi vào trong từng tiết học, từng bữa ăn, từng chuyến dã ngoại, … cho đến mọi hành vi ứng xử trong cuộc sống.

Về Đạo học Phương Đông, Nhà trường dựa trên triết lý 3 gốc rễ: Đạo đức – Trí tuệ – Nghị lực, là nền tảng vững chắc để trẻ phát triển toàn diện. Trong đó:

Đạo đức là lòng thương yêu với gia đình, cộng đồng, thiên nhiên. Đạo đức được thể hiện bằng các hành vi và lời nói giúp người, giúp đời. Khi đó, lòng vị tha, bao dung sẽ lớn hơn sự vị kỷ của bản thân.

Trí tuệ bao gồm kiến thức, hiểu biết và tư duy đúng đắn trong đó đặc biệt là tư duy Nhân Quả, giúp học sinh có khả năng phân biệt rõ để theo điều đúng, bỏ điều sai, tránh vì vô minh thiếu hiểu biết mà đưa ra những nhận thức và hành động sai lầm.

Nghị lực chính là sự dũng cảm, dám dấn thân thực hiện từ những việc nhỏ nhất đến những việc đầy khó khăn và sự kiên nhẫn thực hiện đến cùng những việc đó. Khái quát lại nghị lực chính là sự kết hợp giữa hai đức tính dũng và nhẫn. Dũng + Nhẫn = Nghị lực.

Về Khoa học, trường Tuệ Đức áp dụng phương pháp Kiến tạo, hiện đại, chương trình phù hợp với trẻ trong từng lứa tuổi, để trẻ dễ học, dễ hiểu, nhớ lâu, học thông qua trải nghiệm, thông qua các trò chơi, …

Triết lý giáo dục của Hệ thống trường là sự kết hợp của Khoa học và Đạo học, dạy cho trẻ có đủ tình yêu thương để có thể chia sẻ và cảm thông với mọi người (Đạo đức), dạy cho trẻ có đủ Trí tuệ soi sáng để trẻ có thể phân biệt đúng sai, đủ tư duy để sáng tạo, và luôn dạy cho trẻ có đủ sự kiên nhẫn và lòng dũng cảm (Nghị lực) để có thể vượt qua mọi thử thách và khó khăn trên đường đời. Đạo đức, trí tuệ, nghị lực tựa như 3 gốc rễ của một cây, gốc rễ được nuôi dưỡng vững chắc thì cây sẽ phát triển rất bền vững và sẽ cho những quả ngọt. Cân bằng giữa nuôi dưỡng Đạo đức, trau dồi Trí tuệ và rèn luyện Nghị lực đó chính là giá trị cốt lõi trong

triết lý đào tạo mà hệ thống trường Tuệ Đức đã xây dựng và đang thực hiện.

3. Những biện pháp nhằm giáo dục giá trị cho học sinh tại trường

Việc xác định và xây dựng nên hệ thống triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của nhà trường để từ đó làm kim chỉ nam trong hoạt động giáo dục và đào tạo cho học sinh đã khó nhưng việc thực hiện được, đưa được những giá trị cốt lõi đó đến với học sinh, giúp học sinh nhận ra và thực hành những giá trị đó lại càng khó hơn gấp nhiều lần. Để làm được điều đó quả là một hành trình dài với rất nhiều khó khăn. Nó cần phải có sự kiên trì, quyết tâm cao độ cùng với đó là những phương pháp linh hoạt, hợp lý của thầy và trò trường Tuệ Đức.

Để giáo dục, rèn luyện những giá trị này cho học sinh là một hành trình dài và đầy khó khăn của các cán bộ, giáo viên trường Tuệ Đức. Bên cạnh việc dạy đầy đủ những kiến thức chuẩn của chương trình đào tạo mà Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định nhà trường đã thiết kế và đưa vào giảng dạy những môn học phù hợp nhằm phát triển đạo đức, trí tuệ và nghị lực cho học sinh. Đó là những môn như võ thuật, bơi lội, đạo đức nhân quả, sinh hoạt tập thể - hoạt động ngoài giờ lên lớp… Võ thuật rất quan trọng để trẻ mạnh mẽ, bình tĩnh, tự tin để giúp mình, giúp người khác trong cuộc sống. Bơi lội học sinh sẽ được học, rèn luyện 3 học phần đó là Bơi, Lặn và Cứu hộ. Biết bơi để khỏe mạnh, biết lặn & cứu hộ để giúp mình và giúp người khi gặp sự cố bất ngờ ngoài ý muốn. Các tiết học Sinh hoạt tập thể, Phát triển kỹ năng được thiết kế theo hình thức các câu lạc bộ giúp các em không còn cảm giác phải "học" mà được vui chơi và rèn luyện dựa trên tinh thần 3 gốc rễ, chiếm gần 30% thời lượng theo một khung giờ cố định từ 15h10 – 16h40 mỗi ngày. Rất nhiều nội dung giáo dục giá trị sẽ được các em lĩnh qua các trò chơi hoặc hoạt động kỹ năng này. Những môn học kỹ năng này chẳng những giúp học sinh rèn luyện thân thể, nâng cao sức khỏe mà còn giúp các em nhận ra và hình thành những giá trị tốt đẹp cho bản thân. Đó là giá trị của sự hợp tác, đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau. Những môn học, hoạt động

trên góp phần giúp nhà trường giáo dục giá trị cho các em học sinh một cách rất hiệu quả.

Một biện pháp khác mà nhà trường đang thực hiện đó là mỗi ngày đều cho các em học sinh *ngồi thiền tĩnh tâm* 15 phút từ 8h45 phút đến 9h. Các thầy cô sẽ hướng dẫn và đồng hành cùng học sinh trong khoảng thời gian này. 15 phút thiền tĩnh tâm này sẽ giúp ích cho học sinh phát triển nghị lực và gia tăng nhận thức thêm rất nhiều. Các em sẽ ngồi im lặng và nhìn nhận, suy ngẫm lại bản thân cả những mặt tích cực và chưa tích cực. Từ đó, các em sẽ có những điều chỉnh cho phù hợp, để giúp các em phát triển đi lên, vun bồi những giá trị tích cực cho bản thân.

Đến giờ ăn trưa, các em học sinh sẽ chính là người phục vụ bữa ăn cho mình. Các em sẽ tự lấy khay, tự lấy cơm, thức ăn ở những nơi được chuẩn bị sẵn và trở sau đó về dãy bàn của lớp để dùng bữa trưa với nhau. Sau bữa ăn, các em sẽ tự mang khay cơm đi rửa. Nếu số lượng học sinh đông, các em phải làm quen với việc xếp hàng chờ đến lược mình để thực hiện việc lấy cơm hoặc rữa khay. Như vậy, bữa ăn trưa này sẽ tập cho các em làm quen với công việc, rèn luyện nghị lực, sự kiên nhẫn, nhẫn nại và ý thức nhường nhịn, văn hóa xếp hàng cho học sinh.

Bên cạnh đó, nhà trường luôn chú ý giáo dục cho học sinh hiểu và thực hiện sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp theo chuẩn 5S đó là: *Sàng Lọc, Sắp Xếp, Sạch Sẽ, Săn Sóc, Sẵn Sàng*! Điều này rèn cho học sinh ý thức trong sinh hoạt, trách nhiệm và tự giác, kỷ luật với tập thể cũng như chính bản thân các em.

Khi các em phạm lỗi, nhà trường kiên nhẫn lắng nghe các em, lắng nghe tâm tư và nguyện vọng của các em rồi từ đó phân tích đúng sai một cách tận tâm và sâu sắc để các em hiểu và nhận thức được vấn đề một cách đúng đắn rồi từ đó đề ra biện pháp khắc phục sữa chữa. Nhà trường giáo dục giá trị cho các em cả trong những lúc các em sai phạm, mắc lỗi để giúp các em nhìn nhận được bản thân một cách toàn diện, hiểu được những giá trị đúng đắn để từ đó hoàn thiện bản thân các em hơn, tiến bộ hơn.

Giáo dục học sinh là một quá trình lâu dài và đầy khó khăn, nếu không có sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình cùng với

sự nỗ lực cố gắng của bản thân học sinh thì rất khó đạt kết quả tốt được. Hiểu được điều đó, lãnh đạo nhà trường đã tổ chức nhiều cuộc gặp với toàn thể phụ huynh học sinh để lắng nghe tâm tư, nguyên vọng của mọi người. Bên cạnh đó, nhà trường cũng chia sẽ triết lý giáo dục cũng như định hướng giá trị, phương pháp thực hiện mà nhà trường đang áp dụng đối với học sinh. Nhà trường cũng mời những chuyên gia giáo dục, người sáng lập câu lạc bộ dạy con nên người đến để chia sẽ với phụ huynh về bí quyết dạy con 5 phút mỗi ngày, cách lắng nghe con trẻ, … Những việc làm đó đã tạo sự đồng thuận, thống nhất giữa nhà trường, gia đình và học sinh,, tất cả cùng thống nhất một mục tiêu và phương pháp thực hiện. Tất cả để các em trưởng thành hơn, hướng đến những giá trị hoàn thiện, cao đẹp hơn.

4. Kết luận

Giáo dục giá trị cho học sinh là một vấn đề đang rất được quan tâm trong xã hội, nhất là đối với những cơ sở, những người làm công tác giáo dục. Nhu cầu và tính cấp thiết của việc giáo dục giá trị cho học sinh trong nhà trường hiện nay là một vấn đề cấp bách và có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục đạo đức, tư tưởng cho thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Là một cơ sở giáo dục, trường Tuệ Đức cũng hiểu được ý nghĩa to lớn của việc giáo dục giá trị cho học sinh từ đó trường đã đề ra những giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam cho hoạt động dạy và học của trường. Giá trị cốt lõi đó chính là Đạo đức – Trí tuệ - Nghị lực, nó như 3 gốc căn bản để phát triển của mỗi con người.

Bằng nhiều phương pháp và cách thức linh động, sáng tạo, phù hợp và khoa học cùng với sự tận tâm, tận tụy của đội ngũ giáo viên, cán bộ, công nhân viên trường Tuệ Đức đã từng bước truyền tải và giáo dục những giá trị tốt đẹp đến từng học sinh của mình. Nhà trường đã lấy thực hành làm trọng kết hợp với các giá trị đạo học được giảng dạy, hướng dẫn bởi các thầy cô giàu tâm huyết, chuyên gia giàu kinh nghiệm giúp các em trở thành những con người trưởng thành trong mọi môi trường.

L.M.H

ABSTRACT

The school system of Tue Duc is built on the philosophy of education is the combination of Scientific and the Eastern ethics; Teach your child to have enough love to share and empathize with others, to teach enough children to be intelligent, to be able to distinguish right and wrong, to think creatively, and to teach children to have patience and wisdom. It will help students overcome all challenges and difficulties in life. Ethics, wisdom, energy are like the three roots of a tree, the roots are firmly nourished, the tree will grow very stable and will give the fruit a sweet. The balance between ethical nurturing, intellectual nurturing and training is a core value education in the training philosophy that the Tue Duc school system has developed and is doing.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH

Nguyễn Minh Hiền*

1. Đặt vấn đề

Giá trị sống (GTS) là một hình thái ý thức xã hội. Từ phương diện này thì GTS là mặt tinh thần của đời sống mỗi cá nhân. Nó nảy sinh từ các điều kiện vật chất, thực tiễn, chịu sự chi phối của hoàn cảnh cụ thể cũng như sự ảnh hưởng, tác động của đạo đức, văn hóa, tôn giáo, truyền thống và tính chất mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Nhưng, GTS là sống với từng giá trị mà cá nhân chọn lựa chứ không phải là lý luận về các giá trị đó. Do vậy, GTS được hiện thực hóa thành hành động, ứng xử, giao tiếp, quan hệ, xử lý tình huống của mỗi cá nhân.

GTS là những điều mỗi người cho là quý giá, rất ý nghĩa, quan trọng khiến cho họ mong muốn lĩnh hội và thể hiện ra để cuộc sống của mình trở nên tốt đẹp hơn. Chính vì vậy, GTS cũng chính là những giá trị bản thân của mỗi người. Định hướng GTS cho học sinh là việc nhà trường thừa nhận một hệ các GTS để giáo dục cho học sinh. *Giáo dục GTS cho học sinh* là quá trình nhà trường hiện thực hóa các GTS đã thừa nhận thành hệ thống các hành động, hoạt động hướng đến học sinh để học sinh có được nhận thức, thái độ, hành vi phù hợp với hệ các GTS đó vì sự phát triển của học sinh và sự phát triển của xã hội.

* Trường Đại học Tài chính - Maketing

Các GTS lần đầu tiên được đưa ra vào năm 1995. Khi ấy, 186 quốc gia là thành viên thuộc Liên hiệp quốc đã đồng thuận chọn ra 12 giá trị cốt lõi, mang tính toàn cầu với mục tiêu chung nhằm kêu gọi sự chia sẽ các giá trị vì một thế giới tốt đẹp hơn. Các giá trị này đều có sẵn trong mỗi con người, bất kể họ là ai. Khi vươn tới những giá trị này, con người sẽ xích lại gần nhau, chia sẽ, thông cảm qua đó cuộc sống nhân loại sẽ trở nên hòa bình, đáng giá, hạnh phúc (xem thêm Lục Thị Nga, 2011). Đó là các giá trị: trung thực, khiêm tốn, khoan dung, giản dị, yêu thương, hạnh phúc (những giá trị thuộc về nhân cách), hòa bình, tự do (những giá trị sống chung với công đồng), tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm (những giá trị liên nhân cách).

2. Quan niệm chung về GTS

Để bàn đến việc giáo dục GTS cho học sinh, cần thiết phải có những quan niệm chung về GTS. GTS là những giá trị bản thân của mỗi người. Nó không tự có và cũng không dễ dàng có được. GTS hình thành trong quá trình phát triển về các mặt tâm sinh lý, tri thức, nghề nghiệp, trải nghiệm; những thành công, thất bại, những sai lầm, vấp ngã. Biết được bản chất chân thực của chính mình là việc còn sâu sắc hơn chấp nhận một mớ khái niệm hay một niềm tin nào đó (Eckhart Tolle, 2011). Đó cũng là quá trình cá nhân khám phá bản thân và thật sự hiểu chính bản thân mình; vượt qua những ngộ nhận, ảo tưởng, mặc cảm, tự ti để biết mình muốn gì, cần gì và phải làm gì để thể hiện nhân vị của mình trong cuộc đời.

Tuy nhiên, không phải bất cứ giá trị nào mà cá nhân chọn lựa và theo đuổi cũng là GTS đích thực. Có người chọn cuộc sống phải có thật nhiều tiền và kiếm tiền bằng mọi thủ đoạn; có người chọn cuộc sống nhàn hạ bằng cách dựa dẫm hoặc lợi dụng người khác, có người đam mê quyền lực bằng cách mua quan bán chức… Tất cả những điều đó, trên thực tế, không mang lại sự phát triển, tiến bộ, tích cực cho cá nhân người chọn và cho xã hội. Những sự chọn lựa như vậy và tương tự, không phải là GTS. GTS mà chúng ta đề cập đến là những giá trị tạo nên sự phát triển, hoàn thiện nhân cách, đạo đức, mang lại hạnh phúc, Chân – Thiện – Mỹ cho cá

nhân và qua đó giúp cho xã hội ổn định và phát triển. Adam Khoo cho rằng, những người trẻ tuổi hãy dùng hai câu hỏi sau để đo lường mức độ thành công mà họ đạt được trong cuộc sống. Thứ nhất, bản thân có tìm thấy niềm vui trong cuộc đời không? Thứ hai, cuộc đời mình có đem lại hạnh phúc cho người khác không? (Adam Khoo, 2012). Diane Tillman cũng cho rằng tuổi trẻ cần có những GTS như: Tôn trọng, yêu thương, hạnh phúc, trung thực, khiêm tốn, trách nhiệm, giản dị, khoan dung, hợp tác, tự do… (Diane Tillman, 2016). Xã hội trong từng thời kỳ thì giai cấp thống trị, các tổ chức như tôn giáo, đoàn thể, tổ chức văn hóa, các nhà tư tưởng, các nhà hoạt động xã hội… cũng mong muốn các thành viên của mình có những GTS cần thiết cho phù hợp với mục đích, tôn chỉ của những lực lượng, tổ chức, chủ thể đó.

Vai trò của GTS thể hiện ở chỗ nó mang tính hướng đích để mọi người tu dưỡng, hành động. Nó trở thành động lực giúp mỗi người nổ lực, phấn đấu, chấp nhận những thử thách, tìm cách vượt qua để thể hiện, bảo vệ GTS mà mình đã chọn. Đôi vợ chồng nếu chọn GTS trong hôn nhân là thủy chung, tin tưởng, trân trọng người bạn đời thì sẽ luôn nỗ lực hoàn để hoàn thiện mình, chấp nhận cái tôi của nhau, tìm cách vượt qua những cám dỗ, những quyến rũ về tình cảm, tướng mạo, vật chất, lời đường mật, ca tụng… đến từ những người đàn ông (phụ nữ) khác không phải và chồng (vợ) của mình.

Khả năng đặt các GTS của mình lên trên, như một hệ quy chiếu để chi phối cảm xúc, hành động của mỗi người cũng chính là dấu hiệu cốt lõi của người tự chủ và làm chủ. Một người có khả năng tự vấn sẽ so sánh bản thân với các chuẩn mực và quan điểm của mình trước khi ra quyết định và tiến hành thực hiện (Andrea Bacon và Ali Dawson, 2012). Bản thân họ vẫn bị ảnh hưởng bởi những yếu tố tác động bên ngoài, nhưng thái độ, phản ứng của họ đối với những yếu tố như vậy đều là những lựa chọn hoặc phản ứng dựa trên nền tảng GTS của mình. GTS giúp mỗi người cân bằng và hợp lý hóa những mục tiêu vật chất.

3. Ý nghĩa của việc giáo dục GTS cho học sinh

Giáo dục GTS cho học sinh có thể xem như là sự giáo dục từ

gốc. Nhiệm vụ này vô cùng quan trọng, đặc biệt đối với học sinh trong độ tuổi 10 – 19 tuổi - là giai đoạn chuyển tiếp từ thời kỳ ấu thơ sang trưởng thành. Đây được xem là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và phức tạp nhất của cuộc đời mỗi con người. Học sinh trong độ tuổi này có nhiều thay đổi diễn ra như: phát triển nhanh về thể chất, điều chỉnh tâm lý và các quan hệ xã hội, bước đầu hình thành nhân cách. So với các lứa tuổi khác, lứa tuổi này nảy sinh nhiều rối nhiễu về tâm lý. Đây cũng là lứa tuổi tràn đầy năng lượng, luôn được thôi thúc bởi sự tò mò, thích tự mình thử nghiệm, khám phá và có khi là sự mạo hiểm. Các em đi tìm bản sắc của mình, áp dụng những giá trị đã được lĩnh hội từ giai đoạn trẻ thơ và phát triển các kỹ năng để trở thành người lớn. Nếu được giáo dục GTS đúng đắn, được giúp đỡ, khích lệ, các em sẽ trở thành những thành viên đóng góp có ý nghĩa cho gia đình và cộng đồng.

Nếu học sinh không có nền tảng GTS đúng đắn, vững chắc, cho dù được học nhiều kiến thức, kỹ năng thì khi trưởng thành cũng khó có thể trả lời chính xác ý nghĩa và giá trị bản thân là gì. Khi ấy, nghề nghiệp chưa hẳn mang lại hạnh phúc, lợi ích cho bản thân và xã hội. Có GTS đúng sẽ giúp các em ý thức được những việc nên làm, có bản lĩnh để tiếp thu những cái mới, nói không với những cái xấu; biết quan hệ, giao tiếp hợp lý với thầy cô và bạn bè. Khi trưởng thành, chính các GTS góp phần khẳng định giá trị bản thân của các em trong xã hội.

Nếu gia đình và nhà trường chỉ chú trọng trang bị cho học sinh kiến thức, kỹ năng mà thiếu sự chú trọng giáo dục GTS đúng đắn, thì có thể sẽ có không ít học sinh như hổ mọc thêm cánh. Vì, có những học sinh có năng lực, cá tính sẽ không biết cách tôn trọng bản thân và người khác, dễ tự mãn, tự cao, coi thường bạn bè, người khác, dễ bị lôi cuốn bởi những ham muốn vật chất… Nếu không có nền tảng GTS đúng đắn, thì dù cho có nhiều kiến thức, kỹ năng đến đâu cũng không đảm bảo rằng khi trưởng thành các em sẽ mang lại những lợi ích tích cực cho bản thân và cho xã hội. Nền tảng GTS của một học sinh không đúng đắn, các em sẽ thiếu đi sự tự trọng và do vậy cũng không biết tôn trọng thầy cô, bạn bè...

Học sinh được giáo dục và lĩnh hội các GTS sẽ mang lại nhiều

lợi ích. GTS sẽ giúp học sinh khám phá những phẩm chất tốt đẹp của bản thân, của những người khác và trân quý nó. Học sinh biết tôn trọng mình và người khác, biết hợp tác, đồng thuận, xây dựng và duy trì tình đoàn kết, biết thích ứng trước những đổi thay của cuộc sống. Các em biết suy nghĩ tích cực để vươn lên, biết đối diện với những hoàn cảnh khó khăn, thử thách hàng ngày. Các em biết cảm nhận cuộc sống hạnh phúc, thấy cuộc sống của mình mang nhiều ý nghĩa. Có GTS làm nền tảng cho kĩ năng sống, học sinh sẽ biết cách sử dụng những kĩ năng sống đặt trong ý nghĩa của GTS. Vì chưa hiểu các GTS và thiếu kĩ năng sống, khiến học sinh không biết cách giải quyết các vấn đề của bản thân, dẫn đến tình trạng thiếu tự tin, khủng hoảng về tâm lý hoặc trở thành nạn nhân của những tệ nạn xã hội, hoặc vi phạm pháp luật.

Giáo dục GTS cho học sinh cũng là gốc rễ để nâng cao chất lượng đạo đức, tạo ra kết quả học tập thực chất, làm bền chặc sợi dây liên kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Nhà trường thực hiện được phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực"; "Nhà trường - văn hóa, nhà giáo - mẫu mực, học sinh - thanh lịch", làm cho cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong học sinh trở nên thực chất, tự giác.

4. Những khó khăn, thử thách của việc giáo dục GTS cho học sinh

Việc trang bị GTS cho học sinh trong điều kiện hiện nay đối diện với các khó khăn, thử thách không nhỏ đến từ học sinh, gia đình và nhà trường.

Về phía học sinh, đặc biệt trong độ tuổi vị thành niên (10 – 19 tuổi). Việc giáo dục GTS cho các em không phải là điều dễ dàng. Vì ở độ tuổi này, các em muốn (có nhu cầu) khẳng định mình. Các em muốn được thừa nhận, đang đi tìm kiếm bản sắc cũng như bắt đầu có những rung động đầu đời. Do trong quá trình hình thành nhân cách, hình thành các quan niệm, triết lý, tìm kiếm bản sắc, nên các các em thường không dễ chia sẽ với người thân nếu các em không cảm thấy thật sự tin tưởng, không cảm thấy yên tâm, hoặc cho rằng sẽ bị ngăn cản, áp đặt, phê bình, bị lộ bí mật… Do

vậy, các em dễ có những quyết định sai trái như sẵn sàng xung đột với cha mẹ, thầy cô, bạn bè; nhiều em hút thuốc lá, uống rượu bia, quan hệ tình dục. Nhiều học sinh cho rằng phải sành điệu, đẳng cấp, phải là thủ lĩnh một nhóm nào đó…

Về phía gia đình. Xã hội càng phát triển, gia đình có nhiều thuận lợi hơn trong việc nuôi dạy con cái nhưng cũng gặp không ít khó khăn trong việc định hướng, truyền dạy GTS cho con. Những khó khăn đó đến từ ảnh hưởng của tình trạng ly hôn, ly thân ngày càng phổ biến; tình trạng gia tăng bạo lực trong gia đình; những mâu thuẫn, xung đột thế hệ về lối sống, quan hệ, ứng xử; nhiều tệ nạn đã và đang xâm nhập vào các gia đình như: hiện tượng sống ảo, ma túy, cờ bạc, rượu chè, mại dâm… Hay, cha mẹ quá bận rộn với việc làm kinh tế, mưu sinh đã không dành thời gian cho việc chăm sóc, dạy dỗ con cái. Những mặt trái này là những khoảng cách không nhỏ cho việc kết hợp giữa gia đình với nhà trường để định hướng, gió dục GTS cho học sinh.

Về phía trường học. Hầu hết các trường phổ thông ở Việt Nam, chương trình học hiện tại không có chỗ để giáo dục GTS thành một môn học riêng với các hoạt động mang tính đặc thù. Bộ Giáo dục – Đào tạo chưa có chương trình, sách giáo khoa cho môn GTS. Do vậy, chỉ có thể kết hợp giáo dục GTS với một số môn học trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Hoặc giáo dục GTS thông qua thực hiện chủ đề năm học, thực hiện các nội quy, quy định, những yêu cầu trong sổ tay học sinh và phụ huynh, hoặc hiện thực hóa sứ mệnh, giá trị cốt lõi, tầm nhìn mà các trường (có) tuyên bố... Trong khi đó, giáo dục GTS không thể chuyển tải theo cách thông thường. Việc giáo dục GTS chỉ thực sự hiệu quả khi bản thân học sinh được trải nghiệm thực tế, trải nghiệm cảm xúc dẫn đến thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi. Sự thuyết giảng mang tính đề cao đạo đức, những lời khuyên khó đem lại kết quả.

5. Kết luận

Cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội, học sinh đang đối diện với nhiều thử thách của sự phát triển đó. Sự thiếu quan tâm và định hướng của gia đình, phải tiếp khối lượng kiến

thức quá nhiều trong trường học, mặt trái của kinh tế thị trường, các thông tin thiếu lành mạnh tồn tại phổ biến trên môi trường interne…đang ảnh hưởng trực tiếp đến đạo đức và sự hình thành nhân cách của học sinh… Hậu quả, nhiều học sinh nhận thức lệch lạc, xa rời các giá trị đạo đức truyền thống, bị lôi cuốn theo lối sống thực dụng, đua đòi, dễ bị tiêm nhiễm và ảnh hưởng từ cái xấu, tình trạng bạo lực học đường ngày một gia tăng... Một trong những nguyên nhân sâu xa của các hậu quả vừa nêu là do học sinh chưa hiểu các giá trị sống (GTS), thiếu kỹ năng sống. Các em chưa từng được dạy cách đối diện với những khó khăn gặp phải như: bị bạn bè khiêu khích, bị bắt nạt, bị hiểu lầm, bị bạo lực, kết quả học tập yếu kém, cha mẹ ly hôn, kinh tế gia đình phá sản…. Các em chưa thật sự được dạy để hiểu về giá trị của cuộc sống bản thân.

Để khắc phục những khó khăn và đáp ứng những yêu cầu đặt ra, đòi hỏi ngành giáo dục, các trường học, đội ngũ các chuyên gia, các nhà giáo phải tìm ra những cách thức, biện pháp căn cơ thì mới có thể thành công trong việc giáo dục GTS cho học sinh.

N.M.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andrea Bacon và Ali Dawson (2012). *Giải mã trí tuệ cảm xúc*, Dịch giả: Kim Vân – Song Thu – Vi Thảo Nguyên. NXB. Trẻ.

2. Adam Khoo (2012). *Chiến Thắng Trò Chơi Cuộc Sống. Tôi Tài Giỏi, Bạn Cũng Thế! Dành cho người trưởng thành*, Dịch giả: Uông Xuân Vy - Trần Đăng Khoa. NXB. Phụ Nữ.

3. Diane Tillman (2016). *Những giá trị sống cho tuổi trẻ.* Dịch: First News. NXB. Tổng hợp Tp.HCM.

4. Eckhart Tolle (2011). *Thức tỉnh mục đích sống,* Dịch: First News. NXB. Trẻ.

5. Lục Thị Nga (2011). *Hiệu trưởng trường trung học cơ sở với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp, ứng xử trong quản lý* (Bản PDF). NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH NHÌN TỪ QUAN ĐIỂM TOÀN DIỆN VÀ LỊCH SỬ CỤ THỂ

ThS. Lại Thị Hiếu*

1. Giá trị sống và những giá trị sống cần giáo dục cho học sinh

1.1. Giá trị và giá trị sống

Theo từ điển Tiếng Việt của nhà xuất bản Khoa học xã hội, giá trị là cái mà con người dùng làm cơ sở để xem xét một vật có lợi ích đến mức nào đối với con người; cái mà con người dựa vào dùng để xem xét một người đáng quý đến mức nào về mặt đạo đức, trí tuệ, tài năng; những quan niệm và thực tại về cái đẹp, sự thật, điều thiện của xã hội; tính chất quy ra được thành tiền của một vật trong quan hệ buôn bán, đổi chác; độ lớn của một đại lượng, một lượng biến thiên.

Tác giả Trần Trọng Thủy khi nghiên cứu về "Giá trị, định hướng giá trị và nhân cách" cho rằng giá trị là một hiện tượng xã hội điển hình, biểu thị các sự vật, hiện tượng, các thuộc tính và quan hệ của hiện thực, các tư tưởng, các chuẩn mực, mục đích và lý tưởng, các hiện tượng của tự nhiên và xã hội được con người tạo ra nhưng đều phục vụ cho sự tiến bộ của xã hội và sự phát triển của cá nhân con người.

Theo tác giả Phạm Minh Hạc thì giá trị là tính có nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với các chủ thể.

* Trường Đại học công nghiệp Việt Trì

Có nhiều quan niệm về giá trị khác nhau tùy theo góc độ tiếp cận, nhưng theo nghĩa chung nhất, giá trị là cái làm cho một khách thể nào đó có ích, có nghĩa, đáng quý đối với chủ thể, được mọi người thừa nhận. Người ta có thể phân chia giá trị thành: giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị riêng, giá trị chung, giá trị xã hội. Có quan điểm cho rằng giá trị là cái vốn có của khách thể, nhưng mỗi chủ thể lại có thể đánh giá, xem xét nó trên những góc độ khác nhau, đưa đến những quan niệm khác nhau về giá trị. Vì con người cũng có nhiều điểm tương đồng trong định hướng giá trị, nên có những giá trị được số đông chấp nhận và những giá trị này sẽ trở thành giá trị chung của xã hội. Tuy nhiên, giá trị cũng là phạm trù có tính lịch sử.

Có thể hiểu giá trị sống là những điều chúng ta cho là quý giá, là có ý nghĩa đối với cuộc sống mỗi con người phù hợp với chuẩn mực mà chúng ta đang sống. Đó là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong các mối quan hệ giữa con người với con người. Giá trị sống về bản chất là những qui tắc, chuẩn mực trong quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả xã hội thừa nhận. Giá trị sống có vị trí to lớn trong đời sống, định hướng cho cuộc sống của mỗi cá nhân, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

1.2. Những giá trị sống cần giáo dục cho học sinh

1.2.1. Giá trị truyền thống

Mỗi dân tộc đều có những giá trị truyền thống đặc trưng riêng của mình. Giá trị truyền thống đó chính là sự kết tinh tất cả những gì tốt đẹp nhất được chắt lọc qua nhiều thời đại lịch sử để tạo nên bản sắc riêng của một dân tộc. Giá trị truyền thống đó được truyền lại cho thế hệ sau và trở thành một động lực nội sinh để phát triển đất nước. Theo giáo sư Trần Văn Giàu: Giá trị truyền thống được hiểu là những cái tốt, bởi vì những cái tốt mới được gọi là giá trị. Thậm chí không phải bất cứ cái gì tốt đều được gọi là giá trị; mà phải là cái tốt cơ bản, phổ biến, có nhiều tác dụng tích cực cho đạo đức, cho sự hướng dẫn nhận định, đánh giá và dẫn dắt hành động của một dân tộc thì mới mang đầy đủ ý nghĩa của khái niệm "giá trị truyền thống".

Giá trị truyền thống là những chuẩn mực, là thước đo cho hành vi đạo đức, cho những quan hệ ứng xử giữa người và người trong một cộng đồng, một giai cấp, một quốc gia, một dân tộc nhất định. Giá trị văn hóa truyền thống của một dân tộc là những nguyên lý đạo đức lớn mà con người trong một nước thuộc các thời đại, các giai đoạn lịch sử đều dựa vào để phân biệt phải trái, đúng, sai để định hướng cho các hoạt động vì mục đích xây dựng cuộc sống tự do và tiến bộ của dân tộc đó.

Những giá trị của nó được chuyển giao tiếp nối, qua nhiều thế hệ và giá trị văn hóa truyền thống đó được giữ gìn phát huy lên một tầm cao mới. Qua hàng nghìn năm lịch sử, các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam như: lòng yêu nước, truyền thống đoàn kết, lao động cần cù và sáng tạo, lạc quan, vì nghĩa, tinh thần nhân đạo, lòng yêu thương và quý trọng con người.

1.2.2. Các giá trị chung

Bên cạnh các giá trị mang tính bản sắc, đặc trưng cho mỗi dân tộc, vùng miền, có những giá trị mang tính nhân loại, có nghĩa là không phân biệt màu da, quốc tịch, vị trí địa lý… mọi con người đều cùng hướng về những giá trị đó.

Để nghiên cứu xem những giá trị phổ quát là những giá trị nào, năm 1995, một dự án quốc tế về giá trị sống đã được triển khai trên hơn 100 nước, và các nhà nghiên cứu đã đưa ra kết quả với 12 giá trị sau:

Hòa Bình: Hòa bình không đơn giản chỉ là không có chiến tranh. Hòa bình là khi chúng ta đang sống hòa thuận và không có sự đấu đá lẫn nhau. Nếu mỗi người trong thế giới được yên ổn, đó sẽ là một thế giới hòa bình. Hòa bình còn có nghĩa là sự tĩnh lặng của tâm thần và trí óc. Hòa bình bắt đầu nơi mỗi người chúng ta. Thông qua sự tĩnh lặng và sự suy nghĩ đúng đắn về ý nghĩa của nó, chúng ta có thể tìm được nhiều cách mới mẻ và sáng tạo để tạo thuận lợi cho sự hiểu biết về các mối quan hệ và sự hợp tác với tất cả mọi người.

Tôn trọng: Tôn trọng trước hết là tự trọng – là biết rằng tự bản chất mình có giá trị. Một phần của tự trọng là nhận biết những phẩm chất của chính mình. Tôn trọng là lắng nghe người khác.

Tôn trọng là biết người khác cũng có giá trị như mình. Tôn trọng chính bản thân là nguyên nhân làm tăng thêm sự tin cậy lẫn nhau

Hợp tác: Hợp tác là khi mọi người biết làm việc chung với nhau và cùng hướng về một mục tiêu chung. Hợp tác là cùng nhau phát huy khả năng để hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu chung. Hợp tác phải được chỉ đạo bởi nguyên tắc về sự tôn trọng lẫn nhau. Cùng đóng góp là sự chuẩn bị đầy đủ cho việc tạo ra sự hợp tác.

Trách nhiệm: Trách nhiệm là việc góp phần của mình vào công việc chung. Trách nhiệm là đang thực hiện nhiệm vụ với lòng trung thực. Một người có trách nhiệm thì biết thế nào là phải, là đẹp, là đúng, nhận ra được điều gì tốt để góp phần. Quyền lợi gắn liền với trách nhiệm. Trách nhiệm là sự tự ý thức được việc mình cần phải thực hiện, gánh vác.

Trung thực: Trung thực là nói sự thật. Trung thực thể hiện trong tư tưởng, lời nói và hành động thì đem lại sự hòa thuận. Đó là một mối quan hệ sâu xa giữa sự lương thiện và tình bạn. Trung thực là gốc dễ để tạo dựng niềm tin giữa người với người.

Khiêm tốn: Khiêm tốn là ăn ở, nói năng, làm việc một cách nhẹ nhàng và đơn giản và có hiệu quả. Khiêm tốn gắn liền với tự trọng. Khiêm tốn là khi nhận biết khả năng, uy thế của mình, nhưng không khoác lác khoe khoang, khiêm tốn là biết lắng nghe người khác. Khiêm tốn tạo nên một trí óc cởi mở. Bằng khiêm tốn ta có thể nhận ra sức mạnh của bản thân và khả năng của người khác.

Giản dị: Giản dị là sống một cách tự nhiên, gần gũi với thiên nhiên, không cầu kỳ, lãng phí. Giản dị là chấp nhận hiện tại và không làm mọi điều trở nên phức tạp. Người giản dị thì thích suy nghĩ và lập luận rõ ràng. Giản dị dạy chúng ta biết tiết kiệm. Giản dị là hiểu rõ giá trị của những vật chất dù nhỏ bé nhất trong cuộc sống.

Khoan dung: Khoan dung là tha thứ cho lỗi lầm của người khác một cách nhẹ nhàng, thanh thản. Hơn nữa khoan dung là mở rộng lòng yêu thương, cởi mở và nhận thấy điều tốt đẹp ở người khác. Khoan dung là tôn trọng qua sự hiểu biết lẫn nhau. Hạt giống khoan dung và yêu thương cần được tưới chăm bởi lòng trắc ẩn và sự ân cần quan tâm đến nhau. Người khoan dung thì biết rút ra những điều tốt nơi người khác cũng như trong các tình thế.

Đoàn kết: Đoàn kết là sự hòa thuận ở trong và ở giữa các cá nhân trong một nhóm, một tập thể. Đoàn kết được tồn tại nhờ sự chấp nhập và hiểu rõ giá trị của mỗi người, cũng như biết đánh giá đúng sự đóng góp của họ đối với tập thể. Đoàn kết được xây dựng qua việc chia sẻ các mục tiêu, niềm hy vọng và viễn tưởng tương lai. Đoàn kết tạo ra cảm giác hạnh phúc êm ái và gia tăng sức mạnh cho mọi người.

Yêu Thương: Yêu thương là sự quan tâm, gắn bó, sẻ chia giữa người với người, yêu thương là mong muốn những điều tốt đẹp cho người khác. Yêu thương là biết lắng nghe, đồng cảm và sẻ chia giữa người với người. Yêu thương làm cho niềm vui nhân lên nỗi buồn giảm đi. Đó là cánh cửa mở rộng tâm hồn con người ra thế giới.

Tự do: Tự do là được làm theo ý muốn của mình trên cơ sở nhận thức được quy luật tự nhiên và xã hội. Trong sự tự do ấy, mỗi người có bổn phận tôn trọng quyền lợi của những người khác. Tự do là sự giải phóng con người khỏi những giàng buộc, nó đem lại cho con người khả năng làm chủ chính mình. Chỉ có thể tự do thật sự khi các quyền lợi quân bình với những trách nhiệm. Có tự do thực sự khi mọi người có được quyền bình đẳng

Hạnh phúc: Hạnh phúc là trạng thái của sự hài lòng bên trong. Khi hài lòng với chính mình, bạn sẽ cảm nhận được hạnh phúc. Đó là trạng thái bình an của tâm hồn khiến con người không có những thay đổi đột ngột hay bạo lực. Khi trao hạnh phúc thì nhận được hạnh phúc. Khi ta hy vọng, đó là lúc hạnh phúc. Khi tôi yêu thương sự bình an nội tâm và hạnh phúc chợt đến ngay. Nói những lời tốt đẹp về mọi người đem lại hạnh phúc nội tâm. Những hành động trong sáng và quên mình sẽ đem đến hạnh phúc.

2. Quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể

Quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. nó cung cấp cho chúng ta phương pháp nhận thức sự vật một cách đúng đắn nhất.

Quan điểm toàn diện đòi hỏi trong nhận thức và thực tiễn cần phải xem xét các sự vật hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, các yếu tố, các mặt của chính sự vật, hiện

tượng và trong sự tác động qua lại giữa các sự vật hiện tượng đó với sự vật hiện tượng khác. Trên cơ sở đó mới rút ra được nhận thức đúng đắn về sự vật. V.L.Lênin cho rằng: " Muốn thực sự hiểu được sự vật cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và " quan hệ gián tiếp" của sự vật đó". Trong thực tiễn, theo quan điểm toàn diện, khi tác động vào sự vật chúng ta không những phải chú ý tới những mối quan hệ nội tại của nó mà phải chú ý đến những mối liên hệ của sự vật đó với sự vật khác. Đồng thời phải sử dụng đồng bộ các biện pháp, phương tiện khác nhau để tác động nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Quan điểm này đòi hỏi trong nhận thức và thực tiễn phải tránh quan điểm siêu hình, phiến diện.

Quan điểm lịch sử cụ thể đòi hỏi trong nhận thức và thực tiễn cần phải chú ý đến hoàn cảnh lịch sử - cụ thể, môi trường cụ thể của sự vật, hiện tượng. Phải xác định vị trí, vai trò của các mối liên hệ cụ thể, trong những tình huống cụ thể để có giải pháp đúng đắn. Bởi vì, trong những điều kiện khác nhau thì vị trí, vai trò của các mối liên hệ là khác nhau. Theo quan điểm này trong nhận thức và thực tiễn cần phải tránh quan điểm chiết trung, giáo điều

3. Vận dụng quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể vào việc giáo dục giá trị cho học sinh

Giáo dục giá trị cho học sinh là điều cần thiết nhưng để đạt hiệu quả cao thì cần phải xác định mục tiêu, nội dung, bước đi phù hợp bởi học sinh có nhiều độ tuổi khác nhau, môi trường sống khác nhau, năng lực cá nhân khác nhau. Do đó, khi xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp, đối tượng, cách thức phối hợp giữa các cộng đồng… cần phải vận dụng quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể để nhận thức được đúng đắn tầm quan trọng của giáo dục giá trị và tìm ra những cách thức phù hợp để hình thành những giá trị sống tốt đẹp cho học sinh.

3.1. Vận dụng quan điểm toàn diện vào quá trình giáo dục giá trị sống cho học sinh

Dưới góc nhìn của quan điểm toàn diện trước hết việc giáo dục giá trị cho học sinh phải được xem là quá trình liên tục, không phải là một cuộc vận động hay phong trào. Nó là nhiệm vụ xuyên

suốt của quá trình giáo dục phải được thực hiện đồng thời với quá trình trang bị tri thức cho học sinh. Với việc xác định mục tiêu của việc giáo dục giá trị cần phải có mục tiêu chung, dài hạn, mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của học sinh, mục tiêu của từng môn học, mục tiêu của từng giá trị.

Việc xây dựng nội dung giáo dục qua sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, bài giảng của giáo viên cần phải đảm bảo tính đồng bộ tránh sự trùng lặp giữa các cấp học. Phải kết hợp giữa nội dung giáo dục giá trị truyền thống kết hợp với việc giáo dục những giá trị chung phổ quát. Trước hết cần xây dựng cho học sinh nền tảng về những giá trị truyền thống dân tộc coi đó là mạch nguồn là cơ sở để hướng đến trang bị những nội dung về giá trị chung. Những nội dung về giáo dục giá trị cũng cần được lồng ghép trong các môn khoa học xã hội và các hoạt động tập thể của học sinh một cách phù hợp. Việc biên soạn nội dung cần chú ý đến tâm lý lứa tuổi của học sinh để những nội dung giáo dục được tiếp nhận một cách tự nhiên không khiên cưỡng và cho hiệu quả tốt nhất.

Với phương pháp giáo dục giá trị cần phải đa dạng hóa để làm cho giáo dục giá trị không chỉ dừng lại là những bài giảng lý thuyết khô cứng, học sinh tiếp nhận một chiều và chỉ biết về những giá trị sống mà chưa biến nó thành năng lực hành động của học sinh. Để đạt được hiệu quả giáo dục giá trị cho học sinh cần phải tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, truyền thụ, kết hợp giữa các phương pháp truyền thống với các phương pháp dạy học tích cực phát huy tính tích cực chủ động của học sinh. Đặc biệt phải thu hút học sinh vào các hoạt động ngoại khóa, thực tế đa dạng hóa những hình thức này để học sinh tự trải nghiệm tự cảm nhận những giá trị sống từng bước hình thành những giá trị sống tốt đẹp trong bản thân mỗi người học.

Quan điểm toàn diện cũng đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các động đồng trong xã hội đối với việc giáo dục giá trị sống cho học sinh. Đó là sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trong đó nhà trường giữ vai trò định hướng, uốn nắn những hành vi của học sinh theo chuẩn mực giá trị chung của xã hội, trong nhà trường thầy cô là tấm gương đạo đức có tác động to lớn đối với học sinh, tấm gương đạo đức của thầy cô có ý nghĩa

hơn cả những lý luận về giá trị sống. Cho nên bên cạnh việc trang bị những nội dung đầy đủ, phù hợp về giá trị sống thì Thầy cô cũng cần tu dưỡng, rèn luyện hướng đến những giá trị sống tốt đẹp để lan tỏa tới học sinh. Gia đình và xã hội là môi trường vun đắp, nuôi dưỡng có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành giá trị sống cho học sinh. Giáo dục gia đình có vai trò đặc biệt quan trọng và đầu tiên đối với việc hình thành nhân cách của trẻ cũng như hình thành những giá trị sống cho trẻ. Ngay từ khi sinh ra trẻ em đã trực tiếp tiếp nhận môi trường giáo dục gia đình. Do đó, cần có nhận thức đúng đắn về vai trò giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống của gia đình với trẻ em. Cần sớm khắc phục tình trạng phó mặc giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống cho học sinh cho nhà trường. Tấm gương đạo đức của cha mẹ, người thân trong gia đình có ảnh hưởng to lớn, lâu dài đến trẻ em. Chỉ có nhân cách mới giáo dục được nhân cách. Con đường từ trái tim đến trái tim là con đường ngắn nhất. Các tổ chức đoàn thể xã hội cũng có vai trò quan trọng với việc giáo dục giá trị sống cho học sinh. Thông qua các hoạt động đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội sẽ tạo điều kiện để học sinh trải nghiệm, tự nhận thức ra những giá trị sống tốt đẹp. Giáo dục giá trị sống chỉ khả thi ngay trong cuộc sống của gia đình, trong học đường và sự chung tay của các đoàn thể xã hội.

3.2. Vận dụng quan điểm lịch sử cụ thể vào quá trình giáo dục giá trị sống cho học sinh

Quan điểm lịch sử cụ thể đòi hỏi quá trình giáo dục giá trị sống cho học sinh cần đặt trong bối cạnh cụ thể để xác định mục tiêu nội dung và phương pháp cho phù hợp. Với bối cảnh của nước ta hiện nay, sự phát triển kinh tế xã hội đã có những bước tiến nhất định, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, sự phát triển của khoa học công nghệ và mạng xã hội một mặt đã tạo điều kiện thuận lợi về vật chất và kỹ thuật cho giáo dục nói chung và giáo dục giá trị sống nói riêng. Nhưng mặt khác sự phát triển nhánh chóng của kinh tế, xã hội cũng làm cho những chuẩn mực xã hội, của con người cũng một phần bị biến đổi. Trong bối cảnh đó đòi hỏi giáo dục trước hết phải hướng tới trang bị cho học sinh những giá trị truyền thống nền tảng làm cốt lõi và từng bước trang bị giá trị phổ quát để đáp ứng những chuẩn mực của con người khi tham gia vào

thế giới rộng lớn. Đồng thời cũng phải nhận thức rằng những giá trị sống không phải là bất biến mà có thể thay đổi tùy theo sự phát triển, biến đổi của xã hội.

Quan điểm lịch sử cụ thể cũng chỉ ra rằng giáo dục giá trị cho học sinh cần chú ý đến sự phù hợp với tâm lý lứa tuổi. Việc xác định nội dung và phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh phải tính đến khả năng nhận thức, lĩnh hội của trẻ. Với học sinh tiểu học hành vi đạo đức của các em bị chi phối bởi sự hướng dẫn trực tiếp như khuyên răn, chỉ bảo. Đồng thời phải chú ý đến tính nêu gương bởi giai đoạn này đặc điểm nhận thức của trẻ là cảm tính trực quan, trẻ học, làm theo những gì quan sát thấy, nghe thấy. Lúc này cần chú ý đến tấm gương của thầy cô, ông bà, cha mẹ hay những câu chuyện kể về những tấm gương cụ thể. Với học sinh trung học cơ sở trở lên cần chú ý đến tính tự giáo dục trong quá trình giáo dục giá trị sống Lúc này trẻ đã biết tự suy ngẫm về những nguyên tắc đạo đức. Do vậy, phương pháp giáo dục lúc này cần phong phú, chú ý đến việc tổ chức những hoạt động trải nghiệm cho học sinh để học sinh tự tiếp nhận và tự hình thành các giá trị sống. Bên cạnh đó cần phải nhận thức rằng quá trình hình thành giá trị sống cho học sinh còn phải tùy thuộc vào từng cá nhân bởi hoàn cảnh, năng lực, nhận thức của mỗi cá nhân học sinh là khác nhau.

Nói tóm lại, giáo dục giá trị sống cho học sinh hiện nay là hết sức cần thiết. Bởi sự phát triển của kinh tế, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế đòi hỏi việc hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội phải gìn giữ, phát huy được những giá trị truyền thống và phù hợp với yêu cầu của thời đại. Giáo dục giá trị cho học sinh để học sinh có lý tưởng sống cao đẹp, có tình yêu Tổ quốc và lòng tự hào tự tôn dân tộc, phát triển về trí tuệ và thể chất, kỹ năng sống tốt, năng động, sáng tạo, hướng tới công dân toàn cầu trong tương lai. Để đạt được mục tiêu đó khi xác định mục tiêu, xây dựng nội dung chương trình và phương pháp truyền tải cần phải được soi rọi bằng quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể để có cách nhận thức và thực hiện vấn đề một cách phù hợp hiệu quả nhất.

L.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. http://www.tapchicongsan.org.vn

2. https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn

3. https://www.giaoducthoidai.vn

4. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa,(2010), *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông*, tài liệu tập huấn dành cho giáo viên.

ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NHÂN CÁCH CỦA GIẢNG VIÊN SƯ PHẠM TRẺ

ThS. Nguyễn Văn Hiến

1. Đặt vấn đề

"Định hướng giá trị là thái độ lựa chọn của cá nhân hay của nhóm xã hội vào hệ thống giá trị này hay giá trị khác trên cơ sở hệ thống giá trị đó được nhận thức, hình thành niềm tin và có ý nghĩa và quyết định hành vi lựa chọn của họ" (Vũ Thùy Hương, 2018). Nó được xem là yếu tố cốt lõi của nhân cách (theo cách tiếp cận giá trị), cơ sở bên trong và chỉ đạo các hoạt động của cá nhân. Đối với nhà giáo, hệ thống định hướng giá trị có vai trò quan trọng, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến chính họ, mà còn tác động thường xuyên đến nhân cách người học thông qua hệ thống hành vi mà họ sử dụng trong công việc. Hơn nữa, trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, các trường Sư phạm được xem là đầu tàu trong việc tạo ra sự thay đổi. Do đó, nghiên cứu định hướng giá trị nhân cách của đội ngũ giảng viên trẻ là việc làm rất cần thiết, làm cơ sở để xây dựng các chính sách hay tổ chức các hoạt động bồi dưỡng phù hợp với đối tượng.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm định hướng giá trị nhân cách (ĐHGTNC) là thái độ lựa chọn của cá nhân đối với các giá trị về phẩm chất và năng lực dựa trên cơ sở của quá trình nhận thức và hình thành niềm tin về các giá trị ấy. Tác giả Nguyễn Đức Sơn & cộng sự (2015) cho rằng một nhà giáo cần phải có các

* Trường Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

loại phẩm chất và năng lực cơ bản như thế giới quan khoa học, lý tưởng nghề nghiệp, lòng yêu trẻ, yêu nghề, năng lực dạy học, năng lực giáo dục…Dựa trên quan điểm này cùng với thực tiễn công tác trong trường đại học, chúng tôi cụ thể thành các biểu hiện được trình bày trong bảng hỏi khảo sát giảng viên trẻ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu, điều tra giáo dục, phỏng vấn và thống kế toán học được sử dụng để thực hiện nghiên cứu này. Đề tài đã thu thập số liệu tại một trường Đại học Sư phạm ở phía Nam Việt Nam (sau đây tạm gọi là trường đại học A nhằm đảm bảo uy tín của trường) vào tháng 11 năm 2018. Hiện nay, trường Đại học Sư phạm A có 504 giảng viên, trong đó 240 giảng viên dưới 35 tuổi (chiếm khoảng 47.6 %). Đây là lực lượng đang và sẽ kế thừa những vị trí, nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động đào tạo của nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường đang tham gia các dự án quan trọng để phát triển nguồn lực đào tạo cho ngành giáo dục như ETEP và đề án Ngoại ngữ quốc gia.

Với phương pháp điều tra giáo dục, đề tài khảo sát ngẫu nhiên 51 giảng viên trẻ (22- 35 tuổi) của trường Đại học Sư phạm A bằng bảng hỏi online. Bảng hỏi có 3 câu, câu 1 về định hướng các giá trị phẩm chất (23 items), câu 2 về định hướng các giá trị năng lực (18 items), câu 3 về các yếu tố ảnh hưởng (26 items). Ngoài ra, đề tài còn phỏng vấn 7 giảng viên để làm rõ thêm một số vấn đề từ kết quả điều tra giáo dục.

Các câu trả lời của giảng viên qua điều tra giáo dục được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Điểm trung bình (ĐTB) chia theo 5 mức: 1.0 - 1.80: không quan trọng/ không ảnh hưởng; 1.81 – 2.60: ít quan trọng/ ít ảnh hưởng; 2.61 – 3.40: lưỡng lự/ ảnh hưởng vừa; 3.41 – 4.20: quan trọng/ ảnh hưởng nhiều; 4.21 – 5.0: rất quan trọng/ ảnh hưởng rất nhiều. Hệ số tin cậy của bảng hỏi (Conbach's alpha) là 0.937 (mức đo lường tốt).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng định hướng giá trị phẩm chất của giảng viên sư phạm trẻ

Để tìm hiểu các định hướng giá trị phẩm chất của giảng viên sư phạm trẻ, chúng tôi lấy ý kiến về tầm quan trọng của 23 giá trị thường gắn với đời sống và công việc của một giảng viên đại học. Câu trả lời gồm 5 mức: không quan trọng, ít quan trọng, lưỡng lự, quan trọng và rất quan trọng. Kết quả cụ thể được trình bày ở bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1. Điểm trung bình về định hướng giá trị phẩm chất của giảng viên sư phạm trẻ

STT	Giá trị	ĐTB	ĐLC	Hạng
1	Quan điểm duy vật về thế giới	3.53	1.05	15
2	Ý thức định hướng XHCN trong mọi hoạt động	3.20	1.22	18
3	Niềm tin vào Đảng và Nhà nước	3.39	1.17	16
4	Hi sinh thời gian cho gia đình để làm việc	3.22	0.86	17
5	Làm việc để có một cuộc sống vật chất đầy đủ	3.75	1.06	14
6	Lý tưởng phát triển người học	4.51	0.54	4
7	Sẵn sàng giúp đỡ người học, đồng nghiệp	4.49	0.50	5
8	Công bằng, bình đẳng với học trò	4.63	0.49	2
9	Đảm bảo hài hòa đời sống vật chất và tinh thần	4.45	0.67	6
10	Nhiệt tình với bài giảng	4.59	0.57	3
11	Tôn trọng người học, đồng nghiệp	4.69	0.47	1
12	Hi sinh thời gian làm việc để chăm lo gia đình	3.10	0.78	19
13	Lên tiếng bảo vệ cái đúng (trong cuộc họp)	4.08	0.77	12
14	Kiên nhẫn với người học	4.35	0.59	9
15	Đam mê nghiên cứu, ứng dụng khoa học	4.37	0.60	8
16	Nói năng vui vẻ, hài hước	4.20	0.80	11
17	Quản lý được cảm xúc bản thân	4.41	0.61	7

18	Quan tâm học trò	4.51	0.54	4
19	Dũng cảm thừa nhận sai lầm	4.35	0.59	9
20	Khoan dung với người khác	3.82	0.84	13
21	Tác phong giản dị	4.25	0.66	10
22	Khiêm tốn với người khác	3.75	0.98	14
23	Ăn mặc đẹp khi đến trường, lớp	3.53	1.05	15

Trong số 23 giá trị phẩm chất được đưa ra lấy ý kiến, 19 giá trị được các giảng viên sư phạm trẻ cho là quan trọng đến rất quan trọng đối với bản thân họ. Yếu tố "tôn trọng người học, đồng nghiệp" có ĐTB cao nhất (4.69, mức rất quan trọng). Ngoài ra, "công bằng, bình đẳng với học trò" và "nhiệt tình với bài giảng" cũng có ĐTB rất cao với ĐTB lần lượt là 4.63 và 4.59 (xếp thứ 2 và 3). Về tổng thể, 5 giá trị phẩm chất mà các giảng viên trẻ coi trọng hàng đầu đều thuộc về các giá trị liên quan đến nghề nghiệp, người học. Khi phỏng vấn sâu một số giảng viên trẻ, họ cũng thể hiện xu hướng này, như giảng viên H.V.T nói: "*Yêu nghề là phẩm chất quan trọng nhất của giáo viên, bởi nó quyết định đến việc theo đuổi, gắn bó cũng như là nỗ lực để phát triển trong nghề nghiệp",* hay giảng viên N.T.T.T: *"*Đối với cá nhân tôi, tinh thần trách nhiệm cao đối với nghề giáo là phẩm chất quan trọng nhất. Vì khi có tinh thần trách nhiệm cao, một cá nhân sẽ cố gắng hoàn thiện mình và vận dụng mọi khả năng, nguồn lực mà mình có để hoàn thành việc giáo dục một cách tròn trịa và hiệu quả nhất." Xu hướng trên là một biểu hiện tích cực nếu so sánh với các nghiên cứu về phẩm chất của người giáo viên hiệu quả (James, H.S., 2011).

Yếu tố "hi sinh thời gian làm việc để chăm lo cho gia đình", "ý thức định hướng CNXH trong mọi hoạt động" hay "hi sinh thời gian cho gia đình để làm việc" có ĐTB thấp nhất (lần lượt là 3.10, 3.20 và 3.22; mức lưỡng lự). Đối với lực lượng giảng viên trẻ dưới 35 tuổi tại trường Đại học Sư phạm A, nhiều người trong số đó vẫn còn độc thân, công việc chủ yếu mà họ dành nhiều thời gian trong ngày vẫn là giảng dạy, nghiên cứu và học Sau đại học. Một giảng viên đã trả lời chúng tôi rằng "*Cuộc sống hiện tại của mình dường như chỉ chúi mũi vào dạy học và nghiên cứu, mình sợ phải phân trí vào những thứ rờm rà như họp hành, lễ nghi lắm…*"

(giảng viên N.V.H). Do đó, họ xem các phẩm chất ít liên quan đến nghề nghiệp không quan trọng cũng là một điều có thể lý giải được. Tuy nhiên, có trường hợp giảng viên khác lại quan tâm đến quan điểm duy vật về thế giới "*Một khi cá nhân có quan điểm đúng đắn thì sẽ là nhân tố chính ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của chính bản thân mình, từ đó ảnh hưởng tích cực đến người xung quanh (xã hội).*" (giảng viên H.T.T.N).

3.2. Thực trạng định hướng giá trị năng lực của giảng viên sư phạm trẻ

Các định hướng giá trị năng lực của giảng viên sư phạm trẻ được lấy ý kiến xoay quanh 18 năng lực tiêu biểu mà một giảng viên đại học phải có để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và cân bằng cuộc sống cá nhân. Câu trả lời cũng bao gồm 5 mức: không quan trọng, ít quan trọng, lưỡng lự, quan trọng và rất quan trọng. Kết quả khảo sát sau khi xử lý bằng phần mềm SPSS được thể hiện qua bảng 3.2.

Bảng 3.2. Điểm trung bình về định hướng giá trị năng lực của giảng viên sư phạm trẻ

STT	Giá trị	ĐTB	ĐLC	Hạng
1	Hiểu biết rộng về cuộc sống	4.33	0.59	9
2	Có kiến thức nền tảng về chuyên ngành giảng dạy	4.78	0.46	1
3	Có kiến thức về khoa học giáo dục	4.35	0.59	8
4	Có khả năng tổ chức hoạt động sư phạm	4.47	0.58	4
5	Hiểu biết về đặc điểm tâm sinh lý người học	4.35	0.59	8
6	Có khả năng diễn đạt ngôn ngữ	4.52	0.58	3
7	Có khả năng sử dụng phương pháp DH tích cực	4.39	0.60	6
8	Giao tiếp sư phạm	4.45	0.58	5
9	Có năng lực chế biến tài liệu học tập	4.33	0.62	9
10	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy	4.08	0.72	10

11	Có khả năng cảm hóa sinh viên	4.04	0.85	11
12	Sáng tạo trong giảng dạy	4.47	0.70	4
13	Có năng lực tham gia nghiên cứu khoa học	4.33	0.65	9
14	Sử dụng thành thạo một ngoại ngữ	4.37	0.69	7
15	Tự học, tự nâng cao trình độ	4.57	0.57	2
16	Sử dụng được một vài nhạc cụ hay ca hát giỏi	2.92	1.07	14
17	Có khả năng tổ chức trò chơi tập thể	3.27	1.00	12
18	Tham gia chơi một hay một số môn thể thao	3.12	1.03	13

Nhìn chung, giảng viên trẻ trong cuộc nghiên cứu cho rằng các giá trị về năng lực nghề nghiệp là quan trọng đến rất quan trọng đối với bản thân, trong đó có 13/18 giá trị rất quan trọng (ĐTB trên 4.21). "Có kiến thức nền tảng về chuyên ngành giảng dạy", "tự học, tự nâng cao trình độ" và "có khả năng diễn đạt ngôn ngữ" là 3 giá trị có ĐTB cao nhất (4.78, 4.57 và 4.52). Thông qua phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt trên thực tế, như câu trả lời của giảng viên N.T.T.T: *"Năng lực quan trọng nhất với tôi là năng lực thiết kế hoạt động dạy học. Kiến thức, hiểu biết chuyên môn là một yếu tố cần thiết nhưng không còn là quan trọng nhất vì trong thời đại công nghệ thông tin ngày nay, người học dễ dàng tiếp cận được với nhiều nguồn thông tin đa dạng và tự đào sâu kiến thức chuyên môn."* và giảng viên H.T.T.N: "*Tổ chức hoạt động sư phạm là quan trọng. Khi giảng viên có năng lực này, giảng viên sẽ thiết kế hay tổ chức các hoạt động giảng dạy và ngoại khoá thuận lợi, tốt hơn.*"

Đối với các giá trị năng lực khác góp phần cân bằng cuộc sống thì ít được xem trọng hơn, đó là "tham gia chơi một hay một số môn thể thao" (ĐTB 3.12, hạng 13) và "sử dụng được một vài nhạc cụ hay ca hát giỏi" (ĐTB 2.92, hạng 14). "*Theo tôi, những việc này không quan trọng lắm, nếu có được thì càng tốt, còn không có cũng không sao…Thời gian rãnh rỗi tôi dùng để chơi với con và nghỉ ngơi thôi.*", một giảng viên nam tên V.M.T chia sẻ khi được hỏi về các giá trị này. Ở góc độ đồng nghiệp với những

quan sát không chủ định, chúng tôi nhận thấy nhiều giảng viên trẻ trường Đại học Sư phạm A thường đọc sách hay hẹn hò bạn bè như là những cách giải trí chủ yếu hơn là tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ. Mặc dù, nhận định trên chưa thể khẳng định chắc chắn qua nghiên cứu này, nhưng nó có thể là nguyên nhân để giải thích cho kết quả của khảo sát.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị nhân cách của giảng viên sư phạm trẻ

Theo các lý luận Giáo dục học được thừa nhận phổ biến ở trong nước thì có 4 yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển nhân cách, đó là bẩm sinh – di truyền, môi trường, giáo dục nhà trường và hoạt động – giao tiếp (Trần Thị Hương & cộng sự, 2017). Trên cơ sở này, chúng tôi cụ thể thành 6 nhóm yếu tố ảnh hưởng (với 26 items cụ thể) để tìm hiểu tác động của chúng đối với sự hình thành ĐHGTNC của giảng viên trẻ trường Đại học Sư phạm A. Câu trả lời gồm 5 mức: không ảnh hưởng, ít ảnh hưởng, ảnh hưởng vừa, ảnh hưởng nhiều và ảnh hưởng rất nhiều. ĐTB của các câu trả lời được thể hiện qua biểu đồ 3.1.

Biểu đồ 3.1. Điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến ĐHGTNC *của giảng viên sư phạm trẻ*

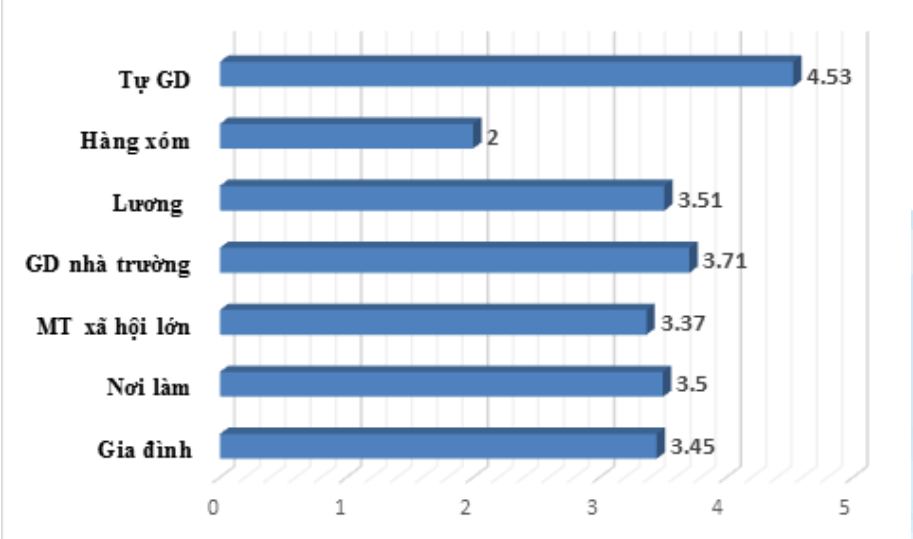

Kết quả khảo sát giảng viên trẻ cho thấy yếu tố "tự giáo dục" có sự ảnh hưởng nhiều nhất (ĐTB 4.53, mức ảnh hưởng rất nhiều) và yếu tố "hàng xóm" có ảnh hưởng ít nhất (ĐTB 2.0, mức ảnh hưởng rất ít) đến sự hình thành và phát triển các ĐHGTNC của họ. Điều này phù hợp với quan điểm của các nhà Tâm lý học - Giáo dục học Việt Nam (Đào Thị Oanh & cộng sự, 2007; Trần Thị Hương & cộng sự, 2017) và ý kiến nhiều giảng viên trẻ trong phỏng vấn (giảng viên V.M.T, H.V.T, N.V.H và N.T.N.N). Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận thấy "giáo dục nhà trường", "lương", "nơi làm" và "gia đình" có ảnh hưởng nhiều đến sự định hình giá trị nhân cách của giảng viên trẻ (ĐTB đều trên 3.41). Giảng viên H.V.T giải thích thêm "*Sự giáo dục của gia đình tạo nên những giá trị nền tảng cho cá nhân tôi, những giá trị tốt đẹp được thụ hưởng từ cha mẹ, ông bà tạo nên những phẩm chất tốt đẹp trong nghề nghiệp, đó là sự quan tâm, trách nhiệm, yêu thương học trò, nhân ái, trung thực…"*. Cho rằng "gia đình" và "nơi làm" có sự ảnh hưởng lớn nhất với bản thân, giảng viên N.T.T.T chia sẻ *"Gia đình thường hướng tôi đến tinh thần trách nhiệm và sự tôn trọng với mỗi cá nhân (người học). Nơi làm việc cho tôi tiếp cận với nhiều người trẻ với tính cách và năng lực khác nhau, từ đó tôi có động lực định hướng, phát triển những giá trị phù hợp"*. Yếu tố ảnh hưởng là "lương" thể hiện sự khác biệt khá nhiều giữa kết quả điều tra giáo dục với câu trả lời trong phỏng vấn. Mặc dù, ĐTB của yếu tố này xếp thứ 3 (3.51, mức ảnh hưởng nhiều), nhưng nhiều giảng viên cho rằng nó không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không nhiều, bởi họ cho rằng đã chọn nghề giáo thì phải xác định thu nhập không cao và họ yêu nghề này với những giá trị cao đẹp. Trong tương lai nếu có điều kiện, chúng tôi sẽ kiểm chứng lại mâu thuẫn này.

Đi sâu vào làm rõ những tác động cụ thể, chúng tôi tập trung phân tích thêm các yếu tố thuộc về nhóm "gia đình", "môi trường làm việc/ nơi làm" và "môi trường xã hội lớn" thông qua bảng 3.3, bảng 3.4 và bảng 3.5.

Bảng 3.3. Điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của các yếu tố về gia đình đến ĐHGTNC của giảng viên sư phạm trẻ

STT	Yếu tố	ĐTB	ĐLC
1	Cách sống của ông bà, cha mẹ	3.88	0.95
2	Phương pháp giáo dục của gia đình	4.12	0.84
3	Nghề nghiệp của ông bà, cha mẹ	3.22	1.14
4	Trình độ học vấn của cha mẹ	2.90	1.19
5	Hoàn cảnh kinh tế gia đình	3.16	1.24

Bảng 3.3 đã thể hiện vai trò của 5 yếu tố thường được đề cập khi tìm hiểu tác động của gia đình, trong đó "phương pháp giáo dục của gia đình" có vai trò quan trọng nhất với ĐTB là 4.12 và "trình độ học vấn của cha mẹ" ít ảnh hưởng nhất với ĐTB là 2.90. Kết quả này phản ánh một thực tế rằng yếu tố động "phương pháp" bao giờ cũng ảnh hưởng lớn hơn các yếu tố tĩnh thuộc về bối cảnh (trình độ, điều kiện kinh tế, nghề nghiệp…). "*Có những giá trị mà tôi có được bây giờ, đôi khi đến rất tình cờ, hồi nhỏ nhà tôi nghèo, làm gì có sách vở gì đâu, cứ nghe ba má hay bà ngoại kể chuyện cổ tích cho nghe rồi dần dà nó thấm vào trong người hồi nào không hay*.", giảng viên N.V.H cho hay. Trong số giảng viên mà chúng tôi phỏng vấn, có giảng viên nêu một vai trò tinh thần khá quan trọng mà gia đình đem lại cho mình là "*Gia đình luôn ủng hộ những việc làm, lựa chọn của tôi, ủng hộ tôi về mặt tinh thần, tôi cảm thấy yên tâm và có động lực làm nghề*" (giảng viên V.M.T). Chính những tác động đa chiều, thường xuyên của gia đình từ khi còn trong bụng mẹ đến khi trở thành một giảng viên đại học mà nhiều giá trị phẩm chất và năng lực, đặc biệt là những giá trị phẩm chất đạo đức (trách nhiệm, yêu thương, quan tâm – giảng viên H.V.T, giảng viên N.T.T.T) được định hình vững chắc.

Bảng 3.4. Điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của các yếu tố về môi trường làm việc đến ĐHGTNC của giảng viên sư phạm trẻ

STT	Yếu tố	ĐTB	ĐLC
1	**Truyền thống của nhà trường**	**3.43**	**0.90**
2	**Cách ứng xử của đồng nghiệp**	**3.35**	**0.87**
3	**Định hướng giá trị của đồng nghiệp**	**3.24**	**1.09**
4	**Tấm gương nhà giáo tiêu biểu**	**3.29**	**1.14**

5	**Nhu cầu của người học**	**4.27**	**0.60**
6	**Sự cạnh tranh giữa đồng nghiệp**	**3.22**	**1.17**
7	**Chuẩn nghề nghiệp**	**3.67**	**0.91**

Qua kết quả của bảng 3.4, có thể thấy trong nhóm tác động "môi trường làm việc"/ "nơi làm" thì "nhu cầu của người học" vẫn được đánh giá có ảnh hưởng lớn nhất (ĐTB 4.27, mức ảnh hưởng rất nhiều). Giảng viên đại học là một công việc khá đặc thù so với những công việc khác trong xã hội. Hằng ngày, họ tương tác nhiều nhất không phải là lãnh đạo hay đồng nghiệp mà chính là người học. Nhiều giảng viên trẻ đã chia sẻ một điểm chung rằng "*hôm nào đi dạy mà người học thiếu tương tác, không hiểu bài là hôm đó về nhà ăn cơm không ngon, ngủ không sâu*" (giảng viên N.V.H). Chính vì vậy, nhu cầu, kết quả học tập của sinh viên thường là động lực để họ nỗ lực thay đổi, tự rèn luyện mình và dĩ nhiên góp phần định hình cả những định hướng giá trị phẩm chất và năng lực ở họ. Đối với 6 yếu tố còn lại, ĐTB đều trong khoản 3.22 đến 3.67, thể hiện sự ảnh hưởng nhất định đối với ĐHGTNC của giảng viên trẻ, tiêu biểu như "chuẩn nghề nghiệp" (ĐTB 3.67).

Bảng 3.5. Điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của các yếu tố về môi trường xã hội lớn đến ĐHGTNC của giảng viên sư phạm trẻ

STT	Yếu tố	ĐTB	ĐLC
1	**Sự tôn vinh của xã hội với nghề giáo**	**3.55**	**1.14**
2	**Xu thế phát triển của xã hội**	**3.94**	**0.88**
3	**Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước**	**3.20**	**1.22**
4	**Phương tiện truyền thông**	**3.04**	**1.02**
5	**Mạng Internet**	**3.12**	**0.99**
6	**Mạng xã hội (Facebook, Twitter…)**	**2.90**	**1.01**
7	**Sách báo dạy làm người**	**3.43**	**0.92**
8	**Hợp tác giáo dục quốc tế**	**3.61**	**0.98**
9	**Tình hình kinh tế đất nước**	**3.53**	**0.88**

Trong 9 yếu tố thuộc về môi trường xã hội lớn thì 4/9 yếu tố có ĐTB ở mức "lưỡng lự" (2.90 đến 3.20), còn lại 5/9 yếu tố có ĐTB thuộc mức "ảnh hưởng nhiều" (3.43 đến 3.94). "Xu thế phát

triển xã hội", "hợp tác giáo dục quốc tế" hay "sự tôn vinh của xã hội với nghề giáo" được cho rằng tác động khá lớn đến sự định hướng giá trị nhân cách của các giảng viên trẻ (ĐTB lần lượt 3.94, 3.61 và 3.55). Giảng viên H.T.H.A giải thích về vai trò của "hợp tác giáo dục quốc tế": "*Hợp tác giáo dục quốc tế giúp tôi so sánh đối chiếu với bản thân và thấy mình chưa giỏi, chưa hoàn thiện nên đặt mục tiêu phấn đấu tiếp tục; khao khát học hỏi từ bạn bè các nước phát triển để đạt được tiến bộ, văn minh của họ; có động lực và mục tiêu mới để thử thách bản thân.*" Qua câu trả lời này, có thể thấy yếu tố "hợp tác giáo dục quốc tế" đã đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn các giá trị nghề nghiệp, đặc biệt là giá trị năng lực. Còn yếu tố "sự tôn vinh của xã hội với nghề giáo", giảng viên N.V.H nêu lên thực tế bản thân rằng "*nhiều khi nghe câu chuyện này, chuyện kia tiêu cực trong ngành, rồi cách mọi người thiếu trân trọng với nghề làm tôi nản lòng, lúc đó chỉ muốn lên lớp làm cho hết trách nhiệm, cuối tháng nhận lương cho nhàn…*".

4. Kết luận

Thông qua điều tra giáo dục và phỏng vấn đã cho thấy giảng viên trẻ trường Đại học Sư phạm A rất coi trọng 25 giá trị về phẩm chất và năng lực, tiêu biểu như "tôn trọng người học, đồng nghiệp", "công bằng, bình đẳng với học trò" và "nhiệt tình với bài giảng", "có kiến thức nền tảng về chuyên ngành giảng dạy", "tự học, tự nâng cao trình độ" và "có khả năng diễn đạt ngôn ngữ". Điều đáng lưu ý là giảng viên trẻ có xu hướng coi trọng các giá trị phẩm chất hơn các giá trị năng lực. Trong 6 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành các ĐHGTNC của giảng viên sư phạm trẻ, yếu tố "tự giáo dục" có ảnh hưởng nhiều nhất. Ngoài ra, "phương pháp giáo dục gia đình" và "nhu cầu tự học" cũng góp phần khá lớn vào việc định hình giá trị nhân cách của họ. Từ những kết quả này, chúng tôi nhận thấy trường Đại học Sư phạm A cũng như các trường Sư phạm trong cả nước cần xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên trẻ, chú ý các biện pháp phát triển những định hướng giá trị phù hợp với yêu cầu đổi mới hiện nay, trong đó tạo điều kiện cho giảng viên nâng cao khả năng tự giáo dục và nhận thức đầy đủ các nhu cầu chính đáng của sinh viên.

N.V.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Vũ Thùy Hương (2018). *Cơ sở tâm lí học về định hướng giá trị của thanh niên – sinh viên.* Tạp chí Giáo dục, 433 *(1-2018)*, 21-26.

Trần Thị Hương & cộng sự (2018*). Giáo dục học đại cương*, TP. Hồ Chí Minh: Nxb Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

James H.S., (2011). *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.

Lê Đức Phúc (1992). *Giá trị và định hướng giá trị.* Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, 13, 71.

Nguyễn Đức Sơn & cộng sự (2015). *Tâm lý học giáo dục*. Hà Nội: Nxb Đại học Sư phạm.

Nguyễn Quang Uẩn (1995). *Giá trị, định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*. Đề tài KX-07-04.

ABSTRACT

A survey of 51 lecturers under 35 years of age at a university of education and interviews with 7 of them to find out the current status and factors affecting the value orientation of young lecturers. The result shows 25 values in quality and ability are mostly appreciated, in which quality values tend to be higher. Their value-oriented system is shaped by a number of factors, in which the lecturers themselves are thought to be more influential than the external factors. The result is considered as a reference guidance for educational universities in the in-service lecturers to improve the effectiveness of training in universities.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUA DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

ThS. Lương Thị Lan Huệ*

1. Đặt vấn đề

Nhân văn là khái niệm để chỉ con người có đức tính phẩm chất tốt đẹp, có nhân cách sống mẫu mực, là người luôn đưa lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác. Nói cách khác, nhân văn là giá trị làm người là mục tiêu phấn đấu của con người trên con đường vươn tới chân- thiện-mỹ. Có thể nói, cuộc đời của mỗi con người chính là hành trình hướng tới các giá trị nhân văn và hiện thực nó trong cuộc sống. Đến lượt nó, giá trị nhân văn trở thành thước đo đánh giá nhân cách của một con người, tính văn minh, tiến bộ của một quốc gia. Chính vì vậy, giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của các nhà trường nói chung và trường trung học phổ thông (THPT) nói riêng.

Đối với các em học sinh THPT, mặc dù giá trị nhân văn cốt lõi, những bài học làm người đã có nền móng từ bậc Tiểu học và Trung học cơ sở nhưng chỉ đến lứa tuổi này hệ thống những giá trị nhân văn đó mới được cũng cố và phát triển. Trong các môn học ở trường THPT, Giáo dục công dân (GDCD) là môn học đóng vai trò to lớn trong việc giáo dục nhân cách cho học sinh, xây dựng nền tảng đạo đức để các em trưởng thành.

* Trường Đại học Quảng Bình

Dạy học môn GDCD ở trường THPT trong những năm qua cho thấy, bên cạnh những mặt đã đạt được như phần lớn học sinh ngoan, chủ động hơn trong học tập, có ý thức tập thể thì vẫn còn nhiều hiện tượng tiêu cực khác như một bộ phận học sinh vô lễ với thầy cô, ý thức đạo đức và ý thức pháp luật chưa tốt, bạo lực học đường thường xuyên xảy ra...Thực tiễn đó đòi hỏi cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học môn GDCD cũng như thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, vai trò của môn Giáo dục công dân đối với việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT

Giáo dục giá trị nhân văn là một quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều con đường, biện pháp khác nhau nhằm giúp người học hiểu biết hệ thống giá trị chuẩn mực đạo đức nhân văn theo yêu cầu của sự phát triển xã hội. Từ đó, người học tự giác, có nhu cầu thực hiện những chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Thực tiễn cho thấy, giáo dục giá trị nhân văn là một trong những mục tiêu của quá trình giáo dục đào tạo trong nhà trường nói chung và trường THPT nói riêng. Bởi vì, mục đích của dạy học trong nhà trường không chỉ là truyền thụ tri thức cho học sinh mà còn dạy "làm người". Tất cả các môn học ở trường THPT đều góp phần giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh, trong đó môn GDCD đóng vai trò chủ đạo. Bởi vì, những giá trị nhân văn kết tinh trong nội dung chương trình môn GDCD bậc THPT phản ánh đầy đủ những đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam. Đó là tình yêu quê hương, xóm làng, yêu thương con người, đồng loại; đó là tinh thần lạc quan yêu đời, tinh thần chiến đấu chống thiên nhiên và chống lại mọi kẻ thù xâm lược; đó là tinh thần vì lợi ích tổ quốc trên hết, thượng tôn pháp luật, là tính cần cù, chịu khó trong lao động là tinh thần nhân nghĩa, bao dung độ lượng, tinh thần quốc tế trong sáng. Sự khác biệt của môn GDCD so với các môn học khác trong trường THPT đó là môn GDCD chứa đựng hệ thống tri thức về công dân, là môn học giáo dục con người, giáo dục nhân cách cho học sinh. Thông qua nội dung bài học, môn GDCD cung

cấp cho học sinh hệ thống các chuẩn mực đạo đức và pháp luật luật nhằm giáo dục nhân cách, phẩm chất đạo đức, lối sống cũng như giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của người học sinh đối với gia đình, cộng đồng, xã hội; hình thành niềm tin, động cơ, tình cảm đối với những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống cũng hình thành kỹ năng sống, kỹ năng nhận biết và đánh giá các hành vi đạo đức, kỹ năng vận dụng các bài học vào thực tiễn cuộc sống. Nói về vị trí, vai trò của môn GDCD trong việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh, Chỉ thị số 30/1998/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20/5/1998 đã xác định: "Môn GDCD ở trường THPT có vị trí hàng đầu trong việc định hướng phát triển nhân cách cho học sinh thông qua việc cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về giáo dục giá trị đạo đức- nhân văn, đường lối chính sách lớn của Đảng, Nhà nước và pháp luật, kế thừa các truyền thống đạo đức, bản sắc dân tộc Việt Nam, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp thu những giá trị tốt đẹp của nhân loại và thời đại"[5]

Có thể nói, môn GDCD đóng một vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh. Do đó, việc dạy học có hiệu quả môn GDCD sẽ giúp giảm thiểu những tệ nạn xã hội góp phần xây dựng môi trường văn hóa học đường lành mạnh, xã hội ổn định, phát triển.

2.2. Vài nét về giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT qua dạy học môn GDCD

Cho đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đều đưa môn GDCD vào giảng dạy chính khóa trong trường học và xem môn GDCD đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành những thế hệ công dân tương lai. Mỗi nước có một chương trình, mục tiêu, phương pháp giáo dục khác nhau nhưng đều có điểm chung đó là giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, kỹ năng xử lý tình huống trong mối quan hệ với tự nhiên, con người, xã hội; hình thành nhân cách, phẩm chất tốt đẹp của người công dân thời đại mới.

Ở Việt Nam, trong hệ thống các môn học ở trường phổ thông, GDCD là môn học mớiđược đưa vào chương trình phổ thông thay

môn Chính trị thường thức. Năm 1990 - 1991 môn GDCD được thực hiện đại trà ở bậc THPT. Sau năm 1991, GDCD mới được xem là môn khoa học xã hội chú trọng mục tiêu giáo dục nhân cách. Nội dung dạy học môn GDCD ở trường THPT gồm có 5 chủ đề. Đó là: Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học; Công dân với đạo đức; Công dân với kinh tế; Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội; Công dân với pháp luật.Thông qua dạy học các chủ đề trên, giáo viên dạy môn GDCD hướng tới những giá trị nhân văn cần giáo dục cho học sinh đó là:

- Học sinh tôn trọng những quy luật khách quan của tự nhiên và đời sống xã hội, khắc phục những hiện tượng duy tâm trong cuộc sống hằng ngày, phê phán các hiện tượng mê tín, dị đoan và những tư tưởng lành mạnh trong xã hội. Có quan điểm phát triển, ủng hộ và làm theo cái mới, cái tiến bộ, tham gia tích cực và có trách nhiệm với các hoạt động cộng đồng.

- Có tình yêu thương, sống có trách nhiệm, có lý tưởng sống cao đẹp. Có tinh thần yêu nước, tự hào, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỹ cương, phép nước, quy ước của cộng đồng, có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; có ý thức học tập nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

- Ý thức được giá trị của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của con người. Có tinh thần khởi nghiệp, hăng say học tập, lao động, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội

- Có niềm tin về lý tưởng xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt các đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như ý thức đúng mực về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ XHCN.

- Tôn trọng và tin tưởng lẽ phải, sự công bằng, ý thức trách nhiệm và tính tích cực của công dân trong việc xây dựng nhà nước

pháp quyền XHCN. Tuân thủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của học sinh trong nhà trường trong các hoạt động xã hội cũng như chủ động góp phần phòng chống các hiện tượng vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội.

Để chuyển tải nội dung các giá trị nhân văn cho học sinh cũng như giúp các em có kỹ năng vận dụng tốt trong cuộc sống, giáo viên dạy môn GDCD không chỉ đóng vai trò là người thầy truyền đạt tri thức mà còn là một nhà giáo dục nhân cách. Theo đánh giá của các nhà quản lý, việc dạy học môn GDCD đã có khởi sắc. Các trường THPT đã có nhiều nỗ lực, cố gắng về đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng rèn luyện thói quen hành vi đạo đức cho học sinh thông qua giờ giảng chính khóa, hoạt động ngoại khóa. Thực tiễn dạy học môn GDCD ở trường THPT cho thấy, giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp để giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh. Trong đó, phương pháp nêu gương và trách phạt được sử dụng nhiều nhất. Đây cũng là phương pháp giảng dạy đặc thù đối với môn GDCD. Phương pháp nêu gương, trách phạt có tác dụng điều chỉnh hành vi của học sinh thông qua nhận xét khen - chê của giáo viên. Tuy vậy, phương pháp này có nhược điểm đôi khi tạo ra áp lực, sự phản ứng tiêu cực của học sinh đối với giáo viên nhất là khi giáo viên chê, trách học sinh ngay tại lớp học. Qúa trình phỏng vấn sâu đối với học sinh cho thấy phương pháp đóng vai và phương pháp trò chơi cũng có ý nghĩa rất lớn đối với nhận thức và thay đổi hành vi đạo đức của học sinh theo chiều hướng tích cực nhưng vì lý do khách quan và chủ quan khác nhau mà giáo viên ít sử dụng. Đặc biệt, phương pháp giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh bằng hình mẫu, tức là bằng chính tấm gương đầy nhân văn của chính thầy cô giảng dạy có tác dụng rất lớn đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của mỗi học sinh. Tuy nhiên, nhiều học sinh phàn nàn về thầy cô như chưa hiểu học sinh, hay chì chiết, la mắng thái quá thậm chí một số giáo viên còn có thái độ bạo lực khi học sinh phạm lỗi.

Ngoài ra trong quá trình dạy học, giáo viên thường sử dụng phương tiện như sổ liên lạc, điện thoại trực tiếp cho phụ huynh, họp phụ huynh, sinh hoạt lớp, giờ chào cờ đầu tuần, học sinh viết bản kiểm điểm để giáo dục, uốn nắn hành vi lệch chuẩn cho học sinh.

Nhìn chung, giáo viên đã cố gắng hướng học sinh vào việc ứng dụng những giá trị đạo đức nhân văn mà các em đã được học thành hành vi ứng xử tích cực trong cuộc sống. Nhờ vậy, phần lớn học sinh có lối sống tích cực, sống có lý tưởng, ước mơ, hoài bão tốt đẹp, có tinh thần tương trợ trong cuộc sống, có ý thức chấp hành tốt các nội quy, quy định của Nhà trường và lớp đề ra. Một số các phẩm chất và kỹ năng mà các em học sinh đã thực hiện tốt đó là tôn trọng lễ phép với thầy cô, yêu thương giúp đỡ bạn bè, giúp đỡ những bạn có hoàn cảnh khó khăn, tham gia mua bút, tăm ủng hộ người mù, thường xuyên tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, có tinh thần quốc tế trong sáng.Sỡ dĩ, công tác giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT qua dạy học môn GDCD có được kết quả như trên trước hết là do Ban Giám Hiệu nhà trường đặc biệt quan tâm và xem đây là một chiến lược cần đầu tư nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của nhà trường. Bản thân các thầy cô giáo cũng là tấm gương mẫu mực về nhân cách cho học sinh noi theo, đa số phụ huynh đều quan tâm đến việc giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh do đó đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường và thầy cô giáo, kịp thời điều chỉnh hành vi lệch chuẩn của các em; bản thân học sinh đều chăm ngoan, nghiêm chỉnh chấp hành tốt nội quy, quy chế của nhà trường, lớp học. Hầu hết, học sinh có tác phong, đạo đức tốt, chịu khó tìm tòi học hỏi.

Bên cạnh những mặt đã đạt được, giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT qua dạy học môn GDCD còn nhiều bất cập. Đó là, vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm đạo đức nhất là tình trạng học sinh kết thành băng nhóm bạo lực trong trường học đáng báo động. Một bộ phận nhỏ học sinh chấp hành chưa nghiêm túc nội quy nhà trường, động cơ, ý thức thái độ học tập yếu, thiếu lễ phép với người lớn. Nhiều giáo viên chỉ lo chú trọng đến việc dạy tri thức khoa học, chưa chú ý cho học sinh trải nghiệm, thực hành các tình huống đạo đức để có biện pháp uốn nắn kịp thời. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế trên, trong đó nguyên nhân cơ bản là do về người dạy (giáo viên) chưa có phương pháp dạy học hiệu quả, chưa thực sự là tấm gương sáng trong mối quan hệ với học trò, đồng nghiệp và mọi người xung quanh. Về phía học

sinh chưa thực sự nổ lực tự học, tự nghiên cứu, chưa có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức dẫn đến vô cảm trong cuộc sống.

2.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT qua dạy học môn GDCD

2.3.1. Thường xuyên tổ chức, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về công tác giáo dục giá trị nhân văn cho thầy, trò và các lực lượng liên quan

Hiệu quả của công tác giáo dục giá trị nhân văn phụ thuộc rất lớn vào kiến thức và kĩ năng giáo dục của thầy cô. Vì vậy các nhà trường cần thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, báo cáo chuyên đề, tổ chức hội thảo, hội thi nhằm giúp cho giáo viên nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cũng như có cơ hội chia sẻ thông tin, kiến thức, kinh nghiệm trong giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh. Ngoài ra, các em học sinh cũng cần được thường xuyên tham gia các buổi học ngoại khóa, trực tiếp trải nghiệm xử lý các tình huống đạo đức, pháp luật trong thực tiễn cuộc sống. Có như vậy các em mới kịp thời điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

2.3.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Đặc trưng của giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh là mang tính ứng dụng rất cao. Do đó, giáo viên cần phải tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chuyển từ dạy học truyền thống, thầy đọc trò chép sang hình thức dạy học tương tác. Giáo viên tạo ra nhiều hoạt động để học sinh được trải nghiệm, tương tác với nhau có như vậy kiến thức bài học mới ghi nhớ bền vững và quan trọng hơn là các em đã được thực hành trong môi trường giả định từ đó giảm thiểu sai lầm trong cuộc sống.

2.3.3. Tổ chức nghiên cứu xác định những giá trị nhân văn chủ yếu cần giáo dục cho học sinh trong giai đoạn hiện nay

Để nội dung giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh đảm bảo tính hệ thống, liên thông, đồng tâm và phát triển cần phải nghiên cứu thống nhất những chuẩn mực giá trị nhân văn giáo dục cho học sinh qua mỗi cấp học. Các giá trị đó vừa đảm bảo tính thiết thực phù hợp với lứa tuổi của các em, đảm bảo tính vừa sức và

tính nâng cao trong dạy học. Mặt khác các giá trị nhân văn vừa mang tính truyền thống dân tộc vừa kết tinh tinh hoa văn hóa nhân loại. Thiết nghĩ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông mới trong đó có môn GDCD phải đáp ứng tiêu chí trên khi đó công tác giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh mới đạt được kết quả thiết thực, tránh chồng chéo trong việc giáo dục chuẩn mực giá trị đạo đức nhân văn trong dạy học.

2.3.4. Xây dựng kế hoạch phối kết hợp trong việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh THPT qua dạy học môn GDCD

Công tác giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh qua dạy học môn GDCD chỉ đạt kết quả cao khi có sự phối kết hợp đầy trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, bộ phận liên quan. Bởi lẽ, giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh để góp phần hình thành và phát triển nhân cách tốt đẹp cho học sinh phải là một quá trình lâu dài, liên tục liên quan đến nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Vì thế, giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh cần có sự phối hợp của nhiều lực lượng đặc biệt là sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Để thống nhất và tập hợp được sức mạnh của các lực lượng cùng cộng hưởng trong việc giáo dục giá trị nhân văn cho học sinh, giáo viên dạy môn GDCD cần tham mưu cho nhà trường tổ chức các buổi hội họp định kỳ để thông báo cho phụ huynh rõ hơn về tình hình học tập, rèn luyện của các em, kịp thời uốn nắn những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật xã hội. Trong dạy học, giáo viên dạy GDCD cần có những tìm tòi, thiết kế bài dạy nhiều hoạt động trải nghiệm, đưa vào bài dạy những câu chuyện kể đời thường mang tính nhân văn sâu sắc để học sinh có thể hình dung và yêu thích môn học cũng như yêu thích, tìm tòi các giá trị nhân văn.

3. Kết luận

Giáo dục công dân với tư cách là một môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng cho học sinh. Môn học này không chỉ giúp cho các em có hiểu biết sâu sắc về quy luật phát triển của đời sống xã hội mà còn có những phẩm chất cách mạng, lối sống, đạo đức trong sáng để thực hiện sự nghiệp

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Sự kết hợp dạy học môn giáo dục công dân với giáo dục giá trị nhân văn ở trường THPT là điều cần thiết nhất giúp phát huy nguồn lực con người, giải quyết vấn đề về phát triển nhân cách của học sinh THPT.

Trong giai đoạn hiện nay, khi một bộ phận học sinh lứa tuổi THPT sống buông thả, xem nhẹ những giá trị đạo đức thì môn học này cần phải phát huy hơn bao giờ hết. Để làm được điều đó cần có những thế hệ giáo viên giảng dạy môn giáo dục công dân có chuyên môn, tâm huyết với nghề. Họ đóng vai trò quan trọng và mang tính quyết định đối với chất lượng giảng dạy, giáo dục giá trị nhân văn ở các trường phổ thông.

L.T.L.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Đình Bảy (2012), *Lý luận dạy học môn Giáo dục công dân,* Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2015), *Sách giáo khoa Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12,* Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Hướng dẫn sử dụng khung phân phối chương trình THPT,* Hà Nội.

4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Tài liệu Bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình sách giáo khoa GDCD,* Hà Nội.

5. Chỉ thị số 30/1998/CT-BGD & ĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20/5/1998.

BÀN THÊM VỀ GIÁ TRỊ VÀ VIỆC GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO GIỚI TRẺ VIỆT NAM HIỆN NAY

NCS. Nguyễn Mậu Hùng*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục giá trị chưa bao giờ đóng vai trò thứ yếu trong quá trình hình thành và phát triển của nhân cách giới trẻ của mọi xã hội văn minh, giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ Việt Nam trong bối cảnh của nhiều thay đổi và biến động có tính chất bước ngoặt như hiện nay lại càng có một vai trò và tầm quan trọng không dễ gì có thể cân đo đong đếm hết, vì việc này không chỉ giúp quá trình hình thành và phát triển của nhân cách giới trẻ càng thêm hoàn thiện mà còn góp phần định hình các giá trị đích thực cần hướng tới cho các chủ nhân tương lai của dân tộc Việt Nam.[1] Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là mỗi cá nhân và cộng đồng đều có các hệ giá trị riêng cũng như các phương thức đánh giá về thế giới của riêng mình. Vậy đâu là cái chân giá trị chung mà giới trẻ Việt Nam cần hướng đến trong bối cảnh của giao lưu, trao đổi, và hội nhập như vũ bảo hiện nay, làm như thế nào để điều hòa được mối quan hệ giữa hệ giá trị cá nhân và hệ giá trị công đồng trong trường hợp không thể tìm được tiếng nói chung, việc giáo dục giá trị cho giới trẻ trong nhà trường của Việt Nam hiện nay ra sao và sắp tới cần có những giải pháp như thế nào để vừa cải thiện được tình hình hiện nay

* Trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

1. Xem thêm: Patil, Y. (2015), *Value Educatrion,* Pasaaydaan Foundation, pp. 12-39.

vừa hình thành cho người học những hệ ý thức về giá trị đúng đắn và hợp lý trong bối cảnh có nhiều biến động sắp tới? Trên cơ sở phân tích các dữ liệu có được về thực trạng ý thức giá trị của giới trẻ Việt Nam hiện nay cũng như kế thừa thành quả nghiên cứu của các học giả trên thế giới về các hệ thống giá trị đa chiều và phức tạp cùng tồn tại trong thời gian vừa qua, bài viết sử dụng một số phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, mô hình, và định tính cũng như định lượng để vừa tìm hiểu bản chất của vấn đề giá trị cũng như thực trạng của việc giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay trước khi có một số gợi ý mang tính chất tham khảo gởi hy vọng góp phần cải thiện thực trạng này trong thời gian tới.

2. Giá trị và các hệ giá trị cần hướng tới

Giá trị chân chính là thực tiễn khách quan và bất cứ sự vật hiện tượng nào cũng có giá trị và hệ giá trị riêng của nó. Trước khi tìm hiểu bản chất của vấn đề giáo dục giá trị cho giới trẻ trong nhà trường Việt Nam hiện nay, cần bàn xem giá trị là gì cũng như các vấn đề có liên quan đến giá trị để có những cách thức nhìn nhận, đánh giá, và áp dụng hợp lý đối với thực tiễn.

2.1. Giá trị

Giá trị có nhiều đặc trưng, đặc điểm, nguồn gốc, và cách thức đánh giá khác nhau. Sự khac nhau này nhiều lúc đến mức xung đột và mâu thuẫn lẫn nhau. Có nhiều định nghĩa và cách tiếp cận khác nhau về giá trị, nhưng xét cho cùng *giá trị là tất cả những gì hiện hữu một cách có ích cho quá trình tồn tại và phát triển của sự vật và hiện tượng mà cụ thể ở đây là của con người*.[1] Tất cả mọi người cũng như mọi sự vật và hiện tượng đều có cá giá trị và hệ giá trị riêng của mình. Giá trị là tất cả những gì con người cũng như sự vật và hiện tượng có thể có một cách khách quan tự nhiên vốn có, còn hệ giá trị là phương thức và cách thức con người cũng như sự vật và hiện tượng dùng để xác định và đo lường (đánh giá) giá trị của chính mình hoặc của người khác theo những hệ quy chiếu và thang giá trị nhất định. Giá trị chính vì thế là khách quan tự nhiên

1. Xem thêm: Matarasso, f. (1996), *Defining values – evaluating arts programmes,* The social imparts of the artes, Working paper 1, Performance Print, Nottingham, pp. 2-26.

vốn có, còn hệ giá trị là chủ quan theo cách nhìn nhận và đánh giá của các bên có liên quan.

Đối với con người, *hệ giá trị của họ chính là tất cả những gì hiện hữu có ích cho quá trình tồn tại và phát triển của con người cũng như xã hội loài người*.[1] Điều đó có nghĩa là tất cả những gì xung đột và mâu thuẫn với quá trình tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người đều là phi giá trị hoặc phản giá trị trong hệ giá trị phổ quát của nhân loại. Điều đó cũng đúng đối với các hệ giá trị khác của tất cả mọi sự vật và hiện tượng trong thế giới này. Cả các yếu tố phản giá trị và thuộc về hệ giá trị của con người và xã hội loài người đều có thể đến từ chính loài người và cả từ tự nhiên. Chính con người là những đối thủ lớn nhất của nhau trong quá trình tồn tại và phát triển của mình. Các xã hội càng phát triển, con người càng ít lệ thuộc vào tự nhiên và đối thủ của quá trình tồn tại và phát triển của con người cũng ít hơn từ tự nhiên. Ngược lại, xã hội càng lệ thuộc vào tự nhiên, việc con người phải đối phó với tự nhiên càng gia tăng. Tuy nhiên, *tất cả những gì mâu thuẫn và xung đột với quá trình sinh tồn và phát triển của con người cũng như xã hội loài người đều là phản giá trị trong hệ giá trị phổ quát của nhân loại*.

Tóm lại, tất cả mọi sự vật và hiện tượng đều có giá trị của riêng nó. Ngay chính sự tồn tại và phát triển của các sự vật và hiện tượng đã là một giá trị theo những chuẩn mực nhất định. Tuy nhiên, các hệ giá trị thường có giới hạn về không gian, thời gian, và chủ thể sáng tạo cũng như mâu thuẫn và xung đột về bản chất cốt lõi. Chính vì thế, việc tôn trọng sự khác biệt giữa các hệ giá trị chính là tôn trọng chính hệ giá trị của chính mình, vì giá trị được tạo ra từ sự tôn trọng sự khác biệt của nhau chứ không phải từ loại trừ lẫn nhau xét về tổng thể. Trong chuỗi hệ thống vô vàn các hệ giá trị đó, hệ giá trị phổ quát của nhân loại cũng như của từng cá thể con người là tổng hợp của tất cả những gì hữu ích đối với sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người. Ngược lại, tất cả những gì xung đột và mẫu thuẫn với quá trình sinh tồn và

1. Xem thêm: Robin, M. và Williams, Jr. (1991), Khái niệm giá trị, *Tạp chí Xã hội học,* Nguyễn Đức Truyền dịch từ International EDCyclopedia of the Social Sciences, V, 15, 16, 17, năm 1980),Số 1, tr. 1-5.

phát triển của con người và xã hội loài người đều là phản giá trị và phi giá trị trong hệ quy chiếu các giá trị phổ quát của loài người. Điều này về cơ bản cũng đúng cho hệ giá trị của tất cả các sự vật và hiện tượng khác trong thế giới tự nhiên.

2.2. Các hệ giá trị giới hạn tương ứng với các phương thức tổ chức cộng đồng

Mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, và cả mỗi chủng loại đều có các giá trị và hệ giá trị riêng của mình. Về cơ bản, rất ít khi tồn tại các hệ giá trị trùng khớp nhau hoàn toàn, mà trong thực tế các hệ giá trị có sự khác biệt mang tính bản chất và đặc trưng riêng. Trong rất nhiều trường hợp, các hệ giá trị mâu thuẫn và xung đột lẫn nhau đến mức không có giải pháp điều hòa và chiến tranh gần như là phương án duy nhất không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, hiện tượng mâu thuẫn và xung đột về giá trị cần phải giải quyết bằng các phương án bạo lực ngày càng trở nên thiểu số và các hệ giá trị dù có đối lập nhau đến mức nào cũng có các mẫu số chung hoặc ít ra là đặc điểm tương đồng cho sự liên kết và hợp tác ngày càng gia tăng. Thêm vào đó, một thế giới kết nối liên tục trong sự giao lưu và trao đổi đang ngày càng trở nên gần gũi nhau hơn giữa các hệ giá trị. Chính vì thế, việc tích hợp nhiều yếu tố khác nhau của các hệ giá trị khác nhau để vừa làm phong phú hệ giá trị này đồng thời giảm thiểu sự khác biệt với các hệ giá trị khác ngày càng trở nên phổ biến. Trên có sở đó, có thể nói rằng không có hệ giá trị nào là hoàn toàn tuyệt hảo và hệ giá trị nào là tuyệt đối vô nghĩa. Tuy nhiên, một sự phân loại giữa các hệ giá trị hiện nay vẫn còn là một vấn đề chưa tìm được tiếng nói chung. Ở đây, bài viết tạm thời chia các hệ giá trị thành ba mô hình khác nhau.

Hệ giá trị cá thể đơn lẻ: Mỗi con người cũng như mỗi sinh thể trên thế gian này đều được tạo ra từ tổng hợp của tất cả các mối quan hệ giữa con người với con người cũng như giữa con người với tự nhiên và xã hội. Tất cả đều có chức năng và nhiệm vụ cũng như vai trò và sứ mệnh riêng trong chuỗi dây chuyền vận động và biến đổi liên tục của tạo hóa. Chính vì thế, mỗi cá thế đơn lẻ đều có các giá trị và hệ giá trị của riêng mình trong mối quan hệ với các nhân tố có liên quan khác. Trong tất cả các mối quan hệ này đều có yếu tố đấu tranh và có yếu tố hợp tác. Tuy nhiên, có mối

quan hệ thì yếu tố đấu tranh nổi trội, còn mối quan hệ khác thì yếu tố hợp tác đóng vai trò chủ đạo, nhưng tất cả đều góp phần tạo thành một chuỗi giá trị của vạn vật trong thế giới vô cùng của không gian và vô tận của thời gian. Tuy nhiên, các hệ giá trị cá thể đơn lẻ này không tồn tại một cách hoàn toàn độc lập và riêng biệt với nhau và mỗi cộng đồng đều có các cách nhìn khác nhau đối với vai trò và vị trí của các hệ giá trị cá thể đơn thân.

Hệ giá trị tập thể cộng đồng phức hợp không phải lúc nào cũng là một sự đối lập hoàn toàn tuyệt đối đối với các hệ giá trị cá thể đơn thân mà là một sự phát triển ở một mức độ cao hơn với sự kết hợp của nhiều hệ giá trị cá thể đơn thân khác nhau. Nhỏ nhất trong số này chính là hệ giá trị tập thể cộng đồng phức hợp tối thiểu của chỉ hai cá thể đơn thân và lớn nhất là toàn thể loài người nếu xét về chủng loại, còn xét về sinh giới thì có lẽ vẫn chưa thể thống kê được hết. Ở giữa hai cực đó là hệ giá trị tập thể cộng đồng phức hợp phổ biến của vô số các phương thức và hình thức tổ chức cộng đồng khác nhau.

Hệ giá trị chủng loài chuyên biệt không phải là hệ giá trị tập thể cộng đồng phức hợp, vì nó chỉ là một tập hợp của nhưng hệ giá trị thiên về một chức năng riêng biệt nào đó. Ví dụ trong sinh giới, các chủng loài khác nhau có các hệ giá trị khác nhau trong quá trình tồn tại và phát triển của mình. Con người cũng có các hệ giá trị chuyên biệt riêng của mình. Đó là trường hợp hệ giá trị của các phương thức tổ chức cộng đồng mang tính liên vùng miền giữa các cá thể có chung đặc điểm hoặc hoàn cảnh. Các loại hình hiệp hội nghề nghiệp chuyên môn hay các tổ chức quần chúng đều mang đặc điểm của các hệ giá trị chủng loài chuyên biệt, vì hệ giá trị chung của các tổ chức này chỉ dành riêng cho các thành viên tham gia và nhiều lúc không có ý nghĩa đối với thành viên của các hiệp hội khác. Các thành viên của các tổ chức tập thể này cũng tham gia vào các hoạt động chung để tôn vinh và phát triển các hệ giá trị chung mang tính chuyên biệt của chỉ riêng những người có chung đặc điểm hoặc hoàn cảnh với nhau. Đó cũng là một hệ thống các hệ giá trị tương ứng với các phương thức tổ chức cộng đồng từ cấp độ địa phương đến toàn cầu. Các hệ giá trị này thường mang tính chiều dọc hơn là bề rộng trong so sánh với các hệ giá trị tập thể cộng đồng phức hợp.

Tóm lại, tất cả các hệ giá trị giới hạn tương ứng với các phương thức tổ chức cộng đồng đều có bản sắc riêng theo mẫu số chung của tất cả các hệ giá trị thành viên tham gia cấu thành. Các hệ giá trị này tồn tại trong các mối quan hệ vừa có tính chất đấu tranh vừa có tính chất hợp tác với nhau, nhưng về cơ bản đều có các bản sắc riêng nên không thể dung hòa và trộn lẫn với nhau một cách hoàn toàn. Hệ giá trị nào cũng có những ưu điểm và nhược điểm riêng của nó tùy theo phương thức nhìn nhận và đánh giá của các hệ giá trị khác. Mặc dù vậy, tất cả các hệ giá trị đều tồn tại trong sự phát triển của các mối liên hệ vừa mâu thuẫn vừa đấu tranh loại trừ lẫn nhau, nhưng đồng thời vừa hợp tác và cộng tác để cùng phát triển tiến lên. Xét cho cùng tất cả các hệ giá trị đều tồn tại và phát triển trong những giới hạn nhất định về thời gian và không gian. Hệ giá trị nào cũng phải có chủ nhân riêng của nó. Chính vì thế, đối với loài người thì hệ giá trị phổ quát nhất chính là hệ giá trị của toàn thể nhân loại. Trong các hệ giá trị của toàn thể nhân loại đó, có những hệ giá trị mang tính thời điểm và cũng có những hệ giá trị mang tính vĩnh hằng, nhưng chỉ vĩnh hằng trong không gian và thời gian giới hạn của loài người mà thôi.

2.3. Các mẫu số chung của giá trị

Giá trị là tất cả những gì hữu ích đối với quá trình tồn tại và phát triển đối với con người cũng như sự vật và hiện tượng. Việc xem xét một sự vật và hiện tượng có giá trị hay không lệ thuộc chủ yếu vào hệ quy chiếu của từng hệ giá trị. Đối với hệ giá trị này như thế có thể đã là giá trị, nhưng đối với hệ giá trị khác như thế có thể là phi giá trị. Tất cả đều tùy theo góc nhìn và cách tiếp cận, nhưng điều quan trọng nhất là dù thế nào thì tất cả các sự vật và hiện tượng trên thế gian này đều có các giá trị riêng của nó và việc làm có giá trị là phải tôn trọng sự khác biệt giữa các hệ giá trị khác nhau. Vậy thực tế giá trị chung nhất có nghĩa là gì và khác nhau như thế nào giữa các hệ giá trị? Đối ngược với giá trị là phản giá trị hay phi giá trị, nhưng nên nhìn nhận như thế nào là phản giá trị và phi giá trị, vì phản giá trị trong trường hợp này lại có thể là giá trị trong trường hợp khác và ngược lại giá trị trong trường hợp này lại có thể là phi giá trị trong trường hợp khác. Chính vì vậy, khi tìm hiểu về giá trị, người ta thường nói đến ba yếu tố mang tính bản chất của giá trị.

Trước hết, giá trị từ đâu mà có. Nếu giá trị không tự nhiên sinh ra và không tuyệt đối biến mất là quy luật đúng đắn, thì các giá trị khách quan tự nhiên vốn có được thừa hưởng và thừa kế không có giá trị, vì đó thực tế là các giá trị được sinh ra từ tự nhiên và do thừa hưởng hoặc thừa kế mà có chứ không phải do lao động sáng tạo mà ra. Tuy nhiên, giá trị cũng có thể do thừa kế từ tự nhiên một cách khách quan như sắc đẹp, trí tuệ, thông minh, tài năng trong nghệ thuật và thể thao. Đó là những giá trị tự nhiên vốn có một cách khách quan có thể làm cho người này trong những hoàn cảnh và bối cảnh nhất định có thể có giá trị ưu việt hơn những người khác, nhưng không có giá trị tuyệt đối trong mọi trường hợp và hoàn cảnh. Tương tự như vậy, cũng có nhiều giá trị đặc biệt là tài sản thuộc sở hữu tư nhân có thể được hiến tặng tự nguyện hoặc thừa kế cho người khác. Điều này làm cho người được thừa hưởng dù không phải lao động sáng tạo cũng tự nhiên có nhiều giá trị hơn những người khác không có may mắn tương tự. Mặc dù các giá trị thừa hưởng không những là hợp pháp và đáng tôn vinh, mà còn nên tạo điều kiện để phát huy và phát triển để sáng tạo ra thêm nhiều giá trị hơn nữa cho cộng đồng, nhưng thực tế đã gọi là giá trị thì không nên chú trọng chủ yếu vào thừa hưởng và thừa kế mà bản chất thực sự của giá trị là những cái mới có ích do lao động sáng tạo mà có. Đó mới là một trong những *tiêu chuẩn đánh giá con người có giá trị hay không có giá trị*. Cái quý giá nhất của xã hội là sở hữu được những cỗ máy biết sáng tạo ra giá trị mới mà tiêu thụ ít giá trị nhất. Đó là một xã hội đang sáng tạo ra giá trị và sinh lời giá trị, vì tổng giá trị họ tạo ra nhiều hơn tổng giá trị họ lấy đi. Xã hội đó đang ở vào giai đoạn phát triển. Ngược lại, xã hội nào mà cho dù bề ngoài được trang hoàng và trang điểm bởi đủ thứ hình thức bóng bẩy, nhưng thực chất bên trong đang tiêu thụ nhiều giá trị hơn sáng tạo ra, xã hội đó thực tế không phải trong quá trình phát triển, vì tổng giá trị họ tạo ra không thực sự vững bền và nhiều hơn tổng giá trị mà họ đang tiêu thụ hết. *Tất cả các tiêu cực đều sinh ra từ chỗ tổng giá trị tiêu dùng của xã hội nhiều hơn tổng giá trị do con người có thể tạo ra cho xã hội đó cho dù là trước mắt hay lâu dài*. Quy luật rút ra là *ở đâu các hành động giá trị và sáng tạo ra giá trị không chỉ được tôn trọng và tôn vinh*

mà còn được phát huy và phát triển tối đa, xã hội đó có nhiều khả năng sẽ tốn ít nguồn lực và tiêu thụ ít giá trị nhất, nhưng ngược lại tạo ra được tổng giá trị cho cộng đồng nhiều nhất có thể. Ngược lại, ở đâu mà việc sáng tạo ra giá trị không những không được tôn trọng và phát huy, mà còn bị phủ định sạch trơn và tận diệt đến cùng, xã hội đó chắc chắn không thể đạt đến trình độ văn minh và hiện đại tối đa có thể, vì mặc dù có tiềm lực dồi dào và nguồn lực triển vọng, nhưng các nguồn lực ấy không những không được dùng vào việc sáng tạo ra giá trị, mà còn thường dùng để ngăn cản và phá hoại việc sáng tạo ra giá trị cho xã hội. Đó là nguyên nhân của mọi hiện tượng tiêu cực và bấn loạn của xã hội đã, đang, và sẽ diễn ra trong thực tế.

Giá trị nên được nhìn nhận như thế nào cả bên trong lẫn bên ngoài. Giá trị thông thường có hai phần cấu thành. Một là các giá trị tự nhiên khách quan đúng như bản chất vốn có mà cho dù hoàn cảnh có thay đổi như thế nào bản chất của giá trị cũng không hề thay đổi. Đó là phần giá trị ổn định và chắc chắn của sự vật và hiện tượng. Tuy nhiên cũng có các giá trị được tạo ra thêm tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể của tình hình. Hoàn cảnh bên ngoài có thể làm cho giá trị của sự vật và hiện tượng tăng lên, nhưng cũng có thể làm cho giá trị của sự vật và hiện tượng giảm đi một cách đáng kể. Tuy nhiên, trong mọi hoàn cảnh, việc nhìn nhận giá trị một cách thực chất theo nguyên tắc trung thực, chính xác, và khách quan là tối quan trọng, vì nó không những giúp định hình một cách có ý nghĩa giá trị của sự vật và hiện tượng mà còn góp phần khẳng định giá trị của người được đánh giá trong chuỗi dây chuyền giá trị của xã hội. Tất nhiên, nguyên tắc chung nhất là tránh phủ định sạch trơn và tâng bốc quá mức.

Giá trị với ai có nghĩa là giá trị với chủ thể sáng tạo giá trị hay với bên ngoài tùy theo từng hệ giá trị cụ thể. Đôi khi giá trị này lại phù hợp với chủ thể này, nhưng lại là phản giá trị đối với chủ thể khác. Giá trị chính vì vậy phải có tính ứng dụng và thực tiễn đối với những chủ thể cụ thể, chứ không phải là giá trị chung chung mang tính lý thuyết suông. Giá trị đó ngoài bản chất tự thân vốn có còn phải được nhìn nhận và đánh giá từ bên ngoài tức là giá trị với ai. Giá trị với ai cũng đồng thời nói lên một vấn đề là giá trị lệ

thuộc vào một bộ phận nhất định trong xã hội hay là lệ thuộc vào bản thân sự tồn tại của xã hội và việc người này tự nhiên sinh ra đã có giá trị hơn người khác hay tùy thuộc vào năng lực sáng tạo và sức lao động của chính họ. Giá trị với ai ở đây không phải là giá trị đối với một thiểu số người mà là giá trị đối với tổng thể quá trình sinh tồn và phát triển của xã hội. Trên cơ sở đó, người nào cũng có giá trị và hệ giá trị riêng của họ và mặc dù mức độ đóng góp của họ đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội là khác nhau, nhưng tất cả đều phải được tôn trọng và tôn vinh cũng như phát huy và phát triển đúng mức để góp phần tạo ta tổng giá trị tối đa cho xã hội. Chỉ có việc tạo ra giá trị tối đa cho xã hội trong phạm vi khả năng có thể thông qua lao động sáng tạo chân chính mới hy vọng vào sự thịnh vượng lâu dài cũng như phát triển bền vững của toàn xã hội, trong đó tất cả mọi người đều có cơ hội lao động sáng tạo và được nhìn nhận đánh giá một cách bình đẳng dựa trên các nguyên tắc trung thực, khách quan, chính xác đã được thống nhất.

Vậy bản chất của giá trị là gì và những gì nên được xem là giá trị? Tất cả những gì đã, đang, và sẽ hữu ích đối với quá trình tồn tại và phát triển của con người cũng như xã hội loài người là giá trị, nhưng mức độ giá trị của từng sự vật và hiện tượng là khác nhau. Đã nói đến giá trị chính vì thế là nói đến sáng tạo bằng chính sức lao động của chính mình mới là chân giá trị, tất cả những gì còn lại hữu ích với quá trình tồn tại và phát triển của con người, nhưng không phải do sáng tạo mà có mà do từ thừa kế hoặc hoặc hừa hưởng đều tùy theo mức độ đóng góp vào thực tiễn mà có những mức độ giá trị khác nhau. Tuy nhiên, chỉ có giá trị do chính bản thân con người sáng tạo ra trong quá trình lao động mới là giá trị chân chính. Con người càng tạo ra nhiều giá trị bằng chính sức lao động của mình càng có giá trị. Ngược lại, người càng tiêu thụ nhiều nguồn lực và giá trị của xã hội, nhưng lại tạo ra càng ít giá trị cho xã hội càng ít giá trị. Xã hội nào càng tạo ra nhiều giá trị bằng chính năng lực lao động sáng tạo của mình, xã hội đó càng văn minh và phát triển bền vững. Xã hội nào càng thiếu sáng tạo và tiêu dùng giá trị nhiều hơn tổng thể giá trị có được càng kém phát triển. Đặc biệt các giá trị có được không phải do lao động sáng tạo mà nên, chắc chắn không phải là các giá trị bền vững.

Đối ngược với giá trị là phi giá trị. Tất cả những gì đối ngược với quá trình tồn tại và phát triển của con người cũng như xã hội loài người là phi giá trị và phản giá trị, vì giá trị cao nhất của con người không phải nhất thiết lúc nào cũng là hạnh phúc và giàu có của con người mà chính là sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người một cách ổn định và bền vững. Mức độ phản giá trị của sự vật và hiện tượng lệ thuộc vào mức độ và quy mô ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp của các yếu tố này đối với nguy cơ tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người. Các mức độ phản giá trị này tất nhiên là khác nhau tùy theo bối cảnh và hoàn cảnh cụ thể, nhưng suy cho cùng tạm thời có thể xếp vào hai mức độ trực tiếp và gián tiếp khác nhau. *Mức độ trực tiếp* là những yếu tố nguy hại có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người. Đứng trên cơ sở này mà xét, có thể nói tất cả các hành động *lừa đảo, ăn cướp, phá hoại, giết người và âm mưu giết người* đều là các hành động phản giá trị và phi giá trị ảnh hưởng trực tiếp đến con người và xã hội loài ngoài. Một khi lừa đảo để đạt được mực đích có nghĩa là giá trị đó không phải do lao động sáng tạo mà có mà là do lừa đảo để giành lợi thế từ sức lao động và sáng tạo của người khác. Hành động đó có thể mang lại nhiều lợi ích cho người này, nhưng xét về tổng thể không tạo ra nhiều giá trị cho tổng thể xã hội. Tương tự như vậy, ăn cướp là hành động phản giá trị trắng trợn trực tiếp mà các xã hội văn minh thường đồng loạt lên án, vì đó chẳng qua chỉ là quá trình tước đoạt giá trị của người này dành cho người khác, tổng giá trị của xã hội không hề tăng lên, nhưng giá trị xã hội lại bị đảo lộn. Phá hoại thường ở một mức độ khác không nhất thiết phải cướp mất công lao sáng tạo của người khác nhưng ngăn cản quá trình tạo ra giá trị mới cho xã hội, nên tất nhiên đó cũng là một hành động phi giá trị và phản giá trị. Tất nhiên, giết người và âm mưu giết người chưa bao giờ là một hành động được gọi là giá trị và tạo ra giá trị đối với con người và xã hội loài người cho dù do hoàn cảnh bắt buộc, vì xét tổng thể đó là một sự sụt giảm tổng giá trị của toàn xã hội. Tương tự như vậy, chiến tranh để tiêu diệt lẫn nhau vì bất cứ lý do và mục đích gì cũng chưa bao giờ là một sự sáng tạo ra giá trị mới, vì xét một cách tổng thể đó là tổn thất

lớn nhất của tổng giá trị toàn nhân loại. Điều đó có nghĩa là tất cả các hành động đi ngược lại với quá trình sinh tồn và phát triển của con người và xã hội loài người đều là những hành động phản giá trị và phi giá trị.

Mức độ ảnh hưởng gián tiếp là tổng hợp tất cả các yếu tố mặc dù không nguy hại trực tiếp đến nguy cơ tồn tại và phát triển của con người, nhưng về cơ bản góp phần tùy mức độ khác nhau vào quá trình giảm thiểu quá trình sáng tạo ra tổng giá trị của xã hội cũng như tiêu thụ giá trị của xã hội nhiều hơn là đóng góp vào sự tăng trưởng của tổng giá trị xã hội. Tất cả các hiện tượng tiêu cực có thể có để hưởng lợi chung từ tổng giá trị xã hội nhiều hơn giá trị do mình sáng tạo ra hoặc được hưởng từ tổng giá trị của xã hội đều nằm trong dạng này. Ví dụ, các thành tích do bao che và đối phó mà có đều tiêu tốn giá trị thực tế của xã hội, nhưng chất lượng lại không tương xứng với những gì xã hội đầu tư cũng như dành cho nó. Đó cũng là một hình thức mặc dù không trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình tồn tại và phát triển của con người, nhưng không những không đóng góp vào quá trình tạo ra giá trị mới cho xã hội, mà còn góp phần làm suy giảm tổng giá trị thực chất của xã hội. Trong thực tế, đó là các hành động lừa dối xã hội. Toàn bộ các hành vi tiêu cực để hưởng lợi một cách bất chính không phải do lao động sáng tạo và tương xứng với giá trị của con người trong xã hội đều thuộc dạng này.

Tóm lại, mặc dù giá trị có thể được tạo ra từ thừa hưởng và thừa kế, nhưng bản chất của giá trị là do lao động sáng tạo một cách chân chính mà có. Xã hội nào mà các hoạt động lao động sáng tạo ra giá trị mới không chỉ được tôn trọng và tôn vinh mà còn được phát huy và phát triển, xã hội đó càng có nhiều cơ hội tạo ra các giá trị chân chính và bền vững. Ngược lại, xã hội nào mà việc lao động sáng tạo ra giá trị chân chính bị phủ định sạch trơn, trong lúc các hành động phi giá trị và phản giá trị lại được tâng bốc quá mức theo kiểu tô hồng thực tiễn, tổng giá trị của xã hội càng ít và cơ hội hưởng thụ giá trị của con người càng thấp. Chính vì thế, trong khi lao động để tạo ra giá trị một cách chân chính là một hành động có giá trị, thì lừa đảo, ăn cướp, phá hoại, âm mưu giết người, và giết người đều là những hành động phản giá trị trực

tiếp, còn trục lợi từ tổng giá trị của xã hội hơn đóng góp thực sự cho xã hội gọi là các hành động phi giá trị gián tiếp.

3. Một số đề xuất và gợi ý mang tính tham khảo

Trên cơ sở phân tích các nguyên tắc xác định giá trị cũng như thực trạng phản giá trị của Việt Nam hiện nay, tham luận đề xuất một số gợi ý mang tính chất tham khảo cho các bên liên quan.

1) Việc giáo dục giá trị cho giới trẻ của Việt Nam hiện nay là một việc làm không chỉ cấp thiết mà còn vô cùng hữu ích.[1] Một khi con người có cơ hội được lao động, sáng tạo, và cống hiến để tạo ra các giá trị mới, chính bản thân họ cũng được nâng tầm giá trị từ chính thực tiễn quá trình lao động, sáng tạo, và cống hiến của mình. Điều phi giá trị ở đây là ngay cái tấm thịnh tình lao động, sáng tạo, và cống hiến một cách chân chính của con người cũng không được tôn trọng, thì không thể nói đến giá trị nào cả. Nếu con người càng tạo ra nhiều giá trị và được nâng tầm giá trị, các hiện tượng tiêu cực xã hội sẽ tự động giảm bớt, còn chừng nào mà giá trị chỉ thuộc về một số người này, nhưng lại bị chà đạp đối với những người khác, chừng đó tất yếu sẽ vẫn còn các vấn đề tiêu cực và phản giá trị thường xuyên và liên tục. *Các hiện tượng tiêu cực và phản giá trị đã và đang xảy ra là một phản ứng tất yếu đối với các hệ thống bậc thang giá trị và hình thức ứng xử của xã hội đối với giá trị con người. Một khi xã hội chà đạp lên phẩm giá tự nhiên và giá trị vốn có của con người một cách không thương tiếc, làm sao xã hội có thể hy vọng con người có thể đối xử lại với chính mình một cách có giá trị?*

2) Sẽ không bao giờ có thể giải quyết được vấn đề trong nhà trường, nếu các thầy cô vẫn nói một đường làm một nẻo và hình ảnh các thầy cô vẫn bị xói mòn như hiện nay. Chừng nào mà hình ảnh thầy cô vẫn chưa thể cải thiện, chừng đó vẫn còn rất khó để

1. Xem thêm: NGUYỄN VĂN ĐẠT (2014), Định hướng giá trị của sinh viên hiện nay (Nghiên cứu tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội), Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học, Mã số: 60 31 03 01, Người hướng dẫn: PGS. TS VŨ HÀO QUANG, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

có thể nói đến giáo dục giá trị.[1] Muốn sản phẩm của mình chất lượng cao, trước hết mình phải thực sự chất lượng cao trước đã. Vấn đề một lần nữa là sự thống nhất giữa nói và làm, giữa thực tiễn và lý thuyết cũng như sự tôn trọng các hệ giá trị thực sự và việc tăng cường sáng tạo ra các giá trị mới. *Một cơ chế công bằng, hợp lý, và thực chất cho những người có khả năng sáng tạo giá trị và được tôn trọng với các giá trị do mình sáng tạo ra mới là chìa khóa cho vấn đề*. Mọi tiêu cực đều xuất phát từ việc người không thể tạo ra giá trị lại đưởng thụ giá trị một cách bất chính trên công sức và mồ hôi lao động và sáng tạo ra giá trị một cách chân chính của người khác.

3) Trong cuộc sống, hệ thống cần nêu gương và làm mẫu vẫn chưa thể cải thiện mức độ giá trị của mình thì không thể hy vọng xã hội có thể cải biến được tình hình. Hệ thống giáo dục chỉ là một bộ phận của mộ máy cần nêu gương và làm mẫu trước. Chừng nào mà hệ thống cần nêu gương và làm mẫu này vẫn còn hành xử một cách thiếu giá trị, các hy vọng về một viễn cảnh khả quan hơn cũng như những triển vọng tốt đẹp hơn gần như là điều không thể cho toàn xã hội. Hệ giá trị đầu tiên ở đây là người dân có chức năng và nhiệm vụ của người dân và công quyền có chức năng và nhiệm vụ của công quyền. Chỉ có lao động và sáng tạo thực chất mới có thể tạo ra giá trị đích thực và một khi các giá trị đích thực được tôn trọng đúng mức thì xã hội sẽ giảm bớt tiêu cực và chỉ một khi tổng số giá trị của xã hội tạo ra lớn hơn tổng số giá trị con người có thể tiêu thụ mới hy vọng vào ổn định xã hội cũng như hạn chế tiêu cực.

4) *Vấn đề một phần từ cơ chế thị trường*, nhưng chắc chắn không phải tất cả đều xuất phát từ cơ chế thị trường. Cơ chế thị trường là một phương thức tổ chức vận hành của các mối quan hệ xã hội có tính hai mặt của nó như tất cả các phương thức tổ chức cộng đồng khác. Chính vì thế, vấn đề đặt ra ở đây không phải là cơ chế thị trường mà là việc thực thi công vụ theo nguyên tắc chức

1. Xem thêm: CENTRAL BOARD OF SECONDARY EDUCATION (2012), *Values Education - A Handbook for Teachers*, Published by The Secretary, Central Board of Secondary Education, Shiksha Kendra, 2, Community Centre, Preet Vihar, Delhi, pp. 1-124.

năng và nhiệm vụ cũng như vai trò và sứ mệnh đã được quy định. Thị trường có quy luật của thị trường và nếu tất cả đều tuân thủ nghiêm minh nguyên tắc chức năng, trách nhiệm, quyền hạn, và nghĩa vụ của mình, tất cả mọi vấn đề đều sẽ ổn thỏa. Điều đó đã được chứng minh một cách chính xác qua thực tiễn vận hành của cơ chế thị trường đích thực của các nước công nghiệp phát triển. Đã là cơ chế thị trường theo đúng nghĩa của nó, tất nhiên những người lao động và sáng tạo ra giá trị sẽ được tôn trọng đến mức tối đa để phát huy tiềm năng và thế mạnh của mình trong quá trình lao động sáng tạo ra giá trị. Cơ chế thị trường thì tất cả các bên tham gia đều bình đẳng như nhau và việc lao động sáng tạo ra giá trị mới luôn luôn được hoan nghênh và cổ vũ hết mức. Giải pháp ở đây là phải xây dựng cho đúng bản chất của cơ chế thị trường theo đúng nghĩa của nó. Trong đó, tất cả các bên tham gia đều có hệ giá trị riêng của mình tuân theo quy luật của thị trường với chứ năng quản lý liêm chính và minh bạch của nhà nước. Nếu Việt Nam thực hiện đầy đủ các nguyên tắc vận hành của cơ chế thị trường và phát huy tối đa các giá trị do cơ chế thị trường mang lại, hệ giá trị của Việt Nam không những tăng lên mà còn hạn chế được các tiêu cực do cơ chế thị trường mang lại.

5) Có cần thiết phải ôm khư khư tất cả những gì đang có hay cần thiết phải xây dựng một hệ thống giá trị mới vừa kế thừa truyền thống vừa tiếp cận với các giá trị hiện đại của nhân loại mang tính phổ quát toàn cầu.[1] Việc xây dựng một hệ thống các hệ giá trị mới là điều tất yếu đương nhiên gần như không có phương án thay thế nào khác khả dĩ hơn. Vấn đề còn lại chỉ là dựa trên những nguyên tắc nào và việc thực thi nó ra sao? Hệ giá trị của con người thực tế phải dựa vào quá trình đóng góp của con người vào trong tổng thể hệ giá trị chung của cộng đồng. Phần lớn các hệ giá trị này đều xuất phát và sinh ra từ quá trình lao động và sáng

1. Xem thêm: NGUYỄN THỊ THANH HÀ (2014), *Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay*, Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS, Mã số : 62 22 80 05, LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC, Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS,TS. NGUYỄN THẾ KIỆT, 2. PGS,TS. HOÀNG ANH, HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH, Hà Nội, tr. 18-158.

tạo chân chính. Chỉ có lao động và sáng tạo chân chính mới có thể hy vọng tạo ra các hệ giá trị mới một cách chân chính. Toàn bộ tất cả những gì còn lại đều chỉ là ngụy biện và phi giá trị thậm chí đến mức phản giá trị. Vấn đề đặt ra là quá trình lao động và sáng tạo của con người phải được nhìn nhận và tôn trọng đúng mức cũng như những giá trị mà họ tạo ra cần phải được phân phối một cách công bằng và hợp lý. Nếu lợi dụng lợi thế để được hưởng nhiều quyền lợi về giá trị hơn những người thực sự có nhiều đóng góp tạo ra giá trị mới thực chất là một quá trị phản giá trị.

4. Kết luận

Mỗi người có một hệ giá trị khác nhau và cũng được nhìn nhận và đánh giá dựa trên nhiều gốc độ khác nhau. Tuy nhiên, tất cả mọi người sinh ra đều có giá trị riêng của mình. Xã hội sẽ rơi vào khủng hoảng khi tổng lượng giá trị được tạo ra không thể đủ cung cấp cho nhu cầu hưởng thụ giá trị của con người. T*rước khi* nói đến bản chất thực tiễn của mọi hệ giá trị cần phải đảm bảo nguyên tắc chung của tất cả mọi hệ giá trị vì con người và phục vụ cho con người trước hết. Tất cả những gì chống lại con người đều không thể xem là giá trị dưới bất hình thức, gốc độ, và mức độ nào. Sự tồn tại và phát triển của con người là trên hết và tối thượng. Tất cả những gì chống lại con người và xã hội loài người đều là phản giá trị và phi giá trị không cần phải bàn cãi đến bất cứ một thứ gì nữa cả. Con người là trên hết, là tối thượng, và là tài sản quý giá nhất của mọi loại tải sản. Nếu chống lại con người, giết người, và âm mưu giết người dưới mọi hình thức đều là phản giá trị. *Thứ hai,* giá trị chân chính của con người được thể hiện qua quá trình lao động và sáng tạo ra các giá trị mới. Chỉ có lao động và sáng tạo mới có thể tạo ra giá trị mới và chỉ có tạo ra giá trị mới mới là con người có giá trị chân chính. *Thứ nữa* là giá trị phải được tạo ra từ cách thức nhìn nhận và đánh giá đúng mức các chuẩn mực giá trị của người tạo ra giá trị cũng như cơ hội để tạo ra giá trị. Xã hội càng phung phí giá trị một cách vô ích vì cách thức nhìn nhận và phương thức phá hoại giá trị của một số người, tổng nguồn lực giá trị của xã hội càng suy giảm. Cơ hội phát triển của toàn thể xã hội không thể gọi là cao được, khi mà chính nhu cầu

lao động và sáng tạo ra giá trị của con người cũng không thể được đáp ứng. Chính vì thế, việc định hình lại một hệ giá trị mới là điều tất yếu đương nhiên để đáp ứng với nhu cầu phát triển của thực tiễn khách quan, nhưng đồng thời cũng phải có các cơ chế hợp lý để xã hội có cơ hội lao động và sáng tạo ra giá trị mới. Đó là một phương thức phát triển lâu dài và bền vững vì chỉ có sáng tạo giá trị mới có phát triển bền vững. Tất cả các phương thức sở hữu giá trị còn lại đều là tạm thời và mang tính chất hình thức không sớm thì muộn cũng sẽ bị thách thức.

N.M.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. CENTRAL BOARD OF SECONDARY EDUCATION (2012), *Values Education - A Handbook for Teachers*, Published by The Secretary, Central Board of Secondary Education, Shiksha Kendra, 2, Community Centre, Preet Vihar, Delhi, pp. 1-124.

2. Matarasso, f. (1996), *Defining values – evaluating arts programmes,* The social imparts of the artes, Working paper 1, Performance Print, Nottingham, pp. 2-26.

3. Nguyễn Thị Thanh Hà (2014), *Giá trị đạo đức truyền thống dân tộc với việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay*, Chuyên ngành: CNDVBC & CNDVLS, Mã số : 62 22 80 05, LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC, Hà Nội, tr. 18-158.

4. NGUYỄN VĂN ĐẠT (2014), Định hướng giá trị của sinh viên hiện nay (Nghiên cứu tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Hà Nội), Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học, Mã số: 60 31 03 01, Người hướng dẫn: PGS. TS VŨ HÀO QUANG, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội.

5. Patil, Y. (2015), *Value Educatrion,* Pasaaydaan Foundation, pp. 12-39.

6. Robin, M. và Williams, Jr. (1991), Khái niệm giá trị*, Tạp chí Xã hội học,* Nguyễn Đức Truyền dịch từ International EDCyclopedia of the Social Sciences, V, 15, 16, 17, năm 1980),Số 1, tr. 1-5.

ABSTRACT

Everyone and society have their own values and value systems. The greater values society could create, the higher values human can enjoy. However, the definition of what is value, the creation of true value, the way to recognize and evaluate value, the way of distributing value as well as the education of value for the younger generation in Vietnam's school today are still objectively and subjectively problematic. This is one of the main reasons leading to the total sum of value of the Vietnamese people is relatively low, while the potential and the real ability to achieve this are in practice much greater than that. The inevitable consequence is that the negative phenomena are relatively common in society that almost every day the press reports at least a few cases. At the same time, the school can not, in principle, create equivalent values to what has been invested, so it is unlikely to actually undertake the mission of educating values to the youth in a correspondingly effective way.

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN

ThS. Trần Phạm Huyền Trang*
ThS. Vũ Thị Quỳnh Anh**

1. Đặt vấn đề

Nhân loại đang sống trong những năm đầu của thế kỷ 21, thế kỷ của sự bùng nổ về thông tin khoa học và kỹ thuật hiện đại, tiên tiến nhất từ trước đến nay. Những thành tựu mà nhân loại đã đạt được trong những năm gần đây đã làm thay đổi cuộc sống của nhiều dân tộc trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia thuộc các nước đang phát triển về mặt kinh tế, lại trải qua nhiều cuộc chiến tranh kéo dài. Song, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, Việt Nam cũng đang từng ngày từng giờ thay đổi diện mạo của mình. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau gần 20 năm đổi mới, đất nước ta đã thu được những thành tựu đáng tự hào. Tuy nhiên, ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hóa, sự tác động tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đã làm xuất hiện nhiều biểu hiện tiêu cực trong lối sống, đạo đức của một bộ phận không nhỏ sinh viên, nên việc giáo dục đạo đức cho sinh viên đang là vấn đề cấp thiết, được toàn xã hội quan tâm.

*;** Trường cao đẳng Công nghệ Thông tin Hữu Nghị Việt - Hàn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết về giá trị đạo đức

- Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh và đánh giá cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

- Giá trị đạo đức: là cái được con người lựa chọn và đánh giá, xem nó như là việc làm có ý nghĩa tích cực đối với đời sống xã hội, được lương tâm đồng tình và dư luận biểu dương. Giá trị đạo đức được thể hiện thông qua việc thực hiện các chức năng của đạo đức. Song, ở giai đoạn nào của sự phát triển xã hội thì đạo đức, cũng có những chức năng cơ bản sau:

+ Thứ nhất, chức năng điều chỉnh hành vi. Sự điều chỉnh hành vi được thực hiện bằng hai hình thức chủ yếu. Một là, thông qua dư luận xã hội, ca ngợi, khuyến khích cái thiện, cái tốt, lên án, phê phán cái ác, cái xấu. Hai là, bản thân chủ thể đạo đức tự giác điều chỉnh hành vi của mình theo những chuẩn mực đạo đức xã hội.

+ Thứ hai, chức năng giáo dục. Chức năng giáo dục được thực hiện thông qua sự giáo dục của xã hội và sự tự giáo dục của mỗi cá nhân. Giáo dục đạo đức là quá trình tuyên truyền những tư tương, nhưng chuẩn mực đạo đức xã hội, biến nó thành thước đo đánh giá, điều chỉnh hành vi của mỗi cá nhân nhằm đạt tới một sự phù hợp giữa hành vi cá nhân với lợi ích xã hội.

+ Thứ ba, chức năng nhận thức. Những tư tưởng đạo đức và chuẩn mực đạo đức xã hội có trở thành các quan hệ đạo đức trong đời sống xã hội hay không, điều đó không chỉ phụ thuộc vào tính đúng đắn, tư tưởng đạo đức, của các chuẩn đạo đức, vào việc tuyên truyền, giáo dục trong xã hội, mà còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng tiếp nhận và chuyển hoá nó trong hoạt động nhận thức và trong hành vi của mỗi chủ thể đạo đức. Thông qua sự lựa chọn, đánh giá của các chủ thể đạo đức về những tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, trong bản thân họ hình thành niềm tin, lý tưởng đạo đức và các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức trong quan hệ ứng xử của chính họ.

2.2. Thực trạng giá trị đạo đức của học sinh, sinh viên hiện nay

Hiện nay, hầu hết sinh viên kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, có lối sống lành mạnh, trung thực, đoàn kết, nhân ái và có tinh thần cộng đồng; có động cơ học tập nghiêm túc và tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học, tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Đa số sinh viên vẫn giữ được nét đẹp truyền thống là sống có hoài bão, có ý thức trách nhiệm công dân, có trí tuệ tài năng, dám nghĩ, dám làm, có lối sống nhân văn, lành mạnh, hiểu biết, thanh lịch... Bên cạnh đó, cũng tồn tại một số vấn đề về các giá trị đạo đức của sinh viên đang ở mức báo động.

- Suy thoái về đạo đức như tình trạng hành hung cả thầy cô giáo, con giết cha, anh giết em, trẻ vị thành niên cũng gây ra nhiều vụ án mạng.

- Tình trạng bạo lực học đường gia tăng

- Tình trạng sống thử và quan hệ tình dục trước hôn nhân ngày càng tăng cao. Hiện nay, đã và đang xuất hiện những quan niệm về cuộc sống, về tình yêu theo xu hướng "Tây hóa" không phù hợp với thuần phong mĩ tục của dân tộc ta. Như vậy, chính các em đang làm xói mòn, làm mất đi giá trị truyền thống tốt đẹp, mất đi nét đẹp thuần phong mĩ tục của con người Việt Nam. Điều này, làm ảnh hưởng không tốt đến các hoạt động của nhà trường, đến chất lượng học tập, đến việc hình thành nhân cách đạo đức..., làm phai mờ đi nét đẹp trong sáng, thanh lịch của sinh viên.

- Lối sống sa đọa, buông thả: rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm... Thậm chí, để có được tiền đáp ứng cho lối sống buông thả của mình các em đã có những hành vi vi phạm pháp luật: giết người, cướp của, trộm cắp, lừa đảo...

- Đức tính chăm chỉ học hành, trung thực trong một bộ phận sinh viên cũng bị mất dần, thay vào đó là sự lười biếng, gian lận trong học tập, thi cử. Hiện tượng quay cóp, xin điểm, mua điểm, thi hộ ở trong các môn học diễn ra không ít, một số sinh viên coi đó là điều bình thường, không cảm thấy xấu hổ. Thậm chí ở cả

các kì thi tuyển sinh cũng xảy ra hiện tượng này; hình thức thực hiện ngày càng tinh vi, với nhiều phương tiện hiện đại: máy ghi âm, bộ đàm, máy nhắn tin... đều được sinh viên sử dụng gian lận trong thi cử.

- Sống thực dụng: sinh viên có những biểu hiện như suy nghĩ, cách sống có phần lệ thuộc thái quá vào tiền bạc, vật chất. Thậm chí, nhiều sinh viên trong mỗi việc làm, hành động, kể cả chuyện tình cảm đều đặt lên bàn cân vật chất.

2.3. Giải pháp nhằm giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên

3.3.1. Vai trò của gia đình

Gia đình chính là môi trường hình thành nhân cách bởi từ gia đình con người có những định hướng giá trị đầu tiên về cuộc sống. Đây cũng là nơi gắn bó suốt cuộc đời nên môi trường gia đình có ảnh hưởng lớn đến tâm lý, tình cảm, nếp sống của mỗi người. Truyền thống đạo đức của gia đình có ảnh hưởng sâu sắc và trực tiếp đến con cái. Ngay từ khi lọt lòng, trẻ đã được chăm sóc, nuôi dạy cùng với những người thân yêu trong gia đình. Số thời gian trẻ sống ở gia đình cũng nhiều hơn ở trường, do vậy, mối quan hệ ông bà, cha mẹ, anh chị em có ảnh hưởng trực tiếp đến tình cảm của trẻ. Đặc biệt với tuổi vị thành niên, các em dần hình thành thái độ nhận xét, đánh giá về sự quan tâm, mối tương quan giữa các thành viên trong gia đình… Chính điều này sẽ xây dựng nên tình cảm của các em với các thành viên trong gia đình. Do vậy, cha mẹ cần thấy trách nhiệm và bổn phận của mình trong việc giáo dục để con cái trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội. Các bậc phụ huynh cần phải:

- Coi trọng việc xây dựng nền nếp, truyền thống đạo đức của gia đình. Một gia đình có nền nếp gia phong, cha mẹ yêu thương, quan tâm, lắng nghe và tôn trọng con cái, các thành viên trong gia đình yêu thương đùm bọc lẫn nhau… sẽ giúp các em có được nền tảng đạo đức vững chắc.

- Nếu con mắc lỗi, cha mẹ hãy phân tích góp ý và tạo cho con những cơ hội để sửa chữa lỗi lầm. Nếu cần trách phạt con, cha mẹ cần phân minh, vì nếu sơ suất trong cư xử để con chịu thiệt thòi sẽ hình thành những tâm lý không phục, mặc cảm, đối kháng và đây

là yếu tố dễ dẫn đến các em hư hỏng, sa vào lỗi lầm. Cha mẹ nên thể hiện sự công bằng, yêu thương các con như nhau. Mỗi người con đều có mặt mạnh yếu, hãy tìm khen những ưu điểm để động viên con phát huy.

- Nắm bắt và hiểu được những thay đổi này nơi con cái, thường xuyên quan tâm đến tâm tư, tình cảm, mối quan hệ bạn bè của con. Giúp con tự chủ, có tính độc lập, không ỷ lại vào cha mẹ và người khác. Cha mẹ cần làm gương cho con noi theo.

- Tạo điều kiện, giúp đỡ con tiếp cận thông tin, cơ hội phát triển, cùng con bàn bạc thực hiện kế hoạch bản thân, giúp đỡ con tiếp cận thông tin, cơ hội phát triển, cùng con bàn bạc thực hiện kế hoạch bản thân. Phải quan tâm, dìu dắt để các em tiếp thu được ngôn ngữ, hành vi ứng xử và những quy tắc đạo đức phù hợp với chuẩn mực đạo đức của xã hội.

2.3.2. Vai trò của nhà trường

Giai đoạn đại học là giai đoạn có nhiều biến đổi to lớn cả về tâm sinh lý cũng như khẳng định sự tích lũy tri thức và vốn sống. Sinh viên phải tự chủ động đưa ra các quyết định về thái độ, hành động và chịu trách nhiệm về bản thân thay vì nhận được sự chỉ bảo, bao bọc thường xuyên của gia đình. Sinh viên sẽ tiếp thu và tích lũy tri thức chuyên ngành, đồng thời mở rộng cơ hội, khả năng sáng tạo và phát huy những tiềm lực tri thức của mình, sống một cuộc sống mới chủ động hơn, xác lập các mối quan hệ xã hội, tham gia vào quá trình xã hội hoá…Để giáo dục giá trị đạo đức cho sinh viên, nhà trường cần phải:

- Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn chính trị theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học, phát huy tính tích cực của học sinh; tăng cường các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, kỹ năng sống cho sinh viên.

- Để đạt được hiệu quả cao trong giáo dục đạo đức cho sinh viên thì bản thân mỗi giảng viên phải là tấm gương về đạo đức. Mỗi giảng viên cần nêu cao lòng yêu nghề, thái độ công bằng, tinh thần trách nhiệm…nhằm tạo được niềm tin cho sinh viên. Thầy cô ngoài việc truyền đạt tri thức còn phải định hướng và kịp thời uốn

nắn hành vi, thái độ của sinh viên, tạo cho sinh viên có điều kiện thuận lợi nhất để rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống và tiếp thu một cách có chọn lọc những giá trị văn hóa mới.

- Phát huy hơn nữa vai trò của tổ chức Đoàn và Hội trong giáo dục đạo đức cho sinh viên, phải phát huy hơn nữa tính chủ động tích cực của mình, đặc biệt là trong việc tổ chức nhiều các hoạt động tập thể với hình thức phong phú, đa dạng thu hút được nhiều sinh viên tham gia nhằm làm cho họ có nhiều điều kiện tiếp cận với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia vào các hoạt động, tổ chức xã hội tạo sự gắn kết giữa cá nhân với cộng đồng.

- Chủ trương hỗ trợ cho sinh viên trong học tập, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên tìm hiểu thực tế, vừa mang tính giải trí, vừa là sự học hỏi lẫn nhau…giúp sinh viên ngày càng gắn bó, sống tình cảm và có trách nhiệm với mọi người hơn trong cuộc sống.

- Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho học sinh, sinh viên. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của học sinh, sinh viên về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống.

- Tổ chức tọa đàm, hội thảo cho các bạn sinh viên mới biết về các cạm bẫy, rủi ro trong xã hội, trong khi ngồi nghề nhà trường,

- Tổ chức buổi thăm quan căn cứ cách mạng, bảo tàng để góp phần trau dồi thêm lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho sinh viên…

- Tuyên truyền các hình ảnh về văn hóa xếp hàng, không hút thuốc lá, xả rác không đúng quy định... trong sinh viên đã góp phần cho nhiều sinh viên nâng cao nhận thức và thực hiện một cách văn minh, lịch sự.

3. Kết luận

Tóm lại, để phát triển xã hội bền vững, những nhà giáo dục và

những người có trách nhiệm phải có một hướng đi đúng đắn cho thế hệ trẻ hôm nay đặc biệt là sinh viên. Với vai trò là ngôi trường đầu tiên của mỗi cá nhân, gia đình có điều kiện, có trách nhiệm và nhiều ưu thế trong việc tham gia vào giáo dục đạo đức, nhân cách cho thế hệ trẻ hôm nay; sự ảnh hưởng của giáo dục gia đình tới việc hình thành nhân cách của các em là rất lớn. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các đoàn thể xã hội khác.

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Anh (2012). "*Giáo dục với việc hình thành và phát triển nhân cách sinh viên*". NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2] Nguyễn Thị Chinh (2018), "*Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên hiện nay*", tạp chí giáo dục

[3] Phạm Khắc Chương - Hà Nhật Thăng (1998). "*Giáo trình Đạo đức học*". NXB Giáo dục.

[4] Mai Xuân Hợi, "*Giá trị đạo đức và sự biểu hiện của nó trong đời sống xã hội*", tạp chí Triết học.

[5] Vũ Thị Ngọc Tú (2016). "*Thực trạng sự lựa chọn các giá trị đạo đức của sinh viên sư phạm hiện nay*". Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 12, tr 122-126.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VỀ SỰ TÔN TRỌNG VÀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM Ở NHÀ TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MẠNG XÃ HỘI HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Tấn Linh*
ThS. Đặng Thị Hồng Phượng**

1. Mở đầu

Giáo dục ngày nay không những tập trung vào việc dạy học cho các em sinh viên mà còn là khơi gợi những giá trị tốt đẹp, giá trị nhân văn vốn tồn tại ở mỗi con người bởi vì chúng ta đang sống trong một thời đại mà việc dạy sao cho các em nên người thực sự là một thử thức hết sức khó khăn, vất vả. Sinh viên ngày nay luôn vị cám dỗ bởi trò chơi trực tuyến, mạng xã hội, cùng chương trình quảng cáo trên ti vi với đầy rẫy những thước phim có cảnh bạo lực, đánh nhau, tình cảm,..

Với vai trò là thầy, cô giáo trong nhà trường cũng có lúc cảm thấy mệt mỏi bởi chúng ta đang cố gắng xây dựng cho con những đức tính tốt như trung thực, biết tôn trọng bản thân và những người xung quanh khiêm tốn, dũng cảm và rộng lượng. Thách thức đặt ra với nhà trường và người dạy là làm sao để giáo dục sinh viên, lứa tuổi tương lai của đất nước giá trị về sự tôn trọng đối với người thầy, cô giáo mà trước mắt đối với chính bản thân các em; đồng thời cũng giúp cho các em có ý thức trách nhiệm đối với bản

*;** Trường Đại học Tiền Giang

thân, gia đình và xã hội trong bối cảnh mạng xã hội như facebook, zalo,… như hiện nay luôn bủa vây các em. Bởi vì, nếu để cho các em sinh viên thiếu tiếp cận với việc giáo dục giá trị sống thì dẫn đến nhiều hệ lụy như nạn bạo lực học đường, sống thử, trao đổi thiếu văn hóa, thông tin qua các thiết bị di động quá vắn tắt,… Bài báo sẽ đưa ra một bản khảo sát, phân tích, nhận định, đánh giá, cũng như đưa ra những giải pháp nhằm giáo dục giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm ở nhà trường cho các em trong bối cảnh sự phát triển của mạng xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Giá trị sống

Giá trị sống cơ bản: 12 giá trị sống, trong đó có giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm

- Hòa bình: Hòa bình không chỉ là sự vắng bóng của chiến tranh. Nếu mỗi người đều cảm thấy bình yên trong lòng thì hòa bình sẽ ngự trị trên khắp thế giới.

- Tôn trọng: Bẩm sinh con người vốn là quý giá. Một phần của lòng tự trọng là biết về các phẩm chất của mình và tôn trọng phẩm chất của người khác.

- Yêu thương: Trong một thế giới tốt đẹp, quy luật tự nhiên là yêu thương; và trong một con người tốt lành, bản chất tự nhiên là biết thương yêu.

- Hạnh phúc: sẽ mỉm cười khi lòng ta tràn ngập niềm hy vọng và sống có mục đích. Khi mong muốn những đều tốt lành đến với mọi người, ta sẽ cảm thấy hạnh phúc tràn ngập con tim.

- Trung thực: là luôn nói sự thật. trung thực không có nghĩa là mâu thuẫn hoặc thiếu nhất quán trong suy nghĩ, lời nói và hành động.

- Khiêm tốn: người khiêm tốn là người luôn biết lắng nghe và chấp nhân qua điểm của người khác. Khiêm tốn khiến người ta trở nên tuyệt vời hơn trong trái tim người khác.

- Trách nhiệm: tạo sự tin cậy và tín nhiệm với mọi người xung quanh. Người có trách nhiệm là người trưởng thành và có những suy nghĩ đúng đắn.

- Giản dị: là trở nên tự nhiên, giản dị là trân trọng vẻ đẹp bên trong và nhận ra giá trị của tất cả những người được xem là xấu xa tồi tệ nhất.

- Khoan dung: hòa bình là mục đích khoan dung là phương pháp. Khoan dung là sự cởi mở và nhận ra vẻ đẹp của những điều khác biệt. Khoan dung là khả năng đương đầu với những hoàn cảnh khó khăn.

- Hợp tác: tinh thần hợp tác tồn tại khi mọi người làm việc cùng nhau vì một mục đích. Lòng can đảm, sự quan tâm và sẻ chia tạo nên nền tảng cho sự hợp tác

- Tự do: Tự do hiện diện trong tâm trí và trái tim. Chỉ có thể trải nghiệm được tự do nội tâm khi tôi có những suy nghĩ tích cực về tất cả mọi người, kể cả bản thân tôi.

- Đoàn kết: là sự hài hòa bên trong mỗi người và giữa các cá nhân trong cùng một nhóm. Tình đoàn kết được xây dựng từ thái độ vô vị,ánh nhìn sẻ chia, có chung niềm hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn. (Diane Tillman, Những giá trị sống cho tuổi trẻ)

2.2. Sự tác động đến giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm

Chúng ta vẫn nghe nhiều về đạo thầy - trò. Quan hệ thầy trò xưa kia là mối quan hệ đáng kính và đáng trân trọng. Nhưng ngày nay nhiều sinh viên đã không thể làm đủ lễ nghi với thầy cô, thiếu sự tôn kính với thầy cô, coi thường việc học.

Ở đâu đó chúng ta còn thấy những thầy giáo không đủ tư cách làm tấm gương, những cô giáo thiếu tinh thần trách nhiệm, những học trò bàng quan với việc học với tương lai, cuộc đời. Thậm chí, nhiều vụ bạo hành học đường trong sinh viên xảy ra gây ảnh hưởng xấu đến chuẩn mực đạo đức thầy-trò.

Theo thống kê của Bộ GD-ĐT, tình trạng bạo lực học đường có chiều hướng gia tăng, xuất hiện thêm nhiều vụ việc phức tạp.

Học sinh đánh nhau không chỉ dùng chân tay hay cặp sách nữa mà là những hình ảnh các học em sinh mặc đồng phục cầm dao, kiếm để trả thù chỉ vì những lí do rất con trẻ như nói xấu, bị phê bình, chê trách, ghen tuông, ganh đua về thành tích học tập, thích thì đánh cho bõ ghét,…

Đơn cử như năm học 2017-2018, theo báo cáo của ngành giáo dục cả nước xảy ra vài trăm vụ bạo lực học đường, mỗi tỉnh, thành xảy ra khoảng 2-3 vụ.

Trong khi đó, thống kê của ngành công an thì số vụ liên quan đến bạo lực học đường là hơn 2.000 vụ, trong đó hơn 53% số vụ bạo lực xảy ra trong môi trường học đường (thuộc quyền quản lý của các cơ sở giáo dục). (L.Sơn, Văn hóa ứng xử trong trường học, 2018)

Mỗi khi có một vụ việc liên quan đến những lệch chuẩn về quan hệ giữa thầy và trò, dư luận lại nổi lên cơn "cuồng nộ".

Có thể thấy, mặt trái nền kinh tế thị trường như mua, bán quan mạng xã hội, trao đổi tương đương bằng tiền các vật phẩm trong trò chơi trực tuyến,… dẫn tới những thay đổi trong đời sống xã hội, thay đổi những giá trị truyền thống, trong đó có môi trường giáo dục.

Đối với sinh viên đang có biểu hiện suy thoái, lệch lạc về phẩm chất, đạo đức, lối sống: đua đòi theo lối sống sa hoa, thiếu trung thực, trách nhiệm với bản thân, gia đình và nhà trường; vô lễ với cha mẹ, thầy cô giáo và người lớn tuổi; thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác, đặc biệt là các bạn có hoàn cảnh khó khăn, sống xa nhà, thấy đúng không dám bảo vệ, thấy sai trái không dám đấu tranh, phản biện với luận điệu sai trái,…

Không chỉ có xu hướng đề cao các giá trị vật chất, thực dụng, một số đông sinh viên sớm sa vào nghiện trò chơi điện tử, có hành vi bạo lực và hành xử thiếu văn hóa.

Những lệch chuẩn trong văn hóa ứng xử đang làm dư luận quan tâm, đề cập thường xuyên, mỗi ngày. Một bộ quy tắc ứng xử trong trường học là cần thiết để định hướng đi đúng cho mối quan hệ nhà trường - học sinh - gia đình. (L.Sơn, Văn hóa ứng xử trong trường học, 2018)

Qua đó, ta thấy giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm ở nhà trường đã có sự tác động đáng kể dẫn đến các hành vi bạo lực học đường, ảnh hưởng xấu đến chuẩn mực đạo đức thầy-trò như thế nào.

2.3. Ảnh hưởng của mạng xã hội hiện nay đối với sinh viên

Mạng xã hội (social network) là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực tuyến, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác. (Nghị định 73/2013).

Bên cạnh những mặt tích cực như học tập, giao tiếp, tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp,… thì việc sử dụng mạng xã hội cũng gây ra những tác động tiêu cực đối với sinh viên. Mạng xã hội đã khiến nhiều sinh viên sao nhãng việc học tập, tốn kém nhiều thời gian ghì đầu vào màn hình của các thiết bị di động, ảnh hưởng đến sức khỏe thị giác,… Tư duy độc lập, sáng tạo, nguồn quỹ thời gian tự học của các bạn giảm đi do dành quá nhiều thời gian cho các hoạt động trên các trang mạng, lướt báo, tin tức, tán gẫu,… Mạng xã hội còn tiềm ẩn nguy cơ khi những thông tin, nội dung, hình ảnh riêng tư được đưa lên mạng để chia sẻ với người thân, bạn bè… nhưng vô tình bị kẻ xấu lợi dụng và sử dụng vào mục đích xấu, hoặc là người sử dụng mạng xã hội chưa có ý thức, vô trách nhiệm trong việc đưa thông tin có ý định không tốt lên mạng gây ảnh hưởng xấu đến suy nghĩ của sinh viên. Tất cả những vấn đề này có tác động tiêu cực đến đời sống và việc học của sinh viên.

Trong đó, chưa kể đến việc sinh viên xúc phạm đến giảng viên, nói xấu, trách móc, chửi bới thông qua các nhóm mạng xã hội, trên tường của những trang mà thông tin được lan truyền hết sức nhanh chóng. Tinh thần trách nhiệm càng thể hiện rõ hơn khi các em làm mà chẳng chịu trách nhiệm với bản thân, một khi cần thiết ra đối chứng để biết rõ sự việc, để các bộ phận chức năng trong nhà trường còn phân xử và đánh giá hạnh kiểm cho các em.

2.4. Khảo sát và đánh giá

Qua một nghiên cứu của tác giả tìm hiểu về các yếu tố tác động của mạng xã hội đến sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân và nhà trường trước và sau khi sử dụng mạng xã hội trong thời gian khảo sát khoảng 1 tháng, chia ra làm 3 lần điều tra với tổng số lượng phiếu là 100 phiếu, được lấy ý kiến từ chính các em sinh viên, giảng viên và đội ngũ là thầy, cô quản lý giáo dục.

Bảng 1: Mức độ tác động trước khi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Mức độ tác động (Đơn vị: số ý kiến)				
	Rất ít	Ít	Trung bình	Mạnh	Rất mạnh
Sự tôn trọng	9	11	9	26	45
Ý thức trách nhiệm	18	22	7	45	8
Tổng cộng	27	33	16	71	53

Bảng 2: Mức độ tác động sau khi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Mức độ tác động (Đơn vị: số ý kiến)				
	Rất ít	Ít	Trung bình	Mạnh	Rất mạnh
Sự tôn trọng	6	5	4	38	47
Ý thức trách nhiệm	3	8	31	39	19
Tổng cộng	9	13	35	77	66

Theo bảng 1, bảng 2, ta nhận thấy tổng mức độ tác động từ Trung bình đến Rất mạnh có xu hướng tăng dần, lần lượt từ 16 lên 35 ý kiến, 71 lên 77 ý kiến và 53 lên 66 ý kiến. Điều này cho thấy được sự tác động của mạng xã hội đến sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân và nhà trường trở nên gia tăng.

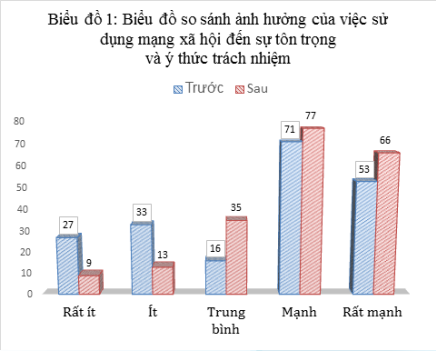

Biểu đồ 1 so sánh về ảnh hưởng trước và sau của việc sử dụng mạng xã hội về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm của sinh viên, cho ta thấy mức độ ảnh hưởng từ trung bình trở lên, lúc sau khi sử dụng luôn cao hơn so với trước khi sử dụng mạng xã hội. Điều này càng khẳng định rõ ràng tác động thực sự của việc sử dụng mạng xã hội đến sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm của sinh viên. Do đó, giải pháp cần đặt ra là phải giảm dần tỷ lệ về mức trung bình, nhưng không đi ngược với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ ngày nay.

2.5. Giải pháp

Giải pháp đặt ra là nên phát huy, tận dụng lợi thế, ưu điểm của mạng xã hội để giáo dục giá trị về sự tôn trọng và ý thức trách nhiệm cho sinh viên hơn là có sự ngăn cấm, đồng thời có giải pháp đẩy lùi, giáo dục các em với nhiều biện pháp thông qua giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống. Một số góp ý của tác giả cho giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống bằng việc tích hợp vào các môn học, buổi sinh hoạt ngoại khóa, lớp ngắn hạn nhằm rèn luyện kỹ năng ứng xử hợp lí với các tình huống trong cuộc sống trong xu hướng các thông tin xấu, độc trên mạng internet và mạng xã hội ngày một nhiều; kỹ năng làm việc sinh hoạt theo nhóm; rèn luyện sức khỏe và ý thức bảo vệ sức khỏe; kỹ năng ý thức trách nhiệm về phát biểu, nôi dung bình luận thông tin qua lời nói, bình luận trên các phương tiện internet, mạng xã hội; có ý thức chung sống hòa bình với mọi người và tôn trọng bản thân, tôn trọng thầy, cô giáo, nhà trường, gia đình và xã hội; ý thức trách nhiệm của bản thân trong môi trường giáo dục,…

3. Kết luận

Từ việc đưa ra hiện trạng, phân tích, đánh giá qua việc khảo sát ý kiến của từ các đối tượng liên quan ta nhận thấy cần có giải pháp căn cơ, quyết liệt từ các đơn vị giáo dục, gia đình và xã hội để giảm thiểu những trường hợp thiếu sự tôn trọng, ý thức trách nhiệm khi sinh viên ngày càng xa rời cuộc sống thực tế, mà dấn thân nhiều nào cuộc sống ảo của mạng xã hội hiện nay. Bên cạnh đó, vấn đề đặt ra là việc giáo dục lối sống, đạo đức, kỹ năng sống trong các môi trường giáo dục đang có những hạn chế như đa phần là lồng ghép, tích hợp các môn học, chưa được xây dựng thành môn học riêng trong chương trình môn học nên hiệu quả mang lại

chưa cao cho việc thực hiện. Cơ quan truyền thông cũng nên có công tác phối hợp với các cơ sở giáo dục để cùng nhau góp phần giáo dục cho thế hệ tương lai của đất nước trong bối cảnh bùng nổ của mạng xã hội và công nghệ 4.0 như hiện nay.

N.T.L - Đ.T.H.P

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diane Tillman, Những giá trị sống cho tuổi trẻ, 2011.

2. L.Sơn, Văn hóa ứng xử trong trường học, 2018.

3. Nghị định 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 15/7/*2013 về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng.*

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG HIỆN NAY

ThS. Đinh Thị Kim Loan*

1. Đặt vấn đề

Xã hội càng phát triển con người càng phải đối mặt với rất nhiều thách thức, giáo dục các giá trị là một trong những nội dung cơ bản mà gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm thực hiện để giúp học sinh hoàn thiện nhân cách và có kỹ năng lựa chọn cho mình những giá trị sống tích cực. Chính vì vậy, trước khi hình thành những kỹ năng sống nào đó, người học cần cảm nhận rõ ràng về các giá trị sống và sự lựa chọn của các cá nhân ấy đối với các giá trị.

Thực chất quá trình dạy học và quá trình giáo dục là tổ chức hình thành ở học sinh những giá trị về văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, đạo đức…Những nét đẹp trong tính cách và đạo đức truyền thống của con người chính là tinh thần nhân đạo xuyên suốt trong lối sống, trong quy tắc ứng xử hàng ngày của các em. Việc giáo dục giá trị sống cho học sinh trong các nhà trường phổ thông hiện nay đã được quan tâm và được tiến hành thông qua việc lồng ghép trong nội dung các môn học, thông qua việc dạy học tự chọn, qua hoạt động ngoài giờ lên lớp và hoạt động câu lạc bộ…tuy nhiên việc tổ chức triển khai hoạt động này trong thực tiễn vẫn còn nhiều khó khăn nên hiệu quả giáo dục cho học sinh chưa cao.

* Trường Cán bộ quản lí Giáo dục TP. Hồ Chí Minh

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề về giáo dục giá trị sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông hiện nay

Với đặc điểm phát triển của xã hội hiện nay, việc giáo dục giá trị sống đã trở thành một tiêu chí quan trọng của nhân cách con người hiện đại. Các em thường xuyên chịu những tác động đan xen của những yếu tố tích cực và tiêu cực, luôn được đặt vào những hoàn cảnh phải lựa chọn những giá trị, phải đương đầu với những khó khăn và thách thức. Giáo dục giá trị sống không phải là cung cấp các kiến thức mang tính lý thuyết, kỹ năng mà thông qua những hành động thực tiễn trong các sinh hoạt hàng ngày ở môi trường sống của các em.

Giá trị là chuẩn mực, là thước đo cho hành vi đạo đức, cho những quan hệ ứng xử giữa con người với nhau trong cộng đồng. Những giá trị này sẽ được chuyển tiếp qua nhiều thế hệ và giá trị văn hoá đó sẽ được gìn giữ và phát huy lên một tầm cao mới. Giá trị là một bộ phận trong mối quan hệ nhiều mặt của con người với con người với thế giới, với đời sống xã hội. Giá trị có liên quan với nhu cầu, đối tượng và đặc biệt là phương thức thỏa mãn nhu cầu. Giá trị tồn tại bên trong mỗi con, nó không phải là một trạng thái sự vật mà là trạng thái tư tưởng và do đó giá trị không thể tồn tại được nếu không có chủ thể. Giá trị chỉ là giá trị khi trong ý thức của chủ thể biểu hiện với tư cách là một nội dung nhất định. Cá nhân không chỉ tiếp nhận các giá trị xã hội một cách giản đơn mà lĩnh hội chúng một cách có chọn lọc thông qua lợi ích và quan hệ thực tiễn của họ. Giáo dục giá trị sống giúp con người khám phá bản thân và phát triển các giá trị truyền thống của dân tộc cũng như 12 giá trị căn bản của toàn cầu. Giá trị truyền thống của con người Việt Nam bao gồm: *tinh thần yêu nước, yêu thương con người, tinh thần đoàn kết, tinh thần lao động cần cù, tiết kiệm*. Giá trị toàn cầu bao gồm 12 giá trị sau: *hợp tác, tôn trọng, yêu thương, tự do, hạnh phúc, khiêm nhường, khoan dung, giản dị, trách nhiệm, hoà bình, đoàn kết, trung thực.*

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành giá trị của học sinh. Cho nên, để cảm nhận được sâu sắc các giá trị sống, học

sinh cần phải phát triển những kỹ năng nhất định. Song song với việc giáo dục giá trị sống, cần trang bị cho các em cách tiếp nhận và chuyển tải các giá trị ấy, đó chính là kỹ năng sống đồng thời cần biết cách thể hiện các giá trị sống trong các hoạt động hàng ngày để tạo thành một thói quen sống lành mạnh và sống có ích. Tuy nhiên, nếu nhà giáo dục quá tập trung vào việc hình thành các kỹ năng dưới góc độ "kỹ thuật" mà không gắn với các giá trị sống tốt đẹp thì giáo dục giá trị sống sẽ không phù hợp với mục đích giáo dục của ta hiện nay. Những giá trị riêng của bản thân mỗi học sinh sẽ góp phần trong việc đưa ra quyết định hành vi như thế nào, sống như thế nào, cảm nhận như thế nào, đối xử với mọi người như thế nào và đối xử với chính bản thân mình như thế nào. Điều quan trọng nhất là làm sao để phát triển những giá trị của bản thân mỗi con người phù hợp với định hướng phát triển của xã hội hiện đại.

2.2. Một số phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trong nhà trường phổ thông

Việc giáo dục giá trị sống có thể tiến hành bằng nhiều cách khác nhau nhưng tốt nhất là phải kết hợp trong một hệ thống hoàn chỉnh với sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng giáo dục gia đình, nhà trường, xã hội và chính bản thân các em. Các phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh trong nhà trường được thực hiện bằng nhiều cách khác nhau như:

- Xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị

Việc tạo nên bầu không khí dựa trên các giá trị trong bước chuẩn bị môi trường học tập là điều cần thiết để khám phá và phát huy tối đa các giá trị tích cực. Một môi trường giáo dục lấy người học làm trung tâm, mà trong đó các mối quan hệ dựa trên lòng tin cậy, quan tâm và tôn trọng sẽ khơi dậy động cơ tốt đẹp. Học sinh sẽ có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình trong một môi trường học tập có sự khuyến khích, ủng hộ, quan tâm và sáng tạo

- Yếu tố hỗ trợ khám phá các giá trị

Mỗi hoạt động giáo dục giá trị sống bắt đầu với 3 yếu tố hỗ trợ việc khám phá các giá trị được ghi chú trong sơ đồ bao gồm: tiếp nhận thông tin, suy ngẫm và khám phá các giá trị qua thực tế cuộc sống.

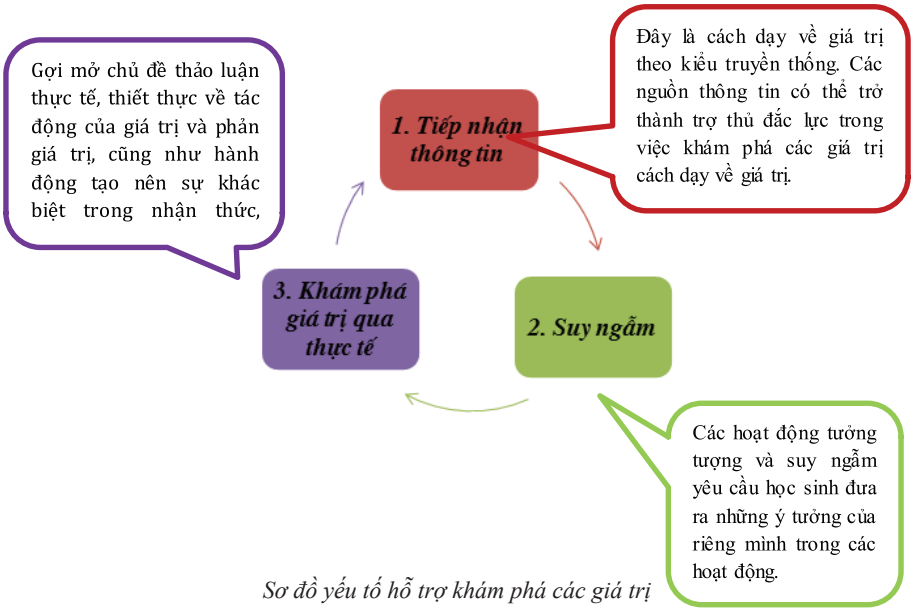

Sơ đồ yếu tố hỗ trợ khám phá các giá trị

- Thảo luận

Thảo luận tạo một không gian thảo luận cởi mở, tôn trọng lẫn nhau là điều rất quan trọng và cần thiết. Khi có được điều này, việc chia sẻ sẽ trở nên dễ dàng, thoải mái hơn. Việc bày tỏ những cảm giác, cảm nhận sau mỗi câu hỏi có thể làm sáng tỏ quan điểm cá nhân và tìm được sự đồng cảm hơn. Quá trình thảo luận còn có thể giúp cho điều tiêu cực được chấp nhận và từ đó tạo bầu không khí cởi mở để tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những tiêu cực này.

- Khám phá các ý tưởng

Tiếp theo sau các cuộc thảo luận là hoạt động tự suy ngẫm hoặc lên kế hoạch cho nhóm về những hoạt động nghệ thuật, viết nhật ký hoặc kịch giúp hệ thống hoá các giá trị và phản giá trị để xem xét các tác động của giá trị và phản giá trị đối với bản thân, mối quan hệ và xã hội của bản thân học sinh.

- Thể hiện hiểu biết và cảm nhận về giá trị một cách sáng tạo

Thể hiện những cảm nhận về giá trị là phương tiện tuyệt vời để thể hiện những ý tưởng, cảm nhận các giá trị một cách sáng tạo và biến những giá trị ấy thành của mình. Thông qua các hoạt động cụ thể, học sinh sẽ tự liên hệ với những giá trị vốn có sẵn của bản thân và nhận ra những gì mình thật sự muốn thể hiện đang ẩn chứa bên trong.

Sơ đồ hoạt động giáo dục giá trị (LVEP- Living Values Education Program) đã đưa ra qui trình tiến hành một số phương pháp giáo dục giá trị sống cho học sinh như sau:

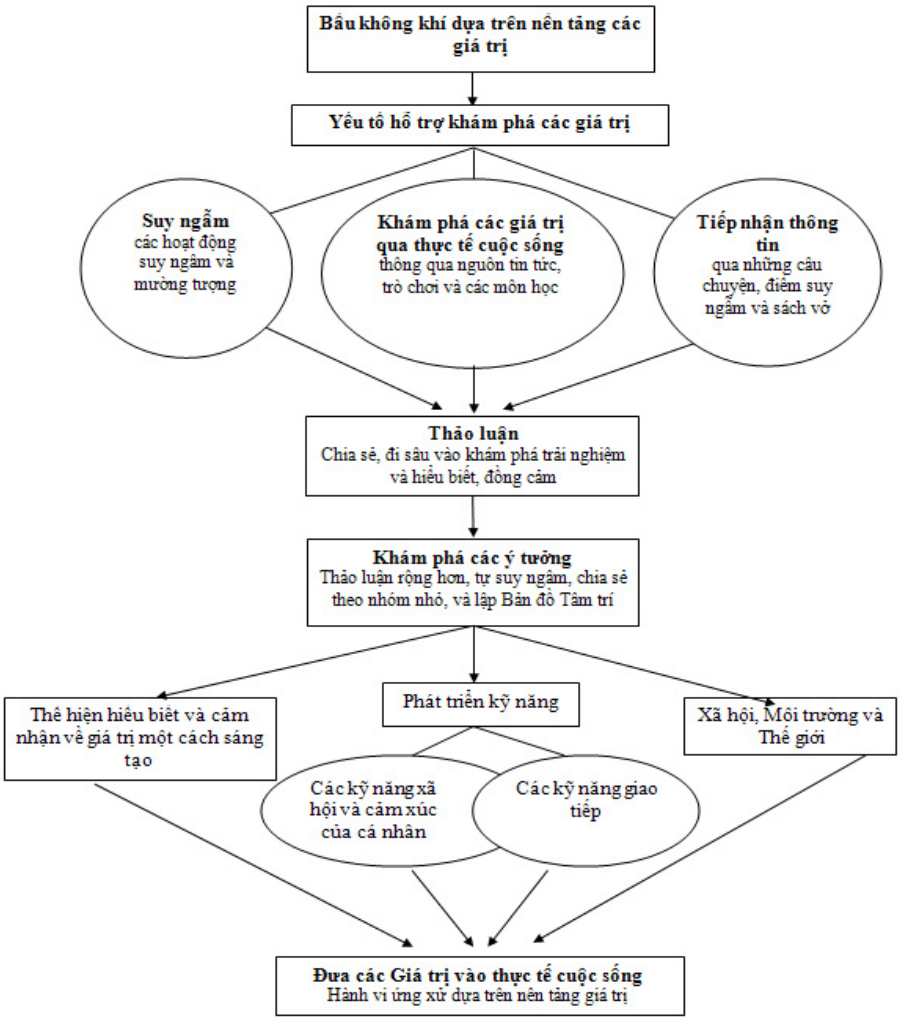

Sơ đồ hoạt động giáo dục giá trị (LVEP)

Với sự thay đổi trong chương trình giáo dục ở các trường phổ thông hiện nay, nhà trường cần quan tâm tìm hiểu một số biện pháp nhằm tổ chức giáo dục giá trị sống cho các em học sinh góp phần đảm bảo mục tiêu giáo dục ở các trường phổ thông.

Một là, xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục

giá trị sống phù hợp với định hướng phát triển giáo dục và thực tiễn của nhà trường.

Hai là, tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống cho đội ngũ giáo viên.

Ba là, giáo viên cần linh hoạt trong việc sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục và kết hợp với việc lồng ghép các nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Bốn là, thực hiện thường xuyên hơn công tác phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội nhằm giáo dục giá trị sống cho học sinh.

3. Kết luận

Giáo dục giá trị sống là một vấn đề cấp thiết và đã được thể hiện trong mục tiêu, nội dung giáo dục ở các bậc học. Việc vận dụng các phương pháp giáo dục giá trị sống là một trong những hoạt động định hướng cho học sinh lựa chọn, xây dựng cho mình những giá trị sống tích cực, phù hợp góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Tổ chức giáo dục giá trị sống cho học sinh cũng chính là thực hiện quan điểm dạy học hướng vào người học nhằm giúp nâng cao năng lực thích ứng với những thách thức của cuộc sống và nâng cao chất lượng cuộc sống của các em. Tuy nhiên, mục đích giáo dục trong nhà trường là phải hình thành cho các em những hành vi và thói quen tích cực. Do đó, khi tổ chức các hoạt động giáo dục, các trường phổ thông cần phải hướng đến giáo dục cho các em có được giá trị sống, kỹ năng sống và thói quen sống vì điều này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện theo định hướng đổi mới giáo dục hiện nay.

Đ.T.K.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Khanh (2014), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

2. Nguyễn Hữu Long (chủ biên) (2016), *Phát triển kỹ năng sống - dành cho lứa tuổi thiếu niên*, Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ.

3. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa (2010), Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho học sinh phổ thông, Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên.

4. Lục Thị Nga, Nguyễn Thanh Bình (2011), *Hiệu trường trường trung học với vấn đề giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và giao tiếp ứng xử trong quản lý*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

ABSTRACT

In the context of the development of technology such as the Internet, the social network has brought the students to approach very quickly. Their approach is diverse, positive and negative. The article aims to address the current situation, analyze, evaluate and propose solutions to educate the values of respect and responsibility in school for the children in the context of the development of social networking today. .

WHAT IS VALUES EDUCATION ALL ABOUT?

Prof.PhD. Terence Lovat*

The first thing we may have to do with values education is change its image and possibly even its name. It sounds altogether too much like a system's latest bright idea, like the participation and equity programme of the 1980s or civics and citizenship education in the 1990s. It risks being dismissed altogether in many public schools which won't really see it as part of their charter. Similarly, it may not be taken seriously in religious schools because they will assume it is already in place in their religious education. So what can we say about values education to change these unhelpful ways of thinking?

Values education goes to the heart of where education began, as a public good designed to make a difference, either as a supplement to what was offered at home or to make up for what was missing at home. The earliest forms of education in Islam were about creating a positive, supportive learning environment geared towards redressing the natural inequities to be found in society. Christendom followed suit in the later Middle Ages with many of contemporary Europe's most exclusive schools and universities having their origins in learning centres for those with limited opportunities from birth.

* Newcastle University - Australia; Glasgow University - UK; Royal Roads University - Canada; Yogyakarta University - Indonesia

In Australia, the tradition was carried on first by the religious schools that pre-dated a formal public system. Mary MacKillop's parish schools of the 1860s onwards were typical in their first and foremost charter to be a positive influence in the lives of young people, to their intellectual development as well as their social and personal development (Modystack, 1985). When formal public education began in the 1870s and 1880s, there was a surprising (for many!) similarity in the charter around these things. The documents of the 1870s and 1880s that contained the charters of the various State and Territory systems witness to a breadth of vision about the scope of education. Beyond the standard goals of literacy and numeracy, education was said to be capable of assuring personal morality for each individual and a suitable citizenry for the soon-to-be new nation.

For instance, the NSW Public Instruction Act of 1880 (cf. NSW, 1912) stressed the need for students to be inculcated into the values of their society, including understanding the role that those values had played in forming their society's legal codes and social ethics, as well as learning to conform to those values in the form of good citizenry. The notion, therefore, that public education is part of a deep and ancient heritage around values neutrality is mistaken and in need of serious revision. The evidence suggests that public education's initial conception was of being the complete educator, not only of young people's minds but of their inner characters as well.

In our own time, this conception is being revived largely because societal changes are impacting on the wider conception of schooling and the role of the teacher. With the greater breakdown of family life as once known, the greater fluidity of the moral authority of religion over the mainstream population, what are seen to be more complex social issues of a heterogeneous society, as well as the global issues of a divided world with powers of self-immolation, the role of the school and the teacher are being called on for more. Increasingly, they are being turned to as major socialising forces, quite beyond those of mere academic tutelage, with assumed power to be able to make some real difference in the

lives of their students. Teachers now often find themselves playing the roles of stand-in parent and even counsellor at the local level, as well as semi-public intellectual about world events.

Clearly, these changes, that have nothing to do with values education per se, have nonetheless created an environment more conducive to the acceptance of values education as a natural attachment to the roles of the teacher and the school. Moreover, the environment is not only conducive to values education as an academic exercise but to it as a practical agency of moral formation.

Whether they like it or not, teachers cannot stand wholly apart from this role any longer. The only questions now are around the extent of the role, the kinds of strategies (including curricula) that the teacher should use in playing this role and, of course, performing evaluation studies that allow us to know how effective or not these strategies are in inculcating the ideas and behaviours associated with moral formation (cf. Lovat & Schofield, 1998; 2004; Lovat et al., 2002).

The conception that the teacher and school are natural agencies of values education has much in common with similar conceptions to be found in contemporary research about the role of the teacher. Much of this conception is contained in the language of 'quality teaching'. Quality teaching has been defined in various ways within different projects (cf. Newman, 1996; Darling-Hammond, 1997; Qld, 1999; NSW, 2000; 2003; Louden at al., 2004; Rowe, 2004). Among the differences, however, there is a discernible pattern that has stretched the conception of 'teacher' beyond its former constraints. Beyond the expected criteria related to qualifications and updated skills, there are more subtle features that speak, for instance of, 'intellectual depth'. This is a concept that identifies the need not only to drive students towards dealing with the full array of facts and details related to any topic (in other words to avoid surface factual learning), but to induct students into the skills of interpretation, communication, negotiation and reflection.

In a word, the teacher's job is well beyond preparing students

for 'get the answer right' standardised testing, but to engage the students' more sophisticated skills levels around features such as 'inter-relational capacity' and 'self-reflection'. Inter-relational capacity takes in many of the dispositions necessary to a highly developed social conscience, and self-reflection may be taken as the basis of a truly integrated and owned personal morality. In other words, it is not just the surface factual learning so characteristic of education of old that is to be surpassed, it is surface learning in general that is to be traded in favour of a learning that engages the whole person in depth of cognition, emotion and self-knowledge.

Quality teaching research has illustrated the true and full power of the teacher to make a difference in student learning not only around the technical (or factual), but around the interpretive (or social) and reflective (or personal) as well (after Habermas, 1972; see also Lovat & Smith, 2003). In the USA, it was the Carnegie Corporation's 1994 Task Force on Learning (Carnegie, 1994) that in many ways impelled the modern era of quality teaching. It represented a turning-point in the dominant conceptions placed on the role of the school and, in turn, on the power of teaching to effect change in student achievement. It also played a part in identifying the range of learning skills that should constitute student achievement. Beyond the more predictable aspects of intellectual development, the Task Force report introduced for the modern era notions of learning concerned with communication, empathy, reflection, self-management and the particularly intriguing notion of self-knowing. It is also explicit in making the point that, while heritage and upbringing can make a difference to the ease with which these forms of learning can be achieved, they are in no way certain predictors of success.

Consistent with the era of quality teaching which the report in some ways ushered in, the final onus is placed on the school and the teacher in making the bigger difference.

In summary, quality teaching illustrates the power of teaching across the range of technical learning (otherwise known as the factual), interpretive learning (otherwise known as the social) and reflective learning (otherwise known as the personal). Quality

teaching has alerted the educational community to the greater potential of teaching, including in such areas as personal and social values inculcation. As such, it has huge relevance for the world inhabited by a comprehensive and exhaustive values education.

These are the underpinning philosophies of teaching which must be understood in order for the modern values education pursuit to be truly saturating of our schooling systems, religious, independent and public. Especially in relation to the public system, it is only through these linkages with the most updated educational theory and teaching philosophy that the words of the Adelaide Declaration on National Goals for Schooling in the Twenty- First Century, and the even sharper words of the 2003 Federal Government Values Education Study (DEST, 2003) and the 2005 National Framework for Values Education (DEST, 2005), will truly capture the hearts and minds of the average teacher.

The Adelaide Declaration (1999) tells us that schooling is to provide young Australians with a foundation for '… intellectual, physical, social, moral, spiritual and aesthetic development,' while the Values Education Study tells us that '… schools are not value-free or value neutral zones of social and educational engagement,' that they are '… as much about building character as … equipping students with specific skills,' and that '… values education is … an explicit goal … aimed at promoting care, respect and cooperation.' (DEST, 2003:12) In a very explicit connection between the goals of values education and the centrality of a quality teaching perspective, the National Framework for Values Education tells us that 'values education reflects good practice pedagogy.' The report makes explicit reference to the language of quality teaching in extending the general notion of good practice pedagogy to incorporate the specific notion of 'good practice values education.' (DEST, 2005:7)

Ken Rowe (Rowe, 2004), one of Australia's leading educational researchers, notes that of all the teacher qualities nominated by those students who achieve best at school, the level of obvious care shown by the teacher towards the student is first and foremost. In other words, the content and substance of values

education has potential to go to the very heart of the power of quality teaching by focussing teacher attention on those features of their professional practice that contemporary research tells us has the major impact on learning. This major impacting feature concerns the relationship of due care, mutual respect, fairness and positive modelling established by the teacher with the student.

We live in a time when our understanding of the role of the teacher and the power of values education is coalescing. No longer is values education on the periphery of the roles to be played by the teacher and the school in our society. It is at the very heart of these roles. Unlike the assumptions that seem to underpin so many of our concerns around structures, curriculum and resources, values education is premised on the power of the teacher to make a difference. While the artefacts of structure, curriculum and resources are not denied, the focus is, appropriate to the insights of the day, on the teacher's capacity to engage students in the sophisticated and life-shaping learning of personal and social moral development.

I suggest that the nature, shape and intent of values education has potential to re-focus the attention of teachers and their systems on the fundamental item of all effective teaching – namely the teachers themselves, the quality of the teachers' knowledge, content and pedagogy, but above all the teachers' capacity to form the kinds of relationships with students which convey their commitment to them as individuals as well as model to them the attitudes and practices of personal integrity and social conscience. I know it's a challenging thought for many who, rightly or wrongly, were trained to think differently about the role of the teacher and the social agency of the school.

However, values education or no values education, we live in a society that is shouting out about a new charter for schooling and teaching. Values education is first and foremost a way of conceiving of that charter as well as a practical instrument by which we might live it out.

References

Adelaide Declaration on National Goals for Schooling in the Twenty-First Century, 1999. Available at: http://www.curriculum.edu.au/mceetya/nationalgoals/natgoals.htm.

Carnegie, every child can learn, Years of Promise: A Comprehensive Learning Strategy for America's Children, 1994. Available at: http://www.carnegie.org/sub/pubs/execsum.html.

Darling-Hammond L, The Right to Learn: A Blueprint for Creating Schools that Work. San Francisco: Jossey- Bass, 1997.

DEST, Values Education Study. Melbourne: Curriculum Corporation, 2003.

DEST, National Framework for Values Education in Australian Schools. Canberra: Department of Education, Science and Training, 2005.

Habermas, J, Knowledge and human interests. (transl. J. Shapiro) London: Heinemann, 1972.

Louden W, Rohl M, Barrat-Hugh C, Brown C, Cairney T, Elderfield J, House H, Meiers M, Rivaland J & Rowe KJ, in teachers' hands: Effective literacy teaching practices in the early years of schooling. Canberra: Australian Government Department of Education, Science and Training, 2004.

Lovat T & Schofield N, Values formation in citizenship education: A proposition and an empirical study. Unicorn 1998; 24: 46–54.

Lovat T & Schofield N, Values education for all schools and systems: A justification and experimental update. New Horizons in Education 2004; 111: 4–13.

Lovat T, Schofield N, Morrison K & O'Neill D, Research dimensions of values education: A Newcastle perspective. In S Pascoe (ed) Values in Education. (pp 125-139) Canberra: Australian College of Educators, 2002.

Lovat T & Smith D, Curriculum: Action on reflection. (fourth edition) Sydney: Social Science Press, 2003. Modystack W, Blessed Mary MacKillop: A woman before her time. Sydney: Lansdowne, 2000.

Newmann F & associates, Authentic achievement: Restructuring schools for intellectual quality. San Francisco: Jossey Bass, 1996.

NSW, Public Instruction Act of 1880 and regulations. Sydney: William Applegate Gullick, 1992.

NSW, Pedagogy for the future: Three year strategic submission NSW. Sydney: NSWDET Quality Teacher Project, 2000.

NSW Quality teaching in NSW public schools, 2003. Available at:

http://www.curriculumsupport.nsw.edu.au/qualityteaching.

Qld, Report of the Queensland school reform longitudinal study. Brisbane: Education Queensland, 1999. Rowe KJ, In good hands? The importance of teacher quality. Educare News 2004; 149: 4–14.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ, TẤT CẢ LÀ GÌ?

Tác giả muốn bàn về hình ảnh và tên gọi của giáo dục giá trị vì không muốn nó giống như những phong trào xã hội ở những tập niên 90s - Nổi lên rầm rộ rồi bị gạt ra ngoài lề sinh hoạt xã hội do những lý do chủ quan hoặc khách quan.

Nội dung giáo dục giá trị có tính kế thừa . Điều này có thể tìm thấy trong các nền giáo dục tôn giáo chẳng hạn như đạo Hồi hay đạo Cơ Đốc.

Giáo dục giá trị trước hết từ trái tim nơi giáo dục bắt đầu những điều tốt đẹp nhất trong cộng đồng được thiết lập làm nên một sự khác biệt hoặc như sự bổ sung cho những khiếm khuyết trong gia đình.

Giáo dục giá trị có tính kế thừa những điều tốt đẹp. Đó là đạo đức cá nhân và trách nhiệm công dân của mỗi người phù hợp với tính công dân ở một quốc gia mới hình thành như nước Úc.

Chất lượng giáo viên về kiến thức, về khả năng sư phạm, khả năng kết nối với học sinh, trở thành hình mẫu về thái độ và hành động của một con người bản lĩnh và lương tâm xã hội cho học sinh, là vấn đề rất đáng chú trọng.

GIÁO DỤC CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG THÔNG QUA GIÁO DỤC DI SẢN VĂN HÓA DÂN TỘC CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

ThS. Nguyễn Thị Kim Loan*
TS. Trần Mai Thanh**

Di sản văn hóa là những giá trị văn hóa tinh túy, tốt đẹp nhất đã vượt qua sự thẩm định khe khắt của thời gian để tồn tại cùng với dân tộc trong thời đại mới. Di sản văn hóa là nền tảng tinh thần quan trọng để duy trì một xã hội ổn định và phát triển. Chọn lựa các giá trị văn hóa từ quá khứ để duy trì như khối di sản văn hóa cần phát huy trong thời đại mới thể hiện bản lĩnh, sự khôn ngoan và thông thái của mỗi dân tộc. Một cái cây không thể vươn cao cành lá, đơm hoa kết trái nếu nó không có một cái gốc vững mạnh, trường tồn. Chính vì thế giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống – một bộ phận quan trọng của di sản văn hóa dân tộc là một việc làm vô cùng quan trọng và cấp thiết, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm duy trì truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc để những giá trị văn hóa truyền thống tiếp tục tham gia vào quá trình bồi đắp tâm hồn, trí tuệ và bản lĩnh cốt cách của con người Việt Nam thế hệ trẻ.

Ý thức được vai trò của di sản văn hóa trong việc bồi đắp tâm hồn, trí tuệ, tu dưỡng, rèn luyện nhân cách thế hệ trẻ, ngày 16/01/2013 Bộ Giáo dục và đào tạo cùng Bộ Văn hóa Thể thao

* Đại học nội vụ Hà Nội
** Đại học Văn hoá Hà Nội

và Du lịch đã ban hành hướng dẫn sử dụng giá trị di sản văn hóa trong giáo dục tại các trường phổ thông và Trung tâm giáo dục thường xuyên. Bản hướng dẫn này quy định rõ Phương thức tổ chức dạy học các nội dung di sản văn hóa trong trường phổ thông, trung tâm GDTX là:

- Lồng ghép nội dung dạy học di sản văn hóa vào các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông (nội khóa hoặc ngoại khóa).

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy học, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao có chủ đề liên quan đến di sản có tính chất điển hình và hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu, khai thác các nội dung khác của di sản văn hóa thông qua tư liệu, hiện vật. Tổ chức chăm sóc di tích, các hoạt động giáo dục tại di tích.

- Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp:

a) Dạy học trên lớp hoặc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tại nhà trường;

b) Dạy học tại nơi có di sản văn hóa;

c) Tổ chức tham quan - trải nghiệm di sản văn hóa;

d) Dạy học thông qua các phương tiện truyền thông, đa phương tiện;…"[xem 1; mục 3.1]

Bên cạnh việc quy định các phương pháp giáo dục di sản nêu trên, Bộ giáo dục và Đào Tạo còn biên soạn bộ tài liệu sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông. [xem 5]

Tuy nhiên kể từ năm 2013, khi có hướng dẫn về vấn đề giáo dục di sản trong trường phổ thông đến nay, việc giáo dục các giá trị di sản còn gặp nhiều bất cập. Các trường chủ yếu mới sử dụng hình thức ngoại khóa như thăm quan di tích lịch sử, tổ chức liên hoan văn nghệ... để thể hiện nội dung giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông. Các hình thức này tuy có phát huy hiệu quả, nhưng thực chất việc giáo dục như vậy còn thiếu tính hệ thống, đồng bộ và vì thế các giá trị văn hóa truyền thống trong di sản văn hóa chưa thực sự thấm sâu vào tâm trí của các em như những nền tảng tinh thần vững chắc. Bài viết này muốn bàn về một số phương thức giáo dục giá trị văn hóa truyền thống thông qua giáo

dục di sản văn hóa tại các trường phổ thông, nhằm nâng cao hiệu quả của việc giáo dục các giá trị truyền thống trong nhà trường.

Chúng tôi cho rằng, các giá trị truyền thống quan trọng nhất, nằm trong khối di sản văn hóa dân tộc cần thiết phải đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường phổ thông kể từ cấp tiểu học là các giá trị đạo đức truyền thống và các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống.

1. Giáo dục đạo đức truyền thống

Trong các giá trị di sản văn hóa, một bộ phận quan trọng nhất chính là hệ các giá trị đạo đức và chuẩn mực ứng xử. Đây là nhưng giá trị đã được tích lũy ngàn đời và được thể hiện rõ nét trong các quy tắc, chuẩn mực ứng xử của các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Nó cũng chính là nền tảng để điều chỉnh các hành vi của con người trong xã hội, làm con người có thể chung sống cùng nhau một cách hài hòa, giữ cho xã hội ổn định và phát triển. Do đó việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống cho thế hệ trẻ ngay từ khi là học sinh các bậc tiểu học, trung học là vô cùng quan trọng. Nó sẽ góp phần dưa các giá trị lâu đời đó thấm sâu vào tâm hồn và trí tuệ của mỗi học sinh, chủ nhân tương lai của đất nước. Những giá trị đạo đức đó gồm, các giá trị mang tính nhân văn, đặc trưng cho bản sắc của con người Việt Nam như lòng tự tôn, ý thức dân tộc, lòng yêu nước, yêu hòa bình, tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, sự quan tâm, chia sẻ với cộng đồng, tinh thần trách nhiệm, đặc biệt là sự trung thực và tự trọng... Giáo dục các quy tắc ứng xử sao cho phù hợp với hệ giá trị truyền thống, đó là cách ứng xử lễ phép, tôn trọng người khác, nhân văn, tôn sư trọng đạo, kính trên nhường dưới, nhã nhặn,lịch sự...

Việc chọn lựa những giá trị quan trọng từ truyền thống để đưa vào chương trình giáo dục phổ thông là một việc làm không hẳn dễ dàng, Bởi vì không phải tất cả các giá trị truyền thống đều còn phù hợp với đời sống hiện đại. Có những giá trị ngày nay có thể đã lỗi thời, lạc hậu. Muốn các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp được phát huy trong đời sống hiện đại, nhà trường cần phải quan tâm, đưa chúng vào chương trình học tập.

Phương thức giáo dục phù hợp, theo chúng tôi chính là:

- Lồng ghép các giá trị đó vào nhiều môn học khác nhau trong chương trình học như văn học, lịch sử, giáo dục công dân, đạo đức...để các giá trị đó thấm nhuần vào cảm xúc và trí tuệ của các em một cách tự nhiên.

- Luôn luôn định hướng cho các em các quy tắc ứng xử trong quá trình giao tiếp ở trong trường học, gia đình và xã hội. Các thầy cô giáo phải là tấm gương để các em noi theo

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục tính cộng đồng và kỹ năng lao động cho các em

Hiện nay, nhiều học sinh có thái độ thờ ơ, vô cảm với cộng đồng, thiếu sự chia sẻ và cảm thông với người khác thậm chí với cả những thành viên trong gia đình, lười lao động. Một số em gây gổ, hỗn xược với người lớn tuổi, thậm chí cả với thầy cô...đó là hệ quả của việc giáo dục các giá trị văn hóa đạo đức truyền thống của chúng ta còn chưa thật sự tốt.

Mọi so sánh đều là khập khiễng, nhưng thế hệ học sinh những năm 60,70 rõ ràng là trung thực trong học tập hơn, lễ phép trong cư xử hơn và yêu lao động, có kỹ năng lao động hơn so với thế hệ sau này. Phong trào thiếu nhi với các hoạt động chia sẻ cộng đồng có tính thường xuyên và hàng ngày như giúp bạn khó khăn, làm vệ sinh đường phố, làng xóm, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sỹ... làm các em có lỗi suy nghĩ và ứng xử nhân văn và quan tâm hơn rất nhiều. Ngày nay, học sinh chịu quá nhiều áp lực về việc học kiến thức, học chính rồi học thêm, không có thời gian để lao động giúp gia đình, không có thời gian tham gia các hoạt động chia sẻ cộng đồng thường xuyên tại nơi cư trú...vì vậy sinh ra tính vô cảm, không quan tâm đến gì khác ngoài bản thân.

Việc giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống trong nhà trường vì thế nên tiến hành đồng bộ kết hợp giữa lồng ghép các giá trị đạo đức vào các kiến thức của các môn học khoa học xã hội và nhân văn với các hoạt động cộng đồng và lao động tập thể. Và việc định hướng, uốn nắn trong giao tiếp hàng ngày. Đồng thời cần nghiêm túc nghiên cứu giảm tài việc học kiến thức một cách giáo điều, máy móc, việc học thêm tràn lan hiện nay để dành thời gian cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức truyền thống

một cách mềm mại và tự nhiên, học đi dôi với hành, học qua sách vở, qua cuộc sống và qua hoạt động.

2. Giáo dục các giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường

Nghệ thuật truyền thống là những giá trị tinh hoa được chắt lọc rất lâu đời, thể hiện sự sáng tạo và phản ánh tâm hồn, tình cảm , khát vọng sống của mỗi cộng đồng tạo ra các loại hình nghệ thuật đó có bản sắc văn hóa của mỗi vùng, miền, địa phương và quốc gia. Những giá trị này được kết tinh trong các loại hình văn hóa nghệ thuật đặc trưng như dân ca, múa rối nước, tuồng, chèo, cải lương, đờn ca tài tử,... Những loại hình này nghệ thuật này rất gần gũi với đời sống của mỗi một cộng đồng địa phương. Tiếc thay, hiện nay thế hệ trẻ không biết gì nhiều về những giá trị tuyệt vời này. Thay vì yêu quý, say mê, tự hào về chúng thì các em hầu như không cảm nhận được cái hay, cái đẹp của chúng. Thế hệ trẻ thích những cái lạ, cái mới dược du nhập một cách dễ dãi vào đời sống hiện đại, mà bỏ qua những tinh hoa ngàn đời của cính cha ông mình. Đó là một thực trạng đáng ngại. Nó làm nghèo nền văn hóa dân tộc, nghèo đi tâm hồn của thế hệ trẻ chúng ta.

Trên thế giới, họ rất quý trọng các giá trị truyền truyền và quan tâm đến việc giáo dục các giá trị này một cách nghiêm túc. Ví dụ, người Ấn Độ rât tự hào về nghệ thuật múa của mình (một bộ môn nghệ thuật rất khó, nhưng rất tuyệt vời) nên họ đã có ý thức trong việc bảo tồn giá trị truyền thống này bằng cách giáo dục thế hệ trẻ bộ môn này một cách nghiêm túc. Ngay từ tiểu học, trẻ em Ấn Độ đã học múa cùng với văn và toán như một môn học chính khóa. Môn học này một mặt cho các em lòng yêu mến với nghệ thuật truyền thống dân tộc, mặt khác nó như một môn rèn luyện thể chất tuyệt vời và một môn giải trí hữu hiệu sau những giờ học văn, toán và các kiến thức khác. Chính vì thế, mặc dù múa Ấn Độ rất khó, nhưng ai cũng biết múa và ai cũng yêu thích nhảy múa, phần lớn họ đều múa rất thành thạo.

Đối với chúng ta, việc giáo dục các giá trị nghệ thuật truyền thống trong nhà trường những năm gần đây làm chưa tốt. Hầu như không mấy ai quan tâm đến việc giaó dục thế hệ trẻ biết yêu và

thưởng thức nghệ thuật truyền thống. Trong một cuộc khảo sát sơ bộ các em sinh viên tại Trường Đại học Nội vụ Hà Nội, có tới 90% sinh viên không hề biết gì về chèo, tuồng, quan họ Bắc Ninh. Tuy nhiên khi nhà trường tổ chức nói chuyện chuyền đề và diễn minh họa về tuồng cổ cho sinh viên xem thì kết quả khong ngờ là các em rất yêu thích, nên đã gọi điện rủ thêm bạn bè các khoa khác đến mỗi lúc một đông, giao lưu với các nghệ sỹ trong đó có cố nghệ sỹ Hán Văn Tình một cách rất trân trọng và hứng thú. Nhiều em còn chia sẻ trên trang FB cá nhân của mình rằng:"Không ngờ tuồng cổ lại có thể hay đến thế, tuyệt vời đến thế". Điều này cho thấy, chỉ cần giáo dục, giảng dạy và hướng dẫn các em thưởng thức các bộ môn nghệ thuật dân gian truyền thống từ nhỏ, chắc chắn sẽ hình thành một tình yêu sâu sắc với các bọ môn nghệ thuật đó.

Việc giáo dục các giá tri nghệ thuật truyền thống cho học sinh phổ thông hiện nay mỗi ngày càng trở nên cấp thiết, một mặt vì những giá trị tuyệt vời ấy chắc chắn sẽ góp phần không nhỏ vào việc giáo dục nhân cách cho các em một cách mềm mại, tự nhiên không hề khô cứng,, giáo điều, măt khác số nghệ nhân có thể truyền dạy những bộ môn này ngày càng trở nên ít ỏi, nguy cơ bị mai một các giá trị này rất lớn.

Để đưa các giá trị nghệ thuật truyền thống vào chương trình giáo dục phổ thông, cần phải nghiên cứu dành mọt thời lượng nhất định cho môn học này, có thể mỗi tuần 2 tiết học từ lớp 1. Nội dung học không đóng cứng là mọi trường đều học như nhau mà có thể để các trường tự nghiên cứu và lựa chọn. Nên dạy chính các môn nghệ thuật đang phát triển tại địa phương. Ví dụ, các trường Bắc Giang, Bắc Ninh nên dạy học sinh hát quan họ, các trường tại Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình dạy hát chèo, cách trường Nghệ An, Hà Tĩnh dạy hát ví dặm, các trường miền Tây Nam bộ dạy đờn ca tài tử...Chọn dạy các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống địa phương cho học sinh phổ thống chính là một cách bảo tồn tốt nhất các giá trị này, đồng thời cũng là một cách hữu hiệu để các giá trị tinh túy này góp phần bồi dưỡng nhân cách và tâm hồn thế hệ trẻ**.**

Tóm lại, giáo dục cho học sinh phổ thông các giá trị truyền thống bên cạnh việc giáo dục các kỹ năng sống, kiến thức khoa

học là một việc cần phải tiến hành đồng bộ và có tính hệ thống. Cần tập trung vào hai tiểu hệ thống giá trị truyền thống nằm trong di sản văn hóa dân tộc, đó là giá trị đạo đức truyền thống và giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống. Để nâng cao hiệu quả giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống này, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị sau đây:

1. Bộ giáo dục nên nghiên cứu kỹ, lựa chọn những giá trị phù hợp với thời đại mới để lồng ghép vào sách giáo khoa các môn học khoa học xã hội và nhân văn trong nhà trường, đồng thời gợi mở các em suy nghĩ về cách chọn lựa các giá trị, phê phán những giá trị đã lỗi thời, những thói hư tật xấu nhằm kích thích sự sáng tạo và tư duy độc lập của các em trong quá trình hòa nhập vào đời sống xã hội;

2. Các trường học nên tổ chức và có chính sách khuyến khích các hoạt động ngoại khóa có tính phong trào chia sẻ cộng đồng, tương thân tương ái, lao động công ích một cách thường xuyên như phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sỹ, vệ sinh khu dân cư, giúp đỡ bạn khó khăn... để giáo dục các em tinh thần đoàn kết, sự quan tâm đến mọi người, tăng cường kỹ năng lao động.

3. Bộ giáo dục nên nghiên cứu giảm tải việc học kiến thức, dành một thời lượng nhất định, có thể chỉ 2 tiết học một tuần, và giao cho các trường chủ động mời nghệ nhân tại địa phương đến dạy các em học dạng thực hành các loại hình văn hóa nghệ thuật của địa phương;

4. Cần xây dựng chương trình tập huấn các loại hình nghệ thuật địa phương cho các giảng viên dạy nhạc, hoạ của trường để họ có thể dần dần đảm nhiệm nhiệm vụ dạy cho học sinh các loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống.

N.T.K.L - T.M.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn sử dụng di sản văn hóa trong giáo dục phổ thông. Công văn Số: 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL của Bộ giáo dục đào tạo và Bộ Văn hóa Thể thao Du lịch, ngày 16/01/2013

2. Nguyễn Thị Kim Loan (ch.b.) (2012), *Quản lý di sản văn hóa:* giáo trình dành cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành quản lý văn hóa, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Lương Hải Hà (2018). *Tầm quan trọng của giáo dục các giá trị di sản văn hóa phi vật thể cho học sinh trường trung học cơ sở.* Đăng tại http://thcstanmy.tpbacgiang.edu.vn/tin-tuc-su-kien/tam-quan-trong-cua-giao-duc-di-san-van-hoa-phi-vat-the-cho-h.html

4. Thu Quỳnh (2017), *Liên kết giữa di sản và nhà trường : Sức sống của giáo dục di sản,* http://tiasang.com.vn/-doi-moi-sang-tao/Lien-ket-giua-di-san-va-nha-truong-Suc-song-cua-giao-duc-di-san-1073

5. Tài liệu sử dụng các giá trị của di sản văn hóa trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường phổ thông / Bộ giáo dục và Đào tạo b,s,,

HÌNH THÀNH CÁC GIÁ TRỊ MỘT CÁCH TỰ NHIÊN VÀ ĐẦY NIỀM ĐAM MÊ TRONG BỘ SÁCH GIÁO KHOA MÔN ĐẠO ĐỨC MỚI

Nguyễn Hoa Mai*

Bùi Thị Hoàng Lan Anh Khánh**

1. Dẫn nhập

Những giây phút chào đời đầu tiên của một em bé khi nằm trong vòng tay của bố mẹ, em bé đã bắt đầu học. Những câu hỏi trong quá trình lớn lên của một đứa trẻ như: Mình có dễ thương không? Tôi có thể tin tưởng vào điều gì? Điều gì thực sự quan trọng trong cuộc sống? v.v…

Giá trị được hiểu là các nguyên tắc đạo đức bên trong mang lại ý nghĩa cho cuộc sống. Giá trị mang đến ý nghĩa cho sự tồn tại của con người. Giá trị không được nhìn thấy như một vật cụ thể nhưng mang lại cho đời sống con người hạnh phúc, niềm tin và khát vọng và những mối quan hệ tốt đẹp trong cộng đồng. Các giá trị thực sự cần thiết cho một đời sống hạnh phúc và sự khoẻ mạnh về thể chất. Tưởng tượng giá trị là gốc rễ của một cái cây. Gốc rễ giúp cho cây bám chắc vào đất, cung cấp dưỡng chất và nước cho cây. Gốc rễ rất cần thiết cho sự sống của cây. Nó cho phép phần còn lại của cây phát triển và sum suê. Phần gốc rễ này thường không được nhìn thấy, nhưng không có chúng cái cây sẽ héo tàn và chết đi.

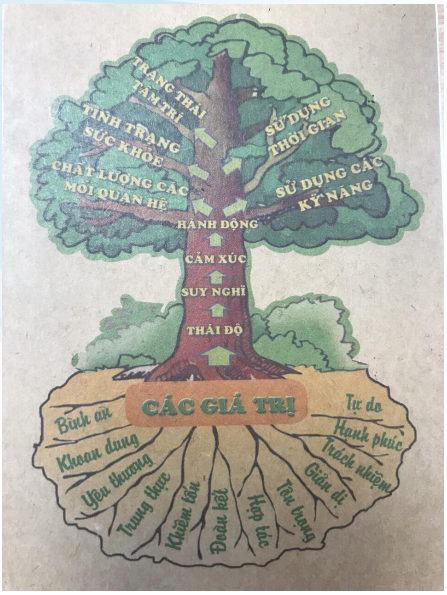

(Hình ảnh của: Living Values Education Program – LVEP)

Giá trị cũng có thể được hiểu là những niềm tin cơ bản, làm nền cho chúng ta hiểu điều đúng từ điều sai, giúp chúng ta cân bằng. Giá trị đề cao cuộc sống riêng của chúng ta và cuộc sống của những người khác. Giá trị chỉ trở thành hiện thực khi mang lại lợi ích cho người thực hiện hành vi trên nền giá trị và người nhận được hành vi tốt đẹp đó.

Chúng ta hiểu như thế nào là một người trưởng thành? Sự trưởng thành được hiểu là hệ quả từ cách chúng ta sống với người khác, cách chúng ta hành xử trong thế giới này. Làm thế nào để giúp một đứa trẻ trưởng thành là một người "có giá trị", một món quà có thể nâng đỡ con em chúng ta trong suốt cuộc đời. Người lớn luôn là tấm gương cho thế hệ trẻ. Làm gương là một lối thức quan trọng nhất trong giảng dạy, vì vậy nó cần phù hợp và chân thành. Những sức hút trong giai đoạn công nghệ phát triển như ngày nay rất lớn đối với các em. Truyền hình, phim ảnh, video và game điện tử cũng ảnh hưởng đến các giá trị mà trẻ học được. Các bậc cha mẹ và giáo viên không chỉ dạy mà chúng ta sống với các giá trị nền tảng. Khi chúng ta cùng nhau giáo dục giá trị cho trẻ em, chúng ta cũng tìm thấy được bản thân mình và tin tưởng vào các giá trị mà chúng ta chọn.

Một khi các hành xử trong đời sống hằng ngày trên nền các giá trị và trở thành thói quen – chúng ta thực sự sống cùng các giá trị. Trên đường phố có một vụ va quẹt xe hoặc trong sân trường có hai em học sinh chạy và lỡ cụng đầu vào nhau. Điều mà người trong cuộc quan tâm sau sự việc đó là gì? Họ quan tâm đối phương có bị thương tích hay không, hay họ quan tâm ai đúng ai sai, hay họ quan tâm họ bị thiệt hại gì, hay họ quan tâm về cái sai của người khác, quan tâm đến sự phán xét họ và có những hành động tiếp theo làm tổn thương nhau? Điều này phụ thuộc vào việc trong trái tim bạn có sự quan tâm đến điều gì. Điều gì quan trọng hơn đối với bạn. Bạn sẽ hành động theo những giá trị đã được hình thành bên trong.

Giáo dục giá trị theo cách "khẩu hiệu" như: "Bạn cần phải làm như thế này, vì như thế này thì mới chứng tỏ bạn là một người như thế này." đã trở nên không còn phù hợp trong thế giới hiện đại. Chúng ta chỉ có thể cho rằng một hành xử là phù hợp hay không phù hợp trong cộng đồng. Mỗi cá nhân sẽ tự điều chỉnh cách hành xử và có thể sống cùng nhau trên nền các giá trị chung.

2. Cách thức đưa giáo dục giá trị vào Sách giáo khoa môn Đạo đức mới tại TPHCM

Bộ sách giáo khoa môn Đạo đức mới bậc Tiểu học bao gồm các chủ đề theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục, mỗi cấp lớp có 8 chủ đề trong một năm học, thời lượng dự kiến 4 tiết cho một chủ đề. Với mỗi chủ đề chúng tôi thiết kế 4 hoạt động chính: Khám phá, Trải nghiệm, Thấu hiểu và Vận dụng. Bộ sách gồm 3 loại sách: Sách Giáo khoa (SGK) và sách Thực hành (STH) dùng cho học sinh, sách Hướng dẫn giảng dạy (HDGD) dành cho giáo viên và cha mẹ.

Từ những yêu cầu cần đạt cốt lõi của Bộ Giáo dục, chúng tôi chi tiết hoá với các yêu cầu cụ thể về Giá trị, Thái độ và Năng lực cho mỗi chủ đề. Giá trị nhân bản và lối sống tích cực luôn là mục tiêu cho yêu cầu về Giá trị. Thái độ là tích cực và hợp tác luôn được khuyến khích và truyền tải nhiều sự động viên. Đối với yêu cầu về năng lực là một điểm trọng tâm của Chương trình Giáo

dục phổ thông mới, năng lực chung và năng lực chuyên môn luôn được đề cập chi tiết đối với từng chủ đề.

Tên gọi bốn hoạt động chính của mỗi chủ đề gồm Khám phá, Trải nghiệm, Thấu hiểu và Vận dụng xuyên suốt cho tất cả các chủ đề trong bộ sách giáo khoa Đạo đức tiểu học. Đối với hoạt động Khám phá, các hoạt động được tổ chức giúp học sinh khám phá giá trị một cách tự nhiên và khơi gợi đam mê bên trong. Hoạt động trải nghiệm là một bước sâu hơn, các hoạt động hướng tới sự cảm nhận, thẩm thấu qua các hoạt động làm sản phẩm bằng cả trái tim. Hoạt động Thấu hiểu là những giờ phút thư giãn học sinh được nghe kể chuyện. Những câu chuyện được chọn lọc về giá trị của chủ đề. Học sinh sẽ có thời gian thảo luận sau đó, phương pháp tư duy phản biện (critical thinking) được áp dụng trong việc thảo luận với nhau để từ đó học sinh bật được giá trị tự bên trong. Có thể hình dung hoạt động Thấu hiểu là những giây phút thăng hoa các giá trị. Hoạt động Vận dụng rất phóng khoáng và linh hoạt với những hành động cụ thể của các em trên nền giá trị. Các em có thể đưa ra các cách xử lí tình huống tích cực mang lại một bầu không khí của giá trị với sự ấm áp, đầy chia sẻ, yêu thương, được truyền từ người này đến người khác, hạnh phúc lan toả. Giá trị được "kích hoạt" qua mỗi chủ đề, các em sẽ dần tạo thành thói quen khi hành xử trong đời sống hằng ngày.

Giáo viên, ba mẹ và học sinh cùng tham gia vào các trải nghiệm học tập. Sự hợp tác của ba đối tượng trên luôn được nhắn gửi đến cha mẹ và thầy cô qua từng chủ đề trong sách HDGD. Các thông tin và hoạt động được cung cấp trong sách phù hợp cho việc học ở trường, ở nhà và trong cộng đồng. Tất cả chúng ta, học sinh, thầy cô giáo và cha mẹ sống cùng với các giá trị. Để làm được điều này, sách hướng dẫn giảng dạy thực sự là kênh quan trọng và hữu ích cho việc bổ trợ các hoạt động trên lớp, ở nhà và cộng đồng. Sự kết nối giữa cha mẹ và thầy cô trong sự đồng hành cùng học sinh rõ ràng hơn.

*Cấu trúc sách HDGD gồm 7 phần:

1. Lời nhắn gửi

2. Yêu cầu cần đạt

3. Đồng hành cùng Ba Mẹ

4. Hướng dẫn hoạt động

- Khám phá
- Trải nghiệm
- Thấu hiểu
- Vận dụng

5. Kết nối cộng đồng

6. Đọc thêm

7. Lượng giá

Ví dụ minh hoạ:

Chủ đề Trung thực – Thật thà của lớp 1

Lời nhắn gửi là những chia sẻ quan điểm của tác giả về giá trị Thật thà, niềm tin về giá trị và sự thành công của tất cả chúng ta, học sinh, ba mẹ và thầy cô đồng hành cùng giáo dục và sống với giá trị này.

Lời nhắn gửi

Đối với trẻ em hay người lớn, hằng ngày chúng ta phải đối diện với nhiều tình huống như thử thách lòng thật thà, ngay thẳng của chúng ta. Vậy chúng ta hiểu thật thà là như thế nào?

Thật thà là nói đúng sự việc đã xảy ra, nói đúng hoàn toàn sự thật. Giá trị thật thà luôn hiện diện trong cuộc sống và tồn tại trong cuộc sống như một chân lí. Chúng ta hoàn toàn có thể giúp trẻ tự nhận ra được chân lí đó. Trẻ sẽ tự nhận ra được rằng thật thà là một giải pháp tốt nhất trong sinh hoạt của mình. Thật thà luôn luôn là một giải pháp mà trẻ cảm thấy mình bình an và tự tin. Đơn giản một câu nói: "Bố ơi, con đã lỡ đá trái banh làm vỡ kính nhà bác Trung." Đó là sự thật thà. Khi đón nhận câu nói này của trẻ, người lớn chúng ta sẽ hành xử như thế nào? Dễ thấy rằng, người bố không có mặt ngay lúc trẻ làm vỡ kính. Chúng ta sẽ la mắng trẻ vì trẻ là làm hỏng một đồ vật có giá trị? Hay chúng ta

ghi nhận được trẻ đã nói một sự thật và giúp trẻ tự nghĩ ra một giải pháp sau khi trẻ đã lỡ làm việc đó.

Trong khả năng của mình trẻ hoàn toàn có thể đưa ra những giải pháp mà không làm buồn lòng những người trong cuộc.

Để nói được một câu thật thà và đối diện với sự thật, trẻ phải vượt qua chính mình, đòi hỏi một sự can đảm lớn. Người lớn chúng ta hoàn toàn có thể giúp đỡ trẻ dũng cảm và thấu hiểu được giá trị thật thà. Trẻ sẽ tự nhận ra được từ bên trong rằng khi em thật thà em luôn nhận được sự tin yêu, khi em thật thà em thấy mình rõ ràng, khi em thật thà em có thể học và giúp người khác học cách đối diện với bản thân và chiến thắng bản thân. Em thật thà em sẽ luôn nhận được những phần thưởng rất lớn về tinh thần mà em không ngờ tới trong cuộc sống của mình.

Thật thà thật sự là một chìa khoá cho các mối quan hệ trong gia đình và xã hội. Hạnh phúc từ bên trong sẽ được nảy nở khi giá trị đó được thể hiện qua hành xử và mang lại niềm vui, sự hài lòng cho những người trong cuộc.

Chúng ta mong muốn trẻ về:

Giá trị
• *Thật thà là nói đúng sự việc đã xảy ra.* • *Người thật thà luôn được tin yêu.*

Thái độ
• *Luôn nói sự thật.* • *Không tham lam, học và giúp người khác học cách cho đi.*

Năng lực

- *Hợp tác*
- *Xây dựng lòng tin.*
- *Xây dựng tình bạn tốt đẹp.*

Đồng hành cùng ba mẹ là những gợi ý gửi đến ba mẹ trong các tình huống có thể xảy đến với trẻ trong các tương tác tại gia đình. Ba mẹ có thể giúp đỡ trẻ đưa ra các quyết định mang lại sự tốt đẹp cho các mối quan hệ trên nền các giá trị.

Đồng hành cùng ba mẹ

Ba Mẹ thân mến,

Giá trị thật thà là một trong những nền tảng gầy dựng gia đình và xã hội tốt đẹp. Chúng ta có thể giúp trẻ hiểu và sống theo giá trị này qua cuộc sống hằng ngày. Ba Mẹ luôn là một nguồn khích lệ lớn giúp trẻ luôn tự tin khi hành xử với giá trị thật thà. Trong cuộc sống trẻ luôn giáp mặt với những tình huống mà bản thân trẻ phải tự đưa ra quyết định. Có những tình huống trẻ có thời gian tham khảo ý kiến của người lớn, có những tình huống trẻ cần phải đưa ra quyết định ngay. Dù trong tình huống nào trẻ vẫn luôn hiểu thấu giá trị thật thà và đưa ra quyết định mang lại sự tốt đẹp và trẻ cảm thấy hạnh phúc khi người khác hạnh phúc.

*** Ghi nhận và khích lệ**

Ba Mẹ đừng quên khen con khi con có hành xử chân thật với người thân trong nhà, với bạn bè và mọi người xung quanh. Một lời khích lệ luôn là động lực giúp con tự tin hơn vào bản thân. Con cảm thấy hạnh phúc mỗi khi hành xử thật thà để dần tạo thành một thói quen.

***Trẻ thường làm theo**

Trẻ *con thường làm theo người lớn và bạn bè xung quanh.*

Chúng ta cần giúp trẻ nhìn nhận đúng sự việc và không bị lệch lạc khi xung quanh trẻ có thể nhìn thấy những điều không thật diễn ra trước mắt mình.

*** Đôi khi người lớn quên giữ lời hứa**

Trong cuộc sống nhiều bận rộn, đôi khi ba mẹ quên làm một việc nhỏ đã hứa với con. Điều này vô tình trở thành một thói quen và con trẻ ghi vào não việc không thực hiện một lời hứa là điều bình thường. Ba mẹ thật cân nhắc khi phát ra một lời hứa với con và giữ lời hứa như một cam kết.

*** Khi trẻ lỡ nói dối**

Ai cũng có thể mắc sai lầm. Trẻ con cũng vậy. Đôi khi trẻ lỡ nói dối, trẻ lỡ hành xử không thật thà. Ba Mẹ sẽ xử trí như thế nào đây? Chúng ta sẽ la mắng con? Chúng ta sẽ chỉ trích rằng: "Con thật là tệ vì con nói dối"? Chúng ta sẽ nói rằng: "Con làm như vậy là không được"?

Chúng ta hãy cùng xem thử hai câu hỏi sau:

"Bây giờ mẹ con mình sẽ cùng nghĩ xem nhé?"

"Theo con, bây giờ con sẽ làm gì để mọi việc tốt đẹp hơn?"

Những câu hỏi như vậy sẽ giúp trẻ không bối rối và bình tĩnh tìm cách giải quyết tình huống và đối diện sự thật. Bên cạnh đó, chúng ta cho trẻ những khoảng lặng, những lúc yên tĩnh để trẻ suy nghĩ và tự tìm ra giải pháp. Sau đó trẻ sẽ trao đổi với ba mẹ và chúng ta sẽ đồng lòng, khích lệ trẻ đối diện với sự việc một cách dũng cảm. Chúng ta luôn cùng con và tiếp thêm sức cho con vượt qua chính mình, hành xử thật thà. Dù rằng để làm việc đó đối với trẻ là điều không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng chúng ta tin rằng trẻ sẽ làm được.

*** Những câu chuyện thật về thật thà**

Ba mẹ có thể cùng con đọc những mẩu chuyện trong sách báo về chân thật. Những mẩu chuyện như một em học sinh nghèo nhặt được một số tiền lớn và gửi trả lại người bị mất. Những mẩu chuyện thật về dám nhận trách nhiệm trong cộng đồng. Ba mẹ và con có thể cùng trao đổi và tôn vinh những điều tốt đẹp đó và ca ngợi cuộc sống thật tuyệt diệu.

Hướng dẫn hoạt động bao gồm sự hướng dẫn chi tiết các hoạt động chính của chủ đề: Khám phá, Trải nghiệm, Thấu hiểu và Vận dụng. Các hoạt động giúp "kích hoạt" các giá trị một cách tự nhiên và đầy niềm đam mê khi học sinh thực sự cảm nhận sâu và sống cùng các giá trị qua các hoạt động. Học sinh tự bản thân nhận ra các giá trị và hạnh phúc khi hành xử trên nền tảng các giá trị. Các hoạt động này phong phú và đa dạng tuỳ chủ đề. Tuy nhiên phần này không mang tính áp đặt với người dạy. Giáo viên có thể sáng tạo trên nền tảng các tiêu chí của 4 hoạt động chính giúp học sinh thăng hoa với các giá trị.

Minh hoạ dưới đây là phần hướng dẫn đối với chủ đề Thật thà.

Hướng dẫn hoạt động

Hoạt động 1 – "KHÁM PHÁ"

Chuẩn bị: Bút chì
Một hộp bút
Stickers mặt cười

Khởi động: Cả lớp cùng múa hát vui tươi khởi động tinh thần sẵn sàng cho một chủ đề mới. (5 phút).

Hoạt động nhóm (20 phút):

+ Học sinh quan sát bốn hình ảnh một tình huống học sinh bỏ quên hộp bút và nhận lại được từ hai người bạn trong lớp - trang 2 & 3/SGK.

+Nhóm học sinh sắm vai diễn tình huống theo bốn bức tranh. Học sinh diễn tình huống.

Mỗi học sinh xử lí bốn tình huống thực tế, trang 4-5/SGK (10 phút).

Hoạt động 2 – "TRẢI NGHIỆM"

Chuẩn bị: Giấy A4 (1/2 lớp, mỗi học sinh 1 tờ)

Viên đá trắng hoặc xanh (1/2 lớp, mỗi học sinh 10 viên)

Stickers mặt cười và mặt buồn

Học sinh cả lớp được chia làm 2 nhóm số lượng đều nhau.

+ Nhóm 1: Gấp thúng bằng giấy A4.

+ Nhóm 2: Chuẩn bị 10 viên đá xanh (hoặc sỏi trắng) đã được làm sạch cho mỗi học sinh.

Hai nhóm đứng thành 2 vòng tròn đồng tâm (hoặc sắp xếp sao cho học sinh đứng thành cặp đôi). Vòng tròn bên trong là nhóm 1, vòng tròn bên ngoài là nhóm 2. Như vậy, một học sinh của nhóm 1 sẽ tạo cặp với 1 học sinh của nhóm 2.

+ Nhóm 1: Bê cái thúng (giấy) bằng 2 tay.

+ Nhóm 2: Cầm các viên đá trên tay.

+ Giáo viên đọc câu chuyện "Cả thúng lời nói dối". Mỗi lần nhân vật trong câu chuyện nói dối thì các học sinh của nhóm 1 bỏ hòn đá vào cái thúng của bạn đồng hành của mình ở nhóm 2.

+ Kết thúc câu chuyện.

+ Học sinh nói về cảm nhận của mình.

Học sinh quan sát diễn tiến cảm xúc người nghe trong 2 nhóm bức tranh và nói về cảm xúc đó.

Hoạt động 3 – "THẤU HIỂU"

Chuẩn bị: Bút chì màu

Stickers có các chữ: *tin cậy, yêu quý, nói thật, giúp đỡ, phần thưởng, nói dối, chối lỗi, làm lơ, tham lam.*

Kể chuyện "Hoàng đế và các hạt giống hoa: Giáo viên kể, hoặc phát clip đã thu câu chuyện kể.

Học sinh lắng nghe câu chuyện.

Học sinh thảo luận:

1. Serena và mọi người được Hoàng đế giao cho công việc gì?

2. Vì sao Serena buồn rầu?

3. Bố Serena đã cho em lời khuyên như thế nào?

4. Vì sao Serena nhận được phần thưởng từ Hoàng đế?

Hoạt động 4 – "VẬN DỤNG"

Mỗi nhóm sẽ kể một câu chuyện có thật về tính thật thà mà em quan sát thấy ngoài đời thật hoặc em được nghe kể lại. Em nhìn thấy sự việc đó ở chợ (siêu thị), ở khu vui chơi, ở trong làng (khu phố), ở trường học, ở nơi em đi du lịch, v.v…

Thảo luận nhóm: Nhóm chọn câu chuyện từ các thành viên và quyết định câu chuyện sẽ kể, cách kể (sắm vai, hoặc một bạn kể hoặc vừa sắm vai vừa có người dẫn chuyện). (10 phút)

Tập dượt. (10 phút)

Các nhóm lần lượt kể chuyện trước lớp. (15 phút)

Kết nối cộng đồng bao gồm các gợi ý về các hoạt động cộng đồng mà học sinh có thể tham gia giúp học sinh trải nghiệm về các giá trị. Có thể có những thu thập hoặc tiếp nhận của học sinh từ các hoạt động cộng đồng, những nhân vật làm những việc hữu ích cho cộng đồng trên nền các giá trị của chủ đề mà em đang học. Học sinh có thể cùng làm các dự án cộng đồng, có thể kêu gọi sự phối hợp của phụ huynh hoặc các tổ chức trong và ngoài nhà trường. Với mỗi chủ đề khác nhau, tác giả có thể gợi ý. Tuy nhiên, học sinh và giáo viên hoàn toàn có thể sáng tạo và nghĩ ra các ý tưởng cho các dự án cộng đồng của lớp mình.

Đọc thêm là phần liệt kê thêm các mẫu chuyện về giá trị. Học sinh và ba mẹ có thể tìm đọc.

Lượng giá. Ngoài vai trò lượng giá của giáo viên là những phần nhận xét của học sinh, bạn bè và ba mẹ mang tính khích lệ.

Em tự nhận xét

Bạn bè nhận xét

Ba Mẹ nhận xét

---- ---------- ---------- ---------- -

---- ---------- ---------- ---------- -

---- ---------- ---------- ---------- -

---- ---------- ---------- ----------

3. Kết luận

Việc giảng dạy môn Đạo đức rất dễ rơi vào phương pháp giáo điều, khẩu hiệu dẫn đến tính thuyết phục giảm đi. Việc tổ chức các hoạt động trong giáo dục giá trị cần hết sức tinh tế và đòi hỏi người giáo viên luôn sáng tạo, cập nhật các phương pháp, kỹ thuật giảng dạy thường xuyên. Các bước Khám phá, Trải nghiệm, Thấu hiểu và Vận dụng trong các chủ đề đòi hỏi sự phong phú và đa dạng. Với mỗi chủ đề khác nhau, các hoạt động được thiết kế khác nhau nhưng vẫn đảm bảo tiêu chí của các bước được đáp

ứng một cách tốt nhất. Điều quan trọng là giáo viên đam mê, đầy yêu thương đối với trẻ. Giáo viên và bố mẹ cùng đồng hành với trẻ sống cùng các giá trị. Các giá trị sẽ được khám phá, hình thành và nuôi dưỡng theo năm tháng lớn lên của trẻ. Trẻ trưởng thành là những con người "có giá trị". Tất cả chúng ta là những người "có giá trị".

Từ khi chúng ta mở mắt chào đời, cuộc sống của mỗi người chúng ta vô cùng quý giá!

N.H.M - B.T.H.L.K

VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC NHÂN CÁCH THẾ HỆ TRẺ

Nguyễn Thị Nga*

1. Đặt vấn đề

Chúng ta cần cần gõ cụm từ "bạo lực học đương" hay "tội phạm trẻ vị thành niên" trên thanh công cụ goole trong vòng 0,3 giây đã có tới hơn 2 triệu kết quả tìm kiếm từ tin tức, hình ảnh và các video. Đây thực sự là con số lớn không tưởng đã phản ánh thực trạng ở mức báo động "đỏ" về nhân cách, đạo đức thế hệ trẻ hiện nay. Và khi xem các hình ảnh, video, ta thấy những cô cậu đang khoác trên mình bộ đồng phục học sinh nhưng sẵn sàng cầm gậy, ghế lao vào đánh nhau như phim chưởng Hồng Kông, những tốp nữ sinh với áo dài trắng thướt tha nhưng không ngại túm tóc, đạp liên tiếp vào mặt vào người bạn, thẫm chí là xé áo bạn thành nhiều mảnh như phim cung đấu… Và xung quanh là sự thờ ơ, vô cảm đến đáng sợ của các bạn xung quanh trước sự đau đớn, bất lực của chính người bạn của mình, thẫm chí còn nói cười, quay clip đăng mạng để câu like. Thực sự đây là những hành vi phi nhân tính, thiếu trái tim, sự trống rỗng cảm xúc đến tàn nhận từ các bạn học sinh – đối tượng được cho là ngây thơ, trong sáng, hồn nhiên nhất. Và còn là sự xuống cấp về văn hóa, thuần phong mỹ tục ở cách hành xử, ăn mặc, lối sống phóng túng, buông thả trong chuyện tình cảm đã để lại những hậu quả khôn lường cho bản thân, gia đình, xã hội.

* Trường Đại học Khánh Hòa

Không những thế, theo các báo cáo hàng năm về các vụ vi phạm do trẻ em, người chưa thành niên gây nên, chúng ta thấy số lượng, tính chất phức tạp, mức độ nghiêm trọng của các vụ án đều tăng qua các năm. Nếu trước đây thường là các vụ gây rối trật tự công cộng, đánh nhau, vi phạm an toàn giao thông, trộm cắp tài sản ở mức độ ít nghiêm trọng… thì hiện nay có thể là giết người, cướp tài sản, hiếp dâm… đây thực sự là mối lo ngại, sợ hại của người dân, đồng thời cũng phản ánh sự xuống cấp của đạo đức, nhân cách của giới trẻ, là nỗi đau, sự bất lực của gia đình, trường học, xã hội.

Và mỗi khí các vụ việc trên được tung lên mạng, được báo chí phản ánh thì vấn đề về giáo dục đạo đức, nhân cách của học sinh nói riêng và giới trẻ nói chung mới được quan tâm phân tích, mổ xẻ nhiều hơn qua các hội thảo, tọa đàm... Và người dân lại rần rần bàn tán, comment trên các trang mạng với đủ sự tức giận, phận nỗ, xót thương… Nhưng một thực tế chúng ta phải nhìn nhận lại là liệu trường học, gia đình nhận thấy trách nhiệm của mình ở đâu trong những sự vụ trên? Và một câu hỏi muôn thủa lại được đăt ra: khi đạo đức, nhân cách học sinh, giới trẻ đi xuống thì trách nhiệm thuộc về ai? Nhà trường, xã hội hay gia đình?

Chúng ta biết rằng việc giáo dục nhân cách giới trẻ chỉ phát huy hiệu quả khi có sự giáo dục đồng bộ của cả ba thể chế từ xã hội, trường học và gia đình. Tuy nhiên, khi con cái hư hỏng, khi các vụ việc xẩy ra thì người ta thường đổ lỗi cho nhà trường nhiều hơn mà nhiều khi quên đi vai trò, trách nhiệm của gia đình trong giáo dục con cái, đây thực sự là sai lầm. Bởi gia đình không chỉ nuôi dưỡng con cái lớn khôn về mặt thể chất mà còn là môi trường đầu tiên in dấu nhân cách lên mỗi cá thể, là suối nguồn yêu thương góp phần quan trọng hoàn thiện, nuôi dưỡng nhân cách, đạo đức mỗi người. Chính vì vậy, vai trò của gia đình trong việc giáo dục nhân cách thế hệ trẻ là quan trọng bậc nhất, nếu các em không được giáo dục, đã hư ngay từ trong gia đình thì nhà trường khó lòng giáo dục các em trở thành những người con ngoan, trò gỏi, người vừa có đức vừa có tài. Vì vậy, tôi chọn chuyên đề: "Vai trò của gia đình trong giáo dục nhân cách thế hệ trẻ" làm tham luận cho hội thảo.

2. Nội dung

1.1. Một số khái niệm cơ bản

** Khái niệm gia đình*

Gia đình là nơi ta được sinh ra, lớn lên trong sự nuôi dưỡng, dạy bảo, chở che của người thân, là môi trường đầu tiên con người được tiếp nhận các giá trị. Vì vậy có câu nói rằng: "Gia đình là nơi trang bị cho bạn những hành trang quí giá để bạn bước vào ngưỡng cửa cuộc đời" và câu nói này mãi đúng với mọi thời đại.

Gia đình là phạm trù được nhiều ngành, nghiều lĩnh vực quan tâm nghiên cứu như: tâm lý học, xã hội học, luật học… nên hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về gia đình.

Theo xã hội học thì gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hóa - xã hôi đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục giữa các thành viên.

Nếu như khái niệm gia đình của xã hội học nhấn mạnh tới hình thức tổ chức, mối quan hệ hình thành nên gia đình thì khái niệm gia đình của luật học đề cập tới mối quan hệ cũng như quyền và nghĩa vụ của các thành viên theo luật pháp: "Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do hôn nhân, quan hệ huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo qui định của luật hôn nhân và gia đình".

Như vậy, gia đình được hiểu dưới nhiều cách khác nhau, tuy nhiên vấn đề cốt lõi xoay quanh các khái niệm về gia đình vẫn là mối quan hệ gắn kết giữa các thành viên để hình thành nên gia đình. Và chính mối quan hệ này tạo nên "sứ mệnh" của gia đình trong giáo dục nhân cách con người bằng cả trách nhiệm và tình thương yêu.

** Khái niệm giáo dục*

Có thể nói rằng chính sự giáo dục đã tạo nên sự khác biệt giữa con người với các loài vật về mặt nhận thức, hành vi. Và bản thân mỗi người chịu sự giáo dục của nhiều môi trường khác nhau từ gia đình, trường học tới xã hội. Vậy thế nào là giáo dục?

Giáo dục theo nghĩa rộng là quá trình toàn vẹn hình thành nhân cách, được tổ chức một cách có mục đích và có kế hoạch, thông qua các hoạt động và quan hệ giữa người giáo dục và người được giáo dục nhằm truyền đạt và chiếm lĩnh kinh nghiệm xã hội loài người.

Giáo dục theo nghĩa hẹp là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể - là quá trình hình thành niềm tin, lý tưởng, động cơ, tình cảm, thái độ, những nét tính cách, hành vi, thói quen cư xử đúng đắn trong xã hội, thuộc lĩnh vực đạo đức, lao động, tư tưởng chính trị, thẩm mỹ, vệ sinh,… Chức năng trội của giáo dục là hình thành phẩm chất đạo đức của con người.

Như vậy, giáo dục không đơn thuần là dạy chúng ta biết chữ, biết chiếm lĩnh các tri thức, học thuật, các kỹ năng… mà giáo dục còn dạy ta biết cách làm người - một người tử tế từ tâm hồn tới nhân cách.

** Khái niệm về nhân cách*

Chính nhân cách làm nên nét độc đáo, bản sắc là nội dung bên trong của mỗi cá nhân. Nó chi phối hành vi của mỗi người và giúp chúng ta phân định người tốt với kẻ xấu, trung thực với gian manh, sự cao thượng với thấp hèn, lòng bác ái với sự hiểm ác…

Như vậy, nhân cách được coi như là toàn bộ những đặc điểm cùng với những phẩm chất tâm lý cá nhân có tác dụng quy định giá trị và hành vi xã hội của một con người.

2.2. Vai trò của gia đình đối với việc giáo dục hoàn thiện nhân cách trẻ

Gia đình là trường học đầu đời của mỗi người

Gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên, là trường học đầu đờil của con người. Ngay từ khi sinh ra, con trẻ đã được tắm mình trong văn hóa dân tộc, gia đình qua những lời hát ru của bà của mẹ, tâm hồn các em như những trang giấy trắng và chính cách giáo dục của gia đình, chính lời ăn tiếng nói, cách hành xử của các thành viên sẽ in dấu lên tâm hồn non trẻ của các bé. Nếu gia đình thuận hòa, các thành viên đều có hành vi, lời nói chuẩn mực, là tấm gương sáng về nhân cách thì được xem là môi trường thuận lợi để gieo vào tâm hồn trẻ những hạt giống yêu thương, lòng nhân

ái, những đức tính tốt cần có ở con người. Ngược lại, đứa trẻ sinh ra trong gia đình có sự "khiếm khuyết" về tình thương, các thành viên không phải là những tấm gương sáng để con trẻ noi theo thì thông thường đứa trẻ sẽ trở thành những kẻ hư hỏng. Hay theo giáo sư Đào Duy Anh thì: "Những đứa trẻ sớm mồ côi, bị ném vào xã hội thì chúng là cái mồi rất tốt cho những tật xấu, thói hư". Và nhà phân tâm học D. Winnicott cũng từng nói "một trẻ sơ sinh – con người ấy không tồn tại". Như vậy, mỗi người không có sự hình thành và phát triển nhân cách một cách tốt đẹp và bền vững nếu thiếu đi một môi trường giáo dục gia đình thuận lợi và thực sự không gia đình con người rất khó trưởng thành theo đúng nghĩa một con người. Bởi vậy, cách giáo dục và môi trường sống trong mỗi gia đình đóng vai trò quyết định, ảnh hưởng đến việc đứa trẻ lớn lên như thế nào và sống ra sao.

Một người trưởng thành, tất nhiên chịu ảnh hưởng của nhiều môi trường sống: gia đình, nhà trường, bạn bè, nơi làm việc… Từng môi trường có tác động khác nhau vào từng "góc" tiếp thu của con người. Song, môi trường gia đình giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong việc hình thành tính cách, nhân cách, lối sống của mỗi người. Vì vậy, hãy chú ý đến cách giáo dục trong gia đình. Muốn con cái trưởng thành, hãy tự xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, phù hợp và hiệu quả trong mỗi mái nhà.

Gia đình là "tấm khiên" giúp thế hệ trẻ tránh những thói hư tật xấu

Ngày nay, với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thì chỉ cần một cái điện thoại, một cái máy tính có kết nối Internet thế giới đã được thu nhỏ trong tầm tay. Công nghệ, internet là điều kiện không thể thiếu cho sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội hiện đại, tuy nhiên nó cũng có những mặt trái nếu con người không biết sử dụng đúng cách. Đặc biệt là giới trẻ dễ bị tiêm nhiễm bởi những thói hư tật xấu thì internet lại có đầy rẫy những thứ không nên xem như các trò chơi bạo lực, sex, các tệ nạn qua mạng… có thể tác động xấu tới việc hoàn thiện nhân cách, hành vi của giới trẻ. Mặt khác, với môi trường xã hội phức tạp như hiện nay, nếu trẻ không được giáo dục tốt sẽ dễ dàng bị cuốn theo những thói hư, các tệ nạn thậm chí là phạm tội nghiêm trọng. Nhưng với một môi

trường giáo dục tốt từ gia đình, được bố mẹ quan tâm và luôn hiện diện trong mỗi bước trưởng thành của con, được trao trọn tình yêu thương thì các bạn trẻ sẽ đủ sức chống lại mọi sự cám dỗ từ xã hội để trở thành những công dân có ích. Mặt khác, bố mẹ có thể nhanh chóng phát hiện những biểu hiện bất thường, những hành vi không đúng của các con để kịp thời tác động, uốn nắn, định hướng lại giúp các con tránh xa những điều không tốt.

Như vậy, gia đình luôn là lá chắn, là bộ lọc thanh trừ những điều xấu để con trẻ tiếp nhận những điều hay ý đẹp, những đức tính, hành vi tốt giúp ích cho quá trình hoàn thiện nhân cách của bản thân.

Giáo dục gia đình giúp quá trình giáo dục nhà trường, xã hội phát huy được giá trị

Bản thân mỗi người sẽ chịu sự giáo dục của nhiều môi trường khác nhau: gia đình, trường học và xã hội. Tuy nhiên, như chúng ta đã nói gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên in dấu lên tâm hồn con trẻ nên nó có tác động sâu sắc tới việc hình thành và hoàn thiện nhân cách của mỗi người. Con cái là do bố mẹ sinh ra, là người gần gũi với các con nhất nhưng nếu không giáo dục được con em của mình thì tại sao lại đổ lỗi cho giáo viên, trường học? Vì vậy, giáo dục giá trị nhân cách trong nhà trường, ngoài xã hội chỉ có thể phát huy được hiệu quả khi gia đình hoàn thành được sứ mệnh giáo dục trong gia đình.

Mặt khác, chương trình giáo dục của nước ta vẫn còn thiên về dạy chữ hơn dạy người, ngoài xã hội có nhiều điều tốt nhưng cũng có vô vàn cạm bậy. Chính vì thế, giáo dục gia đình là môi trường giáo dục quan trọng bậc nhất, không thể thiếu và cùng với giáo dục các giá trị ở trường học, tiếp tiếp nhận những điều tốt từ xã hội sẽ giúp con người từng bước hoàn thiện nhân cách và thế hệ trẻ sẽ là tương lai, trụ cột của đất nước.

2.3. Nội dung giáo dục trong gia đình ảnh hưởng đến việc phát triển nhân cách thế hệ trẻ

Giáo dục đạo đức

Trong giáo dục gia đình, giáo dục đạo đức là nội dung quan

trọng nhằm xây dựng ý thức, bồi dưỡng tình cảm đạo đức, rèn luyện thói quen hành vi đạo đức và để mỗi thành viên trong gia đình được sống trong môi trường chan chứa tình thương, đậm tính nhân văn. Giáo dục đạo đức trong gia đình hướng tới sự hình thành và phát triển nhân cách với những phẩm chất sau: giáo dục lòng kính trọng, hiếu thảo đối với ông bà, cha mẹ. Và từ xưa đến nay, nó vẫn được coi là yếu tố đạo đức quan trọng nhất đối với trẻ ở trong bất cứ gia đình nào. Giáo dục cho trẻ sự thông cảm sâu sắc với điều kiện, hoàn cảnh, đời sống của gia đình để trẻ biết sống "tùy gia phong kiệm", tạo nên một không khí hòa thuận, ấm cúng trong đời sống gia đình. Phải giáo dục trẻ biết vâng lời và biết hoàn thiện công việc một cách vui vẻ khi bố mẹ sai bảo. Cha mẹ còn phải giáo dục cho trẻ ý thức trách nhiệm đùm bọc, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa anh chị em ruột thịt. Chính những hành vi, cư xử lễ phép, kính trên, nhường dưới, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ là cơ sở giúp trẻ hình thành những phẩm chất đạo đức tốt như: lòng nhân ái, tính khiêm tốn, tính chân thực trong quan hệ đối nhân xử thế với mọi người ngoài xã hội.

Giáo dục tinh thần yêu thích sự học tập, yêu lao động và rèn luyện tính tự lập cho trẻ

Giáo dục học tập có nội dung toàn diện, nhằm trang bị những tri thức văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nhằm mở rộng sự hiểu biết, rèn luyện năng lực tư duy khoa học, óc phân tích và kỹ năng vận dụng những tri thức vào cuộc sống. Do đó, cùng với giáo dục ở nhà trường, giáo dục đức tính siêng năng học tập trong gia đình là hết sức quan trọng.

Học tập là một công việc quan trọng bậc nhất đối với các em nhằm nâng cao kiến thức về mọi mặt và để trở thành người lao động có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ kiến thức khoa học và năng lực thực hành, đáp ứng yêu cầu của người lao động mới. Rèn luyện cho các em ý thức tự giác, lòng say mê học tập. Trong chừng mực có thể được, cha mẹ dạy con cái về kiến thức văn hóa và văn hóa ứng xử. Dù khó khăn đến đâu, gia đình cũng phải dành cho con trẻ những điều kiện thuận lợi nhất cho học tập, đồng thời, phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở việc học tập của con cái. Gia đình phải luôn tạo ra "không khí học

tập", phải tôn trọng việc học, giờ học của con, cần có sự phân công giữa cha và mẹ, các anh chị lớn tuổi, trong việc kèm cặp con cái học tập.

Giáo dục lao động cũng là một nội dung quan trọng không thể thiếu. Giáo dục lao động không chỉ là rèn thói quen lao động, quý trọng thành quả lao động mà còn để phát triển cho trẻ em năng lực và kĩ năng ở những lĩnh vực khác nhau. Lao động còn góp phần hình thành nhân cách, phát triển những tình cảm đạo đức và niềm tin của trẻ. Nói cách khác, giáo dục lao động đúng đắn ở gia đình là một điều kiện để trẻ em phát triển toàn diện. Trong giáo dục lao động, tình yêu lao động, sự tôn trọng kết quả, giá trị lao động, có thái độ lên án sự lười biếng, chây lười lao động là hết sức quan trọng. Đây là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong đời sống tinh thần của con người.

Giáo dục của gia đình phải thông qua hoạt động của trẻ, học tập, lao động, tham gia các hoạt động xã hội mà hun đúc tinh thần, ý thức tập thể, có như vậy chúng ta mới hiểu trẻ và có những hình thức, biện pháp cụ thể, phối hợp trong giáo dục nhân cách cho trẻ hiệu quả cao. Vì vậy, trước hết mỗi gia đình phải trở thành một tổ chức giáo dục. Mỗi người lớn trong gia đình là những nhà giáo dục đầu tiên và nhà giáo dục thường xuyên đối với thế hệ trẻ.

Giáo dục thể chất và thẩm mỹ

Cuộc đời của một con người được khỏe mạnh, trường thọ hay không là do kết quả của một quá trình biết giữ gìn, chăm sóc sự phát triển của cơ thể ngay từ tuổi ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, cả giai đoạn trung niên cho đến khi về già. Động viên khuyến khích trẻ thực hiện chế độ thể dục buổi sáng, tham gia các hoạt động thể thao phù hợp với sở thích, nhu cầu, nhằm phát triển năng khiếu cá nhân. Giáo dục con em ý thức phòng, chữa bệnh nhằm giữ gìn bảo vệ sức khỏe. Việc giáo dục thể chất cho trẻ cũng gắn liền với việc tổ chức vui chơi giải trí, nghỉ ngơi, tham quan du lịch theo điều kiện hoàn cảnh của từng gia đình.

Giáo dục giới tính, tình yêu và hôn nhân cho thế hệ trẻ

Giáo dục giới tính là một bộ phận khăng khít của giáo dục nhân cách, có ý nghĩa quan trọng trong sự hình thành đạo đức đối

với người chưa trưởng thành. Tuổi chưa thành niên có những biến đổi đặc thù về sinh lý và đi theo nó là những biến đổi đặc thù về tâm lý. Nhiệm vụ của giáo dục giới tính là tạo điều kiện cho sự phát triển hài hòa của thế hệ trẻ và sự hình thành đầy đủ giá trị chức năng sinh sản, việc nâng cao kiến thức về tình dục học. Giáo dục giới tính không đúng cách có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự hình thành nhiều nét tinh thần của nhân cách. Nhiều người cho rằng, chỉ giáo dục giới tính cho con khi con bước vào tuổi dậy thì. Quan niệm đó không phù hợp, bởi hàng loạt các vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính cần phải được tiến hành ngay từ trước. Giáo dục giới tính là một nội dung quan trọng của giáo dục trong gia đình, nhà trường và xã hội. Giáo dục giới tính cần có nội dung phù hợp với từng lứa tuổi, mức độ hiểu biết của các em. Những người làm công tác giáo dục giới tính (cha mẹ, cán bộ y tế, các nhà sư phạm) phải có quan điểm thống nhất. Các vấn đề thuộc về giáo dục giới tính phải gắn chặt với hệ thống chung của công tác giáo dục đạo đức.

2.4. Một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục gia đình ảnh hưởng đến việc phát triển nhân cách trẻ ngày nay.

Gia đình đóng vai trò không thể thay thế trong việc thỏa mãn nhu cầu vật chất và tình cảm cũng như giáo dục nhân cách cho mỗi cá nhân trong xã hội và sẽ giúp thúc đẩy xã hội phát triển cả về kinh tế, xã hội. Giáo dục của gia đình là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc gia, bên cạnh giáo dục của nhà trường và các tổ chức xã hội. Để gia đình thực sự trở thành tế bào của xã hội thì những người làm cha, mẹ – những người chủ của gia đình cần quan tâm đến những vấn đề sau:

Nâng cao nhận thức về vai trò của gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ gắn liền với nâng cao trình độ và năng lực giáo dục con cái của các bậc cha mẹ

Gia đình là trường học đầu tiên và suốt đời của mỗi con người, là môi trường giáo dục đầu tiên của trẻ. Do đó, môi trường gia đình là nền tảng, là cơ sở để hình thành và phát triển nhân cách trẻ. Để phát huy vai trò của gia đình, của cha mẹ trong sự nghiệp giáo dục con cái thì trước hết phải nhìn nhận đúng đắn, đầy

đủ vị trí, vai trò của gia đình trong giáo dục các con. Giáo dục nhà trường xã hội, ảnh hưởng của bạn bè rất quan trọng không thể thiếu được trong quá trình xã hội hoá con người. Song, không thể thay thế vai trò của giáo dục gia đình vì 90% nhân cách đứa trẻ được hình thành từ bé đến lúc chúng 5 tuổi. Và chỉ khi các bậc cha mẹ nhận thấy được tầm quan trọng của gia đình trong giáo dục con cái thì mới giành nhiều thời gian để quan tâm, dạy bảo các con, tránh thực trạng "khoán trắng" trách nhiệm này cho trường học, người thân, người giúp việc.

Đồng thời, để phát huy được hiệu quả giáo dục trong gia đình thì bố mẹ phải là những người phải có kiến thức, hiểu được tâm lý của các con. Kiến thức ở đây có thể từ kinh nghiệm, có thể học từ sách vở và trong cuộc sống. Dù thế nào cha mẹ cũng phải biết lựa chọn những vấn đề phù hợp với yêu cầu xã hội, phù hợp với hoàn cảnh và tâm lý lứa tuổi, phù hợp với đặc điểm của từng đứa trẻ. Cha mẹ phải cập nhật thông tin, nắm được nhu cầu tâm lý của con mình, có phương pháp giáo dục đối với từng đứa trẻ cho phù hợp.

Bản thân cha mẹ phải là những tấm gương tốt.

Cách hành xử của bố mẹ với nhau, cách cư xử của bố mẹ với con cái và những người xung quanh có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách đứa trẻ. Nếu lúc nhỏ đứa trẻ được học cách hành xử "vô văn hóa", "vô đạo đức" của bố mẹ thì lớn lên đứa trẻ cũng nhiễm cách cư xử như vậy. Ngược lại, nếu cha mẹ là những tấm gương sáng, mẫu mực thì con cái sẽ là những người có nhân cách tốt, ngoài trừ những đứa trẻ có quá trình giáo dục và tự giáo dục không tốt.

Gia đình phải xây dựng trên cơ sở bình đẳng, tiến bộ

Bình đẳng ở đây thể hiện là mọi thành viên trong gia đình đều có quyền nói lên tiếng nói của mình. Mọi tâm tư nguyện vọng của các cá nhân trong gia đình đều được lắng nghe, chia sẻ, những tâm tư nguyện vọng nào chính đáng phải được đáp ứng cho phù hợp. Muốn có được điều này thì các thành viên trong gia đình phải thực sự tôn trọng nhau, đặc biệt không có sự bất bình đẳng giới. Trẻ em trai và trẻ em gái phải có quyền và nghĩa vụ như nhau, được thụ hưởng mọi giá trị như nhau, cùng nhau được học hành. Những

người cha, người mẹ trong gia đình cũng phải được tôn trọng như nhau, lắng nghe và chia sẻ với nhau mọi việc trong cuộc sống.

Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục của gia đình đối với thế hệ trẻ

Nội dung giáo dục phải toàn diện bao gồm cả đạo đức, tri thức, lao động và rèn luyện tính tự lập cho trẻ tới giáo dục thể chất, giáo dục giới tính. Trong mỗi một nội dung cụ thể cũng phải có sự thay đổi. Đổi mới nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục học tập, lao động, rèn luyện tính tự lập cho trẻ, đồng thời phải quan tâm đến giáo dục thể chất, thẩm mỹ, giới tính cho thế hệ trẻ. Phải giáo dục cho trẻ ý thức giữ gìn, bảo vệ sức khỏe cho bản thân và mọi người xung quanh. Có sức khỏe tốt thì mới thực hiện được việc học tập, lao động. Giáo dục trẻ có chế độ ăn uống, học tập, lao động khoa học, hợp lý; phòng chống các tệ nạn xã hội như nghiện hút, tiêm chích ma túy,… Có những hiểu biết nhất định về quá trình phát triển sinh học của cơ thể, sự khác biệt giữa những người khác giới,…Tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra do trẻ tò mò, thiếu hiểu biết như yêu và quan hệ tình dục quá sớm dẫn đến mang thai ngoài ý muốn ảnh hưởng tới sức khỏe, tinh thần và tương lai của trẻ.

Không nuông chiều con một cách thái quá

Ngày nay, thường mỗi gia đình chỉ có 1 – 2 con, lại có điều kiện kinh tế. Do đó nhiều gia đình xem con là những "ông hoàng, bà hoàng", họ đáp ứng mọi nhu cầu của con cái, nuông chiều, cung phụng con một cách thái quá. Chính điều này các ông bố, bà mẹ đang làm "hại" con mình mà không hay biết. Bởi những đứa trẻ được sinh ra, được giáo dục trong môi trường này thường xem mình là trung tâm bắt người khác phục tùng, có lối sống ích kỉ, xem thường người khác, ghét lao động, ưa hưởng thụ, thiếu sự cảm thông, thiếu kỹ năng sống tự lập… Và một người hội tụ đủ những điều này thì thực sự đang "khiếm khuyết" về mặt nhân cách. Chính vì vậy, các ông bố bà mẹ yêu thương con mình nhưng yêu thế nào cho đúng cách.

Tăng cường sự kết hợp giữa gia đình với nhà trường và các tổ chức xã hội trong giáo dục nhân cách cho thệ hệ trẻ

Nhà trường quan tâm nhiều đến dạy chữ, dạy nghề hơn là giáo dục văn hoá ứng xử trong quan hệ thầy trò, bạn bè, tình yêu,... Cha mẹ thì dường như phó mặc việc dạy dỗ con cái cho nhà trường, chỉ quan tâm đến đời sống vật chất cho con cái. Các tổ chức xã hội dù đã có nhiều phong trào cho trẻ hoạt động nhưng còn nghèo nàn, chưa thu hút được đông đảo trẻ tham gia. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục thế hệ trẻ. Mỗi thiết chế này lại có những ưu nhược điểm khác nhau trong quá trình giáo dục trẻ, việc phối hợp sẽ giúp các thiết chế bổ sung, hỗ trợ cho nhau để hiệu quả giáo dục trẻ tốt hơn. Sự thành công trong giáo dục chỉ có được khi tất cả các lực lượng (gia đình, nhà trường, xã hội) thống nhất với nhau về mục tiêu, nội dung giáo dục, tất cả vì thế hệ tương lai đất nước.

3. Kết luận

Gia đình là một thiết chế xã hội đặc thù, vừa chịu sự tác động mạnh mẽ, liên tục của các chuyển biến xã hội, vừa là động lực thúc đẩy xã hội. Gia đình có vai trò to lớn trong việc giá dục nhân cách cho con người, xây dựng gia đình no ấm, tiến bô, hạnh phúc là cơ sở để xây dựng xã hội tốt đẹp. Như Bác Hồ đã từng nói: "hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt". Và giáo dục trong gia đình là bước đầu tiên và rất quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người. Cách giáo dục và nuôi dưỡng đúng đắn chính là nền tảng hạnh phúc cho mỗi gia đình và ổn định lâu dài cho xã hội.

Giáo dục gia đình luôn giữ một vị trí quan trọng trong việc phát triển nhân cách trẻ. Vì vậy, người làm cha mẹ cần được trang bị nhiều hơn những kiến thức về giáo dục gia đình như chăm sóc, nuôi dạy con cái một cách khoa học, biết kỹ năng tư vấn, trò chuyện với con. Đồng thời cần phải tuyên truyền để nâng cao nhận thức về vị trí, giáo dục gia đình, từ đó có chính sách củng cố, tăng cường sức mạnh cho gia đình, phát huy vai trò của gia đình trong quá trình phát triển đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho gia đình thực hiện tốt các chức năng cơ bản là việc làm hết sức cần thiết và đúng đắn.

N.T.N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Hùng (2006), *Xã hội học giáo học*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội,

2. Bùi Gia Thịnh (1999), *Xã hội hóa công tác giáo dục – nhận thức và hành động*, Viện khoa học giáo dục xuất bản,

3. Trần Thị Kim Xuyến (2002), *Gia đình và những vấn đề của gia đình hiện đại,* Nxb Thống kê

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA VĂN HÓA GIẢI TRÍ ĐẾN GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NHÌN TỪ VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY

ThS.NCS. Nguyễn Thị Thiên Nga*

1. Khái niệm

Ở nước ta, trong xu thế hội nhập quốc tế, khi cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ thì giáo dục và đào tạo luôn được xem là quốc sách hàng đầu, nhằm xây dựng nên những con người của một xã hội thông tin, mà trong đó kinh tế tri thức chiếm lĩnh xã hội.Tìm hiểu sự tác động của văn hóa giải trí đến VHHĐ để có định hướng trong mục tiêu giáo dục thời kỳ hội nhập là một việc làm cần thiết hiện nay.Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đề cập đến một vài hình thức giải trí tác động đến thái độ, hành vi và sự phát triển nhân cách của học sinh, sinh viên trong học đường. Vì việc xây dựng văn hóa học đường (VHHĐ) nói chung được các nhà nghiên cứu giáo dục coi là một trong những yếu tố cơ bản của cơ chế phát triển, làm nền tảng, định hướng cho sự phát triển của nhà trường, là một động lực quan trọng để thực hiện đổi mới quản lý giáo dục ở nước ta, đồng thời góp phần định hướng lối sống tích cực cho học sinh, sinh viên, giúp các em lĩnh hội nền văn hóa xã hội một cách tích cực, phát triển tâm lý, hình thành nhân cách tốt đẹp hơn.

* NCS của Học Viện Khoa học xã hội - Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam.

Theo tác giả Phạm Ngọc Trung trong bài *"Văn hóa học đường, cấu trúc và quan hệ"* [4] thì *Văn hóa học đường* là một môi trường hoạt động đặc biệt của con người, mang tính xã hội và lịch sử. Tùy theo triết lý giáo dục của từng thời đại hoặc của từng quốc gia mà người ta có thể xây dựng những cấu trúc khác nhau của VHHĐ. Nó bao gồm một tập hợp những mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời, giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, hoặc cá nhân với thiết chế xã hội...

Còn theo tác giả Cao Thanh Phước, VHHĐ là hệ các chuẩn mực và giá trị giúp cho cán bộ quản lý nhà trường, các thầy cô giáo, các bậc cha mẹ, các em học sinh, sinh viên có suy nghĩ, tình cảm và hành động tốt đẹp [6]. Đối với trường học, tính văn hóa là một tính đặc thù hơn hẳn, vì nhà trường là nơi bảo tồn, lưu trữ các giá trị văn hóa nhân loại, nơi đào luyện những lớp người mới, chủ nhân sáng tạo văn hóa cho tương lai. Văn hóa là một thứ tài sản lớn của bất kỳ tổ chức nào, nên văn hóa nhà trường luôn chi phối trực tiếp đến sự phát triển của nhà trường, trong đó có VHHĐ.

"Văn hoá là tổng thể những biểu trưng (ký hiệu) chi phối cách ứng xử và sự giao tiếp trong một cộng đồng, khiến cộng đồng ấy có đặc thù riêng... Văn hoá bao gồm hệ thống những giá trị để đánh giá một sự việc, một hiện tượng (đẹp hay xấu, đạo đức hay vô luân, phải hay trái, đúng hay sai...) theo cộng đồng ấy" [3; tr.14]. VHHĐ là một bộ phận của Văn hóa nhà trường (VHNT). VHNT là một khái niệm mới xuất hiện trong cỡ vài năm gần đây ở nước ta, dù nội hàm của nó đã được đề cập đến từ lâu trên thế giới. Văn hóa nhà trường là một *hệ thống phức hợp các giá trị, chuẩn mực xung quanh chức năng đào tạo con người của nhà trường, được chấp nhận tự nguyện, được cam kết tôn trọng, để theo đó, các thành viên trong nhà trường cùng nhau thực thi các hoạt động dạy và học, nhằm hoàn thành tốt sứ mệnh cao cả của mình"* [2, tr.253].

VHNT có thể xem có 2 phần, phần nổi và phần chìm. Phần nổi bao gồm: tầm nhìn, chính sách, mục đích, mục tiêu, khung cảnh bài trí lớp học, logo, khẩu hiệu, bảng hiệu, biểu tượng, đồng phục, các nghi thức, nghi lễ, các hoạt động văn hóa, học tập của trường…

Phần chìm bao gồm: Nhu cầu, cảm xúc, mong muốn cá nhân, quyền lực và cách thức ảnh hưởng, thương hiệu, các giá trị…

Trong khi đó, các hoạt động giải trí trong một xã hội đang trên đà hiện đại hóa như nước ta đã góp phần làm cho đời sống văn hóa của đất nước ngày càng phong phú, đa dạng. Với sinh viên - học sinh, hoạt động giải trí trở thành một hoạt động xã hội đích thực, không chỉ nhằm xả những năng lượng dư thừa, giải tỏa mệt mỏi mà còn giúp cơ thể lấy lại cân bằng nội tại, để từ đó tái sản xuất sức lao động trong học tập, làm việc.

Về Văn hóa giải trí, theo từ điển *Xã hội học*, "*Giải trí là một dạng hoạt động của con người, đáp ứng những nhu cầu phát triển của con người về các mặt thể chất, trí tuệ và mỹ học..., giải trí không chỉ là nhu cầu của từng cá nhân mà còn là nhu cầu của đời sống cộng đồng*" [5, tr.116]. Giải trí là một nhu cầu, một hoạt động văn hoá của con người. Giải trí mang ý nghĩa bao trùm là các hình thức vui chơi, thưởng thức. Hơn thế nữa, cái đích cuối cùng của giải trí là giải toả những căng thẳng về thể chất và tinh thần, đạt tới sự thư giãn trong tâm hồn và cao hơn nữa là những rung cảm thẩm mỹ, từ những hoạt động đó, sẽ giúp cho cá nhân có một đời sống tinh thần trong sáng, lành mạnh, phấn chấn... giúp họ phát triển toàn diện. Văn hoá giải trí bằng các hoạt động và sản phẩm văn hoá phù hợp với chuẩn mực, đạo đức cộng đồng, xã hội, sẽ nhằm thỏa mãn những nhu cầu về thể chất, tinh thần của con người, qua đó, giúp tác động, xây dựng, hoàn thiện nhân cách con người. Như vậy, có thể coi văn hoá giải trí (văn hoá vui chơi giải trí) là một trong những yếu tố cấu trúc trong chỉnh thể của văn hoá cộng đồng.

2. Sự tác động của văn hóa giải trí đến giáo dục giá trị nhìn từ văn hóa học đường của học sinh, sinh viên ở một số trường tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay

Trong thời đại hội nhập ngày nay, sinh viên, học sinh là thành phần tiếp nhận nhanh nhất, sinh động nhất các loại hình văn hóa giải trí, vì vậy sự tác động từ văn hóa giải trí đến VHHĐ thông qua lối sống, suy nghĩ, giao tiếp của SV, HS trong học đường là không thể tránh khỏi. Hoạt động giải trí bắt nguồn từ nhu cầu giải trí.Nhu

cầu là những đòi hỏi thiết yếu về vật chất và tinh thần, nhằm đảm bảo cho nhu cầu sinh tồn của cá thể, của nhóm xã hội hoặc toàn xã hội, là nguồn động lực nội tại của hành động. Nhu cầu giải trí của thanh niên biến đổi theo thời gian bởi các nguyên nhân khách quan và chủ quan, biến đổi đó bao hàm cả hướng tích cực đi lên, cũng có khi biến đổi theo hướng ngược lại, kéo theo lối ứng xử, suy nghĩ, hành động trong đời sống và trong sinh hoạt học đường cũng thay đổi. Những biến đổi đó có thể do thực tiễn của xã hội gây ra, cũng có khi là do hệ quả của sự thay đổi chuẩn mực xã hội. Do đó, VHHĐ góp phần định hình nên VHNT. Tổ chức Văn hoá, Giáo dục và Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) nhìn nhận *văn hoá với ý nghĩa rộng rãi nhất, như một phức thể, tổng thể các đặc trưng, diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức và tình cảm... khắc hoạ nên bản sắc của một cộng đồng*.

Trên lĩnh vực giải trí qua mạng điện tử, bao gồm một số hình thức như: nhắn tin hội thoại, chơi games, lướt web tìm kiếm và đăng tải thông tin, lướt facebook, giao tiếp trực tuyến qua mạng… Bằng các hình thức khảo sát đối với sinh viên như qua bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn nhóm tại một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh … tác giả nhận thấy, văn hóa giải trí theo nhóm sở thích chiếm đa số trong giới sinh viên với các hình thức hoạt động đa dạng tùy theo nhóm bạn, nhưng tỷ lệ sinh viên tham gia giải trí theo nhóm bạn thân chiếm tỷ lệ cao hơn cả (78,25 %), rồi tới nhóm bạn học cùng chuyên ngành (14,75 %), rồi tới tham gia với "người yêu" (7%). Nhóm bạn thân này có thể là bạn cùng chuyên ngành đang theo học cùng trường, cùng lớp với nhau, mà cũng có thể là khác ngành, khác trường, khác lớp. Thông qua tình bạn từ hồi học phổ thông, hoặc qua các năm học cùng nhau trong môi trường đại học, sinh viên có cơ hội giao lưu, tìm hiểu và kết bạn rộng rãi hơn, dù khác ngành, khác trường, khác lớp miễn sao cùng sở thích, cùng một đam mê về một chủ đề nào đó vẫn có thể lập nhóm kết bạn thân với nhau. Có nhóm thích đi uống cà phê, nhóm thích du lịch, nhóm thích ca hát, thưởng thức âm nhạc, nhóm thích xem phim, nhóm thích thể thao; nhóm cùng ngành thì liên kết với nhau để phát triển kỹ năng chuyên ngành như các nhóm học chuyên về công nghệ thông tin, thiết kế web, thiết kế phần mềm,

quản trị mạng…; nhóm chuyên ngành thiết kế thời trang; nhóm thiết kế chuyên về kiến trúc… Sự phát triển của truyền thông, của internet, của mạng xã hội giúp sinh viên giao lưu dễ dàng và tăng cường khả năng học hỏi, kết bạn với nhau.

Việc giải trí qua mạng điện tử có thể dẫn tới hai xu hướng tích cực hoặc tiêu cực. Nếu sa đà lệ thuộc mạng điện tử mà thiếu sự sáng tạo hay không kiểm soát về mặt thời gian thì người chơi có thể bị nghiện và ảnh hưởng đến hệ thần kinh hoặc mắt. Nhưng nếu ứng dụng sáng tạo thì giải trí qua mạng lại mang đến nhiều hệ quả tích cực. Ví dụ như nhóm SV cùng sở thích âm nhạc và học ở chuyên ngành nghệ thuật thanh nhạc, thông qua mạng điện tử, họ cập nhật các xu hướng âm nhạc của từng thời kỳ, họ học hỏi phong cách của các ngôi sao ca nhạc, ngoài việc luyện tập trên lớp với giảng viên, SV còn tự học luyện âm qua việc tải các giọng hát hay về và tập luyện cùng nhau, họ tập vũ đạo, hoàn thiện, sáng tạo các vũ đạo cũng qua việc học hỏi các ban nhạc hoặc ngôi sao trong nước và quốc tế. Với ngành học đòi hỏi năng khiếu và đam mê này, thì giải trí qua mạng điện tử đem lại không ít thuận lợi, thời gian rỗi của các bạn sinh viên đều tập trung vào chuyên ngành mang tính giải trí cao này, vừa học, vừa rèn, vừa giải trí, lại không để quá nhiều thời gian trống trong ngày. Trong trường hợp này, công nghệ thông tin đã phát huy được tính ưu việt của nó đối với sinh viên trong học đường, nó tạo nên một văn hóa tự học rất tích cực, phát huy khả năng sáng tạo và năng lực tự học của sinh viên. Không những thế, những hoạt động văn nghệ theo phong trào của nhà trường cũng chất lượng hơn qua sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và mạng điện tử này. Nhìn quang cảnh ngôi trường với từng tốp sinh viên, học sinh đang xướng âm, tập hát, tập múa cùng nhau, ta có thể khẳng định, giải trí chính là môi trường để thanh niên "xã hội hóa" bản thân, thể hiện quá trình lớn lên và trưởng thành, *là nơi họ học cách tự điều khiển thế giới riêng của mình chứ không chỉ để lấp đầy thời gian rỗi hay tránh sự buồn tẻ. Giải trí có thể giúp ta nhận diện một cá nhân thông qua những hoạt động của họ*[1]. Vậy giải trí với nhóm sở thích có thể coi đó là

1. Xem: "Recreation participation during early adolescence: Perspectives on what's gained and lost", The1996 Leisure Research Symposium, Kansas City, MO.

hình thức tự do nhất để con người thể hiện "Cái Tôi" của mình, trong đó, mỗi thành viên vừa là chủ thể, vừa là khách thể của quá trình giao tiếp. Có thể điều chỉnh hành vi của bản thân hay không cũng là do tương tác giữa các thành viên trong nhóm sở thích đó.

Trong thời đại kỹ thuật số này, việc đọc báo trực tuyến, nghe nhạc trực tuyến… đã thay thế cho việc đọc báo giấy hay nghe nhạc bằng băng đĩa trước kia. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin, tính cạnh tranh của các phương tiện nghe nhìn kỹ thuật số cũng ảnh hưởng đến thói quen hưởng thụ văn hóa giải trí, đến thói quen hay nếp sinh hoạt hàng ngày của giới HS, SV. Chẳng hạn như HS-SV ngại đi xa, ngại đi đến trung tâm văn hóa, câu lạc bộ sinh hoạt, thay vào đó là việc lướt web, tìm thông tin trên các trang web…, nhu cầu giao tiếp trong các câu lạc bộ học tập, giải trí ở các nhà văn hóa không còn thu hút thanh niên như trước kia, dẫn đến văn hóa đọc cũng thay đổi…, hoạt động đọc truyền thống bị mất bớt độc giả vì sự lấn lướt của các phương tiện nghe nhìn trực quan đầy màu sắc và âm thanh vui nhộn, văn hóa giao tiếp vì thế cũng ảnh hưởng theo, giao tiếp *trực tiếp* chuyển sang giao tiếp *trực tuyến* bằng phương tiện điện thoại có hình, bằng tin nhắn hình ảnh.v.v… Sự phát triển của các phương tiện thông tin đại chúng, nhịp sống gấp gáp của xã hội hiện đại, sức ép của công việc, học hành… dẫn đến việc sử dụng thời gian rỗi để giải trí của thanh niên cũng sẽ thay đổi theo hướng tiêu thụ các sản phẩm nghe - nhìn tại chỗ vì sự thuận tiện và hiện đại vốn có của nó. Điều đó cho thấy, giải trí qua mạng điện tử đang dần hình thành nên thói quen tiêu dùng trong một xã hội tiêu dùng như nước ta.

Ở TP.HCM hiện nay, nhu cầu xây dựng khu vui chơi, giải trí có tính hướng nghiệp cho học sinh các lứa tuổi từ mầm non đến trung học ngày càng cao, xuất phát từ tâm lý của phụ huynh muốn con mình được trang bị các kỹ năng sống và các suy nghĩ chính chắn của một người trưởng thành, không chỉ trưởng thành về thể chất mà là trưởng thành trong lối sống, biết suy nghĩ tích cực, biết ước mơ, biết ý thức trách nhiệm với hành vi của mình đối với người thân, với xã hội và với bản thân. Những giá trị này hầu như các bậc làm cha làm mẹ không thấy đủ trong phương pháp giáo dục nơi trường học chính quy hiện nay của con em mình đang theo

học, nên họ tìm đến các trung tâm hướng nghiệp cho học sinh. Ví dụ như khu vui chơi Kid Citi ở Quận 4, khu vui chơi Vietopia ở Quận 7, hoặc các trung tâm dạy kỹ năng sống như trung tâm "Thiếu niên siêu đẳng"... Thông qua các trò chơi, các em học sinh các lứa tuổi sẽ học hỏi các kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng nhận biết đúng sai, kỹ năng khám phá, biết bảo vệ môi trường, biết tự tin thể hiện bản thân, biết quan tâm người khác, biết ước mơ, biết hy vọng..; điều mà giáo dục trong nhà trường vừa thiếu vừa yếu. Việc giáo dục các giá trị về bảo vệ môi trường, tôn trọng con người, tôn trọng các giá trị con người tạo ra hay dạy cho thanh niên biết ước mơ, khát khao, biết hy vọng, biết nhẫn nại...hầu như đã bị thay thế bởi vô vàn các kiến thức hàn lâm, lý thuyết trong chương trình. Học sinh học cả ngày lân đêm vẫn chưa hết bài, thời gian đâu mà nghĩ đến việc vui chơi, giải trí. Vì vậy mà các sân chơi hướng nghiệp rất thu hút sự quan tâm của giới phụ huynh và được đa số học sinh yêu thích. Ngày hè, các trung tâm ngoại ngữ quy mô vừa và lớn như Trung tâm ngoại ngữ Hội Việt Mỹ, Trung tâm AEG, trung tâm ngoại ngữ ILA, Apollo, trung tâm giáo dục Nhật bản IZUMI...tổ chức các trại hè cho học viên và được các phụ huynh hưởng ứng nhiệt liệt, tiêu chí chung của giáo dục trại hè là mang đến các giá trị có tính hướng nghiệp, trang bị các kỹ năng mềm cho học viên. Các trung tâm này liên kết với các trang trại tư nhân, mở các lớp dạy trồng cây, trồng rau, làm nông nghiệp thủy canh ngay tại chỗ, học viên trở thành các nông dân thực thụ khi tham gia làm Vườn, Ao, Chuồng. Giáo viên bản ngữ chính là người hướng dẫn thao tác cho học viên tại các lớp học này, giúp các em vừa trao dồi được vốn ngoại ngữ vừa được học các kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi, phát triển các tư duy tích cực trong ý thức bảo vệ môi trường sống.v.v...

Khi nghiên cứu về nhu cầu, các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng, nhu cầu là nguồn gốc mọi hành động của con người. Khi một nhu cầu xuất hiện, sẽ hình thành trong con người một động cơ, thôi thúc hành động để thoả mãn nhu cầu đó. Nhà phân tâm học Freud khẳng định rằng mọi hiện tượng tâm lý (trong đó có nhu cầu) đều có nguồn năng lượng nuôi dưỡng, càng nhiều nhu cầu thì nguồn năng lượng trong cơ thể càng lớn. Nguồn năng

lượng này tuân theo quy luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, có xu hướng cần được giải phóng. Nếu không được sử dụng hoặc bị dồn nén, nguồn năng lượng đó sẽ tìm cách giải toả trong giấc mơ, hoặc bằng các hành động lố lăng, phá phách... Ngược lại, khi được giải phóng đúng cách, nó có thể làm thăng hoa tâm hồn con người, tạo nên những điều có ý nghĩa. Điều này lý giải tại sao các sân chơi hướng nghiệp lại thu hút giới phụ huynh và học sinh dù giá của các lớp học này không hề rẻ. Còn giáo dục trong nhà trường phổ thông các cấp hiện nay đổi mới liên tục từ chương trình đến phương pháp giảng dạy lại không được giới phụ huynh quan tâm hưởng ứng mà chỉ lắc đầu ngao ngán vì con em họ suốt ngày trở thành đối tượng của "chương trình thí điểm".

Các hoạt động thể dục thể thao thông thường như bóng đá, bóng bàn, cầu lông, điền kinh… trong nhà trường thông qua các hội thao, các phong trào thi đua văn nghệ như "Tiếng hát sinh viên", "Tiếng hát học đường", hội thi "Sinh viên thanh lịch", hội khỏe Phù Đổng cấp trường, cấp Quận... thường rất thu hút sự quan tâm của học sinh, sinh viên, được các em rất yêu thích. Vì nó ít bị ràng buộc bởi những khuôn mẫu cố định, nó bộc lộ rõ hơn tính sáng tạo của thanh thiếu niên, thậm chí có sự công bằng hơn khi dựa trên những năng lực thực sự của cá nhân. Ví dụ như: một sinh viên có thể học không xuất sắc, nhưng lại thi văn nghệ đạt giải cao vì giọng ca thật sự vượt trội; một sinh viên học không giỏi nhưng có thể là một cầu thủ giỏi, được cả đội thể thao trông chờ, nể phục, là một trụ cột cho cả đội…Vậy thông qua thể thao - giải trí, không chỉ giúp giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi mà còn giúp học sinh, sinh viên có điều kiện thay đổi vai trò của mình một cách hợp lý và hợp pháp. Điều này càng khẳng định cơ sở tâm lý – xã hội của hoạt động giải trí, là hoạt động tự thể hiện mình một cách tự giác, có mục đích tự thân, trong đó, sức mạnh của động cơ khiến con người ta có thể xuất hiện các hành động phi thường. Nên có thể nói, *giải trí có đóng góp đáng kể đối với chất lượng cuộc sống, nó còn là một "quyền" không thể tách rời của con người và là biểu tượng có giá trị nhất về sự tự do* [1, tr.66]

Hoạt động vui chơi giải trí của HS, SV qua các phong trào do nhà trường tổ chức nói trên góp phần củng cố văn hóa giao tiếp

tự do của sinh viên, học sinh.Vì qua vui chơi giải trí, sự đáp ứng nhu cầu về tinh thần cũng chính là nhu cầu văn hóa. UNESCO đã khẳng định: *"Văn hóa là tập hợp các hệ thống biểu tượng, quy định thế ứng xử của con người và làm cho một số đông người có thể giao tiếp với nhau, liên kết họ lại thành một cộng đồng riêng biệt"*[1] . Rõ ràng trong hoạt động vui chơi giải trí đó của sinh viên, các em phải liên kết lại với nhau thành một đội, kỹ năng làm việc nhóm được phát huy, các em phải gạt bỏ những ràng buộc về vai trò, chức phận thường nhật, tạm bước ra ngoài các chuẩn mực ứng xử mang tính bắt buộc, chỉ còn giữ lại tư cách "bạn chơi" với nhau, góp phần tạo nên một hình ảnh tương đối về một xã hội tự do và bình đẳng thu nhỏ. Sự liên kết với nhau trong hoạt động vui chơi, trong thi đấu, hay hoạt động cổ vũ cho đội nhà, cho phe mình là điều kiện tạo ra sự liên kết xã hội. Nhất là trong thời buổi của công nghệ và giải trí qua mạng gần như cản trở sự giao tiếp trực tiếp với nhau thì các hoạt động vui chơi giải trí qua các hoạt động thể thao của nhà trường sẽ góp phần đẩy lùi sự lấn sân đó của công nghệ, đưa sự cộng cảm giữa người và người hòa quyện với nhau một cách không còn giới hạn, điều này rất cần phát triển trong nghệ thuật và kỹ năng giao tiếp hay kỹ năng ứng xử của SV, HS trong học đường. Vì chính trong môi trường giao tiếp cộng đồng ấy, sẽ dần hình thành nên các khuôn mẫu ứng xử xã hội. Bởi văn hóa ứng xử là một thuộc tính trong thực thể con người – xã hội, tức là nó phải có tính đặc trưng cho cả một tập hợp người (như: tầng lớp nào, giới nào, trong hoàn cảnh nào...), các chuẩn mực, các biểu tượng, các ngôn ngữ chung... được thể hiện qua cách nhận thức sự vật –hiện tượng. Thông qua thái độ, qua hành vi của con người tồn tại trong thực tiễn, có thể đo đạc các khuôn mẫu văn hóa của một xã hội nhất định, môi trường nhất định, từ đó, xác định những quy tắc và kiểu thức sinh tồn hay giá trị của xã hội ấy, môi trường ấy, mà cụ thể ở đây là môi trường học đường.

Tuy nhiên, lối sống tiêu dùng trong thời kỳ hội nhập của Việt Nam, sự bùng nổ của công nghệ giải trí qua mạng, qua truyền

1. Dẫn theo sách: Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay, Bộ VHTT thể thao xuất bản, Hà Nội, 1992, tr 164

hình kỹ thuật số tác động không nhỏ đến văn hóa học đường theo hướng tiêu cực, mà theo thuật ngữ của khoa học giải trí thì có những hình thức gọi là *"phản giải trí"*. Với tuổi mới lớn mang trong mình những khát khao cháy bỏng muốn khám phá thế giới, học sinh, sinh viên nếu không có thời gian tham gia giải trí, khám phá thì họ sẽ không còn biết giải quyết nhu cầu tìm hiểu ở đâu khác ngoài việc lang thang lướt web, tham gia mạng xã hội hoặc trực tiếp "thí nghiệm" bản thân như các hình thức "sống thử" để trãi nghiệm. Việc sa đà vào các Web đen, bị lôi kéo, dụ dỗ sa vào các tệ nạn xã hội vì thế mà có "đất" phát triển nơi thanh niên.

Với lối sống phương Tây thời mở cửa du nhập vào nước ta, nó du nhập luôn cả tư duy thực dụng, giá trị truyền thống bị thay thế bởi giá trị của kinh tế thị trường thông qua giá trị của tiền tệ, lối sống đề cao giá trị vật chất có điều kiện phát triển. Sinh viên bị sức hấp dẫn của đồng tiền chi phối, đề cao lối sống cá nhân thái quá, quan niệm sự tự do của SV được hiểu là *muốn làm gì thì làm*. Biểu hiện thấy rõ là vấn nạn bạo lực học đường. Cụ thể như những vụ đánh lộn trong ký túc xá, những cảnh "đánh ghen" của sinh viên trong việc giành "người yêu" gần đây ngày càng táo tợn; rồi nạn ăn cắp vặt hầu như diễn ra thường xuyên nhất là trong ký túc xá sinh viên; lối sống buông thả, tự do của thanh niên ngày nay lâu dần là nguồn gốc của các tệ nạn xã hội như mại dâm, cướp giật, … mà sinh viên là đối tượng tham gia trực tiếp cũng làm mất đi hình ảnh đẹp đẽ của chốn học đường.

Sự vô kỷ luật của sinh viên cũng là hệ quả của tư duy "tự do" thái quá, biểu hiện phổ biến là thói quen trốn học, bỏ tiết, lên lớp trễ giờ, ngủ gục trong lớp, làm việc riêng trong giờ hoc… Sinh viên ham chơi, lười đến lớp thì dùng tiền thuê người đi học, thuê người đến ngồi trong lớp điểm danh dùm, xuất hiện "nghề" đi học thuê trong học đường, một số giảng đường đông đúc, lộn xộn không thể kiểm soát được đâu là sinh viên thật, đâu là người đi học thuê. Hệ lụy là số lượng sinh viên thi không đạt yêu cầu, bị buộc thôi học, hoặc vi phạm quy chế thi diễn ra khá nhiều trong một số trường đại học hiện nay.

Biểu hiện tiếp theo của sự ảnh hưởng lối sống tự do không khuôn khổ là tâm lý tự do yêu đương, tự do chung sống, tự do

quan hệ tình dục trước và ngoài hôn nhân, được sinh viên quan niệm đó là sự "sành điệu", "sành đời", mà sự "sành điệu", "sành đời" đó xa hơn nữa sẽ biến thành tệ nạn xã hội. Nhìn qua chương trình giáo dục hiện nay, khi mà giáo dục giới tính chưa được dạy và nhìn nhận một cách nghiêm túc trong môi trường học đường thì việc SV tìm hiểu vấn đề giới tính, vấn đề tình dục một cách tự phát do hiếu kỳ là không tránh khỏi. Việc phát triển ồ ạt của giải trí qua mạng thông qua các ấn bản văn hóa đồi trụy gây tác động không nhỏ cho giới SV và toàn xã hội, gây nên những hành vi lệch chuẩn ngày càng nhiều trong chốn học đường. Tỷ lệ sinh viên nữ hành nghề "mại dâm bán chuyên nghiệp" qua việc làm thêm "phục vụ buổi tối" không còn lạ lẫm nữa, nơi "làm thêm" của SV có thể là quán ăn, quán caphe hay quán karaoke trá hình. Và lằn ranh giữa tư tưởng, lối sống buông thả tự do với tệ nạn xã hội trong giới SV là rất mong manh. Tệ nạn mại dâm trá hình này của SV khiến cho văn hóa giải trí và VHHĐ bị hoen ố, mất đi ý nghĩa đích thực của nó.

Hoặc như quan niệm sống thử, sống trước hôn nhân trong giới SV được cho là bình thường, không có gì xa lạ, là "mốt", là sự thể hiện "bản lĩnh" của cá nhân. Điều này xuất phát từ quan niệm hiện đại về tình yêu và tình dục. Khi phỏng vấn SV về quan điểm này, đa số SV đều trả lời do hiếu kỳ là chính, lý do tiếp theo là nhu cầu sinh lý của lứa tuổi thanh niên, nguyên nhân sau nữa là muốn bắt chước yêu đương như trong phim ảnh chứ chưa nghĩ đến việc sống chung với nhau nghiêm túc qua hôn nhân hợp pháp. Điểm qua một vài nhà trọ hay khác sạn mini cho thuê theo giờ ở các địa bàn có trường đại học, cao đẳng tọa lạc như quận 1, quận 3, quận 5, quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức… thì khách thuê chiếm đa số là lứa tuổi thanh niên. Vì vậy mà không bất ngờ cho lắm khi Tổ chức Y tế Thế giới WHO cảnh báo Việt Nam là một trong 5 quốc gia có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới. Số liệu từ bệnh viện phụ sản Từ Dũ và Hùng Vương thì *sáu tháng đầu năm 2017 có 7.143 phụ nữ đến phá thai, độ tuổi 18-25 chiếm 1.646 ca.[7]*

Việt Nam là một quốc gia có mạng lưới phát thanh - truyền hình đày đặc tới tận cơ sở, phủ sóng gần như toàn quốc. Tuy nhiên,

các sản phẩm văn hóa giải trí qua phim ảnh truyền hình phần lớn là của nước ngoài chứ không phải của Việt Nam, tỷ lệ chiếu phim nước ngoài như Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan, phim hành động Mỹ trên các kênh truyền hình chiếm thời lượng phát sóng gấp nhiều lần so với phim trong nước. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến văn hóa học đường của giới SV. Có không ít trường hợp SV yêu nhau rồi bị gia đình ngăn cấm hay lý do gì đó cảm thấy bế tắc thì tìm cách giải thoát bằng cách tự tử giống trong phim tình cảm Hàn Quốc. Sinh viên gần như rành rọt về tiểu sử, đời sống của các ngôi sao phin Hàn, diễn viên Trung Quốc; lịch sử Trung Quốc thì biết rành rọt không cần đọc sách, trong khi lịch sử Việt Nam thì nhầm lẫn thường xuyên thậm chí là không nhớ gì, hoặc thờ ơ với lịch sử dân tộc, chẳng buồn tìm hiểu. Trang phục, cách trang điểm theo mốt của diễn viên Hàn Quốc đem vào chốn học đường trở thành một "hiện tượng" trong giới SV nói riêng và thanh niên Việt Nam nói chung hiện nay. Ảnh hưởng từ phim ảnh đến tâm lý và nhận thức của SV không nhỏ, đôi khi làm cho khung cảnh ở trường đại học trở nên lố bịch, như cách SV ăn mặc lòe loẹt, phản cảm, đầu tóc cắt - uốn đủ kiểu như diễn viên, nhuộm đủ màu sắc... Vì vậy, để môi trường học đường giữ được nét phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc, các trường đại học nhất là các trường có đào tạo chuyên ngành sư phạm đã phải đề ra nguyên tắc, quy định trong ăn mặc khi vào trường, khi lên lớp đối với SV, thậm chí có khoa còn đề ra quy định và đồng phục riêng cho khoa mình, vừa có thể tạo một nét đặc thù riêng của khoa, của ngành, vừa góp phần xây dựng nét VHHĐ cho nhà trường không bị văn hóa ngoại lai tấn công, lấn lướt.

3. Kết luận và đề xuất

Văn hoá là nếp sống về mọi mặt của một dân tộc bao gồm tất cả những biểu hiện của con người trong cộng đồng dân tộc đó, từ tư tưởng, cảm xúc đến giá trị vật chất, tinh thần. Văn hoá là tất cả những gì con người sáng tạo ra và được thâu nhận qua giao tiếp, qua cách ứng xử với tha nhân, với môi trường sống xung quanh để tạo nên các giá trị và cốt cách đặc trưng riêng biệt của một dân tộc hay một quốc gia. Còn giáo dục giữ vai trò đẩy nhanh sự phát

triển của văn hoá, cấu tạo lại môi trường cho sự phát triển cũng như điều hoà những giá trị mới trong một xã hội mới, góp phần vào công cuộc xây dựng một nền văn hoá theo đà phát triển của cộng đồng quốc gia và thế giới.

Văn hoá và giáo dục có tác động tương hỗ lẫn nhau: giáo dục phát triển sẽ góp phần làm cho đời sống xã hội phát triển, ngược lại, đời sống vật chất, tinh thần của xã hội phát triển sẽ đẩy nhanh sự phát triển của giáo dục. Những chính sách về văn hoá không thể xa rời thực tiễn, vì chính thực tiễn đó sẽ tạo nên lối suy nghĩ, lối ứng xử, lối giao tiếp, những tình cảm giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng, với quốc gia mà ta gọi là "cá tính dân tộc".

VHHĐ hay VHNT biểu hiện tích cực hay không bắt nguồn từ các chính sách vĩ mô về văn hoá - giáo dục của một quốc gia. Ở nước ta những năm gần đây, chính sách về văn hoá - giáo dục đã bộc lộ nhiều bất cập, bất cập từ chương trình đạo tạo ở các cấp đến phương pháp thực hiện, hệ luỵ của các bất cập đó là sự xuống cấp, suy đồi các giá trị đạo đức, nhân văn trong giới trẻ, trong chốn học đường và trong chính những người làm công tác giáo dục. Đã đến lúc những nhà quản lý văn hoá, quản lý giáo dục ngồi lại với nhau cùng tìm ra những phương án nhằm củng cố, giữ gìn văn hoá dân tộc đã được hình thành mấy trăm năm qua, đồng thời phát triển những nét văn hoá mới phù hợp với tâm tư, tình cảm, lối sống của người Việt Nam, vì văn hoá không phải là sự bất biến, mà nó luôn nằm trong sự phát triển một cách đa dạng trong từng bối cảnh xã hội nhất định. Từ những phân tích tác động của văn hoá giải trí đến giáo dục giá trị dưới góc nhìn của văn hoá học đường nói trên, tác giả có vài đề xuất sau:

+ Để giới SV, HS không xa rời văn hoá dân tộc, trong chương trình dạy ở các cấp học, cần thiết kế các học phần chuyên về văn hoá dân tộc, cung cấp cho SV, HS những kiến thức nền tảng về những thành tựu văn hoá cổ truyền của dân tộc còn tồn tại và phát triển đến ngày nay như các nghệ thuật cổ truyền (cải lương, ca trù, rối nước…), các lễ hội truyền thống, các phong tục tập quán cổ truyền ở các vùng miền đất nước; các định chế, các đạo lý ngàn xưa; ngôn ngữ văn chương của người Việt cũng như của các sắc

tộc khác qua từng thời kỳ…; các thành tựu đó có thể được biên soạn cụ thể từ các môn như: dân tộc học, tôn giáo học, văn hoá học, lễ hội, khảo cổ học…

+ Tuỳ theo lứa tuổi mà bố trí thời lượng dạy học phù hợp với nhận thức của HS - SV, nhưng phải đảm bảo mọi cấp học đều phải được học các môn học này một cách có chất lượng, có chiều sâu chứ không phải chỉ học cho biết, như kiểu "cưỡi ngựa xem hoa", giữa các cấp học chỉ khác nhau về mức độ và tính chuyên sâu. Sinh viên học chuyên sâu vào một chuyên ngành văn hoá, nghệ thuật cụ thể thì phải tăng thời lượng học và thực hành văn hoá nhiều hơn sinh viên ở các chuyên ngành khác. Tránh tình trạng sinh viên ngành Y dược, sinh viên ở các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin…thì không biết gì đến văn hoá cổ truyền, hay lễ hội dân gian, các sắc tộc, tôn giáo như sinh viên ở các ngành khoa học xã hội và văn hoá-nghệ thuật…

+ Nói đến văn hoá cổ truyền là nói đến gia tài văn hoá xưa đang có nguy cơ mất dần vì thời cuộc, nên chính phủ phải có chương trình quy mô nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu, giảng dạy văn hoá cổ truyền, văn hoá dân tộc dưới nhiều hình thức; khuyến khích giới sinh viên đang theo học tại học đường làm nghiên cứu, viết bài báo khoa học ngay trong thời gian còn ngồi trên giảng đường đại học chứ không chỉ có giới thầy cô mới nghiên cứu hay viết sách, báo; khuyến khích sinh viên, giáo viên các cấp tìm hiểu, nghiên cứu các môn nghệ thuật cổ truyền chưa được nghiên cứu và phục hồi đúng mức như: hội hoạ, điêu khắc cổ truyền, cổ nhạc, dân ca, nghệ thuật trình diễn, hát chèo, hát bội, võ thuật, lễ hội, trò chơi…, hỗ trợ về kinh phí nghiên cứu cũng như việc nghiệm thu, triển lãm sau khi hoàn thành công trình cũng như có chế độ khen thưởng đúng mức, nhằm khuyến khích động viên công tác nghiên cứu khoa học làm nền tảng ứng dụng trong việc phát triển giáo dục về sau. Tránh việc nghiên cứu xong, nghiệm thu xong thì không đưa vào ứng dụng trong thực tế. Sự đầu tư, giúp đỡ của chính phủ trong việc nghiên cứu, bảo tồn, phát huy, sáng tạo, phổ biến và hưởng thụ các sản phẩm văn hoá - giáo dục phải được xem như là một trách nhiệm, bổn phận chứ không phải là một "ân huệ" đối với người nghiên cứu.

+ Ở khía cạnh xã hội: giải trí không chỉ đơn thuần để thỏa mãn nhu cầu sinh học mà còn là hoạt động mục đích, nhân văn. Do vậy, giải trí cũng đem lại cho con người sự thỏa mãn về mặt tinh thần, tâm lý, nơi những khoái cảm thẩm mỹ có dịp thăng hoa, hoàn kết. Nên để phát triển thêm sân chơi cho học sinh, sinh viên hoặc giải quyết việc các hoạt động giải trí chốn học đường chưa đáp ứng nhu cầu của SV-HS, ở khía cạnh xã hội, ngoài các phong trào vui chơi, giải trí được tổ chức quy mô cấp trường, cấp khoa, các trường đại học, cao đẳng nên liên kết với các trung tâm văn hoá hay các nhà văn hoá nơi trường đóng hoặc trên địa bàn thành phố và đề ra hẳn một chương trình đào tạo hay nghiên cứu, triển lãm, biểu diễn ngắn hạn hoặc dài hạn các phong tục tập quán của địa phương, văn nghệ, thơ ca, điệu hò điệu hát, lối trình diễn văn nghệ mang màu sắc địa phương, tranh vẽ mô tả nếp sống địa phương, lễ hội địa phương…, xem đó như một chương trình chính khoá, bố trí cán bộ, giảng viên có chuyên môn phụ trách; hay phối hợp tổ chức diễn thuyết phổ biến những lý tưởng cao đẹp, đồng thời bài trừ sự biến tướng của văn hoá dân tộc trước sự xâm nhập của văn hoá ngoại lai, góp phần bài trừ mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội núp bóng dưới các hình thức giải trí. Việc liên kết này sẽ lôi kéo sinh viên đến với các sân chơi lành mạnh ngoài nhà trường, giải quyết được vấn đề quy hoạch sân chơi cho giới trẻ, vấn đề phân bố các thiết chế giải trí tại các địa bàn cư trú, đồng thời góp phần phát triển các hoạt động văn hoá của các nhà văn hoá hay trung tâm văn hoá còn nghèo nàn, kém hấp dẫn HS, SV như hiện nay.

+ Hệ thống thư viện của các trường đại học, cao đẳng ở thành phố Hồ Chí Minh còn nghèo nàn, cũ kỹ về đầu sách, chủ yếu là các giáo trình và tài liệu tham khảo, các loại sách báo giải trí rất hạn chế nên những thư viện này chưa thể trở thành nơi thoã mãn nhu cầu đọc của HS, SV. Để thu hút và kích thích văn hoá đọc của SV, HS, thiết nghĩ hệ thống thư viện trường học nên có nhiều hoạt động có màu sắc hấp dẫn để thu hút bạn trẻ tới đọc sách, như tổ chức các buổi triển lãm sách, giới thiệu đầu sách mới, hay tổ chức thi viết sách, báo, vẽ tranh…, tổ chức các buổi chiếu phim tư liệu hay phim khoa học, hoặc các tin tức thời sự nổi bật nhằm định hướng lối sống lành mạnh cho thanh niên, giúp các em tránh

xa các cám dỗ và tệ nạn xã hội đang thâm nhập vào học đường dưới nhiều hình thức tinh vi; tổ chức đàm thoại, đối thoại với các chuyên gia nhằm chia sẻ các kỹ năng sống qua văn hoá đọc, qua việc tìm hiểu các tấm gương của các danh nhân văn hoá, của những nhân vật thành công nổi bật trên thế giới…; kết hợp với các tạp chí khoa học tổ chức các buổi hội thảo khoa học về chủ đề liên quan đến ngành học của sinh viên, qua đó kích thích tư duy khoa học của sinh viên, động viên sinh viên viết bài báo khoa học cho các tạp chí…; càng nhiều hoạt động gắn với việc học, lại không bị gò bó vào khuôn mẫu cứng nhắc thì càng thu hút sinh viên tham gia, sẽ tạo nên hiệu ứng học tập sinh động đầy sức hấp dẫn của chốn học đường, không khí học tập sẽ tràn ngập mọi ngóc ngách của ngôi trường chứ không chỉ có trên những giảng đường hay hội trường đã quá quen thuộc đối với sinh viên.

Có thể khẳng định rằng giải trí là nhu cầu thiết yếu của mỗi cá nhân, cộng đồng, xã hội; vừa mang tính cá thể, vừa mang tính xã hội. Khi nhu cầu giải trí được đáp ứng thoả đáng, nó sẽ tạo ra những tiền đề cho sự tái sản xuất sức lao động, giúp cân bằng tâm sinh lý. Ngược lại, khi nhu cầu này bị kìm hãm, không được thỏa mãn sẽ làm phát sinh nguy cơ tha hoá trong hoạt động sống của con người. Các nền sản xuất khác nhau nên nhu cầu được thoả mãn theo sự quy định của nền sản xuất đó cũng khác nhau. Cũng những nhu cầu như nhau nhưng mỗi thời đại được đáp ứng theo những cách khác nhau, phù hợp với điều kiện lịch sử và mức độ phát triển xã hội đó. Giới trẻ không cần những hoạt động giải trí đắt tiền mà chỉ cần sự mới lạ, hấp dẫn, sôi nổi, đáp ứng nhu cầu và những khát khao học hỏi, bồi dưỡng kỹ năng sống cá nhân, khích thích trí tò mò, khám phá và tư duy cống hiến, tư duy được thừa nhận. Ở mỗi lứa tuổi, đều có cột mốc nền tảng để thúc đẩy quá trình học tập, xây dựng nhân cách, làm chìa khoá mở cánh cửa tương lai, văn hoá và giáo dục phải đảm bảo yếu tố *nhân bản*, yếu tố *dân tộc* và sự *khai phóng* làm nền tảng để xây dựng con người trong một xã hội tiên tiến. Xây dựng văn hóa nhà trường hay văn hoá học đường không thể thiếu các yếu tố văn hóa dân tộc, sự gắn kết các yếu tố xã hội, vì *giáo dục không phải đổ đầy vào chai mà là thắp lên ngọn lửa.*

Việc xây dựng VHNT hay VHHĐ liên quan mật thiết đến triết lý giáo dục và chương trình đào tạo. VHNT là một tập hợp nhiều yếu tố: giáo dục, văn hóa, chính trị, xã hội…., VHHĐ phải hiểu là không chỉ xây dựng và phát triển ở môi trường trường học, mà trường học chỉ là nơi đào tạo và thực hành văn hóa đó trước tiên, sau đó, văn hóa đó phải được thể hiện ra thành một đặc trưng của một quốc gia hay dân tộc. Văn hóa nói chung là một hiện tượng xã hội tổng thể. Các nhà quản lý văn hóa, quản lý giáo dục cần nắm rõ và tiếp cận cùng một lúc các phương diện khác nhau như kinh tế, chính trị, xã hội, lịch sử, thẩm mỹ…, và những mối liên hệ giữa chúng. Vì xây dựng một nền văn hóa, hay một yếu tố văn hoá cũng cần hiểu rõ không chỉ xây dựng nó ở một trình độ phát triển nào đó, một trạng thái nào đó phải đạt được mà còn là một quá trình, trong đó, những lợi ích của văn hóa đó khi được sáng tạo ra phải được sử dụng vào đời sống xã hội. Nên không thể mỗi trường mỗi xây dựng VHHĐ của mình, mà phải nằm trong một tổng thể của văn hóa xã hội, phù hợp với phong tục, tập quán, các yếu tố truyền thống của một dân tộc. Đó là cách để tạo lập nền tảng cho xã hội, cách thức xây dựng các giá trị của giáo dục. Thực hành văn hoá đó phải được thể hiện ra mọi lúc mọi nơi, làm cho nó có sức lan tỏa mạnh, để từ đó nó trở thành một nét đặc trưng, bản sắc cho cả dân tộc. Đó mới là tính cốt lõi của việc xây dựng VHNT nói chung và VHHĐ nói riêng và xây dựng nên các giá trị giáo dục của một quốc gia, dân tộc.

N.T.T.N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Đinh Thị Vân Chi (2003*), Nhu cầu giải trí của thanh niên*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

2/ Học viện Quản lý Giáo dục, (2013), Quyển 2, Tài liệu bồi dưỡng cán bộ quản lý trường Mầm non- Hà Nội, *(biên soạn theo Quyết định số 328/QĐ-BGD-ĐT ngày 20/01/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT*)

3/ Văn Đức Thanh (2004), *Về xây dựng môi trường văn hóa cơ sở,* NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội tr.14

4/ Phạm Ngọc Trung, (2010), *Văn hóa học đường, cấu trúc và quan hệ*, Tap chí VHNT, số 315, tháng 9/2010.

5/ Nguyễn Khắc Viện (chủ biên), (1994), *Từ điển xã hội học*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 116

6/ http://www.vusta.vn/vi/news/Trao-doi-Thao-luan/Xay-dung-van-hoa-hoc-duong-van-de-cap-bach-hien-nay-50575.html

7/ https://suckhoe.vnexpress.net/tin-tuc/suc-khoe/viet-nam-thuoc-top-5-nuoc-nao-pha-thai-nhieu-nhat-the-gioi-3646979.html

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG - SỰ CẦN THIẾT TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Ths. Nguyễn Thị Thanh Nhàn*

Ths. Võ Thị Ngọc Linh**

1. Giới thiệu

Sự gia tăng và tăng tốc về kinh tế xã hội và những thay đổi về khoa học kỹ thuật trong những năm gần đây đã mang đến một số vấn đề không hề nhỏ do những giá trị khó có thể truyền tải được một cách đầy đủ cho những thế hệ mới. Hầu hết những vấn đề xã hội ngày nay xảy ra trong gia đình, nhà trường và trên bình diện xã hội đều có liên quan đến giá trị. Có thể thấy rằng cách tốt nhất để ngăn ngừa và giảm đi những vấn đề đang huỷ hoại trật tự xã hội chính là giáo dục về giá trị một cách hiệu quả. Chúng ta dễ dàng nhận thấy là những người gây ra các vấn đề cho xã hội đã không nhận được sự giáo dục đầy đủ về giá trị. Không chỉ là một phần quan trọng cần được quan tâm thực hiện trong quá trình hội nhập của các quốc gia đang phát triển mà các nước phát triển trên thế giới đều đã tập trung nghiên cứu cũng như thực hành về giáo dục giá trị một cách nghiêm túc.

2. Giá trị

Từ giá trị phản ánh sự quan trọng, đáng giá, ước muốn và tôn trọng thứ gì đó có được do đổi lấy. Dưới góc độ xã hội học, các

*;** Trường Đại Học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

giá trị đề cập đến những điểm tương đồng và những nhu cầu được chia sẻ. Các giá trị cũng được chấp nhận như là những ý kiến và bộ tiêu chuẩn trung thực cho điều mà xã hội mong đợi.

"*Khái niệm giá trị... có thể thống nhất những lợi ích có vẻ như khác biệt của tất cả những khoa học liên quan đến hành vi con người*." (Rokeach, 1973). Tuyên bố trên của nhà tâm lý học Rokeach đã nêu lên điều trọng tâm nhất của khái niệm giá trị. Các nhà xã hội học (như William, 1986) và những nhà nhân chủng học (như Kluckhohn, 1951) sau đó cũng nêu lên quan điểm tương tự. Những lý thuyết gia này đều nhìn nhận giá trị như là tiêu chuẩn mà con người sử dụng để đánh giá những hành động, con người và những sự kiện. Mỗi người trong chúng ta sẽ có những giá trị với mức độ quan trọng khác nhau. Một giá trị cụ thể có thể rất quan trọng với người này nhưng không hề quan trọng với người khác. Những đặc điểm chính của ý tưởng về giá trị cơ bản đã được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới từ những năm 1950. Có thể tóm tắt từ các nhà nghiên cứu và lý thuyết gia tiêu biểu như những đặc điểm chính của các giá trị cơ bản như sau:

Các giá trị là những niềm tin nhưng những niềm tin này gắn chặt với cảm xúc, chủ quan.

Các giá trị là những ý tưởng có tính động viên. Chúng liên quan đến những mục đích mong ước mà con người nỗ lực để đạt được.

Các giá trị vượt lên trên những hành động và tình huống cụ thể. Chúng là những mục đích trừu tượng. Bản chất trừu tượng của nhhững giá trị làm cho chúng khác biệt với những khái niệm như quy tắc, thái độ, những thứ thường liên quan tới những hành động, sự việc và tình huống cụ thể.

Các giá trị gợi ý cho sự lựa chọn hoặc đánh giá những hành động, chính sách, con người và sự kiện. Đó chính là việc những giá trị được sử dụng như những chuẩn mực hay tiêu chí.

Các giá trị được sắp xếp theo những mức độ quan trọng tuỳ vào mỗi người. Những giá trị của con người hình thành nên một hệ thống trật tự những giá trị ưu tiên giúp xác định rõ đặc điểm của họ như với tư cách là một cá nhân.

Như vậy, có thể thấy rằng giá trị được xem như là những mục đích mong ước, thay đổi theo tình huống, có tầm quan trọng khác nhau được xem như những nguyên tắc có tính hướng dẫn trong cuộc sống của con người.

3. Giáo dục giá trị

Một điều rất rõ ràng là một xã hội sẽ không thể tồn tại nếu không có hoạt động giáo dục. Các xã hội tồn tại cùng với giáo dục; duy trì sự tồn tại, phát triển và vĩnh cửu bằng những tổ chức giáo dục cả về cơ bản và tổng quát. Giáo dục là quá trình nhắm đến sự phát triển về sinh học, tâm lý học, xã hội và đạo đức của con người với vai trò là một thành viên của xã hội (Thornburg, 1984). Theo nghĩa này, giáo dục là một cấu trúc tổ chức giúp phát triển những đặc tính của một cá nhân, chuẩn bị cho cá nhân bước vào cuộc sống thông qua việc truyền tải những dữ liệu, kỹ năng và những giá trị cần thiết.

Có ba chức năng tổng quát của giáo dục đối với xã hội. Một là, chức năng bảo tồn. Giáo dục chuyển cho con người những giá trị và văn hoá của xã hội mà họ sống trong đó. Con người được tạo ra có những điểm chung với những người khác để có thể cộng tác và gắn kết với nhau (Macionis, 1997). Hai là, chức năng thay đổi: giáo dục cần thay đổi con người theo hướng tốt hơn, hình thành nên những con người với những khuôn mẫu hành vi mong muốn và thay đổi những hành vi không mong muốn. Ba là, chức năng tiên phong: nó là chức năng dọn dường cho sự đổi mới về văn hoá và phát triển khoa học của xã hội, điều này cũng có thể coi như sự cải tiến những ý tưởng (Macionis, 1997). Giáo dục còn nhắm đến việc cải tiến xã hội. Xã hội không nên hài lòng với kiến thức đã có mà phải hướng đến những kiến thức mới hơn để khám phá thế giới tốt hơn. Vì vậy, những tổ chức giáo dục không chỉ dạy mà còn phải giúp người học có được những giá trị cần thiết của con người.

Kirschenbaum (1995), chuyên gia tư vấn quốc tế về giáo dục giá trị và giáo dục đạo đức định nghĩa giáo dục là "Nỗ lực có ý thức để giúp đỡ người khác có được kiến thức, kỹ năng, thái độ và giá trị để đóng góp vào sự thoả mãn cá

nhân nhiều hơn và góp phần xây dựng những cuộc đời hữu ích hơn cho xã hội (Kirchenbaum, 1995, p.14). Một định nghĩa đơn giản hơn về giáo dục giá trị theo Superka, Ahrens, Hedstrom, Ford & Johnson (1976) là " Những nỗ lực rõ ràng để dạy về những giá trị và/hoặc coi trọng giá trị (Superka, Ahrens, Hedstrom, Ford & Johnson, 1976, p.xiv). Thêm vào đó, bản thân những giá trị có thể được xem như bất cứ thứ gì từ những ý tưởng bất diệt đến những hành vi hay cách mà trẻ em nhìn nhận về những tình huống (Superka, Ahrens, Hedstrom, Ford & Johnson, 1976).

Mục đích của giáo dục giá trị là tạo ra những giá trị và giúp con người chuyển những giá trị và cách cư xử. Các giá trị không thể có được nhờ kể lại hay mô tả. Chúng phải được trải nghiệm, tiếp thu và trao cho cùng với những cảm xúc gắn liền với chúng. Những giá trị trở nên giống nhau nhờ kinh nghiệm.

3.1. Sự cần thiết của giáo dục giá trị

Một trong những lý do quan trọng nhất để tiến hành giáo dục giá trị là vì thực trạng giáo dục hiện tại đã phần nào dẫn đến việc phát triển thiên lệch của học sinh. Mô hình giáo dục hiện nay đặt trọng tâm quá mức vào phần nhận thức so với phần cảm xúc, tinh thần, dẫn đến một sự xa cách giữa lý trí và trái tim. Sinh viên được giáo dục trong một tinh thần cạnh tranh quá mức. Tư tưởng theo chủ nghĩa cá nhân về sự ưu tú đã được thúc đẩy và phải trả giá bằng cảm xúc và những kỹ năng liên quan. Người học trẻ tuổi thấy rất khó hiểu được việc tại sao họ phải đến trường học, học những môn khác nhau và trường học có thể giúp được gì cho họ. Sự hiểu biết của học sinh bị giới hạn trong những môn học. Họ gặp khó khăn trong việc hiểu biết về cách mà họ nên sống trên đời là như thế nào, bản thân có trách nhiệm gì với sự thịnh vượng của đất nước, hay sự quan tâm đến môi trường và những vấn đề đạo đức và xã hội khác. Họ cũng không biết chắc về kiểu người họ muốn trở thành sau khi hoàn thành việc giáo dục ở trường học.

Giáo dục theo kiểu này biến học sinh thành những cỗ máy. Cách thức giáo dục đó cũng làm tiêu tan các chủ đích tốt đẹp của giáo dục – sự phát triển toàn vẹn của con người bao gồm cả sự

phát triển đạo lý, điều cơ bản để đưa ra quyết định trong những trường hợp xuất hiện mâu thuẫn về đạo đức.

Hai là, dấu ấn của một con người được giáo dục, theo Plato trong cuốn sách kinh điển *Nền Cộng hoà (Republic),* là sự sẵn lòng sử dụng kiến thức và kỹ năng để giải quyết những vấn đề của xã hội. Giáo dục phải giúp trẻ nhỏ thấm nhuần lương tâm xã hội. Không ai có thể trở thành một con người toàn diện hay có được phẩm giá bên ngoài mạng lưới những mối quan hệ và những trách nhiệm đã được định sẵn trong xã hội. Giáo dục thực sự sẽ trang bị cho những cá nhân để có thể sống một cách sáng tạo, có trách nhiệm và an bình trong xã hội đồng thời trở thành những nhân tố thực hiện thay đổi để xã hội tốt đẹp hơn.

Ba là, Sự trỗi dậy gần đây của mối quan tâm về giáo dục như là một phương tiện mạnh mẽ để khắc sâu các giá trị vào người học cũng là vì sự xuống cấp nhanh chóng của các giá trị trên cả nước. Mặc dù những chương trình đáng kể đã được thực hiện nhưng xã hội của chúng ta vẫn bị chấn động bởi những mâu thuẫn, chia rẽ và bạo lực. Hệ thống giá trị đã bị bóp méo, nhìn vào bất cứ nơi đâu cũng có thể thấy được sự sai lầm và chia rẽ. Phần lớn chúng ta chỉ quan tâm đến gia đình của mình mà không quan tâm một cách đầy đủ những trách nhiệm với xã hội. Lịch sử tồn tại của loài người đã chứng kiến những sự xói mòn về giá trị và điều này diễn ra ở nhiều nền văn hoá nhưng sự xuống cấp hiện tại của giá trị đã thực sự trở thành một vấn đề lớn cần phải được quan tâm đúng mức. Ví dụ tiêu biểu cho sự xói mòn giá trị là con người ngày càng trở nên tham lam và ích kỷ. Sự trung thực dường như đã biến mất trong xã hội. Bạo lực trở thành một phần của một ngày. Sự chia rẽ, lạm dụng quyền lực ngày càng trở nên phổ biến.

Vấn đề của sự suy giảm giá trị là sự xuất hiện có tính đa chiều từ sự kết hợp giữa những áp lực xã hội như toàn cầu hoá, chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa tiêu dùng, thương mại hoá giáo dục đe doạ đến toàn thể nhân loại bởi vì sự biến đổi khí hậu, môi trường xuống cấp, bạo lực, khủng bố. Tất cả những điều này dẫn đến sự mất an toàn, phong cách sống theo chủ nghĩa cá nhân, sự gia tăng của những mong muốn, sự lạm dụng khoa học và kỹ thuật, chủ nghĩa bi quan, sự xa lánh và những hệ luỵ tiêu cực khác.

Trường học chính là sự thu nhỏ của thế giới. Sự mất trật tự của thế giới cũng ảnh hưởng đến trường học theo nhiều cách. Số lượng những gia đình không đầy đủ như bình thường ngày càng nhiều. Trẻ em được nuông chiều với sự phạm tội và bạo lực trong trường học cũng như ngoài xã hội. Truyền thông đại chúng thu hút trẻ em và tấn công chúng với những thông tin, quan điểm và định kiến theo cách mà tâm trí non nớt của chúng khó mà nhận thức hay đánh giá được. Nhiều người trẻ, sinh viên, học sinh đối xử với giáo viên bằng sự thiếu tôn trọng, chất vấn bằng sự ngạo mạn và xem đó như là cách thể hiện quyền được hỏi, thậm chí còn sử dụng cả những hành vi bạo lực với chính thầy cô của mình. Một xã hội vội vã sẽ thiếu đi tính cộng đồng và tình thân. Những người có địa vị cao sử dụng sức ảnh hưởng tác động đến sự phát triển các giá trị. Việc lạm dụng thuốc, các chất gây nghiện, hành vi tình dục vô trách nhiệm, chủ nghĩa phá hoại, thương mại hoá, trộm cắp, lừa đảo hỗn loạn trong xã hội và còn xuất hiện ở những người nổi tiếng được xem như những hình mẫu của giới trẻ, được thấy thường xuyên hơn bao giờ hết. Nói chung, các bậc cha mẹ, nhà trường và công chúng đều nhận thấy giới trẻ ngày nay đã mất đi những phẩm chất như sự lễ phép, tôn trọng và trách nhiệm.

Trẻ em cần được giáo dục để thực hành những điều thông thường chứa đựng những giá trị về sự hài hoà và yên bình cho bản thân và những người khác. Trẻ em là đại diện của tương lai. Nguồn nhân lực to lớn này sẽ định hình lại các quốc gia và cả thế giới. Theo quan điểm sinh thái học, trẻ em được giáo dục bởi toàn bộ môi trường mà chúng lớn lên trong đó và môi trường đó được quyết định một cách ngang bằng giữa cha mẹ, giáo viên và xã hội xung quanh. Kiểu cá nhân mà chúng ta tạo ra sẽ quay ngược trở lại tạo ra xã hội mà chúng ta sống. Nếu chúng ta tạo ra những cá nhân tự cho mình là trung tâm, hung hăng, cạnh tranh và tham lam, chúng ta không thể có được một xã hội không bạo lực, hoà bình, có tính cộng tác và hài hoà. Giáo dục chính là điểm chính yếu để chuyển hoá các cá nhân và thay đổi xã hội. Sẽ không thể làm cho xã hội chuyển hoá một cách cơ bản trừ khi những cá nhân được chuyển hoá.

Mặc dù giáo dục giá trị là trách nhiệm của cả cha mẹ và xã hội

nhưng trường học với bản chất thể chế hoá của mình phải nhận lấy trách nhiệm chính. Nhân sự của trường học phải có nghĩa vụ cung cấp giáo dục định hướng giá trị.

3.2. Thực tiễn hoạt động giáo dục giá trị ở nhà trường Việt Nam và những đề xuất

Chủ trương về giáo dục giá trị ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm từ Đảng, Nhà nước thể hiện rõ qua hệ thống các cơ sở pháp lý đã ban hành, có thể kể đến như sau:

Nghị quyết TW 2 khoá VIII đã chỉ rõ: "Muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh phải có con người phát triển toàn diện"

Điều 2 Luật giáo dục Việt Nam số 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 có nêu lên "Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". (Luật giáo dục, 2005)

Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT do Bộ GDĐT ban hành quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa đã chỉ rõ " Hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong quy định này được hiểu là hoạt động giáo dục giúp cho người học hình thành và phát triển những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống" (khoản 1, điều 2, Số: 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014)

Chỉ thị số 42/CT-TW của Ban chấp hành trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030, cụ thể "Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ phải được tiếp tục tăng cường và nâng cao về chất lượng, nhằm góp phần xây dựng thế hệ trẻ Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức trong sáng, ý thức tuân

thủ pháp luật; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khoẻ, tri thức, kỹ năng lao động, trở thành những công dân tốt, tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". (Chỉ thị số 42/CT-TW của Ban chấp hành trung ương, ngày 24 tháng 03 năm 2015)

Quyết định số 1501/qđ-ttg về việc Phê duyệt đề án tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015 – 2020 với mục tiêu " Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam nhằm tạo chuyển biến căn bản về đạo đức, lối sống phát triển toàn diện; yêu gia đình, có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa; yêu nước, tự hào dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có ý thức tuân thủ pháp luật; có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức và kỹ năng lao động, trở thành những công dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa". (Quyết định số 1501/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 08 năm 2015).

Có thể nói, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước là một sự thuận lợi cũng như khích lệ rất lớn đối với ngành giáo dục trong việc nâng cao chất lượng giáo dục để góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Tuy nhiên, để tận dụng tốt lợi thế này, như đã khẳng định ở trên, trách nhiệm chính vẫn thuộc về nhà trường. Vì vậy, trường học cần phải quan tâm, sáng tạo hơn nữa trong hoạt động giáo dụ giá trị. Cụ thể, là tập trung giải quyết 5 vấn đề quan trọng sau:

Thứ nhất, lựa chọn những giá trị nào là cần thiết cho việc giáo dục giá trị. Giá trị truyền thống hay hiện đại hay kết hợp cả hai?

Thứ hai, Nếu kết hợp thì sẽ kết hợp những giá trị nào để có thể bổ sung cho nhau tốt nhất, giúp hình thành những thế hệ tương lai vừa mang bản sắc dân tộc Việt Nam, vừa có những phẩm chất, giá trị của thế giới mới?

Thứ ba, dựa trên mức độ của người học, cách thức cũng như hàm lượng giáo dục giá trị cũng rất quan trọng. Ví dụ, những năm quan trọng nhất để hình thành nên những giá trị lâu dài chính là thời thơ ấu khi trí óc của trẻ con còn trong sáng. Rất khó để thay

đổi những giá trị đã hình thành trong giai đoạn này. Tương tự như vậy, việc áp đặt những giá trị vào giai đoạn trưởng thành ở cấp 2 và cấp 3 có thể dẫn đến những kết quả trái ngược với những kỳ vọng (Cengel, 2011).

Vấn đề cuối cùng nhưng cũng không kém phần quan trọng là quyết định loại mô hình và phương pháp sẽ sử dụng. Rất nhiều yếu tố (như gia đình, nhà trường, tôn giáo và truyền thông) tham gia vào việc hình thành nên thế giới tinh thần và đạo đức của cá nhân. Trừ khi tất cả những yếu tố xã hội này hợp nhất thành một, những giá trị được dạy ở trường sẽ là không đủ. Chính vì vậy, nhà trường rất cần sự hợp tác để đạt mục tiêu chung trong khuôn khổ của một mô hình hỗn hợp.

4. Kết luận

Giá trị là những tiêu chuẩn xã hội, những niềm tin căn bản để phân biệt cái đúng và cái sai của con người. Bằng việc gia tăng sự cân bằng và ý nghĩa cho cuộc sống, các giá trị sẽ giúp cho các cá nhân cùng chung sống trong một xã hội. Tuy nhiên, các giá trị không phải do bẩm sinh mà nhờ quá trình học và được truyền đạt thông qua quan sát và tương tác, điều đã thúc đẩy việc giáo dục giá trị trở thành trách nhiệm của trường học.

Xã hội sẽ luôn vận hành và thay đổi do chính bản chất năng động của nó. Thay đổi và phát triển của xã hội có thể dẫn đến những nhu cầu, sự kiện và vấn đề mới. Những thay đổi này có thể đều tích cực và tiêu cực. Những thay đổi tích cực cần được tiếp tục và phổ biến còn những thay đổi tiêu cực cần được thay đổi để trở nên tích cực. Cách duy nhất để làm được điều này là giáo dục giá trị. Giáo dục giá trị cũng là cách tốt nhất để văn hoá được phát triển và chuyển hoá, điều này sẽ giúp cho các quốc gia trường tồn và ngày càng phát triển tốt đẹp hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cengel, Y. (2011). *Human values for a safety future*. Egitime Bakis, 19,13-17.

Chỉ thị số 42/CT-TW của Ban chấp hành trung ương, ngày 24 tháng 03 năm 2015

Kirschenbaum, H. (1994). *100 ways to enhance values and morality in schools and youth settings*. Boston: Allyn and Bacon.

Kluckhohn, C. (1951).*Values and Value-Orientations in the Theory of Action: An Exploration in Definition and Classification*. In: Parsons, T. and Shils, E., Eds., Toward a General Theory of Action, Harvard University Press, Cambridge, 388-433.

Luật giáo dục của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Số 38/2005/QH - 11 ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Macionis, J. *Sociology*. New Jersey: Prentice – Hall International.

Quyết định số 1501/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 08 năm 2015.

Rokeach, M. (1973). *The nature of human values*. New York: Free Press.

Superka, D. P., Ahrens, C., Hedstrom, J. E., Ford, L. J., & Johnson, P. L. (1976). *Values Education Sourcebook: conceptual approaches, materials analyses, and an annotated bibliography*. Boulder, CO: Social Science Education Consortium.

Thornburg H. D. (1984). *Introduction to educational psychology*. New York: West Publishing Company.

Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT do Bộ GDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Williams, R., Jr. 1968. *"Values."* In E. Sills, ed., *International Encyclopedia of the social Sciences.* New York: Macmillan.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

ThS. Phạm Nguyễn Lan Phương*
Trần Thị Lệ Huyền**

1. Đặt vấn đề

Hồ Chí Minh cũng đã từng nói: "*Người có tài mà không có đức là người vô dụng; người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó*". Câu nói của Bác đã khẳng định giá trị cơ bản của một con người là "tài" và "đức". Có thể thấy được "tài" và "đức" là hai yếu tố bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau để con người trở thành một người toàn diện. Trong câu nói của Người, rõ ràng "đức" được coi là hàng đầu và chiếm vị trí quan trọng hơn "tài". Thiếu "tài" thì người ta làm việc gì cũng khó nhưng thiếu "đức" thì con người lại trở thành vô dụng. Qua đó, có thể thấy được việc định hướng giá trị đạo đức cho con người là rất quan trọng.

Định hướng giá trị đạo đức cho học sinh, SV hiện nay là một trong những vấn đề vô cùng cấp bách và có ý nghĩa quyết định đến tương lai của đất nước. Vì bộ phận học sinh, SV là những thế hệ trẻ đại diện cho cả bộ mặt của đất nước, là những chủ nhân tương lai. Khi có định hướng đúng đắn về các giá trị đạo đức thì họ mới

* Trường Đại học Thủ Dầu Một
* Trường Mầm non Ngô Thời Nhiệm

tích cực học tập, rèn luyện trong nền giáo dục của bản thân để hình thành và đáp ứng nhu cầu của xã hội sau này.

Quá trình tồn tại và phát triển của con người trong xã hội và tự nhiên đều chịu sự tác động bởi nhiều yếu tố. Vì vậy, việc định hướng giá trị đạo đức của SV cũng từ đó mà bị các yếu tố chi phối rất nhiều. Bên cạnh những yếu tố bên trong như sự tự ý thức, tự rèn luyện, tính cách,... thì việc định hướng giá trị đạo đức còn chịu tác động bởi những ảnh hưởng liên tục và thường xuyên trong quá trình sống, thông qua các mối quan hệ của họ trong gia đình, nhà trường, bạn bè và xã hội. Để cho việc định hướng giá trị đạo đức của SV trở nên đầy đủ, đúng đắn và thiết thực, cần xác định được những yếu tố nào có ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức họ.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Chúng tôi khảo sát 200 SV của trường đại học Thủ Dầu Một. Trong số 200 SV, có 40 (20,0%) khách thể là SV năm nhất ; 75 (37,5) khách thể là SV năm 2; 52 (26%) khách thể là SV năm 3; 33 (16,5%) khách thể là SV năm 4.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính là điều tra bằng bảng hỏi. Công cụ nghiên cứu được thiết kế gồm các phần như dưới đây:

+ Quá trình thiết kế bảng hỏi khảo sát SV về các yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV được chúng tôi tiến hành qua các giai đoạn. Đầu tiên, chúng tôi gặp gỡ và tiếp xúc với một số SV của trường Đại học Thủ Dầu Một để trò chuyện và trao đổi về các yếu tố ảnh hưởng việc định hướng giá trị đạo đức của SV và yêu cầu họ liệt kê lên giấy (bảng hỏi mở) các yếu tố ảnh hưởng việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Kế đến, chúng tôi dựa trên sự tham khảo một số đề tài có liên quan đã được nghiên cứu trước đây, dựa vào cơ sở lý luận của đề tài, dựa vào kỹ thuật soạn thảo bảng hỏi kết hợp với phân tích, tổng hợp những thông tin thu được từ bảng thăm dò ý kiến mở ở giai đoạn 1 để đưa ra bảng hỏi đóng dành cho SV. Sau đó, khảo sát thử một vài SV và

tham khảo ý kiến của đồng nghiệp để xác định tính thực thi của bảng hỏi đóng. Cuối cùng, chúng tôi chỉnh sửa và hoàn thiện bảng hỏi đóng chính thức dành cho SV.

+ Cấu trúc bảng hỏi được thiết kế như sau: Thông tin cá nhân người trả lời phiếu câu hỏi. Bảng hỏi gồm 25 câu, mỗi câu là một yếu tố có ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV.

+ Cách tính điểm: các câu trả lời được tính bằng điểm số trung bình (ĐTB).Ảnh hưởng rất nhiều (5 điểm); Ảnh hưởng nhiều (4 điểm); Phân vân (3 điểm); ***Ít ảnh hưởng (2 điểm); Không ảnh hưởng (1 điểm).*** Tất cả các thông tin trên sau khi khảo sát đều được tiến hành kiểm tra rà soát về độ tin cậy; làm sạch số liệu bằng thống kê để loại bỏ các biến số ngoại lai. Sau đó, số liệu được đưa và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 for Window.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng: **Các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức** *của sinh viên*

Nhóm	Các yếu tố ảnh hưởng	ĐTB	Thứ hạng
Gia đình	Truyền thống	4,02	10
	Điều kiện kinh tế	3,63	20
	Lối sống	4,18	6
	Sự quan tâm	4,16	7
	Nghề nghiệp	3,76	15
Nhà trường	Nề nếp, kỷ cương của nhà trường	4,11	9
	Cách giáo dục của thầy cô	4,24	4
	Các hoạt động phong trào	3,75	17
	Các buổi sinh hoạt tập thể	3,70	18
	Nhân cách thầy cô	4,32	3

Xã hội	Các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương	4,02	11
	Cách cư xử của mọi người tại nơi mình sinh sống	3,91	12
	Phim ảnh, internet,…	3,52	22
	Dư luận, đánh giá của xã hội	3,34	24
	Tệ nạn xã hội	3,59	21
Bản thân	Lý tưởng sống	4,14	8
	Sự tự giáo dục	3,35	23
	Những trải nghiệm của bản thân	4,21	5
	Tính cách cá nhân	4,44	1
	Ý thức cá nhân	4,41	2
Bạn bè	Ứng xử của bạn bè	3,78	14
	Tính cách của bạn bè	3,64	19
	Sự góp ý và phê bình của bạn bè	3,87	13
	Sự rủ rê, lôi kéo của bạn bè	3,23	25
	Sự gương mẫu của ban cán sự lớp	3,76	16

Có 25 yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV thuộc 5 nhóm khác nhau được đưa ra để khảo sát. Kết quả cho thấy các yếu tố gia đình, nhà trường, xã hội, bạn bè và các yếu tố trong chính bản thân sinh viên đều có những ảnh hưởng nhất định đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh SV, điều này được thể hiện rõ qua bảng.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ phía gia đình

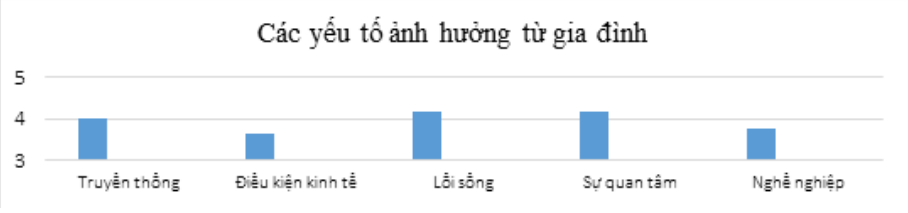

Biểu đồ 1: Các yếu tố ảnh hưởng từ gia đình

Nhìn vào bảng và biểu đồ 1, ta thấy 2 yếu tố liên quan được

SV đánh giá là có ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của sinh viên là *lối sống* (ĐTB = 4,18) và sự quan tâm (ĐTB = 4,16). Như vậy, có thể thấy chính sự quan tâm, nhắc nhở, lối sống của cha mẹ và những người thân trong gia đình đã tác động rất lớn và thường xuyên đến mỗi cá nhân. Chính sự tác động đó đã góp phần hình thành nhân cách và ảnh hưởng rất nhiều đến định hướng giá trị đạo đức của mỗi người.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ phía nhà trường

Trong 5 yếu tố từ phía nhà trường, yếu tố *nhân cách thầy cô* (ĐTB = 4,32), cách giáo dục của thầy cô (ĐTB = 4,24) được SV cho là ảnh hưởng nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Qua đó cho thấy tấm gương thầy cô có ảnh hưởng nhất định đến SV, họ thường đòi hỏi rất cao về trình độ chuyên môn, phương pháp dạy, cách ứng xử của giảng viên đối với SV. Bên cạnh đó các yếu tố còn lại như nề nếp, kỷ cương của nhà trường, các hoạt động phong trào, các buổi sinh hoạt tập thể có ĐTB lần lượt là 4,11; 3,75 và 3,70 cũng có ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV.

Biểu đồ 2: Các yếu tố ảnh hưởng từ nhà trường

Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ phía xã hội

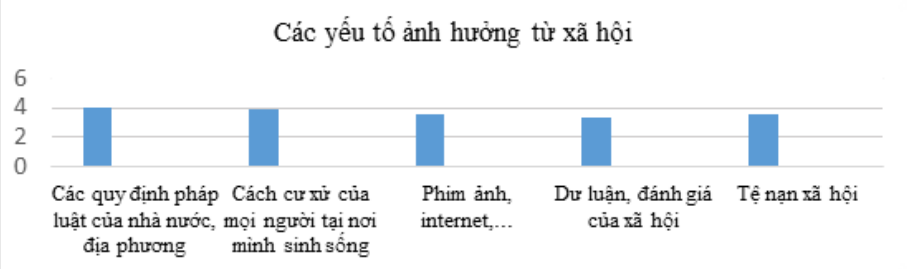

Biểu đồ 3: Các yếu tố ảnh hưởng từ xã hội

Các yếu tố từ xã hội ảnh hưởng ở mức độ vừa phải đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Yếu tố được SV đánh giá ảnh hưởng nhiều nhất trong nhóm xã hội đó là các quy định pháp luật của nhà nước, địa phương. Kết quả này cũng đồng nhất và phù hợp với kết quả ở phần nhận thức trong nhóm xã hội thì giá trị chấp hành pháp luậtcũng được sinh viên đánh giá cao. Điều này cho thấy những quy định của nhà nước có ảnh hưởng rất nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV đồng thời sẽ giúp SV có nhận thức cũng như có những hành vi đạo đức tốt đẹp.

Bên cạnh đó, yếu tố như phim ảnh, internet (ĐTB = 3,52); dư luận, đánh giá của xã hội (ĐTB = 3,34); tệ nạn xã hội (ĐTB = 3,59) được SV đánh giá là ảnh hưởng rất ít đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Mặt khác, trên thực tế, xã hội đang rất lo ngại ảnh hưởng của phim ảnh, internet, tệ nạn xã hội đến đạo đức của SV. Trong khi đó, SV cho rằng các yếu tố này ảnh hưởng rất thấp đến đạo đức của họ. Qua đó, cho thấy SV đã có tính chọn lọc, kiên định rất tốt đối với những tác động của cuộc sống ngày nay.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ bản thân

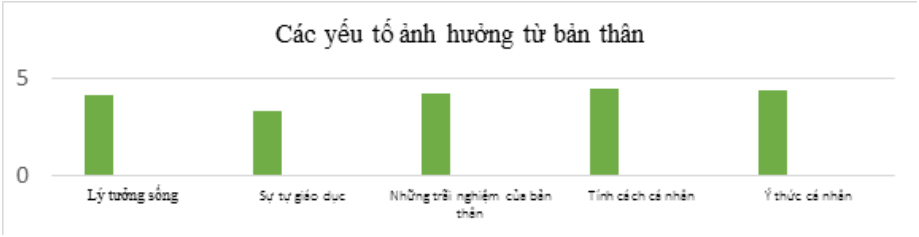

Biểu đồ 4: Các yếu tố ảnh hưởng từ bản thân

Các yếu tố ngay trong chính bản thân người SV được họ đánh giá có ảnh hưởng rất nhiều đến định hướng giá trị đạo đức của SV.

Trước tiên, yếu tố *tính cách cá nhân*là yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất trong 25 yếu tố ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV (ĐTB = 4,44). Tính cách quy định hành vi của con người, vì thế khi đề cập đến tính cách của con người là nói đến hành vi và thực hiện những hành vi nào đều do tính cách quy định. Như vậy, tính cách là yếu tố quyết định việc định việc định hướng giá trị đạo đức của SV.

Xếp vị trí thứ 2 là yếu tố ý thức cá nhân (ĐTB = 4,41). Khi tham gia vào bất cứ hoạt động nào thì bản thân mỗi SV cần phải ý thức được hoạt động đó một cách sâu sắc. Ý thức đúng mới có thái độ đúng và đi đến hành vi đúng. Như vậy, yếu tố ý thức bản thâncũng có tác động không hề nhỏ đến định hướng giá trị của SV.

Ngoài ra, các yếu tố như *sự trải nghiệm của bản thân; lý tưởng sống; sự tự giáo dục* cũng được SV đánh giá là có ảnh hưởng đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV với ĐTB khá cao lần lượt là 4,21; 4,14 và 3,35. Qua kết quả trên, ta thấy nhóm yếu tố từ bản thân có tác động nhiều đến việc định hướng giá trị của SV. Vấn đề đặt ra là trong chính bản thân SV cần có những biện pháp gì để nâng cao ý thức cũng như tự mình điều chỉnh hành vi để hoàn thiện hơn.

Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ bạn bè

Biểu đồ 5: Các yếu tố ảnh hưởng từ bạn bè

Từ kết quả khảo sát thì nhóm yếu tố từ bạn bè ảnh hưởng không nhiều đến việc định hướng giá trị đạo đức của SV. Yếu tố được SV đánh giá nhiều nhất là sự góp ý và phê bình của bạn bè với ĐTB = 3,18 và thấp nhất là yếu tố sự rủ rê, lôi kéo của bạn bè với ĐTB = 3,23. Điều đáng chú ý là lẽ ra nhóm yếu tố bạn bè phải là nhóm có tác động nhiều bởi vì đối với SV thì bạn bè luôn là những người luôn sát cánh cùng họ trong thời gian này và SV thì không thể không có bạn bè. Nhưng thực tế khi khảo sát thì ngược lại, cho thấy hầu hết SV đã giữ vững lập trường, không bị lung lay bởi sự rủ rê, lôi kéo của bạn bè.

4. Kết luận

Trong 5 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến định hướng giá trị đạo đức của SV thì nhóm yếu tố bản thân, nhà trường và gia đình có ảnh hưởng nhiều nhất. Kết quả này chứng tỏ rằng mọi thái độ, hành vi nào đó đều phụ thuộc vào chính bản thân họ, đồng thời nhà trường, gia đình chính là nền tảng để giúp SV định hướng đúng giá trị đạo đức. Bên cạnh đó, các nhóm yếu tố ảnh hưởng ít đến việc định hướng đạo đức của SV là xã hội và bạn bè. Dù bị tác động và ảnh hưởng từ những yếu tố nào đi chăng nữa thì chúng ta cần phải có những biện pháp nhất định trong việc định hướng giá trị của SV.

P.N.L.P - T.T.L.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Bích (2007), *Định hướng giá trị lối sống sinh viên ở một số trường đại học tại TP.HCM, Đại học sư phạm TP.HCM.*

2. Nguyễn Quang Uẩn – Nguyễn Thạc – Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị,* Chương trình Khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX -07. Đề tài KX 07 – 04, Hà Nội.

3. Thái Duy Tuyên (1995), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam,* Chương trình KHCN, đề tài KX – 07 – 10, Hà Nội.

VÀI NÉT TỒN TẠI TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ Ở MỘT SỐ TRƯỜNG HỌC HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Minh Diễm Quỳnh*

1. Đặt vấn đề

Giá trị sống là một trong những nội dung quan trọng, có ý nghĩa đối với cuộc sống của mỗi con người, trở thành động lực phấn đấu; giúp con người khám phá, phát triển các giá trị truyền thống dân tộc và của cả toàn cầu. Giáo dục giá trị là giáo dục ý thức về cách sống, thái độ và hành vi của bản thân trong các mối quan hệ với xung quanh trên cơ sở hướng tới cái chân, thiện, mỹ. Bên cạnh gia đình và xã hội thì người thầy trong môi trường học đường đã có tác động và ảnh hưởng lớn đến việc hình thành suy nghĩ, quan điểm và nhân cách của mỗi học sinh.

Hiện nay, giáo dục Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức**.** Bài viết được tác giả nghiên cứu trên cơ sở thu thập thông tin xoay quanh Diễn đàn "Lắng nghe trẻ em nói" làm thông điệp chuyển tải đến các cơ sở giáo dục và đào tạo, các chủ thể có liên iện trong sự đồng hành tương tác nhằm tìm ra hướng giải quyết vài nét về thực tiễn đã và đang đối mặt ở một số trường hợp điển hình để giáo dục giá trị trong nhà trường luôn được đảm bảo, ươm mầm và chấp cánh cho những chồi xanh tương lai của đất nước.

* Trường Đại Học An Giang

2. Thực trạng giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay

2.1. Ưu điểm trong giáo dục giá trị ở nhà trường

Bên cạnh việc học cách để làmnhằm chuẩn bị mưu sinh cho cuộc sống thì con người cũng cần biết nên sống ra sao. Nghĩa là làm thế nào để ứng phó trước tình huống, quản lý cảm xúc, học cách giao tiếp, ứng xử với mọi người xung quanh, làm thế nào để giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ, để thể hiện bản thân một cách tích cực, lành mạnh thì thiếu niên phải đối mặt với rất nhiều thử thách. Bằng việc nâng cao nhận thức và đưa các thành tố trọng yếu của kỹ năng sống sẽ giúp học sinh nâng cao năng lực để có được những lựa chọn lành mạnh hơn, sự kháng cự tốt hơn với áp lực tiêu cực và kích thích những thay đổi tích cực của các em. Chính vì vậy, trước khi hình thành những kỹ năng sống nào đó, người học cần cảm nhận rõ ràng về các giá trị sống và sự lựa chọn của các cá nhân ấy đối với các giá trị.

Thực chất của kỹ năng sống là các giá trị thể hiện bằng hành động và ngược lại với kỹ năng thể hiện giá trị bằng hành động sẽ cho kết quả tích cực và nó lại củng cố các giá trị [1].

Theo Báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến thời điểm này, 100% các Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng sống trong các nhà trường. Giáo dục kỹ năng sống còn là một nội dung quan trọng trong đổi mới giáo dục phổ thông và là một trong các giải pháp nhằm xây dựng và hoàn thiện dần nhân cách cho học sinh, sinh viên.

Thông qua giáo dục kỹ năng sống, một số kỹ năng đã triển khai hiệu quả như: rèn luyện kỹ năng ứng xử hợp lý với các tình huống trong cuộc sống, kỹ năng làm việc, sinh hoạt theo nhóm; rèn luyện sức khỏe và ý thức bảo vệ sức khỏe; kỹ năng phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích; rèn luyện kỹ năng ứng xử văn hóa, chung sống hòa bình, phòng ngừa bạo lực và các tai nạn xã hội.

Việc tổ chức giáo dục kỹ năng sống trong trường trung học cơ sở được tiến hành thông qua môn học nội khóa hay ngoại khóa. Việc dạy học tự chọn qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ

đã không còn xa lạ với giáo viên bởi họ đã được làm quen với cách thức tổ chức này thông qua các đợt tập huấn tích hợp một số mặt giáo dục khác. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc đưa hoạt động giáo dục này vào nhà trường.

Sự phối hợp chặt chẽ giáo dục kĩ năng sống với các hoạt động giáo dục vốn đã được lồng ghép vào chương trình giáo dục từ nhiều năm nay như giáo dục bảo vệ môi trường, phòng chống ma tuý, giáo dục pháp luật tạo nhiều cơ hội và điều kiện để triển khai giáo dục kĩ năng sống.

Bên cạnh đó, giáo dục đại học được xác định là cấu thành vô cùng quan trọng của hệ thống giáo dục. Bởi nói đến nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao - chính là giá trị cốt lõi - chìa khóa để đất nước chúng ta có thể nắm bắt được những thành tựu của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại và những vận hội mới, đưa đất nước ta vượt qua thách thức, tiến lên phía trước, sánh vai với các nước năm châu.

Sau 5 năm triển khai thực hiện Nghị Quyết số 29/ NQ- TW, giáo dục đại học nước ta đã có một số thành tựu lớn, nổi bật, **hội nhập và tiếp cận chuẩn mực quốc tế.** Có thể thấy chưa bao giờ giáo dục của Việt Nam đổi mới nhanh và mạnh mẽ, tiếp cận các chuẩn mực của quốc tế như những năm qua. [2]

Thật vậy, trong nhiều thập kỷ, giáo dục Việt Nam trải qua nhiều bước thăng trầm của đổi mới. Nhìn trên bình diện tổng thể, giáo dục đã đóng góp không nhỏ vào việc cung cấp cho đất nước đội ngũ nhân lực góp phần vào tăng trưởng kinh tế mạnh. Những thành tích giáo dục như xóa mù chữ, phổ cập giáo dục và tăng quy mô giáo dục phổ thông được thế giới đánh giá một cách tích cực.

2.2. Vài nét tồn tại về giáo dục giá trị trong nhà trường tại một số trường học hiện nay

2.2.1. Thực trạng về giá trị sống và kỹ năng sống đã tác động đến với học sinh

Việc giáo dục kỹ năng sống trong các nhà trường còn một số hạn chế. Đa phần là lồng ghép, tích hợp các môn học, chưa được xây dựng thành môn học riêng trong chương trình phổ thông nên việc thực hiện chưa thực sự mang lại hiệu quả.

Cơ sở vật chất, thiết bị trong trường học mới chỉ đáp ứng nhu cầu giảng dạy kiến thức cho học sinh, chưa đáp ứng được hoạt động giáo dục kỹ năng sống. Công tác đào tạo, bồi dưỡng. tập huấn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy kỹ năng sống gặp khó khăn; hình thức tổ chức kỹ năng sống chưa phong phú linh hoạt, phương pháp hạn chế, chưa triển khai đồng đều ở các trường học, cấp học, kinh phí hạn chế.[3]

Song song đó, định hướng giá trị nghề sư phạm là một phẩm chất nhân cách của giáo viên. Chất lượng đội ngũ giáo viên phụ thuộc nhiều vào định hướng giá trị nghề nghiệp của họ trong quá trình đào tạo. Tuy nhiên, hiện tượng nhiều sinh viên ngành sư phạm chưa có định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn [4] vẫn đang còn là những trăn trở không chỉ riêng của ngành giáo dục và đào tạo trong hệ thống các cơ sở giáo dục hiện nay.

Hiện tượng ứng xử sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội có thể được gọi là vô cảm. Nhiều học sinh có thành tích học tập rất tốt nhưng kĩ năng sống thấp thể hiện khi giao tiếp, tham gia các hoạt động xã hội, ứng phó với những thử thách mà các em đã biểu hiện. Sự bùng nổ thông tin, nhất là game online ảnh hưởng bởi các trò chơi mang tính bạo lực. Bạo lực học đường gia tăng. Học sinh hút thuốc lá, uống rượu, nghiện game, chat mỗi lúc một nhiều trong khi không phải các em không ý thức được sự nguy hại của những vấn đề đó. Có thể các em tham gia chỉ vì đua đòi hoặc không đủ khả năng để từ chối. Hiện tượng bỏ học, vi phạm pháp luật giao thông, ma túy, mất trật tự công cộng mỗi lúc càng một gia tăng ở lứa tuổi học sinh.

Sự quan tâm của giáo viên về vấn đề giáo dục giá trị sống và kĩ năng sống cho học sinh còn nhiều hạn chế. Thói quen chú trọng vào kiến thức mang tính lý thuyết của giáo viên sẽ là cản trở lớn khi triển khai giáo dục kĩ năng sống, loại hình giáo dục nhằm tạo thói quen, thái độ, hành vi ứng xử phù hợp với các tình huống của cuộc sống. Đội ngũ giáo viên chưa được đào tạo về giá trị sống, kỹ năng sống nên còn nhiều lúng túng trong việc tổ chức thực hiện qua các hoạt động thích hợp, chưa tận dụng hoặc có thực hiện song không mang ý nghĩa hình thành và phát triển kỹ năng sống trong giảng dạy các môn học; Thiếu các điều kiện tối thiểu để tiến

hành thực hiện trong nhà trường, trước hết là tài liệu cho giáo viên và cho học sinh.[5]

2.2.2. Phác họa một số nét tồn tại ở một số trường học tại địa phương

"Lắng nghe trẻ em nói" là chủ đề của Diễn đàn Trẻ em cần được đồng hành để bảo vệ quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu học sinh. Đó là một trong những quyền được Luật trẻ em quy định nhằm tạo điều kiện cho trẻ em thực hiện các quyền của mình trong khuôn khổ pháp luật quy định. Bởi ở đó, câu chuyện về giáo dục giá trị nhà trường không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà còn thể hiện bởi các sắc màu khắc nhau. Khi đó, các em có điều kiện thổ lộ, bày tỏ tâm tư và nguyện vọng của bản thân mình, đặc biệt là đối với môi trường học đường mà các em đang theo học.

Trong mỗi tình huống đều có thể chứa đựng những tâm tư đã xảy ra tại nơi trường học. Ở đó, có thể là sự tái hiện hình ảnh người giáo viên chăm chú say sưa lướt web ngay trong giờ dạy đã trở thành ấn tượng không hay về thầy giáo, cô giáo chưa quan tâm đến giá trị trong nhà trường. Giáo dục giá trị không đơn thuần là phần lý thuyết suông của những nội dung bài giảng mà là tấm gương phản chiếu của các thầy giáo, cô giáo gắn với suy nghĩ và ký ức ngây thơ, trong sáng của những năm tháng các em còn ngồi trên ghế nhà trường.

Ở góc độ khác, trước thực trạng kinh tế còn nhiều khó khăn, giáo viên đã phải bươn chãi với nhiều việc làm thêm nhằm cải thiện thu nhập là hoàn toàn chính đáng. Thế nhưng, trong số đó, không loại trừ việc trao đổi mua bán hàng hóa mà đối tượng giao lưu dân sự không ai khác hơn là chính học trò của mình thì các thầy, cô cũng cần nên cân nhắc. Với trường hợp này, lãnh đạo nhà trường và Công đoàn cơ sở cần phối hợp lồng ghép vào trong cuộc họp để tìm ra phương thức phù hợp, tránh ảnh hưởng đến tâm lý học sinh là người phụ thuộc. Bởi lẽ, nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là giáo dục và đào tạo.

Kỹ năng sống, giá trị của giáo dục trong nhà trường còn là việc tăng cường khuyến khích các em tự tìm những cây hoa dại

ven đường đối với khu vực nông thôn trong tiết thực hành môn học hoặc tận dụng rau, củ trong vườn nhà sẽ tốt nhiều hơn là việc chọn mua các loại thực phẩm ở ngoài chợ. Vì thế, việc khuyến khích thang điểm cộng không phù hợp sẽ tạo thái độ bất hợp tác đối với học sinh trong những trường hợp chưa thật sự cần thiết. Giáo dục giá trị cho các em cần được phân định ở chỗ không phải việc xác định điểm cao hay thấp mà là định hướng các em có thể thực hành được bằng chính đôi tay, kỹ năng, kỹ xảo và khối óc của học sinh mới là việc cần làm và mục tiêu giáo dục khi ấy mới đạt được.

Tính tiết kiệm là một trong các nội dung quan trọng về giáo dục giá trị mà thầy cô giáo thường xuyên nhắc nhở học sinh ý thức học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Các hoạt động gắn kết phong trào văn nghệ của nhà trường với việc tận dụng tiềm năng và thế mạnh của công cụ và phương tiện sẵn có của học sinh sẽ được sự đồng tình và thống nhất cao nếu như xác định đó chỉ là hoạt động mang tính phong trào chứ không phải là lớp học đào tạo diễn viên chuyên nghiệp. Từ đó sẽ thôi thúc tinh thần tham gia nhiệt tình ngay cả đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn và sự hòa đồng sẽ được thu ngắn lại giữa các học sinh trong lớp học.

Phong trào thu gọm giấy vụn làm Kế hoạch nhỏ đã hình thành ý thức tích cực của học sinh về thói quen tiết kiệm, phản ánh giá trị giáo dục của nhà trường. Việc góp nhặt các vỏ chai nước đã qua sử dụng, tập sách, giấy báo cũ mang nộp cho nhà trường là hành động đáng để biểu dương. Tuy nhiên, nhà trường có thể lưu ý phân định đối với những việc phụ huynh mua lại tập sách và báo cũ ở tiệm phế liệu cho cho con mang nộp ở nhà trường để chỉ vì thành tích đạt danh hiệu "kiện tướng cần kiệm" cũng là điều vô hình trung chỉ mang tính hình thức và có tác dụng được.

Chủ trương không được đạo văn và mớm chữ vẫn được các trường quán triệt nghiêm túc trước bối cảnh hàng loạt sách tham khảo "để học tốt", "giải bài tập", "làm văn mẫu"," những bài văn hay" tràn ngập trên thị trường. Mục đích của vấn đề này là phát huy ý tưởng sáng tạo cho các em. Nếu đề bài yêu cầu miêu tả một con vật mà em yêu thích thì khi đó, học sinh muốn tả con chó của nhà bà ngoại ở quê thì cô giáo cũng nên tôn trọng thay cho định

hướng em sẽ phải tả con cá phụng hoàng được nuôi trong chậu. Sự khác biệt đối lập trong từng địa bàn để thầy, cô giáo có sự vận dụng đặc điểm tình hình vào giảng dạy sao cho phù hợp.

Với những quyển tập chỉ dùng một số ít trang giấy thì giáo viên khuyến khích học sinh sử dụng tiếp theo đối với các trang còn lại để tránh lãng phí. Nó được cụ thể hóa bằng chính người thật việc thật chứ không phải chỉ có trong trang sách mà các em thuộc lòng khi kiểm tra bài cũ trên lớp. Theo đó, thay cho việc vận động mua thùng mì tặng các chú bộ đội vào ngày 22/12 thì nhà trường có thể khuyến khích các em tự làm quà tặng bằng tấm lòng nho nhỏ như những vần thơ do các em sáng tác hay như cục xà phòng, tuýp kem đánh răng mà các em trích ra từ phần nhỏ quà sáng để gom góp tặng.

Trong những năm gần đây, hiện tượng giáo viên viết sai chính tả đã dần được khắc phục. Các phát âm sai của chữ "trường" thành "chường" cũng ngày càng cải thiện. Phong trào thi viết chữ đẹp của khối Tiểu học đã làm hao tốn rất nhiều khoảng thời gian rèn luyện của học sinh miệt mài với từng ô ly chữ nhỏ nên cần được duy trì và tiếp tục phát triển ở khối cấp cao hơn nhằm tránh lãng phí rất lớn về những viên gạch đầu tiên được lót trong kho tàng tri thức. Song song đó, tư thế ngồi học của các em cũng đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến thị lực của học sinh.

3. Giải pháp khắc phục các vướng mắc điển hình phát sinh ở nhà trường trong giáo dục giá trị cho học sinh

Một là, Nghiêm túc trong việc đào tạo, bồi dưỡng sinh viên ngành sư phạm theo đúng khuôn thước và chuẩn mực của nhà giáo. Đồng thời, phát huy yếu tố truyền thống trong bồi dưỡng, giáo dục nhân cách người thầy; lồng ghép nội dung định hướng giáo dục giá trị trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục.

Hai là, Lãnh đạo trường học cần có sự công tâm, khách quan, nhìn nhận khuyết điểm để khắc phục và chấn chỉnh những sai lầm nếu có xảy ra; thẳng thắn phê bình các thầy, cô giáo chưa thực hiện đúng chức trách của người giáo viên khi đứng trên bục giảng, trong đó đề cao giáo dục giá trị nhà trường.

Ba là, Biên bản họp phụ huynh cần thể hiện một cách chi tiết để nhà trường xem xét và kiểm tra bất cứ khi cần, đặc biệt là các khoản đầu tư mua sắm đồ dùng dạy học trong khi trang thiết bị và phương tiện dạy học theo hiện trạng vẫn còn sử dụng được nhằm phát huy tinh thần tiết kiệm.

Năm là, Đề cao khả năng sáng tạo, kỹ năng và kỹ xảo của học sinh trong khi các sản phẩm do chính bản thân tạo ra mà không có sự hỗ trợ hay can thiệp của gia đình đối với các công đoạn thực hành ở nhà; tránh sự rập khuôn mang tín áp đặt duy ý chí buộc người học phải tuân theo trong khi các em chưa cảm thấy hài lòng và thích hợp.

4. Kết luận

Giáo dục giá trị trong nhà trường là một trong những nội dung quan trọng nhằm hoàn thiện nhân cách, tư duy và trí tuệ, hình thành kỹ năng sống, trang bị những phẩm chất cần thiết đối với người học. Tùy theo cách tiếp cận khác nhau về giáo dục giá trị, trong phạm vi bài viết, tác giả nhìn vấn đề dưới góc độ giáo dục giá trị phải bắt đầu từ chính hành động, việc làm của mỗi giáo viên và của cả nhà trường trong việc khắc hoạc một số nét vẫn còn tồn tại trong giai đoạn hiện nay. Đó là tấm gương mẫu mực thiết thực nhất cho việc cho việc hình thành giá trị sống, kỹ năng sống ở chính mỗi học sinh,là sự cụ thể hóa chương trình và mục tiêu giáo dục mà ngành đang tập trung hướng đến.

N.M.D.Q

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1], [5] Trường THCS Tân Hiệp A (2014), "*Hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở".* Khai thác tại https://sites.gogle.com

[2]Nguyễn Đình Đức (2018),*"Những thành tựu lần đầu tiên có trong lịch sử giáo dục đại học Việt Nam".* Khai thác từ https://lao đong.vn.

[3] Quý Tùng (2018), "Thực trạng và giải pháp giáo dục kỹ năng sống trong trường học". Khai thác từ https:// baomoi.com.

[4] Phạm Đình Duyên (2014), *Thực trạng và biện pháp giáo dục định hướng gía trị nghề sư phạm cho sinh viên các trường cao đẳng, đại học hiện nay,* Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm TP.HCM , (54), tr146.

ABSTRACT

Besides the advantages of the effect of value education in the school brought positive effects for students, some features exist from the reality in some schools are now anxious for the relevant actors. Each teacher, who has own power and responsibilities should ensure the true role as the good example for students to follow. It is also the most true value direction that children learn from the school.

NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Nguyễn Hồ Thanh*

1. Đặt vấn đề

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã để lại nhiều truyền thống vô cùng quý giá. Những giá trị truyền thống quý giá của dân tộc đã tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam. Nhờ các giá trị văn hóa truyền thống mà dân tộc Việt Nam đã luôn đứng vững và trường tồn trong suốt chiều dài lịch sử. Trong giai đoạn hiện nay, nước ta đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường mở cửa hội nhập quốc tế, đã tạo nên những biến động mạnh mẽ trong đời sống tinh thần thế hệ trẻ. Trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường đã nảy sinh những ảnh hưởng tiêu cực đến một bộ phận không nhỏ người dân, trong đó có thanh niên sinh viên, học sinh, làm thay đổi các quan điểm của họ về giá trị truyền thống của dân tộc. Trước tình hình này, việc giáo dục các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho thanh niên học sinh cần được đặt ra một cách cấp thiết, nhất là trong bối cảnh việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đổi mới chương trình và sách giáo khoa đang được thực hiện. Việc giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống nhằm hình thành, hoàn thiện phẩm chất, đức tính tốt đẹp cho các thế hệ học sinh, sinh viên hiện nay.

* Trường Đại học An Giang

2. Nội dung

2.1. Giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên Việt Nam hiện nay

Kế thừa các giá trị tinh thần truyền thống vừa là vấn đề lý luận, vừa là vấn đề thực tiễn của sự nghiệp hiện đại hóa xã hội hiện nay. Tuy nhiên, trên thực tế, sự hiện diện của truyền thống trong hiện tại có khi là động lực của sự phát triển, có khi lại là trở ngại đối với sự phát triển. Những giá trị truyền thống là sự phản ánh và bị quy định bởi những điều kiện lịch sử của thời đại đã qua, mà những điều kiện ấy hiện đã không còn tồn tại hoặc đã biến đổi trong xã hội hiện đại. Do vậy, sự hiện diện tự phát hoặc sự kế thừa tùy tiện các giá trị truyền thống sẽ làm phức tạp, thậm chí gây ra những hậu quả tiêu cực. Với tư cách là cái có ý nghĩa, cái cần thiết cho một chủ thể nhất định (cá nhân hoặc xã hội), giá trị biến đổi theo yêu cầu của chủ thể. Xã hội hiện đại có những yêu cầu khác với yêu cầu của quá khứ. Do vậy, không phải mọi cái đã là giá trị trong quá khứ đều đáp ứng được yêu cầu của hiện tại, có giá trị đối với xã hội hiện đại. Như vậy, vấn đề không chỉ là cần thừa nhận vai trò, sự hiện diện của giá trị tinh thần truyền thống trong sự phát triển xã hội hiện đại, mà còn là xác định đúng phương thức kế thừa, để các giá trị truyền thống thực sự là nhân tố và động lực của sự phát triển xã hội trong điều kiện hiện đại hóa.

2.2.1. Khái niệm giá trị và giá trị văn hóa truyền thống

Chúng ta có thể hiểu, giá trị là những cái thuộc về sự vật, hiện tượng và những thuộc tính của chúng mà có ý nghĩa tích cực đối với xã hội, một nhóm người và cá nhân, với tư cách là phương tiện thoả mãn những nhu cầu và lợi ích, đồng thời biểu thị niềm tin của con người về những mục đích và phương thức ứng xử lý tưởng. Như vậy, nói đến giá trị là nói đến đánh giá, tìm gia ý nghịa của sự vật này, sản phẩm kia mà chủ thể quan tâm, có ước muốn đạt được để thực hiện một mục đích nào đấy. Đó là thái độ (hệ thống thái độ của từng con người đối với xung quanh, một yếu tố cực kỳ quan trọng trong lối sống, cách sống [1].

Giá trị văn hoá là yếu tố cốt lõi của văn hóa, được sáng tạo và kết tinh trong quá trình lịch sử của dân tộc và nhân loại. Giá trị

văn hóa là một hệ thống các giá trị có ý nghĩa khách quan được quy định bởi thực tiễn lịch sử, bởi tính thông tin rộng rãi. Các giá trị văn hoá đều biểu hiện các lợi ích của các lực lượng xã hội tiên tiến. Các giá trị văn hóa đều chứa đựng những điều tốt đẹp (chân, thiện, mỹ) và luôn tạo ra các định hướng làm phát huy cái đúng, cái tốt, cái đẹp của con người.

Nói đến các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc ta là nói đến đặc thù của văn hóa Việt Nam với những bản sắc đậm đà, tốt đẹp đã hình thành và được lưu truyền từ ngày dựng nước cho đến nay. Xem xét các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam nổi lên 3 đặc điểm cơ bản: một là, giá trị đạo đức chiếm vị trí nổi bật; hai là, chủ nghĩa yêu nước được khẳng định là giá trị cốt lõi, giá trị định hướng các giá trị khác; ba là, những giá trị phổ biến của con người Việt Nam như tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung; trọng nghĩa tình đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động, tinh thần lạc quan... cũng được đề cập và coi đó là những giá trị văn hoá truyền thống quý báu của dân tộc ta.

2.2.2. Những giá trị văn hóa truyền thống cơ bản cần được giáo dục cho học sinh, sinh viên hiện nay

Học sinh, sinh viên là bộ phận ưu tú trong thanh, thiếu niên. Xét về mặt trình độ học vấn, học sinh, sinh viên là những người tiêu biểu đang được đầu tư, được giáo dục đào tạo ở bậc cao đẳng, đại học. Sau khi tốt nghiệp họ sẽ trở thành lực lượng lao động trí tuệ chính trong xã hội. Do đó, học sinh, sinh viên có vị trí và vai trò quan trọng, quyết định sự tiến bộ xã hội và sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Bởi thế, công tác giáo dục học sinh, sinh viên nói chung, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống nói riêng có một ý nghĩa quan trọng trong nội dung giáo dục và đào tạo ở nhà trường hiện nay.

Nội dung các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc rất phong phú, đa dạng, nhiều mặt. Đó là truyền thống yêu nước; truyền thống đoàn kết cộng đồng; truyền thống nhân ái, khoan dung; truyền thống hiếu học "tôn sư trọng đạo" và nhiều truyền thống tốt đẹp khác. Những giá trị văn hóa truyền thống quý giá của dân tộc đã tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam.

2.2.2.1. Giáo dục truyền thống yêu nước và tinh thần độc lập dân tộc

Truyền thống yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử dân tộc Việt Nam. Giáo dục cho học sinh, sinh viên kế thừa và phát huy giá trị truyền thống yêu nước trong chống ngoại xâm bảo vệ đất nước trong tình hình hiện nay tức là tích cực chống nghèo nàn lạc hậu, vươn tới mục tiêu mà Việt Nam đang hướng tới, đó là xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, hiện đại. Hơn lúc nào hết, học sinh, sinh viên cần nhận thức rõ vai trò vô cùng quan trọng của chủ nghĩa yêu nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2.2.2. Giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung

Truyền thống nhân ái được thể hiện ở tình yêu thương con người, sẵn sàng giúp đỡ người khác, không vụ lợi. Truyền thống khoan dung biểu hiện ở tính nhân đạo, lòng vị tha. Giáo dục truyền thống nhân ái khoan dung cho học sinh, sinh viên sẽ có tác dụng giáo dục học sinh,sinh viên kính thầy, yêu bạn, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, sinh hoạt, quý trọng của công, quan tâm đến nỗi bất hạnh của người khác; giúp học sinh, sinh viên không ngừng nâng cao nhận thức, tự giác sống tốt đẹp hơn, biết lấy lợi ích tập thể, lợi ích dân tộc làm định hướng cho cuộc sống của mình, góp phần hình thành và phát triển nhân cách học sinh, sinh viên.

2.2.2.3. Giáo dục truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng

Truyền thống đoàn kết, ý thức cộng đồng được biểu hiện qua các mối quan hệ cộng đồng lớn nhỏ khác nhau như gia đình, gia tộc, họ hàng, làng xã và lớn hơn là cộng đồng dân tộc, cộng đồng người Việt Nam. Vì vậy, giáo dục truyền thống đoàn kết cộng đồng cho sinh viên là từng bước xây dựng cho sinh viên ý thức tập thể, đoàn kết cá nhân với tập thể hòa chung vào các phong trào của tập thể từ lớp, khoa đến trường và rộng ra toàn xã hội. Qua đó trang bị cho sinh viên phương pháp hữu hiệu để giải quyết mối quan hệ cá nhân với tập thể, cá nhân với xã hội, biết đặt lợi ích tập thể, lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân, biết hy sinh cái riêng để phục vụ cái chung.

2.2.2.4. Giáo dục truyền thống yêu lao động cần cù tiết kiệm

Nhờ có truyền thống yêu lao động cần cù, tiết kiệm mà dân tộc ta đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên để xây dựng và phát triển đất nước. Vì vậy, giáo dục truyền thống yêu lao động cần cù, tiết kiệm sẽ giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của lao động trong sự phát triển xã hội, giúp họ có tình yêu và thái độ đúng đắn đối với lao động. Lao động là niềm vui, niềm hạnh phúc của tuổi trẻ. Lao động với tinh thần hăng say, sáng tạo. Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

2.2.2.5. Giáo dục truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo

Kế thừa và phát huy truyền thống hiếu học, truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là vinh dự lớn lao của người học sinh, sinh viên, góp phần làm giàu tiềm năng trí tuệ cho đất nước. Nó sẽ trở thành một trong những nhân tố đảo bảo cho sự phát triển với tốc độ cao, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đi đến thắng lợi. Ngoài những truyền thống quý giá của dân tộc đã nêu ở trên còn nhiều truyền thống tốt đẹp mà cha ông để lại như truyền thống anh dũng, bất khuất, kiên cường, truyền thống "uống nước nhớ nguồn"... Những truyền thống quý báu đó có một vị trí và vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội của nhân dân ta trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Do vậy, kế thừa truyền thống dân tộc, nâng truyền thống dân tộc lên một tầm cao mới, là trách nhiệm của mỗi người Việt Nam nhất là thế hệ trẻ hiện nay và mai sau.

2.2.3. Những chủ thể tham gia giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên hiện nay

Ở nước ta có nhiều chủ thể tham gia giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên. Ngoài các cơ quan của Đảng và Nhà nước, còn có các nhóm chủ thể khác: nhóm chủ thể lãnh đạo, quản lý (Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, Phòng đào tạo, Phòng công tác chính trị - sinh viên, Ban Chủ nhiệm khoa, giáo viên chủ nhiệm lớp…); nhóm chủ thể truyền đạt kiến thức (đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên...) và nhóm chủ thể hỗ trợ (các tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và gia đình sinh viên).

Trong những năm qua, các chủ thể đã phát huy vai trò của mình, hướng vào nhiệm vụ quan trọng nhất là giáo dục, rèn luyện học sinh, sinh viên phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh những thành tựu, những ưu điểm công tác giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên vẫn còn những hạn chế, bất cập.

Trong quá trình xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước tập trung sức vào phát triển kinh tế, chưa thật tập trung phát triển văn hoá trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống dân tộc, chưa đặt đúng vị trí và tầm quan trọng của công tác giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ nói chung, thanh niên học sin, sinh viên nói riêng tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Các chủ thể giáo dục chưa đặt hết tâm huyết của mình đối với việc gìn giữ và phát huy các giá trị truyền thống dân tộc trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Một số cán bộ, ở một số trường đã vi phạm kỷ cương phép nước và truyền thống đạo lý nghề dạy học làm ảnh hưởng đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên. Một số học sinh, sinh viên có suy nghĩ nông cạn, thái độ tự mãn, ích kỷ, hẹp hòi và ỷ lại vào người khác. Khi gặp khó khăn, thất bại trong cuộc đời, một số tỏ ra bi quan, chán nản và phản ứng lại xã hội bằng cách quay lưng với tất cả, coi thường các giá trị truyền thống dân tộc. Đó là một thực tế khiến cho công tác giáo dục truyền thống dân tộc trong các trường đại học gặp nhiều khó khăn, trở ngại.

2.2.4. Một số định hướng cơ bản đẩy mạnh giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho học sinh, sinh viên hiện nay

Để đạt được và hoàn thành các mục tiêu giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống cho học sinh, sinh viên, cần chú trọng tác động tích cực lên từng mặt của nhân cách vừa chú trọng đến sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau của các mặt đó trong chỉnh thể tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của học sinh, sinh viên. Công tác giáo giáo dục các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên trong nhà trường hiện nay đòi hỏi tất cả các chủ

thể giáo dục cần ý thức đầy đủ trách nhiệm lớn lao của mình trong sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên nói riêng. Đồng thời, bản thân học sinh, sinh viên phải luôn có ý thức rèn luyện, kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, góp phần làm tăng thêm nguồn động lực tinh thần, đưa sự nghiệp đổi mới của đất nước ta đi đến thắng lợi. Để đạt được mục tiêu giáo dục, cần đẩy mạnh thực hiện một số định hướng cơ bản đẩy mạnh giáo dục giá trị văn hoá truyền thống cho học sinh, sinh viên hiện nay:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục

Trong bối cảnh việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Đổi mới giáo dục bao hàm đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục. Thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục, phải lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của người học. Công tác học sinh, sinh viên muốn đạt được kết quả tốt cũng phải quán triệt quan điểm chỉ đạo này đồng thời phải chăm lo lợi ích và nhu cầu chính đáng của học sinh, sinh viên. Quán triệt quan điểm giáo dục toàn diện và đổi mới giáo dục của Đảng và Nhà nước là một yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài và là nhiệm vụ đòi hỏi sự sáng tạo, sự đổi mới của nhà trường hiện nay.

Thứ hai, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống gắn với việc giáo dục các giá trị văn hóa hiện đại, tiến bộ cho học sinh, sinh viên

Trong công tác giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cho sinh viên hiện nay là phải kết hợp giữa truyền thống và hiện đại. Trong giáo dục truyền thống mối quan hệ này được thể hiện rõ rệt cả ở nội dung và hình thức giáo dục, tránh thái độ cực đoan hay đón nhận một cách không có chọn lọc, thiếu cân nhắc những giá trị văn hóa ngoại lai, đón nhận những giá trị lai căng. Bởi vì, có những giá trị truyền thống tiếp tục được bảo tồn, phát huy trong điều kiện, hoàn cảnh mới, có tác dụng to lớn trong sự phát triển đời sống tinh thần xã hội, ngược lại cũng có những truyền thống không còn thích ứng với xã hội hiện đại; có những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức vốn được coi trọng trong quá khứ đến nay nó đã không còn phù hợp với điều kiện mới.

Thứ ba, hình thành các giá trị văn hóa mới cho học sinh, sinh viên gắn liền với việc đẩy mạnh đặc trưng xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Yêu cầu văn hóa trong việc xây dựng thế hệ trẻ Việt Nam về nhân cách là một công việc cực kỳ cần thiết, vừa rất cơ bản, chiến lược, vừa rất cấp bách, trong đó, nhấn mạnh bốn giá trị lớn mà văn hóa phải chăm lo nuôi dưỡng cho thanh niên là: Lý tưởng sống; Năng lực trí tuệ; Vẻ đẹp đạo đức; Bản lĩnh văn hóa. Để tạo ra các giá trị văn hóa mới phải đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của phương châm xã hội hóa các hoạt động văn hóa, những năm tới cần nỗ lực triển khai thực hiện các nội dung lớn là: Huy động mọi nguồn lực xã hội cho sự phát triển văn hóa; Phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức... tham gia vào tất cả các lĩnh vực của văn hóa và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về văn hóa; Đối với thanh niên, sinh viên, yêu cầu xây dựng và triển khai thường xuyên chương trình giáo dục văn hóa - thẩm mỹ và chất lượng giáo dục khoa học nhân văn trong các nhà trường.

3. Kết luận

Để đạt được mục tiêu giáo dục và đào tạo đã đề ra cần tiến hành giáo dục học sinh, sinh viên toàn diện, vừa chú trọng tác động tích cực lên từng mặt của nhân cách vừa chú trọng đến sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau của các mặt đó trong chỉnh thể tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của sinh viên. Cần thực hiện chiến lược con người, xây dựng con người mới với những phẩm chất mới nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước. Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc cho học sinh, sinh viên trong nhà trường sẽ có tác dụng chuyển hoá sức mạnh tinh thần, năng lực trí tuệ của tuổi trẻ thành sức mạnh vật chất, để phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của dân tộc, vừa tiến lên văn minh hiện đại, vừa giữ gìn các giá trị văn hoá dân tộc, tạo lập con đường phát triển ổn định và bền vững cho đất nước trong thế kỷ mới. Một số khuyến nghị:

Một là, đưa giáo dục giá trị thành nội dung chính cho môn học

"Giáo dục công dân" ở cấp phổ thông và tích hợp vào môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh ở bậc đại học.

Hai là, lấy phát triển bền vững làm chiến lược bao trùm, chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam phải được xây dựng theo quan điểm bốn trụ cột là văn hóa, chính trị, kinh tế và môi trường với ưu tiên xây dựng văn hóa – con người.

Ba là, phổ biến rộng rãi việc giáo dục giá trị trên mọi kênh truyền thông. Khuyến khích mọi cơ quan, doanh nghiệp tham gia tuyên truyền, phổ biến giới thiệu rộng rãi hệ giá trị.

N.H.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập tâm lý học,* Nxb. Giáo dục, Hà Nội

[2] Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (chủ biên) (2015), Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập (Sách chuyên khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hôi, Hà Nội.

[4] Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghê, TP Hồ Chí Minh.

ABSTRACT

Confirm the need to educate traditional values for students in the current period. The article analyzes some of the basic cultural values that need to be educated for today's students: the patriotic tradition; the tradition of community solidarity; love, tolerance; The tradition of fondness learning "be deferential to teacher and respected for moral".

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH TRONG CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TP. HCM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ThS. Nguyễn Thị Huyền Thảo*

1. Đặt vấn đề

Giáo dục phổ thông Việt Nam trong những năm qua, bên cạnh những thành tựu đạt được thì cũng đang phải đối mặt với một số những thách thức trong xu thế hội nhập vào toàn cầu hóa. Nghị quyết 29- TW (2013) của Đảng đã đặt ra yêu cầu đổi mới giáo dục toàn diện. Người học cần phải đạt được các yêu cầu và phẩm chất như:

Ở cấp độ toàn cầu, Unesco đưa ra mục tiêu của giáo dục là: Học để biết, học để hiểu, học để khẳng định mình và học đề cùng chung sống và Tuyên ngôn giáo dục cho mọi người đã hướng đến việc giáo dục để con người biết chia sẻ và chung sống. Đối với Việt Nam, nhiều năm qua, giáo dục phổ thông luôn được xem là gánh nặng đối với người học, nặng về kiến thức, nhẹ về giáo dục các giá trị cho học sinh. Việc dạy các kỹ năng mềm, biết xử lý các tình huống và giải quyết vấn đề đã đặt ra cho các những nhà quản lý, người làm công tác giáo dục và giáo viên cần phải hiểu và nhận thức đầy đủ về giáo dục giá trị. Đề cập đến giáo dục giá trị thì có nhiều góc nhìn, cách tiếp cận khác nhau. Vậy, giáo dục giá trị là gì? Thực trạng của giáo dục giá trị hiện nay như thế nào và giải

* Trường ĐH Khoa học, ĐH Thái Nguyên

pháp nào để giáo dục giá trị có hiệu quả? Bài viết đi sâu vào việc trình bày và phân tích cách vấn đề trên.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận

Giáo dục giá trị là cụm từ được sử dụng phổ biến đầu thế kỉ XXI trên lĩnh vực giáo dục. Đây là một khái niệm mới để thay thế cho cụm từ được sử dụng phổ biến là giá trị của giáo dục hay mục tiêu giáo dục cần đạt được của quá trình dạy và học. Để hiểu rõ nội hàm và ý nghĩa của thuật ngữ này, trước hết cần hiểu giá trị là gì?

Theo từ điển tiếng Việt thì giá trị là một danh từ để chỉ cái làm cho một vật có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về một mặt nào đó. Từ điển Tiếng Việt đưa ra ba hàm nghĩa phổ thông: 1.Tiếp cận ở giá trị với góc độ là kết quả của tiến trình, công việc hay thì nó được định nghĩa là *cái được xác định có ích, có hiệu quả trong cuộc sống vật chất và tinh thần.* Tiếp cận với hàm nghĩa là đánh giá của một công việc, tiến trình làm việc thì nó được xác định là: *xác định hiệu xuất của một việc làm* 3. Trong lĩnh vực sản xuất thì giá trị được hiểu là *kết quả của mọi điều kiện sản xuất ra hàng hóa*. 4.Trên lĩnh vực toán học và lĩnh vực khoa học tự nhiên thì nó được xem là s*ố đo của một đại lượng hay thay thế bằng một ký hiệu* (Nguyễn Như Ý, 1998, tr 725)

Tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau thì giá trị có nội hàm khác nhau. Theo tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo dục Trung học phổ thông thì "Giá trị được dựa trên quan hệ giữa người với người trong xã hội (quan điểm của Mặc gia và Nho gia), là sự thỏa mãn nhu cầu (Aristote) và bản chất của cái thiện (W. James), là tất cả "những sự vật có ích" (R.B. Perry). Giá trị gồm giá trị sử dụng bên ngoài và giá trị bên trong, sâu hơn. Giá trị bên trong là giá trị khách quan (G. E. Moore), tự có trong bản thân một vật nào đó (A. J. Barmen), đầy đủ, hoàn thiện, không cần nhờ vật bên ngoài mới có giá trị (H. Tetus). Giá trị là mục tiêu cuối cùng của mọi ý định của chúng ta. Đó là những gì chúng ta lựa chọn và khẳng định bằng hành động nhất quán (B. shashidhar)" (Bộ giáo dục& đào tạo, 2015, trang 1).

Các định nghĩa nêu trên đã cho thấy sự đa dạnh trong cách

tiếp cận về giá trị. Ở mỗi lĩnh vực khác nhau, thì nội hàm khác nhau. Tựu chung lại thì giá trị được hiểu là ý nghĩa tích cực hành vi, ứng xử, mục tiêu và đích đến của một quá trình.

Giáo dục giá trị là gì? Theo định nghĩa của Wikipedia thì giáo dục giá trị là **Value education**: Theo đó, là quá trình mà người học tiếp nhận được giá trị giáo dục từ người khác; nó có thể là các hoạt động diễn ra thông qua việc tổ chức thực hiện bởi sự hổ trợ của người khác người đó là người lớn hơn; những kinh nghiệm được truyền đạt lại để làm cho mọi người nhận được, những giá trị và các hành vi tích cực đối với cuộc sống lâu dài của họ và cho người khác, và cảm nhận được những giá trị hành vi khiến cho họ cảm thấy hạnh phúc và người khác dù có sự khác biệt về văn hóa và giáo dục.(https://en.wikipedia.org/wiki/Values_education)

Có thể xem giáo dục gía trị chính là mục tiêu của giáo dục. Bàn về giá trị của giáo dục thì Littlewood (1991) cho rằng: giáo dục là hành động thực hiện ba khuynh hướng mục tiêu sau: 1. Truyền đạt kiến thức về tri thức và văn hóa. 2. chuẩn bị cho người học trở thành thành viên của xã hội. 3. phát triển cá nhân người học.

Có thể hiểu, giáo dục giá trị là quá trình dạy và học đạt được mục tiêu là người học đạt được những giá trị mà giáo dục mang đến. Tiếp cận góc độ giáo dục thì giá trị được hiểu là mục tiêu, kết quả cần đạt đến mà người học có được sau quá trình học. Đích đến của giáo dục là hướng đến chính là quá trình nhận thức của người học và góp phần nâng cao khả năng tự nhận thức để làm cho xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

2.2. Mục tiêu của giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Từ năm 2013, Đảng đã ban hành Nghị Quyết 29-TW về đổi mới giáo dục toàn diện. Đây được xem là mệnh lệnh cho ngành giáo dục thực hiện công cuộc đổi mới giáo dục trước xu thế toàn cầu hóa nói chung và toàn cầu hóa giáo dục nói riêng trong những năm đầu thế kỉ XXI.

Theo Nghị quyết 29-TW thì mục tiêu của giáo dục phổ thông là Mục tiêu giáo dục phổ thông " tập trung phát triển trí tuệ, thể

chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời"Như vậy: Giáo dục cần đạt được 5 giá trị sau : 1. Năng lực. 2. Phẩm chất. 3. Thể chất. 4. Đạo đức, lối sống. 5. Truyền thống văn hóa dân tộc. Theo đó, người học phải có được kiến thức, kỹ năng và người học phát huy năng lực sáng tạo, tự học.

Từ mục tiêu trên của Đảng, Quốc Hội đã ban hành nghị quyết 88. Muốn đạt được mục tiêu giáo dục thì trước hết cần đổi m ới nội dung và chương trình giảng dạy, sách giáo khoa để tương thích với mục tiêu mới của giáo dục. Vì thế, nghị quyết 88 QH về đổi mới sách giáo khoa. Theo đó, mục tiêu của giáo dục phổ thông và sách giáo khoa phải "phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa Việt Nam và phù hợp với xu thế quốc tế, đồng thời đổi mới toàn diện mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục theo yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; khắc phục tình trạng quá tải; tăng cường thực hành và gắn với thực tiễn cuộc sống."(Nghị quyết 88/ QH-13, 2014)

Nghị quyết 88/ QH cũng đề cập đến nội dung đổi mới của giáo dục phổ thông là : *Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống văn hóa, lịch sử, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.* Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời"

Thành phố Hồ chí minh đưa ra mục tiêu giáo dục của thành phố HCM. Tại hội nghị đánh giá về 5 năm thực hiện nghị quyết đổi mới giáo dục của Đảng. Thành phố đã đặt ra mục tiêu là giáo dục thành phố được chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, giáo dục vẫn giữa gìn được bản sắc văn hóa truyền thống dân tốc và theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, giá trị giáo dục mà người học cần đạt được đó chính là học sinh được giảng dạy bằng phương pháp tiên tiến, hiện đại và

phát triển được năng lực bản thân một cách toàn diện. Quan trọng nhất là học sinh có nền tảng tiếng Anh đạt chuẩn quốc tế và có khả năng tự học sau khi tốt nghiệp bậc THPT.

Như vậy, Với nghị quyết 29/TW và nghị quyết 88/QH của Đảng và Quốc Hội đã đề ra các mục tiêuị giáo dục cần đạt được ở bậc phổ thông trung học. Trên cơ sở đó, Tp.HCM cũng đã đề ra mục tiêu và giá trị giáo dục cần đạt được của người học trong quá trình giáo dục ở bậc THPT.

2.3. Thực trạng hiện nay về giáo dục giá trị hiện nay

2.3.1. Thành tựu

Sau 5 năm thực hiện công cuộc đổi mới giáo dục toàn diện từ nghị quyết 29 - TW, giáo dục Việt Nam đã đặt được những thành tựu đáng kể. Theo PGS.TS Nguyễn Chí Thành, Chủ nhiệm Khoa - Khoa học giáo dục - ĐH QGHN cho biết, tại Hội nghị Tổng kết 5 năm thực hiện đổi mới giáo dục, nhóm nghiên cứu của Khoa giáo dục ĐH QGHN đã ghi nhận sự chuyển biến về giáo dục phổ thông. Chất lượng giáo dục phổ thông, được đánh giá tiệm cận chuẩn thế giới.

Điều này cũng tương đồng với bản báo cáo của Ngân hàng thế giới công bố ngày 15/3/2018, có 7/10 hệ thống giáo dục hàng đầu thế giới nằm ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Trong đó, giáo dục của Trung Quốc và Việt Nam được ghi nhận là phát triển, ấn tượng về đổi mới giáo dục. Học sinh phổ thông Việt Nam nằm trong nhóm có thành tích học tập cao nhất khu vực Đông Á - Thái Bình Dương. Các đoàn học sinh Việt Nam tham dự Olympic quốc tế và khu vực, thi khoa học kỹ thuật quốc tế đều đạt kết quả tốt. Điều này minh chứng cho chất lượng giáo dục phổ thông về đào tạo kiến thức. Đây vốn là điểm mạnh của nền giáo dục Việt Nam, vốn có truyền thống lâu đời về truyền thụ tri thức.

Riêng thành phố Hồ Chí Minh sau 5 năm thực hiện đổi mới giáo dục theo tinh thần của nghị quyết 29/ TW.Tp đã đạt được một số thành tựu như sau : Đối với giáo dục trung học, 100% giáo viên đạt chuẩn, số giáo viên trên chuẩn bậc THCS là 85,3% và bậc THPT là 19,4%. Các hoạt động dạy học tích hợp liên môn, hoạt động trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường được đưa vào

thực hiện. Các trường trung học phối hợp với các trường cao đẳng chuyên nghiệp đẩy mạnh công tác hướng nghiệp, phân luồng, hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. (https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/phan-dau-dua-tphcm-tro-thanh-trung-tam-giao-duc-%E2%80%93-dao-tao-chat-luong-cao-cua-khu-vuc-dong-nam-a-1491847024)

Có thể nói, công cuộc đổi mới giáo dục toàn diện của Đảng đã dần đi vào thực tiễn giáo dục trên phạm vi cả nước nói chung và TP. HCM nói riêng.

2.3.2. Thách thức

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì giáo dục thành phố HCM đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Những thách thức trong giáo dục nói chung và giáo dục giá trị cho học sinh THPT hiện nay là :

- Về kiến thức: Do hình thức thi cử hiện nay vẫn còn nặng về kiến thức, luyện thi nền giáo dục tri thức vẫn đang là nhiệm vụ chính của các trường THPT. Việc **c**hú trọng vào việc truyền đạt kiến thức, mang nặng tính nhồi nhét, quá coi trong bằng cấp và kết quả thi cử, nên chưa chú trọng đến năng lực và phẩm chất của người học. Ở bậc học phổ thông; vì quá tham vọng về trang bị kiến thức nên chương trình giáo dục mang nặng tính lý thuyết sách vở, không phù hợp với tâm sinh lý, khả năng tiếp thu của người học đặc biệt là ở lứa tuổi THPT. Theo khảo sát của đề tài " Vấn đề thiếu ngủ của học sinh THPT ở Tp. HCM" với hơn 7.000 học sinh THPT trên địa bàn thành phố thì cứ 5 học sinh thì có 4 em gặp khó khăn trong việc tập trung trên lớp do ảnh hưởng trực tiếp từ giấc ngủ. Có 44,1% học sinh không ngủ trưa, hơn 50% học sinh đi ngủ sau 23h và thức dậy trước 5h30 sáng.(Trần Thùy Trang, Phạm Khánh Vy, 2017, dẫn theo https://news.zing.vn/ap-luc-hoc-tap-khien-hoc-sinh-tu-tu-vi-bi-mang-keu-cuu-vi-thieu-ngu-post809658.html). Áp lực học tập đang khiến cho học sinh bậc THPT rơi vào tình trạng căng thẳng. Vì thế dẫn đến việc học đối phó và ngày biến thành con bệnh mãn tính về chạy đua theo kiến thức và thành tích. Từ đây, dẫn đến việc các dễ bị rối loạn, mất khả năng kiểm soát hành vi. (Quách đình liên, Lê Trung Tín,

http://pou.edu.vn/phongkh-htdn/news/can-danh-gia-dung-thuc-trang-hien-nay-de-co-giai-phap-thich-hop-cho-doi-moi-can-ban-va-toan-dien-nen-giao-duc-nuoc-nha.256truy cập 2018)

- Đạo đức, lối sống: Theo kết quả nghiên cứu mới nhất của Lê Duy Hùng (2013) về giáo dục đạo đức cho học sinh bậc THPT trên địa bàn TP.HCM đã đưa ra các số liệu khảo sát như sau " có tới 60,8% HS cho rằng đấy là hành vi rất không tốt, và không tốt là 34,1%. Hay như hành vi nói tục, chửi thề, chửi bậy có tới 42,4% HS cho rằng đấy là hành vi rất không tốt, 44,2% HS cho đó là hành vi không tốt. Tuy nhiên, bên cạnh những HS có nhận thức đúng đắn về những hành vi vi phạm đạo đức, thì còn một số ít HS chưa nhận thức đầy đủ. Ví dụ, khi được hỏi về hành vi vi phạm giao thông thì có tới 16,7% HS cho rằng đó là hành vi bình thường. Tiếp đến là hành vi uống rượu bia, hút thuốc lá, có 12,5% HS xem đó là hành vi bình thường (Tạp Chí Khoa học- ĐHSP. TPHCM, số 50, trang 31). Số liệu cho thấy học sinh THPT đang có cách nhìn về các giá trị đạo đức theo hướng lệch chuẩn.

- Giá trị văn hóa truyền thống: Việt Nam là nước có nền văn hóa truyền thống lâu đời với các giá trị văn hóa được Unesco công nhận. Sự đa dạng về các loại hình văn hóa, các giá trị truyền thống của dân tộc đã tạo nên nét riêng và hình thành nên văn hóa Việt không lẫn vào các nước khác. Dù lịch sử, văn hóa nước ta bị ảnh hưởng khá nhiều từ văn hóa Trung Quốc, song không vì thế mà văn hóa Việt Nam không tạo nên những dấu ấn riêng mình như : hát chèo, ả đào, các hình thức văn hóa dân gian..vv. Đứng trước xu thế toàn cầu hóa, sự mở rộng lan tỏa của các nền văn hóa trên thế giới đang đặt ra nhiều thách thức cho văn hóa truyền thống và giáo dục giá trị cho học sinh bậc THPT. Việc duy trì, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống là việc cấp bách, cần thiết. Để làm được điều này, cần phải đưa vào giảng dạy, định hướng trong giáo dục được xem là giải pháp khả thi và phù hợp nhất. Vì thế, chủ trương của Bộ giáo dục về dạy học di sản và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống được đề cập vào năm 2013 cùng với Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ VHTTDL ngày 16/01/2013 Trên bình diện chung, giáo dục giá trị văn hóa truyền thống qua di sản đã tạo nên sự hứng thú

cho học sinh, được xem là bước đột phá của giáo dục. Tuy nhiên, một số nơi vẫn còn thực hiện một cách kiên cưỡng.

- Kỹ năng thực hành và vận đụng kiến thức trong thực tiễn: Xuất phát từ nên giáo dục Nho học và nguyên lý giáo dục là truyền thụ kiến thức. Nên giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục Tp.HCM vẫn còn tồn tại phương pháp dạy học truyền thống nên giáo dục chủ yếu vẫn bị bó buộc tại các lớp học. Ít có các tiết học thực hành. Một số môn học có tiết thực hành chủ yếu là các môn khoa học tự nhiên như Hóa, Sinh, Lý và còn lại là học lý thuyết. Nên kỹ năng vận đụng tri thức để giải quyết yêu cầu, nhu cầu thực tiễn cuộc sống vẫn chưa được quan tâm. Xuất phát từ nền giáo dục khép kín trong nhà trường và chủ yếu dựa trên sự tương tác giữa thầy và trò trong phạm vi của sách giáo khoa, thiếu sự tương tác với xã hội.

- Kỹ năng mềm là khái niệm chỉ về khả năng giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, sáng tạo, đổi mới, tư duy phản biện, kỹ năng hợp tác … Kỹ năng mềm giúp chúng ta thành công dựa trên khả năng ứng xử, giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề một cách linh động để đạt được mục tiêu. Trên thực tế, do giáo dục chủ yếu tập trung vào truyền thụ tri thức nên một số học sinh chủ yếu chỉ học để dáp ứng nhu cầu kiểm tra, đánh giá, vì thế học sinh bậc THPT thiếu đi tính năng động, sáng tạo và kỹ năng mềm. Theo khảo sát gần đây củaMột nghiên cứu khác cho thấy thành công của một người được quyết định bởi 25% trình độ chuyên môn, bằng cấp, 75% còn lại là những kỹ năng mềm mà họ được trang bị. (http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/giao-duc/nhieu-ban-tre-that-bai-vi-thieu-ky-nang-mem-3225549/). Đây chính là thách thức cho giáo dục Việt Nam nói chung và học sinh THPT trên địa bàn Tp.HCM.

2.4. Giải pháp

Để đạt được mục tiêu giáo dục nói chung và giáo dục giá trị đạt duwojd kết quả như mong muốn. Tác giả kiến nghị một số giải pháp sau :

2.4.1. Xây dựng mô hình câu lạc bộ học thuật trong trường THPT

Bên cạnh các hoạt động chính khóa là dạy học, thì cần thành lập các câu lạc bộ học thuật, sinh hoạt chuyên đề, định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng. Các trường THPT hiện nay, đang thiếu vắng các hoạt động của các câu lạc bộ chuyên môn và sinh hoạt chuyên đề. Đây là một vấn đề cần xem xét và đưa vào hoạt động quản lý của các trường THPT. Các câu lạc bộ học thuật như Câu lạc Bộ Văn hóa Việt Nam là nơi để các em học sinh có thể tiếp nhận và hiểu hơn về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Góp phần lan tỏa trong học sinh và giới trẻ khi câu lạc bộ hoạt động theo hướng mở. Việc thành lập câu lạc bộ giúp cho học sinh có cơ hội thực hành và vận dụng các kiến thức để thực hiện các chuyên đề định kỳ sinh hoạt. Ngoài ra các em được hỗ trợ trong việc tổ chức nhân sự, phân cấp phụ trách và phân công công việc cho các thành viên giúp cho học sinh có khả năng điều hành, tổ chức, hợp tác và làm việc nhóm. Việc này giúp cho học sinh phát huy năng lực, khả năng và đam mê của bản thân đối với môn học và những kỹ năng, thế mạnh của bản thân. Hiện nay, một số trường THPT trên địa bàn TP.HCM đã có các câu lạc bộ học thuật như THPT Chuyên Lê Hồng Phong, THPT Chuyên Trần Đại nghĩa, THPT Nguyễn Thượng Hiền ..vv Các dự án vì cộng đồng như trường PT Năng Khiếu- ĐHQG.TPHCM.v.v...

2.4.2. Giáo dục giá trị văn hóa, đạo đức qua các môn khoa học xã hội

Trong giáo dục cần phát huy tích hợp giá trị văn hóa truyền thống qua một số môn học như: Giáo dục công dân, Lịch sử, Ngữ văn, Địa lý. Cần phải xem xét đến vị trí, vai trò của các môn học này trong Trường THPT. Đây là những môn học mà giá trị giáo dục đạo đức được lồng ghét, truyền tải và mang đến cho học sinh những giá trị đạo đức, nhân văn và cách ứng xử tế nhị, khéo léo của môn Văn; đạo đức lối sống qua môn giáo dục công dân, tự hào và hiểu về lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc qua môn Lịch sử và yêu đất nước qua từng vùng đất với những đặc điểm tự nhiên, dân cư và nền văn hóa vùng, miền của môn Địa Lý. Thông qua các bài học, người học được trải nghiệm, khám phá và yêu hơn về quê hương, đất nước. Các em sẽ xác định trách nhiệm công dân trong việc giữ gìn, phát huy và phát triển các giá trị văn hóa

truyền thống đó. Đồng thời rèn luyện cho các em những kỹ năng cần thiết để thể hiện các giá trị văn hóa truyền thống trong đời sống xã hội. Có kỹ năng đánh giá, phê phán những việc làm đúng và chưa đúng trong giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng.

2.4.3. Đẩy mạnh hoạt động học và trải nghiệm thực tế

Việc học tại lớp, bó buộc trong các lớp học khiến cho học sinh không nhận thấy được sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn. Vì thế, học sinh THPT không có sự linh động, sáng tạo khi đi vào thực tiễn cuộc và thiếu khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề này sinh trong cuộc sống. Mỗi trường THPT cần lên chương trình đưa học sinh trải nghiệm với môi trường bên ngoài thông qua các môn học như Anh văn. Cụ thể là tham gia phỏng vấn, giao tiếp với người nước ngoài tại các khu vực trung tâm thành phố. Qua đây, các em có thể giao tiếp tiếng Anh với nhiều du khách nước ngoài đến từ nhiều quốc gia khác nhau để nhận biết, phân biệt được sự khác nhau về ngữ điệu, cách phát âm, giao tiếp và văn hóa giao tiếp của các nền văn hóa khác nhau.

Đối với môn Lịch sử, đưa học sinh tham quan và học tại Bảo tàng, nhà truyền thống hay mời các nhân chứng lịch sử để giao lưu, trò chuyện và hiểu thêm về lịch sử mà những điều sách giáo khoa không đề cập. Sự khác biệt giữa sự thật qua lời kể và những điều chưa đề cập để học sinh hiểu thêm và có thêm một góc nhìn, nhận định, đánh giá thay vì chỉ nhìn một chiều từ sách giáo khoa…

2.4.4. Tăng cường hoạt động thực hành, thí nghiệm

Dạy học theo định hướng STEM đang là xu thế chủ đạo của thế giới trong việc tích hợp các môn khoa học. Việc học đi đôi với hành và thí nghiệm là vấn đề không mới trong giá dục sau ngày đổi mới đất nước. Song, vấn đề là việc thực hành thiếu sự định hướng, hướng dẫn, chú yếu chỉ làm các thí nghiệm theo định hướng sách giáo khoa mà không thấy được sự sáng tạo của người học và khả năng thực hiện các hoạt động thí nghiệm. Vấn đề thiếu cơ sở vật chất, các trang thiết bị cũng như ngân sách của nhà nước, thành phố cho các hoạt động thí nghiệm, thực hành đang đặt ra các thách thức đối với việc dạy học và phát huy năng lực sáng tạo, rèn

luyện các kỹ năng, thao tác đặt nền tảng ban đầu cho những ứng dụng khoa học trong thực tiễn cuộc sống. Việc cần làm là tận dụng các vật dụng, trang thiết bị sẵn có để thực hiện các thí nghiệm, thực hành và sáng tạo tại sân trường, tại lớp học hay thực hiện các thí nghiệm ảo qua các phần mềm sẵn có. Cần xem xét lại việc ứng dụng STEM trong các môn khoa học xã hội. Đó chính là thực hiện các khảo sát, phân tích số liệu qua các phầm mềm điện toán để đưa ra nhận định, đánh giá mang tính chất định lượng và định tính. Tuy theo đặc trưng của môn học xã hội như: Địa, Sử, Văn hay công dân thì vẫn có các dự án, đề tài thực nghiệm.

3. Kết luận

Giáo dục giá trị đang là vấn đề cấp thiết hiện nay trong bối cảnh đổi mới giáo dục toàn diện của Đảng và phù hợp với xu hướng khách quan của toàn cầu hóa giáo dục trong thế kỉ XXI. Đối với TP. HCM thì giáo dục giá trị càng có ý nghĩa hơn khi TP. HCM luôn được xem là đầu tàu của đổi mới giáo dục. Bên cạnh những thành tựu và thách thức về giáo dục giá trị hay mục tiêu giáo dục cần đạt được thì Tp.HCM nói chung và cả nước cần có những giải pháp kịp thời để phát huy mặt tích cực của giáo dục giá trị đã và đang có để mang lại giá trị thực sự cho học sinh và cao hơn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thực tiễn xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục & đào tạo (2015), Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo dục Trung học phổ thông, Modul 26.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), Nghị Quyết 29/TW

3. Quốc Hội Việt Nam (2014), Nghị quyết 88/QH

4. Littlewood, W. 1991. Curriculum design. Applied linguistics and language teaching, by R. Bowers, and C. J. Brumfit. London. Macmillan and The British Council.

5. Nguyễn Như Ý (1998), Đại từ điển Tiếng Việt, NXBVHTT, TPHCM

6. https://en.wikipedia.org/wiki/Values_education)

7. (http://baodatviet.vn/chinh-tri-xa-hoi/giao-duc/nhieu-ban-tre-that-bai-vi-thieu-ky-nang-mem-3225549/).

8. https://news.zing.vn/ap-luc-hoc-tap-khien-hoc-sinh-tu-tu-vi-bi-mang-keu-cuu-vi-thieu-ngu-post809658.html

9. Quách Đình Liên, Lê Trung Tín, http://pou.edu.vn/phongkh-htdn/news/can-danh-gia-dung-thuc-trang-hien-nay-de-co-giai-phap-thich-hop-cho-doi-moi-can-ban-va-toan-dien-nen-giao-duc-nuoc-nha.256truy cập 2018)

10. http://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/phan-dau-dua-tphcm-tro-thanh-trung-tam-giao-duc-%E2%80%93-dao-tao-chat-luong-cao-cua-khu-vuc-dong-nam-a-1491847024

ABSTRACT

1. Introduction

Nowadays, educating values for high school students is one of the essential issues. Ho Chi Minh City was a famous province for leading educational reforms in Vietnam. Besides the educational achievements Ho Chi Minh City have made, educating values of Ho Chi Minh City is facing many challenges. This article should focus on analyzing the current situation and proposing some solutions to improve the quality of educating values for high schools in Ho Chi Minh City.

2. Contents

2.1 Some of theoretical issues

Educating values is one of the concepts widely used in the educational fields in the 21th century. However, the function of this concept is not different from educational values or educational goals.

Values have widely and diversified functions, which is used in different fields. In this article, the author uses them as the functions of the positive points that education has brought learners behaviour, cognition and knowledge, etc.

Educating values for high school students is actually providing them with knowledge, skills and capacity.

2.2. Current situation of educating values

Apart from the achievements, educating values is facing to many challenges. 1. Educational knowledge overload. 2. Lack of educating of skills and conduct. 3. Exertion of pressure on students.

2.3. Suggestions and solutions

All high schools should do:

- Build the models of academic clubs
- Educate cultural values throughout social subjects
- Pay attention to learning and experience activities
- Strengthen practical and experiment activities throughout STEM model

3. Conclusion

Educating values is an essential issue for high schools in HCM city and all the country to conduct. This is also one of the educational goals of educational reforms that the communist party sets out for Vietnamese education in a new period .

Keywords: educating values, education, high school, education, HCM city, students

VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC GIA ĐÌNH, NHÀ TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI VỚI GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NGHỀ NGHIỆP CHO THANH NIÊN TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

HUỲNH HỒ THU THẢO*

1. Đặt vấn đề

Bước vào thế kỷ XXI, trong bối cảnh của xã hội hiện đại thì con người trở thành mục tiêu và động lực để phát triển đất nước. Thanh niên là thế hệ trẻ, là lực lượng nòng cốt luôn đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đứng trước nhiệm vụ to lớn đó, thanh niên cần phải có tri thức khoa học và có lý tưởng vững vàng để có thể trở thành chủ nhân tương lai của đất nước.

Tuy nhiên, trong nhiều năm qua với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, đặc biệt xã hội phát triển cùng với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã tác động không nhỏ đến niềm tin, lý tưởng, giá trị đạo đức của thanh niên. Hệ thống giá trị và sự định hướng giá trị của con người nói chung và thanh niên nói riêng đã có nhiều biến đổi. Điều này đưa đến sự phân hóa mạnh trong quá trình phát triển của thế hệ trẻ hiện nay.

Trong điều kiện mới, thanh niên sẽ có những biến đổi sâu sắc về mọi mặt, đặc biệt là hệ thống các nhu cầu sẽ phát triển đa dạng và phong phú hơn. Đó là những nhu cầu về việc làm, thu nhập, học tập, nâng cao trình độ, giao lưu văn hóa, nghề nghiệp,

* Trường Đại học Tiền Giang

gia đình,…Do đó, việc giáo dục giá trị cho thanh niên trong đó có giáo dục giá trị nghề nghiệp là rất quan trọng. Bởi lẽ, chỉ khi con người có nghề nghiệp ổn định, phù hợp với sở thích, năng lực thì mới có khả năng phát triển và cống hiến cho xã hội. Đồng thời, định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn sẽ giúp cho thanh niên sống có ước mơ, hoài bảo, đủ sức vượt qua những tác động tiêu cực của đời sống xã hội, thật sự trở thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao; đồng thời phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

Nghị quyết Trung ương VIII, khóa XI đã nêu rõ: Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục không chỉ là quốc sách hàng đầu mà còn là "mệnh lệnh" của cuộc sống. Đồng thời, văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII bổ sung thêm chiến lược phát triển giáo dục đào tạo là phát triển nguồn nhân lực, khẳng định triết lý nhân sinh mới là "dạy người, dạy chữ, dạy nghề". Với tinh thần đó, việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục cần gắn liền với giáo dục giá trị trong nhà trường là vấn đề cấp thiết cần được sự quan tâm của nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Lý luận chung về giáo dục giá trị

2.1.1. Khái niệm giá trị

Thuật ngữ "giá trị" xuất hiện từ thời cổ đại, nhưng từ nửa sau thế kỷ XIX mới được dùng như một khái niệm khoa học và được tiếp cận bởi nhiều khoa học khác nhau.

Lúc đầu khái niệm giá trị được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, giá trị gắn với hàng hóa và sản xuất hàng hóa. Về sau, khái niệm giá trị được sử dụng phổ biến trong triết học, xã hội học, tâm lý học, mỹ học, đạo đức học,…

Khi đứng ở nhiều góc độ khoa học thì giá trị có nhiều khái niệm khác nhau, nhưng thông thường có thể hiểu giá trị là cái đáng quý, cái cần thiết, có ích lợi, có ý nghĩa, thỏa mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người. Giá trị là sản phẩm vật chất và tinh thần, vừa hữu hình vừa vô hình. Giá trị vật chất biểu thị là các sự vật, hiện tượng mà con người có thể nhận

thấy bằng các giác quan, đáp ứng nhu cầu ăn, mặc, ở của con người. Nhưng giá trị cũng có thể là một lý tưởng, tư tưởng như lòng nhân ái, sự lương thiện, cái đẹp, Chân Thiện Mỹ…, đó là những giá trị tinh thần.

Có thể nói, bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng có thể xem là giá trị, dù nó là vật thể hay tư tưởng miễn là sự vật, hiện tượng đó được các thành viên của xã hội thừa nhận, tạo cho nó một vị trí quan trọng trong đời sống của họ và cần đến nó như một nhu cầu thực thụ.

Như vậy, *giá trị* là những sự vật, hiện tượng có ý nghĩa và đáp ứng được các nhu cầu của cá nhân, cộng đồng và xã hội.

2.1.2. Khái niệm định hướng giá trị

Định hướng giá trị là sự phản ánh chủ quan các giá trị trong ý thức của con người, là sự xác định giá trị của các cá nhân, trên cơ sở hình thành lối sống, phong cách giao tiếp và toàn bộ hành vi cá nhân.

Khái niệm định hướng giá trị thường được hiểu theo hai nghĩa:

- Mỗi cá nhân hay cộng đồng nào đó định hướng giá trị cho mình có nghĩa là lựa chọn cho mình một giá trị hay hệ thống giá trị nào đó.

- Mỗi cá nhân hay cộng động định hướng giá trị cho một người hay tập thể nào đó có nghĩa là giáo dục giá trị.

2.1.3. Vai trò của giá trị

Giá trị được công nhận như là những khái niệm được liên hệ tới tình cảm, tư tưởng, được mọi người cùng chia sẻ và có tác dụng như là những chuẩn mực, quy tắc trong đời sống xã hội.

- Giá trị định hướng cho hoạt động của con người. Giá trị là cái quy định mục đích của hoạt động. Giá trị là cơ sở cho sự lựa chọn hành động của con người, là cơ sở hình thành định hướng giá trị của con người và chính con người là nơi sản sinh ra giá trị đồng thời cũng là nơi duy trì, truyền thụ và thực hiện giá trị.

- Giá trị là cơ sở của việc đánh giá thái độ, hành vi của con người. Khi có giá trị đúng đắn thì giá trị đó trở thành tiêu chuẩn, chuẩn mực để đánh giá thái độ, hành vi của con người.

- Giá trị là điều kiện, phương tiện quan trọng để thể hiện sự liên kết của các thành viên trong nhóm, cộng đồng, xã hội. Nhờ những giá trị chung như giá trị kinh tế, giá trị văn hóa, đạo đức… để duy trì sự liên kết xã hội.

- Giá trị là điều kiện, động lực giúp con người tồn tại và phát triển. Khi con người nhận thức, đánh giá và lựa chọn giá trị có ý nghĩa quan trọng với bản thân, cộng động, xã hội thì giá trị đó vừa là thước đo, tiêu chí để con người suy nghĩ và hành động vừa là yếu tố thúc đẩy con người hành động theo giá trị đã lựa chọn.

** Cấu trúc hệ thống giá trị*

Tùy theo mục đích tiếp cận, có nhiều cách phân loại khác nhau:

- Theo sự tiến hóa của con người, hệ thống giá trị bao gồm lý trí, tình cảm, vinh dự, phẩm giá, đạo đức.

- Dựa vào những vấn đề cơ bản của triết học, chia giá trị bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần:

+ Giá trị vật chất: bao gồm giá trị sử dụng (cái có ích) và giá trị kinh tế (cái bán được trong thị trường).

+ Giá trị tinh thần: bao gồm giá trị khoa học (giá trị nhận thức, cái chân lý), giá trị chính trị (cái chính nghĩa), giá trị pháp luật (cái hợp pháp), giá trị đạo đức (cái thiện, cái ác), giá trị thẩm mỹ (cái đẹp), giá trị tôn giáo (sự linh thiêng).

- Theo các phân loại của UNESCO, hệ thống giá trị bao gồm: giá trị chung – giá trị riêng, giá trị vật chất – giá trị tinh thần. Đây là cách phân loại khái quát nhất.

Tùy theo mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, vấn đề này được nghiên cứu rất đa dạng nhưng nhìn chung có hai hệ thống giá trị được nhiều người quan tâm:

** Hệ thống giá trị truyền thống*

- Đoàn kết, cần kiệm, kiên trì, điềm đạm, cởi mở, lạc quan,…

- Dũng cảm, kiên cường, bất khuất,…

- Gắn bó với gia đình, quê hương,…

- Thờ cúng tổ tiên, tôn trọng người già cả,….

2.1.4.2. Hệ thống giá trị hiện đại

- Hòa bình, tự do, trật tự, an ninh tốt;

- Xã hội phồn vinh, thịnh vượng; gia đình văn hóa, văn minh; môi trường trong sạch, lành mạnh;

- Nhân ái, công bằng, bình đẳng, dân chủ, quyền con người, quyền công dân;

- Sức khỏe, học vấn, nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, tự lập;

- Chữ tín, tôn trọng lẫn nhau, chấp nhận cạnh tranh, sẵn sàng tiếp thu cái mới, cần kiệm, kỷ luật;

- Tình yêu gia đình, dân tộc, Tổ quốc, hữu nghị giữa các dân tộc;

Trong thời gian gần đây, vấn đề hệ thống giá trị và giáo dục giá trị đang được nhà trường, gia đình và xã hội quan tâm. Việc giáo dục giá trị có ý nghĩa to lớn trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ, hướng thế hệ trẻ tới nhân cách toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

Sự biến đổi của xã hội hiện đại trong thời kỳ hội nhập quốc tế đã tác động đến suy nghĩ và đánh giá của thanh niên về giá trị trong đó có giá trị nghề nghiệp.

2.2. Đánh giá chung về định hướng giá trị nghề nghiệp của thanh niên trong quá trình hội nhập quốc tế

2.2.1. Những đặc điểm nổi bật của xã hội hiện đại

Từ nửa sau thế kỷ XX, nhất là từ những năm 80 trở lại đây, loài người đã chứng kiến những thay đổi to lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị và xã hội do tác động ngày càng mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ, với những đặc điểm chủ yếu sau:

- Lượng thông tin khoa học tăng nhanh, tăng nhiều, khoảng 2/3 tri thức của nhân loại được tích lũy trong thế kỷ này. Đồng thời những tri thức cũ nhanh chóng trở nên lỗi thời, lạc hậu. Hiện tượng "lão hóa" tri thức diễn ra với tốc độ ngày càng tăng.

- Sự ra đời và phổ cập nhiều thế hệ máy tính điện tử làm cho tính chất lao động xã hội có những thay đổi cơ bản. Sự thay đổi về chất của quá trình sản xuất dẫn đến sự thay đổi vai trò của người lao động, ít tốn năng lượng cơ bắp và hàm lượng chất xám tăng

lên rất nhiều. Trong tương lai, lợi thế sẽ thuộc về các quốc gia có lực lượng lao động được đào tạo đáp ứng theo yêu cầu của nền sản xuất hậu công nghiệp.

- Nhiều phát minh khoa học ra đời, đồng thời xuất hiện những công nghệ mới như: công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin, đó là 4 ngành khoa học – công nghệ trụ cột đang phát triển mạnh mẽ trong thế kỷ XXI.

- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Thời đại ngày nay, công cụ lao động trực tiếp tạo ra sản phẩm lao động mà không cần người lao động. Hợp tác trí tuệ là điển hình của thế giới ngày nay. Công nghệ thông tin khuyến khích phân tán công việc, nhưng cũng điều phối công việc trong các mạng lưới liên hệ với nhau theo thời gian trong một quốc gia, một khu vực và thậm chí trên toàn thế giới. Đây là thời ký hội nhập kinh tế quốc tế, chuyển giao công nghệ giữa các quốc gia trên thế giới.

- Hợp tác giao lưu quốc tế được mở rộng. Loài người đang bước vào một xã hội "dựa vào tri thức" và học tập là quyền cơ bản của con người. Tuy nhiên, loài người cũng đang đứng trước nhiều thách thức và lo âu với các vấn đề mang tính toàn cầu như bùng nổ dân số, nạn ô nhiễm môi trường, sự nghèo đói, dịch bệnh,…Đây là những xu hướng mới đòi hỏi các quốcgia phải xích lại gần nhau, đoàn kết cùng giải quyết.

Nền kinh tế thế giới phát triển với những đặc trưng cơ bản: chuyển đổi sang nền văn minh hậu công nghiệp và tiến vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tự động hóa, dịch vụ với đặc trưng nền kinh tế thị trường. Đặc biệt, xuất hiện nền kinh tế tri thức, trong đó tri thức là yếu tố quyết định nhất, là nguồn lực hàng đầu tạo nên sự tăng trưởng kinh tế. Vì vậy, vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là xu hướng chung của thế giới ngày nay.

2.2.2. Xu thế biến đổi chung về định hướng giá trị của thanh niên

Ngày nay, do tác động của cơ chế thị trường và sự hội nhập quốc tế đã ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng giá trị của thanh niên. Các nhà nghiên cứu khoa học xã hội đã cho thấy thực tế sự biến động kinh tế xã hội trước và sau năm 1986- bước chuyển từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của

Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và sự hội nhập quốc tế đã tác động và làm thay đổi, chuyển dịch sự định hướng giá trị của con người nói chung và thanh niên nói riêng.

Đó là: từ con người chịu tác động của cơ chế bao cấp nên thường chịu đựng gian khổ hy sinh mà không đòi hỏi, đến con người của cơ chế thị trường năng động đòi hỏi thu nhập và mức tiêu dùng cao; từ con người ít toan tính đến hiệu quả kinh tế, đến con người có tư duy kinh tế, hiệu quả và thiết thực; từ con người kém năng động tháo vát trong hoạt động, học tập và ứng xử, đến con người chấp nhận cạnh tranh, dám phiêu lưu mạo hiểm, tự lập, tự chủ; từ hướng vào giá trị xã hội và tập thể là chính, coi trọng của nghĩa bình quân, cào bằng, sống nặng về tình nghĩa, đến dám chấp nhận sự phân hóa giàu nghèo và sống phụ thuộc vào điều kiện kinh tế; từ định hướng học tập, nghề nghiệp co xã hội phân công, đến giá trị học tập vì ngày mai lập nghiệp phái có thu nhập cao, phù hợp với sức khỏe và sở thích cá nhân.

Ngoài những giá trị nhân cách được lựa chọn ở thứ bậc cao như: tiêu dùng, tính hiệu quả kinh tế, chấp nhận cạnh tranh, hướng vào lợi ích cá nhân là chính…., thanh niên ngày nay còn lựa chọn giá trị tinh thần công dân và trách nhiệm xã hội, xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, tư duy năng động về kinh tế, nghề nghiệp, làm việc bằng trí óc và có học vấn rộng.

Như vậy, định hướng giá trị của thanh niên tập trung hơn và thực tế hơn vào một số giá trị như học vấn, việc làm, nghề nghiệp, niềm tin, tính tự trọng tự chủ, sống có mục đích và có trách nhiệm với xã hội,…phù hợp với sự phát triển của thời đại, dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật – công nghệ cùng với sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức. Đặc trưng và xu thế biến đổi các giá trị của thanh niên thể hiện sự thích nghi rất nhanh với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay. Những giá trị được đa số thanh niên lựa chọn vừa mang tính hiện đại vừa giữ được nét truyền thống, mang tính thực tế, phù hợp với lứa tuổi, xã hội đang đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế.

Sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật- công nghệ và sự ảnh hưởng của xu thế toàn cầu hóa, hội

nhập quốc tế đã góp phần tích cực trong định hướng giá trị của thanh niên khi tiếp cận với nền văn minh hiện đại. Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi vẫn còn nhiều vấn đề đáng quan tâm và lo ngại trong định hướng giá trị sống của một số đối tượng thanh niên nhất định. Đó là xu hướng hội nhập "hướng ngoại" chứa đựng nhiều mặt tiêu cực của lối sống thực dụng, toan tính hiệu quả kinh tế, xuất hiện tội phạm ở tuổi vị thành niên, ma túy, bạo lực học đường,... làm cho nhiều thanh niên mất phương hướng trong cuộc sống.

2.2.3. Thực trạng về định hướng giá trị nghề nghiệp của thanh niên trong quá trình hội nhập quốc tế

Giá trị nghề nghiệp là giá trị của người lao động có trình độ và tay nghề, sáng tạo ra các giá trị làm giàu cho mình và xã hội. Trong giai đoạn hiện nay, thời kỳ xã hội đổi mới và phát triển, tính cạnh tranh và hợp tác, thất nghiệp và thành đạt là quy luật tất yếu sẽ diễn ra.

Nghề nghiệp có một vị trí quan trọng trong đời sống con người và sự phát triển xã hội. Đồng thời, nghề nghiệp cũng là giá trị cơ bản và cần thiết cho thanh niên. Xét từ góc độ "con người – xã hội" thì tuổi thanh niên là giai đoạn mỗi con người chuẩn bị hành trang cho cuộc đời mình: học vấn, nghề nghiệp, trải nghiệm và lựa chọn lối sống trên cơ sở định hình dần những giá trị của riêng mình. Từ một đứa trẻ thành một người trưởng thành, người công dân thực thụ với quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nghề nghiệp không chỉ gắn liền với tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, trình độ kỹ thuật mà con gắn liền với vị trí và ý nghĩa xã hội, trách nhiệm công dân và đạo đức pháp luật.

Tuy nhiên, do sự tác động của nền kinh tế thị trường và hội nhập quóc tế, định hướng giá trị nghề nghiệp của thanh niên trong giai đoạn hiện nay có nhiều biến đổi.

** Mặt tích cực*

- Đa số thanh niên đều ý thức được rằng ai cũng cần phải có một nghề "lao động là vinh quang" vì "nhàn cư vi bất thiện"

Thanh niên ngày nay là lực lượng xã hội to lớn, có tiềm năng hùng hậu. Kế thừa tinh hoa truyền thống của dân tộc và những

thành quả của cách mạng và qua mở rộng giao lưu quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, thanh niên luôn là lớp người trẻ đầy khát vọng được học tập đào tạo nghề nghiệp để lập thân, cống hiến cho lý tưởng và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Thanh niên ngày nay năng động, tháo vát, sáng tạo, sẵn sàng tham gia hoạt động, đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Luôn phát huy bản lĩnh "đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên"; luôn độc lập, tự chủ, có trách nhiệm và tinh thần kỷ luật cao trong công việc.

- Thanh niên có động cơ lựa chọn nghề nghiệp tích cực, phù hợp với nhu cầu xã hội

Khi xã hội ngày càng phát triển thì nguồn nhân lực cần đảm bảo khả năng thích ứng, sáng tạo, năng động, có tay nghề và trình độ chuyên môn. Con người cần phải trang bị những tri thức mới, những hiểu biết mới nếu không sẽ trở nên lạc hậu với thời cuộc và bị đào thải.

Sự phát triển nhanh khoa học – kỹ thuật - công nghệ dẫn đến kết quả là xuất hiện nhanh, nhiều tri thức, những kỹ năng, những lĩnh vực nghiên cứu mới. Trong quá trình lao động, hàm lượng cơ bắp, hao phí lao động cơ bắp giảm đi vô cùng nhiều trong khi hàm lượng trí óc, hao phí lao động trí óc tăng lên vô cùng lớn. Bên cạnh những cơ hội mới, cách mạng công nghiệp 4.0 cũng đặt ra cho nhân loại nhiều thách thức. Quá trình tự động hóa thay thế lao động chân tay trong nền kinh tế, khi robot thay thế con người trong nhiều lĩnh vực, hàng triệu lao động trên thế giới có thể rơi vào tình trạng thất nghiệp.

Nhận thức được thời cơ và thách thức của xã hội hiện đại, cùng với sự quan tâm của nhà trường, gia đình và xã hội cũng như sự tự giác, ý thức của cá nhân, thanh niên nếu không bước qua ngưỡng cửa đại học thì cũng tiếp tục học một nghề nào đó phù hợp với năng lực và sở thích của mình. Xu hướng chung của thanh niên thành phố là chọn những ngành nghề kinh doanh, kế toán, tài chính, du lịch đang có thu nhập cao trong kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, dưới sự tác động của khoa học – kỹ thuật – công nghệ, thanh niên cũng lựa chọn những ngành nghề trong thành phần

kinh tế mới như điện tử, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, vật liệu,…

- Bên cạnh đó, thanh niên ngày nay có quan niệm tích cực hơn trong định hướng giá trị nghề nghiệp, luôn học hỏi kinh nghiệm, sẵn sàng chấp nhận thử thách trong công việc với mong muốn có một việc làm tốt và ổn định, đời sống vật chất đầy đủ, có điều kiện học tập nâng cao trình độ và tay nghề. Chính vì vậy góp phần ổn định và điều hòa cân đối cơ cấu lao động xã hội, cũng như tạo nguồn nhân lực, vật lực, tài lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong quá trình hội nhập quốc tế.

** Mặt hạn chế*

- Thanh niên vẫn chưa nhận thức đúng giá trị nghề nghiệp đối với bản than, gia đình và xã hội, chưa thật sự coi trọng và đề cao giá trị nghề nghiệp

Trong xã hội vẫn còn nhiều thanh niên chưa có việc làm và cũng không có ý thức phấn đấu để có được nghề nghiệp ổn định. Họ chấp nhận là người vô công rồi nghề, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, lãng phí sức lao động của tuổi trẻ thay vì góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, biểu hiện của nhiều thanh niên vẫn còn xem nhẹ việc học để sau này lập nghiệp. Theo đó, một bộ phận thanh niên sa vào các hiện tượng nghiện game online, nghiện internet, rời xa cuộc sống thực tìm đến thế giới ảo. Đặc biệt, thanh niên dễ sa đà vào các loại phim ảnh, game online, trang web không lành mạnh. Thanh niên có thể tốn hàng giờ để truy cập internet thay vì dành thời gian cho việc học và tự học, dẫn đến kết quả học tập sa sút, yếu kém, rồi bỏ học chán học, vướng vào các tệ nạn xã hội như ma túy, trộm cắp, đánh nhau, vi phạm pháp luật, phạm pháp hình sự ngày một tăng.

- Thanh niên vẫn còn thực dụng và an phận trong định hướng giá trị nghiệp cho tương lai

Với tác động của lợi ích kinh tế, một số thanh niên coi trọng đồng tiền, chạy theo lợi nhuận mà coi nhẹ lối sống, đạo đức nghề nghiệp, lý tưởng hoài bảo và trách nhiệm công dân. Ngoài ra, thanh niên theo đuổi ước mơ nghề nghiệp không phù hợp với năng

lực và sở thích rồi dẫn đến thất vọng, bỏ học hay bỏ nghề, tìm một công việc khác hay thất nghiệp. Từ đó mất niềm tin, dễ sa vào tệ nạn xã hội và có những hành vi vi phạm pháp luật.

Thanh niên còn nhiều lung túng, chưa định hướng được tương lai của bản than, Vì vậy, khi chọn nghề thường theo cảm tính, không có sự cân nhắc, suy xét nên thường ảnh hưởng đến quá trình hoạt động nghề nghiệp và hiệu quả công việc không cao.

- Việc lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên vẫn còn mang nặng tính tự phát, phụ thuộc nhiều vào thị trường, sức lao động trước mắt mà ít chú trọng đến tính lâu dài để lập nghiệp

Việc lựa chọn nghề nghiệp còn mâu thuẫn giữa nguyện vọng thiết tha của thanh niên muốn có việc làm với nghề chính đáng, phù hợp với bản thân và khả năng giải quyết việc làm của xã hội. Một số ngành nghề lao động chân tay bị xem nhẹ và không được lựa chọn, ảnh hưởng đến cơ cấu xã hội, xảy ra tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ". Số lượng thanh niên được đào tạo qua các trường đại học tăng nhanh, trong khí đó lực lượng lao động kỹ thuật, thợ tay nghề bậc cao thì lại thiếu nghiêm trọng.

Trước thực trạng trên, đối với giáo dục nói chung và đối với nhà trường nói riêng, quản lý là hoạt động điều hành, phối hợp, huy động các lực lượng giáo dục và xã hội nhằm thực hiện có hiệu quả công việc giáo dục; không chỉ là sự nghiệp của nhà trường, của ngành giáo dục mà là sự nghiệp chung của toàn xã hội. Cần nêu cao và phát huy vai trò của giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội góp phần giáo dục giá trị nghề nghiệp đúng đắn cho thanh hiện nay.

2.3. Vai trò của giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội với giáo dục giá trị nghề nghiệp cho thanh niên trong quá trình hội nhập quốc tế

Ngày nay, với những biến động mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực khoa học – kỹ thuật – công nghệ, xã hội vận hành và phát triển theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước cùng với xu thế toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã làm cho hệ thống giá trị có nhiều thay đổi. Vì vậy, việc giáo dục cho thanh niên có định hướng giá trị đúng đắn là một yêu cầu cấp thiết không chỉ riêng của từng quốc gia mà là mối quan tâm của khu vực và thế giới.

Nghị quyết lần thứ IV của Ban chấp hành TW Đảng khóa VII đã xác định rõ về công tác thanh niên: "Hình thành một thế hệ con người mới, có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. Cổ vũ thanh niên Việt Nam nuôi dưỡng hoài bảo lớn, tự cường dân tộc, năng động, sáng tạo, làm chủ được khoa học và công nghệ mới, vươn lên ngang tầm thời đại, sánh vai cùng thanh niên các nước trên thế giới".

Có thể nói, giáo dục giá trị nghề nghiệp không chỉ chú trọng về tri thức, kỹ năng, trình độ nghề mà còn quan tâm đến phẩm chất nghề nghiệp như tinh thần trách nhiệm; thái độ trung thực; phong cách lao động và ứng xử văn minh; lương tâm và đạo đức nghề nghiệp.

Thông qua giáo dục giá trị, thanh niên có nhận thức đúng những giá trị được lựa chọn, từ đó hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin; là cơ sở để có sự định hướng giá trị nghề nghiệp trong hành động thực tiễn phù hợp với những yêu cầu xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nghề nghiệp. Bởi vì, đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời với thế giới nghề nghiệp phong phú, thanh niên sẽ chọn cho mình một nghề phù hợp với bản thân là một điều rất khó. Do đó, việc tổ chức tư vấn nghề nghiệp cho thanh niên định hướng và lựa chọn nghề nghiệp vừa phù hợp với sở thích, năng lực, tính cách cá nhân vừa phù hợp với yêu cầu xã hội chính là công việc của gia đình, nhà trường và xã hội.

2.3.1. Chú trọng đến giáo dục gia đình

Có thể nói, quan hệ gia đình, huyết thống, dòng họ có ý nghĩa rất quan trọng trong định hướng giá trị của mỗi cá nhân. Làm việc gì, người ta cũng thường nghĩ đến trách nhiệm của mình đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em; nghĩ đến danh dự truyền thống của gia đình. Đồng thời, gia đình đóng vai trò quan trọng trong sự đánh giá, lựa chọn, tiếp thu các giá trị, nhất là giá trị truyền thống, giá trị nhân cách, nghề nghiệp.

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên con người thâm nhập vào để tiếp thu giá trị sống, là cái nôi sinh thành và hình thành

nhân cách của con người. Do đó, cha mẹ là tấm gương sáng cho con cái noi theo, bầu không khí tình cảm trong gia đình, những giá trị truyền thống của mỗi gia đình là những giá trị sống đầu tiên hình thành ở con người ngay từ thời thơ ấu. Đó là thời kỳ đặt nền mống vững chắc cho tương lai của con người.

Thế nhưng, trong giai đoạn hiện nay, do áp lực chăm lo đời sống kinh tế nên cha mẹ ít có thời gian quan tâm đến con cái, từ sở thích đến việc học hành và nghề nghiệp tương lai. Đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự lệch lạc trong định hướng giá trị của thanh niên trong đó có định hướng giá trị nghề nghiệp.

Vì vậy, để góp phần giáo dục giá trị nghề nghiệp cho thanh niên, thì gia đình cần gần gũi, chia sẻ, tìm hiểu sở thích của con cái ngay từ thuở nhỏ để giáo dục, phát triển khả năng, năng khiếu bẩm sinh thành năng lực cần thiết cho việc xác định nghề nghiệp phù hợp khi trưởng thành. Đồng thời, gia đình phải là chỗ dựa vững chắc để thanh niên có động lực phấn đấu khi lựa chọn và bước vào lĩnh vực nghề nghiệp trong tương lai.

2.3.2. Tổ chức tư vấn hướng nghiệp trong nhà trường

Giai đoạn học tập và rèn luyện trong nhà trường giúp thanh niên không những tiếp thu hệ thống tri thức khoa học mà còn tiếp thu hệ thống giá trị để hình thành và phát triển nhân cách. Môi trường sư phạm là điều kiện, nền tảng bồi dưỡng năng lực, phẩm chất đạo đức cần thiết cho nghề nghiệp tương lai. Ngoài ra, nhà trường cũng là nơi phát hiện và bồi dưỡng tài năng cho thanh niên phục vụ cho nghề nghiệp sau này. Vì vậy, cùng với gia đình, nhà trường đóng vai trò là người tư vấn để thế hệ trẻ định hướng giá trị nghề nghiệp, giúp họ trả lời câu hỏi: "Làm gì? Làm ở đâu? Làm như thế nào?" trước khi quyết định con đường tương lai mình sẽ đi.

Có thể nói, việc định hướng giá trị nghề nghiệp đúng đắn là bước đi đầu tiên để một người gắn bó với nghề lâu dài và làm việc có hiệu quả nhất. Vì chỉ có lòng say mê yêu nghề mới tạo ra động lực thúc đẩy con người có tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ và phát huy khả năng sáng tạo trong công việc.

Muốn vậy, thanh niên cần phải được định hướng giá trị nghề nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường để có một trình

độ tri thức và sự hiểu biết nhất định về nghề và giá trị nghề nghiệp trong xã hội.

Việc lựa chọn một nghề không phải là vấn đề đơn giản, nó đòi hỏi con người phải có năng lực lựa chọn và quyết định đúng đắn bởi vì lựa chọn nghề có liên quan đến lý tưởng và cách sống mai sau. Việc lựa chọn nghề phụ thuộc vào các yếu tố như: trạng thái sức khỏe, trình độ hiểu biết, năng lực, sở trường, các phẩm chất tâm lý đạo đức và điều kiện môi trường xung quanh, dư luận xã hội, truyền thống gia đình, hoàn cảnh kinh tế, thị hiếu, nhu cầu xã hội,...Công tác hướng nghiệp rất cần thiết vào thời điểm chuẩn bị bước vào kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông, nếu không bước vào ngưỡng cửa đại học thì có thể tư vấn theo học ở trường nghề.

Với những đặc điểm như vậy, tư vấn hướng nghiệp và việc làm trong nhà trường giúp thanh niên có định hướng chính xác hơn trong cuộc đời. Các Mác có viết trong bài luận *"Những suy nghĩ của một thanh niên khi chọn nghề"*. "Cân nhắc cẩn thận vấn đề này, đó là trách nhiệm đầu tiên của một thanh niên bước vào đời mà không muốn coi việc quan trọng nhất của mình là ngẫu nhiên"

Tuy nhiên, nếu hướng nghiệp không tốt thì sự ngẫu nhiên xảy ra thường xuyên hơn, vì vậy giáo dục giá trị nghề nghiệp sẽ làm giảm đi yếu tố ngẫu nhiên và làm tăng lên tính chủ động và ý thức nghề mai sau.

2.3.3. Phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục giá trị nghề nghiệp cho thanh niên

Ngoài thời gian học ở trường, thanh niên sống ở gia đình và tham gia các hoạt động xã hội đa dạng, phong phú. Vì vậy, việc phối hợp giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội tạo sự đồng thuận cao trong việc giáo dục thanh niên phát triển toàn diện, đồng thời khai thác tiềm năng của các lực lượng trong định hướng giá trị nghề nghiệp cho thanh niên. Sự kết hợp giữa gia đình với nhà trường thể hiện trong việc thường xuyên có sự trao đổi từ hai phía. Nhà trường thông báo kết quả học tập, văn hóa đạo đức trường học cho gia đình. Gia đình cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân, trình bày rõ tính cách, năng lực của thanh niên tạo

điều kiện để nhà trường có biện pháp giáo dục, quản lý. Thực tế cho thấy, khá nhiều gia đình do bận rộn với công việc nên không quan tâm đến việc học hành hay tâm tư tình cảm của con cái, giao phó hết cho nhà trường. Nhiệm vụ của các nhà trường và các nhà giáo dục là phải có sự trao đổi thông tin định kỳ để có thể nắm bắt những diễn biến, thay đổi trong nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên, qua đó tìm ra biện pháp tốt nhất nhằm điều chỉnh kịp thời những biểu hiện lệch chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật giúp thanh niên nhận thức được đúng sai và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Ngày nay, việc phát triển nghề trên nền tảng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và dạy nghề cho thanh niên được coi là cấp thiết để họ có thể lập thân và lập nghiệp vững vàng. Nhà trường, gia đình và xã hội cần phối hợp góp phần giúp thanh niên định hướng đúng đắn giá trị nghề nghiệp như:

- Nâng cao nhận thức của thanh niên về giá trị nghề nghiệp đối với bản thân, gia đình và xã hội trong gia đoạn mới; nâng cao tính tích cực chủ động của thanh niên trong việc nâng cao trình độ nghề nghiệp và giải quyết việc làm.

- Xây dựng nhận thức đúng đắn cho thanh niên về nâng cao trình độ, tri thức khoa học và hội nhập quốc tế để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

- Tiến hành giáo dục và tự giáo dục về trách nhiệm, thái độ của thanh niên đối với lao động, xây dựng phong cách làm việc văn minh, khoa học và sáng tạo.

- Nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần, xây dựng nếp sống văn hóa và đẩy lùi tệ nạn xã hội, tình trạng phạm pháp trong thanh niên, giúp thanh niên nhận thức được nghĩa vụ công dân và công hiến sức mình

3. Kết luận

Nghị quyết lần thứ IV của Ban chấp hành TW Đảng khóa VII đã xác định rõ về công tác thanh niên: "Hình thành một thế hệ con người mới, có lý tưởng cao đẹp, có ý thức trách nhiệm công dân, có tri thức, có sức khỏe và lao động giỏi, sống có văn hóa và tình

nghĩa, giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. Cổ vũ thanh niên Việt Nam nuôi dưỡng hoài bảo lớn, tự cường dân tộc, năng động, sáng tạo, làm chủ được khoa học và công nghệ mới, vươn lên ngang tầm thời đại, sánh vai cùng thanh niên các nước trên thế giới".

Hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và xu thế toàn cầu hóa thì việc đào tạo nguồn nhân lực năng động, sáng tạo, chất lượng cao là điều kiện tồn tại của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Vì vậy, "tập trung nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp" là tư tưởng chiến lược đào tạo của giáo dục Việt Nam.

Giáo dục giá trị là một yếu tố đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo; góp phần quan trọng trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục. Trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay, thanh niên ngày càng ra sức học tập rèn luyện trau dồi đạo đức, văn hóa, lối sống, cần: "Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình, học để cùng chung sống". Tuổi trẻ đoàn kết, xung kích, sáng tạo, hội nhập, phát triển để xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế.

H.H.T.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Minh Tiến, *Giáo trình Giáo dục giá trị,* Trường Đại học Sư phạm Huế.

2. Thái Duy Tuyên (2001), *Những nội dung cơ bản của Giáo dục học hiện đại,* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

3. Thái Duy Tuyên (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường,* Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước, Hà Nội.

4. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng – Số 5 (40), 2010.

ABSTRACT

Young people play a very important role in building and developing the country. To fulfill and fulfill their duties, young people need to have a stable occupation or, in other words, young people today need active and active professional values in order to succeed in the future. . In recent years, however, the impact of the market economy has altered the lifestyle and value of youth, including the value of the profession. The paper reviews theoretical foundations, assesses the current situation of youth career orientation and explores the role of school, family and social education in the education of youth. This is an important premise in teaching process in order to train qualified human resources and capacity so that young people are really the key force contributing to building a strong country on the path of international integration.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CHO SINH VIÊN: KẾ THỪA VÀ PHÁT TRIỂN

*Trịnh Phương Thảo**

1. Mở đầu

Lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã hình thành nên các chuẩn mực, các giá trị đạo đức (GTĐĐ) tốt đẹp của con người Việt Nam trong quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội. Những giá trị đạo đức truyền thống (GTĐĐTT) tốt đẹp đã làm nên bản sắc văn hóa con người Việt Nam. Ngày nay, thực tiễn đổi mới với việc phát triển nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đã có những đóng góp tích cực về mặt KT-XH. Tuy nhiên, nó cũng là những nhân tố tác động làm biến đổi, biến động nhiều giá trị tinh thần nói chung và GTĐĐTT dân tộc nói riêng. Bên cạnh xu hướng biến đổi tích cực làm phong phú thêm nội dung của các GTĐĐTT, vẫn có nhiều biểu hiện của sự biến đổi tiêu cực như coi nhẹ các GTĐĐTT, thuần phong mĩ tục, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỉ..., thậm chí đạo đức có nguy cơ bị băng hoại, tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng trong xã hội, đặc biệt trong thế hệ trẻ. Điều đó làm xói mòn, mất dần các GTĐĐTT của dân tộc. Vì vậy, tăng cường giáo dục GTĐĐTT Việt Nam cho thế hệ trẻ nói chung, cho SV nói riêng hiện nay là điều rất cần thiết, nhằm kế thừa bản chất tốt đẹp của các GTĐĐTT. Bên cạnh đó, các GTĐĐTT của dân tộc cũng cần có sự thay đổi, phát triển về hình thức biểu hiện cho phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

* Trường Đại học Thủ Dầu Một

2. Nội dung

2.1. Giá trị và giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam

Hiện nay có rất nhiều quan niệm khác nhau về giá trị. Chúng tôi đồng ý với quan niệm coi "giá trị là cái có ý nghĩa đối với xã hội, tập thể và cá nhân, phản ánh mối quan hệ chủ thể - khách thể, được đánh giá xuất phát từ những điều kiện xã hội - lịch sử cụ thể và phụ thuộc vào trình độ phát triển nhân cách" [8, tr.2].

Như vậy, giá trị là tất cả những cái gì mang ý nghĩa tích cực, gắn với cái đúng, cái tốt, cái đẹp, được con người thừa nhận và xem nó là nhu cầu hoặc có ý nghĩa quan trọng trong đời sống của mình, là những thành tựu góp phần vào sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, giá trị không phải là một cái gì nhất thành bất biến mà nó luôn vận động biến đổi theo thời gian và không gian sao cho phù hợp trong từng thời điểm nhất định. Chính vì vậy, trên thực tế không phải những cái gì đã có giá trị trong quá khứ đều giữ nguyên giá trị đối với hiện tại. Điều đó cho thấy giá trị mang tính lịch sử khách quan, sự ra đời, tồn tại hay mất đi của một giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức của con người mà do yêu cầu của từng thời đại nhất định trong lịch sử.

Trên thực tế, có nhiều cách phân loại giá trị. Dựa vào tiêu chí mục đích phục vụ cho nhu cầu của con người, người ta chia ra làm hai loại giá trị: Giá trị vật chất và giá trị tinh thần.

Giá trị vật chất thể hiện rõ nét trong đời sống kinh tế, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

Giá trị tinh thần là những phẩm chất đặc biệt về trí tuệ, tình cảm, ý chí, nó được thể hiện trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, văn hóa, nghệ thuật, phong tục tập quán... Những phẩm chất đó ăn sâu, bám rễ vào trong đời sống tinh thần và chúng trở thành các chuẩn mực để con người đánh giá phân biệt cái đúng, cái sai, cái xấu, cái đẹp trong đời sống hàng ngày, trong quan hệ giữa con người với con người, con người với xã hội.

Giá trị đạo đức là một bộ phận trong hệ giá trị tinh thần của đời sống xã hội và được con người lựa chọn, nhằm điều chỉnh và đánh giá hành vi ứng xử giữa con người với con người, con người với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi truyền

thống và sức mạnh của dư luận xã hội. Giá trị đạo đức biến đổi theo sự biến đổi của đời sống xã hội.

Về khái niệm *truyền thống*, trong lịch sử đã từng tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Một cách khái quát, "nói đến truyền thống là nói đến phức hợp những tư tưởng, tình cảm, tập quán, thói quen, những phong tục, lối sống, cách ứng xử, ý chí... của một cộng đồng người đã hình thành trong lịch sử, đã trở nên ổn định và được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác" [1, tr. 16-17].

Dưới góc độ khoa học, truyền thống được hiểu theo hai nghĩa. Nghĩa thứ nhất, truyền thống là những giá trị tốt đẹp, được lưu truyền từ đời này qua đời khác, nó đứng vững được trong thời gian và có thể đương đầu với những biến động của lịch sử. Hơn nữa, những giá trị ấy có khả năng tạo ra sức mạnh, sản sinh ra các giá trị mới, đem lại lợi ích cho con người.

Tuy nhiên, trong một số "truyền thống" vẫn có những cái không những không đem lại lợi ích cho con người mà nhiều khi còn kìm hãm sự phát triển; đây là nghĩa thứ hai, nghĩa tiêu cực của phạm trù này. Trong cuốn *Ngày mười tám tháng Sương mùcủa Louis Bonaparte*, C.Mác viết rằng: "Truyền thống của tất cả các thế hệ đã chết đè nặng như quả núi lên đầu óc những người đang sống". Còn Hồ Chí Minh, trong bài "Đạo đức cách mạng» (tháng 12- 1958) cũng đã viết: "Thói quen và truyền thống lạc hậu cũng là kẻ địch to; nó ngấm ngầm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Chúng ta lại không thể trấn áp nó, mà phải cải tạo nó rất cẩn thận, rất chịu khó, rất lâu dài".

Hiểu theo nghĩa thứ nhất, truyền thống trở thành một bộ phận thiết yếu của đời sống con người. Truyền thống là sự thể hiện tính liên tục của lịch sử, của sự vận động và phát triển xã hội, góp phần duy trì, bảo vệ và phát triển cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, chủ động kế thừa các giá trị tinh thần truyền thống chính là thực hiện một cách chủ động và tự giác cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội.

Tuy vậy, truyền thống suy cho cùng vẫn là cái thuộc về lịch sử; vì thế nó không thể đặc trưng cho xã hội hiện đại. Cái làm nên

đặc trưng của xã hội hiện đại phải là những giá trị nảy sinh trong điều kiện kinh tế - xã hội mới. Đến lượt mình, chúng lại là cơ sở, tiền đề để đi đến tương lai. Về điều này, J.Derrida trong tác phẩm *Những bóng ma của C. Mác,* đã nói rằng: "Không một di sản nào để lại mà không kèm theo một trách nhiệm. Một di sản bao giờ cũng là sự tái khẳng định một món nợ, nhưng là tái khẳng định có phê phán, chọn lọc và sàng lọc" [2, tr.192].

Ở Việt Nam, các GTĐĐTT của dân tộc đã được nhiều học giả bàn tới. Theo Giáo sư Vũ Khiêu, GTĐĐTT của DT Việt Nam bao gồm: lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, lao động cần cù và sáng tạo, tinh thần nhân đạo, lòng thương người và quý trọng con người. Theo Giáo sư Trần Văn Giàu, các GTĐĐTT của DT Việt Nam bao gồm: yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa. Theo quan điểm của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng đã khẳng định: "Những giá trị văn hóa truyền thống vững bền của DT Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lí thương người như thể thương thân, đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong lao động... Đó là nền tảng và sức mạnh tinh thần to lớn để nhân dân ta xây dựng một xã hội phát triển, tiến bộ, công bằng, nhân ái" [3; tr 19].

Từ những quan điểm trên, có thể thấy rằng GTĐĐTT của DT Việt Nam bao gồm: tinh thần yêu nước nồng nàn; lòng yêu thương con người sâu sắc, trọng nghĩa tình, thủy chung; tinh thần đoàn kết cộng đồng; đức tính cần kiệm, khiêm tốn, giản dị, trung thực; dũng cảm, kiên cường; cần cù, sáng tạo.

Những giá trị này không phải là "phép tính cộng" năng lực và tính cách của từng cá thể mà là "tổng hòa những giá trị nổi trội của cộng đồng mà đại diện là của bộ phận tinh hoa"; là năng lực và tính cách dân tộc đã được tôi luyện, thử thách trong lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Nói cách khác, giá trị của một quốc gia không hình thành trong một sớm một chiều mà có tính bền vững do đã được thử thách qua lịch sử lâu dài. Việc tìm giải pháp xây dựng hệ giá trị Việt Nam mới là bất khả thi vì nó không đủ cơ sở lý luận, không được thử thách trong tiến trình lịch sử, do đó không thể dùng ý chí để xây dựng trong vòng một vài thập niên, mà như Hồ Chí Minh đã nói: "vì lợi ích trăm năm trồng người".

Từ những quan điểm trên, có thể thấy rằng, giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ phải là sự kế thừa về bản chất, nội dung, đồng thời có sự thay đổi, phát triển về hình thức biểu hiện trong hoàn cảnh lịch sử mới. Chẳng hạn, vẫn là truyền thống yêu nước, nhưng trong thời đại hiện nay yêu nước không chỉ dừng lại ở nội dung bảo vệ đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, mà đó còn là ý chí vươn lên làm giàu cho bản thân, gia đình, xã hội, góp phần đưa đất nước phát triển thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Cần cù không chỉ dừng lại ở chịu khó, siêng năng; trong bối cảnh hiện nay đó còn là sự nỗ lực tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, tổng kết kinh nghiệm quản lý kinh tế thị trường. Hay tình yêu thương con người không chỉ biểu hiện ở thái độ quý trọng và bảo vệ con người. Tình yêu thương đó đòi hỏi chúng ta phải biết bảo vệ môi trường sống, tôn trọng các quy tắc chuẩn mực trong sinh hoạt cộng đồng; phải biết đấu tranh không khoan nhượng với những cái ác; với mọi áp bức bất công, mọi hành vi vô nhân đạo, xâm phạm đến lợi ích chính đáng của con người, phải biết mang lại niềm vui cho con người,…

Đây cũng là những giá trị cơ bản cần được giáo dục cho sinh viên Việt Nam- là lực lượng kế tục và phát huy nguồn lực trí tuệ của đất nước; là lớp người đang trong quá trình hoàn thiện, khẳng định nhân cách, tài năng và rất nhạy cảm. Chúng ta tìm hiểu xem những giá trị này đã được kế thừa như thế nào trong lịch sử, cùng với sự phát triển về hình thức biểu hiện của nó trước yêu cầu của thời đại mới- thời kì hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa.

2.2. Giáo dục giá trị đạo đức truyền thống cho sinh viên- sự kế thừa về bản chất và phát triển về hình thức biểu hiện

2.2.1. Giáo dục lòng yêu nước

Yêu quê hương đất nước là một tình cảm quý giá của con người được nảy sinh và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc. Biểu hiện của lòng yêu nước đó là tình yêu thiết tha quê hương, đất nước, ý thức chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Tình cảm ấy đã được khởi nguồn từ thuở Hùng Vương dựng nước, từ tinh thần của Hai Bà Trưng quyết "đền nợ nước, trả thù nhà", từ ý chí quật cường của Bà Triệu "cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng giữ, chém cá kình ở biển Đông, đánh tan quân Ngô, giành

lại giang sơn". Tình cảm ấy được tiếp nối và phát triển ở sự khẳng định ý chí bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia của Lý Thường Kiệt với bài thơ thần đọc trên sông Như Nguyệt làm khiếp đảm tinh thần kẻ xâm lược; ở hào khí Đông A của nhà Trần với tinh thần "sát Thát"; ở những câu thơ sảng khoái, đầy hào khí dân tộc của Vua Quang Trung khi đại phá 20 vạn quân Thanh: "đánh cho dài tóc, đánh cho đen răng, đánh cho biết Nam quốc anh hùng chi hữu chủ".

Tong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, lòng yêu nước Việt Nam đứng trên lập trường của giai cấp công nhân đi theo con đường cách mạng vô sản. Lòng yêu nước không chỉ bó hẹp trong quốc gia Việt Nam mà được nâng lên tầm cao mới, đi đúng với xu thế phát triển của thời đại, với khát vọng cháy bỏng của loài người: "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội". Lòng yêu nước Việt Nam thể hiện mong muốn, khát vọng của các dân tộc đang bị chủ nghĩa đế quốc, thực dân áp bức, bóc lột: "đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc" [5, tr.461].

Xã hội hiện đại đòi hỏi chúng ta phải nhận thức một cách đầy đủ về tính chất, nội dung, đặc điểm, mâu thuẫn của nó, trên cơ sở đó giáo dục cho sinh viên lòng yêu nước và tinh thần quốc tế phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới. Giáo dục lòng yêu nước nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên hiện nay là giáo dục: tình yêu đối với đất nước, lòng trung thành với Tổ quốc và khát vọng được phục vụ những lợi ích của Tổ quốc và nhân dân; là học tập, lao động sáng tạo, là rèn đức, luyện tài vì ngày mai lập thân, lập nghiệp.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, sinh viên phải tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc; nêu cao ý chí tự lực, tự cường vươn lên lập thân, lập nghiệp. Phong trào sinh viên tình nguyện, phong trào tiến quân vào khoa học công nghệ, phong trào hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi…đã góp phần tạo dựng nên hình ảnh người sinh viên Việt Nam trong hội nhập và phát triển.

Để tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được thì mỗi sinh

viên Việt Nam phải biến lòng yêu nước, cùng với lòng kính trọng nhân dân, với Tổ quốc thành tình cảm đạo đức, thành niềm tin, thành sức mạnh, thành thực tiễn đạo đức, ra sức học tập, rèn luyện tu dưỡng phấn đấu để xây dựng một Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

2.2.2. Giáo dục lòng yêu thương con người

Lòng yêu thương con người của nhân dân ta được hình thành, phát triển trong mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, trong cộng đồng làng xã đến cộng đồng dân tộc. Trong gia đình, thương yêu là một tình cảm tự nhiên của cha mẹ đối với con cái, của anh em đối với nhau, anh em trong nhà phải "như thể tay chân" coi "anh thuận, em hoà, là nhà có phúc". Đối với mọi người xung quanh thì đặt quan hệ hàng xóm "tối lửa tắt đèn có nhau", "bán anh em xa, mua láng giềng gần". Trong mối quan hệ vợ chồng, chữ tình luôn được đặt ở vị trí đầu tiên, trong khó khăn gian khổ cũng phải yêu thương lấy nhau, chia sẻ ngọt bùi để đảm bảo hạnh phúc gia đình.

Suốt quá trình dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam phải đương đầu với biết bao nhiêu khó khăn, thách thức: thiên tai, địch họa, chiến tranh liên tục diễn ra. Trước hoàn cảnh đó, nhân dân ta vẫn sống với một sức sống mãnh liệt, họ đã tìm đến với nhau, thương yêu và đồng cảm với nhau. Họ đã sẵn sàng "thương nhau chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng", với tình thần "nhường cơm sẻ áo" "lá lành đùm lá rách". Cha ông ta đã làm nên một truyền thống để lại cho con cháu ngàn đời, như một lời răn dạy: "nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng"

Lòng yêu thương con người của nhân dân ta còn thể hiện ở cách ứng xử đối với kẻ thù khi chúng bị thất bại: "lấy nhân nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo", ở lòng vị tha với những kẻ lầm đường, lạc lối, để họ biết lập công chuộc tội, trở về với con đường hiếu sinh: "đánh kẻ chạy đi, ai đánh người chạy lại". Đây là một trong những nét đặc sắc thể hiện đỉnh cao của nhân ái, của tình yêu thương con người ở dân tộc Việt Nam.

Toàn cầu hoá và nền kinh tế thị trường đã làm cho các giá trị

đạo đức của xã hội có sự thay đổi nhất định, sức cám dỗ của đồng tiền đã và đang làm vẩn đục, làm ô nhiễm phần nào môi trường xã hội nhân văn và đang đặt những giá trị đạo đức trước những thử thách nghiệt ngã. Giáo dục lòng yêu thương và quý trọng con người đối với việc hình thành và phát triển nhân cách cho sinh viên là giáo dục thái độ thiện chí, sự cảm thông, tình thương yêu sâu sắc giữa con người với con người. Sự tận tụy phục vụ lợi ích của con người, đem lại tự do hạnh phúc cho con người, thủ tiêu tất cả mọi áp bức, mọi bất bình đẳng trong xã hội, mọi người đều được tự do, đặc biệt là quyền làm người.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lòng yêu thương con người đòi hỏi mỗi sinh viên phải biết chống lại những thói hư tật xấu, chống lại những biểu hiện xâm hại đến lợi ích chính đáng của nhân dân lao động. Tích cực đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu, chống lại những hủ tục, chống lại tư duy bảo thủ trì trệ và tích cực tham gia vào việc xây dựng nếp sống mới, lối sống mới. Đó cũng là một trong những biểu hiện của truyền thống yêu thương con người trong xã hội hiện đại.

2.2.3. Giáo dục đức tính cần cù, tiết kiệm

Đây cũng là một trong những giá trị đạo đức nổi bật trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc. Việt Nam xuất phát điểm từ một nước có nền nông nghiệp lâu đời, với kết cấu công xã nông thôn bền chặt. Lao động nông nghiệp là loại hình sản xuất vất vả "một nắng, hai sương", "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời", cần nhiều thời gian, công sức mới có hạt cơm, bát gạo để ăn. Hơn nữa, thiên nhiên lại rất khắc nghiệt, mùa nắng thì hạn cháy đồng, mùa mưa thì lũ lụt. Để hạn chế sự tàn phá của thiên nhiên, người dân Việt Nam quanh năm, suốt tháng phải lo đắp đập, đắp đê, đào mương lấy nước tưới cho cây trồng. Theo sự tổng kết của giáo sư Trần Văn Giàu, người nước ngoài đến Việt Nam đều hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy mọi cơ năng của con người Việt Nam đều được sử dụng để làm việc: đầu đội, vai gánh, lưng cõng, tay nhanh nhẹn và khéo léo, chân chạy như bay.

Cùng với thiên tai khắc nghiệt, những cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực bên ngoài càng làm cho đời sống nhân dân

ta thêm phần khó khăn, nền kinh tế đất nước bị tàn phá, lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực. Nhưng trong bất kỳ tình huống nào, người dân Việt Nam vẫn anh dũng bám đất, bám làng, vừa lao động sản xuất để nuôi sống mình vừa đánh giặc để bảo vệ đất nước. Lao động cần cù, dũng cảm, như một tất yếu để bảo đảm cho sự sinh tồn của dân tộc.

Lao động cần cù, tiết kiệm đã đi sâu vào tiềm thức của nhân dân, trở thành một đức tính của con người Việt Nam. Lao động cần cù là nguồn gốc của mọi của cải, là ấm no hạnh phúc của mỗi gia đình: "năng nhặt, chặt bị", "kiến tha lâu đầy tổ", "bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu".

Quý trọng lao động, người Việt luôn tỏ thái độ phê phán thói lười biếng "ăn không ngồi rồi", bởi với họ "nhàn cư vi bất thiện". Trong lao động và học tập, người Việt luôn bổ sung mọi khiếm khuyết về trí tuệ "cần cù bù thông minh", "có công mài sắt, có ngày nên kim".

Hồ Chí Minh cũng đánh giá rất cao đức tính cần cù, tiết kiệm, Người coi đây là hai phẩm chất có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Người khẳng định: "cần mà không kiệm thì như thùng đựng nước mà không có đáy, nhà không có vách"; "một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiến bộ" [6, tr.642].

Đối với sinh viên, giáo dục đức tính cần cù, tiết kiệm là giáo dục tình yêu lao động, yêu quý những gì mà họ đang được thụ hưởng về đời sống vật chất và tinh thần. Lao động có vị trí và vai trò vô cùng to lớn đối với sự phát triển của cả nhân loại nói chung và đất nước Việt Nam nói riêng, đúng như Ph.Ăngghen viết: "Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người" [4, tr.641].

Kế thừa đức tính cần cù, tiết kiệm, lao động sáng tạo của dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay, đòi hỏi các chủ thể giáo dục phải giáo dục cho sinh viên sự cần cù tích luỹ kiến thức "kiến tha lâu đầy tổ" và tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ. Phải giáo dục cho sinh viên biết sống bằng lao động trung

thực, bằng chính những gì mà họ đang được tích luỹ kiến thức ở bậc đại học. Mặt khác, giúp cho sinh viên vượt qua mọi trở ngại của cuộc sống và có điều kiện phát huy sự sáng tạo để đóng góp cho xã hội, góp phần đem lại hạnh phúc cho cộng đồng, dân tộc.

2.2.4. Giáo dục tinh thần đoàn kết

Với lịch sử dựng nước và giữ nước hết sức đặc biệt, dân tộc Việt Nam đã xây dựng nên tinh thần đoàn kết bền chặt, cố kết cộng đồng sâu sắc trong suốt chiều dài lịch sử, trở thành một trong những giá trị tinh thần truyền thống tốt đẹp, một trong những động lực, sức mạnh to lớn giúp nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách.

Nền kinh tế của nước ta trước đây chủ yếu là tự cung, tự cấp, dựa vào thiên nhiên. Điều kiện thiên nhiên buộc con người muốn tồn tại phải hiệp sức lại với nhau, giữa những người trong vùng, giữa những vùng khác nhau trong cả nước và ý thức sớm liên kết thành một cộng đồng dân tộc thống nhất, phải tựa lưng nhau mà sống đã được hình thành. Chính yêu cầu phải hợp sức, hợp lực trong sản xuất, trong đấu tranh với thiên nhiên từ năm này qua năm khác, đời này qua đời khác, là nhân tố cơ bản đầu tiên tạo nên ý thức thống nhất dân tộc, thống nhất quốc gia.

Giá trị truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam được hình thành, củng cố, thử thách trước sự đe doạ thường xuyên của giặc ngoại xâm do những thế lực phong kiến và những thế lực thực dân, đế quốc gây ra. Trong bối cảnh đó, các thành phần dân cư khác nhau đã tự nguyện đoàn kết để bảo vệ sự sống còn của bản thân mình, bảo vệ quê hương, làng xóm và hình thành nên một sức mạnh hết sức to lớn: "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công" (Chủ tịch Hồ Chí Minh).

Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, giáo dục tinh thần đoàn kết cho sinh viên Việt Nam trước hết là giáo dục cho sinh viên ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- làng xã- Tổ quốc. Giáo dục tinh thần phục vụ nhân dân cho sinh viên, giáo dục trách nhiệm của sinh viên trước cộng đồng, trước mọi người với tinh thần tự nguyện. Hình ảnh những sinh viên tình nguyện tỏa về mọi miền đất nước, về với nhân dân "cùng ăn, cùng ở, cùng làm việc

với nhân dân" có sức lan tỏa hết sức to lớn trong cộng đồng xã hội, đồng thời cũng tác động trở lại định hướng giá trị, lối sống của sinh viên: sống vì mọi người, vì cộng đồng, vì sự phát triển xã hội.

Hợp tác và cạnh tranh, hội nhập và phát triển đang là xu thế chung của thế giới hiện đại. Vì vậy, sự quan tâm giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau là một yêu cầu tất yếu đối với mọi người, trong đó có tầng lớp sinh viên. Giáo dục cho sinh viên tất cả vì cộng đồng là sự tự giác của cá nhân vì lý tưởng cao quý của con người. Nó biểu hiện bằng sự thống nhất của tình bạn, tình đồng chí, tình đồng nghiệp, tinh thần trách nhiệm, thái độ tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhằm đảm bảo cho các cá nhân phát triển cao nhất, phục vụ cho lợi ích xã hội.

2.2.5. Giáo dục tinh thần hiếu học

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống hiếu học, trọng đạo lý làm người. Từ trong chiều sâu của lịch sử, nhân dân ta, dân tộc ta đã đúc rút ra được những bài học kinh nghiệm hết sức quý giá trong lĩnh vực giáo dục, mà trước hết là giáo dục cho mọi người tinh thần hiếu học, kính trọng thầy giáo, quý mến học trò, "qua sông thì bắc cầu kiều; muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy".

Truyền thống "tôn sư trọng đạo" đã có từ lâu đời và trở thành đạo lý sống của mỗi con người Việt Nam. Để đến với đạo học, người học trò luôn khắc cốt ghi tâm câu "không có thầy đố mày làm nên". Cha mẹ có công nuôi ta lớn lên, người thầy có công giáo dục ta thành người, "cơm cha, áo mẹ, chữ thầy". Người thầy luôn được cả xã hội coi trọng: "mồng một tết cha, mồng hai tết mẹ, mồng ba tết thầy". Trong lịch sử Việt Nam người thầy luôn luôn được tôn trọng, kính phục: Chu Văn An, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Tất Thành, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp, Tạ Quang Bửu...

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, mở cửa giao lưu văn hoá - giáo dục với các nước trên thế giới, tiếp thu những yếu tố hợp lý tiến bộ, văn minh, những thành tựu giáo dục mà nhân loại đã đạt được trở thành một trong những yếu tố quan trọng để giáo dục nước nhà phát triển. Toàn cầu hoá là xu hướng tất yếu hiện nay, đây là quá trình hợp tác để phát triển, vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích quốc

gia. Cạnh tranh trong các lĩnh vực ngày càng quyết liệt, điều đó đòi hỏi mỗi quốc gia phải điều chỉnh, cải cách chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo ra lợi thế cạnh cạnh. Giáo dục cho sinh viên tinh thần hiếu học, tôn sư, trọng giáo trở thành yêu cầu cấp thiết trong thời đại ngày nay, thời đại của kinh tế tri thức đồng thời thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa phẩm chất đạo đức và năng lực trong cấu trúc nhân cách của sinh viên. Để làm được điều đó thì cần phải giáo dục cho sinh viên ý thức tự giác, sáng tạo, trong học tập và nghiên cứu khoa học theo tinh thần và khẩu hiệu hành động "Học tập sáng tạo - hội nhập - phát triển" đã được Đại hội Hội sinh viên Việt Nam lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2008 - 2013) thông qua.

3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập thế giới hiện nay, khi mà môi trường văn hóa đang bị "ô nhiễm", đạo đức xã hội đang có nguy cơ "xuống cấp", nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp đang bị một bộ phận không nhỏ dân cư, trong đó có giới trẻ xem thường,… thì giáo dục giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc là vấn đề vừa cấp bách, vừa lâu dài. Các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc bao quát nhiều bình diện khác nhau của cuộc sống. Trong những giá trị đó thì: lòng yêu nước, lòng yêu thương con người; đức tính cần cù, tiết kiệm, tinh thần hiếu học …là những giá trị mang tính cốt lõi cần giáo dục cho sinh viên hiện nay; những giá trị này cần được gìn giữ, kế thừa về bản chất và biến đổi, phát triển về hình thức biểu hiện cho phù hợp với yêu cầu của thời đại mới.

T.P.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Trọng Chuẩn - Nguyễn Văn Huyên (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia.

2. J.Derrida (1994), *Những bóng ma của C.Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1995*), Nghị quyết về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

4. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, *Tập 20*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập,Tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, Tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

7. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, Tập 9*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

8. Thái Duy Tuyên (1994), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam,* KX-07-10, Hà

VALUE EDUCATION SYSTEM IN INDIA

Jyoti Narayan Patra*
Jayanta Mete**

Abstract: Values are like seeds that sprout, become saplings, grow into trees and spread their branches all around. To be able to think right, to feel the right kind of emotions and to act in the desirable manner are the prime phases of personality development. Building up of values system starts with the individual, moves on to the family and community, reorienting systems, structures and institutions, spreading throughout the land and ultimately embracing the planet as a whole. The culture of inclusivity is particularly relevant and important in the context of our society, nation and making education a right for all children.

Keywords: Value, Education, System

Introduction: `what is' as with `what ought to be' and `what ought to be done', are the prime concepts of Value Education. Value Education is essentially a matter of educating the feelings and emotions. It is the `training of the heart' and consists in developing the right feelings and emotions. Value education is simply a matter of developing appropriate behavior and habits involving inculcation of certain virtues and habits. Values represent wide range of good ideas about the end that people should pursue in their life. The values of a society provide goals or ends for the members to aim for. Values provide a general guideline

* Guest Lecturer- Bankura University, Kalyani, Nadia.
** Department of Education, University of Kalyani.

for the behavior of the people, as for example human dignity, fundamental rights, private properties, patriotism, fidelity to wife or to the husband, religiosity, sacrifice, helpfulness, co-operation, individual enterprise, free marital selection, individuality, social equality, privacy, democracy etc. guide our life in multiple ways.

Dimensions of Value Education: There are so many dimensions to guide the value education, among them some are discussing below-

1. Social Dimension: India is a Socialistic country, so Social Value is an important part of the culture of this country. Social value, norms and Institution explain the way in which social processes operates in a given society. They are the social sources of patterned interaction. Values account for the stability of social order. They provide the general guideline for conduct. Values are the criteria people use in assessing their daily life, arranging their priorities, measuring their pleasures and pains, choosing between alternative courses of action.

2. Educational Dimension: As, India is a democratic country so every persons of this country has their right to take part education. The ability to make moral judgment based on sound reasoning is a very important aim of value education and has to be deliberately cultivated. Education is the prime seed of developing values. It helps a person to judge any things in the light of reasoning, besides it education can be reinforced a person to go forward towards his/her goal. Education also guides a person to act properly in the society, which it demands.

3. The Spatial Dimension: An important aspect of value education system in India, relates to the development of the spirit of national identity and patriotism in children. This is necessary for the purpose of integrating and strengthening a nation, especially if it has won its freedom only recently or if its security is threatened in some form. But this concern for national identity may occasionally take the form of national chauvinism and the citizens of a country may develop a feeling that their country is always right. It has been argued therefore that it should be an important objective of value

education to make children aware of the fact that the whole world is now a community of interdependent nations that the survival and well-being of the people of the world depends on mutual cooperation. Children should be enabled to develop a world-view and appreciate the contributions made to the world's progress by different cultures and made to realize that in the case of various countries coming in conflict with one another, the world would be a very unsafe place to live in. For these reasons Indian government had been decided to give value education in school level. As a result our country may be safe from the unsocial activities. Spirituality helps a person a lot to build his/her values and to apply them in practical world.

4. Cognitive, Conative and Affective Dimensions: To be educated in the real sense of the term is to be able to think right, to feel the right kind of emotions and to act in the desirable manner. Objectives of value education should therefore be concerned with all the three phases of personality development as they relate to the right kind of behaviour. As these phases are themselves inter related, it would be erroneous to think that value education is exclusively concerned with knowledge, emotion or action alone. To say that `morality is caught' is to do injustice to the cognitive abilities and training involved in it. Similarly to equate value education with making students observe certain do's and don'ts would amount to ignoring education of feelings and moral reasoning.

Value Education System_ Its Content and Learning Resources:

Very recently ***NCERT*** has pointed out that, Values enshrined in the Constitution of India point towards the principles of equality and social justice and appreciation of cultural values of each other, dignity of all individuals, etc. Values such as equality, fraternity and justice can promote inclusivity where all members of the society feel included irrespective of their colour, culture, economic or social background, caste, religion, gender or community. The culture of inclusivity is particularly relevant and important in the context of our society, nation and making

education a right for all children. The aim of education thus can no longer be solely confined to learning of specific culture and its traditions but that of learning and appreciation of multi-culture. ***The National Curriculum Framework (NCF), 2005*** strongly advocates values like cooperation, respect for human rights, tolerance, justice, responsible citizenship, diversity, reverence towards democracy and peaceful conflict resolution. The resulting emphasis on satisfying *individual* desires was paralleled by agitation for individual *rights* – for women, for children, for oppressed minorities, and so on. Many gains have been made in these areas, in terms of greater equity, but along with these have come a worrying downside climbing rates of marriage breakdown, and of suicide among youth and young adults. The holding power of old values has decreased; But permissiveness is breeding disillusionment and new intolerances. There has also been a huge increase in the use of litigation to advance private preference at the expense of the common good.

Why do we Need Education for Values?

A most important reason for reorienting education for values is the fact that the current model of education contributes to the lopsided development of students. This model of education puts exclusive focus on cognitive to the total neglect of the affective domain and presents alienation between head and heart. Students are nurtured in a spirit of excessive competition and are trained right from the beginning to relate to aggressive competition and facts detached from contexts. The individualistic idea of excellence is promoted at the cost of emotional and relational skills.

- Concern about degeneration of values.
- Impact of change on children and youth.
- Dyes-functional families, increased crime and violence, effect of media and information overload.
- The competitive mindset among students, parents, teachers.

What Values Education Aims at:

From broader perspective, the aim of value education is linked with the fundamental question of what education itself is meant for. From individual's perspective, the purpose is to enable students achieve personal fulfillment for success in life and work. From societal perspectives, education aims to prepare young people to contribute to the society/nation and world around. In neither case however, education is to be perceived as an outcome but as an experience in it, which will enable student to live safe, healthy and fruitful life and become responsible citizens who make positive contributions to the society.

- Holistic development of the child while addressing the head and the heart.
- Revisiting values and making everyone aware of eroding values.
- Creating balance between child and community.
- An education that connects the heart, head and hand.
- Inculcating the understanding of Interdependence between family, society, nation and the world.
- Bringing in a pro-active social conscience.
- Improvement of the quality of education.
- Harmony and peace with self-Values.

There is a further distinction between explicit values education and implicit values education where:

1. Explicit values education is associated with those different pedagogies, methods or programmes that teachers or educators use in order to create learning experiences for students when it comes to value questions.

2. Implicit value education is "learning about self and wisdom of life" in a self-exploratory, systematic and scientific way through formal education.

How to acquire Values Education: Value education cannot be circumscribed by textbook material but should be left to the initiative and inspiration of the teachers in finding the learning resources. Education

is necessarily a process of inculcating values to equip the learner lead a life – a kind of life that is satisfying to the individual in accordance with the cherished values and ideals of the society. Value Education helped us to shift our conception from religious and moral education to education for peace, parallels the shifting sense and sensitivities in the larger context of education. However, value education can be imparted in a few ways. They are as follows-

+ **The individual** is the first building block of the values architecture; for integration to take place the child's need for security, dignity, identity and well-being has to be met. For a society to be at peace, its individual members need to be protected against violence, injustice, humiliation and discrimination. A child is not merely a physical entity but a holistic being. His/her physical, emotional, social and spiritual need has to be addressed to ensure harmonious development of all aspects of his/her personality.

+ **The second** factor in inculcating values is **the family** which plays a crucial role in fostering values in a child. A child growing in a conflict ridden home is unlikely to be peace oriented. Healthy relationships in a stable family create sound values. Home is the nursery for inculcating values.

+ **The community** to which a person belongs is the third block. The relationship between the individual and the community is intimate. It plays an important role in the identity formation of an individual, and determines the level of security the child enjoys. Values Education goes a long way to minimize the insecurity of communities and to promote a sense of belonging.

+ **The society** is the fourth building block of values. The society is an extended family which is characterized by diversities of individuals, and the interests of families and communities. Every society also has certain shared characteristics that its members endorse, adopt and employ, which influence the collective decisions taken by it. There is a reciprocal relationship between an individual and the society of which he or she is a part. Social mores/ customs/traditions are internalized during the process of growing up within a society. Individuals, families and communities that

comprise a society have the duty to avoid pursuits, advocacies, methods and goals that undermine values.

+ **The nation** is the paramount building block of values. A country that allows its citizen to be overtaken by hate and negativity lets its energies be wasted. Values are basic to progress and well-being. Nations at peace comprise the building blocks of global values.

Besides it there are also many others path to acquire Value Education-

+ ***Think positive is*** a self-empowering concept that allows the student to have a positive self-image and values him/her and life in all forms.

+ ***Be compassionate and do no harm attempts*** to inculcate love, kindness and friendliness that are important to respond to intolerance and violence in society.

+ ***Discover inner peace*** enables an individual to understand the self at a deeper level of consciousness. It also addresses a person‘s spiritual needs.

+ ***Learning to live together*** seeks to promote the qualities of sharing, cooperation, mutual help, building trust and team work. Working harmoniously in groups with others reduces competition and emphasizes the joy of working as a team.

+ ***Respect human dignity*** is based on the concepts of Human Rights and Justice. Its objective is to develop a consciousness that recognizes rights of others along with one‘s own.

+ ***Be your true self builds*** behavioral skills such as time management, honesty and strength of character that are essential for resolving conflicts and for effective social interaction.

+ ***Developing critical thinking involves*** the ability to think with logic and reason. It also includes decision-making and is an important component of democratic institutions.

+ ***Resolve conflict non-violently is*** a basic component of Values Education. It encompasses skills necessary for conflict resolution, active listening, mediation, creative solution and alternative solution seeking.

+ ***Build peace in the community provides*** an opportunity for young learners to be exposed to social realities and to understand people's problems as well as their own responsibilities and duties.

+ ***Caring for the planet*** is a global educational need for children and adults alike. The health of the planet has a direct and immediate influence on the destiny of humankind.

+ **Social** and **Ethical values**, examples from day-to-day situations, extracts from sayings of great men, incidents and problems, which develop value judgment among pupils, dramas, dialogues, simple poems (Kavya Vachana) and scriptures from world religions, could form the major part of the content along with the biographies of great men.

+ Personal, neighborly and community values should be taught in the classroom and thoroughly discussed with the students.

+ A variety of **learning resources** can be used for value education ranging from biographies, scriptures, proverbs, hymns and sayings of great men to current social and political events, stories from religion and mythology, moral dilemmas and schools events.

+ **Yoga** and other activities that develop self-discipline among students could be included.

+ **Group activities** like cleaning the school camps, visiting slums, service campus, visits to hospitals, visits to places of worship of different faiths should form part of content in value education. Discourses on the lives of spiritual leaders can bring out values like self-sacrifice, collective happiness, love for truth and ultimate values of life for which the great leaders lived.

+ `**Personality Development** Retreats' could be held to enable the students to develop self-control, punctuality, sharing and caring respect for other faiths, cooperation and the value of silence(inner peace).

+ **Prayer, meditation** and `**Shramadan**' could form part of the content of value education. They can help the students cultivate inner poise and an attitudinal shift, and develop the quality of `dignity of labour'.

+ **Observing `Jayanthis'** i.e., birthdays of great national and spiritual leaders and organizing youth organizations for character

development like Balaka Sangha and Taruna Sangha can go a long way in the inculcation of values in students.

Value Education in new millennium: The current Value Education system is a time consuming topic. Nevertheless, it is also showing that, Value Education is a complex and controversial topic. Most recently, the National Curriculum Framework and the Framework on Values in Schools has been brought out by NCERT. The idea of imparting Values Education is also closely linked with the educational reforms that have been introduced under the scheme of Continuous and Comprehensive Evaluation (CCE). **Educationists** have identified five dimensions on value education, these being physical education, emotional education, cognitive development, aesthetic development and the moral and spiritual domain. ***The National Policy of Education*** *(1986)* also highlighted the need of education for values in removing intolerance, violence, superstition and upholding social, cultural and scientific principles to make India a secular, democratic and progressive nation taking pride in its cultural heritage.

Value Education Development Scenario:

Source – Value Education_ A Handbook for Teachers (CBSE) 2012

In many countries today the emphasis is on socio-economic reconstruction with the declared intention of a more equitable distribution of the benefits brought about by modernization. The objectives of value education should be such that the curriculum should recognize the tensions that are brought about by the conflicts between tradition and change. The planned programme should aim at developing a critical value perspective in our pupils that will enable them to employ modern skills for the betterment of humanity while helping them renew their commitment to fundamental traditional values.

Value crisis and need of Value Education in 21st century: Education of this kind turns children into machines. Such a perspective defeats the very purpose of education the wholesome development of personality including ethical development which is fundamental for making responsible decision making in case of moral conflicts. The mark of an educated person, wrote Plato in *The Republic*, is the willingness to use one's knowledge and skills to solve the problems

of society. Education must imbue children with a proactive social conscience. Society is the empowering context for individuals. No one can become fully human or attain dignity and fulfillment outside the web of relationships and responsibilities presupposed in society. True education equips individuals to live creatively, responsibly, and peaceably in a society and become agents of change for a better society.

Improvement of the quality of education has always been the key concern for education. In recent times, quality education has been defined in more pragmatic terms. It has become synonymous with employability, preparation for the word of work, less and less consideration is given to the subject of education i.e. individual student and his/her full development as a human being. Quality of education should not be considered in fragmented terms but in a more holistic and expanded manner not in terms of number of years of schooling but the quality aspect of the development of the individual; the formation of the whole persons and full flowering of the human being and character building.

Improvement of quality of education is not the only reason for value education. The current resurgence of interest in education as a powerful means to inculcate values among students is also due to the fast degeneration of values in our country. Despite considerable progress made, our society is shaken by conflicts, corruption and violence. There has been distortion in our value system. Wherever we look, we find falsehood and corruption. Majority of us are interested in our own families and not interested in fulfilling our responsibilities to society. Although erosion of values existed throughout the history of human existence and is shared by all cultures but current degeneration of values has become a matter of great concern in our country. The typical examples of value erosions are: people have become greedy and selfish.

Honesty has begun to disappear in the society. Violence has become the order of the day. Corruption, abuse and power have become more common. The problem of declining values is multi-dimensional arising out of combination of major social forces such as globalization, materialism, consumerism, commercialization of education, threats to humanity due to climatic changes,

environmental degradation, violence, and terrorism. These have led to insecurities, individualistic life styles, and acceleration of desires, misuse of science and technology, pessimisms, sense of alienation and other negative consequences.

Schools are the microcosms of the world. The disorder of the world surfaces to schools in many ways. The state of growing up of children and youth in our country has changed and is further changing fast. We do not need scientific surveys to tell us what our own eyes and ears are revealing. The numbers of dysfunctional families have grown. Children indulge in crime, violence in school and outside. Mass media has senselessly gripped our children, and assaults them with information, views and prejudice in a manner that young minds can hardly discern or judge. While the questioning attitude and critical thinking needs to be encouraged in children, we find that many young people and students treat teachers with disrespect and question out of arrogance and see it as a way of questioning authority. A hurry-up society often lacks a sense of community and fraternity. Peers exert powerful influence on values development. Drug abuse, irresponsible sexual behaviour, vandalism, commercialization, stealing, cheating, confusion between heroes and celebrities as role model is witnessed more often than ever before. In a general sense, parents, schools and public feel that our youth have lost qualities of civility, respect and responsibility. There is in fact a public call for education and action because of the degeneration of our cultural ethos. Educationists and public alike have voiced concern about moral degradation, about crime, violence in the streets and in the media, lack of discipline in schools. Children and youth need to be educated to practice the commonly held values of harmony and peace with self and others. Children are envoys of the future. As per the population projection, India will have one of the youngest populations in the world by 2020. This vast human resource will shape the nation and the world. From ecological perspective, child is educated by the entire environment in which it grows and that environment is determined equally by the parents, teachers and society around. The kind of individual we produce

in turn determines the kind of society we live in. If we produce individuals who are self-centered, aggressive, competitive and greedy, we cannot have a society that is non-violent, peaceful, cooperative and harmonious.

Education is the main agency for individual transformation and social change. It is not possible to bring fundamental transformation in society unless the individual is transformed. The kind of education we provide to them will have bearing on the values foundation of the society. What is urgently needed is the re-examination of the content and process what each school is teaching to children under their charge. Although value education is both parent and public responsibility but school, due to its institutionalization nature, ought to take the major responsibility. School personnel have an obligation towards providing value oriented education. It cannot be done in an ad hoc and haphazard manner but has to be a conscious and deliberate well-planned enterprise with knowledge and forethought.

Conclusion: India is a multilingual, multicultural and multi religious country. It is very clear that coming decades are going to see a greater explosion of science and technology. Application of science and technology in a more humane and rationale way is related to moral and ethical responsibility. The values get transmitted most often are rather contrary to the values desired by the family, society or school. Value Education promotes broader capabilities, attitudes and skills that matter not just in schools but also life beyond schools, making the world a better place not just for themselves but also for their family, friends, colleagues and others. Value Education also prepares student for the world of work. The attitudes and values of hard work, discipline, cooperation, communication skills etc. enable them to develop healthy interpersonal relationships at home and in school, which in turn facilitate their better adjustment on the practical life.

Reference

1. Seetharam.A.R, (1988). *Concept and Objectives of Value Education.* New Delhi. Akash Publication

2. http://www.valueeducation.org.in

3. Rao.S.N.C,(2012).*Sociology-Principles of Sociology with an introduction to Social Thought.* New Delhi. S.Chand & Company LTD

4. Reddy. S.G. (2010) Human values. *Edu Tracks. 4(10).* 23-26pp

5. Http/www.framework for teachers.co.in

6. http://edugreen.teri.res.in/explore/forestry/chipko.htm

7. http://www.goodwork.org/encouragement15.htm

Hệ Thống Giáo Dục Giá Trị ở Ấn Độ

Giáo dục giá trị giống như việc ta gieo hạt giống cho nó nẩy mầm, vươn chồi non rồi trở thành cây xanh cứng cáp tỏa cành lá xum xuê ra khắp xung quanh. Tư duy đứng đắn, cảm xúc tình cảm chân thành, hành động xứng đáng là giai đoạn đầu tiên để phát triển nhân cách một con người.

Xây dựng hệ thống giáo dục giá trị phải bắt đầu từ từng cá nhân, tiến tới gia đình và công đồng, với những cấu trúc, thiết chế, để nó tỏa rộng ra các quốc gia, và cuối cùng bao trùm lên khắp trái đất.

Nền văn hóa bao trùm là nền văn hóa có mối liên quan đặc biệt chặt chẽ và quan trọng trong một thực trạng xã hội mà mỗi quốc gia đều mong muốn biến giáo dục thành quyền lợi cho mọi đứa trẻ.

Những chiều kích (dimension) của giáo dục giá trị:

- Chiều kích xã hội
- Chiều kích giáo dục
- Chiều kích không gian

Ấn Độ là một quốc gia đa ngôn ngữ, đa tôn giáo. Những thập kỷ sắp tới sẽ chứng kiến sự bùng nổ của khoa học và kỹ thuật. Áp dụng khoa học kỹ thuật một cách nhân bản và hợp lý; điều này liên quan tới trách nhiệm và đạo đức.

Giáo dục giá trị còn là sự chuẩn bị cho thế hệ trẻ thái độ lao động có kỷ luật, biết hợp tác giữa các cá nhân phù hợp với thực tế. Điều này không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà của cả gia đình và xã hội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH TRONG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Lê Đức Thọ*

ThS. Lâm Thị Hồng Thắm**

1. Nêu vấn đề

Giáo dục thế hệ trẻ có tầm quan trọng đặc biệt trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Bởi lẽ, thế hệ trẻ hôm nay sẽ là nội lực cho tương lai. Vấn đề giáo dục đạo đức, nhân cách của thế hệ trẻ rất cần sự góp sức từ gia đình. Nếu gia đình không có một phương pháp giáo dục đúng đắn thì gia đình nói riêng và xã hội nói chung phải gánh chịu những hậu quả không thể lường trước được. Trong bối cảnh hiện nay, việc phát triển nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế đã tác động đến giáo dục gia đình, điều này ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách thế hệ trẻ. Chính vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng của giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay, từ đó, đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của gia đình trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ là việc làm cần thiết, có ý nghĩa thực tiễn.

2. Vai trò của giáo dục gia đình

Trong bất kỳ thời kỳ nào của lịch sử, gia đình luôn là chiếc nôi để hình thành, giáo dục, nuôi dưỡng nhân cách của mỗi con người.

* Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng

** Trường Cao đẳng Thương Mại Đà Nẵng

Gia đình trong xã hội hiện đại ngày nay càng có vai trò quan trọng, từ định hướng, nuôi dưỡng nhân cách cũng như giáo dục con người từ khi sinh ra đến lúc trưởng thành, trở thành những công dân có ích đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của xã hội.

Gia đình là môi trường đầu tiên về phương diện thời gian và gần gũi nhất về phương diện không gian đối với mỗi cá nhân. Gia đình được hiểu như một tập thể nhỏ, trong đó các thành viên quan tâm đến nhau (sở thích, nhu cầu…). Không khí tâm lí trong gia đình ảnh hưởng đến toàn thể gia đình như khí trời đối với con người. Các nhà nghiên cứu dùng thuật ngữ không khí ("climate") là một thuật ngữ sinh học để chỉ một hiện tượng tâm lí. *Không khí tâm lí gia đình* được hiểu là tính chất của các mối quan hệ qua lại trong gia đình, là tâm trạng bao trùm chủ yếu của gia đình. Sự ảnh hưởng qua lại được thực hiện thông qua giao tiếp, hình thành nên nhân cách của trẻ ở giai đoạn đầu tiên của cuộc đời (các mối quan hệ trong gia đình, tâm trạng chung của gia đình).

Với tư cách là ngôi trường đầu tiên của mỗi cá nhân, gia đình có điều kiện, có trách nhiệm và nhiều ưu thế trong việc tham gia vào giáo dục đạo đức, nhân cách cho thế hệ trẻ hôm nay; sự ảnh hưởng của giáo dục gia đình tới việc hình thành nhân cách của các em là rất lớn. Cùng với sự phát triển của xã hội hiện đại, các bậc phụ huynh muốn thực hiện tốt vai trò là nhà giáo dục đặc biệt quan trọng của mình thì bên cạnh nhiệm vụ xây dựng kinh tế gia đình, các bậc phụ huynh cần phải tự mình học hỏi, trau dồi kiến thức mọi mặt, tạo lập môi trường sống lành mạnh cho con em mình. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục gia đình với nhà trường và các đoàn thể xã hội khác, bản thân ông bà, cha mẹ phải là tấm gương sáng về đạo đức cho con cháu noi theo.

Đối với phần lớn người Việt Nam chúng ta, gia đình luôn là mối quan tâm hàng đầu, vì gia đình là tổ ấm của mỗi người, là nơi chúng ta được yêu thương và chia sẻ tình yêu thương. Xây dựng hạnh phúc gia đình cũng chính là xây dựng tổ ấm gia đình, vun đắp và lan tỏa tình yêu thương cho tất cả mọi người. Gia đình mang tính liên kết chặt chẽ, gắn bó, quan hệ máu thịt giữa các thành viên trong gia đình. Trải qua nhiều thế hệ, gia đình Việt Nam tồn tại và phát triển với những chuẩn mực, giá trị tốt đẹp, góp phần xây

dựng nền văn hóa Việt Nam, gia đình truyền thống Việt Nam hòa thuận, hiếu thảo, khoan dung, chung thủy. Quá trình đất nước đổi mới và hội nhập quốc tế ngày nay tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện để gia đình Việt Nam phát triển, tuy nhiên vấn đề gia đình và giáo dục gia đình cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức.

3. Thực trạng giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay

Trong bối cảnh xã hội phát triển và hội nhập, gia đình Việt Nam đang có những biến đổi mạnh mẽ về cấu trúc, hình thái, quy mô và các mối quan hệ trong gia đình. Những giá trị, chuẩn mực truyền thống đã và đang bị tác động, thay đổi, xen lẫn với những chuẩn mực, hành vi của xã hội mới. Mối quan tâm, chăm sóc của một bộ phận cha mẹ dành cho con cái dường như bị suy giảm. Nền tảng đạo đức xã hội, nhân cách của một bộ phận thế hệ trẻ đang có nguy cơ bị lung lay, bởi chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân và thiếu vắng sự chăm sóc, bảo vệ của gia đình.

Điều đáng lo ngại hiện nay là, vì những lý do khác nhau, một bộ phận gia đình đã không thật sự trở thành «tổ ấm» cho mỗi con người. Nếu cấu trúc gia đình lỏng lẻo, liên kết giữa các thành viên gia đình yếu, các thành viên gia đình không được đối xử bình đẳng, cha mẹ thiếu gương mẫu và không có thời gian hoặc không quan tâm chăm sóc, giáo dục trẻ em, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bạo lực gia đình gia tăng... thì gia đình khó có thể làm tốt chức năng giáo dục, các thành viên trong gia đình khó hòa thuận, hạnh phúc và đặc biệt con cái khó có thể sống trong tình yêu thương, ấm no và hình thành nhân cách tốt.

Có thể nêu hai vấn đề bất cập chủ yếu trong đời sống gia đình có liên quan mật thiết với giáo dục đối với các thành viên gia đình như sau: *Một là,* bạo lực gia đình. Mâu thuẫn, xung đột gia đình mà đỉnh điểm là bạo lực gia đình nghiêm trọng, trong đó nổi bật nhất là bạo lực của người chồng đối với người vợ và bạo lực của cha mẹ đối với con cái. Những trẻ em sinh ra và lớn lên trong các gia đình thường xuyên phải chứng kiến hành vi bạo lực của cha đối với mẹ, những cảnh mắng chửi nhau giữa các thành viên gia đình, những lần bị đòn roi từ cha mẹ, cũng có xu hướng áp dụng các hành vi bạo lực đối với người khác trong tương lai. *Hai là,* vấn

đề ly hôn. Nhất là các vụ ly hôn có con nhỏ, nếu bố mẹ xử sự sau ly hôn không khéo léo và thiếu tế nhị thì các cháu cũng là người chịu rủi ro nhiều hơn trong cuộc sống, cá biệt cũng dễ bị rơi vào những hành vi lệch lạc trong tương lai.

Trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay, chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng khá bất ổn ở không ít gia đình, đó là việc thiếu vắng sự chăm sóc, giáo dục của các bậc cha mẹ đối với con cái, dù họ vẫn sống cùng nhà với các con, cả đối với những người đang vật lộn mưu sinh cũng như các gia đình khá giả hơn. Vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ người cha và người mẹ không dành thời gian để chăm sóc con cái. Sự thiếu quan tâm của cha mẹ đối với con cái có thể dẫn đến nhiều hậu quả tiêu cực cả về mối liên hệ tình cảm cha mẹ - con cái hoặc tăng thêm nguy cơ đối với các hành vi lệch chuẩn trong cuộc sống. Không ít trẻ em trong các gia đình không được cha mẹ quan tâm đã bỏ học, đi lang thang bụi đời, để cuối cùng rơi vào vòng xoáy của các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, cướp giật, mại dâm, trộm cắp,... gần đây nhất nhiều cháu gái nhỏ bị xâm hại rất thương tâm.

Thực tiễn cho thấy những đứa trẻ hư hỏng hỗn láo, phạm pháp thì một số lượng không nhỏ là cha mẹ làm nghề buôn bán, không trung thực, lời nói không được lịch sự hay cha mẹ li hôn không quan tâm con cái, cha mẹ mắc các tệ nạn xã hội như lô đề, cờ bạc trộm cắp, cướp của, lừa đảo, nghiện và buôn bán ma túy, nhưng lại bắt con cái mình phải ngoan ngoãn, thật thà, kính trọng bố mẹ thì thật khó mà trẻ vâng lời được. Một điều nữa là không chỉ sự làm gương của cha mẹ mới ảnh hưởng tới con cháu mà tấm gương ông bà cũng ảnh hưởng tới nhân cách trẻ

Có nhiều nguyên nhân cụ thể của tình hình nêu trên nhưng điều quan trọng nhất là chúng ta chưa nhận thức đầy đủ vai trò của gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội đặc thù có mối quan hệ chặt chẽ với các thiết chế khác trong hệ thống xã hội tổng thể, sự vững mạnh hay bất cập của gia đình sẽ có tác động lớn đối với việc quản lý xã hội nói chung. Cũng từ nguyên nhân đó, giáo dục gia đình chưa được coi trọng. Bản thân một số người làm cha làm mẹ chưa thật sự gương mẫu với các con, đôi khi còn là hình ảnh xấu cho các con làm theo.

Về mặt xã hội, mặc dù Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến việc xây dựng hành lang pháp lý tạo tiền đề cho các hoạt động xây dựng và củng cố gia đình, tuy nhiên, hoạt động triển khai và thực thi chính sách gia đình vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều văn bản luật và chính sách chưa được nhận thức đầy đủ. Cơ chế phối hợp triển khai thực hiện chính sách gia đình chưa đồng bộ. Đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác gia đình ở cấp cơ sở còn thiếu các kỹ năng cần thiết và gặp nhiều khó khăn trong việc xử lý các vấn đề về gia đình.

Về phía các gia đình, sự thiếu quan tâm đến việc giáo dục gia đình là một nguyên nhân quan trọng khiến cho gia đình chưa phát huy được vai trò của nó với tư cách là môi trường tạo nguồn nhân lực có chất lượng tốt cho xã hội. Nhiều gia đình vẫn khoán trắng cho xã hội và nhà trường việc giáo dục trẻ em. Một số không ít các bậc cha mẹ chưa dành được thời gian thích đáng để quan tâm tới con cái. Ngoài ra, nhiều bậc cha mẹ còn thiếu kỹ năng và phương pháp giáo dục con cái một cách khoa học. Một vấn đề cần đặc biệt lưu tâm là nâng cao mức sống của các gia đình ở nhiều vùng khó khăn cũng là một yêu cầu đặt ra nhằm tạo điều kiện cho các gia đình quan tâm, chăm sóc và giáo dục con cái một cách tốt hơn. Đây chính là những vấn đề mà các cơ quan chức năng của Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức đoàn thể xã hội phải đặc biệt quan tâm.

4. Một số đề xuất giải pháp nhằm phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay

4.1. Quán triệt các quan điểm của Đảng về phát huy vai trò của gia đình trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ

Nghị quyết của các kỳ Đại hội Đảng đều nhấn mạnh sự quan tâm đến gia đình, từ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII xác định gia đình với tư cách là "tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách", đến Đại hội Đảng lần thứ XII nêu rõ: "Thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam... Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh

phúc, văn minh", "tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc". Như vậy, gia đình có một vai trò rất quan trọng đối với việc xây dựng mỗi người Việt Nam cũng như nguồn nhân lực cho xã hội mới.

Thể chế các chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhiều bộ luật đề cập chế định gia đình với vị trí, vai trò rất quan trọng như Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Trẻ em; Luật Người cao tuổi. Đặc biệt, Chính phủ ban hành Chiến lược Phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 và quyết định kể từ năm 2001, ngày 28-6 hằng năm đã trở thành Ngày Gia đình Việt Nam.

4.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về vai trò của gia đình trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ

Cần chú trọng đổi mới công tác tuyên truyền về gia đình và giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nâng cao hiệu quả giáo dục nhân cách cho thế hệ tương lai của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực trong gia đình và xây dựng nhiều hơn các mô hình gia đình gương mẫu trong đạo đức, lối sống và nuôi dạy con cháu điển hình. Các bậc cha mẹ cần dành thời gian quan tâm hơn đến con cái và tăng cường giáo dục con em về mối quan hệ tình cảm gắn kết các thành viên, tạo điều kiện cho các em phát triển một cách tốt nhất trong môi trường gia đình. Tăng cường các nghiên cứu cơ bản và đánh giá, tổng kết các kết quả thực hiện các chính sách liên quan đến gia đình, đồng thời cân đối nguồn lực để tiếp tục thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

Nâng cao nhận thức về vai trò của gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ gắn liền với nâng cao trình độ và năng lực giáo dục con cái của các bậc cha mẹ. Để phát huy vai trò của gia đình, của cha mẹ học sinh trong sự nghiệp giáo dục trước hết phải nhìn nhận đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò của gia đình trong giáo dục con cái. Nhận thức đúng là khởi đầu của hành động đúng, nhận thức đầy đủ và đúng đắn vị trí, vai trò của giáo dục gia đình đối với sự hình thành nhân cách trẻ là yếu tố quan trọng trong sự

thành công của giáo dục gia đình. Mặc dù trong điều kiện hiện nay, gia đình không phải là thiết chế duy nhất chịu trách nhiệm giáo dục con trẻ nhưng nó là môi trường xã hội đầu tiên và có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách gốc của con người. Cùng với nâng cao nhận thức về vai trò của gia đình trong giáo dục nhân cách của thế hệ trẻ là nâng cao trình độ và năng lực giáo dục con cái của các bậc cha mẹ.

4.3. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách gia đình

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính sách gia đình nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu: xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững - cơ sở cho việc nâng cao vai trò của gia đình đối với sự hình thành nhân cách thế hệ trẻ. Trước hết cần tuyên truyền Luật Hôn nhân và Gia đình đến từng gia đình Việt Nam. Đây là một văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, tạo việc làm cho người lao động, chính sách bảo hiểm xã hội, xoá đói giảm nghèo nhất là đối với nông thôn vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo. Mục đích là tạo điều kiện nâng cao đời sống kinh tế cho mỗi gia đình, làm nền tảng để cha mẹ có điều kiện, thời gian quan tâm giáo dục con và tiếp xúc với sự tiến bộ của đất nước và nhân loại.

Trong hoàn cảnh đổi mới đất nước, mỗi gia đình là một đơn vị kinh tế, một đơn vị tiêu dùng, mọi thành viên trong gia đình phải dựa vào gia đình nhiều hơn trước đây (đặc biệt là thành viên chưa trưởng thành). Do vậy, cần phải đầu tư vào gia đình, phát triển kinh tế gia đình, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần để gia đình làm tốt chức năng của nó. Khuyến khích phát triển kinh tế gia đình là tạo điều kiện cho gia đình có tư liệu, có vốn để sản xuất và làm giàu chính đáng. Chính sách khoán hộ, giao đất, giao rộng ở nông thôn, chính sách kinh doanh dịch vụ, kinh tế tư nhân, chế độ lương cho cán bộ công chức, thu nhập cho công nhân, lao động thỏa đáng, hợp lý là điều kiện ổn định đời sống gia đình và cơ sở vật chất của đạo đức trong gia đình. Thực hiện tốt hơn cuộc vận động "xóa đói, giảm nghèo", "giúp nhau lập nghiệp", giúp nhau làm giàu.

Bảo đảm cho những chính sách xã hội được thực hiện công bằng và có hiệu quả trên các lĩnh vực: y tế, sức khỏe, văn hóa, giáo dục, vệ sinh môi trường, sức khỏe sinh sản... bằng cách lồng ghép các chương trình mục tiêu. Chính sách tín dụng, ưu đãi cho người nghèo, chuyển giao công nghệ, tạo việc làm, hướng nghiệp... tạo điều kiện cho các gia đình có đời sống vật chất bớt khó khăn, thì mới có thể làm tốt việc xây dựng quan hệ gia đình và đạo đức trong gia đình tốt đẹp. Tổ chức tốt các dịch vụ xã hội để giảm nhẹ lao động trong gia đình cho phụ nữ và trẻ em, tạo điều kiện rảnh rỗi nhiều hơn cho họ tham gia vào sinh hoạt xã hội, văn hóa tinh thần, giáo dục con cái, nâng cao tri thức, thẩm mỹ, thể lực. Tạo cho mỗi gia đình có điều kiện vật chất tối thiểu (gia tài), chỗ ở (gia cư), môi trường sống (gia cảnh) làm cơ sở cho việc giáo dục gia đình (gia đạo, gia huấn) tạo một nền nếp đạo đức gia đình (gia phong). Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng đề ra trong Đại hội Đảng VII (1991) ghi rõ: các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ.

4.4. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho gia đình

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình trên cơ sở thực hiện tốt các chính sách, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm qua Việt Nam đã thực hiện khá tốt mục tiêu nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo được nâng lên rõ rệt. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ. Hệ thống các bệnh viện và mạng lưới từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư nâng cấp, đáp ứng cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Những chính sách và chủ trương rất hợp lý này đã giúp cho mỗi người, mỗi gia đình nâng cao đời sống cả vật chất lẫn tinh thần, đồng thời tạo điều kiện cho các gia đình phát huy tốt hơn vai trò giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ của mình.

4.5. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục của gia đình đối với thế hệ trẻ

Nội dung giáo dục phải toàn diện bao gồm cả đạo đức, tri thức, lao động và rèn luyện tính tự lập cho trẻ tới giáo dục thể chất

và thẩm mỹ, giáo dục giới tính. Đổi mới nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục học tập, lao động, rèn luyện tính tự lập cho trẻ, đồng thời phải quan tâm đến giáo dục thể chất, thẩm mỹ, giới tính cho thế hệ trẻ.

Gia đình cần sử dụng kết hợp các phương pháp khác nhau (nêu gương, rèn luyện thói quen, khen thưởng, kỉ luật, trừng phạt) trong giáo dục thế hệ trẻ bởi đặc điểm tâm lý, lứa tuổi của thế hệ trẻ là rất nhạy cảm, hiếu động, thích thể hiện bản thân, dễ bị kích động,…Tránh xu hướng quá nghiêm khắc, áp đặt, khắt khe đối với trẻ và cũng tránh xu hướng quá dân chủ, nuông chiều. Cả hai xu hướng đó đều có thể dẫn đến những hậu quả không thể lường trước được. Phương pháp giáo dục nên thay thế bằng phương pháp định hướng, khích lệ. Cha mẹ cần tìm thấy ở con mình có những mầm mống, năng khiếu gì để quan tâm, tạo điều kiện giúp trẻ phát triển tài năng, cần phân tích để con nhìn nhận, phân biệt đúng - sai, xấu - tốt, điểm mạnh – yếu của bản thân và tự điều chỉnh.

Thường xuyên quan tâm đến tâm tư, tình cảm, mối quan hệ bạn bè của con. Giúp con tự chủ, có tính độc lập, không ỷ lại vào cha mẹ và người khác. Cha mẹ cần làm gương cho con noi theo. Trong gia đình, cha mẹ phải luôn chú ý rèn luyện, tu dưỡng mình là tấm gương về đạo đức, nhân cách, là điểm tựa tinh thần của con để con noi theo và học tập. Cha mẹ dạy con phải thế này, thế khác nhưng hành động của bản thân cha mẹ lại không gương mẫu, nói một đằng làm một nẻo; điều đó làm cho việc giáo dục trở nên phản tác dụng. Con cái không tin cha mẹ, không tin người lớn, tự tìm những lối đi riêng cho bản thân, mất phương hướng, trong đó có những con đường lạc lối đã đưa trẻ đến vi phạm pháp luật

4.6. Tăng cường sự kết hợp giữa gia đình với nhà trường và các tổ chức xã hội trong giáo dục nhân cách cho thệ hệ trẻ

Sự phối hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội đã được nêu ra và thực hiện từ lâu nhưng trong thực tế còn nhiều hạn chế về nội dung, hình thức phối hợp. Bản thân mỗi thiết chế này cũng bộc lộ những tồn tại như: Nhà trường quan tâm nhiều đến dạy chữ, dạy nghề hơn là giáo dục văn hoá ứng xử trong quan hệ thày trò, bạn bè, tình yêu. Cha mẹ thì dường như phó mặc việc dạy

dỗ con cái cho nhà trường, chỉ quan tâm đến đời sống vật chất cho con cái. Các tổ chức xã hội dù đã có nhiều phong trào cho trẻ hoạt động nhưng còn nghèo nàn, chưa thu hút được đông đảo trẻ tham gia. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục thế hệ trẻ. Mỗi thiết chế này lại có những ưu nhược điểm khác nhau trong quá trình giáo dục trẻ, việc phối hợp sẽ giúp các thiết chế bổ sung, hỗ trợ cho nhau để hiệu quả giáo dục trẻ tốt hơn. Sự thành công trong giáo dục chỉ có được khi tất cả các lực lượng (gia đình, nhà trường, xã hội) thống nhất với nhau về mục tiêu, nội dung giáo dục, tất cả vì thế hệ tương lai đất nước.

Bên cạnh đó, gia đình cần kết hợp với nhà trường, xã hội trong việc giáo dục giá trị đạo đức, nhân cách cho các em, không nên phó mặc trách nhiệm giáo dục con em mình cho nhà trường và xã hội. Các bậc phụ huynh phải đầu tư nhiều thời gian hơn, kết hợp trao đổi thông tin với nhà trường để động viên thành tích học tập và rèn luyện của các em, từ đó để phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm, những tác nhân xấu đang "rình rập" ngoài xã hội.

5. Kết luận

Là một bộ phận của sự nghiệp giáo dục nói chung, giáo dục của gia đình ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với sự hình thành nhân cách của mỗi cá nhân và đối với sự phát triển của xã hội. Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng, giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Với thiên chức riêng mà không một thiết chế xã hội nào thay thế được, gia đình ngày nay càng khẳng định vị trí, vai trò to lớn của mình trong tiến trình phát triển của xã hội cũng như sự phát triển của kinh tế quy định.

L.Đ.T - L.T..H.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phạm Khắc Chương (1993), *Giải pháp tình huống trong giáo dục gia đình*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thành Công (2007), *Vai trò của giáo dục gia đình đối với sự hình thành nhân cách thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ khoa học triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

[3]. Đảng cộng sản Việt Nam (1991), *Cương Lĩnh xây dựng đất nước trong thờ kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Đặng Cảnh Khanh (2003), *Vai trò của gia đình trong việc giáo dục giá trị truyền thống cho trẻ em*, Nxb. Lao động xã hội, Hà Nội.

[6]. Đức Minh (1976), *Giáo dục gia đình đối với lứa tuổi thiếu niên*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

[7]. Lê Thi (1991), *Vai trò của gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb, Phụ nữ, Hà Nội.

[8]. Lê Đức Thọ (2017), "Vai trò của gia đình đối với sự hinh thành nhân cách toàn diện cho sinh viên hiện nay", *Tạp chí Dạy và học ngày nay,* số 11(2017).

[9]. Trần Thị Kim Xuyến (2001), *Gia đình và những vấn đề gia đình hiện đại*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

ABSTRACT

This paper examines the current situation of family education in our country. The research results show that, in the context of market economy development and international integration process, there have been many impacts on family education. In addition to the values of traditional families, there is the emergence of modern family values, which also affects the family's educational value to the younger generation. The research also suggests some solutions to promote the role of families in the value education for the young generation in Vietnam today.

GIÁO DỤC NHÂN CÁCH SINH VIÊN SƯ PHẠM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Thảo Tiên*

1. **Đặt vấn đề**

Giáo dục nhân cách là nhiệm vụ quan trọng của nhà trường, xã hội nói chung. Hiện nay, trước sự bùng nổ của khoa học kỹ thuật, của nền kinh tế toàn cầu, của những cuộc cách mạng công nghệ trong mọi lĩnh vực thì việc chú trọng bồi dưỡng, giáo dục nhân cách công dân nói chung, học sinh, sinh viên nói riêng, đặc biệt là sinh viên sư phạm càng trở thành một vấn đề bức thiết. Bởi lẽ, những sinh viên sư phạm sau khi ra trường nhận công tác thì mỗi người thầy không chỉ dạy học sinh bằng tri thức mà trước hết phải dạy bằng chính nhân cách và sự gương mẫu của mình. Điều này đòi hỏi mỗi người sinh viên phải luôn tự rèn luyện mình từ trên giảng đường đại học và ngay trong cuộc sống hằng ngày để sau khi ra trường đảm nhiệm hiệu quả công việc. Nếu không có những nỗ lực từ chính người giáo viên thì mục tiêu, nội dung giáo dục cũng như việc hoàn thiện, đổi mới chương trình… tất cả đều chỉ dừng lại trên những trang giấy thuần túy mà thôi. Người thầy chính là tấm gương để trò soi vào, để trò học làm người nên không có phương pháp nào hiệu quả bằng phương pháp "dùng nhân cách để giáo dục nhân cách". Hơn lúc nào hết, việc đề cao lương tâm nghề nghiệp và trách nhiệm người giáo viên và đội ngũ cán bộ

* Trường Đại học Khánh Hòa

quản lý giáo dục các cấp trước người học, trước nhân dân, trước Tổ quốc là đòi hỏi cấp thiết của toàn xã hội hôm nay. Chính vì vậy, việc nghiên cứu, tìm hiểu về "*giáo dục nhân cách cho sinh viên sư phạm hiện nay*" mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận về nhân cách

Nhân cách là đối tượng nghiên cứu của nhiều khoa học khác nhau: Triết học, xã hội học, đạo đức học, mỹ học, văn học, giáo dục học, tâm lý học… Tùy theo góc độ nghiên cứu mà có các định nghĩa khác nhau về nhân cách. Dưới góc độ triết học, nhân cách là một phạm trù dùng để chỉ sự khác biệt giữa các cá nhân. Nó là cái chỉ bản sắc độc đáo, riêng biệt (cái đơn nhất) về tổng thể những phẩm chất tâm - sinh lý - xã hội của mỗi cá nhân, là "cái tôi" của mỗi cá nhân, đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định và tự điều chỉnh mọi hành vi của cá nhân. Dưới góc độ tâm lý học, một số nhà tâm lý học Xô-Viết (trước đây) coi nhân cách là một cấu trúc tâm lý bao gồm 4 thành phần: xu hướng (tendency), tính cách (character), khí chất (temperament) và năng lực (capacity, ability). Mọi hành vi cá nhân đều là biểu hiện các khía cạnh khác nhau của nhân cách cá nhân. Dưới góc độ đạo đức học, nhân cách là một thể thống nhất giữa đức và tài (hay phẩm chất và năng lực) trong đó đức là gốc, tạo nên nét đặc trưng và giá trị làm người của mỗi cá nhân cụ thể.

Thông thường, phạm trù nhân cách được hiểu theo nghĩa tích cực, nghĩa tốt. Quá trình hình thành nhân cách nói riêng và hình thành con người nói chung đã được Marx chỉ ra: *"con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử" , và "con người tạo ra hoàn cảnh tới mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người tới mức đó"*(4). Như vậy, không phải con người sinh ra đã có nhân cách, nhân cách được hình thành dần dần trong quá trình tham gia các mối quan hệ xã hội, con người có vai trò chủ động trong quá trình hình thành nhân cách của mình.

2.2. Nhân cách sinh viên sư phạm hiện nay

Sinh viên sư phạm là những sinh viên đang học tập, rèn luyện trong các trường đại học, cao đẳng sư phạm được đào tạo theo một

chương trình chuyên biệt, sinh viên có nhiệm vụ học tập, tích lũy tri thức, trau dồi đạo đức, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển nhân cách toàn diện để trở thành những người thầy giáo trong tương lai.

Nhân cách sinh viên sư phạm là toàn bộ những năng lực sư phạm và phẩm chất tâm lý - sinh lý - xã hội của mỗi sinh viên tạo thành một chỉnh thể đóng vai trò chủ thể tự ý thức, tự đánh giá, tự khẳng định, tự điều chỉnh và tự hoàn thiện mọi hành vi của mình.

Nói đến thực trạng của ngành sư phạm hiện nay hầu hết các thầy, cô giáo luôn tận tụy với nghề, yêu thương học sinh, sinh viên. Thậm chí đã có hàng chục nghìn giáo viên tình nguyện lên vùng sâu, xa, ra ngoài hải đảo, họ hy sinh cả tuổi thanh xuân, chấp nhận khó khăn, xem học sinh như con đẻ để dạy dỗ chăm sóc các học trò. Bên cạnh đó vẫn còn những giáo viên vi phạm nhân cách nhà giáo nghiêm trọng như: "căn bệnh thành tích", giáo viên cho học sinh uống nước giẻ lau bảng, cho học sinh tát bạn học hàng trăm cái tát…. Những sự việc này tuy ít nhưng nó báo động về một thực trạng vi phạm đạo đức nghề giáo của một bộ phận giáo viên và học sinh gây băn khoăn lo ngại trong nhân dân. Điều này đã tác động không nhỏ đến nhiều học sinh khi chọn nghề giáo. Nguyên nhân của những vấn đề trên, một phần do lương thấp cộng với áp lực công việc cao, phần vì thấy nhiều giáo viên đã phải bỏ nghề đi làm những việc không đúng chuyên môn và còn đó những sinh viên khi ra trường tốt nghiệp bằng giỏi nhưng con đường đến với ước mơ dạy học vẫn còn nhiều khó khăn…. Hiện nay, theo thống kê của Bộ GD - ĐT tính đến hết năm 2016 - 2017 cả nước có 58 trường Đại học, 57 trường cao đẳng, 40 trường trung cấp có ngành đào tạo giáo viên (trong đó 14 trường đại học sư phạm, 33 trường cao đẳng sư phạm, 2 trường trung cấp sư phạm). Trên thực tế, nhiều trường không tuyển sinh được sinh viên. Trong năm học 2017-2018, số vụ giáo viên vi phạm đạo đức và vụ viêc giáo viên bị xúc phạm là 29, trong đó có 23 vụ do giáo viên vi phạm và 6 vụ giáo viên bị xúc phạm... Vì vô vàn những lí do đó, dẫn đến sinh viên sư phạm chất lượng đầu vào thấp, không đảm bảo, Trong hướng nghiệp, học sinh ít mặn mà với nghề giáo.

Phải thừa nhận một thực tế rằng, nền kinh tế thị trường bên

cạnh nhiều mặt tích cực thì nó đã và đang tác động tiêu cực đến môi trường xã hội. Người giáo viên hiện nay do cuộc sống khó khăn buộc họ phải tự bươn chải kiếm sống, không toàn tâm toàn ý cho nghề dạy học. Mặt khác, công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông chưa tốt. Và sâu xa nhất là xuất phát từ công tác đào tạo giáo viên tại các trường sư phạm còn quá chú trọng vào việc truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng đến việc phát triển phẩm chất đạo đức, năng lực sáng tạo của người học. Về lâu dài, nếu không có những giải pháp khắc phục sẽ dẫn tới những hệ lụy khó lường, bởi môi trường giáo dục luôn cần sự song hành cân bằng giữa "dạy chữ" và "dạy người".

Trên cơ sở luật giáo dục và những quy định về đạo đức nhà giáo của Bộ giáo dục và đào tạo đã ban hành, gần đây nhất là Bộ GD - ĐT ra thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông mới với 5 tiêu chuẩn, 15 tiêu chí có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2018. Như vậy, để đáp ứng hệ thống phẩm chất, năng lực mà giáo viên cần đạt được trên đây cần phải nghiên cứu và đưa ra *những định hướng về nhóm những giá trị nhân cách sinh viên sư phạm cần phấn đấu, rèn luyện nhằm hoàn thiện nhân cách người thầy giáo tương lai, cụ thể như:*

***- Về đạo đức sinh viên sư phạm*:**

+ Có thế giới quan khoa học. Sống có lý tưởng XHCN, bản lĩnh chính trị, có trách nhiệm với chính mình, với xã hội. Dám đấu tranh cho lẽ phải, dám tự khẳng định mình, có ý thức tổ chức kỷ luật. Nếu điểm xuất phát tốt, họ sẽ đạt được những bước đi dài và vững chắc trong tương lai.

+ Có lý tưởng cao đẹp, lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ: Lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ của sinh viên sư phạm biểu hiện ở lòng say mê học tập, rèn dũa tác phong mô phạm, chuẩn mực. Có ý chí, nghị lực và sức mạnh của mình để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Có tinh thần trách nhiệm cao, lối sống chuẩn mực, nghiêm túc và có tinh thần đoàn kết, dám ước mơ và phấn đấu.

+ Yêu nghề, yêu trẻ. Đây là biểu hiện của tình cảm của người sinh viên sư phạm với nghề sư phạm. Lòng yêu học trò luôn gắn bó chặt chẽ với lòng yêu nghề. Giàu lòng nhân ái, đặc biệt là yêu

lớp người trẻ tuổi "Yêu người bao nhiêu, ta càng yêu nghề bấy nhiêu". Có lòng bao dung, độ lượng và trái tim nhân hậu kiên trì, nhẫn nại, ham học hỏi và luôn mong muốn truyền đạt lại cho người khác.

- Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Ngày nay, người học được tiếp cận rất nhiều thông tin, hiểu biết rất nhiều, là thầy, phải chinh phục trò bằng kiến thức sâu rộng của mình, điều đó còn có tác dụng tạo uy tín cho người thầy. Đòi hỏi người sinh viên sư phạm có trình độ chuyên môn vững vàng, đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, có kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ sư phạm, đạt trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định. Vận dụng được các phương pháp và kỹ thuật trong thiết kế và tổ chức dạy học cũng như kiểm tra, đánh giá…

2.3. Một số biện pháp giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm hiện nay

Để đánh giá đúng thực trạng cho sinh viên sư phạm hiện nay phải căn cứ vào những tiêu chí đào tạo sinh viên sư phạm tại các trường cao đẳng, đại học trên cả nước; đối chiếu kết quả khảo sát, điều tra nghiên cứu thực tế cụ thể ở các trường có đào tạo các chuyên ngành sư phạm để thấy rõ những ưu điểm, hạn chế; chỉ ra những nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế đó trên cơ sở những nhân tố quy định, tác động đến việc giáo dục nhân cách của sinh viên sư phạm từ đó có những hệ thống giải pháp cụ thể. Gói gọn trong bài viết này chúng tôi trình bày một số đề xuất như sau:

Thứ nhất, tích cực hoá những tác động sư phạm của các chủ thể đến giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm hiện nay.

Cùng với sự nghiệp phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay, giáo dục giá trị nhân cách cho sinh viên nói chung, sinh viên sư phạm nói riêng cần sự nỗ lực, chung sức rất lớn của các cấp bộ ngành, các trường sư phạm, các chuyên gia giáo dục... *Trước hết cần đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy trong đào tạo giáo viên. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng đạo đức, ý thức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm* như: tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về truyền thống, lịch sử phát triển của ngành cũng như về các quy định, tiêu chuẩn về đạo đức nhà

giáo… Thông qua các cuộc thi có các hình thức biểu dương, khen ngợi, động viên sinh viên.

Ngoài ra cần nâng cao chất lượng giảng dạy các môn chính trị, pháp luật, đạo đức, mỹ học. Xây dựng tình yêu nghề, yêu trẻ qua tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ứng xử văn hóa cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục. *Kết hợp lý luận với thực tiễn trong bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm cho sinh viên*, *Lồng ghép giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong giảng dạy các học phần chuyên ngành* . Bên cạnh việc cung cấp kiến thức, kỹ năng sư phạm cần thiết người giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng cần truyền lửa, thắp sáng tinh thần yêu nghề, định hướng các giá trị nhân cách nhà giáo để sinh viên xác định được vị trí, vai trò của mình trong sự nghiệp giáo dục. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm một cách thường xuyên, sinh động để bồi đắp cho sinh viên thái độ, niềm tin và trách nhiệm đối với nghề nghiệp... *Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tạo nhiều cơ hội cho sinh viên sư phạm được trải nghiệm thực tế*. Như vậy, trong chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục cần ưu tiên nhiều cho thời gian thực hành ngoại khóa, thực tế bộ môn, cọ sát với các tình huống sư phạm để đúc rút kinh nghiêm. *Tăng cường rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên* đặc biệt kỹ năng biên soạn bài giảng nhất là những bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức lớp học, kỹ năng kiểm tra, đánh giá, kỹ năng làm công tác chủ nhiệm lớp... Nhà trường sư phạm *cần có sự phối hợp* với các trường phổ thông đóng tại địa phương cũng như giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn đôn đốc giúp đỡ sâu sát các giáo sinh trong quá trình kiến tập, thực tập sư phạm... Nhà nước cần có chính sách đãi ngộ hơn nữa đối với sinh viên sư phạm nói riêng và đối với người giáo viên, cán bộ ngành giáo dục nói chung.

Thứ hai, phát huy nỗ lực chủ quan của sinh viên trong giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm hiện nay.

Theo âm Hán Việt, "*Sư"* có nghĩa là thầy, "*phạm"* là khuôn thước, mẫu mực. Như vậy, sư phạm có nghĩa là người thầy mẫu mực, là tấm gương sáng cho học trò noi theo. Xác định sẽ làm việc trong ngành sư phạm tức là sẽ tham gia vào sự nghiệp "trồng

người”, một nghề rất vất vả và cần rất nhiều sự hy sinh thầm lặng - nghề giáo chỉ nhàn hạ với những người không có trách nhiệm.

Để sau khi ra trường, giáo dục được người khác trước hết bản thân mỗi sinh viên sư phạm phải tự giáo dục mình, không ngừng tự bồi dưỡng, rèn luyện bản thân nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới. Luôn trau dồi, học hỏi: “*Học, học nữa, học mãi*” đó là châm ngôn của những ai yêu nghề giáo. *Nhà trường sư phạm cần nâng cao chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học để khơi gợi cho sinh viên tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập*. Kiến thức là vô tận và bởi vậy những sinh viên sư phạm cần phải trau dồi, tiếp thu và rèn luyện những kiến thức, kỹ năng, những phương pháp dạy học tích cực, nghệ thuật xử lý tình huống sư phạm… từ các các giảng viên cũng như các kênh thông tin khác như sách báo… Muốn học sinh “học một biết mười” thì người thầy phải “học mười” mới có thể “dạy một” Nhà sư phạm Gi-nô-vi-ep từng nói: “Để cung cấp cho người học một hạt nhỏ hào quang kiến thức, người thầy giáo phải uống cạn một biển cả ánh sáng”. Là sinh viên sư phạm phải luôn cố gắng từ những hành động nhỏ nhất như rèn luyện từ nét viết trên bảng đen, học từ cách đi đứng, chào hỏi, rèn từ cách đọc sao cho tròn vành rõ tiếng và hơn hết là *nuôi dưỡng cho mình một trái tim nhiệt huyết, có tâm với nghề nghiệp*. Cần chủ động tham gia các hoạt động thực tế mà nhà trường và địa phương tổ chức như các hoạt động từ thiện dạy học miễn phí cho trẻ em cơ nhỡ, khó khăn… Thiết nghĩ, *cần phải nâng cao vai trò của của phòng công tác sinh viên, các tổ chức đoàn thanh niên, hội sinh viên trong các Nhà trường sư phạm để có thể khuyến khích tính chủ động, tích cực, tự giác, sáng tạo của sinh viên sư phạm*.

Thứ ba, tăng cường xây dựng và phát huy môi trường sư phạm tạo điều kiện thuận lợi để giáo dục nhân cách sinh viên sư phạm hiện nay.

Tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử trong nhà trường thông qua xây dựng môi trường văn hóa mô phạm, lối sống văn minh lành mạnh trong trường học, trong ký túc xá. Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về

các tấm gương người tốt, việc tốt trong ngành giáo dục nói chung trong nhà trường nói riêng, đặc biệt là các tấm gương nhà giáo, học sinh, sinh viên đổi mới, sáng tạo và đạt kết quả tốt trong dạy và học. *Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, nhân văn, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường hiệu quả*. Đảm bảo trường lớp sạch, đẹp và củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu quả cơ sở vật chất trong nhà trường sư phạm. *Chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho sinh viên.*

3. Kết luận

Các giải pháp giáo dục nhân cách cho sinh viên sư phạm trên đây, một mặt phát huy tính tích cực của các chủ thể trong quá trình giáo dục nhân cách của sinh viên sư phạm mặt khác tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để trau dồi rèn luyện nhân cách của sinh viên sư phạm hiện nay. Các giải pháp trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, tác động chi phối lẫn nhau, tuy nhiên, mỗi giải pháp có vị trí, vai trò riêng không ngang bằng nhau, trong quá trình thực hiện cần vận dụng thêm các giải pháp khác và sáng tạo, linh hoạt trong những điều kiện hoàn cảnh cụ thể. Nhìn chung, đứng trước yêu cầu cấp thiết của thực tiễn giáo dục Việt Nam, việc đổi mới, trang bị những lý luận, năng lực và giải pháp giáo dục nhân cách của sinh viên sư phạm hiện nay là vấn đề tất yếu, song cũng rất phức tạp đòi hỏi phải được tiếp tục nghiên cứu, tiếp cận một cách có hệ thống và chuyên sâu trên nhiều góc độ khác nhau.

N.T.T.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI, (2014), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục - Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - thông tin, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông sau năm 2015.

4. *Mác - Ăng-ghen tuyển tập* - Tập 1 - NXB Sự Thật Hà Nội 1980 tr 306.

5. Bộ GD - ĐT (2018). Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

6. Trần Hậu Kiểm (1997). *Đạo đức học*. NXB Giáo dục. Hồ Chí Minh toàn tập (tập 5) (2000). NXB chính trị Quốc gia – sự thật.

NGƯỜI THẦY TRONG NỀN GIÁO DỤC 4.0

Nguyễn Thị Yến Trinh*
Nguyễn Thanh Hải**

1. Đặt vấn đề

Không thể phủ nhận sức ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đến lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, chúng ta cần phải xác định có những mối quan hệ và giá trị bất biến ngày càng được định hình và phát triển. Đó là vị trí trung tâm của Người Thầy. Mặc dù có những thay đổi về phương tiện, công cụ, phương thức giao tiếp trong giáo dục nhưng không có một loại máy móc hay đường lối gián tiếp nào có thể thay thế tất cả các giá trị nhân văn xuất phát từ mối quan hệ thầy và trò.

Thời đại 4.0 cung cấp lượng thông tin ở quy mô rất lớn, tốc độ truyền tải nhanh chóng, phương pháp học tập đa dạng, cách thức sắp xếp và tìm kiếm khoa học, tiến bộ. Người Thầy không thể cứ nói lại những điều sẵn có vì thông qua "*keyword*" trong công cụ tìm kiếm, các bản sách in dạng file được chia sẻ miễn phí, sinh viên hoàn toàn đủ khả năng thụ đắc lượng kiến thức nhiều hơn cả thầy.

Vai trò của Người Thầy truyền thống đang bị thách thức, đó là xu hướng chung, nhưng sự truyền cảm hứng từ Người Thầy thông qua con đường giáo dục thì không một tiến bộ nào xóa bỏ được. Đó chính là trọng tâm trong tham luận này "*Người Thầy trong nền giáo dục 4.0*"

* Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong TP. HCM

2. Giáo dục 4.0

2.1. Khái quát nền Giáo dục 4.0

Giáo dục 4.0 là nền giáo dục được sinh ra nhằm đáp ứng cho nhu cầu thị trường trong thời kỳ CMCN 4.0. Giáo dục 4.0 liên quan đến việc áp dụng các khái niệm công nghiệp 4.0 vào giáo dục. Giáo dục phổ biến ở những nơi mà con người, sự vật, máy móc được kết nối để tạo ra việc học tập được cá thể hóa. Hệ sinh thái mới này biến đổi tổ chức giáo dục thành một hệ sinh thái tạo ra sự đổi mới. Sự sáng tạo, đổi mới là nền tảng của giáo dục 4.0.

2.2. Bản chất của Giáo dục 4.0

Chưa có nhiều nghiên cứu bàn về bản chất của giáo dục trong bối cảnh của Giáo dục 4.0 [1], song có một số tác giả cố gắng phác họa những nét cơ bản của nó như Peter Fisk cho rằng Giáo dục 4.0 mang những đặc trưng như sau: *(i)* đáp ứng nhu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nơi mà con người và máy móc kết hợp với nhau để tạo ra những khả năng mới. *(ii)* khai thác tiềm năng của các công nghệ kỹ thuật số, dữ liệu cá nhân, nội dung nguồn mở, và thế giới được kết nối toàn cầu và tràn đầy công nghệ. *(iii)* thiết lập một kế hoạch cho tương lai của học tập - học tập suốt đời –"*từ học thơ ấu, học liên tục tại nơi làm việc, đến việc học tập để có một vai trò tốt hơn trong xã hội"* [2]. Tuy nhiên, có những cách tiếp cận đáng chú ý khi xuất phát từ bản chất của Công nghiệp 4.0 là "*...con người, sự vật và máy móc được kết nối khắp nơi để sản xuất hàng hoá và dịch vụ mang tính cá nhân hóa...*". Trên cơ sở này có một vài tác giả đã đề cập đến Giáo dục 4.0 như là "*hệ thống dạy và học được cá nhân hóa ở mọi nơi*" [3]. Hay nói chính xác hơn, bản chất của Giáo dục 4.0 là cá nhân hóa học tập (personaliased learning) đạt đến mức độ vượt bậc, trên cơ sở áp dụng các công nghệ đột phá.

Cá nhân hóa việc học tập như là mục tiêu cuối cùng của quá trình phát triển của các thuyết học tập, các thuyết canh tân về tài chính, quản lý và áp dụng công nghệ trong giáo dục… Thực vậy, dưới một góc độ nhất định có thể coi sự không hoàn hảo của dạy học hiện nay là nằm ở mức độ cá nhân hóa chưa cao và mọi nỗ lực để hoàn thiện việc dạy học thực ra đều hướng vào việc cá

nhân hóa dạy học, có thể là vô ý hay hữu ý. Cá nhân hóa học tập được coi được lần đầu được đề cập đến ở Mỹ và Anh trong nhưng năm 20. Cá nhân hoá đề cập đến việc giảng dạy được thực hiện theo nhịp độ phù hợp với nhu cầu học tập, được thiết kế theo sở thích học tập và sự hứng thú cụ thể của từng người học khác nhau. Trong một môi trường được cá nhân hóa đầy đủ, mục tiêu và nội dung học tập cũng như phương pháp và tốc độ có thể khác nhau. Vì vậy việc cá nhân hoá học tập có thể coi là bao gồm phân biệt hóa, trả lời câu hỏi dạy thế nào để phù hợp với nhu cầu và sở thích của người học [4]. Có thể coi cá nhân hóa việc học tập như là mục tiêu cuối cùng của quá trình phát triển của các thuyết học tập, các thuyết canh tân về tài chính, quản lý v.v… trong giáo dục.

Một nhân tố nữa đóng vai trò có tầm quan trọng ngày càng tăng đối với cá nhân hóa học tập là công nghệ. Lịch sử phát triển công nghệ trong giáo dục đã tổng kết được vô số các công nghệ được áp dụng, bắt dầu từ phát minh của sách bọc sừng (hornbook) vào những 1600, tới giấy và bút chì (paper and pencil) những 1900, rồi máy tính vào những năm 1980 [5] , Inernet vào những năm 1960 [6] và cho tới nay là Internet vạn vật (IoT). Về cơ bản có thể nói công nghệ đóng vai trò vượt bậc trong việc mở ra một chân trời vô tận cho các điều kiện của cá nhân hóa học tập về các mặt thời gian, không gian và mức độ trải nghiệm. Cho tới nay việc cá nhân hóa dạy học đạt tới một mức độ cao gần như tối đa không ch thông qua vệc áp dụng các nhân tố như các thuyết học tập, các canh tân giáo dục và các công nghệ giáo dục mà còn nâng lên ở cấp độ cao hơn như trường học ảo vào giữa các 1990 [6] và sau đó phát triển thành các Chương trình đại chúng trực tuyến mở (***M***assive ***O***pen ***O***nline ***C***ourses - MOOC) vào năm 2008 [7] .

Như vậy, ba nhân tố như các thuyết học tập, các canh tân giáo dục và công nghệ đều góp phần quan trọng trong nỗ lực đạt tới cấp độ cao nhất của cá nhân hóa dạy học. Nếu như các thuyết học tập chú trọng đến khía cạnh bên trong của cá nhân hóa thì các canh tân giáo dục chú trọng đến các khía cạnh điều kiện bên ngoài, trong khi đó nhân tố công nghệ kết hợp được cả hai khía cạnh bên trong và bên ngoài. Cần nhấn mạnh rằng trong bối cảnh Công nghiệp 4.0, nhân tố công nghệ được mong đợi phát huy vượt bậc vai trò của mình đối với việc cá nhân hóa học tập trong giáo dục.

2.3. Những đặc trưng cơ bản của Giáo dục 4.0

2.3.1. Tiếp cận chương trình xuyên ngành/môn học

Chương trình giáo dục luôn là vấn đề trọng tâm của giáo dục, kể cả khi ta nói về giáo dục trong bối cảnh Công nghiệp 4.0 hay là Giáo dục 4.0. Có tiếp cận chương trình hiện nay là đơn ngành, đa ngành, liên ngành và xuyên ngành. Trong khi tiếp cận đơn ngành (intradisciplinnary) tìm kiếm các giải pháp cho một vấn đề thông qua ống kính của một môn học duy nhất thì tiếp cận đa ngành (multidisciplinary) là chuyên gia từ hai hoặc nhiều ngành hơn góp phần chuyên môn riêng biệt vào một giải pháp. Tiếp cận tích hợp (integrated hay là interdisciplinary) là việc chuyển giao các phương pháp từ một môn học này sang môn khác để giải quyết một vấn đề. Tiếp cận xuyên ngành (transdisciplinary) là khi các tiếp cận mới được tạo ra và tích hợp trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội phức tạp, có thực [8]. Tiếp cận xuyên ngành có đặc điểm như sau: *(i)* Nhấn mạnh vào bối cảnh thực của xã hội. *(ii)* Các môn học đều có liên quan, song chỉ là góp phần giải quyết dự án độc lập do học sinh đề ra. *(iii)* Cấp bậc cao nhất của việc tích hợp. *(iv)* Tập trung vào những đề án của người học. *(v)* Nhận thức, thái độ và các lĩnh vực xã hội là trung tâm của quá trình. *(vi)* Dựa vào tính chất, nhu cầu, sở thích của người học. *(vii)* Phát triển chủ động, sự tưởng tượng, sự sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, khả năng tổng hợp và độc lập của người học. *(viii)* Người học tự đặt ra thời gian biểu [9].

2.3.2. Nhà trường như hệ sinh thái học tập

Khái niệm nhà trường như hệ sinh thái học tập (learning ecosystem) có thể được coi bắt nguồn từ thuyết học tập kết nối (connectivism) [10]. Thuyết kết nối là thuyết học tập mới ra đời trong bối cảnh gần đây khi internet xuất hiện. Thuyết này cho rằng học tập không đơn giản xảy ra bên trong một cá nhân, nhưng trong và qua các mạng vì kiến thức có thể nằm bên ngoài chúng ta (trong một tổ chức hoặc một cơ sở dữ liệu) và việc tập trung vào việc kết nối các bộ thông tin chuyên môn này cho phép chúng ta học hỏi nhiều. Kết nối thậm chí được coi là quan trọng hơn hiện trạng hiểu biết của người học. Thuyết kết nối là thuyết học tập cho thời đại kỹ thuật số [11]. Hệ sinh thái học tập bao gồm các thành

phần sinh vật và phi sinh vật và tất cả các mối quan hệ trong ranh giới vật lý xác định. Cụ thể nó bao gồm các bên liên quan tham gia vào toàn bộ chuỗi của quá trình học tập, các tiện ích học tập và môi trường học tập. Hệ sinh thái học tập được coi là bao gồm [12]:

- Hệ thống chủ thể học tập (cá nhân người học, thầy giáo, nhóm…).

- Hệ thống tri thức học tập (chương trình, bài giảng, sách giáo khoa, tài liệu thư viện, tri thức người học, tri thức người dạy, tri thức nhóm, tri thức trên mạng…).

- Hệ thống công nghệ học tập (mạng Internet, hệ thống elearning, các phần mềm hỗ trợ học tập, các công cụ tìm kiếm tra cứu trên mạng Internet, các phần mềm mô phỏng, thực tế ảo...).

- Hệ thống bối cảnh học tập (học lý thuyết, thực hành, học tập khái niệm, học tập kỹ năng, bài tập tình huống, đi thực tế, bài tập nhóm, se-mi-na, tiểu luận…).

Hệ thống công nghệ học tập được coi ngày càng đóng vai trò quan trọng và có những thay đổi nhanh nhất trong hệ thống sinh thái học tập trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0.

3. Tác động của cuộc cách mạng 4.0 đối với giáo dục

Một trong những yêu cầu để chuẩn bị cho cuộc CMCN 4.0 là cải thiện nguồn vốn con người để có thể đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng liên tục thay đổi trong môi trường lao động mới. Điều này đặt ra cho giáo dục và đào tạo sứ mệnh to lớn là chuẩn bị đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Vấn đề mà nhiều quốc gia đều nhận thấy và đặt ra đó là chuyển từ một nền giáo dục nặng về trang bị kiến thức, kỹ năng cho người học sang một nền giáo dục giúp phát triển năng lực, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo cho người học, đáp ứng những yêu cầu đặt ra cho công dân trong thời đại CMCN 4.0 [13].

Với dòng chảy của các mô hình học tập mới cùng sự phát triển của khoa học công nghệ, các phương pháp giáo dục truyền thống chắc chắn sẽ chịu nhiều thách thức.

Một trong những điểm nổi bật là sự phân hóa đến từng đối tượng người học. Mỗi học sinh có nhu cầu và khả năng học tập khác nhau. Các tiến bộ về công nghệ cho phép các nhà giáo dục

có thể thiết kế lộ trình học tập riêng biệt phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Các phần mềm giáo dục đã được đưa vào sử dụng có khả năng thích nghi với năng lực của mỗi học sinh và cho phép học sinh theo học với tốc độ phù hợp với nhu cầu của bản thân. Tại nhiều nước, các phần mềm học tập thích ứng này đã nhanh chóng thay thế từng phần hoặc toàn bộ vai trò của sách giáo khoa trong lớp học.

Bên cạnh đó, việc tiếp cận thông tin trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết dẫn đến một câu hỏi mà các nhà giáo dục cần phải trả lời là xác định kiến thức cốt lõi mà người học cần được trang bị trong tương lai. Trong khi các mô hình giáo dục trong quá khứ tập trung vào việc cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cần thiết để giúp họ trở thành những người có tay nghề chuyên môn cao, các nhà giáo dục ngày nay quan tâm nhiều hơn đến việc dạy học sinh cách tự học. Giáo dục dạy cho học sinh học cách tư duy, cách đánh giá các tình huống, các vấn đề phức tạp trong cuộc sống, qua đó hình thành năng lực giải quyết vấn đề.

Công nghệ phát triển có ảnh hưởng lớn đến vai trò của người giáo viên trong lớp học. Hệ thống quản lý trường học với sự hỗ trợ của công nghệ có thể cung cấp hệ thống dữ liệu giúp giáo viên theo dõi sự tiến bộ của mỗi lớp học, qua đó có những phản hồi ngay lập tức với những khó khăn mà học sinh đang gặp phải. Nhưng công nghệ dù hiện đại và quan trọng đến đâu cũng không thay thế được vai trò của giáo viên hoặc biến người giáo viên thành rô-bốt. Bởi vậy, làm thế nào để tận dụng và làm chủ công nghệ, để công cụ này hỗ trợ và tạo ra sự tự do, sáng tạo trong giáo dục là một thách thức với mỗi giáo viên và cơ sở giáo dục.

Những thay đổi nói trên chính là sự gợi mở về cách các mô hình giáo dục có thể vận hành trong thời gian tới: các máy tính hoạt động như những công cụ hỗ trợ cá nhân trong lớp học với nhiều lộ trình học tập đa dạng; giáo viên và cha mẹ học sinh được trang bị tốt hơn để hiểu quá trình học tập của học sinh; lớp học được chia thành các nhóm nhỏ gồm các học sinh có trình độ, kỹ năng phù hợp để làm việc cùng nhau.

4. Vai trò của người thầy trong giáo dục 4.0

Chúng ta đều biết đây là cuộc cách mạng về sản xuất thông minh dựa trên các thành tựu đột phá trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, thực tại ảo, mạng di động, Internet vạn vật, điện toán đám mây, máy móc tự động (như ôtô tự lái) in ấn 3 chiều (in 3D), công nghệ sinh học, công nghệ nano... với nền tảng là các đột phá của công nghệ số. Trong cuộc cách mạng mới (4.0) này, những khái niệm phòng học ảo, thầy giáo ảo, thiết bị ảo sẽ trở thành xu hướng trong hoạt động đào tạo đại học trong thời gian tới.

Trong xã hội dựa trên tri thức và số hóa của thế kỉ XXI, giáo dục phải đương đầu với thách thức to lớn chuyển từ học truyền thống sang đổi mới phương pháp học. Nó đặt ra yêu cầu lớn biến đổi vai trò giáo viên – truyền thụ kiến thức theo cách truyền thống sang vai trò xúc tác và điều phối. Trong kỷ nguyên số hóa, vai trò Người Thầy chuyển từ chỗ chỉ thuyết giáo sang quản lý hành vi xã hội và tình cảm của học sinh, cố vấn thông thái cho trò học trở thành công dân phát triển cân đối toàn diện; biết truyền cảm động cơ học cho học sinh có tốc độ học nhanh chậm khác nhau trong môi trường số hóa.

4.1. Vai trò hướng dẫn

Vai trò giáo viên đã và đang tiếp tục thay đổi từ địa vị người dạy sang người thiết kế, cố vấn, huấn luyện và tạo ra môi trường học tập. Ngày nay, giáo viên phải giúp học sinh điều chỉnh chất lượng và độ giá trị nguồn thông tin, kiến thức mới, phải là nhà chuyên nghiệp có đầu óc mở, biết phê phán độc lập, hợp tác, cộng tác tích cực và điều giải giữa người học với những gì họ muốn biết, là người cung cấp cách hiểu theo kiểu dàn giáo bắc cầu.

Người Thầy không chỉ nói hay, truyền đạt kiến thức giỏi là chưa đủ mà phải có đủ kiến thức về tâm lý học, giáo dục học để có khả năng thấu hiểu từng học sinh; phải có những quan điểm giáo dục tiên tiến kịp thời khích lệ học sinh, dẫn dắt học sinh tự chiếm lĩnh kiến thức thông qua các hoạt động trải nghiệm trên lớp, ngoài nhà trường… Dạy học kiểu áp đặt, khuôn mẫu cứng nhắc chắc chắn sẽ không thành công. Dạy học theo kiểu bắt học sinh răm rắp nghe lời, học sinh nào cũng phải giỏi toàn diện các môn, môn nào

cũng quan trọng như nhau là cách dạy không theo hứng thú và sự phát triển khác nhau của mỗi học sinh.

Để mỗi học sinh phát triển năng lực, Người Thầy phải nắm vững những nguyên tắc ứng xử với học sinh như: chấp nhận mọi mặt mạnh, yếu của từng học sinh, không được chỉ thích dạy những học sinh khá, giỏi, ngoan, loại trừ học sinh yếu kém, cá tính; khách quan đánh giá học sinh, không được có định kiến cá nhân để trù dập học sinh; cho phép học sinh lựa chọn những phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp, để các em tự giác thay đổi bản thân; biết xây dựng những tập thể học sinh biết tự quản lý, tự giải quyết các công việc, nhu cầu của chính các em; biết gieo nhu cầu để học sinh dần dần thực hiện các yêu cầu giáo dục chứ không thể dùng "kỷ luật sắt" để áp đặt các em.

Dạy học dựa trên nhu cầu của người học và biết cách tổ chức để học sinh thực hiện bằng được những nhu cầu bản thân là cả một nghệ thuật. Nó đòi hỏi các nhà giáo phải thật sự tâm huyết, năng động và sáng tạo. Để phát huy nội lực của nhà giáo, các cấp quản lý giáo dục phải tạo ra trong mỗi nhà trường có văn hóa riêng, làm sao mỗi nhà trường phải tạo được văn hóa phát triển cho các nhà giáo.

4.2. Vai trò định hướng công nghệ

Vai trò giáo viên trong thế kỉ XXI trở nên phức tạp ở một thế giới thay đổi nhanh chóng; nơi mà tri thức hầu như là vô tận. Giáo viên phải định hướng vào công nghệ và chịu trách nhiệm không chỉ với việc dạy mà còn với việc học của trò nữa. Họ phải quan tâm nhu cầu của từng sinh viên trong lớp học không đồng nhất, tạo môi trường học tập lấy sinh viên làm trung tâm để tăng cường tính sáng tạo, óc tò mò ham hiểu biết và động cơ học tập của trò.

Công nghệ mới đang làm thay đổi thế giới việc làm, buộc phải thay đổi trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt thúc đẩy cải cách giáo dục phổ thông và dạy nghề. Nhiệm vụ của giáo dục là thực hiện việc đào tạo nhằm có được các khả năng đa dạng, đào tạo liên ngành cũng như đào tạo người lao động có tri thức, có khả năng dự đoán các vấn đề, tìm tòi và khai thác kiến thức, đề xuất ra các giải pháp.

Do đó, nhiệm vụ người dạy cũng cần phải thay đổi: thầy giáo không phải chỉ đơn thuần là người truyền thụ kiến thức mà là người thúc đẩy việc học hành. Khả năng phát hiện và khai thác kiến thức trở thành chìa khoá của cạnh tranh quốc tế. Kỷ nguyên thông tin cũng có ảnh hưởng đến giáo dục và đào tạo theo nghĩa dựa trên việc khai thác các công nghệ thông tin hiện đại để xử lý và quản trị thông tin. "Xã hội tri thức" ra đời từ sự thay thế mô hình kinh tế công nghiệp bằng mô hình kinh tế dựa trên kiến thức, thông tin và các công nghệ thông tin. Vì vậy, giáo dục phải thích ứng nhanh với các thay đổi liên quan đến thế giới việc làm.

Sự thay đổi công nghệ nhanh chóng và toàn cầu hoá cũng ảnh hưởng đến giáo dục và đào tạo. Đó là việc học tập phải được tiến hành suốt đời và phải cố "học cách học" để chủ động nắm bắt tri thức.

4.3. Vai trò điều phối, tạo chất xúc tác

Vai trò giáo viên trong thế kỷ 21 không chỉ là người truyền thụ kiến thức theo cách truyền thống, mà chuyển sang vai trò mới với tư cách người điều phối một cách linh hoạt hơn hoạt động học tập, theo hướng năng động.

Người Thầy giáo sẽ là người thiết kế, cố vấn, huấn luyện và tạo ra môi trường học tập cho học sinh. Giáo viên cần tăng cường sức sáng tạo, hiểu được sự ham hiểu biết và động cơ học tập của người học. Như thế giáo viên phải là người cố vấn giúp học sinh biết giá trị nguồn thông tin, kiến thức mới trong CMCN 4.0.

Để có khả năng sáng tạo, người Thầy cần làm cho người học biết phê phán độc lập, hợp tác, cộng với những gì họ cần biết. Vai trò của giáo viên nói trên cũng chính là những năng lực nghề, năng lực sáng tạo mà cần phải đào tạo cho người thầy. Giá trị của người giáo viên không phải là giảng bài mà là hướng dẫn và xúc tác giúp sinh viên biết tự định hướng trong việc học của họ.

Vai trò giáo viên mở rộng sang nuôi dưỡng lối tư duy phê phán, sáng tạo cho học sinh để biến đổi họ thành những người biết cách tự học và đổi mới suốt đời. Đó là chức năng sống còn của người thầy có am hiểu công nghệ nhằm trao quyền và cho phép bản thân họ cũng như học trò của họ sử dụng các công cụ và công nghệ khác nhau để cải tiến quá trình dạy-học.

5. Kết luận

Vai trò, vị trí của người thầy sẽ kém quan trọng, dễ bị các phương tiện thông tin thay thế nếu như họ không nỗ lực tự khẳng định mình. Người thầy giờ đây không còn độc quyền về mặt tri thức, nhưng phải nhận lãnh vai trò tổ chức, hướng dẫn và tạo chất xúc tác giúp người học tiếp nhận tri thức trên nền tảng khoa học thời đại 4.0. Tạo cảm hứng, hứng thú, truyền động lực giúp người học vượt qua những khó khăn tìm đến chân trời tri thức luôn là đặc quyền của người thầy mà không có máy móc robot nào có thể đảm nhận được. Vai trò của Người Thầy truyền thống đang bị thách thức, nhưng sự truyền cảm hứng từ Người Thầy thông qua con đường giáo dục thì không một tiến bộ nào có thể thay thế được.

N.T.Y.T - N.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Lộc (2018); *Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0*; Tạp chí Khoa học & Công nghệ Số 1; ĐH Nguyễn Tất Thành.

2. Fisk, P. (2017), *Education 4 0 ... the future of learning will be dramatically different, in school and throughout life*. http://www.thegeniusworks.com/2017/01/futureeducation-young-everyone-taught-together/ (truy cập ngày 20/11/2018).

3. Rashid Mehmood et al, (2017), *UTiLearn: A Personalised Ubiquitous Teaching and Learning System for Smart Societies*. IEEE Access (Volume: 5).

4. Department of Education of USA (2010), *2010 Education Technology Plan*. http://www.ed.gov/technology/draft-netp2010/individualized-personalized-differentiatedinstruction (truy cập ngày 20/11/2018).

5. Dunn, J. (2011), *The Evolution of Classroom Technology*, http://www.edudemic.com/classroomtechnology/ (truy cập ngày 20/11/2018).

6. Michael K.Barboura, M.K. and Reeves, T.C. (2009*), The Reality of Virtual Schools: A Review of the Literature*. Computers & Education Volume 52, Issue 2, February 2009.

7. Leiner, B.M. (1997), *Brief History of the Internet*, Internet Society.

8. Masters, K. (2011), *A Brief Guide To Understanding MOOCs*. The Internet Journal of Medical Education. 2011 Volume 1 Number 2.

9. Drake, S.M. and Burns, R.C. (2004), *Meeting Standards Through Integrated Curriculum*. Association for Supervision and Curriculum Development, Alexandria, Virginia USA.

10. Alberta Education, (2007), *Primary Programs Framework – Curriculum Integration: Making Connections.* Alberta, Canada

11. Rashid Mehmood et al, (2017), *UTiLearn: A Personalised Ubiquitous Teaching and Learning System for Smart Societies*. IEEE Access (Volume: 5).

12. AlDahdouh, A. A., Osório, A. J. and Caires, S. (2015), *Understanding Knowledge Network, Learning and Connectivism*. International Journal of Instructional Technology and Distance Learning. 12 (10): 3–21.

13. Nguyễn Mạnh Hùng (2013), *Learning Ecosystem – Hệ sinh thái học tập nhìn từ lý thuyết học tập kết nối và lý thuyết hệ thống*. Journal of Science of HNUE, Education Science, 2013, Vol, 58, No. 4, Hanoi, Viet Nam.

14. Phùng Xuân Nhạ (2018*), Giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*; http://vinhuni.edu.vn/van-ban/seo/giao-duc-viet-nam-trong-boi-canh-cuoc-cach-mang-cong-nghiep-lan-thu-tu-86324 (truy cập ngày 26/11/2018)

NHỮNG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CẦN GIÁO DỤC CHO HỌC SINH Ở NHÀ TRƯỜNG HIỆN NAY

ThS.Trịnh Thị Cẩm Tuyền*

1. Đặt vấn đề

Chân (Truth), Thiện (Goodness), Mỹ (Beauty) là ba giá trị nhân bản đồng hành cùng nhân loại từ khi con người có mặt trên Trái đất cho đến tận ngày nay, chúng cùng tồn tại như một chỉnh thể không thể thiếu mà người ta thường gọi là Golden Mean (chuẩn mực vàng) trong mọi lĩnh vực. Chân, Thiện, Mỹ không phải là những phạm trù trừu tượng, mà được nhìn nhận một cách cụ thể trong các lĩnh vực đời sống và khoa học. [3]

Với cuộc sống thường ngày, truyền thống phương Đông cũng thường nhắc nhở mọi người ăn ở, sống và ứng xử sao cho cuối cùng đạt được cuộc sống hoàn mỹ, còn giáo lý nhà Phật khuyên chúng ta hãy cố gắng tu tập hướng đến mục tiêu chính là cuộc sống hướng thiện, giải thoát, tự tại. Vì thế, mọi người cần có sự chân thật, hướng về nẻo thiện và đạt được thẩm mỹ nơi thân tâm mình.

Từ trước đến nay, dù ở thời kì nào, chế độ nào, ba giá trị đó luôn là mục tiêu của giáo dục cần đạt được và phải đạt được. Trong Khoản 1 Điều 27 Luật Giáo dục 2005 đã nêu rõ: "Mục tiêu của giáo dục phổ thông là giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển

* Trường Đại học Thủ Dầu Một

năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Do đó, nhà trường sẽ giúp học sinh trang bị những kiến thức cơ bản mà còn được rèn luyện về đạo đức. Những giá trị đạo đức căn bản như tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, lòng yêu thương,... sẽ giúp con người sống tốt đẹp hơn.

Từ khi nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, việc giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống cũng như việc xây dựng hệ giá trị đạo đức mới ở nước ta đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải được giải quyết. Thực tế cho thấy, trong đời sống xã hội đã có những biểu hiện xem nhẹ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, chạy theo thị hiếu không lành mạnh. Cuộc đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa lối sống lành mạnh trung thực, có lý tưởng…với lối sống ích kỉ, thực dụng…đang diễn ra hàng ngày. Bên cạnh những hệ giá trị mới được hình thành trong quá trình hội nhập, những cái tiêu cực cũng đang xâm nhập vào đạo đức, lối sống của nhiều tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ học sinh, sinh viên. Hơn lúc nào hết, hiện nay việc đẩy mạnh giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh, giáo dục lòng yêu nước cho học sinh là vô cùng cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm đạo đức

Đạo đức theo nghĩa gốc trong tiếng La tinh là "mos" - lề thói, có nghĩa là nói đến những lề thói tập tục và biểu hiện mối quan hệ nhất định giữa người và người trong sự giao tiếp với nhau hằng ngày.

Dước góc nhìn của Triết học, Triết học Mác - Lênin định nghĩa: "Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội" [2].

Hình thái ý thức đạo đức là thành phần cốt lõi, là một trong những hình thái ý thức ra đời rất sớm trong lịch sử, ngay từ xã hội nguyên thuỷ. Hình thái ý thức đạo đức bao gồm toàn bộ những quan niệm, tri thức và các trạng thái xúc cảm tâm lý chung của các cộng đồng người về các giá trị thiện, ác, lương tâm, trách nhiệm, hạnh phúc, công bằng, lòng tự trọng ... và về những quy tắc đánh giá, điều chỉnh hành vi ứng xử giữa cá nhân với xã hội, giữa cá nhân với cá nhân trong xã hội.

Dưới góc nhìn của Tâm lý học, đạo đức là một bộ phận, một thành phần trong cấu trúc nhân cách, bao gồm hệ thống phẩm chất (đức), và hệ thống năng lực (tài).

Trong hệ thống phẩm chất, có phẩm chất xã hội như thế giới quan, niềm tin, lý tưởng, lập trường, thái độ chính trị, thái độ lao động; phẩm chất cá nhân gồm các nết, các thói, các "thú" (ham muốn); và phẩm chất ý chí như tính kỷ luật, tính tự chủ, tính mục đích, tính quả quyết, tính phê phán… Phẩm chất cũng bao gồm cả cung cách ứng xử như tác phong, lễ tiết, tính khí…

Dưới góc độ của Đạo đức học, đạo đức gắn với hành vi và động cơ hành vi của con người; đạo đức chỉ được xác định dựa trên ý nghĩa "lợi" hay "hại" của hành vi và động cơ con người. Theo Banzeladze, "Đạo đức là hệ thống những chuẩn mực biểu hiện sự quan tâm tự nguyện tự giác của những con người trong quan hệ với nhau và trong quan hệ với xã hội nói chung" [1].

2.2. Các giá trị đạo đức cần giáo dục cho học sinh hiện nay

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), số 03-NQ/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1998, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã quy định những nhiệm vụ cụ thể về xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới với những đức tính như sau:

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

Với học sinh, các chuẩn mực, đức tính trên được cụ thể hóa và cần được hình thành, bồi dưỡng như sau:

Trong các mối quan hệ với xã hội:

+ Tin tưởng vào xã hội
+ Đoàn kết trong cộng đồng
+ Hi sinh vì người khác
+Trung thực với mọi người
+ Biết ơn thế hệ trước
+ Chấp hành pháp luật
+ Trung thành với chế độ
+ Tự hào dân tộc
+ Lịch sự nơi công cộng
+ Thương người
+ Dũng cảm chống cái xấu

Trong các mối quan hệ với bạn bè:

+ Uy tín
+ Dũng cảm ngăn cái xấu
+ Khiêm tốn
+ Không vụ lợi
+ Chia sẻ
+ Trung thực
+ Bình đẳng

+ Sòng phẳng
+ Đoàn kết trong nhóm
+ Khôi hài (đem nụ cười đến cho bạn)
+ Bao dung với lỗi của bạn
+ Hy sinh
+ Tin tưởng lẫn nhau
+ Giúp đỡ lẫn nhau
+ Trách nhiệm

Trong các mối quan hệ với gia đình:
+ Hiếu thảo
+ Chăm lo cho em nhỏ
+ Hy sinh
+ Bình đẳng với cha mẹ
+ Độc lập về quyết định cá nhân
+ Trung thực
+ Kính trên nhường dưới
+ Trách nhiệm
+ Uy tín
+ Thẳng thắn

- Các giá trị đạo đức trong hoạt động học tập:
+ Trung thực
+ Siêng năng
+ Khiêm tốn
+ Kiên nhẫn
+ Cẩn thận
+ Lạc quan
+ Độc lập
+ Hoài nghi những điều sai
+ Say mê

+ Trách nhiệm
+ Nghiêm túc
+ Cầu tiến

- Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với bản thân:

+ Tự trọng
+ Trung thực
+ Yêu cầu cao
+ Khiêm tốn
+ Tự kiềm chế
+ Lạc quan
+ Chấp nhận thử thách
+ Tự phê bình
+ Tự tin
+ Kiên trì

- Các giá trị đạo đức trong mối quan hệ với thầy, cô giáo

+ Kính trọng
+ Bình đẳng
+ Chân thành
+ Biết ơn
+ Nhiệt tình
+ Tin tưởng
+ Trung thực
+ Thẳng thắn
+ Sòng phẳng

2.3. Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức trong nhà trường hiện nay

Thứ nhất, nhà trường luôn tích cực chủ động phối hợp các lực lượng giáo dục khác trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.

Thứ hai, tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với giáo viên tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh như tổ chức các buổi hội thảo, chuyên đề về giáo dục đạo đức để các trường có thể học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau trong công tác quản lý; tổ chức các lớp bồi dưỡng cho giáo viên, tổng phụ trách đội, về kỹ năng vận dụng vào giáo dục đạo đức…

Thứ ba, thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức để giáo dục cho học sinh, nhằm thu hút người học tham gia học tập rèn luyện một cách tích cực.

Thứ tư, việc kiểm tra đánh giá kết quả của hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh phải đảm bảo công bằng, công khai, khen thưởng, phê bình, nhắc nhở kịp thời.

Thứ năm, tăng cường vai trò của tổ chức Đoàn - Đội trong việc tuyên truyền các nghị quyết của Đoàn - Đội, tổ chức thực hiện các phong trào thi đua trong học tập, các hoạt động ngoại khoá; các hoạt động "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước nhớ nguồn ", những hoạt động văn hóa lành mạnh khác,… nhằm thu hút, lôi cuốn học sinh đến với tập thể, đến những hoạt động bổ ích, nhằm để giáo dục về lòng nhân ái, tình đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; giáo dục cho các em những kỹ năng sống; giáo dục truyền thống và đạo lý con người Việt Nam.

3. Kết luận

Đạo đức có vai trò rất lớn trong đời sống xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Người có tài mà không có đức là người vô dụng, còn người có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập quốc tế, học sinh có điều kiện thuận lợi để tiếp cận với thế giới, với tri thức mới và văn hóa nhân loại. Song bên cạnh đó, các em cũng đối mặt với nhiều tác động không tốt từ mạng internet, từ xã hội. Để công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh đạt hiệu quả, nhà trường cần chủ động, tích cực phối hợp với các lực lượng giáo dục khác như gia đình, địa phương, xã hội để giúp học sinh nhận thức đúng trong suy nghĩ và hành động, hướng đến nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ.

T.T.C.T

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. G. Bandzeladze (1985), *Đạo đức học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

2. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục, Hà Nội.

3. Lê Công Sự (2017), *Khát vọng Chân – Thiện – Mỹ*, NXB Tri thức.

4. Bùi Thị Hoài Thu (2010), Luận văn *"Định hướng giá trị đạo đức của sinh viên Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị"*, ĐHSP Huế.

Văn kiện Đảng về phát triển kinh tế - xã hội từ đổi mới (năm 1986) đến nay, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội – 2014

ABSTRACT

Morality is the most important quality of personality, the foundation for building the soul of every human being. So, at any time, moral education for the younger generation is also the center of attention of the leaders and members of the society. Therefore, the formation and development of moral qualities, knowledge for the young generation is one of the important and urgent tasks, this is also one of the tasks of the school in particular, also of the education department in generally, needs to be done. Starting from the importance of moral education, the article below addresses some of the ethical values that need to be focused on shaping and fostering students today.

TRUYỆN CỔ TÍCH VÀ GIÁO DỤC VỀ TÍNH TRUNG THỰC

ThS. Võ Thị Phúc Hồng*

1. Giá trị phổ quát của truyện cổ tích

Từ rất lâu, truyện cổ tích đã gắn bó và trở thành một phần của đời sống con người Việt Nam. Kho tàng truyện cổ trù phú, đa dạng đi vào tâm thức của người Việt qua nhiều hình thức dân gian khác nhau. Trải qua các thời kì biến động của xã hội, sự gạn lọc khắc nghiệt của thời gian, những câu chuyện cổ tích vẫn nhận được sự yêu mến của con người ở tất cả các độ tuổi. Dưới góc nhìn văn hóa, truyện cổ tích ẩn tàng những trầm tích cổ xưa, những phong tục, tập quán, đời sống tâm linh... đã từng tồn tại được tái hiện ở nhiều dạng thể khác nhau. Ở mỗi đơn vị truyện cụ thể, người tiếp nhận sẽ tìm thấy một mã văn hóa nhất định: đó có thể là sự kiến giải thú vị về nguồn gốc của phong tục, hoặc sự đảo nghịch có ý thức tập tục phổ biến ở một dân tộc... Ở phương diện xã hội học, truyện cổ tích luôn được nhìn nhận là một tư liệu quan trọng để nghiên cứu về sự hình thành và chuyển đổi của chế độ xã hội. Bằng việc bóc tách các lớp vỏ kì ảo được nhân dân thêu dệt nên, các nhà nghiên cứu có thể chạm đến cốt lõi của hiện thực đời sống cộng đồng, quan điểm nhận thức của con người về các mối quan hệ xã hội, những ước mơ và khát vọng mong muốn cải biến hiện thực đó. Hơn hết, truyện cổ tích ra đời chứa đựng ước mơ về một cuộc sống hạnh phúc hơn hiện tại của những con người bất hạnh.

* Nhà nghiên cứu độc lập

Nhân dân sử dụng truyện cổ tích như một hình thức cứu cánh. Để thực hiện được ước mơ về một cuộc sống bình đẳng đã tan rã, con người chỉ còn trông chờ một phép màu có thể chuyển hóa hiện thực đời sống.

Hình thành từ mảnh vỡ của thần thoại, đặc trưng nổi bật của truyện cổ tích là lý giải các mối quan hệ xã hội giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên. Đó là niềm hoài vọng của nhân dân về một cuộc sống bình đẳng, công bằng trong quá khứ nguyên thủy. Đồng thời, truyện cổ tích truyền tải những quan niệm nhân sinh: *ở hiền gặp lành, ác giả ác báo...* Các nhân vật thần kỳ hay các yếu tố kì ảo luôn xuất hiện để tương trợ, cứu giúp cho nhân vật chính vượt qua khó khăn thử thách. Tinh thần lạc quan, tin vào sự chiến thắng của cái Thiện đối với cái Ác vẫn là hạt nhân cốt lõi trong truyện cổ tích.

Có thể thấy, truyện cổ tích đã hình thành một thế giới lý tưởng, phản ánh triết lý nhân sinh mộc mạc, giản dị của người xưa. Thông qua việc tái hiện lại các mối quan hệ xã hội, truyện cổ tích truyền tải những tử tưởng, quan niệm của nhân dân về cuộc sống, số phận, giá trị của con người trong xã hội. Khác với tục ngữ răn dạy cho con người những chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ gia đình, cộng đồng,.. bằng những câu có kết cấu ngắn gọn, dễ nhớ *(Chị ngã em nâng, Anh em như thể tay chân, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây...)*, truyện cổ tích cũng mang tính giáo dục, nhưng dưới hình thức chiêm nghiệm thông qua các cốt chuyện, nhân vật cụ thể. Một cách gián tiếp, dân gian xây dựng một hệ thống chuẩn mực đạo đức con người cần phải có ở hai phương diện cơ bản: mối quan hệ với các thành viên trong gia đình, mối quan hệ với cộng đồng xã hội. Đó là lòng hiếu thảo của con dành cho cha mẹ *(Nàng Yến, Sự tích cái khăn tang, Tiếc gà chôn mẹ...)*. Đó là nghĩa vợ chồng chung thủy sắt son *(Sự tích trầu cau, Hòn vọng phu, Sự tích con sam...)*. Đó là lời giáo huấn con người cần phải sống có nghĩa có tình *(Sự tích chim quốc, Bán tóc đãi bạn...)*. Tất cả hệ giá trị đạo đức ấy được người tiếp nhận đúc kết, tự quán chiếu lại bản thân và điều chỉnh cách thức ứng xử trong các mối quan hệ xã hội.

Nhìn chung, truyện cổ tích là một thể loại có sức hấp dẫn và

giá trị đặc biệt. Nó không chỉ tái tạo một thế giới tưởng tượng đầy huyễn hoặc khơi gợi trí tò mò của con người, mà còn chứa đựng hệ giá trị văn hóa, nhân văn cốt lõi của cả dân tộc. Chính vì lẽ đó, dù đi qua không gian, thời gian khác nhau, chịu sự chi phối của nhiều tư tưởng thời đại khác nhau, nhưng truyện cổ tích vẫn giữ nguyên vẻ đẹp của mình, chinh phục được cả người xưa và người nay.

2. Giá trị của lòng trung thực qua các bài học từ truyện cổ tích

Trung thực là tôn trọng sự thật, lẽ phải, thật thà ngay thẳng, biết nhận sai khi mắc khuyết điểm. Trong bài viết *Giáo dục giá trị trong sự hình thành nhân cách của học sinh,* GS Lê Ngọc Trà cho rằng, mỗi con người luôn cần phải thiết lập cho mình hệ giá trị cá nhân, lấy đó làm nền tảng bồi dưỡng nhân cách. Hệ giá trị này bao gồm: *các giá trị nền tảng, các giá trị truyền thống* và *các giá trị hiện đại.* Trong đó, tính trung thực là một trong những giá trị sơ đẳng nhất của các giá trị nền tảng mà con người cần phải có. Đây là yếu tố đóng vai trò then chốt trong việc duy trì các mối quan hệ xã hội tồn tại không giới hạn ở bất cứ dân tộc, quốc gia nào. Tuy nhiên, trong một xã hội đang được hiện đại hóa, các giá trị vật chất dần chiếm giữ vị trí quan trọng trong đời sống của con người, sự xuống cấp đạo đức, xuống cấp về văn hóa manh nha xuất hiện, sự thiếu trung thực làm gãy đổ các mối quan hệ gia đình và xã hội: con người lừa lọc nhau, vợ chồng ngoại tình, con cái nói dối cha mẹ... Một trong những nguyên nhân kiến giải cho điều này khởi phát từ *cái khoảng trống giá trị.* Hay nói cách khác, các giá trị nền tảng bị con người bỏ quên, dẫn đến hệ lụy nghiêm trọng: đó là sự khuyết trong hệ giá trị cá nhân của con người. Điều này gây tác động không nhỏ đến sợi dây liên kết giữa cá nhân với cộng đồng.

Để bổ khuyết cho giáo dục thế hệ trẻ hiểu về cái thiện, cái tốt, có ý thức đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, giúp con người tự hoàn thiện bảng giá trị nhân cách của bản thân, có lẽ, không có giải pháp nào gần gũi, thiết thực và hiệu quả hơn việc đưa con người trở về với thế giới cổ tích. Truyện cổ tích dạy con người phải lương thiện, nhân hậu, lạc quan, yêu đời, ngay thẳng, thủy chung... Truyện cổ tích còn dạy con người cần phải trung thực.

Trong ý niệm của dân gian, những người có bản tính trung thực sẽ luôn được giúp đỡ và rồi cuộc sống của họ sẽ trở nên tốt đẹp hơn. Truyện *Ba lưỡi rìu* là một minh chứng điển hình cho quan điểm ấy. Chàng tiều phu mồ côi vô tình đánh rơi chiếc rìu xuống sông. Chàng ngồi khóc nức nở, Bụt hiện lên và giúp chàng tiều phu nhặt lưỡi rìu. Lần thứ nhất, Bụt mang lên một chiếc rìu bằng bạc, chàng thật thà lắc đầu phủ nhận đó không phải lưỡi rìu của mình. Sự việc diễn ra tương tự trong lần thứ hai khi Bụt mang lên một lưỡi rìu quý giá hơn: lưỡi rìu bằng vàng. Đó là một sự sắp xếp hữu ý bởi giá trị của lưỡi rìu sau hai lần có sự thay đổi: từ bạc chuyển sang vàng. Đến lần thứ ba, Bụt hiện lên với lưỡi rìu bằng sắt, lần này chàng tiều phu vui mừng khôn xiết bởi đó chính là lưỡi rìu mà chàng đánh rơi, dù rằng, chiếc lưỡi rìu bằng sắt cũ kĩ kia không thể sánh với hai lưỡi rìu bằng vàng và bạc được lấy kên trước đó. Một câu chuyện ngắn gọn được kết thúc có hậu, chàng tiều phu được Bụt tặng hai lưỡi rìu quý giá còn lại bởi bản tính trung thực của mình. Có thể thấy, tình huống truyện đơn giản, dường như không có sự xung đột, không nhiều nhân vật và bối cảnh, song câu chuyện đem đến cho người đọc sự suy ngẫm: phải chăng lòng trung thực là một đức tính quý giá mà con người cần phải có, và họ sẽ luôn được đền đáp xứng đáng với cách hành xử thật thà của mình.

Ở truyện *Chiếc cân thủy ngân*, tác giả dân gian đem đến một hướng hành xử khác mang đậm sắc thái Phật giáo "gieo nhân nào gặt quả ấy". Câu chuyện kể về hai vợ chồng nọ làm nghề buôn bán, vì ham muốn giàu có nhanh chóng, họ đã đúc một chiếc cân thủy ngân hòng lừa gạt khách hàng. Sự việc gian dối này diễn ra một cách thuận lợi, chẳng bao lâu sau, hai vợ chồng trở nên giàu có và sinh ra hai đứa con kháu khỉnh. Chính lúc ấy, họ quyết định đập chiếc cân thủy ngân và chấm dứt hành động thiếu trung thực của mình. Cũng từ đó, hai đứa con bỗng nhiên lăn ra chết. Trong lúc đau buồn, hai vợ chồng được báo mộng hai đứa trẻ ấy chính là hai con quỷ được sai xuống nhằm trừng phạt hành động gian dối của vợ chồng họ, nhưng nay đã cải hối nên quyết định gọi hai con quỷ trở về, trời thương sẽ cho đứa con khác để an hưởng tuổi già. Câu chuyện kết thúc có hậu với bối cảnh an hưởng tuổi già của

đôi vợ chồng. Tuy không nói một cách trực tiếp, nhưng người đọc cũng ngầm hiểu thông điệp được gửi đến qua câu chuyện. Sự thiếu trung thực trong buôn bán, lừa lọc con người tất yếu sẽ dẫn đến một kết thúc không có hậu. Truyện vừa có tính răn đe con người cần phải rèn luyện cho mình tính trung thực, lại vừa đề cao những con người biết hối lỗi, cải tà quy chánh. Đó là quy luật nhân quả. Trong triết lý nhân quả - triết lý phổ biến trong tư duy người Việt xưa đã chỉ ra rằng con người chỉ cần cố gắng, sống lương thiện, có ích thì kết quả tốt đẹp sẽ đến với họ. Lòng trung thực chính là thước đo tính thiện của con người, nó chi phối hành động và lối hành xử của họ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội.

Thông thường trong truyện cổ tích thần kỳ, sự thiếu trung thực song hành với tính tham lam của nhân vật phản diện, đi kèm theo đó nhân vật phải trả giá cho hành động của mình. Tỉ dụ trong truyện *Cây khế*, người anh sau khi biết em mình được chim thần trả ơn trở nên giàu có, bèn đổi hết tất cả gia tài để lấy cây khế với tham vọng chim thần sẽ chở đến đảo vàng. Tuy nhiên, điểm mấu chốt ở câu chuyện đó chính là sự tham lam, gian dối của người anh đã dẫn đến kết cục bi thảm của hắn. Thay vì may túi ba gang, hắn đem theo một túi mười hai gang để chất vàng. Chim vì chở nặng chao nghiêng cánh khiến cho người anh cùng túi vàng khổng lồ của hắn rơi xuống biển. Nhìn chung, câu chuyện phản ánh mối quan hệ xung đột giữa anh em trong gia đình, truyền tải triết lý nhân sinh "ác giả ác báo", những kẻ tham lam độc ác nhất định không thể có kết thúc tốt đẹp. Tuy nhiên, song song đó, thông qua cách thức lựa chọn sự trừng phạt cho nhân vật, dân gian cũng đồng thời đề cao tính trung thực của con người. Chim thần đóng vai trò nhân vật chức năng chở con người đến đảo và quay trở về đất liền, tuyệt nhiên không biết phân biệt thiện – ác. Người em khả dĩ sống sung túc giàu có cũng bởi sự trung thực "may túi ba gang mang theo mà đựng". Điều này dẫn đến một tiền giả định, nếu không vì sự tham lam, gian dối thì liệu người anh có kết cục bi thảm như thế?

Ở một số truyện khác, giá trị của tính trung thực được lồng ghép trong cốt truyện, không được biểu thị một cách rõ ràng, nhưng về tổng thể, dân gian đều xây dựng nhân vật là người bất

hạnh, mồ côi, đi kèm theo là bản tính lương thiện, trung thực. Dường như đó là một yếu tố chuẩn mực làm nên kiểu mẫu của nhân vật chính diện đối lập với nhân vật ở phe phản diện. Nhân vật chính trải qua nhiều khó khăn, thử thách nhưng luôn giữ được bản tính lương thiện trung thực của mình. Còn kẻ thủ ác với sự gian xảo của mình luôn sẽ bị bóc trần và bị trừng phạt. Hầu hết những hành động của nhân vật phản diện đều khởi phát từ bản tính giả dối của mình: Lý Thông lừa nhốt Thạch Sanh dưới hang sâu, nhận công diệt xà tinh cứu công chúa..., Cám lừa Tấm cướp giỏ tép, giết cá Bống... Nhưng cuối truyện, nhân vật phản diện luôn phải chịu sự trừng phạt thích đáng cho hành động của chúng.

Trong nhân sinh quan của dân gian, tính trung thực đóng vai trò quan trọng đối với sự hình thành nhân cách của con người. Một con người lương thiện tất yếu phải là sự tổng hòa các đức tính, trong đó trung thực là yếu tố tiên quyết. Nó quyết định hành động, lời nói của con người trước những tình huống cụ thể. Điều này lý giải đặc tính của các nhân vật chính diện – phản diện luôn tồn tại hai phạm trù trung thực – gian xảo.

Kho tàng tục ngữ đồ sộ không ít những lời răn dạy về tính trung thực của con người:

Ăn ngay nói thật mọi tật mọi lành

Hay

Ở cho ngay thẳng giàu sau mới bền...

Đa dạng phong phú nhiều phương thức hơn, dân gian gửi gắm vào truyện cổ tích những thông điệp mang tính nhân văn: con người cần phải sống lương thiện và trung thực nếu muốn có một cuộc sống hạnh phúc. Bất cứ những hành động gian dối nào cũng không nằm ngoài quy luật nhân – quả.

3. Kết luận

Trong giai đoạn hiện nay khi những giá trị truyền thống ngày càng bị mai một, các giá trị mới hình thành, quan điểm sống hiện đại bắt đầu có sự thay đổi và tạo một khoảng cách lớn đối với thế hệ trước. Những ý niệm tiêu cực bắt đầu xuất hiện và phổ biến khắp nơi, ảnh hưởng tiêu cực đến con người. Chính lúc đó, những

triết lý nhân sinh trong truyện cổ tích lại mang giá trị lớn lao trong việc giáo dục nhân cách của con người.

Chịu ảnh hưởng của Nho, Phật, cùng với vốn kinh nghiệm sống, truyện cổ tích răn dạy con người lối ứng xử và tính trung thực trong cuộc sống. Những bài học, tấm gương của các nhân vật trong truyện cổ tích sẽ trở thành nền tảng để thế hệ sau đúc kết hệ giá trị cho bản thân mình, góp phần hoàn thiện thế giới nhân sinh quan tích cực cho con người. Phải chăng, giữa một xã hội lắm nhàu nhĩ, bon chen, đua tranh, lừa lọc, niềm tin về con người, về cuộc sống đang lung lay và có nguy cơ đổ vỡ, con người cần ý thức được tầm quan trọng của tính trung thực trong các mối quan hệ gia đình và xã hội để rèn giũa cho mình một lối sống mới hiện đại, nhưng không xa rời nền tảng truyền thống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ngọc, *Triết lý nhân sinh trong truyện cổ tích với việc giáo dục thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay*

2. GS.TS. Nguyễn Xuân Kính, ThS. TRần Thị Thu Hà, *Giáo dục giá trị từ thời phong kiến cho đến nay,* HN, 30/11/2018

3. GS. Lê Ngọc Trà, *Giáo dục giá trị trong sự hình thành nhân cách của học sinh*

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ QUA CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN LỚP 10 THPT

ThS. Nguyễn Thị Hồng*

1. Xu hướng giáo dục giá trị

Những năm gần đây, giáo dục giá trị được nhiều nhà nghiên cứu và thực hành giáo dục trên toàn thế giới quan tâm. Thuật ngữ giáo dục giá trị dần được phổ biến và là cơ sở để tạo ra nhiều khung chương trình giảng dạy tại các quốc gia.

Bước vào thế kỉ XXI, khủng hoảng về giá trị đã diễn ra trên toàn cầu và tại mỗi quốc gia. Tổ chức UNESCO đã có khuyến cáo về các vấn đề này và các quốc gia đều đã có những quan tâm nhất định. Trên thế giới nhiều ngành khóa học trong đó có tâm lí học, giáo dục học đã chú ý nghiên cứu việc giáo dục giá trị sống cho thế hệ trẻ. Thực tiễn giáo dục cuối thế kỉ XX – đầu thế kỉ XXI cho thấy chỉ thông qua con đường giáo dục, giá trị mới có thể tạo nên cơ sở bền vững cho việc giải quyết khủng hoảng trong phát triển nhân cách của học sinh. [3]

Ở Phương Tây, ngay từ những năm cuối thế kỉ XX, chương trình giáo dục có giá trị sống được triển khai từ một dự án quốc tế bắt đầu năm 1995 do trường Đại học Brahmakumarit thực hiện để kỉ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hợp Quốc (LHQ), nhằm kêu gọi sự chia sẻ cho một thế giới tốt đẹp hơn, dự án này tập trung vào 12 giá trị sống mang tính phổ quát, chủ đề được lấy trong lời mở đầu của Hiến chương LHQ, khẳng định lòng tin vào quyền cơ

* Trường THPT Đồng Xoài - Bình Phước

bản của con người, về phẩm chất, nhân các giá trị của mỗi người: ý kiến giáo dục (LVEB: Living Values- Education program) ra đời và được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, được bắt đầu từ sự kiện 20 nhà giáo dục trên thế giới tập hợp tại trụ sở của UNICEF ở thành phố New York vào tháng 8/ 1996 để thảo luận về nhu cầu của trẻ em, những trải nghiệm khi tiếp xúc với các giá trị. Hai tập sách *Hướng dẫn giá trị sống* và *Công ước về quyền trẻ em* được các nhà giáo dục trên thế giới xem là nguồn tư liệu chính cho việc giảng dạy. trong đó mục tiêu của chương trình là giáo dục các giá trị ở cả những nước phát triển và những nước đang phát triển. Chương trình được đưa vào thử nghiệm từ tháng 2/1997 và từ đó chương trình các giá trị sống đã và đang phát triển rộng khắp.

Aristotle – nhà triết học Hi Lạp cổ đại đã cung cấp một khuôn khổ trong đó ông phân biệt giữa ba dạng kiến thức khác nhau: lý thuyết (biết rằng), kỹ thuật (biết cách) và hiểu biết đạo đức (biết tại sao). Sau này, ông gọi là kiến thức theo ngữ cảnh (phronesis) - một dạng kiến thức phù hợp với chuẩn mực xã hội - mà theo quan điểm của ông, cách thức cách thức sử dụng, vận dụng kiến thức luôn theo một khung đạo đức nhất định. Từ tư tưởng ấy của Aristotle, nhiều nhà giáo dục phương Tây đã xây dựng những chương trình giáo dục dựa trên kết quả: kiến thức. kỹ năng và giá trị. [3]

Tại Trung Hoa, Khổng Tử (551-479 TCN) trong tác phẩm: "Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc Xuân thu" đã rất xem trọng việc giáo dục đậo đức, trong lời giáo huấn của ông đều nhấn mạnh đến "lý" đó là cách ứng xử thích hợp, đúng mức. Ông coi đạo hiếu là đức tính cao quý nhất, là nền tảng của đạo đức gia đình và đất nước. Gia đình là hạt nhân, tế bào của xã hội và 5 mối quan hệ (ngũ thường): quân- thần; phụ - tử; phu – thê; bằng – hữu; huynh- đệ là nòng cốt được nhấn mạnh bởi ba đức tính: hữu ái, chính trực và biết tôn trọng.

Gibson cho rằng có sự đồng thuận trong văn học giữa việc phát triển các mã đạo đức mạnh mẽ là điều kiện cần thiết cho công dân hoạt động. Hay- don Viết từ một phương pháp tiếp cận xây dựng xã hội duy trì một trong những khía cạnh quan trọng nhất của đạo đức là thực tế xã hội cụ thể của nó. Ông giải thích rằng đạo đức không chỉ được nhúng vào trong những ý tưởng trừu

tượng hay biết cách làm mọi thứ (kiến thức về thủ tục), mà đạo đức đi sâu trong thực tế sống hàng ngày của mọi người khi chúng ta tham gia vào các mối quan hệ trong thực tiễn xã hội và đạo đức được trưng bày theo cách chúng ta sống. [3]

Chúng ta có thể kết luận rằng, mặc dù các thuật ngữ khác nhau đang được sử dụng trong nhiều tài liệu thảo luận về các giá trị, thuật ngữ giá trị giáo dục vẫn dường như được chấp nhận rộng rãi.

Giáo dục giá trị là một quá trình giảng dạy và học hỏi về những lý tưởng mà xã hội coi là quan trọng (Bộ Giáo dục, Khoa học và Đào tạo 2005; Lovat & Toomey 2007; Robb 2008). Tiến sĩ John De Nobile, Giảng viên cao cấp về Giáo dục tại Đại học Macquarie, đã tham gia nghiên cứu giáo dục giá trị và sư phạm liên quan tại trường học trong nhiều năm và hiện đang tham gia vào các dự án nghiên cứu về giao tiếp, văn hóa và giá trị của trường học cũng như ảnh hưởng của Chương trình Giáo dục Toàn cầu về giá trị và thái độ của học sinh. Ông cho rằng: Trong các hoạt động giáo dục giá trị có thể có một số hình thức, mục tiêu cơ bản là dành cho học sinh không chỉ để giups học sinh hiểu các giá trị, mà còn để điều hướng học sinh trong thái độ và hành vi của họ, và đóng góp cho xã hội thông qua công dân tốt và thực hành đạo đức. [5]

Thập kỷ vừa qua đã chứng kiến rất nhiều công việc được thực hiện tại Úc để nâng cao hồ sơ về giáo dục giá trị. Hai dự án được tài trợ của Khối thịnh vượng chung, Dự án trường học thực hành tốt (VEGPSP) từ năm 2005 đến 2008 và dự án giá trị trong các trường hành động (VASP) từ 2008 đến 2009 đã nghiên cứu cách giáo dục giá trị có thể có ảnh hưởng tích cực, mang tính xây dựng. khác nhau, như sư phạm, mối quan hệ giáo viên - học sinh, và sự an sinh của học sinh và sự gắn kết xã hội (Hamston et al. 2010). Các dự án này được xây dựng dựa trên công trình nghiên cứu thăm dò trước đó (ví dụ Zbar & Bereznicki 2003), liên quan đến các cụm trường và cộng đồng của họ. [13]

Những thành tựu của hai dự án quốc gia này đã được ghi nhận qua một số báo cáo (xem ví dụ De Nobile 2006; Lovat et al. 2011). Bài viết này mô tả một số ví dụ về tác động của các dự án này đối

với học sinh và trường học mà các tác giả đã quan sát. Bài báo sau đó cung cấp một số hướng dẫn và suy đoán về tương lai của giáo dục giá trị tại Úc.

Có thể hiểu thuật ngữ giá trị giáo dục ngắn gọn như một nỗ lực sư phạm tổng hợp, để cải thiện hành động của công dân, đem đến cái nhìn xã hội tích cực. Và như thế giáo dục giá trị đã trở thành một xu hướng.

Tại Việt Nam, giáo dục giá trị đã thực sự trở thành chương trình hành động trong nhà trường phổ thông. Bằng nhiều cách thức giáo viên đã đưa giáo dục giá trị vào các tiết dạy kĩ năng sống. Từ một góc độ riêng, tôi đề cập đến giáo dục giá trị qua các tác phẩm văn học dân gian trong môn Ngữ văn.

2. Giáo dục tinh thần lạc quan qua nhân vật truyện dân gian

Nhân vật – đặc biệt là nhân vật trong văn học dân gian có những đặc trưng cụ thể. Có thể nói nhân vật là cốt lõi bộc lộ giá trị đạo đức trong truyện dân gian. Giáo dục giá trị thông qua các nhân vật truyện dân gian là một hình thức tiêu biểu và hiệu quả giúp Học sinh cảm nhận trực tiếp vẻ đẹp đạo đức hướng thiện của con người. Giáo dục nhân vật- giáo dục ví dụ, đã là một phong trào ngày càng tăng ở Mỹ, tại đây mô hình giáo dục nhân vật được chia thành sáu chương trình nhỏ ở các trường học (Dovre). Giáo dục nhân vật – được hiểu cụ thể là sử dụng hình ảnh cá nhân, nêu lên các nhân vật cá nhân có tầm ảnh hưởng nhằm dạy những giá trị liên quan cho Học sinh, chẳng hạn như tình bạn, công bằng và công bằng xã hội, và tác động đến thái độ của Học sinh. Một nghiên cứu gần đây của Marvul báo cáo cách giáo dục nhân cách và giáo dục đạo đức được kết hợp để dạy cho học sinh các giá trị như tôn trọng, trách nhiệm và tin cậy, để nâng cao thái độ của học sinh. Vì vậy, chúng ta biết rằng giá trị giáo dục được sử dụng qua giáo dục nhân vật để ảnh hưởng đến thái độ và hành vi của học sinh cho tốt hơn, hoặc ít nhất là phù hợp với những gì xã hội sẽ xem xét phù hợp và được chấp nhận về mặt đạo đức là rất cần thiết. Điều này phù hợp với mục tiêu học tập của Úc do Tuyên bố Melbourne đề ra, nhằm phát triển những cá nhân năng động và

thông minh, có khả năng hành động về mặt đạo đức và am hiểu về xã hội - văn hóa . [14]

Các dẫn chứng nghiên cứu trên, chứng minh trào lưu giáo dục giá trị qua nhân vật khá phổ biến trong trường học ở phương Tây. Tại Việt Nam, giáo dục nhân vật bằng cách lựa chọn một cá nhân xuất chúng chưa được chú trọng bài bản. Tuy nhiên, trong giảng dạy môn Ngữ văn, chúng ta có thể lựa chọn các nhân vật chính diện để giáo dục giá trị Chân- Thiện – Mỹ cho Học sinh. Đối với Văn học dân gian, giáo dục tinh thần lạc quan qua nhân vật truyện dân gian là một hình thức hiệu quả.

Từ thể loại thần thoại, sử thi, truyện cổ tích, truyền thuyết… người lao động đều thổi sự lạc quan, hồn nhiên của mình trong hình hài nhân vật dân gian. Học sinh biết đến một Đăm Săn với hoài bão chinh phục, một cô Tấm không ngừng ước mơ và đấu tranh, một An Dương Vương với công cuộc xây dựng và giữ nước bền bỉ. Tất cả đều là biểu hiện của niềm lạc quan truyền thống rất Việt Nam. Rõ ràng các nhân vật trong truyện dân gian xét ở góc độ biểu hiện họ là nhân vật hành động. Họ phải hành động để chứng minh.

Chính vì vậy, khai thác truyện dân gian giáo dục tinh thần lạc quan qua nhân vật có thể khai thác chuỗi hành động của nhân vật để phát hiện giá trị: Đối với nhân vật Đăm Săn (đoạn trích *Chiến thắng Mtao Mxay* – Ngữ văn 10 – Tập 1- NXB GD). Phân tích chuỗi hành động của Đăm Săn như sau:

Nguyên nhân cuộc chiến này là do Mtao Mxây (tù trưởng sắt) đã cướp Hơ Nhị và Hơ Bhi – vợ của Đăm Săn. Đối với người Ê-đê theo chế độ mẫu hệ, việc bị kẻ thù cướp mất vợ là một nỗi sỉ nhục của cả cộng đồng. *Chiến thắng Mtao Mxây* là lần thứ hai Đăm Săn phải chiến đấu với kẻ thù để giành lại người vợ, chứng tỏ lòng tự trọng và sự hùng mạnh của Đăm Săn. Chàng phải đối mặt với kẻ thù hung bạo và thể hiện sức mạnh phi thường không kém. Chuỗi hành động trên đây cho thấy rõ diễn biến câu chuyện.

Vẻ đẹp Đăm Săn hiện rõ ngay từ khi chàng bước chân vào lãnh địa của Mtao Mxây. Tù trưởng Sắt hung bạo dù kiêu căng ngạo mạn cũng luôn phải dè chừng sự hiện diện của chàng. Lời

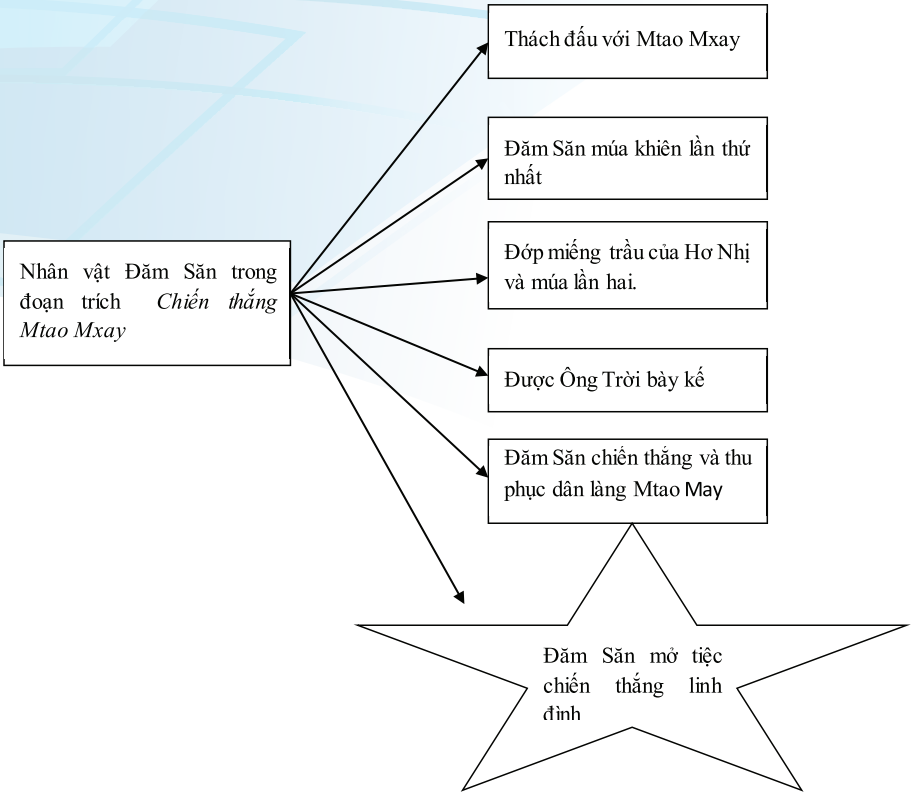

nói của hắn với chàng lộ ra sự hèn nhát: *Ngươi không được đâm ta khi ta đang đi xuống đó, nghe*. Đáp lại Đăm Săn đã bộc lộ sự khinh bỉ kẻ thù bằng tư thế đàng hoàng của mình: *Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi xuống nhỉ? Ngươi xem, đến con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, ta cũng không thèm đâm nữa là.* [18]

Thái độ và hành động của Đăm Săn luôn chủ động, dũng cảm và đầy niềm tin. Đăm Săn đúng là biểu tượng đẹp đẽ của tinh thần lạc quan Tây Nguyên: vừa hồn nhiên vừa kiên quyết. Trong cuộc chiến vì danh dự này, Đăm Săn luôn hiện lên đầy lạc quan. Đây là Cuộc đối đầu giữa hai tù trưởng dũng mãnh. Phẩm chất anh hùng theo cách nhìn sử thi là ở sự chiến thắng bằng sức mạnh và sự can đảm. Cuộc đối đầu sinh tử ấy không có chỗ dung thân cho kẻ nào hèn nhát hơn. Trong tình cảm tôn vinh người anh hùng của buôn làng, mọi cử chỉ, ngôn ngữ, hành động của Đăm Săn đều nổi bật, vượt trội hơn kẻ thù. Chàng đúng kiểu nhân vật vừa là anh hùng văn hóa vừa là anh hùng trận mạc, bởi sự quả cảm đậm đặc trưng

cho bộ lạc của chàng. Chính lẽ đó, chiến thắng của Đăm Săn là tất yếu.

Chiến thắng của Đăm Săn là chiến thắng của niềm kiêu hãnh, lạc quan và rất tự trọng. Trong diễn biến của chuỗi hành động phi thường, Đăm Săn không một lần đầu hàng hay run sợ. Các chiến thắng nhấn mạnh tầm vóc của Đăm Săn. Chàng là con người của sự chinh phục không ngừng. Ban đầu vì danh dự, Đăm Săn ra trận. Sau đó, vì sự phồn thịnh của buôn làng, Đăm Săn thu phục, kêu gọi dân làng Mtao Mxay đi theo mình. Cuối cùng, vì danh tiếng Đăm Săn mở tiệc linh đình mời *các khách tù trưởng phương xa đến*. Vẻ đẹp Đăm Săn kết tinh rực rỡ trong cảnh ăn mừng chiến thắng.

Khi phân tích chuỗi hành động nhân vật, chắc chắn Học sinh phát hiện những giá trị độc đáo mà nhân vật thể hiện. Từ đó gieo và học sinh tình cảm yêu mến, trân trọng và những ứng xử đạo đức của nhân vật. Bên cạnh, nhân vật Đăm Săn, trong chương trình Ngữ văn 10, chúng ta còn bắt gặp nhân vật Tấm (truyện cổ tích *Tấm Cám*)

M. Gorki viết: "Rất cần nêu lên rằng trong sáng tác dân gian hoàn toàn không có bóng dáng của chủ nghĩa bi quan, mặc dầu những người sáng tác sống trong nhọc nhằn cực khổ… Tập thể dường như vẫn ý thức về tính bất diệt của mình và tin rằng mình sẽ chiến thắng tất cả những lực lượng thù địch". Tinh thần lạc quan của nhân dân ta được phản ánh rất rõ qua các câu chuyện cổ tích. Nó thể hiện quan niệm đạo đức, lí tưởng và mơ ước của nhân dân về hạnh phúc và công lí xã hội. "Tấm Cám" là một trong những chuyện cổ tích thần kì phổ biến nhất ở Việt Nam, tiêu biểu cho tinh thần lạc quan của người lao động Việt Nam. Chủ đề chính của truyện *Tấm Cám* là chủ đề xung đột giữa dì ghẻ và con chồng, tức loại chủ đề xung đột gia đình, vốn chiếm vị trí quan trọng trong truyện cổ tích thần kì. Một chủ đề khác của truyện *Tấm Cám* là chủ đề đấu tranh bảo vệ hạnh phúc chân chính của những con người chân chính. Cũng như các truyện cổ tích khác, quan niệm con người chân chính là những người hiền lành tốt bụng. Những người như vậy lại thường chịu nhiều nỗi thiệt thòi, gặp nhiều cảnh gian truân. Nhân vật Tấm tiêu biểu cho những người như vậy.

Cuộc đời Tấm có thể chia thành hai giai đoạn cơ bản: Trước khi làm hoàng hậu và sau khi làm hoàng hậu. Nếu nói rằng, cô Tấm là hiện thân của sự ý thức đấu tranh và nguyện vọng bảo vệ hạnh phúc chân chính của những con người chân chính thì chuỗi hành động chứng minh phẩm chất nhân vật được tóm tắt như sau:

STT	Tấm giai đoạn 1: Trước khi làm hoàng hậu	Tấm giai đoạn 2: Sau khi làm hoàng hậu
1	Bị Cám lừa trút hết tép	Về giỗ cha, bị mẹ con cám chặt cau giết hại
2	Đem con cá Bống về nuôi	Biến thành chim vàng anh và bị Cám làm thịt.
3	Bị mẹ con Cám bắt Bống làm thịt.	Tấm hóa cây xoan đào và bị Cám chặt cây.
4	Tấm tìm xương Bống bỏ lọ chôn dưới chân giường	Tấm hóa thành khung cửi và bị Cám đốt.
5	Đi dự hội, thử giày và được làm Hoàng hậu	Tấm hóa quả thị và gặp lại nhà vua.

Chuỗi hành động cho thấy lòng tin vào sự tất thắng của cái thiện. Tấm chính là số phận của một cô gái mồ côi bất hạnh với ước mơ chiến thắng cái ác để giành và giữ hạnh phúc. Thông qua truyện, tác giả dân gian muốn thể hiện ước mơ thiện thắng ác, tinh thần lạc quan và nhân đạo của nhân dân ta.

Cuộc đời của Tấm là cuộc đời đấu tranh giữa cái thiện và cái ác vô cùng kịch liệt và bền bỉ, con đường đến cái thiện để hạnh phúc là một quá trình gian nan vất vả. Bài học giá trị đối với học sinh chính là thiện cảm dành riêng cho một cô Tấm cổ tích, vừa chăm chỉ, hiền lành nhưng cũng vừa quyết liệt và giàu ước mơ. Phân tích chuỗi hành động hai giai đoạn cuộc đời Cô Tấm là phân tích sự trưởng thành của kinh nghiệm đấu tranh.

Vẻ đẹp cổ tích trong quan điểm hiện đại có thể bị sao nhãng, song giáo dục giá trị cổ tích thông qua nhân vật với hình thức thống kê chuỗi hành động để học sinh tự nhận thức chân giá trị là một phương pháp tích cực. Học sinh sẽ vừa lĩnh hội cốt truyện chi tiết vừa cảm nhận hết giá trị cá nhân mà nhân vật bộc lộ, từ đó rút ra bài học đạo đức và điều hướng hành động cho bản thân.

3. Giáo dục ý thức bảo tồn các giá trị truyền thống qua ngôn ngữ sử thi Đăm săn

Trong xu hướng toàn cầu hóa, việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc là một thách thức to lớn. Dạy tác phẩm văn học dân gian để liên hệ bảo tồn các giá trị truyền thống là hình thức giáo dục tích cực. Và dạy tự sự dân gian, đặc biệt là thể loại sử thi mà bám chặt vào đặc trưng ngôn ngữ để chuyển tải ý nghĩa bảo tồn là hoạt động giáo dục chặt chẽ vừa giàu tính chất chuyên môn vừa sinh động khả năng mở rộng giáo dục giá trị.

Trong những đặc trưng về ngôn ngữ thể loại dân gian, thì có lẽ ngôn ngữ sử thi mang đậm ngôn ngữ kể chuyện nhất. Đó là loại ngôn ngữ kịch, ngôn ngữ diễn xướng của người Tây nguyên kể khan bao gồm các yếu tố: lời nói bình thường (người ÊĐê gọi là Klay đưm); lời nói vần (người ÊĐê gọi là Klay duê, người Tày gọi là Phuối pác, người Mường gọi là Bọ mẹng...); lời hát theo các làn điệu dân ca của bộ tộc. Phương thức trình diễn khan của người ÊĐê theo lối tổng hợp, do vậy ngôn ngữ sử thi Tây nguyên có tính chất kể lể theo kiểu vừa hát nói, vừa hát kể. Trong quá trình dạy học tác phẩm sử thi Đăm Săn, giáo viên cần lưu ý đặc trưng này để giúp học sinh diễn xướng lời thoại cho phù hợp. Bản chất của ngôn ngữ sử thi là một giá trị cần bảo tồn. Đó là giá trị giao tiếp ngôn ngữ theo cách thức riêng mà người dân Tây nguyên bộc lộ.

Vai trò của người kể chuyện trong sử thi- khan rất quan trọng. Lời trần thuật của người kể chuyện trong sử thi Đăm Săn được triển khai xen vào những lời đối thoại của nhân vật. Nó có chức năng dàn dựng câu chuyện, tường thuật hành động và biến cố trong cuộc đời nhân vật. Lời trần thuật của người kể chuyện thường được dùng để kết thúc một đoạn, một phần nào đó của truyện. Người kể thường tỏ thái độ của mình đối với nhân vật anh hùng nên trong sử thi khan có loại ngôn ngữ bình giá: "Thật chưa thấy một tù trưởng nào như chàng cả" [8]. Một số câu bình giá trong đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxay" – Ngữ văn 10 – Tập 1- NXB GD cần lưu ý học sinh, giáo viên cũng có thể cho học sinh thống kê và rút ra ý nghĩa từ lời bình giá này.

- Nhà Mtao Mxay đầu sàn hiên đẽo hình mặt trăng, đầu cầu

thang đẽo hình chim ngói. Ngôi nhà của lão tù trưởng nhà giàu này trông quả thật là đẹp.

- Bà con xem, thế là Đăm Săn nay càng them giàu có, chiêng lắm la nhiều.

- Thế là, bà con xem, nhà Đăm Săn đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài…Còn Đăm Săn, bà con xem…Cảnh đó, đời ông bác ông cậu xưa kia làm gì có.

Bà con xem, chàng Đăm Săn uống không biết say…Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu trông sao mà vui thế! Rõ rang là tù trưởng Đăm Săn đang giàu lên…Rõ rang là Đăm Săn có chiêng lắm voi bầy…Làm sao mà có được một tù trưởng…như chàng? [18]

Qua những lời bình giá, cái nhìn của cha ông dành cho nhân vật như một sự nhắc nhở ý nhị, điều hướng suy nghĩ, thái độ, tình cảm của người đọc. Chúng ta yêu chàng Đăm Săn, ngưỡng mộ chàng Đăm Săn hơn. Những giá trị truyền thống dân tộc cần bảo tồn, lưu giữ toát lộ qua biểu cảm của lời bình giá. Một ngôi nhà đẹp của tù trưởng Mtao Mxay, một phẩm chất đẹp của người anh hùng, hoặc quan niệm về sự giàu có hùng mạnh của một bộ tộc đều được thể hiện trong cảm xúc ngỡ ngàng lời kể khan.

Tính chất kịch là một đặc điểm của ngôn ngữ khan. Người kể khan đóng vai, nhập thân vào nhân vật nên dù ngồi ngay tại chỗ nhưng người kể luôn thay đổi nét mặt, giọng điệu phù hợp với khung cảnh câu chuyện và trạng thái nhân vật: "Người kể khan theo từng đoạn mà đổi nét mặt lúc buồn lúc vui, đổi giọng lúc cao lúc thấp. Những chỗ đánh nhau trong truyện là những đoạn sôi nổi, người kể tuy vẫn ngồi tại chỗ nhưng đổi nét mặt thành dữ tợn, giọng đanh thép và hai tay làm một ít điệu bộ nho nhỏ. Những chỗ bi thảm như nhớ nhung, chết chóc thì hạ giọng sụt sùi" (Sử thi Đăm Săn). Giáo viên sẽ cho học sinh sắm vai để thực tế hóa đặc điểm này. Đây dường như là hoạt động cần thiết nhất để lôi cuốn học sinh vào không gian Tây Nguyên. Để từ đó giáo dục giá trị bảo tồn Bản sắc truyền thống của người Tây Nguyên. Bản sắc ấy đã đi vào những trang sử thi sống động của một thời kì lịch sử xa xưa tồn tại trong nếp ăn ở sinh hoạt hàng ngày của họ. Đó là

những tục lệ, lễ nghi không thể thiếu, là nét văn hóa khá độc đáo của đồng bào Tây Nguyên, cả cách kể khan độc đáo chỉ người Tây Nguyên mới có.

Đối với sử thi, đặc biệt là sử thi Đam Săn Lối kể chuyện lôi cuốn là một thế mạnh. Đó là ngôn ngữ miêu tả hết sức sinh động với các biện pháp so sánh, ví von rất giàu hình ảnh. Khi miêu tả chàng Đăm Săn thì: "Ngực quấn chéo một tấm mền chiến, mình khoác một tấm áo chiến, tai đeo nụ, sát bên mình ngênh ngang đủ giáo gươm, đôi mắt long lanh như mắt chim ghếch ăn hoa tre… Bắp chân chàng to bằng cây xà ngang, bắp đùi chàng to bằng ống bễ, sức chàng ngang sức voi đực, hơi thở chàng ầm ầm tựa sấm dậy, chàng nằm sấp thì gãy gầm sàn, chàng nằm ngửa thì gãy xà dọc…". Còn khi miêu tả các chàng trai cô gái thì: "Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực. Các cô gái đi lại vú đụng vú" (Sử thi Đăm Săn). Như vậy, đối tượng so sánh trong miêu tả vẻ đẹp người phụ nữ là: tóc, vú, đùi, thân, mắt, chân. Cách so sánh thật hồn nhiên, chất phác nhưng giàu hình tượng: "Nhà dài như tiếng chuông", "Hiên nhà dài bằng sức bay một con chim", "Ngựa chạy như tiếng sông than, tiếng nước thở"...Miêu tả cảnh sống sầm uất, vui tươi: "Trâu bò nhi nhúc như bầy mối, bầy kiến. Dấu chân ngựa voi trên đường giống như một sợi dây đánh. Tớ trai đi lại chen chúc nhau ngực sát ngực, tớ gái vú sát vú ".

Ngôn ngữ so sánh sinh động như vậy phản ánh tư duy người Tây Nguyên, giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân tích ngôn ngữ so sánh uyển chuyển để cảm nhận vẻ đẹp con người Tây Nguyên, những hình ảnh so sánh đậm giá đời sống tinh thần người Tây Nguyên rất cần giữ gìn và phát huy. Ví dụ như miêu tả cảnh Đăm Săn thu phục được nô lệ của Mtao Mxay: " Đoàn người đông như bầy caftong, đặc như bầy thiêu thân, ùn ùn như kiến như mối… Tôi tớ mang của cải về nhiều như ong đi chuyển nước, như vò vẽ đi chuyển hoa, như bầy trai gái đi giếng làng cõng nước." Những hình ảnh sôi động giàu sức sống với cách gọi tên đậm chất Tây nguyên (cà tong: một loài hưu sao – chú thích SGK Ngữ văn 10 – tập 1- trang 34) chỉ có thể có trong sử thi. Hoặc cách thức ăn mừng chiến thắng của Đăm Săn qua ngôn ngữ miêu tả cũng phản ánh tục lệ của dân tộc Tây Nguyên đậm nét : "..chúng ta sẽ ăn lợn ăn trâu,

đánh lên cái chiêng cái trống to, đánh lên các cồng Hlong hòa nhịp cùng chũm chọe xoa sao cho kêu lên rộn rã…"

Lối nói hình tượng của sử thi không chỉ qua cách so sánh mà còn qua các biện pháp nghệ thuật khác như phóng đại, ngoa dụ, trùng điệp (điệp ngữ). Đây là cách tả phóng đại: "Thế là bà con xem, nhà Đăm Săn đông nghẹt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài...Bà con xem, chàng Đăm Săn uống không biết say, ăn không biết no, chuyện trò không biết chán...Rõ ràng là tù trưởng Đăm Săn đang giàu lên, chiêng lắm la nhiều. Rõ ràng là Đăm Săn có chiêng đồng, voi bầy, có bè bạn như nêm như xếp...". Cần giáo dục học sinh gìn giữ cách nói phóng đại này. Bởi đó không chỉ là cách nói của dân tộc Tây Nguyên mà còn là cách nói của riêng sử thi, làm nên đặc trưng lộng lẫy của sử thi.

Tác phẩm sử thi Đăm Săn tổng hòa trong nội dung và hình thức của nó cả phương diện nhận thức thẩm mĩ của nhân dân về thực tại, cả các phương diện khác bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống vật chất và đời sống tinh thần của xã hội Tây Nguyên như lịch sử, tín ngưỡng, tâm lý, triết lý, những kiến thức địa lý, kiến thức về thiên nhiên, những kiến thức về ứng xử trong gia đình, cộng đồng,… Vậy nên học sử thi, đặc biệt là đọc ngôn ngữ giao tiếp của hoàn hảo của sử thi cũng là đọc văn hóa ứng xử của người Tây Nguyên. Sử thi là thể loại phần lớn là diễn đạt dưới hình thức ngôn ngữ đối thoại giữa các nhân vật.

- Mtao Mxây:" Khoan khoan, để tao xuống đất. Đừng vội đâm tao trước lúc tao xuống."

- Đăm Săn: " Tao không thèm đâm mày trước lúc mày xuống. Con lợn dưới đất tao không đâm thì mày tao cũng không đâm ". [18]

Khí chất của người anh hùng qua lời đối thoại cứ thế được bộc lộ.

Có thể nói ngôn ngữ sử thi Đăm Săn là ngôn ngữ đậm chất hùng tráng và giàu tính trữ tình. Dưới cách kể và tả của tác giả sử thi, cảnh vật và con người Tây Nguyên rất nên thơ, có nét đẹp hồn nhiên, có tâm hồn đắm say yêu người. Những tục lệ, quan niệm truyền thống được miêu tả chi tiết, sinh động, tuyệt đẹp sẽ thôi thúc tình cảm của người đọc với nhu cầu bảo tồn và phát huy.

4. Giáo dục giá trị hiện đại trong ca dao: bình đẳng giới

Theo Trần Đình Sử: Giá trị văn hoá của văn học thể hiện ở việc phản ánh các hệ thống giá trị về con người, cuộc xung đột của các giá trị người nhằm khẳng định hệ thống giá trị người phù hợp với xu thế thời đại. Chức năng của văn học được phân hoá thành các phương diện cụ thể như chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mĩ, chức năng giải trí, chức năng giao tiếp. Các chức năng trên có giá trị tổ chức đời sống xã hội và cá nhân, hình thành các quy phạm, các chuẩn mực của hành vi con người.

Văn học dân gian tự thân đã là một giá trị vĩnh cửu. Nó là tiếng nói tâm hồn của người lao động, phản ánh cuộc sống người lao động Việt Nam. Dạy văn học dân gian trong nhà trường phổ thông là dạy các Chân – Thiện – Mĩ mà tác giả dân gian gửi gắm qua mỗi câu chuyện, mỗi hình ảnh. Đối với thể loại ca dao, chùm ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa và ca dao hài hước trong Sách giáo khoa Ngữ văn 10 có những giá trị hiện đại phù hợp với học sinh và cần định hướng học sinh thẩm cảm, đó là: bình đẳng giới.

"Giới" (Gender) là thuật ngữ chỉ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội quy định chọn nam và nữ nhìn từ góc độ xã hội; giới đề cập đến sự phân công lao động, các kiểu phân chia nguồn lực và lợi ích giữa nam và nữ trong một bối cảnh xã hội cụ thể. Bình đẳng giới là một cách tiếp cận giải quyết các vấn đề đang đối diện với cả nam và nữ theo cách chia sẻ các lợi cihs của phát triển một cách bình đẳng, bảo đảm chống lại gánh nặng thiên lệch của những tác động tiêu cực. Bình đẳng giới đã là vấn đề được rất nhiều quốc gia quan tâm trong đó có Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu về bình đẳng giới, việc giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới là hết sức cần thiết. Quan niệm về bình đẳng giới thực chất lần đầu tiên vào ngày 3/9/1981 được đề cập đến từ Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ [14]. Nhà nước Việt Nam phê chuẩn Công ước chỉ 2 tháng sau khi Công ước có hiệu lực. Đây là Văn kiện quốc tế sâu sắc nhất về quyền con người của phụ nữ cho đến nay. Linh hồn của Công ước được xây dựng trên cơ sở các mục tiêu của Liên Hợp Quốc nhằm bảo đảm nhân cách, phẩm giá và các quyền cơ bản của con

người, cũng như quyền bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Trong phần Mở đầu, Công ước thừa nhận rằng: "Sự phân biệt đối xử với phụ nữ vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi" [19]. Bộ giáo dục đã có những chỉ đạo tích cực trong giáo dục bình đẳng giới đối với học sinh phổ thông. Đối với môn Ngữ văn nói chung, văn học dân gian nói riêng những giá trị bình đẳng giới thể hiện tuy còn nhẹ nhàng nhưng cũng khá sinh động.

Thật ra, trước khi tư tưởng Nho giáo ảnh hưởng tới Việt Nam, dân tộc ta sống khá khoáng đạt trong không khí bình đẳng. Những bằng chứng về lịch sử, văn hoá, lối sống của dân tộc Việt Nam đã phản ánh truyền thống tôn trọng phụ nữ, đề cao những người có công lớn trong xã hội và gia đình. Truyền thống đó được biểu hiện từ những nghi lễ thờ mẫu và các nghi lễ thờ cúng, mà trong đó không phân biệt thần nam với thần nữ. Truyền thống đó còn được biểu hiện cao nhất là việc làm vua của Hai Bà Trưng, làm lãnh tụ khởi nghĩa của bà Triệu, làm tướng của các bà Thánh Thiên công chúa, Lê Chân, Bát Nàn công chúa, làm Đô đốc của bà Bùi Thị Xuân. [19]

Truyền thống tôn trọng phụ nữ còn được thể hiện trong cả hai dòng văn học dân gian và bác học đã tồn tại hàng thế kỷ ở nước ta . Đặc biệt trong câu ca dao, tục ngữ, một số kinh nghiệm đúc rút nhấn mạnh vai trò của người phụ nữ như "Lệnh ông không bằng cồng bà"; "Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn"; "Gió đưa cành trúc ngã quỳ; Ba năm trực tiết còn gì là xuân"... Điều đó cho thấy tư tưởng tiến bộ của người lao động Việt Nam. Bộ phận ca dao đặc biệt là ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa và ca dao than thân trong chương trình *Ngữ văn 10* – tập 1- NXB GD đều ngợi ca người phụ nữ ở nhiều phương diện: cả về hình thể, cả về tâm hồn.

Cách biểu hiện bình đẳng giới trong ca dao khá sinh động. Trước hết là thái độ đối với nam nhi trong xã hội. Chùm ca dao hài hước hướng đến nam nhi như là đối tượng châm biếm.

Bài ca dao số 2:

Làm trai cho đáng sức trai

Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng [18]

Chế giễu người đàn ông yếu đuối, không đáng sức trai. Bài ca dao sử dụng biện pháp khoa trương, phóng đại cùng với thủ pháp đối lập đã tạo nên một tiếng cười hài hước, châm biếm. Tính hài hước là ở chỗ, bài ca dao xây dựng hình ảnh đối lập giữa một bên là chàng trai có sức khỏe, mạnh mẽ nhưng lại phải cố gắng hết sức (khom lưng chống gối) chỉ để "gánh hai hạt vừng".

Bài ca dao số 3:

Chồng người đi ngược về xuôi

Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo. [18]

Bằng việc sử dụng biện pháp tương phản giữa " chồng người" và " chồng em" ở bài ca này muốn phê phán, châm biếm một ông chồng lười nhác, vô tích sự, không có chí lớn, không có sự nghiệp mà chỉ biết "ngồi bếp" để " sờ đuôi con mèo". Bài ca dao sử dụng biện pháp so sánh, nêu lên sự đối lập giữa «chồng người» với «chồng em», làm cho người đàn ông được so sánh hiện lên buồn cười.

Để giúp học sinh lĩnh hội các giá trị về bình đẳng giới giáo viên có thể cho học sinh thống kê số lượng bài ca dao hài hước lấy nam nhi làm đối tượng châm biếm, giễu cợt. Sau đó đưa ra vấn đề về bình đẳng giới để học sinh thảo luận và tự rút ra kết luận. Cũng trong trường ca dao hài hước, người phụ nữ vô duyên, vụng về lại hiện lên ngộ nghĩnh đáng yêu ở bào ca dao số 4 (giáo viên so sánh):

Lỗ mũi mười tám gánh lông

Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.

Đêm nằm thì ngáy o o,

Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.

Đi chợ thì hay ăn quà,

Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.

Trên đầu những rạ cùng rơm,

Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu [18].

Cách thứ hai biểu hiện bình đẳng giới trong chùm ca dao than thân, yêu thương, tình nghĩa là hướng đến hình ảnh người phụ nữ.

Bài ca dao số 1:

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai [18]

Người phụ nữ ý thức được tuổi xuân và vẻ đẹp của mình (như tấm lụa đào). Nhưng thân phận lại thật xót xa khi không thể chủ động được tương lai của chính mình (phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?).

Bài ca dao số 2:

Thân em như củ ấu gai

Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen

Ai ơi, nếm thử mà xem!

Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi [18]

Đây là lời khẳng định phẩm chất và vẻ đẹp đích thực của con người (ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen). Bài ca còn là lời mời mọc da diết của cô gái. Lời mời mọc ấy là khát khao của con người mong muốn được khẳng định cái chân giá trị, cái vẻ đẹp của mình. Tư tưởng của bài ca dao vẫn là nỗi ngậm ngùi chua xót cho thân phận của người con gái trong xã hội xưa.

Hai lời than thân này đều có hình thức mở đầu là cụm từ "thân em như…." kèm theo một âm điệu ngậm ngùi, xa xót. Có thể xác định đây là lời than của những cô gái đang đến độ xuân thì. Tuy có phẩm chất đẹp thế nhưng vẻ đẹp ấy lại không được nâng niu và trân trọng. Họ không thể tự quyết định được tương lai và hạnh phúc của mình. Họ khát khao và chờ mong nhưng vẫn phải gửi cuộc sống của mình cho số phận. Cả hai bài ca dao tuy đều nói đến thân phận nổi nênh, thiệt thòi của người phụ nữ trong xã hội xưa. Thế nhưng mỗi bài lại có một sắc thái tình cảm riêng.

Viết về người phụ nữ với nỗi xót thương đã là tiếng nói đấu tranh cho bình đẳng giới một cách bền bỉ và phổ biến trong hệ thống các bài ca dao Việt Nam.

Cách thứ ba biểu hiện bình đẳng giới trong ca dao Ngữ văn lớp 10 là xây dựng thái độ cư xử trong tình yêu của người phụ nữ. Cô gái trong tình yêu vừa sâu sắc, chung thủy vừa hài hước, ý nhị.

Bài ca dao số 4:

Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt
Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề. [18]

Bài ca khá tiêu biểu cho nghệ thuật ca dao với sự lặp lại trong cách diễn tả tâm trạng, cách dùng những hình ảnh biểu tượng, lối nhân hóa để tăng thêm sức sống cho hình ảnh, cách gieo vần linh hoạt, cách cấu tạo truyền thống kết hợp những câu thơ bốn chữ với hai câu lục bát cuối cùng... Qua nỗi thương nhớ và niềm lo âu được diễn tả trong bài ca, ta nhận ra tiếng hát yêu thương và khao khát yêu thương của người phụ nữ xưa. Một hình ảnh nữ giới trong tình yêu say đắm, đầy đủ cung bậc.

Hoặc cô gái trong bài ca dao hai hước số 1:

- Cưới nàng, anh toan dẫn voi,
Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.
Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,
Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.
Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.

- Chàng dẫn thế em lấy làm sang,
Nỡ nào em lại phá ngang như là…
Người ta thách lợn thách gà,
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:
Củ to thì để mời làng,

Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.
Bao nhiêu củ mẻ, chàng ơi!
Để cho con trẻ ăn chơi *giữ nhà;*
Bao nhiêu củ rim, củ hà,
Để chò con lợn, con gà nó ăn...[18]

Đây là lời đáp của cô gái hiểu biết, hiểu "hoàn cảnh" của nhà em và nhà anh… cũng giống nhau thôi. Và như thế đám cưới chỉ cần một "nhà khoai lang" là cũng quá đủ rồi.

Một cô gái người nông dân đã mang cái nghèo của chính mình ra để mà đùa vui. Tiếng cời ấy hướng vào chính họ nhưng cũng là để cho họ quên đi cảnh khổ mà lạc quan yêu đời và ham sống hơn. Một cô gái ý nhị, khéo léo, hiểu lẽ đời.

Những bài ca dao ngợi ca người phụ nữ với nhiều phẩm chất tốt đẹp như thế là tiếng nói bình quyền từ rất sớm trong xã hội Việt Nam.

5. Kết luận:

Như vậy, giáo dục giá trị sống cho học sinh qua các tác phẩm văn học dân gian lớp 10 THPT là một quá trình. Người giáo viên phải hiểu bên cạnh những giá trị truyền thống tốt đẹp như tinh thần lạc quan và nhân đạo, văn học dân gian còn là kho lưu giữ văn hóa cần bảo tồn và đặc biệt những giá trị hiện đại về bình đẳng giới rất cần nhấn mạnh. Giáo dục giá trị cho học sinh từ các tác phẩm văn học không phải là vấn đề mới mẻ. Ở Hàn Quốc hay Nhật Bản, các nhà giáo dục đã đề cập đến vấn đề này một cách bài bản, hệ thống. Thiết nghĩ, chúng ta cần nhìn nhận giáo dục giá trị trong cái nhìn toàn cầu và có những bước thiết kế giáo dục giá trị liên môn. Đối với môn Ngữ văn, bắt đầu giáo dục giá trị từ Văn học dân gian chính là giải pháp tự nhiên và hấp dẫn, lôi cuốn học sinh nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục, Khoa học và Đào tạo 2005, Khung quốc gia về giáo dục giá trị ở các trường Úc, Khối thịnh vượng chung Úc, Canberra.

2. Công ước về Xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (The Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination Against Women), Nxb.Phụ nữ , Hà Nội, 2004.

3. De Nobile, J 2006, *"Giáo dục giá trị và sư phạm chất lượng: kinh nghiệm của Merrylands"*, bài trình bày tại Diễn đàn Giáo dục Học thuật NSW, Sydney, ngày 21 tháng 11.

4. Dovre, PJ 2007, '*Từ Aristotle đến Angelou: thực hành tốt nhất trong giáo dục nhân vật', Education Next*, Spring 2007, 38–45.

5. Hamston, J et al. 2010, Đưa ra tiếng nói về tác động của giáo dục giá trị: Báo cáo cuối cùng của dự án Giá trị trong các trường hành động, Dịch vụ Giáo dục Úc, Carlton South.

6. Lê Thúy Hằng (2006) khác biệt giới trong dự định đầu tư của bố mẹ cho việc học của con cái, Tạp chí Xã hội học – số 2 .

7. Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, *xã hội học về giới và phát triển*, Nxb ĐHQG HN.

8. Đỗ Hồng Kì, *Phương thức tự sự chủ yếu của sử thi Đam San*, Tự sự học…, Sđd, tr.221-222).

9. Đinh Gia Khánh (chủ biên) (1998), *Văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

10. Knight, GR 1998, Triết học & Giáo dục: *Giới thiệu về quan điểm Kitô giáo*, Nhà xuất bản Đại học Andrews, Berrien Springs, Michigan.

11. Nguyễn Xuân Kính (2004), *Thi pháp ca dao,* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Nguyễn Xuân Lạc (1998), *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

13. Lovat, T và cộng sự. 2011, *'Giáo dục sư phạm giá trị và giáo dục giáo viên*: Nếu bạn xây dựng nó, họ sẽ đến: Một chương trình can thiệp trốn học thành công ở một trường trung học nhỏ', Giáo dục Đô thị, 47 (1), 144–169.

14. MCCEETYA 2008, Tuyên bố Melbourne về mục tiêu giáo dục cho thanh niên Úc, được truy xuất từ.

http://www.mceecdya.edu.au/verve/_resources/National_Declaration_on_the_Educational_Goalsfor_Young_Australians.pdf.

15. Bùi Mạnh Nhị (chủ biên), (1998), *Văn học dân gian Việt Nam, những công trình nghiên cứu,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

16. Võ Quang Nhơn (1997), *Sử thi anh hùng Tây Nguyên*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

17. Nguyễn Thị Kim Ngân (2018) – *Cấp bách giáo dục giá trị cho học sinh*- Báo Thanh niên, số 325, 21/11/2018.

18. Ngữ văn 10 – Tập 1- NXB Giáo dục- 2018

19. Lê Thị Quý (2010), *Giáo trình Xã hội học Giới, Nxb.Giáo dục Việt Nam,* Hà Nội. Phạm Thu Yến (1998), *Thế giới nghệ thuật ca dao*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

20. Refshauge, A 2004, *Các giá trị trong các Trường Công lập NSW*, Bộ Giáo dục và Đào tạo NSW, Sydney.

21. Robb, B 2008, *"Giáo dục giá trị - Nó là gì?*", Trung tâm giảm bớt các vấn đề xã hội thông qua giáo dục giá trị (CAVE), có sẵn tại www.valueseducation.co.uk

22. Hoàng Tiến Tựu (1997), *Mấy vấn đề về phương pháp giảng dạy và nghiên cứu văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

23. *UNIFEM, CEDAW và pháp luật, Nghiên cứu rà soát văn bản pháp luật Việt Nam trên cơ sở quyền và giới qua lăng kính CEDAW*, Hà Nội, 2009.

24. Kiều Văn (2009), *Tình yêu trong ca dao - tục ngữ - dân ca*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.

GIÁ TRỊ CỦA SỰ SỐNG - NHƯ MỘT YÊU CẦU CỦA GIÁO DỤC GIÁ TRỊ

ThS. Đỗ Anh Tuấn*

Lâu nay, khi đề cập tới các giá trị, người ta thường gắn với những phạm trù khác nhau. Nhưng có lẽ để hiểu giá trị gắn với sự sống – sống sót qua những thử thách nguy hiểm của cuộc đời, vượt qua các biến cố về tai nạn, bị xâm hại, thậm chí là tự làm tổn thương mình thì còn ít người đề cập đến.

Với góc nhìn của người làm công tác cứu nạn, cứu hộ lại khát khao cống hiến những kinh nghiệm quý giá cho giáo dục, đưa ra những những hiện tượng có thật trong xã hội, chúng tôi muốn đưa ra những trãi nghiệm có thật, một góc nhìn thực tế, cho các em học sinh biết và áp dụng.

Trong xã hội hiện nay, nhiều biến cố đang xảy ra khiến công tác cứu hộ, cứu nạn trở thành vô cùng cấp bách. Theo thống kê có đến xảy ra trong một năm. Con số này là rất báo động. Nhưng dường như nó đang đứng ngoài học đường, học sinh cũng như thầy cô không có dịp để tiếp cận các kỹ năng này, cũng như không truyền dạy cho các em một cách khẩn trương trong trường học. Vì sao vậy? Vì tai nạn không xảy ra ở học đường? Không phải như vậy. Thậm chí tai nạn ở học đường là rất nhiều nhưng hệ thống chương trình của chúng ta hiện nay chưa cho phép thầy cô bỏ ra các tiết học để truyền dạy cho các em các kỹ năng sống sót qua tai nạn một cách bài bản. Chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự thật xem, bao nhiêu người đang bảo vệ sự an toàn và tính mạng cho những

* Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ

đứa con thân yêu của mình bằng những chiếc mũ bảo hiểm không đạt chuẩn hay thậm chí là kém chất lượng. Có bao nhiêu người đến một chiếc mình bình cứu hỏa trong gia đình cũng không có hoặc nếu có thì cũng chỉ là những thứ rẻ tiền kém hiệu quả khi sử dụng. Hoặc chỉ một vài chiếc mặt trùm phòng độc để đề phòng khi hỏa hoạn xảy ra có khói khí độc. Hay có bao nhiêu người sẵn sàng dành hàng vài chục triệu đồng cho một cuộc ăn nhậu, trong khi đó lại tiếc rẻ hoặc xót xa khi đầu tư cho con những trải nghiệm thực tế để trang bị những kỹ năng an toàn…Có lẽ còn nhiều lắm sự chủ quan, sự vô tư khi cuộc sống bình dị hằng ngày vẫn trôi qua, và để rồi khi những sự không may xảy đến, họ lại đau đớn, vật vã và tiếc thương vì sự bàn quan vô cảm ấy. Thời gian sẽ chẳng bao giờ quay trở lại để bạn được lựa chọn khác đi, nhưng thực tại bạn có quyền suy nghĩ khác, hành động khác để có những kết quả khác tích cực hơn.

Hãy để những người bạn yêu thương được AN TOÀN từ TRÁCH NHIỆM và TÌNH YÊU THƯƠNG CHÂN THÀNH.

Tình yêu thương là điều chúng ta thật khó đem ra để cân đong đo đếm, đôi khi lại thật khó hiểu và tiếp nhận nhất là khi tình yêu thương được thể hiện thông qua sự tận tụy. Nhưng sự trách nhiệm và tận tụy của bạn sẽ làm cho cuộc sống của bạn ngày một an toàn dần lên. Từ những việc nhỏ nhất như khi bạn dạy con cách kỷ luật bản thân trong cuộc sống. Đó là việc giúp con rèn luyện những thói quen tốt một cách tích cực như gọn gàng ngăn nắp và trân trọng những gì cha mẹ dành cho. Bạn sẽ thấy được sự an toàn khi bạn ngăn nắp khi sự cố xảy ra và bạn cần thoát hiểm thoát nạn. Nếu bạn sống ở nơi bừa bộn, ngổn ngang đồ đạc thì rất có thể bạn đã che lấp luôn cả lối thoát nạn cho chính mình và người thân. Đôi khi chỉ là sự quy định để chìa khóa cửa đúng quy định cũng có thể giúp bạn thoát nạn dễ dàng. Tình yêu thương đôi khi chỉ là sự lắng nghe, biết chia sẻ và cam kết với nhau trong cuộc sống. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, mọi thứ xung quanh ta được thu gọn lại qua một chiếc điện thoại thông minh nhỏ bé. Nhưng chính điều đó làm chúng ta quên đi sự lắng nghe, sự giao tiếp một cách trực tiếp để cảm nhận những tình yêu thương thực sự. Thực tế cho chúng ta thấy, trong hoạn nạn khó khăn, đôi khi

chúng ta cần có nhau để được động viên, để đượcc sẻ chia và thậm chí là cùng nhau lên tinh thần để cùng vượt qua trở ngại tâm lý. Hoặc sau những giờ phút sinh tử, sau những mất mát, chúng ta cần có những người xung quanh yêu thương và giúp đỡ. Không có gì quý bằng lúc đó có tấm chân tình và sự sẻ chia chân thành để xoa dịu bớt những nỗi đau, những mất mát. Và có một điều quan trọng, nếu bạn có trách nhiệm và có một trái tim đầy tình yêu thương ấm áp, hãy bắt đầu ngay việc lan tỏa tình yêu thương đó đến những người thân yêu gần gũi nhất xung quanh bạn. Hãy bắt đầu từ những hành động nhỏ thiết thực để bảo vệ họ ví dụ như việc trang bị cho cả gia đình những kỹ năng an toàn, những kỹ năng thoát nạn thoát hiểm và tự bảo vệ mình. Bạn hãy dành nhiều thời gian hơn cho họ để lắng nghe, để hiểu hơn về "Ngôn ngữ yêu thương" mà những người bạn yêu thương đang sở hữu. Và quan trọng hơn, đó là lan tỏa tình yêu thương đó ra toàn xã hội, ra cộng đồng bằng ý thức trách nhiệm chung với cuộc sống, với sự an toàn của cả cộng đồng. Trách nhiệm đối với nơi bạn làm việc để nâng cao ý thức bảo vệ sự an toàn chung cho mọi người làm việc xung quanh bạn. Trách nhiệm khi bạn tham gia một hoạt động của cộng đồng để chung tay góp phần giảm thiểu những sự đe dọa mất an toàn. Hãy thể hiện trách nhiệm của mình nếu chẳng may bạn rơi vào những tình huống khẩn cấp bằng việc chia sẻ những kiến thức mà bạn biết cho những người ở cùng bạn thời điểm đó, động viên tinh thần và giúp họ bình tĩnh để cùng nhau vượt qua thời khắc khó khăn hoạn nạn.

Và còn rất nhiều điều nữa xuất phát từ con tim, từ tình yêu thương thực sự mà rất cần bạn thể hiện và lan tỏa. Nếu mỗi người trong xã hội của chúng ta ai cũng đều sẻ chia một phần nhỏ tình yêu thương và tinh thần trách nhiệm ấy để dành cho những cái chung thì chắc chắn sự an toàn sẽ có ở khắp muôn nơi và trở thành lá chắn vững chắc bảo vệ cuộc sống bình yên cho toàn xã hội.

Hãy sống có Trách nhiệm và thể hiện tình yêu thương trong mọi hành động để sự an toàn luôn hiện hữu và bảo vệ cuộc sống của chúng ta, đó cũng chính là giá trị của sự sống - một yêu cầu giáo dục giá trị trong nhà trường.

Đ.A.T

GIÁ TRỊ TRUNG ĐẠI TRONG GIÁO DỤC HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thị Diễm Kiều*

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo* đã xác định rõ: "Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học".

Để phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học, giáo dục giá trị có vị trí quan trọng trong nhà trường hiện nay. Tuy nhiên, chương trình và sách giáo khoa (SGK) mới nhấn mạnh hướng tiếp cận năng lực, dễ dẫn đến cách hiểu không đúng là coi nhẹ hướng tiếp cận giá trị. Khẳng định hướng tiếp cận giá trị là một cách trả lời rằng giữa giáo dục định hướng năng lực (giáo dục mới) và giáo dục nhân văn (giáo dục truyền thống) không có gì mâu thuẫn với nhau và cần được đặt trong mối tương quan hài hòa.

Những giá trị thời trung đại: văn hóa, tư tưởng, đạo đức, thẩm mĩ… vẫn có ý nghĩa to lớn trong giáo dục hiện đại, góp phần xây dựng phát trển con người mới hướng tới các giá trị Chân Thiện Mĩ, con người "yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả" (Nghị quyết số 29 - NQ/TW).

Những giá trị trung đại vận dụng trong giáo dục hiện đại được nhìn từ các mối quan hệ: con người với xã hội, với gia đình, với

* Trường Đại học Trà Vinh

bản thân, con người với tự nhiên, thể thể hiện trong nhiều lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật khác nhau: triết học, mĩ học, giáo dục học, văn học…

Bài nghiên cứu này đi sâu vào vấn đề giáo dục giá trị sống cho học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT) về mối quan hệ con người với cộng đồng (tinh thần vì cộng đồng, vì sự nghiệp chung), tinh thần vị tha, qua dạy học văn học trung đại (VHTĐ) Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí thuyết và thực tiễn của việc giáo dục giá trị sống với tinh thần vì cộng đồng, tinh thần vị tha

2.1.1. Cơ sở lí thuyết

Việc giáo dục giá trị sống với tinh thần vì cộng đồng, tinh thần vị tha qua dạy học VHTĐ Việt Nam được triển khai trên hai cơ sở lí thuyết cơ bản: quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại và đặc điểm của VHTĐ Việt Nam.

2.1.1.1. Quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại

Quan niệm thẩm mĩ về con người có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc xây dựng mẫu hình con người lí tưởng, từ đó giáo dục những phẩm chất, những năng lực cho con người. Bên cạnh quan niệm về con người với vẻ đẹp chung, bền vững qua thời gian, không gian, mỗi dân tộc, mỗi thời đại lại có những quan niệm thẩm mĩ về con người mang tính đặc thù. Quan niệm này vừa chi phối việc xây dựng mẫu hình con người lí tưởng, vừa được hiện thực hóa trong thực tiễn.

Nét nổi bật đầu tiên trong quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại là *con người ra nhập cái chung, ra nhập cộng đồng*, cái chung biểu hiện qua cá nhân nên cá nhân phải mang tính đại diện cho cộng đồng. "Con người trong xã hội phong kiến là một nhân cách đẳng cấp. Nó đi tìm sự tích hợp (integration) vào tập đoàn của nó, nó tiếp nhận những khuôn mẫu, những lí tưởng và giá trị, những kĩ năng tư duy, những hình thức, hành vi và chủ nghĩa tượng trưng của hình thức này là những nét có tính chất tiêu biểu cho tập đoàn"[1]. Khác với con người thời hiện đại, cái riêng

1 . A.JA. Gurevich. *Các phạm trù văn hóa trung cổ*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1996, Tr 324.

tách khỏi cái chung, cá nhân khẳng định cá tính riêng của mình trước cộng đồng, với con người thời trung đại thì "Không phải tính độc đáo, không phải sự khác biệt với người khác mà ngược lại, việc gia nhập ở mức tối đa vào tập đoàn xã hội… mới là phẩm giá xã hội mà người ta yêu cầu ở mỗi cá nhân", "cá nhân đối với họ trước hết là những người mang những phẩm chất nhất định: tự hào, dũng cảm, cao thượng hoặc hèn nhát, đê tiện, độc ác. Trong những truyện lịch sử không có những cá nhân cụ thể, chỉ có những giá trị đạo đức được nhân cách hóa"[1]. Cá nhân là sự hội tụ điều tốt và cả điều chưa tốt của cả cộng đồng. Do vậy, vấn đề danh, tội của cá nhân không chỉ một mình cá nhân được hưởng hay gánh chịu mà là cả cộng đồng cùng được hưởng hoặc cùng phải chịu.

Cũng từ đặc điểm đầu tiên nêu trên, dẫn đến đặc điểm thứ hai trong quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại: *con người đẹp là con người biết hi sinh vì cộng đồng*. Một cá nhân tốt là biểu hiện đức tốt của cả cộng đồng, ngược lại, một cá nhân xấu là biểu hiện kém đức của cả cộng đồng. Sự đối lập với cộng đồng, làm tổn hại tới cộng đồng là tội lỗi khó có thể tha thứ. Vì vậy con người trung đại là con người luôn hi sinh, phấn đấu cho cộng đồng. Con người khắc chế bản thân mình, "sát thân thành nhân" không chỉ để lưu danh thơm cá nhân mà còn mang danh thơm đến cho cả cộng đồng để "cùng trời đất muôn đời bất hủ".

Đặc điểm thứ ba trong quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại là *con người trọng đức hơn trọng tài*. Đặc điểm này có nguyên nhân sâu xa từ quan niệm đức trị, từ quan niệm về kẻ sĩ quân tử khiêm tốn mà không kiêu căng. Người cầm quyền lấy đức làm gốc, lấy đức để cảm hóa, để giáo hóa dân, triều chính sẽ vững bền, xã hội sẽ thái bình, thịnh trị. Đối với kẻ sĩ quân tử, cần có cả đức, tài, nhưng do quan niệm "Người quân tử an vui mà không kiêu căng" (Khổng Tử) nên việc nói đến tài năng, thị tài (cậy vào tài năng) dễ bị xem là kiêu căng, không khiêm tốn. Kẻ sĩ quân tử nếu cả đức, tài đều trọn vẹn, lại "biết làm" để phát huy đức hạnh, tài năng trong công việc thì đạt tới vẻ đẹp lí tưởng. Tuy nhiên, nếu không hoàn hảo cả đức, cả tài, cần có sự lựa chọn thì vẫn đề cao

1. A.JA. Gurevich. *Các phạm trù văn hóa trung cổ*. Sđd, Tr 326.

đức: *Tài đức thì cho lại có nhân / Tài thì kém đức một vài phân* (Nguyễn Trãi). Một người như Nguyễn Trãi, rất tin vào tài năng của mình, tin vào tài năng sẽ được trọng dụng "*Đống lương tài có mấy bằng mày", "Tài đống lương cao ắt cả dùng*" (*Tùng*), một mặt khẳng định được xem là người có nhân phải gồm đủ cả tài, đức, nhưng nếu không được thế thì tài có thể kém đức đôi phần. Đại thi hào Nguyễn Du cũng từng đề cao chữ Tâm - một biểu hiện của đức: "*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*" (*Truyện Kiều*). Chính vì đề cao đức hơn tài, nên vẻ đẹp con người thời trung đại trước hết là vẻ đẹp về phẩm chất, vẻ đẹp nhân cách. Một trong những nhân cách được đề cao là biết quên mình vì sự nghiệp chung, vị tha vì người khác.

Những quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại như trên đã tác động lớn tới việc xây dựng, thực thi mẫu hình lí tưởng về con người, ảnh hưởng lớn tới giáo dục, tới văn chương thời trung đại.

2.1.1.2. Đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam

Đặc điểm nổi bật của VHTĐ Việt Nam là *"Thi dĩ ngôn chí" (thơ để nói chí), "Văn dĩ tải đạo" (Văn để chở đạo)*.

Đạo trở thành mục đích, nội dung của văn chương: "Văn là để chở đạo, cũng như xe để chở vật, bánh và cần xe được trang hoàng mà không dùng đến, đó là trang hoàng phí công, huống chi là xe không" (Chu Đôn Di, *Thông thư: Văn từ*). Nguyễn Đình Chiểu cũng từng khẳng định văn chương có chức năng "đâm gian" và "chở đạo": *Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm / Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*. Tất nhiên, "Đạo" mà thầy Đồ Chiểu nói tới bao gồm cả nội dung Nho giáo (tam cương, ngũ thường, tứ đức, nhân nghĩa, thân dân…) và nội dung dân tộc (đạo lí dân tộc, tư tưởng của nhân dân…).

Bên cạnh quan điểm "Văn dĩ tải đạo" là quan điểm "Thi dĩ ngôn chí". Thiên *Thuấn Điển* trong sách *Thượng thư* có đoạn chép: *Thi ngôn chí, ca vịnh ngôn* (Thơ dùng để nói chí, ca dùng để ngân dài lời thơ). Sách *Lễ ký* chương *Nhạc ký* có câu: *Thi, ngôn kỳ chí dã* (Thơ, lời để nói chí vậy).

Một trong những hệ quả của quan điểm "Thi dĩ ngôn chí",

"Văn dĩ tải đạo" là *đề cao mục đích, nội dung giáo huấn của văn chương*. Đây cũng là một đặc điểm lớn của văn học trung đại. Sáng tác trong bầu khí quyển đậm chất giáo huấn, nêu gương, *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có hẳn một mục *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu răn mình) với sáu ba bài thơ. *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bỉnh Khiêm có những bài thơ thể hiện rõ mục đích, nội dung khuyên răn: *Tử sự phụ mẫu* (Con thờ cha mẹ), *Khuyến phu đãi thê* (Khuyên chồng đối với vợ), *Khuyến huynh đệ vật cạnh tranh* (Khuyên anh em chớ tranh giành lẫn nhau), *Khuyến đãi bằng hữu* (Khuyên đối xử với bầu bạn) v.v… VHTĐ Việt Nam giáo huấn, khuyên răn con người bằng những châm ngôn và bằng việc nêu những tấm gương.

Với những đặc điểm trong quan niệm thẩm mĩ về con người thời trung đại, đặc điểm của VHTĐ Việt Nam như đã phân tích ở trên, VHTĐ Việt Nam có thế mạnh và rất thuận lợi đối với việc giáo dục nhân cách, bồi dưỡng phẩm chất của con người, nhất là giáo dục tinh thần vì cộng đồng, tinh thần vị tha.

2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của việc giáo dục giá trị sống với tinh thần vì cộng đồng, tinh thần vị tha qua dạy học VHTĐ Việt Nam bắt nguồn từ thực tiễn xã hội và thực tiễn sư phạm.

Về thực tiễn xã hội, rất nhiều người trong chúng ta đều nhận ra và hết sức quan ngại trước tình trạng "xuống cấp" đạo đức, đặc biệt là ở giới trẻ hiện nay. Trong tình trạng "xuống cấp" chung ấy thì tinh thần vì cộng đồng, vì sự nghiệp chung, tinh thần vị tha vì người khác có những biểu hiện sa sút. Xã hội tiêu dùng, việc đề cao thái quá những giá trị vật chất, tư tưởng thực dụng v.v… dẫn con người đi tìm hạnh phúc trong sự vun vén cho bản thân mình. Đối với công việc chung, câu tục ngữ "cha chung không ai khóc" là thực tế ta thường gặp trong đời sống. Đối với người khác, câu tục ngữ "cháy nhà hàng xóm bình chân như vại" là hiện trạng không đến mức quá hiếm hoi trong xã hội.

Về thực tiễn sư phạm, vấn đề giáo dục giá trị qua dạy học môn Ngữ văn, đặc biệt qua dạy học phần văn học trung đại ở nhà trường phổ thông hiện nay còn nhiều khó khăn, bất cập. Việc

xác định những nội dung giáo dục giá trị từ các tác phẩm, những phương pháp giáo dục giá trị qua dạy học văn học chưa được xác định đúng, chưa đem lại hiệu quả. Dự thảo *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (tháng 8 năm 2018), xác định rõ *Mục tiêu chung*: "Hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất tốt đẹp: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và phát triển cá tính. Môn ngữ văn giúp học sinh khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn…". Tuy nhiên khi triển khai dạy học cụ thể, để đạt được mục tiêu đó qua từng bài, từng lớp, từng cấp, từng giai đoạn… lại là sự nan giải đối với cả thầy và trò.

Trong bối cảnh thực tiễn xã hội và thực tiễn sư phạm như đã nêu, vấn đề giáo dục giá trị trong nhà trường, giáo dục giá trị trung đại trong giáo dục hiện đại càng trở nên cấp thiết.

2.2. Những nội dung giáo dục giá trị qua dạy học văn học trung đại

2.2.1. Tinh thần vì cộng đồng

Giáo dục tinh thần vì cộng đồng như một giá trị sống cho HS qua dạy học VHTĐ Việt Nam, có thể tập trung vào một số nội dung thể hiện trong các tác phẩm, tác giả VHTĐ Việt Nam.

Tinh thần vì cộng đồng thể hiện qua lí tưởng lập công danh trong sự kết hợp danh cá nhân và "danh gì với núi sông". Lập công danh đã trở thành lí tưởng sống của trang nam nhi thời trung đại. Bài *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão) thể hiện "nỗi lòng" với cái *chí*, cái *tâm* của người tráng sĩ: "*Công danh nam tử còn vương nợ / Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu*". Kẻ làm trai mang món nợ công danh khi chưa lập công cho đất nước, chưa để lại danh tiếng cho đời. Trả được nợ công danh cũng có nghĩa là đã hoàn thành trách nhiệm đối với đời, với dân, với nước. Chí làm trai ở bài *Thuật hoài* có tác dụng cổ vũ con người từ bỏ lối sống tầm thường, ích kỉ, sẵn sàng hi sinh chiến đấu cho sự nghiệp chung lớn lao - sự nghiệp cứu nước, cứu dân để "lưu danh sử sách".

Bài *Đi thi tự vịnh* của Nguyễn Công Trứ cũng nói đến "nợ", đến "danh". Đó là "nợ cầm thư" là "danh với núi sông". Nợ "cầm

thư" là nợ nghiên bút, phải trả bằng đỗ đạt. Đỗ đạt với những người như Nguyễn Công Trứ, đâu phải là để "vinh thân, phì gia" (vinh hiển cho bản thân, giàu có cho gia đình) mà là để khẳng định tài năng của mình và từ việc đỗ đạt, con đường lập công danh, sự nghiệp sẽ mở ra. Tuy nhiên, cái "danh" mà Uy Viễn tướng công nói tới là danh với non sông đất nước: "*Đã mang tiếng ở trong trời đất / Phải có danh gì với núi sông*". Nếu chỉ bằng danh vọng cá nhân thì làm sao có thể lưu tên vào sông núi. Con người mang khát vọng "*có danh gì với núi sông*" là con người muốn làm nên công trạng có ích cho cộng đồng, cho đất nước. Và quả thật những việc Nguyễn Công Trứ làm cho dân nước, cho dân, đặc biệt việc ông cùng người dân lấn biển lập nên vùng đất Tiền Hải (Thái Bình), Kim Sơn (Ninh Bình) đã lưu danh Uy Viễn tướng công trường tồn cùng sông núi. Đến với bài *Đi thi tự vịnh*, người đi học thời nay có thêm quyết tâm, hoài bão lập danh, lập nghiệp ích nước, lợi dân bằng con đường chinh phục những đỉnh cao tri thức.

Nhiều tác phẩm văn học trung đại giáo dục con người *nêu cao trách nhiệm với cộng đồng, hi sinh phấn đấu vì cộng đồng*. Bài *Hịch tướng sĩ* (*Dụ chư tì tướng hịch văn*) của Trần Quốc Tuấn nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược và quyết chiến, quyết thắng kẻ thù trong chính mình, vì sự nghiệp chung của dân tộc. Những người có tư tưởng bàng quan, thờ ơ với sự nghiệp chung, đọc bài *Hịch* của Hưng Đạo đại vương sẽ không khỏi hổ thẹn khi chỉ nghĩ đến sự hưởng lạc, quyền lợi của cá nhân mà không quan tâm tới vận mệnh chung của dân tộc. Sự bàng quan của họ đâu chỉ là sự thờ ơ nông cạn mà còn là sự vong ân bội nghĩa; sự ham chơi hưởng lạc cá nhân đâu chỉ là vấn đề nhân cách mà còn là sự vô trách nhiệm khi đất nước nghìn cân treo sợi tóc. Bài *Hịch tướng sĩ* đã nêu rõ mối quan hệ giữa riêng và chung, giữa cá nhân và cộng đồng dân tộc. Nếu chỉ vì cá nhân mà vui chọi gà, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát thì thái ấp bổng lộc không còn, gia quyến, vợ con khốn cùng, tổ tông bị giày xéo, thanh danh bị ô nhục… Còn nếu vì sự nghiệp chung của đất nước mà chăm lo "tập dượt cung tên, khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ" thì thái ấp mãi mãi vững bền, bổng lộc đời đời hưởng thụ, vợ con bách niên giai lão, trăm

năm về sau tiếng vẫn lưu truyền, tên họ cùng sử sách lưu thơm… Giáo dục tinh thần vì cộng đồng, vì đất nước qua *Hịch tướng sĩ* là chuyển đi thông điệp: hi sinh, phấn đấu vì sự nghiệp chung cũng là phấn đấu cho chính mình, vì quyền lợi của chính bản thân mình.

Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu là bức tượng đài bi tráng và bất tử về những người nông dân nghĩa sĩ - những người "anh hùng áo vải" đã hi sinh vì sự nghiệp chung của nhân dân, đất nước. Ở phần kết của bài văn tế, tác giả khẳng định sự hi sinh cao đẹp và ngợi ca linh hồn bất tử của những con người bỏ mình vì nước: "*Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ*". Chết cao đẹp là sống vĩnh hằng. Bài văn tế khóc người đã mất mà nêu gương sáng về bài học nhân sinh cho những người đang sống: "Chết vinh hơn sống nhục".

Giáo dục tinh thần vì cộng đồng qua dạy học VHTĐ Việt Nam còn là giáo dục *lí tưởng vì nước, vì dân* mà biểu hiện kết tinh nhất là thơ văn Nguyễn Trãi. Ức Trai là con người của hành động, cháy hết mình cho lí tưởng. Lí tưởng ấy lúc nào cũng thiết tha, mãnh liệt như "nước triều đông" đêm ngày cuồn cuộn chảy: "*Bui một tấc lòng ưu ái cũ / Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông*". Lòng "ưu ái" là lòng lo nước thương dân, nhiều khi trở thành ngọn lửa rực sáng trong trái tim nhà thơ: "*Một tấm lòng son ngời lửa luyện*". Nguyễn Trãi như cây tùng trải qua những tháng ngày đông giá rét, bền vững trước gió bão, để có hổ phách, phục linh là những vị thuốc quý như thần dược "*Dành còn để trợ dân này*". Bài *Cảnh ngày hè* (*Bảo kính cảnh giới* số 43) là bài thơ tả cảnh, tả tình mùa hè, nhưng kết lại là ước nguyện: "*Dân giàu đủ, khắp đòi phương*". Câu thơ sáu chữ ngắn gọn, dồn nén ý tình của toàn bài. Điểm kết tụ của hồn thơ Ức Trai, cuối cùng không phải ở thiên nhiên, tạo vật mà là ở con người, ở người dân. Tư tưởng thân dân với *thương dân, trọng dân, ơn dân* của Nguyễn Trãi là những giá trị sống cao đẹp, rất cần và cũng rất khả thi trong việc giáo dục lớp trẻ hiện nay.

2.2.2. Tinh thần vị tha

Giáo dục giá trị sống với tinh thần vị tha là giáo dục con người biết sống vì người khác.

Tinh thần vị tha ở VHTĐ Việt Nam thể hiện trong *quan hệ gia*

đình và cả trong *quan hệ xã hội*. Có thể thấy điều này qua những kiệt tác mang giá trị kết tinh chủ nghĩa nhân đạo như *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, Truyện *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.

Trong quan hệ gia đình, tinh thần vị tha bộc lộ ở tấm lòng "đền ơn sinh thành" của Thúy Kiều và tấm lòng "xót tình máu mủ" của Thúy Vân trong *Truyện Kiều*. Gia đình mắc nạn oan khốc, trong lúc "*Gặp cơn tai biến bất kì / Hiếu tình khôn lẽ đôi bề vẹn hai*", Thúy Kiều đã dứt khoát: "*Để lời thệ hải minh sơn / Làm con trước phải đền ơn sinh thành*". Nàng đã gác lại mối tình riêng với Kim Trọng, mặc dù mối tình đó vừa chớm nở nhưng đang độ đẹp như trăng rằm. Kiều quyết định bán mình để cứu cha và em, cứu cả gia đình trong cơn nguy biến: "*Quyết tình nàng mới hạ tình / Dẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha*". Trong hoàn cảnh đáng thương nhất, Thúy Kiều không nghĩ đến bản thân mà nàng nghĩ đến Kim Trọng để rồi nàng nhờ Vân thay mình trả nghĩa cho chàng Kim. Thúy Vân nhận lời chị, trong hoàn cảnh éo le, trong tâm trạng không kém phần bi kịch: "*Lấy người yêu chị làm chồng / Đời em thề thắt một vòng oan khiên*" (*Tâm sự nàng Thúy Vân* - Trương Nam Hương). Thúy Vân đến với Kim Trọng là vì Kiều, vì thương chị: "*Tiết trinh thương chị đánh lừa con tim*" (*Tâm sự nàng Thúy Vân*). Sự "đánh lừa con tim" của chính mình ở Thúy Vân lại cho thấy người con gái phúc hậu này có một tấm lòng vị tha lớn lao, đáng quý trọng.

Trong quan hệ xã hội, tinh thần vị tha thể hiện qua tấm lòng "nặng vì tình" của Thúy Kiều đối với Kim Trọng, tấm lòng "vào sinh ra tử" của Kim Trọng đối với Thúy Kiều, tấm lòng "huống chi việc cũng việc nhà" của Từ Hải đối với Thúy Kiều.

Trong tình yêu, tấm lòng "nặng vì tình" của Thúy Kiều lại thể hiện một nhân cách sống cao đẹp hết lòng vì người khác. Nhiều đoạn trích *Truyện Kiều* được dạy học ở phổ thông đã thể hiện vẻ đẹp này, như các trích đoạn *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Lớp 8), *Nỗi thương mình* (Lớp 11). Khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích trong tâm trạng cô đơn, buồn nhớ, thương lo của người con gái "thui thủi quê người một thân", chính Kiều là người đáng thương nhất. Thế nhưng nàng đã quên cảnh ngộ của bản thân để nghĩ về Kim Trọng: "*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng / Tin sương luống*

những rày trông mai chờ", nghĩ về cha mẹ: "*Xót người tựa cửa hôm mai / Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*". Ở đoạn trích *Nỗi thương mình*, Thúy Kiều còn ở trong hoàn cảnh bi kịch đau đớn hơn: "tan tác như hoa giữa đường", "bướm chán ong chường". Ấy vậy mà nàng không chỉ "thương mình xót xa" mà còn nghĩ về cha mẹ, xót thương song thân tuổi già không có người chăm sóc, nàng nghĩ về Kim Trọng, không chỉ thương mà còn lo lắng cho chàng, không biết Vân đã trả nghĩa được hay chưa: "Hoa kia đã chắp cành này cho chưa". "Thúy Kiều là người tình thủy chung, người con hiếu thảo, người có tấm lòng vị tha đáng trọng. Nguyễn Du diễn tả bi kịch của Kiều đồng thời làm ngời lên vẻ đẹp nhân bản của con người"[1].

Cũng như Thúy Kiều, Kim Trọng không chỉ là một người tình lí tưởng mà còn là người có tấm lòng vị tha cao đẹp. Do cuộc sống của Thúy Kiều "hết nạn nọ đến nạn kia" mà ngọn triều nhớ thương Kim Trọng ở nàng có lúc tạm thời lắng xuống. Thế nhưng, ngọn triều thương nhớ của Kim Trọng đối với Thúy Kiều thì lúc nào cũng trào dâng. Chính vì vậy mà đêm ngày Kim Trọng luôn sống trong niềm thôi thúc, ước nguyện tìm bằng được Thúy Kiều, dù chàng phải "treo ấn từ quan", dù cho "*Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua*", dù phải "*Giấn mình trong áng can qua*", phải "vào sinh ra tử". Nghĩ về người, sống vì người, thiên tình sử Thúy Kiều - Kim Trọng với "người quốc sắc kẻ thiên tài" không chỉ làm ta đắm say mà còn làm ta biết yêu thương, trân trọng người mình yêu, biết sống cho tình yêu.

Mối tình "trai anh hùng gái thuyền quyên" giữa giữa Từ Hải và Thúy Kiều cũng làm ngời sáng lên tấm lòng vị tha cao đẹp. Tấm lòng vị tha của Từ Hải đã đưa Thúy Kiều từ "tấm thân bèo bọt" thành "người tri kỉ", "gái thuyền quyên" sánh với "trai anh hùng". Trong quan hệ với Từ Hải, Thúy Kiều luôn giữ một khoảng cách người trên - kẻ dưới, ân nhân - nạn nhân. Với Từ Hải, việc đưa Thúy Kiều từ thân phận thấp hèn "con ong cái kiến" lên địa vị cao sang của một phu nhân là chuyện dễ. Việc khó với Từ là xóa

1. Lã Nhâm Thìn, *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*. Nxb Giáo dục Việt Nam, 2009, Tr 266.

đi mặc cảm thân phận vốn có ở Kiều. Và, Từ Hải đã xóa đi được khoảng cách giữa mình với Thúy Kiều bằng tấm lòng đồng cảm, bằng tấm lòng vị tha chân thành. Nếu Kiều coi nguyện ước trở lại quê hương, gặp lại cha mẹ của mình là "chút riêng", "tấc riêng" thì với Từ Hải đó là việc chung của hai người, là việc nhà: "*Huống chi việc cũng việc nhà*". Nỗi đau của Kiều cũng là nỗi đau của Từ: "*Xót nàng còn chút song thân / Bấy nay kẻ Việt, người Tần cách xa*". Nguyện ước của Kiều cũng là nguyện ước của Từ: "*Bao giờ thấy mặt thì ta cam lòng*". Lại một lần nữa, qua mối tình Từ Hải - Thúy Kiều, "kì tài diệu bút" Nguyễn Du không chỉ làm ta đắm say hương vị nồng thắm của tình yêu mà còn làm ta biết yêu thương, trân trọng người mình yêu, biết sống cho tình yêu.

Tinh thần vị tha trong *Truyện Lục Vân Tiên* thể hiện qua hành động "Làm ơn há dễ trông người trả ơn" của Lục Vân Tiên đối với Kiều Nguyệt Nga. Hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga của Lục Vân Tiên, một mặt xuất phát từ lí tưởng anh hùng của trang nam nhi theo quan niệm Nho giáo: "*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi / Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*", mặt khác bắt nguồn từ tính cách nghĩa hiệp, chính trực của người dân Nam Bộ. Tuy nhiên điều đáng nói là tinh thần vị nghĩa ấy còn thể hiện một tinh thần vị tha. Bởi lẽ, sau khi dẹp tan bọn cướp, thấy hai cô gái còn chưa hết sợ hãi, Lục Vân Tiên đã tìm cách an ủi và ân cần hỏi han họ. Lúc nghe Kiều Nguyệt Nga nói muốn được lạy tạ ơn, Lục Vân Tiên đã gạt đi ngay, với ý nghĩ rất chân thành: "*Làm ơn há dễ trông người trả ơn*". Cử chỉ ấy, lời nói ấy thể hiện một tấm lòng nhân hậu, một tấm lòng vị tha đầy tình người.

Tinh thần vị tha trong VHTĐ Việt Nam là sự tiếp nối mạch nguồn văn học dân gian: "*Thương người như thể thương thân*", "*Lá lành đùm lá rách*", "*Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*" v.v… Tinh thần vị tha ấy được kế thừa trong văn học hiện đại: tình cảm, hành động của Đan Thiềm đối với Vũ Như Tô (kịch *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng), sự cưu mang của Tràng, của bà cụ Tứ đối với người vợ nhặt (truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân), hành động cứu A Phủ của Mị (truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài) v.v… Vì vậy, giáo dục giá trị sống với tinh thần vị tha qua dạy học VHTĐ Việt Nam là vừa tiếp nối truyền thống, vừa phát

huy trong hiện tại, vừa có ý nghĩa thời sự, vừa có tác dụng lâu dài.

2.3. Phương pháp giáo dục giá trị qua dạy học văn học trung đại Việt Nam

2.3.1. Giáo dục giá trị qua đọc hiểu văn bản theo chủ đề

Chủ đề là vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được tác giả nêu lên, đặt ra qua nội dung cụ thể của tác phẩm văn học. Chủ đề của tác phẩm nói lên chiều sâu tư tưởng, khả năng nắm bắt nhạy bén của nhà văn đối với những vấn đề của cuộc sống.

Đọc hiểu văn bản theo chủ đề là một cách thức đọc hiểu, trong đó, thay cho việc dạy học đọc hiểu đang được thực hiện theo từng bài/tiết trong SGK như hiện nay, căn cứ vào chương trình và SGK hiện hành, giáo viên (GV) lựa chọn văn bản có cùng nội dung để xây dựng các chủ đề dạy học phù hợp. Việc cấu trúc, sắp xếp lại nội dung dạy học của trong chương trình hiện hành theo từng chủ đề dạy học là việc rất cần thiết, cho phép GV chủ động lựa chọn nội dung bài học để xây dựng các chủ đề dạy học, tránh được sự chồng chéo, quá tải, trùng lặp hoặc tách biệt giữa các thành phần của nội dung bài học. Song song với mục tiêu bài học cần đạt, GV tổ chức các hoạt động học tập tích cực, tự lực, sáng tạo cho HS, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để xây dựng tiến trình dạy học nhằm phát triển năng lực và phẩm chất HS một cách toàn diện. Thông qua đọc hiểu văn bản theo chủ đề, HS tiếp cận với những kiến thức xung quanh vấn đề có liên quan đến nội dung bài học, giúp HS có thể vận dụng kiến thức học vào thực tiễn cuộc sống. Đồng thời, qua quá trình học tập, HS sẽ được hình thành các kĩ năng như kĩ năng thu thập và xử lí thông tin, kĩ năng so sánh, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng, đánh giá, … Đó cũng là những kĩ năng không thể thiếu cho sự thành công của mỗi con người ngày nay và ở bất kì lĩnh vực nào.

Qua nghiên cứu chương trình và thực tế giảng dạy VHTĐ Việt Nam ở trường THPT, chúng tôi đề xuất cách đọc văn bản theo chủ đề như sau:

+ Xác định chủ đề chính, trọng tâm

Căn cứ vào nội dung chương trình, SGK hiện hành, GV hệ thống lại những văn bản văn học có cùng nội dung vấn đề, được

dàn trải trên diện rộng và xuyên suốt cả giai đoạn văn học.

VHTĐ Việt Nam được học trong chương trình Ngữ văn THPT có rất nhiều chủ đề, trong đó, nổi bật hơn cả là *chủ đề đất nước*. Chủ đề đất nước biểu hiện rất phong phú: là cái tâm, cái chí của trang nam nhi trong bài *Thuật hoài* (Phạm Ngũ Lão), ý thức độc lập tự chủ, tự cường, tự hào dân tộc trong *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), Tự hào trước truyền thống lịch sử dân tộc trong *Phú sông Bạch Đằng* (Trương Hán Siêu), nỗi lòng bi tráng "quốc thù vị báo" trong bài *Cảm hoài* của Đặng Dung, lí tưởng vì dân trong bài *Cảnh ngày hè* của Nguyễn Trãi, ca ngợi sự hi sinh vì đất nước, chết vinh hơn sống nhục trong bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu*), tư tưởng canh tân đất nước trong *Xin lập khoa luật* (Nguyễn Trường Tộ), là bức tranh thiên nhiên đất nước trong *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến), *Hương Sơn phong cảnh ca* (Chu Mạnh Trinh),…

+ Thiết lập mạch chủ đề

Chủ đề đất nước bắt nguồn từ ý thức độc lập dân tộc. Ý thức độc lập dân tộc là biểu hiện cao cả nhất, thiêng liêng nhất của lòng yêu nước ở một đất nước phải bỏ ra một phần ba thời gian tiến hành các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Biểu hiện rõ nhất của ý thức độc lập dân tộc là sức mạnh của lòng yêu nước, của chân lí độc lập dân tộc trong *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi), là khát vọng cống hiến hết công sức của mình cho đất nước của người trai "Công danh nam tử còn vương nợ/ Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu" (*Thuật Hoài* - Phạm Ngũ Lão), là sự hi sinh vì nghĩa cả, cống hiến cả thân mình để làm nên sự trường tồn của đất nước (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* - Nguyễn Đình Chiểu)... Mạch chủ đề đất nước với con người mang tinh thần hi sinh vì cộng đồng còn được tiếp nối ở các tác phẩm văn học hiện đại như "Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh" trong bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, "Ôm đất nước những người áo vải/ Đã đứng lên thành những anh hùng" trong bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi, hay "Và ở đâu trong khắp ruộng đồng, gò bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha/ Ôi đất nước sau bốn ngàn năm đi dâu ta cũng thấy/ Những cuộc đời đã hóa núi sông ta" trong Chương *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm …

+ Phân tích làm nổi bật chủ đề

Ở bài thơ *Tỏ lòng*, Phạm Ngũ Lão "thẹn" vì chưa có được tài mưu lược lớn như Gia Cát Lượng đời Hán để giúp vua trừ giặc, cứu nước. Xưa nay, những người có nhân cách vẫn thường mang trong mình nỗi thẹn. Nguyễn Khuyến trong bài thơ "Thu vịnh" từng bày tỏ nỗi thẹn khi nghĩ đến Đào Tiềm – một danh sĩ cao khiết đời Tấn. Với Phạm Ngũ Lão, tuy là một nhà thao lược kiệt xuất, có công lao lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên lần hai, ba nhưng ông vẫn tự "thẹn". Ông thẹn vì chưa khôi phục được giang sơn, vì chưa được như Vũ hầu, chưa báo được Hoàng ân. Đó là cái thẹn của một con người có lý tưởng, hoài bão vừa lớn lao, vừa khiêm nhường. Nỗi thẹn của một con người luôn dành trọn cái tâm cho đất nước, cho cộng đồng. Ẩn sau cái thẹn là cả một nỗi niềm khao khát được cống hiến hơn nữa cho Tổ quốc, cho dân tộc để Tổ quốc Đại Việt được trường tồn bền vững: "Non sông nghìn thuở vững âu vàng".

Ở Đại cáo bình Ngô (Nguyễn Trãi), luận đề chính nghĩa được thể hiện qua hai nội dung cơ bản là tư tưởng nhân nghĩa và tư tưởng độc lập dân tộc. N*hân nghĩa* – một tư tưởng quen thuộc, nhắc tới cách hành xử tốt đẹp giữa người với người trong quan niệm đạo đức Nho gia. Từ lập trường *nhân nghĩa* ấy, tác giả đã xây dựng một cơ sở lí luận vững chắc, nêu lên được luận đề chính nghĩa ở ngay phần mở đầu của bài cáo. N*hân nghĩa* theo Ức Trai là *yên dân*, là làm cho nhân dân có cuộc sống yên ổn, hạnh phúc. Trong hoàn cảnh ngoại bang xâm lược, muốn "yên dân" đối với người dân mất nước thì phải lấy lại đất nước cho người dân, kẻ tàn bạo là giặc Minh xâm lược, vì vậy trừ bạo là chống xâm lược, đem lại thái bình cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân. Trên nền tảng lấy "dân làm gốc", tư tưởng *nhân nghĩa* của Nguyễn Trãi đã trở thành kim chỉ nam cho mọi hành động của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Biết dựa vào sức mạnh của dân là phương kế chính trị lớn, đem lại thắng lợi cho dân tộc ở mọi thời đại. Bởi vậy, *nhân nghĩa* trong *Đại cáo bình Ngô* trở thành một đạo lý dân tộc, một lí tưởng xã hội sáng ngời. Tiếp theo đó, bằng lối lập luận so sánh sắc bén, đa chiều, Nguyễn Trãi đã khẳng định những phương diện cốt lõi để định danh chủ quyền của mỗi quốc gia: *Văn hiến, núi sông bờ*

cõi, phong tục, lịch sử và *hào kiệt*. Không còn điều gì có thể tự hào hơn, không còn điều gì có thể thay đổi chân lý về nền độc lập dân tộc, về sự chính nghĩa trong công cuộc trường chinh bảo vệ đất nước của vua tôi nhà hậu Lê.

Ở Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc (Nguyễn Đình Chiểu), ý thức đất nước là một khối thống nhất đang bị xâm lược, phải tự mình nhận lấy sứ mệnh bảo vệ đất nước: *"Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó"*, là lòng căm thù giặc: *"Bữa thấy bòng bong che trắng lốp muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì , muốn ra cắn cổ"*, là tinh thần quyết chiến đấu để bảo vệ quê hương: *"Thà thác mà đặng câu địch khái, về theo tổ phụ cũng vinh, hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di rất khổ"* , là sự hi sinh vì nghĩa lớn, để lại tiếng thơm cho đời sau: *"Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ"*....

Như vậy, đọc hiểu văn bản theo chủ đề giúp HS có một cái nhìn hệ thống, tổng thể, toàn diện về các văn bản được học. Nội dung của các tác phẩm được học không còn là những nội dung riêng rẽ mà sẽ có sự gắn kết cùng hướng về một ý nghĩa chung lớn lao của xã hội, dân tộc, cộng đồng. Từ đó, việc đọc hiểu văn bản theo chủ đề như trên góp phần hình thành ở HS ý thức dân tộc, tinh thần cộng đồng, cũng là ý thức và trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

2.3.2. Giáo dục giá trị qua hoạt động thảo luận nhóm

Thảo luận nhóm là một trong những phương pháp dạy học phát huy cao tính chủ động, tích cực, dân chủ của người học. Phương pháp dạy học này khuyến khích sự tham gia của cả lớp học. HS được suy nghĩ và tự do bày tỏ quan điểm, biết đón nhận quan điểm bất đồng, hình thành quan điểm cá nhân. Đồng thời, qua thảo luận nhóm, HS tự nhiên và tự tin hơn khi tham gia bàn luận chia sẻ kinh nghiệm để đánh giá hay ý tưởng sáng tạo mới, khắc phục được tâm lý e ngại nhút nhát, rèn luyện kỹ năng giải quyết những vấn đề khó khăn trong học tập và cuộc sống.

Để tổ chức thảo luận nhóm, GV đưa ra những vấn đề hay những câu hỏi có vấn đề. Ví dụ như: Có ý kiến cho rằng việc dứt

tình trao duyên cho Thúy Vân chứng tỏ tình cảm Thúy Kiều dành cho Kim Trọng hời hợt, nông cạn. Ý kiến khác lại khẳng định: Thúy Kiều dù phải trao duyên cho Thúy Vân nhưng tình yêu nàng dành cho chàng Kim vẫn cực kì sâu đậm. Với Thúy Kiều, hạnh phúc của người mình yêu vẫn là điều hơn hết. Từ những cảm nhận về đoạn trích *Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du), anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về các ý kiến trên.

Hay vấn đề mang tính thực tế, xã hội thiết thực với các em như: Từ tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng trong đoạn trích *Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du), hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về tình yêu thời hiện đại.

Khi thảo luận, hầu hết HS đều cho rằng tình yêu của Thúy Kiều và Kim Trọng trong đoạn trích là:

+ Tự nguyện trao duyên cho em mà vẫn rất đau đớn: cố níu kéo, ngẩn ngơ toan tính chuyện mai sau.

+ Thúy Kiều tưởng như sống lại các kỉ niệm tình yêu: khắc sâu kỉ niệm về mối tình đầu, chứng tỏ tình yêu Thúy Kiều dành cho Kim Trọng là sâu sắc. Việc Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân bắt nguồn sâu thẳm từ trái tim yêu rất mực chân thành của nàng đối với Kim Trọng, thể hiện tinh thần vị tha cao đẹp.

Suy nghĩ về tình yêu thời hiện đại: Thời nay vẫn có nhiều đôi lứa chung tình như Kim - Kiều. Nhưng cũng tồn tại không ít tình yêu vụ lợi, cá nhân. Ở thời đại nào cũng vậy, những mối tình như Kim – Kiều đáng được trân trọng, ngưỡng mộ, ngợi ca.

Tuy nhiên, có HS nêu ý kiến riêng của bản thân không đồng ý về việc Thúy Kiều bán mình chuộc cha bởi còn nhiều cách giải quyết khác như đi vay mượn và mẹ của Thúy Kiều đâu sao để con mình phải như thế. Còn Thúy Vân thì quá vô lo khi gia đình có sự. Khi chị trao duyên thì nhận ngay và kết hôn với Kim Trọng giữa lúc Thúy Kiều đang phải ở chốn thanh lâu… Nhóm HS khác thì có ý kiến ngược lại: Thúy Kiều gánh vác việc nhà bởi nàng là con cả trong gia đình và vì chữ hiếu nên nàng đành phải bán mình chuộc cha. Còn Thúy Vân không phải không lo, Thúy Vân đã nhận lời thay chị kết duyên cùng Kim Trọng là một thiệt thòi lớn của nàng. Mười lăm năm lưu lạc, bao trầm luân khổ ải đổ xuống cuộc đời

Thúy Kiều, Thúy Vân thương chị nên tuổi xuân cũng trôi đi trong vô vọng vì không có hạnh phúc… Thúy Vân cũng là hiện thân của tinh thần vị tha, sống vì người một cách cao đẹp.

Mỗi HS đều có cái lí riêng của mình, GV với vai trò là người hướng dẫn, vừa là "trọng tài" đưa ra cách giải quyết thỏa đáng, hướng HS đến cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Du trong tác phẩm và những giá trị nhân văn cao đẹp của tình yêu trong cuộc sống

Qua vấn đề thảo luận, HS hiểu rõ hơn về tác phẩm, yêu hơn nhân vật Thúy Kiều, Thúy Vân, thương cho thân phận người phụ nữ tài sắc bị vùi dập, căm giận xã hội và những thế lực tàn bạo đã gây ra những ngang trái, chia cắt tình yêu của con người, từ đó mang đến cho HS những ý nghĩ về tình yêu chân thành, vị tha, biết sống vì người khác… Đồng thời, thảo luận như trên sẽ tạo cho không khí lớp học thêm sôi động, sự gần gũi, cởi mở, thân thiện giữa HS với HS, HS với GV, từ đó tăng niềm vui học tập và yêu thích văn chương ở HS.

3. Kết luận

Người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy văn học là người có hai lần đối thoại. Một lần với ý nghĩa của cuộc sống được thể hiện trong văn bản, cũng có nghĩa là đối thoại với các giá trị văn hóa. Lần nữa là đối thoại với HS, đối thoại bằng phương tiện văn chương, qua văn chương mà nâng đỡ những tâm hồn con người vươn đến những giá trị sống cao đẹp.

Thông qua giáo dục giá trị qua đọc hiểu văn bản theo chủ đề, giáo dục giá trị qua hoạt động thảo luận nhóm, HS tiếp nhận các phẩm VHTĐ một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Bên cạnh đó, các nội dung giá trị của tác phẩm VHTĐ sẽ để lại dấu ấn sâu sắc trong tâm hồn HS, là những bài học góp phần định hướng cho HS trong cuộc sống.

Giáo dục giá trị sống cho HS THPT với tinh thần vì cộng đồng, vì sự nghiệp chung, tinh thần vị tha, qua dạy học VHTĐ Việt Nam là hoàn toàn mang tính khả thi và hết sức hiệu quả. Bởi lẽ giáo dục giá trị trung đại trong giáo dục hiện đại được thiết lập trên hai nhịp cầu nối giữa xưa và nay: Dân tộc và Nhân văn.

N.T.D.K

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] A.JA. Gurevich. *Các phạm trù văn hóa trung cổ*. Nxb Giáo dục. Hà Nội. 1996.

[2] Lã Nhâm Thìn. *Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*. Nxb Giáo dục Việt Nam. 2009.

[3] Lã Nhâm Thìn. *Giáo trình văn học trung đại Việt Nam, 2 tập*. Nxb Giáo dục Việt Nam. 2015.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Chương trình giáo dục phổ thông - môn Ngữ văn*. 2018.

[5] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên). *Từ điển thuật ngữ văn học.* Nxb Giáo dục Việt Nam. 2011.

[6] Nguyễn Thị Thanh Hương. *Phương pháp tiếp nhận tác phẩm văn học ở trường phổ thông trung học.* Nxb Giáo dục. 1998.

[7] Phạm Thu Hương (chủ biên), Đoàn Thị Thanh Huyền, Trịnh Thị Lan, Lê Minh Nguyệt, Trần Hoài Phương, Phan Thị Hồng Xuân. *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.* Nxb Đại học Sư phạm. 2017.

[8] J.Krishnamurti. *Education & the significance of life. Giáo dục và ý nghĩa cuộc sống.* Biên dịch Đình Hồng Phúc. Nxb Hồng Đức. 2017.

[9] Bùi Duy Tân (chủ biên)- Nguyễn Hữu Sơn – Phạm Đức Duật – Nguyễn Đức Dũng. *Hợp tuyển văn học trung đại Việt Nam, tập I – Văn học thế kỉ X – XV*. Nxb Giáo dục. 2004.

[10] Đoàn Thị Thu Vân (chủ biên) – Lê Trí Viễn – Lê Thu Yến – Lê Văn Lực – Phạm Văn Phúc. *Văn học trung đại Việt Nam (Thế kỉ X – cuối thế kỉ XIX)*. Nxb Giáo dục Việt Nam. 2009.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CHO TUỔI VỊ THÀNH NIÊN (TRƯỜNG HỢP NGUYỄN NHẬT ÁNH)

Trịnh Đặng Nguyên Hương*

1. Dẫn nhập

Xã hội Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đang có những bước thay đổi chóng mặt so với thế kỉ trước. Những thành tựu vượt bậc, chưa từng có của cách mạng công nghiệp 4.0 cùng với ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của toàn cầu hóa đã mang lại những cơ hội cũng như nhiều thách thức cho cuộc sống của con người. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo lên ngôi, máy móc dần tham gia và "lấn át" con người trong nhiều lĩnh vực, việc những giá trị nhân văn giảm sút trở thành một thực tế mà toàn nhân loại phải đối mặt. Con người sống "ảo" hơn, làm việc, yêu đương, giao dịch, tương tác ảo đôi khi nhiều hơn tương tác thực; vì thế sự khô cằn của đời sống cảm xúc, sự mộng mơ dần biến mất, sự dịu dàng ngày càng trở nên xa xỉ là thực tế chúng ta đang phải đối mặt hàng ngày, hàng giờ. Trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang đứng trước nguy cơ khủng hoảng về nhiều mặt, việc giáo dục giá trị nhân văn cho thế hệ trẻ, nhất là tuổi vị thành niên trở thành một vấn đề cấp thiết đối với mỗi gia đình, với nhà trường và với toàn xã hội. Những giá trị nhân văn nếu không tiếp tục được nuôi dưỡng, gìn giữ, thắp lửa… tương lai của mỗi gia đình nói riêng và toàn xã hội nói chung sẽ khó đoán trước câu trả lời. Vì vậy, giáo

* Viện Văn học

dục giá trị nhân văn trở thành một đòi hỏi cấp thiết đối với toàn xã hội trong bối cảnh vật chất và kĩ thuật lên ngôi; là công việc khó khăn, phức tạp đòi hỏi sự chung tay của toàn xã hội.

Với quan điểm sáng tác nhất quán trong suốt hơn hai mươi năm cầm bút "Tôi tin điểm mạnh của văn chương nằm ở khả năng thẩm thấu. Bằng hình thức đặc thù của mình, văn chương góp phần mài sắc các ý niệm đạo đức nơi người đọc một cách vô hình. Được nuôi dưỡng bởi văn chương chân chính, trẻ em lớn lên sẽ biết yêu thương đồng bào, đồng loại, biết dị ứng và chống lại cái xấu, cái ác, biết yêu tự do", Nguyễn Nhật Ánh là một trong những nhà văn Việt Nam đầu tiên viết cho tuổi mới lớn và nhanh chóng trở thành nhà văn thành công nhất trong việc chinh phục lứa tuổi đẹp nhất này. Qua những trang văn thật đẹp, mộng mơ, dịu dàng và thấm đẫm tình người, Nguyễn Nhật Ánh đã thực hiện việc giáo dục những giá trị nhân văn cho tuổi vị thành niên một cách tự nhiên và giản dị. Giá trị nhân văn được giáo dục cho tuổi vị thành niên của Nguyễn Nhật Ánh không hiện diện qua những bài học đạo lý, những câu khẩu hiệu mà thể hiện qua thế giới hình tượng lãng mạn, bay bổng. Qua sáng tác, nhà văn đánh thức trí tưởng tượng, đánh thức những tình cảm đẹp trong trái tim bạn đọc, đánh thức niềm tin bền chắc vào một thế giới tử tế đầy yêu thương. Trong nhiều chiến lược giáo dục giá trị nhân văn cho tuổi vị thành niên mà xã hội hướng đến, Nguyễn Nhật Ánh đã chọn lối đi theo con đường cổ tích, đánh thức những điều tốt đẹp trong trái tim bạn đọc đang ở độ tuổi đẹp nhất của cuộc đời. Đó là con đường riêng, lối chinh phục riêng của nhà văn dành trọn tình yêu của mình cho văn học và bạn trẻ. Trong giới hạn của bài tham luận, người viết không thể khảo sát hết tất cả các tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh mà tập trung vào một số tác phẩm tiêu biểu: *Cô gái đến từ hôm qua, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Bảy bước tới mùa hè, Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, Ngồi khóc trên cây, Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng, Tôi là Bê tô, Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ…*

2. Phần nội dung

2.1. Đánh thức trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng

Tuổi vị thành niên là lứa tuổi bản lề khá phức tạp. Không còn

là trẻ con nhưng cũng chưa hẳn trở thành người lớn, thế giới tâm hồn đối tượng này vừa mơ mộng, lãng mạn vừa đầy những nghi ngờ, đổ vỡ, hoang mang…Vì vậy, giáo dục lứa tuổi vị thành niên qua văn học không dễ dàng. Nhiều nhà văn chọn cách viết về hiện thực phũ phàng để người đọc dám đối diện với thực tế cuộc sống, dù buồn nhưng dũng cảm đối mặt để lớn lên và bước qua những vấp váp thường thấy không ít trong cuộc đời. Nguyễn Nhật Ánh không chọn cách này. Nhà văn xây dựng một thế giới đầy mộng mơ trong sáng tác. Bước chân vào thế giới của truyện Nguyễn Nhật Ánh, tuổi vị thành niên như bước vào một thế giới cổ tích với những con người đời thường nhưng có cách sống thật đẹp, cách hành xử thật dịu dàng, mộng mơ.

Hiện thực đời sống được nhìn dưới lăng kính của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh là một hiện thực vừa đời thường vừa mơ mộng thật độc đáo. Ví dụ như cuộc trò chuyện của Mận và Đông: "Có lần con Mận qua nhà tôi chơi, thấy tôi đang thò tay ra bên ngoài cửa sổ, liền trố mắt: - Bạn đang làm gì vậy? - Tao đang phơi những ngón tay." [8,19]. Dưới ánh mắt của tuổi mới lớn, ngón tay cần được hong khô một cách dịu dàng dưới nắng, bởi lẽ những ngón tay đáng yêu biết bao, ngoan hiền biết bao. Chúng còn giống như những người bạn thân, luôn chia sẻ mọi nỗi buồn "khi bạn mừng rỡ hay phấn khích, hai bàn tay hăng hái vỗ vào nhau để nhân đôi niềm vui trong lòng bạn. Khi bạn khóc, hai bàn tay lại thay phiên nhau kiên trì lau khô những giọt lệ lăn tròn trên gò má bạn. Hai bàn tay lúc đó giống như những chú chim vàng anh trong cổ tích, cần mẫn tha từng hạt cườm long lanh trên mắt bạn đem gửi vào nắng, vào gió, vào mưa để một chốc sau sự tươi tỉnh lại nhuộm hồng gương mặt mới đây còn tái xanh của bạn" [8,19]. Vẫn là bàn tay đó nhưng dưới "góc chiếu" của Nguyễn Nhật Ánh, bạn đọc chợt nhận ra cả một bầu trời mộng mơ. Đôi bàn tay khi được nhìn dưới ánh sáng của yêu thương, trân trọng thoắt như những con người bị lãng quên bỗng được yêu thương. Những trang viết như thế luôn có mặt trong mỗi thiên truyện của Nguyễn Nhật Ánh khiến bạn đọc nhìn cuộc sống mộng mơ hơn, yêu thương hơn những gì đang có, giản dị như gương mặt, như đôi bàn tay của chính mình. Và trí tưởng tượng cũng như tình yêu thương luôn có sức mạnh lan

truyền thật nhanh chóng. Một hôm khác, "tôi" thấy con Mận ngồi bên cửa sổ, hai tay chống lấy cằm, thì ra nó đang 'phơi" khuôn mặt, nó hong những giọt nước mắt vì vừa bị mẹ đành đòn.

Bước vào thế giới nghệ thuật của Nguyễn Nhật Ánh sẽ bắt gặp cả một vùng trời mộng mơ, đánh thức trí tưởng tượng lãng mạn bay bổng. Ở đó, mọi sự vật, hiện tượng, con người trong cuộc sống đời thường đều được nhìn dưới một ánh sáng khác. Chỉ vì muốn chinh phục Trang cô bé hàng xóm, Khoa đã không ngần ngại vác chổi của dì Liên leo lên cây để làm hình tượng chàng phù thủy cưỡi chổi, cất lời hát vang cho nhỏ Trang nhìn thấy mà siêu lòng: "Trên chiếc chổi bay này tôi nhớ em/ Giữa cơn gió lạnh tê người này tôi nhớ em (…) Cây chổi được treo toòng teng trên nhánh ổi bằng hai sợi dây cột ở hai đầu, trông từa tựa cái xích đu nhưng thế ngồi của Khoa thì đúng là thế ngồi hùng dũng của một kỵ sĩ đang xông ra chiến trường (ở đây là …tình trường)" [1,8]. Chẳng may bị dì Liên trông thấy, luýnh quýnh chàng phù thủy đa tình, lãng mạn đã rơi bịnh xuống đất như mít rụng, còn người đẹp thì chưa kịp nhận ra tấm chân tình của lòng chàng. Vừa mơ mộng, vừa hài hước, Nguyễn Nhật Ánh đánh thức thế giới tưởng tượng phong phú, lãng mạn bay bổng của tuổi mới lớn. Giúp bạn đọc trẻ tuổi nhận ra những màu sắc phong phú, tươi đẹp của cuộc đời nếu ta thay đổi cách nhìn.

Cách nhìn là một điều quan trọng để đánh thức trí tưởng tượng, sự lãng mạn, tức là làm thức dậy giấc mơ trong đời sống thường hằng. Nguyễn Nhật Ánh đã "hé lộ" bí mật ấy với thế giới vị thành niên, giúp các em nhận ra, có một thế giới thật đẹp nếu ta biết nhìn cuộc sống khác đi. Cô bạn Rùa (*Ngồi khóc trên cây*) khiến Đông ngỡ ngàng khi dẫn anh vào Thung lũng mộng mơ nằm sau thác nước chảy. Ở đó, không khí thanh bình tỏa ra từ mỗi gốc cây, ngọn cỏ, có hoa bồ công anh bay rợp trời như những vũ công kiêu hãnh khoe chếc váy trắng tinh, có bọn thú nhỏ nô đùa tung tăng, bọ rùa đập cánh rì rào, châu chấu nhảy tanh tách trong đám cỏ mượt… Đặc biệt ở đó có con nai tên là Tập Tễnh được Rùa cứu sống nằm ghé đầu lên đùi Rùa lắng nghe nó đọc sách một cách say sưa. Trong thế giới của Rùa, tất cả bọn thú như khỉ, nai, sóc, nhìm, ngỗng, chào mào… đều trở thành bạn bè, đều hiểu tiếng nói của

cô, đều yêu thương và tìm thấy sự chở che tuyệt đối an toàn từ cô gái. Chính tình yêu của Rùa với thế giới loài vật là thứ tình cảm đủ sức "sưởi ấm bất cứ một trái tim nào dù là một con người hay một con nai" [7,119]. Chàng trai thành phố tên Đông đã đi từ bất ngờ này tới bất ngờ khác khi đi cùng Rùa. Cô gái đã mở ra trước mắt Đông một thế giới như trong cổ tích. Một thé giới mà ở đó những cái cây có thể thành mái nhà che chắn hai người khỏ cơn mưa, những con thú hiểu tiếng người, biết trợ giúp nhau khi hoạn nạn… Thế giới ấy hoàn toàn có thể tiếp cận nếu biết sống yêu thương và biết lắng nghe.

Trong thế giới tác phẩm của nhà văn, đến loài vật cũng ưa suy tư và mơ mộng. Nhà chị Ni có năm con chó, mỗi con mang một đặc tính, một tâm tình riêng không giống nhau. Con Suku thiên thần với đôi mắt ướt và chứng "nhớ con người" (nó có thể ngồi bất động như chó đá cả đêm, mắt nhìn lên phòng ngủ của gia đình vì nhớ); con Haili với tham vọng bá chủ, con Êmê cứng đầu, liều lĩnh, sẵn sàng thách thức quyền lực, con Pig bị hiếp đáp đến nỗi sợ cụp cả một bên tai nhưng lại là con chó biết hưởng thụ cuộc sống nhất (thích ngồi trước hiên nhà, bất động hàng giờ mê mải ngắm phố phường mà không biết chán). Nhưng ấn tượng nhất nhà chính là con Êmê với tâm hồn nghệ sĩ. Nó thích nghe ba chị Ni hát, nghe chú William chơi đàn ghi ta. Khi nghe ba hát, đôi mắt nó long lanh, chăm chú, giống hệt một khán giả trong nhà hát, với nó, ba chị Ni – người hát- giống hệt một ca sĩ lừng danh. "Mỗi khi ba chị Ni hát dứt một bài, nó lập tức chạy lại chỗ ông ngồi, chồm hai chân lên ghế, đuôi ngoáy tít. Chỉ thiếu nhành hoa ngậm ngang mõm thôi là nó giống hệt một fan cuồng bước lên sân khấu tặng hoa cho ca sĩ mến mộ" [2, 213]. Hình ảnh con chó Êmê lãng mạn, say mê âm nhạc, mang tâm hồn nghệ sĩ thật hấp dẫn với tuổi nhỏ. Qua cách nhìn của nhà văn, thế giới loài vật bỗng trở nên lấp lánh một ánh sáng diệu kì. Cuối cùng là con chó Batô, con chó xấu xí và đáng chán nhất (nhưng luôn được yêu như yêu một con chó thiệt thòi), lại là con chó có khả năng quan sát và thích suy ngẫm, biết xúc động trước hình ảnh con Êmê ngậm giỏ hoa chạy đến chỗ ba chị Ni và nhận ra đó là một "biểu tượng sinh động của lòng biết ơn về cuộc sống tươi đẹp mà con người đã mang lại cho chúng

tôi (những con chó) một cách hào phóng và tràn đầy yêu thương [2,224]. Không chỉ loài chó được đặc biệt ưu ái trong tác phẩm Nguyễn Nhật Ánh mà loài mèo cũng được hiểu và tái dựng bằng trí tưởng tượng đặc biệt của một nhà văn đã bước qua tuổi nhỏ từ lâu. Mèo Gấu (*Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ*) là con mèo lãng mạn, yêu đắm say cô nàng mèo tam thể tên là Áo Hoa, thường làm thơ tặng nàng, những vần thơ thật đẹp như: "Gọi tên em là gió/ Em bay lên đại ngàn/Gọi tên em là suối/ Em xuôi về đại dương/ Thôi thì anh sẽ gọi/Tên em là Áo Hoa/Để ngày nào cũng thấy/Em đi vào đi ra" [3,90], hay "Chỗ em nằng đã lên chưa/ Nửa đêm gió lạnh sương lùa làm sao?/Mùa đông về tới cổng rào/Nhớ đem áo ấm mặc vào, Áo Hoa." [3,103].

Viết về loài vật mà đầy xúc cảm mộng mơ hệt như thế giới của những kẻ mới lớn đang ngây ngất trong tình yêu đầu tiên của đời người. Chính điều đó đánh thức trí tưởng tượng bay bổng, tâm hồn lãng mạn ở lứa tuổi vị thành niên. Tường (*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*), từ say mê truyện Cóc Tía mà tin công chúa có thật. Niềm tin ấy giúp Tường đứng dậy để tập đi, từ chỗ có thể bại liệt hoàn toàn, Tường đã cất bước đến tận đồi Cỏ Úa là nơi công chúa ở. Rõ ràng, sự mộng mơ, trí tưởng tượng, tình yêu đem lại cho con người những sức mạnh thật diệu kì. Hầu như truyện dài nào của Nguyễn Nhật Ánh cũng có thơ hoặc trích dẫn thơ, các nhân vật nếu không yêu thơ sẽ biết hát, biết vẽ, biết đàn hoặc say mê đọc sách… Đó là những nhân vật có tâm hồn nghệ sĩ, yêu nghệ thuật, yêu cái đẹp dù chưa chắc lớn lên họ đã thành nghệ sĩ đích thực. Nhưng yêu nghệ thuật, say mê cái đẹp chắc chắn họ là những kẻ mơ mộng, lãng mạn trong thế giới đang ngày một cỗi cằn bởi hiện đại hóa, bởi những thành tựu của khoa học kì thuật ngày một lấn át mộng mơ.

Tưởng tượng là một năng lực gắn liền với nghệ thuật và sáng tạo. Không có tưởng tượng sẽ không có nghệ thuật, thi ca, âm nhạc… Trí tưởng tượng nghèo nàn sẽ khiến con người khó thụ cảm nghệ thuật cũng như khó có sự đồng cảm với những cảnh ngộ khác nhau trong cuộc đời. Càng trưởng thành, con người càng vơi bớt năng lực tưởng tượng và sáng tạo. Khi cuộc sống vật chất đầy đủ, khi những tiện nghi trong đời sống đầy lên, năng lực tưởng

tượng sáng tạo của tuổi mới lớn ít có cơ hội phát triển. Truyện của Nguyễn Nhật Ánh đánh thức cả một vùng trời đầy mộng mơ, mang đến một thế giới khác đầy xúc cảm kích thích trí tưởng tượng của bạn đọc vị thành niên. Như vậy, có thể nói, đánh thức trí tưởng tượng, sự lãng mạn bay bổng cùng những xúc cảm ngọt ngào qua từng trang sách chính là một cách giáo dục nhân tính cho tuổi vị thành niên trong xã hội kĩ trị ngày một khô cằn.

2.2. Đánh thức những tình cảm tốt đẹp, nhân ái trong tâm hồn bạn đọc vị thành niên

Trong diễn từ đọc trong Lễ trao giải thưởng văn học ASEAN tại Thailand năm 2010, Nguyễn Nhật Ánh viết: "Mỗi dân tộc đều có thể treo một quả chuông trước cửa sổ tâm hồn của mình. Nhà văn có sứ mạng phải rung những quả chuông đó lên, bằng văn chương". Với tâm niệm ấy, sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh luôn hướng tới việc đánh thức những tình cảm tốt đẹp, cao thượng, nhân ái trong tâm hồn con người, đặc biệt là đối tượng vị thành niên.

Tình thầy trò, tình bạn, tình yêu tuổi mới lớn đan xem với những tình cảm ruột thịt như tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em thường được đặt trong mối gắn kết bền chặt với tình yêu gia đình, yêu quê hương, đất nước trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh tạo nên những tiếng chuông ngân nga mãi về những tình cảm nhân ái của con người. Bên cạnh đó, nhà văn còn dụng công viết về tình cảm giữa những bà con chòm xóm, giữa những người bạn đã trưởng thành, giữa những người bạn xuyên quốc gia và đặc biệt Nguyễn Nhật Ánh viết rất thành công về tình cảm giữa con người và con vật, giữa thế giới con vật khác loài với nhau… Có thể nói, Nguyễn Nhật Ánh say mê viết về một thế giới đầy nhân ái. Có va vấp, có hiểu lầm, có người tốt người xấu nhưng cuối cùng tất cả vẫn quy tụ lại trong ánh sáng của tình yêu thương gắn kết. Chính những tình cảm tốt đẹp, nhân văn đó đã làm bạn đọc vị thành niên đặc biệt yêu thích sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh. Bước vào thế giới Nguyễn Nhật Ánh là bước vào một thế giới của yêu thương.

Tình yêu tuổi mới lớn với những rung động đầu đời vừa đắm say, ngọt ngào, ngây ngất vừa run rẩy được diễn tả khá thành công

trong *Bong bóng lên trời, Cô gái đến từ hôm qua, Thiên thần nhỏ của tôi, Ngày xưa có một chuyện tình, Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Ngồi khóc trên cây*… Những tình yêu học trò thường giống như một tia sét, một cú sốc được Nguyễn Nhật Ánh ghi lại đầy tinh tế: "ngay từ lần đầu tiên trông thấy Việt An, tôi bỗng hiểu rằng từ nay trở đi tôi không còn tự do nữa" [4,10]. Các chàng trai mới lớn khi yêu bỗng mong muốn mình trở thành thi sĩ, nhạc sĩ, ca sĩ, để được thể hiện tài năng trước người mình yêu thương như Khoa trong *Hoa hồng xứ khác* ước mơ trở thành họa sĩ để vẽ tranh tặng Gia Khanh. Khoa thấp thỏm hi vọng chiêu tán tỉnh của mình sẽ chinh phục được cô bạn xinh đẹp của lớp: "Từng ngày, từng ngày, khuôn mặt của Gia Khanh càng hiện rõ trên giấy. Đôi mắt của nó trở nên lung linh và sinh động hơn. Đôi mắt nó âu yếm nhìn tôi như muốn nói: "Hỡi chàng Picasso của lòng em, chàng vẽ đẹp như thế, em không yêu chàng thì còn biết yêu ai". Những lúc đó, tôi phải nhắm mắt lại để nghe cái âm thanh tưởng tượng kia ngân nga trong lòng như hồi chuông mùa thánh lễ" [5,192]. Quả thật, tình yêu có một sức mạnh kỳ diệu khiến các chàng trai mới lớn có thể muốn làm đến cùng những việc ngoài khả năng của bản thân, cốt sao để vui lòng người mình thương mến. Hay "tôi" và Phúc đã hút nhau ngay lập tức như sắt và nam châm khiến "tôi rơi vào tình yêu như như thiên thạch bị rơi vào lỗ đen. Tôi bị tình yêu đó nuốt chửng với một sức mạnh không sao cưỡng lại được. Suốt một thời gian dài, tôi trượt trên tình yêu như trượt trên vỏ chuối, ngây ngất, mê man, chỉ khi nào té ngã thì đà trượt đó mới dừng lại" [6,192]. Mối tình đầu ngây ngất thường được miêu tả với những cảm xúc ngất ngây và thật dịu dàng. Như mối tình của chàng trai thành phố tên Đông và cô bé Rùa ở quê ngay từ buổi đi chơi đầu tiên "một cảm giác thiết tha, gần gũi đột ngột lấp đầu tôi và hoàn toàn không tự chủ, tôi cúi xuống hôn lên môi nó. Một cái hôn rất khẽ, môi tôi lướt trên môi nó như gió thở nhẹ trên mặt hồ" [7,131]. Nắm bắt và ghi lại thật tinh tế những xúc cảm đầu đời của tuổi trẻ là biệt tài riêng của Nguyễn Nhật Ánh. Bạn đọc tuổi mộng mơ luôn nhìn thấy tình yêu đầu đời trong sáng, lấp lánh chất thơ như cảnh nhân vật "tôi" lén lút ghi "Gió mưa là bệnh của giời?Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng" vào cuốn sách trả lại cho Việt An (*Cô gái đến từ*

hôm qua), hay những câu thơ "Gọi tên em là nhớ/ Em càng thêm cách xa/Gọi tên em là đợi/Biết bao lâu về nhà" khi chàng mèo Gấu lần đầu tiên biết yêu và cùng thổn thức với chia ly của những kẻ yêu nhau mà không may cách biệt "Sẽ buồn như lá/ Sẽ buồn như cây/ Ngày em tìm đến/ Không còn anh đây…" (*Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ*)… Những rung cảm nhẹ như tơ được ghi lại trong truyện của Nguyễn Nhật Ánh giúp bạn đọc vị thành niên nhìn thấy vẻ đẹp của tình yêu đầu đời hoặc tìm thấy sự đồng cảm từ người lớn nếu đã biết yêu. Tuổi trẻ không còn bơ vơ trước câu hỏi: yêu là gì? Yêu như thế nào? Nên yêu ra sao?... Những câu hỏi thường ít có lời đáp từ thầy cô, cha mẹ, hoặc các bạn trẻ ít khi dám đặt ra với người lớn bởi ngượng ngùng. Chính những mối tình được ghi lại trong truyện Nguyễn Nhật Ánh là "la bàn" giúp bạn đọc vị thành niên hiểu thêm về bản thân, về tình yêu tuổi học trò và hướng tới mục đích sống tốt đẹp.

Không chỉ viết về tình yêu, Nguyễn Nhật Ánh còn rất thành công khi viết về tình người nói chung. Mẹ Thiều đã đón con Mận về nhà cưu mang khi nhà nó bị cháy, ba mất tích, mẹ phải lên công an (*Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*) ; mẹ của Bích Lan đã cưu mang mẹ con Đông, thậm chí bỏ ra một số tiền lớn giúp Đông chữa bệnh ung thư dù biết Đông không yêu con gái bà; những người thợ săn ít học đã bịa ra câu chuyện bắt cướp để con Rùa lớn lên không mặc cảm về cái chết của ba nó, cũng họ sau này đã bỏ nghề săn khi nhận ra mình đã làm tổn thương đến chừng nào tâm hồn của cô bé Rùa (*Ngồi khóc trên cây*); chị Ni sẵn sàng cho chị Mí bất cứ cái gì chị thích trong nhà, rồi mỗi khi mẹ chị Mí đi vắng chị lại sang ở luôn bên nhà chị Ni bởi ba chị Mí đã mất cách đó vài năm (*Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng*). Rất nhiều câu chuyện về tình người ấm áp, về sự cưu mang, đùm bọc giữa người với người được tái hiện sống động qua những trang viết của Nguyễn Nhật Ánh. Có thể thấy mối quan hệ giữa con người với con người tự nhiên như cơm ăn nước uống, tốt lành như bản chất của con người thủa sơ khai là thiện tính. Thiện tính ấy còn "lan tỏa" trong mối quan hệ xuyên quốc gia như tình bạn giữa ba chị Ni và chú William (người Mỹ). Chú thường xuyên đến nhà chơi, dịch sách làm phim từ những cuốn sách của ba, đánh đàn cho con chó Ê mê

nghe, vẽ cả một triển làm tranh về năm con chó của gia đình chị Ni. Hay chú Perter chồng dì Tám người Ý khi gặp chuyện gian dối ở trung tâm Anh ngữ đã về nhà kể chuyện cho năm con chó nghe bằng tiếng Việt bập bõm pha tiếng Anh, đôi khi trộn với một tràng tiếng Ý nhưng năm con chó hiểu hết. Chúng lắng nghe, chúng chia sẻ, an ủi chú Perter khiến chú viết những dòn đầy xúc động về Suku "Đây là Suku, một con chó trung thực. Nó nhiều lần cắn tôi nhưng tôi không ghét nó, vì nó được sinh ra để cắn. Còn kẻ gian dối không cần cắn vẫn làm tổn thương người khác" [2,159]. Những tình cảm êm đềm như thế có mặt trong tất cả các tác phẩm của Nguyễn Nhật Ánh. Đặc biệt, nhà văn viết say đắm về tình yêu giữa con người với thiên nhiên, con người với con vật qua truyện dài: *Ngồi khóc trên cây*, *Tôi là Bê tô*, *Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng*… Điển hình cho sự gắn kết giữa con người và thiên nhiên là cô bé Rùa sống cô độc nhưng lại là người bạn thân thiết của tất cả bọn thú vật trong rừng. Cô biết trò chuyện với ngỗng, với khỉ, nhím, nai, thậm chí biết diều khiển cả con rắn lục phải bỏ đi khi nó sắp cắn người… Phá hàng loạt những chiếc bẫy kẹp, phá thuốc súng của cánh thợ săn trong làng, Rùa bị mọi người ghét bỏ, la mắng thậm chí có thể bị đánh nhưng cô bé vẫn làm. Rùa còn giống hệt một bác sĩ biết băng bó, chữa trị vết thương cho bọn thú. Cô đọc sách cho con Tập Tễnh (một con nai) nghe với tất cả tình yêu thương dịu dàng. Không còn ranh giới gữa con người và con vật nếu biết yêu thương. Đó là thông điệp mà Nguyễn Nhật Ánh muốn gửi gắm qua hàng loạt tác phẩm của mình.

Với tình bạn, tình yêu thì mọi ranh giới sẽ bị xóa bỏ - đó cũng là một thông điệp đầy tính giáo dục nhân văn khác thường trở đi trở lại trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh. Người ta ngạc nhiên thấy cảnh hai con chuột nhắt khiêng con vàng anh bị thương về tổ chữa trị, rồi con vàng anh dạy cho cả đàn chuột biết hót lên như chim, dù tiếng hót "vàng anh" thật ngược đời luôn cất lên vào lúc nửa đêm, đôi khi khiến con người giật mình tỉnh giấc vì tưởng trời đã sáng. Rồi hình ảnh con chuột nhắt tên Tí Hon đêm đêm ngẩn ngơ nghe mèo Gấu đọc thơ tình đã phá vỡ ranh giới ngàn đời hằn thù giữa mèo và chuột. Tí Hon thương mèo Gấu nên đã vẽ hàng trăm bức tranh một cô nàng mèo xinh đẹp, yểu điệu dán khắp nơi

để giúp nàng mèo Út Hoa đường trở về với người tình. CảTình bạn đã phá vỡ ranh giới giữa các loài vật. Thậm chí biên giới quốc gia cũng không ngăn nổi việc hai con chó hàng ngày trò chuyện với nhau qua face time: Dì Tám về Úc được hai ngày bật face time cho con Cookie bên Úc kết nối với con Suku ở Việt Nam. Hai đứa chào nhau, hỏi thăm và tán gẫu qua điện thoại. Chỉ là "Gâu gâu gâu" nhưng dì Tám bảo nó là chó Úc nên nó sủa tiếng Anh: Nice to meet you Suku, còn chị Ni bảo Suku "gâu gâu gâu" tiếng Việt là Tôi rất vui được làm quen với bạn [2,249]. Những tình cảm như thế chính là những hạt mầm nhân ái được nhà văn êm đềm gieo vào lòng độc giả mới lớn nói riêng và người đọc nói chung để chúng được tưới tắm và lớn lên mỗi ngày cùng với cây nhân ái chung của toàn xã hội.

Không phải Nguyễn Nhật Ánh không nhìn thấy cái xấu, cái ác, bạo lực lan tràn trong xã hội. Nhưng ông trung thành với quan điểm sáng tác hướng đến nhân tính, nhân văn "Trong các tác phẩm của tôi từ xưa đến nay, tôi luôn hướng độc giả của mình đến những điều trong trẻo nhất, đẹp nhất của đời người. Nhất quyết tôi không viết một dòng nào về bạo lực, dù thực tế trong cuộc sống hiện nay, bạo lực trong giới trẻ là điều đáng báo động". Với quan điểm quán xuyến ấy, nhà văn tin rằng: nếu người ta biết yêu thương một con chó thì hiển nhiên người ta cũng sẽ biết yêu thương một con người; xã hội nhờ vậy bớt đi những chuyện đau lòng" [2,251]. Có sự gặp gỡ với quan điểm của Marthaa Scott nữ diễn viên nổi tiếng người Mỹ "Nếu bạn đối xử với một con chó như với một con người, nó sẽ đối xử với bạn như một con chó" [2,251]. Như vậy, có thể kết luận: biết yêu thương, dùng tình thương làm sợi dây kết nối giữa người với người, giữa con người với con vật, giữa con người với thiên nhiên, giữa con người và thế giới là một quan điểm sáng tác đầy tính nhân văn của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Thông qua những câu chuyện, qua những hình tượng nhân vật độc đáo, tác giả đã giáo dục lòng nhân ái cho lứa tuổi vị thành niên nói riêng, người đọc nói chung, thắp lên niềm tin vào sự nhân ái, vào những điều tốt đẹp còn tồn tại, cần nuôi dưỡng và nhân lên trong cuộc sống hàng ngày.

2.3. Đánh thức niềm tin vào một thế giới trong sáng, tốt đẹp

Kết thúc truyện của Nguyễn Nhật Ánh thường là những kết thúc có hậu như cổ tích. Những kết thúc đẹp ấy góp phần xây dựng niềm tin cho lứa tuổi mộng mơ.

Việt An (*Cô gái đến từ hôm qua*) chẳng mảy may động lòng trước tình cảm của Thư, lại hành hạ Thư bằng đủ trò cùng nhóm bạn gái thân. Thư chua chát nhận ra mình là "con lừa" không hơn, là con rối trong tay cô hoa khôi của lớp. Nhưng rồi dù có là "lừa" Thư vẫn phải chấp nhận bởi trái tim anh đã bị Việt An làm chủ hoàn toàn. Truyện kết thúc bất ngờ bởi lúc Thư thấy tắt ngấm mọi hi vọng là lúc Việt An cho Thư biết, cô chính là Tiểu Li, cô bạn gái thân thiết đặc biệt của anh hồi nhỏ. Việt An chính là "cô gái đến từ hôm qua", là cô gái dành cho anh. Bạn đọc tuổi hoa niên sau những hồi hộp đến "thót tim" đã thở phào sung sướng vì "đôi trẻ" đã nhận ra nhau (thực ra chỉ có Thư không nhận ra Việt An thôi, còn cô đã nhận ra anh ngay từ khi bước vào lớp rồi). Kết thúc ấy mang lại niềm tin vào tình yêu học trò thật nguyên sơ, sáng trong và đẹp đẽ. Nếu thay bằng một kết thúc khác, có lẽ sức chinh phục của câu chuyện sẽ giảm sút và tính giáo dục nhân văn cho tuổi vị thành niên cũng sẽ khác đi nhiều. Tác phẩm được dựng thành phim, được dịch ra nhiều thứ tiếng, trở thành giáo trình giảng dạy tiếng Việt trong hệ thống các trường Đại học của Nga… càng khẳng định ý nghĩa nhân văn đẹp đẽ và lối viết hấp dẫn độc đáo của tác giả Nguyễn Nhật Ánh.

Một câu chuyện rất đẹp khác của Nguyễn Nhật Ánh được đông đảo bạn đọc yêu thích, được đón xem nồng nhiệt sau khi chuyển thể *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh* lại là một câu chuyện đầy biến cố: nhà con Mận bị cháy, trong nhà có một bộ xương, mẹ nó bị công an gọi lên để điều tra, Mận sang ở nhờ nhà "tôi". Tôi vì hiểu lầm, đánh thằng Tường em trai thừa sống thiếu chết và có nguy cơ bại liệt. Con Cu Cậu, con Cóc yêu quý của Tường bị bắt làm thịt khiến nó đau lòng. Công chúa không đến thăm nó…Con bé Nhi, con ông Tám Tàng vì mê xiếc mô tô bay nên khi xem xiếc đã nắm chặt tay cô diễn viên giơ lên vẫy. Nó bị thương nặng và mất trí nhớ, người làng ai cũng tưởng nó đã chết. Hàng loạt những biến cố xảy ra xung quanh ngôi nhà nhỏ của hai anh em Tường.

Nhưng rồi, tác giả gỡ nút dần khiến người đọc thở phào nhẹ nhõm. Mẹ con Mận được thả về, bộ xương trong nhà nó là xương một con chó, hai mẹ con lên đường đi tìm ba nó. Nó đi mà vẫn nhớ "tôi" và hứa sẽ trở về. Thằng Tường khi biết sự thật về công chúa không những không vỡ mộng, lại vui mừng vì công chúa chính là con Nhi cô bé nó luôn che chở trong những ngày thơ ấu. Con Nhi tỉnh lại sau ba năm mất trí nhớ, nó nhận ra mình là ai và nhận ra Tường cùng tất cả những người xung quanh. Cuộc sống bình thường đã trở lại với nó. Ông Tám Tàng từ nay không phải đóng vai nhà vua nữa, có thể sống cuộc sống bình thường với những người xung quanh…. Con đường đến đồi Cỏ Úa không còn bị ám ảnh bởi ma cọp nữa mà nở đầy hoa vàng rực rỡ trên cỏ xanh dìu dàng. Cuộc sống êm đềm trở lại cùng với sự nảy nở của biết bao tình cảm đẹp giữa con người với con người.

Ngồi khóc trên cây là câu chuyện cô bé Rùa sống ở một ngôi làng thơ mộng. Phía sau cuộc sống của cô bé Rùa là cả một câu chuyện kỳ bí về cha cô, về những thợ săn, về những con thú hoang trong khu rừng ở làng cô. Tâm hồn cô bé Rùa trong sáng, hồn hậu đã thu hút chàng sinh viên vốn ở quê chuyển ra thành phố sống, giờ về thăm lại quê. Chàng sinh viên như sống lại cùng với những đứa trẻ nơi ngôi làng cũ, với những trò chơi tuổi thơ mà anh đi đâu cũng mãi nhớ về. Truyện dài này có lẽ là một trong những truyện éo le, phức tạp và nhiều đau đớn nhất của Nguyễn Nhật Ánh. Tình cảm chớm nở giữa Đông và Rùa bị thử thách bởi rất nhiều biến cố. Biến cố thứ nhất là Đông phát hiện ra mình và Rùa là anh em con chú con bác ruột. Đông về lại thành phố và tránh gặp Rùa suốt ba năm cho đến khi phát hiện ra mình mắc bệnh ung thư máu không còn sống được bao lâu nữa. Về quê lần cuối, Đông được bà Rùa cho biết Đông và Rùa không phải anh em. Hạnh phúc vỡ òa nhưng Đông vẫn không dám nói với Rùa và mọi người ở quê về căn bệnh hiểm nghèo của mình. Lên thành phố, trước lần xạ trị thứ hai, bác sĩ phát hiện ra Đông không hề ung thư máu mà chỉ là bệnh thiếu máu dinh dưỡng do hồng cầu bị phá hủy. Đông về làng Đo Đo tìm Rùa thì được biết Rùa đã mất cách đó mấy tháng khi cứu các em nhỏ đi học bơi qua dòng nước lũ. Quá đau buồn, Đông tìm về thung lũng bí mật nơi ngày xưa Rùa từng dẫn anh tới

thì nghe thấy tiếng hát của Rùa. Cô bị thương nặng và chưa đi ra khỏi lung lũng được nên mọi người tưởng cô đã chết. Nước mắt Đông rơi ướt đầm hai đứa em ngồi dưới gốc cây bứa khiến chúng tưởng sắp mưa. Đây là câu chuyện mà khi viết nhà văn cảm thấy rất buồn. Bản thân ông cũng đau đớn trước số phận quá éo le của các nhân vật. Nhưng rồi kết thúc có hậu mang lại niềm tin cho bạn đọc vào cuộc sống luôn có phần thưởng cho những người tốt biết sống yêu thương và vị tha.

Tôi là Bê tô, Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ, Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng, Bong bóng lên trời… cùng hầu hết các truyện khác Nguyễn Nhật Ánh viết đều mang đến một kết thúc có hậu. Thảng hoặc có truyện là một kết thúc buồn như Mắt biếc, Thiên thần nhỏ của tôi… nhưng đằng sau kết thúc rất buồn ấy nhân vật vẫn còn có bạn bè, người thân hoặc người yêu bên cạnh. Số phận nếu có giáng cho họ những đòn chí mạng thì họ vẫn được yêu thương, chăm lo và được cảm thông vô bờ từ những người xung quanh. Đó là cách Nguyễn Nhật Ánh thắp lên ngọn lửa của tình người, ngọn lửa của tinh thần nhân văn trong mỗi tác phẩm. Cũng là một cách giáo dục giá trị nhân văn cho tuổi vị thành niên.

Một kết thúc đẹp như giấc mơ cổ tích có thể là kết thúc mà người lớn không mong đợi. Nhưng nó luôn là kết thúc mà tuổi vị thành niên háo hức đợi chờ. Với tâm hồn giàu mộng mơ, ít va vấp những kết thúc bi lụy hặc dữ dội đôi khi trở thành "cú sốc' đối với các em. Những câu chuyện của Nguyễn Nhật Ánh luôn tốtgói ghém quan niệm: cuộc sống phức tạp, khó lường, những tai họa không báo trước luôn có thể xảy ra bất cứ khi nào nhưng luôn có người tốt ở quanh ta. Chỉ cần vững tin và cố gắng rồi điều tốt đẹp sẽ đến. Những kết thúc như thế gieo vào lòng bạn đọc tuổi vị thành niên niềm tin và ước mơ vào những điều tốt đẹp có thực trong cuộc đời.

Cuộc sống hiện tại không phải mùa hồng, Nhìn vào tỉ lệ người trẻ tự kỉ, stress, trầm cảm thậm chí tự tử ở Việt Nam tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây có thể thấy áp lực của cuộc sống hiện đại không chỉ ảnh hưởng đến người lớn mà tác động mạnh mẽ tới lứa tuổi vị thành niên. Trầm cảm là một yếu tố nguy cơ cho sự thất bại trong học tập, lạm dụng chất gây nghiện

và hành vi tự tử. Trong khi chán nản, trẻ em và thanh thiếu niên có khuynh hướng tụt hậu xa về mặt học thuật, mất đi các mối quan hệ bạn bè quan trọng. Nguyên nhân trầm cảm ở trẻ em và thanh thiếu niên được cho là kết quả từ các yếu tố di truyền và những căng thẳng về môi trường (đặc biệt là sự thiếu thốn và mất mát trong cuộc sống). Nhìn vào độ tuổi người trầm cảm ngày càng trẻ hóa có thể thấy sự đổ vỡ niềm tin và những áp lực tâm lí, tinh thần, sự mất kết nối hoặc ít kết nối với những người xung quanh. Việc xây dựng cách nhìn lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống bên cạnh đối diện thẳng thắn với những bi kịch, biến cố có thể xảy ra trong tác phẩm Nguyễn Nhật Ánh có ý nghĩa rất lớn với lứa tuổi vị thành niên. Truyện Nguyễn Nhật Ánh mang đến niềm tin vào cuộc sống, vào con người, vào những điều tốt đẹp. Vì thế, giống như một điểm tựa tinh thần cho tuổi vị thành niên, sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh có ý nghiã giáo dục nhân văn rất lớn cho tuổi mới lớn.

Khi văn hóa đọc đang mai một, những thiết bị thông minh, đặc biệt là điện thoại thông minh khiến giới trẻ đang mất dần kết nối với cuộc đời thực, tìm thấy niềm vui trong thế giới ảo, xa dần những giá trị nhân văn mà đôi khi không ý thức được thì ý nghĩa giáo dục nhân văn trong sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh ngày càng trở nên quan trọng. Các em tìm đến sách của Nguyễn Nhật Ánh như tìm đến một người bạn, một điểm tựa tinh thần trong cuộc sống, một loại "vitamin" quý cho tâm hồn. Cac bậc phụ huynh và các thầy cô giáo cũng hoàn toàn yên tâm khi các em lựa chọn sách của Nguyễn Nhật Ánh để say mê đọc. Tên tuổi Nguyễn Nhật Ánh giờ đây như một thương hiệu sách tốt, sách đẹp, sách ý nghĩa đối với tuổi học trò. Đúng như nhà văn luôn tâm niệm: "Mỗi dân tộc đều có thể treo một quả chuông trước cửa sổ tâm hồn của mình. Nhà văn có sứ mạng phải rung những quả chuông đó lên, bằng văn chương". Câu chuyện đẹp về tình yêu, tình người, những kết thúc có hậu chính là cách Nguyễn Nhật Ánh rung lên tiếng chuông nhân văn trước cửa sổ tâm hồn mỗi bạn đọc. Nếu đã đọc, đã say mê sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh thì tiếng chuông nhân văn, ánh sáng của ngọn hải đăng tình người sẽ ngân nga, sẽ ấm áp, sẽ neo giữ lại những điều thật tốt đẹp trong tâm hồn bạn trẻ.

3. Kết luận:

Mọi sự so sánh đều là khập khiễng nhưng bạn đọc quen gọi Nguyễn Nhật Ánh là "hoàng tử bé trong thế giới tuổi thơ", vậy có thể có sự tương đồng nào giữa sáng tác của nhà văn với cuốn truyện tuyệt vời Hoàng tử bé của tác giả Antoine De Saint Exupe ̛ri hay không? Có lẽ, cả hai nhà văn đều xuất phát từ cái nhìn rất bình đẳng, từ sự trân trọng tuyệt đối với bạn đọc trẻ để viết nên những câu chuyện thật đẹp, thật dịu dàng và mộng mơ về tình yêu và khát vọng sống lương thiện, đầy ắp yêu thương của lứa tuổi này. Khi đọc, lứa tuổi vị thành niên nói riêng, độc giả nói chung được "tập huấn" trong những tình cảm đẹp để phát huy tính bản thiện sẵn có trong tâm hồn con người từ thủa "nhân chi sơ". Vì vậy, có thể khẳng định, sáng tác của Nguyễn Nhật Ánh có đóng góp quan trọng trong việc giáo dục giá trị nhân văn cho lứa tuổi vị thành niên trong xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Nhật Ánh, *Bảy bước tới mùa hè,* NXB Trẻ, T.p Hồ Chí Minh, 2015.

2. Nguyễn Nhật Ánh, *Con chó nhỏ mang giỏ hoa hồng*, NXB Trẻ, H., 2018.

3. Nguyễn Nhật Ánh, *Có hai con mèo ngồi bên cửa sổ*, NXB Trẻ, H., 2018.

4. Nguyễn Nhật Ánh, *Cô gái đến từ hôm qua*, NXB Trẻ, 2016.

5. Nguyễn Nhật Ánh, *Hoa hồng xứ khác*, NXB Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 2015.

6. Nguyễn Nhật Ánh, *Ngày xưa có một chuyện tình*, NXB Trẻ, 2016.

7. Nguyễn Nhật Ánh, *Ngồi khóc trên cây*, NXB Trẻ, T.p Hồ Chí Minh, 2018.

8. Nguyễn Nhật Ánh, *Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh*, NXB Trẻ, T.p Hồ Chí Minh, 2018.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ NHÂN HỌC VÀ TÂM LÝ VĂN HÓA

TS. Trương Thị Thu Hằng*

Trong kết luận của tuyển tập nhan đề Sự biến đổi, giá trị và xã hội hóa: sự phát triển của con người trong bối cảnh giáo dục (2018), nhóm tác giả Branco và Oliveira đã khẳng định rằng giá trị luôn tiến hóa theo tiến trình thời gian. Giá trị là hệ thống năng động cao và đan cài chặt chẽ vào các phương diện khác nhau của đời sống xã hội và tiến trình tạo ý nghĩa của mỗi cá nhân. Giá trị tác động đến việc nhận diện của con người với tư cách là thành viên của một cộng đồng, là người ngoài hoặc là người ở giữa các nền văn hóa. Sự phân biệt và phát triển của cá nhân các thành viên trong xã hội là sứ mạng của giá trị. Trường học với đặc điểm là một thiết chế giáo dục trong cấu trúc xã hội đảm đương chức năng nuôi dưỡng sự phát triển trong diễn giải ý nghĩa của giá trị trong cá nhân mỗi học sinh và đây là nhiệm vụ trọng tâm mang tính văn hóa xã hội của nó trong xã hội (Branco và Oliveira, 2018: 215).

Giá trị là công cụ mang tính quy tắc của xã hội, và những quy tắc này sẽ được chuyển đổi thành công cụ tự kiểm soát của cá nhân thông qua quá trình nội tâm hóa (internalization) chủ động, và kết quả là tạo ra các hành động chẳng hạn như bàn luận (liên cá nhân) và phản tư (nội thân) diễn ra đồng thời với sự kiến tạo

* Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Đạo đức
Phó trưởng khoa Nhân học trường ĐHKHXH - NV (ĐHQG TP. HCM)

các giá trị của riêng cá nhân đó. Tiếp cận từ góc độ Nhân học (anthropology) và Tâm lý văn hóa (cultural psychology), bài viết này tập trung làm rõ các khái niệm khác nhau về giá trị (values), vai trò của trường học trong giáo dục giá trị như là một thiết chế xã hội. Vận dụng lý thuyết Nhân học trong phân tích đặc điểm cấu trúc đa không gian giá trị trong đời sống xã hội, tác giả cho rằng để trường học có thể đảm trách tốt chức năng giáo dục giá trị của nó trong bối cảnh xã hội đương đại, cần thiết phải nghiên cứu và xác định rõ thang bậc của các không gian giá trị của xã hội hiện nay cũng như vị trí của các giá trị trong cấu trúc không gian đó. Trên cơ sở nhận thức đó, trường học mới có thể chuyển tải được đến người học hệ giá trị mang tính thời đại phù hợp và người học với tư cách là thành viên của xã hội mới có thể hiện thực hóa các giá trị này tương thích với các khuynh hướng và kì vọng mà xã hội đặt ra.

1. Khái niệm giá trị: giá trị cá nhân, xã hội và phổ quát

Có nhiều khái niệm khác nhau về giá trị đã được các nhà nghiên cứu đưa ra tùy thuộc vào quan điểm tiếp cận và ngành nghiên cứu. Trong lĩnh vực giáo dục, Raths, Harmin và Simon (1966 dẫn lại từ Halstead, 1996: 4) cho rằng giá trị là niềm tin, thái độ hoặc cảm xúc mà một cá nhân tự hào, hoặc sẵn sàng khẳng định công khai, và được lựa chọn kĩ càng từ rất nhiều lựa chọn khác nhau mà không cần gượng ép, và được thực hiện lặp đi lặp lại. Halstead thì định nghĩa thuật ngữ giá trị (values) "ám chỉ các nguyên tắc, niềm tin (conviction) cơ bản, lý tưởng, chuẩn mực hoặc lập trường trong cuộc sống. Những điều này vận hành như là sự hướng dẫn chung cho hành vi hoặc như điểm tham chiếu trong việc đưa ra quyết định hoặc đánh giá về niềm tin hay hành động và tất cả kết nối chặt chẽ với sự liêm khiết của cá nhân và bản sắc cá nhân" (Halstead, 1996: 4).

Với định nghĩa này, Halstead xem giá trị (số ít) (value) như là cái mà con người sở hữu, như là giá trị của một thứ gì đó, còn khái niệm giá trị (số nhiều) (values) tác giả đưa ra là chỉ các tiêu chí mà con người dùng để phán xét về giá trị của một cái gì đó, là nguyên tắc mà con người dựa vào để đưa ra các phán xét giá trị đó.

Định nghĩa của Halstead tương đồng với định nghĩa về giá trị của Shaver và Strong như là các chuẩn mực và nguyên tắc để đánh giá giá trị (worth). Giá trị là tiêu chí để chúng ta đánh giá 'sự vật' như con người, vật thể, ý tưởng, hành động và tình huống là tốt, xứng đáng, đáng mong đợi hoặc ngược lại là xấu, không xứng đáng, đáng khinh (Shaver và Strong, 1976:15, dẫn lại từ Halstead, 1996:5).

Khi định nghĩa giá trị hàm chứa sự định giá trị, câu hỏi nảy sinh sẽ là sự định giá đó mang tính cá nhân, xã hội (cộng đồng) hay là mang tính phổ quát cho toàn thể loài người.

Trên góc độ cá nhân, giá trị là một tập hợp các tiêu chí mang tính chủ quan để đưa ra phán xét về giá trị nào đó. Và trong nghiên cứu thì giá trị mang tính chủ quan này không đạt được tính thực chứng (positivist) vì chúng không công khai cho nhà nghiên cứu có thể quan sát hoặc thí nghiệm.

Đối lập với tiếp cận giá trị cá nhân là giá trị mang tính phổ quát của toàn nhân loại, bất chấp chiều kích không gian, thời gian. Có những hành vi luôn đúng đắn hoặc luôn sai trái ví dụ như lòng nhân ái, quả cảm, tham lam… và mọi người hấp thu các giá trị này như là một hiện thực khách quan.

Nhóm thứ ba là những giá mang tính tương đối gắn liền với một cộng đồng văn hóa cụ thể. Những giá trị này có đặc điểm gắn liền với cộng đồng xã hội tạo ra nó, duy trì nó và khác biệt theo thời gian, và khác biệt giữa các cộng đồng khác nhau. Thành viên của cộng đồng được giáo dục và tiếp thu các giá trị này trong quá trình nhập thân văn hóa (enculturation) của mình và nội tâm hóa (internalization) các giá trị được chia sẻ đó. Trong xã hội đa văn hóa, không phải tất cả mọi người đều chia sẻ cùng một hệ các giá trị. Vì vậy, cần một thiết chế để chuyển tải những giá trị chung cho toàn bộ xã hội. Và trường học là một trong những thiết chế quan trọng đảm trách công việc này.

2. Trường học: giá trị của giáo dục và giáo dục giá trị

Theo Bruner (1996, 13-44, dẫn lại từ Dazzani, 2016: 341), tiếp cận từ góc độ tâm lý văn hóa thì giáo dục gắn liền 9 nguyên tắc (tenets/principles) sau đây: 1) nguyên tắc quan điểm; 2) nguyên

tắc kiềm chế; 3) nguyên tắc kiến tạo; 4) nguyên tắc tương tác; 5) nguyên tắc bộc lộ; 6) nguyên tắc công cụ; 7) nguyên tắc thiết chế tổ chức; 8) nguyên tắc về bản sắc và tự trọng; 9) nguyên tắc tường thuật. Tiếp thu quan điểm của Bruner, Dazzani (2016: 341) cho rằng các nguyên tắc này cho thấy giáo dục là một tiến trình tương tác giữa nhiều cá nhân trong một tiểu cộng đồng với nhau hướng đến việc kiến tạo nên nhận thức của cá nhân về bản thân. Tuy nhiên cái tôi này phải được nhận thức như là một chủ thể bị ấn định bởi các ý định do chính cá nhân mình tạo ra. Giáo dục cung cấp kĩ năng, lối suy nghĩ, cảm thụ, ăn nói, ghi nhớ, tưởng tượng và không bao giờ là trung tính về mặt xã hội, chính trị hoặc kinh tế cả. Lối suy nghĩ, cảm thụ, hoặc tưởng tượng do giáo dục nuôi dưỡng này sẽ giúp cá nhân, đặc biệt là trẻ em, tạo ra một phiên bản thế giới, một tường thuật, trong đó cá nhân được định vị như là hành nhân và nhìn thấy được chỗ đứng của mình (nghĩa là một 'thế giới cá nhân'). Giáo dục phát triển tài năng liên chủ thể, nghĩa là khả năng con người hiểu được tâm trí của người khác và trải nghiệm cùng một thế giới với họ. Đồng thời, giáo dục có một vị trí quan trọng trong việc tạo ra một thứ mang tính phổ quát trong trải nghiệm của con người, đó là hiện tượng 'cái tôi'. Nghĩa là giáo dục hướng đến việc kiến tạo nên 'cái tôi' cho người học, những người bản thân là thành viên của một cộng đồng xã hội cụ thể. Vì vậy người học đồng thời là thành viên của xã hội trong quá trình trải nghiệm cái tôi mang tính động, tương tác, duy lý và phản tư luôn phải đối diện với các nhu cầu của văn hóa và giáo dục. Cho nên luôn có mối quan hệ trực tiếp giữa cái tôi và tính chủ thể của mỗi cá nhân trong việc đánh giá quỹ đạo cuộc sống và vị trí của bản thân. Quá trình này kết hợp giữa cái mà con người tin tưởng và mong đợi ở bản thân với cái mà xã hội mong đợi ở mỗi cá nhân. Nói cách khác, giáo dục trong quá trình kiến tạo nên nhận thức về giá trị mang tính chủ quan của mỗi người học (cái tôi) cũng đồng thời đang đan cài hệ giá trị của cộng đồng xã hội vào trong cái tôi đó. Điều cốt lõi là hệ giá trị này không phải đơn nhất mà là một phức hệ bao gồm nhiều không gian/trường (sphere/field) gồm các giá trị khác nhau và được sắp xếp theo thang bậc cao thấp nhất định.

3. Các không gian/trường (sphere/field) giá trị của xã hội

Weber phân tích xã hội hiện đại gồm có một không gian kinh tế, một không gian chính trị, một không gian thẩm mĩ, một không gian nhục cảm, và một không gian học thuật (Weber 1946). Mỗi một không gian sẽ có một giá trị kiểm soát nó và giá trị này sở hữu các quy luật nội tại hoặc logic nội tại của nó trên nền tảng đó nó xác định nên các chuỗi hành động cần thiết để hiện thực hoá giá trị đó (Weber 1946: 123). Như vậy hành động trong các không gian khác nhau sẽ hướng đến việc hiện thực hoá các giá trị khác nhau và được duy lí hoá (rationalized) để đáp ứng mục tiêu mà các giá trị đặt ra, ví dụ như trong không gian kinh tế hành động được tổ chức sao cho chúng hiện thực hoá giá trị của việc tạo ra và tích luỹ của cải của mỗi cá nhân, và vì vậy hành động kinh tế được 'duy lí hoá' để đạt mục tiêu này.

Khái niệm về không gian (sphere) giá trị này của Weber cũng tương tự như khái niệm trường (field) của Bourdieu, hay là khái niệm hệ thống (system) của Luhmann, hay khái niệm 'miền' (domain) của Dumont, cùng chỉ một nhận thức chung về đời sống xã hội như tập hợp nhiều khu vực hoạt động khác biệt, hoặc được tổ chức xoay quanh các tập hợp thực hành tương đối khác biệt, mà mỗi không gian sẽ được quản lý bởi các quy luật riêng của nó, và hình thành theo một cách thức riêng để đáp ứng mục tiêu riêng của nó. Các không gian này ở mỗi xã hội khác nhau sẽ khác nhau, đặc biệt là giữa xã hội truyền thống, phi hiện đại và xã hội hiện đại.

Giá trị tổ chức nên không gian của riêng nó nhằm hiện thực hoá giá trị đó và khi làm như vậy nó tạo ra các thang bậc của các thành tố giá trị trong mỗi không gian. Sự sắp xếp thang bậc của giá trị nghĩa là không gian giá trị tự nó thường được xếp hạng trong tương quan với nhau, và không gian giá trị có thứ bậc cao hơn thường sẽ tổ chức nên cấu trúc không gian của các giá trị thấp hơn. Ví dụ ở Bắc Mỹ thì không gian kinh tế là không gian giá trị cao nhất. Không gian gia đình cũng có giá trị nhưng không cao bằng. Vì vậy không gian gia đình phục vụ cho việc hiện thực hoá mục tiêu của không gian kinh tế ví dụ như sản sinh ra các cá nhân độc lập có khả năng làm việc và tiêu dùng hiệu quả (Birken

1988). Điều này có nghĩa là nghiên cứu 1 nền văn hoá được tổ chức quanh giá trị phải xem xét đến tổ chức mang tính thứ bậc của các không gian giá trị trong mối tương quan với nhau, cũng như chú trọng đến việc tổ chức các yếu tố trong không gian cá nhân. Thực hành hoặc hoạt động văn hoá hầu hết là để hướng đến việc hiện thực hoá một hoặc nhiều giá trị vốn có thứ bậc khác nhau và thuộc các không gian giá trị cạnh tranh nhau về tầm quan trọng trong kiến tạo nên đời sống xã hội.

4. Cạnh tranh giữa các không gian giá trị và các giá trị trong một không gian

Weber và Berlin cho rằng giá trị luôn cạnh tranh với nhau và không có trường hợp nào trong đó một thang bậc ổn định sẽ luôn giữ vững giữa tất cả các không gian giá trị trong một xã hội. Weber nhận định rằng "các không gian giá trị đa dạng trên thế giới luôn trong tình trạng mâu thuẫn không thể hoà giải với nhau" (1946:147). Còn Berlin thì lập luận rằng "Tôi tin rằng nếu mục đích của con người là đa dạng, và tất cả chúng về nguyên tắc không tương thích với nhau, thì khả năng mâu thuẫn và cả bi kịch có thể không thể bao giờ bị loại trừ khỏi đời sống con người, cả ở góc độ cá nhân và xã hội. Nhu cầu cần lựa chọn giữa các mục đích tối thượng là một đặc điểm không thể tránh khỏi của tình trạng nhân sinh" (Berlin, 1998:239).

Dumont (1977, 1980 , 1986) thì nhận định rằng các xã hội được tổ chức bởi các giá trị tối cao và rằng các nền văn hoá (ông còn gọi là các tư tưởng) có thể được tìm hiểu theo quan điểm tập trung vào cách thức những giá trị tối thượng tổ chức nên các mối quan hệ giữa những giá trị khác. Quy luật này sẽ không áp dụng được với một nền văn hoá đang chuyển đổi và một giá trị tối thượng cũ đang lụi tàn dần hoặc đang bị áp lực của một giá trị tối thượng mới (Dumont 1994; xem thêm Robbins 2004).

Đời sống văn hoá xã hội tràn ngập những trường hợp trong đó một thực hành được coi là có giá trị cao trong một bối cảnh nhưng lại bị loại bỏ trong một tình huống khác và thay bằng một hành động hướng đến mục tiêu có giá trị cao hơn. Vì vậy đối với thành viên của một xã hội thì sự chuyển đổi này không được coi là mâu thuẫn hay là không đạt về mặt đạo đức.

Nói cách khác, các giá trị được xếp hạng trong tương quan với nhau, trong đó mỗi giá trị có tầm ảnh hưởng văn hoá quan trọng nhất là ở chỗ nó tổ chức nên một hành động hay các loại hành động hướng đến việc thực thi mục tiêu nó đề ra. Giá trị quan trọng nhất trong một xã hội sẽ có khuynh hướng tổ chức không chỉ một hoạt động đơn nhất mà là xâu chuỗi các hành động hướng đến việc thực thi mục tiêu nó đặt ra. Các hành động trong chuỗi này cũng ghi nhận các giá trị được xếp loại thấp hơn, nhưng đặc điểm quan trọng nhất của nó là đóng góp vào việc hiện thực hoá một giá trị có vị trí cao hơn. Có thể nói là các giá trị cao hơn tổ chức toàn bộ không gian hành động của con người. Trong một không gian nhất định, việc sắp hạng các hành động sẽ gắn chặt với việc hiện thực hoá giá trị tổ chức nên hành động các đó.

Thay lời kết: Giáo dục giá trị trong trường học: chuyển tải giá trị tối cao và kiến tạo thành viên xã hội

Trường học và các thiết chế giáo dục khác phải nhìn nhận được sự đa dạng của giá trị trong các cộng đồng cư dân cũng như xã hội nói chung, và các mục tiêu đặt ra của nhà nước trong giáo dục nên công dân của mình. Nhiệm vụ của trường học là phải phát triển được sự hiểu biết về giá trị của học sinh và giúp học sinh phát triển hệ giá trị của chúng.

Trường học là thiết chế phụ trách việc giáo dục của trẻ em và thanh niên, bao gồm trong nó các môi trường được cấu trúc theo văn hóa với nhiều hoạt động và trách nhiệm đa dạng. Trường học vì vậy chịu trách nhiệm rèn dạy các kế tục văn hóa và công cụ văn hóa quan trọng nhất cho các thế hệ mới cho xã hội, cả về mặt kiến thức, kĩ năng và năng lực sao cho phép sự phát triển của cá nhân học sinh và nhờ đó là cả sự phát triển của chính xã hội. Do đó, mục tiêu chủ đạo của trường học là phát triển tri thức, xã hội hóa và tiếp thu kĩ năng cho học sinh (Branco 2018: 30).

Trường học một mặt theo đuổi việc truyền dạy kiến thức và kĩ năng phù hợp cho giới trẻ sao cho các em có thể trở thành thành viên thích ứng tốt và điều chỉnh tốt trong xã hội, vì vậy đồng nghĩa với việc tạo ra sự tái tạo hệ thống văn hóa của chính xã hội đó. Tuy nhiên vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu, đặc biệt là trong

những xã hội đang chuyển đổi nhanh chóng như Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện tại, là không gian/trường giá trị nào có vị trí tối thượng trong xã hội để trường học có thể đảm trách nhiệm vụ chuyển tải nhận thức giá trị đó cho học sinh trong quá trình nội tâm hóa của các em. Định hướng và kì vọng của xã hội đương đại cần được xác định để trên cơ sở đó cấu trúc thang bậc của các không gian giá trị và của các giá trị được kiến tạo cho phù hợp. Có như vậy thì một khi được nội tâm hóa thông qua giáo dục, các giá trị này mới có thể định hướng hành động của các thành viên xã hội hướng đến việc hiện thực hóa các giá trị mang tính đương đại tương thích với bối cảnh không gian và thời gian tạo nên chúng. Và khi đó, trường học sẽ có thể hoàn thành được nhiệm vụ giáo dục giá trị của mình cũng như tái tạo và củng cố được giá trị thiết chế giáo dục của nó trong đời sống xã hội.

T.T.H.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Berlin, Isaiah 1998. The Proper Study of Mankind: An Anthology of Essays. New York: Farrar, Straus & Giroux

2. Birken, Lawrence. 1988. Consuming Desire: Sexual Science and the Emergence of a Culture of Abundance, 1871–1914. Ithaca, NY: Cornell University Press

3. Branco, A. U. 2018. “Chapter 2” in Alterity, Values, and Socialization, Cultural Psychology of Education, volume 6 edited by A. U. Branco and M. C. Lopes-de-Oliveira, Springer International Publishing AG 2018; pp 31- 50

4. Branco, A. U. 2015. “Values and their ways of guiding the psyche.” In J. Valsiner, G. Marsico, N. Chaudhary, T. Sato, & V. Dazzani (Eds.), Psychology as the science of human being: The Yokohama Manifesto (pp. 225–244). Cham, Switzerland: Springer

5. Bruner, J. 1996. The culture of education. Cambridge Mass, London: Harvard University Press

6. Dazzani, Virginia. 2016. “Education: the process of becoming”, in Psychology as the science of human being: The Yokohama manifesto,

edited by Valsiner, Marsico, Chaudhary, Sato and Dazzani. New York: Springer international publishing, pp 337-347

7. Dumont, Louis. 1977. From Mandeville to Marx: The Genesis and Triumph of Economic Ideology. Chicago: University of Chicago Press

8. Dumont, Louis. 1980. Homo Hierarchicus: The Caste System and its Implications, trans. Mark Sainsbury, Louis Dumont, and Basia Gulati. Chicago: University of Chicago Press

9. Dumont, Louis. 1986. Essays on Individualism: Modern Ideology in Anthropological Perspective. Chicago: University of Chicago Press

10. Dumont, Louis. 1994. German Ideology: From France to Germany and Back. Chicago: University of Chicago Press

11. Halstead, Mark. 1996. "Chapter 1: Values and Values education in schools", in Values in education and education in values, edited by Mark Halstead and Monica Taylor. London and Washington: Routledge Faimer. pp 2-13

12. Matusov, E., & Lemke, J. 2015. "Values in dialogic pedagogy." Dialogic Pedagogy: An International Online Journal, 3

13. Robbins, Joel. 2007. "Between Reproduction and Freedom: Morality, Value, and Radical Cultural Change," Ethnos 72 (3): 293 – 314

14. Robbins, Joel. 2009. "Value, Structure, and the Range of Possibilities: A Response to Zigon," Ethnos 74 (2): 277 – 285

15. Weber, Max. 1946. From Max Weber: Essays in Sociology, trans. H. H. Gerth and C. W. Mills. New York: Oxford University Press

16. Weber, Max. 1949. The Methodology of the Social Sciences, trans. E. A. Shils and H. A. Finch. New York: Free Press

SỰ CẦN THIẾT PHẢI GIÁO DỤC GIÁ TRỊ CHO HỌC SINH Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Phạm Thị Hằng*

1. Đặt vấn đề

Trong đời sống xã hội, giáo dục và đào tạo là lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc ở mọi thời đại. Trong xu thế phát triển tri thức ngày nay, giáo dục - đào tạo được xem là chính sách, biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cho sự phát triển xã hội, muốn phát triển xã hội phải chăm lo nhân tố con người về thể chất và tinh thần, nhất là về học vấn, nhận thức về thế giới xung quanh để họ có thể góp phần xây dựng và cải tạo xã hội. Giáo dục góp phần nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc. Ngày nay, giáo dục và đào tạo còn góp phần tạo ra hệ thống giá trị xã hội mới. Trong nền kinh tế tri thức hiện nay, tri thức là sản phẩm của giáo dục và đào tạo, đồng thời là tài sản quý giá nhất của con người và xã hội. Sở hữu tri thức trở thành sở hữu quan trọng nhất được các nước thừa nhận và bảo hộ.

Giáo dục giá trị cho học sinh là vấn đề không còn mới mẻ ở nước ta song thời gian qua do nhận thức chưa đầy đủ nên chúng ta vẫn chưa có những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao nhận thức cũng như hành động trong công tác giáo dục giá trị cho học sinh.

* Phân viện Hành chính Quốc gia khu vực Tây Nguyên.

Bài viết tập trung vào việc luận giải sự cần thiết phải giáo dục giá trị cho học sinh. Trên cơ sở đó, một số giải pháp đã được đưa ra nhằm giáo dục giá trị cho học sinh trong bối cảnh hiện nay.

2. Sự cần thiết phải giáo dục giá trị cho học sinh

Một là, xuất phát từ tầm quan trọng của việc xác định giá trị của cá nhân trong giáo dục và xã hội. Ở mỗi thời kỳ lịch sử, nhất là trong bối cảnh hiện nay, do tính đa dạng của sự phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế, do nhận thức, quyền lợi, nguyện vọng, khả năng ... của mỗi người khác nhau nên tự xác định những giá trị để sống và vì nó mỗi người hành động để đạt tới những giá trị đó. Song, ở thời đại nào cũng có những giá trị chung của cộng đồng, của dân tộc, của thời đại. Nếu mỗi cá nhân giải quyết hợp lý những giá trị sống của cá nhân phù hợp với giá trị của dân tộc, của thời đại thì sẽ tạo ra sự đồng thuận trong hành động của cá nhân với dân tộc và khi ấy mỗi người là một chủ thể của sự phát triển nhân cách, góp phần tích cực vào sự phát triển xã hội.

Giáo dục không chỉ dừng lại ở việc dạy học mà còn là khơi gợi những giá trị tốt đẹp vốn sẵn có ở mỗi con người. Giáo dục không phải là phương thuốc thần kỳ khiến cho lý tưởng của các nhà giáo dục trở thành hiện thực, song nó là con đường cơ bản để thế hệ trẻ vừa có được cuộc sống hạnh phúc hơn trong hiện tại đồng thời xây dựng cho mình một tương lai bền vững và an toàn. Học sinh trong quá trình phát triển nhân cách nếu được sớm hình thành và tôn vinh các giá trị đích thực của mình thì các em sẽ có một nhân cách phát triển toàn diện, bền vững, có khả năng chống chọi với mọi biến động xã hội, biết tự khẳng định mình trong cuộc sống bằng chính những giá trị cốt lõi mà được các em cảm nhận. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, những giá trị sống tốt đẹp này có lúc đã bị che lấp khiến chúng ta xa rời với những điều quý giá, quan trọng và có ý nghĩa với chúng ta.

Hai là, xuất phát từ yêu cầu của quá trình toàn cầu hóa và hội nhập. Lịch sử Việt Nam đã trải qua hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, quá trình đó đã rèn luyện và hun đúc nên những thế hệ con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, tinh thần yêu chuộng hòa bình, độc lập, dân tộc, bất khuất, chịu đựng gian

khổ và khó khăn… Những đức tính quý báu đó đã trở thành truyền thống mà hàng ngàn đời nay, những thế hệ con người Việt Nam đã cùng nhau nâng niu và gìn giữ. Qúa trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là tất yếu, và Việt Nam không thể đứng ngoài cuộc xu thế này. Qúa trình toàn cầu hóa mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội song cũng không ít những thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt. Một trong những thách thức đó chính là sự xâm nhập của văn hóa và lối sống ngoại lai đang từng ngày làm cho văn hóa truyền thống có nguy cơ đang dần mai một, bị lãng quên. Đối tượng chịu nhiều tác động nhất đó chính là giới trẻ, cụ thể là học sinh, sinh viên. Để hiện thực hóa mục tiêu "đến năm 2020, tiếp tục xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc; kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật, sống có văn hóa, vì cộng đồng; có năng lực và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng và tác phong lao động tập thể, là những công dân tốt của đất nước" thì việc giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ, nhất là thế hệ học sinh là một việc làm hết sức cần thiết trong công tác giáo dục ở nhà trường.

Ba là, xuất phát từ thực trạng phát triển thể chất, tâm sinh lý ở lứa tuổi các em học sinh trong các trường phổ thông hiện nay. Lứa tuổi học sinh là lứa tuổi đang hình thành những giá trị nhân cách, giàu ước mơ, ham hiểu biết, thích tìm tòi, khám phá song còn thiếu hiểu biết sâu sắc về xã hội, còn thiếu kinh nghiệm sống, dễ bị lôi kéo kích động. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, thế hệ trẻ thường xuyên chịu tác động đan xen của những yếu tố tích cực và tiêu cực, luôn được đặt vào hoàn cảnh phải lựa chọn những giá trị, phải đương đầu với những khó khăn, thử thách, những áp lực tiêu cực. Mặc dù, các em đã có được những giá trị đạo đức, giá trị gia đình, giá trị cuộc sống …từ bậc tiểu học và trung học cơ sở song chỉ đến giai đoạn lứa tuổi này, hệ thống những giá trị đó mới được củng cố và phát triển. Vì vậy, trong giai đoạn này nếu không có sự định hướng giáo dục giá trị từ nhà trường, gia đình và xã hội thì các hệ thống giá trị này sẽ hình thành một cách tự phát, ngẫu nhiên, các em dễ bị lôi kéo vào các hành vi tiêu cực, bạo lực, vào lối sống ích kỉ, lai căng, thực dụng, dễ bị phát triển lệch lạc về

nhân cách. Vì vậy, việc giáo dục giá trị cho các em là rất cần thiết, giúp các em rèn luyện hành vi có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, cộng đồng và Tổ quốc; giúp các em có khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người, sống tích cực, chủ động, an toàn, hài hoà và lành mạnh.

Bốn là, xuất phát từ mục tiêu của nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Trước những yêu cầu của thời đại, việc xác định những giá trị sống là rất quan trọng, vì vậy chúng ta đang tiến hành đổi mới giáo dục như một đòi hỏi tất yếu. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng một nền giáo dục Việt Nam tiên tiến mang đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Đảng ta đã xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần phải có những người lao động mới phát triển toàn diện, do vậy cần phải đổi mới giáo dục nói chung và đổi mới giáo dục phổ thông nói riêng. Giáo dục giá trị cho học sinh là xu thế chung của nhiều nước trên thế giới. Luật giáo dục 2005 đã chỉ rõ: "Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh phong trào "xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" trong đó quan tâm đến giáo dục rèn kỹ năng sống cho học sinh, nhưng chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến giáo dục giá trị sống cho học sinh. Vì vậy, chưa giáo dục đầy đủ phẩm chất nhân cách, mới chỉ chú ý giáo dục kỹ năng sống, tức là giáo dục hành vi, rèn luyện biểu hiện bên ngoài. Cũng vì vậy, học sinh chưa hiểu bản chất của các kỹ năng sống cần thực hiện.

Năm là, xuất phát từ thực trạng hiện nay một bộ phận không nhỏ học sinh chưa xác định chuẩn xác những giá trị sống chủ yếu cốt lõi, vì vậy họ có những biểu hiện thái độ, hành vi lệch chuẩn so với yêu cầu của xã hội. Nhân loại sẽ đi tới đâu, khi giới trẻ có lối sống thực dụng chỉ chạy theo những giá trị vật chất mà bỏ

quên những giá trị tinh thần. Tình trạng giới trẻ sống buông thả, không coi trọng giá trị đạo đức đã và đang diễn ra ở nhiều nơi. Bằng chứng là các phương tiện truyền thông đã đăng tải các bài viết phản ánh về thực trạng này. Chúng lôi bè kéo cánh để đánh nhau (cả trai lẫn gái), thậm chí hành hung cả thầy cô giáo, con giết cha, anh giết em, trẻ vị thành niên cũng gây ra nhiều vụ án mạng. Những hành vi tàn bạo này được đăng trên mặt báo chỉ là những tảng băng nổi, thực tế còn nhiều hơn nữa. Cách đây không lâu người ta choáng váng vì một đoạn video clip nữ sinh đánh bạn đăng tải trên Internet. Trong clip này một cô bé đang bị nữ sinh tóc ngắn vừa đánh tới tấp vào mặt vừa chửi tục với kiểu "dạy dỗ" rất anh chị. Trong khi đó nhiều học sinh khác ngồi chễm chệ ở ghế đá và thản nhiên nhìn vụ đánh hội đồng này. Một thái độ vô cảm không thể ngờ được! Sau đó, dư luận lại đau lòng trước tình trạng gia tăng bạo lực học đường của nữ sinh Việt Nam được phản ánh liên tục trên các phương tiện truyền thông. Đáng báo động hơn nữa hiện tượng sinh viên, học sinh đánh giáo viên cũng gia tăng. Có những giáo viên đang giảng bài, bất ngờ bị học trò lấy mã tấu trong cặp xông lên bục giảng chém trọng thương. Hơn nữa, một số đông bạn trẻ đang chạy theo vòng xoáy của "văn hóa tốc độ". Từ những sách báo không lành mạnh, đến những băng đĩa phim sex được trao cho nhau cách dễ dàng, từ những quán Karaoke buổi tối đến những vũ trường, quán bar thâu đêm, rồi vào những ngôi nhà nghỉ.

Đâu đó vẫn còn tình trạng học sinh vi phạm nội quy, thiếu lễ độ với người lớn, thầy cô giáo, ham chơi, thờ ơ vô cảm hoặc phai nhạt lý tưởng, đặc biệt là tình trạng bạo lực học đường gây nên sự bức xúc lớn trong dư luận xã hội. Cùng với sự du nhập lối sống và sản phẩm công nghệ hiện đại từ các nước phát triển, đã dần dần làm không ít học sinh xa rời các giá trị đạo đức truyền thống tất đẹp vốn vẫn đang phù hợp với thời kỳ hiện đại. Hình thành tư tưởng hưởng thụ, ăn chơi, đua đòi, chịu tác động của tệ nạn xã hội, dễ bị dao động về mặt định hướng đạo đức và lối sống trong bối cảnh một nền kinh tế, xã hội mở cửa. Các quan niệm đạo đức trong một bộ phận học sinh đang bị lệch chuẩn, đặc biệt có quan niệm cho rằng, đạo đức và lợi ích cá nhân là hoàn toàn đồng nhất

trong mọi lúc, ở mọi nơi. Một hiện trạng khác dễ thấy đó là đạo đức học sinh đang trên đà suy thoái trầm trọng. Học sinh ngày càng trở nên thiếu lễ độ với người khác. Hiện tượng học sinh bỏ học, đánh nhau, nói tục chửi thề, ngang ngược, bướng bỉnh, vi phạm pháp luật,… trở nên phổ biến. Dù nhà trường, gia đình, xã hội đã vận dụng nhiều biện pháp giáo dục, tuyên truyền, vận động song không mang lại hiệu quả.

Tất cả những lý do trên dẫn đến việc giáo dục giá trị cho học sinh là vấn đề trở nên cấp thiết hơn lúc nào hết. Hậu quả của hiện tượng suy thoái đạo đức học sinh đó là: Học sinh ngày càng hư hỏng, suy thoái đạo đức nghiêm trọng. Các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức truyền thống không còn được tôn trọng, đề cao. Kết quả học tập kém, chất lượng giáo dục suy giảm. Học sinh mất định hướng trong học tập. Nhiều học sinh thiếu lý tưởng sống, sa đà vào tệ nạn xã hội. Gia đình lo lắng trước tình hình phát triển lệch chuẩn gia tăng của con em mình. Xã hội bất lực trước hiện tượng suy thoái dạo đức ở giới trẻ. Giá trị đạo đức trong xã hội xuống cấp trầm trọng. Sự suy thoái đạo đức của học sinh không những diễn ra theo chiều rộng mà còn cả ở chiều sâu. Học sinh hoang mang không biết như thế nào mới đúng chuẩn mực, đúng đạo lí. Sự bất thường ấy lại đáng lo ngại hơn khi mọi người đều cho rằng điều đó là bình thường.

Nếu chúng ta không có những biện pháp và hành động cụ thể thì tương lai của nền giáo dục nước ta sẽ đi về đâu khi mà thế hệ trẻ chúng ta đã và đang bị những tác động tiêu cực của văn hóa phẩm ngoại lai chi phối ảnh hưởng đến nhân cách và giá trị của chúng.

3. Một số giải pháp nhằm giáo dục giá trị cho học sinh trong bối cảnh hiện nay

3.1. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức về công tác giáo dục giá trị cho thầy, trò và các lực lượng tham gia giáo dục học sinh

Một mặt, cần phải tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức về công tác này cho các thầy cô giáo và các lực lượng tham gia giáo dục học sinh. Điều này đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động quản lí giáo dục của mỗi trường học. Chỉ khi biết, hiểu và vận dụng một cách thành thục các vấn đề đó trong công tác

giáo dục của mình, lực lượng thầy cô giáo mới có thể truyền tải tinh thần và nội dung giáo dục này đến học sinh.

Mặt khác, cần chú trọng giáo dục làm cho học sinh nhận thức đúng các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nhà trường, gia đình, các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải thường xuyên quan tâm bồi dưỡng cho học sinh những tình cảm cao đẹp về tình yêu quê hương, đất nước: "mình vì mọi người, mọi người vì mình", "thương người như thể thương thân", "quên mình vì nghĩa lớn"… Từ đó hình thành cho họ lối sống trong sạch, lành mạnh, những hành vi đạo đức trong sáng phù hợp với các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và thời đại. Để việc giáo dục bồi dưỡng có hiệu quả, cần tổ chức tốt các phong trào hành động cách mạng của học sinh, sinh viên mà tiêu biểu là phong trào: "Thanh niên lập nghiệp và tuổi trẻ giữ nước", "Thanh niên tình nguyện", "Chiến dịch mùa hè xanh"…

3.2. Tăng cường kỉ luật trong nhà trường và ngoài xã hội

Nghiêm khắc với những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật. Giáo dục phải giúp học sinh nhận thức sai lầm và cải thiện bản thân mình. Kết hợp giáo dục và kỉ luật để dần định hình các giá trị đạo đức ở con người. Đến khi con người có thể tự giác rèn luyện mình thì giáo dục và kiện toàn các phẩm chất. Đề cao các chuẩn mực tốt đẹp trong nhà trường và ngoài xã hội. Kiên quyết trấn áp, loại bỏ cái xấu, cái lệch lạc, sai lầm ra khỏi trường học và xã hội. Xây dựng văn hóa gia đình lành mạnh và tiến bộ. Người lớn gương mẫu làm gương sáng cho học sinh noi theo. Một xã hội tốt đẹp là một xã hội trong sạch, lành mạnh. Ở đó, mọi người được tôn trọng và yêu thương.

3.3. Tạo nhiều sân chơi bổ ích có tính giáo dục cao, thu hút học sinh tham gia

Học sinh ngày nay đang sống trong thời kỳ bùng nổ thông tin, kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng. Học sinh đã và đang chịu ảnh hưởng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội. Vì vậy các tổ chức, đoàn

thể, các đơn vị lực lượng vũ trang cần quan tâm định hướng tạo môi trường thuận lợi để học sinh, viên phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành. Cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, nhất là Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng để thu hút, rèn luyện học sinh theo các chuẩn mực đạo đức cách mạng. Kịp thời biểu dương, nhân rộng cách làm hay và kiên quyết uốn nắn những thiếu sót, lệch lạc, những biểu hiện lệch chuẩn trong đạo đức, lối sống của thanh niên.

3.4. Phải kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh

Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng cùng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, hình thành phẩm chất cao đẹp của con người mới XHCN. Trước hết gia đình là nơi lưu giữ các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, là môi trường đầu tiên hình thành đạo đức cho học sinh. Gia đình là nơi mà tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó trong gia đình, ông bà, cha mẹ phải thật sự mẫu mực, làm gương về đạo đức, yêu thương, chăm lo bồi dưỡng thế hệ trẻ. Để giáo dục đạo đức cho thanh niên, mỗi gia đình cần giữ gìn đạo đức, nề nếp gia phong, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, làm cho các giá trị đó ngày càng toả sáng, góp phần bồi dưỡng tư tưởng tình cảm cao đẹp cho thế hệ con cháu. Nhà trường không chỉ dạy chữ, dạy nghề mà còn là nơi dạy người. Giáo dục lý tưởng, đạo lý làm người là nội dung giáo dục hàng đầu trong nhà trường hiện nay và phải đặc biệt coi trọng.

3.5. Phát huy vai trò tự học tập, tự du dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của học sinh

Học sinh là lớp người trẻ, khoẻ, có nhiệt tình cách mạng, nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ. Phát huy vai trò của học sinh trong tự học tập, tự tu dưỡng đạo đức lối sống là biện pháp quan trọng giúp họ nhanh chóng tiến bộ, trưởng thành. Đó còn là điều kiện quyết định kết quả rèn luyện của mỗi cá nhân. Trước hết phải hình thành cho học sinh nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để học

sinh phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho học sinh. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của học sinh về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống. Đồng thời mỗi học sinh phải xác định rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ. Bản thân mỗi người tự giác rèn luyện, biết tự kiềm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, lợi mình hại người.

3.6. Đổi mới nội dung chương trình sách giáo khoa còn nặng về kiến thức, chưa có chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh

Đã đến lúc xã hội cần nhìn nhận vấn đề đạo đức học sinh, sinh viên trong nhà trường hiện nay với một tinh thần trách nhiệm và nghiêm túc. Cần phải đổi mới hoàn toàn cách thức mà lâu nay chúng ta đã dùng để giáo dục đạo đức học sinh. Bản thân giáo dục đã mang tính xã hội hóa, nhà nước cần tạo điều kiện để toàn dân tham gia vào công tác giáo dục học sinh. Điều quan trọng là cần có một môi trường xã hội lành mạnh, mọi người sống tuân thủ pháp luật và tôn trọng những giá trị đạo đức xã hội. Một môi trường xã hội tốt sẽ tác động vào nhận thức của học sinh và các em cũng phải tuân thủ những nguyên tắc ứng xử đã được học trong nhà trường mà cả xã hội đang áp dụng./.

P.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TK (2015), Thực trạng đạo đức học sinh hiện nay và những giải pháp về vấn đề giáo dục đạo đức, ngày 16/09/2015, http://thptnguyendu.edu.vn/TruongTHPTNguyenDuDx/190/3368/5722/13440/Tu-van-hoc-duong/Thuc-trang-dao-duc-hoc-sinh-hien-nay-va-nhung-giai-phap-ve-van-de-giao-duc-dao-duc-.aspx

2. Dương Lê (2017), Bàn về vấn đề đạo đức của học sinh hiện nay, ngày 24/3/2017, https://duongleteach.com/dan-y-van-de-dao-duc-cua-hoc-sinh-hien-nay/

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG - TỪ QUAN ĐIỂM TÌNH YÊU

TS. Nguyễn Văn Loan*

1. Giáo dục là một hình thái đặc biệt, là nền tảng tạo ra cấu trúc xã hội. Tất cả các khía cạnh của xã hội có thể nói đều được tham chiếu từ giáo dục. Nói cách khác, giáo dục tạo ra mọi định đề để hình thành xã hội, do vậy giáo dục chính là xã hội, không có giáo dục thì không có xã hội, con người chỉ là những sinh vật sống mà thôi. *"Con người chỉ có thể trở thành người thông qua giáo dục. Con người không gì khác hơn là những gì được giáo dục tạo nên."* Kant (về giáo dục năm 1803).

Mục đích tối thương của giáo dục theo chúng tôi là tạo ra tính giá trị cho con người, làm cho con người ý thức được giá trị của bản thân đồng thời tôn trọng giá trị của tha nhân, giá trị của muôn loài, muôn vật. Trên cơ sở đó, giáo dục mở ra những cách thức, những con đường để xã hội loài người duy trì giá trị của mình trên tất cả mọi loài thọ tạo.

Theo đó, giá trị cốt lõi nhất của con người chính là Tình Yêu. Tình yêu là sự biểu hiện sống động nhất của giá trị con người, của xã hội loài người mà những giống loài khác không có hoặc không được biểu thị một cách tường minh, vì chỉ có duy nhất con người được mạc khải với một tình yêu trọn hảo từ thượng đế theo Kinh Thánh.

* Trường Đại học Đồng Tháp

Nhìn vào thế giới ngày hôm nay, chúng ta thấy giá tình yêu đang ngày càng hư hao . Mỗi ngày chúng ta chứng kiến rất nhiều những bất hạnh của con người vì nhiều lí do khác nhau nhưng chung quy do con người ngày càng rời xa nguyên lí tình yêu. Sự xa rời tình yêu biểu hiện khắp mọi nơi, mọi lĩnh vực mà nguy hại nhất là trong môi trường giáo dục. Nền giáo dục của chúng ta ngày càng mất phương hướng. Chúng ta loay hoay tìm cách khắc phục nhưng mọi cố gắng đều chưa đem lại kết quả. Chỉ khi nào chúng ta lấy tình yêu làm quy chiếu cho mọi hoạt động thì mới hi vọng tìm lại được giá trị vốn có của giáo dục.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin được đặt vấn đề về vai trò, trách nhiệm của gia đình và nhà trường trong việc giáo dục giá trị cho học sinh theo tinh thần Kinh Thánh trong Tông huấn của Đức Giáo Hoàng Benedict XVI với chỉ dẫn cốt lõi *"Tình yêu trong sự thật và Sự thật trong tình yêu"*.

2. Trước khi đi vào những trao đổi, chúng ta phải nhìn nhận rằng nền giáo dục của chúng ta hiện nay đang có rất nhiều vấn đề khiếm khuyết. Tất cả các khía cạnh của nền giáo dục từ vấn đề đường lối chính sách, vấn đề giảng dạy, vấn đề thi cử…đều tồn tại những mặt hạn chế. Trong đó, đáng báo động hơn cả là vấn đề giá trị đạo đức trong trường học. Những vấn đề nhức nhối như giáo viên bạo hành học sinh, suất ăn của học sinh bị cắt xén, học sinh hỗn láo với giáo viên, học sinh đánh nhau, phụ huynh hành hung giáo viên, gian lận thi cử…đó thật sự là những biểu hiện nghiêm trọng. Nguyên nhân của vấn đề có nhiều nhưng như đã đề cập nguyên nhân sâu xa là do giáo dục không gắn với phạm trù Tình Yêu.

Vậy thế nào là Tình yêu? Quan điểm thần học Thánh Kinh cho rằng tình yêu là *sự thật,* tình yêu thuộc về sự thật thuộc về chân lí. Tình yêu tồn tại trong sự thật và sự thật tạo ra tình yêu - "Yêu trong sự thật".

2.1. Xin được áp dụng quan điểm "yêu trong sự thật" để nhìn nhận vấn đề giáo dục giá trị đạo đức trong nhà trường từ vai trò và trách nhiệm của các bậc phụ huynh.

Chúng ta biết rằng, gia đình chính là nền tảng của giáo dục, là yếu tố quyết định đầu tiên về việc giáo dục. Tiếc rằng rất nhiều

gia đình, rất nhiều phụ huynh không lĩnh hội được vai trò quan trọng ấy. Họ không có một cái nhìn thấu đáo trong cách giáo dục con cái, từ đó làm nảy sinh những hệ lụy tiêu cực trong việc hình thành vấn đề nhân bản cho con em mình. Nguyên nhân là do họ không có được một điểm nhìn thấu triệt về tình yêu giành cho con cái. Họ yêu thương con cái nhưng lại không thật rõ tình yêu đó , hệ giá trị nào là biểu thị đúng đắn về tình yêu. Trong nhiều trường hợp, những biểu hiện của họ để thể hiện tình yêu với con trẻ chỉ là cảm tính. Một tình yêu đúng nghĩa *"cần được hiểu biết, khẳng định và thực hành trong ánh sáng của sự thật vì không có sự thật, tình yêu suy thoái và trở thành cảm tính"* (CiV, 3). Theo đó, họ chiều chuộng con, xem con cái như những bảo bối, như những ông hoàng bà chúa. Trong cách yêu thương như vậy họ luôn nghĩ hoặc cho rằng con của họ là số một với cả trí tuệ lẫn đức tính. Do vậy, mỗi khi có những biến cố xảy ra ở trường học, họ không bao giờ nhìn nhận vấn đề từ khía cạnh bất toàn của con cái mình mà một mực đổ hết mọi trách nhiệm về phía nhà trường. Điều đó đặc biệt nguy hiểm, vì các bậc làm cha mẹ đã tạo ra cho con cái họ một cái nhìn lệch lạc với bản thân, không nhìn ra được những khiếm khuyết để từ đó hoàn thiện mình. Các em xem cha mẹ như là những "bảo kê" sẵn sàng "chống lưng" cho các em trong mọi trường hợp. Từ sự nhìn nhận đó các em đến lớp với một cái "tôi" tự phụ, tự mãn, lúc đó mọi giáo huấn từ phía nhà trường không còn nhiều giá trị. Một tình yêu như thế là thực trạng *"tình yêu bị hiểu lầm và bị tước đoạt ý nghĩa. Tình yêu trở thành một cái vỏ trống rỗng, được lấp đầy một cách tùy tiện"* (CiV, 3). Con người chỉ yêu thực khi các hành động của mình phù hợp với sự thật "*Chỉ có ở trong sự thật thì tình yêu mới chiếu sáng, chỉ có trong sự thật thì tình yêu mới thực sự sống. Sự thật là ánh sáng mang lại ý nghĩa và giá trị cho tình yêu"* (CiV, 3). Tinh thần về tình yêu như vậy nếu được các bậc phụ huynh nhìn nhận sẽ là điều rất có ý nghĩa. Bởi lẽ khi tình yêu thương gắn với sự thật, các bậc cha mẹ sẽ có cái nhìn thấu đáo về con cái mình. Mỗi người sẽ không còn ồn ào quy kết hết mọi trách nhiệm từ phía người làm giáo dục. Họ sẽ nhìn thấy "sự thật" về những sai trái của con em mình, từ đó sẽ cảm thông và cùng với nhà trường nỗ lực tìm ra giải pháp để giáo dục các em.

Từ những trao đổi trên, có thể thấy nếu phía phụ huynh học sinh ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình một cách thấu đáo thì vấn đề giáo dục, nhất là giáo dục giá trị đạo đức cho các em đã đạt được thành công bước đầu. Điều đó thật sự có giá trị là nền tảng quan trọng trước khi các em được trau dồi một cách sinh động hơn về các giá trị trong nhà trường.

2.2. "*Sự thật trong tình yêu'* mệnh đề này xin được dùng để nói về vai trò và trách nhiệm từ phía người làm giáo dục

Chúng ta cố gắng tạo ra nhiều kết quả từ giáo dục nhưng lại rời xa giá trị cốt lõi nhất là giá trị đạo đức. Vì không chú trọng giá trị đạo đức nên chúng ta có tư duy "hướng ngoại", chạy theo những hệ giá trị hình thức mà không chú tâm vào hệ giá trị "hướng tâm". Một nền giáo dục được xem là ưu việt không phải ở những thành tựu bên ngoài mà quan trọng hơn phải tạo ra được những con người có "chiều sâu" nội tâm, biết yêu thương, biết sẽ chia với những gì diễn ra bên cạnh mình. Chỉ có tình yêu thương con người mới có giá trị, *"tri thức thiếu tình yêu thì cằn cỗi"* (CiV. 30).

Nhìn vào thực trạng giáo dục ngày hôm nay, chúng ta thấy do không lấy tình yêu làm cương lĩnh nên những hoạt động của giáo dục đều trở nên phiến diện. Người học không tìm thấy được niềm vui và ý nghĩa của việc học. Ngược lại, việc học với phần lớn trở thành một áp lực, thậm chí là một gánh nặng. Từ đường hướng giáo dục, cấu trúc chương trình, cách thức đánh giá…đều chưa dựa vào tính giá trị cốt lõi của giáo dục, chưa lấy tiêu chí hạnh phúc của người học làm đích đến. Để giải quyết những vấn đề của giáo dục hiện nay thiết nghĩ cần phải thay đổi cách nghĩ, cách làm ở tất cả các mặt. Từ nhà quản lý đến giáo viên, từ cấu trúc chương trình đến đánh giá thi cử… tất cả phải lấy tình yêu với học sinh và lấy hạnh phúc của học sinh làm đích đến, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động dạy và hoc.

Về mặt quản lí, các nhà chuyên môn cần tạo ra một đường lối giáo dục nhân văn, lấy sự hình thành các vấn đề nhân bản làm mục tiêu bên cạnh trang bị các kiến thức cần thiết, phù hợp cho mỗi cấp học. Không đặt nặng kết quả đánh giá thi cử mà quan trọng sau mỗi lớp học, mỗi cấp học chúng ta phải nhìn nhận được năng lực

tự nhiên riêng của các em từ đó sẽ có những tư vấn những gợi ý để các em phát huy được hết tiềm năng cá nhân của mình. Cuộc sống rất rộng lớn, kiến thức là vô cùng do vậy một khuôn mẫu đánh giá cứng nhắc ở nhà trường sẽ vô tình trở thành một áp lực cho học sinh đồng thời triệt tiêu ý chí sáng tạo của các em. Như vậy có thể thấy ở góc độ các nhà quản lí rất cần áp dụng nguyên tắc tình yêu vào trong mọi hoạch định chính sách giáo dục. Chúng ta muốn đào tạo ra những thành tích cao trong giáo dục là "sự thật" nhưng sự thật đó cần xuất phát từ tình yêu đối với các em vì nếu không chúng ta sẽ chỉ lấy được cái thành tích bên ngoài mà phần cốt lõi nhất là hạnh phúc của người học lại không có và đó là căn nguyên của những sự bất cập trong giáo dục hiện nay.

Về giáo viên những người trực tiếp đứng lớp, đây là mắt xích quan trọng nhất quyết định sự thành bại của nền giáo dục.

Một so sánh thường được sử dụng khi nói về vai trò của người giáo viên đó là mỗi giáo viên như là những kỷ sư tâm hồn. So sánh này khẳng định vai trò quyết định của giáo viên trong việc quyết định thành bại trong việc hình thành nhân cách của các học sinh. Dù vậy trong xã hội hôm nay, một bộ phận không ít giáo viên không xứng đáng với vai trò thiêng liêng đó. Họ hành xử với học sinh một khi các em mắc lỗi giống như một phạm nhân tư liệu cho hiện trạng này chắc chúng ta có đủ. Điều đáng báo động ở đây là trong một xã hội mở, xã hội của truyền thông của các mạng xã hội, mỗi cá nhân đều biết rõ rằng mỗi hành vi của mình sẽ bị bóc mẽ, bị truyền tải và bị lên án, vậy nhưng cứ một thời gian ngắn chúng ta lại nghe về một vụ bạo hành học sinh nhất là ở cấp tiểu học và mầm non. Câu hỏi đặt ra là nếu những giáo viên hiện nay làm việc cách đây vài thập niên khi mọi vấn đề chỉ được biết trong một không gian hẹp không có phương tiện để truyền tải ra ngoài đại chúng thì sự bạo hành sẽ ở mức nào. Đặt câu hỏi như vậy để thấy vấn đề đạo đức của một bộ phận giáo viên hiện nay nguy hại đến mức nào. Vậy nguyên nhân do đâu, xin được khẳng định do không có tình yêu. Do không có tình yêu con trẻ, tình yêu với công việc. Vì không có tình yêu nên họ luôn thấy đủ thứ lí do nào là áp lực công việc, áp lực thành tích, áp lực cuộc sống thu nhập… để hành hạ học sinh. Mỗi khi xảy ra sự cố bị lên án họ giải thích

rằng phạt các em vì muốn các em ngoan hơn, các em nên người… nhưng có một điều họ không ý thức được rằng họ phải làm điều đó trong tâm tình yêu thương chứ không phải đối xử với các em bằng bạo lực. Vì bạo lực không bao giờ là giải pháp để hướng đến hoàn thiện một nhân cách tốt, ngược lại đó chính là mầm mống gieo vào tâm hồn các em sự thù hận. Hơn bất cứ ai thiết nghĩ mỗi giáo viên cần ý thức một cách sâu sắc tông huấn "Sự thật trong tình yêu".

Giải pháp cho vấn đề này, theo chúng tôi cần làm tốt việc đào tạo giáo viên ngay từ khâu tư vấn tuyển sinh. Mỗi cơ sở đào tạo sư phạm cần gợi mở để những ai có ý định và mong muốn theo học nghành sư phạm và sau này làm giáo viên ý thức được rằng giáo viên không chỉ là *nghề* mà là một cái *nghiệp*. Cái *nghiệp* giáo viên gắn với những vất vả sớm khuya, những áp lực từ nhiều phía, những thử thách về thu nhập…và trên tất cả cái *nghiệp* này phải lấy tình yêu học sinh làm cùng đích mà không có điều kiện đính kèm. Hiện nay việc tuyển sinh của nghành sư phạm đang gặp nhiều khó khăn. Những học sinh khá giỏi ít quan tâm đến sư phạm. Trong bói cảnh đó, các cơ sở đào tạo sư phạm đang cố gắng dùng hết "kỷ năng" tuyển sinh để thu hút người học, đây là một vấn đề chứa đựng nhiều rủi ro. Chúng tôi cho rằng, dù rất cần người học nhưng không vì thế mà chúng ta vẽ ra những bức tranh màu hồng khi tư vấn tuyển sinh mà cần tư vấn trung thực. Vì nếu tư vấn không trung thực, chúng ta đang đặt nền móng cho một thế hệ giáo viên không có tình yêu với nghề và nguy cơ về những vấn nạn giáo dục đang chờ đợi phía trước. Chúng ta chỉ có thể hi vọng vào một thực trạng giáo dục tốt hơn khi ngay từ đầu những người muốn đến với nghề này ý thức được cái *nghiệp* giáo viên của mình.

3. Với những trao đổi về thực trạng giá trị trong nhà trường dưới góc nhìn của tinh thần Kinh Thánh, chúng tôi không xem đây là một tham luận có tính chất nghiên cứu chuyên nghành mà chỉ đưa ra một cách nhìn có tính trực quan. Chúng tôi nhận thấy sự thuyết phục và cần thiết của tông huấn Tình Yêu và Sự Thật trong việc điều chỉnh những hành vi liên quan đến giáo dục giá trị trong nhà trường hiện nay. Sự điều chỉnh này phải lấy Tình yêu và Sự thật làm cơ sở, lấy việc tạo ra giá trị nhân bản làm mục tiêu

của mọi hoạt động dạy và học. Xin được kết thúc những trao đổi bằng một trích dẫn về tình yêu trong tông huấn của Đức Benedict XVI *"Tình Yêu – caritas* – là một sức mạnh phi thường thúc đẩy con người can đảm và quảng đại dấn thân trong lĩnh vực công lý và hòa bình. Tình yêu là nguyên tắc không những của các quan hệ vi mô (với bạn bè, các thành viên trong gia đình hoặc trong những nhóm nhỏ) mà còn là của những quan hệ vĩ mô (xã hội, kinh tế và chính trị)" (CiV, 2).

N.V.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. "Ever Ancient, Ever New, *Caritas in Veritate* and Catholic Social Doctrine", Linh mục Thomas D. Williams, L.C., Alpha Omega, XIII, n.1, 2010 – pp. 45-66

2. "Love, Truth and the Economy: A Reflection on Benedict XVI's *Caritas in Veritate",* Giáo Sư Luật John M. Breen, Loyola University Chicago School of Law, Havard Journal of Law & Public Policy, Vol. 33.

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CHO HỌC SINH TRONG NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG - NHỮNG NGHIÊN CỨU NỔI BẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA

*PGS. TS. Trần Huy Hoàng**

1. Lời mở đầu

Thế giới ngày càng phẳng, cuộc cách mạng 4.0 rút ngắn khoảng cách trên toàn cầu, khoa học kĩ thuật và công nghệ thông tin phát triển như vũ bão. Cùng với sự phát triển đó, quá trình giao lưu, hội nhập trở thành một xu thế tất yếu, diễn ra vô cùng mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế, văn hóa, chính trị cho tới y tế, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Đây là thời điểm Việt Nam đang có sự du nhập nhanh chóng và đồng thời của các nền văn hóa Đông, Tây. Trong bối cảnh đó, những giá trị văn hóa cần đặc biệt được chú trọng trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* của Chính phủ *đã chỉ rõ vai trò của văn hóa trong bối cảnh hiện nay:* "Bản sắc dân tộc là vấn đề trọng đại, sống còn của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, văn hóa là một lĩnh vực dễ bị tổn thương, trong đó bản sắc văn hóa, văn hóa dễ bị tổn thương hơn cả. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc với tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại sẽ làm phong phú cho văn hóa đất nước, thúc đẩy văn hóa phát triển"[1]. Văn hóa có vai trò quan trọng trong quá trình kiến tạo và phát triển văn hóa dân tộc và

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Thủ tướng Chính phủ, *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020,* tr. 5

văn hóa thế giới. Chương trình nghị sự vì sự phát triển bền vững của UNESCO đến năm 2030 đã đưa ra một kế hoạch hành động giải quyết đồng thời 3 phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường thông qua 17 mục tiêu phát triển bền vững trong đó văn hóa đóng một vai trò quan trọng. Trong bối cảnh hiện nay, các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại tiếp tục góp phần quan trọng tạo ra đặc trưng và diện mạo của mỗi quốc gia. Và việc giáo dục các giá trị nói chung và giá trị văn hóa nói riêng cho con người của mỗi dân tộc luôn được đặt ra như một mục tiêu chiến lược của quốc gia, đặc biệt quan trọng đối với lứa tuổi học sinh phổ thông.

2. Kinh nghiệm một số nước trên thế giới trong việc giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh trong nhà trường phổ thông

2.1. Bàn về giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông

Nói đến giáo dục giá trị văn hóa trước hết phải bắt đầu từ giáo dục giá trị. Có thể hiểu giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông là giáo dục nhằm giúp học sinh có nhận thức về những gì là đúng-sai, tốt-xấu, phải-trái, những gì là quan trọng mà học sinh cần có để định hướng cho mình trong cuộc sống, đặc biệt là trong các quan hệ ứng xử với bản thân, với mọi người và với môi trường xung quanh, bao gồm cả môi trường xã hội và tự nhiên. Giáo dục giá trị là một quá trình, bắt đầu từ gia đình và tiếp diễn trong suốt cuộc đời của mỗi người, nhưng giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông đóng vai trò chủ yếu trong việc định hình và hình thành nhân cách của học sinh với tư cách một người học, một công dân, một người lao động trong tương lai.Hiểu như vậy thì giáo dục giá trị góp phần quan trọng vào việc "dạy và học làm người", một trong những cột đỡ chính của giáo dục truyền thống cũng như hiện đại. Tầm quan trọng của giáo dục giá trị trước hết là ở chỗ đó.

Nhằm góp phần vào mục tiêu "dạy và học làm người", giáo dục giá trị trong nhà trường phổ thông thường được thực hiện qua các bài giảng trong chương trình giáo dục đạo đức, giáo dục công dân, và lồng ghép trong các bài giảng của các chương trình môn học khác.Giáo dục giá trị, tổ chức theo cách đó, được gọi là *giáo dục từ bên ngoài*, trong đó các giá trị là cái đã được quy định trong

chương trình giáo dục và nhiệm vụ của nhà giáo là chuyển nó vào bên trong người học. Trong khoảng hai thập kỷ nay, giáo dục giá trị được bổ sung bằng *giáo dục từ bên trong*, tức là giáo dục trong đó cá nhân HS đến với giá trị, xem giá trị như cái không thể thiếu, giá trị được hình thành trong quá trình sống, quá trình học tập tại trường, tại nhà, ngoài xã hội. Trong đó giá trị văn hóa được xem như một lĩnh vực giá trị quan trọng góp phần hình thành nhân cách người học.

Có thể nói văn hóa là nền tảng cần thiết cho mọi mô hình phát triển hướng tới chất lượng. Các doanh nghiệp đã đi đầu trong nhận thức về vai trò này của văn hóa. Để tồn tại trong môi trường cạnh tranh, từng doanh nghiệp đều tìm đến văn hóa như một vũ khí hiệu quả để phát huy lợi thế của riêng mình. Văn hóa doanh nghiệp được xây dựng và được hiểu là nền tảng tinh thần của doanh nghiệp. Nó được tạo nên từ các chuẩn mực, giá trị, niềm tin và thái độ được bồi đắp bền bỉ theo thời gian và xuyên suốt mọi tổ chức cùng hoạt động của doanh nghiệp. Nhờ thế văn hóa doanh nghiệp không chỉ đem lại bộ mặt thương hiệu cho doanh nghiệp, mà điều cốt lõi là ở chỗ nó sản sinh ra một trường lực tạo động lực cho mọi thành viên của doanh nghiệp, phát huy năng lực và sức sáng tạo của họ, giúp doanh nghiệp đứng vững và phát triển.

Tuy nhiên trên thực tế, các nhà trường với tư cách là trung tâm văn hóa, lại chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của chính mình. Cho đến những thập kỷ cuối của thế kỷ 20, dù đã có nhiều đổi mới trong giáo dục phổ thông, như đổi mới chương trình giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, xây dựng chuẩn trường học, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, nhưng việc nâng cao chất lượng giáo dục vẫn dừng lại ở cách tiếp cận "đơn yếu tố"[1]. Cách tiếp cận đơn yếu tố này có thể góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trên một phương diện nào đó nhưng lại thường bị hóa giải bởi tác động của các yếu tố khác. Vì thế, trong khoảng 20 năm nay có một xu thế chung trên thế giới trong việc nâng cao chất lượng giáo dục là chuyển từ cách tiếp cận đơn yếu tố, sang cách tiếp cận tổng thể, với những tên gọi khác nhau như

1. UNICEF. 2009. *Child Friendly Schools*. New York: UNICEF.

xây dựng trường học thân thiện của UNICEF, xây dựng văn hóa nhà trường của Mỹ, xây dựng môi trường giáo dục của OECD. Đó là bước chuyển quan trọng về nhận thức từ cách tiếp cận từng phần, đơn yếu tố sang cách tiếp cận tổng thể, cụ thể là tiếp cận *văn hóa học đường* (VHHĐ) trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Theo Hội đồng VHHĐ quốc gia Mỹ thì "ngày càng có nhiều nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng một VHHĐ tích cực và bền vững sẽ làm giảm việc bỏ học, nâng cao kết quả học tập và phát triển của thanh, thiếu niên, cũng như kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để học sinh, sinh viên trở thành những thành viên hữu ích và có trách nhiệm của xã hội…Nghiên cứu thực nghiệm cũng chỉ ra rằng khi các thành viên nhà trường cảm thấy an toàn, được chăm lo, tin cậy và coi trọng thì kết quả học tập tăng lên, còn giáo viên thì hài lòng và yêu nghề hơn"[1]. Vì thế ngày nay, ở nhiều nước trên thế giới, VHHĐ được coi là hòn đá tảng của mọi nhà trường có chất lượng. Nó là nền tảng không thể thiếu được trong mọi nỗ lực cải cách nhằm nâng cao chất lượng giáo dục[2].

Trong một nghiên cứu về tầm quan trọng của VHHĐ trong việc thúc đẩy các môi trường học tập của thế kỷ 21[3], Taylor (2011) cho biết gần 60 năm qua, kể từ khi Liên Xô phóng thành công sputnik vào năm 1957, nước Mỹ đã trải qua nhiều đợt cải cách giáo dục. Tuy vậy, rất nhiều hệ thống trường học trên khắp nước vẫn không có gì khác so với trước. Các cải cách lần lượt thất bại trong việc thực hiện mục tiêu đề ra. Theo tác giả, đó là vì tầm quan trọng của VHHĐ đã bị bỏ qua trong các nỗ lực cải cách. "VHHĐ có khả năng tác động lớn lao vào các kết quả đầu ra của hệ thống

1. Center for social and emotional education. 2010. *National school climate standards*. New York: National School Climate Council

2. Smyth, J., Mclnerney, P., Lawson, M., & Hattam, R. 1999. *School culture as the key to school reform*. South Australia: Flinders Institute for the Study of Teaching

3. Taylor, L. M. 2011. *The Importance of School Culture in the Advancement of 21st Century Learning Environments: A Qualitative Study*. Morgantown, West Virginia: Department of Curriculum and Instruction

giáo dục. Rất nhiều nỗ lực cải cách đã bỏ lỡ cơ hội hoàn thiện văn hóa…Nếu giáo dục tiếp tục phớt lờ tầm quan trọng của văn hóa mà chỉ lo thực hiện hết nỗ lực, chính sách, chương trình này đến nỗ lực, chính sách, chương trình khác thì giáo dục mất đi cơ hội để thực hiện cải cách giáo dục với tinh thần sáng tạo" (Taylor 2011: 25).

2.2. Bàn về giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh trong nhà trường phổ thông

Một trong những con đường phát triển bền vững và hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống đối với học sinh là giáo dục. Qua giáo dục, HS có thể hiểu, từng bước tham gia vào quá trình bảo tồn và nâng tầm các giá trị văn hóa quốc gia, góp phần đưa đất nước hội nhập, sánh ngang cùng các cường quốc năm châu. Thực tế cho thấy, chương trình giáo dục trong các trường học của nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới như Anh, Mỹ, Hàn Quốc….đều rất chú trọng phát triển các giá trị văn hóa cho học sinh,… Chương trình phổ thông của Hàn Quốc nhấn mạnh mục tiêu HS hiểu và phát triển các truyền thống văn hóa của quốc gia này theo từng giai đoạn, từ tiểu học cho đến trung học cơ sở. Từ việc hiểu, HS dần dần tham gia vào quá trình giữ gìn và phát triển nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Đó chính là việc giáo dục văn hóa học đường (VHHĐ).

Cũng nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách, nhà giáo, nhà khoa học, nhận dạng các yếu tố dẫn đến thành công trong nâng cao chất lượng giáo dục, các nhà nghiên cứu của công ty giáo dục hàng đầu thế giới Pearson cho biết "tuy thu nhập là quan trọng, nhưng văn hóa có thể còn quan trọng hơn… Văn hóa xung quanh nhà trường còn quan trọng hơn đồng tiền trong việc cải thiện giáo dục"[1].

Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về VHHĐ. Tuy nhiên, các định nghĩa đều xoay quanh một nội dung cốt lõi, theo đó VHHĐ có thể hiểu là hệ các chuẩn mực, giá trị, tạo nên đời sống nhà

1. The Economist Intelligence Unit. 2012. *The learning curve. Lessons in country performance in education*. London: Pearson

trường. VHHĐ nảy sinh từ những hoạt động, thái độ và quan hệ ứng xử có ý thức và không có ý thức trong quản lý, giảng dạy và học tập của nhà trường. Các cán bộ quản lý, nhà giáo, người học, phụ huynh đều đóng góp vào VHHĐ theo cả hai phía tích cực và tiêu cực. Nếu các chuẩn mực, giá trị tạo nên văn hóa nhà trường không được làm rõ, xây dựng và phát triển một cách có ý thức thì mặt tiêu cực sẽ có chiều hướng lân át mặt tich cực, mà kết quả cuối cùng là chất lượng dạy và học không đảm bảo, nhân cách người học có vấn đề. Vì thế, theo từ điển thuật ngữ cải cách giáo dục (The Glossary of education reform, 2013 http://edglossary.org/school-culture/), có hai loại VHHĐ: văn hóa tích cực và văn hóa tiêu cực.

Văn hóa tích cực là văn hóa đem đến sự hài lòng của người dạy trong giảng dạy và sự hài lòng của người học trong học tập. Nó được đặc trưng bởi các giá trị như tình yêu nghề, tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, sự ham học, niềm tin, sự hợp tác, thái độ tôn trọng, quan hệ thân thiện v.v. Trong khi đó văn hóa tiêu cực là văn hóa đem đến cho người dạy và người học sự bất an trong giảng dạy và học tập. Nó được đặc trưng bởi các phi giá trị như sự giả dối, bệnh thành tích, bệnh hình thức, bệnh bè phái, bệnh đối phó, thói khôn vặt, thói tùy tiện, thói vô cảm, sự lười nhác v.v…

Nếu như các nghiên cứu về giáo dục giá trị theo tiếp cận từ bên ngoài còn khá ít ỏi, thì các nghiên cứu về giáo dục giá trị theo tiếp cận VHHĐ lại khá phong phú. Các nghiên cứu này cho thấy một tầm quan trọng mới của giáo dục giá trị. Đó là việc nâng cao chất lượng giáo dục trong một tiếp cận tổng thể.

Chương trình giáo dục giá trị được đưa vào Chương trình phổ thông của Australia sau khi Phát hành khung quốc gia cho giáo dục giá trị trong các trường học ở Úc năm 2005, trong khung chương trình này, giáo dục giá trị được xác định là "bất kì hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp thúc đẩy hiểu biết và kiến thức của học sinh về các giá trị và phát triển các kĩ năng và phẩm chất của học sinh để các em có thể thực hành những giá trị cụ thể như là các cá nhân hoặc như là các thành viên trong một cộng đồng rộng lớn hơn.[1].

1. National Framework for Values Education in Australia Schools 2005, p8

Kết quả nghiên cứu (NC) định tính triển khai trên 69 trường học Úc đã cho thấy, có bảy nguyên tắc định hướng cho GDGT hiệu quả, liên quan đến mục tiêu cụ thể của nhà trường; sự lan tỏa các giá trị của trường học, của cộng đồng và việc áp dụng trong hoạt động nhà trường; sử dụng cách tiếp cận toàn nhà trường trong GDGT, tăng năng lực thích ứng cho HS; tạo môi trường học tập an toàn và hỗ trợ cho HS khám phá các giá trị của bản thân, của trường học và cộng đồng; sự thể hiện của giá trị trong chương trình giảng dạy; sự thể hiện của giá trị qua các kết quả cụ thể, khả thi, có minh chứng, có đánh giá; và đội ngũ giáo viên đủ năng lực để có thể sử dụng các mô hình, chiến lược khác nhau trong GDGT. [1]

Các cách thức thực hành CT GDGT đã được đưa ra là: thiết lập và thống nhất và chia sẻ giá trị ngôn ngữ trên toàn trường; sử dụng các phương pháp sư phạm tập trung vào giá trị và tập trung thể hiện ở các khía cạnh của chương trình giảng dạy; phát triển giáo dục giá trị như một chương trình giảng dạy tích hợp, chứ không phải là một chương trình, sự kiện ngoài chương trình giảng dạy; dạy các giá trị một cách rõ ràng để học sinh hiểu biết các giá trị ý nghĩa và các giá trị tồn tại như thế nào; mô hình tổng thể các giá trị; phát triển các phương pháp tiếp cận giá trị hấp dẫn, liên quan và được kết nối với ngữ cảnh địa phương, toàn cầu và mang đến cơ hội thực sự cho học sinh; sử dụng các giá trị giáo dục để nuôi dưỡng có ý thức hiểu biết liên văn hóa, gắn kết và hòa nhập xã hội; cung cấp cho giáo viên thông tin, phát triển chuyên môn cho GV; thu thập và theo dõi dữ liệu để cải thiện liên tục giáo dục giá trị.

Vai trò của của giáo dục trong việc hình thành các giá trị của học sinh được thể hiện trong Tuyên bố Melbourne về mục tiêu cho thanh thiếu niên Australia (2008), như được thể hiện dưới đây:

- Tạo dựng những giá trị quốc gia: Là một quốc gia đánh giá cao vai trò của giáo dục trong việc xây dựng xã hội dân chủ, công bằng - một nền văn minh thịnh vượng, gắn kết, văn hóa đa dạng. Trong thế kỷ 21, giáo dục trang bị cho giới trẻ với kiến thức, hiểu biết, kỹ năng và các giá trị để đối mặt với những thách thức của

1. Bộ giáo dục, Khoa học, và Đào tạo Úc. (2003). *Nghiên cứu về giáo dục giá trị*

thời đại. Trường học đóng vai trò sống còn vai trò trong việc thúc đẩy trí tuệ, thể chất, xã hội, phát triển tinh thần, thẩm mỹ, và hạnh phúc của giới trẻ Úc, cung cấp cho học sinh các giá trị quốc gia về dân chủ, công bằng và công lý.

- Phát triển các giá trị cá nhân: trường học cung cấp cơ hội phát triển các giá trị và thuộc tính cá nhân như trung thực, kiên trì và tôn trọng người khác. Trường bồi dưỡng để hình thành những cá nhân : có trách nhiệm với các giá trị quốc gia về dân chủ, công bằng, bình đẳng và tham gia vào cuộc sống công dân của Úc; có thể liên hệ và giao tiếp với các nền văn hóa đa dạng, đặc biệt là các nền văn hóa và các nước châu Á; làm việc cho lợi ích chung, đặc biệt là duy trì và cải thiện môi trường tự nhiên và xã hội; là những công dân địa phương và toàn cầu có trách nhiệm.

Theo quan điểm của Lovat, P.T. (2005)[1], để việc GDGT trở thành phần thiết yếu trong nhà trường, phải tìm thấy mối liên hệ chặt chẽ nhất giữa GDGT và đội ngũ GV cũng như toàn nhà trường, vấn đề 'dạy học có chất lượng' được nhấn mạnh – với các khía cạnh về chiều sâu trí tuệ, các năng lực giao thoa lẫn nhau và khả năng tự chiêm nghiệm. Tác giả chỉ ra sự hoạt động tương hỗ, đồng bộ giữa các khía cạnh này và GDGT. Tạo lập được mỗi liên hệ hiệu quả giữa hai vấn đề này sẽ tạo điều kiện cho việc giải phóng sức mạnh thực sự của GDGT và nâng nó lên thành một lĩnh vực then chốt của mọi nhà trường. Trong GDGT, kiến tạo một môi trường học tập thuận lợi, phù hợp là rất quan trọng, không chỉ đối với việc dạy – học, mà còn vì GDGT phải hướng đến hình thành đạo đức cho người học. Vì vậy, ở đây vai trò của GV là không thể phủ nhận, vì họ vừa cung cấp tri thức cần thiết vừa đóng vai trò to lớn đối với sự phát triển cá nhân và xã hội của người học. Ông cho rằng việc dạy học GDTC có chất lượng, ngoài việc trang bị cho HS những tri thức mang tính 'kĩ thuật', còn phải nuôi dưỡng sự phát triển về mặt cá nhân và xã hội – cũng chính là địa hạt của GDGT.

Báo cáo còn chỉ rõ, khi nghiên cứu phản hồi của những HS có thành tích học tập tốt nhất trong nhà trường về các GV đã từng dạy

1. *Lovat, P.T. (2005). GDGT và công việc của người giáo viên: nhìn từ khía cạnh dạy học có chất lượng*

mình, các em đều nhấn mạnh trước hết đến những khía cạnh như "sự quan tâm của thầy/cô ấy đến em/chúng em", "em tin tưởng thầy/cô ấy", rồi sau đó mới đến các yếu tố "thầy/cô biết rõ những gì mình dạy", "thầy/cô làm cho bài học trở nên thú vị". Như vậy, các khía cạnh về giá trị được xem là quan trọng khi nói tới tác động của GV đối với HS, tiếp đó mới tới hai yếu tố truyền thống là nội dung và phương pháp giảng dạy.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trên thế giới đã xác định được quan điểm về giá trị và giáo dục giá trị, về văn hóa và các giá trị văn hóa, đồng thời cho thấy sự cần thiết phải giáo dục giá trị nói chung, giá trị văn hóa nói riêng trong nhà trường phổ thông. Đó là những kinh nghiệm quý để chúng ta có thể nghiên cứu, tham khảo và vận dụng vào thực tiễn giáo dục của Việt Nam.

3. Giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh trong nhà trường phổ thông Việt Nam

Đối với Việt Nam, giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh, trong bối cảnh đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế có vai trò quyết định đối với quá trình phát triển của mỗi cá nhân các em nói riêng và với tương lai của đất nước nói chung. Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam nhấn mạnh nhiệm vụ, giải pháp trong đổi mới giáo dục là: "Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, giá trị cốt lõi và nhân văn của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tăng cường giáo dục thể chất, kiến thức quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp. Dạy ngoại ngữ và tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng của người học. Quan tâm dạy tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số; dạy tiếng Việt và truyền bá văn hóa dân tộc cho người Việt Nam ở nước ngoài."[1]

Nghị quyết số 33/NQ-TW của Hội nghị thứ 9, Ban chấp hành

1. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam, tr.2*

Trung ương Đảng khóa XI về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước* đã chỉ ra những thành tựu đáng kể trong việc phát huy những thành tựu văn hóa truyền thống của dân tộc cùng với sự hình thành của nhiều giá trị văn hóa mới. Tuy vậy, Nghị quyết cũng chỉ rõ :"So với những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh" [1]. Trên thực tế, sự xuống cấp của văn hóa là một trong những điểm "nóng" được xã hội đặc biệt quan tâm. Nhiều hiện tượng xuống cấp, đánh mất các giá trị văn hóa đang diễn ra hiện nay đặc biệt trong giới học đường gây ra mối lo ngại lớn cho xã hội.

Cho đến nay, trong lĩnh vực nghiên cứu về giá dục giá trị và giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông ở nước ta đã có nhiều công trình quan tâm đến vấn đề này. Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như các đề tài nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam những năm qua: B2006-37-25: Định hướng mục tiêu, nội dung GDGT văn hóa truyền thống cho HSPT, CN: Nguyễn Dục Quang; V2007-02: *Tìm hiểu về văn hóa nhà trường phổ thông*, CN: Lê Thị Ngọc Thúy; V2007-07: *Phương thức và hình thức tổ chức GDGT truyền thống trong dạy học môn Mỹ thuật ở trường THCS*, CN: Nguyễn Ngọc Ân; B2008-37-56: *Lý luận phát triển văn hóa nhà trường phổ thông*, CN: Nguyễn Tiến Hùng; B209-37-70TĐ: *Hệ giá trị lối sống và việc giáo dục hệ giá trị này ở các trưởng phổ thông trong tiến trình hội nhập quốc tế*, CN: Đặng Thành Hưng; B2012-37-NV: *GD giá trị văn hóa truyền thống trong nhà trường phổ thông Việt Nam*, CN: Nguyễn Thị Hoàng Yến; B2014-37-33: Định hướng giá trị nghề nghiệp cho HS THPT các tỉnh miền níu phía Bắc trong bối cảnh KT-XH hiện nay, CN: Đỗ Thị Bích Loan, … Nhiệm vụ cấp Bộ, Mã số: B2014 - 37 - 02NV, CN: Lưu Thu Thủy : "Đề xuất mục tiêu, chuẩn kết quả, khung nội dung, định hướng hình thức tổ chức dạy học và

1. Nghị quyết số 33/NQ-TW của Hội nghị thứ 9, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

đánh giá kết quả học tập chương trình các môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục đạo đức, Giáo dục công dân ở Tiểu học và THCS trong Chương trình GDPT sau 2015", dựa trên cơ sở lí luận và thực tiễn, nhiệm vụ đã đề xuất một số giá trị cần giáo dục cho HS trong các môn học thuộc lĩnh vực GD đạo đức –GD công dân giai đoạn hiện nay là: tự trọng, tự tin, tự lập, trung thực, trách nhiệm, vượt khó, nhân ái, khoan dung, kỉ luật và tuân thủ pháp luật. Đề tài cũng đã đề xuất định hướng về PP, hình thức dạy học và đánh giá kết quả học tập các môn học thuộc lĩnh vực GD đạo đức –GD công dâncủa HS.

4. Một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu về giáo dục giá trị văn hóa trong nhà trường phổ thông

Có thể nói vấn đề giá trị và giáo dục giá trị đã được quan tâm và nghiên cứu ở trong và ngoài nước. Giá trị có liên quan chặt chẽ với văn hóa, với đạo đức ở từng cộng đồng, từng quốc gia. Giá trị và hệ giá trị văn hóa rất đa dạng, thay đổi theo từng thời điểm, từng bối cảnh xã hội của một cộng đồng, một dân tộc, và ở trong cuộc sống của mỗi cá nhân. Tuy nhiên các nghiên cứu mới bàn đến việc giáo dục giá trị ở trường phổ thông nói chung mà thiếu những nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục giá trị văn hóa.

Giáo dục giá trị văn hóa có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và phát triển những con người đáp ứng mục tiêu giáo dục mà xã hội đặt ra. Nội dung giáo dục giá trị, phương pháp, mô hình giáo dục giá trị, kĩ thuật giáo dục giá trị văn hó rất đa dạng, tùy vào cách lựa chọn, tùy theo cách tiếp cận của nhà giáo dục. Những kết quả nghiên cứu về giá trị và giáo dục giá trị văn hóa ngoài nước và trong nước là những gợi ý quý giá cho các nhà khoa học trong công việc nghiên cứu tiếp theo của mình.Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng, việc nghiên cứu về giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh do vậy là một yêu cầu quan trọng và cấp thiết. Bên cạnh đó, cần khẳng định mạnh mẽ hơn nữa về tầm ảnh hưởng của giáo dục giá trị văn hóa trong nhà trường phổ thông trên hai phương diện:

Thứ nhất, nếu giáo dục giá trị nói chung và giá trị văn hóa nói riêng được thực hiện theo tiếp cận giáo dục từ bên ngoài, nghĩa

là đem đến cho học sinh sự biết, hiểu và hành động theo những giá trị được truyền đạt qua các bài giảng trong chương trình giáo dục thì giáo dục giá trị đóng vai trò chủ yếu trong việc xây dựng nhân cách người học, hướng tới mẫu hình người công dân, người lao động mà đất nước và xã hội mong muốn. Ưu điểm của cách tiếp cận này là bài bản, chính quy và hướng tới những chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục, nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi đối tượng là học sinh và có khả năng không bền vững nếu không được bổ sung bởi tiếp cận giáo dục từ bên trong.

Thứ hai, nếu giáo dục giá trị và giá trị văn hóa được thực hiện theo tiếp cận giáo dục từ bên trong, trên cơ sở một văn hóa học đường tích cực, thì sẽ tạo ra một môi trường thân thiện cho dạy và học để không chỉ học sinh mà cả cán bộ quản lý, thày cô, nhân viên và phụ huynh cùng đến với giá trị, sống trong giá trị và nhờ thế không chỉ dừng lại ở nhận thức về giá trị mà còn chuyển giá trị thành cái của bản thân. Chính sự chuyển hóa này tạo nên một tác động mang tính tổng thể đến mọi yếu tố cơ bản của nhà trường, từ công tác quản lý, việc dạy, việc học, đến cách ứng xử, giao tiếp, quan hệ v.v…, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Và chỉ khi giữ gìn và phát huy được các giá trị văn hóa, khẳng định bản sắc cá nhân, dân tộc trong không gian văn hóa xuyên quốc gia rộng lớn hiện nay, học sinh mới có thể trở thành những công dân toàn cầu. Có thể nói rằng, giá trị văn hóa là chìa khóa để mở cánh cửa bước vào thế giới hiện đại trong nền kinh tế tri thức để có thể hòa nhập mà không bị hòa tan. Thực tiễn cho thấy, các năng lực được nêu ra trong chương trình giáo dục phổ thông mới như giao tiếp, hợp tác, thẩm mỹ,…đều có liên quan mật thiết với các giá trị văn hóa. Đơn cử, HS muốn giao tiếp tốt trước hết các em phải sử dụng thành thạo tiếng mẹ đẻ, thể hiện được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ dân tộc. Để làm được điều đó, các em phải hiểu sâu sắc về văn hóa sử dụng ngôn từ của Việt Nam, học sinh mới có thể có khả năng này, áp dụng vào cuộc sống. Năng lực thẩm mỹ thể hiện qua những nét văn hóa nhỏ nhất, xuất phát từ văn hóa dân gian (miếng trầu là đầu câu chuyện, đi hỏi về chào….) đã có từ thuở xa xưa. Những điều này, dù cho xã hội có phát triển đến

đâu, trong chặng đường của cách mạng công nghiệp 4.0 và những cuộc cách mạng lớn sau này, nhân dân ta cũng không thể từ bỏ. Tuy nhiên, giáo dục giá trị văn hóa là một quá trình khó khăn, phức tạp, lâu dài, chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau và đòi hỏi sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng khác nhau trong và ngoài nhà trường. Bên cạnh những yếu tố tích cực (truyền thống gia đình, truyền thống dân tộc, sự phát triển của khoa học công nghệ…) cũng còn không ít yếu tố tiêu cực (sự du nhập của những nét văn hóa không phù hợp, sự lôi kéo của bạn bè,…) khiến học sinh, phải đứng trước nhiều thách thức. Tuy HS là lứa tuổi ham học hỏi nhưng các em lại chưa có một nền tảng, quan điểm vững chắc để có thể nhận diện, phân biệt tất cả các tác động xấu, chủ động tránh tất cả những sự kích động, lôi kéo từ bên ngoài. Điều đó dẫn đến tình trạng là các em rất dễ bị rời xa hoặc bỏ quên các giá trị văn hóa tích cực để chạy theo những xu hướng, trào lưu văn hóa không có giá trị.

Các nghiên cứu về giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh phổ thông ở Việt Nam đã đề cập đến yêu cầu giáo dục giá trị văn hóa cho HS phổthông, trong đó xác định một số giá trị văn hóa cần đưa vào giáo dục trong nhà trường, đề xuất định hướng giáo dục giá trị văn hóa trong quá trình xây dựng Chương trình giáo dục phổ thông mới. Tuy nhiên, *các công trình đều thiên về nghiên cứu khá chuyên sâu về lí thuyết và những vấn đề mang tính định hướng và nghiêng về các giá trị văn hóa truyền thống, vấn đề làm thế nào để đưa các giá trị văn hóa vào thực tiễn cuộc sống và học đường vẫn còn bỏ ngỏ. Bên cạnh đó, các vấn đề lí luận về giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại cũng chưa được xác định một cách đầy đủ; chưa có những công trình nghiên cứu đi chuyên sâu vào việc đề xuất phương thức giáo dục giá trị văn hóa trong từng cấp học. Một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện trạng trên là do chưa thống nhất được quan niệm và cách tiếp cận về giá trị và giá trị văn hóa; việc phân biệt giữa văn hóa với phẩm chất và đạo đức còn dễ gây ra những nhầm lẫn.*

5. Kết luận

Tóm lại, thông qua việc tìm hiểu và phân tích về giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh trong nhà trường phổ thông trên thế giới và Việt Nam, nghiên cứu *đã đưa ra được bức tranh toàn cảnh về giáo dục giá trị văn hóa* trong các nhà trường phổ thông. Thực hiện giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh đạt hiệu quả tốt không chỉ mang lại thành tựu và đóng góp thiết thực cho giáo dục mà còn tác động tới tất cả các ngành, lĩnh vực khác, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển đất nước Việt Nam hiện nay. Khi có nền tảng văn hóa vững chắc, giáo dục sẽ đào tạo ra một lực lượng lao động ở một trình độ cao, biết xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của bản thân của mình với quốc gia. Từ đó, sau khi tốt nghiệp, học sinh có thể làm việc ở thị trường xuyên quốc gia, dù là thị trường lao động trong hay ngoài nước, thì họ cũng đảm bảo có những phẩm chất, năng lực của một công dân toàn cầu nhưng vẫn luôn luôn khẳng định được bản sắc Việt Nam. Không những thế, sự lan tỏa không chỉ dừng lại ở một người, một nhóm người mà sẽ là cả một cộng đồng và trên thế giới, góp phần phát triển, quảng bá văn hóa Việt Nam ở khắp mọi nơi.

T.H.H

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ

PGS.TS. Nguyễn Duân*
TS. Phạm Thế Kiên**
TS. Nguyễn Thị Thu Hà***

1. Đặt vấn đề

Việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống cho SV Đại học Huế được nghiên cứu trên cơ sở lý thuyết về giáo dục giá trị sống và lý thuyết về tổ chức giáo dục. Nghiên cứu đã sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn.Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0.

Kế thừa quan niệm của các tác giả Phạm Minh Hạc (2012) [1, tr.22], Phạm Thành Nghị (2013) [3, tr.236], Huỳnh Văn Sơn (2012) [4, tr.165], Tsunesaburo Makiguchi (1994) [5, tr.104];bàn về khái niệm giá trị sống, Nguyễn Công Khanh (2012) cho rằng "giá trị sống là thứ được cá nhân nhận thức là rất quan trọng, rất cần thiết, rất có ý nghĩa, luôn mong đợi, chúng có khả năng chi phối thái độ, xúc cảm, tình cảm, hành vi của một cá nhân trong cuộc sống hằng ngày" [2, tr. 32].

Giá trị sống về bản chất là những quy tắc, chuẩn mực trong quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả xã hội thừa nhận. Giá trị sống là quy tắc sống, có vị trí

*;**;*** Trường Đại học Huế

to lớn trong đời sống, và định hướng cho cuộc sống của mỗi cá nhân, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực của xã hội. Giá trị sống được liên tưởng như một cái cây hút chất dinh dưỡng sâu trong lòng đất; còn cành lá, hoa, nảy nở, sinh sôi phát triển tạo thành quả ở trên các thân cây chính là kỹ năng sống. Giá trị sống là cái định hướng, thúc đẩy cá nhân hành động, kỹ năng sống giúp cá nhân hành động hiệu quả, tránh những sai lầm, tạo ra sự thống nhất, nhất quán giữa nhận thức và hành động, giữa động cơ và hành vi, giữa nội dung và hình thức.

Giáo dục giá trị sống là quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục một cách có khoa học của nhà giáo dục nhằm giúp người học tiếp thu những quy tắc, chuẩn mực trong quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả xã hội thừa nhận.

Đối với SV, trước hết mang đầy đủ những đặc điểm chung của con người, mà theo Mác "con người là tổng hoà của các quan hệ xã hội". Tuy nhiên còn mang những đặc điểm riêng: Tuổi còn trẻ, dễ thay đổi, chưa định hình rõ rệt về nhân cách, ưa các hoạt động giao tiếp, có tri thức đang được đào tạo chuyên môn vì thế dễ tiếp thu cái mới, thích cái mới, thích sự tìm tòi và sáng tạo. Đây cũng là tầng lớp xưa nay vẫn khá nhạy cảm với các vấn đề chính trị - xã hội, chính vì vậy việc giáo dục giá trị sống giúp SV giải quyết những nhu cầu và thách thức của cuộc sống một cách có hiệu quả.

Là một thực thể tồn tại trong tự nhiên và xã hội, SV chịu tác động bởi nhiều yếu tố, lý thuyết về tổ chức giáo dục cũng đề cập đến vai trò của gia đình - nhà trường - xã hội và sự tự giáo dục củamỗi cá nhân;vì vậy, việc giáo dục giá trị sống cho SV cũng bị chi phối bởi các yếu tốcó thể đề cập đến là yếu tố giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, môi trường xã hội và hoạt động học tập, tự rèn luyện của cá nhân.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Nghiên cứu các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến giáo dục giá trị sống cho SV trường đại học; phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, những tư liệu, tài liệu lý luận về giáo dục giá trị sống cho SV trường đại

học để xây dựng các khái niệm công cụ và khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu.

2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

2.2.1. Phương pháp điều tra viết

- Lập các phiếu hỏi với những nội dung cần khảo sát về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống cho SV ở Đại học Huế. Các đối tượng điều tra gồm giảng viên (GV), sinh viên (SV) và cán bộ quản lý (CBQL), cán bộ (CB) đoàn thể các trường đại học thành viên Đại học Huế.

- Mẫu khách thể khảo sát: 276 VCQL,GV, CB đoàn, hội của Cơ quan Đại học Huế, 8 trường đại học thành viên Đại học Huế và 542 SV của 8 trường đại học thành viên Đại học Huế. Các đối tượng trả lời phiếu được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các đơn vị, mẫu khảo sát đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

- Thang đánh giá:

Sử dụng thang đo 5 bậc *(từ 1 đến 5)* để khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống cho SV. Nội dung nào có điểm trung bình cao thể hiện nội dung đó có ảnh hưởng lớn đến giáo dục giá trị sống cho SV.

- Nghiên cứu được tiến hành từ năm tháng 01/2016 đến tháng 05/2016.

2.2.2. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

Trao đổi, tọa đàm với một số chuyên gia (các nhà quản lý giáo dục, các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học am hiểu về vấn đề nghiên cứu) nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề nghiên cứu.

2.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học, phần mềm SPSS để nhập và xử lý số liệu, lập bảng, biểu để phân tích và đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khung lý thuyết

Trên cơ sở nghiên cứu thuyết về giáo dục giá trị sống và lý thuyết về tổ chức giáo dục, giáo dục giá trị sống cho SV bị chi phối bởi các yếu tố có thể đề cập đến là yếu tốgiáo dục gia đình,

giáo dục nhà trường, môi trường văn hóa, xã hội, công nghệ và hoạt động học tập, tự rèn luyện của cá nhân.

Giáo dục gia đình: Gia đình là môi trường đầu tiên về phương diện thời gian và gần gũi nhất về phương diện không gian đối với mỗi cá nhân nói chung và SV nói riêng. Gia đình được hiểu như một tập thể nhỏ, trong đó các thành viên quan tâm đến nhau (sở thích, nhu cầu…). Vai trò của gia đình trong việc giáo dục giá trị sống cho SV là hết sức quan trọng; đặc biệt trong sự đánh giá, lựa chọn, tiếp thu các giá trị, nhất là các giá trị truyền thống, giá trị nhân cách, nghề nghiệp. Những suy nghĩ, tình cảm cũng như những định hướng giá trị sống của những người lớn trong gia đình ít nhiều cũng có tác động đến con cái, phải thừa nhận rằng, gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và có những tác động gần gũi, mạnh mẽ và thường xuyên nhất đến sự phát triển nhân cách của mỗi người. Truyền thống gia đình như là một động lực, một sức mạnh tinh thần, một bệ phóng vững chắc thôi thúc mỗi cá nhân phải phấn đấu, vững tin khi bước vào đời; truyền thống gia đình còn có tác dụng như thuốc kháng sinh, các tác dụng bảo vệ và chống lại sự tha hóa của con người trong thời buổi phức tạp hiện nay và góp phần không nhỏ trong việc giáo dục giá trị sống cho thế hệ trẻ. Thực tế cho thấy chính sự gương mẫu của ông bà cha mẹ, những người lớn trong gia đình; cách giáo dục; nề nếp sinh hoạt giữa ông bà với cha mẹ, giữa cha mẹ với con cái có những tác động thường xuyên, thấm nhuần và có những ảnh hưởng vô thức đến sự phát triển nhân cách mỗi người. Gia đình chính là bộ máy tiếp nhận, sàng lọc, xử lý thông tin, có vai trò định hướng giáo dục giá trị sống cho SVlà những thành viên trong gia đình, gia đình còn là cầu nối giữa cá nhân với cộng đồng xã hội nên có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu sắc và toàn diện đến thanh, thiếu niên.

Giáo dục nhà trường: Nhà trường là một trong những môi trường tác động rất mạnh đến việc giáo dục các giá trị sống cho SV, môi trường sư phạm và thông qua những môn học trong chương trình đào tạo có tác động lớn đến nhận thức về các giá trị đạo đức, giá trị nghề nghiệp ởSV.

Cách giáo dục của người dạy, các hoạt động của Đoàn - Hội trong nhà trường hiện nay có ảnh hưởng lớn đến nhận thức, tác

phong, hành vi của SV. Nhiều chuyên gia về văn hóa và giáo dục trăn trở về vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập trong nhà trường. Một trong những điểm yếu hiện nay là cách giáo dục vẫn còn lạc hậu, nặng về truyền thụ một chiều, ít phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học,các hoạt động thiếu sự trải nghiệmthực tế, thiếu trải nghiệm xúc cảm… đó là rào cản trong việc thay đổi nhận thức, thái độ, hành vi của mỗi SV.

Trong nhà trường, dạy học là hoạt động đặc trưng, cơ bản nhất, đây cũng là con đường giáo dục quan trọng nhằm cung cấp cho SV những tri thức khoa học cần thiết giúp SV hiểu và hình thành hệ thống giá trị sống đúng đắn. Nội dung các môn học có tác dụng giáo dục giá trị sống rất lớn, dạy học ngoài việc cung cấp tri thức cho SV còn hướng đến việc phát triển năng lực trí tuệ, trang bị cho người học những phương pháp khoa học giúp người học có thể nhận thức, đánh giá và tổ chức các hoạt động một cách chính xác, phù hợp. Trong bối cảnh Việt Nam thực hiện đường lối phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa;toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; đổi mới giáo dục đại học cũng đang diễn ra đặt ra các yêu cầu mới về phát triển nội dung chương trình giáo dục giá trị sống cho SV một cách khoa học và chính thống.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường có vai trò nhất định trong giáo dục giá trị sống cho SV. Nếu đội ngũ này nhận thức đúng về ý nghĩa, vai trò của giáo dục giá trị sống cho SV trong giai đoạn hiện nay, nhất là trước sự phát triển và hội nhập của đất nước, thì sẽ có hành động đúng, bằng mỗi lời nói, bằng mỗi hành vi của mình, đặc biệt là bằng thái độ của mình với mọi người để giáo dục giá trị sống cho SV. Muốn dạy các giá trị như tôn trọng tri thức, tôn trọng người khác, tôn trọng kỉ cương, sống có kỉ luật, công bằng, thân thiện và hợp tác… thì trước tiên đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong nhà trường phải là tấm gương về sự tôn trọng người khác, trong đó có tôn trọng SV, là tấm gương về tinh thần trách nhiệm, sống có kỉ luật, đam mê khoa học, luôn tự học hỏi để nâng cao trình độ, sự hiểu biết … để SV noi theo. Mối quan hệ giữa đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và SV phải được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau.

Ngoài ra, quan hệ giữa SV với nhau như là "kênh" để qua đó SV tiếp thu các giá trị sống bằng cơ chế "nhiễm" hay "bắt chước"; "thực hành" hay "trải nghiệm" những giá trị, niềm tin, các chuẩn mực đang tồn tại trong nhóm. Từ đó, giúp SV định hướng, hành động hiệu quả, tránh những sai lầm, tạo ra sự thống nhất, nhất quán giữa nhận thức và hành động, giữa động cơ và hành vi, giữa nội dung và hình thức. Bên cạnh đó, thông qua quan hệ, SV còn là người chuyển tải những giá trị, chuẩn mực mới... góp phần làm phong phú đời sống văn hóa của nhà trường.

Môi trường văn hóa, xã hội**, công nghệ**

Môi trường văn hóa, xã hội bao gồm những chuẩn mực và giá trị mà những chuẩn mực và giá trị này được chấp nhận và tôn trọng, bởi một xã hội hoặc một nền văn hoá cụ thể. Sự thay đổi của các yếu tố văn hoá, xã hội một phần là hệ quả của sự tác động lâu dài của các yếu tố vĩ mô khác, do vậy nó thường xảy ra chậm hơn so với các yếu tố khác. Một số những đặc điểm mà các nhà quản lý, các nhà giáo dục cần chú ý là sự tác động của các yếu tố văn hoá, xã hội thường có tính dài hạn và tinh tế hơn so với các yếu tố khác, thậm chí nhiều lúc khó mà nhận biết được. Mặt khác, phạm vi tác động của các yếu tố văn hoá, xã hội thường rất rộng, nó xác định cách thức người ta sống, học tập, làm việc, vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống cụ thể,… Như vậy những hiểu biết về mặt văn hoá, xã hội sẽ là những cơ sở rất quan trọng cho các nhà quản lý, các nhà giáo dục cũng như SV trong quá trình giáo dục giá trị sống, quản lý giáo dục giá trị sống cũng như tiếp thu các kiến thức về giá trị sống. Các khía cạnh hình thành môi trường văn hoá, xã hội có ảnh hưởng mạnh mẽ tới các hoạt động giáo dục giá trị sống, quản lý giáo dục giá trị sống cũng như tiếp thu các kiến thức về giá trị sốngnhư: (1) Những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, về lối sống, về nghề nghiệp; (2) Những phong tục, tập quán, truyền thống (3) Những quan tâm và ưu tiên của xã hội.

Môi trường Công nghệ (Internet):Đây là một trong những yếu tố rất năng động chứa đựng nhiều cơ hội và thách thức đối với việc giáo dục giá trị sống cho SV trong các trường đại học. Những áp lực và thách thức từ môi trường công nghệ đó là sự ra đời, bùng nổ của công nghệ mới sẽ làm cho con người thay đổi về

lối sống, phong cách làm việc, cách thức giao tiếp.

Hoạt động học tập và tự rèn luyện của sinh viên: Nói đến yếu tố chủ quan tức là nói đến tinh thần, thái độ, ý thức của cá nhân mỗi SV trong việc học tập, rèn luyện, phấn đấu để lĩnh hội kinh nghiệm, tri thức, kỷ năng sống, yếu tố chủ quan trong mỗi SV là con đường quyết định trực tiếp đến hiệu quả hình thành giá trị sống.

Nhận thức của SV là yếu tố đầu tiên trong quá trình định hướng, hình thành hệ thống giá trị sống của mỗiSV, các giá trị sống phải được SV hiểu biết đầy đủ, có nhận thức đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của nó đối với bản thân mình.

Yếu tố chủ quan thứ hai là tình cảm của SV đối với những giá trị sống được nhận thức, giáo dục, khi SV có nhu cầu, hứng thú với những giá trị thì sẽ bày tỏ tình cảm tốt đẹp, mong muốn rèn luyện, hình thành những giá trị đó.

Khi nhận thức đúng đắn các giá trị, có tình cảm tốt đẹp thì SV sẽ thể hiện thái độ và hành vi phù hợp. Hành động theo các định hướng giá trị, học tập và rèn luyện để hình thành cho mình những phẩm chất tốt đẹp, quan trọng hơn là biết tỏ thái độ đối với các giá trị sống, biết trân trọng yêu quý những đức tính, phẩm chất của người khác, có tinh thần rèn luyện, phấn đấu để tự hoàn thiện mình.Cá nhân học tập và rèn luyện là con đường quyết định trực tiếp hiệu quả của công tác giáo dục giá trị sống, giá trị sống có được hình thành đúng đắn hay không, có được đánh giá đúng hay không, và có thể trở thành hành vi cụ thể của mỗi cá nhân hay không… là hoàn toàn phụ thuộc vào bản thân khả năng tự học tập, tự rèn luyện của mỗi SV. Chừng nào cá nhân nhận thức được các giá trị, có quan niệm và thái độ đúng đắn, tiếp nhận những giá trị đó bằng niềm tin, tình cảm, biết tự phân tích, sàng lọc các giá trịđể phục vụ cho hoạt động thực tiễn cá nhân khi đó cá nhân có hệ thống giá trị sống đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội.

3.2. Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy, các yếu tố mà chúng tôi đưa ra đều được VCQL, GV, CB Đoàn và SV đánh giá có ảnh hưởng khá cao đến giáo dục giá trị sống cho SV.

Bảng 1.Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giá trị sống *cho sinh viên Đại học Huế*

TT	Yếu tố ảnh hưởng	VCQL, GV, CB Đoàn		SV		t(816)
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	
I	**Giáo dục gia đình**					
1	Truyền thống gia đình	3,93	0,86	3,69	0,89	3,76***
2	Sự gương mẫu của người lớn trong gia đình	3,97	1,15	3,80	1,05	2,17*
3	Cách giáo dục của gia đình	3,99	0,85	3,73	0,89	4,00***
4	Nề nếp sinh hoạt của gia đình	3,74	0,87	3,54	0,93	2,59*
II	**Giáo dục nhà trường**					
5	Cách giáo dục của nhà trường	4,01	0,84	3,77	0,85	3,80***
6	Các hoạt động của Đoàn - Hội trong nhà trường	3,91	0,89	3,70	0,87	3,29**
7	Các môn học trong nhà trường	3,78	1,04	3,54	0,99	3,21**
8	Nhận thức, hành động của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường	3,99	0,84	3,74	0,90	3,83***
9	Mối quan hệ bạn bè	3,88	1,12	3,76	0,91	1,55
III	**Môi trường văn hóa, xã hội, công nghệ**					
10	Những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, về lối sống, về nghề nghiệp	3,98	0,83	3,99	0,83	0,26
11	Những phong tục, tập quán, truyền thống	4,02	0,83	4,00	0,82	0,36
12	Những quan tâm và ưu tiên của xã hội	3,90	0,86	3,80	0,95	1,51
13	Môi trường công nghệ (Internet)	3,97	0,86	3,85	0,89	1,91

IV	Hoạt động học tập và tự rèn luyện của sinh viên					
14	Nhận thức của SV về vai trò, tầm quan trọng của giá trị sống đối với bản thân	3,95	0,85	3,79	0,98	2,32*
15	Nhu cầu, hứng thú với những giá trị sống của SV	3,39	0,87	3,47	1,13	1,14

*Ghi chú: *: p<0,05; **: p<0,01; ***: p<0,001*

Gia đình là môi trường xã hội đầu tiên mỗi người lĩnh hội hệ thống giá trị xã hội.Mỗi gia đình có truyền thống khác nhau, có những cách thức giáo dục và nề nếp sinh hoạt khác nhau. Môi trường gia đình thuận lợi mỗi cá nhân đều hấp thu những giá trị sống tốt đẹp từ gia đình. Kết quả Bảng 1 cho thấy đa số VCQL, GV, CB Đoàn và SV đều nhận thấy được gia đình ảnh hưởng đến giá trị sống của SV trong đó, "Sự gương mẫu của người lớn trong gia đình" (ĐTB = 3,97; ĐLC = 1,15 và ĐTB = 3,80; ĐLC = 1,05) và "Cách giáo dục của gia đình" (ĐTB = 3,99; ĐLC = 0,855 và ĐTB = 3,73; ĐLC = 0,89) có ảnh hưởng cao nhất. Nhà trường mà trong đó "Cách giáo dục của nhà trường" (ĐTB = 4,01; ĐLC = 0,84 và ĐTB = 3,77; ĐLC = 0,85), "Nhận thức, hành động của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường" (ĐTB = 3,99; ĐLC = 0,84 và ĐTB = 3,74; ĐLC = 0,90) luôn giữ vai trò chủ đạo trong giáo dục giá trị sống cho SV. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, "Những phong tục, tập quán, truyền thống", "Những quan niệm về đạo đức, thẩm mỹ, về lối sống, về nghề nghiệp" và "Môi trường công nghệ (Internet)" của môi trường văn hóa, xã hội, công nghệ có ảnh hưởng cao đến giáo dục giá trị sống cho SV. Đối với yếu tố **Hoạt động học tập và tự rèn luyện của sinh viên,** nhận thức được **"**Nhận thức" đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của con người, là cơ sở của hành động, nhận thức đúng dẫn đến hành động đúng đắn và ngược lại. Có lẽ chính vì vậy, mà đa số VCQL, GV, CB Đoàn và SV đều cho rằng "Nhận thức của SV về vai trò, tầm quan trọng của giá trị sống đối với bản thân" (ĐTB = 3,95; ĐLC = 0,85 và ĐTB = 3,79; ĐLC = 0,98) có ảnh hưởng hơn "Nhu cầu, hứng thú với những giá trị sống của SV" (ĐTB = 3,39;

ĐLC = 0,87 và ĐTB = 3,47; ĐLC = 1,13) đến giáo dục giá trị sống cho SV Đại học Huế.

Kết quả phân tích Independent - Samples T Test ở Bảng 1 cũng cho thấy, đa số các nội dung của các bốn yếu tố trình bày ở trên có sự khác biệt ý kiến giữa VCQL, GV, CB đoàn, hội so với đánh giá của SV (trừ nội dung 9, 10, 11, 12, 13, và 15). Tuy nhiên, hầu hết đều đề cao "Cách giáo dục của nhà trường", "Cách giáo dục của gia đình", "Những phong tục, tập quán, truyền thống", "Nhận thức, hành động của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong nhà trường" và "Sự gương mẫu của người lớn trong gia đình" là những nội dung có ảnh hưởng nhất đến giáo dục giá trị sống cho SV.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, môi trường xã hội, văn hóa, công nghệ và hoạt động học tập, tự rèn luyện của cá nhân có ảnh hưởng lớn đến giáo dục giá trị sống cho SV Đại học Huế ($3,39 \leq$ ĐTB $\leq 4,02$). Đây là cơ sở để các nhà nghiên cứu đề xuất các biện pháp giáo dục giá trị sống cho SV một cách thích hợp.

P.T.K – N.T.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc (2012). *Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay*. NXB Dân trí.

2. Nguyễn Công Khanh (2012). *Phương pháp giáo dục giá trị sống - kỹ năng sống.* NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Phạm Thành Nghị (2013). *Tâm lý học giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên), Trần Thị Thu Mai và Nguyễn Thị Tứ (2012). *Giáo trình Tâm lí học giáo dục đại học.* NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tsunesaburo Makiguchi (1994). *Giáo dục vì cuộc sống sáng tạo.* NXB Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ

07 Hà Nội, Huế - Điện thoại: 0234.3834486; Fax: 0234.3819886

Website: http://nhaxuatban.hueuni.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Quyền Giám đốc: TS. Trần Bình Tuyên

Chịu trách nhiệm nội dung

Quyền Tổng biên tập: TS. Nguyễn Chí Bảo

Biên tập viên

Ngô Văn Cường

Biên tập kỹ thuật

Tôn Nữ Quỳnh Chi

Trình bày, minh họa

Thành Kata

Sửa bản in

TS. Trịnh Viết Toàn

Đối tác liên kết xuất bản

Viện Nghiên cứu giáo dục và giao lưu quốc tế

07 Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

GIÁO DỤC GIÁ TRỊ TRONG NHÀ TRƯỜNG

(Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế)

In 500 bản, khổ 16x24cm tại Xí nghiệp in Fahasa 774 Trường Chinh, phường 15, Tân Bình, Hồ Chí Minh. Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4656-2018/CXBIPH/01-57/ĐHH. Quyết định xuất bản số: 195/QĐ/ĐHH-NXB cấp ngày 26 tháng 12 năm 2018. In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2019.